THỤY KHUÊ

NHÂN VĂN GIAI PHẨM

và vấn đề NGUYỄN ÁI QUỐC

** Biên khảo*

TiếngQuêHương
Virginia 2012

THỤY KHUÊ

NHÂN VĂN GIAI PHẨM

và vấn đề Nguyễn Ái Quốc

BIÊN KHẢO

NHÂN VĂN GIAI PHẨM
và vấn đề Nguyễn Ái Quốc

Biên khảo

Bổ sung tài liệu mới

Bản điện tử pdf số 01-1212

LTL thực hiện

Tác giả giữ bản quyền

Thụy Khuê

Tên thật Vũ Thị Tuệ, sinh ngày 9 tháng 8 năm Giáp Thân tức ngày 25 tháng 9 năm 1944 tại nguyên quán làng Doanh Châu, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
Tháng 10/1954, theo gia đình di cư vào Nam.
Học Tiểu học tại trường Ngô Sĩ Liên, Hà Nội và tiếp theo là trường Bàn Cờ, Sài Gòn. Học Trung học tại các trường Văn Lang, Tao Đàn và Gia Long, Sài Gòn.
Tháng 9/1962 sang Pháp du học. Học dự bị thi vào Grandes Ecoles.

Từ 1987, chuyên viết tiểu luận phê bình văn học trên các báo Văn Học, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, ...
Từ tháng 12/1990 đến tháng 3/2009, cộng tác với đài RFI (Radio France Internationale), phụ trách chương trình Văn Học Nghệ Thuật.

Tác phẩm đã xuất bản:

• *Cấu Trúc Thơ*, Văn Nghệ, California, 1995
• *Sóng Từ Trường*, Văn Nghệ, California, 1998
• *Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn, và Tạ Trọng Hiệp*, Văn Nghệ, California, 2002
• *Sóng Từ Trường II*, Văn Nghệ, California, 2002
• *Sóng Từ Trường III*, Văn Mới, California, 2005
• *Nhân Văn Giai Phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc*, Tiếng Quê Hương, Virginia, 2012.

Dịch:
• *Mademoiselle Sinh* (Nàng Sinh), với sự cộng tác của Marion Hennebert, tập truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Aube, France, 2010.
• *Crimes, amour et châtiment,* tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, hiệu đính và chú thích toàn bộ; dịch một phần với sự cộng tác của Marion Hennebert, Aube, France, 2012.

MỤC LỤC

Tựa
Chương 1: Tìm hiểu phong trào Nhân Văn Giai Phẩm
Chương 2: Lịch trình Nhân Văn Giai Phẩm
Chương 3: Giai Phẩm Mùa Xuân
Chương 4: Nguyên nhân đưa đến cuộc cách mạng mùa thu của tư tưởng
Chương 5: Nội bộ báo Nhân Văn
Chương 6: Trí thức và dân chủ tại Việt Nam trong thế kỷ XX Từ Phan Châu Trinh, Hoàng Đạo đến NVGP
Chương 7: Biện pháp thanh trường
Chương 8: Thụy An (1916-1987)
Chương 9: Nguyễn Hữu Đang (1913-2007)
Chương 10: Lê Đạt (1929-2008)
Chương 11: Trần Dần (1926-1997)
Chương 12: Hoàng Cầm (1922-2010)
Chương 13: Văn Cao (1923-1995)
Chương 14: Phùng Cung (1928-1998)
Chương 15: Cuộc cách mạng hiện đại đầu thế kỷ XX

Chương 16: Nguyễn Tất Thành
Chương 17: Hội Đồng Bào Thân Ái - Phong trào ái quốc đầu tiên tại Pháp
Chương 18: Nguyễn Ái Quốc, lai lịch và văn bản
Chương 19: Khảo sát văn bản Nguyễn Ái Quấc/Quốc
Chương 20: Vì sao Phan Châu Trinh phó thác "đại sự" cho Phan Khôi?
Chương 21: Phan Khôi (1887-1959)
Chương 22: Vụ án Nam Phong
Chương 23: Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997)
Chương 24: Une voix dans la nuit: Cải cách ruộng đất và Cải tạo tư sản
Chương 25: Une voix dans la nuit: Vấn đề trí thức và Độc tài đảng trị

Phụ Lục

Trò chuyện với người trong cuộc

• Với nhà cách mạng Nguyễn Hữu Đang
• Với nhà thơ Lê Đạt
• Với nhà thơ Hoàng Cầm
• Với họa sĩ Trần Duy

Thư mục

TỰA

Dự định tìm lại dấu vết phong trào Nhân Văn Giai Phẩm đã đến với tôi từ cuối thu 1984, khi trở lại lần đầu, sau ba mươi năm xa Hà Nội. 1984, lúc ấy tôi chưa cầm bút, và 1954, khi rời Hà Nội, tôi mới lên mười. Như phần lớn học sinh miền Nam, tôi đã thuộc lòng không chỉ những câu thơ nổi tiếng của Trần Dần:

Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà
chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ

mà còn cả những câu thơ ít nổi tiếng hơn, nhưng không kém phần đau xót:

Trời vẫn quật muôn vàn tảng gió.
Bắc Nam ơi! Đứt ruột chia đôi.
Tôi cúi xuống quỳ xin mưa bão
Chớ đổ thêm lên đầu họ, khổ nhiều rồi!

Những tiếng thơ của một thời, thời còn yêu thương, thời vết thương chia cách hai miền chưa đỏ máu, chỉ có nhớ thương và thương nhớ bay bổng như *Giấc mơ hồi hương* của Vũ Thành:

"Lìa xa thành đô yêu dấu, một sớm heo may về, lệ sầu tràn mi...

... nghẹn nghào thương nhớ em, Hà Nội ơi!"

Đó cũng là thời lạc quan, thời hy vọng đất nước sẽ thống nhất trong hoà bình, Phạm Đình Chương viết *Hội Trùng Dương*, Phạm Duy viết *Tình Ca, Tình Hoài Hương*, ... thiết tha gửi cho một quê hương toàn vẹn trong giao tình Nam Trung Bắc. Và trên đôi bờ vĩ tuyến chưa manh nha mầm mống hận thù chết chóc.

Nhưng rồi yêu thương nhạt dần, nhường chỗ cho tuyên truyền, cho hò hét chiến tranh, cho "*lý tưởng thống nhất*", "*giải phóng dân tộc*", cho một mất một còn, cho ngày mai chiến thắng bằng mọi giá bất kể ngàn tấn thịt vạn tấn xương và cũng chẳng nề hà sự lệ thuộc gần như tuyệt đối vào các cường quốc.

Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm xuất hiện. Miền Bắc đàn áp Nhân Văn, quy kết Nhân Văn như một mầm mống phản động, theo địch. Miền Nam khai thác phong trào, để chứng minh điều kiện cần và đủ cho một cuộc "*Bắc tiến*". Đó là một trong những lý do, khiến cho học trò miền Nam thuộc lòng thơ Trần Dần. Nhưng phải công bằng mà xét, nếu không có hậu ý tuyên truyền này, thì ảnh hưởng Nhân Văn Giai Phẩm đã không bao trùm lên toàn thể hai miền Nam Bắc, như một cao trào đấu tranh cho dân chủ, lớn nhất thế kỷ XX, trong văn học Việt Nam.

Năm 1984, khi trở về Hà Nội, tôi muốn tìm lại, dù chỉ một dấu vết nhỏ, chứng minh sự hiện diện của Nhân Văn Giai Phẩm trong lòng người dân Bắc. Nhưng vô ích. Tất cả đều đã bị xóa sổ. Kín đáo dò hỏi những người thân trong gia đình sống ở Hà Nội, thuộc thế hệ "*phải biết*" Nhân Văn, xem có ai còn nhớ gì không? Nhưng không, tuyệt nhiên chẳng ai "*nghe nói*" đến những cái tên như thế bao giờ: linh hồn Nhân Văn đã bị xóa trong ký ức quần chúng, và như vậy, "*nọc độc*" Nhân Văn đã hoàn toàn bị tẩy sạch.

Đó là lý do chính khiến vài năm sau, khi thực sự bước vào nghề cầm bút, tôi đã coi Nhân Văn Giai Phẩm là một trong những nghi vấn văn học hàng đầu, cần phải tìm hiểu. Bài viết đầu tiên của tôi về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, đăng trên nguyệt san Văn Học, California, số 27, tháng 4 năm 1988; tiếp theo là những buổi phát thanh trên đài RFI, trong nhiều chương trình từ 1991 đến 2004, trong số đó có những buổi phỏng vấn các tác nhân chính của phong trào: Lê Đạt, Hoàng Cầm và Nguyễn Hữu Đang.

Cuốn sách này tổng kết công việc tìm kiếm và thu thập các dữ kiện xung quanh phong trào Nhân Văn Giai Phẩm trong hơn 20 năm, từ 1988 đến ngày nay.

Trong quá trình làm việc, có những ngã rẽ bất ngờ: khảo sát về Phan Khôi, tôi thấy sau khi đi Pháp về, Phan Châu Trinh giao cho Phan Khôi nhiệm vụ viết lại lịch sử đời mình, từ đó, phải tìm hiểu về những ngày Phan Châu Trinh ở Pháp, dẫn đến mối tương quan giữa Phan Châu Trinh và Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh, người tự nhận là lãnh tụ đầu tiên của phong trào Việt kiều Yêu Nước.

Tôi tìm đọc nguyên văn tiếng Pháp các bài viết ký tên Nguyễn Ái Quốc, mới thấy tác giả những bài viết này phải là người biết tiếng Pháp rất sâu và có văn tài; không thể là người mà Trần Dân Tiên mô tả trong cuốn hồi ký "*Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*". Vậy có một sự giả mạo lịch sử quan trọng cần phải tìm hiểu đến nguồn cội.

Đó là lý do tại sao có phần biên khảo về *Vấn đề Nguyễn Ái Quốc* trong cuốn sách này.

Thụy Khuê

Paris 2/2005-8/2011

Chương 1

Tìm hiểu phong trào Nhân Văn Giai Phẩm

Nhân Văn Giai Phẩm là phong trào tranh đấu cho tự do dân chủ của văn nghệ sĩ và trí thức miền Bắc có tầm vóc lớn lao, khởi xướng đầu năm 1955 và bị chính thức dập tắt tháng 6 năm 1958. Hai tư liệu sớm nhất về Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP) là *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá in ở Sài Gòn năm 1959, và *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận* do nhà xuất bản Sự Thật[1] in ở Hà Nội, cùng năm.

Ngoài hai cuốn sách này còn có những tập tư liệu khác, ra đời hơn 30 năm sau.

Trước hết là cuốn *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam - Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam* của Georges Boudarel[2]. Thời gian ở Việt Nam, Boudarel đã gặp nhiều nhà văn nhà thơ, trong đó có các thành viên NVGP và ông đã mang về Pháp các sách báo xuất bản ở Hà Nội vào thời điểm NVGP. Cuối 1987 đầu 1988, trong bối cảnh "đổi mới", Boudarel viết loạt bài *Dissidences intellectuelles au*

---

[1] Nay là nxb Chính Trị Quốc Gia.

[2] Georges Boudarel (1926-2003), nhà giáo, đảng viên cộng sản Pháp, sang Việt Nam năm 1947 với mục đích tranh đấu chống chính quyền thực dân. Sau hai năm dạy học tại Sài Gòn, Boudarel theo Việt Minh, đặc trách nhiệm vụ "cải tạo" tù nhân Pháp ở trại 113. Năm 1966, vì không còn đồng ý với chính quyền Hà Nội, ông trở về Pháp.

Viêt Nam L'affaire Nhan Van Giai Pham - Trí thức phản kháng tại Việt Nam, vụ Nhân Văn Giai Phẩm[3] sau tập hợp và đào sâu thành cuốn *"Cent fleurs écloses dans la nuit du Viet-nam*[4]*"*.

Ngoại trừ việc Boudarel đã sai như Hoàng Văn Chí, khi cho rằng NVGP bắt nguồn từ *Trăm hoa đua nở* bên Trung Quốc[5], cuốn sách của ông là tập tư liệu có giá trị, nhờ đó, bi kịch NVGP đến được với người đọc tiếng Pháp.

Từ những năm 90, một loạt tài liệu mới về NVGP xuất hiện rải rác trong và ngoài nước, dưới dạng tự thuật, bút ký, sáng tác, của những thành viên đã tham gia phong trào, trong đó có hai tác phẩm viết bằng tiếng Pháp của Nguyễn Mạnh Tường: hồi ký *Un Excommunié - Kẻ bị khai trừ*[6]; và tiểu thuyết *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm*[7].

Sau 9 năm theo kháng chiến, Nguyễn Mạnh Tường từ chiến khu trở về trong số những trí thức được chính quyền ưu đãi. Phong trào NVGP ra đời, ông tham gia và đã chịu sự trừng phạt nặng nề. Nhờ hồi ký *Un Excommunié* của Nguyễn Mạnh Tường, ta có thể hình dung được các giáo sư đại học như Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, đã phải trải qua những kỷ luật như thế nào, và hiểu được cuộc sống cách ly, đói khát, luôn luôn bị theo dõi của họ trong hơn ba mươi năm sa mạc.

Cuốn nhật ký *Trần Dần ghi*[8] chép những việc hàng ngày đặc biệt trong thời kỳ: *Cải Cách Ruộng Đất* và cuộc thanh trừng sau NVGP. Nếu *Un Excommunié* của Nguyễn

---

3 In trên hai tập san: *Sudestasie* (số 50 tháng1/1988) và *Politique Aujourd'hui en Europe* (phụ bản 1/1989).

4 Do Jacques Bertoin in năm 1991 tại Paris.

5 Lê Đạt, Hoàng Cầm đã đính chính qua các buổi trả lời phỏng vấn RFI.

6 Với tiểu tựa: *Hanoi 1954-1991: Procès d'un intellectuel - Hà Nội 1954-1991: Kết án một nhà trí thức*, Quê Mẹ, Paris, 1992.

7 Chưa in, với tiểu tựa: *Roman sur le Viet Nam 1950-1990 - Tiểu thuyết về Việt Nam từ 1950 đến 1990*.

8 Văn Nghệ, California, 2001.

Mạnh Tường là bản chúc thư[9] gửi cho thế hệ mai sau về sự đối đầu của một trí thức trước áp lực cách mạng, thì nhật ký *Trần Dần ghi* là những suy nghĩ và sinh hoạt hàng ngày của một nhà thơ đã chịu nhận mọi tội để mong được tha thứ, muốn được trở lại sống bình thường như mọi người, nhưng vô hiệu. Tiểu thuyết *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm* mô tả các giai đoạn chính trong thời kỳ xây dựng chế độ toàn trị ở Việt Nam.

Bộ băng *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè,* ghi âm trong khoảng thời gian 1998-2008, bộc lộ nhiều sự kiện chưa từng thấy ở những tài liệu khác. Hoàng Cầm nói rất dài, rất nhiều chi tiết, ở những thời điểm khác nhau, đôi khi về cùng một sự kiện nhưng có những chi tiết thay đổi; nên chúng tôi không thể trích đoạn, chỉ tóm tắt những ý chính, viết gọn lại, giữ nguyên giọng Hoàng Cầm. Đây là một tư liệu quan trọng về bi kịch NVGP, về những gì xẩy ra trong hậu trường, về sự bắt bớ, giam giữ, tù đầy, tra khảo, hăm dọa, mà Hoàng Cầm đã trải qua năm 1982-1983 vì tập thơ *Về Kinh Bắc*, về trách nhiệm của giai cấp lãnh đạo dưới thời Hồ Chí Minh và sau Hồ Chí Minh.

● Hoàng Văn Chí và *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*

Hoàng Văn Chí, tức Mạc Định, tác giả *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, cho biết: *"Ở Hà Nội ra đi đầu năm 1955, tôi đã hẹn với các bạn ở lại là hễ có dịp sẽ nói lên tiếng nói của họ", "Tôi làm việc một mình", "Tôi liên lạc được với một ủy viên trong Ủy ban kiểm soát đình chiến. Họ đi Hà Nội như đi chợ. Mỗi tuần họ cắp về Sài Gòn cho tôi tất cả báo chí xuất bản ở Hà Nội", "Tôi làm việc trong hai năm 56-58". "Bộ Thông Tin và nói chung, chính quyền Sài Gòn không hề giúp. Lý Trung Dung đến chào Bộ Thông Tin, yêu cầu mua cho một số, nhưng chẳng mua một cuốn nào". "Mặt Trận*

---

9 Viết năm 1991, ở tuổi 82.

Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá ở Việt Nam là một chi nhánh của một tổ chức quốc tế, tên là Congress for Cultural Freedom, trụ sở trung ương ở 104 Boulevard Haussmann, Paris. Bác sĩ Lý Trung Dung làm chủ tịch. Tội nghiệp, chỉ vì làm chủ tịch Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hoá mà phải đi cải tạo đến nay [1986] *chưa được thả". "Trước khi đưa in, Lý Trung Dung nghe nói có người gần ông Diệm ngờ rằng tôi soạn cuốn Trăm hoa đua nở là có ý xúi dục trí thức miền Nam bắt chước trí thức miền Bắc nổi lên chống lại chế độ. Vì vậy nên Lý Trung Dung bàn với tôi nên để bút hiệu Mạc Định là soạn giả. Chỉ ký tên Hoàng Văn Chí vào bài Tựa*[10]*".*

Nhưng tại sao Hoàng Văn Chí lại đặc biệt lưu ý đến NVGP? Ai là những người *"ở lại"* mà ông đã hứa sẽ nói lên tiếng nói của họ? Tìm sâu hơn về liên hệ gia đình giữa Hoàng Văn Chí và Phan Khôi, chúng ta sẽ thấy câu trả lời:

Sở Cuồng Lê Dư kết hôn với em ruột Phan Khôi, có ba người con gái: cô đầu, Hằng Phương, gả cho nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, cô thứ nhì, Hằng Huân, là vợ Hoàng Văn Chí và cô út, Hằng Phân là vợ Tướng Nguyễn Sơn. Nữ sĩ Hằng Phương, sau này viết bài đả kích mạnh mẽ NVGP, rất có thể vì thế, mà bà Hằng Huân đã là một trong những động cơ thúc đẩy Hoàng Văn Chí thu thập tài liệu và viết về NVGP.

Tác phẩm của Hoàng Văn Chí, cho đến nay vẫn là tác phẩm đầy đủ nhất về phong trào NVGP, nhưng ba người Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu và Lê Đạt bị loại, có thể ông không tin họ vì Nguyễn Hữu Đang đã từng là người tin cẩn của Hồ Chí Minh, Lê Đạt là bí thư của Trường Chinh và Trương Tửu là nhà phê bình lý luận Mác-Xít. Phần lớn những thành viên khác đều có mặt, với một tiểu sử khá đầy đủ, với những chi tiết đáng quý và những bài viết tiêu biểu của họ trong thời kỳ NVGP, đặc biệt tiểu sử Phan Khôi và

---

10 *Phỏng vấn cụ Hoàng Văn Chí*, Từ Nguyên thực hiện, Tự Do số 50, ngày 16/11/1986, phát hành tại Bỉ.

Văn Cao, với các chi tiết hiếm, mà hiện nay không tìm thấy ở đâu. Sau này, ở trong nước không thiếu sách viết về Văn Cao, Phan Khôi, nhưng thường tô hồng, hoặc cắt xén, vo tròn, ít thấy sự thật.

Nhưng tác phẩm của Hoàng Văn Chí cũng có một số nhược điểm:

- Không phải là người trong cuộc, và đã rời miền Bắc từ đầu 1955, cho nên có một số chi tiết ông viết sai.

- Về mặt biên tập, Hoàng Văn Chí, đã *cắt hoặc không chọn những bài, những đoạn* có những câu chữ quá khích mà các tác giả trong NVGP lên án "tội ác Mỹ Diệm", hoặc ca tụng Đảng Cộng sản. Đặc biệt bài *Nhất định thắng* của Trần Dần, ông đã bỏ những câu, những đoạn sắt máu, có tính cách khẩu hiệu, tuyên truyền, khiến cho tác phẩm hay hơn, nhân bản hơn, được độc giả miền Nam chấp nhận, nhưng đã làm lệch ý Trần Dần ở thời điểm ấy. Bản in lại trong *Trần Dần thơ*[11] mới đây, là bản Hoàng Văn Chí.

Ngày nay, chúng ta đã có khoảng cách để phân tích tư tưởng của mỗi thành viên, qua các văn bản gốc mà họ để lại trên báo Nhân Văn, sách Giai Phẩm. Một mặt khác, qua nhân chứng của các thành viên, chúng ta có thể tái tạo lại diễn biến của phong trào: ai làm gì, ai giữ trách nhiệm gì.

Đối chiếu những nhân chứng này với lời buộc tội của những ngòi bút chính thống đánh họ, in trên các báo chính thức trong thời kỳ này, mà Lại Nguyên Ân đã có công sưu tầm, chúng ta có thể nhìn ra nhiều khía cạnh của sự thật hơn.

● *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận*

Cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận* là tài liệu đầu tiên, tập hợp những trích dẫn bài viết hoặc diễn văn tố cáo, buộc tội NVGP. Phần cuối sách, có một chương nhỏ trích *"những lời thú tội"* của các thành viên NVGP, còn

---

11 Nxb Đà Nẵng, 2008.

toàn thể dành cho phía công tố *"phát hiện tội",* với những lời lẽ vô cùng khiếm nhã, khó thể mường tượng được, từ miệng hoặc từ ngòi bút của giới được gọi là *"trí thức văn nghệ sĩ"* đối với các đồng nghiệp và bạn hữu của mình đã tham gia NVGP.

Tập tư liệu dày 370 trang này rất hữu ích về mặt lịch sử và văn học sử, mở ra nhiều khía cạnh của vấn đề NVGP: về tầm vóc của phong trào, về không khí đàn áp thời đó, về mức độ khốc liệt của lớp đấu tranh Thái Hà mà Lê Đạt mô tả tường tận trong các bài phỏng vấn trên RFI. Đồng thời, nó cũng gián tiếp trả lời một số lập luận, cố tình hạ thấp hoặc thu gọn tầm vóc NVGP thành một cuộc *"đánh đấm nội bộ",* tranh giành thế lực cá nhân, không liên hệ gì đến vấn đề tự do tư tưởng.

Những bài luận tội có tính cách hạ nhục NVGP của 83 văn nghệ sĩ và các đoàn thể, báo chí, nhân dân và các vị cao quyền trong Đảng như: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Phạm Huy Thông, Trần Hữu Tước, Đặng Thai Mai, Nguyễn Huy Tưởng, Hồng Cương, Nguyễn Văn Bổng, Hoài Thanh, Hoàng Trung Thông, Hồ Đắc Di, Vũ Đức Phúc, Quang Đạm, Bàng Sĩ Nguyên, Ngụy Như Kontum, Hằng Phương, Lương Xuân Nhị v.v... phản ảnh rất rõ tư cách của người tố. Có thể nói, qua những *"văn bản tố",* các tác giả đã để lại tư cách của mình trong ký ức dân tộc. Sau cùng, nhờ cách sắp xếp thứ tự *"những tên đầu sổ"* mà chúng ta biết được thứ tự *"tội"* nặng, *"tội"* nhẹ, của mỗi người.

● Những buổi phỏng vấn trên RFI

Ngày 13/4/1999, trong dịp nhà thơ Lê Đạt sang Pháp lần thứ nhì, chúng tôi đề nghị ghi âm ông, mong ông soi tỏ những chỗ chưa được các tài liệu trước đề cập đến, hoặc viết sai. Buổi nói chuyện -thu thanh với chủ đích *giữ lại làm tài liệu văn học sử*- tuy mang tính cách cá nhân nhưng có hệ thống về NVGP. Chúng tôi đề nghị ông nói thẳng, nói thật

hết và cam kết là sẽ chỉ công bố sau khi ông qua đời, bởi ông không định viết hồi ký.

Đầu năm 2004, sau khi thực hiện *chương trình phát thanh kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ* (1954-2004) với Hữu Mai trên đài RFI, chúng tôi dự định làm thêm một *chương trình kỷ niệm 50 năm phong trào NVGP* (nếu coi 1954 là thời điểm manh nha) nên đã cố gắng liên lạc với Lê Đạt qua điện thoại Paris - Hà Nội, để làm một cuộc phỏng vấn ngắn gọn có tính cách thời sự, phù hợp với đề tài này, nhưng không thể thực hiện được, vì ông chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu.

Sau nhiều tháng phân vân, cuối cùng, với sự đồng ý của Lê Đạt, chúng tôi quyết định cho phát trên sóng RFI, toàn bộ buổi nói chuyện với ông đã thu ngày 13/4/1999 tại Paris. Do đó mà tài liệu văn học sử này đã đến với thính giả RFI và độc giả sớm hơn dự tính.

Lần đầu tiên, toàn bộ lời kể của một thành viên cột trụ trong NVGP được công bố.

Bên cạnh Lê Đạt, còn có tiếng nói của hai nhân vật chủ chốt khác trong phong trào, đó là cuộc phỏng vấn Nguyễn Hữu Đang về việc ông tổ chức ngày lễ Độc Lập, nhân dịp kỷ niệm ngày 2/9/1945. Buổi nói chuyện này thu thanh qua điện thoại nhà Lê Đạt ngày 30/8/1995 và được phát thanh trên đài RFI ngày 10/9/1995. Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng, chúng tôi có thể ghi âm được Nguyễn Hữu Đang. Tất cả những cố gắng về sau đều vô hiệu: ông chỉ nói được vài câu là đường dây bị nhiễu.

Thính giả nghe các chương trình này, đều nhận thấy sự trả lời của Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm qua điện thoại Paris - Hà Nội, không đạt mức độ tự do như các cuộc nói chuyện trực tiếp với Lê Đạt ở Paris. Nhưng cả ba chứng nhân, cũng là ba người đầu tiên đã xây dựng nên phong trào NVGP cùng đồng quy ở điểm nói thẳng, nói thật. Có những

câu hỏi cùng đặt cho Hoàng Cầm và Lê Đạt ở những thời điểm khác nhau, nhưng sự trả lời gần như tương tự.

Sau cùng là nhân chứng Trần Duy. Hoạ sĩ Trần Duy đã liên lạc với chúng tôi từ nhiều năm qua, ông cho biết đã nghe những chương trình trên đài RFI về phong trào NVGP, có những điều ông muốn nói, nhưng cơ hội chưa thuận tiện. Tháng 6/2008, Trần Duy quyết định lên tiếng. Chúng tôi đã ghi âm ông qua điện thoại Paris - Hà Nội, không bị trở ngại gì. Như thế, chúng ta có thêm nhân chứng của Trần Duy, cựu thư ký toà soạn báo Nhân Văn.

Nếu trong những bài viết trên báo hoặc các chương trình phát thanh, từ 1988 đến ngày nay, còn có những thiếu sót, sai lầm, thì, những chứng nhân quan trọng của Lê Đạt, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, đã đính chính và bổ sung. Các ông thay mặt những người đã khuất, viết lại lịch sử của phong trào và lần này, không ai có thể ngăn ngừa sự thật.

Tất nhiên, mỗi người có một sự thực của riêng mình, về mỗi dữ kiện, mỗi vấn đề. Thời gian trôi qua, ký ức cũng có đôi chỗ sai biệt, nhưng những sai biệt ấy, nếu có, thường là những chi tiết không mấy quan trọng. Độc giả sẽ rút ra từ những sự thực có thể khác nhau ấy, phần tổng kết riêng của mình, về phong trào NVGP[12].

Phần phát biểu của nhà thơ Lê Đạt (ghi âm tại Paris ngày 13/4/1999) cho đến nay, vẫn là chứng từ quan trọng nhất và đầy đủ nhất về lịch sử phong trào NVGP.

Lê Đạt mất ngày 21/4/2008 tại Hà Nội.

Những năm gần đây trang điện tử Talawas do Phạm Thị Hoài chủ biên, đã cho in lại và lưu trữ trên mạng Internet toàn bộ sách báo NVGP. Lại Nguyên Ân sưu tầm những bài

---

12 Những buổi phỏng vấn các thành viên chính của NVGP, phát thanh trên RFI, từ 1995 đến 2008: Nguyễn Hữu Đang (10/9/1995), Hoàng Cầm (21/2/1998 đến 10/1/2004, 4 kỳ), Lê Đạt (từ 24/3/2004 - 5/6/2004, 7 kỳ) và Trần Duy (26/6/2008-26/7/2008, 4 kỳ), đều được lưu trữ trên mạng http://thuykhue.free.fr

viết trên các báo chính thức thập niên 60, liên quan đến phong trào NVGP và đưa dần lên Internet. Những tư liệu này góp phần sáng tỏ thêm, giúp các nhà nghiên cứu sau này có thể xây dựng lại toàn diện bối cảnh phong trào NVGP.

Từ tháng 4/1988, khi chúng tôi viết những dòng đầu về Nhân Văn Giai Phẩm đến nay đã hơn hai mươi năm. Chuyên luận này tưởng như hoàn tất một chương trình tìm kiếm lâu dài, nhưng thực ra nó lại là khởi điểm cho một cuộc tìm kiếm mới về những gì đã thực sự xẩy ra, trong thời kỳ kháng chiến và hoà bình lập lại ở miền Bắc. Bởi càng đi sâu vào vấn đề, càng thấy rõ những khoảng trống chưa thể lấp được, về Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dần, Văn Cao, Thụy An... và bao nhiêu con người và sự kiện khác nữa, mà chúng tôi không ngờ khi mới bắt tay vào việc.

Những gì chúng ta góp nhặt được về họ, ngoài những văn bản do chính họ đã viết ra, đôi khi lượm lặt được vài ba dòng nhật ký người này, hồi ký người kia, cũng chỉ là một phần rất nhỏ của sự thật. Không kể những loại hồi ký, đã bị cắt xén hoặc được sửa lại cho đúng đường lối, hoặc những di cảo trá hình, viết để tự biện hộ, để đổi lấy bản thông hành đi vào vĩnh cửu. Cho nên người nghiên cứu phải vô cùng thận trọng khi *tìm* và *lựa* thông tin, phân biệt thật giả trong tư liệu. Tìm tư liệu không khó trong thời buổi Internet này, nhưng sử dụng tư liệu để dựng lại sự thật là một việc khác hẳn.

Làm sao biết được hoạt động chính trị của Lê Đạt trước khi gia nhập Việt Minh? Lê Đạt đã ở trong hàng ngũ Quốc Dân Đảng?

Theo Văn Cao, thì Phạm Duy là người đầu tiên dẫn ông liên lạc với Việt Minh, Phạm Duy cũng là người chứng kiến sự ra đời của bài *Tiến Quân Ca*, là người "cướp" micro trước cửa Nhà Hát Lớn ngày 17/8/1945 để hát *Tiến Quân Ca* lần đầu trước công chúng. Nhưng khi viết hoặc in lại hồi ký

của Văn Cao về *Tiến Quân Ca*, người ta đã cắt bỏ tất cả những chi tiết nói về Phạm Duy, có chỗ thay bằng Nguyễn Đình Thi.

Một mặt khác, ngay chính Lê Đạt và Phạm Duy, vì an ninh của bản thân và của gia đình, các ông đã không thể nói tất cả sự thật, càng không thể viết ra trên văn bản.

Chúng ta biết gì về hoạt động của Thụy An? Về *"mối tình đầu"* của Thụy An với Võ Nguyên Giáp? Về những bí mật giữa Thụy An và Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân Quốc Dân Đảng? Tại sao Thụy An quay trở lại Bắc, trong khi gia đình bà di cư vào Nam? Những bí mật ấy, tuy chỉ là những chi tiết, có vẻ không quan trọng, nhưng ngày nay, những người muốn biết sự thực, *phải có quyền được biết*.

Nếu biết được những chi tiết ấy, chúng ta sẽ thấy tất cả những hoạt động đảng phái thời kháng chiến chống Pháp không đơn giản bên này yêu nước, bên kia bán nước. Mà bất cứ một cá nhân nào, dù văn nghệ sĩ trí thức hay không, cũng có thể theo hai ba đường chính trị khác nhau, trong hành trình sống của mình. Chỉ khi đảng Cộng sản quyết định độc quyền lãnh đạo, độc tôn xã hội chủ nghiã, các khuynh hướng chính trị khác mới trở thành phản động.

Vấn đề của người nghiên cứu là phải tìm hiểu những đầu mối đan cài vô cùng phức tạp giữa các khuynh hướng chính trị, văn hoá khác nhau, trong mối tương giao không xé ra được.

Những người kháng chiến ngoài Đảng hoặc chống Đảng, bị chế độ kết án chung thân, phải chối bỏ lẫn nhau và phủ nhận toàn bộ hành trình của mình, trên đường tranh đấu cho độc lập, tự do, dân chủ.

Bi kịch của họ phản ánh bi kịch chung của dân tộc dưới chế độ cộng sản.

Chương 2

Lịch trình
Nhân Văn - Giai Phẩm

Lịch sử NVGP gắn bó với các chính sách văn hoá, chính trị của Đảng Cộng sản.

Chúng ta thử nhìn lại lịch trình này:

- 27/10/1943, Trường Chinh hoàn thành *Đề cương văn hoá Việt Nam,* văn kiện chính thức đầu tiên của đảng Cộng sản Đông Dương về văn hóa văn nghệ. Xác định sự lãnh đạo về tư tưởng, học thuật và nghệ thuật của Đảng Cộng sản.

- 17/8/1945, biểu tình của công chức, Phạm Duy hát *Tiến Quân Ca* lần đầu tiên tại Nhà Hát Lớn, Hà Nội.

- 19/8/1945, Việt Minh cướp chính quyền, *Tiến Quân Ca* được hát lần thứ nhì tại Nhà Hát Lớn do Văn Cao điều khiển.

- 2/9/1945, Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn Độc Lập tại Ba Đình. Lễ Độc Lập do Nguyễn Hữu Đang tổ chức. Vũ Hoàng Chương làm bài thơ *Ngày Độc Lập*.

- 11/11/1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố *"tự giải tán",* lui vào bí mật, đổi tên là Hội Nghiên Cứu Chủ Nghiã Mác ở Đông Dương. Chính phủ lâm thời lấy danh nghĩa Mặt Trận Việt Minh để tập hợp tất cả mọi thành phần dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

- 24/11/1946, Đại Hội Văn Hoá Toàn Quốc I, ở Hà Nội do Nguyễn Hữu Đang tổ chức, tập hợp các thành phần trí thức đủ mọi khuynh hướng trong toàn quốc.

- 19/8/1948, Đại hội Văn Hóa Toàn Quốc II, ở Việt Bắc do Trường Chinh tổ chức, đọc bài *Chủ nghiã Mác và văn hoá Việt Nam*, xác định con đường văn nghệ kháng chiến: Tuyên truyền, thi đua, đánh địch, hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nguyễn Hữu Đang bỏ về Thanh Hoá.

- 1949-1951: Nhiều trí thức văn nghệ sĩ bỏ kháng chiến về thành.

- Tháng 1/1950, tại Đại Hội III, đảng Cộng Sản tuyên bố Việt Nam chính thức đi theo đường lối Trung Quốc, đẩy mạnh chính sách Đấu Tranh Giai Cấp trên toàn lãnh thổ.

- Tháng 7-8/1950, Đại Hội Văn Nghệ I, họp tại Yên Giã, Việt Bắc, chính thức tuyên bố thực thi đường lối *văn nghệ xã hội chủ nghĩa,* loại bỏ: Tuồng, Chèo, Cải Lương, Kịch thơ... Hoàng Cầm thắt cổ kịch thơ của mình.

- Từ 14- 23/11/1953, Đại Hội I của đảng Lao Động họp tại Việt Bắc chính thức tuyên bố thi hành chính sách Cải Cách Ruộng Đất, qua bản báo cáo của Trường Chinh.

- 1951-1960: Chỉnh Huấn, Giảm Tô, Cải Cách Ruộng Đất, Thanh Trừng Trí Thức (NVGP), Cải Tạo Tư Sản.

- 10/10/1954, Việt Minh tiếp thu Hà Nội.

Cùng ngày 10/10/54 Trần Dần[13] được cử đi Trung Quốc viết thuyết minh cho phim Điện Biên Phủ. Trần Dần bị Hoàng Xuân Tuỳ, cán bộ chính trị, kiểm soát gắt gao. Ngày 10/12/54, Trần Dần bỏ về Hà Nội.

- 24/12/54, Trần Dần bắt đầu tổ chức các cuộc thảo luận đòi thay đổi chính sách văn nghệ quân đội.

- Tháng 2/1955, Trần Dần, sau khi tham khảo ý kiến các bạn, viết bản *Đề nghị Chính sách Văn nghệ.*

---

13 Vừa viết xong tác phẩm *Người người lớp lớp* về Điện Biên Phủ.

Trần Dần, Tử Phác *"chủ mưu"*, Hoàng Cầm *"a dua",* nhóm ủng hộ có cả Đỗ Nhuận, Thanh Tịnh...

- Tháng 3 và 4/55, Trần Dần, Tử Phác tổ chức phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu và tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán với sự cộng tác của Hoàng Cầm, Lê Đạt.

- Tháng 4/1955: Nhóm Trần Dần, Tử Phác... ký *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá",* gồm 32 điểm, đòi quyền tự do sáng tác và bác bỏ chế độ chính trị viên trong văn nghệ quân đội. Trong một cuộc họp mặt nội bộ khoảng hơn 20 người, Trần Dần đọc cho tướng Nguyễn Chí Thanh nghe. Tướng Thanh đập bàn quát mắng, rồi bỏ ra về.

- 13/6/55-14/9/55: Trần Dần, Tử Phác bị bắt lần thứ nhất, phạt cấm trại 3 tháng, sau đó được đưa đi cải tạo ở Yên Viên, tham gia Cải Cách Ruộng Đất, đợt 5.

- Tháng 1/1956: Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời do Lê Đạt, Hoàng Cầm chủ trương, với những bài chính: *Nhất định thắng* của Trần Dần, *Anh có nghe thấy không* của Văn Cao, *Làm thơ* và *Mới* của Lê Đạt, ...

- Tháng 2/56: Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu. Ngày 9/2 (28 Tết): Tố Hữu ra lệnh gọi Lê Đạt lên Tuyên Huấn. ngày 16/2 (mùng 5 Tết): Lê Đạt lên trình diện, bị giữ lại 15 ngày để kiểm thảo, trong khi đó Tố Hữu triệu tập Đại Hội Cán Bộ Tuyên Huấn toàn miền Bắc để phê phán Giai Phẩm Mùa Xuân: trong đại hội này, Chế Lan Viên khai ngòi việc đánh Trần Dần. Tố Hữu ra lệnh bắt Trần Dần, Tử Phác. Trong tù, Trần Dần dùng dao cạo cứa cổ. Hội Văn Nghệ tổ chức Đại hội, gồm 150 văn nghệ sĩ, ở 51 Trần Hưng Đạo để đánh Trần Dần.

Chiến dịch đánh Trần Dần trên báo bắt đầu với bài của Hoài Thanh *"Vạch trần tính chất phản động trong bài thơ Nhất định thắng của Trần Dần"* trên Văn Nghệ số 110, ngày 7/3/56.

- 24/2/1956: Khrouchtchev tường trình tội ác của Staline tại đại hội XX của đảng Cộng sản Liên Xô.

- 26/5/1956: Mao Trạch Đông phát động *"Trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng"*.

- 28/6/1956: Ba Lan nổi dậy.

- Tháng 7/1956: Hoàn thành Cải Cách Ruộng Đất.

- 25/8/56 đến 24/9/56 Hội nghị X Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Lao Động phát động *Sửa Sai*. Trường Chinh từ chức Tổng Bí Thư. Hồ Chí Minh kiêm Tổng Bí Thư lẫn Chủ Tịch. Võ Nguyên Giáp đọc *Bẩy sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất.*

- 8/8 đến 26/8/56: Hội Văn Nghệ -được lệnh- tổ chức *lớp học tập dân chủ* 18 ngày. Nguyễn Hữu Đang tổ chức và đọc tham luận tổng kết chỉ trích gắt gao đường lối lãnh đạo văn nghệ của Trung Ương Đảng. Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi và bộ phận lãnh đạo văn nghệ phải *"thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng và hứa hẹn sẽ sửa chữa"*. Hoài Thanh viết bài nhận lỗi đánh Trần Dần.

- 29/8/56: Giai Phẩm Mùa Thu, tập I, ra đời, với những bài chủ chốt: *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi, *Tỉnh giấc chiêm bao* của Nguyễn Bính, *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, ...

- 20/9/1956: Nhân Văn số 1, với bài *Phỏng vấn Nguyễn Mạnh Tường về vấn đề mở rộng tự do và dân chủ*, bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt, bài *Con người Trần Dần* của Hoàng Cầm và tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần với vết sẹo ở cổ, bài *Chống bè phái trong văn nghệ* của Lê Đạt (ký tên Trần Công), ...

- 30/9/1956: Nhân Văn số 2, với bài *Phỏng vấn Đào Duy Anh về mở rộng tự do và dân chủ*, bài *Trả lời Nguyễn Chương và báo Nhân Dân* của Nguyễn Hữu Đang (ký tên Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Duy), bài *Phấn đấu cho trăm hoa đua nở* của Trần Duy...

- 30/9/56: Giai Phẩm Mùa Thu, tập II, với bài *Bệnh sùng bái cá nhân* của Trương Tửu, *Ông bình vôi* của Phan Khôi, *Những người khổng lồ* của Trần Duy, *Chống tham ô lãng phí* của Phùng Quán, ...

- 8/10/1956: Giai Phẩm Mùa Xuân tái bản.

- 15/10/56: Nhân Văn số 3, số Kỷ niệm ngày Vũ Trọng Phụng tạ thế 13/10/1939, và các bài *Nỗ lực phát triển tự do dân chủ* của Trần Đức Thảo, *Phỏng vấn bác sĩ Đặng Văn Ngữ về mở rộng tự do và dân chủ*, ...

- 20/10/56: Nguyễn Bính xuất bản báo Trăm Hoa, bộ mới, lập trường bênh vực Nhân Văn.

- Trong ba ngày 20, 21 và 23/10/56, Trường Chinh tổ chức tọa đàm với văn nghệ sĩ ở trụ sở Trương Ương Đảng.

- 30/10/56: Nguyễn Mạnh Tường diễn thuyết *"Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo"* tại Mặt Trận Tổ Quốc, Hà Nội.

- 30/10/1956: Giai Phẩm Mùa Thu, tập III, với bài *Văn nghệ và chính trị* của Trương Tửu, *Muốn phát triển học thuật* của Đào Duy Anh, ...

- 31/10/1956: Bài Võ Nguyên Giáp đọc tại Hội nghị X Ban chấp hành Trung ương Đảng, *Bẩy sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất*, được in trên trên báo Nhân Dân.

- 5/11/56: Nhân Văn số 4, với bài *Cần phải chính quy hơn nữa* của Nguyễn Hữu Đang, *Sự thật về vụ xúc phạm thi sĩ Nguyễn Bính và báo Trăm Hoa* của Người Quan Sát, *Thành thật đấu tranh cho dân chủ* của Trần Duy, *Con ngựa già của chúa Trịnh* của Phùng Cung, *Những ngày báo hiệu mùa xuân* của Văn Cao, ...

- 5/11/1956: báo Sáng Tạo của nhóm điện ảnh sân khấu xuất hiện. Với Hoàng Tích Linh, Trần Công, Cao Nhị, Thanh Châu, Nắng Mai Hồng, Trúc Lâm, Phan Vũ, Phan Tại, Nguyễn Đình Phúc, Sỹ Ngọc, Phạm Kỳ Nam, Trung Sơn, Vũ Phạm Từ, Anh Tâm, Lửa Mới, Nguyễn Sáng.

- 10/11/56: Đất Mới, báo sinh viên, với bài *Phê bình lãnh đạo sinh viên* của Q. Ngọc và T. Hồng, *Lịch sử một câu chuyện tình* của Bùi Quang Đoài, ...

- 20/11/56: Nhân Văn số 5, với bài *Hiến pháp Việt Nam năm 1946 và hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* của Nguyễn Hữu Đang, *Bài học Ba Lan và Hung-ga-ri* của Lê Đạt (ký tên Người Quan Sát), ...

- Tháng 11/56: Dân Quỳnh Lưu, Nghệ An nổi dậy.

- Tháng 12/56: Giai Phẩm Mùa Đông, tập I, với bài *Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích* của Trương Tửu, *Nội dung xã hội và hình thức tự do* của Trần Đức Thảo, ...

- 9/12/1956: Hồ Chí Minh ký sắc lệnh về báo chí. Xác định lại những cấm điều.

- 15/12/56: Nhân Văn số 6 đang in, bị đình chỉ.

- Cuối tháng 12/56: Tự Do Diễn Đàn, tập I, tạp chí chuyên về lý luận, phê bình, sáng tác, do Minh Đức phát hành cuối tháng 12, bị cấm. Tự Do Diễn Đàn có các bài: *Qua sai lầm của Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo* của Nguyễn Mạnh Tường; truyện ngắn *Chú bé làm văn* của Trần Dần, *Tại sao quần chúng nhân dân tha thiết đến cuộc đấu tranh văn nghệ?* của Nguyễn Hữu Đang, *Nhiệm vụ của văn học không phải là giải thích chính sách* của Phan Ngọc, *Động Long Mạch* thơ Lê Đạt, *Vài ý nghĩ sau khi đọc bài thơ Động Long Mạch* của Hoàng Cầm, *Sinh hoạt văn hoá* của Trương Tửu và Trần Đức Thảo[14].

- Tết 1957, Minh Đức còn in tập *Sách Tết,* giai phẩm cuối cùng, bài vở của hầu hết các tác gia trong NVGP.

- Từ 20 đến 28/2/57: Đại Hội Văn Nghệ II họp tại Hà Nội. Trường Chinh kêu gọi đấu tranh "*đập nát bọn NVGP*".

---

14 Dẫn theo Boudarel, bài *Le tort de parler trop tôt - Sai lầm vì nói quá sớm*, viết về Nguyễn Mạnh Tường, Revue Sud Est Asie, số 52.

- Cuối 1957: Mao Trạch Đông đánh phái hữu. *"Trong thời gian này Hồ Chí Minh đi thăm Liên Xô, Mông Cổ, CHDCND Triều Tiên có ghé thăm Bắc Kinh chứng kiến và có thể học hỏi các kinh nghiệm tổ chức phong trào đánh phái hữu. Việt Nam cử Tố Hữu, Huy Cận và Hà Xuân Trường sang học tập kinh nghiệm, chính sách của Trung Quốc*[15]*"*.

- Tháng 2 - 3/1958: Khi họ trở về, đảng tổ chức hai lớp đấu tranh *"chống bọn phản động NVGP"* ở Thái Hà ấp.

- 4/6/58: Đại Hội Văn Nghệ III, họp tại Hà Nội, hoàn tất "*Trận chiến đấu chống bọn phá hoại NVGP"* với bài tổng kết của Tố Hữu, nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ lên án *"bọn NVGP"* và các Hội Văn Nghệ thi hành biện pháp kỷ luật.

Nhìn lại lịch trình trên đây, thấy nổi bật vai trò của ba Đại Hội Văn Nghệ:

- Đại Hội I, Yên Giã, Việt Bắc 1950, chính thức tuyên bố theo đường lối xã hội chủ nghiã, loại trừ tất cả các hình thức văn nghệ cổ điển.

- Đại Hội II, Hà Nội 1957, Trường Chinh kêu gọi đấu tranh đập nát phong trào NVGP.

- Đại Hội III, Hà Nội 1958, Tố Hữu tuyên bố đã dẹp xong NVGP.

Ngoài ra, sự xác định trước đây của Hoàng Văn Chí trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* và của Boudarel trong *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam* về nguyên nhân phát xuất NVGP từ *Trăm hoa đua nở* ở Trung Quốc, là không đúng hẳn, vì phong trào ở Việt Nam, *chớm nở* từ việc đòi hỏi *tự do sáng tác,* tháng 4/55, trong quân đội, và *chính thức* bắt đầu với Giai Phẩm Mùa Xuân, tháng 1/56; trong khi đến tháng 5/56 Mao Trạch Đông mới phát động phong trào *Trăm hoa đua nở.*

---

15 Lê Hoài Nguyên, *Vụ Nhân Văn - Giai Phẩm từ góc nhìn một trào lưu dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành*, website nguyentrongtao.com 06/08/2010.

Tuy nhiên, lập luận này cũng không hoàn toàn sai, bởi vì Trần Dần sang Trung quốc tháng 10/1954, để viết thuyết minh cho phim Điện Biên Phủ, cho nên ông mới biết việc Hồ Phong phản kháng rồi bị đàn áp và chính bản thân ông cũng bị cán bộ chính trị hoạnh họe đủ điều, nên khi về Hà Nội, ông mới tổ chức phong trào trào đòi tự do sáng tác trong quân đội cùng với Tử Phác. Đó là thời điểm manh nha, cuối 1954 đầu 1955.

Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời tháng 1/56, rồi bị dập tắt ngay, nhưng đến tháng 2/1956, Khrouchtchev tố cáo tội ác của Staline tại đại hội XX của đảng Cộng Sản Liên Xô, và tháng 5/1956, Mao Trạch Đông phát động phong trào *Trăm hoa đua nở*. Vì đảng Lao Động theo sát chính sách Mao và Liên Xô, nên mới nới rộng tự do văn nghệ, tổ chức *lớp học tập dân chủ* 18 ngày, để Nguyễn Hữu Đang có cơ hội trở lại, giữ vai trò lãnh đạo NVGP.

Tác phẩm của Boudarel đặt trọng tâm vào Trần Dần và bi kịch Trần Dần. Theo ông, nhân chuyến đi Trung Quốc, Trần Dần chịu ảnh hưởng tư tương phản kháng của Hồ Phong. Thậm chí Boudarel còn cho rằng hai chữ Nhân Văn lấy từ một câu của Hồ Phong: *"Hiện thực xã hội theo quan niệm của tôi phải quay về với con người... về sự giải phóng con người... về tinh thần nhân văn*[16]*"*. Về nhận xét này, Boudarel đã lầm trên các điểm:

Nhân Văn do Nguyễn Hữu Đang chủ trương, khi ấy Trần Dần đã mệt mỏi, lui vào mặt sau vì chuyện tù tội, vợ con. Tên Nhân Văn, là do Nguyễn Hữu Đang hay Hoàng Cầm đặt. Lê Đạt nói: *"Anh Cầm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra. Còn anh Đang cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thực tình tôi cũng không hiểu như thế nào"*. Và Hoàng Cầm, trả lời phỏng vấn RFI 2007, bảo chính ông đã nghĩ ra tên Nhân Văn; nhưng trong lời "thú nhận", năm

---

16 Boudarel, *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam*, trang 59.

1958, Hoàng Cầm viết: *"Có Nguyễn Bính, Đang, Tước*[17] *bàn về tên tờ báo và mời Nguyễn Bính làm thư ký toà soạn, thì tôi nghĩ là "tên báo gì gì cũng được" miễn là có báo ra được"*[18].

Vậy tên báo chắc là do Nguyễn Hữu Đang nghĩ ra. Dù Trần Dần có "thú nhận" rằng sự chống đối của mình *"có màu sắc tư tưởng Hồ Phong",* thì cũng chỉ là một cách gián tiếp, bởi những thành viên chính của NVGP hầu hết đều chịu ảnh hưởng văn hoá Pháp, không mấy người biết Hán văn để đọc Hồ Phong.

Ta có thể xác định nguyên nhân phát xuất NVGP: mọi sự bắt nguồn từ quân đội, hai người đầu xướng là Trần Dần và Tử Phác, với việc phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu và bản *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá".*

● Vụ phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu

Tháng 3/1955, Trần Dần, Tử Phác cùng Hoàng Cầm, Lê Đạt tổ chức phê bình tập *Việt Bắc* của Tố Hữu, với những bài của Hoàng Yến, Hoàng Cầm, Lê Đạt.

Tháng 4/1955 Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm... ký bản *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá".*

Hai sự kiện này đi đôi và gắn bó với nhau.

Trước kháng chiến, Trần Dần đã cùng Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch -em ruột Vũ Hoàng Chương- ra tạp chí Dạ Đài ngày 16/11/1946, công bố bản *Tuyên ngôn tượng trưng*. Trong kháng chiến, 1950, Trần Dần gặp Lê Đạt, cùng chí hướng đổi mới thi ca, cùng muốn *"chôn đàn anh",* nói theo ngôn ngữ Nguyên Sa, Mai Thảo. Ngoài Bắc, trong số những người *"đáng chôn",* Tố Hữu là tiêu biểu. Nhân dịp *Việt Bắc* vừa phát hành tháng 12/54, đã có bài ca tụng của Xuân

---

17 Một người thân thuộc trong nhà xuất bản Minh Đức.

18 *Những lời thú nhận của Hoàng Cầm*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

Trường trên báo Nhân Dân, 24/1/55 và một bài ủng hộ của Xuân Diệu trải dài trên hai số Văn Nghệ 64 và 65, tháng 2/55[19]. Ngày 4/3/55, Trần Dần và Tử Phác đứng ra tổ chức một buổi phê bình thơ Tố Hữu trong khôn khổ văn nghệ quân đội, với sự hiện diện của tướng Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị.

Lê Đạt kể lại: *"Lúc đến, tôi đã thấy ông Nguyễn Chí Thanh ngồi đấy rồi. Hoàng Yến lên nói về thơ Tố Hữu và bảo rằng thơ Tố Hữu bây giờ "nhỏ" hơn thơ Tố Hữu thời trước, thì đó cũng là một cách nói thôi. Sau đó, khi anh Thanh lên diễn đàn thì tôi thấy không khí im lặng cả, không ai nói gì nữa. Trần Dần đá chân tôi bảo: "Thôi, thế cậu lên đi." Tôi lên nói một bài về thơ Tố Hữu và tôi có nhắc đến sự sùng bái chủ tịch Hồ Chí Minh của Tố Hữu. Cuộc trao đổi ấy rất vui vẻ rồi ông Thanh cũng không nói gì nữa. Căn cứ trên cuộc thảo luận ấy thì anh em thấy là có thể có đủ bài để viết trên tạp chí Văn Nghệ mà lúc đó tôi là thường trực. Sau đó tôi có lên trình bày với anh Tố Hữu về tờ báo Văn Nghệ"*[20].

Buổi thảo luận chỉ là nói miệng, nhưng Lê Đạt muốn đưa lên Văn Nghệ[21] mới lên gặp Tố Hữu để bàn, không ngờ Tố Hữu lại *"gợi ý"* Lê Đạt nên viết bài phê bình tập thơ *Việt Bắc,* chắc ông chờ đợi một bài tâng bốc của đàn em. Đã có sẵn bài của Hoàng Yến trong túi, Lê Đạt bèn tập hợp thêm một số bài khác làm số báo đặc biệt về *Việt Bắc*. Tố Hữu không ngờ vụ việc xẩy ra trái hẳn ý mình, bởi vì, theo Lê Đạt: *"Ở nước Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ"*[22].

---

19 In lại trong cuốn *"Tư liệu thảo luận 1955 về tập thơ Việt Bắc",* do Lại Nguyên Ân soạn, nxb Văn Hoá Thông Tin, 2005.

20 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

21 Do Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt biên tập.

22 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

Vụ phê bình *Việt Bắc* mở rộng và chuyển sang các báo khác, kéo dài nhiều tháng[23]. Nhưng Tố Hữu cũng không vừa, ông ra lệnh cho Hội Văn Nghệ tổ chức thêm hai buổi tọa đàm khác, có các vị chức sắc tham dự. Phía ca tụng *Việt Bắc* chủ chốt có các bài của Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi và Hoàng Trung Thông. Phía chê có: Hoàng Yến, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Trần Độ trung dung: vừa khen, vừa chê.

Hoàng Yến muốn chê thơ Tố Hữu bịa nhưng lịch sự nói rằng Tố Hữu chưa nắm vững hiện thực: *"Ta thấy thơ Tố Hữu ngày nay còn bé hơn thơ Tố Hữu trước kia. Bé vì Tố Hữu chưa thổi được vào thơ ngọn lửa hừng hực chiến đấu của thời đại để đốt cháy lòng người đọc. Bé vì chất sống chưa thật sâu sắc nên ý thơ nhiều đoạn còn giả tạo công thức"*[24].

Hoàng Cầm chê thơ Tố Hữu *"thiếu chất sống thực tế", "nhạt nhẽo", "hời hợt",* chỉ *"lởn vởn ở bên ngoài chứ không đột phá vào một khía cạnh nào của tâm hồn", "những câu văn đèm đẹp" "rủ rỉ một lát rồi thôi", "chỉ thấy những hình ảnh chung chung, gặp bất cứ ở chỗ nào"*, khi ca tụng lãnh đạo thì *"đao to búa lớn", " bài "Hoan hô chiến sĩ Điện Biên giống như một vại nước to, tràn đầy, pha loãng một màu sữa. Loãng quá" ...*

Lê Đạt, trong bài lý luận, cho rằng Tố Hữu *"cố gắng đi tới công nông"* nhưng trong thơ còn rơi rớt tính chất *"ngậm ngùi, buồn buồn... nó là cơ sở điệu tâm hồn của Tố Hữu"...* và tổng kết ý kiến của mình và các bạn: *"Tính chất tiểu tư sản và xa thực tế là hai khuyết điểm căn bản, nó cản trở khả năng hiện thực của Tố Hữu. Nó là nguyên nhân của cái buồn, cái công thức, cái hời hợt rải rác trong tập thơ"*[25].

---

23 Xem *"Tư liệu thảo luận 1955 về tập thơ Việt Bắc"* của Lại Nguyên Ân.

24 Lại Nguyên Ân, sđd, trang 69.

25 Lại Nguyên Ân, sđd.

Trần Dần không có bài trên báo, nhưng viết trong nhật ký *"Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị quá, công thức quá, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì lại là lập lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao... Tố Hữu chưa đem tới một cách nhìn mới mẻ gì"*[26]. Và trong buổi toạ đàm ngày 4/3/55, theo Vũ Tú Nam mách lại, Trần Dần bảo thơ Tố Hữu là *"tí ti la haine, tí ti l'amour - tí ti căm thù, tí ti tình yêu* "[27]. Tất nhiên Tố Hữu không thể *"bỏ qua"* vụ này. Tháng sau, Trần Dần, Tử Phác tung ra *Bản dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá.*

● Bản dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá

Tháng 4/1955, Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm... ký bản *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá",* nội dung gồm 32 hay 36 điều[28] yêu cầu cải cách chính sách văn nghệ trong quân đội, chủ yếu đòi quyền tự do sáng tác.

Hoàng Cầm viết: *"Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị".* Nhưng: "*Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại:*

"Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có

---

26 *Trần Dần ghi* trang 143.

27 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*, Văn Nghệ Quân Đội, tháng 4/58.

28 Theo băng ghi âm *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.*

một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang"[29].

Trong bài viết này, Hoàng Cầm không thể nói rõ những người ủng hộ là ai, người *"thẩm quyền bác bỏ"* là ai. Nhưng ông thuật lại bối cảnh buổi họp đó trong băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè như sau: Nhân buổi họp mặt khoảng trên 20 văn nghệ sĩ, trong nội thành ở Cửa Đông với tướng Nguyễn Chí Thanh. Đây là một trong những buổi họp mặt thường xuyên, được tổ chức theo lời ông Thanh, để chúng tôi giảng cho ông về văn nghệ. Trần Dần lợi dụng dịp này để đọc bản điều trần cho ông nghe, nhưng mới đọc được độ non nửa bài, thì ông Thanh đập bàn quát: *"Tôi không ngờ các đồng chí đã ăn phải viên đạn bọc đường của giai cấp tư sản... tôi thấy sặc cái mùi tư sản, nào là tự do sáng tác, tự do đi lại... thôi tôi không nghe nữa"*, rồi ông đứng dậy đi về.

Trong bài đánh Trần Dần trên VNQĐ, Vũ Tú Nam kể lại: Hôm đó, Trần Dần nêu lên ba đòi hỏi chính:

1- Trả lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ.

2- Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc Hội Văn Nghệ, không qua Cục Tuyên Huấn và Tổng Cục Chính Trị.

3- Bỏ mọi "chế độ quân sự hiện hành" trong văn nghệ quân đội...

Nghe xong đồng chí Nguyễn Chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi Đảng, phi giai cấp, phi chính trị. Hồi đó, anh em chưa vỡ lẽ, còn ấm ức, cho là cấp trên không thông cảm. Trần Dần và vài người khác thì lồng lộn, chửi bới, reo rắc hoài nghi, chán nản, muốn giải ngũ". Vẫn theo Vũ Tú Nam, Trần Dần viết:

"Biểu hiệu cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm... tôn trọng, trung thành

---

29 Hoàng Cầm, *Con người Trần Dần*, Nhân Văn số 1.

với sự thực vừa là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết".

"Sự thực lớn gấp triệu triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào... Nếu như sự thực ngược lại chính sách chỉ thị, thì phải viết sự thực chứ không phải là bóp gò sự thực vào chính sách"[30].

Bản dự thảo do chính tay Trần Dần viết trong tháng 2/55, dài 12 trang đánh máy bị Tuyên Huấn bác bỏ.

- **Vai trò của các tướng Nguyễn Chí Thanh, Lê Liêm, Lê Quang Đạo, Võ Hồng Cương, Trần Độ**

Trong quân đội, thời ấy, đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tổng Tư Lệnh, đại tướng Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị, quyền lực ngang ngửa nhau. Tướng Lê Liêm, phó chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị; Lê Quang Đạo, cục trưởng Cục Tuyên Huấn và Võ Hồng Cương, cục phó Cục Tuyên Huấn.

Theo Hoàng Cầm, tướng Nguyễn Chí Thanh đã có lần bênh vực ông trong buổi văn nghệ mừng chiến thắng Điện Biên Phủ, do ông tổ chức theo yêu cầu của tướng Giáp. Trong buổi trình diễn, Hoàng Cầm đưa ra màn hát màn quan họ, có câu: *"Yêu nhau cởi áo cho nhau",* bị một người đứng lên hô hào cử tọa đả đảo đồi trụy, nhưng tướng Thanh lên sân khấu bênh vực, dẹp tiếng đả đảo, để nghệ sĩ tiếp tục trình diễn. Khi tướng Thanh về làm chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị, cai quản khoảng một trăm văn nghệ sĩ, ông đề nghị Hoàng Cầm phân phối người đến dậy ông về nghệ thuật, như Mai Văn Hiến về hội họa, Nguyễn Đức Toàn về âm nhạc, Văn Chung về múa, Thanh Tịnh về viết...[31]

Tướng Nguyễn Chí Thanh cũng để cho Trần Dần và các bạn hội họp bàn về tự do sáng tác, nhưng sự phẫn nộ của

---

30 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*, Văn Nghệ QĐ, số 4, tháng 4/58.

31 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

ông khi nghe Trần Dần đọc bản dự thảo, chứng tỏ ông là người bảo thủ. Hoàng Cầm cho rằng, ở thời điểm 1954-1955, ông bị ảnh hưởng nặng nề chính sách của Mao Trạch Đông. Nhưng khi Trần Dần bị bắt lần thứ nhì, dùng dao cạo cứa cổ, được đưa vào bệnh viện, dù tự ý hay do chỉ thị của Phạm Văn Đồng, ông cũng đã can thiệp cứu Trần Dần. Nhưng rồi cũng chính tướng Nguyễn Chí Thanh đã trao cho người bà con Vũ Tú Nam toàn bộ tư liệu về Trần Dần, kể cả 2 lá thư Trần Dần viết để xin ra khỏi đảng năm 55, để họ Vũ có đủ tư liệu viết bài đánh Trần Dần[32]. Phải chăng ông muốn Vũ Tú Nam, ghi lại cho hậu thế những điều Trần Dần đòi hỏi dân chủ trong bản dự thảo?

Về Nhân Văn, Nguyễn Chí Thanh không viết bài đả kích, nếu ai hỏi về Nhân Văn, ông chỉ nói: "*Ôi giời! mấy cậu văn nghệ sĩ nó cứ hay tự do chủ nghĩa, cá nhân chủ nghĩa ấy mà!*"[33] Trường hợp Nguyễn Chí Thanh vẫn còn là một nghi vấn: Ông bênh vực dân chủ hay ông là người cộng sản giáo điều?

Ngoài Nguyễn Chí Thanh, bản dự thảo còn được ai ủng hộ, khiến nó "sắp được thông qua" như lời Hoàng Cầm?

Theo phân tích của Boudarel, thì bản dự thảo này được sự ủng hộ của ba tướng tá cao cấp trong Tổng Cục Chính Trị: Lê Quang Đạo, Trần Độ, và nhất là Lê Liêm:

"Ở những buổi thảo luận nội bộ năm 1955 trong quân đội, có những cán bộ cao cấp ủng hộ nhóm văn nghệ sĩ đòi hỏi quyền tự do sáng tác, nhưng không ai chỉ rõ tên họ ra, rất có thể bởi vì muốn tránh cho họ rơi vào hoàn cảnh khó xử trước những đồng nghiệp quyết liệt. Duy có hai người, hai tướng chính uỷ Trần Độ và Lê Liêm là dễ nhận ra, nhưng cũng không chỉ có hai người đó. Một văn bản chứng minh rằng vào mùa thu năm 1956, tướng Lê Quang Đạo

---

32 Boudarel, *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam,* trang 100 và 126.

33 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

cũng can thiệp khi vụ việc xẩy ra. Nhưng trong chiều hướng nào? Lúc đó ông là cục trưởng cục Tuyên Huấn[34]*".*

Boudarel phác họa chân dung Lê Quang Đạo, Lê Liêm và Trần Độ, ba tướng lãnh trong Tổng Cục Chính Trị ủng hộ những nhà văn trẻ. Ông phân tích những khúc mắc trong hành động của họ, khi ủng hộ tự do sáng tác và mở rộng dân chủ, lúc phải lùi bước trở lại vị trí chính thống. Điều đặc biệt đáng chú ý là trong suốt thời kỳ NVGP, Boudarel không tìm thấy văn bản nào của các tướng lãnh trong Tổng Cục Chính Trị lên án phong trào.

Cuốn *Bọn Nhân văn Giai phẩm trước toà án dư luận* tập hợp những bài viết của hơn 80 văn nghệ sĩ và trí thức "dân sự". Trong các bài mà chúng tôi thu thập được trên báo quân đội, có bài *Một vài ý kiến góp với bạn đọc*[35] của tướng Lê Liêm, lời lẽ nhẹ nhàng, chẳng có ý khiển trách mà còn như bênh vực NVGP.

Theo lời Hoàng Cầm và Trần Duy, Võ Hồng Cương, cục phó Cục Tuyên Huấn, là người hiền hoà, rất gần gũi với anh em. Sau vụ Thái Hà ấp, ông là người được chỉ định viết bài tổng kết đánh NVGP, với bài *Cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận văn nghệ hiện nay* ký tên Hồng Cương[36], giọng tuy sắt đá, nhưng thâm tâm hình như có ý hỗ trợ: ông chỉ trình bày những đòi hỏi tự do dân chủ của nhóm NVGP cho hậu thế biết, mà không buộc tội họ một cách độc ác như các ngòi bút "dân sự".

Tướng Lê Liêm, phó chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị, một trong những tướng tài ở Điện Biên Phủ, hết sức ủng hộ văn nghệ sĩ. Trong cuộc thanh trừng NVGP, ông giữ một sự im lặng đầy ý nghĩa. Năm 1958, trở thành thứ trưởng Văn Hoá, tuy thăng chức, nhưng không có quyền, bắt đầu sự thất

---

34 Boudarel, *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam,* trích dịch trang 101.

35 Quân Đội Nhân Dân số 301, ngày 27/11/1956.

36 Văn Nghệ Quân Đội số 6, tháng 6/1958.

sủng. Phản đối việc thân Tàu, chống Nga. Năm 1965, ông làm thứ trưởng Giáo Dục, năm 1968, trong một bài diễn văn về việc cải tạo giáo dục, Lê Liêm trở lại quan điểm chính thống. Năm 1974, người ta đồn ông bị khai trừ khỏi đảng cùng với Ưng Văn Khiêm, tướng Nguyễn Văn Vịnh và Bùi Công Trừng, vì tội thân Nga. Lê Liêm là một khuôn mặt cởi mở, chấp nhận đối thoại.

Tướng Lê Quang Đạo, cục trưởng Cục Tuyên Huấn, theo lời Hoàng Cầm, "giáo điều", "máy móc", và xa cách hơn, có lúc ông đã kiểm duyệt một vở kịch của Hoàng Cầm, nhưng theo Boudarel, chắc ông cũng đã tác dụng vào những cuộc tranh luận văn học nội bộ trong thời kỳ này, và sau vụ NVGP, ông vẫn tiếp tục con đường cởi mở đến thập niên 80. Năm 1982, ở đại hội V, khuynh hướng bảo thủ thắng thế. Đến 1987, làm chủ tịch quốc hội, ông tiếp tục cổ động cho công cuộc đổi mới.

Trần Độ kiên trì trong quan điểm dân chủ hoá đất nước. Sau Nhân Văn, ông trở lại chiến trường. Dường như ông chỉ tạm thời lùi bước năm 1956 để tiến mạnh hơn, ba mươi năm sau. Năm 1982, trực diện với sự bảo thủ của Hà Xuân Trường trong đại hội V, Trần Độ thua cuộc, nhưng đến năm 1986, khi làm trưởng ban Văn Hoá Tư Tưởng Trung Ương, dưới sự cởi mở của Nguyễn Văn Linh, Trần Độ trở lại vai trò chủ đạo cho công cuộc đổi mới văn học.

Vậy có thể xác định: Trong vụ thanh trừng NVGP, quân đội đứng ngoài. Quân đội sạch tay hơn dân sự.

Nói như Boudarel: *"Tất cả những vấn đề cơ bản đều quy về những năm 1955-1956"*.

Như vậy, NVGP mở đầu cho tinh thần đấu tranh tự do tư tưởng, cho việc đổi mới văn học, tinh thần này không chấm dứt khi phong trào bị dập tắt, chỉ ngủ yên trong ba mươi năm rồi lại bùng lên những năm 1987- 88.

● Trần Dần, Tử Phác bị bắt

Vì hai sự kiện: *phê bình thơ Tố Hữu* và *đề nghị cải cách chính sách văn nghệ quân đội*, mà Trần Dần và Tử Phác bị kỷ luật, bị giam từ 13/6/55 đến 14/9/55.

Nhưng về mặt "chính thức", Trần Dần bị kỷ luật vì lẽ khác: về chuyện tình cảm, yêu một người con gái có đạo -Cô Khuê, vợ Trần Dần sau này- cha mẹ đã đi Nam, không được đảng cho phép cưới, tự ý bỏ trại, về với người yêu ở phố Sinh Từ và không chịu lên trình diện. Tử Phác cũng không chịu lên trình diện.

Về việc này, Boudarel có những phân tích thỏa đáng: *"Đối với Trần Dần, trận bút chiến trong ba tháng đầu năm 1955 đi đôi với sự tranh đấu không cân bằng trong Cục Chính Ủy quân đội về vấn đề lý thuyết chính trị và nhân sự, cả hai đan cài khó gỡ. Việc bản dự thảo bị hủy bỏ đối với Trần Dần là một thất bại, nhưng cũng không đau đớn bằng việc bị các bạn đồng hành bỏ rơi, chạy sang phe bên kia. Vì lý do sức khỏe, Trần Dần xin nghỉ một thời gian để thoát khỏi trại binh. Mãi không thấy cấp trên trả lời, anh tự ý bỏ trại về nhà người bạn gái ở phố Sinh Từ. Hai lần cấp trên gọi về chờ lệnh, anh đều từ chối. Bị kiểm thảo vắng mặt, và có lẽ bị trừng phạt nữa, bởi vì trong lần gọi thứ ba, anh đòi hủy bỏ những quyết định chống lại anh. Những phê phán Trần Dần phạm quân kỷ đi đôi với việc trật tự trở lại trong văn nghệ quân đội. Mãi không thấy gì mới, đến giữa tháng 5/1955, Trần Dần viết hai lá đơn xin ra khỏi đảng và ra khỏi quân đội (một cho đảng và một cho quân đội) trong đó anh trình bày những lý lẽ của mình với một sự thẳng thắn, đến độ ngây thơ lạ lùng*[37]".

Đây là lần thứ nhất Trần Dần, Tử Phác bị giam, thật ra bị cấm trại, không phải tù. Trong thời gian này, Trần Dần

---

[37] Boudarel, sđd, trang 125-126.

viết bài thơ dài *Nhất định thắng* trao bản thảo cho Lê Đạt giữ[38]. Hết cấm trại, Trần Dần và Tử Phác được về nhà, và hơn tháng sau, cả hai bị gửi đi tham gia Cải Cách Ruộng Đất tại Yên Viên, Bắc Ninh, từ 2/11/1955 đến giữa tháng 2/1956. Trong khi ấy Hoàng Cầm và Lê Đạt ra Giai Phẩm Mùa Xuân.

Tháng 1/1956, Giai Phẩm Mùa Xuân xuất hiện, đăng bài thơ *Nhất định thắng* của Trần Dần. Sách vừa phát hành, Lê Đạt bị gọi lên Tuyên Huấn để kiểm thảo. Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu.

Lê Đạt kể lại trên RFI:

"In ra được một tuần thì thấy ảnh hưởng của nó ghê gớm quá, tôi với anh Trần Dần cũng không ngờ. (...) Nhưng mà đồng thời dông bão cũng đã bắt đầu thấy xuất hiện ở trên vòm trời rồi. Hôm tôi đến Hội, tôi gặp cụ Phan Khôi. Cụ Phan Khôi bảo: "Này, gay go đấy nhé!" Tôi bảo: "Cái gì mà gay go hở cụ?" Hôm nọ Tố Hữu đến đây phê phán Giai Phẩm Mùa Xuân nặng lắm và nói rằng: "Lũ này là lũ phản động", thì tôi (Khan Khôi) có nói rằng: "Phản động hay không phản động chưa biết, cứ biết rằng người ta nói mình không bằng lòng thì mình viết, rồi để cho người ta trả lời", thì Tố Hữu nói ngay rằng: "Thừa giấy cho chúng nó viết à?" Phan Khôi bảo tôi: "Cẩn thận!" Rồi chúng tôi chia tay nhau. Lúc đó đi đâu cũng thấy người ta nói đến Giai Phẩm Mùa Xuân. Bấy giờ là gần Tết rồi và hôm ấy, vào khoảng độ 28 Tết (9/2/1956) *trên đường đi tôi gặp một người liên lạc của tôi, đang đi tìm tôi, bảo rằng: "Anh Tố Hữu có điện đi tìm anh và nói rằng mời anh lên Tuyên Huấn để kiểm thảo".*(...) *Tôi bảo với cậu liên lạc: "Bây giờ em về, em cứ nói với cơ quan là không tìm thấy anh, rồi sau Tết anh sẽ lên". Tôi nghỉ ăn Tết xong, mùng 5 Tết* (16/2/1956) *tôi lên gặp Tố Hữu. Lên, thì lúc ấy Tố Hữu ở trên gác, một anh chánh văn phòng*

---

38 Theo Hoàng Cầm, *Con người Trần Dần,* Nhân Văn số 1.

xuống gặp tôi, nói rằng: "Anh đợi một lúc, anh Tố Hữu sẽ xuống!" (...) *Trong lúc ngồi ghế đợi, tôi thấy quyển Giai Phẩm Mùa Xuân để trên bàn, bài Nhất định thắng của Trần Dần với rất nhiều câu hỏi của anh Lành (Tố Hữu) đánh bằng bút bi đỏ, ở chung quanh. Nói ghê lắm. Còn bài Mới của tôi, thì bên cạnh câu: Bay cho cao, bay cho xa, anh Tố Hữu có đề câu hỏi: Bay đi đâu? Có phải bay vào miền Nam không?* (...) *Lúc đó, anh Tố Hữu đi trên gác xuống (...) Câu đầu tiên anh nói với tôi rất lạnh lùng: "Các anh muốn gì?". Tôi hơi bực mình, tôi trả lời: "Chúng tôi chẳng muốn gì cả, chúng tôi chỉ muốn làm văn nghệ. Anh Tố Hữu này, chúng ta vẫn còn là đồng chí với nhau, cho nên anh không thể xử sự với tôi như người ngoài được. Có gì anh cứ nói một cách bình tĩnh." Lúc ấy anh Tố Hữu nghĩ thế nào, mới rút một điếu thuốc lá mời tôi và chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Câu đầu tiên mà anh Tố Hữu nói là: "Tôi rất lo cho tương lai chính trị của anh. Anh thì còn là người ở trong nội bộ, còn Trần Dần hỏng rồi. Chúng tôi đã có tài liệu rằng Trần Dần là có bàn tay của địch dúng vào. Vì anh còn là người của nội bộ cho nên chúng tôi mời anh đến đây kiểm điểm. Anh phải ở lại đây 15 ngày để kiểm điểm và để anh thấy rõ bộ mặt phản động của Trần Dần."*

Thế là tôi ở lại đấy ăn cái Tết kiểm thảo 15 hôm[39] *(...) Trong 15 ngày thì có một cuộc Hội Nghị rất lớn, hầu hết các nhân vật sừng sỏ nhất của Tuyên Huấn, nào là anh Kỉnh này, Kỉnh là Trung ương Ủy viên và là phó ban Tuyên Huấn, Nguyễn Chương này. Nguyễn Chương, anh em quen gọi là Xứ Chương, là một cán bộ kỳ cựu sừng sỏ về lý luận (sau này cuộc tranh luận giữa Xứ Chương và Nguyễn Hữu Đang trên báo được rất nhiều độc giả lưu ý). Cả thiếu tướng Lê Chưởng... nhiều, nhiều lắm. Cuộc họp rất to, mà ở bên này chỉ có tôi thôi* (cười). *Một người thì không thể nào cãi lại*

39 Tức là từ 16/2/1956 đến 2/3/1956.

được tất cả mọi người. Nhưng tôi cãi được một điểm duy nhất mà tôi có thể cãi lại, và tôi cho là đúng, đó là:" Tôi không thể nào căn cứ vào một văn bản mà kết luận một người (tức Trần Dần) *là phản động được".* (...)

Tóm lại, cuộc đấu tranh rất căng thẳng. Sau đó, tôi được thả về vì đến đấy coi như đã xong và anh Dần cũng đã bị bắt rồi. Tức là cùng lúc tôi bị gọi lên kiểm điểm ở Tuyên Huấn thì anh Dần bị bắt ở chỗ cải cách ruộng đất. Trần Dần bị bắt cùng với Tử Phác, (...) Ba hôm sau, anh Dần cứa cổ tự tử"[40].

Hoàng Cầm trong băng ghi âm cho biết:

"Ít ngày sau khi tịch thu Giai Phẩm Mùa Xuân, Tố Hữu triệu tập đại hội toàn thể các cán bộ Tuyên Huấn miền Bắc để phê bình Giai Phẩm Mùa Xuân, họp từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Trong hội nghị này, vai trò của Chế Lan Viên nổi bật. Trần Đĩnh[41] làm việc trong báo Nhân Dân, đi dự hội nghị kể lại với tôi: Tố Hữu khai mạc, Chế Lan Viên "nổ phát súng đầu tiên" lên án -không phải lên án tập sách mà lên án một bài thơ của Trần Dần thôi- rằng nó đã bôi ra một bức tranh u ám của miền Bắc. Trong khi chúng ta đang phấn khởi, tưng bừng đón chế độ mới, mà lại nói *"mưa sa trên mầu cờ đỏ"* là thế nào? Rõ là mầu cờ cách mạng. Đem quệt một cái màu hết sức u tối lên trên cờ Đảng, là bôi nhọ thành tích của Đảng, của nhân dân. Rõ ràng là một câu thơ hết sức phản động... Tiếp theo Chế Lan Viên, mọi người ào ào lên phát biểu đả kích Trần Dần..., không ai bênh vực.

Vẫn theo lời Hoàng Cầm kể lại lời Trần Đĩnh, đến 5 giờ chiều, tan họp, chỉ còn lại độ 5,7 người, Tố Hữu mới hỏi Văn Phác: *Thế bây giờ chúng nó đâu?* Văn Phác trả lời: *"Báo cáo anh, hai anh ấy*[42] *đang đi cải cách ruộng đất ở bên*

---

40 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

41 Trần Đĩnh là một trí thức bạn thân của Hoàng Cầm, Lê Đạt.

42 Trần Dần và Tử Phác

kia huyện Gia Lâm". Trần Đĩnh cũng chỉ nghe đúng sáu tiếng: *"Gọi nó về, giam nó lại!*[43].

Với thông tin của Lê Đạt và Hoàng Cầm, chúng tôi xin tạm dựng lại bối cảnh:

Trong hạ tuần tháng 2/1956 có hai đại hội quan trọng: Đại Hội Tuyên Huấn, họp từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, trong nội bộ tuyên huấn, và Đại Hội Văn Nghệ, do Hội Văn Nghệ tổ chức, 150 người dự, từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng, ở 51 Trần Hưng Đạo. Số phận Trần Dần đã được trung ương quyết định từ trước hai đại hội. Tố Hữu, Chế Lan Viên, gọi đó là *"tội phản động",* còn Lê Đạt *"tội"* nhẹ hơn, vì là người của Tuyên Huấn. Lê Đạt bị gọi lên Tuyên Huấn từ 9/2/56, nhưng đến 16/2/56 mới lên trình diện Tố Hữu và bị giữ lại kiểm thảo 15 ngày. Trong thời gian này, Tố Hữu triệu tập Đại Hội Tuyên Huấn. Đại hội này xẩy ra sau ngày 16/2, Chế Lan Viên khai ngòi tuyên cáo tội trạng Trần Dần. Nếu Hoàng Cầm kể đúng lời Trần Đĩnh, thì Trần Dần, Tử Phác bị bắt sau Đại Hội Tuyên Huấn, tức là vào hạ tuần tháng hai.

Đại Hội Văn Nghệ họp ở 51 Trần Hưng Đạo lập lại kịch bản đánh Trần Dần đã tập dượt trong Đại Hội Tuyên Huấn. Phan Khôi tham dự Đại Hội Văn Nghệ và trong bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ,* ông cảnh cáo các lãnh đạo văn nghệ như sau:

"Hội Văn Nghệ khai hội từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng để phê bình bài thơ Trần Dần, mà kỳ thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn nghệ. Hỏi độc tội một Trần Dần thôi là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hóa lũ người trong Giai Phẩm, cái ngón ấy đã thành công".

Trần Dần và Tử Phác bị bắt. Bị giam dưới hầm, Trần Dần dùng dao cạo cứa cổ, được đưa vào bệnh viện. Trần Dần

---

43 Theo băng ghi âm *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.*

viết thư cho tướng Nguyễn Chí Thanh ngày 21/2/56 và được tha ngày 5/5/56[44].

Hoàng Cầm viết trong bài *Con người Trần Dần* trên Nhân Văn số 1 như sau:

"Giai Phẩm Mùa Xuân bị kết tội, bài thơ "Nhất định thắng" bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ Việt Bắc) đã tìm cách trả thù:

Trần Dần, Tử Phác đều bị tống giam".

"Từ những ngày Tết mưa lã chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái Giai phẩm. Một không khí ngạt thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ "Nhất định thắng" bị đem ra luận tội"[45].

Nguyễn Chí Thanh đọc bài *Con người Trần Dần,* cử Lê Quang Đạo triệu Hoàng Cầm lên để giải thích. Theo lời *"thú nhận"* của Hoàng Cầm, sau khi nghe Lê Quang Đạo, ông đã viết bài đính chính rằng có nhìn thấy công lao của quân đội đối với Trần Dần, nhưng ông vẫn thêm vào đoạn cuối: "*Việc bỏ tù Trần Dần là quá đáng, đến nỗi Trần Dần phải tự tử, và tôi vẫn viết một câu đại ý: Đồng chí Tố Hữu là người phụ trách toàn bộ công tác lãnh đạo văn nghệ, phải chịu trách nhiệm về việc này"*[46]. Bài đính chính của Hoàng Cầm không đăng trên Nhân Văn.

Và đây là lời buộc tội của Tố Hữu:

"Như lời thú nhận của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc là do cái bè phái ấy sắp đặt,

---

44 Theo Boudarel, sđd, trang 46. Chúng tôi dùng thoại của Boudarel, vì tin rằng Boudarel đã thấy hoặc có tài liệu về bức thư viết ngày 21/2/56. Xin xem thêm thoại của Hoàng Cầm ở phần dưới: Tại bệnh viện, bác sĩ điện thoại cho thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông Đồng trao cho tướng Thanh giải quyết. Có thể cả hai thoại đều đúng: Tướng Thanh sau khi gặp Trần Dần ở bệnh viện đã dặn Trần Dần phải viết thư khiếu nại cho ông, để ông có thể can thiệp hữu hiệu hơn.

45 Hoàng Cầm, *Con người Trần Dần,* Nhân Văn số 1.

46 *Những lời thú nhận của Hoàng Cầm*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

để đánh vào sự lãnh đạo và đường lối văn nghệ của Đảng, đường lối phục vụ chính trị cách mạng, phục vụ công nông binh, và để đề xướng cái "điệu tâm hồn" ruỗng nát của chủ nghĩa cá nhân tư sản, mở cửa cho lối sống tự do sa đọa.(...)

Đối với chúng, đời sống trong quân đội cách mạng chỉ còn là "những sợi dây xích trói buộc phải phá mà ra". Được tiêm thêm ít nhiều chất phản động của Hồ Phong, Trần Dần gióng lên "tiếng trống tương lai" chửi cán bộ chính trị là "người bệnh", "người ròi" [dòi], *"người ụ". Cùng Tử Phác, khiêu khích những anh em khác, hắn tổ chức một cuộc đấu tranh "buộc lãnh đạo thực hiện mọi yêu cầu" của họ.*

Họ đòi thực hiện những gì? "Trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ. Thủ tiêu chế độ chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội. Thủ tiêu mọi chế độ quân sự hiện hành trong văn nghệ quân đội. Thành lập trong quân đội một chi Hội Văn Nghệ trực thuộc Hội Văn Nghệ, không qua Cục Tuyên Huấn và Tổng Cục Chính trị". Tóm lại là thủ tiêu sự lãnh đạo của Đảng và kỷ luật của quân đội đối với họ"[47].

Như vậy, có thể nói, Tố Hữu đánh theo chỉ thị, nhưng tư thù là một trong những động lực chính.

● Tố Hữu ra lệnh bắt Trần Dần

Về việc Trần Dần cứa cổ, chỉ có Hoàng Cầm kể lại, trong bài cải chính -không in- mà Hoàng Cầm nhắc đến ở trên. Trong buổi nói chuyện với RFI, ông thuật lại ít nhiều chi tiết. Đặc biệt trong hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh, đoạn ghi lời của Hoàng Cầm về việc Trần Dần, rõ hơn:

"*Hồi Hoàng Cầm cho in tập Giai Phẩm Mùa Xuân, có đăng bài của Trần Dần, Tử Phác. Tố Hữu triệu tập mấy người đến họp: Hoàng Cầm, Văn Phác (phụ trách tổ chức*

---

47 Tố Hữu, *Nhìn lại 3 năm phá hoại của nhóm "Nhân Văn-Giai Phẩm"*, *BNVGPTTADL*, nxb Sự Thật, Hà Nội 1959, trang 22-24.

Bộ Văn Hoá), Chế Lan Viên ... Tố Hữu cầm cuốn Giai Phẩm Mùa Xuân, hỏi mọi người: "Các anh thấy tập sách này thế nào?" Không ai dám trả lời, vì không đoán được ý Tố Hữu. Chế Lan Viên nhanh trí, đoán trúng ý thủ trưởng. Anh nói: "Cuốn sách đại phản động!"

Tố Hữu hỏi Văn Phác:"Hiện nay chúng nó đang ở đâu?" Văn Phác: "Thưa, các anh ấy đang đi thực tế ở Yên Viên".

Tố Hữu ra lệnh - Hoàng Cầm nhớ đúng sáu tiếng: "Gọi nó về, bắt lấy nó!"

Thế là Văn Phác làm giấy tờ để bắt Trần Dần, Tử Phác.

Và đây là lời kể của Trần Dần, Hoàng Cầm thuật lại: Chiều hôm ấy, có một cái xe ô tô nhà binh đến Yên Viên. Họ gọi Trần Dần, Tử Phác ra và lập tức bịt mắt. Trần Dần kịp thấy trên xe có lính mang súng, lưỡi lê tuốt trần.

Hoàng Cầm nói, Trần Dần là tay thần kinh rất vững. Anh ta bình tĩnh lắng nghe để đoán xem xe đi đâu. Qua một cái cầu dài. Thế là vào Hà Nội. Nhưng xe lại chạy tiếp khá lâu. Thế là đi quá Hà Nội. Đến một chỗ nào đấy, xe đỗ lại. Người ta dắt Trần Dần, Tử Phác, đi xuống một địa điểm ở sâu dưới đất - vì cứ thấy xuống nhiều bậc, xuống mãi. Đến một độ sâu nào đấy, họ dừng lại và đẩy Trần Dần vào một căn hầm, đóng cửa lại. Trần Dần nghĩ bụng, chắc bị thủ tiêu. Thủ tiêu ở đây thì ai biết được? Coi như mất tích. Anh nghĩ phải tìm cách lên được mặt đất.

Sáng ra, thấy đây là một cái hầm đào sâu dưới đất. Ánh sáng lọt xuống từ nóc hầm qua một ô cửa có chấn song, ở trên thoáng thấy có bóng một anh lính gác.

Trần Dần thấy trong hầm có một cái phản gỗ và một bình nước. Anh kéo cái phản ra chỗ ánh sáng từ trên nóc hầm rọi xuống, cởi áo ngoài, để phơi áo sơ mi trắng bên trong ra, lấy một cái mince lame trong túi, nằm ngửa lên

phản, dùng lưỡi dao cứa vào cổ cho máu phun ra ngực áo, rồi giẫy đạp ầm ĩ, cốt cho anh lính gác nghe thấy. Anh lính gác nhìn xuống thấy thế hoảng quá: Nó tự tử, phải đưa cấp cứu ngay! Một lát sau, cửa hầm mở, người ta đưa Trần Dần đi cấp cứu ở một bệnh viện gần đó. Té ra là bệnh viện Hà Đông. Ở đây, Trần Dần may vớ được một người quen bèn viết mẩu giấy nhờ đưa đến Tổng Cục Chính Trị nơi anh công tác. Nguyễn Chí Thanh lập tức đến bệnh viện và ra lệnh tha ngay cả Trần Dần và Tử Phác.

Hoàng Cầm rất phục Trần Dần. Thằng cha thần kinh rất vững. Hoàng Cầm cũng từng bị bắt giam. (Ông nghe Hoàng Hưng, định đưa tập thơ Về Kinh Bắc sang Pháp in). Ông nói: "Tôi nhát lắm, mọi tội tôi xin nhận hết" (Hết hạn tù, người ta cho ra, còn xin ở lại viết kiểm thảo. Tô Hoài cho tôi biết thế). Sợ nhất là trong tù cứ thấy tiếng phát ra đều đều không biết từ đâu: Khai thật đi! Khai thật đi! Khai thật rồi về với vợ con!

Chuyện nghe khá sợ. Một hình thức khủng bố về tâm lý. Chẳng biết Hoàng Cầm có thêm thắt gì vào sự thật không. Nhưng quả là đáng sợ. Hoàng Cầm cũng hay tưởng tượng thêu dệt thêm ra nữa[48]".

● Hoàng Cầm kể lại việc bắt Trần Dần

Trong băng ghi âm *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè*, ông kể rõ nhiều chi tiết hơn:

Việc này Trần Dần kể lại với tôi và Lê Đạt như sau: Khi ấy tao đang đi cải cách ruộng đất, tao và Tử Phác mỗi người ở một nhà. Một đêm ra ngoài Tết, vào khoảng 12 giờ khuya, tao đang ghi chép, thì thấy đèn pin lấp loá ngoài sân, rồi có tiếng quát: Trần Dần đâu? Có người sập cửa liếp, tao ra mở thì có người hỏi: Anh là Trần Dần phải không? Rồi đọc lệnh bắt, ký tên Ngô Minh Loan, cục trưởng Cục Quân

---

48 Trích *Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh*, chưa in..

Pháp. Họ bảo tao sắp hết đồ đạc vào ba lô, rồi ra sân. Ra sân thì họ bịt mắt rồi đẩy lên thùng xe, tao nghe tiếng vũ khí tuốt trần chạm nhau. Xe đi độ một lúc, thì qua cái cầu, tao đoán là cầu Yên Viên, sông Đuống. Đi lúc lâu nữa thì đến một con đường phẳng phiu, tao đoán là quốc lộ số 1, rồi qua một cái cầu rất dài, chắc là cầu Long Biên. Đi khoảng một tiếng nữa thì xe dừng, họ nhấc tao xuống, dẫn đi độ dăm phút thì bắt đầu đi xuống, chân chạm các bậc đá, khá cao, tao đếm đúng 37 bậc, vai vẫn đeo ba lô. Xuống đến nơi thì nghe họ mở xích sắt, rồi họ đẩy tao vào. Đến lúc họ tháo băng ra thì mình vẫn thấy tối mù, hai người lính đi lên, lại khoá xích lách cách. Tao nhìn tít lên cao thấy một khoảng sáng mờ độ bằng bàn tay, thỉnh thoảng có ánh đèn pin chiếu xuống, nhờ đó mà tao thấy cái hầm nhốt mình rộng độ hai mét vuông, có cái phản làm bằng hai tấm ván kê trên hai mễ gỗ, một bình nước và cái bô vệ sinh. Tao thấy mệt, nằm xuống ngũ đã. Tỉnh dậy trời đã sáng, qua cái lỗ bé tý trên đỉnh, vẫn thấy đèn pin thỉnh thoảng chiếu xuống. Tao nghĩ mãi không biết mình bị bắt vì tội gì, thằng nào bắt, mà nó giam kiểu này thì tội nặng lắm. Bấy giờ ở Phòng Văn Nghệ quân đội cũng nhiều đứa ghét mình, như loại Vũ Tú Nam, Vũ Cao... Thôi, cứ nghỉ một ngày cho thoải mái đã, tao nằm một lúc thì thấy trên lỗ ném xuống một gói, mở ra thấy hai nắm cơm, kèm gói muối. Tao thấy đói, ăn ngon lắm, lại nằm, lại nghĩ, cứ bình tĩnh, cố giữ tâm hồn thanh thản... Qua hai đêm sau, tao điểm tên những người có thể ra lệnh bắt, trong quân đội thì chỉ có thể là ông Nguyễn Chí Thanh, không thì ông Lê Quang Đạo, hay ông Lê Chưởng. Có thằng Văn Phác, là chính ủy trung đoàn lên làm trưởng Phòng Văn Nghệ nó cũng ghét tao lắm. Ngô Minh Loan chỉ là cục trưởng Quân Pháp thì ký lệnh thôi, chủ trương bắt đến từ người khác.

Chắc tại mình bướng làm bản kiến nghị 36 điều, tại thế chăng? Bây giờ phải làm sao thoát được chỗ này, phải lên

được mặt đất, chứ nằm dưới hầm, mỗi ngày nó ném cho hai lần, hai nắm cơm, không ai hỏi han gì, không ai biết ở đâu, chắc vài tháng thì chết. Đây là âm phủ rồi. Phải làm sao lên được trần gian. Nghĩ ngợi tính toán, nằm thêm một đêm nữa, sáng hôm thứ ba tao nghĩ ra: nó bắt giam thế này là tội to, mà tội to thì còn phải hỏi cung, nó không thể để cho mình chết. Nó bảo cô Khuê vợ mình là gián điệp cài lại, thì chắc nó cho mình đã đi theo địch, hay ở trong tổ chức nào của địch gài lại chăng? Vậy nó phải để cho mình sống để moi móc tài liệu. Tao mới nghĩ cách lên mặt đất bằng giả chết, bắt buộc nó phải cho lên mặt đất, giữ mình sống để còn điều tra. May trong ba lô của tao còn hộp dao cạo, có hai mince lame, một còn mới, vậy tao phải đổ máu tại đây. Tao lấy trong ba lô cái chemise trắng mặc vào, nằm thẳng trên ván, kéo hết sức da cổ ra, cắt đứt, cho máu tứa ra cái áo chemise trắng, rồi tao đập chân đập tay vào ván, thế thì trên nó quét ngay đèn pin xuống, thấy máu trên nền chemise trắng, nó nghĩ ngay tên tù này định tự tử. Quả nhiên chỉ một phút sau là cửa xích sắt mở và 2, 3 thằng xuống khiêng tao lên. Tao giả vờ chết đến nơi, xỉu đi, thế là chúng nó đưa ngay vào bệnh viện cấp cứu, Viện 103, là một trong những quân y viện lớn nhất của quân đội, cách thị xã Hà Đông 3, 4 cây số.

Tên đại đội trưởng ra lệnh cho bác sĩ cấp cứu ngay: *"Đây là một tên tội phạm tội to lắm, trên giao cho chúng tôi bảo vệ nó, mà để nó tự tử thì chúng tôi bị kỷ luật".* Tao được ưu đãi lắm, trưa hôm ấy họ cho ăn cháo gà. Nghĩ lại mình quá may, nếu không có mince lame thì làm sao lên được mặt đất. Đến chiều thì người bác sĩ trực mới lân la hỏi chuyện: *"Anh là Trần Dần chứ gì, tôi đã gặp anh ở Sơn La, anh không nhớ à?"* Lại hỏi: *"Sao anh xử sự thế này, ai bắt anh?"* Tao chỉ trả lời vắn tắt: *"Chuyện nó dài lắm, lúc khác anh em mình nói chuyện".* Anh bác sĩ kể, lúc họ đưa anh vào đây, tôi có điện thoại cho anh Phạm Văn Đồng, tôi nói: *"Thưa thủ*

tướng, tại sao anh Trần Dần đi chiến dịch Điên Biên, viết Người người lớp lớp mới đây, mà lại bị bắt, lại tự tử?" Tôi nghe đầu kia ông Đồng hét lên: *"Cái gì? Làm sao? Ai bắt?"* Rồi tôi nghe trong máy có giọng ông Nguyễn Chí Thanh, ông Thanh hơi gắt: *"Sao thế nhỉ? Sao chuyện ấy tôi lại không biết? Thôi được rồi, anh cứ để tôi giải quyết ngay lập tức"*. Thế là ông Thanh điện thoại lại Quân Y Viện, căn dặn chúng tôi là tên tội phạm to thì phải chữa cho thật khỏe lên, sáng mai 9 giờ tôi sẽ xuống bệnh viện. Hôm sau ông Thanh xuống, mang theo một nải chuối và hai cân cam, ông nói với tao: *"Anh Dần buồn cười nhỉ, tại sao lại phải tự tử? Anh là đảng viên, có gì thì phải viết thư cho tôi, phải ở trong tổ chức, nếu tôi không giải quyết được thì đề đạt lên Bộ Chính Trị, mà trên nữa còn Hồ Chủ Tịch"*. Tao trả lời: "*Nếu tôi không tự tử thì làm sao gặp được anh hôm nay?" - "Thế anh giả vờ chứ gì?" - "Vâng, tôi giả vờ, nhưng nếu không làm thế thì tôi chết ở đâu anh cũng không biết"*. Ông Thanh dịu giọng: *"Thôi nằm tĩnh dưỡng đi rồi còn về làm việc"*[49].

Thoại của Hoàng Cầm, theo ông, là do Trần Dần kể lại, chắc gần sự thực hơn cả nhưng không thấy ông nói đến việc Trần Dần viết thư cho tướng Nguyễn Chí Thanh. Vậy có thể hiểu: Khi tướng Nguyễn Chí Thanh xuống bệnh viện thăm, có thể chính ông Thanh đã căn dặn Trần Dần phải viết lá thư trần tình để ông dễ bề can thiệp. Lá thư này đã được Boudarel nhắc đến và Vũ Tú Nam sử dụng.

Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu, Lê Đạt bị kiểm thảo. Trần Dần bị kết tội phản động. Trần Dần, Tử Phác bị bắt. Sự khủng bố trở nên công khai nhưng cũng mở màn cho một phong trào đấu tranh cho dân chủ rộng lớn hơn, nửa năm sau. Vậy nội dung Giai Phẩm Mùa Xuân chứa đựng những gì?

---

[49] Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Chương 3

Giai Phẩm Mùa Xuân

Giai Phẩm Mùa Xuân do Hoàng Cầm và Lê Đạt chủ trương. Hoàng Cầm trong bài *Con người Trần Dần*[50], và sau này, trả lời phỏng vấn RFI, đều xác nhận Trần Dần không biết gì về việc in bài thơ *Nhất định thắng* vì lúc đó đang tham gia Cải Cách Ruộng Đất ở xa. Có lẽ là để gỡ tội cho Trần Dần. Sự thực Trần Dần có tham gia Giai Phẩm Mùa Xuân: Sau khi bị bắt lần thứ nhất, bị cấm trại 3 tháng, Trần Dần và Tử Phác bị gửi đi tham gia Cải Cách Ruộng Đất. Trong lời *"thú tội",* Trần Dần viết: *"Sau thời gian đó, trên có cho tôi đi tham quan cải cách ruộng đất để tự cải tạo. Song, tôi lại dựa vào cái thế tham quan, cứ đi lại Hà Nội, tiếp tục quan hệ với một người vợ chưa được phép. Hơn nữa lại quan hệ với Hoàng Cầm, Lê Đạt, ra Giai Phẩm Mùa Xuân. Tuy là họ đề ra, song sau khi thống nhất trước với nhau là: "Tự do lấy bài tôi đưa vào", thì tôi hoàn toàn đồng tình. Mỗi lần gặp lại thúc đẩy, dục dã, ra cho nhanh. Việc tập hợp bài vở, tôi không rõ chi tiết. Bài Lão Rồng là do tôi viết. Tôi ví đồng chí Văn Phác như tên lý trưởng đã chà đạp Lão Rồng*[51]*"*.

Lê Đạt cũng xác định việc chủ trương và tổ chức Giai Phẩm Mùa Xuân như sau: *"Trần Dần ra rồi, chúng tôi mới*

---

50 In trên Nhân Văn số 1, 8/1956.

51 Trần Dần, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ, số 12, tháng 5/58, trg 60.

nghĩ đến chuyện này: bây giờ làm sao mà in được một tập thơ, trái với nguyên tắc lúc bấy giờ - nguyên tắc bấy giờ là tất cả các bài đều bị kiểm duyệt. Tôi chủ trương tập này phải là một tập tự do sáng tác hoàn toàn, tức là mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm về bài của mình và không có kiểm duyệt gì cả. Tôi có bàn với Dần, Cầm, với Văn Cao, Tử Phác và mấy anh hội họa nữa là Sỹ Ngọc và Nguyễn Sáng. Lúc đó thì chưa tìm được chữ gì hay lắm. Tôi cũng không thích chữ Giai Phẩm tại chữ Giai Phẩm có vẻ Tự Lực Văn Đoàn, nghe chữ ấy nó sang trọng quá tôi không thích. Nhưng lúc đó anh Minh Đức và anh Đang đều thích chữ ấy. Trước tôi định cái tít là "Thơ năm người", nhưng mọi người bảo thế là "gây sự" quá, thì sau cũng đành lấy chữ Giai Phẩm[52]*".*

Căn cứ vào các sáng tác trong Giai Phẩm Mùa Xuân, ta có thể xác định: Giai Phẩm Mùa Xuân là giai phẩm đầu tiên ở Bắc, sau cách mạng tháng Tám, đáp ứng hai đòi hỏi: tự do sáng tác và đổi mới văn học do Lê Đạt, Hoàng Cầm chủ trương, với sự cộng tác của Trần Dần, Văn Cao, Tử Phác...

Giai Phẩm Mùa Xuân chuyên về thơ. Tất cả có 9 bài thơ - Lê Đạt ba, Hoàng Cầm hai, Văn Cao, Nguyễn Sáng, Phùng Quán, mỗi người một và *Nhất định thắng* của Trần Dần. Ngoài ra, có truyện ngắn *Sổ tay* của Sỹ Ngọc và truyện phiếm *Lão Rồng* của Trần Dần.

Về hình thức, thơ trong Giai Phẩm Mùa Xuân khác với Thơ Mới: câu dài, ngắn, không đồng đều; nhịp điệu phóng khoáng; có thể nói đây là giai phẩm thơ đầu tiên thể hiện thơ hiện đại không vần ở miền Bắc.

Sáng tác trong Giai Phẩm Mùa Xuân có ba hướng:

- *Khuynh hướng tuyên truyền cách mạng:* Cổ động cho chính sách Cải Cách Ruộng Đất: Chống địa chủ, cường hào ác bá, đề cao cách mạng (*Mùa xuân đến rồi đây* của Hoàng Cầm); thơ chiêu hồi gửi miền Nam (*Thơ qua đài phát thanh*,

---

52 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

Hoàng Cầm); thơ đề cao chiến thắng và công lao của Đảng (*Hoa đào vẫn nở*, Nguyễn Sáng); thơ kiến thiết đất nước, xây dựng xã hội mới (*Mỗi ngày mỗi lớn - Gửi kế hoạch nhà nước 1956*, Lê Đạt); thơ ca tụng công nhân quét đường (*Thi sĩ và công nhân*, Phùng Quán); văn tả cảnh đói khổ của người lao động, sự bóc lột của địa chủ, nhưng nhờ ánh sáng của Đảng, từ nay, trời sẽ *"trong sáng vĩnh viễn"* (*Sổ tay,* Sỹ Ngọc).

- *Khuynh hướng vừa chống vừa theo*: Trần Dần (*Nhất định thắng*).

- *Khuynh hướng chống đối và đòi tự do sáng tác*: Văn Cao (*Anh có nghe thấy không*) và Lê Đạt (*Làm thơ* và *Mới*).

● Thơ Hoàng Cầm

Tiểu biểu cho khuynh hướng đầu tiên là thơ Hoàng Cầm. Là một trong những người xây dựng nên phong trào, nhưng khác với Trần Dần và Lê Đạt, hai nhà thơ trẻ, Hoàng Cầm thuộc lớp đàn anh, đã có vị trí vững vàng trên nhiều địa hạt văn nghệ. Trái với Tố Hữu, được coi là chủ soái dòng thơ cách mạng, ca tụng Bác và Đảng, Hoàng Cầm là nhà thơ dân tộc. Từ Bắc chí Nam, trước và sau 1954, thơ Hoàng Cầm được mọi người yêu mến. Hoàng Cầm cũng làm thơ tuyên truyền, nhưng tuyên truyền cho lòng yêu nước, rất ít những câu ca tụng đảng, ca tụng lãnh tụ. Ông giữ được ngòi bút độc lập, có uy tín đối với quần chúng.

Vì vậy, không phải tình cờ mà Nguyễn Hữu Đang, khi ra Nhân Văn số 1, đã hết sức vận động Hoàng Cầm và nhờ Hoàng Cầm viết bài bênh vực Trần Dần: Bởi trong nền thi ca cách mạng, chỉ Hoàng Cầm mới có đủ tư thế văn học để đương đầu với Tố Hữu lúc bấy giờ.

Hoàng Cầm cùng với Lê Đạt tổ chức Giai Phẩm Mùa Xuân, nhưng thơ ông trong Giai Phẩm Mùa Xuân, còn rất hiền lành, nếu không muốn nói là vẫn theo đường chính

thống, không có tính cách quyết liệt như thơ Văn Cao, không tố giác như thơ Trần Dần và cũng không đòi đổi mới thi ca như thơ Lê Đạt.

Bài *Mùa xuân đến rồi đây* theo đúng chính sách Cải Cách Ruộng Đất lúc bấy giờ, nói lên nỗi khổ của người dân trong bảy mươi năm nô lệ, đói khổ, dưới sự thống trị của bọn "*địa chủ cường hào ác bá*", nhưng rồi cách mạng thành công đem lại ấm no, công bằng, hạnh phúc:

Bẩy mươi mùa xuân không xuân
Bảy mươi năm cùng tháng tận
Dòng sông Nhị ơi! Con cò lận đận
Bãi ngô dài cát trắng
Lòng sông cuốn nặng
Phù sa
Nước mắt mẹ con ta
Chảy ra ngoài biển rộng
Réo lên đầu sóng
Đùn đùn mây đen
Mưa lọt mái nhà rách thủng.
Mưa thốc xuống tàu chuối khô
Ướt đẫm manh tải
Mẹ con nằm trong đêm mưa
Nằm trong nước mắt đỏ như máu
Nằm trong nước sông đầy bùn nhơ
Dòng sông Nhị ơi! Lúa mượt hai bờ
Địa chủ đứng trên đê
Mắt ngầu hổ dữ ...

Sau khi duyệt lại những năm tháng tối tăm cùng khốn đói khổ, bị đàn áp, Hoàng Cầm ca tụng mùa xuân trở về -cách mạng thành công- mang lại ấm no, công bằng:

Dòng sông Nhị ơi! Mùa xuân đến rồi đây
Mẹ con được chia: hai gánh thóc đầy[53]

---

53 Mùa xuân đến rồi đây

"Thơ qua đài phát thanh" là bài thơ gửi *"người em"* bên kia vĩ tuyến, người yêu hiện đang ngâm thơ trên đài Sài Gòn, trong khi Hoàng Cầm ngâm thơ trên đài Hà Nội, bài thơ có những câu rất lãng mạng:

Tôi tìm Em trên sóng điện bao la
Thơ đã đứng lên, vút đi, cao lớn
Ống nói như môi em chờ đón
Trầm ngâm, ấp một nụ cười
Tôi sung sướng truyền thơ tôi
Cho những Người yêu khắp nước

Tóm lại, trong Giai Phẩm Mùa Xuân Hoàng Cầm mới chỉ thử nghiệm mấy câu thơ không vần, tinh thần cách mạng, chưa đả động đến những vấn đề gai góc như tự do tư tưởng, tự do sáng tác, chưa có câu thơ nào *"bôi đen"* chế độ.

● Trần Dần

Trần Dần đưa ra một nhân vật kỳ quái trong truyện ngắn *Lão Rồng,* một bần nông say rượu bét nhè, nhưng là một *"nhà sáng tác",* chuyên làm những bài vè phạm thượng, chế giễu, từ bọn sư mô đến lũ tai to mặt lớn trong làng. *Lão Rồng* vừa *"sáng tác"* xong một bài vè là đã có bọn con nít lập tức "*xuất bản và phát hành".* Cuối cùng lão bị người ta lập mưu đánh chết.

Truyện ngắn *Lão Rồng* mở đầu phong cách đổi mới tư tưởng trong văn xuôi miền Bắc. Ngòi bút sắc sảo của Trần Dần đã chọc thủng những cấm kỵ, để lộ sự khao khát tự do của con người cùng khốn.

Bài thơ *Nhất định thắng* là tác phẩm chính của ông trong thời kỳ NVGP, giọng anh hùng ca, phản ánh tính mâu thuẫn trong tư tưởng tác giả. Trần Dần lồng bi kịch cá nhân -yêu người con gái ở phố Sinh Từ- trong bối cảnh chung của đất nước sau hiệp định Genève:

Miền Bắc nghèo đói, thất nghiệp "*Anh bước đi không thấy phố không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ*". Miền Nam dưới gót dày của *"giặc": "Ở miền Nam có tên giặc họ Ngô, tài của hắn là Khuyển Ưng của Mỹ"*. Nhưng chúng ta *"Nhất định thắng",* đất nước sẽ thống nhất: *"hàng triệu tâm hồn, đã bỏ miền Nam ra Bắc",* và *"kẻ thù"* -nghèo đói, Ngô, Mỹ- sẽ phải thua: *"bọn Mỹ Diệm ôm đầu sợ hãi"*. Rồi trời lại xanh: *"Anh bước đi đã thấy phố đã thấy nhà, không thấy mưa sa, chỉ thấy nắng lên, trên màu cờ đỏ"*.

♦ Nhất định thắng, như một bài thơ tuyên truyền

Đây là đoạn mở đầu:

Tôi ở phố Sinh Từ:
Hai người
Một gian nhà chật.
Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui?
Tổ Quốc hôm nay
tuy gọi sống hoà bình
Nhưng mới chỉ là năm thứ nhất
Chúng ta còn muôn việc rối tinh...
Chúng ta
Ngày làm việc, đêm thì lo đẫy giấc
Vợ con đau thì rối ruột thuốc men
Khi mảng vui - khi chợt nhớ - chợt quên
Trăm cái bận hàng ngày nhay nhắt,
Chúng ta vẫn làm ăn chiu chắt.
Ta biết đâu bên Mỹ Miếc tít mù
Chúng còn đương bày kế hại đời ta?
Người ta nói thằng Ngô con đĩ
Ở miền Nam có tên giặc họ Ngô
Tài của hắn là: Khuyển Ưng của Mỹ
Bửu bối gớm ghê là: một lưỡi đao cùn
Hắn nhay mãi cố xẻ đôi Tổ Quốc.

Tác giả trình bày cảnh đói khổ của miền Bắc, nhưng thầm ngụ ý Mỹ Diệm mới là nguồn cơn của mọi đớn đau: "*Em ơi, Em có biết đâu, Ta khổ thế này, Vì sao? Em biết đâu, Mỹ Miếc, Ngô Nghê gì?"*. Khi chửi Ngô Đình Diệm, Trần Dần có những câu sắt máu: *"Hắn thét lên ộc máu mũi máu mồm", "Đất trời sâu / đương vẩy máu / đuổi theo chân hắn. Hắn run sợ - Quỳ xin đã muộn! / Dù đêm khuya, bóng tối đặc ngầu ngầu / Máu vẫn đỏ / trúng đầu trúng mặt / Tên tội nhân kia! / Lịch sử vang tên mày!"*

Bài thơ kết thúc có hậu: *"Em có thấy bay trên trời xanh / Hàng triệu tâm hồn / Họ đã bỏ miền Nam ra Bắc! / Chúng đem súng mà ngăn / Đem dây mà trói! / Giữ thân người không giữ được nhân tâm / Người Nam gửi tâm hồn ra Bắc cả / Bọn Mỹ Diệm ôm đầu sợ hãi / Đổ lên chúng nó / Mây đen / lửa loạn / bão thù"*.

Và khi *"ta"* đã toàn thắng: *"Anh bước đi / đã thấy phố thấy nhà / Không thấy mưa sa / Chỉ thấy nắng lên / trên màu cờ đỏ"*. Người dân phố Sinh Từ đóng cửa xuống đường đi mít tinh: *"Vung cờ đỏ hát hò vỡ phổi"*.

Đó là một bài anh hùng ca theo lối cách mạng, có nhiều câu tuyên truyền rập thông tin nhà nước. Thực ra, tháng 4/1955, khi Trần Dần viết *Nhất định thắng*, Mỹ chưa vào miền Nam. Ngô Đình Diệm mới về, chỉ là thủ tướng, đang lo dẹp Bình Xuyên, Hoà Hảo, chưa thật sự nắm quyền và chưa có chính sách chống Cộng triệt để như sau này. Ngày 23/10/1955, ông mới tổ chức cuộc trưng cầu dân ý truất phế Bảo Đại. Vì vậy, bài *Nhất định thắng*, trong bối cảnh lúc bấy giờ, là một bài thơ *"hai hàng"*.

Cho nên, khi Chế Lan Viên buộc tội Trần Dần phản động, chống Đảng, ông chứng tỏ mình là tay sai đắc lực của Tố Hữu.

Và khi Hoài Thanh viết: *"Toàn bài của Trần Dần toát ra một sự hằn học sâu sắc đối với chế độ tươi sáng ở miền*

Bắc, đối với sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, thống nhất của nhân dân ta. Tôi không kết luận về người. Tôi chỉ căn cứ vào bài văn. Tự nó, bài "Nhất định thắng" trong lời và chữ của nó, chứa đựng những tư tưởng phản động, đứng về phía địch chống lại nhân dân ta, chống lại cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Trong nền văn nghệ chúng ta đầy tin tưởng ở hiện tại và tương lai của chế độ, của dân tộc, bài "Nhất định thắng" của Trần Dần thật đúng như lời đồng chí Nguyễn Tuân nói, là một thứ mụn lở trên một cơ thể lành mạnh[54]*".* Viết như vậy, Hoài Thanh không còn đứng ở cương vị một nhà phê bình, dựa trên văn bản để xét, mà ông đã xuyên tạc, nói ngược lại ý nghiã của bài thơ.

Thế nhưng chính Trần Dần cũng lại viết trong bài *"tự thú"* như sau:

"Bài Nhất định thắng sinh ra trong cái nôi những tư tưởng chống đối như thế. Dưới chiêu bài "phát hiện mâu thuẫn xã hội", "chống công thức, tìm cái mới", bài Nhất định thắng bôi đen miền Bắc. Thất nghiệp hàng ế, đi Nam, hai năm không thống nhất được v.v... và cái điệp khúc "mưa sa trên màu cờ đỏ" nó nhấn mạnh: "Đảng là nguyên nhân của cái xã hội thê thảm này." Những sự quy kết khác ép cho địch, thực chất chỉ là chiêu bài. Có những câu đả kích cán bộ chính trị "nhà chính trị lắm mưu trong bụng" về sau in xoá đi. Bài Nhất định thắng là một cuộc đánh thẳng vào tư tưởng của Đảng, trắng trợn và hung hăng[55]*".*

"Thú nhận" như thế tức là đã hoàn toàn chấp nhận luận điệu của các ông Chế Lan Viên, Hoài Thanh, hoàn toàn nhận lỗi chống chế độ về mình. Mà thực tế văn bản đâu phải thế? Tại sao? Vậy có thể hiểu trong bối cảnh trù dập của lớp học Thái Hà, Trần Dần đã phải thú nhận tất cả mọi *"tội",* kể cả những tội không phải của mình, ví dụ như *"chống công thức,*

---

54 Hoài Thanh, *Vạch trần chất phản động của bài Nhất định thắng của Trần Dần*, Báo *Văn nghệ,* Hà Nội, số 110 (1.3.1956), Lại Nguyên Ân sưu tầm.

55 Trần Dần, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ, số 12, tháng 5/58, tr. 60.

tìm cái mới" là *"tội"* của Lê Đạt. *Nhất định thắng* không thể "*là một cuộc đánh thẳng vào tư tưởng của Đảng, trắng trợn và hung hăng"* như Trần Dần đã tự xác nhận.

Tóm lại xung quanh bài *Nhất định thắng* có ba vấn đề:

- Tính mâu thuẫn trong tư tưởng Trần Dần
- Việc bắt buộc phải nhận tội dưới áp lực của Đảng.
- Bi kịch Trần Dần.

♦ Nhất định thắng, như một tác phẩm văn học

Nhất định thắng trước hết là một bài thơ tuyên truyền, nhiều câu khẩu hiệu, có lẽ vì thế mà cả Hoàng Cầm lẫn Phan Khôi, hai người cực lực bênh vực Trần Dần, đều không cho *Nhất định thắng* là một bài thơ hay.

Nhưng nếu cắt những đoạn tuyên truyền máu mê thô thiển đi, như Hoàng Văn Chí đã làm thì *Nhất định thắng* trở thành một *tác phẩm văn học giá trị*. Bởi khi đem bi kịch riêng lồng vào lịch sử, Trần Dần đã có những câu thơ thật xúc động:

Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ
Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
- Anh ạ!
họ vẫn bảo chờ...
Tôi không gặng hỏi, nói gì ư?
Trời mưa, trời mưa
ba tháng rồi

em đợi
Sống bằng tương lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi
Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã...
Em đi
trong mưa
cúi đầu
nghiêng vai
Người con gái mới mười chín tuổi

Khi nói đến tình trạng thất nghiệp ở miền Bắc, Trần Dần có những hình ảnh thơ mộng và nhức nhối:

Gặp em trong mưa
Em đi tìm việc
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về
- Anh ạ,
họ vẫn bảo chờ...
Tôi không gặng hỏi, nói gì ư?
Trời mưa, trời mưa
ba tháng rồi
em đợi
Sống bằng tương lai
Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi
Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã...
Em đi
trong mưa
cúi đầu
nghiêng vai
Người con gái mới mười chín tuổi.

Khi nói đến nghịch cảnh chia đôi đất nước, Trần Dần có những lời thiết tha, đòi đoạn:

Tôi đã sống rã rời cân não
Quãng thời gian nhưng nhức chuyện đi Nam
Những cơn mưa rơi mãi tối sầm

Họ lếch thếch ôm nhau đi từng mảng
...
Tôi nức nở giữa trời mưa bão.
Họ vẫn ra đi.
- Nhưng sao bước rã rời?
Sao họ khóc?
Họ có gì thất vọng?
Đất níu chân đi
gió cản áo bay về
Xa đất Bắc tưởng như rời cõi sống
...
Trời vẫn quật muôn vàn tảng gió
Bắc Nam ơi, đứt ruột chia đôi
Tôi cúi xuống
quỳ xin mưa bão
Chớ đổ thêm lên đầu họ
Khổ nhiều rồi!"

Chính những câu thơ hay này đã khiến *Nhất định thắng* sống mãi trong lòng người dân miền Nam. Toàn bài phản ánh tâm sự mâu thuẫn của Trần Dần về tình hình đất nước, vừa nói lên cái khổ của người dân Bắc dưới chế độ cộng sản: *tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà...* nhưng lại mong miền Bắc thắng trong việc thống nhất đất nước. Hoặc khi nói về màu cờ: Trần Dần vừa thấy *"mưa sa trên màu cờ đỏ",* nhưng lại cũng thấy *"nắng lên đỏ phố đỏ cờ", "cờ bay đỏ phố đỏ nhà",* và có lúc ông còn *"cầm cờ đỏ hét hò vỡ ngực".*

Phần dở là những câu, những đoạn gợi căm thù: *"Hôm nay hàng triệu mối thù sâu / Tới đập cửa lão già Ngô đòi mạng / Vung đao cùn chém phải quãng trời không".*

Phần hay là những đoạn nhân bản, nói lên những đau đớn của người dân đói khổ, thất nghiệp, ở Bắc; của người dân lìa bỏ quê cha đất tổ, đi Nam, và mong một ngày sẽ có

hiệp thương, thống nhất, để hai miền cùng đọc tác phẩm và như thế độc giả sẽ tăng lên gấp bội.

Hoàng Văn Chí khi in *Nhất định thắng* trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, đã cắt những câu, đoạn, những lời sắt máu, oán thù, khiến bài thơ hay hơn, nhân bản hơn. Nhưng việc cắt xén này làm thay đổi ý nghĩa của bài thơ và lập trường chính trị của Trần Dần năm 1956, làm cho *Nhất định thắng* trở thành một tác phẩm chống cộng, được chính quyền miền Nam trưng dụng như một biểu tượng *"tố cộng"*. Và chính quyền miền Bắc dựa vào đó để buộc tội Trần Dần.

Bi kịch của nhà thơ là tác phẩm của ông, đã bị/được, bên này, bên kia gán cho những ý nghĩa không có trong văn bản, sử dụng để tung hô hay buộc tội. Độc giả miền Bắc, năm 1956, theo lời Lê Đạt, khi đọc *Nhất định thắng*, cũng chỉ giữ lại những câu hay nhất: *"Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà, chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ"*. Bởi nó đã nói lên được tâm sự của con người sống dưới chế độ cộng sản. Hậu thế sẽ nhớ đến Trần Dần qua hai câu thơ kiệt tác đó.

● Thơ Văn Cao

Hai tác giả đích thực *"có vấn đề"* trong Giai Phẩm Mùa Xuân phải là Văn Cao và Lê Đạt, bởi họ đã nói đến thực chất của chế độ, đòi quyền tự do tư tưởng, tự do sáng tác, và chủ trương đổi mới văn học. Với bài *Anh có nghe thấy không* Văn Cao nói đến sự bế quan toả cảng tinh thần trong chế độ cộng sản, đến khát vọng tự do của con người:

Cửa đóng lại từ chín giờ
Không một cuốn sách chờ đợi (...)
Tất cả hướng về biển
Bọt cứ tan trên bãi cát xa
Mà cửa bể vẫn im lìm chưa mở
Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật

Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả
Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống
Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bẻ cổ bẻ chân đeo tội ác cho người
Chúng nó còn ở lại
Trong những tủ sách gia đình
Ở điếu thuốc trên môi những em bé mười lăm (...)
Chung quanh còn những người khôn ngoan
Không có mồm
Mắt không bao giờ nhìn thẳng (...)
Anh có nghe thấy không
Chỗ nào cũng có tiếng
Chưa nói lên
Những người của chúng ta
Đang mờ mờ xuất hiện
Le lói hy vọng
Trên những cánh đồng lầy
Nghìn năm cũ phủ mất nhiều giá trị
Đốt nghìn kinh chưa thắp sáng cuộc đời
Vào một cuộc đấu tranh mới
Với những người không phải của chúng ta
Anh có nghe thấy không
Vào một cuộc đấu tranh mới
Để mở tung các cánh cửa sổ
Mở tung các cửa bể
Và tung ra hàng loạt hàng loạt
Những con người thật của chúng ta

Giọng Văn Cao nhẹ nhàng, nhưng ý thơ quyết liệt: đòi tự do, lên án sự bưng bít của chế độ và kêu gọi mọi người đứng dậy tranh đấu đến cùng. Những lời đầu, mở vào không

gian kín mít, không gian nghẹt thở sau khi cách mạng thành công:

Cửa đóng lại từ chín giờ
Không một cuốn sách chờ đợi
Dù những ngôi sao đang nở trên trời
Dù đêm mùa xuân bắt đầu trở lại

Đó là thứ không khí thiết quân luật. Cửa đóng. Không có sách hay không còn sách. Mặc dù sao -*vàng*- lấp lánh trên trời. Mặc dù mùa xuân đã đến. Mọi con mắt đều hướng ra biển -*về phía tự do*- nhưng cửa biển vẫn im ỉm đóng:

Tất cả hướng về biển
Bọt cứ tan trên bãi cát xa
Mà cửa bể vẫn im lìm chưa mở

Giọng ôn hoà nhưng không kém phần khắc hạch, Văn Cao trỏ thẳng bọn gian thần, bọn dốt nát, bọn kìm kẹp văn hoá tư tưởng, mắng và đuổi, khi nào "*chúng nó*" còn đây thì:

Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả

Chúng nó là ai? Nhà thơ trả lời: "Chúng là:

Những con người không phải của chúng ta
Vẫn ngày ngày ngang nhiên sống
Chúng nó còn ở lại
Trong những áo dài đen nham hiểm
Bẻ cổ bẻ chân đeo tội ác cho người".

"Chúng nó", bọn áo thụng, len lỏi khắp nơi, từ trong tủ sách gia đình đến điếu thuốc trên môi đứa bé mười lăm, quẩn trong bước chân người con gái. *"Chúng nó"* nấp trong mọi lứa tuổi, mọi từng lớp xã hội, *"chúng nó"* trà trộn vào đời sống hàng ngày, làm ô uế không gian, lũng đoạn thời gian. Sách cũ, sách mới đem bán cân giấy lộn, đến cả những bài

thơ mới nhất của *Anh*. Những kẻ *"khôn ngoan"* thì ngậm miệng *"mắt không bao giờ nhìn thẳng"*.

Nhưng *Anh,* người nghệ sĩ tự do, *Anh có nghe thấy không?*

Bọn chúng đã *"đốt nghìn kinh chưa thắp sáng cuộc đời"*.

Còn *Anh*, anh phải bước vào *cuộc đấu tranh mới*: *mở tung các cửa bể*, và anh phải tung ra *những con người thật của chúng ta*, để thay thế *"chúng nó",* những con người giả.

Thơ Văn Cao là nộ khí trầm lặng của một *nghệ sĩ* bị giam hãm tư tưởng, của một *kẻ sĩ* can trường hạch tội gian thần. Giọng nhẹ nhàng nhưng tha thiết kêu gọi mọi người đứng lên đấu tranh cho tự do tư tưởng. Văn Cao là một *nghệ sĩ* và cũng là một *kẻ sĩ*.

Nhưng lạ lùng là cả triều đình và bọn nịnh thần không ai dám động đến Văn Cao. Chẳng lẽ họ không hiểu? Kể cả những người lắm chữ như Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi?

Dĩ nhiên là họ hiểu. Nhưng bởi Văn Cao là một tài năng lớn, trên tất cả *"chúng nó"*. Văn Cao là tác giả quốc ca. Chính bài quốc ca đã đỡ đòn cho Văn Cao trong toàn bộ hành trình Nhân Văn Giai Phẩm.

● Thơ Lê Đạt

Lê Đạt là nhà thơ trẻ chưa có tên tuổi gì khi chủ trương Giai Phẩm Mùa Xuân, nhưng đường lối tranh đấu của Lê Đạt đã rõ ràng qua hai bài: *Làm thơ* và *Mới*.

Bài *Làm thơ* nói lên tâm trạng và hoài bão của một nhà thơ trẻ, trước tình thế đất nước:

Đêm khuya
Bóng đầu anh
Hằn lên trang sách nhỏ
Như bóng hàng cây
quặn gió

Lắng xuống mặt đường
Giông bão mênh mông
Anh nhìn Tổ quốc
Đất nước đêm nay trĩu đầu ngòi bút
Hàng vạn vần thơ mang nặng tình người
Anh nghe tiếng đất trời
Xao động lùm cây ngọn cỏ
Như hiệu thính viên
Đêm không ngủ
Ghi những lời cuộc sống
điện về
Những tiếng nặng nề
Những tiếng cục cằn uất ức
Những tiếng căm thù chua xót
Những tiếng yêu thương

Lê Đạt tự coi mình như một *hiệu thính viên* lắng nghe tất cả những *tiếng* đau thương do người đồng loại *điện về* và thầm kín nói lên tham vọng "*Anh nghe tiếng đất trời"* như một lãnh tụ. Năm 1956, với những câu thơ như:

Ghi những lời cuộc sống
điện về,

hoặc*:*

Óc anh là một công trường,
mỗi dòng thơ là một cây số mới,

hoặc:

Một tiếng súng tương lai
nổ vào đầu dĩ vãng

Lê Đạt là người đầu tiên làm *thơ hiện đại* ở miền Bắc, đã thực sự đưa ra cách suy nghĩ, cách tạo hình và kiến trúc tư tưởng rất mới. Trước đó có Nguyễn Đình Thi với bài *Đất nước*, nhưng ý thơ Nguyễn Đình Thi còn nằm trong không gian lãng mạn.

Lê Đạt còn là người đầu tiên đặt vấn đề *nhà văn dấn thân - écrivain engagé*: nhà văn không thể làm ngơ trước những khó khăn của dân tộc, của con người và của cuộc sống. Sự dấn thân này là tự thân Lê Đạt, không do ảnh hưởng của JP Sartre, vì năm 1956, ông chưa đọc Sartre và cả sau này ông cũng không mấy chú ý đến tư tưởng của Sartre.

Tóm lại, Lê Đạt là người có hoài bão chính trị cho dân tộc ngay từ những bước thơ đầu, khác hẳn với Trần Dần là nhà thơ *"nổi loạn"* chống lại mọi áp bức bó buộc bản thân, nhưng không có mục đích tranh đấu chính trị cho quốc gia dân tộc. Lê Đạt xác định một lần nữa, bản chất và nhiệm vụ của một *nhà thơ dấn thân*, phải đi vào cuộc sống, phải tìm cách thay đổi xã hội, xây dựng lại con người:

Người làm thơ nắng mưa thiêu đốt
ăn nằm với cuộc đời
Thai nghén đất trời
sinh ra sự sống (...)
Như người thợ
chui xuống lòng hầm mỏ
Moi than moi lửa
đốt sáng cuộc đời
Anh muốn Đảng gọi anh đến nơi
hội ý về cuộc sống
Điều động anh vào
bộ Tâm Hồn quần chúng
Giúp Trung Ương
xây dựng
những con người
Từng từng giọt mồ hôi
đẫm bản đồ chính sách
Anh mở lối giữa cuộc đời ngóc ngách
Óc anh là một công trường
Mỗi dòng thơ là một cây số mới

Trên con đường đi tới
xã hội
ngày mai
Một tiếng súng tương lai
nổ vào đầu dĩ vãng
Anh vác bút đi theo Đảng
xông lên hàng đầu

Năm 1956, khi chủ trương Giai Phẩm Mùa Xuân, Lê Đạt vẫn còn làm việc ở Tuyên Huấn, cạnh những cột trụ Trường Chinh, Tố Hữu. Lê Đạt chưa thể tách rời khỏi Đảng. Đoạn kết bài *Làm thơ* có những câu tỏ ý ông vẫn tin tưởng vào Đảng, một Đảng sẽ lành mạnh hơn, biết đặt văn nghệ sĩ vào những vị trí xứng đáng để họ có thể nhả tơ xây dựng lại đời sống con người. Đó là chiến lược của chính trị gia Lê Đạt, hay niềm tin của nhà thơ Lê Đạt? Khó biết.

Tố Hữu nhìn thấy những *"nguy cơ"* trong bài thơ thứ nhì của Lê Đạt, bài *Mới*, như một lời tố cáo, mạnh mẽ và quyết liệt của lớp đảng viên trẻ, muốn đổi mới văn học, muốn *"đập cánh bay lên",* muốn chống lại *"bao nhiêu gồng xiềng tập quán / cột lấy bước chân",* muốn chống lại những thành phần kỳ cựu đã sống quá lâu, trở thành những *ông bình vôi*, khép kín trong công thức, bị xỏ dây vào mũi:

Tôi mới hai mươi lăm tuổi
Chung quanh tôi bao cuộc đời mệt mỏi
Thất bại cúi đầu
Công thức xỏ giây vào mũi
Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Ỳ như một chiếc bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại
Tôi đã sống rất nhiều ngày thảm bại
Khôn ngoan không dám làm người
Bao nhiêu lần tôi không thực là tôi

Lê Đạt nhìn quanh: một xã hội *"công thức giả tạo",* với những *ông bình vôi* hủ lậu kéo dài cuộc sống và nhìn lại chính mình, còn trẻ, nhưng đã tự đánh mất mình, vì *"khôn ngoan",* nên *không dám làm người!* Cuối cùng nhà thơ mạnh dạn đứng lên hô hào đổi mới toàn diện thi ca, xã hội và con người:

Mới Mới!
Luôn luôn Mới
Bay cho cao
Bay cho xa
Trên những vết già nua cũ kỹ
Trên lề đường han rỉ
Vượt ngày hôm nay
Vượt ngày mai, ngày kia,
Vượt mãi

Tố Hữu khó chịu nhất những câu thơ này, có thể coi là bản tuyên ngôn, là lời kêu gọi của Lê Đạt cho một *đường hướng sáng tác mới* vượt trên lối mòn cũ của các bậc đàn anh Xuân Diệu, Tố Hữu. Thấy sự nghiệp thi ca cách mạng của mình có thể bị chao đảo, sẵn quyền uy trong tay, Tố Hữu đã thẳng tay triệt hạ mầm mống nổi loạn đòi thay đổi cục diện văn nghệ, đòi *"chôn đàn anh"* của nhà thơ trẻ.

● Phục xuống mà sáng tác

Theo Hoàng Cầm, sau khi Giai Phẩm Mùa Xuân bị phê phán, Trần Dần Tử Phác được về rồi, chúng tôi vẫn họp nhau ở phòng trà Phúc Châu: Văn Cao, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng. Một hôm, bàn nhau: mình mới ra được Giai Phẩm Mùa Xuân, chỉ mới hoe hoe lên gọi là đổi mới một chút, mà nó đã đánh như vậy, liệu mình có chịu được không? Đéo thằng nào chịu được chuyện phê phán như thế, tức là chính quyền nó không cho mình ra một tờ báo nào hết. Thế thì Văn Cao mới nói một câu có thể ghi vào văn

học sử: *Nhưng quyền sáng tác là ở mình, vậy mình phải phục xuống mà sáng tác*. Những chữ ấy chính là của Văn Cao: *Phải phục xuống mà sáng tác*.

Sau này khi phê phán Nhân Văn, họ cứ vin vào câu ấy mà đánh: Cái âm mưu của bọn NVGP nó kiên trì lắm: *nằm phục xuống*, tức là chúng nó nằm im, giấu mình một chỗ, để mà sáng tác chống Đảng. Họ phê phán Nhân Văn ghê gớm hơn phê phán Giai Phẩm nhiều, các ông văn nghệ sĩ chính cống như Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi... rồi những nhân vật như Lê Đình Kỵ, Vũ Tú Nam, Hà Minh Đức, Phan Cự Đệ... nhất là Vũ Đức Phúc, lúc bấy giờ đã ở Viện Văn Học rồi, nhân vật này nó đánh Nhân Văn ghê gớm nhất. Bọn phê bình chỉ đánh theo khẩu hiệu, còn bọn văn nghệ sĩ nó đánh mới ác, đánh sâu sắc chứ không như bọn phê bình đâu, nó đánh ác mà trúng: Đại khái nó bảo bọn NVGP chúng nó không yêu gì Đảng cả, chúng nói yêu Đảng chỉ là nói giáo đầu, nói để đỡ đòn, chứ sự thực thì chúng chẳng yêu gì Đảng cả. Mà nó đánh như vậy là đánh trúng, đánh vào tâm mình, sự thực thì cũng không sai đâu.

Cho nên Văn Cao nói : *Phục xuống mà sáng tác*, thì tất cả chúng tôi đều tán thành, nó không cho mình ra báo thì mình phục xuống mà sáng tác: Trần Dần bắt đầu viết *Cổng Tỉnh*, Lê Đạt bắt đầu viết những bài thơ về quê hương, tôi viết trường ca *Tiếng hát quan họ*... Vậy, ngay từ năm 1956, sau Giai Phẩm Mùa Xuân, chúng tôi đã *"phục xuống mà sáng tác"* như lời Văn Cao[56].

Giai Phẩm Mùa Xuân là tác phẩm đầu tiên ở miền Bắc chủ trương đổi mới thi ca, tự do sáng tác, với những khuynh hướng khác nhau: tuyên truyền theo đường lối cách mạng của Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Phùng Quán; nói lên tình hình nghèo khổ thất nghiệp ở Bắc và tố cáo tội ác Mỹ Diệm trong Nam của Trần Dần; đòi tự do tư tưởng và chửi bọn nịnh thần

---

56 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

của Văn Cao; xây dựng một xã hội mới, một nền thơ mới của Lê Đạt.

Bài thơ quyết liệt nhất là của Văn Cao. Nhưng không ai dám đánh Văn Cao. Chế Lan Viên khai ngòi đánh Trần Dần, nhưng không dám đụng đến Văn Cao. Tất cả mũi dùi đổ vào Trần Dần, Lê Đạt, hai nhà thơ trẻ chưa nổi tiếng. Chính vì vụ đánh Trần Dần và Lê Đạt mà trí thức nhập cuộc. Lúc đầu trí thức chưa tham gia, nhưng việc đánh hội đồng Trần Dần, Lê Đạt khiến Phan Khôi trở lại vai *"ngự sử văn đàn"* với bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ.*

Bài tham luận của Nguyễn Hữu Đang đọc trước lớp học 18 ngày và bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi là hai yếu tố chủ chốt, đã thuyết phục Trương Tửu và những trí thức khác tham gia, tạo nên một phong trào rộng lớn: Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

Chương 4

Nguyên nhân đưa đến cuộc Cách Mạng Mùa Thu Của Tư Tưởng

Hiện nay, thời điểm chính thức xác định chính sách *Đấu Tranh Giai Cấp* theo đường lối Trung Quốc là tháng 1/1950, tại Đại Hội III của Đảng Cộng Sản, sau khi Hồ Chí Minh bí mật đi Liên Xô và Trung Quốc về.

Thời điểm quyết định và giải thích chính sách Cải Cách Ruộng Đất là bài diễn văn Hồ Chí Minh đọc tại *Hội Nghị Nông Vận Và Dân Vận Toàn Quốc* ngày 5/2/1953.

Thời điểm chính thức áp dụng chính sách *Cải Cách Ruộng Đất* là tại Đại Hội I của đảng Lao Động, họp tại Việt Bắc từ 14 đến 23/11/1953, với bản báo cáo của Trường Chinh.

Đấu Tranh Giai Cấp -phát sinh *Cải Cách Ruộng Đất*- là nguyên nhân sâu xa đưa đến chia rẽ, hận thù.

Heinz Schütte, trong bài *Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua đua nở ở Việt Nam 1954-1960,* tóm tắt khá rõ tình hình miền Bắc thập niên 1950 như sau:

"Tháng 1/1950, Đại Hội III Đảng Cộng sản, tuyên bố Việt Nam chính thức đi theo đường lối Trung Quốc và đẩy mạnh chủ trương đấu tranh giai cấp trong cả nước. Điều này dẫn tới việc thủ tiêu những người bị cho là những "phần tử phản cách mạng". Sách vở Trung Quốc, đặc biệt những tác phẩm của Mao được dịch ra tiếng Việt -vài tác phẩm do

chính Hồ Chí Minh dịch- để truyền bá những phương pháp của Trung Quốc trong việc vận dụng chủ nghiã Mác-Lê-Mao, trong việc tiến hành cách mạng và cải tạo tư tưởng ở Việt Nam. Tại chiến khu Việt Bắc, từ những năm 1951 đã có các khoá Chỉnh huấn tư tưởng dành cho trí thức[57]*".*

Đấu Tranh Giai Cấp phát sinh *Chỉnh Huấn,* chuẩn bị cho chiến dịch *Giảm Tô*, rồi *Cải Cách Ruộng Đất*[58]... kéo dài từ 1950 đến 1956, đã gây những tội ác làm đảo lộn xã hội Việt Nam. Sự phát động *Đấu Tranh Giai Cấp* là yếu tố chính trị có tính cách quyết định đối với những người không theo cộng sản. Nhưng sự bất mãn của trí thức bắt đầu từ trước.

Trường hợp Nguyễn Hữu Đang, sự bất mãn có thể đã bắt đầu ngay từ 1930, với bản Luận Cương Chính Trị của Đảng do Trần Phú soạn, nội dung ngụ ý: *"Tất cả giai cấp tư sản đều là phản động"*, nhưng chỉ thực sự thành hình khi Trường Chinh, lý thuyết gia Đảng Cộng sản, hoàn thành bản *"Đề Cương Văn Hoá Việt Nam",* năm 1943*,* nội dung thu gọn trong công thức: *Đảng lãnh đạo tư tưởng, học thuật và nghệ thuật*, mà không một người làm văn hoá chân chính nào có thể chấp nhận được.

Tuy nhiên, bản Đề Cương chỉ lưu hành trong đảng Cộng Sản, và đảng này đến năm 1945, theo Nguyễn Hữu Đang, chỉ có khoảng 5000 người. Vì vậy, đến tháng 12/1946, khi hầu hết trí thức văn nghệ sĩ đi theo tiếng gọi toàn quốc kháng chiến của Việt Minh, phần lớn chưa biết có một chính sách văn hoá như vậy. Tạ Ty, Hoàng Cầm, Trần Duy... đều nói lúc đó không biết Cộng Sản là gì và Hồ Chí Minh là ai.

Nhưng ngày 19/7/1948, khi Trường Chinh đọc bài *Chủ Nghiã Mác Và Văn Hoá Việt Nam* tại Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc II, ở Việt Bắc, xác định đường lối văn nghệ kháng chiến: *Văn nghệ thi đua, văn nghệ tuyên truyền, phục vụ*

---

57 Trích bản dịch từ tiếng Đức của Talawas.

58 Vấn đề Cải Cách Ruộng Đất sẽ được trình bầy trong chương 24.

công nông binh, văn nghệ phân biệt ta-địch, văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa, thì sự đổ vỡ bắt đầu: Nguyễn Hữu Đang bỏ về Thanh Hoá.

1948 chắc chắn là năm bản lề: kết thúc sự hợp tác chặt chẽ trong kháng chiến giữa hai thành phần dân tộc: cộng sản và không cộng sản. Từ 1949 trở đi, nhiều văn nghệ sĩ bỏ kháng chiến về thành, hoặc vào Khu Bốn với tướng Nguyễn Sơn.

● Nguyễn Sơn và vùng văn nghệ tự do Khu Bốn, từ 1948 đến 1951

Đối với những văn nghệ sĩ sống gần tướng Nguyễn Sơn (1908-1956) ở Khu Bốn, như Phạm Duy thì Nguyễn Sơn là một khuôn mặt huyền thoại[59]. Làm Tư lệnh Quân Khu Bốn[60] Nguyễn Sơn đã để họ tự do sáng tác. Nguyễn Tiến Lãng[61], sau khi ra tù, được phái làm thư ký riêng cho Nguyễn Sơn, mô tả[62] vị tướng này như một người hiếu học, lãng mạn, yêu văn chương, cô đơn và bí mật. Nhưng đối với những người sống ở Việt Bắc, gần Trung Ương như Lê Đạt, thì Nguyễn Sơn chẳng có tài cán gì. Vậy sự thực Nguyễn Sơn là ai?

Đáng tin cậy nhất có lẽ là chân dung do Hoàng Văn Chí, anh rể Nguyễn Sơn viết, ở chương XI, cuốn *Từ thực dân đến cộng sản,* xin lược trích sau đây:

"Nguyễn Sơn tên thật là Vũ Văn Bác, sinh tại làng Kiêu Kỵ, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh; bên Tầu ông lấy tên là Hồng Thủy. Con một nhà nho tham gia Đông Kinh Nghiã Thục. 1925, đang học trường Sư phạm Hà Nội, vì theo phong trào sinh viên bãi khoá, nên bị truy nã, phải trốn

---

59 Phạm Duy, *Hồi ký II, Thời cách mạng kháng chiến*, Phạm Duy Cường, California, 1989.

60 Quân Khu Bốn: từ Thanh Hoá đến Thừa Thiên.

61 Con rể Phạm Quỳnh, bị bắt cùng với Phạm Quỳnh năm 1945.

62 Nguyễn Tiến Lãng, *Les chemins de la révolte - Những nẻo đường nổi dậy*, Amiot-Dumont, Paris, 1953; Ý Việt, Paris, 1989.

sang Tàu và được vào học trường quân sự Hoàng Phố. Là người Việt Nam duy nhất tham gia Quảng Châu Công Xã, trở thành đảng viên đảng Cộng Sản Trung Hoa. Nổi tiếng về tài lãnh đạo quân sự trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh (1934-1936), được bổ làm tùy tướng cho Bành Hoài Đức, chỉ huy trưởng Đệ Bát Lộ Quân. Nguyễn Sơn là một trong bẩy tướng còn sống sót của Quảng Châu Công Xã và một trong 18 tướng sống sót sau cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Vì vậy, năm 1949, sau khi Mao Trạch Đông toàn thắng, Nguyễn Sơn được tuyên dương là "Anh Hùng Dân Tộc" của Trung Quốc.

Cuối 1945, Nguyễn Sơn đang ở Diên An, gặp một ký giả Canada vừa từ Hà Nội qua, báo tin Việt Nam đã tuyên bố độc lập, nhưng Pháp vẫn tấn công, mưu chiếm lại. Nhà báo này nói đã gặp vị chủ tịch chính phủ lâm thời, một ông già biết nói tiếng Anh tên là Hồ Chí Minh. Đoán chắc Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Sơn bèn xin lãnh đạo Trung Quốc cho phép hồi hương chống Pháp. Mao Trạch Đông giữ lại, nhưng Nguyễn Sơn cứ nằng nặc đòi về, nên Mao cũng thuận cho về, làm giấy tờ chứng nhận Nguyễn Sơn và Nguyễn Khánh Toàn là nhân viên phái đoàn Trung Cộng từ Diên An xuống Trùng Khánh để điều đình với chính phủ Trung Hoa dân quốc, rồi nhân dịp đó trốn xuống Hoa Nam, về Việt Nam.

Vì quyết tâm về nước kháng chiến, nên ngay khi về, Nguyễn Sơn đã bị Trung Cộng phê bình là nặng tinh thần quốc gia, nhẹ tinh thần quốc tế. Có lẽ ông Hồ Chí Minh cũng phê bình Nguyễn Sơn như vậy, nên đầu năm 1946, khi Sơn về tới Hà Nội, ông Hồ không thèm tiếp và các lãnh tụ cộng sản khác cũng lạnh nhạt. Nhưng vì Pháp tấn công mỗi ngày một mạnh ở miền Nam và cộng sản Quảng Ngãi bất chấp lệnh, giết bừa bãi, nên ông Hồ phái Sơn vào Khu Năm (miền nam Trung Việt) với nhiệm vụ đình chỉ chém giết và

điều khiển công việc chống Pháp. Sau đó Sơn được đổi ra Khu Bốn (miền bắc Trung Việt) làm "Khu phó" phụ trách huấn luyện quân đội. Chẳng bao lâu, khu trưởng là Thiết Hùng bị mất chức vì liên can đến một vụ buôn thuốc phiện lậu, nên Sơn được cử lên thay thế. Nhờ hai mươi năm kinh nghiệm hành quân, nên Nguyễn Sơn được quân đội Khu Bốn rất mến phục. Lại có tâm hồn nghệ sĩ và tận tâm giúp đỡ văn nghệ sĩ, nên Nguyễn Sơn cũng được giới văn nghệ sĩ hết sức hâm mộ.

Năm 1948, ông Hồ phong Võ Nguyên Giáp làm đại tướng và Nguyễn Sơn làm thiếu tướng, khiến Sơn khó chịu vì Sơn chê Giáp "i-tờ" về quân sự. Sự thực thì Giáp chỉ là sinh viên trường Luật, được huấn luyện qua loa về du kích chiến trong một khóa do quân đội Mỹ mở ở Tinh Tây, hồi thế chiến thứ hai.

Tuy nhiên, mối bất hoà lớn giữa Nguyễn Sơn và các lãnh đạo, không phải vì kèn cựa địa vị mà vì Sơn phản đối việc xin viện trợ Trung Quốc, vì Sơn cho rằng hễ nhận viện trợ của Trung Quốc thì sẽ mất hết chủ quyền. Theo Sơn, hồi chiến tranh chống Nhật, Mao không thèm xin viện trợ Nga, cứ để Nga tiếp tế cho Tưởng Giới Thạch. Nên tự lực kháng chiến, đánh Pháp bằng vũ khí thu được của Pháp, tuy gian lao nhưng không bị lệ thuộc bất cứ ngoại bang nào. Sau một cuộc thảo luận to tiếng với ông Hồ, Sơn bực mình, nhắm hướng bắc, đi thẳng sang Trung Quốc[63]*. Vì đã được tôn là "Anh Hùng Dân Tộc", nên từ Lạng Sơn đến Bắc Kinh, qua các tỉnh, Sơn đều được tiếp đón trọng thể. Nhưng ông Hồ đã điện sang Bắc Kinh, bá cáo với ông Mao là Sơn vô kỷ luật, và Võ Nguyên Giáp cũng bắt quân đội Việt Minh học tập một tài liệu đặc biệt, tả Sơn là một cán bộ "điển hình xấu".*

Vì bị ông Hồ bá cáo trước, nên khi tới Bắc Kinh, Sơn phải đi chỉnh huấn ngay. Sau chỉnh huấn, Sơn tình nguyện đi

---

63 Theo Heinz Schutte, Nguyễn Sơn trở lại Trung Quốc năm 1951.

học Đại Học Quân Sự ở Nam Kinh, do chuyên viên Nga dạy về chiến thuật quân sự hiện đại. Năm 1956, Sơn bị ung thư dạ dầy và khi biết mình sắp chết, xin phép mang vợ con về Việt Nam. Hai ngày sau khi về tới Hà Nội, Sơn chết và Võ Nguyên Giáp phải đi đưa đám. Những người quen biết Nguyễn Sơn đều công nhận ông có tinh thần quốc gia mặc dầu suốt đời tranh đấu trong hàng ngũ cộng sản[64]".

Heinz Schütte, trong bài đã dẫn, cho rằng: Trung Quốc chỉ cho "mượn" Nguyễn Sơn và chính Nguyễn Sơn cũng miễn cưỡng về Việt Nam, việc ông trở lại Trung Quốc đã được thoả thuận ngay từ đầu. Nhưng thông tin của Hoàng Văn Chí có lẽ đúng hơn, vì Hoàng là anh rể Nguyễn Sơn, nên biết rõ những uẩn khúc chỉ trong gia đình mới biết: Nguyễn Sơn xin về Việt Nam vì tin Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc, như hầu hết mọi người Việt[65]. Nguyễn Sơn chống lại việc nhận viện trợ của của Tàu, sự kiện này một số người biết nhưng không dám nói ra. Sau cùng, vì sự hiềm khích với Võ Nguyên Giáp, nên sau khi Nguyễn Sơn bỏ đi, Giáp cho quân đội học tập Sơn là *điển hình xấu*, để xoá huyền thoại về Nguyễn Sơn, việc này giải thích tại sao những người ở gần trung ương, như Lê Đạt, có định kiến không tốt về Nguyễn Sơn.

Tuy Nguyễn Sơn không ảnh hưởng đến phong trào NVGP nhưng ông cũng tạo cho văn nghệ sĩ một khoảng trời tự do sáng tác, ít nhất từ 1948 đến 1951, trước khi ông trở lại Trung Quốc.

Trong thời gian này, những trí thức và văn nghệ sĩ tên tuổi như Tô Ngọc Vân, Sĩ Ngọc, Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu... đã lên tiếng phản đối chính sách lãnh đạo tư tưởng của Trường Chinh. Nhưng bản thân Nguyễn Sơn là

---

64 Lược trích Hoàng Văn Chí, *Từ thực dân đến cộng sản*, Chân trời mới, Paris 1962, trang 173-177.

65 Sự thực Hồ Chí Minh không phải là người viết những văn bản ký tên Nguyễn Ái Quốc, xin xem phần "Phân tích văn bản Nguyễn Ái Quốc", ở chương 18, 19.

một mâu thuẫn: ông chủ trương tự do sáng tác, nhưng ông cũng là người đầu tiên đem phương pháp *chỉnh huấn* của Mao vào Việt Nam.

● Sự đối lập giữa Trường Chinh và Nguyễn Hữu Đang

Khảo sát bị kịch Nhân Văn, ta thấy rõ sự đối lập giữa hai nhân vật: Nguyễn Hữu Đang và Trường Chinh, cả hai đều được Hồ Chí Minh tin dùng. Trường Chinh là Tổng Bí Thư từ 1941 đến 1956, còn Nguyễn Hữu Đang là ai?

Vì bất đồng ý kiến với Trường Chinh, năm 1948, Nguyễn Hữu Đang đã bỏ Đảng. Nhưng sau 1954, ông lại được Đảng gọi về và đến tháng 8/56, ông được cử ra tổ chức *lớp học tập dân chủ* 18 ngày và trở thành nhà lãnh đạo phong trào NVGP.

NVGP chống lại toàn bộ chính sách văn hoá văn nghệ của đảng Cộng Sản. Vì vậy, chúng ta cần tìm hiểu chính sách văn hoá văn nghệ ấy như thế nào? Nói đến đường lối văn hoá văn nghệ của đảng Cộng Sản là phải nói đến Trường Chinh, lý thuyết gia của Đảng, người soạn thảo những văn bản chính thức theo chỉ thị của Hồ Chí Minh.

● Trường Chinh

Trường Chinh Đặng Xuân Khu (1907-1988), nhà chính trị nhưng cũng là nhà báo, có viết văn, làm thơ dưới bút hiệu Sóng Hồng. Năm 1927, gia nhập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội - tiền thân của đảng Cộng Sản. 1940, làm chủ bút báo *Cờ Giải Phóng,* cơ quan của Xứ Ủy Bắc Kỳ. Sau đó làm chủ bút tờ *Sự Thật*, cơ quan ngôn luận của đảng Cộng Sản. Từ tháng 5/1941 đến tháng 9/1956, làm Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Đảng Cộng Sản thành lập tháng 2/1930.

Từ tháng 9/1930 đến tháng 11/1945, lấy tên là Đảng Cộng Sản Đông Dương. Tháng 11/1945 Đảng "tự giải thể",

rút vào bí mật. 1951, Đảng công khai trở lại với tên Lao Động và đến năm 1976, mới chính thức lấy tên là đảng Cộng Sản Việt Nam. Đảng này trải qua hai biến cố quan trọng:

Ngày 2/9/1945: Tuyên ngôn độc lập. Hơn hai tháng sau, ngày 11/11/1945, Đảng tuyên bố "tự giải tán", đổi tên thành Hội Nghiên Cứu Chủ Nghiã Mác ở Đông Dương. Chính phủ lâm thời tạm giấu cái gốc quốc tế cộng sản, lấy danh nghĩa Mặt Trận Việt Minh, để tập hợp mọi thành phần dân tộc cả quốc gia lẫn cộng sản trong công cuộc kháng chiến chống Pháp.

Hà Xuân Trường kể lại: "*Đảng lúc bấy giờ, sau khi tuyên bố "tự giải tán", để chuyển thành Hội nghiên cứu chủ nghiã Mác ở Đông Dương* (ngày 11/11/1945). *Anh Trường Chinh lúc bấy giờ là Tổng bí thư Đảng, trưởng tiểu ban tuyên truyền của Trung ương, kiêm chủ bút (tức Tổng biên tập) tờ Sự Thật" (ra số 1, ngày 5/12/1945 ở Hà Nội)*[66]*".*

Nguyễn Hữu Đang cho biết: *"Vai trò của Hồ chủ tịch rất quan trọng. Cụ có thành lập Mặt Trận Việt Minh thì mới có Cách Mạng Tháng Tám. Nếu đảng Cộng Sản đứng ra vận động cuộc Cách Mạng Tháng Tám, tôi tin là không được kết quả như là Mặt Trận Việt Minh. Đó là một mặt trận gồm nhiều thành phần, nhiều tầng lớp tham gia cho nên phát triển mạnh, được nhân dân ta hưởng ứng hơn chứ còn nếu đảng Cộng Sản đứng ra thì vẫn bị hạn chế đấy". "Đảng Cộng Sản lúc bấy giờ có 5000 người chứ ăn thua gì đâu*[67]*".*

Trường Chinh, được Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ viết đề cương, chỉ đạo đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng Cộng Sản bằng hai văn bản: *"Đề Cương Văn Hoá Việt Nam"* (1943) và *Chủ Nghiã Mác Và Văn Hoá Việt Nam* đọc tại Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc II, ở Việt Bắc, ngày 19/7/1948, văn

---

66 Hà Xuân Trường, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học,* tập II, trg 31.

67 Nguyễn Hữu Đang, trả lời phỏng vấn RFI.

bản này là nguồn gốc đoạn tuyệt giữa Trường Chinh và Nguyễn Hữu Đang.

Giá trị và ảnh hưởng của hai văn bản này đối với chế độ Cộng Sản, được Hà Xuân Trường so sánh với lập thuyết của Mao: *"Chúng ta chỉ cần nghiên cứu Đề cương văn hoá Việt Nam năm 1943, báo cáo Chủ nghiã Mác và văn hoá Việt Nam năm 1948 của đồng chí Trường Chinh, và so sánh những văn kiện đó với phần "Văn hóa dân chủ mới" và "Tọa đàm văn nghệ ở Diên An" của Mao Trạch Đông thì rõ ràng khác nhau lắm, khác từ gốc, khác từ mục tiêu đến phương pháp nhận thức* (...) *Công tác văn hoá - văn nghệ lúc bấy giờ nằm trong sự chỉ đạo của Tiểu ban tuyên truyền do anh Trường Chinh đứng đầu. Anh Tố Hữu lúc này được Trung Ương giao trực tiếp tổ chức, chỉ đạo công tác văn nghệ"*[68]. Vậy Trường Chinh là người chỉ đạo chính sách văn hoá văn nghệ kháng chiến. Tố Hữu, giữ nhiệm vụ tổ chức.

● Đề cương văn hoá Việt Nam

Bản *Đề Cương Văn Hoá Việt Nam* có 5 phần chính:

1- Cách đặt vấn đề.

2- Phân đoạn văn hoá VN.

3- Nguy cơ văn hoá dưới ách phát-xít Nhật, Pháp.

4- Xác định văn hoá cách mạng VN.

5- Nhiệm vụ của các nhà văn hoá mác-xít VN[69].

Văn bản chính quy này xác định sự lãnh đạo văn hoá của Đảng: *"đảng tiên phong phải lãnh đạo văn hoá tiên phong"*. Và định nghiã văn hoá theo quan niệm của Đảng: "*Văn hoá bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật"*. Tóm lại, Đảng lãnh đạo: tư tưởng, học thuật và nghệ thuật.

---

68 Hà Xuân Trường, bđd, trang 46 và 41.

69 Tiên Phong số 1, 10/11/45, *Sưu tập trọn bộ Tiên Phong 1945-1946* của Lại Nguyên Ân, Hội Nhà Văn, 1996.

Ở phần hai, Trường Chinh chia văn hóa Việt Nam làm ba giai đoạn một cách rất bất kỳ: Trước Quang Trung -tại sao lại Quang Trung?- là *"phong kiến, nô lệ, phụ thuộc Tàu"*. Từ Quang Trung đến Pháp thuộc là *"phong kiến, tiểu tư sản";* và từ Pháp thuộc đến 1943, là *"phong kiến, tư bản, thuộc địa"*. Tóm lại, có thể thay *văn hóa* bằng bất cứ một danh từ nào khác như: *chính trị, kinh tế, giáo dục, pháp luật*... cũng được.

Phần ba, Trường Chinh buộc tội: *"những thủ đoạn phát-xít trói buộc văn hoá và giết chết văn hoá Việt Nam",* để đi đến phần bốn, xác định: cách mạng văn hoá phải do Đảng lãnh đạo, và nền văn hóa được Đảng chọn là văn hoá xã hội chủ nghiã.

Phần năm, kê khai những nhiệm vụ cần kíp mà các nhà văn hoá mác-xít phải làm ngay:

Đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: triết học Khổng, Mạnh, Đê-các-tơ (Descartes), Béc-son (Bergson), Căng (Kant), Nít-sờ (Nietzsche) v.v... Làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng. Chống chủ nghiã cổ điển, chủ nghiã lãng mạn, chủ nghiã tự nhiên, chủ nghiã tượng trưng v.v... Làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghiã thắng.

Bản *Đề Cương Văn Hoá Việt Nam* chính là nguyên nhân sâu xa của tình trạng suy đồi của văn hoá văn nghệ Việt Nam: bắt buộc sáng tác và phê bình phải theo con đường duy nhất phục vụ sự lãnh đạo độc tôn của đảng Cộng Sản. Triệt hạ những đường hướng tư tưởng khác. Triệt hạ tài năng cá nhân và tiêu diệt tự do sáng tác.

● Nguyễn Hữu Đang

Nguyễn Hữu Đang (1913-2007) theo cách mạng từ buổi đầu, có óc tổ chức và tài hùng biện, Nguyễn Hữu Đang từng được coi là *"cánh tay phải"* của Hồ Chí Minh.

Năm 1929, Nguyễn Hữu Đang gia nhập Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. Hoạt động đắc lực trong Hội Truyền Bá Quốc Ngữ từ 1938.

1937- 39, làm báo cùng Trường Chinh Đặng Xuân Khu và Trần Huy Liệu. 1943: Tham gia đảng Cộng Cản Đông Dương, liên lạc mật thiết với Tổng bí thư Trường Chinh và Thành ủy Hà Nội, nhưng chưa được kết nạp.

1943-46: Cùng Trường Chinh sáng lập và lãnh đạo Hội Văn Hóa Cứu Quốc. Được Hồ Chí Minh giao trách nhiệm tổ chức ngày tuyên ngôn độc lập 2/9/1945. Tham gia Chính phủ lâm thời, làm thứ trưởng Bộ Truyên Truyền, rồi Bộ Thanh Niên, Chủ tịch Uỷ Ban Vận Động Mặt Trận Văn Hoá. Tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc lần thứ nhất tại Hà Nội, "*Khai mạc Đại hội văn hoá toàn quốc lần thứ nhất vào chiều 24/11/1946 có Bác Hồ đến nói chuyện*[70]".

Nhưng mãi đến năm 1947, Nguyễn Hữu Đang mới được chính thức kết nạp vào Đảng. Và năm sau, 1948, ông rời mọi sinh hoạt của Đảng, lui về Thanh Hoá.

Từ vị trí được xem như *"cánh tay phải của cụ Hồ", "trên cả Ủy Ban Kháng Chiến",* tại sao năm 1948, Nguyễn Hữu Đang lui về Thanh Hoá?

Hoàng Cầm kể: *"Vào khoảng tháng 7 năm 48, có Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc do ông Trường Chinh đề xướng và làm chủ tịch (...) đề ra Văn Nghệ Kháng Chiến (...) Trong hội nghị có mặt anh Nguyễn Hữu Đang. Sau hội nghị đó, không hiểu vì lý do gì thì anh Đang không làm công tác kháng chiến nữa, anh về Thanh Hóa, ở nhà người bạn là anh Trần Thiếu Bảo, giám đốc nhà xuất bản Minh Đức(...) hình như trong Hội Nghị Văn Hóa Toàn Quốc, anh Đang có mâu thuẫn về đường lối văn nghệ, văn hóa với ông Trường*

---

70 Hà Xuân Trường, bđd, trang 40.

Chinh. Do mâu thuẫn không giải quyết được, cho nên anh Đang không làm việc nữa, anh nghỉ. Anh về Thanh Hóa[71]*".*

Vũ Tường phân tích:

"Trong thời kỳ ban đầu Trường Chinh không thể chi phối được mọi hoạt động của Văn Hoá Cứu Quốc do đa số những người thực hiện là các trí thức có ảnh hưởng tư tưởng Dân Chủ Tư Sản. Do điều kiện kháng chiến, Việt Minh không thể thành lập bộ máy văn hóa riêng để áp đặt đường lối của mình. Mâu thuẫn đã bộc lộ ra giữa Nguyễn Hữu Đang và Trường Chinh ngay từ lúc tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Cứu Quốc toàn quốc tháng 10 năm 1946 và có thể nói kết thúc bằng Hội Nghị Văn Hóa toàn quốc lần thứ II xóa bỏ Văn Hoá Cứu Quốc thành lập Hội Văn Nghệ Việt Nam hoàn toàn theo quỹ đạo của đường lối văn nghệ Maois vào thời điểm tháng 7- 1948[72]*".*

Vũ Tường có lý, bởi sự bất đồng ý kiến giữa Nguyễn Hữu Đang và Trường Chinh lộ rõ trong những bài Nguyễn Hữu Đang viết trên Tiên Phong năm 1945. Cách tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc I của Nguyễn Hữu Đang cũng bất chấp đường lối độc tôn của Đảng Cộng Sản (Xem chương 9, về Nguyễn Hữu Đang).

Tháng 7/1948 tại Việt Bắc có hai hội nghị:

Hội Nghị Văn hoá Toàn Quốc II (15/7/48) do Trường Chinh chủ trì, đọc bài *Chủ Nghiã Mác Và Văn Hoá Việt Nam*, quyết định bỏ Hội Văn Hoá Cứu Quốc, lập Hội Văn Nghệ, Nguyễn Hữu Đang có tham dự.

Hội Nghị Văn Nghệ Toàn Quốc I, từ 23 đến 25/7/48, chính thức ra mắt Hội Văn Nghệ, Nguyễn Hữu Đang không

---

71 Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI.

72 Lê Hoài Nguyên, bđd, trích Vũ Tường, *Ngày nay cách mạng Đông Dương phải hiện nguyên hình: Bước ngoặt dẫn đến cuộc đấu tranh giai cấp và nội chiến Việt Nam vào năm 1948*. Journal of Southeast Asian Studies, 40, 3/10/ 2009), 519- 542. Bản dịch tiếng Việt của Talawas số Mùa Thu chuyên đề *Bao nhiêu chủ nghĩa dân tộc là đủ?*

tham dự. Sự đoạn tuyệt này có nhiều lý do, nhưng lý do chính đến từ nội dung bài *Chủ Nghiã Mác Và Văn Hoá Việt Nam* của Trường Chinh.

Vậy nội dung bản báo cáo này ra sao?

● Chủ nghiã Mác và văn hoá Việt Nam

Bản báo cáo *Chủ Nghiã Mác Và Văn Hoá Việt Nam* được nhà xuất bản Sự Thật in thành sách - Chúng tôi không có văn bản này. Phần VII, được in trên báo Văn Nghệ số 6 tháng 11/48, dưới tiêu đề *"Mấy vấn đề thắc mắc trong văn học nghệ thuật*[73]*"*.

Bài *"Mấy vấn đề thắc mắc trong văn học nghệ thuật"* đặt trọng tâm trả lời những *thắc mắc* của người làm văn học nghệ thuật, đồng thời đưa ra những chủ đích:

1- Đồng hoá nghệ thuật với tuyên truyền và xác định: *"Tuyên truyền của phe xâm lược, phản động là tuyên truyền phản chân lý. Tuyên truyền của phe cách mạng là tuyên truyền chân thật, phù hợp với chân lý rõ ràng"*.

2- Khẳng định khuynh hướng sáng tác: Hiện thực xã hội chủ nghĩa.

3- Chỉ ra đường lối *"phê bình đúng nguyên tắc", "chú trọng đả kích tư tưởng, văn học, nghệ thuật phản động của địch"*.

4- Cho rằng *"Quần chúng là nhà phê bình nghệ thuật sành hơn ai hết, chính vì quần chúng gồm nhiều tai, mắt, óc khôn và có cảm giác chung đấu lại. Không một nhà phê bình nào sánh được với quần chúng về mặt đó"*.

5- Chỉ 4 điều cho nhà văn noi theo, để *"làm sao cho sáng tác văn nghệ được tốt"*.

---

73 In lại trong cuốn *Cách Mạng kháng chiến và đời sống văn học,* tập II, đổi tên thành *"Mấy vấn đề cụ thể trong văn học và nghệ thuật"*.

6- Xác định sáng tác thi đua: *"Đối tượng sáng tác văn nghệ của ta là nhân dân". "Sáng tác văn nghệ có cả một nguồn cổ vũ mạnh mẽ là phong trào thi đua".*

Tóm lại, con đường văn học nghệ thuật của Đảng do Trường Chinh vạch ra năm 1948, gồm những yếu tố: *Văn nghệ tuyên truyền. Văn nghệ thi đua. Hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đả kích tư tưởng phản động của địch. Sáng tác cho nhân dân. Nhân dân làm chủ phê bình.*

Là người làm văn hoá, dĩ nhiên Nguyễn Hữu Đang từ chối con đường văn nghệ này. Và trong kháng chiến, không chỉ có một Nguyễn Hữu Đang chống lại đường lối văn hoá văn nghệ của đảng, còn nhiều tiếng nói khác, Hoàng Trung Thông kể về Nguyễn Mạnh Tường và Trương Tửu:

"Cuộc tranh đấu tư tưởng duy nhất ở Liên Khu Bốn trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là cuộc đấu tranh với một số quan điểm của Nguyễn Mạnh Tường. Trong một cuộc nói chuyện Nguyễn Mạnh Tường cho rằng văn nghệ ta như một cái chuồng nhốt các văn nghệ sĩ trong đó".

"Đồng chí Nguyễn Chí Thanh - bấy giờ là bí thư Đảng bộ Liên Khu Bốn, đã có ý kiến về những luận điểm tơ-rốt-kít của Trương Tửu trong buổi lễ kỷ niệm ngày thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương. Trong cuộc đấu tranh chính trị năm 1952, Trương Tửu bị đưa ra phê phán gay gắt[74]".

Hà Xuân Trường kể về Tô Ngọc Vân:

"Anh Tô Ngọc Vân tỏ ý không đồng tình về sự phân tích của đồng chí Trường Chinh về chủ nghiã "quy-bít". Nhưng anh Trường Chinh không trực tiếp trả lời, và tờ Sự Thật không lên tiếng, để tránh gây các mặc cảm không cần thiết đối với anh chị em văn nghệ đang đến với Đảng, và tự giác chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng. Bài viết của tôi thảo

---

74 Trích bài *Trên địa bàn văn nghệ khu Bốn và Việt Bắc*, Hoàng Trung Thông kể, Tôn Phương Lan ghi, in trong *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập I, Tác Phẩm Mới, 1985, trg 181-187.

luận với anh Tô Ngọc Vân, ký tên Lê Trọng Lâm, lại đăng trên tạp chí Văn Nghệ".

Thái độ của Trường Chinh đối với những người chống đối rất khôn khéo: ông không ra mặt trả lời, chỉ khuyên cấp dưới "*cần phải đấu tranh tư tưởng nhưng đừng nặng lời quá; vì lúc bấy giờ chúng ta đang cần phải đoàn kết để kháng chiến chống Pháp, mặc dầu đoàn kết không có nghiã là thủ tiêu đấu tranh*[75]".

Tóm lại, đã có những người làm văn hoá văn nghệ bắt đầu *thắc mắc* về đường lối văn hoá văn nghệ của đảng Cộng Sản và lên tiếng phản đối ngay từ 1948. Những *thắc mắc* này càng lớn mạnh sau 1954, kết hợp thành sự phản kháng toàn diện trong phong trào NVGP.

Nguyễn Hữu Đang, bỏ về Thanh Hoá, cộng tác với nhà xuất bản Minh Đức từ 1948. Nhưng tại sao năm 1954, ông trở lại hoạt động? Mọi việc trong chế độ cộng sản không thể tình cờ, ngoài ra Trường Chinh mâu thuẫn với Nguyễn Hữu Đang, chưa chắc đã muốn Đang về. Vậy việc gọi ông trở lại phải do lệnh của Hồ Chí Minh. Hoàng Cầm kể: *"Đến khi hòa bình lập lại, năm 1954, tôi cũng chỉ được nghe kể lại chứ không được chứng kiến, là như sau: Ông Trường Chinh có hỏi ông Tố Hữu: Anh Đang anh ấy đã không làm việc gì từ lâu rồi, từ mấy năm nay, thì bây giờ hòa bình thắng lợi rồi, ta phải mời anh ấy ra làm việc chứ. Thế là anh Tố Hữu cũng nghe theo và mời anh Đang ở Thanh Hóa ra*[76]".

Nguyễn Huy Tưởng, là người được cử vào Thanh Hoá mời Nguyễn Hữu Đang. Và theo Hoàng Cầm, khi Nguyễn Hữu Đang ra, Tố Hữu đề nghị chức giám đốc Sở Văn Hóa Thông Tin Hà Nội, nhưng Nguyễn Hữu Đang từ chối, ngỏ ý muốn làm báo Văn Nghệ, Tố Hữu đành phải bằng lòng.

---

75 Hà Xuân Trường, bđd, trang 42-43.

76 Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI.

● **Những thắc mắc**

Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI*: "Anh Đang về báo Văn Nghệ, nhưng anh Đang là người đặc biệt có tài tổ chức: trong kháng chiến anh ấy đã tổ chức Thanh Niên Xung Phong, tổ chức Mặt Trận Bình Dân Học Vụ, sau đó lại là tổ chức Hội Nghị Văn Hóa Toàn Quốc. (...) Vì anh ấy có tài tổ chức cho nên anh ấy tổ chức ngay hai cuộc phê bình trong văn học:*

Thứ nhất là cuộc phê bình tác phẩm Vượt Côn Đảo của Phùng Quán (...) Và tổ chức một lớp học tập chính trị, đầu đề tài liệu học tập là "Những tài liệu của Mác, Lê-nin, Staline nói về vấn đề văn nghệ".

Về không khí của lớp học này, Hoàng Cầm kể:

"Buổi sáng học, buổi chiều làm việc cơ quan. Tôi nhớ học 18 ngày. Nhưng từ hôm mở lớp đến độ ngày thứ năm thì có cái mục gọi là liên hệ thực tế. Tất cả các văn nghệ sĩ ở các tỉnh hoặc đi tập kết về Hà Nội, thì họ đều nêu lên những thắc mắc, mà phải nói là những thắc mắc ghê gớm về vấn đề văn nghệ và lãnh đạo văn nghệ. Nó gần như là một cuộc tố khổ: các văn nghệ sĩ đều nói ra những thắc mắc về việc lãnh đạo địa phương, cả lãnh đạo trung ương nữa, đối với văn nghệ (...) Toàn là những thắc mắc mà anh em lôi ra từ thực tế trong kháng chiến và thực tế trong hòa bình lập lại".

Trong băng ghi âm Hoàng Cầm cho biết: Đến năm 1956, chúng tôi, tức là một số văn nghệ sĩ trí thức tự nhận thấy những trái ngược trong xã hội, những lý tưởng mà mình mang đi kháng chiến chống Pháp đều sụp đổ hết. Những nhà trí thức như Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường, cũng đều thấy chán nản, hụt hẫng, thấy bị rơi vào cái bẫy.

Georges Boudarel, trong *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam* đặt trọng tâm trên hai chữ *thắc mắc* mà

Hoàng Cầm dùng, theo ông đây là một thứ mây mù của ý thức, một kỷ xảo nói mà như không nói, một nghệ thuật không gọi sự vật theo tên của nó.

Hai chữ *thắc mắc* theo Boudarel, không thể dịch sang tiếng Pháp, là trung tâm của vấn đề:

Trong một nước mà cuộc đấu tranh chống thực dân, giành độc lập, bảo vệ truyền thống dân tộc, được phất lên dưới ngọn cờ của chủ nghiã Mác-Lê-Mao như một nghịch lý, thì thắc mắc là đứa con lai lạ lùng, sinh ra từ cuộc tình vừa nóng bỏng vừa tương phản vừa không thể thú nhận được giữa quốc tế vô sản và lòng ái quốc cực đoan.

Chủ nghiã cộng sản mà người ta du nhập vào đã thủ tiêu nhanh chóng mọi hình thức tự do phát biểu của xã hội dân sự kể cả những người ủng hộ nhiệt thành. Năm 1950, khi chủ nghiã Mao ào ạt tràn vào, với những đợt chỉnh huấn, phát hiện, tố giác, kiểm thảo, tự kiểm thảo... mang lại những hậu quả tai hại.

Nếu năm 1946, hầu hết mọi thành phần dân tộc đều đi theo kháng chiến chống Pháp, thì tới 1950, nhiều trí thức văn nghệ sĩ nổi tiếng trong đó có Phạm Duy, Vũ Hoàng Chương... đã không thể chịu được, họ phải quay "về thành".

Sự phản kháng của họ mang tính chất bi đát, bởi họ phải chọn lựa giữa hai con đường: hoặc tiếp tục chống thực dân Pháp thì phải theo chủ nghiã cộng sản Mao; hoặc chống cộng sản Mao thì phải vào vùng Pháp đóng. Bị xâu xé giữa, một bên là lòng yêu nước thúc đẩy họ phải chấp nhận tất cả để chiếm lại tổ quốc đã mất và một bên là cái vốn văn hoá Tây phương thúc đẩy họ đòi hỏi một thứ tự do không thể có được với đảng Cộng Sản. Người trí thức, những năm tháng ấy, vừa như sống một bản hùng ca, lại vừa chịu một bi kịch gậm nhấm từ bên trong.

Đại đa số thành phần dân tộc, trong đó có người trí thức, tìm cách hoà mình với đời sống mới, từ đó nẩy sinh

những thắc mắc: Nền dân chủ cộng hoà, do Hồ Chí Minh tạo dựng, có mang lại độc lập thật sự cho nước Việt không? Những người có thắc mắc trong lòng muốn tin vào lãnh đạo của họ nhưng trong thâm tâm vẫn không thể nào tin được. Chỉ biết là mình có những thắc mắc không thể nói ra. Cái hình thức đối lập bị dồn nén, sự phản kháng bị chôn vùi, chỉ được nói thầm, nói một nửa, đọc giữa hai hàng chữ, đoán ngầm những ngụ ý... trở thành một phần của đời sống Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Và những vấn đề mở ra từ năm 1956, với NVGP, vẫn còn đúng với hôm nay[77].

Những *thắc mắc* tạm ngủ yên trong chiến tranh, nhưng bùng lên sau 1954, và trong lớp học 18 ngày, Nguyễn Hữu Đang đã bắt mạch được tình thế, mạnh bạo đứng lên, đặt với lãnh đạo những câu hỏi cần thiết.

Đáp lời ông, văn nghệ sĩ trí thức cùng đứng lên xây dựng phong trào NVGP.

Trong tiểu thuyết *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm*, viết 37 năm sau, luật sư Nguyễn Mạnh Tường cho rằng Đảng giăng ra một chính sách quỷ quyệt đưa những trí thức dân chủ vào bẫy để bắt trọn ổ.

● Từ xuân 1956 sang thu 1956

Có thể chia NVGP làm hai giai đoạn: *Giai đoạn I* gắn bó với Giai Phẩm Mùa Xuân và *giai đoạn II* gồm toàn bộ những tờ báo phát hành từ tháng 8/1956 đến tháng 12/56.

Giai đoạn I: Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời cuối tháng 1/1956. Hơn một tuần sau, nhiều sự kiện quan trọng xẩy ra:

9/2/56, Tố Hữu sai người gọi Lê Đạt lên Tuyên Huấn.

16/2/56: Lê Đạt lên trình diện, bị giữ lại kiểm thảo 15 ngày. Hạ tuần tháng 2/56 có hai "đại hội":

---

77 Tóm lược phân tích của Boudarel trong *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam* từ trang 9 đến 20.

- Đại Hội Tuyên Huấn luận tội Giai Phẩm Mùa Xuân. Tố Hữu ra lệnh bắt Trần Dần, Tử Phác. Trần Dần dùng dao cạo cứa cổ, được đưa đến bệnh viện. Ngày 21/2/56 Trần Dần viết thư cho tướng Nguyễn Chí Thanh. Trần Dần, Tử Phác được tha ngày 5/5/56.

- Đại Hội Văn Nghệ, ở 51 Trần Hưng Đạo, khoảng 150 văn nghệ sĩ, chủ yếu đánh Trần Dần.

Chiến dịch đánh Trần Dần trên báo bắt đầu ngày 7/3/1956 với bài viết của Hoài Thanh trên báo Văn Nghệ số 110. Giai phẩm bị dập tắt lần thứ nhất.

Giai đoạn II, khởi sự sau biến cố lớn ở các nước cộng sản và trong đảng Cộng Sản VN:

Ngày 24/2/1956, tại đại hội XX của đảng Cộng sản Liên Xô: Khrouchtchev đọc bản phúc trình mật về tội ác của Staline. Ngày 26/5/1956, Mao Trạch Đông phát động phong trào "*Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng*". Ngày 28/6/1956, Ba Lan nổi dậy. Những biến cố này ảnh hưởng trực tiếp đến chính quyền miền Bắc, luôn hành động rập theo đường lối Liên Xô - Trung Quốc:

Đảng Lao Động mở rộng chính sách học tập tự do dân chủ - Lớp học 18 ngày trong tháng 8/1956. Đảng phát động chính sách *Sửa Sai*, sau cuộc Cải Cách Ruộng Đất 1953 -1956. Tại Hội Nghị Thứ X của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, từ 25/8/56 đến 24/9/56, Trường Chinh bị *"nghiêm khắc kiểm điểm sai lầm"* trong công tác Cải Cách Ruộng Đất, phải tự kiểm thảo và xin từ chức. Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương bị loại khỏi Bộ Chính Trị. Hồ Viết Thắng ra khỏi Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng. Hồ Chí Minh kiêm nhiệm hai chức Chủ tịch Đảng và Tổng bí thư từ 9/1956 đến 9/1960[78].

---

[78] Sau đó là thời kỳ Lê Duẩn làm Tổng bí thư, từ 9/1960 đến 7/1986, thời kỳ này xẩy ra vụ Xét Lại Chống Đảng.

Võ Nguyên Giáp thay mặt Đảng, đọc bản *"thú nhận"* bẩy sai lầm, đại ý:

1/ Phủ nhận thành tích của những người chống Pháp.

2/ Coi phú nông như địa chủ.

3/ Đả kích tràn lan, không phân biệt những người có công với cách mạng.

4/ Dùng những biện pháp trấn áp, đánh địch, tràn lan phổ biến.

5/ Làm sai phạm chính sách tự do tôn giáo.

6/ Không coi trọng phong tục tập quán địa phương (các vùng thiểu số).

7/ Không dùng giáo dục mà truy bức (tra tấn) để chính đốn[79].

Từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 11 năm 1956: không những Giai Phẩm Mùa Xuân được in lại mà còn ra tiếp 4 số nữa, tổng cộng là 5 số Giai Phẩm và 5 số Nhân Văn. Ngoài ra, còn có 1 số Đất Mới của sinh viên và 11 số Trăm Hoa của Nguyễn Bính, ra từ tháng 10/56 đến tháng 1/57; thêm báo Nói Thật của Hoàng Công Khanh và Tập San Phê Bình, xuất hiện tới cuối năm 1957. Cuối tháng 11/56, trên các báo Nhân Văn và Giai Phẩm, nhà xuất bản Minh Đức còn quảng cáo mời độc giả tìm đọc Tự Do Diễn Đàn và Sáng Tạo (chuyên về điện ảnh kịch trường). Rút cục Tự Do Diễn Đàn in xong bị cấm. Nhưng Văn, báo chính thức của Hội Nhà Văn, sang năm 57 vẫn còn in bài của những người trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, đến số 36, ra ngày 10/1/58, Văn mới bị đình bản vì đăng bài *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi.

Cuộc *Cách Mạng Mùa Thu Của Tư Tưởng* đã xẩy ra.

Nhân Văn Giai Phẩm được phát triển trở lại cùng thời với vụ Sửa Sai Cải Cách Ruộng Đất và bị dập tắt bốn tháng

---

79 Toàn văn in trên Nhân Dân số 970, ngày 31/10/1956, in lại trong *Từ thực dân đến cộng sản* của Hoàng Văn Chí, Chân Trời Mới, Paris 1962, trang 281-282. Sách có bản điện tử trên Talawas.

sau, dưới thời Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng kiêm Tổng bí thư. Vậy ai là người trách nhiệm chính?

● Ai trách nhiệm vụ Nhân văn giai phẩm?

Trả lời câu hỏi chủ tịch Hồ Chí Minh có trách nhiệm như thế nào về vụ NVGP, Nguyễn Hữu Đang tuyên bố: *"Cái việc mà người ta cứ nói là việc nọ việc kia là người dưới làm chứ cụ Hồ không biết, cụ Hồ không thực tiễn làm, đó là một cách nói không đúng sự thật. Người ta thấy việc gì mà có dư luận kêu ca, thắc mắc thì không muốn để cái kêu ca thắc mắc đó hướng vào vị lãnh tụ mà người ta suy tôn tuyệt đối. Có thể nói là người ta thần thánh hóa cụ Hồ. Vì cái lý do nó là như thế. Thực chất thì cụ Hồ không phải là người bị vô hiệu hóa trong bộ máy lãnh đạo của đảng và của dân tộc. Cụ Hồ lúc nào cũng là người có đầy đủ quyền hành, lúc nào cụ cũng sáng suốt, linh lợi, lúc nào cụ cũng có uy tín với dân và cũng có quyền đối với các đồng chí trong đảng, đối với những người lãnh đạo khác. Chắc bà cũng biết rằng những vị lãnh đạo khác của đảng, đối với cụ Hồ là học trò chứ không phải như ở các đảng Cộng Sản khác đâu. Cho nên uy tín của cụ Hồ, quyền hành của cụ Hồ bao giờ cũng rất vững, cụ Hồ biết hết cả, và việc đó cụ Hồ cũng đồng tình làm.*

Có thể nói tóm một câu là cho đến mấy năm sau cùng, vì cụ yếu cụ ít chăm nom công việc, cụ khoán cho Bộ Chính Trị, cụ ít can thiệp trực tiếp, chứ còn trước đó thì bất cứ việc gì cũng là trong phạm vi chỉ đạo của cụ cả. Hay cũng ở cụ, dở cũng ở cụ. Cụ phải gánh trách nhiệm, điều đó rõ ràng.

Có khi nào một lãnh tụ tối cao đối với dân tộc, lãnh tụ tối cao của Đảng mà lại không có trách nhiệm về việc nọ, việc kia. Điều đó không đúng. Chế độ gọi là "báo cáo thỉnh thị" rất chặt chẽ trong nội bộ đảng Cộng Sản và trong bộ

máy chuyên chính của nhà nước cũng thế, nghiêm ngặt lắm[80]*".*

Nhận định trên đây của Nguyễn Hữu Đang phù hợp với một số nhận định khác của những người trong Đảng về vai trò của Hồ Chí Minh trong đời sống văn hóa văn nghệ. Hà Xuân Trường viết về vai trò của Đảng trong "Mặt trận văn hoá văn nghệ" và địa vị chỉ đạo của Hồ Chí Minh như sau:

"Sự đầu tư công sức và tâm huyết của Đảng vào mặt trận này [tức "Mặt trận văn hoá văn nghệ"] *là đáng kể: từ Bác, đến các anh Trường Chinh, Tố Hữu.* ***Cần nhắc thêm vai trò của Bác và các ý kiến của Bác căn dặn giới báo chí và văn hoá - văn nghệ ngay từ buổi đầu này****. Bác thường gửi bài cho báo Đảng, trên Sự Thật lúc ấy, cũng như trên tờ Nhân Dân sau này*[81] *dưới các bút danh ta đã quen thuộc: C.B*[82]*, X.Y.Z*[83]*, A.G (chúng tôi thường gọi Anh Già)... Điều đặc biệt là Bác viết rất ngắn và mỗi lần gửi bài cho báo, Bác thường viết luôn một loạt có đánh số thứ tự. Bác dặn anh em chúng tôi là đánh số như thế để cho bạn đọc và cả Bác dễ nhớ, bao giờ gần hết bài thì Bác chỉ cần xem trên báo là Bác biết để Bác kịp viết tiếp, "các chú không cần phải nhắc*[84]*".*

Và ông xác định vai trò của từng người trong giai cấp lãnh đạo:*"Công tác văn hoá - văn nghệ lúc bấy giờ nằm trong sự chỉ đạo của Tiểu ban tuyên truyền do anh Trường Chinh đứng đầu. Anh Tố Hữu lúc này được Trung Ương giao trực tiếp tổ chức, chỉ đạo công tác văn nghệ. Tôi là người của Tiểu ban tuyên truyền, làm tờ Sự Thật, do vậy mà có trách nhiệm liên lạc giữa Trung ương và bộ phận văn hoá - văn nghệ, giữa anh Trường Chinh và anh Tố Hữu. Trách*

---

80 Nguyễn Hữu Đang, trả lời phỏng vấn RFI, ngày 3/9/1995.

81 Sau *Sự Thật* là *Nhân Dân,* số 1, ra ngày 11/3/1951.

82 Theo Bùi Tín, CB là viết tắt hai chữ Của Bác.

83 X.Y.Z chỉ thành phần Cố Nông, trong Cải Cách Ruộng Đất.

84 Hà Xuân Trường, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học,* tập II, Tác Phẩm Mới, 1987, trang 44-45.

nhiệm chính là làm sao giúp Trung ương nắm tình hình văn nghệ, và từ góc độ báo Đảng, mà góp phần gợi giúp cho người văn nghệ mạnh dạn đi vào quần chúng, dần dần nắm hiểu đời sống, tham gia công tác cách mạng, và khắc phục từng bước các ảnh hưởng của cách nhìn và thói quen cảm xúc tiểu tư sản (...) Anh (Trường Chinh) *còn cho biết thêm là bản báo cáo* (Chủ Nghiã Mác Và Văn Hoá Việt Nam) *tuy là do anh trực tiếp soạn thảo, nhưng đã được ban thường vụ Trung ương thông qua và Bác đã xem và góp ý kiến*[85]*".*

Hoàng Trung Thông cũng cho biết: *"Sau này tôi mới biết cuốn truyện về chiến sĩ thi đua đầu tiên là do Bác Hồ viết để làm mẫu cho những người khác viết theo*[86]*".*

Tháng giêng năm 1956, Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời, thể hiện tự do sáng tác, bị dập tắt ngay. Vậy có thể hiểu là Trường Chinh đã giao cho Tố Hữu, người có tư thù với Hoàng Cầm, Trần Dần và Lê Đạt trong việc phê bình tập thơ Việt Bắc, xử lý vụ Giai Phẩm Mùa Xuân, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh.

Trong tháng 8 và 9 năm 1956, có hai sự kiện trùng hợp đáng kể: Đảng phát động Sửa Sai trong đại hội X và phong trào NVGP phát triển trở lại.

Vậy quyết định cho phép Hội Văn Nghệ tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày, theo đường lối Liên Xô, trong tháng 8/1956, đến từ ai, nếu không là Hồ Chí Minh?

Lớp học này do Nguyễn Hữu Đang phụ trách. Chọn Nguyễn Hữu Đang cũng là do Hồ Chí Minh bởi Trường Chinh và Nguyễn Hữu Đang là kình địch về mặt chính trị văn hoá.

Vai trò của Nguyễn Hữu Đang sẽ nổi bật trong lớp học này và bài tham luận ông đọc ngày 26/8/56 tổng kết lớp học sẽ là cái mốc quan trọng đẩy mạnh tiến trình đòi hỏi tự do

---

85 Hà Xuân Trường, bđd, trang 41- 42.

86 Hoàng Trung Thông, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập I, Tác Phẩm Mới, 1985, trang 191.

dân chủ, việc thành lập báo Nhân Văn và tục bản Giai Phẩm, tạo nên cuộc Cách Mạng Mùa Thu của Tư Tưởng.

Tháng 10/56 Hungary nổi dậy. Tháng 11/56 xe tăng Xô Viết tiến vào Budapest.

Ngày 9/12/1956, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh bãi bỏ quyền tự do báo chí. Đóng cửa báo Nhân Văn. Nhân Văn và Giai Phẩm bị dập tắt, lần thứ nhì, tháng12/56.

Tháng 2/57 trong Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quốc II, họp từ 20 đến 28/2 tại Hà Nội, Trường Chinh kêu gọi đấu tranh *"đập nát âm mưu phản động*" của nhóm NVGP.

Năm 1957, Hồ Chí Minh đi thăm Liên Xô và Mông Cổ, ghé Bắc Kinh để học tập chính sách của Mao Trạch Đông đánh phái hữu[87]. Huy Cận và Hà Xuân Trường cũng được cử đi học tập chính sách của Trung Quốc. Khi họ trở về, tháng 2/58 việc thanh trừng NVGP được tổ chức quy mô và toàn diện trong hai lớp đấu tranh Thái Hà.

---

87 Lê Hoài Nguyên, bđd.

Chương 5

Nội bộ báo Nhân Văn

Nhân Văn Giai Phẩm do hai nhóm bạn cùng chí hướng hợp tác điều hành.

Theo Hoàng Cầm, ngay từ đầu năm 1955, Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, thường họp nhau, khoảng 5 giờ chiều, ở quán trà Phúc Châu của người Tầu ở phố Hàng Giầy[88] để bàn chuyện văn nghệ. Chính tại quán này, họ đã bàn nhau ra một số báo Tết và đó sẽ là Giai Phẩm Mùa Xuân. Báo Nhân Văn không có trụ sở, *"toà soạn"* là căn nhà của Trần Thiếu Bảo thuê, rất lớn, có nhiều buồng để làm nhà xuất bản, ở 25 Phan Bội Châu, Nguyễn Hữu Đang ở gần đấy; tầng trệt để mấy máy in nhỏ, chỉ in lặt vặt, những tờ báo to như Nhân Văn, kể cả các tập Giai Phẩm cũng không in được, phải in ở nhà Xuân Thu của Đỗ Huân[89].

Lê Đạt, Hoàng Cầm chủ trương Giai Phẩm Mùa Xuân. Nhân Văn do Nguyễn Hữu Đang đề xướng, với Hoàng Cầm. Trương Tửu, Trần Thiếu Bảo chủ trương các tập Giai Phẩm.

Đó là những viên gạch nền móng, từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1956, đã quy tụ được một số đông văn nghệ sĩ trí thức, họp thành phong trào NVGP.

---

88 Theo Lê Đạt, tiệm trà Phúc Châu bây giờ là hàng phở Thắng, phố Tạ Hiền.

89 Theo băng *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè*.

Nhân Văn do Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt trách nhiệm bài vở. Giai Phẩm là một tập sách định kỳ, do Trương Tửu trông nom. Nhân Văn hướng về đấu tranh chính trị. Giai Phẩm đi vào chiều sâu của tư tưởng. Giai Phẩm xuất hiện trước, với Giai Phẩm Mùa Thu, tập I, ra ngày 29/8/56, nhưng Nhân Văn vẫn được coi là "đầu não" của phong trào. Hiện nay, chưa biết rõ nội tình Giai Phẩm vì Trương Tửu và Trần Thiếu Bảo cho đến lúc mất, đều không phát biểu gì. Về nội bộ Nhân Văn, một phần sự thật được thuật lại, nhờ tiếng nói của những thành viên chính. Những người viết cho Nhân Văn cũng đều có mặt trên Giai Phẩm và ngược lại.

Ngày 20/9/1956, Nhân Văn số 1 ra đời. Về mặt chính thức, tờ báo do Phan Khôi làm chủ nhiệm và Trần Duy, thư ký toà soạn. Nhưng thực sự, nội bộ báo Nhân Văn đã được cấu trúc như thế nào? Để dựng lại sự việc đã xẩy ra, chúng tôi dùng hai loại chứng:

- *Loại thứ nhất:* Gồm những lời tuyên bố của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Duy, trên RFI; những bản *"thú nhận"* của các thành viên chính, viết trong đợt đấu tranh chống NVGP ở Thái Hà ấp, giữa tháng 3 và 4 năm 1958; và loạt băng *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè,* ghi âm trong khoảng 1998-2008. Những lời *"thú nhận"* ưu tiên, vì đã được viết trong thời gian bi kịch xẩy ra, tại chỗ, trong khi những lời viết, tuyên bố, ghi âm sau này, qua nửa thế kỷ, có thể trí nhớ không trung thành.

- *Loại thứ hai:* Các bài đánh NVGP, phản ảnh chính sách đàn áp, bôi nhọ và các ngõ ngách bên trong của chế độ.

● Đôi lời về những bài "thú nhận"

Về những lời *"thú nhận"* cũng nên đặt câu hỏi: đã viết trong điều kiện như thế nào?

1- Viết trong đợt đấu tranh thứ nhì chống NVGP tại Thái Hà ấp, tháng 3 và 4/58, có 304 người dự (bối cảnh cả hai lớp Thái Hà sẽ đề cập đến trong chương 6).

2- Theo Lê Đạt, ở hội trường, mọi người đứng lên *"phát hiện tội Nhân Văn"*. Và *"Sau khi tất cả mọi người phát hiện các tội của Nhân Văn xong rồi, thì mới đến lượt Nhân Văn, từng người một, nhận tội"*. Rồi sau đó, các "Nhân Văn" về tổ của mình làm "bài khai". *"Bài khai phải được tổ thông qua, và lại phải đưa ra hội trường thông qua nữa, thì anh mới được xong"*. Tức là mới được về.

3- Như thế, những *"bài khai"* được viết dưới áp lực của *"đấu trường"* kéo dài trong một tháng, và cũng là bài *"tổng kết tội trạng"* mà mỗi người phải tự mình viết ra. Trong khi viết, họ không được trao đổi với nhau, sau đó phải đọc trong tổ, tổ thông qua, rồi mới đọc cho hội trường nghe và duyệt. Vì những lẽ đó, họ khó có thể *"khai man"* (vì sợ bị so sánh tại chỗ với những lời khai của người khác).

4- Vì vậy, chúng tôi coi những bài *thú nhận* là những văn bản sớm nhất (viết từ tháng 3/58) về những việc thực sự đã xẩy ra trong thời kỳ NVGP[90]. Chính Hoàng Cầm trong băng ghi âm, cũng coi bài khai khoảng 100 trang giấy học sinh của mình là cuốn "hồi ký" tự tố rất đúng về những gì xẩy ra trong thời kỳ này.

5- Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Duy, *"không được"* dự lớp Thái Hà vì thuộc diện những *"phần tử xấu"*. Vì vậy, không có bản *"thú nhận"* của họ. Lê Đạt cho biết:

"Không phải là chị Thụy An, anh Trần Duy và ông Phan Khôi không chịu đi học. Ở đấy người ta chia ra: Những người nào hoạt động chính trị mà người ta cho là có tính chất phản động, là những phần tử xấu thì người ta "không cho" đi học lớp ấy: Phan Khôi, Thụy An, Trần Duy "không được" học. Chỉ có những văn nghệ sĩ mà người ta

---

90 Những bài *thú nhận* của Trần Dần và Lê Đạt, được/bị trích đăng trên hai báo Văn Học số 1 (25/5/1958) và Văn Nghệ số 12 (5/58), những bài của Hoàng Cầm và Phùng Quán đăng trên Văn Nghệ số 12, bài của Văn Cao trên Văn Học số 3 (5/6/58), bài của Trần Đức Thảo trên Nhân Dân số 1532-1533 (23-24/5/58)... Tất cả đều trích in trong cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Toà Án Dư Luận*.

cho là những người vì quan điểm lầm lạc, được Đảng chiếu cố cải tạo giúp đỡ, thì mới được đi học lớp ấy thôi. Cho nên đi học lớp ấy, gay go thế cũng là một "ưu tiên"[91]*".*

6- Văn bản *"thú tội"* phản ảnh tâm thức người viết: Qua những bài khai, Lê Đạt và Trần Đức Thảo giữ được phong độ của người trí thức: Chịu trách nhiệm việc mình làm. Không đổ lỗi cho người khác. Không gọi bạn đồng hành là *tên*, là *nó*, là *bọn*, tuy đó là cách phải gọi những người NVGP trong các lớp học tập. Văn bản *"thú tội"* phản ảnh không khí trù dập, đàn áp, xuống cấp và thù nghịch ở ấp Thái Hà và sức chịu đựng của từng người: Trong ba người bạn thân: Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, thì Lê Đạt có bản lãnh hơn cả.

7- Văn bản đánh NVGP cũng cho rất nhiều thông tin: nó phản ảnh không khí trù dập, đàn áp, vu khống, bức hại và tư cách của người viết: có người không thể từ chối, miễn cưỡng viết cho qua, có người ác tâm vụ lợi, đánh để tiến thân, lên chức.

● Ý định ra báo Nhân Văn

Ý định ra báo là của Nguyễn Hữu Đang. Nguyễn Hữu Đang thuyết phục Hoàng Cầm. Hoàng Cầm bàn với 5 người bạn trong Giai Phẩm Mùa Xuân: Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Văn Cao và Đặng Đình Hưng. Phần đông đều e ngại, không muốn cộng tác vì nghi ngờ Nguyễn Hữu Đang là người làm chính trị. Một mặt khác, sau vụ đàn áp Giai Phẩm Mùa Xuân, Trần Dần, Lê Đạt đều muốn nghỉ - chuyện gia đình, mới lấy vợ, có con. Hoàng Cầm nhận phụ trách phần văn nghệ, nhưng đến Nhân Văn số 2, Lê Đạt phải vào.

Hoàng Cầm kể trên RFI, 8/2/2008: "*...thì lúc bấy giờ* (xong lớp 18 ngày) *anh Đang anh ấy mới nẩy ra một ý: Đang lúc văn nghệ sĩ có nhiều "thắc mắc" như thế này thì chúng mình nên ra một tờ báo. Tôi bảo: Ra báo thì phải có*

---

91 Lê Đạt trả lời RFI.

tiền, chứ tự nhiên ra thế nào được. Anh Đang bảo: Tiền thì tôi sẽ nhờ người bạn đi vay và chắc chắn chỉ vài số báo là đã có thể trả được... Đầu tiên tôi không nhận lời, vì lúc ấy tôi đang làm ở nhà xuất bản của Hội Văn Nghệ, nhiều công việc bận lắm. Nhưng mà anh ấy vẫn không tha. Anh ấy cứ bám riết lấy. (...) giữ riệt lấy tôi và thúc đẩy tôi. Thế rồi cuối cùng tôi cũng phải nhận lời. Bởi tôi cũng dễ tính và hay nể bạn".

Trong bài *"thú nhận",* tháng 3/1958, Hoàng Cầm viết:

"Bàn về tiền ra báo, tôi tán thành tên Tước[92] *do Nguyễn Hữu Đang giới thiệu, bỏ tiền ra làm vốn. Tôi đã đi họp hai lần ở nhà tên Tước, lần đầu với Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Tước bàn về thể tài tờ báo. Tư tưởng tôi lúc đó phản đối mọi đường lối, chính sách của Đảng nên tôi nghĩ: Báo văn nghệ hay văn hoá xã hội cũng được, miễn là ra được, nhưng chỗ tôi biết hơn cả là mặt văn nghệ, thì tôi tự nhận phần văn nghệ, còn ngoài ra ai muốn viết về vấn đề gì, tôi cũng tán thành. Một lần nữa, có Nguyễn Bính, Đang, Tước bàn về tên tờ báo và mời Nguyễn Bính làm thư ký toà soạn, thì tôi nghĩ là "tên báo gì gì cũng được" miễn là có báo ra được"*[93].

Như vậy, Nguyễn Bính đã có mặt trong những buổi họp trước khi ra báo Nhân Văn. Nhưng rút cục Nguyễn Bính không vào Nhân Văn mà làm tờ Trăm Hoa, bộ mới.

Lê Đạt, kể lại trên RFI như sau: *"Trong buổi học tập văn nghệ đó* (lớp 18 ngày), *anh Đang có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Lúc đó Đang có nói một câu với Nguyễn Đình Thi -Nguyễn Đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ- Đang nói rằng: "Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được*

---

92 là một người thân thuộc của nhà xuất bản Minh Đức.

93 Hoàng Cầm, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958.

nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm (...) Đến lúc ra báo Nhân Văn, cũng lại có nhiều khó khăn. Anh Dần muốn trực tiếp lo chuyện gia đình vì anh ấy gặp nhiều khó khăn quá: bị bắt, rồi lại phải lo cho con cái. Còn tôi lúc đó, tôi cũng muốn nghỉ. Anh Đang lại không thuộc nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đang là một cán bộ chính trị cũ, anh ấy chỉ biết tôi thôi, thế còn quan hệ với anh em Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đang lại không có. Mà các anh ở Giai Phẩm Mùa Xuân cũng không thích anh Đang. Chúng tôi mới quyết định thế này: Anh Cầm đang rỗi rãi, bèn giao cho anh Cầm; tách anh Cầm ra làm việc chung với anh Đang[94]*".*

Trong bài *"thú nhận",* tháng 3/1958, Lê Đạt viết:

"Sau thời gian lớp học 18 ngày, Nguyễn Hữu Đang cùng với Hoàng Cầm ra báo. Hoàng Cầm đặt vấn đề với nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân. Văn Cao, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm và tôi bàn ở tiệm trà Phúc Châu. Đa số đồng ý là không tham gia biên tập vì cho Nguyễn Hữu Đang không phải là người văn nghệ, có thể nhiều động cơ cá nhân không tốt, hai là tập họp anh em đông quá trong số đó có nhiều phần tử chạy theo, cơ hội không nắm chặt được, sợ manh động (viết lách ẩu, quá khích bị lãnh đạo đánh)"[95].

Trần Dần trong bài *"thú nhận",* viết:

"... Đến lớp học mười tám ngày, Nguyễn Hữu Đang từ lâu nằm phục xuống, nhờ cơ hội này đứng dậy phất cờ. Nếu không có Đang sẽ không có tham luận với những đề nghị: Gặp Trung ương, ra báo v.v... mà cũng sẽ không có tờ Nhân Văn.

Tư tưởng chống đối trong tôi cũng ngóc dậy. Tuy đồng tình với Nguyễn Hữu Đang, song không đồng tình về phương pháp (...) Nguyễn Hữu Đang định kéo nhóm Giai Phẩm Mùa

---

94 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

95 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958, trg 74.

Xuân làm vốn cho hắn ra báo, đấu tranh với Đảng, vì từ lâu hắn đã ngửi thấy ở đó có vấn đề có thể kiếm chác được. Vấp phải sự rùng rằng (dùng dằng) *không muốn tham gia của nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân (vì nhiều lẽ), hắn kéo lẻ từng người. Đầu tiên là Hoàng Cầm (...) Đến khi Nhân Văn thông qua bài số 1, tôi đến, thấy hỗn độn táp nham quá, mình dự đây là dại, nên nửa chừng bỏ về. Lúc đó tôi đã nghi Nguyễn Hữu Đang, cho là thằng quá tả, vấn đề gì cũng định đưa ra công khai, tôi cho rằng hắn sẽ làm hỏng phong trào của lớp học mười tám ngày thôi. Sẽ lại thất bại như hồi bộ đội. Nên tôi tự đặt nhiệm vụ dùng Hoàng Cầm, Lê Đạt mà ghìm hắn lại*[96]*".*

Trần Dần vì nghi kỵ Nguyễn Hữu Đang, không muốn tham dự, nhưng cũng không bỏ hẳn. Trong nội bộ Nhân Văn, từ đầu, đã có những bất đồng: Nguyễn Hữu Đang muốn mở rộng cuộc tranh đấu sang chính trị: *đòi hỏi tự do dân chủ*. Hoàng Cầm thế nào cũng được. Trần Dần chỉ muốn *đòi tự do sáng tác*. Lê Đạt giữ vị trí trung gian: Đồng ý với Nguyễn Hữu Đang về đấu tranh tự do dân chủ nhưng chỉ muốn thực hiện bằng con đường sáng tác.

Đó là những *"khó khăn"* mà Lê Đạt nói đến khi lập tờ Nhân Văn, nhưng không chỉ có những *"khó khăn"* nội bộ, mà còn cả những khó khăn do áp lực bên ngoài. Một chủ trương *"rầm rộ"* như vậy, lãnh đạo không thể không biết. Và Trung Ương đã tìm cách khuyên nhóm Nhân Văn dẹp ý định làm báo đối lập, bằng cách nói riêng với từng người.

● Bộ Chính Trị gặp ba người chủ chốt khuyên nên bỏ ý định ra báo

Hoàng Cầm kể trên RFI: *"Trước khi ra báo thì các anh em đã rậm rịch nói với nhau rồi, cho nên tin tức đều đến tai lãnh đạo cả. Thì lãnh đạo, tức là Bộ Chính Trị, đã bố trí cho*

---

96 Trần Dần, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, 5/1958, trang 61.

cho ông Võ Nguyên Giáp mời Nguyễn Hữu Đang lên nói chuyện, mời riêng đấy. Còn ông Lê Đức Thọ, lúc bấy giờ cũng là Bộ Chính Trị, thì mời Lê Đạt và ông Lê Liêm lúc bấy giờ là Tổng Cục Phó Tổng Cục Chính Trị (về sau này ông ấy mới chuyển sang làm Thứ trưởng Bộ Giáo Dục), thì mời tôi. Như vậy là ba ông ủy viên bộ chính trị gặp những người chủ chốt của Nhân Văn, và nếu mà ba ông ấy thuyết phục được ba người đó đừng ra báo, thì thôi, coi như là yên ổn cả, không có chuyện gì. Ông Lê Liêm gặp tôi đến ba buổi tối trong nhà khách của quân đội, ông Giáp thì gặp anh Đang, ông Lê Đức Thọ gặp anh Lê Đạt, tất nhiên là để nói đến chuyện ra tờ báo, thì họ cũng lấy tình đồng chí, tình bạn bè, khuyên bảo, chứ không phải để ra lệnh gì. Ông Lê Liêm gặp tôi rất khiêm tốn, nói hết những cái Đảng có thể có những sai lầm này, sai lầm khác v.v... trong việc lãnh đạo văn nghệ. Tự ông ấy nói ra để cho mình hiểu và yên tâm là Đảng cũng biết đấy, để Đảng sửa dần, để cho mình muốn nói cái gì về Đảng trên tờ báo của mình thì mình rút đi, rút lui cái ý kiến trên báo ấy đi. Mục đích của những cuộc gặp đó là như thế. Khổ một nỗi là lúc bấy giờ những "thắc mắc" của anh em văn nghệ nó ồn ã lắm. Mà nó nhiều cái sâu sắc lắm, cho nên anh Đang anh ấy kiên quyết là không, cứ phải ra báo, phải ra báo thì mới nói được. Anh Đang kiên quyết ra báo. Tôi thì ra cũng được mà không ra cũng được. Thế là trong nội bộ của mấy anh em hoạt động nhất trong báo Nhân Văn là Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt và tôi cùng thống nhất với nhau là cứ ra. Thế là ra được Nhân Văn số 1[97]".

● Mời Phan Khôi làm chủ nhiệm
Trần Duy làm thư ký toà soạn

Việc mời Phan Khôi do Nguyễn Hữu Đang nghĩ ra. Lê Đạt kể: *"Đang bảo: Hay là mời cụ Phan Khôi? Mà cụ Phan*

---

97 Hoàng Cầm, RFI, 8/2/2008.

Khôi cũng lại không thân gì với Đang lắm. Thế là anh Hoàng Cầm được cử đến mời cụ Phan Khôi. Phan Khôi khẳng khái nhận lời ngay"[98].

Việc mời Trần Duy có hai ý kiến khác nhau, Trần Duy, nói trên RFI:

"Tôi không biết Trần Dần, tôi cũng không biết Hoàng Cầm. Mãi sau buổi họp ở 51 Trần Hưng Đạo, đưa bài Nhất định thắng của Trần Dần -hôm đó là cuộc hội rất lớn- kết tội bài đó[99]*. Tôi với ông Phan Khôi ngồi gần nhau (...) Người ta quy rằng Trần Dần như thế là ngã về địch, bị gián điệp (...). Ông Phan Khôi nói với tôi: Quy cho người ta là gián điệp, là chính trị, nhanh quá, rất nguy hiểm (...). Vì thế tôi không quen biết những người này nhưng vì ông Phan Khôi, tôi đứng trên quan điểm của ông Phan Khôi, tôi rất ủng hộ ông Trần Dần mà tôi không biết ông Trần Dần là ai cả. Tôi cũng không biết ông Hoàng Cầm. Tôi biết anh Lê Đạt vì tôi cùng về báo Văn Nghệ (...) Do ông Phan Khôi tôi biết nhóm Lê Đạt và Trần Dần*[100]*".*

Cũng về việc này, Hoàng Cầm viết trong bài *"thú nhận",* như sau:

"Chỉ có việc Nguyễn Hữu Đang mời tôi làm thư ký toà soạn là tôi không nhận, lý do chỉ vì sợ trách nhiệm, muốn đùn trách nhiệm cho người khác. Tôi đã đùn cho Trần Duy trong một buổi tình cờ gặp Trần Duy ở nhà Minh Đức. Tôi gọi nó lên gác nhà tên Đang, giới thiệu nó với tên Đang. Trần Duy nhận lời ngay[101]*".*

---

98 Lê Đạt trả lời RFI.

99 Trần Duy muốn nói đến buổi "hội lớn" của Hội Văn Nghệ, đánh Trần Dần với 150 người dự. Trước đó là buổi Đại Hội Tuyên Huấn, cũng vào tháng 2/1956.

100 Trần Duy trả lời RFI, tháng 7/2008.

101 Hoàng Cầm, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958.

● Ai quyết định nội dung bài vở báo Nhân Văn?

Trong bài *"thú nhận",* Lê Đạt viết: "*Tôi tham gia Nhân Văn với ý thức là người lãnh đạo lý luận của tờ báo vì tôi cho tôi vững vàng hơn Nguyễn Hữu Đang. Ban biên tập lúc đó gồm bốn người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và tôi*[102]".

Vậy trong bốn người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và Lê Đạt, ai quyết định nội dung tờ báo?

Trần Duy trả lời trên RFI:

"*Tất cả bài vở là do Đang và Đạt quyết định và bài vở tập hợp vào tôi, khi thiếu bài hoặc mise mà không có thì bảo tôi làm cái remplissage lấp lỗ trống hoặc thu dọn bài này, bài nọ, trang mấy, trang mấy có tranh, thì bảo tôi làm. Sự thật ra quyết định bài vở phần lớn là Đang, quyết định nội dung bài là Đạt. Còn thầy cò thầy kiện là ông Văn Cao. Ông Trần Dần, ông Hoàng Cầm là đứng sau lưng. Người chủ động và trực tiếp với tôi là Lê Đạt, người chủ động bài vở là ông Nguyễn Hữu Đang. Tất nhiên là tôi không quyết định được bài vở rồi, nhưng có bài nào cần thiết thì Lê Đạt bảo: Ông viết đi, vấn đề này ông viết được, ông viết hộ tôi, ví dụ như tự do sáng tác hay là gì đó thì ông cứ viết, ông lại hơi có cái giọng humour thì ông làm cho tôi... không phải chuyện cười, những chuyện thời sự ông đi góp nhặt các nơi. Thì tôi phụ trách mục đó và tôi đề TD, là Trần Duy đó. Sau khi mise những bài chính rồi thì tôi là người lấp remplissage phần còn lại của tờ báo. Sự thực ra người ta không bao giờ hỏi ông Phan Khôi về một cái gì cả*[103]".

Vẫn theo lời Trần Duy, Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang thường hay cãi nhau.

Vậy sự bất đồng ý kiến đó là gì?

Có phải về mục tiêu đấu tranh, hay là điều gì khác?

---

102 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58, trang 75.
103 Trần Duy trả lời RFI.

Lê Đạt viết trong bài *"thú nhận":*

"Về mục tiêu đấu tranh của Nhân Văn: Một mặt, lật đổ bộ phận lãnh đạo mà tôi cho là bè phái (đồng chí Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi), một mặt nữa đấu tranh với Trung ương về tự do dân chủ, tôi tán thành nhưng vẫn muốn đấu tranh bằng hình thức văn nghệ. Lúc đó tôi có khuyên Hoàng Cầm nên đẩy mạnh mặt văn nghệ của tờ báo còn phần đấu tranh cho tự do dân chủ thì làm một phần nhẹ thôi". "Xét cho cùng lúc đầu tôi với Nguyễn Hữu Đang chỉ khác nhau về chiến thuật. Tuy không tham gia biên tập nhưng khi in số 1 thỉnh thoảng tôi cũng có đến[104]*".*

- Nhân Văn số 1, ra ngày 20/9/56, gồm các bài chính:

Bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt, bài *Tiến tới xét lại một vụ án văn học: Con người Trần Dần* của Hoàng Cầm, bức tranh *Nguyễn Sáng* vẽ Trần Dần với vết sẹo trên cổ, và bài *Luật sư Nguyễn Mạnh Tường trả lời về vấn đề mở rộng tự do dân chủ.*

- Nhân Văn số 2, ra ngày 30/9/1956, với ba bài chính: *Phấn đấu cho trăm hoa đua nở* của Trần Duy, Đào Duy Anh trả lời về vấn đề mở rộng tự do dân chủ và bài *Trả lời bạn Nguyễn Chương và báo Nhân Dân,* do Nguyễn Hữu Đang viết, nhưng ký tên Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Duy.

- Nhân Văn số 3, ra ngày 15/10/1956, xác định rõ ràng đường lối tranh đấu cho tự do dân chủ với hai bài chính:

Nỗ lực phát triển dân chủ của Trần Đức Thảo và *Đặng Văn Ngữ trả lời về mở rộng tự do dân chủ*.

Sau Nhân Văn số 3, có ba sự kiện quan trọng xẩy ra:

- Phan Khôi đi Trung Quốc.
- Trường Chinh tổ chức tọa đàm.
- Trần Duy lên gặp thủ tướng Phạm Văn Đồng.

---

[104] Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58, trang 75.

● Phan Khôi đi Trung Quốc

Nhân Văn số 3 đăng một thông báo ngắn của Phan Khôi:
"Tôi đi công tác Trung Quốc một thời gian chưa biết bao lâu. Về tờ báo Nhân Văn, tôi ủy quyền chủ nhiệm cho ông Trần Duy, thư ký toà soạn, ông Trần Duy sẽ chịu trách nhiệm trong những ngày tôi đi vắng. Tuy vậy, tôi cũng vẫn liên đới chịu trách nhiệm."
Phan Khôi

Theo Hoàng Cầm, sau Nhân Văn số 3[105], Trung Quốc mời đích danh Phan Khôi sang dự lễ 100 năm sinh Lỗ Tấn, bởi vì người ta biết Phan Khôi là người dịch Lỗ Tấn hay nhất ở Việt Nam. Ban lãnh đạo Việt Nam thương lượng với bên Tàu cho một người đi kèm. Phan Khôi biết thế, ông bảo: *Thế nào nó cũng cử một người nữa đi kèm.* Tôi (Hoàng Cầm) hỏi: *Bác có đồng ý không*? Ông bảo: *Nó đưa ra ba, bốn người, tau không đồng ý, sau đến cậu này, tau bảo được, vì thấy nó cũng lành*. - *Ai vậy? - Tế Hanh*. Tế Hanh tôi biết là người tốt bụng, nhưng nhút nhát không dám thân mật với anh em Nhân Văn.
Trước khi đi, ông bắt tôi phải lo cho ông hai số đầu Nhân Văn, đủ 20 bản mỗi số, và 3 cuốn Giai Phẩm, mỗi cuốn 10 bản. Báo bán hết nhẵn rồi, tôi phải hỏi anh Minh Đức, may anh ấy là chủ nhà xuất bản nên giấu lại một ít. Tối hôm trước khi ông đi, tôi đến thăm, thấy ông và bà vợ đang sửa soạn va li. Bà chuẩn bị quần áo ấm cho ông. Riêng sách báo thì ông chất vào một va li to, độ khoảng 20 tờ Nhân Văn với 30 quyển Giai Phẩm cả Mùa Xuân, Mùa Thu. Ông đường hoàng lắm, nhà ông khi có khách ông chả cần đóng cửa, ông chẳng có gì phải giữ kín, thậm chí ông chửi cán bộ cộng sản to tướng, mà ông cứ nói oang oang, tôi rất sợ, nhưng không dám can *"bác nói sẽ chứ"*, sợ ông mắng.

---

105 Trong băng ghi âm, Hoàng Cầm nói là NV số 2.

Chợt anh Phan Thao đến thăm bố, hỏi: *Mai đi bố đã chuẩn bị xong chưa*? Ông không trả lời. Lúc anh sờ đến cái va li ông đã đóng rồi, mở ra, thấy trong toàn Nhân Văn với Giai Phẩm, anh nói: *Sách báo này sao bố mang đi nhiều thế, mỗi thứ một cuốn là đủ.* Thì ông nổi giận: *Không việc gì đến mi, việc của tau tau làm*. Phan Thao vẫn kiên nhẫn nói năng nhỏ nhẹ: *Con thấy bố mang đi nặng, thêm mệt, vô ích, bố định phân phối cho người ta hay sao mà mang nhiều thế.* Ông càng cáu, hét to: *Việc tau tau làm, mày cút đi!* Ông quát to lắm, giọng ông còn khỏe, lúc ấy ông đã 70, tôi nghĩ ông còn sống lâu lắm. Phan Thao cứ bình tĩnh xem xét hành lý, can bố đừng mang tài liệu này, kia, ông lại càng cáu, chỉ tay ra cửa: *Việc tau tau làm, mày cút đi! Cái thằng cộng sản!* Tôi can cũng không được, ông càng nóng thêm, ông mắng nặng lắm: *Tao không bố con gì với mi, nó là quân cộng sản, là đồ chó.* Tôi đành nói với anh Thao: Thôi anh về đi, ông cụ đang có gì bực mình. Anh Phan Thao đành phải ra về.

Thế rồi ông đi, đi độ hơn 20 ngày thì ông về, ông kể, chúng nó thay hết những số báo trong khi bay, chỉ có hai số Nhân Văn ông để trong túi xách tay là còn. Ông định mang sách báo sang Tàu để tặng những người nào trong hội nghị mà ông thấy chơi được. Chỉ còn hai số báo Nhân Văn, ông đành cho mượn đọc. Tôi hỏi họ nghĩ gì, thì ông bảo Trung Hoa người ta khéo lắm, không phê bình gì cả, chỉ khen báo in đẹp. Ông cay chuyện bị mất báo lắm, động nói đến là ông chửi. Sau tôi không dám hỏi nữa. Khi ông về thì chúng tôi đã sửa soạn xong Nhân Văn số 4[106].

---

106 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

● Trần Duy lên gặp Phạm Văn Đồng

Trần Duy thuật lại trên RFI:

"Tôi gặp anh Phạm Văn Đồng, ông Đồng gọi tôi lên, khi đó là số 3 rồi. Khi đó có những tin đồn là Nhân Văn muốn ngả về những mouvement, những phong trào đòi dân chủ ở Hung hay là ở Nam Tư gì đó, thì anh Đồng có cho gọi ban biên tập và tòa soạn lên, cuối cùng anh em bảo Trần Duy lên gặp, thì tôi lên. Việc tôi lên gặp ông Đồng cũng có một số anh em tán thành, một số không tán thành, cho rằng như thế là tự mình ràng buộc với... chính quyền.

Nhưng tôi nghĩ rằng anh không thể nào vượt chính quyền được và anh không thể nào vượt khỏi tổ chức của đảng được, không thể chống lại được nó, làm cái gì cũng phải nằm trong cơ sở tổ chức của đảng thôi. Tôi lên gặp ông Đồng. Thái độ của ông Đồng rất cởi mở, gặp tôi bảo: "Tôi hiện nay rất bận (...) , tôi ủy cho anh Phan Mỹ thay tôi để giải quyết những vấn đề gì của anh em còn vướng mắc, theo tôi thì đừng nói chữ đấu tranh, các anh cần gì, yêu cầu gì, các anh cứ việc đề ra và chúng tôi giải quyết chứ đừng đấu tranh, đòi hỏi cái gì mà phải đấu tranh" (...). Ông Đồng đi thì tôi ngồi nói chuyện với anh Phan Mỹ, anh Phan Mỹ bảo: Các anh cần gì, vấn đề tài chính thì tất nhiên chính phủ làm được việc đó, các anh cần mua giấy thì chúng tôi cấp giấy cho các anh mua. Xong việc ấy tôi về gặp anh em ở một cái quán nhỏ đầu Hàng Nón, mọi người ở đấy, có Văn Cao, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, ... và tôi. Một lúc thì Đang đến, tôi nói chuyện tôi gặp như thế thì tất cả mọi người, trừ Lê Đạt, đều cho rằng thái độ của tôi là thái độ đầu hàng[107]*".*

Theo tin trong Nhân Văn số 3: Sở dĩ Nhân Văn phải bán giá cao hơn các báo khác, vì *"chỉ được Cơ Quan Mậu Dịch Trung Ương cung cấp giấy đủ để in 2000 số", trong khi*

---

[107] Trần Duy, trả lời RFI.

số 2, in 6000 và số 3, in 7000 số, vì vậy phải mua thêm giấy ngoài thị trường với giá đắt gấp đôi giá mậu dịch".

Tin trong Nhân Văn số 4: "*Kỳ này, in 12.000 số, mà vẫn chỉ được Sở Báo Chí và Mậu Dịch Trung Ương cung cấp giấy đủ in 2000 số, tuy chúng tôi đã nhiều lần xin thêm*".

Hoàng Cầm cho biết: Đến số 5 thì toà soạn cho tái bản từ số 1 đến số 5, mỗi số in từ 2 vạn (20.000) đến 2 vạn rưởi (25.000) và sang số 6, định in ba vạn (30.000) số[108].

● Trường Chinh tổ chức tọa đàm

Theo tin trên Nhân Văn số 4 ra ngày 5/11/56, thì ngày 20/10/56 bắt đầu cuộc tọa đàm giữa đại diện ban chấp hành Trung Ương đảng Lao Động Việt Nam và các ngành văn học nghệ thuật. Ba buổi tọa đàm này được tổ chức những ngày: 20, 21, và tối 23/10/56[109].

Võ Hồng Cương, cục phó Cục Tuyên Huấn, viết:

"Ngay từ khi chúng xuất bản "Giai phẩm mùa thu" tập I và Nhân Văn số I, giới văn nghệ sĩ ta đã thấy rõ tính chất phản động của chúng, nên đã kịp thời phê phán chúng trước dư luận nhân dân. Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam muốn mở đường cho chúng hối cải, nên tuy rất bận về công tác sửa sai rất khẩn trương, cũng đã để thì giờ gặp chúng đến ba lần, để nghe chúng phát biểu thắc mắc nguyện vọng và nghe chúng phê bình sự lãnh đạo của cán bộ phụ trách văn nghệ của Đảng rồi khuyên bảo chúng những điều nên làm và những việc nên tránh[110]".

Lê Đạt viết trong bản "tự thú": *"Sau cuộc tọa đàm với Trung Ương, tôi viết bài "Hoan nghênh Trung Ương Đảng lắng nghe cán bộ và quần chúng" để gây thanh thế cho báo*

---

108 Theo băng *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.*

109 Những buổi tọa đàm này không chỉ dành riêng cho Nhân Văn, tổ chức sau Nhân Văn số 3 (15/10/56).

110 Hồng Cương, *Cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận văn nghệ hiện nay,* VNQĐ số 6, tháng 6/58, trang 36.

Nhân Văn. Một mặt khác tôi luôn luôn đả kích chuyên chính vô sản mà tôi cho là độc tài. Tôi tung ra trong anh em lập luận: "Từ khi về hoà bình mất đối tượng đế quốc và địa chủ, Đảng chĩa nhầm mũi dùi chuyên chính vào nhân dân"[111].

Trần Dần viết trong bài "tự thú": *"Khoảng Nhân Văn số 3, tôi được cử đi gặp Trung Ương Đảng. Tôi chuẩn bị kết án sự lãnh đạo văn nghệ trước, và đòi trăm hoa đua nở. Song mọi người nói cả rồi nên thôi (sau có viết bài đăng báo Nhân Văn). Trước cuộc họp tọa đàm này, Nguyễn Hữu Đang có họp tôi không dự, nội dung đâu như chuẩn bị ra một số đặc biệt, lợi dụng cuộc tọa đàm với Trung Ương đem mọi lời phát biểu phơi trần ra công khai đánh vào Đảng*[112]*".*

Theo lời khai trên đây của Trần Dần, thì từ sau số 3, ông không còn *"ở ngoài"* Nhân Văn (như ông đã khai ở phần trên) mà đã *"vào trong"* Nhân Văn. Trần Dần đến dự buổi tọa đàm với mục đích *"kết án sự lãnh đạo văn nghệ"* và *"đòi hỏi trăm hoa đua nở",* nhưng chưa kịp nói thì *"mọi người đã nói cả rồi".*

Mặc dù tên Trường Chinh không được chính thức nêu ra -có lẽ vì ông đã lệnh cho báo chí không được viết về vụ tọa đàm- nhưng qua băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè, thì Trung Ương Đảng ở đây chính là Trường Chinh:

"Trong thời gian từ số 3 đến số 5 Nhân Văn, ông Trường Chinh[113] mời một số nhà báo đến họp tại trụ sở Trung Ương Đảng. Địa điểm trông ra hồ Ha-Le, sau này là đại sứ quán Lào. Giấy mời ký tên Phan Mỹ, đổng lý văn phòng Phủ Thủ Tướng. Đại diện các báo có đủ cả: Thanh Niên, Trăm Hoa, Phụ Nữ... Báo Nhân Văn đi dự gồm: Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Trần Duy, Lê Đạt, Trần

---

111 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

112 Trần Dần, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, 5/1958.

113 Trường Chinh lúc đó đã từ chức Tổng bí thư được một tháng, nhưng vẫn là Uỷ viên Bộ Chính Trị.

Dần không đi[114], Phùng Quán còn non nớt quá, chúng tôi không cử.

Thụy An cũng đi, không hiểu ví lý do gì. Thụy An không làm báo Nhân Văn nhưng rất thân với Lê Đạt và Phùng Quán, có thể là chính ông Trường Chinh mời, vì bà ở trong Hội Văn Nghệ.

Ông Trường Chinh ngồi một mình một bàn ở trên, ông tuyên bố ngắn gọn, đại ý: *Hôm nay tôi mời các báo đến để xem tình hình trong nước, tình hình thế giới, vậy xin các bạn cứ phát biểu tự do, nói lên những nguyện vọng của mình*.

Không có thư ký, ông ghi lấy, ai nói gì ông cũng ghi, ông ghi lia lịa. Trong khi mọi người phát biểu thì chúng tôi vẫn có thể nói chuyện thì thầm với nhau.

Tôi ngồi đối diện ông Tố Hữu. Trần Duy đối diện ông Xuân Thuỷ. Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt ngồi riêng.

Ông Tố Hữu nói với tôi bằng một giọng rất nhỏ nhẹ, đại ý: qua những số báo Nhân Văn vừa rồi, tôi thấy anh viết những điều không có lợi cho Đảng... Tôi chỉ mỉm cười không trả lời. Những người lên phát biểu chỉ trích những sai trái của lãnh đạo. Tôi lên nói về vụ Trần Dần, Tử Phác, một nhà thơ và một nhạc sĩ, chỉ vì một bài đăng trên Giai Phẩm Mùa Xuân mà bị bắt giam xuống một cái hầm đã giam những tội phạm chính trị của thực dân Pháp, chứng tỏ có một cá nhân nào đã lợi dụng quyền thế để đàn áp văn nghệ sĩ, tôi yêu cầu Đảng và nhà nước, tìm ra ai là thủ phạm, ai là người xướng xuất ra vụ bắt bớ này. Ông Trường Chinh chỉ ghi, chứ không nói gì.

Anh Nguyễn Bính lên tố cáo bị Thiết Vũ đánh. Ông Trường Chinh vẫn ghi rất nhanh vào cuốn sổ riêng. Thụy An, Nguyễn Hữu Loan cũng phát biểu, về những hiện tượng

---

114 Trần Dần có đi, nhưng có lẽ không phát biểu nên Hoàng Cầm không nhớ. Lê Đạt trên Nhân Văn số 4, ghi: Nhân Văn gửi 3 đại diện đi dự. Vậy ba người "chính thức" được cử đi là Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt và Hoàng Cầm.

"không tốt đẹp" ở miền Bắc... thì ông Trường Chinh cũng cứ ghi, ghi rất nhanh mà không nói gì.

Lúc vãn họp, ông mới nói đại ý: *Tôi yêu cầu các báo giữ kín, không được tường thuật, không đăng một tý gì.*

Về, thì ông Đang bảo: *Ông Trường Chinh bảo không đăng, không tường thuật, mình cứ đăng chứ sợ gì, làm ngắn thôi và viết đúng như sự thật*.

Riêng Văn Cao, thì đến số mấy tôi không nhớ rõ, tôi có lấy một đoạn thơ của Văn Cao trong bài Cửa biển[115] đăng lên, Văn Cao không nói gì, tức là đồng ý.

Văn Cao không tham gia trực tiếp Nhân Văn, nhưng hôm họp với ông Trường Chinh, Văn Cao phát biểu đại ý: Tôi thấy báo Nhân Văn nói lên được tâm tư nguyện vọng của văn nghệ sĩ, Nhân Văn sống trong trái tim tôi.

Thế thì độ 3, 4 ngày sau buổi họp này, Văn Cao kể lại với tôi: ông Trường Chinh mời riêng Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, và tao lên. Ông ấy ghê lắm, đối với Nguyễn Tuân thì ông ấy nói rất dịu dàng, đại để: các nhà văn có tên tuổi thì nên giúp Đảng lãnh đạo nhân dân cho tốt, nếu thấy Đảng sai thì nên thân mật gặp tôi hoặc đồng chí nào ở Bộ Chính Trị, ý ông ấy muốn bảo là đừng viết báo nhưng không nói rõ ra. Đối với tao, ông ấy gay gắt hơn: *Thế nào, đồng chí Văn Cao cũng ủng hộ Nhân Văn à? - Thế mày có trả lời gì không*? Tao bảo: *Vâng, tôi ủng hộ họ vì tôi nghĩ họ tốt*. Còn Nguyễn Huy Tưởng thì bị ông ấy xát xà phòng: *Anh Tưởng, anh là đảng viên mà anh để cho chúng nó chửi Đảng như thế mà anh ngồi yên được à?* Nguyễn Huy Tưởng chỉ ngồi yên, bình tĩnh, nét mặt không thay đổi, không trả lời gì cả".[116]

Lời khai của Lê Đạt, Trần Dần và lời thuật của Hoàng Cầm chứng tỏ, nhóm NVGP và một số văn nghệ sĩ, đối diện

---

115 Hoàng Cầm muốn nói đến bài thơ *Những ngày báo hiệu mùa xuân,* trích từ trường ca *Những người trên cửa biển*, đăng trên Nhân Văn số 4, bài này Văn Cao đả kích trực tiếp chế độ.

116 Theo băng ghi âm *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.*

với Trường Chinh, trong tọa đàm tháng 10/56, có vẻ không sợ hãi gì cả. Trường Chinh để họ thoải mái chống đối, chỉ lặng lẽ ghi. Ông ra lệnh không được tường thuật vụ tọa đàm, nhưng Nhân Văn làm ngược lại, viết hai bài rất mạnh trên số 4 về tọa đàm. Hai bài này đánh dấu không khí căng thẳng giữa lãnh tụ và các văn nghệ sĩ tự do và ngôn ngữ mạnh bạo trên tờ Nhân Văn. Bài *Sự thật về vụ xúc phạm thi sĩ Nguyễn Bính và báo Trăm Hoa*, ký tên Người Quan Sát, mở đầu như sau:

"Bước đầu để thực hiện quyết định của Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Tăng cường bảo đảm quyền tự do của nhân dân và trừng trị kịp thời, đúng mức những hành động vi phạm pháp luật. Chúng tôi đề nghị có những biện pháp thích đáng trừng trị Nguyễn Văn Tố tức Thiết Vũ trong việc hành hung chủ nhiệm báo Trăm hoa. Sở báo chí Trung ương phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc này".

Và Người Quan Sát tường thuật vụ việc như sau:

"Theo lời ông Nguyễn Bính chính thức báo cáo trong hai buổi tọa đàm của đại diện Trung ương Đảng Lao động, thì trước khi báo Trăm Hoa mới ra số 1[117], Nguyễn Văn Tố tức Thiết Vũ, cán bộ của Sở báo chí, đến đưa cho ông 2 bài đả kích báo Nhân Văn, rồi yêu cầu đăng và đồng thời cũng mập mờ lấy danh nghiã cơ quan hứa hẹn cấp giấy rẻ cho báo Trăm Hoa thừa hai "ram"[118] để in, không hết sẽ bán theo giá thị trường (rất cao) mà tiêu dùng. Ông Nguyễn Bính không từ chối ngay việc mua đó, nhưng cũng không đăng hai bài báo kia, lấy cớ là không hay. Sau đó báo Trăm Hoa xin cấp giấy cho số 2, thì bị Sở (...) Trung ương Đảng trong buổi tọa đàm ngày 20/10[119].

---

117 Trăm Hoa bộ mới, số 1, phát hành ngày 20/10/56.

118 Một rame giấy: 500 tờ khổ lớn.

119 Câu này bị kiểm duyệt phần trong ngoặc, có thể hiểu là Nguyễn Bính xin cấp giấy in TH số 2, Sở Báo Chí từ chối, hoặc rút bớt giấy, Nguyễn Bính bèn tố cáo

Thế là chiều hôm thứ hai 21/10, Nguyễn Văn Tố đến trụ sở báo Trăm Hoa, vẫn lấy danh nghĩa Sở Báo Chí, mà chất vấn ông Bính về chuyện báo cáo hôm qua rồi dùng những lời thô bỉ, thậm tệ mà lăng mạ ông, lại toan hành hung ông nữa. Ông Bính phải chạy ra ngoài cửa hô hoán lên, hàng phố kéo đến, người qua đường dừng bước, thành một đám đông. Sau đó ông Bính nhờ người đi báo công an, các bạn đồng nghiệp, Hội Văn Nghệ và Sở Báo Chí. Thế rồi có cuộc thương lượng giữa ông Trần Minh Tước, giám đốc sở Báo chí và ông Bính. Kết quả chúng ta đã biết: Nguyễn Văn Tố viết một bức thư xin lỗi đăng trên báo Trăm Hoa số 2 và đến tự kiểm thảo trong một buổi họp nhân dân khu phố. Đến đây câu chuyện xoay chiều. Vì những lý do bí ẩn nào chúng tôi không rõ. Chúng tôi chỉ biết bức thư xin lỗi và cuộc kiểm thảo kia đưa ra những sự việc khác hẳn những sự việc mà ông Bính đã chính thức báo cáo trong hai buổi tọa đàm ngày 21/10 và tối 23/10".

Bài báo kết luận: *"Người ta biết rằng chủ nhiệm báo Trăm Hoa vì đi dự tọa đàm với đại diện Trung ương Đảng, có báo cáo chuyện mua chuộc và trả thù bỉ ổi nên trở về bị lăng mạ và suýt bị hành hung. Việc đó có một ý nghiã xúc phạm gián tiếp đến cuộc tọa đàm không còn ra thể thống gì nữa.*

Người ta lại biết rằng gần đây các giới văn nghệ sĩ và trí thức thắc mắc rất nhiều về vấn đề bảo vệ nhân phẩm của văn nghệ sĩ, trí thức và quyền tự do dân chủ, giữa lúc này mà ngay sát cạnh Trung ương Đảng và Chính phủ, một cán bộ của Sở Báo Chí ngang nhiên láo xược, hung hãn đối với một văn nghệ sĩ lại là chủ nhiệm kiêm chủ bút một tờ báo, thì hãy hỏi y muốn chứng minh điều gì có lợi cho chính sách, cho chế độ?"

---

với Trường Chinh trong buổi tọa đàm ngày 20/10/56. Sau đó NB bị hành hung.

Tuy không nêu tên Trường Chinh, nhưng tác giả trực tiếp buộc tội *"Trung Ương"* dung túng sự *"láo xược, hung hãn"* của một cán bộ thừa hành; và ông đòi hỏi giới *"thẩm quyền"* phải có một "*biện pháp cụ thể"* không được "*dung túng bọn sâu mọt",* phải ngăn ngừa những "*hành động côn đồ, manh động"* không để *"xảy ra giữa thủ đô, chứ đừng nói gì đến tự do dân chủ vội".* Lập luận này xác định người viết là Nguyễn Hữu Đang.

Bài *Hoan nghênh trung ương Đảng lắng nghe cán bộ và quần chúng* của Lê Đạt mạnh mẽ trong một chiều hướng khác, ông viết: *"Ngày 20/10/56, đã bắt đầu cuộc tọa đàm giữa đại diện Ban chấp hành trung ương Đảng Lao Động và (...) đủ các ngành (...) điện ảnh. Ban (...) Nhân Văn đã đề cử ba đại biểu đến tham dự.*

Từ mấy tháng nay cuộc đấu tranh sôi nổi và công khai của anh em văn nghệ sĩ chống những tệ lậu của bè phái lãnh đạo đòi thực sự mở rộng tự do dân chủ đã bị một số người hiểu lầm.

Họ gán ghép cho anh em những chiếc mũ không tốt: bất mãn, địa vị, thậm chí phản động. Cuộc tọa đàm này là một trả lời thích đáng cho những hạng người đó.

Nó chứng tỏ rằng cuộc đấu tranh của anh em căn bản là đúng, rằng anh em không phải là một nhóm người bất mãn đê tiện, mà là những người tha thiết vì dân vì Đảng muốn đóng góp phần xây dựng của mình".

Bài báo kết luận: *"Cuộc tọa đàm mới bắt đầu và còn tiếp tục nhưng chúng ta có đầy đủ cơ sở để đấu tranh và tin tưởng".*

Lập luận của Lê Đạt rất khôn khéo: Chúng tôi đấu tranh đòi dân chủ, nhưng không chống Đảng. Buổi tọa đàm này *"chứng tỏ bản chất của chế độ thực sự là dân chủ",* mới chỉ là bước đầu, chúng tôi sẽ tiếp tục những bước kế tiếp.

Tóm lại, khi Phan Khôi đi vắng, Phạm Văn Đồng gọi Trần Duy, lúc đó thay quyền chủ nhiệm, lên gặp riêng, là có ý gì? Nếu Phan Khôi không đi Trung Quốc, liệu Phạm Văn Đồng có "dám gọi" Phan Khôi lên gặp riêng không?

Việc Trường Chinh tổ chức tọa đàm và Phạm Văn Đồng gặp riêng Trần Duy, hẳn là chính sách hợp nhất của trung ương, có gây ít nhiều chia rẽ trong nội bộ Nhân Văn. Trần Duy cho biết lúc đó ban biên tập đã định đưa Trần Công vào thay thế ông, nhưng rồi cũng thôi.

Tuy nhiên, hành động của trung ương tạo hai nghi vấn:

- Lợi dụng lúc Phan Khôi vắng mặt, Phạm Văn Đồng gọi Trần Duy lên gặp riêng và khi trả lời phỏng vấn RFI, ông tỏ vẻ chấp thuận giải pháp *"không nên đấu tranh, có yêu cầu gì thì nói thẳng với trung ương",* của ông Đồng. Nhưng tại sao trong buổi họp Nhân Văn số 4, chính Trần Duy lại *"đưa ra chủ trương đề cập đến những vấn đề chính trị mạnh hơn nữa"* như lời khai của Lê Đạt? Và bài ông viết trong Nhân Văn số 4 chống đảng rất mạnh.Vậy những gì đã *thực sự* xẩy ra trong buổi gặp riêng này?

- Trường Chinh tổ chức tọa đàm để chứng tỏ tính dân chủ của Đảng hay để dụ dỗ những người phản đối nói hết gan ruột mình, ông chỉ việc ghi chép, rồi sập lưới bắt trọn ổ?

Dù sao chăng nữa, sau việc Trần Duy lên gặp Phạm Văn Đồng và Trường Chinh tổ chức tọa đàm, Nhân Văn số 4 nghiêng hẳn sang đấu tranh chính trị.

● Ngõ quặt chính trị của Nhân Văn số 4, số 5 và số 6

Nhân Văn số 4 ra ngày 5/11/1956. Ngoài hai bài *Sự thật về vụ xúc phạm thi sĩ Nguyễn Bính và báo Trăm Hoa*, và *Hoan nghênh Trung Ương Đảng lắng nghe cán bộ và quần chúng,* đã nói ở trên, Nguyễn Hữu Đang lần đầu tiên ký tên thật, trong bài xã luận *Cần phải chính quy hơn nữa*, đặt vấn đề cần phải *xây dựng một nhà nước pháp trị*. Bài *Thành thật*

đấu tranh cho tự do dân chủ của Trần Duy, với sự góp ý của Lê Đạt, chỉ trích đảng cố tình đàn áp Nhân Văn. Phùng Cung xuất hiện với truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh.* Văn Cao đăng bài thơ *Những ngày báo hiệu mùa xuân,* như để trả lời sự đe nẹt của Trường Chinh. Thanh Châu viết phóng sự *Mua hàng mậu dịch*. Những bài chính luận và sáng tác trong Nhân Văn số 4 mang tính cách đấu tranh chính trị xã hội quyết liệt. Hoàng Cầm viết trong bản *"tự thú":*

"Từ sau số 3 Nhân Văn, càng ngày tôi càng thấy tờ báo bị công kích dữ, nhất là sau số 4, Nhân Văn bị thi hành kỷ luật[120]*, tôi bắt đầu chùn và muốn lảng ra, không phải vì tư tưởng chống Đảng đã giảm đi mà chính là vì sợ, muốn tìm chỗ yên thân, nên tôi lại cố sức đi vận động Trần Duy đóng cửa báo - muốn lảng ra không được, tên Trần Đức Thảo lại thuyết phục, tôi vẫn bị hút vào, nhưng vẫn chân trong chân ngoài chỉ chực trốn. Thời kỳ cuối Nhân Văn, cái tính chất "văn dốt, vũ rát"* (nhát) *của tôi biểu hiện rất rõ ràng: nghe ý kiến của Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang nêu ra những "trách nhiệm với lịch sử" để tiếp tục ra báo, tôi cũng thấy phải - Về gặp Văn Cao, Trần Dần nêu ra vấn đề "đóng cửa báo, vì tờ báo đang phiêu lưu, dễ bị đánh chết" tôi lại thấy phải*[121]*".*

Qua lời khai của Hoàng Cầm, sau số 4, Hoàng Cầm, Văn Cao, Trần Dần muốn rút lui, đóng cửa báo; trong khi Nguyễn Hữu Đang, Trần Đức Thảo và Lê Đạt nhất quyết tiếp tục ra báo trong hướng đấu tranh chính trị. Vai trò hướng dẫn tư tưởng của Trần Đức Thảo và hướng dẫn cách viết của Lê Đạt nổi bật trong Nhân Văn số 4.

Trần Dần khai: *"Tới Nhân Văn số 4 tôi nhận được giấy triệu tập đến họp về vấn đề: Báo có chuyển sang chính trị hay không? Trần Duy ký. Địa điểm ở nhà Trần Duy. Thực ra*

---

120 Nhân Văn bị thi hành kỷ luật, lý do "chính thức" đưa ra, vì số 4 "nộp lưu chiểu chậm". Cảnh cáo lần đầu của chính quyền.

121 Hoàng Cầm, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958.

từ số 1 bọn Đang, Phan Khôi đã đòi làm chính trị và báo Nhân Văn đã đề cập đến vấn đề tự do dân chủ ở mức độ nào đó rồi. Âm mưu chính trị có từ đó, đến nay nhân thời cơ thế giới, bọn họ muốn đẩy mạnh phần chính trị lên hòng làm sôi sục tình hình Việt Nam, gây ra những sự biến chính trị, nếu có thể. Tôi ngửi thấy sự nguy hiểm đó, tuy không rõ. Đến cuộc họp tôi can họ "sang chính trị sẽ bị bóp chết ngay." Vẫn chỉ là cái ý thức sợ phong trào bị tổn thất nặng. Song Trần Đức Thảo (tôi gặp lần đầu) hắn nói: "Văn nghệ và chính trị không thể tách được, không có tự do dân chủ, làm sao có tự do sáng tác? Báo nên sang mọi vấn đề chính trị tùy cách mà bàn thôi!" Ý kiến hắn có poids[122] *cuộc họp bị hắn dắt mũi đi.*

Tình hình gay gắt lắm rồi, tôi tìm Văn Cao. Văn Cao bảo "nên vận động đóng cửa báo, anh em đỡ thiệt hại, trên có đánh sẽ bị hẫng! Tôi hoàn toàn đồng ý. Đi vận động một số người đã ngả rồi, đến cuộc họp có Trường Xuân dự (bịa tin là Hồ Chủ tịch bảo con dao mổ trâu không đem giết gà) thì anh em lại bị bọn Trần Duy, Trường Xuân chúng dắt đi[123]*".*

Lê Đạt trong bài *"thú nhận"*, viết: *"Lúc này tôi vẫn còn ở trong Đảng, nhưng tư tưởng chống đối trong tôi đã phát triển mạnh. Tôi còn tán thành và đi nói với anh em quan điểm của Nguyễn Hữu Đang. Bản thân tôi cũng từng nói "Đảng trị" cho nên trong cuộc họp số 4, Trần Đức Thảo, Trần Duy đưa ra chủ trương đề cập đến những vấn đề chính trị mạnh hơn nữa tôi cũng đồng ý".* (...) *"Tôi góp ý kiến với Trần Duy trong bài "Thành thật đấu tranh cho tự do dân chủ" sửa chữa nhiều đoạn:*

"Đấu tranh cho tự do dân chủ là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ vì nó là một cuộc tấn công quyết liệt vào

---

122 Có trọng lượng.

123 Trần Dần, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, 5/1958.

những tệ lậu hủ bại của xã hội. Nó sẽ bị những phần tử tệ lậu và hủ bại hiện đương còn quyền hành và thế lực cản trở xuyên tạc phá hoại có khi bằng cả những phương pháp đen tối độc ác (chỗ này tôi ám chỉ các đồng chí lãnh tụ) đấu tranh cho tự do dân chủ không bao giờ chỉ là một công việc thuần tuý có tính chất quần chúng rộng rãi (...) Để tấn công quan điểm vô sản chuyên chính của Đảng, tôi vận động Thanh Châu viết bài "Mậu dịch" và còn dự định vận động Thanh Châu viết về vấn đề nhà cửa. Tôi góp ý kiến vẽ tranh một người đẽo chân cho vừa giày mậu dịch (...) Tôi lại viết "lời toà soạn" cho truyện "Con ngựa già" của Phùng Cung, đả kích và vu khống lãnh đạo văn nghệ không chú ý đến các nhà văn trẻ[124]*".*

Kết quả là trên Nhân Văn số 4, Nguyễn Hữu Đang công khai đòi hỏi một nhà nước pháp quyền và đến Nhân Văn số 5, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt tiến xa hơn nữa.

Nhân Văn số 5 ra ngày 20/11/1956 với hai bài xã luận chính: *Hiến pháp Việt Nam 1946 và Hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* của Nguyễn Hữu Đang, nội dung đề nghị sửa đổi Hiến pháp 1956, hoặc làm một hiến pháp mới, và *Bài học Ba Lan và Hung-ga-ry* ký tên Người Quan Sát, do Lê Đạt viết, ngụ ý nếu chính quyền không chịu cải tổ chính trị thì *miền Bắc Việt Nam sẽ trở thành một Ba Lan, một Hung-ga-ry.*

Lê Đạt viết trong bài "thú nhận":

"Tôi đồng ý với Nguyễn Hữu Đang đề cập đến vấn đề Hiến Pháp để làm áp lực chuẩn bị cho việc sửa đổi Hiến Pháp sắp đem bàn ở Quốc Hội. (...) "Trên thế giới lúc đó xẩy ra hai sự kiện: Vụ Poznan và vụ Hung-ga-ri. Lúc đó tôi rất bất mãn với nhận định của Đảng về vấn đề Hung-ga-ri mà tôi cho là "đổ tất cả cho địch" đồng thời đề ra khẩu hiệu tăng cường chuyên chính. Tôi viết bài "Bài học Ba Lan,

---

124 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

Hung-ga-ri" để làm áp lực đấu tranh với quan điểm đó (...) Quan điểm của Trần Dần trong bài "Phải để cho trăm hoa đua nở[125]*" cũng là quan điểm của tôi và Trần Dần thường bàn chủ trương "Đảng không thể quyết định, quần chúng mới là trọng tài tối cao*[126]*"*.

Về Nhân Văn số 6, Trần Duy cho biết: *"Xong số 3, tôi chuẩn bị mấy số sau, cái affiche về Ba Lan thì chính tôi lên tiếp xúc với sứ quán Ba Lan, họ cho tôi tất cả tài liệu, affiche, tranh ảnh về Ba Lan và tôi đang định làm số đó. Nhưng sau vụ tôi lên gặp ông Đồng ấy, thì ông Đang ông ấy đùng đùng ông tự động thay đổi. Lê Đạt cũng bảo cái chuyện mà Đang lên nhà in tự động thay đổi nội dung rất là nguy hiểm. Thì rồi xẩy ra việc mà bên công an can thiệp, nhưng không can thiệp đến ban biên tập, không can thiệp đến người, chỉ đình số báo lại và không cho phát hành. Nếu số báo ấy ra thì chưa biết tình hình sẽ đi đến đâu. Tất cả số báo đó tôi hoàn toàn không biết*[127]*"*.

Lê Đạt viết trong lời *thú nhận*: *"Đến số 6, Đang mượn được một số France Observateur, bàn nên ra một số đặc biệt về Ba Lan. Tôi rất tán thành cho rằng Đảng ta hay bưng bít tài liệu bây giờ đấu tranh bằng cách trình bày những tài liệu nước ngoài tác dụng rất tốt mà Đảng có muốn phê bình cũng không làm gì được. Đây cũng là một chiến thuật tốt để tấn công Đảng. Bài vở số này do Đang và Trần Duy sắp xếp. Về bài xã luận của Nguyễn Hữu Đang tôi cũng xem cũng như những bài xã luận mấy số 4, 5 trước khi Nguyễn Hữu Đang đưa in. Đọc đến chỗ "nhân dân có quyền biểu tình", tôi hỏi. Nguyễn Hữu Đang trả lời "Báo Nhân Dân đã khoẻ chửi, đánh cho một đòn như thế là chịu"*. (Chỗ này Nguyễn

---

125 Tức là bài *"Không có lý gì mà không tán thành trăm hoa đua nở"* ký tên H.L, trên Nhân Văn số 5.

126 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

127 Trần Duy trả lời RFI.

Hữu Đang chơi chữ: Lê Đạt hỏi *nhân dân*, Nguyễn Hữu Đang trả lời *Nhân Dân*)

Lúc đó tất cả tâm trí tôi chỉ lo đối phó với các báo của Đảng, nên đồng tình. Trong lúc đương in số 6, thì phong trào phản đối lên mạnh. Tôi muốn đóng cửa. Nhưng trong cuộc họp chủ trương tiếp tục, Trần Đức Thảo và Trường Xuân, Phan Khôi thắng thế. Nhưng kết quả báo cũng bị đóng cửa. Tôi ngại Chi Bộ thi hành kỷ luật và cũng hoang mang, ngại sự phẫn nộ của quần chúng không biết làm thế nào nên lánh mặt và không gặp anh em nữa".

"Đôi lúc tôi có nghĩ "Giá có biểu tình để Trung Ương thay đổi đường lối thì tốt". Nhưng lại lo không muốn biểu tình xảy ra vì nếu có "một là tôi sẽ bị bắt vào Hoả Lò, hai là trong lúc hỗn quân hỗn quan sẽ bị treo cổ".

"Giữa tôi và Nguyễn Hữu Đang lúc đầu không phải là khác nhau về lập trường chống đối mà chính chỉ khác nhau về phương pháp mà thôi[128]*".*

Như vậy, trong những ngày cuối cùng của Nhân Văn: Trần Đức Thảo, Phan Khôi vẫn là hai kiện tướng.

Trường Xuân chưa rõ là ai.

Ngày 09/12/1956, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh: Báo chí phải *"phục vụ công nông binh",* phục vụ nền *"chuyên chính vô sản"*. Phạt tù 5 năm đến khổ sai chung thân kẻ nào vi phạm các cấm điều.

Theo Hoàng Văn Chí, những điều khoản trong sắc lệnh 15/12/56[129] đã được ban bố từ tháng 10/54, sau khi tiếp thu Hà Nội. Nhưng lúc đó báo chí phần lớn đều là của Đảng, nên những cấm điều chỉ *"giao hẹn mồm"* mà vẫn được áp dụng triệt để:

- Không được chống chính phủ, chống chế độ.
- Không được xúi giục nhân dân làm loạn.

---

128 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

129 Hoàng Văn Chí ghi ngày 15/12/1956. Các tài liệu khác ghi ngày 9/12/1956.

- Không được nói xấu các nước bạn.
- Không được tiết lộ bí mật quân sự.
- Không được đăng bài vở có phương hại đến thuần phong mỹ tục[130].

Nhưng từ khi Nhân Văn Giai Phẩm xuất hiện, những tờ báo *"đối lập"* này không tuân thủ những cấm điều nữa: Nội dung bài vở chuyển tải rõ ràng ý chống Đảng, chống chế độ.

Ngày 15/12/1956, Nhân Văn số 6 đang in, bị chặn lại và bị thu hồi.

● Nhân Văn số 6: chủ tâm của chính quyền

Nhờ băng ghi âm Hoàng Cầm, chúng ta biết thêm một số dữ kiện về ba nhân vật đã đóng góp tích cực vào việc triệt hạ báo Nhân Văn: Diên Hồng, Trường Xuân và Lê Nguyên Chí.

♦ Diên Hồng

Trong băng ghi âm, Hoàng Cầm cho biết:

"Khi Nhân Văn ra số 1 rồi, có một người đến tìm gặp tôi, hóa ra anh Diên Hồng quen tôi từ 1947 trong kháng chiến. Anh là người đã tổ chức cho tôi và Tuyết Khanh diễn vở kịch Lên đường ở làng Dĩnh Sơn. Sau đó, tôi còn gặp lại anh trong bộ đội nhiều lần nữa, anh rất nhiệt thành và tôi rất quý anh. Anh nói riêng với tôi: *Em thấy Nhân Văn số 1 nó hay quá, em muốn giúp các anh quản trị tờ báo cho có lời, em quen việc này rồi, hiện nay, em đang làm cán bộ quản lý cho một tiểu đoàn*[131] *thì việc tờ báo của các anh là rất dễ, em làm được.* Lúc bấy giờ, anh em chúng tôi chỉ biết làm báo, viết bài, chứ có thạo quản trị đâu. Thấy anh ấy là người quen từ trước, lại tốt bụng, chịu quản lý hộ không lương, nên mọi người hoan nghênh lắm, đồng ý giao lại cho anh ấy, để yên

---

130 Hoàng Văn Chí, *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, trang 31.

131 Khoảng 6, 7 trăm quân.

tâm viết bài. Thế thì quả nhiên anh ta làm 4 số báo, từ số 2 đến số 5, sổ sách hết sức phân minh, đâu ra đấy, đều đưa cho tôi xem cả. Chính Diên Hồng đề nghị in lại năm số Nhân Văn, mỗi số từ hai vạn đến hai vạn rưởi, bán hết, tờ bào càng ngày càng lời, hết số 5 thì tiền lời lên đến 364 triệu, so với tiền năm 1998 này, có thể thành 1800 triệu. Chúng tôi để dành mở một nhà xuất bản. Báo và xuất bản phải đi đôi thì mới có cơ phát triển văn học nghệ thuật được.

Đến Nhân Văn số 6, anh Đang có cho tôi xem bài xã luận của anh, nội dung đòi quyền tự do biểu tình, không phải là kiểu mít-tinh nhà nước tổ chức, bắt buộc mọi người phải đi đâu, mà là quyền tự do thực sự, có trong hiến pháp 1946, như tự do cư trú, tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do biểu tình, giống như các nước dân chủ. Anh Đang viết rất hay, lý luận sắc sảo, nhưng khi đọc xong thì tôi nói: *Bài này không nên đăng, vì nó có tính chất chính trị công khai, nguy hiểm lắm*. Thế là ông Đang trố mắt quát tôi ngay, lúc bấy giờ ông ấy ghê lắm, chứ không như vài số đầu ông ấy còn nể tôi. Thế thì một bên là ông Đang và ông Trần Duy, một bên là ông Đạt và tôi, chỉ có bốn người tranh đấu với nhau, nhưng cuối cùng ông Đang thắng.

Nhân Văn số 6, tôi không giúp bài vở gì nữa, chỉ có ông Đang và ông Trần Duy làm. Bài vở đã xong, đem đến nhà in Xuân Thu, nhưng cứ nằm ỳ đấy chờ, vì Diên Hồng, cách đấy một tuần có nói với tôi là phải đi Hải Phòng mua giấy, vì Hà Nội hết giấy rồi. Anh mang cả số tiền để dành đi mua, dự trữ cho những số sau, rồi thuê camion chở về, tôi mừng lắm và hoàn toàn đồng ý. Không ngờ chờ một tuần, 10 ngày rồi hai tuần, không thấy Diên Hồng trở lại. Khoảng ba tuần sau khi hắn biến mất, thì có lệnh đình bản từ Phủ Thủ Tướng do ông Phan Mỹ, đổng lý văn phòng, ký.

Khi báo đã bị đình bản rồi, thì các báo khác, từ Nhân Dân đến Lao Động, Thanh Niên, Phụ Nữ, An Ninh, Văn

Nghệ... nghĩa là tất cả các báo lớn ở miền Bắc đều có bài ở trang nhất đánh phá Nhân Văn, nặng nhất là cái tội kêu gọi biểu tình chống Đảng, lật đổ chính quyền. Anh em chúng tôi cũng hội họp nhau bàn bạc, tôi nói: Với một chính quyền như thế này, người ta sẵn sàng bỏ tù mấy nhà báo quá khích. Lê Đạt cứ cười hinh hích: *Tù thì tù sợ chó gì, nhưng cũng chẳng bỏ tù đâu!* Ông Đang thì kiên quyết: *Làm báo thì phải thế chứ!*

Về sau, tôi nghĩ lãnh đạo đã tìm được tên Diên Hồng là kẻ có quan hệ tốt với Hoàng Cầm từ 1947, làm tay trong theo dõi. Đến số 6 là số nguy hiểm, hắn được lệnh mang cả quỹ tiền đi, lúc đó có thể ở Hà Nội vẫn còn giấy đấy, nhưng hắn lấy cớ đi Hải Phòng, mà mình thì không biết, cứ tin tưởng. Không có tiền, không có giấy, thì làm sao in được báo nữa? Đó là chuyện Diên Hồng và Nhân Văn số 6[132].

♦ Trường Xuân

Về Trường Xuân, Hoàng Cầm kể:

Một hôm, trong buổi họp đông đủ, có một người đi với anh Trần Đức Thảo, được anh Trần Thiếu Bảo giới thiệu tên là Trường Xuân, làm cán bộ ở Phủ Thủ Tướng, rất quý anh em Nhân Văn. Anh Trường Xuân nói với chúng tôi: *Sự thực thì các ông ở Bộ Chính trị không có gì phản đối các anh lắm đâu, nhất là bác Hồ, không phải bác bênh vực, nhưng bác coi chuyện này nhẹ thôi, không có gì đáng ngại cả. Vậy thì anh em cứ việc viết. Một lần có bài báo phê bình to chuyện*

---

132 Trong băng nói chuyện, Hoàng Cầm kể tiếp: Sau Nhân Văn, đến cải tạo tư sản, báo và xuất bản không được tự do nữa, phải trực thuộc vào nhà nước: Báo Lao Động có nxb Tổng công đoàn, báo Thanh Niên có nxb Thanh Niên, thuộc Ban chấp hành đoàn thanh niên Trung ương, trước là đoàn thanh niên Cộng Sản, sau đổi thành đoàn thanh niên Hồ Chí Minh... Sau Đại Hội III, xã hội vào quy củ, từ anh hớt tóc rong, sửa xe đạp... cũng phải vào hợp tác xã, có chủ nhiệm lãnh đạo, kiểm soát. Xã hội trở thành hợp tác xã, để quản lý từng người dân một, từ 1960.

Nhân Văn, bác Hồ bảo không nên đem con giao mổ trâu để giết một con gà, ý bác muốn nói: chuyện Nhân Văn có gì to tát mà làm ồn lên thế.

Anh Trường Xuân nói là đã được dự một buổi họp trong Bộ Chính Trị, có bác Hồ, và bác nói như thế, mà anh lại đi với ông Trần Đức Thảo, thì chúng tôi tin lắm.

Anh Trường Xuân đến họp độ hai lần, lần nào anh cũng kích động chúng tôi, bảo cứ mạnh dạn lên, cứ viết bạo đi, có ích lắm, bác Hồ cũng bênh vực cơ mà. Lúc đầu thì tôi cũng tin, vì hắn đi với Trần Đức Thảo, chẳng lẽ anh Thảo lại ngớ ngẩn đến thế, lại dẫn một tên xấu xa nào vào đây.

Nhưng sau cái vụ Diên Hồng, tôi mới liên hệ với cái tên Trường Xuân đi với ông Trần Đức Thảo: thôi chết rồi, lại vớ phải cái thằng kích động, nó xúi mình vào tròng đây. Ông Trần Đức Thảo thì ông ấy là triết gia, lúc nào cũng đi trên mây, có biết trời trăng gì đâu. Anh Đang cũng tin là thật, cho nên mới viết những bài đòi tự do, đòi quyền nọ, quyền kia, đòi biểu tính, không sợ, vì bác Hồ cũng chỉ coi là chuyện nhỏ thôi, Bộ Chính Trị phải nghe bác chứ, không việc gì phải sợ, cứ viết. Thì ra hắn cốt kích động để mình lòi ra, mình viết cho bằng hết, để nó cho vào sổ đen và cứ thế nó thịt từng người. Nhiệm vụ của tên Trường Xuân này là như thế.

♦ Lê Nguyên Chí

Hoàng Cầm cho biết: Đến khi anh Đang bị bắt thì tôi suy ra cái tên Lê Nguyên Chí[133] có lẽ cũng là một thứ *"chân gỗ"* người ta cài vào để bắt cả bọn. Việc anh Đang bị bắt, sau khi đi tù 15 năm về, anh không hề kể gì cả, có lẽ trong tù người ta đã căn dặn kỹ không được tiết lộ bất cứ việc gì xảy ra. Sau này anh Chính Yên, ở báo Nhân Dân -là bạn thân của tôi thời kháng chiến và là cháu ông Lê Duẩn- kể lại:

---

133 Trong băng, Hoàng Cầm nhớ nhầm là Lê Nguyên Cát.

Trong khi xẩy ra lớp Thái Hà thì mấy người bàn nhau đi trốn, mà đi đường nào? Nếu đi đường rừng qua vĩ tuyến 17, thì xa xôi và nguy hiểm lắm. Nếu đi đường thủy thì chỉ cần qua vĩ tuyến 17 là vào Nam rồi, lúc đó đang còn ông Diệm. Mấy người họp nhau, thường bàn bạc ở nhà Thụy An, lúc ấy ở nhờ cái buồng nhỏ nhà anh chị Phan Tại, số 37, Trần Quốc Toản. Hàng ngày ông Đang và ông Minh Đức xuống đấy bàn chuyện trốn mà lại ngây thơ không biết rằng họ không cho đi học tập nhưng họ đã cho người theo dõi mọi cử động. Trong khi ấy thì có một anh hớt tóc rong, cắt tóc ngay bên vỉa hè nhà ông Phan Tại, hắn làm quen với ông Đang và nói giọng rất bất mãn chế độ. Không biết chuyện trò thế nào, mà nó biết là các vị cũng đang muốn vượt tuyến, thế là nó đề nghị ngay: *Em cũng muốn đi lắm, nhưng một mình rất khó, không đủ tiền, em có thằng em làm nghề đánh cá ở Hải Phòng, nó đi biển thường xuyên, mình có thể nhờ nó thuê thuyền giùm, cho em đi cùng với.* Thế là mấy người này tin tưởng vào nó, cũng như tôi tin vào Diên Hồng, để nó đứng ra tổ chức. Đến ngày đi, hẹn nhau ở Hải Phòng, rồi hắn đưa đến nhà người em chẳng biết là em thật hay giả. Chuẩn bị xong thì người em hắn lái thuyền cho đi, đi được 2 cây số ra biển thì bao nhiêu ca nô của quân đội, của công an từ đâu phóng ra bắt trọn bộ đưa về Hà Nội.

Nguyễn Đình Thi công bố cho toàn trường nghe đúng hôm chúng tôi phải bắt đầu viết bài tự kiểm thảo: *Bọn phản động gián điệp Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Phan Tại, Trần Thiếu Bảo đã bị bắt quả tang trên đường trốn vào Nam*[134].

Phải chăng ba nhân vật Diên Hồng, Trường Xuân và Lê Nguyên Chí, là những người của Đảng trà trộn vào, có nhiệm vụ đưa toàn bộ NVGP vào bẫy?

---

134 Tóm tắt lời Hoàng Cầm trong băng *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè*. Sau này con trai ông Lê Nguyên Chí có viết bài minh oan cho cha.

Luận điểm của Nguyễn Mạnh Tường trong tiểu thuyết *Une voix dans la nuit*: Đảng giăng bẫy, để bắt trọn ổ, phải chăng đã đặt cơ sở trên những nhận xét thực tiễn này?

Chúng ta vừa nhìn lại quá trình hình thành và một số sự kiện xẩy ra trong nội bộ báo Nhân Văn cho đến ngày NVGP bị cấm, Nguyễn Hữu Đang và các bạn bị bắt, với những dữ kiện xẩy ra và những âm mưu bên trong. Qua những chứng nhân của Lê Đạt trong phần *thú nhận*, ta biết rõ sự thực về hậu trường Nhân Văn, về sự tranh đấu cũng như óc chia rẽ, phân hoá trong mỗi con người, trước hoàn cảnh lịch sử. Chứng nhân của Hoàng Cầm, trong băng ghi âm, soi vào phần bóng tối, phần âm mưu của nhà cầm quyền và cái bẫy giăng sau lưng NVGP.

Về mặt văn bản, Nhân Văn, với những bài viết của Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt... mở mặt trận đấu tranh chính trị. Giai Phẩm với những bài của Trương Tửu, Trần Đức Thảo... mở mặt trận tư tưởng. Phan Khôi như một vị thủ lĩnh tinh thần của Nhân Văn và Giai phẩm.

Toàn bộ Nhân Văn Giai Phẩm là một kết hợp chặt chẽ giữa văn nghệ sĩ và trí thức trong cuộc đấu tranh cho *tự do sáng tác* và *tự do dân chủ.* Hai hình thái đấu tranh này đi đôi với nhau, không thể tách rời, như lời Trần Đức Thảo: *"Văn nghệ và chính trị không thể tách được, không có tự do dân chủ, làm sao có tự do sáng tác?"*

Chương 6

Trí thức và dân chủ tại Việt Nam trong thế kỷ XX - Từ Phan Châu Trinh, Hoàng Đạo đến Nhân Văn Giai Phẩm

Những bài viết chủ yếu in trên NVGP gồm hai loại: Loạt bài chính luận trực tiếp định hướng tư tưởng của các nhà trí thức và loạt bài sáng tác dấn thân nói lên khát vọng tự do của các văn nghệ sĩ. Hai thể loại này đan cài và bổ sung cho nhau, tạo nên làn sóng đấu tranh toàn diện cho tự do dân chủ và tự do tư tưởng. Trí thức trong vị trí dẫn đường, được xếp vào loại A. Văn nghệ sĩ, ít *"nguy hiểm"* hơn, được xếp vào loại B[135].

Vì trí thức và dân chủ là hai trục chính trong cuộc đấu tranh: trí thức dẫn đường và dân chủ là mục đích, cho nên trước khi phân tích nội dung tranh đấu của phong trào NVGP, ta cần tìm hiểu mối tương quan giữa trí thức và dân chủ ở Việt Nam trước và trong thời kỳ NVGP. Nguyễn Mạnh Tường là nhà trí thức duy nhất trong thời kỳ NVGP, đã để lại những trang viết mà ngày nay ta có thể dựa vào như những tư liệu chính trị, xã hội, phản ảnh vai trò của người trí thức trong giai đoạn đấu tranh cho tự do dân chủ những năm 50 ở miền Bắc và hiểu được tại sao chế độ cộng sản lại *"căm thù"* trí thức và loại trừ trí thức.

---

135 Nhật ký *Trần Dần ghi*, trang 245.

● Phan Châu Trinh và dân trị chủ nghiã

Khái niệm tự do dân chủ phát xuất từ Tây phương. Nhưng tự do dân chủ không xa lạ gì với người Việt, bởi, nói như Hoàng Đạo: *"Khái niệm tự do dân chủ đã theo chiến hạm Pháp nhập vào nước ta từ cuối thế kỷ XIX"*. Đối với những nhà cách mạng Tây học đầu thế kỷ XX đã dùng tiếng Pháp để chống Pháp trên báo ở Pháp và ở Việt Nam, như Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh... tự do dân chủ là điều kiện hiển nhiên và tất yếu của con người, thu nhận trực tiếp qua giáo dục học đường.

Nhưng đối với những nhà nho, tự do dân chủ, phải đi vòng qua *tân thư*, là những sách mà trí thức Trung Hoa như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu... đã dịch Montesquieu, J.J. Rousseau... ra chữ Hán. Phan Châu Trinh, một trong những nhà nho chủ trương phong trào Duy Tân, đã tiên phong bàn về dân chủ. Sau 14 năm ở Pháp về, cuối năm 1925, ông diễn thuyết tại Hội Thanh Niên Sài Gòn, đề tài *Quân trị chủ nghiã và dân trị chủ nghiã*, luận văn cơ bản phân biệt quân chủ và dân chủ, cho một dân tộc chưa thoát vòng nô lệ.

Việt Nam đầu thế kỷ XX, trình độ dân trí còn kém, Phan Châu Trinh chỉ cắt nghiã ngắn gọn: *dân trị* là cứ bảy năm người dân bàu lại ông Giám Quốc (Tổng Thống) một lần, còn *quân chủ*, vua là cha truyền con nối. Dân trị có nghị viện do dân bàu lên, giữ quyền lập pháp. Quyền hành pháp giao cho quan tòa, thuộc ngành tư pháp, ở trong chính quyền nhưng có vị trí độc lập. Và ông kết luận: *"Nói tóm lại, dân trị tức là pháp trị. Quyền hạn và bổn phận của mỗi người trong nước, bất kỳ người làm việc nhà nước hay là người thường, đều có pháp luật chỉ định rõ ràng, không khác gì là đã có đường gạch sẵn, cứ trong đường ấy mà đi, tự do muốn bước tới bao nhiêu cũng được, không ai ngăn trở cả. Chỉ trừ*

khi nào xâm lấn đến quyền hạn của người khác thì không được mà thôi"[136].

Sự *giáo dục dân chủ* cho một quần chúng sống dưới thời phong kiến và nô lệ, được Phan Châu Trinh đề ra từ năm 1925. Hơn mười năm sau, Hoàng Đạo, nhà văn kiêm luật gia, tiếp tục việc *giáo dục quyền công dân, quyền làm người* trên báo Ngày Nay, sử dụng quyền tự do dân chủ để tranh đấu với người Pháp và hướng dẫn dân tộc.

● Hoàng Đạo và dân chủ

Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, em Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, là một trong những người lãnh đạo Quốc Dân Đảng và là nhà văn Việt Nam đầu tiên sử dụng quyền tự do dân chủ một cách có hệ thống để chống lại thực dân Pháp và giáo dục dân tộc về nhân quyền.

Sau này, Nguyễn Mạnh Tường xác định: những người xuất thân trường Luật của Pháp là những người chống Pháp một cách mãnh liệt và có hiệu quả. Điều này thực không sai nếu ta điểm qua những nhà cách mạng: Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh qua bút hiệu chung Nguyễn Ái Quốc, họ đã viết những bài báo tiếng Pháp, thập niên 1920 ở Paris, rồi đến Nguyễn Tường Long, Nguyễn Mạnh Tường sau này, đều là những người đã học luật.

Hoàng Đạo đỗ vào trường Luật Đông Dương Hà Nội, năm 1924 và tốt nghiệp năm 1927. Từ 1933, trên Phong Hoá, dưới bút hiệu Tứ Ly, ông đã viết những bài châm biếm đả kích toàn bộ hệ thống quan lại của chính quyền thuộc địa và bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Trên báo Ngày Nay, từ 1937 đến 1939, ông hoàn tất những hồ sơ lớn về *Vấn đề thuộc địa, Vấn đề cần lao, Công dân giáo dục*, nội dung phê phán chính quyền thực dân, chỉ trích sự vi phạm nhân quyền

---

136 Phan Châu Trinh, *Quân trị chủ nghiã và dân trị chủ nghiã.* Tuyển tập Phan Châu Trinh, Nguyễn Văn Dương soạn, nxb Đà Nẵng, 1995, trang 792- 818.

trong chính sách đánh chiếm thuộc địa của người da trắng, chỉ trích sự vi phạm luật lao động trong chính sách mộ phu và cổ động việc giáo dục công dân về dân quyền và nhân quyền. Loạt bài này căn bản dựa trên tự do dân chủ, quyền làm người, luật lao động, quyền công dân, thoát thai từ tinh thần cách mạng 1789 của Pháp.

Với người Pháp yêu chuộng tự do dân chủ, Hoàng Đạo gửi tới họ những khát vọng của dân Việt: *"Người Nam chỉ ao ước một điều: là được những sự tự do của nền dân chủ và được dần dà coi ngó, đảm đang lấy việc công trong nước của họ. Ngày nào dân Annam có quyền, trong sự tự do, tự kén chọn lấy những người cầm quyền cai trị họ, ngày ấy nguyện vọng của người Nam đã đạt được nhiều rồi vậy*[137]*"*.

Kết tội chính sách thuộc địa dã man của Anh, Tây Ban Nha, Hoàng Đạo cho người Pháp biết rằng chính sách thuộc địa của họ là *bất hợp pháp* và nếu họ không thay đổi chính sách cai trị thì người Việt sẽ nổi lên chống lại.

Loạt bài *Vấn đề thuộc địa*, tổng hợp những lý luận chặt chẽ, kiến thức uyên bác, tầm nhìn rộng về thế giới bên ngoài, về lịch sử chinh phục thuộc địa, về sự tiến hoá của luật pháp.

Trong bức thư ngỏ gửi cựu toàn quyền Varenne, về chỉ dụ báo chí 4/10/1927, Hoàng Đạo viết: *"Tôi không cần phải nhắc lại rằng đạo chỉ dụ ấy đã bắt các báo chí ở đây* [138] *phải xin phép mới được xuất bản và phép cho xuất bản chính phủ muốn thu về lúc nào cũng được. Tôi không cần phải nói đến tệ hại của chế độ ấy, tôi đã nói nhiều rồi (...)*

Muốn rửa sạch cái tiếng không hay đã đem tên ông đặt vào cái chỉ dụ 1927, ông chỉ còn có một phương pháp, là đem hết tài lực của ông mà xin hủy bỏ cái chế độ không hợp với trình độ của dân tộc Việt Nam ấy đi, để chúng tôi được

---

137 Hoàng Đạo, *Vấn đề thuộc địa, Thuộc địa Pháp-Chính sách*, Ngày Nay số 80, 10/10/1937.

138 Hoàng Đạo muốn nói đến Trung và Bắc, vì Nam kỳ là *nhượng địa*, được hưởng quyền tự do báo chí như ở các thuộc địa của Pháp.

hưởng một chút tự do, một chút quyền lợi về chính trị mà ông bảo phải đi đôi với công việc giáo hoá[139]*".*

Hoàng Đạo không chỉ đòi tự do dân chủ cho người Việt, mà ông đòi hỏi tự do, dân chủ, nhân quyền cho toàn bộ những dân tộc bị trị trên thế giới. Khi đối đầu với Pháp, ông luôn giữ thái độ bình đẳng của *người đòi hỏi người*, của *một dân tộc đòi hỏi một dân tộc khác*. Ông khẩn thiết yêu cầu nước Pháp, một nước tự nhận là quê hương, là nguồn cội của Nhân Quyền, hãy áp dụng cái Nhân Quyền ấy ở Việt Nam.

Loạt bài *Vấn đề cần lao*, phản đối tình trạng người lao động bị bóc lột ở Việt Nam nói riêng và người bóc lột người ở thời đại kỹ nghệ phát triển nói chung, Hoàng Đạo viết:

"*Người ta đem phủ một lượt tro lên sự đốn mạt người bóc lột người. Người ta đem những danh hiệu mới, như tờ cam đoan, tờ giao kèo, lao công cưỡng bách, để che đậy sự thực*[140]*".*

Ông phân tích và đứng trên bình diện luật pháp để phê phán những bất cập, phạm pháp trong các chế độ: *Lao công cưỡng bách* (mộ phu đi rừng cao-su*)*, *luật xã hội, luật lao động, vấn đề thanh tra và nghiệp đoàn...*

Loạt bài *Công dân giáo dục* nhắm vào sự *giáo dục dân chủ,* giải thích cho người Việt hiểu quyền lợi và trách nhiệm của người *công dân* trong một nước dân chủ, khác với bổn phận một *thần dân* dưới thời phong kiến: Muốn được tự do, dân chủ, người dân trước hết phải tự ý thức được cái giá phải trả cho tự do, dân chủ, tức là phải ý thức được sự trưởng thành, độc lập của mình, phải hiểu *quyền công dân* và *trách nhiệm của người công dân*.

Hoàng Đạo viết*: "Ý tưởng công dân là một ý tưởng mới. Cùng với những ý tưởng khác, có sức mạnh vô cùng, ý tưởng tự do bình đẳng, nhân đạo, công lý, ý tưởng công dân*

---

139 *Thư ngỏ cho ông cựu toàn quyền Varenne*, Ngày Nay, số 130, 1/10/38.

140 Hoàng Đạo, *Vấn đề cần lao, Nô lệ trá hình*, Ngày Nay, số 133, 22/10/38.

vì một tình cờ trong lịch sử đã theo chiến hạm Pháp nhập vào nước ta vào khoảng cuối thế kỷ trước[141]".

Trong loạt bài này, Hoàng Đạo giải thích rõ ràng các khái niệm mấu chốt: *hiến pháp, nhân quyền, tự do, ý nghiã cuộc cách mệnh Pháp, tự do cá nhân, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do chính trị.*

Tóm lại, khái niệm tự do dân chủ đã truyền vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX, với đoàn quân viễn chinh Pháp, và được mở rộng, dưới thời Pháp thuộc, qua ngả học đường, phát sinh một lớp trí thức tân học, đấu tranh cho dân chủ bằng ngòi bút, và một lớp văn nghệ sĩ mới, sáng tác tự do, xây dựng nền văn học quốc ngữ.

Hoàng Đạo là ngòi bút duy nhất trong thập niên 1930-1940, không những đã đấu tranh cho dân chủ, đòi độc lập với Pháp mà còn giáo dục dân tộc Việt Nam về dân chủ một cách sâu sắc và toàn diện.

● Nhân Văn Giai Phẩm và dân chủ

Sau 1954, Nguyễn Hữu Đang đặt trọng tâm tranh đấu tự do dân chủ trên báo Nhân Văn. Trong ba số đầu, ông phỏng vấn ba nhà trí thức danh tiếng, không thuộc nhóm Nhân Văn: Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh và Đặng Văn Ngữ về vấn đề mở rộng tự do dân chủ, với hai câu hỏi:

1- Theo ý ông, lúc này giới trí thức nói chung và giới văn nghệ nói riêng, cần phải làm những gì để góp phần thực hiện mở rộng tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do nghiên cứu và sáng tác?

2- Theo ý ông và trên cơ sở nhu cầu phát triển của ngành ông thì chúng ta cần phải đem ra thảo luận rộng rãi những vấn đề gì?

Trả lời hai câu hỏi này, Nguyễn Mạnh Tường đưa ra hai nguyên do thiếu dân chủ: Đảng viên và cán bộ thiếu tinh

---

141 Hoàng Đạo, *Công dân giáo dục*, Ngày Nay số 160, 6/5/39.

thần dân chủ và quần chúng chưa thấm nhuần tinh thần dân chủ. Sở dĩ như thế là vì trong kháng chiến, mọi cố gắng phải dồn vào chiến tranh, *"quần chúng nghĩ rằng chưa phải lúc đòi hỏi các tự do dân chủ"*. Nhưng khi hòa bình rồi, thì vấn đề đòi hỏi tự do dân chủ phải là tất yếu. Riêng ngành đại học cần hai nguyên tắc dân chủ: *"Tác phong của cấp lãnh đạo phải thật sự dân chủ"* và *"việc lựa chọn cán bộ phải dựa vào tiêu chuẩn chuyên môn là chính"*.

Đặng Văn Ngữ trả lời: *"Dưới một chế độ độc tài không ai dám chỉ trích chính phủ thì còn đâu mà thấy khuyết điểm về tự do dân chủ?"* Và ông xác định nhiệm vụ của người trí thức: "*Trong việc xây dựng tư tưởng tự do và dân chủ, nhiệm vụ chính phải là của trí thức"*. Nhưng ông cũng nhận thấy sự "*thiếu tự do tư tưởng, thiếu dũng cảm*" của người trí thức: *"Trí thức ở một cương vị thuận lợi và có đủ nhận thức để nhận thấy lãnh đạo có sai lầm, và thực tế là trí thức của ta đã nhận thấy từ lâu một số sai lầm của lãnh đạo. Nhưng trí thức của ta đã thiếu tự do tư tưởng, thiếu dũng cảm nên không dám phê bình xây dựng"*. Đặng Văn Ngữ kết luận: *"Để phát triển bất kỳ một ngành nào, vấn đề cần phải đưa ra thảo luận là vấn đề tự do dân chủ"*.

Đào Duy Anh trả lời: Những kẻ thù của tự do, người ta đều biết cả. Đó là những tệ nạn quan liêu, mệnh lệnh, độc đoán, bè phái, những bệnh giáo điều, công thức, sùng bái cá nhân, ngang nhiên trong công tác lãnh đạo văn nghệ và học thuật và cả giới trí thức nữa. Muốn thực hiện tự do dân chủ, thì *"giới trí thức là những người thiết tha nhất đối với các thứ tự do ấy chỉ có một cách là đấu tranh. Đấu tranh trong công tác chuyên môn, đấu tranh trong hoạt động xã hội. Đấu tranh bằng hoạt động phê bình, phản phê bình, tự phê bình."*

Sự đấu tranh của trí thức không thể là đấu tranh chung chung mà phải có mục đích thực tiễn ở mỗi ngành. Đào Duy

Anh viết: *"Không ai ngăn cấm anh tự do nghiên cứu, sáng tác, nhưng nếu anh không có phương tiện nghiên cứu sáng tác thì thực tế anh chẳng có quyền đâu. Không ai ngăn cấm anh tự do ngôn luận, nhưng nếu anh không có phương tiện để in sách báo thì thực tế anh cũng chẳng có quyền đâu".* Nói cụ thể, ví dụ như trong ngành xuất bản, thì phải tranh đấu *"cho tư nhân xuất bản dễ dàng, giúp đỡ việc phát hành, cho phương tiện thuận tiện để sáng tác và nghiên cứu, săn sóc sự xuất bản rộng rãi các tác phẩm văn nghệ và đặc biệt chú ý xuất bản những tác phẩm nghiên cứu khoa học."* Trong đại học phải tranh đấu để đại học trở thành *"một trung tâm nghiên cứu khoa học cao độ"* nghiã là phải đặt tiêu chuẩn chuyên môn lên trên tiêu chuẩn chính trị trong việc lựa chọn chuyên viên.

Trên Giai Phẩm Mùa Thu, tập III, ra ngày 30/10/56, trong bài *Muốn phát triển học thuật,* Đào Duy Anh nêu hai căn bệnh nặng nhất trong học thuật là bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân: *"Ở nước ta thì bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại còn trầm trọng hơn, khiến người ta, vô luận bàn về vấn đề gì, cũng đều phải bắt đầu dẫn những đề án của Mác-Ăng-ghen và Lê-nin, hoặc những ý kiến của Sta-lin hay các lãnh tụ khác, để, hoặc phát triển thêm những ý kiến ấy, hoặc gò bó tài liệu, xoay sở thế nào để gán vào khuôn khổ của những công thức rút ra tự những ý kiến ấy (...) Bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân lại dẫn thẳng đến cái tệ tư tưởng độc tôn: hễ thấy ai có ý kiến gì vượt ra ngoài những công thức cũ, những khuôn khổ sẵn có thì người ta chụp ngay cho những cái mũ dễ sợ, như cái danh hiệu cải biến chủ nghĩa chẳng hạn, những mũ như thế rất dễ bịt mồm bịt miệng người ta.*

Tư tưởng không tự do thì không thể tự do thảo luận được. Mặc dầu không ai cấm tranh luận - các nhà lãnh đạo vẫn thường nói nên mở rộng tranh luận nhưng trong thực tế

thì sự thảo luận đã bị thủ tiêu từ gốc rồi. Nghiên cứu hay nghị luận một vấn đề gì, nhiều người chỉ nơm nớp sợ không khéo thì chệch ra ngoài đường lối tư tưởng chính thống độc tôn. Đối với những người ấy, công tác học thuật trở thành trò xiếc leo dây. Con đường học thuật phải là con đường cái thênh thang mọi người tự do đi lại, chứ không phải sợi dây căng của người làm xiếc. Phải trừ bỏ những bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân để trả lại tự do cho học thuật".

Trên Giai Phẩm Mùa Thu, tập I, ra ngày 30/8/56, bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* đi tiên phong như ngọn đuốc dẫn đường, Phan Khôi "hỏi tội" lãnh đạo. Ngoài ra, còn có truyện ngắn *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, một trong những truyện ngắn hay nhất thời NVGP, nói lên sự bất lực của chính sách tẩy não: không ai có thể tịch thu quá khứ con người. *Bức thư gửi một người bạn cũ* của Trần Lê Văn mô tả một chân dung bồi bút. Bài thơ *Tỉnh giấc chiêm bao* của Nguyễn Bính thuật lại sự thức tỉnh của một nghệ sĩ sau 9 năm theo cách mạng.

Trên Nhân Văn số 1 ra ngày 30/9/56, *Nhân câu chuyện mấy người tự tử* của Lê Đạt là một bài xã luận bằng thơ đả phá chế độ công an trị. Bài *Con người Trần Dần* của Hoàng Cầm kể lại bi kịch của một nhà thơ trẻ, chỉ in có một bài thơ trên báo với nội dung yêu nước, mà bị bắt đi trong một bối cảnh tăm tối, không biết bị giam giữ ở đâu, có thể bị thủ tiêu; đó là một bản cáo trạng thống thiết về tình trạng bắt bớ giam người trái phép, vô luật pháp. Tranh Nguyễn Sáng khắc lại hậu quả của sự khủng bố trên con người Trần Dần.

Giai Phẩm Mùa Thu, tập II, ra cùng ngày với Nhân Văn số 1, có các bài: *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ* của Trương Tửu, *Ông Bình Vôi* của Phan Khôi, *Những người khổng lồ* của Trần Duy, *Thơ cái chổi - Chống tham ô lãng phí* của Phùng Quán, *Cũng những thằng nịnh hót* của Hữu Loan, *Em bé lên sáu tuổi* của Hoàng Cầm,

Cuốn sổ tay của Lê Đại Thanh,... Đây là số báo mạnh mẽ nhất từ trước đến giờ về mặt chống đối chế độ.

Trên Nhân Văn số 3 ra ngày 15/10/1956, Trần Đức Thảo trong bài *Nỗ lực phát triển dân chủ*, nhấn mạnh đến sự tự do của người trí thức: *"Người trí thức hoạt động văn hoá, cần tự do như khí trời để thở. Có tự do mới đẩy mạnh được sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật. Phát triển tự do là nhu cầu thiết thân đồng thời cũng là nhiệm vụ số 1 của người trí thức cũng như của toàn dân*".

Trên Nhân Văn số 4, ra ngày 5/11/1956, Nguyễn Hữu Đang viết bài *Cần phải chính quy hơn nữa*, đặt vấn đề xây dựng một nhà nước pháp trị. Phùng Cung trong *Con ngựa già của chúa Trịnh* dùng hình ảnh con ngựa già để chỉ những văn nghệ sĩ phục vụ đảng cũng giống như con ngựa của nhà Chúa, quen thói tôi đòi, vinh thân phì gia, mất hết mọi khả năng sáng tạo. Văn Cao trong *Những ngày báo hiệu mùa xuân*, lại một lần nữa chỉ bọn nịnh thần mà mắng.

Nhân Văn số 5, ra ngày 20/11/1956, trong bài *Hiến pháp Việt Nam 1946 và Hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* Nguyễn Hữu Đang nhắc lại điều 10 của Hiến pháp 1946: Công dân Việt Nam có quyền *Tự do ngôn luận - Tự do xuất bản - Tự do tổ chức hội họp - Tự do cư trú, đi lại trong nước và ngoài nước* và điều 11: *Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ và giam cầm người công dân Việt Nam. Nhà ở và thư từ của công dân Việt Nam không ai được xâm phạm một cách trái pháp luật*. Trong *Bài học Ba-Lan và Hun-ga-ri* ký tên Người Quan Sát, Lê Đạt cảnh báo: Nếu muốn tránh một biến cố như biến động Ba Lan thì Đảng phải: *"cương quyết và mạnh bạo sửa chữa những sai lầm kịp thời và đúng mức, cụ thể là nâng cao đời sống của nhân dân, mở rộng tự do dân chủ"*.

Ngày 30/10/56, luật sư Nguyễn Mạnh Tường nổ quả "bom" ngoài luồng Nhân Văn, với bài diễn thuyết *Qua*

những sai lầm trong Cải cách ruộng đất xây dựng quan điểm lãnh đạo, nói trước Mặt Trận tổ quốc.

Sau đây là những bài viết quan trọng của trí thức trong thời kỳ NVGP.

● Phan Khôi phê bình lãnh đạo văn nghệ

Lê Đạt tuyên bố: *"Mặc dầu Phan Khôi không lãnh đạo trực tiếp tờ Nhân Văn, nhưng trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo tờ Nhân Văn*[142]*"*. Lê Đạt nói lên ý kiến chung của những ai đã đọc các bài Phan Khôi viết trong thời kỳ NVGP, đã thấy sự can trường của người đứng ra lãnh trọng trách chủ nhiệm một tờ báo đòi tự do dân chủ, đối lập với chính quyền cộng sản. Trong thời kỳ NVGP, Phan Khôi có hai bài viết chính: bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ*[143] và truyện ngắn *Ông Bình Vôi* [144].

Phê bình lãnh đạo văn nghệ, là một trong những tác phẩm chủ chốt của phong trào NVGP, nhắm vào ba vấn đề thời sự văn học đương thời, nhưng vẫn còn là thời sự văn học hôm nay: Vấn đề tự do của văn nghệ sĩ. Vụ đàn áp Giai Phẩm Mùa Xuân. Và vụ giải thưởng văn học 1954-1955. Với ngòi bút sắc sảo, tác phong *"ngự sử văn đàn",* Phan Khôi vạch trần những tác hại của đám quan trường nhất phẩm triều đình: Ông chỉ trích Trường Chinh ăn nói bừa bãi, chất vấn gắt gao Tố Hữu, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi, những người tổ chức và thi hành việc đánh Trần Dần. Phan Khôi tách bạch hai giai cấp: *Lãnh đạo văn nghệ* và *Quần chúng văn nghệ* và ông phê phán ba vấn đề thực tiễn:

1/ *Vấn đề tự do của văn nghệ sĩ*: Sau khi đưa ra những dẫn chứng cụ thể về việc lãnh đạo nghiệt ngã bắt bẻ nhà văn phải viết theo đúng đường lối của Đảng, Phan Khôi hỏi thẳng lãnh đạo: chính trị muốn đạt đến cái mục đích của nó thì cứ

---

142 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

143 Giai Phẩm Mùa Thu tập I, 29/8/1956

144 Giai Phẩm Mùa Thu tập II, 30/9/1956.

việc dùng khẩu hiệu, biểu ngữ, thông tri, chỉ thị, không được hay sao mà phải dùng đến văn nghệ sĩ? Rồi ông buộc tội: *"Lãnh đạo đã xâm phạm mỗi ngày một hơn vào quyền riêng nghệ thuật của văn nghệ sĩ."*

2/ *Về vụ Giai Phẩm Mùa Xuân*: Chất vấn ban chủ tọa Hội Văn Nghệ về việc tổ chức hội họp đánh Trần Dần, Phan Khôi hỏi: *"Hội Văn Nghệ khai hội từ 7 giờ tối đến 1 giờ sáng để phê bình bài thơ Trần Dần, mà kỳ thực là hỏi tội Trần Dần, một mầm non văn nghệ. Hỏi độc tội một Trần Dần thôi là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hóa lũ người trong Giai Phẩm, cái ngón ấy đã thành công". "Tôi nhớ có một vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ "Người" viết hoa. Lấy lẽ rằng chữ Người viết hoa lâu nay chỉ để xưng Hồ chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ Người không phải để xưng Hồ chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như ở trong chiêm bao, chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rồng nọ, ông Lê Mỗ tố cáo ông Nguyễn Mỗ trước ngai vàng, rằng trong phép viết, chỉ có chữ nào thuộc về hoàng thượng mới phải đài*[145] *thế mà tên Nguyễn Mỗ viết thư cho bạn, dám đài chữ không phải thuộc về hoàng thượng. Nhưng may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình đang ngồi trong phòng họp Hội Văn Nghệ"*.

Những lời trên đây, tưởng Phan Khôi nói với đám nhất phẩm, nhưng không, đó là những lời ném thẳng vào bệ rồng. Ông không thèm hỏi tội bày tôi nữa, mà đi ngược lên trên, đến manh mối sau cùng, tới lãnh tụ tối cao, qua những chữ: *Người, sân rồng, Hoàng thượng, ngai vàng*, để xác định: *Sự sùng bài lãnh tụ phải đến từ chính lãnh tụ*. Nếu lãnh tụ không muốn được tôn sùng, nếu lãnh tụ ưa sự bình đẳng, dân chủ, thì kẻ dưới quyền không thể xu nịnh tâng bốc được.

---

145 *Đài* là tôn xưng. Ngày trước, khi viết chữ Hán, nếu gặp những chữ như: Cung vua, Lăng tẩm, Miếu hiệu vua chúa... thì phải *đài* chữ, tức là viết cao hơn chữ thường để tỏ ý tôn kính.

Trước Phan Khôi và sau Phan Khôi, chưa có nhà văn nào dám mạnh mẽ trực tiếp phê bình Hồ Chí Minh như thế.

3/ Về giải thưởng văn học năm 54-55: ba tác phẩm *Mưa sao* của Xuân Diệu, *Truyện anh Lục* của Nguyễn Huy Tưởng và *Nam Bộ mến yêu* của Hoài Thanh đều chiếm giải. Phan Khôi phê bình: *"Cả ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong ban Chung khảo. Nếu ở trong ban Chung khảo mà thôi còn khá, thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở ban Sơ khảo nữa, sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn sạch tiếng: Một người nào có con em đi thi, thì người ấy có được cắt cử cũng phải "hồi tỵ", không được chấm trường. Bây giờ đến cả chính mình đi thi mà cũng không "hồi tỵ": một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã "liêm chính" cả rồi; một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái "miệng" đã bị "vú lấp".*

Qua việc trao giải thưởng văn nghệ, Phan Khôi mỉa mai sự gian dối, ám muội trong các địa hạt khác ở "*thời đại Hồ Chí Minh",* nói rằng đã đổi mới rồi, mà sao con người lại *"thanh liêm"* kiểu ấy, bởi *"mọi cái miệng đã bị vú lấp mất rồi"*. Về việc Hồ Chí Minh viết *"truyện mẫu"* cho nhà văn viết theo, Phan Khôi bảo: *"Nhược bằng bắt mọi người viết phải viết theo một lối với mình, thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết"*. Về việc Đảng dạy dỗ các nhà thơ nhà văn sáng tác theo chỉ thị, Phan Khôi bảo: *"Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu!"*

Những lời khẳng khái của Phan Khôi trong thời kỳ NVGP đã trở thành biểu tượng của tinh thần bất khuất Phan Khôi trước mọi áp lực tư tưởng. Bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* là văn bản "hỏi tội triều đình" trực tiếp và gay gắt nhất, cho đến nay chưa một trí thức nào dám làm.

Văn bản này sẽ mãi mãi trụ lại như bài văn tiêu biểu cho sự can trường của một nhà trí thức trong thế kỷ XX, đương đầu với sự độc tài của một thể chế, không khác gì bài sớ dâng vua trảm tấu bọn gian thần thời phong kiến.

Chính văn bản này đã khiến giới cầm bút nhìn thấy ở Phan Khôi một nhà lãnh đạo văn nghệ đích thực, và những trí thức khác như Trương Tửu, theo gương Phan Khôi dứt khoát bước vào diễn đàn NVGP.

● Trương Tửu: Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ

Trương Tửu bước vào diễn đàn với lập luận chặt chẽ và đanh thép của nhà phê bình, ông viết hai bài quan trọng về tự do tư tưởng: *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ* [146] và *Văn nghệ và chính trị* [147] với phần hai là *Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Bôn-sê-vích*[148].

Hai bài viết này xác định Trương Tửu là một trong những người lãnh đạo tư tưởng của phong trào NVGP.

Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ, tường thuật lịch sử đấu tranh dân chủ của văn nghệ sĩ trong kháng chiến. Trương Tửu đi vào thẳng vấn đề: *"Tôi viết bài này, nối gót nhà văn lão thành dũng cảm Phan Khôi, góp ý kiến phê bình lãnh đạo văn nghệ, đặc biệt sự sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ"*.

Ông xác định bệnh sùng bái cá nhân là bệnh của lãnh đạo văn nghệ:

"Sùng bái cá nhân là một bệnh phổ biến trong giới lãnh đạo văn nghệ (...) Tôi không nói đó là bệnh của văn nghệ sĩ; vì rằng, hôm qua cũng như hôm nay, người văn

---

146 Giai Phẩm Mùa Thu tập II, 30/9/56.

147 Giai Phẩm Mùa Thu tập III, 30/10/56.

148 Giai Phẩm Mùa Đông tập I, 28/11/56.

nghệ sĩ tự trọng không bao giờ thừa nhận sự sùng bái cá nhân. Nghệ thuật là sáng tạo, là tự do. Sùng bái cá nhân là phục tùng mù quáng, là nô lệ. Hai thứ đó như nước với lửa; có cái này thì không có cái kia được".

Rồi ông dẫn chứng những cử chỉ, thái độ sùng bái cá nhân của các lãnh đạo văn nghệ, từ Lưu Trọng Lư đến Tố Hữu, mà theo ông, đó là những kẻ có tâm lý *"bảo hoàng hơn vua", "ở cửa miệng họ, bao giờ ta cũng bắt gặp cái điệp khúc bất di bất dịch này: Đảng không bao giờ sai lầm. Rồi từ chỗ nói: Đảng không bao giờ sai lầm, họ tiến đến chỗ nói: các cá nhân lãnh đạo Đảng không bao giờ sai lầm".*

Họ sùng bái cá nhân để làm gì? Trương Tửu trả lời: *"Họ sùng bái một người (cấp trên) để vạn người (cấp dưới) sợ cá nhân họ. Nhờ phương châm ấy, họ bám vào gót giầy cấp ủy ban này, cấp ủy ban khác, leo dần lên thang danh lợi, oai quyền hống hách, đàn áp cấp dưới, khinh miệt quần chúng, báo cáo lên trên thì xuyên tạc sự thực có dụng ý, lãnh đạo anh em thì mệnh lệnh độc tài. Họ sùng bái cá nhân là để trục lợi. Họ chỉ có thể tiến thân bằng đường lối ấy."*

Nhưng vẫn có những nghệ sĩ như Tô Ngọc Vân, Sĩ Ngọc: *"Ai cũng còn nhớ, năm 1948, cố hoạ sĩ Tô Ngọc Vân đã tranh luận khá gay gắt với ông Trường Chinh về vấn đề: quần chúng phê bình nghệ thuật. Ngòi bút tranh luận của Tô Ngọc Vân chứng tỏ một khối óc độc lập, một tâm hồn có cá tính không vì uy quyền của lãnh tụ này hay lãnh tụ khác mà thủ tiêu ý kiến riêng của mình".*

Vẫn 1948, trong một buổi nói chuyện khác ở Thanh Hóa *"có đoạn ông Trường Chinh lớn tiếng mạt sát họa phái lập thể chủ nghĩa (của Picasso). Ông cho họa phái ấy (...) chỉ là những cái nấm độc mọc trên trạng thái thối tha của chế độ tư bản chủ nghĩa ở Âu châu đầu thế kỷ 20". "Sau buổi nói chuyện này, hoạ sĩ Sỹ Ngọc đã viết một bài nói về*

chủ nghĩa lập thể trong tạp chí Sáng Tạo số 4 để gián tiếp bác ý kiến của ông Trường Chinh".

Trương Tửu xác định lại nhiệm vụ của văn nghệ sĩ trong cách mạng kháng chiến:

"Người văn nghệ sĩ kháng chiến đi tìm chân lý, đi tìm chính nghĩa, đi tìm tự do (...) họ không thể sùng bái bất cứ cá nhân nào, không thể thừa nhận bất cứ uy quyền độc đoán nào, chống lại bất cứ sức áp chế tư tưởng nào." Còn lãnh đạo văn nghệ: *"Giống như bọn thầy bùa phong kiến, các nhà lãnh đạo văn nghệ của chúng ta muốn "yểm" tất cả các tâm hồn cứng rắn và tự do cho đến trở thành những hòn đất thó "tròn méo mặc dầu tay kẻ nặn". Những lá bùa của họ chế tạo ra kể cũng đã khá nhiều: mất lập trường, phạm chính sách, phá đoàn kết, phá tổ chức, vô kỷ luật, chống Đảng, địch lợi dụng, có vấn đề, bất mãn cá nhân, óc địa vị, v.v... còn gì nữa?"*

Sự đe nẹt của lãnh đạo văn nghệ đã ảnh hưởng đến một số người: *"Và phải nói ngay rằng ngần ấy lá bùa yểm cũng đã linh nghiệm ít nhiều. Một số văn nghệ sĩ non gan (...) biến thành những tên thư lại văn nghệ xu nịnh trục lợi".*

Nhưng không phải ai cũng chịu khuất phục: *"Còn một số không khuất phục, kịch liệt phê phán tác phong và đường lối lãnh đạo của thường vụ Hội thì bị chụp mũ, bị chèn ép, bị "trù", bị hành hạ, bị gạt sang một bên."*

Tình trạng trù dập, chụp mũ này, dẫn đến hậu quả: "*Cuộc đấu tranh âm ỷ dai dẳng chống lãnh đạo độc đoán, quan liêu, bè phái, trong những năm cuối kháng chiến, khi hoà bình trở lại, đã bùng nổ. Khởi điểm là ở trong Phòng Văn Nghệ Quân Đội. Trần Dần, Phùng Quán, Trần Công, Tử Phác, Hoàng Cầm (...) yêu cầu trao trả quyền điều khiển văn nghệ cho văn nghệ sĩ, yêu cầu tự do trong sáng tác và sinh hoạt văn nghệ. (...) Điểm cuối cùng của nó là lớp học tập lý luận văn nghệ tháng Tám vừa qua ở trụ sở Hội Văn*

Nghệ. Suốt mười tám ngày, anh em văn nghệ sĩ trong Đảng cũng như ngoài Đảng đã đứng dậy đồng thanh tố cáo những hành động và thái độ độc tài, bè phái của ban lãnh đạo văn nghệ".

Sau khi tóm tắt tình hình toàn bộ đời sống văn nghệ từ kháng chiến đến lớp học tập dân chủ 18 ngày, Trương Tửu kêu gọi:

"Đã đến lúc phải sa thải những "nhà lãnh đạo" thiếu tư cách mà quần chúng tuyệt đối không tin tưởng nữa để quần chúng văn nghệ tự tay mình điều khiển công việc chuyên môn của mình một cách thực sự dân chủ". "Đã đến lúc phải thanh toán lối đàn áp tự do tư tưởng, khinh miệt quần chúng, mệnh lệnh, độc đoán, bè phái chủ nghĩa do bệnh sùng bái cá nhân đẻ ra, để mở đường cho trăm hoa đua nở, trăm nhà đua nói".

Và đây là nguyện vọng của văn nghệ sĩ: "*Họ muốn tiêu diệt bệnh sùng bái cá nhân trong việc lãnh đạo văn nghệ đã cản trở sức phát triển nghệ thuật". "Họ muốn chấm dứt lề lối mệnh lệnh, độc đoán, quan liêu, bè phái, chụp mũ, trong sự lãnh đạo văn nghệ, giành lại quyền tự do tư tưởng bị chà đạp bấy lâu nay; vì thiếu tự do tư tưởng thì nghệ thuật sẽ co quắp, mòn mỏi như cụm hoa thiếu ánh sáng mặt trời"."Họ muốn công việc lãnh đạo văn nghệ phải trả lại cho những văn nghệ sĩ – bất kể trong Đảng hay ngoài Đảng – được quần chúng văn nghệ tự ý lựa chọn và tín nhiệm".*

Bài *Bệnh sùng bái cá nhân trong giới lãnh đạo văn nghệ* trên Giai Phẩm Mùa Thu, tập II, xác định đường lối quyết liệt đòi dân chủ của nhóm NVGP, Trương Tửu tố cáo toàn diện bộ mặt lãnh đạo văn nghệ, và qua đó ông phê phán bộ mặt lãnh đạo nói chung.

Trong bài *Văn nghệ và chính trị*, trên Giai phẩm mùa thu, tập III, ông đi sâu vào vấn đề tự do sáng tạo.

● Văn nghệ và chính trị

Đối diện với Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, những người có tư tưởng quốc gia, triệt để *chống lại quan niệm đấu tranh giai cấp của cộng sản*, Trương Tửu là người cộng sản đệ tứ, đứng trên *quan niệm đấu tranh giai cấp* để đòi hỏi tự do dân chủ. Trước tiên, ông xác định quan hệ mật thiết giữa chính trị và văn nghệ:

"Văn nghệ, tự thân nó, tất yếu phải mang chính trị tính và có tác dụng chính trị" vì *"Văn nghệ, căn bản, là một thể cách nhận thức và tái tạo thế giới thực tại, một thể cách biến cải xã hội, biến cải con người bằng đường lối thẩm mỹ".* Cho nên, người nghệ sĩ khi sáng tác bắt buộc phải *"dấn thân",* nhưng sự dấn thân ở đây có tính cách *"đấu tranh giai cấp",* ông viết: *"Sáng tác văn nghệ là tự xác định một thái độ, một lập trường đối với cuộc đấu tranh giai cấp đương thời".*

Đồng ý hay không đồng ý với quan niệm đấu tranh giai cấp của Trương Tửu, nhưng không ai có thể phủ nhận tính thuyết phục trong bài viết của ông. Vẫn đứng trên quan niệm đấu tranh giai cấp, chống lại các chế độ người bóc lột người, ông viết về thời cổ điển: *"Lịch sử văn nghệ căn bản là lịch sử chiến đấu của những văn nghệ sĩ nhân đạo chủ nghĩa đối kháng với chế độ áp bức con người, bảo vệ quyền tự do tư tưởng, tự do nói sự thực trong tác phẩm".* Mà sự thực là điều mà các chế độ độc tài ghê sợ nhất tuy nhiên các văn nghệ sĩ cổ điển đã không ngại chiến đấu cho sự thực trong tác phẩm của mình:

"Đó cũng là thái độ của tất cả những văn nghệ sĩ cổ điển Đông và Tây - của những Đỗ Phủ, Nguyễn Du, Molière, Heine, Rousseau, Diderot v.v… Họ dũng cảm bảo vệ tự do tư tưởng, tự do nói thực đến kỳ cùng trước sức tấn công hiểm độc của các giai cấp bóc lột (...) Thiếu chân lý đó, không thể có tác phẩm nghệ thuật thực sự quan trọng được

(...) Muốn sáng tạo ra một thế giới độc đáo, văn nghệ sĩ phải có một cái nhìn độc đáo, một nhận thức độc đáo về thực tại, một trí tưởng tượng độc đáo, một lối nói độc đáo. (...) Phải tự do nhìn sự thực, tự do xúc cảm, tự do suy nghĩ, tự do tưởng tượng, tự do vận dụng ngôn ngữ nghệ thuật - để có thể phản ánh hiện thực một cách trung thành. Tự do đây có nghĩa là: chống lại mọi áp bức tư tưởng, mọi mệnh lệnh, mọi công thức, mọi quyền uy bắt mình nói điều mình không muốn nói, nghĩ điều mình không muốn nghĩ, nhận là đúng điều mình cho là sai, yêu những cái mà mình ghét, ca tụng những cái mà mình phản đối. Không có tự do ấy, sự sáng tác của văn nghệ sĩ sẽ giả tạo. Giả tạo là kẻ thù của nghệ thuật. Giả tạo là tiêu diệt nghệ thuật. Một tác phẩm văn nghệ không tiết ra từ những cảm nghĩ thành thực và sâu sắc của chính tâm hồn tác giả sẽ là một phản ảnh nhạt nhẽo của thực tại. Nó khô khẳng vì thiếu chất sống. Nó bất thành nghệ thuật, và do đó, chẳng xúc động được ai cả."

Trương Tửu đã viết những lời kêu gọi và biện hộ tha thiết cho sự tự do của văn nghệ sĩ. Ông kêu gọi người nghệ sĩ phải có can đảm *là mình* trong những điều kiện xã hội bắt họ *không được là mình.* Phải tự do nhìn, cảm, nghĩ, nói theo chủ định cá nhân của mình, trong những điều kiện xã hội buộc họ phải nhìn, cảm, nghĩ, nói theo những *công thức thống trị.*

Trương Tửu kết luận: "*Người văn nghệ sĩ sống bằng tự do tư tưởng. Tự do tư tưởng của văn nghệ sĩ là bất khả xâm đoạt". "Không có tự do tư tưởng thì không thể có nghệ thuật chân chính được. Đó là một chân lý bất di bất dịch."*

Văn nghệ và chính trị là bài viết đấu tranh cho tự do tư tưởng hay nhất và mạnh mẽ nhất trong thời kỳ NVGP, xác định Trương Tửu là nhà phê bình văn học duy nhất dám đứng lên chống lại sự độc tài đảng trị, trong khi Vũ Ngọc Phan im lặng, Hoài Thanh trở thành bồi bút cho Đảng.

● **Lê Đạt:** ***Nhân câu chuyện mấy người tự tử***

Lê Đạt trên Nhân Văn số 1 ngày 20/9/56, mượn câu chuyện thời sự trên báo: một đôi tình nhân tự tử, để gợi lại chuyện riêng của mình - Lê Đạt yêu Thúy Thúy, một nghệ sĩ sân khấu và ly dị người vợ cốt cán, nên bị cấp trên khiển trách- cũng là chuyện tình duyên bị đảng áp chế của những Trần Dần, Hoàng Cầm, Tử Phác, Đặng Đình Hưng... Bài thơ vượt trên bi kịch cá nhân, để tố cáo sự độc tài đảng trị kiểm soát đến cả tim người:

Chế độ ta không cấm họ yêu nhau
Mà sao họ chết?
Người công an đứng ngã tư đường phố
Chỉ huy
bên trái
bên phải
xe chạy
xe dừng
Rất cần cho việc giao thông.
Nhưng đem bục công an
máy móc
đặt giữa tim người
Bắt tình cảm ngược xuôi
theo đúng luật đi đường nhà nước
Có thể gây rất nhiều chua xót
ngoài đời

Từ bi kịch đôi tình nhân, Lê Đạt nhìn lại mình, bấy lâu ngủ quên trong chế độ:

Thơ tôi bị cuộc đời ruồng bỏ
Vì tôi đã ngủ quên trong chế độ
Vẽ phấn bôi son, tô toàn màu đỏ
La liệt đầy đường hoa nở
chim kêu (...)
Giữa năm Cộng hoà lớn khôn mười một tuổi

Vẫn còn lọt lưới
nhiều thói "an nam"
Dán nhãn hiệu
"Made in Cách mạng"
Ngang nhiên xúc phạm con người
Đẩy họ đi tự tử

Nay bừng tỉnh, nhà thơ kêu gọi mọi người, hãy "*quét sạch mây đen", "chặt hết gông xiềng":*

Phải quét sạch mây đen
cho chân trời rộng mở
Chặt hết gông xiềng
cho những cánh tung lên
Ngày và đêm
mộng bay đầy cuộc sống
Khát vọng theo khát vọng
Không gì ngăn cản con người

Bài thơ chiếm trọn trang ba của tờ báo, có vị trí một bài xã luận, xác định lập trường chính trị của Lê Đạt và Nhân Văn. Hai câu: *Đem bục công an máy móc đặt giữa tim người. Bắt tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước* đã khắc ghi vào tim người Việt, mọi nơi, mọi thời, bức hình chế độ công an trị rõ nhất, trên đất nước Việt Nam.

● **Nguyễn Mạnh Tường:** ***Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo***

Sau Hoàng Đạo dưới thời Pháp thuộc, Nguyễn Mạnh Tường là người dùng lý lẽ luật pháp để phê bình những sai lầm về mọi mặt trong chính sách cai trị của Đảng Cộng sản, chủ yếu qua buổi diễn thuyết *"Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo"* nói tại Mặt trận tổ quốc ngày 30/10/1956.

Sau khi nghe Trường Chinh đọc bản tự phê bình của Đảng Lao Động về chính sách Cải Cách Ruộng Đất, với tài

hùng biện nổi tiếng, Nguyễn Mạnh Tường đã điễn thuyết trong 6 tiếng trước Mặt Trận Tổ Quốc.

Bằng giọng mỉa mai, chua xót, Nguyễn Mạnh Tường trả lời Trường Chinh: *"Tôi phấn khởi được nghe bản phê bình của Đảng Lao Động do ông Trường Chinh đọc trước Hội Nghị. Nhưng tôi cũng phải thú rằng lòng phấn khởi của tôi một phần bị giảm đi, vì tôi nhớ lại kết quả tai hại của các sai lầm đã phạm trong công cuộc Cải Cách Ruộng Đất. Tôi xin phép các vị được kính cẩn nghiêng mình trước kỷ niệm những người vô tội đã chết oan, không phải vì bàn tay của địch mà chính của ta. (...) Trái lại, các người chết oan vì các sai lầm trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất này, lúc tắt thở, cay đắng đau xót vì chết với một ô danh".*

Đây là một bài chính luận sâu sắc, nội dung phân tích những sai lầm của chế độ, đi từ sai lầm cải cách ruộng đất ở thôn quê, sang sai lầm trong chế độ mậu dịch ở thị thành, tất cả nằm trong bản chất thiếu dân chủ của chế độ. Ông truy nguyên nguồn gốc những sai lầm và trình bày những nguyên tắc mới để sửa sang lại guồng máy luật pháp, chính trị của đất nước. Ông hỏi tội trực tiếp cấp lãnh đạo cao nhất:

Những người lãnh đạo, có trách nhiệm vụ Cải cách ruộng đất làm cho bao nhiêu người chết oan, không thể chỉ đứng ra xin lỗi, hoặc nhận là Đảng đã sai lầm, mà xong đâu[149]*. Xin lỗi không phải là hành động luật pháp. Giết người rồi, không thể chỉ xin lỗi mà xí xoá được. Trong một nước dân chủ thực sự, thì Quốc Hội phải lập một ủy ban điều tra, phải đưa họ ra toà, và toà sẽ phân xử, kết án, tùy theo trách nhiệm nặng nhẹ của mỗi người, từ lãnh đạo cao nhất xuống dưới.*

Đầu tiên hết, ông phân tích tình hình chính trị xã hội Việt Nam, bằng những chất vấn:

---

149 Nguyễn Mạnh Tường muốn nói đến việc: Hồ Chí Minh khóc và xin lỗi quốc dân. Võ Nguyên Giáp thay mặt Đảng xác nhận 7 điểm sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất.

"Tình hình nước ta hiện thời ra sao? Tình hình ấy có bi quan không?"

"Về Mậu dịch nửa năm nay, đồng bào ca thán như thế nào, ta đã biết. Nào chèn ép các nhà kinh doanh tư nhân, nào lãng phí bao nghìn triệu trong khi thực hiện chính sách, nào tàn nhẫn với các người bán sức lao động cho mình, nào đưa ra thị trường sữa hư mà không bao giờ nghĩ đến tính mệnh của người ốm, của trẻ sơ sinh, nào tung ra bơ hỏng, thuốc lá mốc, phạm đến sức khỏe của nhân dân, nào bất lực trước hiện tượng vật giá ngày càng lên trong khi nhiệm vụ của mình là phải bình ổn nó. Có thể nói được, suốt ngày đêm không đâu là không có lời oán trách Mậu dịch".

Sau khi tổng kết tình trạng bi quan về kinh tế, xã hội, Nguyễn Mạnh Tường trở lại vấn đề Cải Cách Ruộng Đất, ông hỏi: chúng ta đã sai lầm nghiêm trọng trong Cải Cách Ruộng Đất, nhưng bây giờ phải tìm hiểu xem sai ở đâu? Vì sao mà sai?

Đường lối cách mạng đề ra là người cày phải có ruộng, trên nguyên tắc điều ấy là đúng, không ai chối cãi. Nhưng khi thi hành chính sách này người ta đã coi thường sinh mạng con người, và vi phạm luật pháp: *"Khi đưa ra khẩu hiệu "thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch" thì khẩu hiệu này không những quá tả một cách vô lý mà phản lại cách mạng là đằng khác nữa (...) Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: "Thà 10 địch sót còn hơn một người bị kết án oan"***.**

Rồi Nguyễn Mạnh Tường nhắc lại những nguyên tắc cơ bản của pháp lý: *Không phạt các tội đã phạm quá lâu rồi mà bây giờ mới khám phá ra. Chỉ một mình phạm nhân chịu trách nhiệm việc mình làm, không có trách nhiệm chung của vợ con, gia đình. Muốn kết án một người phải có bằng chứng xác đáng. Thủ tục điều tra, xét xử phải bảo đảm quyền lợi của bị tố nhân. Bị tố nhân có quyền nhờ luật sư bào chữa cho mình.*

Nhưng những nguyên tắc cơ bản này không được áp dụng trong Cải Cách Ruộng Đất. Sở dĩ có sai lầm như vậy vì ba nguyên do: Quan điểm ta-địch, thù-bạn mơ hồ. Bất chấp pháp luật. Bất chấp chuyên môn. Vì ta-địch, thù-bạn mơ hồ, cho nên bao nhiêu bi kịch đẫm máu xẩy ra, có *"những người suốt đời hi sinh cho sự nghiệp cách mạng, rồi bỗng nhiên phải truất quyền, khai trừ ra khỏi Đảng, tống giam, thậm chí có khi bị giết nữa"*. Trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất, bao nhiêu *"chiến sĩ cách mạng thành tích lộng lẫy"* cũng *"bị kết án là phản động, cường hào gian ác và, sau khi nhận tội, bị tống giam hay bị hành hình*".

Những cán bộ hành xử như vậy, *nếu vì "chủ mưu phá hoại" thì phải đưa ra toà, còn nếu vì điên cuồng thì phải đem đi chữa bệnh thần kinh*. Vì chính trị bất chấp pháp luật cho nên, muốn xử tử ai cũng được: *"Quyền xử tử người một cách đơn giản như vậy trái với luật pháp"*.

Vì bất chấp chuyên môn cho nên *"khi chọn một người vặn lái ô tô, ta không hỏi người ấy có bằng vặn lái và đã vặn lái bao năm, ta chỉ hỏi: "Có lập trường không?" Kết quả là từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra do các người vặn lái ô tô có lập trường mà không nắm chuyên môn. Khi đưa tới bệnh viện một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trước tiên là: Bệnh nhân thuộc thành phần giai cấp nào? Chữa cho địa chủ thì "mất lập trường". Để nó chết mới chứng minh mình có "lập trường giai cấp" (hiện tượng do B.S. Nguyễn Xuân Nguyên đưa ra) (...) Tại sao có những hiện tượng quái gở như vậy? Là vì chính trị chiếm đóng tất cả các khu vực trong nhận thức của chúng ta làm chúng ta mất cả cái nhân đạo tối thiểu của con người, làm chúng ta khước từ các chân lý"*.

Quốc hội thành lập đã mười năm- từ 1946 đến 1956. "*Nhưng quyền lập pháp của Quốc hội ở đâu?" "Dư luận quần chúng quan niệm rằng Quốc hội chỉ có quyền thông*

qua các chính sách mà thôi". "Trong bản Tuyên ngôn độc lập, trong Hiến pháp cũng như trong các sắc lệnh, đạo luật, nguyên tắc dân chủ đã được ban bố". Nhưng trong thực tế: *"người dân không có quyền, không có phương tiện nói lên ý kiến của mình, tham gia xây dựng các chính sách của Chính phủ".*

Đề nghị sửa chữa sai lầm do thiếu một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự, Nguyễn Mạnh Tường lập luận: Vì không có một chế độ pháp trị chân chính cho nên mới xẩy ra vụ Cải Cách Ruộng Đất.

Và sau khi xẩy ra rồi, thì: "*phải lập một ủy ban điều tra gồm các vị đại biểu Quốc Hội, Mặt Trận, Đảng Lao Động với sự cộng tác của các vị thẩm phán cao cấp, giàu kinh nghiệm để lập một hồ sơ theo phương pháp pháp lý đã nhận định, trên quá trình đi từ lãnh đạo qua chỉ đạo đến chỗ thực hiện chính sách, trách nhiệm ở chỗ nào và do những ai phải chịu. Sau khi kết thúc cuộc điều tra, ủy ban ấy sẽ phân tách trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý. Ai chịu trách nhiệm chính trị sẽ trả lời trước Quốc Hội biến thành Tòa Án tối cao. Ai chịu trách nhiệm pháp lý sẽ trả lời trước các Tòa Án tư pháp. Dưới con mắt của quần chúng theo dõi xây dựng cuộc điều tra và xét xử, công lý phát huy, không còn ai thắc mắc nữa".*

Làm như thế mới đúng quy tắc của một chế độ dân chủ. Một chế độ thực sự dân chủ "*trong đó người dân được làm chủ trên đất nước không những trong hiến pháp, mà cả trong thực tế nữa".* Và ông nhấn mạnh*: " Lịch sử các phong trào cách mạng trong hơn một thế kỷ nay, chưa bao giờ, chưa ai có thể ngăn cản được một phong trào quần chúng tranh đấu đòi các tự do dân chủ".*

Tóm lại, các nhà trí thức trong NVGP nói với một quần chúng đã quen biết với dân chủ, có ý thức, có trình độ về dân chủ, khác hẳn với lối viết giản dị và giáo khoa của Phan

Châu Trinh đầu thế kỷ XX, nói với một quần chúng mới phôi thai về dân chủ. Và cũng khác cách viết khoa học, tự tin và tự hào dân tộc của Hoàng Đạo đối đầu với thực dân Pháp. Như vậy đủ thấy rằng từ đầu đến giữa thế kỷ XX, trong đầu óc người Việt Nam, tự do dân chủ đã có những biến chuyển lớn lao, chứ không hề dậm chân tại chỗ.

Từ khi đảng Cộng Sản dập tắt phong trào NVGP, dẹp tan tư tưởng tự do dân chủ, giữ địa vị độc tôn cai trị, coi tất cả những đảng phái đối lập là thù nghịch, là phản động, và nhất là *không còn giáo dục học sinh về quyền công dân, quyền con người nữa,* thì người Việt mới lại rơi vào vòng u tối, không ý thức được tự do dân chủ là quyền thiết yếu của con người, và chúng ta mới phải nghe những lập luận thoái hoá của những "trí thức" đương thời, coi sự sùng bái lãnh tụ là "bẩm sinh" là tất yếu; loại trừ quyền tự do dân chủ, như một sản phẩm của phương tây, không phù hợp với Việt Nam.

Phê bình lãnh đạo văn nghệ của Phan Khôi, *Văn nghệ và chính trị* của Trương Tửu và *Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất*, *xây dựng quan điểm lãnh đạo* của Nguyễn Mạnh Tường là ba văn bản quan trọng nhất thời kỳ NVGP, nói lên tinh thần bất khuất của người trí thức dưới chế độ cộng sản và giải thích tại sao cộng sản phải tiêu diệt trí thức.

Chương 7

Biện pháp thanh trừng

● Tình hình từ tháng 12/1956 đến tháng 2/1958

Nhân Văn Giai Phẩm xuất hiện từ tháng 8/1956 đến tháng 12/1956. Cuối tháng 12/1956, tất cả những tờ báo có khuynh hướng theo NVGP, đều bị đình bản.

Từ 20 đến 28/2/1957, tại Đại Hội Văn Nghệ II, họp ở Hà Nội, có khoảng 500 đại biểu, Trường Chinh kêu gọi đấu tranh *"đập nát"* NVGP.

Tuy nhiên Trung Quốc chưa dẹp phong trào *"Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng"*, cho nên Đảng Lao Động chưa thể mạnh tay với trí thức văn nghệ sĩ: đầu tháng 4/1957, Hội Nhà Văn chính thức thành lập thay Hội Văn Nghệ, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh vẫn được bầu vào ban chấp hành. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, 65 Nguyễn Du, do Tô Hoài, Hoàng Cầm, Đoàn Giỏi phụ trách. Hoàng Cầm đại diện miền Bắc, Đoàn Giỏi, nhà văn tập kết, đại diện miền Nam. Tô Hoài làm chủ nhiệm. Theo Hoàng Cầm, Tô Hoài thường lấy cớ đi sáng tác, để ông quán xuyến mọi việc, cho nên trong vòng mười tháng, ông đã in được tập *Bài thơ trên ghế đá* của Lê Đạt cùng với thơ Vĩnh Mai; tập thơ Quang Dũng và Trần Lê Văn. Vừa chuẩn bị xong tập thơ Hữu Loan, chưa kịp in, thì có lệnh đình chỉ để chuẩn bị cho một lớp học chính trị, nhưng thực chất là lớp học tập toàn thể văn nghệ sĩ

để đấu -có thể nói là đấu hơn địa chủ nữa- đấu tư tưởng NVGP[150].

Ngày 10/5/1957, Hội Nhà Văn ra tuần báo Văn, với Nguyễn Công Hoan, chủ bút, Nguyễn Tuân, phó chủ bút, Nguyên Hồng, tổng thư ký. Lúc đầu Văn theo đường lối chính thống, nhưng đến khi Thế Toàn trên báo Học Tập của Đảng lên tiếng chê báo Văn "*nghèo nàn", "xa rời thực tế cách mạng",* Nguyên Hồng bèn trả lời[151] phê bình Thế Toàn *"quan liêu", "trịch thượng".*

Cuộc bút chiến giữa Văn và Học Tập khiến Bộ Chính Trị chú ý. Rồi Văn dần dần thay đổi thái độ: một số cây bút cũ trong NVGP xuất hiện lại trên Văn. Văn số 21 ra ngày 27/9/1957 đăng bài thơ *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán. Số 24, ra ngày 18/10/57 đăng kịch thơ *Tiếng hát* của Hoàng Cầm. Số 28, ngày 15/11/1957, bài thơ *Hãy đi mãi* của Trần Dần, và số 30, ngày 29/11/1957, hý hoạ của Trần Duy chế giễu chế độ văn nghệ của Đảng.

Năm 1957, Hồ Chí Minh đi thăm Liên Xô, Mông Cổ, Bắc Triều Tiên, có ghé Bắc Kinh học hỏi kinh nghiệm. Cuối năm 1957, Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Tố Hữu, Huy Cận, Hà Xuân Trường[152] được cử sang học tập Trung Quốc. Khi họ trở về, Đảng mới thực thụ áp dụng chính sách đàn áp của Bắc Kinh.

Ngày 6/1/1958, Bộ Chính Trị ra nghị quyết số 30 về văn nghệ. Tinh thần nghị quyết dựa trên hai điểm chính:

1- Trình bày các hiện tượng chống lại đường lối văn nghệ của Đảng:

"Về văn học nghệ thuật, ranh giới giữa tư tưởng văn nghệ của Đảng và tư tưởng văn nghệ tư sản đã bị xóa nhòa. Trên tuần báo Văn và trong một số sách xuất bản hoặc tái

---

150 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

151 Trên *Văn* số 15, ra ngày 16/8/1957.

152 Theo Hoàng Cầm có Huy Cận, Lưu Trọng Lư. Theo Lê Hoài Nguyên có Tố Hữu, Huy Cận, Hà Xuân Trường. Ở đây, chúng tôi dùng thông tin của LHN.

bản, đã biểu hiện khuynh hướng xa rời thực tế đời sống của nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị, thoát ly chính trị và không nhằm đúng những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn mới. Những tình cảm cá nhân chủ nghĩa đang có chiều hướng phát triển, những chủ đề lớn do đời sống thực tại đề ra không được chú ý. Hình ảnh công nông binh phấn đấu dũng cảm trong hòa bình mờ nhạt trong văn thơ và trong các tác phẩm nghệ thuật khác. Nhiều quan điểm văn nghệ của giai cấp tư sản lại được nêu lên.

Cuộc tranh luận giữa tạp chí Học Tập và báo Văn gần đây lại là một biểu hiện cụ thể của cuộc đấu tranh giữa đường lối văn nghệ của Đảng với khuynh hướng chống lại hoặc xa rời đường lối đó. Tư tưởng chủ đạo biểu hiện trên báo Văn chính là tư tưởng tách rời đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, tách rời những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng trong giai đoạn hiện tại, tách rời sự lãnh đạo của Đảng."

2- Phải tìm cách giải quyết ngay:

"Rõ ràng những phần tử chống chủ nghĩa xã hội, chống Đảng đã nhân chỗ sơ hở của ta mà tiếp tục tiến công ta về mặt tư tưởng dưới hình thức văn nghệ. Sự hoạt động của những phần tử phá hoại trong giới văn nghệ là một hiện tượng hết sức nguy hiểm, một vấn đề cấp bách cần giải quyết (...) Chúng truyền bá những tài liệu và những báo chí phản động. Dưới chiêu bài "chống giáo điều, máy móc", chúng gieo rắc những nọc độc của chủ nghĩa xét lại trong văn nghệ, nhằm lôi kéo văn nghệ sĩ đi vào con đường nghệ thuật tư sản suy đồi. Trước những hoạt động có hại đó, số đông văn nghệ sĩ, kể cả một số văn nghệ sĩ đảng viên, đã mất cảnh giác hoặc bị động, không kiên quyết đấu tranh, thậm chí một số còn hùa theo chúng".

Văn bị đình bản ở số 36, ra ngày 10/1/1958, trong có đăng bài *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi.

Tháng 2, 3 và 4/1958, Đảng Lao Động tổ chức hai *"hội nghị"* quan trọng ở ấp Thái Hà.

● Biện pháp thanh trừng đối với văn nghệ sĩ: "Hội nghị" Thái Hà

Thi hành tinh thần nghị quyết số 30, ngày 6/1/58 của Bộ Chính Trị, Đảng tổ chức hai lớp học tập đấu tranh *"chống bọn Nhân Văn Giai Phẩm"* ở Thái Hà ấp, chính thức gọi là hai "*Hội nghị nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, kết hợp với hai bản Tuyên Ngôn và Tuyên Bố của hội nghị các Đảng Cộng Sản và các Đảng Công Nhân họp ở Mạc Tư Khoa cuối năm 1957*". Duy chỉ có Hồng Cương, gọi thẳng tên là hai lớp chỉnh huấn chính trị.

"Hội nghị" đầu, tổ chức tháng 2/58, dành riêng cho 172 đảng viên, theo Lê Đạt là để học tập cách *"phát hiện"* và *"tố giác",* chuẩn bị cho hội nghị sau, tháng 3-4/58, 304 người, gồm các đảng viên, quần chúng và những người ngoài đảng đã tham gia NVGP, dốc toàn lực đấu tranh chống NVGP. Phương pháp này đã áp dụng trong Cải Cách Ruộng Đất dưới hình thức khác: Giảm Tô là giai đoạn một, Cải Cách Ruộng Đất chính thức là giai đoạn 2. Và cũng đã áp dụng trong thời điểm đánh Trần Dần: Đại hội Tuyên huấn trước, rồi Đại hội Văn nghệ sĩ. sau.

Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Phùng Cung... *"được"* dự hội nghị đầu, vì là đảng viên. Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác... chỉ *"được"* đi hội nghị sau, vì Lê Đạt đã bị khai trừ khỏi Đảng từ tháng 5/57, sau khi in bài thơ dài *Cửa hàng Lê Đạt*, bị cấm. Hoàng Cầm không ở trong đảng. Trần Dần, Tử Phác đã xin ra khỏi đảng từ trước. Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Duy, là những *"phần tử xấu",* không được dự cả hai *"hội nghị"*. Ở *"hội nghị"* thứ hai, mọi người phải viết bài "*thú nhận",* sau đăng báo.

Thành quả hai *"hội nghị"* được chính thức ghi lại trong bài *Cái ổ chuột "Nhân Văn Giai Phẩm" bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận"*, như sau:

"Đầu năm 1958, có hai cuộc hội nghị của anh chị em công tác văn nghệ, nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, kết hợp với hai bản Tuyên Ngôn và Tuyên Bố của hội nghị các Đảng Cộng Sản và các Đảng Công Nhân họp ở Mạc Tư Khoa cuối năm 1957. Hội nghị đầu, tháng 2 năm 1958, gồm 172 người dự. Hội nghị sau, tháng 3 năm 1958, gồm 304 người dự.

Qua hai cuộc hội nghị ấy, tất cả những "nhân vật" bỉ ổi đã được phát hiện, tất cả những âm mưu, luận điệu, thủ đoạn đều bị vạch trần. Những con chuột đã phải bò ra khỏi cống. Những người tự giác hay không tự giác gần gũi với những con chuột ấy cũng đã tự giác tự phê bình. Đây là bước cuối cùng của trận chiến đấu chống «Nhân văn-Giai phẩm» trong thời kỳ 1956-1958.

Qua sự phát hiện của hai cuộc hội nghị nói trên, chúng ta được biết nhóm phá hoại "Nhân văn-Giai phẩm" bao gồm những tên "đầu sỏ", những "cây bút" đã viết "hoặc nhiều hoặc ít" cho "Nhân văn-Giai phẩm" như: Thụy An, Nguyễn hữu Đang, Trần thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn văn Tý, Phùng Quán, Hoàng tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn khắc Dực, Hoàng tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn thành Long, Trần lê Văn, Lê đại Thanh v.v...

Nhưng đó không phải là tất cả (còn những tên chưa ra mặt). Và cũng không phải tất cả những "cây bút" trên đây đều có những hành động phá hoại giống nhau, hoặc phá

hoại với những mức độ giống nhau. Có bọn đầu sỏ, có bọn phụ họa, có người bị lôi cuốn vì ngây thơ chính trị...[153].

Những dòng đây trên đưa đến hai nhận xét:

1- Những tên tuổi liệt kê trong danh sách, đã được xếp đặt theo trật tự "tội" nặng, nhẹ: trí thức đứng đầu, rồi mới đến văn nghệ sĩ.

2- Tuy Hồ Chí Minh thân chinh và gửi thêm Tố Hữu, Huy Cận, Hà Xuân Trường đi học tập chính sách đàn áp ở Trung Quốc, nhưng khi thi hành, Đảng tránh nói đến Bắc Kinh, mà nêu cao việc "*nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính Trị*" và *"hai bản Tuyên Ngôn và Tuyên Bố của Đảng Cộng Sản và Đảng Công Nhân Mạc Tư Khoa cuối năm 1957"*.

● Hoàng Cầm thuật lại tổ chức "hội nghị" Thái Hà

Theo Hoàng Cầm trong băng ghi âm:

Hội nghị Thái Hà được tổ chức tại trường Tuyên Huấn Trung Ương, trước là trường Đại Học Nhân Dân, gần lăng Hoàng Cao Khải, trên đường từ Gò Đống Đa xuống Ngã Tư Sở, trước cửa Đại Học Thủy Lợi.

Giảng viên là cán bộ từ Trung Ương lên Bộ Chính Trị, các bộ trưởng... có Lê Duẩn, Hoàng Tùng... không thấy Trường Chinh. Lê Đức Thọ chỉ đến hôm khai giảng, không nói gì. Tố Hữu là giám đốc trường, ban lãnh đạo cạnh Tố Hữu có những tay chân đắc lực như Nguyễn Đình Thi, Huyền Kiêu, Chính Hữu, Vũ Tú Nam, Huy Cận, Xuân Diệu...

Có khoảng 300 người, chia làm 15 hay 16 tổ, mỗi tổ có một tổ trưởng, một tổ phó, và một thư ký. Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Hữu Loan, Phùng Quán, Quang Dũng, Trần Lê Văn... mỗi người một tổ, anh em Nhân Văn không được 2 người ở chung một tổ, họ sợ để 2 người, sẽ hỗ trợ cấu kết với nhau khó điều khiển.

---

153 Trích bài *Cái ổ chuột "Nhân Văn Giai Phẩm" bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận*, in trong BNVGPTTADL, nxb Sự Thật, Hà Nội, 1959, trg 309-310.

Tổ của tôi có Nguyễn Khải là tổ trưởng. Lê Khang, tổ phó, Bàng Sĩ Nguyên, thư ký. Như vậy là họ đánh mình giáp là cà, chứ không đánh xa xôi gì, tức là họ để cho Nguyễn Khải, một đảng viên sắc sảo, trẻ tuổi, rất trung thành với xã hội chủ nghiã, làm tổ trưởng. Được chọn làm tổ trưởng thì phải là người chống bọn Nhân Văn một cách quyết liệt. Nguyễn Khải là tay mới nổi tiếng, được ông Tố Hữu thích lắm, mới viết một bút ký tên là *Xung đột*, đăng ở Văn Nghệ Quân Đội về cuộc đấu tranh chống những linh mục, giám mục mà người ta cho là những kẻ phản động, làm việc cho phòng nhì Pháp, vì là công giáo nên được ở lại miền Bắc. Một bên là chính phủ ta, đảng ta, một bên là công giáo. Nguyễn Khải viết truyện ấy được các cấp lãnh đạo ca ngợi lắm cho là người sắc nước trong cuộc đấu tranh. Tôi rất ngại Nguyễn Khải, ngại cái trò sắc sảo, mới lên, được Trung ương tín nhiệm.

Anh Lê Khang, tổ phó, là người đã đi sát với tôi từ 1952, trước đó, anh là đoàn trưởng và là chính trị viên của đoàn văn công trường Lục quân Việt Nam đóng bên Trung Quốc. Anh Lê Khang là người thẳng thắn, tốt bụng.

Tôi sợ và ghê tởm nhất là thư ký Bàng Sĩ Nguyên[154], trước kia hắn là chính trị viên cho đoàn tôi ở Việt Bắc, lúc đó hắn là kẻ vô danh tiểu tốt, có viết lách vớ vẩn. Hắn có một vở kịch dở lắm, trong vòng thảo luận với anh em có lần tôi lấy ví dụ viết kịch như Bàng Sĩ Nguyên là dở, chuyện đến tai hắn, hắn thù tôi từ đấy, hắn bịa chuyện tôi đạo văn nhưng không có hiệu quả gì. Người xấu lắm, mắt lồi, trắng dã, mồm vêu, răng vẩu, người gầy đét, má hóp nhỏ tí, thấy cấp trên thì khúm núm, cổ rụt lại. Bây giờ hắn lại làm thư ký của tổ, thì mình vào tay nó rồi, tha hồ nó bới móc.

---

154 Bàng Sĩ Nguyên là người đã viết những dòng vô cùng nhơ bẩn về Thụy An, được đăng lại trong BNVGPTTADL.

Sau 15 ngày học "lý thuyết", bắt đầu vào kiểm điểm. Ban lãnh đạo cho 7 ngày để viết kiểm điểm, không phải lên lớp, mỗi người cứ lặng lẽ viết. Tôi viết khoảng 100 trang giấy học trò, có thể coi là bản hồi ký cực đúng về những việc đã diễn ra từ khi hoà bình lập lại. Viết tự kiểm điểm thì phải tự tố lên, tự mình xỉ vả mình, để trên người ta thấy mình "*thành khẩn học tập*", và như vậy là có kết quả.

Vào giai đoạn phải đem bản khai của mình ra đọc cho tổ nghe, để tổ phê phán trước, giai đoạn này kéo dài độ nửa tháng; thì một hôm Quang Dũng đến tìm tôi, gọi ra chỗ kín đáo, anh bảo: *Tôi bị nó đấu dữ quá, nó bảo tôi là bí thư Quốc Dân Đảng, chui vào làm chủ báo Nhân Văn để phá hoại toàn bộ văn nghệ sĩ.* Tôi hỏi: *Thế ai làm tổ trưởng bên ấy?* Anh nói: *Bùi Huy Phồn (hay ai tôi không nhớ rõ lắm, nhưng cũng vào cái loại ấy, tức là cực kỳ trung thành với Tố Hữu).* Tôi bảo: *Cái thằng ấy nó làm tổ trưởng thì nguy thật.* Quang Dũng mặt tái đi, chắc sáng nay nó đấu anh ghê lắm, anh cầu cứu tôi: *Ông nói làm sao cho cả lớp, cả trường biết, tôi có tham gia Nhân Văn đâu, tôi có bao giờ họp hành gì đâu, tôi đã nói tôi chẳng biết gì về Nhân Văn cả, anh Hoàng Cầm xin bài thì tôi đưa một bài thơ tình mà cũng chỉ đăng ở Giai Phẩm.* Thương bạn quá, lúc đó mà bị kết án là trùm Quốc Dân Đảng thì sợ thật, có thể nó đem ra xử bắn ngay. Tôi an ủi anh: *Anh yên chí, tôi đã viết tỉ mỉ, tôi báo cáo hết mọi việc Nhân Văn từ đầu đến cuối rồi*. Hôm trước tôi đã đọc xong 100 trang báo cáo cho tổ rồi, còn đang trong tình trạng phê phán toàn tổ. Thế là tôi báo ngay cho Nguyễn Khải, bảo Khải chiều nay lên báo với lãnh đạo là tôi xin lên *"báo cáo điển hình"* vì tôi là người hoạt động số một, ngay từ khi chưa có Nhân Văn đến khi báo đóng cửa. Tôi xin báo cáo tất cả mọi hoạt động và ý nghĩa của nó cho toàn trường. Nguyễn Khải hoan nghênh lắm, vừa mới bước vào kiểm

điểm mà Hoàng Cầm đã xin lên nói điển hình như thế, giúp toàn trường đạt kết quả mau chóng.

Ngày hôm sau tôi lên báo cáo từ 7g30 đến 11g30, nghỉ cơm trưa, rồi nói từ 2g đến 5g30, nghỉ cơm tối, rồi lại tiếp tục từ 7g30 đến 11g đêm, tổng cộng hơn 10 tiếng đồng hồ. Sau 11g30 trưa hôm đó, anh Quang Dũng đến tìm tôi vui vẻ: *Ông cứu sống tôi đấy.* Nó buộc tội Quang Dũng chỉ vì nó tìm được cái ảnh anh chụp bên Vân Nam, mặc áo đại cán Tôn Dật Tiên, lại chụp chung với Nhất Linh. Chụp ảnh với trùm Quốc Dân Đảng Nhất Linh là chết rồi! Tuổi trẻ, óc giang hồ, lại mê văn Nhất Linh, cho nên anh lấy tên Dũng, nhân vật của Nhất Linh mà đặt tên mình.

Sau khi tôi đọc bài báo cáo điển hình rồi thì về lớp học đến phần phê phán tác phẩm. Nguyễn Khải lấy quyền tổ trưởng át giọng, trấn áp, tôi muốn phân trần điều gì, hắn cắt ngay: *Im mồm đi!* Hắn còn bảo tôi: *Gái đĩ già mồm!,* Bàng Sĩ Nguyên là tay khốn nạn nhất, chỉ bới lông tìm vết. Họ dành 5 ngày để phê phán tác phẩm của tôi. Phê phán ghê lắm, từng bài thơ một, phê phán cả ngày, từng câu, từng chữ, dùng đủ mọi danh từ, thơ đểu, vu cáo cho Đảng... Xong thơ đến văn, tên Bàng Sĩ Nguyên phê phán ghê nhất, rồi đến Nguyễn Khải sắc sảo ra cái vẻ có học hơn, anh Lê Khang chỉ ôn tồn nói rằng tôi không hiểu gì lắm về thơ, làm thơ không đúng với chính sách của Đảng. Anh đúng là con người có tình.

Sau báo cáo của tôi thì có ba người mừng là Quang Dũng, Trần Lê Văn và Thanh Châu, nhưng ông Văn Cao bảo tôi hèn: *Mày báo cáo như thế là hèn, việc gì mày phải khai hết ra? Mày bán anh em à?*

Không, tôi chỉ nói sự thật, tôi không bịa chuyện gì, tôi không vu khống anh em. Tôi đã có kinh nghiệm những lớp chỉnh huấn từ trước, họ biết hết, nếu mình giấu cái gì. Ngay hôm bắt đầu viết kiểm thảo thì ông Nguyễn Đình Thi đã loan tin cho cả trường biết anh Đang và "đồng bọn" đã bị bắt, gây

chấn động hết cả, bởi vì lúc bấy giờ văn nghệ sĩ cũng như nhân dân, tất cả đều như con cá nằm trong cái rọ, họ muốn bắt con nào thì bắt. Vì vậy, tôi thấy không thể giấu họ bất cứ chuyện gì, kể cả những chuyện không cần phải nói như chuyện chúng tôi hút thuốc phiện ở nhà Tử Phác có cả Văn Cao. Vì thế mà anh Văn Cao cho là tôi hèn nhát, chưa bị đánh đã sợ run lên, phản bạn. Từ đó tôi và Văn Cao xa nhau và cuối cùng thì hầu như không còn là bạn nữa[155].

● **Những lời buộc tội**

Để biết rõ tinh thần và phương pháp chỉnh huấn ở ấp Thái Hà, chúng ta nên đọc qua bài viết của ba người trách nhiệm cấp lãnh đạo trong trường: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi và Võ Hồng Cương.

♦ **Tố Hữu** trong bài *"Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ"* in trên báo Học Tập, dựa vào tinh thần nghị quyết 6/1/58, lên án gắt gao:

"Dưới ánh sáng mới ấy[156] *đã bật rõ ranh giới giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa cái mới và cái cũ; mỗi người yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội đều đã có thể nhìn thấy,* ***phân biệt rõ ràng những con người và những con quỷ, những hoa thơm và những cỏ độc trong văn nghệ****"*[157].

Sau khi ca tụng *"Hai văn kiện có ý nghĩa quốc tế lớn lao của Mạc Tư Khoa"* đã giúp cho *"Trung Ương Đảng ta"* chuyển biến, *"có con mắt sáng để nhìn đúng tình hình"*, Tố Hữu xác định:

"Không thể nào khác, ***muốn là "kỹ sư tâm hồn" xã hội chủ nghĩa, không thể nào không tự cải tạo bản thân văn nghệ sĩ thành những tâm hồn xã hội chủ nghĩa thật***

---

155 Theo băng ghi âm *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.*

156 Tức là *Ánh sáng xã hội chủ nghiã*.

157 Những chữ in đậm trong bài *"Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ"* của Tố Hữu, được trích dẫn ở đây, là theo đúng nguyên văn.

sự (...) Càng không thể để lén lút vào trong hàng ngũ văn nghệ, những con rắn độc thù địch phun nọc giết người."(...) Đó là tiêu chuẩn chính trị để phân rõ ranh giới: ai là thù, ai là bạn. Không thể mập mờ".

Rồi ông đe doạ:

"Mỗi văn nghệ sĩ lại phải tự trả lời dứt khoát: ủng hộ hay phản đối đường lối văn nghệ của chủ nghĩa Mác–Lênin, đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh, phục tùng chính trị, theo yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và phục tùng sự lãnh đạo của Đảng?"

"Đã đến lúc cách mạng đòi hỏi ***mỗi văn nghệ sĩ và mỗi cán bộ văn hóa "duyệt lại" những tư tưởng, tình cảm của mình, những sáng tác và công tác trong ba năm qua****, và dưới ánh sáng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm một cuộc phê phán thật nghiêm trang, không khoan nhượng đối với mình, đối với bạn, đối với địch".* (...)

"***Thông qua cuộc đấu tranh lần này mà lột trần bộ mặt gian ác của những phần tử phản cách mạng, chống chế độ, chống nhân dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Phải lôi chúng ra ánh sáng, xé toạc mặt nạ của chúng mà ném xuống đất****."*

Rồi ông "vạch mặt" những "tên phản động":

"Chúng là những tên phản trắc, có kẻ ***như Phan-Khôi một đời đã năm lần phản bội Tổ quốc, kẻ đã từng phục mạ "người An-nam là chó, và đã là chó thì phải ăn cứt" để "thuyết phục" người khác đầu hàng địch, mà vẫn dương dương tự cho mình là "học giả tiết tháo", và được kẻ đồng bọn phong cho là "anh hùng của ba trăm nô lệ" (!)***

Chúng là những con buôn "mác-xít", "cách mạng" đầu lưỡi như Trương-Tửu, Trần-Đức-Thảo mà thực chất là những tên tơ-rôt-skit vô tổ quốc *đã từng nấp dưới nách của địch chống lại cách mạng, suốt đời thù ghét những người cộng sản và tất cả những ai tin yêu (...) Chúng là*

*những **kẻ đầu cơ cách mạng**, như **Nguyễn-Hữu-Đang** (...) Gặp nhau trong một mục đích chung, chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ, chống phe xã hội chủ nghĩa, chống Đảng lãnh đạo, tất cả bọn chúng đã liên minh thành một khối, phối hợp hoạt động phá hoại trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, trong các hội văn học nghệ thuật, một số cơ quan văn hóa, trong giới đại học, v.v… (...) **Trên thực tế, rõ ràng chúng đã làm như những tay sai của địch thực hành kế hoạch phá hoại của Mỹ-Diệm ở miền Bắc là "chống cộng trong lòng cộng"**.*

Cuối cùng, Tố Hữu nhấn mạnh đến sự kiện:

*"**Cuối năm 1956, nói đến báo Nhân văn và các tập Giai phẩm, Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: "Đó là những hạt giống xấu gieo trên miếng đất của những tư tưởng sai lầm"**. Bởi vậy, vấn đề không phải chỉ là vứt bỏ những hạt giống xấu, mà còn là dọn lại đất cho tốt[158]".*

Lời kết luận của Tố Hữu xác định hai điểm:

- Khi Trường Xuân đến họp, tuyên bố bác Hồ cũng có *"cảm tình"* với Nhân Văn, bác nói: *không nên dùng dao mổ trâu để giết gà*, là Trường Xuân đã phản ảnh chỉ thị ở cấp trên cùng, bởi không ai dám bịa một chuyện như thế về "bác Hồ" dưới thời đại Hồ Chí Minh.

- Khi Tố Hữu tuyên bố: *Nhân Văn Giai Phẩm là những hạt giống xấu, không những phải vứt bỏ mà còn phải dọn lại đất cho tốt*. Ông cũng phản ảnh trực tiếp chỉ thị của Hồ Chí Minh. Trường Xuân và Tố Hữu thi hành sách lược của vị lãnh tụ, riêng Tố Hữu thực hiện ý nghiã thâm sâu của cuộc thanh trừng: nhổ cỏ phải nhổ tận rễ.

♦ **Nguyễn Đình Thi** tổng kết chủ trương của NVGP, cũng trên báo Học Tập, qua 6 điểm:

---

158 Tố Hữu, *Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ"*, Học Tập số 4, tháng 4/1958.

1. *Bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản là không "nhân văn", là "chà đạp con người", bôi nhọ những đảng viên cộng sản là "khổng lồ không tim", không phải là "cộng sản chân chính", xuyên tạc sự giáo dục của Đảng là "rập khuôn đầu óc và tâm hồn", văn học nghệ thuật xã hội chủ nghĩa là "công thức, giả tạo", đẻ ra những "thi sĩ máy". Dưới chiêu bài "đề cao con người", "chống công thức", báo Nhân văn, Giai phẩm đã đề cao chủ nghĩa cá nhân, "tự do" cá nhân, đòi quyền, "tự do" cho những lối sống và tình cảm ích kỷ trụy lạc.*

2. *Phản đối chuyên chính, đòi "dân chủ", "tự do" theo lối tư sản trên mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa. Đả kích từ Mậu dịch, quản lý hộ khẩu, Bưu điện, cơ quan báo chí, bệnh viện, cho tới Quốc hội, nói chung là đả kích vào bộ máy Nhà nước của ta, đòi tự do đối lập với Chính phủ, trong lúc bọn phản động đang âm mưu phá hoại và một vài giới tư sản đang tiến công ta.*

3. *Đưa ra chiêu bài "chống sùng bái cá nhân" để xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng là "đảng trị" (...) Đem đối lập quần chúng với lãnh đạo, khích quần chúng chống lãnh đạo (...)*

4. *Phỉnh nịnh đầu óc quốc gia chủ nghĩa tư sản, đả kích Liên-xô, cho sự giáo dục con người ở Liên-xô là "rập khuôn", văn học nghệ thuật Liên-xô là "công thức", không có giá trị. Vin vào khẩu hiệu "trăm hoa đua nở" để xuyên tạc đường lối văn học nghệ thuật của Trung quốc (...)*

5. *Phủ nhận những thành tích to lớn của nhân dân ta, của Đảng ta trong công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, phủ nhận những kết quả to lớn của Cải cách ruộng đất (...)*

6. *Riêng về văn nghệ, thì trong Nhân văn, Giai phẩm đã đề xướng "trăm hoa đua nở" theo lối tự phát vô chính phủ, "hoa lành, hoa độc, hoa thối, hoa thơm" đều có quyền*

nở tự do như nhau. Thực chất là nó đòi hủy bỏ sự lãnh đạo của Đảng, nêu khẩu hiệu "trả văn nghệ về cho văn nghệ", "văn nghệ và chính trị vỗ vai nhau hai bên cùng có lợi" v.v...[159]

Nguyễn Đình Thi luôn luôn có hành động của một thuộc hạ chân thành, ông áp dụng đúng chính sách đường lối của Tố Hữu, của Đảng, để tiến thân.

♦ **Võ Hồng Cương**, Cục phó Cục Tuyên huấn, trong bài tổng kết *"Cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận văn nghệ hiện nay*[160] tóm tắt toàn bộ hành trình đấu tranh của NVGP, chỉ *"chân tướng phản động chính trị của những tên cầm đầu"*: Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Thụy An, Minh Đức, và coi phong trào NVGP là cuộc đấu tranh giai cấp giữa chủ nghiã xã hội và chủ nghĩa tư bản trên ba khái niệm chính:

1- Đấu tranh giữa hai đường lối chính trị khác nhau.

2- Đấu tranh giữa hai đường lối văn nghệ khác nhau.

3- Đấu tranh giữa hai thế giới quan và nhân sinh quan khác nhau.

Hồng Cương nhấn mạnh đến những nguy cơ "xụp đổ chế độ":

"Hạ được tập thơ Việt Bắc và hạ được Tố Hữu xuống là hạ được cả giá trị văn nghệ kháng chiến xuống và hạ được sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng và Chính phủ xuống. (...)

Chúng nói Trung Ương Đảng ta, thậm chí nói các lãnh tụ ta là "dốt văn nghệ".Chúng rêu rao rằng Đảng và Chính phủ ta là "bọn ngu khờ cầm quyền" (l'ignorance au pouvoir) không thể lãnh đạo được văn nghệ (...).

---

159 Nguyễn Đình Thi, *Chống chủ nghiã xét lại trong văn nghệ*, Học Tập số 3, tháng 3/58.

160 Văn Nghệ Quân Đội, số 6, tháng 6/58.

Chúng vu khống chế độ ta là cộng sản thời trung cổ (communisme du moyen âge), là cộng sản phong kiến (communisme féodal), chế độ ta là cộng sản suy đồi (dégénérescence du communisme), chúng xuyên tạc và nguyền rủa Chỉnh huấn của ta là đồi trụy tinh thần (avilissement de l'esprit), là nô dịch hoá tư tưởng (esclavage de la pensée). Chúng chế giễu chính sách đãi ngộ của ta là "bổng lộc" vua ban, huân chương của ta là "mề đay" của đế quốc. Không khác gì Phan Khôi đã ví chế độ ta với một triều đại phong kiến nào đó[161]".

Lời buộc tội của Hồng Cương, có vẻ mạnh mẽ nhưng khác hẳn lối nhìn đao phủ của Tố Hữu: Hồng Cương xác nhận NVGP là cuộc đấu tranh tư tưởng giữa hai quan niệm khác nhau về chính trị, văn nghệ, nhân sinh. Ông kín đáo biện hộ và đồng tình. Vậy, không phải mọi người có quyền đều táng tận lương tâm. Hồng Cương là một nhân cách.

● Bao nhiêu người bị liên lụy?

1/ Danh sách nhóm NVGP, ghi trong bài *Cái ổ chuột "Nhân Văn Giai Phẩm" bị vạch trần trước ánh sáng của dư luận*[162] có tên 34 người:

"*Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, Sĩ Ngọc, Chu Ngọc, Văn Cao, Nguyễn Văn Tý, Phùng Quán, Hoàng Tích Linh, Trần Công, Trần Thịnh, Phan Vũ, Hoàng Huế, Huy Phương, Vĩnh Mai, Như Mai tức Châm Văn Biếm, Hữu Thung, Nguyễn Khắc Dực, Hoàng Tố Nguyên, Hoàng Yến, Thanh Bình, Yến Lan, Nguyễn Thành Long, Trần Lê Văn, Lê Đại Thanh" v.v...*[163]

---

161 Hồng Cương, *Bọn phản bội Trần Dần-Hoàng Cầm-Tử Phác*, Quân Đội Nhân Dân số 437, ra ngày 11/4/1958.

162 In trong cuốn BNVGPTTADL mà chúng tôi đả trích dẫn ở trên.

163 BNVGPTTADL, trang 310.

2/ Danh sách những người ký tên dưới các bài viết, hoặc cộng tác với 5 số báo Nhân Văn và 5 cuốn Giai Phẩm, gồm có: Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo (nxb Minh Đức), Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Văn Cao, Trần Duy, Nguyễn Sáng, Phùng Quán, Sỹ Ngọc, Tử Phác, Tô Vũ, Nguyễn Bính, Quang Dũng, Phan Khôi, Hữu Loan, Phùng Cung, Trần Lê Văn, Phác Văn, Huy Phương, Lê Đại Thanh, Hoàng Yến, Nguyễn Tư Nghiêm, Trần Công, Hoàng Huế, Hồng Lực, Bùi Xuân Phái, Trương Tửu, Đào Duy Anh, Bùi Quang Đoài, Mai Hạnh, Chu Ngọc, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Trúc Lâm, Phan Vũ, Hoàng Tích Linh, Đặng Văn Ngữ, Trần Thịnh, Hữu Tâm, Thanh Bình, Trần Phương, Thanh Châu, Châm Văn Biếm, Hoàng Tố Nguyên, Cao Nhị, Trần Hải An... gồm 47 người.

Hai danh sách trên đây không hoàn toàn giống nhau, vì ngoài Nhân Văn và Giai Phẩm, còn có một số sách báo khác, cùng xu hướng, như Trăm Hoa của Nguyễn Bính, Đất Mới của sinh viên, hoặc Tự Do Diễn Đàn[164] và Sách Tết 1957[165]; hoặc tạp chí Sáng Tạo (kịch trường và điện ảnh) của nhóm Trần Thịnh-Trần Công. Ngoài ra còn có những bài in trên các báo khác như Văn, 1957, sau khi NVGP bị đình bản.

3/ Lê Hoài Nguyên cho biết: *"Số người gọi là tham gia NVGP tại Hà Nội do Bộ Công an và Công an Hà Nội quản lý, do tác giả* (LHN) *thống kê được gồm khoảng 170 người. Số bị xử lý nặng khoảng gần 100 người, còn số bị đưa vào danh sách để phân loại xử lý tính trên toàn miền Bắc ở tất cả các lĩnh vực phải tới hàng ngàn người. Bởi vì các ấn phẩm của phong trào NVGP đã được đón nhận nồng nhiệt, được hưởng ứng không chỉ ở Hà Nội, mà xuống đến tận các vùng nông thôn miền núi[166]".*

---

164 Báo chuyên nghị luận, số 1 ra ngày 10/12/ 56, do Minh Đức xuất bản, vừa phát hành đã bị tịch thu.

165 *Sách Tết* cùng hình thức với *Giai Phẩm* do Minh Đức in đầu năm 1957.

166 Lê Hoài Nguyên, bđd, website nguyentrongtao.com 06/08/2010.

Như vậy chúng ta tạm nhận con số gần 100 người bị xử lý nặng của Lê Hoài Nguyên.

Trong danh sách chính thức năm 1959, thiếu tên hai người: Phan Tại và Phùng Cung, mặc dù cả hai đều bị đi tù, có thể vì Phan Tại và Phùng Cung, năm 1959, chưa bị tố giác. Hai trường hợp này cần tìm hiểu.

● Phan Tại và nhóm Sáng Tạo

Trong phiên toà ngày 19/1/1960, xử Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Trần Thiếu Bảo, Lê Nguyên Chí[167], Phan Tại bị kết án 6 năm tù giam và 3 năm mất quyền công dân.

Tại sao kịch tác gia Phan Tại, chủ đoàn kịch *Sông Nhị*, lại bị kết án nặng như vậy? Ngoài tội trốn vào Nam, ông còn những tội gì nữa?

Tổng hợp lời những nhân chứng và những bài viết, ông đã phạm những "tội" sau đây:

- "Chứa chấp" Thụy An - Thụy An ở chung nhà với ông bà Phan Tại.

- Nhà Phan Tại - Thụy An là một "câu lạc bộ văn nghệ"- Tập kịch, chiếu phim, hội họp.

- "Nhóm" *Thụy An-Phan Tại* cùng với nhóm *Sáng Tạo* của *Trần Thịnh-Trần Công* chủ trương thành lập hội điện ảnh độc lập. Đả phá phim tuyên truyền Liên Xô. Đổi mới kịch nghệ và điện ảnh theo lối *Tân hiện thực- Néoréalisme* Ý và Nhật. Thụy An, Cao Nhị, Nắng Mai Hồng, Vũ Phạm Từ, Kỳ Nam... viết những bài giới thiệu, phê bình điện ảnh. Họ tổ chức chiếu lại những phim hay đã chiếu ở Hà Nội trước 1954, do Thụy An viết thuyết minh, trong đó có những kiệt tác tân hiện thực như "*Miếng cơm cay đắng - Riz amer*", "*Chiếc xe đạp - La bicyclette*" của Ý, "*Rashomon", "Những đứa trẻ Hiroshima*", "*Anh gắng nuôi con*" của Nhật, v.v...

---

167 Lê Nguyên Chí là người đưa đường cho nhóm Nguyễn Hữu Đang trốn vào Nam, nhưng Hoàng Cầm cho là người của công an trá hình. Con trai ông có viết bài thanh minh cho cha.

- Những người trong *Sáng Tạo* như đạo diễn Trần Thịnh chủ nhiệm, Trần Công, Chu Ngọc, Phan Vũ, Cao Nhị, v.v... đều có bài trên NVGP.

Trong bài *Đi ttìm dấu tích tờ báo Sáng Tạo, Hà Nội, 1956*[168] Lại Nguyên Ân cho biết: Sáng Tạo ra được hai số: Số 1, ngày 5/11/1956 và số 2, ngày 20/11/1956. Trong đợt đánh Sáng Tạo, Trần Đức Hinh, chủ nhiệm tờ Điện Ảnh của Cục Điện Ảnh tố cáo:

"Nửa tháng "Liên hoan phim Liên Xô" khai mạc vào ngày 7-11-56, thì đúng ngày 5-11-56, Giai phẩm mùa thu tập III xuất bản, trong đó có đăng bài "Chúng ta gắng nuôi con", hoạt cảnh của Chu Ngọc, đả kích không tiếc lời vào phim Liên Xô. Cùng ngày 5-11-56, báo Sáng Tạo ra số đầu, đã lộ ngay ý định xấu đối với phim Liên Xô (...) Những bài như trên phải được đặt bên cạnh bao nhiêu bài khác của Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Lê Đạt, Trần Dần, v.v... đang nhan nhản lúc bấy giờ ở các số Nhân văn, Giai phẩm thì mới thấy đầy đủ tính chất nguy hiểm của nó[169]*".*

Như vậy, có thể nói: song song với Nhân Văn và Giai Phẩm, đã có phong trào điện ảnh kịch trường, do hai nhóm *Phan Tại-Thụy An* và *Trần Thịnh-Trần Công* chủ trương.

Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm như vậy, không chỉ giới hạn trong phạm vi văn học, mà còn lan rộng ra các ngành nghệ thuật khác, để trở thành cuộc *cách mạng văn hóa toàn diện* của các trí thức văn nghệ sĩ miền Bắc, đòi tự do sáng tác và tự do dân chủ.

Phan Tại, bị tù 6 năm, kèm 3 năm quản thúc, có thể vì những tội: "cấu kết" với Thụy An và là một trong những người "lãnh đạo" phong trào điện ảnh kịch trường cùng với Trần Thịnh-Trần Công.

---

168 In trên mạng Talawas ngày 3/2/2010.

169 Trần Đức Hinh, *Tẩy sạch nọc độc của chủ nghĩa xét lại trong việc giới thiệu, phê bình phim ảnh,* Điện Ảnh số 14, ngày 1/5/58, tài liệu Lại Nguyên Ân.

● Các biện pháp kỷ luật

"Trận chiến đấu chống bọn phá hoại NVGP" đã kết thúc bằng Hội Nghị thứ ba của ban chấp hành hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam, họp tại Hà Nội ngày 4/6/1958 với bài báo cáo tổng kết của Tố Hữu, và nghị quyết của của ban chấp hành hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam lên án "bọn NVGP".

Ngày 5/6/1958, tại Hà Nội, hơn 800 văn nghệ sĩ thảo bản nghị quyết gọi là *"Nghị quyết của 800 văn nghệ sĩ"* phụ họa với nghị quyết của Hội Liên Hiệp. Sau đó trong tuần lễ từ 21/6 đến 3/7/1958, các ban chấp hành Hội Nhạc Sĩ, Hội Mỹ Thuật, Hội Nhà Văn, lần lượt thi hành các biện pháp kỷ luật đối với các thành viên của Hội đã tham gia NVGP:

Hội Nhà Văn khai trừ Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh ra khỏi ban chấp hành. Hội Mỹ Thuật, cảnh cáo Sĩ Ngọc, *"chấp nhận cho Sĩ Ngọc và Nguyễn Sáng rút khỏi ban chấp hành"*. Hội Nhạc Sĩ *"chấp nhận cho Văn Cao, Nguyễn Văn Tý rút khỏi ban chấp hành"*. Cả ba hội quyết định: Khai trừ Phan Khôi, Trương Tửu, Thụy An ra khỏi Hội Nhà Văn, Trần Duy ra khỏi Hội Mỹ Thuật. Khai trừ trong thời hạn một năm Hoàng Cầm và Phùng Quán ra khỏi Hội Nhà Văn. Khai trừ ba năm Trần Dần, Lê Đạt ra khỏi Hội Nhà Văn, ba năm Tử Phác và Đặng Đình Hưng ra khỏi Hội Nhạc Sĩ. Và cảnh cáo một số hội viên khác đã tích cực hoạt động trong nhóm NVGP.

Tháng 7/58: Văn Cao đi thực tế Điện Biên cùng với Nguyễn Tuân và Nguyễn Huy Tưởng, ông bị chảy máu ruột và được trở về.

Ngày 22/8/58: Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Tử Phác... đi lao động cải tạo ở Chí Linh, đến Tết mới được về Hà Nội nghỉ, đợi đợt sau. Trần Dần cho biết: Phùng Quán mới đầu "bất trị" đi rồi lại bỏ về, đến tháng 8/58 mới chịu đi

thực tế Thái Bình với Hoàng Cầm. Trong thời kỳ lao động cải tạo này Tử Phác bị ho lao. Nhật ký *Trần Dần ghi*: *25/11/58 Tử Phác đi khám ruột, lại thấy bị lao phổi*.

Hoàng Cầm kể: Phùng Quán đi độ 3 hôm thì lộn về Hà Nội, anh loan tin: Không biết Đảng nghĩ thế nào mà cho anh em văn nghệ đi cải tạo ở gần một làng hủi, tin đồn ầm lên, BBC biết, họ loan trên đài. Anh Võ Hồng Cương hoảng quá, cho là Đảng cũng vô tình thôi, anh lập tức chỉ thị cho Hoàng Trung Thông phải tìm chỗ khác. Phùng Quán đến tôi và vài tuần sau đi cùng với tôi. Tới nơi, bị Hoàng Trung Thông đuổi: *Anh vô kỷ luật, tôi không nhận anh nữa*. Phùng Quán: *Về thì về, sợ gì!* Thế là anh lại trở về Hà Nội. Hoàng Trung Thông đã tìm được một chỗ mới ở làng Thái Thủy, huyện Vũ Ninh. Phùng Quán lại xuống, có giấy của Võ Hồng Cương viết cho Hoàng Trung Thông, yêu cầu phải nhận Phùng Quán vào tổ vì Phùng Quán đã nhận khuyết điểm với ban chấp hành rồi.[170]

Những người tội nặng, bị đưa ra toà ngày 19/1/1960. Qua những bản tin về phiên toà này, đăng trên các báo tại Hà Nội tháng giêng năm 1960, do Lại Nguyên Ân sưu tầm và công bố mới đây trên Talawas, luận điệu các bài viết khá giống nhau:

"Ngày 19/1/1960, Toà án Nhân Dân Hà Nội đã xử vụ gián điệp có tổ chức do bọn Nguyễn Hữu Đang và Thụy An cầm đầu. Nhiều đại biểu các tầng lớp nhân dân Hà Nội đã tới dự phiên toà này. Bọn gián điệp bị đưa ra xử gồm năm tên: Nguyễn Hữu Đang, Lưu Thị Yến tức Thụy An, Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức, Phan Tại và Lê Nguyên Chí"[171].

Chánh án: Nguyễn Xuân Dương. Hội thẩm: Nguyễn Tử Các và Phùng Bảo Thạch.

---

170 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

171 Trích bản tin báo Nhân Dân, Hà Nội, 21/01/1960, tài liệu Lại Nguyên Ân.

Vẫn theo bài báo trên: *"Thụy An là một tên gián điệp lợi hại quốc tế (...) Năm 1956, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Phan Khôi nhập thành một nhóm (...) tháng 9/1956 xuất bản tờ Nhân Văn" (...) Nguyễn Hữu Đang và Thụy An lấy nhà Phan Tại làm một "câu lạc bộ" bí mật, tụ tập một số phần tử phản cách mạng (...) "Đến khi chúng thấy âm mưu và hoạt động của chúng bị bại lộ, chúng định trốn vào Nam để tiếp tục làm tay sai cho Mỹ-Diệm. Lê Nguyên Chí thú nhận: "Đang nói với tôi, Đang vào theo Mỹ-Diệm sẽ được chúng tin dùng và sẽ làm được những việc lớn". Đang cùng Lê Nguyên Chí chuẩn bị trốn vào Nam".*

Toà đã tuyên án:

Nguyễn Hữu Đang, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân; Lưu Thị Yến tức Thụy An, 15 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân; Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức, 10 năm phạt giam, 5 năm mất quyền công dân; Phan Tại, 6 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân; Lê Nguyên Chí, 5 năm phạt giam, 3 năm mất quyền công dân[172].

Phùng Cung bị bắt tháng 5/61. Bị giam 12 năm tù. Không có án. Trường hợp Phùng Cung sẽ được tìm hiểu trong phần viết về Phùng Cung.

Các giáo sư đại học Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, ... bị cách chức và bị quản thúc. Cách đối xử với họ như thế nào, tư liệu chính thức không nhắc đến. Trong bài báo cáo tổng kết, có một đoạn Tố Hữu viết:

"Cho đến khi, dưới ánh sáng của nghị quyết Bộ Chính Trị, mở ra hai lớp học tập cho ngót 500 anh chị em văn nghệ sĩ, qua một cuộc đấu tranh kiên quyết thì mặt nạ của nhóm phá hoại "Nhân văn-Giai phẩm" mới hoàn toàn rơi xuống đất; và đồng thời, những sai lầm lệch lạc nghiêm trọng, nhất là tình trạng mất cảnh giác giai cấp trong văn nghệ sĩ, trong

---

172 Trích bản tin của báo Nhân Dân, bđd.

các đảng viên và cơ quan của Đảng cũng được vạch chỉ rõ ràng.

Cùng một lúc, qua cuộc học tập đấu tranh trong các trường Đại học, chủ yếu ở khoa Văn, khoa Sử, bọn tơ-rốt-kít Trương Tửu, Trần đức Thảo khoác áo giáo sư cũng phơi trần chân tướng[173]*".*

Câu: *"Cùng một lúc, qua cuộc học tập đấu tranh trong các trường Đại học..."* của Tố Hữu, xác định sự kiện cùng lúc với hai lớp Thái Hà, dành cho văn nghệ sĩ, trong Đại học có các "lớp" khác, dành cho các giáo sư Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường...

Hiện nay, có rất ít tư liệu của các nhà trí thức NVGP viết về vấn đề này, nên không thể biết những gì đã xẩy ra cho họ, nhờ cuốn *Un Excommunié - Kẻ bị khai trừ*[174], trong đó giáo sư Nguyễn Mạnh Tường kể lại ông đã bị đưa ra "*corrida - đấu trường"* ba lần: đấu trường Mặt Trận Tổ Quốc, đấu trường Đại Học và đấu trường Đảng. Sau đó, ông hoàn toàn bị ly khai, không được tiếp xúc với người ngoài, không được dạy học, không cả dạy tư, rơi vào cảnh đói rét, bệnh tật. Về những biện pháp trừng phạt đối với toàn bộ văn nghệ sĩ, trí thức, sinh viên và quần chúng đã ít nhiều tham gia, đã đọc, đã mua báo, hoặc đã giúp đỡ, ủng hộ phong trào NVGP bằng cách này hay cách khác, hiện nay chưa có một ước lượng nào gần với sự thật.

Tháng 8/2010, Lê Hoài Nguyên tiết lộ trong bài *Vụ Nhân Văn- Giai Phẩm từ góc nhìn một trào lưu tư tưởng dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành*[175] một số

---

173 Tố Hữu *Nhìn lại 3 năm phá hoại của nhóm Nhân Văn- Giai Phẩm,* in trong BNVGPTTADL, trang 34-35.

174 Nxb Quê Mẹ, Paris, 1992.

175 Lê Hoài Nguyên tên thật Thái Kế Toại, nguyên Đại Tá công an, công tác văn hoá tại A25, chuyên theo dõi văn nghệ sĩ, bài đăng trên mạng nguyentrongtao từ 6/8/2010.

thông tin quan trọng, chúng tôi xin trích lại sau đây những điểm chính:

"Tại các đợt học tập Chỉnh huấn tại các trường Sư phạm và Tổng hợp Hà Nội các Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Trần Đức Thảo cũng bị đưa ra cho giáo viên và sinh viên đấu tố, bị miễn nhiệm thôi giảng dạy. Ngoài ra còn nhiều người khác cũng chịu kỷ luật như Cao Xuân Hạo, Phan Ngọc, Cao Xuân Huy,… Một số sinh viên cũng bị kỷ luật như Bùi Quang Đoài (Thái Vũ), Văn Tâm, Phan Kế Hoành, Hà Thúc Chỉ (Thúc Hà)…

Một số trí thức là nhân sĩ đã có thái độ ủng hộ NVGP cũng chịu các hình thức đối xử như Vũ Đình Hòe, Đỗ Đức Dục, Hoàng Văn Đức, Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Tấn Gi Trọng… Ngoài ra, tại các địa phương những giáo viên, cán bộ, học sinh có hưởng ứng NVGP mua báo NVGP đều bị xử lý với nhiều hình thức.

Trong vòng ba đến bốn tháng các văn nghệ sĩ đi cải tạo lao động tại các nhà máy, nông trường, hợp tác xã… Một số người phải cư trú lâu dài tại các địa phương như Hoàng Tố Nguyên, Nguyễn Bính, Hải Bằng, Trần Lê Văn, Nguyễn Khắc Dực…

Kết tội nhóm NVGP có 3 nguồn chính thức như sau:

- Nghị quyết 30 của BCTĐCSVN[176] ngày 6/1/1958 về việc chấn chỉnh công tác văn nghệ.

- Báo cáo tổng kết cuộc tranh đấu chống nhóm phá hoại Nhân Văn-Giai Phẩm của Tố Hữu tại Hội Nghị Ban chấp hành Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam ngày 4/6/1958.

- Bản án của Toà án nhân dân Hà Nội ngày 19/1/1960 xử vụ gián điệp Nguyễn Hữu Đang, Thụy An.

NVGP không hoạt động gián điệp. Cái tội gọi là hoạt động gián điệp ở đây là sự gán ghép suy diễn buộc tội.

---

176 Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam

Nguyễn Hữu Đang không liên quan gì đến những người Pháp còn ở Hà Nội. Còn Thụy An thì được một cơ quan giao nhiệm vụ nắm ý đồ của mấy người Pháp đối với tình hình Hà Nội lúc đó. Sau đó những lời báo cáo của bà trở thành chứng cứ buộc tội bà hoạt động gián điệp. Họ cũng không có tài liệu bí mật để chuyển giao cho cái gọi là cơ quan tình báo Pháp".

● Thực chất hội nghị Thái Hà

Trong ba người bạn thân Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, ban đầu Trần Dần có vẻ rất cứng cỏi, nhưng trong lớp Thái Hà, dường như ông lại là người nao núng nhất. Sự nao núng này sống lại trong những trang nhật ký. Nhật ký, chủ đích là viết riêng cho mình, không cần giấu diếm, che đậy, nhưng trái lại, ngay trong nhật ký của Trần Dần, đã có màu sắc *"hối cải",* giống như lời tự thú để đăng báo, viết cho *"người khác"* đọc, phản ảnh một Trần Dần đã thấm đòn, biết sợ, ông viết:

"Nhân Văn Giai Phẩm thế là đã đứng về phe tư bản chủ nghiã, phản đối xã hội chủ nghiã; hơn thế, lớp học trình bày sự thực, làm cho tất thẩy đều thấy rõ chân tướng bọn cầm đầu NVGP, đó là một công ty phá hoại bao gồm những kẻ phản cách mạng, đứa là phần tử Quốc Dân Đảng cũ (PhKhôi), đứa là mật thám trước (TDuy), đứa là tên bất mãn chống Đảng có lịch sử, đi đến chủ nghiã trotskisme (Nguyễn hữu Đang),... chúng ngoặc với bọn trotkistes Trương Tửu, TrầnđThảo, và với bọn gián điệp vẫn liên lạc với Sainteny, là Thụy An"[177]. Đó là những *"nhận định"* về người đồng hành, còn đây là *"nhận định"* về cái *"tôi":*

"Tôi là cái gì?

Trước Cách Mạng, tôi là một thứ hổ lốn phản động của những tư tưởng tư sản địa chủ: hưởng lạc đến đồi trụy,

---

177 Nhật ký *Trần Dần ghi*, Phạm Thị Hoài biên soạn, trang 239-240.

hám danh to đến bệnh "vĩ đại cuồng", vô chính phủ đến phá phách mọi trật tự, thoát ly đến rơi vào sinh hoạt sa đọa, và đi vào các trường phái nghệ thuật vị nghệ thuật, tượng trưng, lập thể, siêu thực... và vào triết học ru ngủ tối phản động của Bergson (...)

Tôi đã tự lừa dối (...)

Tôi đã tự lừa dối (...)

Tôi đã tự lừa dối (....)"[178]

Trần Dần là người duy nhất để lại ba trang nhật ký về giai đoạn Thái Hà, nhưng ông không dám viết gì về nội dung học tập, mà chỉ ghi lại những *"kết quả"* học tập và sự tự hối của mình sau *"lớp nghiên cứu 2 văn kiện"*.

Đến khi Lê Đạt trả lời phỏng vấn năm 1999 ở Paris, phát trên sóng RFI năm 2004, chúng ta mới biết rõ thực chất hai *"hội nghị"* Thái Hà.

Trước hết, ông giải thích tại sao lại có hai lớp học khác nhau (lớp đầu tháng 2/56 và lớp sau tháng 3-4/56): *"Lớp đầu tiên tổ chức cho các đảng viên (...) tức là người ta vận động các đảng viên khác phát hiện tất cả những tội của những đảng viên tham gia Nhân Văn Giai Phẩm đã đành rồi, nhưng còn để phát hiện cả những tội của những người chưa tham gia Nhân Văn, của quần chúng, vì vậy người ta phải làm trong buổi trước"*.

Hình thức *"học tập trước"* các cách *"phát hiện tội"* này, đã được dùng trong *Cải Cách Ruộng Đất* và Hoàng Văn Chí đã trình bầy rõ trong cuốn *Từ Thực Dân Đến Cộng Sản* và Nguyễn Mạnh Tường cũng mô tả trong tiểu thuyết *Une voix dans la nuit*, sẽ nói đến sau. Ở đây xin tiếp tục lời thuật của Lê Đạt. Và đây là diễn biến của lớp thứ nhì, với 304 người, trong tháng 3 và 4/56. Trước tiên, về không khí của *"lớp học",* Lê Đạt kể:

---

178 *Trần Dần ghi* trang 240-241.

"Không khí rất căng thẳng, tôi nói thế này để chị biết nó căng thẳng như thế nào: Văn Cao đã đi lớp trước rồi, lớp cho đảng viên hồi tháng 2, thì sau đó, họ cũng kéo tất cả trở lại lớp sau để đánh tiếp. Tôi xin nhắc lại: tức là trong lớp trước, họ học tập đảng viên phát hiện quần chúng, để họ đánh; nhưng bây giờ, ở lớp thứ hai này: quần chúng lại phát hiện trở lại, để nếu đảng viên có gì, họ lôi ra đánh tiếp luôn, chị có rõ ý tôi không? Thế thì tôi thấy Văn Cao -hôm ấy trời nóng- Văn Cao mặc áo sơ mi to phồng thế mà sau khi nó tố những khuyết điểm của Văn Cao, tôi thấy cái áo sơ mi cứ dính dần, dính dần, dính dần... toát hết cả mồ hôi, nó dính như một cái áo lót cơ mà... Đấy, chị thấy không khí căng thẳng như thế nào".

Về thực chất của *"lớp học",* Lê Đạt cho biết:

"Đây không phải là một cuộc học tập mà là một cuộc đấu tranh, nó khác hẳn các cuộc học tập khác. Trong những ngày đầu, người ta vạch tất cả "những tội" của những người trong Nhân Văn Giai Phẩm, ai nhớ được gì thì nói ra..., nó là một cái tụi... tố cáo nhau (...)Trong khi "học" như thế thì công an đi ra đi vào rất nhiều, mà đi một cách rõ ràng cho mình trông thấy chứ không phải người ta kín đáo gì! Sau khi tất cả mọi người đều đã "phát hiện các tội" của Nhân Văn xong rồi, thì mới đến lượt Nhân Văn, từng người một, nhận tội".

Cuộc "đấu tranh" kéo dài hơn một tháng, theo Lê Đạt:

"Trong suốt một tháng ấy là cứ ngày nào, ngày nào cũng... lên phát hiện tội. Cứ phát hiện tội, tức là mình có gì thì mình báo cáo; còn người ta, người ta phát hiện tội của mình. Nó là một thứ đấu tranh đấy mà. Đấu tranh rất gay gắt. Và lẽ dĩ nhiên, nói là cả lớp, nhưng người ta chỉ tập trung vào một vài người thôi, trong số đó có tôi cho nên vất vả lắm".

Cách *"phát hiện tội"* như thế nào? Bằng miệng hay là ghi trên giấy? *"Bị can"* có quyền cãi khi lời *"phát hiện"* là bịa đặt hay không?

Lê Đạt trả lời: *"Không! Không! Tất cả mọi người đều đứng lên phát hiện chứ. Phát hiện thì có thư ký ghi hết và bản thân mình cũng phải ghi. Rồi sau căn cứ trên cái phát hiện của người ta, mình về tổ, mình phát hiện cái khuyết điểm của mình, cái tội của mình và sau đó mình phải làm bài kiểm điểm rất dài về toàn bộ thời gian mà mình tham gia Nhân Văn. Người ta phát hiện, còn mình không được nói nữa. Đông Tây người ta phát hiện ầm ầm, ầm ầm, làm sao mà mình có quyền, nhất là không được cãi gì".*

Về các văn bản *"thú tội",* Lê Đạt cho biết đã được viết trong hoàn cảnh thế nào:

"Tức là như thế này: Bây giờ anh làm trong tổ, tổ thông qua bài khai của anh. Bài của anh lại phải đưa ra hội trường, hội trường thông qua thì anh mới được xong. Nếu không thì anh cứ việc tiếp tục lại. Viết xong, nhưng chưa thành khẩn, thì lại phải viết tiếp. Mình cứ phải viết tiếp, viết tiếp... mãi, mà mình chỉ có từng ấy ý thì làm sao viết thêm được mãi!"

Về việc bắt Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt kể:

"Trong lúc kiểm thảo như thế, thì người ta loan tin, người ta nói rằng: "Công an đã bắt Nguyễn Hữu Đang!" Cái anh Đang này cũng là người hoạt động mà sao dại dột thế! Ông ấy lại nhờ người mang một lá thư về Hải Phòng để bố trí cho ông ấy vào Nam. Thế là nó bắt được cái thư ấy. Vì chính người đưa thư ấy là người của công an. Thế là họ đồn ầm lên: "Sự liên hệ giữa Nhân Văn và bọn Mỹ Diệm là đã rõ ràng rồi. Nguyễn Hữu Đang trong lúc không còn đường thoát nữa, liên lạc với trong ấy và chúng ta đã bắt được Nguyễn Hữu Đang rồi, bắt vào ngày bao nhiêu, bao

nhiêu"... Tất cả mọi người vỗ tay: Hoan hô! Hoan hô!... Tức là một sức ép rất ghê gớm."

Về việc lao động cải tạo, Lê Đạt cho biết:

"Lúc đầu mới đi thì mình cũng lao động, cũng hăm hở. Mình hăm hở vì chắc là hai năm thì xong. Thế nhưng mà hai năm rồi cũng không thấy ai nói gì về vấn đề đó cả và lại tiếp tục hai năm nữa... rồi dần dần nó phai nhạt đi không ai nhắc đến chuyện đó nữa. Thì thời gian disponibilité -thời gian mà phải đi, lúc nào người ta gọi đi lao động cũng được- thời gian đó kéo dài 10 năm. Lẽ dĩ nhiên là trong 10 năm ấy, không phải lúc nào cũng đi. Người ta gọi đi, rồi người ta lại cho mình về; về rồi, họ lại kéo mình đi, nghĩa là trong 10 năm là thời gian mình phải dành cho việc đi lao động cải tạo. Thế còn sau này hết 10 năm thì ở nhà. Nhưng mà ở nhà thì... Tôi không ngờ nó kéo dài đến thế: cả thời kỳ đi lao động lẫn thời kỳ "cấm" là gần 40 năm chị ạ. Mình thấy nó đằng đẵng mà mình coi như là số mệnh thôi".

"Lúc bấy giờ, nếu tôi không có sự cưỡng lại thì tôi là một người vứt đi, thành một cái giẻ rách. Tôi cho cái việc giẻ-rách-hóa-con-người đó, chính quyền phải chịu trách nhiệm"[179].

Ngày 10/12/1959, Trần Dần ghi trong nhật ký: *"Sớm mai toà xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hoại, cả hai: hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự (...) Người có một cái gì văng vắng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với "lý tưởng" đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ rớm máu. Chao ơi! Con đường để đi đến chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao? Tương lai có để dành cho tôi nhát dao nào nữa không? Đang đã thấy cái sai lớn của Đang chưa? (...) Ngoài trời mưa bụi. Rét xoàng. Không có gió. Đôi lúc vài tiếng chuông xe đạp. Năm nay rét muộn. Đang ra toà cuối năm.*

---

179 Tất cả những trích đoạn trên đây đều rút ra từ Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

Tôi cũng không thể nào nhởn nhơ với sự kiện này. Chao ơi! Con đường để đi tới chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao?"

● Biện pháp thanh trừng đối với trí thức
Các đấu trường khác

Un excommunié của Nguyễn Mạnh Tường thuật lại những nổi trôi của một người trí thức có lòng với đất nước, trong buổi đổi đời. Tác phẩm phản ảnh phong cách của một kẻ sĩ bất phục tòng, mô tả sự hèn mạt và tráo trở của những phường mũ mão cân đai và chứng minh thế nào là lòng yêu nước đích thực. Qua biện pháp kỷ luật mà nhà cầm quyền dành cho Nguyễn Mạnh Tường, chúng ta có thể đoán được chính sách đối xử với những nhà trí thức khác như Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh...

Sau Nhân Văn, Nguyễn Mạnh Tường đã trải qua ba "đấu trường": Mặt Trận Tổ Quốc, Đại Học và Đảng. Tại mỗi đấu trường, ông phải trả lời về *"tội trạng"* của mình. Đấu trường đầu tiên là phòng họp của Mặt Trận Tổ Quốc ở phố Tràng Thi, được ông mô tả như sau:

"Tôi đã có nhiều dịp tới đây dự các cuộc họp, hồi tôi còn ở trong nhóm những người được sủng ái được ngồi bên cánh phải của Người. Tôi biết rõ tất cả các vị "đồng liêu" sẽ quyết định số phận của tôi hôm nay!

Lần này, tôi vào phòng họp như con bò mộng bị thả vào đấu trường. Đúng là một đấu trường bởi vì tất cả bàn ghế đã được xếp dẫy dọc tường, chừa một chỗ trống giữa phòng. Sau dẫy bàn, là đám đông nhiều hạng người. Những người ngồi là thành viên Mặt Trận, đứng là những kẻ hiếu kỳ, phần đông là nhà báo, hoặc các cơ quan hội đoàn. Đó là thứ quần chúng đấu trường, thèm cảm giác mạnh và sôi sục ham muốn thấy quang cảnh lạ lùng khó tả sắp diễn ra!

Như con bò mộng thả trong đấu trường, tôi đưa mắt nhìn một lượt cử tọa. Nếu những người đứng, trố mắt nhìn

và lắng tai nghe, thì những vị "đồng liêu" của tôi ngồi sau dãy bàn, có vẻ ngượng nghịu với nhiệm vụ mà họ chưa quen lắm. Tuy những câu hỏi đã được các vị "có thẩm quyền" soạn sẵn, nhưng trong cách diễn tả, giọng họ có chút bối rối. Tôi không khỏi thương cho họ bị rơi vào hoàn cảnh trái khoáy này"[180].

Biết rõ bản lĩnh của mình, luật sư Nguyễn Mạnh Tường cảm thấy hoàn toàn thoải mái trong việc tự biện hộ, ông nắm chắc phần "thắng" trước những đối thủ tầm thường, đuối lý, không đáp lại được những lời hùng biện của người luật sư đầy kinh nghiệm.

Ngày hôm sau, *đấu trường Đại học* diễn ra trong không khí công cộng, mọi hạng người đều có thể tham dự. Hàng ngàn sinh viên, nhân viên trong đại học, nhà báo, những kẻ hiếu kỳ, bọn lang bang, đến kín chật hành lang, giảng đường, muốn dự kiến buổi *"xử tử một trí thức nổi tiếng ở Hà Nội"*. Lần này quan toà không ngồi bàn, mà thay phiên nhau bước lên giảng đàn. Nếu bên *Mặt Trận Tổ Quốc* còn có chút nể mặt ông, chưa làm quá lộ liễu, thì ở đây, ông thấy rõ:

"Người ta muốn kéo tên tôi xuống bùn đen, họ muốn chỉ rõ tội ác của tôi để biện minh trước cho sự trừng phạt mà họ sẽ dành cho tôi. Và đồng thời, để răn đe tầng lớp trí thức, để cải tạo họ, bắt họ tuân thủ vô điều kiện những mệnh lệnh và quyết định của đảng, theo đúng đường lối chính thống cộng sản. Tất cả mọi vi phạm vào nguyên tắc thần thánh này sẽ bị trừng phạt nghiêm ngặt, dù cho thủ phạm đã có công lớn như thế nào đối với tổ quốc và cách mạng.

Dưới chân giảng đàn mà tôi đã trải qua những giây phút đẹp nhất cuộc đời, tôi được thấy những điều tồi tệ nhất. Tôi thấy, không những người ta muốn trừng phạt tôi -xin lỗi- cải tạo tôi, mà còn hơn nữa: họ muốn dìm tôi xuống địa vị

---

180 Trích dịch *Un Excommunié*, trang 151-152.

một phạm nhân dưới chân cái bục mà thời vàng son tôi đã đứng, bắt tôi nghe những lời thoá mạ mỉa mai cay độc của những kẻ không phải là đồng song với tôi như ở Mặt Trận mà là những đứa nhãi ranh không biết lượm được ở đâu, một vài kẻ hình như đã học tôi.[181]*"*

Những lời đấu tố thô bỉ người thày, không được Nguyễn Mạnh Tường nhắc lại, ông chỉ ghi lại cuộc tranh luận của ông với một sinh viên học trò cũ và một nhà giáo trung học nhờ chạy chọt, được lên dạy đại học, vì những vấn đề họ đưa ra, có chỗ đáng bàn. Và ông vẫn vận dụng kiến thức của mình để thuyết giảng. Ông thấy mình như đã chiếm được cảm tình của số đông cử tọa, qua ánh mắt của họ.

Đấu trường Đảng xẩy ra trong không gian kín, không có quần chúng tham dự. Có lẽ người ta thấy bất lợi khi đưa ông ra trước công chúng: không những ông không bị bôi nhọ mà dường như ông còn được quần chúng ủng hộ. Trong đấu trường thứ ba này, Nguyễn Mạnh Tường phải trả lời ba vị quan tòa về *Thái độ của người trí thức trong thế giới cộng sản*. Câu hỏi chính đặt ra trong buổi thẩm vấn là: Sau chín năm theo cách mạng, đồng chí đã gặt hái được những thành quả không nhỏ và được sự trọng đãi của Đảng và nhà nước, thay vì hưởng thụ những đặc quyền mà Đảng đã dành cho, tại sao đồng chí lại đứng lên chống Đảng? Và đây là lời vấn đáp cuối cùng giữa người hỏi cung và Nguyễn Mạnh Tường, trong buổi đối chất trước toà án Đảng:

"Đồng chí không thể không biết những gì đang chờ đợi. Nhà nước chỉ chấp nhận một thái độ duy nhất của trí thức. Đó là thái độ theo đúng đường lối chính thống, tin vào Đảng, trung thành với Đảng, suy nghĩ, cảm nhận, hành động, theo chiều hướng và cung cách mà các cấp lãnh đạo đã quy định. Bất luận kẻ nào đi ra ngoài con đường này là bị rơi vào tà thuyết và sẽ bị trừng trị như những kẻ phản

---

181 Trích dịch *Un Excommunié* trang 173-174.

động bán nước. Đây là cơ hội cuối cùng để đồng chí hối cải về sự cả gan và bất cẩn của đồng chí. Hãy nắm lấy!"

Nguyễn Mạnh Tường trả lời:

"Mỗi người chịu trách nhiệm về hành động của mình. Nếu xã hội, tức là nhân dân, đạt tới một trình độ văn hoá cao, có mức nhận thức trong sáng, thì những cả gan của một tư tưởng khác với đường lối chung sẽ không bị trừng phạt, mà ngược lại sẽ được khuyến khích, bởi sự tiến bộ của dân tộc tùy thuộc vào những cả gan này. Lịch sử nhân loại đã chứng minh rằng không bao giờ số đông quần chúng có thể khai quang được một lối đi trong rừng rậm của dốt nát, thành kiến, hèn hạ, để tiến lên một bước về phía ánh sáng mặt trời. Trong thành Athènes, kinh đô của hiền triết, Socrate đã phải uống cạn cốc độc cần, để lại bài học cho những trí thức trên thế giới suy nghiệm và noi theo: người trí thức phải giữ vai trò tiên phong, hướng đạo trên con đường khó khăn và nhọc nhằn, để dẫn dân tộc đến niềm vui và hạnh phúc.

Nước ta đã phải chứng kiến sự thâm nhập của một chủ nghĩa ngoại bang hoàn toàn không bắt rễ từ quá khứ dân tộc. Bao nhiêu nhà ái quốc lớn mà mọi người đều kính phục đã bảo vệ, đã bênh vực, đã bảo trợ cho chủ nghiã này, họ đã đưa nó ra rồi bắt dân chúng phải thừa nhận, bằng cách hứa hẹn nó là chìa khoá mở cửa vào thiên đàng trần thế. Quần chúng tin vào lời nói của lãnh đạo và chờ đợi sự thực hiện những lời hứa. Chính nhờ vào sự đồng tình, vào những cố gắng, những hy sinh của của toàn dân mà đất nước đã giành được độc lập và tự do. Những cánh tay làm việc và những cái đầu suy nghĩ đã là rường cột cho đảng cầm quyền.

Bất hạnh thay, con đường chúng ta đi không bọc nhung. Hợm mình trước những chiến công hiển hách mà họ tưởng đã đạt được nhờ chủ nghiã mác-xít, những người lãnh đạo đã xây dựng nền móng và áp dụng sâu rộng hơn chủ

nghiã này trong tất cả các ngành, không cần đếm xỉa đến khoa học và thực tế, tuy vẫn hô hào kính trọng giáo dục. Cuộc Cải Cách Ruộng Đất đưa đến những sai lầm nghiêm trọng mà những người cầm quyền phải chịu trách nhiệm. Sự đói khổ của nhân dân đã đến mức khốc liệt, vậy mà những kẻ trách nhiệm vẫn khoác lác rêu rao những điều ngược lại.

Trước bi kịch này, thái độ của trí thức phải thế nào? Có kẻ bịt mắt đút nút lỗ tai để đồng thanh phụ họa với bọn cơ hội và phỉnh nịnh, luôn miệng kêu gào: "Cộng Sản thắng lợi. Đảng Cộng Sản muôn năm". Những kẻ này hy vọng được ân sủng đến ba đời. Công chúng biết rõ và khinh họ. Nhưng những khối óc biết nghĩ và và những trái tim yêu tổ quốc và dân tộc không thể nhẫn nhục chịu đựng -trong im lặng và thụ động- những cay đắng của khát vọng không thành và những giấc mơ bị chà đạp. Họ lên tiếng tố cáo những sai lầm và đề nghị những biện pháp sửa đổi. Họ được cám ơn bằng những cú roi quất, bằng tù tội suốt đời, họ bị kết tội phản đảng, phản cách mạng, là kẻ thù của nhân dân! Sự an ủi duy nhất của họ là được quần chúng hiểu, ái ngại, nhưng không làm gì cho họ được. Họ phải đợi sự phán đoán của Lịch sử".

Và ông viết tiếp:

"Không một lời tuyên án. Những người cộng sản ưa bí mật. Lệnh được quyết định và thi hành trong yên lặng chết chóc. Công chúng không biết gì cả: bí mật được giữ trọn để khỏi khơi lên những tình cảm vô ích, những xao động đáng tiếc! Họ đã tiên đoán tất cả và hành động kịp thời![182]"

Ba đấu trường. Không có án. Nguyễn Mạnh Tường đã phải xuyên qua hơn ba mươi năm sa mạc từ 1958 đến 1990. Bị khai trừ khỏi đại học. Chiếc xe đạp đi dạy bị lấy lại. Không được mở lớp dạy tư để kiếm tiền. Phải bán dần đồ đạc

---

182 *Un Excommunié*, trang 226- 229.

trong nhà. Sống trong đói khát. Bệnh tật. Bạn bè xa lánh. Người quen đổi vỉa hè.

Nhưng trong đêm khuya tăm tối vẫn có những đốm lửa lóe lên:

"Thỉnh thoảng, sáng thức dậy mở cửa tôi thấy ai đã nhét vào kẽ cửa một phong bì đầy tiền. Chúng tôi cảm động rơi nước mắt, tuyệt vọng vì không thể cám ơn ân nhân được bởi có biết họ là ai. Hay có những hôm tôi đi dạo lúc trời nhá nhem. Luôn luôn vẫn có cớm theo dõi đằng xa. Bỗng một chiếc xe đạp đạp rất nhanh, sát bên tôi, nhét vào tay tôi một phong bì hay một gói nhỏ rồi biến mất. Tất cả chỉ trong nháy mắt.[183]*"*

Những đốm lửa hy vọng đó đã nuôi sống nhà trí thức trong suốt cuộc đời còn lại.

---

183 *Un Excommunié*, trang 335.

Tố Hữu

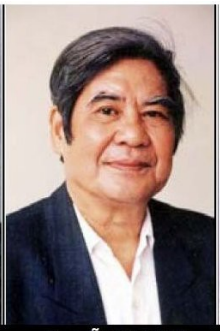

Nguyễn Đình Thi

Xuân Diệu

NHỮNG NGƯỜI CỰC LỰC CHỐNG NHÂN VĂN GIAI PHẨM

Hoài Thanh

Chế Lan Viên ♠ Hoàng Trung Thông

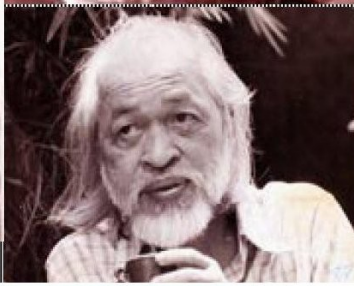

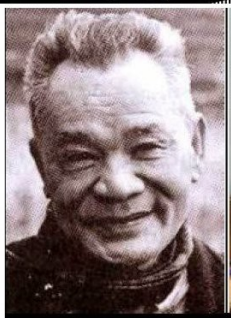

Nguyễn Công Hoan

Tô Hoài

Hà Nội 1954

THỤY AN

Trước Toà 12/1959

Chương 8

Thụy An
(1916-1987)

Thụy An là khuôn mặt nổi trội, bị kết án nặng nề nhất. Trường hợp của bà giống như một bi kịch Hy Lạp, cho đến nay, chưa mấy ai hiểu được những khúc mắc bên trong.

Thụy An là ai?

Là phụ nữ duy nhất, không viết bài cho NVGP, nhưng tên bà bị nêu lên hàng đầu trong *"hàng ngũ phản động",* bị quy kết là *"gián điệp quốc tế",* lãnh án 15 năm tù cùng với Nguyễn Hữu Đang. Những lời thoá mạ nhơ bẩn nhất dành cho bà *"Con phù thủy xảo quyệt"* cùng những lời lẽ độc địa nhất: *"Như vắt ngửi thấy máu, Thụy An như rắn bò tới các câu lạc bộ Hội Nhà Văn phun nọc độc mạt sát chế độ ta bần cùng hoá nhân dân"*[184].

Tại sao lại có sự căm thù ghê gớm đối với nhà thơ, nhà văn, nhà báo phụ nữ tiên phong của Việt Nam? Người đầu tiên thực hiện nữ quyền bằng ngòi bút và hành động. Người chủ trương giải phóng phụ nữ không bằng lý thuyết mà bằng việc làm. Người xác định vị trí phụ nữ như một công dân tự do, thấm nhuần tinh thần dân chủ.

Đáng lẽ bà phải có chỗ đứng xứng đáng trên văn đàn, bởi bà chủ trương các tờ *Đàn Bà Mới,* tại Sài Gòn, từ 1934, và *Đàn Bà,* tại Hà Nội, 1937. Bà là nhà văn nữ tiên phong

---

184 Bàng Sĩ Nguyên, BNVGPTTADL, trang 120.

với tiểu thuyết *Một linh hồn*, 1942. Nhưng cho đến nay, chính quyền cộng sản chưa hề trả lại cho bà phần danh dự bị bôi nhọ trong hơn nửa thế kỷ, với những lời nhục mạ tàn nhẫn, một cái án 15 năm phi lý, và cho đến chết bà vẫn chưa hề được phục hồi danh dự.

Để tìm hiểu về Thụy An con người và tác phẩm, chúng tôi đã liên lạc với hai con bà, ông Bùi Thụy Băng, nguyên chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san Atlanta Việt Báo, Hoa Kỳ, bà Bùi Thư Linh, Paris, và sử dụng bản tiểu sử Thụy An do Trinh Tiên -bạn thân của Thụy An- viết ngay sau khi Thụy An qua đời năm 1987, nhưng đến 1998, gia đình mới nhận được, đăng trên Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005.

Thụy An, còn có bút hiệu Thụy An Hoàng Dân, tên thật là Lưu Thị Yến, sinh năm 1916 tại Hà Nội, là con ông bà Lưu Tiến Ích và Phùng Thị Tôn, quê gốc làng Hoà Xá, quận Vân Đình, tỉnh Hà Đông. Thuở nhỏ học trường Hàng Cót, Hà Nội. Năm 1929, 13 tuổi, Yến đã có thơ đăng trên Nam Phong. 1932, 16 tuổi, được giải thưởng văn chương của Triều đình Huế. Năm 1934, 18 tuổi, Thụy An kết hôn với Bùi Nhung, nhà văn kiêm nhà giáo, bút hiệu Băng Dương, em ruột học giả Bùi Kỷ và bà Trần Trọng Kim, sinh 7 con, một người mất sớm: An Dương (1934), Thụy Băng (1937), Thư Linh (1938), Dương Chi (1939), Ngọc Trinh (1943) và Châu Công (1945). Ông Bùi Nhung hai lần làm giám đốc đài phát thanh Hà Nội từ 1948-49, và 1951-52, rồi giám đốc đài phát thanh Hải Phòng năm 1954[185].

Năm 1934, 18 tuổi, Thụy An bắt đầu nghề báo, cùng chồng lập tuần báo Đàn Bà Mới ở Sài Gòn. 1937, bà ra Hà Nội chủ trương tờ Đàn *Bà*. Trong chiến tranh Việt-Pháp, Thụy An là phóng viên chiến tranh, tham dự nhiều cuộc nhảy dù ra mặt trận để cung cấp tài liệu cho báo chí.

1954, bà giữ chức quyền giám đốc Việt Tấn Xã.

---

185 Trong thời gian 180 ngày trước khi vỹ tuyến 17 khép lại.

Thụy An-Băng Dương sống ly thân từ 1949, nhưng không ly dị vì cả hai đều theo đạo công giáo. Bà có quan hệ mật thiết với ông Đỗ Đình Đạo, một nhân vật quan trọng của Quốc Dân Đảng. Đỗ Đình Đạo được coi như người chồng thứ nhì. Thụy An và Đỗ Đình Đạo chia tay năm 1952. Nhưng đến 1954, khi Đỗ Đình Đạo bị đầu độc chết, dư luận buộc tội bà giết chồng, và chính những lời vu cáo này, sẽ được thổi phồng và sử dụng chống bà sau 1954.

Về biệt hiệu Thụy An Hoàng Dân, Bùi Thụy Băng giải thích: Phan Khôi và Thụy An là hai người bạn vong niên từ lâu. Thụy An kém Phan Khôi 29 tuổi. Biệt hiệu Chương Dân của Phan Khôi ngày trước và Hoàng Dân của Thụy An sau này, cùng để tưởng niệm đến một người anh hùng, có tên Chương Hoàng Dân hay Hoàng Chương Dân.

● Tác phẩm

Thụy An là nữ tiểu thuyết gia duy nhất được Vũ Ngọc Phan lựa chọn trong bộ *Nhà văn hiện đại*, với tác phẩm *Một linh hồn,* xuất bản 1943. Trong bài phê bình dài dành cho tác phẩm *Một linh hồn,* Vũ Ngọc Phan nhận định: *"Là một nhà thơ, nhưng bà là người đi tiên phong trong địa hạt tiểu thuyết với cuốn Một linh hồn"* và ông kết luận "*Một linh hồn cũng đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt Nam từ trước đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn"*.

Về cuốn tiểu thuyết thứ nhì, *Bốn mớ tóc* (1952), Trinh Tiên nhận xét: *"Đây là tập truyện gồm nhiều đoản tác: "Một thương", "Bà mẹ", "Cô con", "Mớ tóc"... Tác giả cố ý nêu cuộc sống dân tộc trong buổi giao thời, mọi sinh hoạt đan che nhau giữa mới và cũ. Điển hình như một mái tóc phụ nữ. Cổ thì để dài vấn trần hoặc vấn khăn búi tó; mới thì cắt ngắn hoặc uốn quăn"*[186].

---

186 Trích *Tiểu sử Thụy An*, Trinh Tiên, Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005.

Truyện ngắn của Thụy An in trên các báo hàng ngày tại Hà Nội. Một vài truyện được in lại như: *Giết chó*[187]; phần lớn chưa tìm lại được: *Chiếc cầu chân chó*; "*Les vingt cinq meilleures histoires du monde - Hai mươi lăm truyện hay nhất thế giới"* do Hội Văn Bút Quốc Tế in khoảng 1954-55; một cuốn sách viết về gia đình, gửi một tờ báo ở San José in năm 1985; truyện *Vợ chồng*...

Lại Nguyên Ân sưu tầm được một số bài của Thụy An trong thời kỳ NVGP, đã công bố trên Talawas, gồm: tiểu luận phê bình *Nhân xem phim "Anh gắng nuôi con" đặt lại vấn đề Tân hiện thực*[188]; truyện ngắn *Chuyện bố, mẹ, bé và con búp bê*[189]; thơ *Chiếc lược*[190]. Trong thời kỳ NVGP, bà in một tập truyện ngắn, theo bài buộc tội của Vũ Đức Phúc, trong có những truyện như: *Trường hợp tòng quân của thiếu úy Lâm, Bích-xu-ra*...

● Thơ văn sáng tác trong tù

Trong bài *"Thụy An, mẹ chúng tôi"* bà viết cuối 1988, sáu tháng trước khi mất, dùng giọng các con để viết về mình, bà có nói đến việc sáng tác trong tù: *"Bên cạnh cái án đó là nỗi đau khổ của một người mẹ lìa xa con cái 30 năm trời, chưa hề biết mặt 17 đứa cháu nội, ngoại, cũng chưa được ẵm đứa chắt đầu tiên vừa mới ra đời. (...) Lại cũng cần phải nói ngay, không vì bị 15 năm mất tự do và treo bút vô thời hạn mà Mẹ chúng tôi phải "tìm tự do", tìm "đất sống" cho những thứ mình viết ra hầu hết trong thời gian bị tù* [191].

Khởi sự bị giam cầm, Mẹ chúng tôi trong một thời gian ngắn có bị khủng hoảng tinh thần trước tai biến bất ngờ quá

---

187 In lần đầu trên Tạp chí Phổ Thông của hội cựu sinh viên trường Luật Hà Nội, số 19-20 tháng 6-7/1953. In lại trên Khởi Hành, Hoa Kỳ, số 77, tháng 3/2003.

188 Văn Nghệ, số 142, 11/10/1956.

189 Trăm Hoa, 25/11/56.

190 Trăm Hoa, 2/12/56.

191 Ý bà muốn nói phải ra hải ngoại "tìm tự do" để in sách.

ư to lớn đối với một người đàn bà. Song Mẹ chúng tôi đã kịp thời trấn tĩnh lại, nhận tai biến như một cái Nghiệp (...) Mẹ chúng tôi coi tai biến như một cái giá phải trả cho cho sự may mắn được làm người, mà lại làm người Việt Nam có một thứ ngôn ngữ "đẹp nhất trần đời", dễ học nhất thế giới, có sức diễn đạt truyền cảm, thẩm thấu suốt tâm hồn dân tộc đến nỗi:

Một người mẹ không biết một chữ A,
Cũng biết hát những lời thơ hay nhất[192]

(...) *Từ ngày anh em chúng tôi biết đọc, Mẹ chúng tôi vẫn tự hẹn sẽ kể cho các con nghe những chuyện cổ tích Việt Nam để khối óc trinh tuyền của con cái được thâm nhập ngay tính nhân hậu, hiền hoà, thơ và mộng, trí và dũng của dân tộc... Thời kỳ mẹ chúng tôi có ý định này, vào thập niên 30-40, chính là thời kỳ văn học Việt Nam đang tiến lên hiện đại hoá cả hình thức lẫn nội dung, một sự tất yếu phải nhiệt liệt đón chào. Chỉ tiếc một điều, trên con đường hiện đại hoá, những vốn cổ dân tộc: Trê Cóc, Lục Súc Tranh Công, Vợ Cóc, Vợ Tranh, Châu Long, Tô Thị, v.v... bị lãng quên...*

Thế rồi suốt 20 năm sau, cuốn vào thời cuộc thế giới, của đất nước và nghề báo chí, Mẹ chúng tôi chưa thực hiện được ý định. Phải đợi vào nhà tù Cộng sản, Mẹ chúng tôi mới khởi công làm cái việc tha thiết nhất một đời."[193]

Như vậy, những sáng tác trong tù của bà có thể rất phong phú, ngoài 16 truyện cổ tích Việt Nam viết bằng thơ, bà vừa nhắc đến, nói lên chí khí và tâm sự của mình mà bà coi như tập *"Nhật ký trong tù",* còn có tiểu thuyết và biên khảo. Thơ của bà cũng trong tình trạng tứ tán thất lạc. Theo Trinh Tiên: *"Thụy An sáng tác thơ cũng rất nhiều, phần đăng rải rác trên các báo, phần vẫn còn trong bản thảo. Bài thơ trường thiên tựa đề "Sao lại mùa thu". Rồi như bài "Ân*

---

192 Trích thơ Thụy An trong *Trường Ca Tiếng Mẹ.*

193 Trích bài *Thụy An, mẹ chúng tôi*, Thụy An viết cuối năm 1988, trước khi mất, Atlanta Việt Báo, 15/12/2004.

thiên nhất đẳng" tặng Thái Bằng có giọng ca thiên phú độc đáo..." Về các sách chưa xuất bản, Trinh Tiên nhắc đến 2 cuốn tiểu thuyết: *Người lãnh tụ, Phiên chợ trời Đanh Xuyên*, và 2 cuốn biên khảo: *Bùi Thị Xuân* và *Vợ chàng Trương,* có lẽ đó những sách bà đã viết trong tù, không biết bây giờ thất lạc ở đâu.

● Những lời buộc tội

Trong những lời buộc tội, có hai loại: loại vô bằng chứng kiểu *"gián điệp quốc tế", "tay sai Mỹ-Diệm"...* là những công thức có sẵn, không cần bàn đến. Loại thứ nhì dựa trên một vài sự kiện có thực rồi khuếch trương lên, đã tác hại lên danh dự của Thụy An. Loại này xoay quanh ba dữ kiện:

1- Bà quen nhiều người Pháp.

2- Bà di chuyển thường xuyên trên trục Nam-Bắc.

3- Người ta đồn bà giết ông Đỗ Đình Đạo, một yếu nhân của VNQĐD, để tỏ *"lòng trung thành"* với cách mạng.

Xuân Dung viết:

"Hồi Hà Nội tạm chiếm, nó bỏ Băng Dương, hiện nay là tay chân "đắc lực" của Mỹ-Diệm, và lấy Đỗ đình Đạo (một tên Quốc dân đảng đã từng chống lại chính quyền dân chủ nhân dân và tàn sát đồng bào ta ở Vĩnh Yên, Phúc Yên hồi Cách mạng tháng Tám). Lúc này tên phản quốc Đạo đang chỉ huy những đội "quân thứ hành chính lưu động" của Pháp chuyên đi càn quét các vùng. Và nó được Đạo nâng đỡ, cất nhắc lên chức quyền Giám đốc Việt Tấn Xã của ngụy quyền. Một tờ báo xuất bản thời ngụy quyền, ra ngày 8/8/1954 có viết: "Thường thường bà Thụy An đi lại trên đường hàng không Hà Nội-Sài Gòn nhiều lần và hành tung bí mật như đời sống riêng của bà..."

Hành tung của con mẹ phù thủy ấy là đi máy bay dự các cuộc nhảy dù và ra khắp các mặt trận để cung cấp tin

tức cho nhiều đài và báo địch; còn đời sống riêng là luôn luôn ra vào buồng những thằng Tát-xi-nhi, Cô-nhi... Cuối 1953, nó liên lạc chặt chẽ với tụi tơ-rốt-kít Hồ hữu Tường và cổ động tích cực cho báo Đông Phương với nội dung tuyên truyền thuyết "trung lập chế" (trung lập hay chính là tay sai cho đế quốc?).

Trước hoà bình lập lại ít ngày, đùng một cái, người ta nghe tin Thụy An giết Đỗ đình Đạo; mà lúc đó có tờ báo trong Hà Nội đã nêu lên với một đầu đề lớn "Tiền, tình hay chính trị". Vì gì thì vì, có điều nhất định không vì chế độ dân chủ nhân dân của chúng ta rồi! Đỗ đình Đạo tên trùm GAMO (quân thứ hành chính lưu động) vừa bị giết được hai ngày, có người (hiện đương ở Hà Nội) lại trông thấy Thụy An ngồi chung xe với tên tướng giặc Cô-Nhi, ấy là chưa kể còn có tin nó vào Sài Gòn rồi lại trở ra Hà Nội, 1 tháng trước khi tiếp quản.

Giải phóng thủ đô, nhiều người lạ lùng vì sự có mặt của con này. Riêng cái việc xuống Hải Phòng khi ta chưa tiếp quản, rồi lại về Hà Nội một cách đàng hoàng cũng đủ cho chúng ta suy nghĩ (...) Việc đầu tiên là luôn luôn lấy việc giết Đạo để tỏ lòng "trung thành" với cách mạng"[194].

Cách viết trên đây rất thâm độc: tác giả dựa vào một vài sự kiện có thật như việc Thụy An hay ra vào Nam Bắc, và cái chết bí mật của Đỗ Đình Đạo, được báo chí loan tin, để tạo cho người đọc cái cảm tưởng là mọi việc có thật; nhưng lại chêm vào những chữ: *nghe tin, có người trông thấy, ấy là chưa kể*... để chứng tỏ mình -người viết- vô can. Không kể những điểm vô lý như: Nếu ông Đạo là trùm GAMO của Pháp thì tại sao Thụy An lại không bị Pháp bắt, vì giết Đỗ Đình Đạo, mà lại đàng hoàng đi xe với tướng Cogny? Việc bà *"luôn luôn lấy việc giết Đạo để tỏ lòng*

---

194 Xuân Dung, *Con phù thủy xảo quyệt: Thụy An*, báo Thủ Đô 23/4/58, BNVGPTTADL, trang 42-43.

trung thành với cách mạng" thật đáng ngờ, vì trong những phát biểu của Thụy An, cho đến lúc chết, chưa bao giờ bà *"tỏ lòng trung thành với cách mạng"*.

Tất cả những lời đồn đại ác ý làm cho bà bị mang tiếng *"giết chồng",* và nhiều người tin và xác định như là sự thật, ví dụ sau này trong bài "*tự thú"*, Phùng Quán viết "*tôi có biết Thụy An trước đây đã giết chồng"* và cả Lê Đạt cũng viết *"lúc đầu rất ghê tởm Thụy An"*.

Tiếng oan *giết chồng* là bi kịch đầu tiên của Thụy An.

Lê Hoài Nguyên, nguyên Đại Tá công an, công tác tại A25, chuyên theo dõi văn nghệ sĩ và văn hoá, cho biết:

"NVGP không hoạt động gián điệp. Cái tội gọi là hoạt động gián điệp ở đây là sự gán ghép suy diễn buộc tội. Nguyễn Hữu Đang không liên quan gì đến những người Pháp còn ở Hà Nội. Còn Thụy An thì được một cơ quan giao nhiệm vụ nắm ý đồ của mấy người Pháp đối với tình hình Hà Nội lúc đó. Sau đó những lời báo cáo của bà trở thành chứng cứ buộc tội bà hoạt động gián điệp. Họ cũng không có tài liệu bí mật để chuyển giao cho cái gọi là cơ quan tình báo Pháp"[195].

● Gia cảnh Thụy An và cái chết của Đỗ Đình Đạo

Trong một điện thư gửi cho chúng tôi, ông Bùi Thụy Băng cho biết hoàn cảnh gia đình: *"Là đứa con trai thứ nhì, tôi là người gần mẹ tôi nhất vì từ năm 1943 trở đi mẹ tôi bệnh tật luôn luôn. Mới 6 tuổi tôi đã trông nom mẹ tôi. Anh cả tôi là Bùi An Dương bị bệnh hen suyễn từ khi mới sinh ra nên rất yếu đuối và mẹ tôi đã cho anh An Dương khi chưa đầy một tuổi, làm con nuôi ông bà Trần Trọng Kim (cụ Bùi Kỷ và bà Trần Trọng Kim là anh, chị ruột của ba chúng tôi)"*[196].

---

195 *Vụ Nhân Văn- Giai Phẩm từ góc nhìn một trào lưu tư tưởng dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành,* mạng nguyentrongtao từ 6/8/2010.

196 Trích điện thư Bùi Thụy Băng ngày 15/12/2004.

Trong cuộc nói chuyện điện thoại ngày 17/10/2009 tại Paris, bà Bùi Thư Linh trả lời những câu hỏi của chúng tôi:

- Thụy An và Băng Dương ly thân từ năm 1949. Tại sao?

- *Vì cha tôi không trung thành, ông có nhiều bà khác.*

- Sau khi ly thân, ai nuôi các con?

- *Mẹ nuôi các con, nhờ bà ngoại giúp đỡ và bác (gái) Trần Trọng Kim cho vay tiền, nhưng mẹ vất vả lắm.*

- Khi nào thì gia đình vào Nam?

- *Năm 1952, đi bằng tàu thủy. Mẹ thường đi về đường Sài Gòn - Hà Nội bằng máy bay, nhưng vé máy bay cả nhà đắt lắm. Mẹ mua vé tàu thủy cho các con, nhờ người cậu dẫn vào Sài Gòn.*

- Đến 1954, Bùi Thư Linh (16 tuổi) đi Pháp, tại sao?

- *Tôi bị bệnh lao xương, Mẹ gửi tôi đi Pháp chữa bệnh ngày 20/5/1954.*

- Gia đình túng thiếu, lấy tiền đâu ra?

- *Đi theo diện Pupille de la Nation* (Nghiã tử Quốc gia)*, chính phủ Pháp lo hết*[197].

Chúng tôi cũng đã đặt câu hỏi với ông Bùi Thụy Băng qua điện thoại 16/12/2004, và sau đây là những câu trả lời:

- Tại sao Thụy An đem gia đình vào Sàigòn năm 1952?

- *Vì ông Đỗ Đình Đạo*[198].

- Tại sao Thụy An đã vào Sài gòn năm 1952, lại còn trở ra Hà Nội năm 1954, trước ngày tiếp quản?[199]

- *Từ 1952, Thụy An đã vào Nam, tại vì ông Đỗ Đình Đạo. Ông Đỗ Đình Đạo là Giám Đốc Quân Thứ Lưu Động của Việt Nam Quốc Dân Đảng từ 1950 đến 1954. Ông Đỗ*

---

197 Bùi Thư Linh, trả lời qua điện thoại ngày 17/10/2009.

198 Trong một cuộc nói chuyện khác, ông Băng giải thích: 1952 Thụy An chia tay với Đỗ Đình Đạo, vì muốn tránh ông Đạo, bà đem các con vào sống tại Sài Gòn.

199 Hội nghị Genève ký ngày 20/7/1954. Việt Minh tiếp quản Hà Nội ngày 10/10/1954, và tiếp quản Hải Phòng ngày 13/5/1955.

Đình Đạo còn là bạn thân của ông cụ tôi, trước khi mất, ông vẫn còn liên lạc với ông cụ tôi. Sau trận Điện Biên Phủ, ông Đỗ Đình Đạo có lệnh của VNQĐD, phải ở lại Hà Nội để chống Việt Minh. Nhưng mẹ tôi không biết chuyện đó. Nửa tháng trước khi Việt Minh tiếp thu Hà Nội, tôi (lúc đó 17 tuổi) đưa bà cụ ra phi trường Sài Gòn để đi Hà Nội. Bà cụ tôi ra Hà Nội vì tưởng rằng ông Đỗ Đình Đạo đã đi (Nam) *rồi. Bà cụ tôi nghĩ rằng ông ĐĐĐ không còn ở Hà Nội".*

- Thụy An ra Hà Nội với mục đích gì?

- *Bà cụ tôi ra Bắc, với hai mục đích:*

- *Về quê mình để thu thập tất cả những gì quý báu nhất trong nhà ông ngoại tôi.*

- *Thứ nhì, bà cụ tôi muốn đặt cái bản doanh chống lại chính quyền ở Hoà Xá*[200].

Nhờ những chi tiết trên đây, cuộc đời Thụy An sáng tỏ hơn: người phụ nữ ấy làm nghề báo nuôi 6 con; là phóng viên chiến tranh, cương vị quyền giám đốc Việt Tấn Xã, bà vào Nam ra Bắc thường xuyên; bà quen biết những người như Sainteny, đại sứ, các tướng Tassigny, Cogny, cũng nhờ họ, bà xin được cho con gái sang Pháp chữa bệnh lao xương. Nhưng cũng chính vì việc con gái sang Pháp với diện *Pupille de la Nation* mà sau này trong vụ án NVGP, bà lại càng bị quy kết làm *"gián điệp"* cho Pháp. Về phiá chính quyền cộng sản, xin nhắc lại lời Lê Hoài Nguyên: "*Thụy An thì được một cơ quan giao nhiệm vụ nắm ý đồ của mấy người Pháp đối với tình hình Hà Nội lúc đó. Sau đó những lời báo cáo của bà trở thành chứng cứ buộc tội bà hoạt động gián điệp".*

Như vậy, khi ra Bắc, Thụy An có chủ đích chính trị: đặt bản doanh chống chính quyền cộng sản ở Hoà Xá, quê hương bà, nơi có những người tin cẩn nhất, và Hoà Xá cũng là một

---

200 Tất cả những thông tin trên đây do ông Bùi Thụy Băng cho biết qua điện thoại ngày 16/12/2004.

trong những làng có truyền thống chống cộng. Và để đánh lạc hướng, bà nhận cả công tác dò thám Pháp cho chính quyền cộng sản. Với hành động này, Thụy An trở thành nhà văn đầu tiên tổ chức chống lại chính quyền cộng sản, trong lòng chế độ.

Bà không ở trong tổ chức của VNQDĐ, cho nên bà không biết Đỗ Đình Đạo đã có nhiệm vụ ở lại chống Việt Minh. Vậy bà ra Bắc, theo "chỉ thị" của chính mình:

"Tình nhà, tình nước bời bời
Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha"[201]

Và như lời Bùi Thư Linh: *"Mẹ thương các con lắm nhưng mẹ vẫn có cái lý tưởng của mẹ, không bỏ được"*.

Ở thời điểm 1954, hầu hết mọi người VN đều nghĩ việc chia đôi đất nước sẽ chỉ trong một vài năm. Vì vậy, Thụy An đã nhờ mẹ trông nom các con để ra Bắc hoạt động. Bà không ngờ đến cái chết của Đỗ Đình Đạo; cũng không ngờ Nam Bắc chia đôi 20 năm; và lại càng không ngờ chính mình bị rơi vào 15 năm tù tội.

Về cái chết của Đỗ Đình Đạo, Bùi Thụy Băng cho biết:

"Lúc đó, tôi từ Sài Gòn, ép bố tôi, còn đang là Giám Đốc Đài Phát Thanh Hải Phòng, phải ký sự vụ lệnh cho tôi đáp máy bay ra Hải Phòng rồi lấy xe lửa ra Hà Nội gặp mẹ tôi, vì cái chết của nhà cách mệnh VNQĐD Đỗ Đình Đạo. Nếu bà cụ tôi đầu độc Đỗ Đình Đạo, thì chính quyền Pháp điều tra biết, họ cũng bắt ngay. Khi chuyện xẩy ra, ông Đỗ Đình Đạo ở nhà bà cụ tôi (ở Hà Nội) *mà bà cụ tôi cũng không biết. Nhà hai chị em mẹ tôi ở chung. Có thể bà dì tôi đã cho ông Đỗ Đình Đạo trú ngụ mà mẹ tôi không biết*[202]*. Khi ông Đỗ Đình Đạo bị đầu độc thì mẹ tôi đương ở Hoà Xá với một người bạn là bác Phụng, ở Ngõ Nhà Do (Impasse*

---

201 Thơ Thụy An.

202 Trong một buổi nói chuyện khác, Bùi Thụy Băng cho biết Đỗ Đình Đạo có quan hệ tình cảm với em gái Thụy An, nhưng lúc đó bà không biết.

d'Identité)". Mẹ tôi còn nói: "Bác chết nhưng mà xác bác chết còn thơm hơn người sống".

Mặc dù không bị bắt, nhưng Thụy An vẫn bị mang tiếng "*đầu độc chồng*": *"Đến anh tôi còn giận, không để hình mẹ tôi trong nhà".*[203]

● Tuổi trẻ thơ mộng

Trong bài tiểu sử Thụy An, Trinh Tiên viết:

"Hè 1932, cô Yến được cha mẹ cho học tư thêm. Thày giáo là một hàn sĩ người Quảng Bình, dáng dấp mảnh khảnh đầy vẻ cương nghị.(...) Ông thầy giáo trẻ ấy đã bị trò Yến cùng các bạn trêu chọc gọi là "Anh đồ Nghệ". Hơn thế, Yến còn làm thơ nhạo báng dí dỏm:

Khéo ghét anh đồ xứ Nghệ
Hơn mình mấy tí tuổi đầu?"[204]

(...). Nhưng chàng trai xứ Quảng này không chỉ là một hàn sĩ hay một nhà mô phạm đơn thuần, mà còn là một người yêu nước thiết tha, một nhà cách mạng chân chính. Cho nên trong những bài giảng đã gieo ảnh hưởng không ít đến lớp học trò (...) Hơn thế nữa, chính người thầy giáo trẻ ấy lại là một chiến sĩ hoạt động trong bóng tối. Chúng ta hãy lắng nghe lời thơ giới thiệu của Thụy An về người anh hùng đó:

Hung hãn vọng vào tiếng bể
Hờn căm rít ngọn gió Lào
Anh mang trùng dương giận dữ
Anh mang hoang dại khô khan.
Và như:
Mắt anh hừng trí bốn phương
Tay run nắm hồn dân tộc
Tóc xòa vương hận núi sông

---

203 Điện thoại ngày 16/12/2004.

204 Trích bài trường ca *"Sao lại mùa thu"* của Thụy An.

Môi bậm tai nghe rên xiết
Áo cơm dọa dưới cùm gông!

Thật sự, Thụy An đã hấp thụ tư tưởng cách mạng qua thầy đồ Nghệ:

... Rồi anh bắt đầu dẫn dắt
Dạy em khui lửa bất bình
Oán hận réo sôi lòng đất
Công lý tù đầy uất uất
Miếng cơm nghẹn họng nhân sinh...[205]

Thoảng chốc, lớp hè vài tháng trôi qua. Thày trò bịn rịn chia tay. Riêng thiếu nữ Thụy An còn nghe lòng vương chút bâng khuâng, diệu vợi... Nhưng lại là chút bâng khuâng rất nhẹ nhàng lờ lững... nó đã thoảng qua ngay trong lứa tuổi 16 thơ ngây ấy...Và cũng bởi rằng: "làm thinh... anh vẫn thản nhiên..." Còn chăng chút lưu luyến ở tâm hồn Thụy An là niềm cảm phục trang thanh nhiên chí khí, cô đã kết ý thơ thành chuỗi nguyện cầu:

Nguyện mình hoá vải hoá bông
Thấm lau dòng máu anh hùng thơm tho
Máu anh đã rửa quốc thù
Máu anh viết trước bài ca khải hoàn.

Thơ Thụy An"[206]

Bùi Thụy Băng giải thích:

"Người thày giáo đề cập ở đây là tướng Võ Nguyên Giáp. Khoảng 1930, ông ngoại tôi đã mướn người thầy giáo sử địa Võ Nguyên Giáp về nhà kèm má tôi học. Năm 1933, má tôi theo thầy vô Nam - Ông Võ Nguyên Giáp muốn đưa bà cụ tôi sang Trung Hoa. Nhưng má tôi lại gặp ba tôi ở Sài Gòn và hai người lấy nhau, sanh ra anh cả tôi là Bùi An Dương, năm 1934. Lúc đó ba má tôi đã xuất bản tuần báo Đàn Bà Mới, nên má tôi trở về Hà Nội cho anh tôi làm con

---

205 Trường ca *Sao lại mùa thu.*

206 Trích tiểu sử Thụy An của Trinh Tiên.

nuôi ông bà Trần Trọng Kim, để vô Nam tiếp tục lo tờ tuần báo. Năm 1937, ba má tôi trở ra Hà Nội sanh ra tôi là Bùi Thụy Băng" [207].

Tiểu sử chính thức ghi Võ Nguyên Giáp sinh ngày 25/8/1911 (hơn Thụy An 5 tuổi). Năm 1931 ông ra Hà Nội học trường Albert Sarraut, sau đó học Luật. Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Quang Thái, năm 1934 (bà Thái chết trong Hỏa Lò Hà Nội năm 1943). Không thấy nói đến việc Võ Nguyên Giáp sang Tầu, nhưng trong cuốn *Từ thực dân đến cộng sản*, Hoàng Văn Chí viết như sau:

"Mai (Đặng Thai Mai) *và Giáp đều là "con nuôi" của Louis Marty, giám đốc phòng chính trị của phủ Toàn Quyền. Marty kiếm việc cho Mai dạy học ở trường Gia Long mà giám đốc là Bailey, một người Pháp, và giao Giáp, hãy còn là sinh viên, cho Mai trông coi. Trong khi những đảng viên Tân Việt khác bị tù đầy hoạc cấm cố thì hai người ung dung sống ở Hà Nội cho đến ngày Giáp được Pháp đưa sang Tầu theo Việt Minh chống Nhật, Giáp có theo học lớp "chiến tranh du kích" do Mỹ mở ở Tỉnh Tây, nhưng không bao giờ lên Diên An. Giáp và Mai coi nhau như "anh em kết nghiã" nhưng sau khi vợ Giáp chết trong tù, Giáp lấy cô Hà, con gái Mai kém Giáp gần 20 tuổi mà trước kia Giáp vẫn bế trong tay hồi còn là "chú cháu"*[208].

Tổng hợp thông tin của Trinh Tiên, Bùi Thụy Băng và Hoàng Văn Chí, có thể kết luận: Khoảng 1931-32, khi còn là sinh viên, Võ Nguyên Giáp đã dạy kèm Lưu Thị Yến tại nhà. Đến hè 1932, nếu Trinh Tiên ghi đúng, thì cô Yến và các bạn còn học thêm Võ Nguyên Giáp trong lớp hè. Bài thơ dài *Sao lại mùa thu* của Thụy An, được Trinh Tiên trích dẫn, nói rõ không khí lớp hè năm đó và sự *"quyến luyến"* mà trò Yến dành cho người thày, đã gieo rắc vào tâm hồn cô gái 16, lý

---

207 Bùi Thụy Băng, điện thư ngày 15/9/2004.

208 Hoàng Văn Chí, *Từ thực dân đến cộng sản*, Chân Trời Mới, 1962, chú thích trang 83.

tưởng *"cứu nước"*. Lưu Thị Yến, lúc đó 16-17 tuổi, cũng đã nổi tiếng vì có thơ đăng trên Nam Phong và đã được *"giải thưởng văn học của triều đình"*.

Sau đó, theo lời Bùi Thụy Băng: "*Năm 1933, má tôi theo thầy vô Nam - Ông Võ Nguyên Giáp muốn đưa bà cụ tôi sang Trung Hoa"* và Hoàng Văn Chí: "*Giáp được Pháp đưa sang Tầu theo Việt Minh chống Nhật, Giáp có theo học lớp "chiến tranh du kích" do Mỹ mở ở Tỉnh Tây",* chứng tỏ Võ Nguyên Giáp được Pháp cho sang Tầu năm 1933 theo Việt Minh để chống Nhật, và định rủ Thụy An đi theo. Như vậy, tình cảm giữa hai người, qua thơ của Thụy An, là có thật, và Thụy An đã muốn cùng "thầy" Giáp sang Tàu theo Việt Minh. Chắc Thụy An có kể cho Lê Đạt nghe việc này, vì trả lời phỏng vấn RFI, Lê Đạt nói một câu rất ý nghiã:

"Chị Thụy An còn nói kín hở cho tôi biết rằng chị ấy đã từng tham gia kháng chiến! Việc liên lạc với kháng chiến trong thời ấy thì mình mất mối là chuyện bình thường, mà mất mối thì mình không thể chứng minh được."

Điều chắc chắn là qua những câu thơ trong bài *Sao lại mùa thu,* Thụy An đã nói lên lòng ái quốc của mình bằng những lời thơ bất khuất:

Tay run nắm hồn dân tộc
Tóc xòa vương hận núi sông
Môi bậm tai nghe rên xiết
Áo cơm dọa dưới cùm gông!

● Chí khí Thụy An

Bài *Tôi về quên mất cả xuân sang,* ký ngày 5/11 âm lịch 1951 (3/12/1951), viết tặng vợ chồng Trinh Tiên, là một bài trường ca, nói lên chí khí của Thụy An. Bài thơ dài kể chuyện một đêm xuân ở Sài Gòn, nhớ Hà Nội, nhà thơ bước vào vũ trường, gặp người vũ nữ ngày xưa là em gái bạn.

Người vũ nữ kể lại bi kịch của gia đình mình: Mẹ nàng có ba người con, đang sống êm ấm; bỗng đâu, phong ba xẩy đến:

"Năm đi cho tháng theo lần,
Mà trong êm đã ngấm ngầm phong ba.
Gió cuốn lật úp sơn hà,
Màn che trướng rủ bỗng ra dãi dàu,
Gió đưa khăn gói về đâu?
Con đường vô định trước sau còn dài
- Tình nhà, tình nước bời bời
Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha.
Đã đành nghiã nặng mẹ cha
Nỡ vô tình lúc nước nhà ngửa nghiêng?
Chịu sinh làm gái vô quyên,
Nỡ mang cái tiếng yếu mềm, bó tay?
Ầm tiếng súng Sơn Tây vẳng lại,
Sôi má hồng, quăng thói nữ nhi,
Chị em phận sự hai chia
Em nuôi mẹ, chị ra đi chiến trường.
Lần thứ nhất mở đường ly tán,
Cũng từ đây, hoạn nạn gieo neo:
Nhìn nhau lặn suối, trèo đèo
Mẹ già em nhỏ đến điều gian truân.

Rồi người chị cả hy sinh trên chiến địa:

Tin đâu sét đánh thình lình
Chị yêu thôi đã bỏ mình phương xa,
Nơi chiến địa xác hoa phơi giãi,
Bài điếu văn cú gọi hồn ma
Một đi lià cửa lià nhà
Một đi thế cũng kể là trăm năm.

Người mẹ và hai em còn lại, cuốn trong gió lốc:

Thân vong gia giật dờ cánh gió...
Đoạn thảm thương lần giở thêm trang:
Một đêm đang lúc mơ màng,

Thức ra giặc đã khắp làng bao vây.
Mẹ con chúi bụi cây ẩn nấp
Đạn nổ tung, trời sập đất nhào...
Tỉnh ra tủi nhục làm sao!
Tấm thân thôi đã lọt vào tanh hôi!
Bên mình, mẹ vẫn ngồi mà chết
Đầu văng xa, máu thịt bét be
Xác em nguyên vẹn nằm kề
Tay níu mẹ, sợ đường về lạc chăng?
Chưa kịp khóc thì quân lang sói
Đã lôi em về mãi đồn xa...
Nhục thay là phận đàn bà
Trong cơn binh lửa mà sa tay thù!!
Thôi gập sách! Để cho kết liễu
Đoạn về sau thừa hiểu là đây"
Dứt lời, chỉ khẽ nhíu mày,
Lạnh khô đôi mắt. Bóng ngày vừa tan...

Bài ca hùng tráng, bi thương, nói lên tất cả những khía cạnh con người của Thụy An. Giọng thơ mạnh mẽ, quyết liệt: *"Gió cuốn lật úp sơn hà"*. Hai chữ *lật úp* thật là vũ bão, tuyệt vời. Rồi sự phân chia tình nước, tình nhà trong suốt cuộc đời bà: vừa nuôi 6 con, một mẹ già, vừa có chí lớn: *"Tình nhà, tình nước bời bời / Mẹ năn nỉ giữa, nước đòi thiết tha"*. Sự lựa chọn của người phụ nữ trước tình thế đất nước: "*Nỡ vô tình lúc nước nhà ngửa nghiêng? Nỡ mang cái tiếng yếu mềm, bó tay?* Sự căm phẫn của người nữ anh hùng: *Sôi má hồng, quăng thói nữ nhi.* Cái chết khốc liệt và của người nữ chiến sĩ: *Nơi chiến địa xác hoa phơi giãi / Bài điếu văn cú gọi hồn ma.* Quang cảnh kinh hoàng chết chóc của người dân mất nước: *Bên mình, mẹ vẫn ngồi mà chết / Đầu văng xa, máu thịt bét be / Xác em nguyên vẹn nằm kề / Tay níu mẹ, sợ đường về lạc chăng?*

Thơ Thụy An nói lên chí khí bất khuất, nói lên sự quyết liệt khi cần phải quyết liệt, nói lên cái hận mất nước, sự không chịu bó tay của người phụ nữ. Sáng tác của bà từ truyện cổ tích đến truyện ngắn, tiểu luận, và nhất là thơ, đã quét sạch những dòng nhơ bẩn viết về bà, giải thích tại sao Thụy An không chịu lùi bước trước cường quyền và bạo lực.

● Thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm

Trong thời kỳ NVGP, không phải là thành viên, nhưng bà thường xuyên ra vào các hội văn nghệ, và có ảnh hưởng không nhỏ đối với những văn nghệ sĩ trẻ tham gia NVGP. Bà liên lạc, nâng đỡ tinh thần, tích cực giúp đỡ anh em, đặc biệt gia đình Lê Đạt.

Lê Đạt viết trong lời *"tự thú":*

"Âm mưu của Đang sau này là biến thành nhà xuất bản Minh Đức thành nhà in đối lập với Hội Nhà Văn và tập họp nhóm Nhân văn quanh nhà Minh Đức. Cũng giai đoạn này nổi bật vai trò Thụy An. Nhà Thụy An, Phan Tại như một câu lạc bộ.

Về Hà Nội tôi rất ghê tởm Thụy An. Nhưng sau khi bài thơ "Nhân câu chuyện mấy người tự tử" Thụy An tìm gặp tôi rất niềm nở và mời đến nhà bảo có nhiều sách mới. Một thời gian dài tôi không đến. Nhưng từ sau khi "Cửa hàng Lê Đạt", tôi bị khai trừ khỏi Đảng, tôi bắt đầu lui tới đó.(...) Thụy An đưa vợ tôi đi may áo, đi mua vải, may áo cho con tôi và đi lấy cả một chiếc giường cũi cho con tôi. Thụy An nghiễm nhiên trở thành thân thuộc với cả gia đình tôi. Mỗi lần tôi gặp Thụy An sau khi nói chuyện về tư sản, tiểu thương bất mãn, chuẩn bị đi Nam, các tin BBC về hiệp thương, lại kể chuyện Tassigny, chuyện các phóng viên chiến tranh, các tiểu thuyết tư sản, và sau hết đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng cho là hạn chế sự phát triển của tài năng.

Mỗi lần ở nhà Thụy An ra là mỗi lần tôi thấy mình tài giỏi thêm, oán Đảng thêm và chán nản thêm[209]".

Thụy An dạy Phùng Quán tiếng Pháp và tiếng Anh. Ảnh hưởng Thụy An đối với các nhà văn trẻ khá mạnh, nhờ kiến thức và tài thuyết phục, bà hướng dẫn họ đến với văn học Tây phương, kịch trường và điện ảnh. Thời kỳ ấy, Thụy An ở chung nhà với Phan Tại. Theo Nguyễn Hữu Đang, bà thuê những phim như Hamlet về chiếu. Bà cùng Phan Tại, dựng kịch Topaze của Marcel Pagnol... Phùng Quán viết trong lời "tự thú":

"Còn học Pháp và Anh văn thì tôi học với con mụ Thụy An, và do đó tôi bắt đầu thân với mụ từ đấy. Khi được tin tôi đã ra bộ đội thì hắn tỏ vẻ rất săn sóc đến việc học của tôi. Tháng đầu tôi còn bận viết thì mỗi lần gặp tôi hắn đều thúc giục sao không đi học đi, tôi sẽ dậy cho Quán một tuần bốn tiếng đồng hồ. Tháng thứ hai tôi đến học với hắn, cùng với một người bạn của tôi là sinh viên. Trước khi đến học, tôi có biết Thụy An trước đây đã giết chồng, làm phóng viên chiến tranh cho Pháp, đã đi máy bay lên Điện Biên Phủ. Nhưng đến lúc này thì bản chất cách mạng của tôi đã không còn gì nữa, nên tôi thấy những việc làm của mụ ta là việc thường. Đến học với hắn, tôi tỏ ý phục, và mỗi ngày một cảm tình hơn. Tôi gọi hắn là chị với tất cả nghĩa của nó[210]".

Những lời Lê Đạt tuyên bố trên RFI, tỏ sự kính trọng và lòng tri ân của ông đối với Thụy An:

"Chị Thụy An chưa bao giờ ở trong Nhân Văn Giai Phẩm cả, đó là dứt khoát. Nhưng chị Thụy An rất thân với anh em trong Nhân Văn Giai Phẩm và đặc biệt là thân với tôi". "Tôi có thể bảo đảm 100% chị ấy không phải là gián điệp. Tại vì thế này: Nếu là gián điệp thì phải có chứng cớ chứ! Chị nhận tiền của ai? Nhận tiền ở đâu? Liên lạc với

---

209 *Những lời thú nhận bước đầu của Lê Đạt*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958, Số đặc biệt thứ hai chống NVGP.

210 *Phùng Quán, Những lời thú nhận bước đầu,* Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958.

ai? Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy đó là một câu hỏi mà nhà nước chưa trả lời tôi được.

Tôi vẫn khao khát và thiết tha có một dịp nào đó, người ta phục hồi chị Thụy An một cách chính thức. Không có thì riêng tôi, đối với chị Thụy An, tôi vẫn cho là món nợ. (...) Riêng tôi không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi cả"[211].

● Bị bắt, Thụy An tự chọc mù một mắt.

Thụy An bị bắt ở đâu? Bùi Thụy Băng, cho biết:

"Tôi nghe nói bà cụ tôi bị bắt ở Hoà Xá. Nhưng theo lời ông cụ tôi thì bị bắt ở Phủ Lý. Tại sao lại như vậy? Bởi vì khi thấy lâm nguy, biết mình bị theo dõi, Thụy An thường di chuyển giữa Hà Nam - Phủ Lý, quê chồng và Hoà Xá-Vân Đình, quê mình để trốn tránh [212]*".*

Về việc bà chọc mù mắt, dư luận chính thức loan rằng bà bị tai nạn ở mắt, khi đi lao động cải tạo. Chúng tôi hỏi nhà thơ Lê Đạt, người rất thân với bà trong hành trình NVGP: *Thưa anh, có phải trong Hỏa Lò chị Thụy An tự chọc mù mắt không*?

Lê Đạt chỉ lặng lẽ gật đầu, không thêm một lời nào cả.

Bùi Thụy Băng cho biết: *"Trong số những bài viết về bà cụ tôi, có bài của Trần Minh, ở Bên Úc, tựa đề "Nhân văn giai phẩm, một tư trào, một tội ác" đăng trong Giai phẩm (Việt Báo) xuân Tân Tỵ 2001, là chính xác nhất. Với những chi tiết mà chính tôi trước đây cũng không biết: Vào Hỏa Lò chưa được 3 tháng thì bà cụ tôi chọc mắt. Lý do là bởi phải ra hỏi cung, đứng trước lá cờ đỏ sao vàng, người ta bắt bà cụ tôi phải cúi xuống, nhưng bà cụ không cúi. Vào nhà giam, không có bút viết, bà cụ tôi lấy cái đinh guốc, viết lên tường lời phản kháng: "Chọc mù mắt để không phải nhìn*

---

211 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

212 Điện thoại ngày16/12/2004.

thấy cái chế độ này nữa". Sau này có một người cũng bị giam tại căn phòng đó, đọc được và ghi lại, một vài nhà văn có chép lại câu này trên sách báo".[213]

Thụy An bị giam tại Hoả Lò Hà Nội từ tháng 3/1957 đến 19/1/1960, bà bị đưa ra tòa cùng với Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại và Lê Nguyên Chí.

Theo Nguyễn Hữu Đang, giam ở Hà Nội, rồi chuyển lên Yên Bái. Thụy An viết: *"Vào thời điểm mẹ thụ án từ 1958 đến 1973, suốt 15 năm (chỉ trừ hai năm giam cứu ở Hoả Lò, Hà Nội, mẹ bị thẩm cung gắt gao, một cuộc đấu trí -không có trọng tài- giữa pháp luật do các ông chấp pháp đại diện và mẹ, người bị can)*[214]*."*

● Những năm tháng cuối

Tháng 10/1974 Thụy An được thả về theo diện *"Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris"* cùng với Nguyễn Hữu Đang. Bà bị trả về quản thúc tại Hoà Xá. Trên đường giải về làng, khi người ta đẩy xuống xe tù, bà bị ném đá.

Năm 1976, Lưu Duy Trác, em trai, xin cho bà vào Nam đoàn tụ với gia đình, bà sống với mẹ tại Gia Định. Các con bà đã rời nước từ trước, chỉ có Bùi Thụy Băng ở lại đến 28/4/75. Năm 1987, Thụy An theo người bạn gái Trinh Tiên đến chùa Quảng Hương Già Lam xin thọ lễ quy y. Được hoà thượng Thích Trí Thủ ban cho pháp danh Nguyên Quy.

Bùi Thụy Băng tìm mọi cách vận động cho mẹ sang Mỹ đoàn tụ gia đình, qua các toà Đại Sứ VN và văn phòng ông Trần Sĩ Lương, đại diện chính phủ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, đều vô hiệu. Trong thư phúc đáp của ông Lương, có câu: *"Trường hợp mẹ của ông chưa được giải quyết. Tôi mong ông cứ yên tâm chờ đợi".*

---

213 Điện thoại ngày16/12/2004.

214 Trích bài *Thụy An, mẹ chúng tôi*, lời bà viết thay cho các con, Atlanta Việt Báo, 15/12/2004.

Đầu năm 1987, Thụy An đã yếu lắm, Bùi Thụy Băng chụp lá thư của ông Trần Sĩ Lương gửi về cho mẹ. Bà trả lời con: *Mẹ không muốn con liên lạc với các Toà Đại Sứ như thế,* và bà thêm: *Con đừng chửi mẹ!*. Kèm theo là bức thư dài, bà trả lời ông Trần Sĩ Lương, mở đầu bằng những hàng:

"Tôi rất xúc động được đọc thư ông viết cho Bùi Thụy Băng, con trai tôi, về việc T.A mẹ hắn, muốn nhờ cậy ông.

Ông đã trả lời không một hứa hẹn dứt khoát (tôi hiểu rõ tất phải như thế, càng tất phải như thế, khi là chuyện văn chương), nhưng dầu sao cũng đã là một lời đáp lại tiếng kêu gọi, kêu oan... của tôi... muốn thêm hình dung từ nào cũng đều có nghiã cả.

Cám ơm, cám ơn. Tôi đón nhận với tâm trạng một tù nhân bị kẹp lâu ngày, một mình giữa bốn bức tường hẹp, thèm được nghe tiếng người. Chợt có tiếng lịch kịch ở phòng bên cạnh (có lẽ chỉ là một con chuột chạy)."

Và bà kết luận lá thư bằng những hàng sau đây:

"Ở Tô Thị, tâm trạng của người mẹ cõng con trên lưng đi giữa rừng khuya, hãi hùng đến nỗi ngất xỉu, nhưng sực nhớ chồng trên đỉnh núi:

Nhớ con thơ đang gối trên lưng
Biển xanh đang ngóng đang trông
Giơ tay vung ngọn đuốc hồng cháy to.

Tôi cũng vậy, tôi còn cha mẹ già, đàn con nhỏ trên vai, tôi không được chết, phải cố mà sống, đợi cái ngày Tô Thị:

Mặc gió rụng tóc xanh từng sợi
Tung ra xa bay với mây trời
Mặc cho nắng dãi mưa phơi
Mặc cho muối đã mặn mòi lòng sương
Mặc bao cuộc hưng tàn phế đổi
Vẫn đăm đăm một đợi, một chờ
Mẹ con hoá đá trơ trơ
Mẹ là tin tưởng, con là tương lai.

Đó là tâm trạng Tô Thị hoá đá, mà cũng là tâm trạng của tôi suốt 15 năm cho đến mãi mãi. Ông cứ đọc tất cả 16 bản của tôi, đều gặp những câu như thế, nó gần như một tập Nhật Ký Trong Tù... "

Thụy An mất ngày 10/6/1989 tại nhà riêng ở đường Lê Văn Sỹ, Sài Gòn.

NGUYỄN HỮU ĐANG

Chương 9

Nguyễn Hữu Đang
(1913-2007)

Nguyễn Hữu Đang là một trong những khuôn mặt trí thức dấn thân tranh đấu cho tự do dân chủ can trường nhất trong thế kỷ XX. Là cột trụ của phong trào NVGP, Nguyễn Hữu Đang đã bị bắt, bị cầm tù, bị quản thúc và mất quyền tự do phát biểu trong 59 năm, từ tháng 4 năm 1958 đến tháng 2 năm 2007, khi ông mất.

Là một trong những người hoạt động cách mạng trong phong trào Cộng sản từ khởi thủy, Nguyễn Hữu Đang sinh ngày 15/8/1913 tại làng Trà Vy, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình, mất ngày 8/2/2007 tại Hà Nội. Theo bản *"Tóm tắt quá trình hoạt động xã hội của Nguyễn Hữu Đang"* do chính ông viết[215], thì từ 16 tuổi, Nguyễn Hữu Đang đã tham gia Học Sinh Hội[216] làm tổ trưởng và *đã là đối tượng được kết nạp vào đảng, đó là năm 1929.*

Cuối 1930, bị bắt, bị tra tấn và bị giam 2 tháng rưỡi tại nhà lao Thái Bình. Hè 1931, bị đưa ra toà, nhưng vì tuổi vị thành niên[217] cho nên chỉ bị quản thúc tại quê nhà. Từ 1932 đến 1936, Nguyễn Hữu Đang học trường sư phạm Hà Nội.

---

215 Tài liệu diendan.org.

216 Tổ chức thuộc Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, rồi Đông Dương Cộng Sản Đảng.

217 Trên giấy tờ, rút tuổi, khai sinh năm 1916.

1937-1939: tham gia Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương. Biên tập các báo của Mặt Trận như Thời Báo (cùng Trần Huy Liệu, Nguyễn Đức Kính), Ngày Mới (cùng Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Đức Kính) và các báo của Đảng Cộng Sản như Tin Tức (cùng Trần Huy Liệu, Phan Bôi), Đời Nay (cùng Đặng Xuân Khu tức Trường Chinh và Trần Huy Liệu).

Từ 1938 đến 1945, hoạt động trong Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, ở các vị trí: uỷ viên ban trị sự trung ương, huấn luyện viên trung ương, trưởng ban dạy học, trưởng ban cổ động, phó trưởng ban liên lạc các chi nhánh tỉnh.

1943: Gia nhập đảng Cộng Sản Đông Dương, bắt đầu liên lạc mật thiết với Tổng bí thư Trường Chinh và thành ủy Hà Nội, *nhưng vẫn chưa được chính thức kết nạp vào đảng*.

1943-46: Tham gia sáng lập và lãnh đạo Hội Văn Hoá Cứu Quốc, tiếp tục hoạt động chống nạn mù chữ. Mùa thu 1944 bị Pháp bắt ở Hà Nội và bị giam một tháng tại Nam Định. Được thả, lại tiếp tục hoạt động cách mạng.

Tháng 8/1945 dự đại hội Tân Trào, được bầu vào Ủy Ban Giải Phóng Dân Tộc. Tham gia Chính Phủ Lâm Thời mở rộng, cấp bậc thứ trưởng Bộ Tuyên Truyền. Được cử làm trưởng ban tổ chức ngày lễ tuyên bố độc lập 2/9/1945.

Từ tháng 10/1945 đến tháng 12/1946 giữ các chức vụ: thứ trưởng Bộ Thanh Niên, chủ tịch Uỷ Ban Vận Động Mặt Trận Văn Hoá. Tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc lần thứ nhất tại Hà Nội.

12/1946-3/1948: Làm trưởng ban Tuyên Truyền Xung Phong Trung Ương.

Năm 1947, được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Tháng 4/1948 - 4/1949, phụ trách báo Toàn Dân Kháng Chiến, cơ quan trung ương của Mặt Trận Liên Việt.

Tháng 7/49 - 10/54: Trưởng ban thanh tra Nha Bình Dân Học Vụ.

Tháng 11/54 - 4/58: Tổ chức biên tập báo Văn Nghệ.

Cuối năm 56 đầu năm 57: Tổ chức, lãnh đạo và biên tập báo Nhân Văn. Giúp đỡ tập san Giai Phẩm.

Những dòng trên đây trích theo tài liệu viết tay của Nguyễn Hữu Đang, đã dẫn ở trên. Về NVGP, ông chua thêm: *"Những hoạt động này là tự ý làm ngoài công tác, vô tổ chức"*.

Hoạt động NVGP từ tháng 9/1956, với Nhân Văn số 1, ra ngày 20/9/56, và chấm dứt với Nhân Văn số 6, chưa ra, đã bị đình bản, tháng 12/56.

Tháng 4/1958 Nguyễn Hữu Đang bị bắt trên đường vào Nam.

Ngày 19/1/1960, ông bị đưa ra toà cùng với Thụy An, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại, và Lê Nguyên Chí.

Bị kết án 15 năm tù, 5 năm mất quyền công dân, tội *"phá hoại chính trị"*. Từ Hỏa Lò chuyển lên Yên Bái, rồi Hà Giang.

1973, được thả cùng với Thụy An, diện *"Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris"* và bị quản chế ở Thái Bình.

1989, được "phục hồi". 1990 được trả lương hưu.

Từ 1993, được về sống ở Nghiã Đô, ngoại ô Hà Nội cho đến lúc mất.

● Quyền tự do phát biểu bị tước đoạt

Sau 15 năm tù và 16 năm quản thúc ở Thái Bình (1973-1989), Nguyễn Hữu Đang được về sống tại Cầu Giấy, ngoại ô Hà Nội, và vẫn bị chăm sóc kỹ càng. Điện thoại của ông, cũng như của các thành viên cựu Nhân Văn đều bị kiểm soát, riêng ông không được phục hồi quyền phát biểu, tức là không được quyền trả lời phỏng vấn công khai như những người khác. Sở dĩ có buổi trả lời RFI tháng 9/1995 là nhờ sự tổ chức của Lê Đạt: nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày lễ Độc Lập 2/9/1945, chúng tôi nhờ Lê Đạt hẹn với Nguyễn Hữu Đang,

để hỏi ông về việc tổ chức ngày lễ, qua điện thoại nhà Lê Đạt, rồi nhân đó, hỏi thêm ông vài câu về NVGP. Buổi thu thanh này, phát trên RFI, tháng 9/1995[218]. Đó là lần phỏng vấn đầu tiên và cuối cùng. Về sau, không thể liên lạc được với Nguyễn Hữu Đang, mặc dù ông đã có điện thoại riêng, nhưng chỉ nói vài câu, là bị cắt ngay. Vậy sự "phục hồi" chỉ là hình thức, vì trên thực tế, Nguyễn Hữu Đang chưa bao giờ được phục hồi quyền phát biểu tự do như một công dân.

Kỷ luật áp dụng cho ông nghiệt ngã hơn tất cả các bạn đồng hành. Lần cuối cùng chúng tôi về Hà Nội mùa thu 1997, được ông đến thăm 2 lần, nhưng lần nào cũng do ông Vũ Toàn, người của Bộ Nội Vụ -nay là Bộ Công An- chở. Ông Vũ Toàn nay cũng đã mất. Trò chuyện với ông, vì có người của Bộ Nội Vụ ngồi nghe, nên không nói được gì. Những điều không thể hỏi ông qua điện thoại, đến khi gặp cũng không sao hỏi được. Bao nhiêu chi tiết muốn ông soi tỏ về những hoạt động, những khúc mắc ngày xưa, về quãng đời tranh đấu truân truyên, vẫn còn nguyên trong bóng tối.

Ông dặn:*"Anh em mình sẽ cố gắng làm chung với nhau một số chương trình văn hoá văn nghệ. Chỉ văn nghệ thôi."* Nói như để trấn an người của chính quyền, nhưng không có kết quả: Khi trở lại Paris, chúng tôi đã cố gắng điện thoại nhiều lần để *"thực hiện chương trình",* nhưng chỉ sau vài câu thăm hỏi là đường dây lại bị cắt, mặc dù đề tài nói chuyện, như đã định trước, chỉ chuyên về văn hóa. Có lần bực quá, ông đã quát lên: *"Chúng ta chỉ nói với nhau những chuyện văn hóa văn nghệ, chứ có làm gì phản dân, hại nước đâu mà chúng nó cũng..."* Ông chưa dứt lời, tiếng điện thoại đã lại u u... Câu nói dở dang ấy của Nguyễn Hữu Đang, đã gây chấn động trong tôi nhiều năm tháng. Từ đó đến khi ông mất, tôi không bao giờ gọi cho ông nữa, phần vì, không muốn ông bị phiền thêm trong cuộc đời đã quá nhiều thử thách, đớn đau;

---

218 Có thể nghe lại trên http://thuykhue.free.fr

phần vì, sau này ông nghe không rõ, những người đến thăm thường phải bút đàm.

Cùng trong Nhân Văn, nhưng về cách đối xử, ông được *"biệt đãi"* hơn cả, *"biệt đãi"* đến phút cuối. Đám tang Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Trần Đức Thảo... đều đã được cử hành tương đối trọng thể, dù chỉ để che mắt thế gian. Hoàng Cầm, Lê Đạt còn được đọc điếu văn khóc bạn trước linh cữu Trần Dần. Đến Nguyễn Hữu Đang mọi chuyện khác hẳn: Tang lễ cũng được nhà nước cử hành, nhưng mọi sự dường như đều đã toan tính sao cho vừa đủ lệ bộ, trong lặng lẽ, khiến người thân không biết để đến dự. Trước linh cữu ông, hành động Nhân Văn vẫn còn bị chính thức tuyên bố là một *"sai lầm"*.

Chỉ vài giờ sau khi ông mất, chúng tôi đã được tin, cho nên đã kịp thời liên lạc với hai nhà thơ Lê Đạt và Hoàng Cầm để ghi âm những lời tiễn bạn qua điện thoại. Riêng nhà thơ Hoàng Cầm hôm ấy, mặc dù tuổi cao, và sau khi bị ngã, chỉ nằm liệt không còn đi lại được nữa, đã muốn nói thật dài về con người Nguyễn Hữu Đang.

Hoàng Cầm nói không ngừng, nhưng sau khi thu thanh được gần một tiếng, vì sợ ông mệt, chúng tôi đề nghị tạm ngừng để hôm sau thu tiếp. Nhưng cả ngày hôm sau và một thời gian sau nữa, cũng không thể liên lạc lại được với Hoàng Cầm, vì đường dây điện thoại Hoàng Cầm - Paris đã bị chặn.

Như vậy, tiếng nói của những thành viên NVGP, cho đến ngày Nguyễn Hữu Đang mất, 8/2/2007, và sau nữa vẫn còn bị kiểm soát chặt chẽ.

● Nguyễn Hữu Đang là ai?

Để trả lời câu hỏi này, dĩ nhiên chúng ta không thể bằng lòng với những gì ông đã ghi trong tiểu sử viết tay vừa lược trình ở trên. Bởi những điều được ghi lại, hoặc chính

thức công nhận, chưa hẳn đã phản ảnh đầy đủ những gì diễn ra trên thực tế. Ví dụ:

- Hoạt động cách mạng từ 16 tuổi, tức là từ 1929 Nguyễn Hữu Đang đã là đối tượng được kết nạp đảng nhưng mãi đến 1947, mới được chính thức kết nạp.

- Đang ở địa vị hàng đầu, ngang ngửa với Trường Chinh, ông bỏ tất cả để về Thanh Hoá.

- Trong hơn 6 năm: từ 4/1948 đến 10/1954, về mặt chính thức, ông phụ trách báo Toàn Dân Kháng Chiến, cơ quan trung ương của Mặt Trận Liên Việt (từ 4/1948 - 4/1949) và làm trưởng ban Thanh Tra Bình Dân Học Vụ (từ 7/1949 - 10/1954). Hai chức này đều "hữu danh vô thực".

Theo Hoàng Văn Chí: *"Cộng sản thành lập nhiều đoàn thể chính trị "hữu danh vô thực" như đảng Dân chủ, dành cho địa chủ và phú thương; Đảng Xã hội, dành cho trí thức, và Mặt Trận Liên Việt, dành cho nhân sĩ và bô lão. Những tổ chức này thực ra chỉ là một tấm bình phong để cộng sản nấp sau giật dây*"[219]. Còn theo Hoàng Trung Thông, thì *"Cơ quan Bình Dân học vụ dọn lên Việt Bắc. Đang ở lại Thanh Hoá làm "quân sư" cho nhà xuất bản Minh Đức"*[220].

● Hoạt động trong Hội Truyền Bá Quốc Ngữ

Nguyễn Hữu Đang là một trong những người hoạt động rất sớm cho hội Truyền Bá Quốc Ngữ, nhưng ông không phải là người đầu tiên. Về cách làm việc của ông trong hội Truyền Bá Quốc Ngữ, Nguyễn Huy Tưởng viết:

"Anh Nguyễn hữu Đang xuống làm việc cho Truyền Bá Quốc Ngữ từ hơn hai tháng nay. Anh xin nghỉ ở sở Tài Chính (Hà Nội) xuống đây làm việc nghĩa. Đức hy sinh của anh thực không thể nào tả được. Nhờ anh mà phong trào quốc ngữ ở Hải Phòng chết đi nay sống lại. Anh như một

---

219 Hoàng Văn Chí, Từ Thực Dân Đến Cộng Sản, trang 102.

220 Hồng Vân (Hoàng Trung Thông), *Tên quân sư quạt mo: Nguyễn Hữu Đang,* Văn Nghệ số 12 tháng 5/58.

ông tướng khuyến khích được cả một đạo quân chiến bại. Muốn làm một bài thơ tặng anh ấy"[221].

Không biết Nguyễn Hữu Đang đã dùng bao nhiêu bút hiệu trong đời cách mạng và trong thời NVGP. Chỉ riêng bài *"Người thuyền trưởng"* viết năm 1988 về Nguyễn Văn Tố, ông cũng phải ký hai tên giả: phần đầu Phạm Đình Thái, phần sau Dương Quang Hiệt, nhiều năm sau mới nhập một, ký tên thật Nguyễn Hữu Đang[222]. Nhờ *Người thuyền trưởng,* ta có thể xác định lại nguồn cội của Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, khác với những gì vẫn được miền Bắc đưa ra. ông viết:

"Mùa hè năm 1938, vào cuối tháng năm, một hôm đọc báo hàng ngày ở một trạm Bưu điện, cách Hà Nội hơn trăm cây số, tôi thấy bài tường thuật buổi cổ động đồng thời cũng là lễ ra mắt của Hội Truyền Bá Quốc Ngữ Bắc kỳ ở sân quần vợt Câu lạc bộ thể thao An-Nam (CSA), mấy nghìn người tới dự, có cả đại diện Thống sứ Bắc kỳ, tổng đốc Hà Đông, đốc lý Hà Nội, chủ tịch Chi nhánh Hội nhân quyền Pháp, bí thư Chi nhánh đảng Xã hội Pháp (SFIO), nhiều nhân sĩ Pháp, Nam nổi tiếng, tôi chăm chú đọc"[223].

Nguyễn Hữu Đang xác định lại một số sự kiện từ trước đến nay vẫn bị chính quyền che đậy, hoặc nói sai đi:

- Hội Truyền Bá Quốc Ngữ được Pháp bảo trợ từ đầu - năm 1938.

- Nguyễn Hữu Đang không phải là một trong những người sáng lập Hội. Ngày khai mạc, ông đang dạy học ở nông thôn, khi về Hà Nội nghỉ hè, tình cờ gặp Đào Duy Kỳ[224], Kỳ khuyên Đang nên đến Hội Trí Tri, phố Hàng Quạt, nhận việc dạy học giúp Hội.

---

221 Nhật ký Nguyễn Huy Tưởng, ngày 16/6/1942.

222 Bài *Người thuyền trưởng* viết nhân dịp kỷ niệm 50 năm Hội Truyền Bá Quốc Ngữ (1938-1988), đăng trong kỷ yếu của Hội, do Bộ Giáo Dục in, đăng lại trên Diễn Đàn, số 78, Paris, tháng 10/1998 và diendan.org.

223 Trích *Người thuyền trưởng*.

224 Em trai Đào Duy Anh.

- Có một số thành viên cộng sản tham dự Hội, nhưng Đảng không lập ra Hội này, như các khẩu hiệu: *"Diệt giặc ngoại xâm ta có chiến dịch Điện Biên Phủ, diệt giặc dốt, ta có chiến dịch truyền bá quốc ngữ"*.

- Truyền bá quốc ngữ do Hội Trí Tri, một tổ chức trí thức thời Pháp thuộc chủ trương, Nguyễn Văn Tố làm hội trưởng. Trong số thành viên xây dựng Hội, có các trí thức như Hoàng Xuân Hãn, tác giả bài vè: *i tờ có móc cả hai*...

- Trong những tài liệu chính thức, và cả trong bài viết của Nguyễn Hữu Đang, không thấy ông nhắc đến vai trò chủ chốt của Hoàng Xuân Hãn trong *Hội Truyền Bá Quốc Ngữ*, điều này cần được nhắc lại ở đây: Hoàng Xuân Hãn là một trong những người đầu tiên chủ trương việc truyền bá quốc ngữ, ngay khi chưa có hội. Từ năm 1936, khi ở Pháp về, ông đã nghĩ ra phương pháp học chữ quốc ngữ, đặt những câu vè để người bình dân dễ thuộc vần quốc ngữ như: *o tròn như quả trứng gà, ô thì đội mũ, ơ thì thêm râu*...

- Nguyễn Văn Tố làm hội trưởng từ 1938 đến 1945. Nguyễn Hữu Đang cho biết: trong "*Bảy năm liền, thuyền trưởng Nguyễn Văn Tố, về căn bản, đã làm tròn nhiệm vụ"*. Chỉ sau 1945, chính phủ lâm thời mới quyết định thành lập Nha Bình Dân Học Vụ thay thế Hội Truyền Bá Quốc Ngữ; vai trò thuyền trưởng Nguyễn Văn Tố mới chấm dứt.

● Xác định lập trường văn hoá
Tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc I

Hội Văn Hoá Cứu Quốc thành lập tháng 4/1943 tại Hà Nội, là một thành viên của Mặt Trận Việt Minh do Đảng Cộng Sản Đông Dương tổ chức và lãnh đạo. Cơ quan ngôn luận của Hội là báo Tiên Phong, xuất hiện công khai từ 10/11/1945 đến 1/12/1946, ra được 24 số[225].

---

[225] Sưu tập của Lại Nguyên Ân và Hữu Nhuận, nxb Hội Nhà Văn, 1996.

Nguyễn Hữu Đang cho biết, ông tham gia sáng lập và lãnh đạo Hội Văn Hoá Cứu Quốc. Trên ba số đầu Tiên Phong, Nguyễn Hữu Đang viết 5 bài xác định lập trường của Tiên Phong và Hội VHCQ: *Định nghiã hai chữ văn hoá* (viết chung với Đặng Thai Mai), *Trở lực của văn hoá dưới ách đế quốc*[226], *Hội nghị văn hoá toàn quốc và nền độc lập Việt Nam*[227], *Nhận rõ thêm về ý nghiã hai chữ văn hoá: văn hoá tức là...* và *Hội nghị văn hoá toàn quốc sẽ tổ chức như thế nào*[228].

Đó là những bài tiểu luận ngắn xác định lập trường văn hoá của Nguyễn Hữu Đang, hoàn toàn khác biệt với lập trường của Trường Chinh trong bản *Đề Cương Văn Hoá Việt Nam*[229], và ông chuẩn bị cho việc tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc I, sẽ họp năm 1946 ở Hà Nội.

Theo quảng cáo đăng trên Tiên Phong số 20 (1/10/46) thì Đại Hội Nghị Văn Hoá Cứu Quốc Toàn Quốc sẽ họp từ 11-12-13/10/1946 và có thể kéo dài 1 đến 2 tuần. Nhưng cuối cùng bị đẩy lui, rút gọn và lấy tên là Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc lần thứ nhất, chỉ họp đúng một ngày 24/11/1946. Có hai vấn đề đáng chú ý:

• Thứ nhất: Trường Chinh trong *Đề cương,* in trên Tiên Phong số 1, xác định lập trường văn hoá của Đảng Cộng sản trên ba điểm chính:

- Đảng lãnh đạo tư tưởng, học thuật và nghệ thuật.
- Nền văn hóa được Đảng chọn là văn hoá XHCN.
- Đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á: triết học Khổng, Mạnh, Đê-các-tơ (Descartes), Béc-son (Bergson), Căng (Kant), Nít-sờ (Nietzsche) v.v... Làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng. Chống

---

226 Tiên Phong số 1, ra ngày 10/11/45.

227 Tiên Phong số 2, 1/12/45.

228 Tiên Phong số 3, 16/12/45.

229 Được coi là văn bản lịch sử của đảng Cộng Sản từ 1943, in lại trên Tiên Phong số 1.

chủ nghiã cổ điển, chủ nghiã lãng mạn, chủ nghiã tự nhiên, chủ nghiã tượng trưng v.v...

• Thứ nhì: trên Tiên phong số 2, Trường Chinh chĩa thẳng mũi dùi vào nhóm Tri Tân *"phong kiến"* và nhóm Thanh Nghị *"tư sản",* vạch ra những tội của họ đối với cách mạng[230].

Nguyễn Hữu Đang, trong ba số báo đầu, cũng không thua, ông xác định đường lối hoạt động và lập trường văn hoá của Hội Văn Hoá Cứu Quốc một cách thuần tuý văn hoá, không hề đả động đến Đảng, đến xã hội chủ nghiã, và ông coi việc xây dựng văn hoá là xây dựng đời sống tinh thần của con người, đi đôi với công cuộc đấu tranh chống áp bức, nô lệ. Ông chủ trương một nền văn hoá mở rộng, tương giao với các trào lưu khác đương thời và những trí thức không cộng sản. Trong bài ký tên Phóng Viên, tường thuật lại Đại Hội Văn Hoá Toàn Quốc I, chắc do ông viết, có một số thông tin như sau:

"Hai ban kịch Đông Phương và Hoa Lan cổ động ráo riết hai vở kịch lớn Kiều Loan và Lôi Vũ sẽ diễn trong dịp hội nghị", "Hội nghị khai mạc lúc 9 giờ sáng tại Nhà Hát Lớn. Có mặt gần hai trăm đại biểu Bắc, Trung, Nam (...) có mặt đông đủ đại biểu các ngành văn hoá khác, khoa học, triết học... như các ông: Hồ Hữu Tường, Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Huyên... Thật là xứng đáng một cuộc Hội Nghị Toàn Quốc, nhất là khi Hồ chủ tịch bước lên đọc diễn văn khai mạc. Bằng một giọng thân ái cụ chúc hội nghị thành công (...) Tiếp lời cụ có bài diễn văn của ông Đào Duy Anh trong ban vận động. Và sau đó thì hội nghị được tin bất ngờ: hội nghị chỉ họp trong một ngày hôm nay thôi. Cái chương trình rộng lớn trong bảy ngày đành phải gác lại. Chỉ còn một buổi

---

230 TR.CH. [Trường Chinh], *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hoá Việt Nam mới lúc này*, Tiên Phong số 2 ra ngày 1/12/1945.

chiều nữa thì bế mạc, thì giờ chỉ đủ cho các đại biểu đi đặt vòng hoa trước đài chiến sĩ trận vong"[231].

Đại Hội Văn Hoá Toàn Quốc của Nguyễn Hữu Đang bị tuyên bố "rút gọn" giống như vở kịch Kiều Loan của Hoàng Cầm, vừa diễn xong buổi ra mắt 26/11/1946, tại nhà Hát Lớn Hà Nội, thì bị Trần Duy Hưng lên diễn đàn ra lệnh đình chỉ. Dĩ nhiên lấy lý do chiến tranh.

Nhưng ngoài ra còn có những lý do khác, mà sau này Hoàng Trung Thông, dưới bút hiệu Hồng Vân, bộc lộ trong bài *Tên quân sư quạt mo: Nguyễn hữu Đang:*

"Khi phân công Nguyễn Hữu Đang đi vận động nhóm Hàn Thuyên, thì hắn trở về mang theo cái chủ trương cần dựa vào Nhật của bè lũ tờ-rốt-kít". "Bất mãn với đoàn thể Văn Hóa Cứu Quốc và nhân cơ hội Đảng chủ trương mở Đại hội văn hóa toàn quốc, Nguyễn Hữu Đang xin ra lập ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc". "Nguyễn Hữu Đang tự động làm mọi việc không thảo luận gì với anh em, không xin chỉ thị của Đảng. Nguyễn Hữu Đang liên hệ với người này người khác, không cần biết thái độ chính trị ra sao"[232].

Điều này giải thích tại sao Đại Hội Văn Hoá Toàn Quốc I, lại có mặt tất cả những nhà văn hoá lớn mà Đảng không mấy thiết tha như: *Hồ Hữu Tường, Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Huyên...* và tại sao đại hội bị đình chỉ, sau một ngày họp.

Qua lời buộc tội của Hoàng Trung Thông, chúng ta còn hiểu rõ nguyên nhân tại sao ngay từ 1929, Nguyễn Hữu Đang đã được coi là "đối tượng kết nạp" mà mãi đến năm 1947, mới được kết nạp vào đảng, rồi ông lại bỏ đảng khoảng một năm sau khi được kết nạp:

---

231 Phóng viên, *Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc lần thứ nhất 24/11/1946,* Tiên phong số 24, ra ngày 1/12/1946.

232 Hồng Vân (Hoàng Trung Thông), *Tên quân sư quạt mo: Nguyễn Hữu Đang,* Văn Nghệ số 12 tháng 5/58.

"Đang tham gia phong trào đã lâu, nhưng vì đầu óc vô chính phủ và tư tưởng cơ hội nặng nề như vậy cho nên đến năm 1947 mới được kết nạp vào Đảng. Nhưng rồi công không thành danh không toại, Đang sinh ra chán nản. Cơ quan Bình Dân học vụ dọn lên Việt Bắc. Đang ở lại Thanh Hóa làm "quân sư" cho nhà xuất bản Minh Đức (...) Từ ngày đó, Nguyễn Hữu Đang đã tự ý bỏ cơ quan và cũng từ ngày đó Đang đã xa rời hàng ngũ của Đảng. Khoảng năm 1951 thì Đảng cắt đứt sinh hoạt của Đang. Từ đó, khi Cầu Bố, khi Hậu Hiền, Đang luôn luôn chửi Đảng, chửi cách mạng"[233].

Gần hai năm sau, Trường Chinh tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc II, ngày 15/7/1948 tại Việt Bắc, đọc bản *Chủ nghiã Mác và văn hoá Việt Nam,* xác định văn nghệ kháng chiến là văn nghệ công nông binh, văn nghệ tuyên truyền. Bỏ Hội Văn Hóa Cứu Quốc, lập Hội Văn Nghệ. Nguyễn Hữu Đang bỏ về Thanh Hoá. Trong 6 năm, từ 48 đến 54, Nguyễn Hữu Đang ngừng mọi hoạt động với chính quyền cộng sản. Ông giúp Trần Thiếu Bảo điều hành nhà xuất bản Minh Đức, tổ chức in lại những sách giá trị thời tiền chiến, đã bị cách mạng lên án hoặc cấm lưu hành, của Vũ Trọng Phụng, Khái Hưng, v.v... Đến năm 1951, Đảng chính thức khai trừ Nguyễn Hữu Đang.

Nguyễn Hữu Đang nổi danh vì tài tổ chức, ông đã thành công trong ba chương trình lớn: Tổ chức ngày lễ 2/9/1945, tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc và tổ chức Thanh Niên Xung Phong. Sự thành công của Việt Minh dựa trên sự thành công của ba tổ chức này:

- Được Hồ Chí Minh trao cho trọng trách tổ chức ngày 2/9/1945, để vị chủ tịch đọc diễn văn mắt quốc dân, Nguyễn Hữu Đang kể lại :*"Ông cụ giao cho tôi một mình, về rồi tôi tập hợp một số anh em, phương tiện thì chỉ có hai bàn tay trắng, một đồng xu không có, một ki-lô gỗ, ki-lô xi măng*

---

233 Hồng Vân Hoàng Trung Thông, bđd.

cũng không có thì làm thế nào bây giờ trong hoàn cảnh khó khăn quá như vậy."[234] Và chỉ có 4 ngày. Để tổ chức ngày lễ, ông vận động hội Truyền Bá Quốc Ngữ, hội Văn Hóa Cứu Quốc và hội Hướng Đạo Sinh, cả ba dưới quyền điều khiển của ông. Ông đặt tên cho ngày lễ là *Ngày Độc Lập*, và ông lấy lại tên *Ba Đình* mà chính phủ Trần Trọng Kim đã đặt cho *rond point* Phủ Toàn Quyền, là vườn hoa Ba Đình. Nguyễn Hữu Đang đã thành công trong việc quy tụ hơn nửa triệu người ở các thành phần khác nhau của dân tộc đến Ba Đình dự *Ngày Độc Lập* 2/9/1945.

Đó là thành công lớn đầu tiên của Nguyễn Hữu Đang.

Theo Hoàng Cầm, trong thời kháng chiến, Nguyễn Hữu Đang thực hiện hai công trình lớn nữa:

- Tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc năm 1946 ở Hà Nội đoàn kết tất cả các thành phần văn nghệ sĩ và trí thức đứng lên chống Pháp. Lúc bấy giờ hầu hết các văn nghệ sĩ trí thức đều đi theo kháng chiến, rất ít người ở lại trong thành và đó cũng là một thành công của Nguyễn Hữu Đang.

- Lên Việt Bắc, ông Hồ giao cho Nguyễn Hữu Đang nhiệm vụ: thành lập Uỷ Ban Vận Động Thanh Niên Xung Phong Toàn Quốc. Ông đi khắp các tỉnh, các địa phương, để thành lập một tổ chức gọi là Thanh Niên Xung Phong, kêu gọi thanh niên xung phong đi bộ đội hoặc vào các đội dân công, hoặc cổ động bà con đi dân công, làm nhiệm vụ chiến trường, gánh đất, gánh gạo, chăm sóc thương binh... Nguyễn Hữu Đang cũng thành công trong nhiệm vụ đó.

Đối với Trường Chinh, từ hồi còn làm báo Tin Tức, tuy ông Trường Chinh đứng tên nhưng ông Đang làm tất cả. Nhưng sau này, hình như ông Trường Chinh không còn tín nhiệm ông Đang nữa, tất cả các việc ông Đang làm đều do ông Hồ nghĩ ra và trao cho, như việc tổ chức buổi lễ đọc tuyên ngôn Ba Đình, và trong chính phủ lâm thời thì ông

---

234 Trả lời phỏng vấn RFI

Đang làm bộ trưởng Không Bộ - Ministre sans portefeuille[235] tức là rất quan trọng, như con dao pha, chạy chỗ nào cũng được, phải là người tài giỏi và nhiều năng lực lắm.[236]

Nhiều tín hiệu đồng quy ở điểm: sau bản tuyên ngôn *Chủ nghiã Mác và văn hoá Việt Nam,* 1948, có sự rạn nứt chung, giữa đảng Cộng Sản và thành phần trí thức độc lập. Nguyễn Hữu Đang là một trí thức độc lập đã theo Đảng từ những ngày đầu, lúc 16 tuổi, năm 1929, và đến năm 1948, Nguyễn Hữu Đang không còn theo cách mạng nữa.

● Hoạt động trở lại: báo Văn Nghệ

1954, Trường Chinh phái Tố Hữu triệu tập Nguyễn Hữu Đang trở lại và cử Nguyễn Huy Tưởng, bạn thân của Nguyễn Hữu Đang đi mời ông về. Họ đề nghị chức giám đốc Sở Văn Hoá Thông Tin Hà Nội, nhưng ông từ chối, ngỏ ý muốn làm biên tập viên báo Văn Nghệ. Nguyễn Hữu Đang phụ trách báo Văn Nghệ từ tháng 11/1954 đến tháng 4/58, mới chính thức ngừng hẳn.

Hoàng Cầm trong băng ghi âm cho rằng:

"Năm 1954, Tố Hữu mời Nguyễn Hữu Đang lên Việt Bắc, đề nghị chức giám đốc Sở Văn Hoá Hà Nội, hy vọng ngày tiếp quản sẽ có một người uy tín đại diện cho văn hoá tại Hà Nội. Tôi đoán ông Đang từ chối vì cho chức đó không xứng với ông. Nếu mời làm bộ trưởng Văn Hoá thì ông nhận, bởi ông nhiều tham vọng lắm, có đầu óc lãnh tụ lắm. Tờ Văn Nghệ, lúc bấy giờ Xuân Diệu làm tổng biên tập[237]. Khi ông Đang mới về, báo in mỗi số khoảng một hai vạn, mà chỉ 10

---

235 Trong bản tiểu sử, Nguyễn Hữu Đang ghi: Thứ trưởng Tuyên Truyền và thứ trưởng Thanh Niên.

236 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

237 Theo Lê Đạt, Xuân Diệu làm thư ký toà soan. Thời ấy chức thư ký toàn soạn là làm tất cả, tương đương với tổng biên tập sau này.

tháng sau, đến tháng 10/1955, báo in đến bẩy vạn, thì đủ biết tài làm báo của ông Đang"[238].

Về việc Nguyễn Hữu Đang không nhận chức giám đốc Sở Văn Hoá Thông Tin Hà Nội, lập luận của Hoàng Cầm chưa chắc đúng hẳn. Có lẽ Nguyễn Hữu Đang từ chối chức này, vì ông biết là do Trường Chinh, đối thủ của ông -theo lệnh của ông Hồ, miễn cưỡng đề nghị- thì chỉ có thể là "ngồi chơi xơi nước", như chức thanh tra Nha Bình Dân Học Vụ ngày trước, và dù có làm đến bộ trưởng -ông đã từng làm thứ trưởng- thì cũng vậy thôi: bên trên là cả một cơ chế chỉ đạo từ Bộ Chính Trị, Tổng Bí Thư đến Chủ Tịch.

Nguyễn Hữu Đang xin vào báo Văn Nghệ, vì một chủ đích khác và có thể ông đã bàn trước với Lê Đạt: là để *"lãnh đạo"* hoặc *"lũng đoạn"* cơ quan văn nghệ lớn nhất của Đảng cùng với Lê Đạt. Bởi vì, trả lời phỏng vấn RFI, Lê Đạt nói:

"Tôi quen với anh Đang lâu rồi, từ trước"; "Anh Đang chỉ thân với với tôi thôi, anh không thân thiết gì với anh em Giai Phẩm Mùa Xuân". Và theo Hoàng Cầm: *"Anh Lê Đạt lúc đó làm bí thư chi bộ của báo Văn Nghệ, tức là người của Tuyên Huấn gửi sang như một nhân viên nhưng thực sự là để lãnh đạo tờ báo vì anh ấy là bí thư chi bộ*"[239].

Được Tuyên Huấn gửi sang, nhưng Lê Đạt quá trẻ, lại chưa có sự nghiệp sáng tác, nên khó điều khiển những người như Xuân Diệu. Lê Đạt kể:

"Thời kỳ tôi mới vào báo Văn Nghệ, anh Xuân Diệu cũng ở trong báo Văn Nghệ. Anh Xuân Diệu đang làm thư ký toà soạn thì bị bệnh vào nằm bệnh viện, tôi làm thay. Anh Xuân Diệu rất khó chịu với tôi, anh ấy nói với anh Tưởng là không nên để Lê Đạt làm, vì nó chủ quan lắm, bài của mình cũng bị nó gạt luôn, Lê Đạt còn quá trẻ để làm việc ấy. Anh Tưởng hỏi: Thế thì để ai làm? Anh Diệu bảo việc ấy để

---

238 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

239 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Đang làm. Anh Tưởng rất nể anh Đang, nhưng khi anh Tưởng vừa nói là không để tôi làm thì anh Đang mắng luôn: Sao cậu phong kiến thế, để nó làm. Nó làm hơn tớ nhiều. Tớ không làm đâu. Anh Đang rất ủng hộ tôi. Anh Đang là người rất nghệ sĩ, trông có vẻ hắc thế thôi nhưng rất nghệ sĩ, bề ngoài là người cứng rắn nhưng tâm hồn rất mềm yếu. Tôi đã trông thấy anh Đang nhìn một em bé chơi dưới nắng trong nửa tiếng đồng hồ, một cách rất say mê. Về văn nghệ ý kiến của anh ấy rất xác đáng và nhất là về hội họa, anh rất tinh. Chỉ có là anh ấy chưa làm thơ thôi, chứ anh ấy rất hiểu văn nghệ."[240]

Vậy có thể tạm thời kết luận: Việc Nguyễn Hữu Đang xin vào báo Văn Nghệ dường như có chủ đích và đã hẹn với Lê Đạt từ trước: Một người được Tuyên Huấn gửi sang, một người được ông Hồ tin cẩn. Cả hai sẽ nắm tờ báo văn nghệ chính thức của đảng Cộng Sản từ 1954 đến 1958, đưa vào những bài họ viết hoặc họ kiểm soát, thậm chí bỏ cả bài của Xuân Diệu và thực hiện những việc mà họ muốn như phê bình tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán và phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Nguyễn Hữu Đang về báo Văn Nghệ tháng 11/1954.

Đến tháng 4/1955, Nguyễn Huy Tưởng bắt đầu khó chịu, ông ghi trong nhật ký:

"Nguyễn Hữu Đang tiêu cực. Ở đâu cũng thấy không vừa ý. Người có caractère, ở đâu cũng có ảnh hưởng đến anh em. Anh em toà soạn khen là chí công, vô tư, nhưng tư tưởng rất là nguy hiểm. Một điển hình của một chiến sĩ làm cách mạng bất mãn"[241]*. "Đầu óc nặng vì bài Đang công kích thuế. Hữu khuynh"*[242]*. "Học tập tình hình và nhiệm vụ. Đang*

---

240 Lê Đạt nói chuyện với RFI, sau khi Nguyễn Hữu Đang mất.

241 *Nhật ký NHT* ngày 21/4/55, Nxb Thanh Niên, 2006.

242 *Nhật ký NHT* ngày 24/4/1955.

không học tập. Đúng hôm góp ý kiến cho Tiểu ban thì đến. Đặc biệt đả kích mình: *in Gốc đa, Gặp Bác, v.v..."*[243].

Sự trở lại của Nguyễn Hữu Đang gây khó khăn cho những người lãnh đạo văn nghệ, kể cả những bạn thân như Nguyễn Huy Tưởng. Mặt khác, trong thời gian này, nhiều biến cố quan trọng xẩy ra:

Tháng 4/1955, Trần Dần, Tử Phác tổ chức *"Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá",* đòi tự do sáng tác.

Tháng 6/55: Trần Dần, Tử Phác bị bắt.

Tháng 1/1956: Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời, bị tịch thu.

Ngày 24/2/1956, Khrouchtchev vạch tội ác của Staline tại đại hội XX đảng Cộng sản Liên Xô.

Ngày 26/5/1956, Mao Trạch Đông phát động *"Trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng"*.

Tháng 8- 9/56 tại hội nghị X, Đảng Lao Động phát động Sửa Sai Cải Cách Ruộng Đất.

Tháng 8/56: Hội Văn Nghệ được chỉ định tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày.

● Lớp học tập dân chủ 18 ngày (8/8/56-26/8/56)

Hẳn phải do lệnh của Hồ Chí Minh, Nguyễn Hữu Đang mới được điều động đứng ra tổ chức lớp học tập dân chủ 18 ngày. Trong ngày cuối, ông đã đọc bài tham luận *"nảy lửa"* chỉ trích những sai lầm của đảng Cộng Sản và của lãnh đạo văn nghệ.

Trương Tửu đánh giá bài tham luận của Nguyễn Hữu Đang: *"sự việc thực là cụ thể, lời lẽ thực là tha thiết"*.

Hoàng Cầm cho rằng tinh thần đòi hỏi dân chủ, những *thắc mắc* có từ kháng chiến, tích tụ lại và bùng nổ lên trong lớp học này.

Lê Đạt kể lại: *"Trong cuộc học tập này, anh em phê phán văn nghệ rất nhiều, trong đó nổi bật lên vai trò của*

---

243 *Nhật ký NHT* ngày 23/6/1955.

anh Nguyễn Hữu Đang (...) Trong buổi học tập văn nghệ đó, anh Đang có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Lúc đó Đang có nói một câu với Nguyễn Đình Thi -Nguyễn Đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ- Đang nói rằng: "Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm".(...) tờ báo này chính là tờ Nhân Văn"[244].

Nguyễn Huy Tưởng ghi lại không khí lớp học 18 ngày:

"Nguyễn Hữu Đang nổi lên. Tiếc rằng kéo anh ta về Văn Nghệ để làm rầy rà mình. Chính người chửi mình nhất là Nguyễn Hữu Đang"[245].

Những bực mình và dằn vặt của Nguyễn Huy Tưởng, làm rõ tấm lòng và nhân cách của ông: Mặc dù không đồng ý với Nguyễn Hữu Đang, bị Đang chỉ trích nặng nề, nhưng sau này, Nguyễn Huy Tưởng là người duy nhất trong ban lãnh đạo văn nghệ đã đứng ra bênh vực NVGP, như Lê Đạt thuật lại và chính Nguyễn Huy Tưởng cũng ghi trong nhật ký: đã phản ảnh lên Trường Chinh về vụ Nhân Văn, nhưng vô hiệu.

Về lớp học 18 ngày, trên Nhân Văn số 1 ra ngày 20/9/56, Người Quan Sát tường thuật như sau:

"Trên ba trăm người tham gia học tập đã dần dần từ thảo luận nguyên tắc sáng tác chuyển sang kiểm điểm phong trào, đem lý luận đối chiếu với thực tế, liên hệ bản thân cũng có, nhưng chủ yếu là liên hệ lãnh đạo.

Mà phê bình lãnh đạo ngày nay, nhờ có ảnh hưởng của Đại hội 20 Đảng Cộng sản Liên Xô, thường là rất mạnh bạo chứ không còn e dè, quanh co như cái thời phục tùng mù quáng hoặc có thắc mắc thì trước mặt cả nể, kể lể sau lưng nữa. Anh chị em đã phát huy tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, đem hết nhiệt tình cách mạng ra mà nói thẳng, nói

---

244 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

245 Nhật ký NHT ngày 21/8/56.

thật, nói hết. Thế là việc học tập trở nên sôi nổi, nhất là ở bước cuối thì người ta có thể nói đến một không khí bừng bừng đấu tranh, làm cho chẳng những giới văn nghệ như cựa mình một cái thực mạnh mà nhiều ngành khác ở thủ đô cũng như thấy rung động lây.

Qua những sự việc mà anh chị em phát hiện cũng như qua những ý nghĩ, tình cảm mà anh chị em bộc lộ, chúng ta đã thấy phong trào văn nghệ trong sáu bảy năm nay đã có những sai lầm nghiêm trọng về mặt lãnh đạo. Quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do sáng tác đã bị vi phạm một cách có hệ thống"[246].

Bài tham luận của Nguyễn Hữu Đang đọc ngày 26/8/56 chỉ trích đường lối văn nghệ của Đảng được *"cử toạ hoan hô nhiệt liệt"*. Qua lời tổng kết của Nguyễn Đình Thi và lời tự kiểm thảo của Tố Hữu, bộ phận lãnh đạo văn nghệ đã phải *"thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng và hứa hẹn sẽ sửa chữa"*.

Dựa vào những biến động ở Liên Xô và Trung Quốc, vào sự đồng thuận của đông đảo trí thức văn nghệ sĩ, vào thế yếu của lãnh đạo sau chính sách Cải Cách Ruộng Đất, Nguyễn Hữu Đang, đứng ra cổ động trí thức, hướng dẫn phong trào và chủ trương báo Nhân Văn, với ý định cải tổ lại nền chính trị miền Bắc Việt Nam.

● Nhân Văn Giai Phẩm

Nguyễn Hữu Đang đã tìm đúng thời cơ: Trong nước, vị thế của Trường Chinh và đảng Cộng Sản yếu đi sau chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất đẫm máu. Ngoài nước, việc hạ bệ Staline ở đại hội XX của đảng cộng sản Liên Xô, là những lực đẩy khuynh hướng tranh đấu cho tự do dân chủ có cơ hội hành động. Nguyễn Hữu Đang, với tài tổ chức và hùng biện

---

246 Trích bài *Chuẩn bị Đại Hội Văn nghệ Toàn quốc - Một đợt học tập và đấu tranh của giới văn nghệ,* Nhân Văn số 1, ra ngày 20/9/56.

trong lớp học 18 ngày, đã chiếm được lòng tin của giới trí thức và văn nghệ sĩ cấp tiến.

Ông nắm lấy cơ hội, đứng ra tổ chức NVGP với những người bạn đã hoạt động trong kháng chiến: Trương Tửu, Trần Thiếu Bảo; với Lê Đạt, Hoàng Cầm đã làm Giai Phẩm Mùa Xuân. Vai trò chủ động của Nguyễn Hữu Đang trong NVGP được xác nhận từ nhiều phía:

Những người trong ban biên tập báo Nhân Văn như Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Duy đều xác nhận vai trò chủ chốt của Nguyễn Hữu Đang. Cả Trần Dần, dù không thích ông, cũng ghi trong bài *"thú nhận": "Nếu không có Đang, không ai có thể tập hợp anh em được. Sẽ không có tham luận với những đề nghị: gặp Trung ương, ra báo... mà cũng sẽ không có tờ Nhân Văn"*.

Nguyễn Hữu Đang được coi là "đầu sỏ", Mạnh Phú Tư buộc tội:

"Hắn lẩn mình và... rút lui vào bí mật. Suốt bốn số báo đầu, người ta không thấy một bài nào ký tên Nguyễn Hữu Đang! (...) Người ta không thấy tên tuổi Nguyễn Hữu Đang trên những số đầu báo Nhân Văn, nhưng chính hắn là linh hồn của tờ báo. Hắn tìm tiền, kiếm giấy, thu xếp việc ấn loát và viết bài nhưng lại ký tên người khác. Hắn che lấp những nguồn tài chính, những kẻ cung cấp phương tiện bằng hình thức dối trá là nêu danh những người góp tiền in báo có một nhân lên gấp mười! Hắn họp hành bí mật với một số nhà văn chống Đảng, với những người tư sản và trí thức cũng đang muốn lợi dụng thời cơ để phất lên lá cờ chính trị. Hắn luôn luôn bàn mưu, lập kế với bọn Trương Tửu v.v... Hắn có tay chân trong một hai đoàn kịch tư nhân, ở một vài cơ quan văn hoá của Nhà nước. Thông qua tờ báo Nhân Văn, hắn đã

trở thành một thứ lãnh tụ của một bọn người cơ hội, có âm mưu chính trị..."[247].

Tuy ít bài ký tên thật, nhưng dấu ấn của ông không thiếu trên báo Nhân Văn:

Nguyễn Hữu Đang thực hiện những bài phỏng vấn Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Đặng Văn Ngữ về vấn đề dân chủ. Trong Nhân Văn số 1, có bài tựa đề: *"Thuốc đắng dã tật, nói thật mất lòng"* ký tên XYZ. Rất ít người biết XYZ (tên gọi thành phần Cố Nông trong Cải Cách Ruộng Đất) là một trong những bút hiệu của Hồ Chí Minh, trừ Nguyễn Hữu Đang. Trong bài này, tác giả dùng giọng của ông Hồ để "giáo huấn" cán bộ, ý giễu cợt vị chủ tịch. Bài *"Chúng tôi cực lực phản đối luận điệu vu cáo chính trị - Trả lời bạn Nguyễn Chương và báo Nhân Dân",* trên Nhân Văn số 2, ký tên Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Duy, do Nguyễn Hữu Đang viết- theo lời Trần Duy. Bài này xác định biệt tài bút chiến của Nguyễn Hữu Đang. Ông trả lời từng điểm sự buộc tội Nhân Văn của báo Đảng, với một lập luận châm biếm, sắc bén, không nhân nhượng. Bài *Cần phải chính quy hơn nữa*, trên Nhân Văn số 4, là bài xã luận đầu tiên ông ký tên thật. Trong bài này, ông xác định lập trường chính trị của nhóm Nhân Văn và công khai đòi tự do dân chủ, đòi thiết lập một nhà nước pháp trị. Bài *"Hiến pháp Việt Nam năm 1946 và hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ thế nào?* trên Nhân Văn số 5, ký tên thật, mạnh hơn nữa, ông đòi tự do dân chủ phải được thể hiện trên hiến pháp và trên thực tế, đòi *quyền sống tự do của con người trong một chính thể dân chủ, một nhà nước pháp quyền.*

Ba mươi chín năm sau, Nguyễn Hữu Đang tuyên bố trên RFI:

---

247 Mạnh Phú Tư, Báo Độc Lập, số 356, ra ngày 24/4/1958, BNVGPTTADL in lại, trang 49-50.

"Thực chất phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, nếu đứng về mặt chính trị, thì đó là một cuộc đấu tranh của một số người trí thức, văn nghệ sĩ và một số đảng viên về chính trị nữa, là chống -không phải chống Đảng Cộng Sản đâu, mà đấy là chống- cái chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao Trạch Đông đưa đến nhiều hiện tượng -nói là chuyên chính thì chưa đủ- phải nói là cực quyền toàn trị, nó gay gắt ghê lắm. Nó gay gắt ghê lắm! Đảng Cộng Sản đã phạm sai lầm trong Cải cách ruộng đất, rồi thì Chỉnh huấn, Chấn chỉnh tổ chức, Đăng ký hộ khẩu v.v... Tất cả những cái đó đều do những cái quá tả, từ phương Bắc nó xâm nhập vào, chứ không phải chờ đến bây giờ nó mới đem cái tả khuynh hữu trí vào nước Việt Nam. Cái thời mà cụ Hồ chưa về nước và ông Trần Phú làm Tổng bí thư, thì làm cái cuộc gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh, đưa ra cái khẩu hiện rất quái gở tức là "Trí, phú, địa, hào đánh tận gốc, trốc tận rễ". Nó quá tả như thế thì còn làm sao giành được độc lập! Như thế là chia rẽ dân tộc. Lúc bấy giờ chúng tôi cũng cảnh giác, chúng tôi theo đảng Cộng Sản nhưng chống chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Nhưng rất tiếc là lúc bấy giờ, thế lực của Liên Xô rất mạnh, áp lực của Trung Quốc cũng rất mạnh cho nên cuộc đối thoại ấy không có kết quả"[248].

Nguyễn Hữu Đang là một khuôn mặt chính trị, văn hoá và đấu tranh, hiếm có trên chính trường Việt Nam dưới chế độ cộng sản. Một người theo đảng từ 16 tuổi, hiểu rõ hơn ai hết quy luật tuân thủ của một cán bộ cộng sản. Nhưng ông đã đi ra ngoài trật tự ấy. Nguyễn Hữu Đang luôn luôn giữ vị trí tự do trong hành động cũng như tư tưởng của mình.

Khi được giao phó trách nhiệm tổ chức văn nghệ sĩ trí thức toàn quốc đi theo kháng chiến, ông đã làm.

---

248 Nguyễn Hữu Đang, trả lời phỏng vấn RFI tháng 9/1995.

Khi được giao phó trách nhiệm tổ chức thanh niên xung phong chống Pháp, ông đã làm.

Làm trong tư thế của một người yêu nước, tự do.

Chính trong tư thế tự do ấy, ông đã đứng lên lãnh đạo NVGP, đã tạo được một thời kỳ sôi nổi, trong vòng bốn tháng, trí thức và văn nghệ sĩ, dám nói, dám viết những điều mình nghĩ, dám chủ trương cải tiến xã hội Việt Nam thành một nước dân chủ theo đà tiến của thế giới bên ngoài.

Nhưng Nguyễn Hữu Đang đã thất bại. Sự thất bại của Nguyễn Hữu Đang cũng là sự thất bại chung của một dân tộc. Và hậu quả còn kéo dài đến ngày nay: nước Việt là một trong những nước cuối cùng, ở thế kỷ XXI, vẫn còn chưa tự nhận diện, để đòi hỏi những quyền cơ bản và tất yếu nhất của con người, đầu tiên là quyền tự do tư tưởng.

LÊ
ĐẠT

Chương 10

Lê Đạt
(1929-2008)

Trong ba người bạn thân cùng hoạt động NVGP, Trần Dần viết nhật ký, Hoàng Cầm thuật lại dĩ vãng trong các bài ký, hồi ký, băng ghi âm nói chuyện với bạn bè, chỉ Lê Đạt là không viết gì về đời mình. Tại sao? Một phần, dường như ông không coi tiểu sử nhà văn là vấn đề quan trọng, nhưng có lẽ còn lý do nữa, vì đời ông, nếu viết rõ ra, chỉ *"có hại"* cho gia đình. Ông không muốn các con biết về hoạt động của cha để đỡ bị liên lụy. Đào Phương Liên, con gái ông, hỏi: *Bố là ai*? Các con không biết cha đã từng làm thơ, vì trong nhà *"không có một quyển truyện một quyển thơ nào"*.

Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt, sinh ngày 10/09/1929 tại xã Âu Lâu, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, mất ngày 21/4/2008 tại Hà Nội. Cha là Đào Công Đệ, mất năm 1975, quê phường Á Lữ, xã Mỹ lộc, Phủ Lạng Giang, Bắc Giang, làm việc trong sở hoả xa Vân Nam tại Yên Bái, gặp mẹ ông là Nguyễn Thị Sen, mất năm 1982, bà người làng Đình Bảng, Bắc Ninh, theo gia đình lên Yên Bái buôn bán. Lê Đạt học tiểu học ở Yên Bái. 1941, 12 tuổi lên Hà Nội học trường Bưởi. Chiến tranh bùng nổ, trở về quê cha, tiếp tục trung học tại Á Lữ. Rồi đi theo kháng chiến. Về thời kỳ này, Lê Đạt chỉ ghi vài hàng sơ lược:

"Năm 45 khi cách mạng tháng 8 bùng nổ, tôi theo cách mạng, rồi đi kháng chiến, chủ yếu hoạt động trong ngành tuyên huấn. Năm 49, tôi về công tác tại ban tuyên huấn của TU đảng Cộng Sản Việt Nam. Năm 1952, tôi chuyển hẳn về Hội văn nghệ TU và bắt đầu cuộc đời sáng tác của nhà văn chuyên nghiệp"[249].

Trong *Từ điển văn học*, Nguyễn Huệ Chi viết: "*Đầu kháng chiến, học tiếp trung học ở vùng kháng chiến rồi về công tác tại Ban Tuyên Huấn tỉnh Vĩnh Phúc và tiếp tục theo học trường đại học Pháp Lý*[250] *cho đến khi trường giải thể. 1949, chuyển lên ban Tuyên Huấn Trung Ương Đảng Lao Động VN. 1952 về Hội Văn Nghệ. Sau 1954, về Hà Nội, tiếp tục công tác ở Hội Văn Nghệ*".

Đấy là những gì ghi trong tiểu sử chính thức.

Nhưng Hoàng Cầm cho biết, từ 1948 (19 tuổi), Lê Đạt đã là bí thư văn nghệ của Trường Chinh. Điều này dường như Lê Đạt không muốn nhắc đến.

Hoàng Cầm viết: *"Đầu năm 1949, anh Lê Đạt, phái viên của Tổng bí thư Trường Chinh từ ban tuyên huấn được cử sang Hội Văn Nghệ làm trợ lý cho ông Tố Hữu"*[251].

Hoàng Cầm trong băng ghi âm cho biết rõ hơn:

"Lê Đạt kể lại với tôi: Năm 1949, khi ông Trường Chinh cử anh sang làm trợ lý cả chính trị và chuyên môn cho ông Tố Hữu, ông ấy có dặn hai điều:

Thứ nhất, trình độ văn hóa của anh Lành (tức Tố Hữu) có hạn, lãnh đạo anh em văn nghệ mà trình độ thấp thì bất lợi, vậy anh phải giúp cho anh ấy nâng cao trình độ văn hoá lên. Thứ hai, anh Lành là người tính nết arrogant, kiêu căng, hợm mình lại khinh người, mà trong văn nghệ có những cây

---

249 Trích tiểu sử viết tay, Đường Chữ, nxb Hội Nhà Văn, 2009.

250 Theo Hoàng Cầm là Trường Luật, nhưng học ít lâu thì trường Luật bị giải tán.

251 Hoàng Cầm, *Nguyễn Đình Thi trong tôi - Nguyễn Đình Thi ngoài tôi*, Hồi kí, Talawas.

đa cây đề như Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Nguyễn Xuân Khoát, Thế Lữ, Đoàn Phú Tứ... tất cả họ tập trung về theo kháng chiến, thì phải khéo léo lắm, nếu làm mất lòng họ, họ bỏ về *tề*[252] là một thất bại lớn.

Lê Đạt xử sự rất khéo, với tính kiêu căng của ông Tố Hữu thì việc gì muốn làm, anh cũng bảo là do chỉ thị của ông Trường Chinh, vì thế năm 1949, anh tổ chức được ba cuộc hội thảo quan trọng tranh luận về thơ, nhạc, kịch. Làm cho không khí văn nghệ lúc bấy giờ sống động hẳn lên, có thảo luận trong sinh hoạt hàng ngày của anh em văn nghệ.

Khoảng 1952, 53, tôi có đọc mấy bài thơ ngắn của anh, như bài *Lúa Bác Hồ* gì đó, đăng trên báo Nhân Dân, thấy thơ anh rất mới, khác hẳn thơ tôi. Anh không làm theo vần điệu cũ, thơ anh bám sát đời sống hàng ngày, mà chữ rất mới. Tôi thấy Lê Đạt tính nết trẻ trung nhưng học vấn uyên bác. Anh làm việc trên Tuyên Huấn từ đầu, ở Tuyên Huấn có đủ loại sách báo, anh lại chịu học, chịu đọc, thơ tượng trưng, siêu thực của Pháp, anh hiểu sâu sắc lắm.

Cuối năm 1954, chúng tôi gặp lại nhau ở Hà Nội. Lê Đạt còn rất trẻ[253] anh vừa ly dị cô vợ cốt cán, lấy trong cải cách ruộng đất, đang yêu Thúy Thúy trong đoàn kịch Thế Lữ.

Lúc bấy giờ chúng tôi thân nhau lắm. Từ đầu năm 1955, thường hẹn nhau, khoảng bốn rưỡi, năm giờ chiều ở quán trà Phúc Châu của người Tàu, ở Hàng Giầy: Văn Cao, Đặng Đình Hưng, Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm... ta gọi là bộ ngũ. Quán này khi có khách đến thì đem ra một cái khay, với phích nước sôi và một ấm có sẵn trà. Chúng tôi tha hồ uống, có khi pha đến nước thứ 6, thứ 7, đến nước chủ nhật, loãng toẹt ra rồi. Nhiều hôm gọi đến ấm thứ nhì, thứ ba. Bàn toàn chuyện thơ văn, khuyến khích nhau viết, Lê Đạt, Trần

---

252 Vào thành.

253 Năm 1954, Nguyễn Hữu Đang 41 tuổi, Hoàng Cầm 32, Văn Cao 31, Trần Dần 28, Lê Đạt 25 tuổi.

Dần đọc nhiều, biết nhiều lý luận về thơ, các nhà thơ hiện đại Pháp, Tử Phác nói chuyện âm nhạc mới... Thỉnh thoảng Phùng Quán cũng ghé qua nghe các ông anh nói chuyện thi ca: Thơ Đông phương, thơ Tây phương. Lê Đạt, Trần Dần, đọc nhiều, rồi họ nói lại thành ra mình học thêm được. Tiếng Pháp tôi chẳng kém gì các ông ấy nhưng tôi lười lý luận. Đọc thơ tượng trưng của Pháp, có chỗ tôi không hiểu, hỏi: Bài này nó hay ở chỗ nào? Tao dốt lắm. Thì Lê Đạt lại thân mật giảng cho tôi rất kỹ, tôi quý anh ở chỗ đó.

Cuối năm 1955, lúc ấy Trần Dần, Tử Phác còn đang đi học tập cải cách ruộng đất ở Yên Viên; gần Tết, Lê Đạt bảo tôi: *Mày có nhiều bài không? Tết có gởi bài cho báo nào không? Các báo thì đông lắm, nhưng thơ mới kiểu chúng mình thì chưa chắc nó đã đăng đâu, hay ta soạn ra một tập, gọi là tác phẩm mới gì đó, giao cho Thầy Bảo* (tiếng lóng của chúng tôi, nghiã là *in tự do*, không qua kiểm duyệt). Lúc đó vẫn còn vài nhà in sách báo tư nhân như nhà xuất bản Xây Dựng, nhà Minh Đức. *Tao vẫn còn giữ cái bài Nhất Định Thắng của thằng Trần Dần, mày đi thúc đẩy Văn Cao, nó còn nhiều tiềm năng lắm, chỉ có mày bằng vai vế, mới thúc đẩy được nó, tao còn nhỏ, mà lại chưa có sự nghiệp gì, nói nó mắng cho*. Thì tôi nghe lời Lê Đạt đến thúc đẩy Văn Cao. Lúc ấy Văn Cao không sáng tác nhạc nữa, anh đang mê vẽ, Lê Đạt giục tôi xuống nhà anh, Văn Cao hứa: - *Được, rồi tao sẽ có bài. - Liệu mấy ngày, một tuần nhé? - Ừ, được, ít nhất tao có một bài, hào hứng lên là có hai.* Thế là có bài *Anh có nghe chăng?* của Văn Cao trong Giai Phẩm Mùa Xuân[254].

Lời Hoàng Cầm trong băng ghi âm, cho thấy sinh hoạt vô tư và tự do của nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân lúc ấy, cùng sự hình thành cuốn giai phẩm đầu tiên và vai trò của Lê Đạt.

Việc Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang hoạt động trong báo Văn Nghệ, đã được đề cập trong chương trước, ở đây chỉ

254 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

nhắc lại lời Hoàng Cầm: *"Anh Lê Đạt lúc đó làm bí thư chi bộ của báo Văn Nghệ, anh là người của Tuyên Huấn gửi sang như một nhân viên nhưng thực sự là để lãnh đạo tờ báo vì anh ấy là bí thư chi bộ"*[255].

Vậy Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang dường như đã bàn tính với nhau từ trước, nắm báo Văn Nghệ. Cùng thời điểm đó, bên quân đội, Tử Phác và Trần Dần nắm tờ Văn Học Nghệ Thuật. Hai tờ báo này sẽ *"thao túng"* dư luận văn học qua vụ phê bình *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán và *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Trong bài "thú nhận", Lê Đạt có câu:

"*Đảng đối với tôi có rất nhiều ân huệ, kéo tôi ra khỏi bàn tay phản động của bọn Quốc Dân Đảng, cho tôi công tác gần các đồng chí lãnh* tụ"[256].

Như vậy, có thể tạm sắp xếp lại tiểu sử Lê Đạt, giai đoạn kháng chiến như sau: Năm 1945, 16 tuổi, còn học trường Bưởi, Lê Đạt chưa theo Việt Minh, lúc đó ông đang chịu ảnh hưởng Tự Lực văn đoàn, mẫu người lý tưởng đương nhiên là Dũng (trong *Đoạn tuyệt* và *Đôi bạn*) của Nhất Linh, tâm cảm Lê Đạt thời trẻ rất lãng mạn:

Yên Bái
dăm cô gái lỡ thì
thổn thức Nhất Linh
tay Loan Dũng
lên ô kính bụi

Sau này, Lê Đạt hết sức chống lại cái lãng mạn của Tự Lực văn đoàn, có lẽ cũng là cách chôn "lỗi lầm tuổi trẻ". Lê Đạt theo *Quốc Dân Đảng* trong bao lâu? Có thể từ rất trẻ, theo cha, bài *Cha tôi*, có những câu thơ úp mở:

Ngày nhỏ cha tôi dẫn đầu lũ trẻ chăn trâu
Phát ngọn cờ lau vào rừng Na Lương đánh trận

---

255 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

256 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58, trang 80.

Mơ làm Đề Thám...

Bởi thời ấy, chống Pháp, chỉ có vài con đường: Việt Minh hoặc Quốc Dân Đảng. Nếu theo Việt Minh, đã là chính nghĩa, có thể nói công khai. Vậy chắc Quốc Dân Đảng.

Từ 1945 đến 47 (16 đến 18 tuổi), tiểu sử chính thức ghi là *theo cách mạng*, rồi *theo kháng chiến*. Vậy tạm hiểu: theo cách mạng là thời theo Quốc Dân Đảng; đến 1947, mới theo kháng chiến, tức là mới "giác ngộ" Việt Minh.

Hoàng Cầm trong băng ghi âm cho biết nhiều thông tin về Lê Đạt, chưa thấy ghi ở đâu, có lẽ do chính Lê Đạt kể:

"Lê Đạt và Đặng Đình Hưng, lúc đầu đi kháng chiến cũng là đi lang thang như vợ chồng Hoàng Cầm thôi, tức là chưa biết tạt vào đâu để móc nối với kháng chiến. Bộ đội thì bí mật, họ lại ăn mặc như người dân, rất khó phân biệt. Hai anh đi lang thang thì gặp một người quen với anh Hưng, làm trưởng ty văn hoá Vĩnh Yên, sau này là Vĩnh Phúc. Anh trưởng ty vớ được hai ông sinh viên trường Luật, lại giỏi, thích quá. Một hôm ông Trường Chinh đi công tác, đêm về ngủ tại cơ quan, anh trưởng ty khoe: *Báo cáo anh, em có hai người giúp việc giỏi lắm*. Ông Trường Chinh cho gọi họ lên nói chuyện, rồi trò chuyện cả đêm về công tác tuyên truyền, văn hoá. Sáng sau, ông Trường Chinh dặn anh trưởng ty: *Cậu thu xếp ngay cho hai anh này lên làm việc với tôi trên Tuyên Huấn Trung Ương*. Ông Trường Chinh lúc bấy giờ (1947) làm tổng bí thư, chọn hai người làm thư ký riêng, là Đặng Đình Hưng và Lê Đạt. Ông ấy muốn huấn luyện cả hai thành lý thuyết gia của đảng Cộng Sản"[257].

Như vậy, Lê Đạt gia nhập Việt Minh lúc 18 tuổi, vì có tài, được tuyển ngay vào Tuyên Huấn Trung Ương, làm bí thư cho Trường Chinh cùng với Đặng Đình Hưng (cháu họ Trường Chinh), nhạc sĩ, nhà thơ, nhà trí thức có tầm vóc.

---

257 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Trường Chinh quả biết dùng người: ông chọn phụ tá Lê Đạt và Đặng Đình Hưng, sau này sẽ trở thành những nhà thơ tiên phong cho thi ca hiện đại Việt Nam, tiếc rằng ông lại không tính đến cái tự do của họ.

Vẫn theo Hoàng Cầm, 1949, khi Tố Hữu phụ trách toàn bộ văn nghệ kháng chiến, Trường Chinh cử Lê Đạt sang làm trợ lý cho Tố Hữu, thực chất là dạy văn hoá và sửa đổi tính tình Tố Hữu. Như vậy, cấp lãnh đạo -Hồ Chí Minh hay Trường Chinh- đã thấy ở Lê Đạt, ngoài khả năng văn hoá, còn có khả năng chiến lược và chính trị cao hơn Tố Hữu. Khi chuyển Lê Đạt sang làm bí thư chi bộ báo Văn Nghệ, 1954, trung ương lại một lần nữa xác định "lòng tin" vào Lê Đạt.

Những dữ kiện trên đây giải thích tại sao Lê Đạt thấy mình vững hơn Nguyễn Hữu Đang, khi làm báo Nhân Văn. Thực chất Lê Đạt khôn khéo và mềm dẻo hơn Nguyễn Hữu Đang, lại là *"thầy"* của Tố Hữu, cho nên trong vụ thanh trừng Giai Phẩm Mùa Xuân, tuy Lê Đạt chủ xướng, nhưng Tố Hữu vẫn còn nể Lê Đạt, chũi cả mũi dùi vào Trần Dần; cũng như ở Thái Hà ấp, Tố Hữu đã có một thái độ tương đối mềm mỏng với Lê Đạt.

Lê Đạt thân thiết, kính trọng Thụy An và Phan Khôi, bởi cả ba đều đã từng hoạt động hoặc có cảm tình với Quốc Dân Đảng. Lê Đạt tranh đấu trên hai mặt: Về chính trị, chống chính sách đảng trị, đòi hỏi tự do dân chủ và về văn nghệ, chủ trương đổi mới thơ ca.

● Đổi mới thi ca

Thất bại trong đấu tranh chính trị, nhưng Lê Đạt thành công trong việc đổi mới thi ca. Sau hơn 30 năm cấm in, Lê Đạt được *"phục hồi"* năm 1988. Tập *Bóng chữ* [258] tác phẩm đầu tiên xác định ông như một nhà thơ lớn, cùng với Thanh Tâm Tuyền, Đặng Đình Hưng, Trần Dần, bốn nhà thơ mới,

---

258 nxb Hội Nhà Văn, 1994.

đã xây dựng nền thơ Việt Nam hiện đại. Tiếp đến tập truyện ngắn *Hèn đại nhân* (Phụ Nữ, 1994), thơ *Ngó lời* (Văn Học, 1997), *Từ tình Epphen* (Tạp Chí Thơ, California, 1998), tập truyện ngắn *Mi là người bình thường* (Phụ Nữ, 2007), Thơ và đoản ngôn *U75 từ tình* (Phụ Nữ, 2007), và Tuyển tập *Đường chữ* (Hội Nhà Văn và Bách Việt, 2009) in sau khi ông mất.

Chủ trương đổi mới thi ca của Lê Đạt bắt đầu từ năm nào? Chắc từ trong kháng chiến. Hiện nay, tập *Tỉnh mẹ* (in trong *Đường chữ*) là chứng từ đầu tiên, chưa rõ năm nào. Hoàng Cầm cho biết: sau Giai Phẩm Mùa Xuân, Lê Đạt làm thơ về quê hương. Đến năm 1959, Đặng Đình Hưng viết được tập *Cửa ô*[259], tôi viết *Về Kinh Bắc*, Trần Dần viết *Cổng tỉnh*, Lê Đạt làm một số thơ về vùng Yên Bái. Vậy tạm coi *Tỉnh mẹ*, làm trong khoảng 1955- 1959.

Một sự kiện ít người biết đến: Lê Đạt tổ chức cuộc tranh luận về thơ năm 1949, là để bênh vực thơ không vần của Nguyễn Đình Thi, đang bị phe thủ cựu Tố Hữu đánh. Hoàng Cầm viết:

"Đầu năm 1949, anh Lê Đạt, phái viên của Tổng bí thư Trường Chinh từ ban tuyên huấn được cử sang Hội Văn Nghệ làm trợ lý cho ông Tố Hữu. Vốn là một anh sinh viên rất trẻ, rất sôi nổi, vừa đặt chân đến Hội, Lê Đạt đã làm thân với các bậc cha chú như Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Nguyễn Xuân Khoát. (...) Lê Đạt khởi xướng ra cuộc tranh luận về một đề tài mới mẻ và có vẻ hấp dẫn lắm: Vấn đề thơ không vần của Nguyễn Đình Thi (...) Anh Nhị Ca (...) nói: "Tiếc quá! Cậu không dự hôm ấy, giá có cậu thì có lẽ cũng góp được nhiều ý kiến bênh vực cho cái gọi là thơ không vần. Đằng này chỉ có tớ với Lê Đạt thêm một thằng Lưu Quang Thuận. Và anh Bửu Tiến. Cũng may có thêm bác

---

259 Theo Hoàng Hưng, Đặng Đình Hưng (1924-1990) để lại 6 tập thơ, phần lớn chưa xuất bản. Chúng tôi chỉ thấy *Bến lạ* (1991) và *Ô mai* (1991) và đã giới thiệu hai tác phẩm khai phá này trong cuốn *Cấu Trúc Thơ*, Văn Nghệ, 1995.

Phan Khôi. Ông già này lại bênh rất hùng hồn, mày ạ. Còn một tá những ông già khác không chịu nói gì, hoặc có nói lại về hùa với ông Lành[260]*. Anh Thi đâm ra yếu thế, sau cứ đành giơ sườn ra cho các ông ấy thụi. Thành thử, cái loại thơ tự do không vần bị ăn một trận đòn đếch cãi vào đâu được"*[261].

Lê Đạt cũng nói: *"Thời kháng chiến, tôi và Nguyễn Đình Thi mới đầu chịu ảnh hưởng Eluard và tôi cũng làm thơ không vần như anh Thi. Tôi trọ ở nhà Eluard không lâu. Một thời gian dài tôi và Trần Dần chịu ảnh hưởng của Maïakovski rất đậm*[262]*"*.

Như vậy, Lê Đạt cùng trường phái thơ không vần với Nguyễn Đình Thi từ 1948.

● *Đem bục công an đặt giữa tim người*

Bài thơ *Nhân câu chuyện mấy người tự tử*, gây sóng gió suốt thời kỳ NVGP, tiêu biểu sức phản kháng mãnh liệt của nhà thơ đối với chế độ độc tài, ngăn cấm tự do luyến ái, can thiệp vào đời tư của con người, khởi đi từ những sự kiện có thật trong đời Lê Đạt:

Lê Đạt kết duyên với cô Nguyện, một *cốt cán* trong *Cải cách ruộng đất*, nhưng họ không hợp nhau, chỉ sống chung một thời gian ngắn rồi hai bên thoả thuận ly dị. Thời gian sau, Lê Đạt yêu Thúy Thúy (Nguyễn Thị Thúy), nghệ sĩ đang lên của đoàn Kịch Trung Ương. Năm 1956, hai người sống chung. Việc "bỏ người vợ cốt cán", để lấy vợ nghệ sĩ, đã gây cho Lê Đạt và Thúy Thúy, không ít khó khăn, cả hai đều bị kiểm thảo, Trần Dần ghi trong nhật ký những ngày từ 23 đến 27/9/1955 như sau:

---

260 Tức Tố Hữu.

261 Hoàng Cầm, *Nguyễn Đình Thi trong tôi - Nguyễn Đình Thi ngoài tôi*, Hồi kí, Talawas.

262 *Nghe Lê Đạt kể chuyện mình*, Phạm Tường Vân phỏng vấn tháng 1/2003, BBC Việt Ngữ 6/5/2008.

"*Phê phán Lê Đạt: Đồng chí định bỏ vợ lấy Thúy là bỏ cục vàng lấy cục đất. Còn gì quý hơn là người làm việc cho Đảng? Đi CCRĐ*[263] *bao nhiêu đợt rồi. Thành phần nông dân cốt cán. Đồng chí còn muốn gì? Không yêu nhân dân thì yêu ai? Chỉ có kẻ thù mới không yêu nhân dân thôi chứ! Kể xấu Thuý. Con lính đế quốc. Nhăng nhít nọ kia bao nhiêu vụ rồi. Tôi không thể đồng ý đề nghị của đồng chí. Không bao giờ Đảng đồng ý những cái sai. Đồng chí lắm lý luận lắm, đao to búa lớn, vợ đồng chí hiền lành, đồng chí có đem lý luận đàn áp, dù vợ đồng chí có bằng lòng ly dị, Đảng cũng không đồng ý vì biết chắc chắn rằng đó chỉ là vì bị đồng chí đàn áp, bằng lòng mồm chứ không bằng lòng thực"*[264].

Trần Dần cung cấp một số thông tin đáng quý: Cô Nguyện là thành phần *cốt cán,* có lẽ đã được Đảng "gả" cho Lê Đạt. Cô Nguyện bằng lòng ly dị (trên thực tế cô Nguyện đứng đơn xin ly dị). Vì vậy, Đảng răn đe: "*dù vợ đồng chí có bằng lòng ly dị, Đảng cũng không đồng ý*".

Nhưng không chỉ có mình Lê Đạt, mà Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Trần Đức Thảo, Hoàng Yến,... đều bị Đảng xen vào đời tư, ngăn cấm tự do luyến ái, hoặc phá vỡ hạnh phúc gia đình.

♦ Hoàng Cầm

Hoàng Cầm kể:

"Tôi gặp bà Hoàng Yến lần đầu vào khoảng tháng giêng năm 1945, lúc đó bà ấy đã nhận lời đóng vai Kiều Loan và đã tập được 4, 5 buổi, không hiểu sao ông chồng cũ của bà ấy lại đổi ý, không cho tập tiếp. Chín năm sau, khi đi kháng chiến về, tôi gặp lại ở Hà Nội, thì ông chồng đã chết cách đấy hai năm. Trông bề ngoài có vẻ quý tộc, đài các, còn đẹp lắm, tuy bên trong cuộc sống rất cực khổ, vì ông chồng bị phá sản, tự

263 Cải Cách Ruộng Đất.

264 *Trần Dần ghi*, Phạm Thị Hoài biên soạn, Văn Nghệ Cali, 2001, trang 87.

tử chết đi để lại toàn nợ nần. Gặp bà ấy, trong tôi nổi lên một sự thương cảm lạ lùng và quyết định xây dựng với bà ấy. Lúc đầu chỉ đi chơi với nhau, tối tôi về doanh trại.

Từ tháng 3, tháng 4/1955, tôi ăn ở với bà Hoàng Yến, tuy không tổ chức cưới xin gì, cứ độ mấy ngày tôi ra ngủ ở 43 Lý Quốc Sư một tối, sáng lại về trại. Tôi là trưởng đoàn văn công nên có thẻ đỏ, đi về lúc nào cũng được. Lúc ấy cũng là lúc tôi tham gia kiến nghị đòi hủy bỏ vai trò chính trị viên trong quân đội, trả văn nghệ về cho văn nghệ của Trần Dần, Tử Phác.

Đến khoảng tháng 4/1955, một hôm tôi nhận được giấy triệu tập của Cục Tổ Chức, thuộc Tổng Cục Chính Trị, yêu cầu đồng chí Hoàng Cầm phải có mặt đúng 9 giờ sáng ngày... có việc cần. Giấy ký tên Thành, Lê Thành gì đó, cục phó Cục Tổ Chức. Tôi lên. Thấy hắn tỏ ra rất oai, mình chào nó không chào lại. Tôi tự kéo ghế ngồi, bảo đã nhận được cái giấy anh triệu tập, xin anh cho biết việc gì? Bằng một giọng lạnh lùng, hách dịch, hắn bảo: *"Ít lâu nay, chúng tôi được báo cáo anh có quan hệ với một người đàn bà tư sản ở ngoài phố. Tôi gọi anh lên đây báo cho anh biết kể từ hôm nay, anh phải cắt đứt ngay quan hệ với người đàn bà đó, nếu không, anh sẽ bị thi hành kỷ luật rất nặng".*

Thế là mình biết rõ ý định của nó rồi, nó đưa ra cái đường lối của Đảng là không quan hệ với giai cấp tư sản vì đó là kẻ thù. Nhưng cái bà Lê Hoàng Yến mà nó gọi là tư sản thì vừa chua chát vừa buồn cười, hay tại cái dáng đẹp đài các của bà ta? Người đàn bà ấy phải nuôi một đàn con 6 đứa, đứa lớn nhất 11 tuổi, với một mẹ già, một quả trứng không có mà ăn, chỉ toàn ăn rau muống với dưa, lương y tá công nhật hạng bét, 100 đồng, làm ở bệnh viện Việt Đức.

Tôi bèn xích cái ghế lại gần hắn, hỏi: *"Anh Thành à, anh cho tôi biết thế nào là tư sản?"* Thế là nó thấy mình vặn lý, nó đập bàn quát: *"Này, tôi không lý luận gì với anh nhá!*

Chính sách tiếp quản thủ đô anh đã học hết rồi! Tôi gọi anh lên đây để cảnh cáo anh. Anh cứ liệu hồn đấy". Thế là tôi lấy chân gạt cái ghế ra, đứng dậy đi phắt ra cửa, đóng sầm một cái, rồi ra về. Tôi viết ngay một cái thư xin giải ngũ hoặc chuyển ngành sang Hội Văn Nghệ, gửi đủ bốn ông: đồng chí tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, đồng chí chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị Nguyễn Chí Thanh, đồng chí trưởng Ban Tuyên Huấn Lê Quang Đạo, đồng chí phó Ban Tuyên Huấn Võ Hồng Cương.

Viết xong tôi đưa cho ông Võ Hồng Cương xem trước, ông trố mắt hỏi: *Tại sao anh lại làm cái này nhỉ?* Tôi trả lời đại ý: *"Tôi đi bộ đội cũng tám năm rồi, mà trong quân đội tôi đã làm trọn nghiã vụ, thì bây giờ hoà bình, tôi xin chuyển ngành hoặc giải ngũ".* Anh Cương nói: *"Trong quân đội anh được mọi người rất yêu mến, nhất là anh Giáp rồi anh Thanh đấy, cái đơn anh xin giải ngũ thật vô lý".* Tôi bắt buộc phải kể lại câu chuyện sáng nay: "Anh Thành bên Cục Tổ Chức triệu tập tôi, cảnh cáo tôi có quan hệ với một người phụ nữ ngoài phố, cái đó tôi không chối, nhưng lại nói là quan hệ bất chính với một người đàn bà tư sản, phải cắt đứt ngay. Tôi chỉ hỏi thế nào là tư sản thì anh ấy đập bàn đập ghế với tôi, thì anh bảo tôi còn ở lại quân đội sao được. Anh là cục phó Cục Tuyên Huấn, nhưng Cục Tổ Chức vẫn nắm sinh mệnh của anh vì họ nắm lý lịch của anh. Tôi là nghệ sĩ, tôi quen sống tự do, mà lại phải ở dưới quyền một người như thế thì làm sao tôi chịu được". Anh Cương hơi lúng túng: "Cái này là bệnh ấu trĩ, chứ anh Thành làm sao có thể thi hành kỷ luật anh về chuyện ấy được!" "Người ta là cục phó Cục Tổ Chức mà người ta nói như thế thì người ta thừa sức kỷ luật tôi về việc hủ hoá, đạo đức không tốt, có quan hệ với tư sản, kẻ thù của cách mạng". Nhưng anh Cương nhất quyết từ chối. Thế là lá đơn tôi xin giải ngũ cứ nằm chờ, từ tháng 5 đến tháng 11, tôi nhất định không đổi ý, mà các anh, anh

Giáp, anh Thanh, anh Cương, đều muốn giữ tôi lại. Nhưng tôi biết mình là người sống buông thả, lãng mạn về chuyện phụ nữ, mình biết bệnh của mình, không thể ép vào cái kỷ luật ấy được. Trong kháng chiến đã ba lần tôi từ chối vào đảng, chỉ vì nghe đọc cái kỷ luật của đảng viên, là tôi đã ngại rồi. Sau cùng tôi nghĩ chỉ còn cách nhờ ông Tố Hữu. Tố Hữu lúc bấy giờ đối với tôi chỉ có vụ phê bình thơ Việt Bắc, đối với ông ấy thì cũng nặng nề đấy, nhưng cũng chưa tan vỡ lắm, ông ấy vẫn có phần nể mình. Tôi mới viết thư cho ông Tố Hữu, muốn xin sang làm việc bên Hội Văn Nghệ, nghĩa là xin chuyển ngành thôi, chứ không xin giải ngũ nữa. Tố Hữu viết thư cho ông Lê Quang Đạo, mọi việc được giải quyết ngay. Ngày 8/11/1955 tôi ra khỏi quân đội. Về Hội Văn Nghệ, thì được ông Hoài Thanh phân sang làm việc ở nhà xuất bản Văn Nghệ với Tô Hoài và Kim Lân.

Lúc đó là tháng 1/1956.

♦ Trần Dần

Hoàng Cầm kể:

Từ cuối năm 1954, Trần Dần yêu một người phụ nữ. Một hôm đi xem chiếu bóng với Cao Nhuệ, tình cờ hai anh gặp hai cô gái có dáng đi uyển chuyển, bèn lân la làm quen, rồi rất nhanh anh Dần có cuộc tình với cô Khuê. Hẹn với cô Khuê, thì anh ấy, hoặc mượn thẻ đỏ của tôi để ra trại, hoặc trèo tường ở chỗ đầu Lý Nam Đế.

Lúc bấy giờ, trong quân đội có tin đồn rất ghê: Vì cô Khuê theo đạo Cơ Đốc, lại là con nuôi ông tổng giám mục, tên là Douley (?) gì đó, nên nó tung tin cô Khuê được gài lại làm gián điệp, mà gián điệp thì trước tiên nó xông vào quân đội, và như thế là Trần Dần mắc cạm bẫy gián điệp. Tôi mới hỏi ông Võ Hồng Cương: *"Có gì mà bảo cô ấy là gián điệp hở anh?"* Ông Cương rất lành và thật thà, ông ấy bảo: *"Cái này là bên Cục Tổ Chức và Cục Bảo Vệ, bao giờ người ta cũng theo dõi tất cả hành động của cán bộ khi mới về tiếp*

quản, tôi cũng chẳng biết thế nào, nhưng anh là bạn thân của anh ấy, anh bảo anh ấy thôi đi, chuyện này nó phiền phức quá, mà tôi thì không muốn làm cái gì nặng nề với anh ấy". Nhưng cái dư luận ấy càng ngày càng tăng, bởi vì Trần Dần và Tử Phác còn đưa ra cái Đề nghị cải tổ, mà họ cho hai anh là chính, Hoàng Cầm không sâu sắc gì, chỉ a dua thôi, không phải chủ mưu. Thế là họ mở cái lớp đấu tranh nội bộ chống Trần Dần Tử Phác, ông Võ Hồng Cương phải chịu trách nhiệm, học tập tình hình trong Cục Tuyên Huấn, có biểu hiện không tốt, học tập để đấu tranh chống tư tưởng tư sản của Trần Dần. Sau đó, Trần Dần và Tử Phác bị kỷ luật hai tháng[265], bị giam trong hai cái phòng, để viết kiểm điểm, tối họ khoá cửa để anh ấy khỏi trèo tường ra ngoài. Hoàng Cầm thì được ở Liễu Giai với đoàn văn công và không bị truy tố gì cả, mặc dầu có tham gia bản kiến nghị. Độ mấy ngày viết xong kiểm điểm, thì anh ấy làm thơ. Anh Dần có bài thơ nhớ cô Khuê hay lắm. Cũng trong thời gian đó Trần Dần viết bài thơ dài Nhất Định Thắng.

♦ Tử Phác

Về trường hợp nhạc sĩ Tử Phác, Hoàng Cầm kể:

Tử Phác là con nhà tư sản, sau 1954, về Hà Nội, anh vẫn giữ nếp sống tư sản, về ở nhà riêng, phố Hàng Giấy, trước cửa chợ Đồng Xuân, nhà to lắm. Anh có bà vợ chính thức là cô Nghiã, dạy piano, violon, ở trường nhà nước. Tử Phác làm trưởng phòng Văn Nghệ Quân đội, vì dan díu với một cô diễn viên, nên bị mất chức. Tử Phác, Trần Dần và tôi, đều bực mình về việc văn nghệ sĩ bị trói buộc trong cái kỷ luật nghiệt ngã, nên bàn nhau làm cái kiến nghị lên ông Nguyễn Chí Thanh để cải tiến lãnh đạo văn nghệ.

Tử Phác bị đánh không phải vì chuyện tình duyên mà vì thái độ của anh: Anh luôn luôn chống lại những giáo điều.

---

265 Thực ra là ba tháng.

Khi cán bộ lên lớp dạy dỗ mọi người thì Tử Phác cứ khinh khỉnh, quay mặt đi, không thèm nghe, ngồi quấn thuốc lá hút. Vì thái độ kiêu kỳ, khinh cấp trên, nên Tử Phác bị ghét, bị coi là đồng loã với Trần Dần chống Đảng, bị bắt hai lần cùng với Trần Dần[266].

Ngoài thái độ kiêu kỳ, Tử Phác còn là thư ký toà soạn báo Sinh Hoạt Văn Nghệ của quân đội. Ông bị liệt vào tội cùng Trần Dần tổ chức hội họp soạn bản Dự thảo và chiến dịch chống Đảng trên báo Sinh Hoạt Văn Nghệ.

♦ Đặng Đình Hưng

Hoàng Cầm kể:

"Năm 1952, Đặng Đình Hưng nhận chỉ thị của ông Trường Chinh đứng ra thành lập Đoàn Văn Công Nhân Dân Trung Ương, anh làm đoàn trưởng kiêm chính trị viên. Bà Kim Thoa vợ anh Hưng đã về Hà Nội từ trước 1952. Cũng năm ấy, bà Thái Thị Liên, nữ dương cầm nổi tiếng, ở Pháp, được ông Pham Văn Đồng mời về nước. Bà Liên là vợ goá của ông Trần Ngọc Danh, em ruột ông Trần Phú. Đón bà Liên về, ông Đồng đưa lên sinh hoạt ở Đoàn Văn Công Trung Ương của Đặng Đình Hưng. Chẳng bao lâu hai người yêu nhau. Lúc ấy, bà Thoa đã về Hà Nội và người ta chưa biết cuộc chiến khi nào kết thúc. Việc đến tai Tố Hữu, nếu là người khác, thì đã bị ông quác lên ngay, nhưng ông Hưng thì ông Tố Hữu không dám, vì là bí thư và cháu họ của ông Trường Chinh. Sau 1954, ông Hưng thuê nhà phố Hai Bà Trưng ở với bà Liên[267], nhưng cũng không bỏ hẳn bà Thoa. Rồi có chuyện bà Thoa kiện lên ông Trường Chinh, ông này giao cho ông Tố Hữu giải quyết.

Một hôm, khoảng 8 giờ tối, bà Liên đi vắng, chúng tôi đang ngồi uống rượu với ông Hưng thì ông Tố Hữu sai liên

---

266 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

267 Nhạc sĩ Đặng Thái Sơn, con của hai người sinh năm 1957.

lạc xuống nói với ông Hưng: *Anh Tố Hữu mời anh lên nói chuyện*. Ông Hưng bảo tôi: *Thằng đó gọi tao làm gì, tao đâu có quan hệ gì với nó, ban ngày thì là việc hành chánh, ban đêm tao đéo đi!* Tôi can: *Hưng ơi, dù sao cậu cũng là đảng viên, đoàn trưởng đoàn văn công, thì vẫn ở dưới quyền Tố Hữu, mà người ta mời lên chứ có gọi đâu!* Tôi kích lên như thế thì ông ấy mới đi. Độ một tiếng sau, thấy trở về, mặt lầm lầm lì lì, chẳng nói chẳng rằng, ngồi xuống uống rượu tiếp. Một lúc tôi mới hỏi: *Có việc gì quan trọng không?* Thế là Hưng cáu: *Mẹ nó đập bàn với tao, thì tao đập lại.* Nó bảo: *Anh không cắt đứt với bà Liên thì anh coi chừng cái sinh mạng chính trị của anh.* Tao bảo: *Tôi không có lỗi gì với Đảng hết, việc làm tôi không sai phạm gì hết. Việc bà Liên và bà vợ tôi là chuyện riêng của tôi, Đảng không có quyền can thiệp.* Thế là nó đập bàn: *Anh coi chừng cái sinh mạng chính trị của anh.* Tao cũng đập bàn: *Tôi chả coi anh ra cái thá gì cả, anh không là cái thá gì mà anh dọa tôi!*

Thế là ngày hôm sau Tố Hữu chỉ thị cho Nguyễn Xuân Khoát, tổ trưởng đảng bên âm nhạc, kiểm điểm Đặng Đình Hưng, bắt nhận lỗi hủ hoá với bà Liên. Ông Khoát nhận chỉ thị thì phải làm chứ ông biết thừa tính ông Hưng. Ông Khoát tổ chức ba buổi, hỏi ý kiến anh Hưng nghĩ thế nào về việc bà Liên, ông Hưng trả lời dứt khoát: *Tôi không có lỗi gì hết mà phải kiểm điểm. Việc tôi với bà Liên là việc riêng, Đảng không có quyền can thiệp.*

Sau ba ngày kiểm điểm kết quả zéro, đến ngày thứ tư Tố Hữu ra lệnh khai trừ khỏi Đảng và cất chức đoàn trưởng, Thế Lữ lên thay. Việc này hoàn toàn không dính dáng gì đến NVGP, bởi vì Đặng Đình Hưng không viết bài cho NVGP, chuyện gia đình anh Hưng là chuyện riêng, nhưng người ta kéo vào NVGP, bởi vì cái gì cưỡng lại chỉ thị của Đảng, chống lại Tố Hữu thì bị quy là NVGP"[268].

---

268 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Hai nhạc sĩ Đặng Đình Hưng và Tử Phác hầu như không đóng góp bài vở cho NVGP -Tử Phác chỉ viết một bài nghiên cứu âm nhạc- nhưng vẫn bị thanh trừng nặng nề vì Đặng Đình Hưng được coi là đệ nhất quân sư. Tử Phác, thư ký toà soạn báo Văn Học Nghệ Thuật, là đệ nhị quân sư, đã cùng Trần Dần chủ mưu chống Đảng.

● Áp lực bắt vợ Nhân Văn bỏ chồng

Hoàng Cầm kể:

Sau NVGP, ở những nơi có vợ Nhân Văn làm việc, đều được người ta vận động chi bộ, nếu là đảng viên hoặc công đoàn, nếu ngoài đảng, cho người đó bỏ chồng. Lập luận đưa ra: NVGP có tư tưởng cực kỳ xấu, phản Đảng, mà sống với người chồng như thế thì không thể hạnh phúc được.

Ví dụ, bà Nhất là vợ ông Trần Đức Thảo, dạy trường Cao Đẳng Sư Phạm. Hai người lấy nhau lâu rồi nhưng không có con. Thì chi bộ đại học vận động bà Nhất phải làm đơn ly dị, vì chồng có tư tưởng xấu, chống tổ quốc, chống Đảng. Chuyện đến tai ông Phạm Văn Đồng, ông Đồng mời bà Nhất lên vì ông rất kính trọng ông Trần Đức Thảo, can gián đại ý: *"Việc anh Thảo tham gia NVGP, nếu ta gọi là sai lầm thì đó cũng chỉ là cái sai lầm nhất thời, nếu chị lấy cái cớ đó để ly dị, tôi e rằng nó xấu hổ cho người trí thức lắm"*. Quả nhiên bà Nhất về có rút cái đơn ly dị đi. Và chi bộ cũng biết ý kiến ông Đồng như thế, nên nó đình lại 5 năm, rồi sau nó làm lại, thủ tục rất nhanh, ông Đồng không biết, lần này ly dị thật. Đấy là chuyện họ ép bà Nhất.

Còn chuyện tôi với bà Lê Hoàng Yến thì như thế này: khoảng năm 1959, sau khi thi hành kỷ luật, tôi đi lao động ở Thái Bình về, bà Yến kể: Một buổi sáng, anh thư ký công đoàn ở bệnh viện Việt Đức, ông giám đốc và một người nữa, đến nói chuyện với tôi, đề nghị tôi bỏ chồng: *"Chồng chị là NVGP, tội nặng đấy, tư tưởng chống Đảng là xấu lắm, như ở bên Trung Quốc thì người ta đã bắn bỏ rồi, bên ta nhờ có*

cụ Hồ bao giờ cũng khoan hồng...". Bà ấy trả lời: *"Báo Nhân Văn thì tôi cũng chả đọc, mà có đọc tôi cũng chả hiểu họ viết gì, mà cho là phản động. Bây giờ các anh lại bảo Nhân Văn là xấu, tôi cũng chả hiểu xấu là thế nào, mà đến nỗi phải bỏ chồng. Thôi xin các anh miễn cho tôi nghe cái chuyện ấy".* Rồi họ ra về. Mấy hôm sau họ lại đến nữa, lần này thì bà ấy đuổi thẳng: *"Nếu các anh đến thăm tôi về chuyện bênh viện Việt Đức thì mời các anh vào, còn nói chuyện như lần trước thì mời các anh về, tôi chả nghe cái chuyện ấy nữa đâu."*

Sang đến chuyện Lê Hoàng Yến. Anh Yến có viết bài phê bình thơ Tố Hữu năm 1955, đăng báo trước bài của tôi, và sau đó anh tham gia NVGP. Năm 1959, anh ấy phải đi lao động ở Phú Thọ, vợ là chị Thao, Xuân Thao gì đấy, vẫn ở Hà Nội, chị tuy năm con nhưng còn đẹp lắm. Anh Lê Hoàng Yến trước kia là trưởng ty công an tỉnh Quảng Nam, nhưng anh mê kịch, bỏ ngành công an về làm sân khấu. Anh có uy tín vì am hiểu sân khấu lắm, anh đọc nhiều kịch nước ngoài. Sau Nhân Văn anh cũng bị phê phán nặng, nhưng kỷ luật thì giống tôi, nghiã là chỉ bị khai trừ một năm.

Anh là đảng viên, thì cái tổ Đảng bên Sân Khấu của anh nó đến vận động bà Thao bỏ chồng. Bà Thao đã 5 con nhưng còn xuân sắc lắm, hơ hớ như độ đôi mươi. Chúng nó vận động thế nào mà bà Thao sốt sắng viết đơn đệ toà ngay. Người ta mời anh Lê Hoàng Yến từ Phú Thọ về ra toà để ly dị. Buổi đầu còn hoà giải. Anh Yến bảo *"Tôi hoàn toàn không biết có lỗi gì, tôi yêu quý vợ tôi lắm và tôi luôn luôn giữ đủ bổn phận với gia đình, không hiểu sao vợ tôi lại có đơn này".* Toà hỏi chị Thao thì chị trả lời: *"Anh Yến từ trước đến giờ quả thực không có lỗi gì, trước kia anh còn làm đến trưởng ty công an, nhưng không ngờ anh ấy lại tham gia vào cái bọn khốn nạn NVGP. Nhờ ơn Đảng nuôi dậy suốt đời các anh được hiểu biết, được sáng tác, như anh Hoàng Cầm*

viết được Bên Kia Sông Đuống, anh Trần Dần viết Người người lớp lớp, anh Văn Cao cũng thế... Vậy mà chỉ vài năm nay, không biết các anh ăn phải cái bả gì, người ta bảo là cái bả tiền nong, gái đẹp, khiến các anh đi vào con đường xấu xa phá hoại, chống Đảng, vì thế sống với anh, tôi mất hết hạnh phúc, tôi làm cái đơn này, mong toà giải quyết ngay cho, sớm ngày nào hay ngày ấy!" Anh Lê Hoàng Yến thuật lại với tôi như thế, bà ấy cứ một giọng chắc nịch, anh đi từ chỗ ngạc nhiên, đến chỗ buồn, buồn lắm, anh không hiểu sao vợ mình lại thay đổi nhanh chóng như thế. Tôi buồn quá, tôi nói như van vỉ vợ tôi: *"Thôi em hãy nghĩ đến hạnh phúc của năm đứa con, nếu như tôi có lỗi gì thì tôi cũng đã vui vẻ đi lao động cải tạo để xây dựng lại cho tốt, xin Thao rút cái đơn đó đi, nghĩ đến tương lai các con mà rút đơn đi".* Chị Thao vẫn một mực khăng khăng: *"Chính vì tôi nghĩ đến tương lai các con, không muốn chúng nhiễm tư tưởng độc hại NVGP của bố nó, trở thành những phần tử xấu xa của xã hội mà tôi phải ly dị!"* Sau đó toà giải tán, hẹn nửa tháng nữa gặp lại. Trước khi về Phú Thọ, anh Yến xin với cô ấy: *"Anh muốn gặp em để nói chuyện một tý",* cô ấy trả lời: *"Chả có gì mà phải gặp, tôi đã nói hết ở toà rồi, anh Nhân Văn là khốn nạn lắm, tôi không thể sống được với anh nữa".* Lần hoà giải thứ nhì cũng vậy, bà ấy vẫn một giọng.

Đến phiên toà chính thức, đông người xem, tôi cũng đến. Chị Thao lên nói một cách oai phong lẫm liệt, đanh thép và rất ác: "Tôi với anh Yến lấy nhau có 5 mặt con, không có chuyện gì, nhưng gần đây, tư tưởng chồng tôi thay đổi một cách rất rõ rệt, trước kia là người tốt, công tác, tư tưởng, lập trường rất rõ ràng, nhưng từ khi anh ấy tham gia nhóm phá hoại NVGP, có tư tưởng cực kỳ xấu, phản Đảng, phản nhân

dân, tôi nghĩ nếu tôi còn tiếp tục sống với anh ấy nữa thì đời tôi chỉ là đống bùn hôi thối..."[269].

Bi kịch của các văn nghệ sĩ bị Đảng can thiệp vào đời sống riêng tư, được Lê Đạt thuật lại trong bài *"Nhân câu chuyện mấy người tự tử"* với hai câu thơ "để đời":

Đem bục công an máy móc
đặt giữa tim người.
Bắt tình cảm ngược xuôi
theo đúng luật đi đường nhà nước

Lời thơ phát xuất từ những chuyện cá nhân, nhưng đã nói lên bi kịch của những người muốn tự do trong tình yêu, nhưng bị Đảng trực tiếp gán ép hoặc ngăn cản. Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Tử Phác, đều chung cảnh ngộ: bị Đảng can thiệp vào đời sống cá nhân.

Riêng những người vợ Nhân Văn, nếu không chịu bỏ chồng, thì phải gánh chịu hậu quả việc chồng làm, trong suốt cuộc đời còn lại.

Lê Đạt kể: *"Khi ấy, Thúy mới 18 tuổi. Ngày nào cũng có những cán bộ tốt bụng đến vạch rõ "bộ mặt phản động của Lê Đạt và khuyên cô cắt đứt với tôi (...) Cô không được làm diễn viên nữa, bị đẩy xuống làm phục trang và bị đối xử như một con chiên ghẻ. Có một điều chắc chắn là không có vợ tôi, thì tôi đã thân tàn ma dại rồi. Tôi đã làm lỡ cuộc đời nghệ thuật của cô và cô vì tôi mà mắc bệnh suy nhược thần kinh cho đến bây giờ. (...) Được phục hồi, tôi còn nhúc nhắc sáng tác được, nhưng Thúy thì được gì ngoài chứng bệnh suy nhược thần kinh, tê buốt khắp mặt đến mức nhiều khi không thể hé miệng được"*[270].

---

269 Những chuyện về Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, bà Nhất, bà Yến, bà Thao trên đây, theo băng HC nói chuyện với bạn bè.

270 *Nghe Lê Đạt kể chuyện mình*, Phạm Tường Vân, bài dã dẫn.

Lê Đạt ghi lại bi kịch gia đình trong thơ như một lời tạ lỗi vợ con, như một ân hận suốt đời, bài thơ vượt khỏi khuôn khổ gia đình để nói lên nghịch cảnh chung của tất cả những người vợ Nhân Văn mà Lê Đạt đã khắc chân dung họ vào văn học sử:

● Vợ Nhân Văn

Lịch sử quýt làm cam chịu

Xin lỗi em
những đêm Nguyễn Bỉnh Khiêm[271] *trằn trọc*

Anh Thái Hà [272] *chưa về*
và em khóc
Xin lỗi em
những lời khuyên "cắt đứt"
Vạ gì đeo hai tiếng "liên quan"
Những buổi sớm
muốn chui đầu xuống đất
Mặt trời soi ngày kiểm thảo bắt đầu
Xin lỗi em
tiếng oan vợ thằng phản động
Lý lịch ba đời mấy đứa con thơ
Xin lỗi em
tuổi ước mơ không được sống
Những giấc ngủ
chưa một lần tròn mộng
Chung thân tâm thần
trọng tội đa mang
Đời sau ơi!

---

271 Vợ tác giả là diễn viên kịch nói ở nhà tập thể đoàn Kịch phố Nguyễn Bỉnh Khiêm (Chú thích Lê Đạt).

272 Thái Hà ấp: nơi tổ chức cuộc đấu tranh chống NVGP (chú thích Lê Đạt).

May còn đoái đến tôi
Hãy trả giùm tôi món nợ
Người vợ nhỏ
vừa thoát tuổi khăn quàng đỏ

Đã chụp mũ chồng
lưng thập tự Sói ăn
Và Đức Phật
duyệt xuất biên vào Tĩnh thổ
Xin độ trì
những Thị Kính-vợ-Nhân Văn.

● **Con Nhân Văn**

Đào Phương Liên ghi lại cuộc sống gia đình nhân ngày giỗ đầu của cha.

Bài văn khơi động một bi kịch kinh hoàng mà người ngoại cuộc không thể hình dung nổi:

"... Suốt tuổi thơ, con luôn trăn trở mãi trong lòng câu hỏi Bố là ai? (...)

Nhưng con không dám hỏi Bố vì sao sau những buổi vui vẻ ấy, Mẹ lại lo lắng nhắc Bố: "Ông đừng có nói to, cười lớn như thế!". Bố thế nào cũng nổi cáu, quặc lại: "Tôi có làm gì khuất tất đâu mà không được cười to, nói to?" Con đã bênh Bố vì nghĩ đó không phải là một tội nhưng lại thầm thắc mắc: "Vì sao nhỉ? Hay cười nói to thế là không lịch sự?".

Rồi một hôm Mẹ đi làm về, nhỏ to thì thầm: "Bà vợ ông Văn Cao dặn tôi nhắc ông vẫn có người theo dõi đấy. Ông phải cẩn thận. Đừng có cười to, nói to. Người ta để ý đấy!" Con đã quá quen với lời nhắc nhở đó, giờ chỉ còn mỗi bận tâm: "Văn Cao nào nhỉ? Làm sao mà Bố quen được với tác giả TIẾN QUÂN CA cơ chứ?"

Trên chiếc thùng gỗ tạp mà bề mặt xù xì dăm gỗ, chỉ rộng bằng tờ báo, kê dưới chiếc cửa sổ có chấn song nhỏ xíu của căn gác 3 như chuồng chim cu nhà ta, bố úp đáy làm bàn ngổn ngang giấy tờ, sách báo, Bố ngồi bệt dưới sàn, hý hoáy viết rồi gạch xóa. Bố là nhà thơ, nhà văn ư? Con thoáng nghĩ đến cái nghề cao siêu đó. Con lén tìm đọc. Con chỉ thấy vài chữ nguệch ngoạc bên lề những mẩu báo, bên lề những bài kiểm tra của con hay ở mặt sau những tờ giấy đen xì nổi gai: "chi chi…chành chành, rồng rắn lên mây, cái đanh thổi lửa"…(Mà mỗi khi con hỏi bố tìm gì vì thấy bố hoảng hốt, cáu gắt loạn lên thì bố chỉ im im rồi thở dài. Bố đâu biết mẹ con con khi lau dọn tưởng là rác vứt đi rồi!). Con vội gạt đi ngay vì nhà mình không có một quyển truyện, một quyển thơ nào (...) Và con lại trăn trở với câu hỏi: Bố là ai? Làm nghề gì? (...)

Cho đến tận năm 1975, năm lớp 10 cuối cấp, một cậu bạn cùng phố, học từ thời vỡ lòng với con, con một cán bộ miền Nam tập kết cấp cỡ, đến lớp bô bô: "Bố cái Liên là phản động chúng mày ạ". Con nghe máu nóng bốc rát mặt nhưng cúi mặt vờ không nghe thấy. Một cậu bạn kế bên đế thêm: "Bố nó sỏ nhầm giầy à?" Lúc đó, con chỉ muốn độn thổ vì sợ.

Về nhà, con len lén để ý xem Bố có đúng là "phản động" không? Con không dám hỏi vì sợ… đúng???. Vì sợ… đụng phải nỗi đau cần phải che giấu của Bố dù con không hề tin!

Con đã tự trấn an mình bằng những kiến thức thu nạp được qua biết bao chuyện công an bắt gián điệp những tối thứ bẩy, qua những câu chuyện trong các tạp chí QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, qua những nhân vật phản diện xấu xa trong các tác phẩm văn học. Con vừa là công an theo dõi Bố, vừa là luật sư phản biện, bảo vệ Bố. Con chịu khó lục tìm mọi chứng cớ có lợi cho Bố. (...) Con tự lý giải: Nếu Bố

là "phản động" thì Bố đã không khóc ngày Bác Hồ mất! Nếu Bố "phản động" thì đã không có thẻ thương binh! (Lúc đó con không biết đó là thẻ Bố được tặng?) (...) Rồi con không được xét vào Đoàn dù lần kết nạp nào con cũng được giới thiệu, (....) Rồi con làm hồ sơ thi đại học, anh con bác hàng xóm cười khẩy: "Rồi em cũng như tụi anh thôi. Có giỏi mấy cũng chẳng vào được đại học. Cùng lắm là Sư phạm. Mà mày chưa Đoàn viên thì đừng mơ!" Đem thắc mắc đó về hỏi, Bố cười gạt đi: "Làm gì có chuyện đó. Con cứ thi đi. Mà Bố thấy Sư phạm cũng tốt". Bố chợt trầm ngâm: "Chắc không có chuyện gì đâu. Bút danh của Bố là Lê Đạt cơ mà. Có phải Đào Công Đạt đâu mà lo?". Rồi Bố lo lắng hỏi lại: "Thế có thật không phải Đoàn viên thì không được vào Sư phạm không con?". Và bố lại tất tả dắt xe đi… Cho đến lúc ấy con mới được nghe từ Bố cái bút danh Lê Đạt nhưng quả thật không gây ấn tượng gì với con vì con chưa bao giờ nghe tới phong trào NVGP.

Và Bố không biết đâu, ngay những ngày đầu của năm thứ nhất Sư phạm ngoại ngữ, trong một giờ văn học sử Pháp, thầy giáo không biết sao lại nhắc đến "bọn Nhân văn Trần Dần, Lê Đạt" với những câu "bôi xấu chế độ".

"Ta đi không thấy phố thấy phường
Chỉ thấy mưa sa trên nền cờ đỏ"

Của bác Trần Dần

Và của Bố:

"Đặt bục công an giữa trái tim người
Bắt tình cảm ngược xuôi theo chế độ".

Con đã cúi gằm mặt, người nổi gai vì ngỡ cả hội trường dồn mắt nhìn mình. Dẫu trong lòng con vang lên "nếu thế thì sai quá còn gì" dù con không biết những câu sau. Cho tới ngày Bố đi xa, cô chủ nhiệm của con mới móm

mém: "tao đến khổ vì chuyện vào Đoàn của mày". Con thật thà: "vì em chưa xứng đáng". Cô vỗ vai: "vì cái lý lịch"[273].

Và câu trả lời của Đào Công Uẩn, trước linh cữu Lê Đạt, có đại diện của chính quyền: "*Cha chúng tôi là một người luôn sống và trả giá "cho một đất nước độc lập, tự do, một nền văn học nghệ thuật độc lập, tự do".*

● Lê Đạt và Hồ Chí Minh

Trái với Nguyễn Hữu Đang, dứt khoát xác định trách nhiệm của Hồ Chí Minh trong việc đàn áp NVGP, Lê Đạt có một thái độ gần như băn khoăn, khó hiểu.

Trong buổi nói chuyện với ông (ghi âm ngày 13-04-1999) tại Paris, ở đoạn cuối, tôi có hỏi ông về Hồ Chí Minh. Khi phát thanh trên RFI, 2004, Lê Đạt đồng ý là nên cắt bỏ. Nay đã có khoảng cách thời gian, xin ghi lại hai câu đã bị cắt như một tư liệu, giải thích thái độ của Lê Đạt đối với vị lãnh tụ cộng sản:

TK: *Chính ở trong phong trào của các anh cũng có điều khó hiểu: Ngay từ đầu, các anh đã phê bình tập thơ Tố Hữu, chỉ trích tập thơ đó thần tượng hóa cụ Hồ, và toàn bộ tinh thần NVGP đều chống lại sự thần tượng lãnh tụ. Nhưng trong thâm tâm các anh, ít nhất ba người Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm, đều thấm nhuần Tây học, mà vẫn thần tượng hóa cụ Hồ, có phải như thế không? Điều này làm cho người ta khó hiểu.*

LĐ: Dĩ nhiên chị ạ. Mình có thể phê phán người khác, nhưng mình vẫn phạm sự thần tượng hóa, là tất nhiên. Nhưng khi *tôi viết* tôi không thần tượng hóa nữa. Tôi rất chú ý đến việc ấy, nhưng chắc là *trong ngóc ngách tâm hồn tôi, chắc còn có nhiều chỗ vẫn thần tượng hóa*.

---

273 Đào Phương Liên, *Bố ơi, những câu chuyện của con*..., Tuổi trẻ cuối tuần, 12/4/2009.

TK: *Trong thâm tâm các anh vẫn coi cụ Hồ là "thần tượng". Nhưng cụ Hồ lại chủ trương điều mà các anh chống lại, đó là sự toàn trị, và cụ Hồ cấm đoán cái mà các anh đòi hỏi, đó là tự do tư tưởng. Mình không thể nào "tranh đấu" với một thần tượng mình tôn thờ và đòi lật đổ sự độc tôn thần tượng đó. Đấy là điểm mâu thuẫn, không thể giải thích được trong lập luận của các anh?*

LĐ: Tôi không bao giờ coi cụ Hồ là đại diện tự do và dân chủ cho đất nước Việt Nam. Tôi thần tượng là thần tượng ở những khía cạnh khác. Chị nên thông cảm với tôi. Thần tượng trên mọi phương diện thì tôi không bao giờ có, không bao giờ tôi nghĩ cụ Hồ là thần tượng của tự do dân chủ trên đất nước Việt Nam. Không có. Trong khi tôi đấu tranh thì có nghĩa là tôi đấu tranh cả với cụ Hồ. Nhưng một góc của tâm hồn tôi... Đó là bi kịch của tôi. Điều đó chị thông cảm cho tôi.

Ngoài micro, tôi nói đùa với nhà thơ: *"Cụ Hồ đã làm các anh điêu đứng suốt đời mà anh vẫn còn bênh được thì lạ quá!"*. Lê Đạt cười: *"Thì mình cũng phải tin là còn có một người tử tế, chứ nếu cả nước đều một bọn vứt đi thì làm sao sống nổi!"*

Lê Đạt có viết bài trường ca *Bác*[274]. Đây là bài thơ ca tụng bác Hồ với những tình cảm chung chung, không thấy bộc lộ cảm xúc chân thực, phát xuất tự đáy lòng:

"Trong lặng im trắng
mênh mông
mỗi tấc lòng
Ta càng nghe rất rõ
cái thủa Ba Đình
Di chúc
bác mở tay

---

274 Một phần trích in trong *Văn học VN sau cách mạng tháng Tám*, Văn Học, Hà Nội 1992.

mở bay
trang rộng"[275]

Thời đầu kháng chiến, hầu hết người Việt đều coi bác Hồ là "cứu tinh của dân tộc", và nhà thơ nào cũng có bài ca tụng thần tượng, kể cả Vũ Hoàng Chương.

Nhưng không hiểu sao, Lê Đạt lại làm bài *Bác* ở thời điểm khá trễ này? Phong Lê trong bài *"Có một trường ca về Hồ Chí Minh..."* cho biết trường ca này viết năm 1970 để kỷ niệm ngày giỗ đầu của HCM, nhưng phải 20 năm sau, mới được in[276]. Đào Phương Liên cho biết, khi "Ông" mất, bố mẹ để tang "Ông". Như vậy bài thơ *Bác* đã làm sau khi Hồ Chí Minh mất, như một lời tạ ơn chăng?

Kết thúc lớp Thái Hà, Tố Hữu đe dọa Lê Đạt: ***"Tội của anh cũng nặng như tội Nguyễn Hữu Đang***. *Lẽ ra anh cũng bị đi tù. Nhưng mà Đảng vì nghĩ đến anh, chiếu cố đến anh còn trẻ, có khả năng và còn có thể giúp ích được cho đời nữa nên Đảng khoan hồng với anh thôi chứ* ***anh-đừng-nên-nghĩ-rằng-anh-tội-nhẹ****!" Đó là lời dặn dò của Tố Hữu với tôi trước khi tôi về."*[277]

Trong "lời dặn dò" của Tố Hữu, hình như Đảng chính là Bác?

"Tội" của Lê Đạt nếu truy kỹ, nặng hơn "tội" Nguyễn Hữu Đang, vì những câu thơ Lê Đạt viết về chế độ cộng sản sẽ không bao giờ xóa được trong lòng ký ức dân tộc.

Nhưng Lê Đạt không bị đi tù. Phải chăng đã có sự "khoan hồng" ở *Bác,* đối với một nhà thơ có tài? Lê Đạt đã cảm nhận như thế và đó chính là bi kịch của ông? Tạm hiểu bài thơ *Bác* và tình cảm "khoan hồng" của Lê Đạt đối với bác, nằm trong bối cảnh như thế.

---

275 Sđd, trang 132.

276 Nhà xuất bản Thanh Niên, 1990, nhân ngày kỷ niệm 100 năm sinh HCM.

277 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

● Những bài thơ khóc bác Hồ không được đăng

Trong băng ghi âm, Hoàng Cầm cho biết "lý lịch" một số những bài thơ ca tụng bác Hồ:

"Làm thơ ca tụng bác Hồ, trước tiên là Tố Hữu. Thời trước cách mạng, tôi đọc được trên báo một số bài thơ ký tên Tố Hữu, trong đó có một bài tên là Hồ Chí Minh. Lúc bấy giờ, chưa mấy ai biết rõ bác Hồ. Phải đến ngày 2/9/1945, người ta mới biết đó là một lãnh tụ ở xa về. Còn tên Tố Hữu chưa biết là ai. Bài thơ Hồ Chí Minh rất dài trong có một câu làm tôi chú ý: *"Hồ Chí Minh mắt sáng quắc tay xanh lè mã tấu. Quyết vùng lên thề phanh thây uống máu lũ cường quyền. Ôi khoái trá vô biên"*. Bài thơ tả một người: mắt sáng quắc, tay xanh lè mã tấu, thế ông ấy là tướng cướp à? Còn câu: *Thề phanh thây uống máu quân thù* thì có trong quốc ca của Văn Cao, trong bài Đêm Liên Hoan của tôi cũng có *moi gan uống máu quân thù*, và ngay quốc ca Pháp cũng có, nghe thấy mà ghê. Nhưng đặc biệt câu này: *Ôi khoái trá vô biên*, mới thật là rùng rợn, uống máu quân thù mà thấy khoái trá vô biên thì ghê quá, khát máu quá, không thể chấp nhận nổi. Đấy, tôi biết Tố Hữu qua bài thơ ấy.

Đến khi ông Hồ mất, năm 1969, Đặng Đình Hưng mới đưa ra ý kiến: Một người như bác Hồ mất đi thì ai cũng có cái xúc động. Vậy nhân dịp này, nếu chúng ta còn cái cảm tình gì đối với ông Hồ thì mỗi thằng nên làm một bài thơ, gửi lên Trung Ương để tỏ rằng: chúng tôi là những người công dân chân chính, cái gì đáng yêu đáng kính thì chúng tôi trân trọng. Trước cái chết của bác Hồ, chúng tôi biết rung động, tác phẩm của chúng tôi đây. Mọi người đều tán thành. Đặng Đình Hưng viết bài *"Bác còn",* tức là Bác không chết đâu. Tôi viết bài *"Bác về",* Lê Đạt viết *"Bác Hồ"* gồm 3 bài dài như trường ca. Riêng Trần Dần quanh quẩn mãi sau chịu thua: *"Tao loay hoay mãi mà không làm nổi một câu nào!"* Đành thôi. Thế là được ba bài, gửi lên bốn nơi: Ban Tuyên

Huấn Trung Ương, đồng chí Lê Duẩn, đồng chí Trường Chinh và Hội Nhà Văn.

Chúng tôi nhận được hai danh thiếp trả lời: Ông Phạm Văn Đồng trả lời anh Đặng Đình Hưng, đại ý: *"Anh Hưng thân mến, tôi đã nhận được bài thơ anh viết về Bác, tôi đọc và rất xúc động. Ở trên này chúng tôi vẫn hết sức đấu tranh, thảo luận để làm thế nào cho anh em trở lại sáng tác như trước."* Hoàng Cầm nhận được thiếp của ông Trường Chinh vỏn vẹn: *"Cảm ơn đã nhận được bài thơ về Hồ Chủ Tịch"*.

Lê Đạt không nhận được gì cả.

Lê Duẩn, Tố Hữu không viết lời nào.

Đến Tết năm ấy, trên báo Nhân Dân người ta mở cái mục gọi cảm tình của *"Quần chúng với Bác Hồ"*, tôi cũng gửi bài thơ ấy đến báo Nhân Dân, kèm lá thư cho ông chủ nhiệm Hoàng Tùng, giãi bày: nhân danh công dân, trước cái chết của bác Hồ, tôi làm bài thơ *"Bác về"* mong được báo Nhân Dân trích dăm ba câu, như một tác giả vô danh, đăng trong mục "*Quần Chúng với bác Hồ*".

Gửi hôm trước thì hôm sau anh Nguyễn Địch Dũng cầm trả tôi bản thảo cả bài thơ đó, bảo anh Hoàng Tùng có nhận được thư anh nhưng báo chật chỗ quá rồi. Điều đó chứng tỏ, người ta thù ghét anh em NVGP đến thế nào, đến khóc bác Hồ mà cũng không được phép đăng báo"[278].

Việc làm thơ khóc bác Hồ của ba thành viên NVGP, có thể có hai ý nghĩa: ý nghĩa trữ tình, phát xuất tự tâm hồn của họ và ý nghĩa chiến lược: muốn nhân dịp này để đo mức độ tình cảm của Đảng dành cho họ.

Sự trả lời của Đảng thật rõ ràng, tàn nhẫn, nhất là đối với Lê Đạt.

Tóm lại, dường như ở những nhà thơ như Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, luôn luôn có một con người ngây thơ, lãng mạn, trữ tình, khi nhìn vị lãnh tụ.

---

278 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Trong khi những nhà trí thức như Phan Khôi, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Hữu Đang... phán xét lãnh tụ sáng suốt, rạch ròi hơn, vì họ không mấy lãng mạn mà nghiêng về lý trí.

● Quốc Dân Đảng

1- Trong bản "tự thú" Lê Đạt viết một câu đáng chú ý: *"Đảng đối với tôi có rất nhiều ân huệ, kéo tôi ra khỏi bàn tay phản động của bọn Quốc Dân Đảng, cho tôi công tác gần các đồng chí lãnh tụ, cho tôi đi thực tế để cải tạo, nâng đỡ những sáng tác của tôi, đến khi va chạm vào quyền lợi cá nhân, tôi trở mặt tấn công vào Đảng, nhẩy sang trận địa của giai cấp tư sản phản động và làm người phát ngôn của chúng"*[279].

2- Khi trả lời phỏng vấn Phạm Tường Vân, Lê Đạt cho biết:

"Nhà mẹ vợ tôi là cơ sở cách mạng, hai anh của Thúy một người là bí thư chi bộ xã, một người đi bộ đội. Hồi cải cách mẹ vợ tôi bị quy là gián điệp và anh cả bị quy là Quốc Dân Đảng chờ đem ra xử bắn. Thúy đương được ở đoàn kịch trung ương, lúc nào cũng nơm nớp sợ bị đưa về xã đấu tố. Thì vừa lúc sửa sai bắt đầu, cả nhà may mắn thoát nạn"[280].

3- Truyện ngắn *"Thế là… chị ơi!"* của Vũ Ngọc Tiến, đăng trên Talawas, gián tiếp viết về đời sống nhà thơ Trần Dần và bà Bùi Thị Ngọc Khuê, vợ ông, đặc biệt có đoạn tả cái chết của ông Phán Hậu (ân nhân của bà Khuê) như sau:

"Cuối cùng thì thơ anh cũng được tôn vinh (...) . Song cái án oan kết tội ông Phán Hậu, nhà chí sĩ yêu nước giầu có, danh giá bậc nhất tỉnh Nam Định bị bôi nhọ là tên phản động Quốc Dân Đảng, tay sai đế quốc Pháp ai rửa cho ông?

---

279 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58, trang 80.
280 Lê Đạt trả lời Phạm Tường Vân, bđd.

Đêm trước ngày bị các Ông Đội sai cán bộ chuỗi, rễ đến nhà bắt trói ông đem đi đấu tố, ông lập bàn thờ giữa sân nhà, có bài vị Nguyễn Thái Học bằng chữ Nho, rồi ông đội khăn xếp, mặc áo the đen, lầm rầm khấn vái: "Tiên sinh năm nào lên máy chém vẫn để lại lời bất hủ rằng "không thành công cũng thành nhân". Giờ độc lập thành công rồi, mai tôi lên đoạn đầu đài sẽ thành gì đây? Tiên sinh hỡi, tiên sinh!..." Cái án oan ấy khiến anh đang đi công tác Cải cách ruộng đất ở Thái Bình bị triệu hồi về giam lỏng ở đơn vị. Ngày ấy, nếu lần anh tự tử bằng dao lam trót lọt thì còn đâu những tác phẩm sau này anh viết cho người đời chiêm ngưỡng, hậu thế tôn vinh?"

Câu chuyện ông anh cả của Thuý Thuý, và ông Phán Hậu, ân nhân của Ngọc Khuê, khơi lại chính sách thanh trừng những người có "liên quan" với Quốc Dân Đảng và hiểu tại sao Lê Đạt phải tuyệt đối giấu quá khứ Quốc Dân Đảng của mình. Trong NVGP, ba người có "liên quan" với Quốc Dân Đảng là Phan Khôi, Thụy An và Lê Đạt, vì thế, một mối thâm tình liên kết họ với nhau:

- Trả lời phỏng vấn RFI, Lê Đạt nhắc đến Thụy An và Phan Khôi, với những lời đầy ý nghĩa: *"Phan Khôi với tôi vốn có những quan hệ đặc biệt". "Trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo tờ Nhân Văn".* Việc công nhận Phan Khôi là người lãnh đạo tờ Nhân Văn, chứng tỏ Lê Đạt chỉ coi Nguyễn Hữu Đang như bạn đồng hành, Phan Khôi mới là thủ lãnh. Ngoài uy tín của Phan Khôi trong văn học, còn có lý do nào khác, nếu không vì Phan Khôi là người theo Quốc Dân Đảng, *lý tưởng đầu đời của Lê Đạt?*

- *"Tôi có thể bảo đảm 100% chị Thụy An không phải gián điệp", "Chị Thụy An rất thân với anh em trong NVGP và đặc biệt là thân với tôi". "Riêng tôi thì không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi".* Tại sao Lê Đạt dám bảo đảm 100% Thụy An không phải gián điệp, nếu ông

không biết rõ hành động của Thụy An? Nếu họ không cùng một lý tưởng?

Câu *"Tôi không bao giờ quên công của chị Thụy An đối với tôi",* có nhiều ý nghiã. Công gì? Thụy An có công với nhiều người, công dạy Phùng Quán tiếng Pháp tiếng Anh, công giúp đỡ vợ con Lê Đạt... Nhưng từ khi Thụy An bị nạn cho đến khi chết, những bạn đồng hành không ai nói một lời biện hộ công khai cho bà, trừ Lê Đạt. Vậy có thể hiểu chữ "công" này là một công lớn: Ngoài sự kính phục người chị văn nghệ can trường, còn có sự hàm ơn Thụy An, đã không "khai" những điều bà biết về Lê Đạt, như một thành viên cũ của VNQDĐ.

Câu châm ngôn mà Lê Đạt cho ghi lại trong bộ *Nhà Văn Việt Nam Hiện Đại*[281] là: *"Một nhà văn tự trọng nên bận tâm đến việc thành nhân hơn là thành danh"* có gì rất gần với lời Nguyễn Thái Học: *"Không thành công thì thành nhân".*

● Tinh thần yêu nước phát sinh từ Yên Bái

Đất Yên Thế và đất Yên Bái đối với Lê Đạt có những gắn bó sâu xa: Yên Thế, quê nội và Yên Bái, quê ngoại.

Yên Thế là đất của Đề Thám, triều Nguyễn thuộc phân Phủ Lạng Giang (nay thuộc tỉnh Bắc Giang), có 2 mảnh đất lịch sử: tổng Nhã Nam và tổng Yên Thế:

- Nhã Nam, nơi Hoàng Hoa Thám làm lễ tế cờ khởi nghiã (1889), và cũng là nơi Lương Tam Kỳ đem thủ cấp Đề Thám nộp cho Pháp lãnh thưởng (1913).

- Yên Thế, nơi Đề Thám đặt đại bản doanh chiến đấu trong hơn 20 năm, vị trí hiểm trở, "rừng thiêng nước độc", nằm giữa rặng Cai Kinh (Lạng Sơn) và đồi núi Thái Nguyên.

Yên Thế, một địa hình, một bối cảnh đất nước lâm nguy, một can trường chống Pháp thất bại:

---

281 Nxb Hội Nhà Văn, 2007.

Đất quê cha tôi
đất quê Đề Thám
Rừng rậm sông sâu
Con gái cũng theo đòi nghề võ
Ngày nhỏ
cha tôi dẫn đầu
lũ trẻ chăn trâu

Phát ngọn cờ lau
vào rừng Na Lương đánh trận
Mơ làm Đề Thám...
(Cha tôi)

Rồi người cha buông tay, bỏ cuộc, vì miếng cơm manh áo. Người con, tiếp tục lên đường:

Cuộc sống hàng ngày
nhỏ nhen
tàn bạo
Rác rưởi gia đình
miếng cơm
manh áo
tàn phá con người
Những mơ ước thời xưa
như con chim gẫy cánh
Rũ đầu chết ngạt trong bùn
Năm tháng mài mòn
bao nhiêu khát vọng.
Cha đã dạy con một bài học lớn
Đau thương
kiên quyết làm người.
(Cha tôi)

Bài *Cha tôi* sáng tác tháng 7/56, giữa *Giai Phẩm Mùa Xuân* và *Nhân Văn,* trong thời kỳ *phục xuống mà sáng tác* theo lời Văn Cao, như một tuyên ngôn, xác định con đường

tranh đấu của Lê Đạt, lấy đất Yên Thế làm khởi điểm. Yên Thế được Lê Đạt công khai xác nhận, vì Yên Thế là *tỉnh cha*, là đất của Đề Thám.

Ngược lại, Lê Đạt không thể công khai trình làng Yên Bái, quê ngoại, bởi Yên Bái là quê hương Quốc Dân Đảng.

Yên Bái có pháp trường xử lòng ái quốc. Khi Nguyễn Thái Học và 12 bạn đồng hành lên đoạn đầu đài (1930), Lê Đạt mới lên một. Yên Bái là đất sinh, Yên Bái là *Tỉnh mẹ.* Yên Bái, hơn là một nơi chôn rau cắt rốn, đã trụ lại như cái mốc đầu đời, là khởi điểm của cõi viết Lê Đạt và nẩy mầm ý chí cách mạng vùng lên chống Pháp.

Tỉnh mẹ là tỉnh mình sinh ra, là đất mẹ: Yên Bái. Tập thơ *Tỉnh mẹ,* tạm coi như tập thơ đầu đời của Lê Đạt, âm thầm dành cho Yên Bái chỗ đứng thiêng liêng, nói lên tâm sự người thanh niên sinh ở Yên Bái. *Tỉnh mẹ*, in trong phần di cảo của *Đường chữ,* tác giả mơ hồ cho biết đây là tập thơ bị thất lạc đã 40 năm. Không một bài thơ nào có ghi ngày tháng ở dưới. Lê Đạt cũng không hề nhắc đến *Tỉnh mẹ* khi còn sống. Vậy *Tỉnh mẹ* có thật sự bị thất lạc? Hay đã bị "tịch thu", sau này mới được trả lại? *Tỉnh mẹ* bị tịch thu, hay vì Yên Bái là một *"liên quan"* thầm kín mà tác giả cần phải giấu đi? Cũng như, về nơi sinh, Lê Đạt chỉ ghi Âu Lâu, trên bờ sông Hồng, không dám nhắc đến tên Yên Bái?

Tỉnh mẹ nói lên tinh thần chống Pháp của một thanh niên, nguồn gốc *quốc dân đảng*. Thơ làm theo lối leo thang, không vần, đã là giọng thơ Lê Đạt, đã có những hình ảnh lạ, táo bạo hơn thơ người khác. Điểm đặc biệt là sự gắn bó với Yên Bái, như cái nôi của hành động và tư tưởng, như một tiền trạm của lòng yêu nước, như một ý chí cách mạng, một sự đổi thay, một sự lập thân, khởi đi từ Yên Bái. Từ Yên Bái, cậu bé đã thấy một "người hàng xóm", "người chị", và cũng là "người yêu", bị con trai quan phủ làm nhục, bị xóm làng hắt hủi:

Đêm ấy
chị ra sông tự tử
Theo những chiếc lá dâu ngày xưa
Áo trắng
như buồm mộng
về một chân trời nào
cao rộng
thăm thẳm
xa [282]

Từ Yên Bái, cậu bé nhìn thấy người ăn mày chết trước cửa giáo đường, bèn hỏi Chúa có thấy không?

Chúa về tự bao giờ
Có phải thật Người không?
Tiếng chuông
lu loa
hối hả
giục
người bõ già
Quét
chiếc xác
nằm co quắp
Chết
giữa ngày Phục sinh [283]

Từ Yên Bái, nhà thơ thấy một người anh, ban đầu có "chí lớn", rồi chí ấy lụi tàn trong bổng lộc quan trường, cuối cùng nhìn lại sổ đời: Người anh không sống trong thời Pháp thuộc mà đang ở thời cách mạng:

"Trong khoảnh khắc
đối diện cùng sự thật
Sởn tóc gáy

---

282 Thơ ngây, *Tỉnh mẹ*, Đường chữ, trang 298.
283 *Người ăn mày già*, sđd, trang 319.

như kẻ sát nhân
đột nhiên
thấy
người mình thủ tiêu
lững thững
hiện theo về
đối chất.
"Anh có thể lừa
cha mẹ
vợ con
lừa cả nước
Nhưng thế nào
cũng có lần
anh phải lôi ra
trước vành móng ngựa bản thân anh"[284]

Yên Bái, một xã hội Việt Nam thoi thóp, tê liệt, đợi chờ:

Yên Bái
dăm cô gái
lỡ thì
thổn thức
Nhất Linh
tay
Loan Dũng
lên ô kính bụi

Chơ chỏng
mấy con búp bê
gẫy cẳng
bạc màu
Yên Bái
một phố chiều

284 *Một cuộc đời*, sđd, trang 309.

thượng du nắng lụi
Một con đường
rơm rớm
máu rơi
Đôi vợ chồng già
không con
nhìn bóng tối
Ôm con mèo gầy
nhức nhối
chuyện ngày xưa
Yên Bái
hôm nào
cũng ra ga
Hôm nào
cũng nhỡ tàu
ở lại
Với những tiếng còi
rứt ruột
gọi đi
Và một chân trời
nhêu nhếch
khói (...)
Yên Bái
những ngày trích lục nhau
sao thành nhiều bản (...)
Yên Bái
một quê hương vỡ nợ (...)
Một ngã ba thành năm sáu ngã ba [285].

Và người thanh niên ấy đã gửi những lời tạ tội về Yên Bái, tạ tội đã trót đốt quê hương. *Tiêu thổ* là bài thơ duy nhất trong thời kháng chiến đặt lại vấn đề *tiêu thổ kháng chiến* như một tội đồ đối với quê hương, dân tộc:

285 *Phác họa màu xám*, sđd, trang 333.

Yên Bái
chỉ để lại
trong tôi
những kỷ niệm
nhạt
như nước ốc
Sao hôm nay
khi tiêu thổ quê hương
tôi bỗng khóc (...)
Yên Bái ơi!
Cố sống
lấy thêm
dăm ngày nữa (...)
Hôm nay
ta đánh vỡ
quê hương
Đánh vỡ
từng viên gạch
tổ tiên ta
cóp nhặt (...)
Quê hương ơi!
Ta không phải
kẻ ăn tàn phá hại
Vén tay áo xô
đốt gia tài
ông cha để lại...[286]

Yên Bái chính là khởi điểm của cuộc lên đường, cũng là cuộc đi vào tan nát, khổ đau:

"Ôi! Những ngày đầu
quê hương tan nát lửa
Như đàn cò
vỡ tổ

286 *Tiêu thổ*, sđd, trang 345.

bế nhau đi
Đằng trước một chân trời sẹo đạn
Đằng xa
thông thống một đường về
Ta đã
chọn
đường
đi về phía trước

Chân chảy máu
nạng vào nhau ta bước
Điểm chỉ
trên khắp mọi ngả đường
Trong bản giao kèo
ta ký
với tương lai [287]

Yên Bái còn là mẹ của cả những người lính viễn chinh:

Bà mẹ Âu Lâu
ngồi
như gốc mai nở trắng
giữa đàn con
đủ
các giống người
Thằng cả
Xa lum
người Xê nê gan
làm mỏ than Ma rốc
Vào hầm than
đen
như thấy dân tộc mình
mấy ngàn đời
vùi dập

---

287 *Quê hương du ca*, sđd, trang 353.

chết
ở đây
Tan tầm về
ra bờ sông nước trong
rửa mặt
Rửa xong
nhìn
mặt vẫn nhọ than

Thằng hai
Ma Hô Mét
Công nhân bốc vác
An Giê
Gù gù
lưng cánh phản
Ngày ngày
khuân tổ quốc
xuống tàu buôn...[288]

Đối diện với những hô hào chém giết, máu, thù, trong thi ca thời ấy, *Mẹ* là bài thơ phản chiến, nhân bản nhất trong văn chương Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp. Nhà thơ không phân biệt chiến tuyến, "dám" coi "quân thù" cũng là con của mẹ Âu Lâu. Vì vậy "tội" của Lê Đạt phải là rất nặng, nặng từ trước thời kỳ NVGP.

● Nhân Văn Giai Phẩm

Xuân Diệu lên giọng: *"Đã rõ rệt như ban ngày, tập Giai Phẩm Mùa Xuân 1956 phất lá cờ đầu tiên chống Đảng, chống chế độ, và Lê Đạt là nhà lý luận trong đó. Lê Đạt mở đầu Giai phẩm với cái tuyên ngôn: "Trích thơ gửi người yêu" (...) và bài thơ tuyên ngôn thứ hai "Mới" đăng trong Giai phẩm (...) Lê Đạt là một người chủ chốt của báo Nhân*

288 *Mẹ*, sđd, trang 363.

Văn, tham mưu cho cả tờ báo, tự tay sửa chữa nhiều bài đả kích chế độ ta rất cay độc (...) Cùng với Nguyễn Hữu Đang làm bộ óc của báo Nhân Văn, đứng làm "nhà lý luận" của bọn chống Chế độ (...) Sau khi báo Nhân Văn bị cấm, Lê Đạt liên lạc cấu kết với Thụy An, Lê Đạt đóng vai trò quan trọng trong việc lũng đoạn Hội Nhà Văn, Lê Đạt tích cực dùng ngòi bút viết lối văn hai mặt; Lê Đạt luôn luôn giữ một cương vị đứng chủ trường phái; mãi đến trong lớp học văn nghệ lần thứ hai (tháng 3 và 4/1958) vẫn còn tìm cách quay quắt. Cho nên, xét Lê Đạt, ta phải nhìn thấy cho hết, rằng Lê Đạt chống đối ta, phá hoại ta từ trong bản chất giai cấp thù địch"[289].

Lê Đạt không chối cãi vai trò chủ chốt của mình trong bài tự kiểm thảo: *"Tôi tham gia Nhân Văn với ý thức là người lãnh đạo lý luận của tờ báo vì tôi cho tôi vững vàng hơn Nguyễn Hữu Đang. Ban biên tập lúc đó gồm có 4 người: Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Hoàng Cầm và tôi. Để tấn công quan điểm vô sản chuyên chính của Đảng, tôi vận động Thanh Châu viết bài Mậu Dịch, tôi góp ý, vẽ tranh một người đẽo chân* cho *vừa giày mậu dịch. (...) Nhân Văn bị đóng cửa nhưng tư tưởng Nhân Văn, tư tưởng chống đối vẫn chưa hết. Sau một thời gian các báo ngớt đánh, tình hình trở lại bình thường, chúng tôi lại vẫn gặp nhau đả kích Đảng, cho là độc đoán"*[290].

Trong thời kỳ NVGP, ngoài những bài xã luận chính trị ký tên Người Quan Sát cùng với Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt là nhà thơ sáng tác nhiều nhất và chống đối mạnh mẽ nhất. Ngoài những bài thơ in trên báo, còn có: *Thế giới này là của chúng ta* (phát hành tháng 12/1955). *Bài thơ trên ghế đá* (nxb Hội Nhà Văn, 1957). *Cửa hàng Lê Đạt*, (đang in, bị

---

289 Xuân Diệu, *Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân tư sản trong thơ Lê Đạt,* Văn Nghệ số 13 tháng 6/58, in lại trong tập *Dao có mài mới sắc* của Xuân Diệu, 1963, các trang 86, 87, 89 và 95.

290 Lê Đạt, *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

đình chỉ, Lê Đạt bị khai trừ khỏi đảng, tháng 7/1957). *Đụng long mạch* (in trên *Tự Do Diễn Đàn*, tháng12/56, báo bị cấm). Lê Đạt còn nói đến bút ký *"Vào 21",* viết về thời kỳ bị kỷ luật. Hiện nay không biết văn bản này thất lạc ở đâu.

Trong tinh thần Đỗ Phủ, thơ Lê Đạt phản ảnh xã hội thời ông sống. Nhưng thơ bị cấm, bị tịch thu, hoặc bị thất lạc. Nếu muốn tìm hiểu thực chất của xã hội Việt Nam dưới chế độ cộng sản cần phải tìm lại những tác phẩm này, không chỉ của Lê Đạt, mà của toàn thể các tác giả trong NVGP đã bị chôn vùi. Những tác phẩm viết trong tù của Thụy An, có lẽ ở Sài Gòn, gia đình các em, hoặc bạn bà là Trinh Tiên -tên thật là Trinh Nữ, chồng là Bửu Đảo- còn giữ.

Nhờ hai bài đánh Lê Đạt của Xuân Diệu và Xuân Hoàng mà chúng ta có thể biết được nội dung một số thơ Lê Đạt sáng tác trong thời kỳ NVGP, đã bị cấm. Tập *Bài thơ trên ghế đá,* theo Xuân Diệu *"dưới sự lũng đoạn của Hoàng Cầm"* nhà xuất bản Hội Nhà Văn đã in tập thơ này năm 1957, sau khi Nhân Văn bị đóng cửa. Vẫn theo Xuân Diệu, tác phẩm này *"là cả một hệ thống có ý thức phá hoại tinh thần từ đầu chí cuối", "anh ta* [Lê Đạt] *vẫn cứ "đầu thai nhầm chế độ",* bài "*Đu*" là *"một sự khiêu khích".* Bài *"Gia đình",* với những câu như: "*Nhiều dự định sa lầy trong đống tã", "tình yêu bị những cái hàng ngày bóp cổ", "Lê Đạt đưa những xót xa đau đớn ra và cho nó thắng trận". Bài thơ trên ghế đá "đầy một điệu hưởng lạc, chết lịm trong tình yêu".*

Vẫn theo Xuân Diệu, trong bản đánh máy đưa cho nhà xuất bản còn có bài *"Trong hầm bí mật"*, nhưng không in, bài này rất tiêu biểu cho cái triết lý *"máu, sướng và chết"* của Lê Đạt. Xuân Diệu viết tiếp:

"Bài thơ trên ghế đá "còn có dã tâm đả kích Đảng. Cho Đảng là phao phí nhân tài (Con búp bê, Tình người), ví Đảng như một anh thợ cầu già chưa vợ, bắc rất nhiều cầu,

xây dựng kinh tế được nhiều đấy, nhưng chưa bắc qua được một lòng người".

"Hàng triệu lòng người đã nhờ Đảng mà tái sinh, yêu Đảng sâu sắc, nhưng cố nhiên lòng của bọn Nhân văn-Giai Phẩm thì chỉ có bọn tư sản phản động mới bắc được cầu"[291].

Nhờ bài đả kích của Xuân Hoàng, chúng ta biết thêm nội dung bài *Đụng long mạch*, in trên *Tự Do Diễn Đàn*, tháng 12/56, báo bị cấm:

"Trong bài thơ "Đụng long mạch" (...) Lê Đạt dựng lên khung cảnh một địa phương đang bị hạn hán, có cán bộ về khuyên đào giếng nhưng vì sợ bị "đụng long mạch" nên các cụ nhất định không nghe. Sau có vợ chồng anh Ân đêm về bí mật bàn với nhau nên lén lút đem cuốc ra vườn đào giếng, đến sáng hôm sau bà con thức dậy thấy "mạch nước đùn lên nước phun loang loáng", và từ đấy cả làng noi gương vợ chồng anh đào giếng chống hạn khắp nơi.

(...) Lê Đạt hết lời khen ngợi vợ chồng Ân - những "anh hùng" trong câu chuyện qua cái nhìn của Lê Đạt đã "dám cả gan đánh bốc với những già nua cũ kỹ của cuộc đời". Lê Đạt đã kêu ầm lên một cách hậm hực rằng:

"Những con người ụ
Ễnh ra cản đường"
Và Lê Đạt hô hào:
"Cần biết bao nhiêu
Những cái đầu táo bạo
Dám nghĩ, dám làm
Không nô lệ chung quanh"
(...) Còn đây là cái nhìn của Lê Đạt về Đảng. Đó là:
..."lưng con rồng,
Ai đào giếng đụng vào long mạch
Thì phải tội mù hai con mắt

---

291 Xuân Diệu, *Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân trong thơ Lê Đạt*, Văn Nghệ số 13, tháng 6/58.

Cả nhà hộc máu chết tươi"
Và nhay đi nhay lại cái ý đó một cách dọa dẫm:
"Long mạch này mà đứt
Cả nhà không thoát một người"
hoặc:
"Long mạch hôm nay rung chuyển
Phen này rồi chết cả nhà"[292].

Đời chữ của Lê Đạt chia làm hai thời kỳ, dưới hai ngòi bút: *Nhà thơ thời thế*, theo truyền thống Đỗ Phủ, ghi lại bộ mặt của xã hội toàn trị trên đất nước ta. *Nhà thơ cách tân,* theo truyền thống Mallarmé, mở một kỷ nguyên mới cho *đường chữ.*

Lê Đạt, nhà thơ thời thế, xác định tính chất cơ bản của lịch sử:

Lịch sử muôn đời duyệt lại
Không ai lừa được cuộc đời.

Lê Đạt, nhà thơ cách tân, gửi lại hậu thế những lời trăn trối đau thương:

Vũ trụ ơi
tha cho tôi
Tất cả những gì
thơ tôi chưa làm được
Khi tắt thở
mắt tôi đừng ai vuốt
Còn gì buồn hơn
màn đóng lại mục đời.

---

292 Xuân Hoàng, *Thực chất tư tưởng chống đảng trong thơ Lê Đạt*, Văn Nghệ số 11, tháng 4/1958, trang 71-72.

TÀI LIỆU SƯU TẬP
BỌN
NHÂN VĂN – GIAI PHẨM
TRƯỚC TÒA ÁN
DƯ LUẬN
NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

GIAI PHẨM
MÙA THU

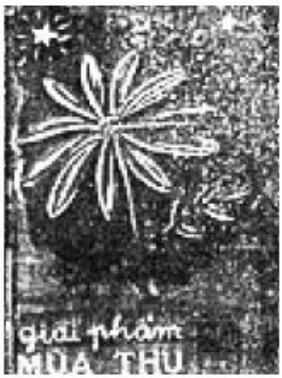
giai phẩm
MÙA THU

NHÂNVĂN
BÁO VĂN HÓA, XÃ HỘI
CHÚNG TÔI PHỎNG VẤN VỀ VẤN ĐỀ
MỞ RỘNG TỰ DO VÀ DÂN CHỦ

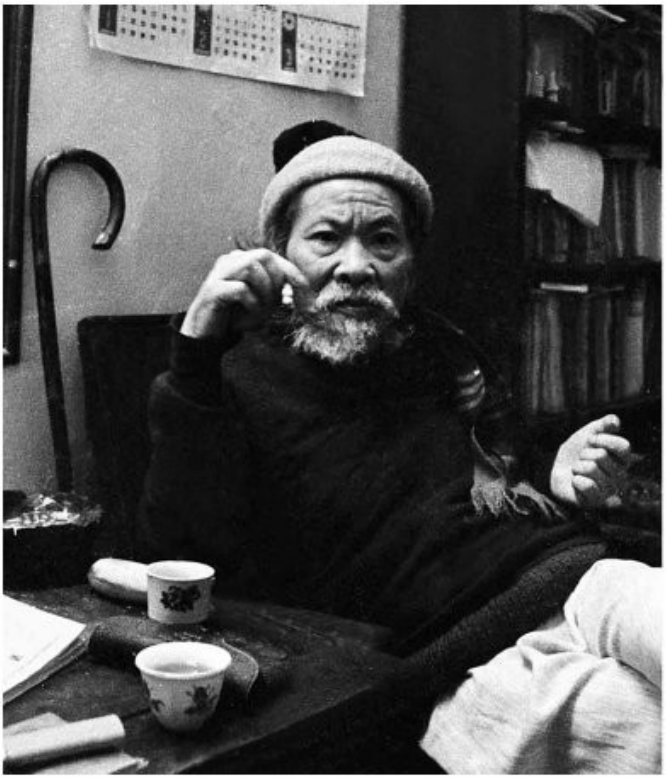

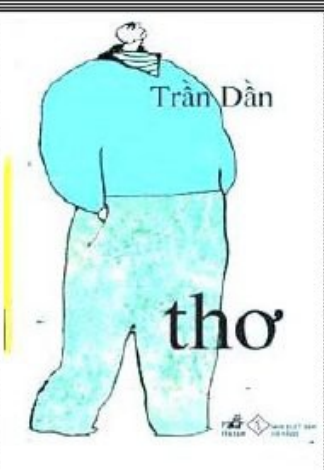
Trần Dần
thơ

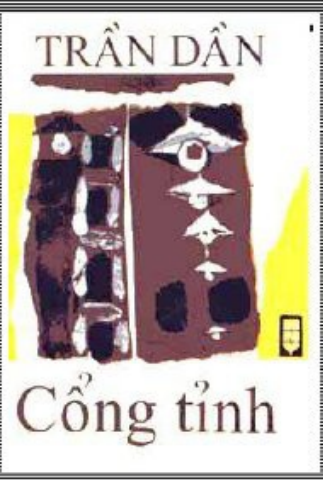
TRẦN DẦN
Cổng tỉnh

Chương 11

Trần Dần
(1926-1997)

40 năm sau Nhân Văn, Trần Dần đã chỉ thấy những *hòm bản thảo* của mình: 2/3 bị tiêu tán, mục nát, 1/3 còn lại bị kết án chung thân trong trạng thái *nằm.* Vậy mà vẫn viết. Viết đều. Bởi ông cho rằng viết hay *ghi* là phương pháp duy nhất nói chuyện với mình khi không thể nói được với ai.

Từ 1958, *"ghi trở nên một hình phạt",* người thanh niên 32 tuổi ấy đã bị *"đòn ngấm quá cuống tim rồi"*.

Tác phẩm chịu chung số phận với người: gần 30 tập thơ, 3 cuốn tiểu thuyết, và không biết bao nhiêu bản thảo đã bị mối mọt.

Trần Dần tên thật Trần Văn Dzần, sinh ngày 23/8/1926 tại Nam Định trong một gia đình giàu có. Mất ngày 7/1/1997 tại Hà Nội. Đậu Thành Chung ở Nam Định, lên Hà Nội học, đậu Tú Tài.

Tháng 11/1946, cùng với Đinh Hùng, Trần Mai Châu, Vũ Hoàng Địch[293] xuất bản tạp chí Dạ Đài. Trên Dạ Đài số 1 ra ngày 16/11/46, công bố bản *"Tuyên ngôn tượng trưng"* ký tên Trần Dần, Trần Mai Châu, Vũ Hoàng Địch. Nhưng Đinh Hùng mới thực là "chủ soái", bởi thơ của cả nhóm: Trần Dần, Trần Mai Châu, Vũ Hoàng Địch, Nguyễn Văn Tậu, đều chịu ảnh hưởng Đinh Hùng.

---

293 Em ruột Vũ Hoàng Chương.

Bài *Về nẻo thanh tuyền* của Trần Dần là một ví dụ, những câu thơ mở đầu, đậm mầu sắc *Mê hồn ca*[294]*:*

Đời bỏ ta nằm dưới Thủy Cung
Mờ đi! ơi ánh nguyệt vô cùng
Hồn ta qua xứ ma làm loạn
Nên thác trong đường trận hỏa công [295]

Năm 1947, Trần Dần về Nam Định theo kháng chiến, ngành thông tin tuyên truyền, và được kết nạp vào đảng ngày 19/8/1948[296].

Năm 1951, sau khi dự lớp Chỉnh huấn "có kết quả", Trần Dần được giao việc huấn luyện đoàn Văn công quân đội. Nhưng vì *"đả kích cán bộ sáng tác"* nên bị kỷ luật và bị chuyển về Tuyên huấn, làm việc đến 1953[297].

Năm 1954 tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, viết tiểu thuyết *Người người lớp lớp*[298]. Theo Hoàng Cầm, đây là một ký sự được viết dưới dạng tiểu thuyết, có nhân vật binh nhì tên là No, và nhân vật chính ủy chính là Trần Độ.

10/10/54 được cử viết thuyết minh cho phim Điện Biên Phủ, đi Trung Quốc thu thanh. Bị chính trị viên Hoàng Xuân Tuỳ kiểm soát gắt gao. Bỏ về.

10/12/54 trở về Hà Nội.

24/12/ 54 bắt đầu tổ chức thảo luận đòi thay đổi chính sách văn nghệ quân đội.

Tháng 2/55, Trần Dần viết bản *Đề nghị Chính sách Văn nghệ.*

---

294 Tác phẩm của Đinh Hùng.

295 In trong *Thơ Mới 1932-1945,* Lại Nguyên Ân sưu tập, Hội Nhà Văn, 1999, phụ lục, trang 1395.

296 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*, Văn Nghệ Quân Đội số 4, tháng 4/1958.

297 Vũ Tú Nam, bđd.

298 nxb Quân Đội Nhân Dân, 1954.

Trong tháng 3 và 4/55, Trần Dần, Tử Phác tổ chức phê bình tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán và tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Tháng 4/55: Bản *Đề nghị Chính sách Văn nghệ* không được Tuyên huấn thông qua.

23/4/55: Trần Dần quyết định viết đơn xin ra khỏi quân đội, và dự định, đường cùng sẽ ra đảng, kết hôn với cô Bùi Thị Ngọc Khuê, bất chấp quân kỷ[299]. Tháng 4/55, Hoàng Cầm làm đơn xin ra khỏi quân đội.

16/5/1955: Trần Dần gửi đơn xin giải ngũ, ra Đảng. Hoàng Tích Linh cũng xin giải ngũ[300].

13/6/1955: Tất cả các tổ Đảng ở Cục Tuyên huấn phê phán lá thư xin ra Đảng và xin giải ngũ của Trần Dần là chống đối, phá hoại tổ chức Đảng[301].

13/6 đến 13/9 Trần Dần và Tử Phác bị cấm trại 3 tháng. Trần Dần ghi trong nhật ký *"Ba tháng bị giữ lại kiểm thảo", "Nọc bệnh: anarchiste" "Khi xưa phản đối xã hội cũ bằng symbolisme"*, *"Bây giờ phản đối những cái sai trong lãnh đạo văn nghệ bằng loạn ẩu"*. Trong thời gian bị cấm trại, sáng tác *Nhất định thắng*, đưa cho Lê Đạt giữ[302].

21/6/1955: Trong vòng một tuần, chi bộ khai trừ Trần Dần và Nguyễn Anh Chấn (Tử Phác). Riêng Tử Phác, bị đình chỉ công tác và sinh hoạt Đảng để kiểm điểm[303].

Từ 3/11/55 đến giữa tháng 2/56 Trần Dần, Tử Phác phải đi *"tham quan Cải cách ruộng đất đợt 5"* ở Yên Viên (Bắc Ninh). Ông ghi lại bi kịch *Cải cách ruộng đất* trong

---

299 Nhật ký *Trần Dần ghi,* Phạm Thị Hoài, biên soạn, Văn nghệ California, 2001.

300 Vũ Tú Nam, *Những ngày thử thách,* hồi ký, chép lại 25/10/2006 (tạp chí Nhà Văn số 3/2007), mạng Talawas.

301 Vũ Tú Nam, hồi ký, bđd.

302 Hoàng Cầm, *Con người Trần Dần*.

303 Vũ Tú Nam, hồi ký, bđd.

nhật ký, với những chi tiết, những con số, những màn đấu tố, những cảnh giết người.

Khi biên tập cuốn *Trần Dần ghi*, Phạm Thị Hoài cho biết, chị chỉ mới đưa được một phần, phần còn lại sẽ dành cho cuốn sách riêng về *Cải cách ruộng đất*. Nhưng cho tới nay, vẫn chưa thấy tác phẩm về *Cải cách ruộng đất* của Trần Dần ra đời.

Cùng trong thời gian này, Hoàng Cầm và Lê Đạt tổ chức *Giai Phẩm Mùa Xuân*, lên Yên Viên bàn với Trần Dần đưa bài thơ *Nhất định thắng* ra in, Trần Dần đồng ý[304].

Cuối tháng 1/56 *Giai Phẩm Mùa Xuân* ra đời, bị tịch thu ngay. Tháng 2/56 Lê Đạt bị Tố Hữu gọi tên tuyên huấn khiểm thảo 15 ngày. Tố Hữu tổ chức đại hội Tuyên Huấn phê phán Giai Phẩm Mùa Xuân; ra lệnh bắt Trần Dần. Trần Dần, Tử Phác bị bắt ở Yên Viên. Bị giam kín. Sợ bị thủ tiêu, Trần Dần lập kế dùng dao cạo cắt cổ, được đưa vào bệnh viện. Ngày 21/2/56, Trần Dần viết lá thư dài 15 trang, trần tình với tướng Nguyễn Chí Thanh[305].

Hội Văn Nghệ tổ chức phê bình *Nhất định thắng*.

Ngày 7/3/56 Bắt đầu chiến dịch đánh Trần Dần trên báo với bài của Hoài Thanh.

Ngày 5/5/56, Trần Dần được thả với điều kiện phải viết *"một bản kế hoạch sửa chữa sai lầm sáu tháng cuối năm"*. Sau đó được chuyển sang Hội Văn Nghệ[306]. Từ tháng 8/56, tham gia NVGP và bị kỷ luật cùng điều kiện với Lê Đạt.

● **Tác phẩm:**

1946: Bài thơ *Về nẻo thanh tuyền* và *Bản tuyên ngôn Dạ đài*.

---

304 Nhật ký *Trần Dần ghi*.

305 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*, Văn Nghệ Quân Đội số 4, tháng 4/1958.

306 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*, Văn Nghệ Quân Đội số 4, tháng 4/1958.

Phạm Thị Hoài trong *Trần Dần: cuộc đời, tác phẩm, thời đại*[307] liệt kê những tác phẩm sau đây:

1954: *Anh đã thấy, Tiếng trống tương lai* (trường ca).

1955: *Cách mạng tháng Tám, Nhất định thắng* (bản Hoàng Văn Chí, in trong *Trần Dần thơ*, Nhã Nam, Đà Nẵng, 2007).

1957: *Hãy đi mãi, Đi! Bài thơ Việt Bắc* (trường ca), (Hội Nhà Văn, 1991).

1959: *Sắc lệnh 59* (thơ), *Con tàu xã hội* (thơ), *17 tình ca* (thơ).

1959-1960: *Cổng tỉnh* (thơ), (Hội Nhà Văn, 1994).

1961: *Đêm núm sen* (tiểu thuyết).

1963: *Jờ Joạc* (thơ) (*Trần Dần thơ*, 2007).

1964: *Mùa sạch* (Văn Học, 1997), *Những ngã tư và những cột đèn* (tiểu thuyết).

1965: *Một ngày Cẩm Phả* (tiểu thuyết).

1967: *Con trắng* (thơ văn xuôi) (*Trần Dần thơ*, 2007).

1968: *177 cảnh* (hùng ca lụa).

1974: *Động đất tâm thần* (nhật ký thơ).

1978: *Thơ không lời - Mây không lời* (thơ - họa).

1979: Bộ ba: *Thiên Thanh - 77 - Ngày ngày.*

1980: Bộ ba: *36 - Thở dài - Tư Mã dâng sao*.

1987: *Thơ Mini* (in trong *Trần Dần thơ*).

Nhưng bản kê khai trên đây chưa phải là tất cả, vì trong tuyển tập *Trần Dần thơ* do Vũ Văn Kha biên tập, cho biết: "*phần lớn di cảo thơ Trần Dần vẫn tiếp tục số phận nằm*".

Tuyển tập *Trần Dần thơ* (Nhã Nam, Đà Nẵng, 2007) tập hợp các trường ca truyền thống như *Bài thơ Việt Bắc, Cổng Tỉnh*, vá các tác phẩm rất mới như: *Mùa sạch* (thử nghiệm thơ độc âm), *Con OEE* (biến tấu âm) và *Con I* (thơ bè), cả ba đều khá cường điệu và nệ hình thức, hoặc lập dị như *Jờ Joạcx.* Ngược lại, hai tập *Sổ bụi* và *thơ Mini,* thực sự

---

307 *Trần Dần ghi*.

thành công, xác định sự độc đáo của của Trần Dần, khác với Đặng Đình Hưng và Lê Đạt. Vậy lần công bố này, tầm quan trọng và sự độc đáo nằm trong *Sổ bụi*, và *thơ Mini*.

Sổ bụi tập hợp lối ghi chép đặc biệt Trần Dần: đó là những bài thơ văn xuôi cô đọng, mới, đầy biến ảnh, thể hiện *mỹ học khổ đau* một cách toàn diện. *Thơ Mini,* là những bài triết luận thu gọn đến cạn kiệt. Một Trần Dần đi từ thực tại thi nhân để đến với tâm linh hiền triết.

● Từ kháng chiến đến Nhân Văn Giai Phẩm

Dạ Đài số 1 ra đời 16/11/46, số 2 vừa xong thì chiến tranh bùng nổ[308], Trần Dần đi theo kháng chiến. Đạo diễn Trần Vũ thuật lại: Ban đầu, Trần Dần làm công tác tuyên truyền cùng Vũ Khiêu và Vũ Hoàng Địch. 1948, khi thành lập khu 14 ở Tây Bắc, Trần Dần cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch lên Tây Bắc. Một thời gian sau, khu 14 bị giải thể. Trần Dần vào quân đội, nhận công tác địch vận của trung đoàn Sơn La từ 1948 đến 1950[309].

Hồ Phương kể lại: Trong nhóm văn nghệ Tây Bắc, có Trần Thứ (Trần Vũ), Trần Dần và Hoài Niệm... làm tờ báo Sông Đà, trình bầy đẹp, chuyên về thơ văn. *"Hồi ấy Trần Dần hay làm thơ leo thang, bài thơ thường được trình bày khá kiểu cách. Dòng thì in chữ nhỏ, dòng lại in chữ to, thiên về hạng theo mốt"*[310].

Vũ Tú Nam viết: *"Trần Dần làm thơ bí hiểm, vẽ theo lối lập thể, bị quần chúng bộ đội phản đối".* Và 1951, sau khi

---

308 Theo lịch trình sau:16/11/46, Tự vệ Hải Phòng được lệnh chuẩn bị chống Pháp. 30/11/46, xung đột ở Đồ Sơn. 7/12/46, Võ Nguyên Giáp ra lệnh sửa soạn tấn công. 8/12/46, Hà Nội đào hầm, đục tường xuyên nhà nọ sang nhà kia. 10/12/46, Hà Nội bắt đầu tản cư. 20/12/46, lệnh kháng chiến từ Hà Nội, ban hành ở Nam Bộ.

309 Đạo diễn Trần Vũ nói trong *Chương trình tưởng niệm Trần Dần trên RFI,* tháng 1/1997.

310 Hồ Phương, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập II, Tác Phẩm Mới, 1987, trang 140.

dự "*một lớp Chỉnh huấn có kết quả",* Trần Dần được điều về phụ trách đoàn Văn công quân đội[311]. Hoàng Cầm cũng xác định: *"Tới trại hè năm 1951, các đoàn văn công nỗ lực tập luyện để phục vụ một chiến dịch lớn. Trần Dần phụ trách huấn luyện cho mấy trăm anh chị em: sáng tác đạo diễn và diễn viên"*[312].

Nhưng Vũ Tú Nam bình luận: vì "*có ít nhiều thành tích"* trong việc luyện tập Văn công, Trần Dần "*đâm ra chủ quan độc đoán, đả kích cán bộ sáng tác", "bị thi hành kỷ luật rồi điều về cục Tuyên huấn công tác, bất mãn ngấm ngầm"*[313]. Vậy việc về Cục tuyên huấn, là một hình phạt.

Đầu 1954, Trần Dần đi chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với Đỗ Nhuận. Họa sĩ Tô Ngọc Vân chết trong chiến dịch này. *Người người lớp lớp* được sáng tác ở Điện Biên Phủ, hoàn thành cuối tháng 9/54.

Tháng 10/54, Trần Dần được cử viết thuyết minh cho phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ*, và đi Trung Quốc để thực hiện. Ngày 10/10/54 khởi hành. Ngày 14/10, đến Nam Ninh. 20/10, đến Bắc Kinh, hoàn thành tập thơ *Tiếng trống tương lai.* Ngày 10/12/54 trở lại Hà Nội.

Hoàng Cầm viết: *"Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần thức thâu đêm suốt sáng để viết bản thảo lần thứ ba cuốn truyện về những người đã tạo ra chiến thắng lịch sử lớn lao đó. "Nhưng cái hướng chính của tôi không phải là tiểu thuyết. Hướng đi của tôi là thơ. Tôi sẽ tìm tòi trong thơ và cố gắng tạo ra một lối diễn tả riêng biệt -không phải lập dị- nhưng độc đáo. Trần Dần đã nói với tôi như vậy sau khi anh viết xong "Người người lớp lớp". Hồi đó, anh có đưa tôi xem tập thơ làm đã lâu: "Tiếng trống tương lai"*[314].

---

311 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần* Văn Nghệ Quân Đội số 4, tháng 4/1958.

312 Hoàng Cầm, *Con người Trần Dần,* Nhân Văn số 1, 20/9/1956.

313 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*, bđd.

314 Hoàng Cầm, bđd.

Trong nhật ký, Trần Dần chỉ ghi sơ lược về chuyến đi này, nhưng ông đã kể cho Hoàng Cầm và Hoàng Cầm thuật lại trong bài *Con người Trần Dần*:

"Viết xong Người người lớp lớp, Trần Dần được phân công viết thuyết minh cho cuốn phim Chiến thắng Điện Biên Phủ và anh được cử sang Trung Quốc làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên cạnh anh là một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định. Anh cán bộ này, đáng lẽ phạm vi công tác là góp ý kiến vào nội dung bản thuyết minh và bảo đảm cho nó không phạm những sai lầm về đường lối chính sách của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thì đã lợi dụng uy quyền của mình đi quá xa vào phạm vi văn học, bắt Trần Dần phải viết như ý mình, từng câu từng chữ, lạm dụng danh từ chính trị khô khan rỗng tuếch để nhét cho kỳ được vào bản thuyết minh. Đầu tiên, Trần Dần rất phục tùng người cán bộ chính trị khi dự thảo thuyết minh, và hoàn toàn theo sát những vấn đề chính trị sẽ đặt ra khi thuyết minh. Đến khi thấy anh cán ấy "lên gân" và thọc bàn tay cứng lạnh vào phạm vi viết văn thì Trần Dần bắt đầu có phản ứng. Nhưng anh vẫn bình tĩnh, đề nghị cấp trên xét lại vấn đề. Đến khi "anh cán bộ vẫn là tối hậu quyết định cả từng câu chữ" thì Trần Dần thôi không làm công việc đó nữa, nhường cả phần "văn chương" cho đồng chí cán bộ.

Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần. Anh vẫn cố dẹp đi, nhiều lúc anh thẫn thờ ít cười ít nói nhưng vốn là con người chân thực – cái chân thực nhiều khi đến thô lỗ - lắm khi anh đã cục cằn, thốt ra những lời gay gắt thiếu lịch sự. (...)

Trong bài *Con người Trần Dần*, Hoàng Cầm đã phải giữ ý khi viết, nhưng trong băng ghi âm sau này, ông nói thẳng hơn:

"Ban Tuyên Huấn cử Trần Dần viết thuyết minh cho phim của Karmen về chiến thắng Điện Biên Phủ. Trần Dần được cử sang Trung Quốc. Theo lời Trần Dần kể, thì bản thảo thuyết minh đã viết xong ở nhà, ông Lê Quang Đạo đã duyệt rồi. Sang Bắc Kinh Trần Dần làm việc với ban kỹ thuật, về việc lắp ráp, thu thanh, lồng tiếng... Nhưng ít lâu sau, thì Hoàng Xuân Tuỳ sang, Hoàng Xuân Tuỳ là chính ủy trung đoàn, làm việc ở Tuyên Huấn, được gửi sang với nhiệm vụ kiểm soát mọi việc.

Vừa xem bản thuyết minh của Trần Dần, anh ta phát biểu ngay: *"Cái này anh viết hỏng, không hay mà lại hỏng"*. Gặp ai chứ gặp phải Trần Dần, tính khí ngang tàng, làm sao chịu được: *"Thế nào là hỏng? Thế nào là không hay, anh chỉ cho tôi biết?"* Hoàng Xuân Tùy là một tay chính trị viên giáo điều, làm sao tranh luận được với Trần Dần. Nhất là cái bản thảo đã được ông Lê Quang Đạo thông qua trước khi đi. Thế là Hoàng Xuân Tuỳ ra lệnh: *"Anh phải viết lại"*. Trần Dần dằn từng tiếng một: *"Tôi- không- viết- lại"*. Không ai chịu ai.

Cuối cùng Trần Dần quyết định: *"Thôi thế để anh làm nhá, anh tự viết, tự kiểm duyệt, tôi về nước"*. - *"Cái đó tuỳ anh"*. Trần Dần xếp vali về nước, thuật lại chuyện với ông Lê Quang Đạo, thì tất nhiên ông ấy phải đứng về phía Hoàng Xuân Tuỳ, vì hắn là đảng viên cao cấp. Ông nói: *"Thôi để anh Hoàng Xuân Tuỳ làm cũng được, anh về đây phụ trách tạp chí Văn (thực ra là tạp chí Sinh Hoạt Văn Nghệ)"*[315].

Vậy sự chống đối của Trần Dần sau khi đi Trung Quốc về, không vì Hồ Phong, như trong các bản cáo trạng buộc tội ông, mà trực tiếp đến từ sự kiểm duyệt của Hoàng Xuân Tùy.

Cung cách giáo điều của cán bộ này đã khiến Trần Dần, khi bỏ Bắc Kinh, về bắt tay ngay vào việc tổ chức đấu tranh trong quân đội một cách quy mô và quyết liệt.

---

315 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Chính sách áp chế tư tưởng và sự can thiệp vào đời sống tình cảm con người đã thúc đẩy Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, và rất đông anh em công tác văn nghệ dự thảo ra bản *"Đề nghị cải tổ chính sách văn nghệ*" gửi lên cấp trên, đòi bãi bỏ vai trò của chính trị viên trong quân đội.

● Tranh đấu trong quân đội, đầu năm 1955

Từ Bắc Kinh trở về Hà Nội, Trần Dần ghi tình hình trong nhật ký ngày 20/12/54:

"Về Hà Nội được đúng 10 ngày (...) Cơ quan văn nghệ chưa có gì thay đổi.(...) Vẫn những chính sách gò bó, mệnh lệnh và máy móc "quân sự hoá văn nghệ". Đời tôi chìm chết trong chính sách này, cũng như những anh em khác. Khó lắm. Nhưng tôi nghe nhiều tiếng cất lên. Phản đối. Bàn cãi. Mỉa mai. Và cả chửi bới. Cái đó có nghiã là tiếng trống báo tử của những tư tưởng và chính sách áp chế văn nghệ bộ đội. Những ngày gần đây sao mà tôi buồn. Buốt óc lắm. Và bực tức. Cơ quan và chính sách. Hội văn nghệ đánh mất bản thảo Người người lớp lớp (phần 4 và 5). Món nợ chính phủ, những kỷ niệm ngày bé, chua chát và mãnh liệt, những uất ức của 9 năm chiến tranh. Thơ tôi người ta không chê nhưng cũng không sốt sắng in. Những dự định khó thực hiện vì chính sách gò bó: tích lũy cuộc sống mới thì phải được tự do, v.v... Tôi bị bao vây. Chặt quá. Ép quá (...) Tôi muốn những gì?

- Một chính sách văn nghệ mở rộng ra, cho nó đúng đắn.

- Một cuộc sống sáng tạo. Cái cũ thì trút ra. (...)

24/12: Đêm Noël (...) Bước quanh Bờ Hồ. Trời tôi tối. Còn vẳng tiếng hát micro nhà thờ buông trầm trầm. Hai thằng đi. Tôi và Lê Đạt. Buồn quá. Đây là những lúc người

tôi hẫng lắm. Rỗng lắm. Tôi còn đầy dư vị những câu chuyện trao đổi đêm nay về chính sách văn nghệ.

Dư vị chua, đắng, nhạt thếch"[316].

Như vậy, những cuộc thảo luận đổi mới văn nghệ đã xẩy ra từ Noël 1955, trong không khí chán nản, *"dư vị chua, đắng, nhạt thếch"* như lời Trần Dần.

Không khí này được Từ Bích Hoàng mô tả trong bài buộc tội Trần Dần, như sau:

"Từ Trung Quốc về, Trần Dần còn mang theo một bài thơ dài "Tiếng trống tương lai" trong đó Trần Dần gọi cán bộ chính trị là "người bệnh", "người ròi" [giòi], *"người ụ". Đó chỉ có thể là cách nhìn của bọn thù địch đối với cán bộ của Đảng. Đủ biết sự hằn học của Dần lúc bấy giờ đã nặng đến thế nào! Không ngạc nhiên khi thấy Dần mới bước về Phòng Văn nghệ Quân đội đã đả kích luôn lãnh đạo, rồi nhân một số thắc mắc của anh em về công tác, Dần lợi dụng phát động từng người và biến thành một cuộc đấu tranh đối lập với lãnh đạo, lấy "áp lực quần chúng" hòng buộc lãnh đạo phải chấp nhận những yêu sách thoát ly chính trị, thoát ly quân đội như ta đã biết. Chính Trần Dần đã thú nhận tính chất hoạt động này của họ.*

Cục Tuyên Huấn bảo anh em nghiên cứu lại bản đề nghị, Dần không chịu, bỏ mặc và phá phách ngày một dữ hơn. Dần lôi kéo được một số phá phách theo mình. Trần Công quá khích ăn nói lung tung: "Sống trong vòng K.50 (ý nói trong doanh trại, bên ngoài có bộ đội gác) nghẹt thở quá!" Những luận điệu vô kỷ luật này rất phù hợp với chủ trương "phải phá mà ra" của Trần Dần và mở đường cho bọn Dần càng đi sâu vào cạm bẫy của tư sản"[317].

---

316 *Trần Dần ghi*, trang 63 và 65.

317 Từ Bích Hoàng, *Vạch thêm những hoạt động đen tối của một số cầm đầu trong nhóm phá hoại Nhân Văn Giai Phẩm*, VNQĐ, số 5, tháng 5/1958.

● Trần Dần, Người-phá, Anarchiste

Ngày 10/3/55 Trần Dần ghi trong nhật ký:

"Chính sách tính lại thử xem có những gì? - Vài cái bàn. Vài cái đèn điện lạnh và vàng. Thêm một bàn hành chính. Tờ báo ra nhưng khổ và tên SHVN[318] *cũ. Người ta sợ đổi khổ là tính chiến đấu của nó* [cũng đổi đi]. *Có vậy thôi. Tôi không nói ngoa. Người ta quan niệm chính sách là như vậy. Đấy. Cái thông minh của người lãnh đạo năm 1955 tới cái mức ấy. Vậy là quá đáng lắm rồi. Còn đòi hỏi cái gì? Văn nghệ được thế là "chiếu cố", là "châm chước" tột độ rồi. Đáng lẽ chúng mày không có bàn, có điện, có báo nữa. Đáng lẽ chúng mày không được thức khuya hơn 9 giờ. Không được ra ngoài trại. Đằng này còn cho đi lại một chút. Vậy là rộng rãi lắm rồi còn gì!*

Nhưng tôi nghĩ, những ông Cương[319] *ông Thanh*[320] *gì đó không đáng trách (...) Đáng trách là cả một cái HỆ THỐNG! Nó nặng như núi... Nó ở trên có, ở dưới có. Ở ngang có. Đằng trước, đằng sau đều có nó. Hệ thống gì? Đó là hổ lốn: sợ hãi cúi đầu, làm thân con sên, con tầm gửi, -hò hét mệnh lệnh, làm ông sấm, ông sét. Đảng ở đâu? (...) Tôi nghĩ và tôi làm: Đảng ở tôi. Tôi phá HỆ THỐNG. Làm sao tới Hội Nghị Văn Thơ tôi phải làm được một số việc: vượt khỏi các ước lệ, điều lệ, thành kiến mà làm bằng được. (...) Độ này có hai chiến trường khá sôi sục:*

1) Vượt Côn Đảo

2) Thơ Tố Hữu

Tôi thích những cuộc tranh luận này. Không phải vì bản thân những quyển sách và những tác giả ấy. Mà vì ý nghiã nó rộng ra nhiều mặt khác. Phát huy phê bình tự do (...) Tại sao bọn giả mạo được tin hơn người thực thà? Tại

---

318 Tức là tờ Sinh Hoạt Văn Nghệ, do Tử Phác làm thư ký toà soạn.

319 Tức Võ Hồng Cương, hay Hồng Cương, cục phó Cục Tuyên Huấn.

320 Tức Tướng Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị.

sao loài bò sát lại được dùng nhiều. Tại sao chúng nó có mặt ở thời đại này? Ở trong Đảng? Ở cách mạng?- Lạ lùng nhất là tại sao không vạch mặt chúng ra? Văn thơ tôi sẽ balayer bọn ấy. Quét! Quét! (...) Tất cả những cái gì, nguyên tắc gì trở ngại cho nguyên tắc lớn của tôi là tôi xoá hết! Mặc! Tôi chỉ còn một nguyên tắc mà thôi! Sống và viết để đánh bọn giả mạo, bọn ỳ ạch, bọn mốc xì, bọn người-bệnh, bọn người-dòi, bọn người-ụ. Anarchiste? Nếu vậy gọi là anarchiste thì tôi rất muốn là anarchiste (...) Tôi không có khả năng công chức, khả năng người-ụ. Khả năng tôi là khả năng người-phá."[321]

Chủ đích của Trần Dần rất rõ: Làm *Người-phá*, phá toàn bộ HỆ THỐNG trói buộc văn nghệ sĩ. *Trần Dần xác định mình là Anarchiste* và ông đã dịch chữ *Anarchiste* rất tài tình thành *Người-phá*[322]. Văn nghệ sĩ thường hay có thái độ *anarchiste.* Trần Dần thực hiện tinh thần *Người-phá***,** phá cái HỆ THỐNG, cái cơ chế toàn trị áp đặt lên Văn nghệ sĩ, qua ba "chiến trường": Đề nghị cải tổ Chính sách Văn nghệ Quân đội. Phê bình tập truyện *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán. Phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Ba "mặt trận" này diễn ra song song, từ tháng 2 đến tháng 5/55 trong quân đội, do Trần Dần và Tử Phác cầm đầu[323].

Từ Bích Hoàng viết: *"Lúc đó, Tử Phác đang làm thư ký toà soạn tờ Sinh Hoạt Văn Nghệ, Tử Phác đã lợi dụng tờ*

---

321 *Trần Dần ghi*, sđd, trang 73-75.

322 *Anarchiste* thường được dịch là *vô chính phủ*, chỉ đúng trong nghiã chính trị (nghiã gốc), nhưng nói rộng ra, *anarchiste* còn có nghiã là *quậy, phá*, *loạn*, không chịu bất cứ một thứ kỷ luật sắt nào.

323 Phần lớn văn nghệ sĩ lúc ấy đều ở trong quân đội. Những người chủ chốt trong nhóm phản kháng gồm: Hoàng Cầm, Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm, với "mưu sĩ số 1" Đặng Đình Hưng, "mưu sĩ số 2" Tử Phác và Lê Đạt. Nhóm quy tụ được gần 30 văn nghệ sĩ. Vũ Tú Nam và Từ Bích Hoàng cũng "cùng chí hướng", Đỗ Nhuận là thành phần "chủ chốt", cả ba người này sau quay lại viết bài đánh Trần Dần và NVGP.

báo của quân đội để Dần nổ ra hai cuộc phê bình Vượt Côn Đảo và tập thơ Việt Bắc, với một dụng ý rất xấu. Trần Dần "bốc" thơ Hoàng Cầm lên để đẩy Cầm cùng mình và Lê Đạt đả tập thơ Việt Bắc, thông qua tập thơ đó đả vào đồng chí Tố Hữu lãnh đạo văn nghệ, "hạ thần tượng" như bọn Dần đã nói. (...) *Suốt thời gian này, Trần Dần, Tử Phác, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm và cả Lê Đạt, luôn luôn bỏ việc đến tụ họp rượu chè trai gái ở nhà tư sản, đầu độc cho nhau những luận điệu phản động (...) Bọn họ bàn nhau "tập trung giải ngũ" để bắt bí lãnh đạo. Thấy không xong, lại bàn "phân tán giải ngũ". Bọn họ đã thực hiện chủ trương này. Trần Dần đi tiên phong làm một lúc hai lá đơn xin ra Đảng, quân đội, có tính chất tấn công vào Đảng, quân đội như ta đã biết. Chính những hoạt động chống đối của Trần Dần, Tử Phác và sự hùa theo càng ngày càng có ý thức của số người kể trên đã gây tình trạng rối loạn hoàn toàn, một thời gian, trong Phòng Văn Nghệ Quân Đội, cầm đầu hồi này là Trần Dần và Tử Phác".*[324]

● Bản đề nghị cải tổ chính sách văn nghệ quân đội

Tháng 2/55: Trần Dần viết bản *Đề nghị Chính sách Văn nghệ,* với sự góp ý của Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, bài dài 12 trang đánh máy, được đưa ra thảo luận, điều đình, thêm bớt, trong các cuộc họp của Phòng Văn Nghệ Quân Đội từ tháng 2 đến tháng 4/55. Vũ Tú Nam, cháu tướng Nguyễn Chí Thanh, được ông Thanh giao toàn bộ hồ sơ Trần Dần (gồm bản Đề nghị, thư xin ra Đảng, thư xin giải ngũ, thư cầu cứu sau khi bị bắt lần thứ hai, phải lập mưu cứa cổ để thoát, vv...) để có đủ tài liệu viết hai bài:

---

324 Từ Bích Hoàng, bđd.

- Bài *Những ngày thử thách,* nhật ký *chép lại* ngày 25/10/2006[325]. Nếu bài này chép đúng sự thật, thì Vũ Tú Nam và Từ Bích Hoàng lúc trước đã ở cùng nhóm với Trần Dần. Nhưng theo băng Hoàng Cầm, Vũ Tú Nam chống lại từ đầu. Vậy bài này có thể đã được sửa lại như nhiều "nhật ký" hoặc "hồi ký" xuất hiện gần đây.

- Bài *Sự thực về con người Trần Dần*, in trên Văn Nghệ Quân Đội, năm 1958[326] là tài liệu gốc, chưa bị sửa, tuy viết với mục đích "đánh", nhưng có nhiều thông tin đáng tin cậy về con người Trần Dần, về nội dung bản *Đề nghị* cải tổ. Sự trích dẫn dài rộng của Vũ Tú Nam có thể do thiện ý muốn để lại dấu vết bản *Đề nghị* cho mai sau. Vũ Tú Nam viết:

"Cuối năm 1954 sang đầu năm 1955, các đồng chí trong Phòng Văn Nghệ Quân Đội đều thắc mắc muốn cải tiến tổ chức, chính sách cho hợp với tình hình mới, muốn đề đạt lên cấp trên nghiên cứu, giải quyết. Trong một cuộc họp với đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trần Dần hùng hổ yêu sách mấy điểm, tự ý thêm thắt, không thật trung thành với những điều đã bàn với một số anh em trong Phòng:

1- Trả lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ.

2- Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc Hội văn nghệ, không qua Cục Tuyên huấn và Tổng cục chính trị.

3- Bỏ mọi "chế độ quân sự hiện hành" trong văn nghệ quân đội...

Nghe xong, đồng chí Nguyễn Chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi Đảng, phi giai cấp, phi chính trị. Hồi đó, anh em chưa vỡ lẽ ra, còn ấm ức, cho là cấp trên không thông cảm. Trần Dần và một vài người khác thì lồng lộn, chửi bới, reo rắc hoài nghi, chán nản, muốn giải ngũ. Tháng 2/1955, trong Phòng Văn Nghệ

---

325 In trên tạp chí Nhà Văn số 3/2007 và Talawas.

326 Số 4, tháng 4/1958.

Quân Đội có tình trạng lỏng lẻo, rã rời, buông thả đến cao độ. Có đồng chí phải thốt ra lời than thở "Anarchie totale!" (Vô chính phủ hoàn toàn)[327]*. Trần Dần vẫn được tín nhiệm giao cho công tác phụ trách Ban Văn, chuẩn bị triệu tập hội nghị ngành Văn toàn quân vào tháng 4/1955. Bản báo cáo do chính Trần Dần viết (tháng 2/1955). Vì tư tưởng cán bộ trong Phòng Văn nghệ lúc đó lệch lạc nhiều, vì nội dung bản báo cáo có nhiều điều nguy hiểm, Cục tuyên huấn quyết định đình việc chuẩn bị cuộc họp ngành Văn lại, Trần Dần càng bất mãn, càng u uất hơn"*[328]*.*

Về Nội dung bản *Đề nghị cải tổ*, xin trích lại những đoạn đã được Vũ Tú Nam trích, những chỗ in đậm là do chúng tôi nhấn mạnh:

1- Về trách nhiệm của người cầm bút, Trần Dần viết: ***"Biểu hiện cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực****. Đó là tiêu chuẩn cao nhất đánh giá tác giả và tác phẩm... Tôn trọng, trung thành với sự thực vừa là trách nhiệm, - vừa là lập trường, - vừa là phương pháp làm việc của người viết".*

2- Thế nào là sự thực đối với một nhà văn? Trần Dần viết: *"Thế nào là trung thành với sự thực? Đầu tiên, sự thực là gì?", "Có sự thực của vũ trụ, của lịch sử, của thế giới, của cách mạng. Lại có sự thực trong nước, từng địa phương, -từng ngành, từng giới, từng nghề, từng gia đình và từng người một nữa. Trong mỗi người cũng lại có triệu vấn đề, mỗi vấn đề là một sự thực (...) Tức là: những vấn đề, hiện tượng của xã hội, của con người là sự thực."*

3- Nhà văn phải phục tùng sự thực hay phục tùng chính sách, chỉ thị, phục tùng tuyên huấn? Trần Dần trả lời: ***"Sự thực lớn gấp triệu triệu lần bất cứ chỉ thị, lý luận nào... Nếu như sự thực ngược lại chính sách chỉ thị, thì phải viết***

---

327 *Anarchie totale* ở đây nên dịch là *Loạn!*

328 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*.

sự thực *chứ không phải là bóp gò sự thực vào chính sách. Không bao giờ được biến chính sách, chỉ thị thành định kiến "đinh ninh" (...)* ***Người viết chỉ viết do thôi thúc của thực tế****. Những chân lý lớn, nhỏ, anh ta tự giác thấy ở cuộc sống, ở quân đội.* ***Không phải viết để vừa lòng Tuyên huấn, vừa lòng cấp trên.*** *Để có cái danh phục vụ kịp thời. Một triệu lần, không có mùi mè giác ngộ, phục vụ gì cả!* ***Cái áo không thể che được mùi thối trong ruột****. Cách mạng không cần những người vỗ tay hoan hô nhắm mắt. Những anh hót ca chính sách. Thậm chí những anh "thày cúng chính sách", leng keng bóp méo, nghèo nàn. (...) Liệu cứ viết như một anh thày cúng ê a căm thù yêu nước xông lên, có phải là trách nhiệm không?"*

4 - Trần Dần mô tả bộ mặt thực của văn học kháng chiến: *"Có thể nói văn chương hiện nay nhiều cái giả tạo (giả trá nữa). Gọi đúng tên nó là chủ nghiã công thức, giản đơn, sơ lược. Tức là người viết đặt ra một cái khuôn nhất định, rồi gò ép mọi sự thực vào đó.*

"Tả anh hùng chả hạn thì là: căm hờn, vào bộ đội rồi anh dũng lập công. Đối trên thì phục tùng kỷ luật (...) Lệnh gì là làm ngay không thắc mắc, hoặc có thắc mắc thì phê bình sau (...) Đối bạn thì giúp đỡ, thân ái phê bình, ai ai cũng mến (có người nào như vậy không?) Đối với đảng thì mở mồm là biết ơn. Đối với dân thì yêu mến giúp đỡ. Đó là cái khuôn cho anh hùng. Cái kiểu anh hùng không khuyết điểm (...) ấy thực chất là kiểu iêng hùng gì? Có mùi mè gì của người anh hùng quần chúng không? Có mùi mè gì của nhân văn chúng ta không? Và có thực như vậy không? (...) Vậy mà qua cái khuôn trên kia dập ra thì thành ngòi bút, chậu thau giống nhau cả. Thật là lối sản xuất kỹ nghệ định đem vào sản xuất con người và sản xuất nghệ thuật!

"Tại sao không viết về cơ quan chẳng hạn? Tại sao sợ viết về tình yêu chẳng hạn? Mà viết tình yêu thì y như đưa ra

ái tình hy sinh vì Tổ quốc!... Tại sao cứ xuất thân công nông mới đáng viết? (...) Ngày nay, trong văn chương, kẻ thù ghê tởm là chủ nghiã công thức, giản đơn sơ lược. Phải nói trắng ra là nó ở cả người viết, ở cả xã hội (...) Thực thà chỉ có một con đường: Đấu tranh tàn khốc với chủ nghiã công thức giản đơn sơ lược trong bản thân và chung quanh".

Sau cùng Vũ Tú Nam cho biết: *"Bản báo cáo Trần Dần viết, không được Cục Tuyên Huấn thông qua, và cuộc họp ngành Văn Thơ toàn quân phải đình lại. Trần Dần càng bất mãn, gây gổ, thường thường bỏ doanh trại bộ đội ra ngoài phố ở, giao du rộng rãi, tự do"*[329].

Theo Hoàng Cầm, thì ban đầu đã có nhiều ý kiến thuận của *Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội* (có thể là ba vị tướng lãnh cao cấp trong Tổng Cục Chính Trị lúc bấy giờ: Lê Liêm, Lê Quang Đạo và Trần Độ). Hoàng Cầm kể lại không khí buổi họp mang tính quyết định, như sau: *"Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách, Trần Dần được anh em cử ra trình bày.(...) Anh nói say mê, nhiệt tình. Trong cách nói nhiều khi bốc. Mặt anh khi đỏ gay, khi tái lại:"Giả văn nghệ cho anh em văn nghệ sĩ! Phân rõ ranh giới giữa cán bộ chính trị và văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ phải có sự lãnh đạo của Đảng, nhưng không thể biến thành cái máy v.v..." Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại:"Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!" Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người*

329 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*.

trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang"[330].

Người nói câu đó là Tướng Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

Vũ Tú Nam xác định: *"Nghe xong, đồng chí Nguyễn Chí Thanh dặn dò anh em phải coi chừng, đó là quan điểm tư sản, phi Đảng, phi giai cấp, phi chính trị*[331]*".*

● **Phê bình *Vượt Côn Đảo***

Theo Vũ Tú Nam, có ba buổi phê bình *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán:

"7/3/1955: Chiều thứ bảy, mình [Vũ Tú Nam] *và Dần ... xin phép không họp chi bộ để đi thảo luận về Vượt Côn Đảo. Ông Tú Mỡ hoàn toàn khen. Mình nói lại rằng Vượt Côn Đảo có những nhược điểm. Anh em bộ đội nói nhiều nhất. Ra về, mình dồn anh Lưu Trọng Lư rằng lãnh đạo cần phải thay đổi, quan liêu và trì trệ quá".*

"14/3/1955: Tranh luận về Vượt Côn Đảo lần ba ở trường Nguyễn Trãi, vì CLB Đoàn Kết mắc bận. Họp tới 11 h, vẫn găng hai ý kiến. Trần Dần phê phán: "Nhân vật trong Vượt Côn Đảo là người cụt đầu, không óc không tim"(?!). Ông Hoài Thanh phát biểu trân trọng về cuốn sách. Lê Đạt rất bốc"[332].

Qua những lời này, thì Vũ Tú Nam cùng lập trường với Trần Dần, khác hẳn với luận điệu trong bài *Sự thực về con người Trần Dần* viết tháng 3/1958. Vậy đâu là sự thật?

Theo Hoàng Cầm trong băng ghi âm:

"Vượt Côn Đảo là một cuốn sách hấp dẫn, khen thì khen lên chín từng mây như bài của các ông Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư... Trên báo Văn Nghệ, ông Hoài Thanh ca

---

330 Hoàng Cầm, Con người Trần Dần.

331 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*.

332 Vũ Tú Nam, *Những ngày thử thách,* nhật ký chép lại, bđd.

ngợi Vượt Côn Đảo một cách quá đáng, thì ông Trần Dần, báo Văn[333] bên này, mới quật lại bằng một bài, đầu đề to tướng: *Bạn đã đọc kỹ Vượt Côn Đảo* chưa? Bài báo hấp dẫn lắm, Trần Dần trích những câu non nớt của Phùng Quán ra phân tích, cũng chả đụng gì đến các ông Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, mà chỉ vạch ra cái non kém của Phùng Quán thôi. Phùng Quán nói: *Anh đánh em đau quá* Trần Dần chỉ cười. Tôi bảo: *Trong văn chương được một người đàn anh đánh như thế là tốt, để cậu học tập, có đau mới tiến bộ được.* Tất nhiên Phùng Quán nó không giận lâu"[334].

Lúc đó, Trần Dần, chủ trương phê bình tự do, chống lại sáng tác ca tụng, có ý đưa hai cuốn sách tiêu biểu của văn học cách mạng ra để phê bình. Văn xuôi là *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán và thơ là *Việt Bắc* của Tố Hữu. Phùng Quán nổi tiếng với tác phẩm đầu tay, viết theo lối văn tuyên truyền, bán rất chạy, trong vòng một năm tái bản bốn lần: Tiểu thuyết *Vượt Côn Đảo*[335] ca tụng sự can trường của các chiến sĩ cộng sản tổ chức vượt ngục Côn Đảo.

Trần Dần chủ trương viết về bất cứ điều gì, cũng phải viết sự thực, tự phê cuốn *Người người lớp lớp* của mình trong nhật ký như sau: *"Tôi vừa viết xong cuốn Người người lớp lớp. Viết về chiến tranh ở Điện Biên Phủ đấy. Nhưng mà tôi chán rồi. Tại vì rằng tôi ít thấy sự thực của chiến tranh trong đó quá. Và vì rằng tôi ít thấy sự thực của bản thân tôi trong đó quá. Chưa phải là chiến tranh, chưa phải là tôi. Cho nên tôi viết tới hơn 300 trang mà không thích bằng một bài thơ tôi cũng mới làm về chiến tranh: "Anh đã thấy" (Mes douleurs) trên dưới có 6 trang!"*[336]

Trước Nguyễn Minh Châu 30 năm, Trần Dần đã đòi hỏi nhà văn phải viết sự thực về chiến tranh một cách quyết

---

333 Thực ra là báo Sinh Hoạt Văn Nghệ của quân đội, do Tử Phác phụ trách.

334 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

335 nxb QĐND, Hà Nội 1954.

336 Trần Dần ghi, trang 47.

liệt và toàn diện: viết sự thực không tô hồng, không nói dối, không nặn ra những anh hùng giả, toàn tim, không óc.

Viết xong *Người người lớp lớp,* Trần Dần đi Trung Quốc. Khi trở về sách đã in, nhưng Hội Văn Nghệ đánh mất bản thảo *Người người lớp lớp* (phần 4 và 5)[337]. Như vậy cuốn sách đã in không có phần 4 và 5. Có nghĩa là 2 phần này tác giả viết "không đúng đường lối" chăng?

Chính Trần Dần, cũng không bằng lòng với cách viết của mình, cho nên qua *Vượt Côn Đảo*, ông muốn phê phán cả một tầng lớp nhà văn chính thống, từ Nguyễn Đình Thi trong *Xung kích, Vỡ bờ* đến cách Hoài Thanh, Xuân Diệu nhắm mắt ca tụng *Việt Bắc* của Tố Hữu. Lý do thứ hai, vì Phùng Quán là đàn em, cho nên việc phê bình sách của Phùng Quán cùng với sách Tố Hữu, chứng tỏ họ "không bè phái", chê cả người trong nhóm.

Trần Dần phê bình *Vượt Côn Đảo* như thế nào?

Nguyên Ngọc viết:

"Bấy giờ Phùng Quán còn choáng mắt lên vì sự thành công của mình. Quán đang tin ở tài năng của mình và chưa kịp bình tĩnh suy nghĩ gì về những nhược điểm, khuyết điểm còn lại. Thì giữa lúc đó Trần Dần viết bài "Bạn đã đọc kỹ Vượt Côn đảo chưa?" đăng trên tạp chí Sinh Hoạt Văn Nghệ ra ngày 1/4/1955.(...) Trần Dần lật ngược tất cả những nhận định trước nay về Vượt Côn đảo, thẳng tay đập tơi bời cuốn sách đầu tay đó của Phùng Quán. Trần Dần nhận định:

Về cốt chuyện "tinh thần chung của nó là hỏng. Mới xét qua cốt chuyện đã thấy nó là một quyển sách ca tụng chủ nghiã anh hùng cá nhân, ca tụng kiểu quân sự bạo động, tình cảm sốc nổi và phiêu lưu". Về nhân vật trong chuyện: "về nhân vật quần chúng thì tôi không hiểu tác giả mắc bệnh gì mà mỗi khi tả quần chúng thì tả họ ngây ngô... cái nhân vật quần chúng đã bị bôi nhọ quá nhiều".

---

337 Trần Dần ghi.

Về những nhân vật khác, Trần Dần cho là: "tác giả đưa lên những người toàn tim cả mà không có óc. Hay chỉ có một chút xíu". Nói về cái chết của những người anh hùng trong tác phẩm của Phùng Quán, Trần Dần viết một cách vô lương tâm: "Tôi đã không khóc mà lại còn muốn nói rất nhiều về những cái chết mù quáng như vậy. Không phải cứ mang cái chết ra mà cảm động được chúng ta đâu!... Tôi không rỏ một giọt nước mắt nào cho những con người chết như thế. Đó là cái chết của những con người khờ dại... đảng viên ấy không phải là đảng viên, chiến sĩ ấy không phải là chiến sĩ..." (...)

Suốt cả bài ấy Trần Dần dùng một lối văn đả kích bằng cách chơi chữ, lập lờ, một thứ "thủ đoạn văn chương" mà sau này ta đã tìm thấy lại trên báo Nhân Văn, trong các tập Giai phẩm và Đất Mới của nhà xuất bản Minh Đức. Ví dụ chê một chỗ tác giả đưa lên một khó khăn quá ngây thơ, Trần Dần viết: "lần này là khó khăn con chó".

Một tháng sau Lê Đạt cũng viết một bài phê bình Vượt Côn đảo (Sinh Hoạt Văn Nghệ, số 39 ra ngày 19/5/1955) ý kiến không có gì khác Trần Dần lắm. (...)

Sau khi đã đập Phùng Quán tơi bời bằng một bài phê bình trên báo, sau khi đã làm cho Phùng Quán hoang mang suy nghĩ về tài năng, về trình độ mọi mặt của mình, Trần Dần lại nói riêng với Phùng Quán: "Tao đập là đập bọn chúng nó ngu dốt không biết gì chứ có phải đập mày đâu". (...) Thế là Trần Dần hoàn thành cái thủ đoạn của mình một cách khôn khéo, bắn một phát trúng nhiều mục tiêu: qua phê bình Vượt Côn đảo mà thoá mạ những chiến sĩ cộng sản, qua Phùng Quán mà chửi quần chúng là ngu dốt, tâng bốc Phùng Quán, đưa Phùng Quán đến chỗ đối lập lại quần

chúng độc giả và lãnh đạo, lôi kéo Phùng Quán. Trần Dần đã thành công trong việc đó thật"[338].

● **Phê bình *Việt Bắc***

Phê bình tập thơ *Việt Bắc* là ngòi nổ công khai đầu tiên của phong trào NVGP. *Việt Bắc* của Tố Hữu được tôn sùng như cuốn "*thánh kinh"* của văn học cách mạng. Từ khi tác phẩm ra đời cuối năm 1954 cho đến ngày nay, bao nhiêu giấy bút đã dành cho sự ca tụng nó. Hiếm có nhà phê bình nào, dám viết một câu phạm thượng về *Việt Bắc*. Đúng như Lê Đạt nhận xét: *"Ở Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ"*[339]. Sở dĩ việc phê bình thơ Tố Hữu, không chỉ khép kín trong các buổi họp nội bộ quân đội, mà thoát ra ngoài, nhờ hai người: Tử Phác, thư ký toà soạn báo Sinh Hoạt Văn Nghệ, tung trên Sinh Hoạt Văn Nghệ trước. Rồi Lê Đạt, phụ trách Văn Nghệ, đưa lên Văn Nghệ sau.

Vũ Tú Nam viết:

"Ngày 4/3/1955, nổ ra cuộc họp đầu tiên tranh luận phê bình tập thơ Việt Bắc, Trần Dần gọi thơ Tố Hữu là "tí ti la haine, tí ti l'amour" (tí ti căm thù, tí ti tình yêu) một cách hằn học, đểu cáng. Ngày 7/3/1955, bắt đầu tranh luận phê bình Vượt Côn Đảo của Phùng Quán, Trần Dần gọi những chiến sĩ Côn Đảo trong truyện là những "người cụt đầu", "toàn tim", mù quáng (...) Bài phê bình Vượt Côn Đảo của Trần Dần lệch lạc nguy hiểm như vậy, nhưng cũng có một số đồng chí trong quân đội không nhận ra, viết bài hưởng ứng. Cuối tháng 3/1955, khi duyệt những bức thư bạn đọc chung quanh việc phê bình Vượt Côn Đảo để in báo Sinh hoạt Văn nghệ, Cục Tuyên huấn quyết định bỏ bớt một số bài tán thành Trần Dần. Lúc này, Trần Dần phản ứng rất mạnh, gọi lãnh đạo là "répression policière!" (đàn áp kiểu cu-lít). Và

---

338 Nguyên Ngọc, *Con đường đi của Phùng Quán, con đường sai lầm điển hình của một người viết văn trẻ*, VNQĐ, số 4, tháng 4/1958.

339 Lê Đạt trả lời phỏng vấn RFI.

đầu tháng 4/1955, mượn cớ đau óc, Trần Dần xin nghỉ dài hạn, bỏ công tác, bỏ doanh trại bộ đội, tự tiện ra ngoài phố ở."[340]

Về không khí các buổi phê bình thơ Tố Hữu, Vũ Tú Nam ghi trong nhật ký, như sau:

5/3/1955: Tối qua, tranh luận về thơ Tố Hữu ở Cửa Đông, anh Nguyễn Chí Thanh tới (...) anh em đông lắm, cả Hồ Dzếnh. Hoàng Yến trình bày vấn đề "khả năng hiện thực trong thơ Tố Hữu - Tố Hữu có tiêu biểu cho thời đại không?" Trần Dần, Lê Đạt nói bốc nhất. Hoàng Trung Thông, Nguyễn Xuân Sanh ngồi ghi mà không nói gì. Tố Hữu không tới, Xuân Diệu không tới.

8/4/1955: Đêm 7-4, phê bình thơ Việt Bắc ở 51 Trần Hưng Đạo đến 12 h khuya. Dần tâm sự khi anh đi xe đạp có hai bộ đội theo dõi (?). Tối vào nhà bạn, lúc ra Dần bị bộ đội giữ mấy tiếng. Mình báo cáo sự việc với chi ủy. Trần Việt nói: Dần vào 69 Quán Thánh, nhà Hoàng Cơ Bình cũ, nên có thể bị theo dõi.

15/4/1955: Đêm qua, thảo luận về thơ Việt Bắc đến 12h đêm. Hoàng Yến, Trần Dần, Hoàng Cầm nói gay gắt. Trương Tửu tranh luận rất phản khoa học. Huy Cận ngồi im. Tạ Hữu Thiện nói nhiều suy diễn, ví dụ cho đoạn nào là giống Kiều… Hoàng Cầm dẫn thơ Hồ Xuân Hương để chứng minh "chất sống" và "hồn thơ" của nữ thi sĩ.[341]

Trong bài *Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu,* viết tháng 5/55, Trần Dần viết: *"Nói chung thơ Tố Hữu có rất nhiều cái lười biếng. "Ý lời tầm thường (...), rất nhiều cái kiểu "lòng ta xao xuyến, rung rinh", - "chúng bay chỉ một đường ra, một là tiêu diệt hai là tù binh", - hoặc "đời vẫn ca vang núi đèo", hoặc "Cụ Hồ sáng soi". Không phải là thiên lệch trích ra một số câu như vậy, hãy đọc lại cả tập Việt Bắc*

---

340 Vũ Tú Nam, *Sự thực về con người Trần Dần*.

341 Vũ Tú Nam, *Những ngày thử thách,* nhật ký chép lại, bđd.

xem, ta thấy nhan nhản những lối lười, nhạt, cả lảm nhảm nữa (...) Phá đường: "Nhà neo việc bận vẫn đi" - làm thì thi đua -, thi đua kết quả thì rồi mai địch chết. Ta đi tới: đủ cả Bắc Nam, Việt, Miên, Lào, Itsala, Itsarắc... xem ra thì có vẻ đúng chính trị. Nhưng xét sâu xem? (...) Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị công thức quá, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì là lập lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao... Tố Hữu chưa đem tới một cái nhìn mới mẻ gì.[342]

Tiễn đưa Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang ghi sổ tang:

"Lần đầu gặp anh trong cuộc phê bình tập thơ Việt Bắc, đến nay dù hơn bốn mươi năm, biết bao là gian nan, trong những cố gắng chung để tìm cho văn nghệ Việt Nam một con đường phát triển thuận lợi nhất. Đúng hay sai, hôm nay tôi vẫn chưa dám khẳng định... Dù sao thiện chí của chúng ta chỉ có kẻ ác ý mới cố tình phủ nhận.

Tiễn đưa anh về cõi vĩnh hằng, có lẽ tôi chỉ có thể nhắc lại cùng anh vế đối của Ngô Thì Nhậm nói cái lẽ tất yếu: Gặp thì thế, thế thì phải thế. (...)

Cả nước biết lúc nào anh cũng có tư tưởng Nhất định thắng, dù cho ý chí ấy anh không đạt được thì cũng vẫn là phẩm giá cao đẹp của một con người"[343].

● Trần Dần ghi

Về NVGP, có những sự việc đã bị chôn sống, tưởng rồi sẽ tan trong lòng đất. Có những sự thực đã bị bóp méo đến độ dị dạng. Trong hơn nửa thế kỷ, người ta đã quen sống với những quái thai dị đạng đó: những xuyên tạc, bôi nhọ được đề cao như những chân lý. Ngờ đâu, những *con chữ trong hòm* lại có ngày đứng dậy, thuật lại truyện mình. Tập *Trần Dần ghi 1954-1960*[344] là một trong những tư liệu hòm, tự

---

342 Nhật ký *Trần Dần ghi*, trang141.

343 Bài điếu của Nguyễn Hữu Đang, in lại trong *Trần Dần ghi*, trang 460.

344 Văn Nghệ, California, 2001.

khai, tự quật. Tác phẩm mở ra *những dòng chữ đầu tiên* để lấp những trang còn trắng về một thời kỳ văn học sử, còn chưa được biết, còn chưa được viết.

Tập *Trần Dần ghi 1954-1960* thực chất là ba quyển sách gồm một: Phần đầu tích lũy những suy nghĩ về sáng tạo. Phần thứ nhì, tác giả quay lại chiến dịch đấu tố với những hình ảnh khủng khiếp kinh hoàng. Phần thứ ba, viết về cuộc sống cải tạo trong những năm kỷ luật. Với một lối viết tốc ký, ngắn gọn, thể hiện *mỹ học khổ đau* của Trần Dần.

Chuyện cải tạo sau Nhân Văn, nằm trong lối tốc ký ấy:

"9/9/58 (...) Đêm, tôi thiếp đi trong mộng ác. Tay mưng, đau nhất là ở những chỗ đã thành chai mà lại mưng tái lại. Mọi bắp thịt suốt đêm lọc acide, và chôn cất những tế bào chết vì lao lực quá sức... Lục đục suốt đêm như vậy trong toàn bộ xác thịt tôi.

10/9/58 (...) Gió khiếp quá. Hàng sư đoàn gió bấc trèo qua núi lúc nào đổ xuống đồng cỏ. Suốt buổi sáng, mùa hè bị đánh tan nát. Nắng bị gió may thổi mát đi, nguội lửa.

Gió tốc mái, rứt mấy lá gồi chuồng bò. Cây cành bị túm tóc, vật vã kêu gào, gió vẫn không tha. Các tàu chuối bị tước xơ ra. Có tàu rách mướp, trông hệt một con rết xanh khổng lồ, hàng nghìn chân xanh ngọ ngoạy điên cuồng, cào trong không khí, cái đuôi nó bị giữ rịt ở thân, nó lồng lộn ngang ngửa, không thoát. (...)

Các nón lá bị gió nó hất chụp mặt. Nó kéo ra sau, quai nón xiết cổ như thừng thắt cổ! Bụi phả vào mắt chúng tôi, chưa dụi xong, gió đã ném thêm. Bọn tôi đào gốc, đã nhọc, còn bị lũ gió may kia trêu chọc. Nó đùa dai chứ... Có lúc tôi cuốc đất, mắt nhắm tịt, một anh mù làm việc"[345].

Về những ngày sôi động sau 2 cuộc Chỉnh huấn ở Thái Hà ấp, 16/4/1958, Trần Dần ghi:

---

345 *Trần Dần ghi*, trang 334-335.

"Hiện nay Nguyễn Hữu Đang, Thụy An, Minh Đức đã bị bắt, chẳng bao lâu sẽ ra tòa. Báo chí vẫn tiếp tục diệt đánh Nhân Văn Bộ 6 Giai Phẩm Mùa Xuân[346]*. Bộ 6 đã buông nhau ra. Bọn Nhân Văn Giai Phẩm cũng ô-rơ-voa*[347] *nhau hết (...) Sỹ Ngọc đóng cửa, miễn tiếp khách. Bản thân tôi, do chỗ đã tự giác đình bản tư tưởng thù địch (thứ tự giác kết quả của áp lực...) nên mọi mặt khác, tôi cũng đình bản cả giao du, đình bản cả việc viết lách. Có nên đi gặp những đồng chí lãnh đạo để hỏi những việc cần phải làm không? Đi thì lại sợ bị hiểu lầm. Nhưng nếu ngồi nhà, tiêu cực đợi, có khi còn bị hiểu lầm gấp bội. (...)*

Bọn Đang - Minh Đức - Thụy An thân thì bị cầm tù, tội ác thì đem bêu đầu trên báo chí. Vai trò của bọn chúng trong các vụ phá hoại 3 năm đang được vạch trần. Phan Khôi thì đóng cửa, nằm khàn, không đọc báo. Trương Tửu, Trần Đức Thảo làm gì? Còn cả loại B chúng tôi hiện ra sao? Làm gì? Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đang tiếp tục kiểm thảo ở cơ quan, cùng với những Quang Dũng, Trần Lê Văn, v.v...

Chúng tôi đi sâu vào kiểm điểm sáng tác hơn nữa. Kiểm điểm sáng tác cho sâu mới thật là khó sao! Cứ như phải rứt bỏ một mảng thịt của mình.(...) Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẫn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ (...) Tôi vừa là một tội nhân, vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn"[348].

Những *người nhân văn* ấy, đã phải nhận tội, phải "cắt bỏ những mảng thịt của mình", phải tự chửi rủa mình, phải tìm gặp lãnh đạo, phải tố cáo bạn bè để xin một chút ơn huệ

---

346 Hoàng Cầm, Văn Cao, Lê Đạt, Trần Dần, Sỹ Ngọc, Tử Phác.

347 Au revoir, tạm biệt.

348 Trần Dần ghi, trang 244, 245- 260.

thừa, nhưng rồi cũng không ai thoát được guồng máy, không ai tránh khỏi bị "ninh nhừ".

Con người *nhất định thắng* ấy, sau trận Thái Hà, đã thua, đã hàng, đã nhận tội, đã ly khai những lý tưởng ngày trước, đã phải đứng về phía *bên này*, để nhìn "bọn" *bên kia*: gồm những "tên thủ lĩnh chủ nghiã xét lại" Nguyễn Hữu Đang, "tên phá hoại" Minh Đức, "con mụ gián điệp" Thụy An..., đã xuống đến nấc thang cuối cùng của sự "giẻ rách hoá" con người.

10/12/ 59, Trần Dần ghi: *"Sớm mai tòa án xử Thụy An gián điệp và Nguyễn Hữu Đang phá hại, cả hai: hiện hành. Tôi không có giấy gọi cho dự, có lẽ vì không có vị trí gì ở đó. Không phải là nhân chứng, cũng không phải là đại biểu của nhân dân...*

Người có một cái gì văng vắng. Tôi đã có đứng với nhóm Đang cầm đầu. Tôi đã ly khai với "lý tưởng" đó. Cả khi đứng ở đó, cả khi ly khai, cả bây giờ, tôi vẫn cứ rớm máu. Chao ơi! Con đường để đi đến chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao? Tương lai có để dành cho tôi nhát dao nào nữa không? Đang đã nhìn thấy cái sai lớn của Đang chưa? (...)

Ngoài trời mưa bụi. Rét xoàng. Không có gió. Đôi lúc vài tiếng chuông xe đạp. Năm nay rét muộn. Đang ra tòa cuối năm. Tôi cũng không thể nào nhởn nhơ với sự kiện này. Chao ôi! Con đường để đi tới chỗ "Đúng" mới nhiều máu làm sao!"[349]

Từ lâu *"ghi trở nên một hình phạt"*. Nhưng vẫn ghi.

Cuốn sổ 1958, ghi lại con đường của những người muốn ngoi lên để đi đến chỗ "Đúng". Ai cũng muốn tìm một đường "máu" để thoát thân: biết đâu Đảng chả đoái thương mà nghĩ lại? Phương tiện nào cũng tốt kể cả "khai". Cả "tố".

---

349 *Trần Dần ghi*, trang 376.

Bao nhiêu khuôn mặt đã bước trên con đường "nhiều máu "ấy? Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã vo ve sự "Đúng" ấy? Trần Dần ghi. Bao nhiêu tên tuổi đã đạt được sự "Đúng" ấy? Trần Dần ghi. Bao nhiêu khuôn mặt đã "Sai." Trần Dần ghi.

Cả đúng lẫn sai đều lầm than, đều tiến dần tới tha hóa. Họ tan tác cả. Họ chia tay. Có những oán hận, căm thù. Chính quyền đã thành công trong sự *"giẻ rách hoá"* con người, như lời Lê Đạt.

Thành công lớn nhất của guồng máy là đã đánh vào những yếu tố thiêng liêng nhất của con người: đánh vào tình bạn, tình người, đánh tan tác hết.

Những *người nhân văn* không chết, nhưng họ bị rút máu, rút gân, rút dần sinh lực. Họ đều rời rã, đều muốn hàng. Nhiều người đã đầu hàng, trong đó có Trần Dần. Họ muốn được lãnh đạo thương xót, họ muốn được lãnh đạo đoái hoài. Họ đã xuống đến đáy vực, họ chịu hết nổi. Họ sẵn sàng *"chút lòng trinh bạch từ nay xin chừa"* nhưng người ta vẫn lạnh lùng quay đi. Người ta vẫn không cho ngoi lên. Cái phận người nhỏ nhoi. Phận *người nhân văn* bị sa lầy, lún xuống, trong thời *không nhân văn* của dân tộc mình. Câm và điếc. Như đã chết.

Và điều đó chỉ có *mỹ học khổ đau* của Trần Dần mới viết nên được.

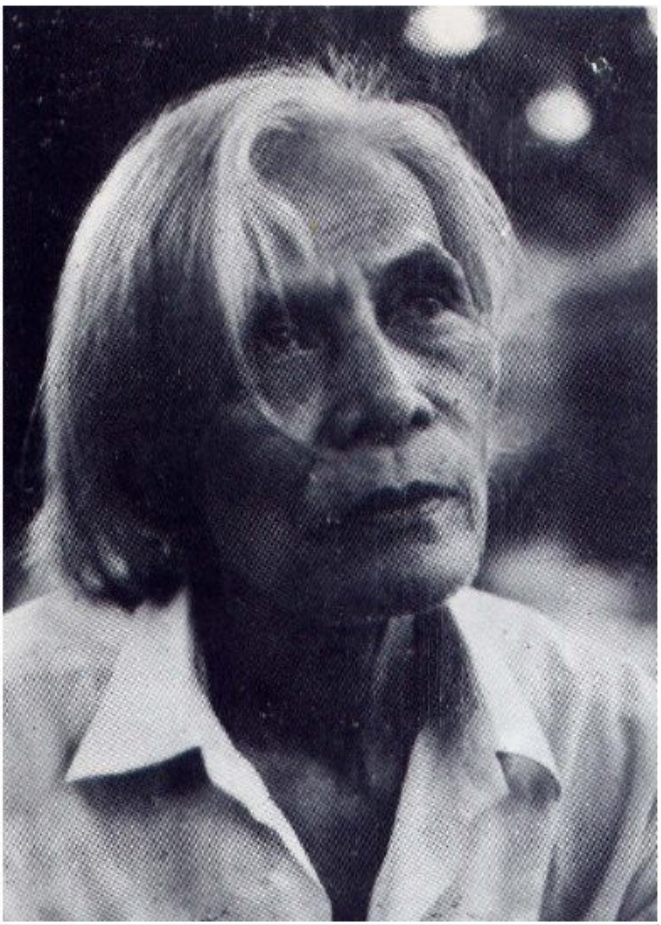

HOÀNG CẦM
trong kháng chiến và sau NHÂN VĂN GIAI PHẨM

Chương 12

Hoàng Cầm
(1922-2010)

Những văn nghệ sĩ thành viên chính của NVGP phần lớn đều đã giữ trọng trách trong nền văn nghệ kháng chiến: Lê Đạt làm thư ký riêng cho Trường Chinh (1947), rồi phụ tá cho Tố Hữu (1949). Tử Phác, làm trưởng phòng Văn Nghệ Tuyên Huấn Trung Ương (1951). Đặng Đình Hưng, đoàn trưởng kiêm chính trị viên đoàn Văn Công Nhân Dân Trung Ương (1952). Hoàng Cầm, đoàn trưởng Văn Công Tổng Cục Chính Trị (1952). Trong bài *Múa sạp thấu lòng Tử Phác*[350] Hoàng Cầm cho biết, thời 51- 52, Tử Phác là "cấp trên" của ông, chính Tử Phác đã "chỉ thị" cho Hoàng Cầm (trưởng đoàn văn công) và Mai Sao, nghiên cứu và thực hiện điệu múa sạp.

Những chi tiết trên đây giải thích tại sao NVGP có thể thành tựu được, bởi những văn nghệ sĩ chủ trương phong trào, nắm giữ các cơ sở chính của nền văn nghệ kháng chiến lúc bấy giờ: Trong quân đội, Tử Phác trách nhiệm báo *Sinh Hoạt Văn Nghệ* (tiền thân của *Văn Nghệ Quân Đội*). Về dân sự, Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang trách nhiệm tờ *Văn Nghệ*. Hoàng Cầm và Đặng Đình Hưng điều khiển toàn bộ *Văn công quân đội và dân sự*. Từ tháng 1/1956, Hoàng Cầm nắm

---

350 *Hoàng Cầm văn xuôi*, nxb Văn Học 1999, trang 129.

nhà xuất bản *Văn Nghệ*, vì vậy mà một số tác phẩm không chính thống đã được in trong những năm 1956 -1958.

Hoàng Cầm sinh ngày 22/2/1922, tại làng Phúc Tằng, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; nguyên quán làng Lạc Thổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; mất ngày 6/5/2010 tại Hà Nội. Tên thật là Bùi Tằng Việt (chữ ghép của Phúc Tằng và Việt Yên). Cha: Bùi Văn Nguyên, dạy học và làm thuốc, có thời đã theo Quốc Dân Đảng, là bạn của Xứ Nhu, tức Nguyễn Khắc Nhu. Mẹ: Nguyễn Thị Duật, bán hàng xén. Bút danh khác: Lê Thái, Lê Kỳ Anh, Bằng Phi... Học tiểu học ở Bắc Giang. 1937, đỗ Cao đẳng tiểu học ở Bắc Ninh. 1938, ra Hà Nội học trường Thăng Long; 1940, đỗ tú tài.

Làm thơ từ 8 tuổi. Những bài thơ đầu tiên được đăng trên báo Bắc Hà, năm 1936, ký tên Bùi Hoài Việt, có truyện ngắn đăng trên báo Đông Pháp.

Tác phẩm thành danh Hoàng Cầm là kịch thơ *Hận Nam Quan* viết năm 1937, ở tuổi 15, lúc còn học đệ tứ ở Bắc Ninh (in năm 1942). *Hận Nam Quan* được dậy trong vùng quốc gia trước 1954.

1938, đỗ Diplôme (Cao đẳng tiểu học) ở Bắc Ninh. Lên Hà Nội học trường Thăng Long và bắt đầu nghề văn. 16 tuổi, vừa học vừa làm cho nhà xuất bản Tân Dân và tạp chí Tiểu Thuyết Thứ Bẩy của Vũ Đình Long. Sáng tác nhiều truyện ngắn dưới bút hiệu Hoàng Cầm. Nổi tiếng với *Hận ngày xanh* - phóng tác Graziella của Lamartine và những truyện rút trong *Ngàn lẻ một đêm*. Năm 1940, đỗ Tú Tài, tiếp tục sáng tác và làm việc với Vũ Đình Long từ 40 đến 44.

1940, cưới người vợ đầu Hoàng Thị Hoàn.

1942 viết kịch thơ *Kiều Loan.*

Cuối 1944, vì tình hình chiến sự, Mỹ ném bom chợ Hàng Da, nhà xuất bản Tân Dân phải dọn về làng Tám ở ngoại thành. Hoàng Cầm trở về Bắc Giang đưa gia đình về quê Thuận Thành.

Tháng 9/1945, Hoàng Cầm cùng Hoàng Tích Chù lập ban kịch Đông Phương. Ngày 26/11/46, *Kiều Loan* được trình diễn lần đầu tại nhà Hát Lớn Hà Nội. Buổi duy nhất, rồi bị Trần Duy Hưng, Chủ tịch Ủy ban Giải phóng Hà Nội ra lệnh cấm, lý do: Pháp đã tấn công Hải Phòng. Ban Kịch Đông Phương đem Kiều Loan đi lưu diễn ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Sơn Tây, Thái Bình... tại các đình làng.

Ngày 19/12/46, chiến tranh bùng nổ, ban kịch Đông Phương phải giải tán. 1947-1948: Hoàng Cầm và Tuyết Khanh (diễn viên chính, đóng vai Kiều Loan) sống chung, giữa 1947, hai người cùng gia nhập Vệ Quốc Đoàn. Hoàng Cầm sáng tác *Đêm liên hoan*. Thành lập Đội văn nghệ tuyên truyền đầu tiên trong quân đội. Điều khiển và phát triển đoàn Văn Nghệ Liên Khu Việt Bắc từ 1948 đến 1952. 1948, sáng tác *Bên kia sông Đuống*.

Tháng 7-8/1950, Đại Hội Văn Nghệ I họp tại Việt Bắc, quyết định loại trừ: *tuồng, chèo, vọng cổ,* và *kịch thơ*... ra khỏi nền văn nghệ cách mạng. Hoàng Cầm phải tuyên bố "treo cổ" *kịch thơ* của mình. Việc này sẽ được ông phản bác trong băng ghi âm - *chúng tôi sẽ nói đến sau.*

Tháng 7/1952, tướng Nguyễn Chí Thanh điều động Hoàng Cầm về làm đoàn trưởng đoàn Văn Công Tổng Cục Chính Trị đến đầu năm 1955.

1954, Hoàng Cầm, được cử tổ chức buổi Liên hoan mừng chiến thắng Điện Biên Phủ, đưa vào màn quan họ Bắc Ninh *"Yêu nhau cởi áo cho nhau",* và bị "*đả đảo!" "đồi trụy!*". Tướng Nguyễn Chí Thanh can thiệp để đoàn văn công tiếp tục trình diễn hết màn quan họ.

10/10/54 Hoàng Cầm và đoàn văn công Tổng Cục Chính Trị về tiếp quản Hà Nội.

1/1/1955, Văn công quân đội chia làm ba đoàn, Hoàng Cầm điều khiển đoàn 1, chuyên về kịch nói, trong thời gian này, ông tham dự việc đòi cải tổ chính sách văn nghệ quân

đội cùng Trần Dần, Tử Phác, Lê Đạt... và phê bình tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

Tháng 4/1955, nộp đơn xin giải ngũ hoặc đổi sang Hội Văn Nghệ, vì bị Cục phó Cục Tổ Chức, thuộc Tổng Cục Chính Trị, buộc phải bỏ bà Lê Hoàng Yến.

Tháng 11/1955, được đổi ngành sang Hội Văn Nghệ, trách nhiệm nhà xuất bản Văn Nghệ.

Tháng 2/1956, cùng Lê Đạt chủ trương *Giai Phẩm Mùa Xuân*. Tháng 9/1956, cùng Nguyễn Hữu Đang chủ trương *Nhân Văn*.

Tháng 6-7/1958, chịu kỷ luật cùng với Trần Dần, Lê Đạt, Tử Phác, Đặng Đình Hưng... tuy nhẹ hơn, chỉ bị một năm khai trừ khỏi Hội Nhà Văn, như Phùng Quán.

1982, bị bắt, tù 18 tháng vì tác phẩm *Về Kinh Bắc*.

1988, được *"phục hồi"*.

Trong các bài đánh Hoàng Cầm, người ta thường dùng hai chữ *"đồi trụy",* nhắm vào đời tư: Hoàng Cầm nghiện thuốc phiện -như Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Tử Phác- và có nhiều vợ. Người vợ đầu, Hoàng Thị Hoàn, là em gái ông Hoàng Hữu Nghị, hiệu trưởng trường La Clarté ở Bắc Giang, cưới năm 1940, sinh con trai đầu lòng Bùi Hoàng Kỳ, và hai con gái Bùi Hoàng Yến -kịch sĩ, Hoàng Cầm nghi bị đầu độc chết- và Bùi Hoàng Oanh, chết đói cùng mẹ năm 1949. Bà Tuyết Khanh sống chung từ đầu 1947, đến tháng 1/48, sinh con gái, tên là Kiều Loan, nhưng hai người phải xa nhau. Sau đó ông sống với bà Xuyến, cô hàng xén chợ Hạnh. Từ tháng 5/1955 Hoàng Cầm sống với bà Lê Hoàng Yến, cựu hoa khôi Hà Thành, đã có 6 con riêng, ông có với bà Yến hai người con. Ông ly dị bà Xuyến khoảng 1956. Năm 1985, bà Lê Hoàng Yến đột ngột từ trần vì bị căng huyết áp trong lúc Hoàng Cầm -sau khi bị bắt, bị tù vì tác phẩm *Về Kinh Bắc*- bị bệnh tâm thần.

● **Tác phẩm:**

- Kịch thơ: *Hận Nam Quan,* viết 1937, Người Bốn Phương, 1942; *Kiều Loan,* viết 1942, diễn 1946, Văn Học, 1992; *Lên đường,* Tân Dân, 1952; *Cô gái nước Tần,* Tân Dân, 1952; *Trương Chi*, chưa xuất bản, trích trên *Văn* số 24, ngày 18/10/57, và *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí.

- Truyện: *Thoi mộng,* Tân Dân, 1940; *Hai lần chết,* Tân Dân, 1941.

- Kịch: *Ông cụ Liêu,* viết 1950, in 1951; *Đêm Lào Cai,* in 1957.

- Thơ: *Mắt thiên thu,* viết 1941, mất bản thảo; *Bên kia sông Đuống,* viết 1948, Văn Hoá, 1993; *Tiếng hát quan họ,* in chung trong tập *Cửa biển*, 1956; *Về Kinh Bắc,* viết 1959, Văn Học, 1994; *Mưa Thuận Thành,* Văn Hoá, 1987; *Lá diêu bông,* viết 1970, Hội Nhà Văn, 1993; *Men đá vàng,* truyện thơ, viết 1973, Trẻ, 1989; *Về cõi em,* viết 1992, chưa in.

- Dịch, phóng tác: *Hận ngày xanh,* phóng tác Graziella của Lamartine, Tân Dân, 1940; *Bông sen trắng,* truyện thần thoại của Anderson, Tân Dân, 1941; Những truyện thần thoại rút từ *Nghìn lẻ một đêm*: *Mang xuống tuyền đài,* Tân Dân, 1942; *Cây đèn thần,* Tân Dân, 1942; *Tỉnh giấc mơ vua,* Tân Dân, 1942; *Những niềm tin,* dịch thơ Boualem Khanfa, Algérie, 1965; *Mối tình cuối cùng,* dịch Dostoievski, Phụ Nữ, 1988, ...

- Trong *Hoàng Cầm hồn thơ độc đáo,* Đông Tây, 2011, Lại Nguyên Ân tìm được: *Người điên,* kịch thơ một màn, 1946; *Quê hương,* thơ, Văn Nghệ, 1955; *Mẹ tôi kể lại,* truyện thơ, Văn Nghệ, 1955; *Hoa đào nở trước ngõ,* truyện thơ, Văn Nghệ, 1956.

● Địa vị Hoàng Cầm trong văn học

Trong ba nhà thơ tác nhân chính của phong trào NVGP, Trần Dần và Lê Đạt là đàn em. Hoàng Cầm thuộc thế hệ đàn anh, cùng thời với Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng.

Nét khác biệt giữa ba nhà thơ nằm trong chữ nghiã, ví dụ cùng bối cảnh sông nước:

Thuyền đi núi cũng phiêu bồng
Đáy sông lẩn sắc cầu vồng trao nghiêng...
Sông sâu chớp mắt thần linh
Thuyền qua thạch động thấy mình cao bay

Thơ Đinh Hùng - Thủy mạc

Thuyền ơi! Tóc chảy đêm vàng
Giai nhân sóng soải hai hàng chiêm bao
Chồng tôi phóng ngựa phương nào
Mà dây vó sắt dẫm vào tuổi thơ

Thơ Hoàng Cầm- Kiều Loan

Trăng liềm một mảnh lâng lâng bạc
Nghiêng xuống cành dương lá lá rơi
Nhịp theo tiếng trúc cao vời
Đất quay ngược hướng mơ trời Thuấn Nghiêu

Thơ Vũ Hoàng Chương
Tâm sự kẻ sang Tần

Thơ Đinh Hùng thanh thoát, nối kết âm-dương, trời đất-thủy thần. Đinh Hùng là nhà thơ của nước, của cõi âm. Thơ Hoàng Cầm diễm lệ, bi đát, hùng tráng hoà với đau thương, khổ đau tan trong mộng ước. Hoàng Cầm là nhà thơ của con người. Thơ Vũ Hoàng Chương điêu luyện, cao lộng, ẩn chí lớn tầm vóc càn khôn, Vũ Hoàng Chương là nhà thơ của vũ trụ.

Ba tài năng lớn của thi ca Việt Nam thế kỷ XX. Ba phận số. Phải chăng thơ luôn luôn vận vào người, nên trong ba nhà thơ, chỉ mình Hoàng Cầm mắc nạn chữ suốt đời. Vũ Hoàng Chương, trong *Nhớ Đinh Hùng* có nhắc đến *Dạ Đài:*

"Hùng đứng làm cố vấn cho một nhóm thi hữu trẻ tuổi hơn trong đó có Vũ Hoàng Địch, Trần Dzần, Trần Mai Châu để xuất bản một giai phẩm lấy tên Dạ đài. Quả là cái tên "tiền định"[351].

Khi Đinh Hùng mất, 24/8/1967, Vũ Hoàng Chương làm câu đối đặt trước áo quan:

Hồn sáu đường mê tìm Phật độ
Tình muôn trang sử mặc Trời ngâm

Và trong bài ai điếu trước mộ, câu:

Mênh mang một tiếng cười dài
Hồn lay bốn vách dạ đài cho tan!

Vũ Hoàng Chương tổng kết đời Đinh Hùng từ *Dạ đài* đến *Mê hồn ca*, *Đường vào tình sử* ... trong bốn câu thơ hàm súc, gợi buổi giao thời giữa *thơ mới* và *thơ tượng trưng* thập niên 1940 mà Hoàng Cầm, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, là những đại diện.

Tố Hữu làm thơ từ 1937, nhưng thập niên 40, chưa nổi tiếng. 1946, mới in tập *Thơ*[352]. Theo Hoàng Cầm trong băng ghi âm, trước kháng chiến, Tố Hữu đã có thơ đăng báo nhưng chưa ai biết Tố Hữu là ai, riêng ông để ý đến bài Hồ Chí Minh vì nó có những câu thơ "khát máu" quá đáng. Tựu trung, Tố Hữu đáp ứng yêu cầu thơ tuyên truyền, thơ đánh địch, thơ ca tụng lãnh tụ, theo đúng đường lối của Đảng mà Trường Chinh đã vạch trong *Đề cương văn hoá Việt Nam* (1943) và *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* (1948).

Tập *Việt Bắc,* in năm 1954, xác định Tố Hữu là nhà thơ hàng đầu của Đảng. Sau khi dẹp xong NVGP, uy thế Tố Hữu càng lừng lẫy, thơ ông trở thành kinh điển trong văn chương cách mạng sau thơ Hồ Chí Minh. Trong số những người viết về Tố Hữu, Đặng Thai Mai có nhận định xác đáng hơn cả:

---

351 Vũ Hoàng Chương, *Nhớ Đinh Hùng*, Loạn trung bút, Khai Trí 1970, trang 182.

352 Năm 1959 in lại đổi tên thành *Từ ấy*.

- "Tố Hữu là nhà thơ chỉ viết để phục vụ cách mạng từ trước đến sau".

- "Tình cảm trong thơ Tố Hữu là tình cảm của một chiến sĩ cộng sản, luôn luôn đứng trên lập trường của Đảng mà tranh đấu, suy nghĩ, cảm xúc".

- "Tưởng không cần nhắc lại một lần nữa rằng, trong các yếu tố đã xây dựng nên cái đặc sắc của thi sĩ, như trên kia đã nói, thì chính là hoạt động cách mạng theo đường lối của Đảng. Không có cái nội dung cách mạng đó, không có lập trường tư tưởng đó, thì cũng không có thơ Tố Hữu"[353]

Đó là vị trí của Tố Hữu trong văn học.

Trong kháng chiến, Hoàng Cầm, Văn Cao, Phạm Duy, là ba nghệ sĩ có những đóng góp lớn. Ngoài sáng tác, Hoàng Cầm-Phạm Duy còn trình diễn khắp chiến trường Việt Bắc, xây dựng tinh thần kháng chiến quân. Giọng ngâm *"oanh vàng đất Bắc"* của Hoàng Cầm, xung động tinh thần tự hào của người lính Vệ quốc: *"Rằng ta là Vệ Quốc Đoàn"*. Tiếng hát Phạm Duy giục giã thanh niên *"cùng nhau xông pha lên đường"* bảo vệ tổ quốc.

Hoàng Cầm ghi: *"Từ sau cách mạng tháng Tám, Văn Cao với tôi và Phạm Duy đã trở thành bạn thân, lúc nào, ngày nào cũng có nhau, biểu diễn, sáng tác đều có nhau, thậm chí đi nghe hát ca trù (ả đào) hoặc đi uống rượu, đi cà phê sớm tối đều có nhau, khiến rất nhiều văn nghệ sĩ lúc bấy giờ đã gọi ba đứa chúng tôi là: "Bộ ba bất khả li" (Les trois inséparables). Vậy thì Văn Cao phải có mặt trong tập Giai Phẩm* [Mùa Xuân] *này chứ?"*[354]

Cho kháng chiến, Hoàng Cầm đã góp hai lần xương máu: máu xương văn nghệ trong 9 năm sáng tác, trình diễn. Và xương máu gia đình: một vợ, Hoàng Thị Hoàn và một

---

353 Đặng Thai Mai, *Mấy ý nghĩ*, viết ngày 10/4/1959, in trong tập *Từ ấy*, thơ Tố Hữu, Văn Học, 1959.

354 *Cái gì thúc đẩy thơ*, Hoàng Cầm văn xuôi, trang 221.

con, Bùi Hoàng Oanh, chết đói, 1949. Một em trai, Bùi Như Yên, chết trận, 1952.

Công lao Hoàng Cầm đối với văn học và kháng chiến giải thích một số vấn đề cụ thể:

- Hoàng Cầm có đủ tư thế văn nghệ để mời Văn Cao, Phan Khôi tham gia NVGP.

- Hoàng Cầm là người Nguyễn Hữu Đang thuyết phục giúp Nhân Văn trước tiên.

- Hoàng Cầm có đủ uy tín cách mạng để đương đầu với Tố Hữu, bênh vực Trần Dần.

- Khi bị thanh trừng, Hoàng Cầm đã viết *Về Kinh Bắc* từ 1959, gián tiếp kết tội Đảng.

- 1982, Hoàng Cầm lại bị bắt, chính quyền tịch thu bản thảo *Về Kinh Bắc*.

Cuộc đời Hoàng Cầm gắn bó với lịch sử, không chỉ lịch sử kháng chiến, lịch sử NVGP, mà lịch sử dân tộc. Từ tác phẩm đầu tay *Hận Nam Quan,* Hoàng Cầm đã xác định con đường dân tộc: phải đề phòng phương Bắc, phải ghi nhớ *Hận Nam Quan.*

● Hận Nam Quan

Phi Khanh bị bắt sang Tàu, Nguyễn Trãi bí mật theo cũi cha, để cùng chết. Tới Nam Quan, Phi Khanh bắt con phải trở về, tìm đường khởi nghiã. Kịch thơ *Hận Nam Quan,* trước 1954, đã được giảng dạy trong vùng quốc gia, học sinh thuộc lòng những đoạn thơ:

- Con yêu quý! Chớ xuôi lòng mềm yếu
Gác tình riêng, vỗ cánh trở về Nam!
Con về đi! Tận trung là tận hiếu
Đem gươm mài bóng nguyệt dưới khăn tang
(...)
- Ôi sung sướng, trời sao chưa nỡ tắt
Về ngay đi ghi nhớ Hận Nam Quan
Bên Kim Lăng cho đến ngày nhắm mắt

Cha nguyện cầu con lấy lại giang san.

Đó là trích đoạn bài học thuộc lòng thời tiểu học, nhưng toàn thể kịch thơ là một tác phẩm "cổ điển" của học sinh trung học. Trong những đêm văn nghệ Tết, học sinh miền Nam thường có màn trình diễn *Hận Nam Quan.* Hoàng Cầm đi vào lòng dân tộc như thế.

Hoàng Cầm 15 tuổi, nhưng thơ không hề non nớt, đã có những câu *"tiên tri":*

Đây là ải địa đầu nước Việt
Khóc trong lòng ghi nhớ Hận Nam Quan

15 tuổi, nhắc lại trang sử oanh liệt:

Đây Nam Quan, quân Nguyên rời biển máu
Thoát rừng xương, tơi tả kéo nhau về

15 tuổi, đe dọa quân Minh:

Hỡi quân Minh! Sao không nhìn lịch sử
Mà vội vàng ngạo nghễ xuống Nam phương?

15 tuổi, xác định lòng quật khởi của dân tộc:

Một ngày mai, khi Trãi này khởi nghiã,
Kéo cờ lên, phất phới linh hồn cha
Gạt nước mắt, nguyện cầu cùng thiên địa
Một ngày mai, con lấy lại sơn hà.

Nhưng bọn bán nước cầu vinh nào có nghe.

Đó là bi kịch Hoàng Cầm và bi kịch chung của dân tộc.

● Hoàng Cầm - Tuyết Khanh - Vũ Hoàng Chương

Tháng 9/1945, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Chù, Hoàng Tích Linh[355], Kim Lân, Trần Hoạt lập ban kịch Đông Phương. Hoàng Tích Chù làm trưởng ban. Đông Phương thường lưu diễn ở các tỉnh gần Hà Nội. Vũ Hoàng Chương kể lại chuyện một người bạn rủ Hoàng (Chương) đi xem kịch: *"Hoàng ạ, ban kịch Đông Phương của bọn Hoàng Tích Chù lực lượng có vẻ khá lắm (...) Tin đích xác đây này: Tối mai ban kịch*

355 Cả hai là em ruột Hoàng Tích Chu.

Đông Phương trình diễn tại Thái Bình, và diễn liền mấy tối sau nữa. Ngay tỉnh ly, Hoàng có đi với tôi sang bên đó không nào? (...) Đối với họ Phan, người ta còn khách sáo ít nhiều; chứ đối với Hoàng thì, toàn ban đều thân mật, coi như "cố nhân". Có lẽ bởi họa sĩ Hoàng Tích Chù -em ruột Hoàng Tích Chu- là chỗ thế nghị của Hoàng chăng? Hay bởi tác giả quan trọng của ban kịch là thi sĩ Hoàng Cầm, chỗ thanh khí của Hoàng, từng đã gặp nhau ở xóm Niềm bên Kinh Bắc?[356]

Vũ Hoàng Chương vừa muốn "khoe" ban kịch Đông Phương coi mình là "cố nhân" mà cũng kín đáo kính trọng Hoàng Cầm như một bậc tài tử. Thời điểm ấy, mục đích Hoàng Cầm là dựng *Kiều Loan* nhưng tìm gần một năm, vẫn chưa "thấy" Kiều Loan. Đến tháng 8/46, tìm được Tuyết Khanh, bắt đầu dựng *Kiều Loan,* do Hoàng Tích Linh đạo diễn; Tuyết Khanh trong vai Kiều Loan; Hoàng Cầm vai Hiệu Úy... Về những buổi tập dượt *Kiều Loan*, Hoàng Cầm kể lại: *"... Nguyễn Huy Tưởng, hầu như không buổi tập nào là vắng mặt anh (...) Cả nhà thơ Vũ Hoàng Chương không biết vì quá mê nàng Kiều Loan của vở kịch hay mê người sắm vai Kiều Loan mà từ ngày đầu đọc vở, anh đã trở nên một khán giả quá siêng năng cả đến khi Kiều Loan phải "tản cư" đi diễn ở mấy làng trong tỉnh Bắc Ninh. Ngày nào anh cũng đến từ sớm, có khi nán lại dùng cơm trưa với diễn viên tại nhà anh Chù. Còn hai anh Lưu Quang Thuận*[357] *Trúc Đường*[358] *là hai kịch tác gia mấy lần đến xem tập và phỏng vấn (...) và chuẩn bị ấn hành trọn vẹn kịch thơ Kiều Loan ngay trong năm 1946"*[359].

---

356 Vũ Hoàng Chương, *Duyên thơ nợ kịch*, trong tập hồi ký *Ta đã làm chi đời ta*, Hội Nhà Văn in lại 1993, bị cắt nhiều chương, đoạn, so với bản 1974, ở Sàigòn.

357 Cha Lưu Quang Vũ.

358 Anh Nguyễn Bính.

359 *Lận đận Kiều Loan*, Hoàng Cầm văn xuôi, trang 54.

Hoàng Cầm đáp lại Hoàng Chương bằng sự tương kính. Những tài năng lớn thường kính trọng nhau ngay từ buổi đầu. Nhưng rồi có chuyện ngang trái xẩy ra: hai nhân tài cùng yêu một người đẹp. Vũ Hoàng Chương lúc đó đã có vợ là Đinh Thục Oanh, chị ruột Đinh Hùng, từ 1944, và Hoàng Cầm cũng đã có vợ là Hoàng Thị Hoàn và ba con, tại quê nhà. Vũ Hoàng Chương kể tiếp câu chuyện tình lạ lùng, đã khai sinh những câu thơ nổi tiếng với chữ *Khanh* đầy bí mật, và cũng là lịch sử một đoạn đời kháng chiến:

"Tối hôm đó diễn vở kịch thơ Lên Đường của Hoàng Cầm. Chỉ có 4 vai - đều vai chính cả!- Nhưng điều đáng nói là một trong bốn vai ấy đã do Tuyết Khanh đóng. "Người đẹp" này, Hoàng đã từng chiêm ngưỡng trên màn bạc rồi -Phim Cánh đồng ma của ông bạn Đàm Quang Thiện[360] *và cũng chẳng thấy gì đáng mê lắm. (...) Thế mà -ai học đến chữ ngờ!- cơn mê đã bắt đầu chiếm đoạt Hoàng trọn vẹn, cách hai tuần sau, để kéo dài mãi, đến giờ phút này cũng chưa hẳn nhoà tan đấy (...)*

"Nửa đời sương gió ngang tàng lắm
Mềm, chỉ vì Khanh, một trái tim..."

Ôi, chỉ vì Khanh! Vì Khanh! Chắc chắn Khanh ngạc nhiên. Mà chính Hoàng lại đã ngạc nhiên trước hết. Ngạc nhiên gấp hai lần Khanh, gấp bốn lần Hoàng Cầm. Và gấp cả một trăm lần thiên hạ (...) Và hình như sau chuyến lưu diễn Thái Bình, mọi người đang sửa soạn tập vở Kiều Loan của thi sĩ Hoàng Cầm thì phải. (...) Thật ra, Khanh còn đang bận tập Kiều Loan, Hoàng cũng đang bận viết bài cho Thế sự, chẳng ai muốn mua dây tự buộc mình. Chỉ cốt hợp thức hoá mỗi liên hệ của Hoàng và Khanh thôi. Đừng để ai phá đám. Thí dụ nhà thơ Hoàng Cầm (...) Khăng khít như vậy mà rồi sau đêm mười chín tháng mười hai Dương lịch[361] *Khanh*

---

360 Nguyễn Tuân có đóng phim này.

361 Ngày 19/12/1946, toàn quốc kháng chiến, ban kịch Đông Phương rời Hà Nội.

và Hoàng khởi sự lạc nhau. Lạc thôi chứ chưa mất. Hoàng trên bước tản cư phiêu lưu tới phủ Xuân Trường, lòng nhớ Khanh càng nổi dậy. Chẳng biết con người bạc mệnh kia đã phải trải qua những nhịp cầu đoạn trường nào thêm? Hiện nay ở đâu: Hưng Yên, Phủ Lạng Thương hay Bắc Kạn?...

Khanh của Hoàng ơi, lửa bốn phương
Khói lên ngùn ngụt chén tha hương,
Nghe vang sóng rượu niềm ly tán
Chạnh xót nòi thơ buổi nhiễu nhương" (...)

Một đêm trăng, Thứ Lang[362] *dẫn Khanh từ Đống Năm*[363] *vào, cùng với Kiều Liên*[364]*. Mới tạm xa nhau chưa đến hai mươi tháng mà khi tái ngộ nhìn nhau cứ ngơ ngáo như trong mộng ấy thôi!*

Khanh đã về trong lửa Túy hương
Khoé thu lộng gió tóc cài sương (...)

Qua năm 1949, Hoàng dời chỗ ở sang làng Duyên Tục (thường gọi là làng Tuộc), rồi lại chuyển tới huyện Đông Quan (làng Trầu). Nhưng cách Đống Năm vẫn không xa. Và như vậy, Khanh vẫn gần Hoàng. Vì Khanh đã ly khai hẳn với ban kịch Đông phương, không theo họ đi lang thang lưu diễn vùng Bắc nữa, mà về ở Thái Bình, sống đơn chiếc như một ẩn sĩ thời loạn (...) *Đầu năm 1950, Hoàng trở về Hà Nội, giữa khi súng đạn tràn tới Liên khu ba, Đống Năm bị phá nát, chẳng hiểu Khanh trôi dạt nơi nào*[365]*".*

Tuyết Khanh và Hoàng Cầm rời Hà Nội sau ngày toàn quốc kháng chiến; giữa 1947, hai người gia nhập Vệ Quốc Đoàn chiến khu 12, Hoàng Cầm thành lập Đội văn công tuyên truyền đầu tiên trong quân đội cùng với Hoàng Tích Linh, Trúc Lâm, Văn Chung... Giữa đường gặp Phạm Duy, Ngọc Bích, cùng nhập bọn. Tuyết Khanh có mang 6 tháng,

362 Tức Đinh Hùng.

363 Thuộc Thái Bình.

364 Chắc là Kiều Loan, con Hoàng Cầm và Tuyết Khanh, lúc đó chưa đầy tuổi.

365 Vũ Hoàng Chương, *Duyên thơ nợ kịch*, bản in năm 1974 ở Sàigòn.

phải ở lại "*an dưỡng trong một quân y viện ở huyện Hữu Lũng",* Hoàng Cầm, Phạm Duy tiếp tục đi lưu diễn ở Việt Bắc. Đầu năm 1948, Tuyết Khanh sinh con gái là Kiều Loan, nhưng hai người mất liên lạc. Tuyết Khanh về Thái Bình rồi hồi cư về Hà Nội. 1950, Vũ Hoàng Chương về Hà Nội gặp lại Tuyết Khanh. 1952, Ban kịch Sông Hồng diễn *Thằng cuội* của Vũ Hoàng Chương, Hoàng mời Khanh đóng vai Hằng Nga nhưng nàng từ chối. *"Từ đó, Hoàng với Khanh chẳng còn sánh vai nhau trong ảo mộng sân khấu một lần nào nữa. Hoàng cũng chẳng còn đủ hào hứng để viết thêm một vở kịch thơ nào"*[366].

Thời ấy, Vũ Hoàng Chương đã nổi tiếng với *Thơ say* (1940), *Mây* (1943) và kịch thơ *Trương Chi* (1944) gồm ba vở: *Trương Chi, Vân Muội* và *Hồng Điệp*. *Trương Chi* hay hơn cả, nhưng chưa thể sánh với *Kiều Loan* của Hoàng Cầm. Hoàng Chương nể Hoàng Cầm vì lẽ đó. Đến 1951, Vũ Hoàng Chương mới viết kịch thơ *Tâm sự kẻ sang Tần*[367]. Nếu không có *Kiều Loan,* chưa chắc đã có *Tâm sự kẻ sang Tần*, đó là hai tác phẩm lớn của thi ca Việt Nam.

Vì Tuyết Khanh mà Hoàng Chương bỏ kịch thơ.

Vì cách mạng, mà Hoàng Cầm phải treo cổ kịch thơ.

Hai thi tài. Hai mệnh số. Hai quyết định bi đát.

● Kiều Loan

Thân phận *Kiều Loan* lênh đênh như toàn bộ tác phẩm của Hoàng Cầm. Khởi thảo cuối xuân 1942 đến giữa 1943, đã tạm xong, Hoàng Cầm định đưa lên sân khấu Bắc Giang, nhưng bị viên chánh công sứ Pháp, thạo tiếng Việt, kiểm duyệt bỏ. Đến cuối 1943, ban kịch Hà Nội của Chu Ngọc định dàn dựng, cũng bị kiểm duyệt Pháp chặn.

---

366 Vũ Hoàng Chương, bđd.

367 Xuất bản tại Sài Gòn, 1961.

Luyện tập trong bốn tháng. Trình diễn trong bốn giờ. Sáng 26/11/1946, tại nhà Hát Lớn Hà Nội. Một buổi duy nhất, rồi bị Trần Duy Hưng ra lệnh đình chỉ. Đó là quyết định sai lầm đầu tiên của cách mạng về *Kiều Loan*.

Hoàng Cầm kể: *"Chúng tôi vừa hạ màn chót cho vở diễn lúc 1 giờ 15 phút. Sau những tràng vỗ tay kéo dài thì ông Trần Duy Hưng, Chủ tịch Ủy ban dân tộc giải phóng thành phố Hà Nội cho người ra mời anh Chù, anh Linh và tôi lên trụ sở Ủy ban. Ông ra lệnh cho chúng tôi phải hoãn những đêm diễn đã được Ủy ban cho phép. Lý do: quân đội Pháp đã đánh Hải Phòng và càng ngày càng khiêu khích trắng trợn Hà Nội. (...) Thế là số phận vở kịch lại lênh đênh. Tôi ngậm ngùi se sẽ ngâm câu Kiều:*

Phận bèo bao quản nước sa
Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh..."[368]

Lần thứ nhì, 1948, Hoàng Cầm định trình diễn *Kiều Loan* trong ngày khai mạc Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc[369]:

"Tôi đưa đơn đến tận tay anh Nguyễn Đình Thi, lúc đó đang là Tổng thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, đơn kèm theo kịch Kiều Loan. Rồi tôi hồi hộp chờ đợi (...)

Không khí cuộc gặp mặt bỗng trở nên nghiêm trang và lời mở đầu câu chuyện của anh Thi lại càng làm cho nó thêm lạnh nhạt, căng thẳng:

- Tôi đã nhận được vở kịch của anh. Cả lá đơn nữa. Anh Nguyễn Huy Tưởng và anh Nguyên Hồng đã giới thiệu Kiều Loan với tôi. Tôi cũng đã đọc qua (...)

- Rằng hay thì thật là hay!

Hai tiếng cuối câu đay xuống, tôi nghe như có vẻ vừa giễu cợt vừa hững hờ. Và anh Thi cũng chỉ nói có thế. Không hơn nửa lời. Rồi anh thu dọn sổ sách, như có ý bảo

---

368 Hoàng Cầm, *Nguyễn Đình Thi trong tôi- Nguyễn Đình Thi ngoài tôi*, Talawas.

369 Đây là lần II, do Trường Chinh tổ chức ở Việt Bắc mà sau đó Nguyễn Hữu Đang bỏ về Thanh Hoá.

tôi "Về đi!". Cũng để cho anh lính mới làng văn biết rằng mỗi giờ mỗi phút với anh Thi là vàng ngọc đấy!"[370].

Cũng Nguyễn Đình Thi này, năm 1956, sẽ nài nỉ Hoàng Cầm, lúc đó trách nhiệm nhà xuất bản Văn Nghệ, in giùm tập thơ không vần sửa thành có vần theo lệnh Tố Hữu.

Sau lần trình diễn duy nhất tại Hà Nội ngày 26/11/46, *Kiều Loan* bị đình chỉ. Hoàng Cầm cùng ban kịch rời Hà Nội, đi lưu diễn ở Bắc Ninh, Bắc Giang, Sơn Tây, Thái Bình, đem *Kiều Loan* diễn ở các đình làng vùng Bắc Ninh, được gần một tháng.

Ngày 19/12/46 chiến tranh bùng nổ, ban kịch Đông Phương phải giải tán. Kịch bản *Kiều Loan,* bị thất lạc trong những năm kháng chiến. Bản chính do Lưu Quang Thuận giữ, khi Pháp nhẩy dù Bắc Cạn, bản thảo của các văn nghệ sĩ phải ném xuống hồ Ba Bể, trong đó có *Kiều Loan*.

Mãi đến 1970, nhờ một số bạn cũ còn giữ được bản đánh máy, Hoàng Cầm kết hợp, "trùng tu" lại bản thảo 1946. 1992, *Kiều Loan* được xuất bản sau khi sáng tác 50 năm.

Kiều Loan chính là hoá thân của Hoàng Cầm. Những nghệ sĩ lớn thường tạo những tình huống có tính cách tiên tri. Sáng tác năm 1942, lúc Hoàng Cầm 20 tuổi và đã nổi tiếng. Trước một "tương lai sáng lạn" như thế, tại sao người thanh niên ấy lại nghĩ đến một nhân vật bi thảm như *Kiều Loan*? Rồi *Kiều Loan* sẽ "vận" vào số phận Hoàng Cầm như một thực tại đớn đau mà người nghệ sĩ không thoát khỏi, trong cuộc đổi đời của đất nước. *Kiều Loan* trong thời Pháp thuộc và dưới thời cách mạng, đều bị cấm, không vì tình cờ, mà vì nội dung tác phẩm:

Kiều Loan, con gái một cựu thần Tây Sơn, đi tìm chồng Vũ Văn Giỏi. Mười năm trước, theo lời Kiều Loan, Vũ lên đường giúp Quang Toản sau khi Quang Trung băng hà. Tới Phượng Hoàng Trung Đô, nghe tin Bùi Đắc Tuyên chuyên

---

370 Hoàng Cầm, bđd.

quyền, Vũ ngả theo Nguyễn Ánh, trở thành Vũ tướng quân, bạo tàn càn quét những người dân chống lại nhà Nguyễn. Kiều Loan giả điên đến Phú Xuân, tại đây, nàng gặp ông già, thầy cũ của Vũ. Kiều Loan làm huyên náo cửa thành, cố tình bị bắt vào dinh, để nhìn lại người xưa. Kiều Loan và ông thày cũ bị giam trong ngục. Kiều Loan uống thuốc độc tự vận cùng với ông già. Trước khi chết, nàng chém người chồng phản bội.

Kiều Loan, một bi hùng ca bao quát lịch sử dân tộc, dõi vào những mốc chính: Nam Bắc phân tranh. Nguyễn Ánh cầu viện Pháp để diệt Tây Sơn. Gia Long thắng trận trở thành độc tài chuyên chế, tiêu diệt những khuynh hướng đối lập.

Một nội dung như vậy, tất nhiên, không chỉ thực dân Pháp căm giận:

"Vì chính sự bạo tàn Ôi! Nước mắt
Bao nhiêu lần rỏ xuống những hồn oan?
Chính sự gì đi cầu viện ngoại bang
Về tàn sát những người dân vô tội"

Mà tất cả những kẻ cầu viện nước ngoài để vững quyền chấp chính cũng phải hổ mình. Một triều đình vừa "thống nhất sơn hà", nhưng lệnh đầu phát ra là lệnh cấm*:*

... Vua cấm đèn cấm lửa
Cấm dân gian đi lại ở kinh thành

Lệnh thứ nhì là cấm hát:

Vua có lệnh bắt những người hát nhảm
Đầu sẽ bêu sương gió nếp hoàng thành

Nhưng *Kiều Loan*, giai nhân tuyệt sắc, nào có sợ gì, nàng xuất hiện như một người điên, nàng cứ hát những lời phản biện:

Chị buồn chị hát vang lừng
Cỏ cây sa lệ núi rừng ngẩn ngơ

Kiều Loan là vở kịch thơ hay nhất của Hoàng Cầm và thời tiền chiến. Phải mười năm sau, *Tâm sự kẻ sang Tần* với bút pháp bay bổng của Vũ Hoàng Chương mới có thể kế vị.

Kiều Loan nói lên chí khí bất khuất của Hoàng Cầm trong thi ca, tiên tri định mệnh đất nước:

- Về cuộc Cải Cách Ruộng Đất:

Thà giết oan trăm mạng lương dân
Hơn để thoát một tên phản nghịch

- Về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm:

Mà trước mắt, cuộc xoay vần thời thế
Gạt ra ngoài hầu hết bậc tài danh
Bọn hủ nho nhan nhản khắp triều đình
Nơi tù ngục chất đầy người nghiã khí
Gỗ mục, thép cùn múa tay trong bị
Lau sậy nghêng ngang làm cột trụ giang sơn

- Về cảnh chiến tranh cốt nhục tương tàn:

Một nước nhỏ mà phân chia Nam Bắc
Xâu xé nhau vì hai chữ lợi danh
Tam vương, ngũ đế, cướp đất phá thành
Mấy trăm năm nghe dân tình xao xao xác
Thay cái đạo làm người bằng giáo mác
Yến ẩm lầu cao... xương máu chan hòa

- Về ảo mộng chiến thắng:

Cờ nêu cao chiến thắng nhuốm chiêu dương
Mà rút lại cũng chỉ là giấc mộng.

Kiều Loan có những câu thơ lạnh người:

Chí lớn từ xưa chôn chật đất
Riêng đàn đom đóm lại thênh thang.

Bọn "đom đóm", Hoàng Cầm đã thấy từ tuổi hai mươi, sau này sẽ sẽ ngập trời đất Bắc. Các *"chí lớn"* trong NVGP, và sau NVGP, đã và hiện còn đang bị chôn vùi trong ngục tối. Nhưng nhà thơ luôn luôn có lời chót:

Làm mất nhân tâm thì miếu lớn tượng to

Dân đạp dí xuống bùn là hết chuyện.

● Hoàng Cầm - Phạm Duy, Việt Bắc 1947-1948

1947-1948, giai đoạn khởi đầu, và cũng là giai đoạn quyết định số phận cuộc kháng chiến. Ở thời điểm này, đảng Cộng sản chưa thực sự ra mặt, chính sách Mác-Lê-Mao chưa chính thức công bố, toàn thể văn nghệ sĩ tương đối được tự do, họ tin tưởng vào cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Việt Minh. Những bài thơ, những bản nhạc hay nhất xuất hiện. Tinh thần xông pha của nghệ sĩ đã có tác dụng mạnh trên bộ đội và quần chúng. Nếu không có sự trợ giúp đắc lực của văn nghệ sĩ, diện mạo cuộc chiến chống Pháp chưa biết sẽ ra sao. Hoàng Cầm kể:

"Một ngày giữa năm 1947- tôi và vợ tôi Tuyết Khanh (...) đã xông lên một vùng rừng núi đang rất xa lạ với mình, nhập luôn vào Vệ Quốc Đoàn chiến khu 12, rồi mày mò, tìm bạn, thành lập ngay một đội văn nghệ tuyên truyền, có thể gọi là đội Văn Công đầu tiên của quân đội (...) đến với từng trung đội, đại đội Vệ Quốc Quân, dân quân, du kích khắp bốn tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Ninh, Lạng Sơn để biểu diễn đủ loại kịch ngắn, kịch nói, kịch cương, ngâm thơ, hát tốp ca, đơn ca, múa vài ba điệu dân dã học được của đồng bào miền xuôi, miền ngược (...) Nửa đêm nay tiểu đội A đi phục kích ư? Trung đội C đi quấy rối địch ư? Chập tối họ vẫn được nghe giọng ngâm thơ sang sảng...

Đêm liên hoan, bạn ơi, đêm liên hoan
Đầu nhấp nhô như sóng bể ngang tàng
Ta muốn thét cho vỡ tung lồng ngực
Vì say sưa tình thân thiết Vệ Quốc Đoàn [371]

Nhiều khi họ lại "đồng ca" luôn theo đội văn nghệ:

Đường ta ta cứ đi
Nhà ta ta cứ xây

---

371 *Đêm liên hoan,* thơ Hoàng Cầm.

Ruộng ta ta cứ cầy
Đợi ngày...

Say sưa, họ còn vỗ tay theo điệu hát:

Ngày mai ta tiến lên
Diệt tan quân Pháp kia
Cười vui ta hát câu tự do...

(Nhạc tuổi xanh, P.D)[372]

Hoàng Cầm tả lại bối cảnh gặp gỡ Phạm Duy trên lộ trình sáng tác và trình diễn:

"Vào một buổi chiều cuối thu 1947. Trên đường đê sông máng đi từ đập Takun[373] *có ba người, 1 quàng ghi ta, 1 đeo accordéon, 1 đeo clarinette, ngơ ngác hỏi thăm chỗ đóng quân của Đội Văn Nghệ Tuyên Truyền khu 12. Đó là anh P.D, Ngọc Bích và Ngọc Hiền, đang tìm về với đội văn nghệ của Hoàng Cầm sau khi đoàn kịch Chiến Thắng của các anh giải thể (...) Riêng P.D, trong khoảng 13 tháng sát cánh bên nhau tôi cần phải nói thêm rằng có anh trong đơn vị, người tôi như mọc thêm cánh (...) Tôi cứ chuyển quân liên miên... nay vừa biểu diễn ở Nhã Nam, mai đã sang Bố Hạ (...) Sáng ra lại xuất quân. PD mê man đi, vừa đi vừa lẩm nhẩm thầm thì sáng tác thì chợt đến khi bắt được một giai điệu đẹp, tha thiết, là anh ngồi ngay xuống tảng đá bên đường, lấy bút giấy ra ghi. Nếu chỉ qua được một đoạn đường mà xong được một bài, anh lập tức kêu tôi và các bạn dừng lại, túm tụm trên vệ cỏ, nghe anh hát.*

Đường Lạng Sơn âm u (ù u)
Giờ bình minh êm ru (ù u)
Vẳng nghe tiếng súng trong sương mù
Đường Thất Khê bao la (à a)
Rừng núi ta xông pha (à a) (...)

---

372 *Đường ta ta cứ đi*, Hoàng Cầm văn xuôi, trang 151-161.

373 Tiếng Pháp đặt thay Việt ngữ: tên gọi là đập Thác Huống (Chú thích Hoàng Cầm).

Cứ như vậy, toàn đội, đặc biệt là PD đã truyền cho tôi sức mạnh dẻo dai để vừa đi vừa sáng tác. Ghi ngay thành thơ hoặc chủ đề kịch ngắn những cảm xúc, những ý tứ bất chợt loé lên trong tôi. Sáng tác đến đâu biểu diễn luôn đến đấy (...) trong vòng chưa đầy 12 tháng, PD đã liên tục sáng tác hàng chục ca khúc, có nhiều bài chỉ hát đôi ba lần, bộ đội đã thuộc lòng (...) Ở những tác phẩm của anh hồi đầu kháng chiến, tôi ít thấy cái da diết, thắm thiết đến khắc khoải như một vài ca khúc của Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao... Nhưng quả thật PD là người viết ca khúc được hầu hết các chiến sĩ bộ đội, cán bộ và thanh niên nam nữ khắp Việt Bắc lúc bấy giờ yêu mến nhất, nhắc nhở nhiều nhất, vượt xa các nhạc sĩ nổi tiếng cùng thời"[374].

Phạm Duy viết về giai đoạn này:

"Cuối năm 1947 đó, tôi và Ngọc Bích từ tỉnh lỵ bị tiêu hủy hoàn toàn là Thái Nguyên đi bộ qua Bắc Giang, tìm về làng Lan Giới thuộc khu Nhã Nam, Yên Thế (...)

Tôi và Ngọc Bích vác ba lô đi tìm Bộ Chỉ Huy của Khu XII. Ở đó, tôi gặp Hoàng Cầm. Nó đang chuẩn bị thành lập một đội văn nghệ cho chiến khu này cùng với nhà viết kịch Hoàng Tích Linh, diễn viên Trúc Lâm và vợ chồng Văn Chung (...) Tôi và Ngọc Bích nhập ngay vào cái đội văn nghệ chỉ có vỏn vẹn bẩy, tám người đó để từ Bộ Chỉ Huy, chúng tôi đi lưu diễn ở những nơi có Vệ Quốc Đoàn đóng

---

374 *Đường ta ta cứ đi*, Hoàng Cầm văn xuôi, trang 151-161.

Trong năm 1947, Phạm Duy đã sáng tác hơn 20 ca khúc: *Nhạc Tuổi Xanh* (Phú Thọ), *Về đồng hoang* (Phú Thọ), *Đường về quê* (Bắc giang) *Thanh niên ca, Thanh niên quyết chiến* (Yên bái), *Khởi hành* (Tuyên Quang), *Thiếu sinh quân, Dân quân du kích, Ngọn trào quay súng* (Bắc Giang), *Việt Bắc, Đường Lạng Sơn* (Lạng Sơn), *Nhớ người thương binh* (Vĩnh Yên), *Dặn dò* (Bắc Giang), *Ru con* (Thái Nguyên), *Mùa đông chiến sĩ* (Thái Nguyên), *Nhớ người ra đi* (Thái Nguyên), *Bên ni bên tê* (Tuyên Quang), *Tiếng hát trên sông Lô* (Tuyên Quang), *Nương chiều* (Lạng Sơn), *Bên cầu biên giới* (Lào Kai). Sau khi chia tay Hoàng Cầm, xuống Bình Trị Thiên, Phạm Duy sáng tác ba tác phẩm hay nhất thời kháng chiến của ông: *Quê nghèo* (Quảng Bình 1948), *Bà mẹ Gio Linh* (Gio Linh, 1948), *Về miền trung* (Đại Lược, 1948).

quân trong ba tỉnh Bắc Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn. Gặp Hoàng Cầm, tôi yêu nó ngay. Nó bằng tuổi tôi[375]*. Trong khi tôi thích đùa rỡn thì nó giống như một ông đồ non, lúc nào cũng ngồi hút thuốc lào, rung đùi, trầm ngâm. Nó đang sống chung với Tuyết Khanh (...) Đi theo Hoàng Cầm ra vùng kháng chiến, Tuyết Khanh, mà lúc đó Hoàng Cầm cũng đổi luôn tên là Kiều Loan, đang có thai và bắt buộc phải ở lại vùng trung du để Hoàng Cầm và chúng tôi lên đường đi lưu diễn. Trong bữa cơm đạm bạc để chia tay nhau giữa hai vợ chồng Hoàng Cầm tại Phố Nỉ (Bắc Giang), tôi còn nhớ cảnh Hoàng Cầm ngồi rung đùi ngâm thơ bên cạnh người vợ mà rồi đây nó sẽ không bao giờ gặp lại nữa, giọng ngâm buồn rười rượi..."*[376]

● Đêm Liên Hoan, Tâm sự đêm giao thừa
Bên kia sông Đuống

Phạm Duy viết về ba tác phẩm chủ yếu của Hoàng Cầm trong thời kháng chiến:

"Bài thơ Đêm Liên Hoan[377] *được viết ra ngay trong những ngày đầu đi công tác. Hoàng Cầm và tôi diễn ngâm bài này rất nhiều lần trước hàng trăm, hàng ngàn Vệ Quốc Quân:*

Đêm liên hoan đầu nhấp nhô như sóng bể ngang tàng.
Ta muốn thét cho vỡ tung lồng ngực
Vì say sưa tình thân thiết Vệ Quốc Đoàn.

Biết bao nhiêu Vệ Quốc Quân "lao đầu vào giặc" sau khi nghe những lời thơ đầy hào khí và thân thiết này:

Trong tiểu đội của anh
Những ai còn ai mất?
Không ai còn, ai mất

---

375 Phạm Duy sinh ngày 5/10/1921- Hoàng Cầm 22/2/1922.

376 Phạm Duy, *Hồi ký Thời Cách mạng Kháng chiến*, trang 126-128, Phạm Duy Cường, California, 1989.

377 Hoàng Cầm sáng tác tháng 10/1947.

Ai cũng chết mà thôi.
Người sau kẻ trước lao vào giặc
Giữ vững nghìn thu một giống nòi
Dù ta thịt nát xương phơi
Cái còn vĩnh viễn là người Việt Nam...

Ngoài bài thơ Đêm Liên Hoan soạn cho riêng tập thể chiến sĩ, Hoàng Cầm- cũng như tôi lúc đó- rất quan tâm tới người dân thường. Lúc đó tôi cũng đã đưa vào loại dân ca kháng chiến của tôi những hình ảnh anh thương binh, người mẹ già, người vợ hiền, đàn trẻ nhỏ... nhiều hơn là hình ảnh Vệ Quốc Quân. Hoàng Cầm, qua bài "Bên Kia Sông Đuống"[378] *cũng đưa ra một cách tuyệt vời những hình ảnh cô hàng xén răng đen, môi cắn chỉ quết trầu, cụ già phơ phơ tóc trắng, em bé xột xoạt quần nâu. (...) Những bài thơ kháng chiến như vậy đã được Hoàng Cầm và tôi diễn ngâm trong rừng sâu, trên đồi cao hay trong những hang đá dưới ánh đuốc bập bùng, có khi chỉ cách một đồn địch chừng vài ba cây số.*

Vào khoảng đầu năm dương lịch 1948 tức là sắp sửa tới Tết âm lịch (...) Hoàng Cầm sáng tác thêm một bài thơ nhan đề "Tâm Sự Đêm Giao Thừa" mà tôi cho là tuyệt vời. Hoàng Cầm đưa ra hình ảnh một người lính giữ nước, đang đứng gác trong một khu rừng vắng, giữa đêm giao thừa (...) Bài thơ kết thúc với những câu thơ vẫn vô cùng thân yêu và đầy hào khí như trong những bài thơ khác của Hoàng Cầm:

Cha con ăn Tết lập lập công
Cho sữa mẹ chẩy một dòng nghìn thu.
Cha đem cái chết quân thù
Làm nên sức sống bây giờ của con. (...)

Phải ghi nhận một điều rất quan trong là tác dụng của bài thơ. Nó đã có khả năng diệt giặc hơn cả những võ khí tối tân lúc đó như SKZ (súng không giật) hay bazooka vân vân...

---

378 Hoàng Cầm sáng tác tháng 4/1948.

Trong ba lô của bất cứ một Vệ Quốc Quân nào cũng đều có những bài thơ chép tay của Hoàng Cầm. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp không thể nào thành công nếu không có những tác phẩm văn nghệ như những bản nhạc của Văn Cao, và những bài thơ của Hoàng Cầm, Quang Dũng (...) Còn nhớ có một lần, tôi và Hoàng Cầm ngâm bài thơ Đêm Liên Hoan cho bộ đội nghe 15 phút trước giờ tấn công đồn địch. Sau đó một anh bộ đội đã nói: "Tôi vào giữa đồn mà vẫn còn nghe tiếng ngâm thơ của các anh văng vẳng ở trong đầu". Thế mới biết sức mạnh của văn nghệ"[379].

● Đóng góp máu xương trong kháng chiến

Nhưng kháng chiến không chỉ có hào hùng, mà còn là đói khát, chết chóc, kinh hoàng.

Hoàng Cầm nhắc lại thực trạng 1949, năm cam go nhất trong kháng chiến:

"... lên rừng sẵn sàng ăn cơm với muối, không có cả gạo nữa thì ăn cả củ mài (...). Măng nứa, măng mai là ăn vãn hết rồi. Mà vẫn đói quá, bởi vì năm 49 là năm đói nhất. Chính vợ Hoàng Cầm là một, con gái Hoàng Cầm là hai, chỉ vì đói, ăn lung tung cả mới sinh bệnh mà chết. Hai mẹ con chết liền trong một tuần lễ trong lúc tản cư năm 49.(...) Rồi đến năm 52, đóng góp một giọt máu nữa cho kháng chiến chống Pháp là người em ruột của Hoàng Cầm, nó cũng rất có tài về văn nghệ.(...) Hoàng Cầm cử nó làm đại đội trưởng đội văn công Tây Bắc(...) Cậu ấy đi đánh phỉ và bị phỉ nó sát hại, cả một đội văn công 12 người, chết hết"[380].

Hồ Dzếnh cũng mất người vợ và con trai lên ba. Nhà thơ ghi lại bối cảnh kinh dị của người cha hôn cái xác bé bỏng: *"Rồi cái hôn bò lên tóc, lên tai, lên môi, lên cổ, cái hôn đi lần xuống khắp người, và ngừng lại ở hạt giống bé*

---

379 Phạm Duy, *Hồi ký Cách Mạng kháng chiến*, trang131-137-148.

380 Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn RFI.

nhỏ. Nhưng vẫn không một lời nói cất lên giữa cái mê đắm kỳ dị, man rợ đó, ngoài tiếng thở rít lên, hít vào khoan khoái. Lần cuối cùng người cha "ăn" con bằng những cái hít rùng rợn, cũng như ngày trước, chính con người đó, đã đôi lúc muốn "quay rô-ti" con lên"[381].

Và thay con, Hồ Dzếnh viết lại tâm cảm đứa bé nhay vú mẹ, người mẹ dốc cạn sữa cho con đến tàn lực, tàn hơi:

"Có lúc tôi nhai mạnh đầu vú. Ở chỗ thịt nứt, nước miếng tôi thấm vào, tia sữa bị rút lên, nghe buốt đến tận ruột mẹ. Và sữa tuôn ra với máu, chảy tràn ra hai mép tôi, chất ngọt dịu pha lẫn mùi vị tanh hăng làm cổ tôi nuốt vội. Mẹ tôi co người, nghiến chặt răng lại, đôi mắt chớp chớp trong dòng lệ nóng hổi" [382].

● Hội Nghị Văn Nghệ Việt Bắc 1950
Hoàng Cầm treo cổ kịch thơ của mình

1949 cũng là năm Mao thành công tại Trung Quốc, đuổi Tưởng Giới Thạch ra Đài Loan. Tháng 1/1950, Đại Hội III Đảng Cộng sản Việt Nam tuyên bố chính thức đi theo đường lối Trung Quốc, thực hiện *Đấu tranh giai cấp* trên toàn lãnh thổ.

Trong bối cảnh đó, đại hội văn nghệ tháng 8/1950 tại Việt Bắc, có tính cách quan trọng đặc biệt, quyết định dành ưu tiên cho *Kịch* (bộ môn có tương lai trong nền văn nghệ xã hội chủ nghiã) và loại trừ tất cả những sản phẩm văn nghệ được coi là tàn tích của phong kiến và tiểu tư sản như *Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch thơ* ra khỏi nền văn nghệ Cách mạng.

Quyết định này phù hợp với chính sách tiêu diệt phong kiến và loại trừ tiểu tư sản ra khỏi hàng ngũ Đảng. Quyết định này, đã buộc Hoàng Cầm phải "treo cổ" kịch thơ của mình, đã khiến Phạm Duy và nhiều văn nghệ sĩ khác bỏ

---

381 Hồ Dzếnh, *Quyển truyện không tên*, Thanh Văn, California, 1993, trang 42.
382 Hồ Dzếnh, sđd, trang 47.

kháng chiến vào thành, trong số đó có những Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Võ Phiến... sau này sẽ trở thành những cột trụ xây dựng nền Văn Học Miền Nam.

Báo Văn Nghệ dành hai số đặc biệt 25 và 26 (8-9/1950) về Hội Nghị Việt Bắc, với những lời giới thiệu xứng với tầm vóc đại hội:

"Ngày 26/7, hai năm sau Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai, đã khai mạc cuộc họp mặt văn hoá văn nghệ năm 1950. Non 100 đại biểu của Việt Bắc, khu ba, khu tư, và khu năm rất xa, đã tề tựu dưới mái giảng đường trường văn nghệ nhân dân. Các đại biểu đã vượt hàng tháng đường dài qua rừng núi, nắng mưa, qua những đồn giặc" [383].

Báo Văn Nghệ số 26, giới thiệu "Hội nghị tranh luận sân khấu" với 2 bài chính: Bài *biên bản,* không ký tên, và bài *Những ngày hội nghị* của Tô Hoài.

1- Bài *biên bản* cho biết: Thế Lữ tuyên bố khai mạc hội nghị. Tố Hữu đặt vấn đề thảo luận. Đoàn Phú Tứ thuyết trình *"Quan niệm xây dựng sân khấu Việt Nam"* với bốn ý chính:

Tuồng: *"Thái độ dứt khoát của chúng ta bây giờ là đưa nó vào Viện bảo tàng*".

Chèo: "*Nên yêu chèo như một tử ngữ, hãy trân trọng xếp nó vào Viện bảo tàng*".

Cải lương: *"Cải lương Nam Kỳ là một nghệ thuật quái gở, lai căng, sản sinh ra ở một thời đại múa may quay cuồng, điên điên dại dại, để giải trí cho một lớp người cuồng vọng, không biết mình sẽ đi đâu, không biết mình đương nghĩ gì, đương cảm xúc thế nào, lớp người mới phát sinh trong thời Pháp thuộc, mất gốc mất rễ, và giao động đến cực độ".*

---

383 A.N, *Những cuộc họp Văn hoá, văn nghệ ở Việt Bắc, đầu tháng Tám*, Văn Nghệ số 25, tháng 8/1950 (in lại trong *Sưu tập Văn Nghệ 1948-1954*, Hữu Nhuận, Tập 3, Hội Nhà Văn, trang 603). Về ngày tháng họp hội nghị này, có chỗ ghi tháng 3 (trang 637, 655), có chỗ ghi tháng 5 (trang 619). Chắc đánh máy sai.

Kịch nói: *Một hình thức biểu diễn sân khấu mới nhất, tuy còn ít thành tích, nhưng rất nhiều tương lai*[384].

Trong phần tranh luận, chỉ Lưu Hữu Phước và Tống Ngọc Hạp bênh vực cải lương. Kết Luận: Tuồng, Chèo là tàn tích của thời phong kiến. Cải lương là sản phẩm của giai cấp tư sản. Chỉ giữ lại Kịch và phổ biến rộng rãi.

Bài biên bản này không nói đến *kịch thơ*. Không nói đến sự kiện *Hoàng Cầm thắt cổ kịch thơ.* Tố Hữu được mô tả như một người ngoài cuộc, không có ý kiến. Nhưng theo Phạm Duy, Tố Hữu là người chủ đạo trong hội nghị.

2- Bài *"Những ngày hội nghị"*, của Tô Hoài cũng không nhắc đến vai trò của Tố Hữu. Tô Hoài chỉ thuật lại bối cảnh đêm diễn kịch thơ của Hoàng Cầm và việc Hoàng Cầm treo cổ kịch thơ, với văn cách rất quen thuộc của ông. Trước hết Tô Hoài tả bối cảnh chung:

"Tối nay, ba đội kịch đấu làm một. Đội liên khu Việt Bắc diễn "Ngày hội tòng quân", kịch thơ của Hoàng Cầm, đội Vui Sống: "Số phải đi xa" kịch vui của Võ Đức Diên, đội Chiến thắng: "Anh Sơ đầu quân" của Nguyễn Huy Tưởng. Khán giả không phải chỉ có một trăm đại biểu. Khán giả từ các làng xa trong cánh đồng, phụ lão ông, phụ lão bà, các trung nữ, các đồng chí Nông dân, các (...) đêm nào cũng nghìn nghịt kéo đến, tối mưa thế nào cũng không bớt đông, đóm đuốc lượn rồng rắn rừng rực các bờ ruộng chật vòng trong, vòng ngoài sân khấu".

Rồi ông nhận xét về kịch thơ *"Ngày hội tòng quân"* và giọng ngâm của Hoàng Cầm:

"Anh Dũng, chị Lụa đương tình tự trong "Ngày hội tòng quân". Nói chuyện thường như ta nói qua bờ rào, nhưng đây đôi trai gái ấy lại đọc thơ cho nhau nghe. Có cái việc đi tòng quân mà cừ dùng dằng, bần thần mãi. Đứng dưới, bà con xì xào: "Sốt ruột thế!" - "Cái chị phụ nữ tốt

---

384 *Sưu tập Văn Nghệ 1948-1954* của Hữu Nhuận, tập III, trang 621.

giọng nhẩy !" - "Khốn khổ cái ông già ốm hay sao mà khặc khừ, lử đử vừa nói vừa run thế?" (ông già ấy đọc thơ). Đại khái tự dưng người ta nói, hoặc tôi hỏi, người ta nói như thế. Tôi nhớ lấy. Để mai nghe Hoàng Cầm mổ sẻ về nó. Lâu lắm mới lại được nghe Hoàng Cầm ngâm thơ. Cái giọng tài hoa sang sảng ấy, ngày trước vang ngân giữa cái tai bạn -những "kẻ sĩ" tiêu dao ngày tháng- bấy giờ nó ấm, nó tê tái thế, mà sao bây giờ nó lại loãng, nó nhạt trước một đám đông công chúng, xù xì, nhộn nhạo thế này. Tôi nghĩ lẩn thẩn giọng Hoàng Cầm hỏng thế, hay là tại thơ Hoàng Cầm?"

Sau cùng, Tô Hoài tả việc Hoàng Cầm tự kiểm thảo và tự treo cổ kịch thơ của mình:

Chiều 22/3[385] *Hoàng Cầm đứng trên diễn đàn (...) Hoàng Cầm nói về kịch thơ của mình (...) Anh phân tích "Ngày hội tòng quân" - Tôi định làm thơ thì lại là tôi giết chết kịch. Định làm kịch thì chết thơ. Chỗ nào tác giả cho là lâm li thì lải nhải, chỗ nào tôi chỉ có đối thoại thường, thì người xem lại cho là dễ nghe. Kịch thơ không thể sống được, nó không diễn tả đúng nhân vật. Bây giờ và cả mai sau, nó không thể còn đất đứng.*

Hoàng Cầm bùi ngùi (thật cái thái độ của nhà kịch thơ lúc bấy giờ như thế) Hoàng Cầm bế kịch thơ của anh lên ghế đẩu, từ từ dấn đầu nó vào cái thòng lọng, rồi đạp cái ghế đi.

"Hội nghị này thanh toán cho tôi câu chuyện kịch thơ. Tôi xin tuyên bố: cho đến vở "Ngày hội tòng quân" (1949), tôi cho là cái sản phẩm cuối cùng của một sở trường cũ của tôi". Sau lời kêu gọi đưa ma cái đám thắt cổ ấy của nhà kịch thơ Hoàng Cầm, cử tọa im lìm, tưởng đã nghe tiếng sinh, tiếng phèng phèng, đám đông đang sửa soạn khóc cười phúng viếng."[386]

---

385 Chắc là 22/8, ghi nhầm thành 22/3.

386 Sđd, trang 654.

Bài của Tô Hoài trích dẫn trên đây, tiêu biểu cho lối *"viết, lách"* thần tình của ông. Để chứng tỏ sự *"xuống dốc"* của Hoàng Cầm, Tô Hoài nhắc lại *"giọng tài hoa sang sảng"* và *"thành tích công tác treo đầy người"* của Hoàng Cầm ngày trước, để chứng tỏ Hoàng Cầm bây giờ *"tệ"* như thế nào: kịch thơ gì mà đôi trai gái chia tay chỉ ngâm thơ, không thấy nói! Ông già gì mà giọng run rẩy! Giọng Hoàng Cầm *loãng* và *nhạt*, không biết là thơ dở hay ngâm dở... Mà dở như thế thì phải tự *"treo cổ"* thơ mình là cái chắc! Có gì mà tiếc! Tô Hoài có vẻ thú vị đã tìm ra những chữ đắc địa để đưa ma kịch thơ Hoàng Cầm: "*tiếng sinh*", *"tiếng phèng"*, "*tiếng khóc cười cúng viếng"!*

Khéo thay bút pháp Tô Hoài!

Tiếc rằng sự lượn lẹo ngòi bút vẫn còn vài lỗ hổng:

Vào đầu, ông cho biết quần chúng *"đêm nào cũng nghìn nghịt kéo đến"* xem. Vậy người đọc sẽ tự hỏi: kịch thơ Hoàng Cầm *"dở"* như thế, mà sao quần chúng *"đêm nào cũng nghìn nghịt kéo đến"?* Rồi Tô Hoài hỏi: tại sao anh Dũng, chị Lụa không nói mà lại đọc thơ, khiến bà con xì xào: *"Sốt ruột thế!"* Tức là ông mượn lời bà con để chê kịch thơ không nói như kịch nói đấy! Tô Hoài tuyệt nhiên không nhắc đến việc Tố Hữu có tuyên bố gì, mà cũng không thấy ai chỉ trích kịch thơ, chỉ một mình Hoàng Cầm đứng lên tự xỉ vả và treo cổ kịch thơ của mình! Mà lại chọn cái chết rất dở: tức là đưa ra một vở kịch tồi tệ của mình, tự "*phân tích"* và tự nhận lỗi "*Tôi định làm thơ thì lại là tôi giết chết kịch. Định làm kịch thì chết thơ"* để đi đến kết luận "*Kịch thơ không thể sống được"*. Tô Hoài viết vậy, chứ người đọc thì biết chắc Hoàng Cầm không ngu như vậy. Tác giả *Hận Nam Quan* và *Kiều Loan* không thể "chết dở" như thế.

Phạm Duy có mặt tại đấy, kể lại: "*Đôi mắt của nó*[387] *vẫn còn sắc như dao, giọng nói của nó vẫn sang sảng",* chứ

387 tức Hoàng Cầm

có *loãng,* có *nhạt* gì đâu! Cả Vũ Cao[388] trong bài đánh Hoàng Cầm, cũng quả quyết: "*Năm 50, trong một cuộc hội nghị văn công, Hoàng Cầm ngang nhiên tuyên bố:"Đảng không nên dúng bàn tay vào chuyên môn nghệ thuật"*[389].

Hoàng Cầm suốt đời gắn bó với kịch thơ, lại đáo để và cũng không coi Tố Hữu ra gì, vậy trước khi buộc *kịch thơ* của mình phải tuẫn tiết, chắc chắn Hoàng Cầm đã nghĩ ra một cái chết oanh liệt, hoành tráng, nghiã là ông phải đưa hết tài năng vào buổi trình diễn chót, vì thế mà quần chúng đã đội gió mưa *"đêm nào cũng nghìn nghịt kéo đến",* để xem cái chết của "kịch thơ Hoàng Cầm":

Một mãnh hổ chống sao đàn chó sói
Thân tan tành bêu máu chợ Kinh Đô[390].

Còn Tô Hoài, đây không phải là lần đầu và lần cuối ông viết bậy. Trong *Cát bụi chân ai,* Tô Hoài thuật lại rằng khi ông đưa bài đánh NVGP của mình trên báo Nhân Dân cho Nguyên Hồng xem, thì "*Nguyên Hồng nói như hét vào mặt tôi: Tiên sư mày, thằng Câu Tiễn! Ông thì không, Nguyên Hồng thì không. Nguyên Hồng quỳ xuống trước tôi, rồi cứ phủ phục thế, khóc thút thít"*[391].

Năm 1993, về Hà Nội gặp Tô Hoài, tôi hỏi: *"Tại sao anh lại viết thế? Em thấy có cả bài của Nguyên Hồng đánh NVGP trên báo Nhân Dân thì làm sao Nguyên Hồng có thể mắng anh được?".* Bài Nguyên Hồng đăng Nhân Dân số 1451, ra ngày 2/3/1958, bài Tô Hoài đăng số 1461 ra ngày 12/3/1958, cách nhau có 10 ngày[392].

---

388 Anh ruột Vũ Tú Nam.

389 Vũ Cao, *Ý thức phá hoại và tư tưởng đồi trụy của Hoàng Cầm*, VNQĐ, số 4, tháng 4/1948.

390 Hận Nam Quan.

391 Tô Hoài, *Cát bụi chân ai*, trang 133.

392 Cả hai bài đều được trích đăng trong cuốn *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Toà Án Dư Luận*.

Ông bèn nói lảng: *"Tôi nhớ đâu viết đấy chứ có nghiên cứu gì như cô!"*. Tức là ông có thể bịa hẳn ra một giai thoại để chứng minh mình đã *"sám hối"* ngay từ đầu, và ông *"thành tâm"* ghi lại *"sự thực"* ấy trong *"hồi ký"*.

● Hội Nghị 1950 dưới sự ghi chép của Phạm Duy

Rất may là Phạm Duy cũng ghi chép rất tỷ mỷ về Hội Nghị Văn Nghệ 1950, trong Hồi Ký Kháng Chiến, trọn chương 32, nhờ đó, ta có thể biết nơi họp đại hội là "*Yên Giã, một khu rừng nằm gần ranh giới hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn."* Từ Yên Giã, *"đi vài quãng đường là tới Cù Vân, vượt qua Đèo Khế tới khu vực của các lãnh tụ. Hang Pác Bó là nơi ở của Chủ Tịch họ Hồ cũng nằm ở đâu đây"*.

Tới Yên Giã, Phạm Duy và Thái Hằng gặp Nguyễn Xuân Khoát "*Và lập tức anh dắt tôi tới gặp Tố Hữu, người bắt đầu nắm trong tay vận mạng của toàn thể văn nghệ sĩ. Tố Hữu già hơn hồi tôi gặp anh ở Huế, vẫn ăn nói nhẹ nhàng nhưng có cái đanh thép ẩn trong câu nói"*.

Về đại hội và đường lối của đại hội, Phạm Duy viết:

"Thế rồi vào một ngày hè trong năm 1950 này, Đại Hội Văn Nghệ -có thêm vào đó hai chữ "Nhân Dân"- được khai mạc.(...) Trong ngày đầu tiên của Đại Hội, tôi thấy Chủ Tịch Đoàn đưa ra một đường lối gọi là "văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa". Mục đích chính là đưa ra một thứ kim chỉ nam cho tất cả mọi ngành sáng tác và biểu diễn. Mục đích phụ (hay đây mới là mục đích chính?) là biểu dương lực lượng văn nghệ sĩ và "báo cáo" đường lối chỉ huy văn nghệ của Nhà Nước cho các quan khách biết. Các quan khách đó là ai? Đó một số cố vấn Liên Xô, Trung Cộng và vị tân khách Léo Figuères, đại diện của Đoàn Thanh Niên Pháp Quốc đang ngồi ở hàng ghế đầu cùng với Trường Chinh, Tố Hữu, Trần Độ (...)

Tôi cũng gặp cả Hoàng Cầm vừa mới tới Yên Giã cùng với các diễn viên nổi tiếng trong ngành Kịch Thơ như Trần Hoạt, Kim Lân. Tôi thấy Hoàng Cầm gầy đi nhưng đôi mắt của nó vẫn còn sắc như dao, giọng nói của nó vẫn sang sảng".

Về Hội nghị tranh luận sân khấu, Phạm Duy viết:

Dưới sự chủ tọa của Thế Lữ, Hội Trưởng của Hội Sân Khấu, một anh hội viên là Đoàn Phú Tứ đứng ra thuyết trình về sự hình thành của sân khấu Việt Nam gồm có Tuồng Cổ, Chèo Cổ, Cải Lương, Kịch Thơ, Kịch Nói... và xin mọi người thảo luận để định nghĩa cho một hình thức sân khấu mới mẻ nhất là Thoại Kịch tức Kịch Nói. Sau nhiều tranh luận, Đoàn Phú Tứ tóm tắt các ý kiến của những người phát biểu. Tất cả đã nhất trí với định nghĩa này:

- Kịch là bộ môn nghệ thuật dùng sân khấu làm phương tiện trình bày những cảnh đời đang có mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn đi tới chỗ kịch liệt thì phải giải quyết. Giải quyết xong mâu thuẫn là hết kịch.(...)

Đã tưởng thế là xong phần thuyết trình và định nghĩa về Thoại Kịch sau khi các văn nghệ sĩ đã đồng ý với thuyết trình viên Đoàn Phú Tứ. Nhưng lập tức một số cán bộ chính trị đứng lên đòi Chủ Tịch Đoàn phải bổ túc thêm vào biên bản của hội nghị:

- Giải quyết những vấn đề trong các vở kịch thì phải có lập trường. Vậy chúng ta đứng trên lập trường nào? Lập trường phong kiến? Lập trường tư sản hay tiểu tư sản? Không. Phải đứng trên lập trường của giai cấp vô sản.

Về những phát biểu của Tố Hữu và việc Hoàng Cầm treo cổ kịch thơ, Phạm Duy viết:

Trong một buổi họp khác, tổ kịch đang thảo luận về đặc trưng của các bộ môn sân khấu như Tuồng Cổ, Chèo Cổ, Cải Lương, Kịch Thơ và Kịch Nói, Tố Hữu đứng ra lên lớp anh em, trước hết là đả kích bài Vọng Cổ. Tố Hữu nói:

- Vọng Cổ có âm điệu ủy mị, làm cho người nghe bị ru ngủ, lòng người nghe bị mềm yếu rồi người nghe cúi đầu xuống, tiêu tan cả chí phấn đấu. Lưu Hữu Phước, Tống Ngọc Hạp bèn kẻ trước người sau đứng lên bênh vực cho bài Vọng Cổ xuất xứ từ Nam Bộ của mình, nói rằng:

- Vọng Cổ hay lắm, hay lắm, không bỏ được Vọng Cổ đâu ạ. Nhưng Tố Hữu cười khảy:

- Vâng, bài Vọng Cổ hay lắm. Hay đến độ đã làm cho Việt Nam mất nước, bây giờ trong kháng chiến, ta phải nên cấm nó.

Nghe thấy vậy, bụng bảo dạ, tôi nghĩ: A! Tố Hữu nói như vậy thì có nghĩa là Đại Hội Văn Nghệ Nhân Dân này phải có thái độ với bài hát đã "từ lòng nhân dân mà ra". Lưu Hữu Phước và Tống Ngọc Hạp im lặng.(...) Chỉ huy xong sự khai tử bài Vọng Cổ, Tố Hữu đi tới phán quyết thứ hai của anh. Anh mạt sát thậm tệ Kịch Thơ:

- "Nội dung kịch thơ phần nhiều chỉ phản ảnh tinh thần phong kiến. Cốt truyện đưa ra toàn là những nhân vật quan liêu. Lối diễn xuất bằng sự ngâm nga, nghe thật là rên rỉ, lướt thướt. Kịch Thơ không thích hợp với cuộc sống động của toàn dân đang kháng chiến".(...)

Sau khi Tố Hữu đã đả kích Kịch Thơ xong rồi, cử tọa bỗng im phăng phắc, mọi người chăm chú nhìn vào Hoàng Cầm, mục tiêu của sự đả kích. Hoàng Cầm đứng dậy, nhấc cái ghế đẩu mà nó vừa ngồi lên, trịnh trọng bưng ghế ra đặt ở giữa hội trường, lấy ở trong túi ra một sợi dây dài, dùng dây buộc tập kịch thơ, xong leo lên ghế đẩu, giơ tập thơ vừa mới bị trói chặt lên thật cao, tuyên bố:

- "Tôi xin treo cổ Kịch Thơ. Bắt đầu từ ngày hôm nay." (...)

Tôi bị phê bình là tiêu cực với những bài như Bao Giờ Anh Lấy Được Đồn Tây[393]*, Bà Mẹ Gio Linh. Và tôi được*

---

393 Tức Quê nghèo.

khuyến khích để khai tử một bài hát quá ư lãng mạn và đang được phổ biến rất mạnh mẽ trong toàn quốc là bài Bên Cầu Biên Giới. (...) Phải nói rằng Đại Hội Văn Nghệ này rất thành công. Thành công ở chỗ đại đa số văn nghệ sĩ được "chỉ huy" mà không có ai dám phản đối gì cả. Nếu có phản đối, phải đợi khi tan xong Đại Hội và trở về tới địa phương rồi mới phản đối bằng cách... "dinh tê".[394]

Ngày 1/5/1951, gia đình Phạm Duy bỏ kháng chiến, về Hà Nội, rồi vào Nam.

Hội Nghị Văn Nghệ Việt Bắc 1950, là giọt nước cuối cùng làm tràn chén. Ở những hội nghị trước đã có những đổ vỡ: Hội Nghị Văn hoá Toàn Quốc II, 1948: Nguyễn Hữu Đang bất đồng với Trường Chinh, bỏ về Thanh Hoá.

Hội Nghị Văn Nghệ 1948 và 1949, phê bình các tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng và Thơ không vần của Nguyễn Đình Thi.

Hội Nghị Việt Bắc 1950: tiêu diệt Tuồng, Chèo, Vọng Cổ. Phê bình nhạc Phạm Duy. Bắt Hoàng Cầm phải treo cổ kịch thơ.

Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng lần lượt hồi cư (1950), Phạm Duy về thành (1951), Hoàng Cầm ở lại, để trở thành một trong những người lãnh đạo NVGP.

Sự việc Tố Hữu triệt hạ kịch thơ Hoàng Cầm còn có một lý do khác, đó là sự đối lập tư tưởng giữa hai người: một lối nhìn vong bản như *"Thờ Mao Chủ tịch thờ Xít-Ta-Lin bất diệt"* không thể sống chung với một tư tưởng ái quốc như *"Về ngay đi! Ghi nhớ Hận Nam Quan!"*

Ngoài ra, toàn bộ kịch thơ Hoàng Cầm ấp ủ những chủ đề: Đề phòng phương Bắc. Phỉ báng sự cầu viện ngoại bang. Lên án cảnh cốt nhục tương tàn. Đòi hỏi tự do sáng tác. Cho nên, sau khi đã loại bỏ những hình thái văn hoá truyền thống

---

394 Phạm Duy, Hồi ký Cách Mạng Kháng Chiến, chương 32, trang 275-295. Dinh tê là vào thành.

của dân tộc như Tuồng, Chèo, Cải lương, đã cưỡng bức Hoàng Cầm treo cổ kịch thơ, đã bắt Nguyễn Đình Thi phải sửa thơ không vần thành thơ có vần, Tố Hữu được trên cho phép, thừa thắng xông lên, dẹp tan NVGP. Từ 1954, Tố Hữu trở thành soái chủ trên thi đàn miền Bắc (và sau 1975, cả nước), thơ ông biến thành "*thánh kinh cách mạng*".

Trong hơn nửa thế kỷ, bao nhiêu thế hệ đã không biết gì về các tác phẩm của Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng... đã không hay Phạm Duy, Hoàng Cầm là những nghệ sĩ có công đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Bởi họ chỉ được đọc, học và suy tôn tài thơ Tố Hữu.

Không ai trách Trương Phúc Loan, Bùi Đắc Tuyên, nếu họ làm thơ dở. Tội của bọn này là chuyên quyền. Chuyên quyền trong triều chỉ có tội với vua. Còn chuyên quyền văn hoá là một tội đồ đối với dân tộc.

● Hoàng Cầm chối bỏ việc treo cổ kịch thơ

Trong băng ghi âm nói chuyện với bạn bè, Hoàng Cầm chối bỏ việc này:

Tôi dự hội thảo sân khấu do anh Lê Đạt tổ chức, được anh em bầu lên làm chủ tịch đoàn cùng với Thế Lữ và Đoàn Phú Tứ. Ông Tố Hữu chỉ ngồi ghế nghe thôi, cuối cùng có nói vài câu kết luận. Lê Đạt làm thư ký hội nghị, nhưng thực chất là điều khiển, để mọi người, nhất là những người trẻ tuổi được tự do phát biểu, ai có ý kiến gì thì nói ra. Đêm hôm trước, tôi đem đoàn văn công của tôi lên trình diễn vở kịch thơ *Người Con Nuôi*. Có khoảng 150 người tham dự, gồm các diễn viên, đạo diễn, văn nghệ sĩ và một số dân các bản, cả Kinh lẫn Thổ. Vở kịch không thành công, tiếng vỗ tay lác đác. Vở kịch này tôi đã trình diễn trong các đơn vị quân đội hoặc các hội nghị ở Việt Bắc, rất được hoan nghênh, nhưng hôm diễn ở hội thảo ấy thì rơi vào im lặng, có thể nói là thất bại. Tôi nghĩ đối tượng của hội nghị là thảo luận, khán giả

người miền núi thì ngơ ngơ ngác ngác, thành ra tôi cho là thất bại. Anh Kim Lân bảo tôi: *Thôi anh à, kịch thơ có thể nghỉ đã, đừng làm nữa vì không có kết quả*. Sau này tôi mới biết là Kim Lân được ông Tố Hữu gợi ý vì ông Tố Hữu không thích kịch thơ. Tôi thấy Kim Lân có lý nên hôm sau tôi phát biểu không nên viết kịch thơ trong kháng chiến nữa vì kịch thơ không hợp với hoàn cảnh kháng chiến. Tôi bị Thế Lữ phản đối ngay: anh Hoàng Cầm nói là nói vở kịch thơ của anh thất bại, chứ không phải toàn thể kịch thơ thất bại. Tôi hoan nghênh sự phản đối của ông Thế Lữ, và mọi người tiếp tục tranh luận... Thế rồi sau này có người ở Khu Bốn ra nói với tôi: *Trong khu Bốn người ta đồn Hoàng Cầm treo cổ kịch thơ của mình. Ông Hoàng Cầm là trùm kịch thơ thế mà ông ấy khai tử kịch thơ thế thì có buồn cười không*. Anh em họ đồn thì cũng chẳng sao. Nhưng sau này, tôi đọc hồi ký Phạm Duy, thấy Phạm Duy viết hết sức bịa đặt. Hôm ấy Phạm Duy đâu có mặt, mà ở sân khấu hội nghị làm gì có xà nhà để treo, mà lại nói tôi treo cổ kịch thơ, để đưa ra cái dư luận ghê gớm ấy về tôi.[395]

Những điều Hoàng Cầm thuật lại trong băng ghi âm mà chúng tôi tóm lược những ý chính trên đây, không ổn:

1/ Hoàng Cầm nhớ nhầm, ông pha trộn nội dung Đại Hội Hội Văn Nghệ Toàn Quốc 1950 với các hội thảo tranh luận tại đại hội văn nghệ 1948 và 1949, do Lê Đạt tổ chức.

2/ Đại Hội 1950, quan trọng hơn nhiều. Báo Văn Nghệ đặc biệt tháng 8 và 9 năm 1950 có đăng các bài tham luận và Phạm Duy tường thuật khá tỷ mỷ. Phạm Duy có thói quen ghi lại các sự kiện trong sổ tay, chính ông đã ghi chép thơ và ca từ của Văn Cao thời trẻ, đã bị thất lạc.

3/ Trong hội nghị Hoàng Cầm nhắc tới, ông trình diễn vở kịch thơ *Người con nuôi*, trong khi ở Đại Hội 1950, theo Tô Hoài kể lại, đó là vở kịch thơ *Ngày hội tòng quân.*

---

395 Theo băng Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

4/ Việc treo cổ kịch thơ, có hai người kể, Tô Hoài viết tháng 8/1950: "*Hoàng Cầm bế kịch thơ của anh lên ghế đẩu, từ từ dấn đầu nó vào cái thòng lọng, rồi đạp cái ghế đi*".

Phạm Duy viết sau, trong Hồi Ký Kháng Chiến: *Hoàng Cầm đứng dậy, nhấc cái ghế đẩu mà nó vừa ngồi lên, trịnh trọng bưng ghế ra đặt ở giữa hội trường, lấy ở trong túi ra một sợi dây dài, dùng dây buộc tập kịch thơ, xong leo lên ghế đẩu, giơ tập thơ vừa mới bị trói chặt lên thật cao, tuyên bố: "Tôi xin treo cổ Kịch Thơ. Bắt đầu từ ngày hôm nay"*

Vậy việc treo cổ kịch thơ là có thật. Tô Hoài viết vội, không để ý đến chi tiết, nên có sơ hở: trên sân khấu làm gì có thòng lọng sẵn. Phạm Duy tả kỹ hơn, rõ từng chi tiết: Hoàng Cầm lấy trong túi ra một sợi dây, buộc tập kịch thơ, rồi leo lên ghế đẩu, giơ tập thơ bị trói chặt lên cao... Những chi tiết này cho thấy Phạm Duy kể chuyện mạch lạc hợp lô-gíc và hành động của Hoàng Cầm không bột phát mà đã suy nghĩ từ trước. Một hành động như vậy, không thể quên được. Vậy tại sao Hoàng Cầm lại chối bỏ nó? Có thể do hai áp lực:

Áp lực nội tâm: Hành động tự trói cổ kịch thơ, khai tử trước tác trước kháng chiến, bị chế độ tung ra, tuyên truyền như một hành động nhát sợ, tự mình trói mình, không dám nhìn nhận sự nghiệp văn chương của mình, làm cho Hoàng Cầm muốn chối bỏ hành động này.

Áp lực chính trị: Một số bài thơ trong tập *Về Kinh Bắc*, đặc biệt *Lá Diêu Bông, Cây Tam Cúc*, được truyền ra ngoại quốc và một số người chống Cộng ở hải ngoại viết bài ca ngợi tinh thần "chống Đảng" của Hoàng Cầm, khiến ông bị 18 tháng tù. Phạm Duy phổ nhạc *Lá Diêu Bông* và quảng bá như một tác phẩm chống Cộng; việc này lại cũng gây cho Hoàng Cầm nhiều hệ lụy, khiến ông rất bất bình Phạm Duy.

Nhờ băng *Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè*, ta biết việc chính quyền đàn áp Hoàng Cầm trong suốt 10 năm, từ 1982 đến 1993 vì tác phẩm *Về Kinh Bắc* ra sao và nhờ đó,

chúng ta có thể hiểu được tại sao Hoàng Cầm *"chối bỏ"* Phạm Duy, chối bỏ việc treo cổ kịch thơ do Phạm Duy thuật lại. Nhưng đồng thời Hoàng Cầm cũng chối bỏ hành động phản cách mạng hoành tráng của mình mà Phạm Duy, người bạn thân đã viết lại để ghi vào văn học sử.

● Về Kinh Bắc, Hoàng Cầm bị bắt, bị tù 18 tháng

Hoàng Cầm, có những hành động bi tráng mang chất anh hùng ca, nhưng bình thường bản tính ôn hoà, ít chống đối trực tiếp, chủ trương dùng nghệ thuật để nói lên tư tưởng. Đối với các bạn trong NVGP, Hoàng Cầm, thuộc lớp đàn anh, nhưng bình đẳng hơn Văn Cao, chịu đựng, nhường nhịn anh em. Đặng Đình Hưng, Trần Dần thường chê thơ Hoàng Cầm cổ. Văn Cao "mắng" Hoàng Cầm nhát. Trần Dần trong nhật ký, cũng chê Hoàng Cầm nhát, hay khai. Hoàng Cầm không chấp. Không chấp ai cả. Khi Tố Hữu từ trần, Hoàng Cầm viết bài điếu có câu: *"Cầu Trời Phật cho anh được siêu linh tịnh độ trong khói trầm từ đài hoàn vũ quảng đại và nhân từ"*. Chỉ một mình Lê Đạt hiểu và kiên trì bênh vực Hoàng Cầm. Đối với Lê Đạt, *Hoàng Cầm là người can đảm chữ. Người làm thơ chỉ cần can đảm chữ*. Lê Đạt luôn luôn có những nhận thức độc đáo.

Tác phẩm chính trong thời kỳ NVGP của Hoàng Cầm là kịch thơ *Trương Chi*. Hoàng Cầm mượn hình ảnh *tiếng hát* để khẳng định không thể cưỡng bức nghệ thuật: *"Tướng công vừa truyền lệnh / Khoá kín cửa lầu, lấp cả dòng sông / Để không còn tiếng hát"*, thì Mỵ Nương tha thiết yêu *tiếng hát*, đã năn nỉ người hầu gái: "*Chị van em. Em đi tìm tiếng hát / Giấu tướng công, em lót áo, đem về"*[396].

Sau khi NVGP bị thanh trừng, tưởng rằng *"Kình vào lạch đã hết đường vùng vẫy"*[397]. Nhưng không. Từ đông 1959

---

396 Trương Chi, *Văn* số 24 ra ngày 18/10/57, Hoàng Văn Chí in lại trên *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*.

397 Kiều Loan.

đến cuối xuân 1960, Hoàng Cầm đã làm xong *Về Kinh Bắc*, phản ảnh ý chí quật cường của nhà thơ trước bão tố dập vùi. *Về Kinh Bắc* được chép tay, truyền đọc như hầu hết những bài thơ khác của Hoàng Cầm. Tưởng đã yên thân. Ai ngờ. Tai nạn lại đến.

Theo họa sĩ Bùi Thanh Phương, con trai họa sĩ Bùi Xuân Phái, sự việc như sau: Năm 1982, Trần Thiếu Bảo[398] định in *Về Kinh Bắc* với bìa của Văn Cao, đem bản thảo đến nhờ Bùi Xuân Phái vẽ phụ bản. Bùi Xuân Phái và con trai đều đọc, không thấy có gì là "phản động", ông nhận lời vẽ 6 bức. Trần Thiếu Bảo đến lấy tranh. Vài hôm sau được tin Hoàng Hưng bị bắt, bị quy kết tội "lưu truyền văn hóa phẩm phản động", bị đi tù cải tạo 39 tháng. Bản thảo cùng tranh Bùi Xuân Phái bị tịch thu. *"Những ngày tháng đó chúng tôi thực sự đã sống lo âu sau khi nghe tin Hoàng Hưng bị bắt, Hoàng Cầm bị bắt, rồi Thiếu Bảo bị gọi lên thẩm vấn... Trong vụ bản thảo "Về Kinh Bắc" này, nhà thơ Hoàng Cầm bị bắt giam 18 tháng, và tâm trạng của Bùi Xuân Phái khi đó là lo âu nơm nớp như cá nằm trên thớt"*[399].

Theo Hoàng Hưng, ông bị bắt vì xin Hoàng Cầm một bản đưa vào Sài Gòn cho các bạn đọc. Cùng lúc ấy Nguyễn Mạnh Hùng (Nam Dao) định đưa bản thảo *Về Kinh Bắc* ra ngoại quốc để in. Chính quyền kết hợp hai việc lại để bắt Hoàng Hưng. Nguyễn Mạnh Hùng được báo trước nên không cầm bản thảo *Về Kinh Bắc* ra máy bay nữa.

Sau khi bị giam 18 tháng, Hoàng Cầm được thả về, ông bị bệnh tâm thần từ 1985 đến 1987. Hỏi về nguyên do, bệnh trạng, Hoàng Cầm cho biết:

"Sau khi tôi bị giam cầm 18 tháng, từ đó đến khi được về thì những bác sĩ quen của tôi họ đều thống nhất một điểm là tâm thần của tôi tự nhiên nó bị ở hai dạng:

---

398 Nguyên chủ nxb Minh Đức, bị tù 10 năm vì vụ NVGP, chú thích BTPhương.
399 Bùi Thanh Phương, *Vết thương tình đời*, tài liệu Internet.

- trước tiên là hoảng loạn,

- thứ hai là trầm uất.

... Hoảng loạn một cách hết sức lặng lẽ. Ví dụ nghe một tiếng còi ô-tô và một cái gì như là frein ô-tô rít lên ở ngoài cửa -mà lúc bấy giờ tôi ở tít tận trong nhà cơ- nhưng khi nghe thấy như thế, vào lúc độ gần nửa đêm chẳng hạn, thì tự nhiên tôi co rúm lại và hết sức sợ hãi. Nó như là một cái bản năng đấy, tìm chỗ trốn.(...)

Thứ hai là dạng trầm uất. Có khi cả ngày tôi không nói một lời. Bạn bè đến, tôi vẫn cứ tỉnh táo đi pha trà mời mọi người có vẻ lịch sự lắm. Nhưng đến khi người ta hỏi tôi về bất cứ một cái gì đó thì tôi không trả lời"[400].

● Về Kinh Bắc và xà lim bộ.

Trong băng ghi âm Hoàng Cầm kể lại giai đoạn này như một cuốn tiểu thuyết, chúng tôi chỉ tóm lược những ý chính, trong khi chờ đợi toàn bộ cuốn hồi ký được in ra, như một tư liệu trực tiếp về sự đàn áp văn nghệ sĩ dưới chế độ toàn trị ở Việt Nam:

"Chúng tôi bắt đầu làm thơ lại ngay từ năm 1959. Đặng Đình Hưng làm được tập thơ *Cửa ô*, tôi làm *Về Kinh Bắc*, Trần Dần làm *Cổng Tỉnh* và Lê Đạt làm những bài thơ về Yên Bái[401]. Tập *Về Kinh Bắc* tôi viết trong năm tháng, từ cuối năm 1959 đến đầu năm 1960, đêm nào cũng viết. Lối sáng tác của tôi là như thế, ví dụ như bài *Lá Diêu Bông,* những đêm trằn trọc không ngủ, thì như có một giọng nữ văng vẳng đọc bên tai, từ đầu đến cuối, mình chỉ việc ghi lại, mà phải ghi ngay, để độ 3, 4 phút sau là quên hết. Vì vậy, khi đi ngủ tôi luôn luôn có giấy bút để sẵn bên cạnh. Làm xong thơ, người đầu tiên tôi đọc cho nghe là một anh sinh viên văn khoa, tên Trần Sơn Nam. Anh nghe và chép lại, anh là người

---

400 Hoàng Cầm trả lời RFI.

401 Sau tập hợp thành tập *Tình Mẹ*.

thuộc tập thơ *Về Kinh Bắc* của tôi từ năm 1960. Thì ít lâu sau có dư luận trên Tuyên Huấn nói rằng: Ông Tố Hữu bảo bọn Nhân Văn bây giờ chúng nó phát điên, chúng nó làm thơ quái quỉ gì, không ai hiểu được.

Năm 1973, tôi bị mời ra Sở Công An Hà Nội để cảnh cáo lần đầu. Người tiếp là ông Nguyễn Doãn Nhạ, bảo: "Anh truyền bá những bài thơ có tư tưởng xấu cho thanh niên, sinh viên, rồi chúng đem truyền bá lẫn nhau để chửi Đảng. Chúng tôi là những người *"canh-gác-cho-bầu-trời-tư-tưởng",* gọi anh lên để cảnh cáo, anh phải thu hồi lại ngay tức khắc". Làm thơ ai chả muốn có người đọc, mà cái thơ nó đã đi ra, người ta đã thuộc lòng rồi, tôi *"thu hồi"* làm sao được. Tôi chỉ hứa từ nay không phổ biến bất cứ cái gì nữa. Rồi tôi phải viết kiểm thảo độ hai trang, mất độ 2 tiếng, nói rõ tư tưởng trong thơ, đại khái chỉ có nỗi buồn, buồn hiu hắt, chứ chả có gì xấu. Rồi họ cho về. Từ đấy tôi chẳng đọc thơ, chép thơ cho ai nữa, sợ nhỡ nó bắt được. Nhưng tôi chép riêng cho tôi một tập rất đẹp, độ 200 trang, khổ giấy to. Tôi đưa ông Bùi Xuân Phái vẽ cho tôi 3 tranh minh họa đẹp lắm, ông vẽ cả chân dung tôi nữa. Sau lại có bìa của Văn Cao, bìa chỉ trình bầy chữ, chứ không vẽ. Tôi giao cho Café Lâm giữ, dặn giữ kỹ, đừng cho ai đọc.

Chín năm sau, 1982, Hoàng Hưng, là nhà thơ trẻ mà tôi rất quý, ở Sài Gòn ra Hà Nội bảo: *"Anh chép cho em cả tập Về Kinh Bắc để em mang vào Sài Gòn. Trong ấy họ thèm khát lắm".* Hoàng Hưng xin Minh Đức cho tôi 200 tờ giấy đẹp. Thế là tôi chép, mỗi đêm chép một ít, độ 10 ngày xong. Chép xong, tôi đưa cho Hoàng Hưng. Hoàng Hưng hẹn lúc 10g30, 11giờ, đêm 18/8/1982 ở nhà Trần Thiếu Bảo, anh Bảo cũng mở quán cà phê hay rượu gì đó, đến uống chén rượu chia tay, mai em về Sài Gòn, đi tầu thủy. Trong quán cũng còn một vài người khách.

Tôi giao cho Hoàng Hưng tập *Về Kinh Bắc*, thì Hoàng Hưng lại có sẵn bìa do anh Văn Cao trình bầy và bốn tranh phụ bản của Bùi Xuân Phái. Vì Hoàng Hưng có nói với Bùi Xuân Phái và Văn Cao là em sẽ có tập Về Kinh Bắc của anh Hoàng Cầm, các anh cứ làm phụ bản, bìa cho em, khi nào anh ấy chép xong thì em đóng thành một tập mang vào Sài Gòn. Hoàng Hưng khoe tôi cái bìa của Văn Cao và bốn bức tranh của Bùi Xuân Phái, có ba bức tôi thích lắm bởi vì Bùi Xuân Phái đã đọc *Về Kinh Bắc* rồi và anh đã từng vẽ phụ bản cho tôi chín năm trước đây, bản tôi gửi Café Lâm.

Một hôm tôi mượn bản Café Lâm cho một anh bạn cùng quê, đến uống rượu muốn xem. Xem xong anh ấy đã trả lại và tôi để trên bàn trước cửa sổ, vậy mà ngay đêm hôm ấy tôi tìm lại không thấy nữa, bản Café Lâm cũng có bốn phụ bản của Bùi Xuân Phái rất đẹp. Mất thì sinh nghi. Mọi người bảo có lẽ cái tên Trần Tường Bách gì đó, nó lấy, nó là đứa thấy sách quý thì ăn cắp, mà đã có lần nó mang giấy bút đến xin tôi chép cho vài bài thơ trong cuốn *Về Kinh Bắc* rồi, có lẽ nó lấy chăng?

Trở lại việc tôi bị bắt, sau khi giao bản viết cho Hoàng Hưng tôi trở về nhà. Ngày hôm sau, 19/8 tôi vẫn bán rượu như thường. Đến sáng 20/8, khoảng 9 giờ, trong lúc vợ tôi đi chợ, ba người vào nhà, một anh tên là Phú và hai người lạ mặt bồng súng. Anh tên Phú đọc lệnh bắt, chiếu theo điều này, điều nọ, của bộ luật... tên Bùi Đăng Việt -họ nhầm, tên tôi là Bùi Tằng Việt- sáng tác, tàng trữ, lưu hành những tài liệu -họ không nói là thơ- đồi trụy phản động. Lệnh: khám nhà, tịch thu tài liệu và bắt do Nguyễn Doãn Nhạ, trưởng phòng Chính Trị Sở Công An Hà Nội, ký.

Khám từ 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều. Lấy đi tất cả, cả sách của con trai tôi đang học, nó đòi lại mới trả. Còn bất cứ một cuốn sách, báo, một tờ giấy nào, có một chữ của tôi trên bìa, trên trang, hay ở góc nào, là họ lấy mang đi hết. Họ tịch

thu cả thư riêng của tôi. Vợ tôi xin lại những bức thư và thơ tôi viết cho bà ấy hồi chúng tôi mới quen nhau nhưng họ cũng không cho. *Nhưng cái đau đớn nhất là họ tịch thu tất cả chữ của tôi,* không một chữ nào tôi viết ra mà thoát, một chữ, một câu, một câu thơ, một bài thơ, một quyển thơ... Lúc đó tôi đã bắt đầu viết kịch thơ *Men đá vàng*, ba màn viết xong được hai. Tôi nhớ màn đầu hay lắm. Nhưng bị tịch thu hết sạch, họ không để lại cho tôi một chữ nào!

Từ năm 1984 đến bây giờ, tôi đã đòi rất nhiều lần, qua đơn, qua lời nói: đó là tài sản của tôi -không phải là tiền- phải trả lại cho tôi, nhưng không có kết quả. Sau này, Sở Công An Hà Nội có những người tốt, họ cũng muốn tìm lại cho tôi, nhưng tìm không ra. Nếu là *"tài liệu phản động"* thì họ phải giữ lại để điều tra chứ? Tôi nghĩ là đã có lệnh đốt đi rồi. Ai ra lệnh đó chắc là họ không muốn sáng tác của tôi lưu lại cho đời sau, phải hủy, đó là số phận của tập *Về Kinh Bắc* và những bài thơ, những câu thơ, những chữ của Hoàng Cầm, năm 1982.

♦ Vụ Về Kinh Bắc theo Hoàng Hưng

Hoàng Hưng, bị bắt và bị tù 39 tháng, kể lại:

"... Trong một lần ra Hà Nội vào cuối những năm 1970 hay đầu 1980 (...) tôi được nhà thơ khoe một bản thảo VKB *do ông chép tay chữ rất đẹp, bay bướm uyển chuyển, có mấy phụ bản tranh của Bùi Xuân Phái vẽ các cô gái quan họ. Đó là tập bản thảo mà ông đã bán cho ông Lâm chủ quán cà phê chuyên sưu tầm tranh của các hoạ sĩ nổi tiếng ở Hà Nội, nay ông mượn lại, có lẽ để khoe với những người bạn mới, có thể là Việt kiều chăng? Nhân dịp, tôi đã xin nhà thơ chép cho ba bài* Cây – Lá - Quả *đem về Sài Gòn khoe vài người bạn văn nghệ "chui" vốn là dân Sài Gòn cũ (...).*

Trong chuyến ra Hà Nội tháng 8 năm 1982(...) Tôi đến chơi, lại nghe ông than là vừa bị mất tập bản thảo VKB

mượn lại của Lâm cà phê (chắc hẳn CA đã lấy đi làm hồ sơ cho vụ án VKB đang chuẩn bị). Ông tỏ ra rất tiếc xót, vì khó có cơ hội làm lại một tập đẹp như thế. Tôi hứng lên, nói sẽ làm lại cho ông một tập đẹp hơn thế. Ông bảo tôi đến gặp Trần Thiếu Bảo ở phố Bát Đàn, nhờ ông này mua giấy và bút bi loại tốt để ông chép. Trần Thiếu Bảo nhận lời ngay (...) Thế là việc chép tay VKB *tiến hành. Tôi đồng thời đến xin Văn Cao một phác hoạ làm bìa tập thơ* VKB*, và xin Bùi Xuân Phái mấy phụ bản. Ít ngày sau, tôi vui sướng có trong tay một bức hoạ mấy cái lá bay (chắc là "lá diêu bông") của Văn Cao và 4 phụ bản màu nước của Bùi Xuân Phái vẽ những cô gái quan họ nón quai thao áo tứ thân.*

Có một chi tiết mà những ngày đó tôi đã bỏ qua. Trong thời gian này, tôi hầu như ngày nào cũng đến quán rượu Hoàng Cầm để giục nhà thơ chép cho xong tập thơ. Một tối, tôi trông thấy trong quán có một người quen, anh nguyên là giáo viên cùng dạy học với tôi ở Hải Phòng, nhưng đã chuyển về Hà Nội, nghe đâu làm ở Bộ Công an, vì anh là cháu ruột ông tướng CA nổi tiếng Nguyễn Công Tài. Thấy tôi, anh cất giọng lè nhè như của người say rượu bảo: "Cái ông Hưng này đến là rách việc". Tôi hồn nhiên không để ý, chỉ cười rồi đi ra. Sau khi bị bắt tôi mới đoán rằng anh bạn đồng nghiệp cũ có lòng tốt cảnh báo để tôi khỏi sa bẫy. Nhưng lúc đó tôi hoàn toàn ngây thơ và tự tin việc xin thơ Hoàng Cầm chẳng có vấn đề gì mà phải đề phòng!

Ngày Hoàng Cầm hoàn thành việc chép VKB*, tôi muốn nhân đó có một cuộc liên hoan nhỏ với các bậc đàn anh để ăn mừng và cũng là để chia tay lên đường vào lại Sài Gòn. Ông Trần Thiếu Bảo đề nghị làm ngay tại nhà ông ấy, như cũng để khai trương quán của ông. Đầu bếp là Phan Tại, nhà viết kịch và cũng là đồng phạm của ông trong vụ xử án "gián điệp phản động Nhân văn – Giai phẩm" năm 1960. Trong bữa ăn vui vẻ tình cảm dạt dào giữa những người*

cùng tâm sự (có Hoàng Cầm, Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Trần Thiếu Bảo, Phan Tại; tôi tuy vong niên nhưng được các đàn anh cư xử như kẻ ngang hàng), ông Bảo khoe mọi người hai cái "bìa" cho tập VKB *và tập thơ của tôi mà ông trình bày theo lối siêu thực (...) Sau liên hoan, ông Bảo đề nghị tôi cho ông mượn tiếp tập ấy cùng với tập* VKB *vừa mới hoàn thành.*

Những ngày sau đó, tôi lo chuẩn bị để lên đường, nên định bụng trước khi đi mới đến nhà ông Bảo lấy lại hai tập thơ. Không hiểu sao ông Bảo rất sốt ruột, ngày nào cũng đến nhà bà chị tôi (là nơi tôi ở nhờ trong thời gian lưu lại Hà Nội) thúc giục tôi tới lấy! (Sau mới ngã ngửa ra là Trần Thiếu Bảo bị CA khống chế, phải làm chỉ điểm cho họ, ít ra là trong vụ VKB này. Nếu vì lý do gì đó mà tôi không đến lấy hai tập bản thảo, thì vụ án bị hẫng to!)

Hoá ra họ đã sắp xếp rất chu đáo để "cất vó" VKB mà tôi là một con cá hẩm hiu ở đâu đến chui đầu vào lưới. Sau này một anh CA quen thân với gia đình anh cả tôi còn cho biết họ đã bí mật theo dõi, quay phim tôi suốt nửa tháng trời mà tôi không hề để ý!

Chiều 17/8/1982, sau khi sắp xếp xong hành lý để đi chuyến tàu tối xuống Hải Phòng và sáng hôm sau đi tàu biển vào Sài Gòn, tôi đến nhà Trần Thiếu Bảo lấy lại 2 tập thơ. Vào trong quán, tôi thấy hai người đàn ông đang ngồi uống nước. Sau vào trại giam đi "cung" mới biết đó là ông Khổng Minh Dụ ở A25, sau này sẽ là Thiếu tướng Cục trưởng và cũng là "nhà thơ", và anh Thuận, trợ lý của ông, sau này sẽ là Cục phó Cục chống Bạo lọan. Tôi cứ hồn nhiên cầm tập thơ đi ra, lên xe đạp phóng. Được một đoạn, bỗng có hai anh thanh niên đèo nhau xe gắn máy ép tôi vào lề đường. Hai anh nhảy xuống, giữ tôi lại, bảo: "Cái xe đạp anh đang đi là xe của chúng tôi bị mất cắp". Tôi kinh ngạc, vì tôi đang đi chiếc xe của bà chị ruột. Đang cãi qua cãi lại,

thì một công an mặc sắc phục ở đâu tiến tới, nói: "Các anh lộn xộn gì thế, mời về đồn giải quyết". Đồn CA gần đấy là đồn Hàng Bạc. Vào trong đồn, anh CA xưng là đồn trưởng, yêu cầu tôi bỏ hết các thứ trong túi xách ra. Thấy tập bản thảo của Hoàng Cầm, anh ta hỏi: "Cái gì thế này? Thơ à? Thơ của ai đây?". Tôi đáp: "Của Hoàng Cầm." "Hoàng Cầm là ai? Anh ngồi đây đợi, cái này tôi phải xin ý kiến cấp trên". Tôi ngu đến mức vẫn chưa biết đây chỉ là một màn bi hài kịch dàn dựng sẵn.

Sau khoảng 20 phút chờ đợi, anh đồn trưởng bước vào, bảo: "Đây là ý kiến cấp trên". Anh giở ra một tờ giấy, đọc: "Lệnh bắt và khám xét khẩn cấp" vì tội "lưu truyền văn hoá phẩm phản động". Thế là nhanh như cắt, hai anh thanh niên "mất xe đạp" lúc nãy hiện nguyên hình là CA, áp giải tôi lên xe bịt bùng, đưa về... Hoả Lò!

Ngày 20/8/1982 thì đến lượt Hoàng Cầm bị bắt. Còn Nguyễn Mạnh Hùng, khi ấy đang ở Sài Gòn chuẩn bị bay về Canada. May được Dương Tường kịp báo hung tin, anh gửi ngay tập bản thảo VKB *cho Cao Xuân Hạo giữ, ra sân bay vô tang. (Tuy nhiên, khi khám xét hành lý của tôi, CA thu được một bức thư Hoàng Cầm nhờ tôi đưa cho Nguyễn Mạnh Hùng khi vào Sài Gòn, thư dán kín nên tôi không biết nói gì trong đó). Hùng bị cấm cửa về Việt Nam trong suốt 20 năm. (...)*

Kết cục của vụ án tóm tắt như sau: Hoàng Cầm sau mấy tháng bị giam thì kiệt sức vì bị khủng bố tinh thần liên tục mà lại không có nàng tiên nâu trợ lực, phải nhận tội phản động, chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội, chống chế độ, để mong sớm được ra.

Tôi không thể nào quên cái buổi sáng ấy trong Hỏa Lò. Sau mấy tháng không thuyết phục được tôi thừa nhận VKB *là "phản động", CA để tôi nghỉ một hơi dài. Rồi bỗng một hôm tôi lại được gọi đi "làm việc". Người CA đưa tôi vào*

một phòng hỏi cung, nhưng không có ai trong đó. Mà lại có một tập giấy thếp viết sẵn để trên bàn. Tôi tò mò giở ra, thì… trời ơi, đó là bản tự khai của Hoàng Cầm, tôi nhận ra chữ viết rất nắn nót, đẹp, của ông. Tôi đọc lướt, càng đọc càng hoang mang vì ông nhận tuốt tuột các ý tưởng chống Đảng, đả kích chế độ… trong tập thơ. Để cho tôi một mình đọc xong, người ta mới đưa tôi trở lại phòng giam. Và họ bố trí rất khéo, để như tình cờ tôi gặp Hoàng Cầm đang ngồi ở cổng chờ (giữa khu trại giam và khu "làm việc" có một cái cổng lớn, sau khi "làm việc" xong phạm nhân ngồi đó chờ "quản giáo" ra nhận để đưa vào buồng giam). Tôi xông đến bên ông, hỏi gay gắt: "Anh nhận tội phản động thật à? Sao lại thế?" Hoàng Cầm cúi đầu xuống, không nói gì, từ khóe mắt ông lăn ra những giọt nước mắt. Đến tận hôm nay, nhớ lại những giọt lệ tủi nhục của nhà thơ đàn anh, lòng tôi vẫn còn đau. Với tôi, tự buộc mình phải hèn để có thể tồn tại là điều không gì đau hơn cho một kẻ sĩ." (Hoàng Hưng, *Kỷ niệm 25 năm ngày ra tù (30/10/1985 – 2010), talawas.org ngày 18/9/2010, http://www.talawas.org/?p=24264, in lại trong Thơ Hoàng Hưng 1961-2005, HHEBOOKS2012, trang 375-391)*.

♦ Hoàng Cầm bị bắt

Hoàng Cầm thuật lại trong băng ghi âm:

Tôi không hiểu tại sao mình bị bắt. Lệnh bắt ký tên Nguyễn Doãn Nhạ, trưởng phòng Chính Trị Sở Công An Hà Nội, với tội danh *"sáng tác, tàng trữ và lưu hành những tài liệu văn hóa đồi trụy và phản động"*. Khám nhà và tịch thu tất cả bản thảo sách vở của tôi, vợ chồng tôi phải ký vào biên bản. Sau biên bản thì lên ô tô bịt kín của công an đưa về Hoả Lò. Đến 2 giờ chiều, người tôi bã ra. Cái bệnh của tôi, nếu không có điếu thuốc lào hay thuốc phiện trong người thì bị tháo dạ. Lúc họ đang khám, tôi xin phép đi sau, một anh

công an chạy theo ngay, chắc họ sợ tôi vào nhà cầu tự tử chăng? Vậy cái tội của mình chắc là nặng lắm.

Vào tới Hoả Lò khoảng 2 giờ 30, phải ngồi ngay vào bàn an công an để nhận diện và ký vào tất cả các thứ đã bị tịch thu, từ cái phong bì, cái thư, miếng giấy vụn đến bản thảo, sách, vở... Không được ăn gì từ sáng đến giờ, tôi hoa mắt không biết mình đã ký những gì, trong khoảng từ 2 rưỡi đến năm giờ, có phải tất cả là của mình không? Trước khi đi vợ tôi chỉ kịp nhét vào tay tôi gói xôi với miếng chả và họ cho phép nhận, nhưng có kịp ăn đâu, đến năm giờ chiều thì tôi cũng chẳng nhớ là mình nhét nó ở đâu, chắc khô cứng rồi.

Khoảng 5g30, 6g, anh Phú dẫn đến một hành lang trên có cái bàn bảo nằm nghỉ ở đấy. Rồi khoảng 7 giờ tối họ đưa tôi vào một cái phòng rộng, đông người.

Một người đến hỏi làm sao mà bị bắt, tôi nói tôi làm công tác văn hóa, bị nghi viết tài liệu phản động. Nhà văn à? Tên gì? Tôi bảo tên Hoàng Cầm. Trong phòng có vài người biết tôi: Hoàng Cầm *Bên kia sông Đuống* phải không? Tối hôm kia cũng có một phạm nhân là nhà văn trẻ tuổi hơn bác tên là Hoàng Hưng vào đây. Tôi giật mình: Thế là Hoàng Hưng đã bị bắt ngay đêm hôm kia rồi! Anh ấy vào đây lúc 3 giờ sáng, sáng hôm sau thì bị chuyển sang buồng khác. Thôi bác vào nằm đây, có tuổi lại yếu đuối, nếu chúng nó có hỏi gì thì trả lời tử tế, không nó đánh phủ đầu cho một trận thì chết, bác yếu quá không chịu nổi đâu. Lúc bị bắt tôi giấu được một cục thuốc phiện đem đi, người bạn tù chỉ cho tôi cách vo và giấu vào chân răng để lúc bị khám không mất. Gặp bạn tù tử tế thật ấm lòng.

Sáng hôm sau họ đến gọi Bùi Đăng Việt mang *"nội vụ"* -tức là ba lô, chả hiểu tại sao lại gọi là nội vụ- lên cung. Họ dẫn vào phòng quản trị, có hai người ngồi chờ, một người bảo: "Hoàng Cầm đấy à? Tôi là Nguyễn Doãn Nhạ, đây là anh Nguyễn Trọng Cường, trưởng Phòng Điều Tra Xét Hỏi".

Ông Nhạ nói đại khái: *"Bất đắc dĩ tôi mới phải đưa anh đến đây, tôi không hỏi cung anh đâu, hỏi cung không phải là việc của tôi. Chắc anh còn nhớ 10 năm trước tôi đã gọi anh lên vì chuyện thơ phú rồi, mà anh vẫn cứ tiếp tục truyền bá tư tưởng chống Đảng khắp nơi, ra cả nước ngoài. Đảng đã khoan hồng, không bắt anh đi cải tạo, từ năm 1955 đến nay là hơn 20 năm rồi mà anh vẫn chứng nào tật ấy..."* Ông Nhạ nói dài dòng lắm, tôi chỉ ngồi nghe vì họ có hỏi gì mình đâu. Rồi đến ông Cường: *"Tôi Trọng Cường trách nhiệm điều tra, hôm nay anh tạm về nghỉ, ngày mai anh suy nghĩ sẵn rồi phải khai cho thật, thật rõ ràng minh bạch, khai hết, không phải với tôi đâu mà với các cán bộ mà tôi cử ra!"*

Tôi bị giam trong một phòng 28 người, chật và nóng. Phòng bên cạnh giam những đứa trẻ vị thanh niên, có đứa mới 12 tuổi. Bữa cơm tù đầu tiên: năm người chung nhau một bát rau muống, một bát nước canh (nước luộc rau muống) và một đĩa muối.

♦ Kiểm điểm

Hai lần kiểm điểm bị ông Nhạ bảo là giả dối, không thành thật nhận lỗi, xoá đi. Lần kiểm điểm thứ ba, sau khi bị bắt độ một tháng, vẫn do anh Hoà và anh Tú ghi chép. Họ vẫn đem tập Về Kinh Bắc ra như hai lần trước, vẫn đọc từng bài, dở từng trang như để hướng dẫn mình: *Câu này ám chỉ ai? Câu kia nói cái gì? Ám chỉ cái gì? Nói đến vấn đề gì của Đảng? Anh phải kiểm điểm thật kỹ, chứ như hai lần trước là vứt đi. Tôi mong anh nói thật, còn nếu anh cứ lập lờ như thế thì anh phải ở trong Hoả Lò này không biết đến bao giờ.*

Đến lần thứ ba thì tôi thực sự hoang mang. Biết viết thế nào để làm vừa lòng các ông ấy? Nhận tội thì nhận tội gì? Tôi có làm gì đâu? Tập *Về Kinh Bắc* chỉ toàn là hoài niệm buồn, tôi viết từ tháng 9 năm 1959 đến tháng 3 năm 1960, cả thảy gần 50 bài, mà mình cũng không oán giận ai, thơ là thơ,

là sự rung động của chính mình, nó từ vô thức mà ra, thì mình *"kiểm điểm"* thế nào được cơ chứ?

Lần này, họ có hai thái độ: thứ nhất, răn đe, dọa nạt về cái chết: án tử hình, xử bắn, treo cổ. Anh Hoà luôn luôn nói thẳng chứ không quanh co gì: *Tội của anh đáng treo cổ, anh phải chui đầu vào thòng lọng thì mới hiểu thế nào là chuyên chính vô sản, chứ cứ để cho các anh tự do, các anh toàn viết bậy, toàn làm thơ bậy. Dưới thời phong kiến thì họ chém, ở Âu Châu thì họ treo cổ.*

Cứ vài ngày ông Nhạ lại gọi lên nói riêng, ông bảo: *"Văn nghệ sĩ các anh thì lắm trò lắm, ví dụ anh Văn Cao phê đàn em: Thơ mày có chất lắm đấy!"* Thấy tôi mỉm cười vì ông bắt chước đúng giọng Văn Cao, ông ta trấn áp ngay: *"Này tôi nói chuyện thế thôi chứ Văn Cao không phản động như anh đâu, anh cười cái gì!"*

Trong hơn 10 ngày, mỗi ngày tôi phải lên ngồi như vậy, phải sống cực kỳ căng thẳng, bứt rứt, phải đối phó với những bất trắc, rồi cuối cùng, tôi cũng phải viết bài kiểm thảo, lần này tôi viết ba trang nhận tội, đại ý: "*Tôi có bất mãn chủ nghiã Xã Hội. Sau NVGP, tôi oán chế độ, oán lãnh đạo, oán Đảng đã gây ra nhiều chuyện đau buồn cho đời sống của tôi, và tôi đã làm những bài thơ chống đối chế độ trong tập Về Kinh Bắc".* Tôi cũng muốn thoả mãn các ông ấy để họ tha mình về, vì mình có phải là người khí tiết gì đâu, tôi không phải là Hoàng Văn Thụ hay Võ Thị Sáu, giá thời trước mà mình làm gì, bị Pháp bắt, nó tra tấn, không khéo mình cũng khai bậy khai bạ để thoát thân.

Lần kiểm điểm thứ ba, anh Hòa đe dọa: *"Tội thằng tướng ngụy, điều khiển một sư đoàn đánh trận, có thể giết hàng nghìn hàng vạn người Việt Nam. Tội nó to lắm, đáng xử bắn một lần, nhưng cái tội của Hoàng Cầm, đầu độc tâm hồn hàng triệu người Việt Nam, kích thích hàng triệu người*

chống Đảng, tội đó nặng gấp trăm lần tội thằng tướng ngụy".

Trong lần kiểm điểm thứ nhì, ông Nhạ nói: *"Được rồi tôi sẽ cho anh gặp con gái anh!"*. Mới nghe tôi tưởng thật, chắc con Loan[402] ở xa nó về, ông ấy tử tế cho mình gặp nó. Đêm nằm nghĩ lại thì hoá ra nó bảo cho mình gặp con gái mà con gái mình là Bùi Hoàng Yến nó mới chết, vừa cúng 100 ngày cho nó thì hôm sau bị bắt! Thế là họ cho mình xuống âm phủ chứ gì! Nghĩ ra điều đó, tôi giật mình, tôi sợ thật, và tôi biết là họ có thể làm điều đó bất cứ lúc nào.

Còn một lần ông Nhạ đưa cho tôi xem một bài báo ở Paris, hình như báo Quê Mẹ hay Đất Mẹ gì đó, họ phân tích bài thơ *Lá Diêu Bông*, họ bảo *chị* là Đảng Cộng Sản còn *em* là văn nghệ sĩ. Bài thơ có nghiã là Đảng bắt văn nghệ sĩ phải làm tay sai cho mình, khi làm rồi thì Đảng lại phủi tay, cho rằng chả có gì xứng đáng cả.

Trong suốt một tháng giời tôi bị họ bao vây, áp chế tư tưởng, đã khai rồi còn bị bác bỏ, phải làm lại từ đầu, tôi như mê hoảng. Sau khi đưa bài kiểm điểm lần thứ ba cho anh Hoà, hai hôm sau ông Nhạ lại gọi lên.

Trước tiên ông ấy nói: *"Anh có tiến bộ đấy! Lần này anh chịu nhận tội chống Đảng, chống chủ nghiã xã hội, nhưng mà nhận chống suông như vậy là chưa được, anh phải nói rõ: Trong câu thơ nào? Anh dùng những chữ gì? Anh ám chỉ cái gì? Ám chỉ ai? Anh phải nói thật tỉ mỉ, rành rọt ra, chứ viết suông như thế này là vô ích. Chúng tôi thừa hiểu anh chống như thế nào, tôi là đại tá, không dốt nát gì đâu, tôi đã học đại học, đã đọc rất nhiều sách. Bài Lá Diêu Bông của anh, lúc đầu thực sự tôi chả hiểu gì lắm đâu, chỉ cảm thấy không phải thơ tình hoàn toàn. Nhưng nhờ bài báo Quê Mẹ, chúng tôi mới hiểu anh chống Đảng một cách hết sức thâm độc, anh dùng chữ thật tuyệt vời, bài thơ của anh*

---

402 Kiều Loan con gái Hoàng Cầm ở California, Mỹ.

càng được truyền bá trong quần chúng, tác hại chống Đảng của anh càng lớn mạnh, sâu sắc".

Tôi chỉ nói lại được vài câu: *"Giữa tôi là Hoàng Cầm ngồi trước mặt ông đây là một công dân, sống dưới sự quản lý của nhà nước, chưa có tội gì, và một kẻ viết bài báo ở Paris, cố tình mượn bài Lá Diêu Bông để chửi Đảng, chửi nhà nước, ông tin ai hơn?"*

Ông đại tá cười khinh bỉ, rất bề trên, bảo: *"Tôi tin người này hơn anh, vì họ hiểu anh lắm, còn anh là văn nghệ sĩ, anh giả trá, anh quá quắt lắm, làm sao mà tin anh được! Từ thời Nhân Văn chúng tôi đã không tin anh rồi, chúng tôi đã hết sức giáo dục anh, đã cải tạo anh, tưởng để anh viết những bài tốt cho nhân dân, chứ anh lại cứ tiếp tục viết những bài như thế này thì tin anh sao được. Chính nhờ bài báo này, chúng tôi mới biết anh chống Đảng và nhân dân như thế nào. Anh gọi người chị là Đảng, và anh hay văn nghệ sĩ là em, chúng tôi làm sao biết được. Chính người này đã vạch ra bản chất của anh, họ nói rất đúng và tôi tin họ. Anh chửi Đảng một cách sâu sắc như thế, thâm trầm và nham hiểm như thế, tôi mong rằng anh phải phân tích rất kỹ, thì anh mới sửa được. Tôi yêu cầu anh làm lại."*

Tôi cãi thế nào cũng không được.

Ông Nhạ bắt tôi về viết lại kiểm điểm lần thứ tư.

Trước khi về, ông ấy nói rất tự nhiên như chuyện chơi:

"Chúng tôi là đảng viên mà khi có việc phải xử tử ai thì cũng rất đau lòng. Như cái thằng Hùng nó giết cô Thuận, con một cán bộ ở phố Phạm Đình Hổ đấy, đến hôm xử bắn nó, chúng tôi cũng vẫn cho nó một cái áo quan và một nén hương. Chúng tôi chỉ có nhiệm vụ giáo dục thôi, mà nếu giáo dục không được thì đành phải lấy tử hình mà xử. Sự thực chúng tôi chẳng muốn giết ai, nếu mọi người đều theo đúng chính sách của Đảng, thì đều được sống yên vui cả. Các anh đã được đi cải tạo rồi, đã được sống thâm nhập vào

đời sống nhân dân rồi, đã biết họ khổ như thế nào rồi, mà các anh vẫn chống lại nhân dân, thì cuối cùng chúng tôi cũng đành phải tính đến chuyện tử hình thôi. Anh phải tự cứu lấy anh, anh về làm lại đi, lần này mong anh làm tốt, anh nên nghĩ đến vợ con anh, nên giác ngộ, nhận lỗi đầy đủ, thì chúng tôi cho anh về. Lần này tôi mong là lần cuối cùng, từ lúc NVGP đến giờ cũng gần 30 năm, chúng tôi vẫn chờ đợi, mong các anh thay đổi tốt hơn, để giúp đỡ các anh, thì anh lại sống ra tập Về Kinh Bắc, mới biết tâm hồn anh đen tối, tồi tệ, tới mức nào".

Thế là hết đợt ba, đêm đêm nằm trong Hoả Lò tôi luôn luôn bị day dứt giữa cái có thực và cái không thực: Rõ ràng mình viết tập *Về Kinh Bắc* là do cảm xúc nó tràn ra thành chữ, ta gọi là vô thức tuôn ra, có cái buồn, cái u ám, là tâm cảnh mình thế thôi, mà bây giờ phải nhận là có chủ ý chống Đảng một cách sâu sắc, nhận một cách chi tiết, thì mình làm thế nào? Thành ra khổ lắm, tôi bị dằn vặt. Cả thời gian kiểm điểm lần 4 tôi mất ngủ, ngày thì phải viết, có ngày chỉ viết 3, 4 câu. Họ không thúc giục nữa, họ cứ để anh tự do. Chúng tôi sẵn sàng chờ. Kiên nhẫn chờ. Trong khi ấy thì ruột gan mình như lửa đốt, nghĩ đến vợ con thì thương lắm. Lỗi tại mình hết cả. Tại mình làm khổ vợ con. Tại sao lại không viết văn ca ngợi cuộc sống, mà lại viết những câu thơ buồn như thế này. Dần dần tôi thấy có lẽ đó là tội thật chứ không phải người ta bắt mình nhận tội.

Và đó là chặng đường tôi đã đi từ giai đoạn ba sang giai đoạn bốn: *Mình tự nhận mình từ một người không có tội thành một người có tội thật*. Và khi viết xong cái kiểm điểm số 4, được người ta chấp nhận và hoan nghênh, *thì mình đã chấp nhận là mình có tội một cách thành thực, chứ không phải do thủ đoạn*. Bởi vì nếu mình còn có thủ đoạn thì nó lại lòi ra, họ biết ngay.

Vì vậy, những gì mình viết trong bản kiểm thảo số 4, phải hoàn toàn là thành thật, mình nhận lỗi của mình, chứ không phải bị ai truy bức gì cả. Tại sao mình lại không làm đúng đường lối của Đảng? Tại sao mình lại chống Đảng? Để cho vợ con khổ, là lỗi tại mình.

Về sau này tôi mới thấy rõ cái giỏi trong phương pháp của những người lãnh đạo để cải tạo tư tưởng trí thức. Nhưng lúc bấy giờ tôi chưa nhận ra, chỉ biết là từng đêm, từng đêm mình tâm niệm là mình có tội thật và khi mình phải viết bản kiểm thảo số 4, thì phải viết theo đúng ý ông Nhạ, nghiã là không thể nhận lỗi suông, mà anh phải giải thích rõ câu thơ: *"Em đi đêm tướng điều sĩ đỏ" là thế nào? Anh coi "tướng điều sĩ đỏ" là mầu đỏ của cộng sản sản chứ gì? Những cái gọi là Hồng Quân, hay Hồng Trường là tượng trưng cho giai cấp vô sản, anh còn lạ gì nữa?"*

Lúc đó tôi lại nghĩ: Không khéo câu này mình chống lại thật, dù lúc làm mình không nghĩ thế, nhưng trong thâm tâm, trong đáy lòng mình, mình không quy phục, mình thù ghét cộng sản từ trong máu rồi, cho nên nó tự viết ra như vậy, và điều này, tự mình nhận ra như thế.

Bản kiểm điểm số 4 mang tính chất: Mình nhận là mình sai thật, là mình có chống Đảng thật, không phải mình cố ý chống Đảng, mà cái bản chất mình nó chống Đảng như thế. Tất nhiên là có thêm cả các điều kiện khác nữa: trong khi đó thì ông Nhạ và cậu Hoà luôn luôn dọa tử hình, treo cổ, xử bắn. Mỗi lần lên cung, họ khủng bố tinh thần đến cực độ như thế, về lại phòng giam, thì các anh em tù, thay vì động viên tinh thần cho mình đỡ sợ hơn, thì họ lại, mà không phải một người đâu, cả 4, 5 người tù, từ những người đã tự giác để được làm quản lý tù nhân, đến những tù nhân, họ đều tỉ tê bên cạnh: *"Còn cái gì thì bác nói hết đi, khai hết đi để về với vợ con, nếu không thì chỉ làm phân bón sắn ở Thanh Chương thôi. Người ta chả cần giết ngay đâu, người ta chỉ*

đưa vào Thanh Chương 6 tháng, rồi xác của bác người ta chôn bên cạnh gốc sắn, thì có phải bác làm phân bón cho sắn không?" Tôi chỉ nghe nói Thanh Chương là một huyện miền núi, khỉ ho cò gáy, gần Nghệ An, có một trại cải tạo. Người tôi nó đã mềm ra như sứa rồi, không có lúc nào mà mình tham sống sợ chết như lúc ấy.

Bản kiểm điểm thứ 4 tôi nhận hết tội có phân tích hẳn hoi theo đúng ý ông Nhạ.

Sau khi thông qua bản thứ 4, tôi được nghỉ độ 3 ngày. Sau đó lại gọi lên cung, có cả ông Nhạ và ông Cường, lần này có cả kẹo bánh nữa. Ông Nhạ nói: *"Đọc bản kiểm điểm thứ 4 của anh, tôi cảm động lắm, thấy anh thành thật nhận lỗi, và đã phân tích cái tội của mình, từng câu, từng chữ. Tuy thế vẫn còn chưa đủ đâu, nhưng đã có tiến bộ rõ ràng. Hôm nay gọi anh lên đây để hoan nghênh anh, nhưng còn nhiều bài anh mới chỉ lướt qua thôi, anh còn phải suy nghĩ sâu xa nữa, nhưng như thế này cũng tạm đủ rồi, anh tự thấy được tội lỗi của mình, thì mới có thể về sống yên ấm tuổi già được".*

Hôm ấy tự ông Nhạ pha trà rồi cả anh Hoà anh Tú cũng phục vụ, còn mời tôi thuốc lá nữa, ra vẻ rất bình đẳng thân mật. Hôm sau ông Nhạ lại gọi tôi lên và nói: *"Hôm qua tôi chỉ đưa cho mấy nhà báo như Hà Nội Mới, Công An Nhân Dân, báo quân đội... đọc bản kiểm thảo của anh, họ xin được đăng báo ngay nhưng tôi không cho, như thế đủ biết chúng tôi muốn giữ uy tín cho anh đối với nhân dân chứ có muốn bêu xấu anh đâu. Đấy! Cái độ lượng của Đảng là như thế đấy! Chúng tôi chẳng có ác ý gì với anh cả! Vậy tôi đề nghị thế này: cái bản kiểm điểm của anh vừa viết xong, có một phóng viên báo Công An Nhân Dân muốn trực tiếp phỏng vấn anh, một nhân vật chủ chốt của báo ấy đấy, vậy anh chuẩn bị sẵn, sáng mai 9 giờ, anh Hòa và anh Tú đưa anh lại gặp người phóng viên, chúng tôi sẽ thu băng cuộc*

phỏng vấn và anh cứ nói y như bản kiểm điểm. Tôi yêu cầu anh phải nói tự nhiên, như là câu chuyện tâm sự trao đổi với bạn hữu, chứ không phải như đọc dictée đâu, kẻo nghe, người ta lại hiểu lầm là có lẽ bị công an bắt buộc chăng. Anh biết đấy từ trước đến nay chúng tôi có bắt buộc anh cái gì đâu, anh tự nguyện cả đấy chứ!"

Sáng hôm sau, từ 8g30, anh Hoà đã cho giấy gọi. Theo đúng lệnh ông Nhạ, không được mặc áo tù, phải cho mặc quần áo tử tế là liếc đàng hoàng. Nhưng anh Hoà bảo vội quá không chuẩn bị kịp, nên tôi chỉ mặc áo quần thường, lấy trong ba lô.

Sau gần hai tháng giời bị giam, hôm ấy tôi được ra phố, đi theo anh Hòa và anh Tú ra khỏi Hoả Lò, xuống phố Dã Tượng, sang Trần Hưng Đạo, tức là đến văn phòng Sở Công An. Họ dẫn mình đến cái buồng khá rộng, để thu băng, đã có ông Nhạ ngồi sẵn đấy với một người lạ. Ông Nhạ nói ngay: *"Tôi giới thiệu với đồng chí nhà báo đây là Hoàng Cầm, tội phạm chính trị văn hóa văn nghệ. Tôi cho phép nhà báo tự do hỏi, anh Hoàng Cầm phải trả lời thật đúng như anh đã kiểm điểm"*. Ông Nhạ cũng không giới thiệu tên người nhà báo là ai. Anh nhà báo nói giọng bằng hữu: *"Anh Hoàng Cầm à, từ xưa tôi vẫn mến tài anh, tôi biết anh có sai phạm, bị bắt giam; ông trưởng phòng có cho biết anh đã có một vài giác ngộ, tôi muốn đến để phỏng vấn anh"*.

Ông Nhạ bảo: *"Anh Hoàng Cầm đứng dậy! Đứng nghiêm!"* Thế là mình đứng dậy. Ông Nhạ nói: *"Anh khai lại lý lịch, bị bắt từ bao giờ, tội gì,... nói lại"*. Thế là mình khai: *"Tôi tên là Bùi Tằng Việt, sinh ngày... tham gia cách mạng... tham gia NVGP... gần đây tôi lại có ý thức chống Đảng... nhưng tôi được sự giáo dục của các cán bộ công an nên tôi đã giác ngộ... tôi đã viết bản kiểm điểm được ban lãnh đạo công an chấp nhận"*. Đến đây ông Nhạ bảo: *"Anh ngồi xuống!"* Và quay sang anh nhà báo: *"Bây giờ xin nhà báo tự*

do muốn hỏi gì thì hỏi". Anh nhà báo chỉ hỏi mỗi một câu: *"Anh Hoàng Cầm, anh tự kiểm điểm lỗi của anh như thế nào, xin anh cho biết".* Bấy giờ anh Hòa đã đem cái bản kiểm điểm để trước mặt tôi, và mình đã được chỉ thị của ông Nhạ là không được đọc như chính tả, mà phải "nói" một mạch tự nhiên như nói chuyện với một người bạn.

Sau này nghĩ lại mới thấy là họ có phỏng vấn cái quái gì đâu. Cái anh nhà báo đó chỉ hỏi có mỗi một câu, để lấy cớ cho mình đọc bản kiểm điểm. Lúc anh ta hỏi cũng như lúc ông Nhạ nói, thì máy ghi âm nó không bật, chỉ khi mình khai lý lịch và đọc bản kiểm điểm, nó mới bật máy lên thôi! Hoá ra là nó thu băng mình tự đọc bài kiểm điểm của mình!

Về lại Hoả Lò, thì từ hôm sau, ngày nào mình cũng lại bị gọi lên hỏi cung từ 8g30 đến 11g30, không biết trong bao nhiêu ngày nữa, để bổ sung bản kiểm điểm; tức là phải viết, phải kê khai tất cả những quan hệ với bất cứ ai -bạn Nhân Văn không kể, vì họ biết rõ rồi- các quan hệ thân sơ, kể cả khách đến uống rượu ở quán nữa.

Khi được về, tôi mới biết những người mình kể tên ra đều bị gọi lên công an hết, bị hỏi cung, kiểm điểm: *Tại sao anh quen với Hoàng Cầm?* Tất cả những người đó đều bị truy tội đã quen với Hoàng Cầm, đã đọc thơ Hoàng Cầm, đã ca ngợi thơ Hoàng Cầm... Ví dụ cái băng cassette tôi ngâm thơ để gửi tặng cô Cần Thơ ở Pháp, thu băng ở nhà ông Hoàng Lập Ngôn, tôi phải khai rõ hôm ấy có những ai... Nói chung, tất cả những người có tên trong bản kiểm điểm của tôi, mặc dù tôi không khai man cho ai cả, trừ ông Hoàng Lập Ngôn không phải lên vì già yếu quá, đều bị gọi lên kiểm điểm. Họ cũng chẳng khai thác được gì, nhưng mình thấy cuộc đời, khi người ta sợ hãi quá, thì người ta có thể làm cái việc bị đánh giá là phản bội.

Sau lần kiểm điểm thứ 4, bẵng đi một tháng, không thấy gọi lên cung, không được gọi lại *"nhớ",* bởi vì đi cung

thì còn được uống chén nước trà, đôi khi được hút điếu thuốc lào, lại được gặp cậu Tú, tôi còn nhớ rõ tên cậu là Đỗ Anh Tú, người thật tình tử tế, chỉ làm nhiệm vụ ghi chép, chứ không nói một câu nào xúc phạm. Những ngày ở Hỏa Lò, tôi nhớ mỗi cậu Tú, không như anh Hoà, giọng Huế ngọt mà đe dọa, anh Hoà thâm hiểm lắm.

♦ Xà lim bộ

Hôm nay họ lại gọi lên gặp ông Nhạ, lần này ông bảo: *"Chị Yến vợ anh có làm cái đơn xin tha cho anh, nộp lên phường. Chúng tôi định đưa anh về khu phố nhân dân để anh báo cáo tội của anh cho nhân dân góp ý kiến. Nhưng chị Yến đến xin chúng tôi đừng làm thế, xấu hổ cho chồng tôi lắm, chồng tôi là nhà văn thì để cho Hội Nhà Văn xét xử chứ đưa ra người dân khu phố, họ có biết gì về văn chương đâu mà xử, nhục cho chúng tôi lắm, xin các ông đừng làm thế. Vậy thể tình chị Yến, chị ấy cũng có tuổi rồi, chúng tôi không đưa anh về khu phố cho người ta phê phán nữa. Chị ấy là người tốt đấy, thế mà anh cứ chống đối mãi làm khổ chị ấy. Còn cái đơn của chị ấy thì chúng tôi đang xét, tội của anh nặng lắm còn phải đợi lệnh trên đã."*

Tôi ăn cái Tết đầu tiên trong tù, vợ tôi gửi quà từ chiều 30, nhưng quá giờ, nên đến mùng bốn họ mới đưa, bánh chưng, nhát giò mỏng, mọi thứ thiu cả.

Anh Hoà nói: *"Chuyện chị Yến làm đơn xin tha cho anh, thì trên đang xét, tôi thấy ông Nhạ cũng có thể tha cho anh được, nhưng vì anh mắc vào cái vụ NVGP từ năm 56, năm nay là 83 rồi mà anh vẫn còn cái tội này, nên chúng tôi phải thỉnh thị lên trên Trung Ương, lên Bộ Chính Trị, lên Chính phủ. Chúng tôi nhận được lệnh chuyển anh lên trại giam của Bộ để xét tội trạng của anh. Anh về sửa soạn sáng mai chuyển trại".* Tôi hoàn toàn tuyệt vọng vì trước đây ông Nhạ có bảo: *"Có thể tha cho anh về trước Tết".*

Trong hơn tháng cuối ở Hoả Lò, tôi ở cùng phòng với Huỳnh Minh Tuấn con trai ông Huỳnh Tấn Phát. Tuấn bị bố bắt bỏ tù vì tội tổ chức cho người vượt biên. Tuấn rất quý tôi, vài ngày xoay cho tôi một điếu thuốc lào, thỉnh thoảng một quả chuối hay cái kẹo, làm tôi đỡ khổ. Tôi về kể với Tuấn là mai chú phải chuyển trại, chẳng biết trại nào. Nó bảo ngay: *"Chú phải lên xà lim bộ đấy! Xà lim bộ, tức là Bộ quản lý. Bộ đây là Bộ Công An"*. Tôi hỏi: *"Ở đâu, có xa Hà Nội lắm không?* Nó bảo: *"Gần thôi, về phía Thanh Trì"*.

Ngày mồng 5 Tết, tháng 2/1983[403] tôi phải chuyển trại. Ô tô đi xuống đường Hà Đông, rồi rẽ theo ven sông Tô Lịch, qua làng Kim Lũ, đi thêm độ 2 cây số nữa, đến một nơi như dinh tuần phủ hay tổng đốc ngày xưa, họ dẫn tôi vào, trao cho anh quản giáo.

Xà lim là phiên âm tiếng cellule của Pháp, tức là giam phòng riêng, biệt giam. Tôi được dẫn đến một dẫy nhà một từng, xây từng căn một, mỗi căn có độ 9, 10 phòng, mỗi phòng cách nhau một bức tường, trên có chăng giây điện, cửa xúc xích sắt khoá kín.

Vắng lắm, dường như chả có ai bị giam ở đấy. Quản giáo sai tự giác lấy cho tôi một cái bô với một cái chiếu. Anh này nói đùa: *"Bác già như thế này mà còn vào xà lim làm gì!"* Phòng tôi dài rộng 2m trên 3m. Khi hai người đi ra mình mới thấy cái cảm giác bị ném vào sa mạc Sahara, ở đây không có sự sống của con người. Thấy tiếng kẻng thì anh tự giác đem cơm lên. Cơm nước cũng khá hơn: một bát cơm, một bát canh, tức là canh rau muống có cho muối sẵn. Rau muống ở đây non hơn; còn ở Hoả Lò chỉ toàn gốc, xơ, rau cho lợn ăn. Có lẽ là bên Bộ nên chính sách khác. Nhưng sự cô liêu thì khủng khiếp, mình viết văn vẫn hay tưởng tượng cô đơn như thế nào. Nhưng bây giờ chỉ có bốn bức tường, sàn xi măng và tiếng xích sắt, không có người, thì nó ghê

403 Tức là ngày 17/2/1983.

gớm lắm. Ở Hoả Lò còn nghe được tiếng động của thành phố, tiếng rao hàng, tiếng chửi nhau... nhưng người ngoài đường lại không nghe thấy tiếng động bên trong nhà tù, dù tù nhân có la hét, đánh nhau.

Sáng hôm sau, một anh quản giáo đến gọi, vẫn tên Bùi Đăng Việt, đi cung. Lên gặp, thì đúng là cái anh dẫn mình xuống trại giam này hôm qua. Anh ấy nói:

"Tên tôi là Chiến, thuộc Cục Điều Tra Xét Hỏi của Bộ". Hôm nay tôi bắt đầu làm việc với anh. Làm lại từ đầu. Bên Hoả Lò và ở đây không có liên quan gì với nhau. Bắt đầu từ ngày mai, anh sẽ được ăn uống theo tiêu chuẩn cán bộ trung cấp, tức là ngạch cũ của anh". Anh Chiến là người hoà nhã, lại có học, có tình, người tôi rất mến khi ở xà lim. Anh làm tôi lại nhớ anh Tú ở Hoả lò, thường gọi tôi khi bằng bác khi bằng ông. Còn thì bất kể tuổi tác, người ta đều gọi là anh. Anh Chiến ôn tồn nói:

"Bây giờ bác khai lại tất cả những gì đã khai, bổ sung hoặc viết lại, chúng tôi có nhiệm vụ điều tra lại vụ án của bác, việc bác gửi thơ sang Pháp, sang Canada, cho ai, mục đích gì, thì phải nói hết". Thế là tôi lại khai lại, tôi quen cô Cần Thơ ở Pháp như thế nào, khai giống như ở Hoả Lò vậy. Trong vòng ba tháng, anh Chiến cứ hai ba ngày lại xuống xà lim một lần. Rồi bẵng đi một tháng không thấy ai hỏi nữa, sự cô liêu trở lên khủng khiếp.

Trong lúc bị giam thì mấy ngày sau, tôi bắt đầu quan sát xà lim. Trên bốn bức tường có đủ các thứ chữ, viết bằng ngói, bằng gạch, bằng bút chì, vẽ hình, vẽ hai bàn tay bị cùm, có cả những câu như: *"Đừng có dại dột mà khai, tù dài chung thân".* Vậy phòng này đã giam những tù chính trị hạng nặng. Lại có những câu mà mình nghi là ám chỉ mình, hoặc ám chỉ tội trạng của mình, như: *"Bên kia sông?", "Đại tướng 5 sao", "Anh Việt ơi! Về với em!"* Rõ ràng là tên cúng cơm

của mình rồi! Tôi nghĩ là họ bố trí để đánh vào tâm não của mình qua 4 bức tường.

Ban đêm, lại có những loại tín hiệu khác: Có cái đèn điện trên cao, sáng, nhưng lúc cắt điện tối mò, anh tự giác đem đến một cái đèn hoa kỳ, để ở cái khe trên cao, tù mù. Tôi ngủ thiếp đi độ 5, 10 phút, lại nghe tiếng súng oang lên bên tai, giật thót mình tỉnh dậy, căn phòng vẫn tối mờ mờ. Lại có tiếng chó sủa, tiếng người chạy rầm rầm ở hành lang. Lại nghe tiếng người nói chuyện, rõ câu *"bánh xe vuông mà"*. Mà bánh xe vuông có trong câu thơ mình tả chân dung Đặng Đình Hưng: *"Sa lầy bãi sông Thu Bồn lũ ngược, những chiếc xe bánh vuông"*.

Tất cả những chuyện ấy có thực chứ không phải mình mê ngủ, nó đánh động vào thần kinh. Tức là 24 giờ trên 24, có những tiếng động, những âm thanh, những dấu hiệu, chỉ vào mình. Ví dụ, có đêm tôi đang ngủ bỗng nghe rõ ràng xà lim bên cạnh ồn ào náo nhiệt như chợ Đồng Xuân, rồi bỗng có tiếng hét: *"Ông Việt ơi ! Ông Hoàng Cầm ơi! Ông định chết ở trong này sao, không về với vợ con à?"* Có lúc họ còn gọi cả bút hiệu khác của tôi, như: *"Ông Lê Kỳ Anh ơi!"* Lại có hôm, giữa trưa, ở cái xà lim bên tay phải phát ra tiếng ru con Nam Bộ của một giọng nữ, rất trẻ. Mình lại nghĩ là có người đàn bà bị giam, mình lấy gạch gõ vào tường ba tiếng, thấy bên kia gõ lại ba tiếng. Nhưng sau đó lại có giọng nam cũng ở phòng đó, ngâm Đường thi, câu thơ ám chỉ hoàn cảnh mình... Những chuyện như thế xẩy ra nhiều lắm không thể kể xiết: Một buổi trưa, tôi đang nằm trên sàn xi măng thì nghe na ná giọng bà Yến, nói rót vào bên cạnh tai: *"Anh coi còn cái gì thì anh khai hết đi, còn giấu diếm cái gì nữa!"*.

Trong những tháng hè năm 1983, giữa trưa tôi thường nghe phòng bên cạnh có tiếng *"Tắc kè! Tắc kè!"* bảy tám lần. Có lúc lại nghe tiếng mối *"Zạc, Zạc, Zạc"* mà nhìn lên trần thì chả thấy thạch sùng, mối đâu cả. Có đêm điện tắt thì thấy

ánh sáng xanh bắt chéo ở phòng bên cạnh rọi sang, chẳng biết ở đâu ra, cứ chập chờn. Tức là tôi nghe tất cả mọi biến thể âm thanh, mầu sắc, không ngừng, ngày đêm, có thể lúc tôi ngủ họ cũng vẫn phát ra những tiếng động như thế.

Một tuần họ mở cửa cho mình được ra sân tắm giặt vài tiếng đồng hồ, mình cũng vẫn nghe thấy những tiếng ấy, như ở sân bên cạnh. Nhìn lên thì chỉ thấy tường cao có mảnh chai và dây điện, nhưng vẫn có tiếng nói văng vẳng, họ nói chuyện với nhau, thỉnh thoảng chen vào nói mình, thí dụ lúc thì có giọng một ông già nói: *"À ! Cái lão ấy ở trên Cao Bằng có gặp, dạo ấy đẹp trai lắm, hăng hái lắm!"*

Trong suốt cả năm giời tôi ở xà lim, liên tục ngày đêm là như thế. Về âm thanh, họ có để ổ điện hay một cái máy nghe, máy phát nào đấy, ở chỗ nào đó, trên cao, hay ngang tầm mình; bởi vì tôi có trông thấy một chùm dây điện, hàng chục dây chui vào một lỗ, cụm dây chui vào độ 10 phân thôi, rồi hở ra có một cục đen như đầu máy, họ trét xi măng gồ ra như cái hộp, nhưng trét nham nhở để mình đoán là cái đầu máy, để mình hiểu là có thể có máy thu thanh hay máy gì đó. Hoặc như cái thềm xi măng mình nằm, tưởng nó đặc nhưng một hôm đánh rơi cái thìa thì thấy nó rỗng. Mình đi một vòng thềm xem xét thì thấy về một phía tường có lỗ hở độ bàn tay trẻ con, nhìn vào thấy rỗng; vậy đúng là đường dây thông, để chứa những máy mà họ phát ra những âm thanh tắc kè, mối, hay những tiếng rì rào nói chuyện.

Tâm trạng tôi lúc bấy giờ xuống dốc đến thế nào, hay là tôi hèn kém quá, khiến tôi luôn luôn nghĩ đến cái chết nhưng lại sợ. Muốn đập đầu vào tường chết, lại sợ không biết phải đập như thế nào mới chết được, mà không chết thì có chịu nổi không. Tôi nghĩ đến viết thư về nhà xin gửi thuốc gì cũng được, độ 30 viên mà nuốt vào, rồi không uống nước, nó sẽ sưng phù trong bụng, mà chết; nhưng cũng không được vì gửi thuốc phải qua kiểm soát. Hôm ấy vào lúc được ra sân

tắm, mà lại không thấy quản giáo đâu, tôi có một cái quần rách mà cạp còn dai lắm. Tôi xé cái cạp ra, lấy hết sức buộc hai ngón chân cái lại với nhau rồi lê ra bể nước, lết lên miệng bể thả mình vào, định chết chìm. Nhưng cái bể nó lại nông, uống chỉ được hai ba ngụm nước thì bản năng sinh tồn vùng dậy, lại quờ quạng lấy tay ngoi lên mặt bể, bò ra, bị lạnh, rét run. Chết kiểu ấy cũng không được. Trong khi ấy, gần một năm rồi, những âm thanh vẫn tiếp tục như cái trò giải trí, không tha mình giây phút nào.

Mình ở trong cái thế giới hiu quạnh, một mình, thỉnh thoảng nhìn qua khe hở lỗ khoá xích sắt, để xem có ai qua lại hành lang. Lúc thì thấy anh quản giáo, lúc thì thấy con chó berger hẳn hoi. Một hôm nhìn sang cái xà lim trước mặt thấy có người, một ông già độ 70, bị giam cùng với đứa cháu gái 14, 15. Ông già nói: *"Mày đứng đấy chờ cán bộ đưa cơm thì mang vào cho tao nhá!"* Rồi thấy ông già đi vào trong xà lim không trở lại nữa. Có hôm thấy một ông già nhà quê, và đứa con gái, khác, cũng ngoan ngoãn hầu hạ, rồi cũng biến mất. Không biết họ tạm giam hay sao, thế là mình mất cái dịp nhìn thấy con người.

Vì vậy, khi nghe thấy bất cứ tiếng động gì thì bám lấy, bám như bám vào cái xã hội mà mình không được sống ở trong ấy nữa. Dăm hôm sau, bên cạnh có hai cô, ngoài 20, cũng nửa quê nửa tỉnh, đi lấy cơm rồi mang vào xà lim bên cạnh, họ cười nói khúc khích, như chả có vẻ gì đi tù cả. Tôi thèm được nói chuyện với họ, thèm như đói thèm cơm, cứ mong đến giờ ăn để họ ra cho mình nhìn một tý, nhưng đến chiều không thấy họ ra nữa.

Loáng thoáng những hình ảnh, luôn luôn thay đổi như thế, nó làm cho thần kinh mình cứ loạn dần, loạn dần. Mình thèm sự sống, thèm được đi cung, để được nói dăm ba câu, chứ giam như thế này thì đúng là hoang đảo. Có khi hàng tháng chả nhìn thấy bóng công an, mỗi ngày chỉ có anh tự

giác bưng cơm tận miệng, nhưng hỏi gì nó cũng không nói, hoạc chỉ trả lời qua loa. Mình xin: *"Bác ơi! làm ơn cho tôi xin điếu thuốc lào."* Thì nó bảo: *"Ơ, tù mà còn đòi thuốc lào!"* Một sự thèm muốn ghê gớm đến khủng khiếp, có cảm tưởng là mình bị chôn sống trong xà lim này. Mình thèm muốn tiếng người, dù là tiếng nó chửi mình, còn hơn sự im lặng. Nghe thấy tiếng người là thấy sống. Nghe cái thứ âm thanh ám chỉ, dù không phải là tiếng người trực tiếp, cũng còn hơn im lặng hoàn toàn.

Ngày tháng trong xà lim chỉ đại khái, không thể biết rõ. Lúc đầu tôi còn đếm ngày, tôi nhớ ngày 8/4 lễ Phật Đản năm 83 là ngày giỗ con gái tôi, nó tên là Hoàng Yến. Giỗ đầu. Hôm ấy tôi ở trong xà lim. Sáng dậy, tôi đã nhớ con gái lắm, bỗng có một con bướm trắng nhỏ, nó không bay mà lại bò đến chỗ mình nằm. Tôi nhớ lại lúc tôi còn ở nhà, khi con tôi chết được 35 ngày, thì đến 11 giờ 15 đêm, nó hiện ra con bướm màu hoàng yến, nó bay vào giường ngủ của tôi. Tôi ra thắp hương cho nó, rồi nó bay không biết bao nhiêu vòng nữa, tôi biết là con gái tôi về thăm bố. Hôm nay nó lại hiện ra, nó là con bướm trắng nó về thăm bố trong tù.

Khoảng cuối tháng 9/83, anh quản giáo đến bảo: *"Anh Việt mặc quần áo vào lên ban quản trị!"* Lên đến nơi, họ cho biết: *"Báo cho anh biết: Anh được về thăm gia đình!"* Tôi vừa ngạc nhiên vừa sung sướng. Họ đưa lên xe bịt về, tôi ngồi giữa hai cán bộ. Họ đã dặn kỹ: *"Tuyệt đối không được nói chuyện tù, giam ở đâu, đã khai những gì, chỉ về thăm nhà thôi."* Tôi tưởng được về Lý Quốc Sư, nhưng ô tô đỗ lại ở phòng thường trực của Bộ ở phố Trần Bình Trọng. Bà Yến đã ngồi ở đấy với thằng Anh, thằng Phi và cô Huyền là bồ của Phi. Nó mua sẵn tô phở còn nóng, và gói quà để đấy. Cán bộ bảo: *"Anh ăn đi, rồi nói chuyện với gia đình"*. Thằng Anh đã chuẩn bị sẵn một cái bát nhỏ sẻ ra: *"Bố ăn đi, phở tái ngon lắm"*. Nhưng tôi không ăn được, không thể nuốt được,

đưa lên miệng lại nghẹn, lại oẹ ra, nước mắt trào vào bát phở. Thằng Anh cảm động, nó bỏ ra ngoài. Bà Yến bình tĩnh hơn tôi nhiều: *"Thôi cũng là số phận, kể như ông bị tai nạn thôi. Ông chả việc gì phải buồn, đáng nhẽ tôi còn buồn gấp vạn ông, mà có dám buồn đâu, phải lo bao nhiêu là việc"*. Bà càng săn sóc, an ủi, càng nói thì tôi càng khóc nức nở như đứa trẻ con, không sao cầm lại được. Cả cuộc thăm rồi cũng không nói được gì.

Cùng thời điểm ấy, trong xà lim có một tay đến làm quen, bảo nó là cán bộ công an, chẳng tham ô gì nhưng bị bắt bừa. Tôi đang thèm người nói chuyện, nó lại giúp đỡ tôi, lúc tắm nó kỳ cọ cho, tôi cũng quý mến chuyện trò với nó, nhưng nhiều lúc nó cứ hỏi như thẩm vấn về chuyện mình làm *"gián điệp"* thì tôi lại bực mình. Độ hai tuần, nó được lệnh chuyển trại, thấy nó quấn gói đi thản nhiên, trông như đóng kịch, chứ không phải ở tù. Sau này tôi đoán nó được gài lại để kích mình, xem mình có nói gì không, xong việc nó rút đi.

Thế rồi mình lại sống một mình, từ tháng 10 đến cuối năm, lại được gọi đi cung tới tấp, vẫn là hỏi về mối liên lạc với cô Cần Thơ ở Pháp, việc gửi băng ngâm thơ cassette, bị địch lợi dụng, rồi trở lại cuốn *Về Kinh Bắc*, anh muốn ám chỉ ai, v.v... loanh quanh chỉ ngần ấy thứ.

Đến gần Noël, trời rét lắm, 5 giờ sáng, nghe tiếng hét rất to: "*Bùi Đăng Việt! Chuyển trại!"* Mình nghe thế thì nghĩ ngay: Thôi thế là hết rồi! Lần này chắc đi Thanh Chương, Nghệ An hoặc Thái Nguyên, Phúc Lưu đây. Cuộc đời mình kể như chết rồi, là cái giẻ rách chứ chẳng còn khí tiết gì. Chán chường. Tuyệt vọng. Anh công an bảo: *"Anh viết kiểm điểm đi, từ ngày ở Hỏa Lò sang đây anh có bị ai đánh đấm tra khảo gì không, có ai ăn cướp quần áo gì không, thì nói hết ra rồi ký vào!"* Thế là tôi ngồi viết: *"Từ hồi Hoả Lò chuyển sang đây gần một năm trời rồi, không ai đánh đập, xỉ vả gì nặng quá. Tôi không có đồ đạc gì đáng giá nên không*

ai bóc lột lấy cắp một tý gì" Tôi ký tên, và hỏi: *"Thưa cán bộ, tôi được đổi đi trại nào đấy ạ?"* Thì được trả lời: *"Đây không biết, chỉ biết có lệnh chuyển trại thôi!"* Họ cho tôi ăn cơm sáng sớm hơn mọi hôm rồi cho lên xe bịt kín đi. Tôi đang suy nghĩ không biết họ đưa đi đâu, thì lại thấy sông Tô Lịch, rồi về thành phố vào Khâm Thiên, đến gần toà án thì mình nghĩ: họ đưa mình ra toà. Nhưng qua toà án, thấy nó rẽ ra Hoả Lò rồi đỗ. Nghĩ bụng thôi được về Hoả Lò cũng tốt, có người, đông vui hơn.

Họ đưa vào một cái buồng bảo anh ngồi đây, chờ cấp trên. Rồi thấy anh Tú và anh Hòa bá cổ nhau đi đến, anh Hoà bông đùa: *"Anh Cầm à, tôi nói có sai đâu, hôm anh dọn xuống xà lim, tôi nói anh cứ tin vào ngày mai tốt đẹp!"*. Tôi nghe chả hiểu gì. Độ nửa tiếng sau, ông Nguyễn Doãn Nhạ bước vào, người cao, gầy, da mặt bám sát xương, hai con mắt của ông có gì rờn rợn, tôi vẫn còn nhớ lần trước ở Hoả Lò, ông ấy doạ: *"Tôi sẽ cho anh gặp con gái anh."* Tức là gặp con Hoàng Yến nó mới chết! Ông ấy cho mình xuống âm phủ gặp con gái. Cái ông Nhạ này thâm và ác. Mặt lạnh lùng, khi ông đến gần mình thì hai mắt ông quắc và sắt lại, đăm đăm như có gì hằn thù, tức giận, hoặc có mưu mẹo gì, làm cho mình rờn rợn, có cảm tưởng đứng cạnh tử thần.

Thấy ông vào thì tôi cũng đứng dậy chào ông, vẫn theo thường lệ: *"Chào cán bộ!"* Tôi biết bây giờ ông là đại tá rồi, ông có thư ký đi theo. Ông bảo: *"Hôm nay đưa anh từ xà lim bộ lên đây là anh được tạm tha theo yêu cầu của bà Yến, vợ anh, có đơn làm lên phường. Chúng tôi sẽ trao trả anh về phường, anh ngồi viết kiểm điểm lại đi"*.

Được tha thì tôi cũng mừng nhưng lại viết kiểm điểm nữa thì mình biết viết gì? Lại Kinh Bắc à? Viết đến bao giờ cho xong? Tôi cầm bút ngần ngừ, thì ông bảo: *"Hay thôi, để tôi đọc, anh viết cho nhanh, tên tôi là... anh nói sơ qua lý lịch một tý, bị bắt ngày... vì tội danh dám làm cả một tập thơ*

Về Kinh Bắc nội dung phản động, chống Đảng... ngày hôm nay được nhà nước khoan hồng cho về thì tôi xin hứa điểm thứ nhất: Tuyệt đối ngừng bán rượu. Tuyệt đối tuân thủ chính sách của Đảng. Không được phá hoại..." Ông đọc chầm chậm như thế nào thì tôi viết như thế. Rồi ký. Sau đó anh thư ký đọc lệnh, tôi phải đứng nghiêm nghe lệnh. Họ cho về nhưng có tha đâu. Họ bảo chỉ tạm tha, lúc nào muốn bắt trở lại cũng được. Cứ hai, ba ngày họ lại đến, lại hỏi bài này anh chưa khai hết, phải khai thêm cho rõ, cho kỹ, anh làm lại đi, hai ngày nữa chúng tôi đến lấy.

Qua những trận như thế, tinh thần tôi ngày càng sa sút. Tôi bị bệnh tâm thần. Dạng trầm uất. Cả ngày chả nói năng gì, trông thấy ai cũng sợ người ta sắp bắt mình. Có lần đạp xe ra phố, thấy camion lao vào nhưng người lái xe phanh lại kịp rồi thò cổ ra chửi rủa thằng già muốn tự tử hả? Có lần định nhảy vào đường sắt ở chỗ Trần Phú, đã đứng rình sẵn đợi xe lửa đến lao vào, thì có một bà đứng đằng sau kéo giật trở lại, ngã giập đầu vào tường.

♦ Bùi Thị Cần Thơ - Nguyễn Mạnh Hùng

Năm 1978, tôi nhận được thư của một người bạn học cũ tên là Nguyễn Bùi Chấn, địa chỉ 10 B Sương Nguyệt Ánh, Sài Gòn, giới thiệu với một Việt kiều, tên Bùi Thị Cần Thơ, làm bác sĩ ở Pháp. Anh Chấn cho biết cô này rất hâm mộ thơ tôi và muốn liên lạc thường xuyên để nói chuyện thơ văn với tôi. Anh có hỏi, cô ấy muốn gửi một món quà cho tôi để làm quen, vậy tôi muốn quà gì? Thấy không có gì trở ngại, tôi đồng ý, vì biết cô ấy là bác sĩ, tôi xin ít thuốc trụ sinh vì ở đây khó mua. Bẵng đi một dạo không có tin tức, đến đầu năm 1979, cô Cần Thơ gửi cho tôi một ký thuốc. Chúng tôi tiếp tục liên lạc, sang năm 80, cô gửi nhiều quà lắm, ba lần, mỗi lần một gói 5 kí lô thuốc, và từ đó về sau, cô luôn luôn tiếp tế cho gia đình tôi đều đặn. Cô kể chuyện đời cô. Tôi tìm cách gửi tặng cô đầy đủ các sáng tác cũ, mới của tôi.

Một Việt kiều khác là Nguyễn Mạnh Hùng, giáo sư tiến sĩ dạy kinh tế ở đại học Montréal, từ Canada về Việt Nam luôn luôn, ngay từ 1975-76. Hùng nói được ông Phạm Văn Đồng giao cho công tác về kinh tế. Năm 1980, Hùng lại về, nói sẽ ghé qua Paris trước khi về Canada. Tôi nhờ Hùng cầm băng cassette tôi ngâm thơ qua Pháp cho cô Cần Thơ.

Tháng 8/1982, khi tôi bị bắt đưa vào Hoả Lò, bà Yến có viết thư cho cô Cần Thơ nói rõ chồng tôi bị bắt về tội liên lạc với người nước ngoài, tôi biết cô rất quý mến chồng tôi, vậy mong cô thông cảm, xin cô ngừng liên lạc với chồng tôi. Nhận được thư, cô Cần Thơ gửi 100 đô la cho vợ tôi để săn sóc tôi, và cô cho vợ tôi biết: Thầy em là Thích Nhất Hạnh có thể can thiệp để anh ra sớm. Sau này tôi mới biết cô chính là Cao Ngọc Phượng, đệ tử của thầy Nhất Hạnh và sau cô đi tu là Sư Chân Không.

Khi tôi được về thì bà Yến cũng cho tôi xem bài báo của công an trung ương tức là báo của Hữu Ước, nó tả Nguyễn Mạnh Hùng bị khám xét ở Tân Sơn Nhất và bắt được mang 500 cuốn băng chống Đảng. Chúng nó bịa. Sự thực thì năm 1982, tôi có đưa một tập *Về Kinh Bắc* cho Hùng đem ra ngoại quốc. Khi vào Nam để đi Pháp, Hùng đi cùng với Dương Tường. Tôi bị bắt hôm trước, hôm sau Dương Tường báo cho Nguyễn Mạnh Hùng biết, đừng mang gì của Hoàng Cầm ra ngoài cả. Hùng gửi cả *Kinh Bắc*, cả *Bên kia sông Đuống*, đi tay không. Lần trước, năm 80, cậu đã mang cassette cho tôi trót lọt. Lần này, cậu không mang theo cái gì cả, vì thế khám xong, cậu về Canada như thường.

Sau này ra tù, cô Cần Thơ cho tôi biết là khi tôi bị bắt, ông Nhất Hạnh có trao đổi với 4, 5 trí thức Pháp, đã từng ủng hộ miền Bắc và thân với ông Lê Đức Thọ trong phái đoàn hoà bình ở Paris. Họ bàn nhau rồi viết kiến nghị gửi ông Lê Đức Thọ về việc nhà thơ Hoàng Cầm bị bắt: Nếu xét Hoàng Cầm không phạm điều gì thuộc về luật nhà nước Việt Nam,

mà chỉ vì về văn học, thì chúng tôi yêu cầu nước Việt Nam Dân Chủ Công Hoà trả ngay tự do cho nhà thơ Hoàng Cầm. Sau đó, tôi cũng lại được nghe một số anh em quen biết, ở cấp khá cao, kể lại như thế này:

- Ông Lê Đức Thọ nhận được cái thư ấy, liền điện cho Sở Công An Hà Nội, bảo họ xem xét việc Hoàng Cầm thế nào, nếu không có chuyện gì nghiêm trọng lắm thì thả anh ấy ra kẻo mang tiếng.

- Lại có ý kiến cho rằng chính vì cái điện của ông Lê Đức Thọ, mà anh bị giam thêm. Bởi vì, tuy chức ông Thọ có cao thật, nhưng ông Thọ không phải là cấp trên trực tiếp của ông Nhạ. Cấp trên của ông Nhạ là một ông nào đó trong Bộ Chính Trị, ông này bảo: *"Nhờ ngoại quốc can thiệp à? Đã can thiệp thì giam thêm nữa cho biết"*. Vì thế mà anh bị giam vào xà lim bộ thêm một năm nữa.

- Có người nói thẳng là ông Tố Hữu. Ông Tố Hữu và ông Lê Đức Thọ quyền hành ngang nhau, chả ai ngán ai. Chính ông Tố Hữu bảo: *"À đã thế thì giam thêm cho nó biết!"*. Bắt anh cũng là lệnh Tố Hữu. Giam anh tới 18 tháng cũng là Tố Hữu.

- Theo một số người, kể cả Đặng Đình Hưng vì Hưng cũng có quan hệ với một số công an nào đó, thì họ nói rằng: Ông Tố Hữu có một số công an làm việc trực tiếp dưới quyền của ông ấy. Công An Hà Nội do ông Tố Hữu chỉ huy, bởi vì phần lớn anh em Nhân Văn ngày trước đều ở Hà Nội, trừ Hữu Loan bỏ về Thanh Hoá. Cho nên nói chung trí thức nào bất mãn hoặc có ý chống đối thì ông Tố Hữu huy động bộ máy Công An Hà Nội để bắt. Việc bắt Hoàng Cầm cũng là do Tố Hữu chỉ thị cho Công An Hà Nội, mà việc thả ra cũng là do Tố Hữu. Vì cái thư của trí thức Pháp và điện yêu cầu của ông Lê Đức Thọ, chạm đến tự ái của ông Tố Hữu, nên ông ra lệnh cho giam kéo dài thêm, để cho nó biết thế nào là kỷ luật, thế nào là chuyên chính vô sản.

Sau khi tôi ở tù ra, công an luôn luôn theo dõi và gây áp lực, de dọa sẽ bắt lại... việc này đến năm 1993 mới chấm dứt. Những tháng đầu tiên, mỗi tuần tôi phải trình diện, phải kiểm điểm rất chi tiết: ai đến thăm, như thế nào, thế nào... mình đi chơi với ai... Và cứ 2, 3 ngày, ông Nhạ lại phái 2 người công an, mỗi lần khác nhau, đến hành tôi: còn bài này, bài kia, anh chưa kiểm điểm hết...

Sau khi được *"phục hồi",* công an vẫn không buông tha tôi. Đến tháng 5 năm 1988, ông Nguyễn Doãn Nhạ, vẫn ông Nhạ ấy, cho người mời tôi đến Sở để thảo luận về việc in tập *Về Kinh Bắc*, lúc ấy tiếng tăm của tôi đã trở lại dần dần. Họ đưa tôi vào một phòng rộng, ông Nhạ ngồi với ba bốn người, thái độ đầu tiên của ông cực kỳ thân mật: *"Này anh Cầm nhỉ? Hôm nào giỗ chị Yến cho tôi biết nhé, để tôi đem vàng hương đến lễ* - Bà Lê Hoàng Yến mất năm 1985 vì quá cực khổ -phải lo nuôi gia đình tám người con- bị căng mạch máu, trong lúc Hoàng Cầm bị bệnh tâm thần - *Chị Yến là người rất tốt, một phần nhờ chị ấy làm đơn mà anh được về đấy, còn anh cả đời chỉ làm khổ chị ấy...".* Mình cứ nghe xem ông xoay giọng thế nào, quả nhiên, ông ấy nói tiếp: *"Nhưng mà dù anh có được phục hồi thì ảnh hưởng tác hại của thơ anh vẫn kéo dài, các bài Lá Diêu Bông, Cây Tam Cúc, người ta vẫn ngâm nga, rồi người ta muốn in thơ anh, người ta bốc thơ anh, nguy hiểm cho anh lắm! Chính anh đã làm kiểm điểm tập thơ ấy ở Hoả Lò rồi, nay anh lại tuyên truyền đi khắp nơi, rất nguy hiểm!".* Ông chỉ mấy quyển sách luật để trên bàn, có quyển mở sẵn: *"Đây này, luật cấm tuyên truyền, cấm cái này... cấm cái kia... anh mắc cả. Anh vi phạm luật rõ ràng chứ không phải chúng tôi bắt anh viết kiểm điểm đâu. Vậy anh phải làm gì đi chứ!"* Rồi ông quay ra vui vẻ: *"Thôi ta uống bia đã! Nào, các đồng chí mang giúp tôi bia, kẹo bánh lên đây!"* Ông lại tiếp tục thân mật pha lẫn đe dọa: *"Như thế nó nguy hiểm lắm, nguy hiểm cho anh, thế anh*

không nhớ chị Yến đã khổ với anh như thế nào à? Chính anh đẩy chị ấy chết nhanh như thế đấy! Anh có hối hận không? Anh phải nghĩ cách ngăn chặn việc đó lại, chứ không thì nguy cho anh lắm!"

Tôi hiểu ông ấy còn căm cái chuyện *Lá Diêu Bông* lắm, ông là công an, muốn bắt ai chả được, hai chữ *"phục hồi"* đối với ông chẳng có nghiã gì. Hội Nhà Văn đối với ông chẳng có giá trị gì. Tôi nói: *"Việc người ta chép và đọc thơ tôi, kể cả tập Về Kinh Bắc, làm sao tôi kiểm soát được"*. Ông ấy bèn gợi ý tôi viết cái thư ngỏ. Tôi đồng ý: *"Vâng, tôi sẽ viết cái thư ngỏ gửi độc giả trong và ngoài nước về tập Về Kinh Bắc", - "Thế thì tốt lắm! Chúng tôi chỉ muốn cứu anh chứ có muốn phiền anh làm gì!"* Tôi nói: *"Hay anh cứ dùng cái bản kiểm điểm tôi viết trong Hoả Lò"*. Ông bảo: *"Bản ấy dài dòng lắm, bây giờ anh viết ngắn thôi, viết cho dễ đọc! Vậy mai nhé, mai anh vào đây, viết mấy ngày cũng được!"*

Hôm sau tôi vào ông không có mặt, hai người cấp dưới đón tôi ở cửa, đưa vào phòng có giấy bút sẵn, tôi ngồi viết ngay, như một bức thư gửi bạn trẻ, nói đại khái *"Tập thơ Về Kinh Bắc nó giống như một cô gái đẹp, nhưng nó đen tối, tai hại cho chế độ này, mà con người cần phải sáng sủa để tiến lên. Tôi cũng dẫn chứng vài câu, đoạn "đen tối" hai nghiã, với giọng hết sức thành thật, tôi yêu cầu độc giả trong và ngoài nước nếu ai có đọc thì quên nó đi, đừng truyền bá nó, vì đó là những tư tưởng độc hại..."* Ra về tôi thấy nhẹ người vì nghĩ từ nay mình xong nợ với chuyện *Về Kinh Bắc*.

Mấy ngày sau, ông Nhạ gọi lên, đưa bức thư bảo tôi đọc lại. Đọc xong, ông bảo: *"Cám ơn anh, khá lắm! Bây giờ thế này nhé: Anh đọc lại! Cứ đọc tự nhiên như thế để chúng tôi ghi âm"*. Ông lại dùng đúng phương pháp trước: cả giọng nói của mình, chữ viết của mình, rành rành đây, còn chối cãi gì nữa! *"Chính anh tự viết, tự đọc, có ai bắt buộc anh đâu!"*

Đó là phương pháp làm việc của công an, mình phải vâng thôi, làm sao cưỡng lại được. Tôi làm đúng như ý ông muốn, quả nhiên sau đó, tôi thấy nhẹ người *"Thôi xong nợ."*[404]

● Tố Hữu dưới mắt Hoàng Cầm

Hoàng Cầm kể trong băng ghi âm:

Trong hai năm 1962 và 1963 tôi làm việc tại nhà máy gỗ, hướng dẫn công nhân về văn nghệ, tức là làm phim đèn chiếu: chiếu phim rồi đọc thuyết minh, mỗi tháng lĩnh thêm độ 25 đồng, bằng 2/3 lương công nhân bình thường, gia đình đỡ khổ hơn.

Đến năm 1965, khi Mỹ ném bom Vịnh Hạ Long, chúng tôi nhận được thư của Đảng Đoàn Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật mời lên để chuẩn bị công tác mới, có: Trần Dần, Lê Đạt, Thanh Châu, Trần Duy, Tử Phác, Phùng Quán... Hai người tiếp chúng tôi là Phùng Thị và Bảo Định Giang, ủy viên Đảng Đoàn. Anh Phùng Thị là nhân vật chính, nói:

"Vì Mỹ đổ bộ miền Nam và ném bom miền Bắc, chúng ta sẽ có một cuộc kháng chiến gian khổ và quyết liệt kéo dài không biết đến bao giờ, cho nên phải huy động lực lượng toàn quốc để chiến đấu. Chúng tôi theo chỉ thị của Bộ Chính Trị, cụ thể là ông Lê Đức Thọ và thủ tướng Phạm Văn Đồng, anh Lê Đức Thọ nói thế này: "Bây giờ Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật phải chú ý đến anh em NVGP, trước đã bị kỷ luật, bây giờ phải đưa họ trở lại để phục vụ Đảng và nhân dân, vì trong cuộc chiến chống Mỹ chúng ta cần lực lượng toàn dân thì mới có thể thắng và thống nhất đất nước được".

Sau 7 năm kỷ luật, chúng tôi rất mừng. Năm ấy, tôi mới 43, Trần Dần 39, Lê Đạt 36, còn nhiều tiềm năng lắm. Anh Phùng Thị cho biết anh Tố Hữu hiện nay đang đi chữa

---

404 Tóm tắt theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

bệnh ở Đức, chưa biết bao giờ về. Như thế là chúng tôi biết: Vắng ông Tố Hữu; ông Lê Đức Thọ, trưởng ban Tổ Chức Trung Ương và cả thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đồng ý ra chỉ thị phục hồi, đưa chúng tôi trở lại làm việc.

Trong 3, 4 ngày, anh Phùng Thị nói về tình hình đất nước, về chủ trương chống Mỹ và nhiệm vụ của người công dân, văn nghệ sĩ. Sau đó, anh mới nói đến việc phân công:

Anh Phùng Quán không còn ở trong biên chế, vì đã ra khỏi quân đội, chúng tôi đưa trở lại biên chế, sang làm việc ở Sở Văn Hoá trong cụm Văn Hoá Quần Chúng, đi sưu tập văn hoá dân gian; anh Hoàng Cầm về Sở Văn Hoá Hà Nội làm việc với anh Nguyễn Bắc. Anh Trần Dần xuống vùng mỏ 6 tháng, nhưng không phải đi lao động, xuống để nghiên cứu đời sống công nhân và sáng tác, thời gian này anh có viết được một truyện rất hay. Anh Lê Đạt lên Phú Thọ để làm công tác kinh tế miền núi. Còn hai anh Tử Phác và Đặng Đình Hưng thì để bên hội âm nhạc sắp xếp, anh Trần Duy do Hội Mỹ thuật lo... Cuối tháng 8/1965 tôi đến Phòng Sáng Tác Sở Văn Hoá, lúc ấy gọi là Nhà Sáng Tác, có khá đông anh em quen biết, anh Nguyễn Bắc giao cho tôi diễn ca các nghị quyết, chính sách, của thành phố, thành văn vần cho nhân dân dễ đọc, dễ nhớ. Họ có in ra thành tập sách mỏng.

Tháng 11/1965 xẩy ra việc Nguyễn Văn Trỗi bị xử tử. Tôi được gợi ý viết bài trường ca hoặc kịch ngắn để ca ngợi. Lúc bấy giờ tin tức ở từ Nam ra Bắc rất lủng củng, lúc đầu người ta bảo là Nguyễn Văn Trôi, sau chữa thành Trỗi. Một cái tên còn sai như thế, thì các sự việc còn sai lạc đến thế nào, nhưng tôi chỉ biết là người ấy có hành động can trường, làm tôi xúc động. Đầu năm 1966, tôi làm bài thơ dài "Tiếng gọi của người anh hùng", trong đó không nói đến tên Nguyễn Văn Trỗi và thành tích gì cả. Lúc ấy có một anh tên là Đức, cục phó Cục Văn Hoá Quần Chúng đến yêu đến cầu tôi đọc

thơ, mỗi lần anh ấy nói chuyện ở các hội nghị, các đại học, về đề tài Nguyễn Văn Trỗi, để làm gương cho thanh niên.

Anh Đức đề nghị mỗi khi anh diễn thuyết, sẽ nghỉ hai lần, và mỗi lần tôi ngâm thơ, lần đầu tôi ngâm bài thơ của ông Tố Hữu, lần sau ngâm bài thơ nào, tùy ý tôi chọn. Dĩ nhiên là họ không giới thiệu tên tôi, mà chỉ coi như một cán bộ Sở Văn Hoá. Tôi đồng ý. Lúc đó, chúng tôi vẫn chưa được lộ tên thật, anh Phùng Thị bảo phải dần dần độ một năm rồi mới tính. Tôi ngâm bài thơ Tố Hữu với tất cả tinh thần thì được vỗ tay rất ghê. Đến lần thứ nhì tôi đọc bài thơ của tôi, đọc chứ không ngâm trong 10 phút, tôi thấy cử tọa khoảng 300 người toàn trí thức, kỹ sư, đều im phăng phắc nghe đến hết, không vỗ tay. Lúc sau mới có một phụ nữ lên tiếng: *Tại sao một bài thơ như thế này mà không thấy đăng đâu cả*. Tôi phải giải thích vì Sở Văn Hoá chúng tôi sưu tầm trong quần chúng thôi, nên chỉ giữ làm tài liệu chứ không đăng ở đâu. Sau đó hai ba người yêu cầu tôi đọc lại cho họ chép. Đấy là buổi đầu tiên. Anh Đức dự tính sẽ có khoảng 20, 25 buổi khác ở các đại học và nhiều cơ sở khác nhau. Anh hẹn tối hôm sau sẽ đến đón tôi khoảng 7g30. Nhưng anh mất hút luôn. Cuối cùng, không bao giờ gặp lại anh nữa.

Sau này, tôi có trao đổi với Trần Dần, Lê Đạt; thì Trần Dần nói ngay: "*Cái bài thơ của mày thì đâu có gì, nhưng tất nhiên là phải báo đến tai Tố Hữu. Nếu mày chỉ ngâm thơ Tố Hữu không thôi thì mày còn đi kiếm ăn được*[405]*. Mày đưa cái bài thơ của mày ra là mày chết. Không đời nào Tố Hữu dung túng bài thơ của mày bên cạnh bài của nó*".

Trở lại việc Phùng Thị, sau khi ông đã xếp đặt công việc cho mọi người được hơn một tháng, tôi lên gặp ông ở 21 Trần Hưng Đạo để khiếu nại về chuyện lương bổng; bởi vì tôi đã đi làm rồi mà hiện vẫn chỉ được lĩnh lương tối thiểu. Ông trả lời: "Việc chúng tôi định phục hồi cho các anh là do

405 Sau buổi trình diễn, ông Đức đưa cho Hoàng Cầm 5 đồng thù lao.

ý của anh Lê Đức Thọ, được anh Phạm Văn Đồng đồng ý, lúc ấy anh Tố Hữu đi dưỡng bệnh ở Đức. Tôi trực tiếp làm việc với anh Thọ, anh Đồng. Tôi bố trí cho các anh làm việc ở đâu thì cứ ở đó. Nhưng bây giờ sự việc khác đi rồi, những điều tôi hứa với các anh: nếu in ấn gì trong vòng 6 tháng, thì chưa được để tên mình, nhưng dần dần rồi sẽ được ký tên thật, sẽ được phục hồi toàn vẹn, không làm được nữa, vì anh Tố Hữu mới về. Cách đây mấy hôm anh ấy có gọi tôi lên, cũng không gắt gỏng gì cả, chỉ hỏi: "Cái chủ trương phục hồi cho NVGP là chỉ thị của ai? Tôi nói: "Báo cáo với anh là tôi làm theo chỉ thị của anh Lê Đức Thọ và thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đồng ý, vì đất nước bước vào giai đoạn chống Mỹ cứu nước nên cần đến tất cả mọi người. Anh ấy bảo: "Anh làm thế cũng tốt thôi, nhưng anh là người phụ trách trực tiếp thì phải bảo đảm được là các anh NVGP đã có tiến bộ về tư tưởng. Anh lấy cái chi để bảo đảm điều đó?" Tôi nói: "Thưa anh, tôi chỉ biết là từ 6, 7 năm nay họ đã đi học tập, ở các nơi đều nói họ lao động tốt, không chống đối gì nữa, tôi cho là họ có tiến bộ". Anh Tố Hữu nói: "Cái đó cũng được thôi. Nhưng mà có thể bề ngoài họ làm ra vẻ ngoan ngoãn phục tòng, mà bên trong họ vẫn âm mưu chống lại mình. Nếu họ giả dối, đợi được phục hồi, được giao cho chức vụ này, chức vụ kia, mới quay lại chống phá cách mạng thì anh lấy chi bảo đảm tư tưởng của họ?" Nghe anh Tố Hữu nói thế thì tôi chịu, làm sao tôi dám bảo đảm tư tưởng các anh được? Kể ra thì anh ấy nói cũng có phần đúng, có thể người ta ngoan ngoãn phục tòng mấy chục năm trời để sau này họ phản lại, thì tôi cũng chịu. Tôi bất lực rồi, tôi không làm gì được nữa".

Một tuần sau, tôi xuống 51 Trần Hưng Đạo, chả thấy Phùng Thị đâu. Từ đấy mất hẳn ông Phùng Thị. Có người phao tin: Phùng Thị sở dĩ muốn phục hồi cho Nhân Văn vì ông là chú Phùng Quán. Chỉ biết Phùng Thị mất tăm sau khi ông Tố Hữu ở Đức về. Bị ông căn vặn như vậy thì coi như

mất tích, ông tống đi đâu chả biết, cho về hưu hoặc đổi đi xa, sống chết thế nào không biết. Khi Phùng Quán mất, cũng không thấy Phùng Thị đi đưa đám. Ông là chú ruột Phùng Quán.

Ông Nguyễn Đình Thi cho lệnh cắt lương tôi lần thứ nhì. Lần thứ nhất, sau vụ Thái Hà, năm 1958, lương tôi đang 146 ngàn, lúc đó chưa đổi, còn tiền cụ Hồ, ông ký giấy hạ xuống 92 ngàn, mình cũng hiểu. Lần này, 1965, Phùng Thị chuẩn bị cho chúng tôi phục hồi nhưng thất bại, ông Thi lại ký giấy giảm lương tôi từ 92 đồng xuống 60 đồng. Lê Đạt và Trần Dần bị ông cắt hết, không có lương, mỗi người chỉ được trợ cấp mỗi tháng 50 đồng.

Ngay sau 1975, Lê Đạt bàn với tôi: *"Tao và thằng Trần Dần mà xin thì khó, nhưng mày có tiếng, lãnh đạo nể, nhân dịp này, mày viết thư cho Trần Độ -lúc bấy giờ là Bí Thư Đảng Đoàn Bộ Văn Hoá, ngang chức thứ trưởng- nhân dịp thắng trận, xin nhà nước phục hồi để xây dựng đất nước."* Nghe lời Lê Đạt, tôi viết thư cho Trần Độ nói đại ý như thế.

Anh Trần Độ cử ngay hai người thư ký riêng là anh Huỳnh Ngọc Lý và anh Thanh đến thăm gia đình tôi và cho biết là anh Trần Độ đã nhận được thư của tôi, nhưng hiện giờ anh ấy bận quá vì mới giải phóng, nhưng anh cứ yên tâm, anh Trần Độ rất chú ý đến chuyện này và khi nào phục hồi được cho các anh thì anh ấy sẽ làm ngay.

Thế là chúng tôi chờ, chờ từ 75 đến 82, tôi bị bắt. Trần Độ ân cần như thế mà sao không làm được, thì phải có cái gì nó ngăn trở. Tôi mới nghĩ ra là ông Trần Độ tuy chức cao về văn hoá, nhưng người lãnh đạo tối cao về văn hoá vẫn là Tố Hữu. Ông Tố Hữu lúc bấy giờ là người có vị trí gần như cao nhất trong Đảng, là uỷ viên Bộ Chính Trị, rồi Phó Thủ Tướng. Nhiều nguồn dư luận khác nhau ở trong và ngoài

Đảng đều cho rằng ông Tố Hữu sẽ lên làm Tổng Bí Thư thay ông Lê Duẩn nếu ông Lê Duẩn qua đời.

Nhưng ông Tố Hữu không muốn bọn NVGP mọc mũi xủi tăm lên được, ông chỉ muốn tiêu diệt địa vị xã hội của anh và tác phẩm của anh sẽ bị chôn vào quên lãng. Thậm chí chúng tôi nghĩ, những bài thơ hay những gì của NVGP đã bị tịch thu, họ đốt hết đi rồi. Đốt hết để không còn dấu vết gì.

♦ Nguyễn Văn Linh

Anh Đào Phan tức Đào Duy Dếnh, là nhà nghiên cứu, em ông Đào Duy Anh, lúc còn sống chơi thân với tôi, anh có viết một bản thảo 2000 trang, tựa đề *Bi kịch Hồ Chí Minh*, rút gọn lại cũng được 1000 trang, anh đã trích gửi vài nơi nhưng họ không đăng.

Khi ông Lê Duẩn[406] mất, ông Trường Chinh đứng ra làm tổng bí thư trong 6 tháng, lúc ấy ông Trường Chinh ủng hộ ông Nguyễn Văn Linh. Đến đại hội VI, ông Trường Chinh từ chức để làm gương, sau đó các ông Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Đồng Sĩ Nguyên và 5, 7 người nữa từ chức theo. Đại hội VI, họp trù bị gần 20 ngày, đấu nhau kinh khủng lắm, sau phe Nguyễn Văn Linh thắng.

Ông Nguyễn Văn Linh lên làm tổng bí thư, lúc đầu chủ trương đổi mới theo Đông Âu; ông để báo chí, nhà văn được tự do, nhưng chỉ được hơn một năm, ông Lê Đức Thọ kiềm chế ông lại. Thí dụ ông Linh muốn xoá bỏ đặc quyền đặc lợi của giới lãnh đạo, nên khi đi công tác, Hà Nội - Sài Gòn, hay đi Mát-Cơ-Va, ông đi máy bay hành khách với một vài người thư ký tháp tùng, dân chúng hoan nghênh lắm nhưng một hôm -chuyện này tôi nghe người ta kể lại- ông Lê Đức Thọ sang chơi, bảo: *"Này anh Linh, cái việc anh không dùng*

---

406 Lê Duẩn (1907-1986) mất 10/7/1986. Trường Chinh (1907-1988) lên thay ngày 14/7/1986. Tháng 12/1986, Đại Hội VI, Trường Chinh từ chức, Nguyễn Văn Linh (1915-1998) được bầu làm tổng bí thư. Trường Chinh mất ngày 30/9/1988.

chuyên cơ để đi công tác rất tốt, nhưng hôm qua anh em bảo vệ đến nói với tôi: "Đồng chí Tổng Bí Thư cứ đi như thế này thì chúng em không biết cách nào để bảo vệ đồng chí cả!"

Nguyễn Văn Linh hiểu ngay là một câu đe doạ: *"Anh cứ đi như thế này thì anh chết không ai chịu trách nhiệm đâu!"* Ông bắt đầu thấy rợn người và ông đành phải hãm cải cách lại. Đến kỳ đại hội VII[407], dù ông vẫn được tín nhiệm nhưng ông từ chối, lấy cớ nhiều bệnh không làm tổng bí thư nữa.

Nhờ Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư nên Trần Độ mới có thể thực hiện việc đổi mới văn học và làm rất nhanh việc phục hồi NVGP. Trần Độ là Trung Ương Ủy Viên, được ông Nguyễn Văn Linh rất tín nhiệm, chính Trần Độ thảo nghị quyết số 5 về vấn đề văn nghệ[408].

♦ Nguyễn Khải

Năm 1988, Trần Độ làm trưởng Ban Văn Hoá Tư Tưởng Trung Ương, anh thúc giục Hội Nhà Văn phục hồi nhanh chóng cho anh em NVGP. Không ai dám hay muốn đứng ra nhận lỗi, từ trên Trung Ương Bộ Chính Trị, tức là từ ông Tố Hữu, không dám thẳng thắn nhận mình sai lầm. Hội Nhà Văn giao cho Nguyễn Khải làm việc này. Khải muốn không một ai trong Hội Nhà Văn phải đứng lên nhận lỗi gì vì đã xử sự với anh em NVGP phẩm tàn nhẫn như thế trong suốt 30 năm. Nó muốn giữ sĩ diện cho Đảng. Đảng đúng mà chính các anh sai, nhưng các anh bị kỷ luật lâu rồi thì Đảng khoan hồng phục hồi, chứ Đảng không sai gì cả. Thế thì các anh phải viết cái thư yêu cầu được phục hồi. Nguyễn Khải làm việc đó.

Nguyễn Khải là một tay rất khôn và láu cá. Đầu tiên nó đến ông Lê Đạt vì nó biết Lê Đạt là cán bộ chính trị và ông

---

407 Tháng 6/ 1991.

408 Nghị quyết số 5 có những điều khoản mở rộng tự do cho văn nghệ sĩ.

này cũng mưu thần chước quỷ lắm, lại là nhân vật tối ư quan trọng của Nhân Văn. Nó biết nếu nó nói được với ông Lê Đạt thì mọi việc có thể xong hết, thế là nó đến Lê Đạt trước. Lê Đạt đồng ý, sau đến Trần Dần, Trần Dần cũng đồng ý, thôi thì viết cái thư cũng chẳng quan hệ gì theo như Lê Đạt và Trần Dần nghĩ. Sau đó Nguyễn Khải, Xuân Thiều đến tôi, đi kèm với Phùng Quán và Lê Đạt. Nguyễn Khải nói với tôi: *"Tôi biết việc các anh trở lại với Đảng cũng khó, mà Ban chấp hành chúng tôi đến với các anh cũng khó. Vậy thì nhân dịp Đảng đổi mới, Ban Văn Hoá Tư Tưởng giao cho chúng tôi việc này. Nhưng nếu chúng tôi tự ý phục hồi cho các anh, nhỡ các anh lại không đồng ý, các anh chửi ầm lên: Chúng tôi cần chó gì cái Hội Nhà Văn của các anh mà các anh phục hồi, thì có phải bẽ mặt cho chúng tôi không. Vậy theo yêu cầu của Hội Nhà Văn, xin anh viết cho mấy câu. Các anh Lê Đạt, Trần Dần, Phùng Quán đã làm cả rồi, anh viết ngắn gọn đại ý: "Kỷ luật đã kéo dài gần 30 năm rồi, anh bị quá thiệt thòi vậy yêu cầu hội nhà văn phục hồi cho anh"*. Nguyễn Khải nói thì tôi không tin lắm vì lúc anh ta là tổ trưởng đã đấu tôi rất ghê ở Thái Hà ấp, nó trấn áp tôi, nó bảo *"Im mồn đi, gái đĩ già mồm"*. Thấy Nguyễn Khải thì tôi khó chịu, nhưng chết một cái là Lê Đạt, Phùng Quán đã làm rồi. Thấy mọi người đã làm thì mình cũng đành làm.

Thế rồi trong một buổi họp mặt ở nhà Phùng Quán có cả mọi người để ăn mừng việc phục hồi này thì Trần Dần nêu lên ý kiến phải đăng báo để cả nước biết, chứ việc này không chỉ trong nội bộ Hội Nhà Văn. Tôi cũng đồng ý phải thông tin. Nhưng không ngờ khi Xuân Thiều viết bài trên báo Văn Nghệ thì nó gài vào một câu: *"Ban chấp hành đã họp ngày ấy... trong chương trình làm việc, có phục hồi cho một số anh em NVGP..."* Nhưng nó viết đều ở chỗ này, nó chêm vào câu sau cùng *"theo đơn yêu cầu của các đồng chí ấy"*. Đấy là cái đuôi mà Xuân Thiều thêm vào. Để làm gì? Để nói rằng

các anh yêu cầu chứ Đảng không có lỗi gì cả. Các anh yêu cầu thì Đảng khoan hồng phục hồi cho các anh thôi! Tôi chắc là Xuân Thiều nó được lệnh ngầm để viết câu đó.

Về sau chúng tôi nhận được nhiều phản ứng từ Nam ra Bắc, chỉ trích việc ấy lắm: Tại sao lại phải xin phục hồi nhỉ? Nhất là Dương Thu Hương cô ấy bỗ bã nói thẳng: *"Các anh hèn lắm việc gì phải viết đơn xin cái Hội Nhà Văn chúng nó cho phục hồi"*. Tôi chỉ cười: *"Cô mắng anh là hèn thì anh cũng chịu thôi. Nhưng chúng tôi không làm đơn lên xin như thế. Sở dĩ chúng tôi viết cái thư, là do Nguyễn Khải nó yêu cầu các anh viết cho nó mấy chữ, bởi nếu nhỡ nó phục hồi rồi mà các anh không chịu, các anh chửi ầm lên, chúng tôi cần chó gì cái Hội Nhà Văn các anh phục hồi, thì chúng nó mất mặt. Vì thế chúng tôi mới viết cho nó mấy chữ, nghĩ chẳng quan trọng gì, đâu ngờ chúng nó lại dùng cái thư đó để viết những câu như thế này trên báo Văn Nghệ"*.

♦ Thái độ của Tố Hữu sau đổi mới

Hoàng Cầm kể:

Trần Độ trong kháng chiến, ban đầu làm báo Vệ Quốc Quân, sau đó đi chiến đấu thì ông làm chính uỷ sư đoàn 302, là một nhân vật rất hay, được Trần Dần tả trong cuốn *Người người lớp lớp*. Ngay thời kỳ ấy, Trần Độ đã cho Tố Hữu là anh ít học, hãnh tiến, kiêu căng, hợm hĩnh, nên không ưa, ông lại không trực tiếp ở dưới quyền Tố Hữu, chỉ liên quan thôi, chứ không dính, nên ông coi thường Tố Hữu.

Cuối năm 1988, Trần Độ là Trưởng Ban Văn Hoá Tư Tưởng Trung Ương dưới thời Nguyễn Văn Linh, một hôm ông sang chơi nhà Tố Hữu, không phải vì tình nghiã mà để xem thái độ của Tố Hữu đối với văn nghệ sĩ thế nào. Trong câu chuyện có đoạn này hết sức quan trọng, Trần Độ hỏi: *"Anh nghĩ gì về số anh em NVGP mới được phục hồi"*. Tố Hữu trả lời: *"Cái bọn chúng nó bây giờ được ngóc đầu dậy, chúng nó lại láo lếu lắm. Tôi tiếc là ngay từ lúc đó* (tức là

lúc NVGP ra đời) *tôi không giết hết chúng nó đi".* Đó là nguyên văn câu Tố Hữu nói với Trần Độ, sau này Trần Độ kể lại cho Ngô Thảo và Ngô Thảo nói lại với tôi.

Nếu phân tích thì thấy cái ghét này không còn là chính trị, vì quá trung thành với Đảng nữa, mà những người văn nghệ sĩ được nhân dân tín nhiệm và yêu mến như Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Lê Vân... nói chung tất cả những anh em nghệ sĩ đủ các ngành, ít nhiều tham gia NVGP, cả bên hội họa như anh Dương Bích Liên, Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái... đều là những nhân tài và được quần chúng yêu mến, thì Tố Hữu ghét cay ghét đắng. Sau Đại Hội VI rồi mà ông còn nói: *«Tôi tiếc là ngay từ lúc đó tôi không giết hết chúng nó đi!»*

Đại hội VI kết thúc một thời gian ngắn, thì Tố Hữu lập một nhóm cùng chí hướng với mình, do ông và Chu Huy Mân cầm đầu. Việc này do một vài anh em gần Trung Ương làm báo Nhân Dân và vài người công an ngày trước đã hỏi cung tôi, nhưng là những người tốt, kể lại. Nhiều nguồn chập lại thì mình có thể tin được: Ông Tố Hữu lập ra một nhóm 27 người, đã thảo hẳn kế hoạch lật đổ Bộ Chính Trị mới dưới quyền ông Nguyễn Văn Linh, bởi vì tới đại hội VI thì có 7 uỷ viên chính trị, hoặc xin từ chức hoặc bắt buộc phải thôi việc. Ông Tố Hữu tập trung những người bất mãn với chế độ mới, thảo một kế hoạch lật đổ Nguyễn Văn Linh. Tất nhiên công an mật bảo vệ Trung Ương Bộ Chính Trị theo dõi và họ bắt trọn ổ 27 người họp nhau ở một căn nhà gần hồ Ha Le, thu thập tài liệu và làm biên bản, rồi báo cáo lên ông Linh. Ông Linh gạt đi, bảo: *"Chỉ lưu trữ tài liệu, còn 27 người, không truy tố ai. Anh Tố Hữu và anh Chu Huy Mân đều có đóng góp lớn cho Đảng. Vậy không đưa ra công khai, kể cả trong nội bộ Đảng, cứ coi như hoàn toàn không có việc này".*

Tôi cho một người cầm quyền mà xử sự như thế là rất đúng, rất hay.

● In *Về Kinh Bắc*

Xuân Quỳnh[409] vợ Lưu Quang Vũ, là nhà thơ và bạn thân của Hoàng Yến, con gái tôi, làm ở nhà xuất bản Tác Phẩm Mới, đã đọc tập thơ này khoảng 74-75 và rất thích.

Khi tôi ra tù, Xuân Quỳnh nói với tôi ý muốn in, tôi dặn, đừng lấy tên *Về Kinh Bắc* mà nên cho thêm bài *Bên kia sông Đuống* vào rồi đề tên *Bên kia sông Đuống*. Xuân Quỳnh cự tôi: *"Khổ, chú bị tù rồi chú đâm nhát quá!"*. Xuân Quỳnh cũng gây gổ với Vũ Tú Nam, giám đốc, ông này bảo: *"Trên người ta đã có ý kiến, không nên in cuốn sách này"*. Xuân Quỳnh cãi lại: *"Cuốn này tốt, anh không in thì tôi in, tôi lo tiền bạc, tôi in lấy, trách nhiệm tôi chịu"*. Thế là Xuân Quỳnh tự lo liệu, sắp in, thì công an đến yêu cầu đình chỉ.

Ở Huế, khoảng 1987-88, Hoàng Phủ Ngọc Tường và Nguyễn Trọng Tạo cũng định đưa nhà xuất bản Thuận Hoá in *Về Kinh Bắc* và cũng lấy tên *Bên kia sông Đuống*, hay *Thơ Hoàng Cầm*. Chuẩn bị xong, sắp in, thì một hôm, tôi đang ngồi giặt ở máy nước trước cửa nhà, anh Ngọc Bảo[410] đi qua, vẫy tôi ra nói: *"Này, cậu định in tập thơ gì ở Huế phải không? Cậu đánh điện bảo thôi đi, nếu không tay Nhạ nó bắt cậu trở lại đấy!"* Thế là tôi đâm hoảng. Thơ mình có giá trị thì in lúc nào chẳng được, chứ vào tù nữa thì sợ lắm, lần này có thể nó đánh đập, làm sao chịu nổi. Tôi đánh điện cho Hoàng Phủ Ngọc Tường bảo ngừng. Nguyễn Trọng Tạo nói với Hoàng Phủ Ngọc Tường: *"Cái ông Hoàng Cầm này ông ấy nhát lắm, chắc có ai dọa ông ấy đây!"* Hoàng Phủ Ngọc Tường chín chắn hơn: *"Giá ai đánh điện thì mình cứ làm, đây chính anh Hoàng Cầm đánh điện, nếu mình làm có phải là đẩy anh ấy vào chỗ chết không?"*

---

409 Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ và con bị chết trong một tai nạn xe hơi, điều kiện bí ẩn, ngày 29/8/1988.

410 Tài tử Ngọc Bảo, một trong những danh ca đầu tiên của tân nhạc Việt Nam.

Đến anh Lý Hải Châu, giám đốc nhà xuất bản Văn Học, trước khi về hưu cũng định in ít bài trong Về Kinh Bắc, và không được, anh ấy cằn nhằn tôi: *"Khổ quá tập về Kinh Bắc anh cứ để cho chúng tôi lo, tại sao anh lại ra công an anh khai cái này cái nọ, làm cho công an họ gây sức ép không in được"*. Tôi chán quá, tôi bảo: *"Thôi tốt nhất là không in gì cả, tôi chào các anh, tôi về!"*

Đến lượt anh Sinh ở nhà xuất bản Phụ Nữ cũng muốn in những bài nổi tiếng như *Lá Diêu Bông, Tam Cúc,* cũng bị ông Quang Phòng, tổng cục phó thứ nhất Cục An Ninh Chính Trị viết thư khuyên: *"Anh Hoàng Cầm có thể in tất cả những bài thơ tình của anh ấy, riêng tất cả những bài trong tập Về Kinh Bắc thì còn phải chờ chúng tôi quyết định"*.

Năm 1987, một hôm, tôi mang tập thơ tình, có những bài tôi mới làm, tập *Mưa Thuận Thành* cho anh Quang Huy, trách nhiệm nhà xuất bản Văn Hoá xem, thì anh Quang Huy, ngỏ ý muốn in ngay, anh đề nghị: *"Ta nên cho thêm bảy tám bài thơ nổi tiếng trong tập Về Kinh Bắc đã được in trên báo hai ba lần rồi, như các bài Lá Diêu Bông, Tam Cúc..."* Tôi có ý ngần ngại, anh bảo: *"Thôi anh cứ để tôi lo liệu"*. Công an của ông Quang Phòng có xuống đòi mượn bản thảo để xem. Anh Quang Huy rất mềm dẻo nhưng cũng rất cứng rắn trả lời như thể anh không biết tập Về Kinh Bắc: *"Thưa các đồng chí tập thơ này đã vào chương trình xuất bản của chúng tôi, những bài được chọn, có một số bài, hình như nghe nói có trong tập Về Kinh Bắc, nhưng là những bài thơ đã xuất hiện trên báo hai ba lần rồi, mà dư luận cũng không có gì phản đối, vậy nếu các đồng chí muốn mượn bản thảo, thì cũng xin trả ngay để tôi in đúng thời hạn hợp đồng"*.

Nhờ sự cứng rắn của anh Quang Huy, tập Mưa Thuận Thành in được, năm 1987, thấy ghi 1000 bản, quá ít, bán hết ngay. Khoảng 1990-91, Trần Tiến phổ nhạc *Lá Diêu Bông*, và từ đó, nó được phổ biến rộng rãi, cả người hát xẩm cũng

hát. Đến 1994, anh Lữ Huy Nguyên, nhà xuất bản Văn Học, được một cán bộ an ninh trên Trung Ương cho biết là chỉ thị cấm in *Về Kinh Bắc* đã hủy bỏ từ tháng bẩy tháng tám năm nay rồi. Thế là năm 1994, nhà xuất bản Văn Học được chính thức in tập *Về Kinh Bắc*, thấy họ ghi in 1000 cuốn, còn nội bộ bên trong họ giấu tác giả.[411]

◙

Về Kinh Bắc là bản hùng ca chống lại thanh trừng bức bách. Về Kinh Bắc là về quê hương, về đất mẹ Luy Lâu (Kinh Bắc), kinh đô văn hoá đầu tiên của nước Việt, để dâng sớ kể tội "triều đình" đàn áp tư tưởng, càn quét nhân tài.

Nội dung ấy được giấu trong những câu thơ kín đáo, lại đảo lộn thứ tự như sấm Trạng Trình, đọc qua không thể hiểu.

Tác giả còn chen vào những bài trữ tình quan họ: Váy Đình Bảng, Lá Diêu Bông... làm lạc hướng, khiến phần đông người đọc và phê bình, chỉ chú ý vào những chỗ lãng mạn, trữ tình, dễ hiểu. Nhưng kẻ ra lệnh bắt Hoàng Cầm đã hiểu.

Một bản hùng ca bi tráng, vào đêm. Đêm của người thất trận, nhưng không thoái gót. Hoàng Cầm tiếp tục cõi hùng ca bi đát từ *Hận Nam Quan*, qua *Kiều Loan* và trở *về Kinh Bắc,* giọng vẫn sang sảng:

Về Kinh Bắc phải đâu con nghẹn khóc
Con không cười
Con thoảng nhớ thoảng quên.
Về Kinh Bắc phải đâu con hé miệng
Về Kinh Bắc phải đâu con nhắm mắt
Về Kinh Bắc tìm chơi đàn kiến lửa

Và những bức tranh cuồng loạn: bức bách tự do, giam cầm nghệ sĩ, đàn áp trí thức, xé sách, cùm thơ, giam chữ, sống lại, sống mãi trong ký ức muôn đời của dân tộc:

---

411 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Trăng lên chém đầu ngọn gió
Cành si bưng chậu máu chát chao (...)
Chợt mê thét giữa sân
Nét Mác chữ thiên toạc lưng trâu mộng
Máu đổ
Mây đùn
Gió lộng
Sớm mai đi
Xé trang Luận Ngữ
lau gươm
lên đường (..).
hỏi tội nghịch thần
mắt Chúa đảo thiên
Kéo áo che ngai
Né mũi kiếm vô hình xốc tới
Phanh hầm nhét vội một vầng dương
Cắn nhọn móng tay
Thơ cùm lim khắc máu (...)
Vùng chặt xích bẻ gông
phá cửa
cướp ngựa hình tham tri
phóng lên ải bắc
Nâng lụa ngang mày câm tiếng khóc
Nghiến oán thù tím ngắt nắng Phong Châu

Đó là Hoàng Cầm.

Hoàng Cầm viết lịch sử thời đại ông, thời chúng ta, thời thơ bị treo cổ.

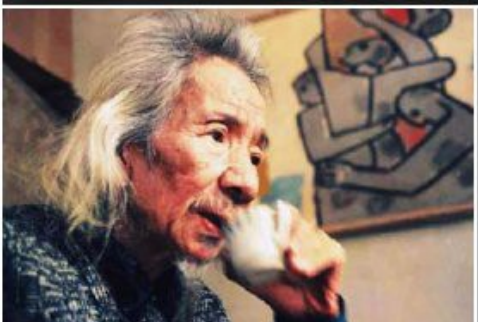

VĂN CAO những năm cuối đời

Chương 13

Văn Cao
(1923-1995)

Văn Cao ở trong thơ, nhạc, họa, cho nên được giới nghệ thuật ba ngành mến phục. Là tác giả quốc ca, nhưng Văn Cao suốt đời bị chính quyền cộng sản nghi ngờ, tác phẩm bị trù dập, phân biệt đối xử.

Tìm hiểu cuộc đời của Văn Cao cũng là tìm hiểu giai đoạn lịch sử 45-46, mà các văn nghệ sĩ xuất thân từ nhiều ngành nghệ thuật khác nhau, nhiều thành phần chính trị và phi chính trị khác nhau đã theo Việt Minh để tranh đấu cho một lý tưởng: chống Pháp. Những Văn Cao, Phạm Duy, Tạ Ty, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Nguyễn Đình Thi, Lưu Hữu Phước,... đã có một thời hoạt động chung vai sát cánh, nhưng rồi chính trị sẽ phân lìa mỗi người một con đường, một chiến tuyến.

Tìm hiểu Văn Cao tức là tìm hiểu tại sao có sự chia cắt tinh thần và thể xác Việt Nam, tìm hiểu sự tranh giành ảnh hưởng giữa các đảng phái chính trị trên đường giành độc lập, để thoát khỏi cái nhìn một chiều về lịch sử: *lịch sử ta-địch* trong quá trình đấu tranh giai cấp.

Tìm hiểu Văn Cao là để tìm đến nguồn cội của vấn đề: *Văn hoá Việt Nam là một toàn khối, không thể chia đôi. Tâm hồn Việt Nam là một toàn khối, không thể phân liệt.* Toàn khối ấy đã thể hiện trong cuộc kháng chiến từ 1945 đến

1950: Hầu hết các văn nghệ sĩ ở mọi khuynh hướng đều cùng nhau *chung lòng cứu quốc.*

Văn Cao, Phạm Duy hai khuôn mặt điển hình nhất của nền Tân nhạc Việt Nam: cùng theo kháng chiến từ phút đầu. Cùng có công đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp. 1951, Phạm Duy vào thành, Văn Cao ở lại, mỗi người một giới tuyến. Nhưng tác phẩm của họ, mãi mãi sẽ là của toàn thể dân tộc Việt Nam.

● Tiểu sử

Văn Cao là tên thật, họ Nguyễn, sinh ngày 15/11/1923 tại làng Lạch Trai (gần Hải Phòng) mất ngày 10/7/1995 tại Hà Nội. Nguyên quán làng An Lễ, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Học tiểu học trường Bonnal, trung học trường dòng Saint-Joseph, ở đây được học thêm âm nhạc. Cha là Nguyễn Văn Tề, cai máy nước. Vì cha bị mất việc, Văn Cao phải bỏ học, làm điện thoại viên ở bưu điện Hải Phòng, được một tháng, bỏ.

Cuối 1939, Văn Cao viết ca khúc đầu tiên *Buồn tàn thu*, ảnh hưởng Lê Thương, bản nhạc được Phạm Duy đem đi hát khắp nơi. 1940, Văn Cao đi Hà Nội, Huế, Sài Gòn, tiếp xúc với phong cảnh nên thơ và âm nhạc trữ tình của Huế và thơ Hàn Mặc Tử tại Sài Gòn. Từ điển văn học ghi: *"1940, vào Nam kiếm sống, làm họa sĩ trang trí nội thất cho cho một hãng tư nhân ở Sài Gòn, gần một năm. Bị chủ quỵt tiền công nên bỏ việc ra Bắc"*[412]. Chi tiết này không thấy ghi ở các tài liệu khác. Tựu trung, thời kỳ 1940-43, Văn Cao sáng tác sung mãn nhất. Những ca khúc lịch sử đi đôi với ca khúc lãng mạng trữ tình: *Bạch Đằng Giang*, *Gò Đống Đa*, *Thăng Long hành khúc, Thu cô liêu*, *Cung đàn xưa, Bến xuân*, *Suối mơ*, *Thiên Thai, Trương Chi...* và cũng là thời kỳ gắn bó

412 Nguyễn Huệ Chi, Vân Long, *Từ điển văn học*, bộ mới, Thế Giới, 2003, mục từ Văn Cao.

cộng tác văn nghệ và hoạt động cách mạng giữa hai nhân tài: Văn Cao-Phạm Duy.

Năm 1942, Văn Cao lên Hà Nội học dự thính (auditeur libre) trường Mỹ Thuật Đông Dương, và lần đầu tiên, thơ văn của ông được Vũ Bằng đăng trên *Tiểu thuyết thứ bẩy*.

1943, triển lãm tranh lần đầu ở Salon Unique - Phòng Triển lãm Độc đáo. Bức tranh *Les Suicidés - Những kẻ tự sát* của Văn Cao gây tiếng vang trong giới hội hoạ, theo Tạ Ty, đã có ý thức cách mạng.

1944, Văn Cao được Vũ Quý, quyền bí thư Thành Ủy Hà Nội, giác ngộ vào Việt Minh, giao công tác viết bài hát cho khoá Quân chính kháng Nhật, sáng tác *Tiến quân ca.*

1945, Văn Cao vào Đội Trừ Gian. Tháng 7/45, bắn chết Đỗ Đức Phin[413] ở Hải Phòng. Bắn hụt Cung Đình Vận và Võ Văn Cẩm tại Hà Nội. Làm báo *Lao Động* (bí mật) của Việt Minh[414], Văn Cao tự tay chép lời và nhạc *Tiến quân ca* vào đá (litho), in trên *Lao Động* số 1, tháng 11/1944.

1945, sáng tác bài thơ *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*[415], và các ca khúc: *Chiến sĩ Việt Nam, Chiến sĩ Hải quân*, *Chiến sĩ Không quân, Bắc Sơn*. Bài *Không quân Việt Nam*[416] sau này trở thành bài đoàn ca của Không quân Việt Nam Cộng Hoà.

---

413 Bị Việt Minh coi là gián điệp cho Nhật.

414 "*Giữa lúc ấy (1944), thì một người đồng hương của Văn Cao, tên là Vũ Quý vì hoạt động cho Việt Minh ở Hải Phòng nên bị Nhật lùng bắt. Anh ta trốn lên Hà Nội, đến ở nhờ Văn Cao và tuyên truyền cho Văn Cao theo Việt Minh. Văn Cao được giới thiệu để viết bài và vẽ tranh cho tờ báo Lao Động là cơ quan của Việt Minh xuất bản ở ngoại ô Hà Nội, đồng thời căn gác của Văn Cao được Vũ Quý dùng làm lớp học để giảng chính trị cho những thanh niên mới gia nhập đoàn thể Việt Minh"* (Hoàng Văn Chí, *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, trang 220). Nhiều nơi nhầm với báo Độc Lập mà Văn Cao cộng tác năm 1947 ở Vĩnh Yên.

415 In trên Tiên Phong số 9, tháng 4/46.

416 In trên Tiên Phong tháng 8/1946

Ngày 17/8/1945, trong buổi mít-tinh của công chức, bài *Tiến quân ca* được Phạm Duy "cướp micro" hát lần đầu tiên và duy nhất tại nhà Hát Lớn, Hà Nội[417].

Ngày 19/8/1945, Việt Minh "cướp chính quyền", dàn đồng ca Thiếu niên Tiền phong do Văn Cao điều khiển hát bài *Tiến quân ca* tại quảng trường Nhà hát lớn.

Ngay sau cách mạng tháng tám, Vũ Quý bị chết trong một hoàn cảnh bí mật[418].

Đầu năm 1946, Quốc hội khoá I công nhận *Tiến quân ca* là Quốc ca Việt Nam. 1946, Văn Cao sáng tác bài thơ *Ngoại ô mùa đông 46*[419].

Theo Tạ Tỵ và Vũ Bằng, Văn Cao có vợ trước cách mạng tháng Tám. Nhưng có lẽ chỉ mới đính hôn, sau ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/46, Văn Cao và gia đình Thúy Băng rời Hà Nội ra chợ Đại, gần Hà Đông, thuộc Liên Khu Ba, mới chính thức làm lễ cưới ở thôn Ba Thá. Ở Liên Khu Ba không được bao lâu, Văn Cao nhận được chỉ thị lên Phú Thọ, rồi Lào Cai, mở Quán Biên Thùy trá hình làm tình báo trong Liên Khu 10, từ xuân 1947 đến thu 1947. Phạm Duy có lên hát ở đây.

Thu 1947, Văn Cao được lệnh về Vĩnh Yên làm báo Độc Lập. Rồi lại được lệnh trở lên Việt Bắc. Trên đường ngược sông Lô lên Phú Thọ, Văn Cao mục kích chiến địa hoang tàn: Tháng 10/47, quân Pháp gồm mười lăm tiểu đoàn chia làm nhiều đạo tấn công Việt Bắc, mục đích tiêu diệt Bộ chỉ huy kháng chiến, nhưng không thành. Cụ Nguyễn Văn Tố -Bộ trưởng không bộ- bị chết.

Ngày 7/10, Pháp chiếm Sơn Tây.

---

417 Theo hồi ký Văn Cao tựa đề *Bài Tiến quân ca* (Sông Hương số 26 tháng 7/1987)

418 Nguyễn Thụy Kha, *Văn Cao người đi dọc biển*, nxb Lao Động 1991, trang 65.

419 In trên Văn Nghệ số 2, tháng 4/1948.

12/10, Việt Minh kêu gọi triệt để áp dụng chiến thuật tiêu thổ kháng chiến.

13/10 Pháp chiếm Bắc Cạn, Cao Bằng.

20/10 Pháp chiếm Yên Bái. 21/10 Pháp chiếm Chapa.

30/10/47 Pháp chiếm Lao Cai. Bản thảo *Kiều Loan* của Hoàng Cầm phải ném xuống hồ Ba Bể cùng các bản thảo khác.

Theo Phạm Duy, sau chiến thắng sông Lô, Cục Chính trị điều động các nhạc sĩ viết về Sông Lô để kích động tinh thần chiến sĩ: Lương Ngọc Trác sáng tác *Lô Giang,* Văn Cao, trường ca *Sông Lô*[420], Đỗ Nhuận: *Du kích sông Thao,* Nguyễn Đình Phúc: *Bến bình ca,* Phạm Duy: *Tiếng hát trên sông Lô*[421].

Trường ca Sông Lô được Phạm Duy đánh giá là *"tác phẩm vĩ đại, chẳng thua bất cứ một tuyệt phẩm nào của loại nhạc cổ điển Tây Phương"*[422].

Tháng 3/1948, Văn Cao được kết nạp vào Đảng. Sáng tác *Ngày mùa*. Cuối 1948, Văn Cao được lệnh về Liên Khu Ba. Gặp lại Tạ Tỵ, Bùi Xuân Phái, Lương Xuân Nhị... Sáng tác *Tiến về Hà Nội.* Tổ chức triển lãm chung. Bức tranh *Cây đàn đỏ* của Văn Cao bị phê bình. Giữa 1949, Văn Cao lại được lệnh trở lên Việt Bắc[423]. Chuyến đi rất gian nan nguy hiểm.

Tháng 1/1950, đảng Cộng sản tuyên bố chính thức theo đường lối Trung Quốc, thực hiện đấu tranh giai cấp trên toàn lãnh thổ.

Tháng 8/1950, Đại hội văn nghệ Việt Bắc quyết định loại trừ Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch thơ... bị coi là tàn tích của phong kiến và tư sản, chỉ giữ lại thoại kịch. Phạm Duy bị

---

420 Mùa đông 1947, in trên *Văn Nghệ* số 1, tháng 3/48.

421 Làm ở Tuyên Quang, 1947.

422 Phạm Duy, *Hồi ký cách mạng kháng chiến*, trang 122.

423 Theo Hoàng Văn Chí, vì sợ gia đình Văn Cao về thành, Việt Minh điều động Văn Cao lên Việt Bắc (*Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, trang 221).

kiểm điểm. Hoàng Cầm phải treo cổ kịch thơ. Văn nghệ sĩ, người vào Liên Khu Tư *"vùng tự do"* với tướng Nguyễn Sơn, người bỏ về thành như Vũ Bằng, Kim Tiêu, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Tạ Tỵ, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Phan Tại, v.v...

Tại Việt Bắc, Văn Cao tham gia chiến dịch biên giới. Phụ trách giảng dạy ở trường Âm Nhạc Việt Bắc. Sáng tác: *Tiểu đoàn Lũng Vài, Ca ngợi Hồ Chủ Tịch, Công nhân Việt Nam, Toàn quốc thi đua...*

1952, Văn Cao được cử đi Mạc Tư Khoa trong phái đoàn Trần Huy Liệu, theo Hoàng Văn Chí, *"Văn Cao được gặp nhà nhạc sĩ số một Liên Xô là Chostakovitch"*[424]. Các tài liệu khác, không nói đến cuộc gặp gỡ này, vì Chostakovitch cũng có "vấn đề", số phận trầm luân, tương tự Văn Cao chăng? Hoàng Văn Chí viết tiếp: *"Tuy nhiên sau khi đi Mạc Tư Khoa về, Văn Cao bắt đầu tỏ ý thất vọng: Liên Xô không phải là thiên đường như ông vẫn tưởng tượng. Thêm vào đấy, khi ông về nước thì cuộc đấu tố địa chủ cũng vừa bắt đầu, ông được cử đi tham quan mấy vụ đấu tố điển hình ở Việt Bắc"*[425].

Nguyễn Thụy Kha, viết về chuyến đi Liên Xô như sau:

"Được chọn đi thăm Liên Xô trong phái đoàn của ông Trần Huy Liệu, Văn Cao lần đầu tiên xuất ngoại, lần đầu tiên mở mắt nhìn ra thế giới của chủ nghiã xã hội - một lý tưởng mà chàng tôn thờ, đeo đuổi suốt tuổi trẻ (...) Ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, cái chết đầy bí hiểm của Vũ Quý -người giác ngộ chàng, dẫn dắt chàng vào con đường cách mạng- đã làm chàng choáng váng (...) Sang Liên Xô, tận mắt nhìn thấy, tiếp xúc với "thành trì của chủ

---

424 Hoàng Văn Chí, sđd, trang 221.

425 Hoàng Văn Chí, sđd, trang 221.

nghiã xã hội", "Thiên đường của loài người", Văn Cao mới vỡ lẽ ra nhiều"[426].

Có thể nói, chuyến đi Liên Xô 1952, đối với Văn Cao tương tự như chuyến đi Liên Xô 1936 đối với André Gide: họ đã nhìn thấy mặt thật của *"thiên đường"*.

1954, hòa bình lập lại, Văn Cao phụ trách ban nhạc đài Phát thanh Hà Nội.

1956, tham gia NVGP với bài thơ *Anh có nghe không*, đăng trên *Giai Phẩm Mùa Xuân*. Sáng tác trường ca *Những người trên cửa biển*, một đoạn in trên Nhân Văn số 4.

1958, bị kỷ luật, không nặng như các thành viên chính, phải đi thực tế Điện Biên cùng Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng. Đến Hai Lót, Văn Cao đau dạ dày, được đưa về bệnh viện Lai Châu.

Sau Nhân Văn, người ta định chọn *Bài ca cách mạng tiến quân* của Đỗ Nhuận để thay thế, nhưng rồi *Tiến quân ca* vẫn được giữ lại. Các tác phẩm khác của Văn Cao bị cấm. Chìm vào quên lãng trong ba mươi năm, Văn Cao sống cô đơn và gian khổ như các thành viên NVGP khác. Ông vẽ bìa sách, minh họa cho các báo, trang trí sân khấu, làm nhạc đệm cho một số phim... Sau ngày thống nhất đất nước, Văn Cao sáng tác *Mùa xuân đầu tiên* (1976), không được hát, có lẽ vì những câu *"Từ đây người biết thương người. Từ đây người biết yêu người"*.

1980, Hiến Pháp mới không ghi *Tiến quân ca* là quốc ca. Trong các buổi chào cờ, người ta cử nhạc. Không lời.

1981, một cuộc "vận động sáng tác quốc ca" được tổ chức quy mô, có thi tuyển, kéo dài trong 2 năm, nhưng cuối cùng vẫn không chọn được bài nào thay thế.

---

426 Nguyễn Thụy Kha, *Văn Cao người đi dọc biển*, nxb Lao Động 1991, trang 65.

1983, lễ mừng Văn Cao 60 tuổi được tổ chức. Các bản nhạc *Thiên Thai, Trương Chi, Suối Mơ*... được tình diễn trở lại.

1988, Văn Cao được chính thức "phục hồi" cùng các thành viên NVGP. Tập nhạc *Thiên Thai* và tập thơ *Lá* được phép xuất bản.

18/8/1991, trên báo Tiền Phong chủ nhật số 26, xuất hiện bài viết: *Tiến quân ca có hai tác giả?* của Tô Đông Hải. Lập luận: Văn Cao chỉ viết phần nhạc, lời của Đỗ Hữu Ích. Văn Cao trả lời, trong bài phỏng vấn của Nguyễn Thụy Kha ngày 7/10/91[427].

1993, Quốc hội xác định: *Tiến quân ca* là quốc ca Việt Nam.

Văn Cao mất ngày 10/7/1995, tại Hà Nội.

● Tác phẩm

Ca Khúc: *Buồn tàn thu* (1939), *Thiên thai* (1941), *Suối mơ* (1942), *Thu cô liêu* (1942), *Bến xuân* (1942-1945, sửa lời và đổi thành *Đàn Chim Việt*), *Cung đàn xưa* (1942), *Trương Chi* (1942), *Vui lên đường, Gió núi, Anh em khá cầm tay*, *Chiều buồn trên Bạch Đằng Giang* (1941), *Gò Đống Đa* (1942), *Thăng Long hành khúc ca* (1943), *Tiến quân ca* (1944), *Chiến sĩ Hải quân* (1945), *Chiến sĩ Không quân* (1945) *Bắc Sơn* (1945), *Chiến sĩ Việt Nam* (1945), *Làng tôi* (1947), *Sông Lô* (1947), *Ngày mùa* (1948), *Tiến về Hà Nội* (1949), *Ca ngợi Hồ Chủ tịch* (1949), *Mùa xuân đầu tiên* (1976)... (Năm sáng tác ghi ở đây không chính xác vì các tài liệu viết khác nhau).

Đã in: *Thiên Thai,* tuyển tập nhạc Văn Cao (Trẻ, 1988), *Lá* (Tác Phẩm Mới, 1989), 28 bài; *Tuyển tập Văn Cao* (Văn Học, 1994) gồm các bài đã in trong *Lá*, thêm 20 bài nữa.

---

427 *Văn Cao vui và buồn sang tuổi cổ lai hy*, đăng lại trên *Văn Cao cuộc đời và tác phẩm*, Văn Học, trang 423.

● Văn Cao có để lại hồi ký không?

Viết về Văn Cao, câu hỏi đầu tiên là: Văn Cao có để lại hồi ký không?

Có hai cuốn sách đáng chú ý: *Văn Cao, người đi dọc biển* của Nguyễn Thụy Kha[428] trình bày như lời "ký thác" của Văn Cao. Và cuốn *Nhạc sĩ Văn Cao, tài năng và nhân cách* của Bích Thuận[429] trình bày như lời "ký thác" của bà Văn Cao Nghiêm Thúy Băng.

1- Nguyễn Thụy Kha là một trong những cây bút trẻ gần gụi Văn Cao lúc cuối đời. Tác phẩm viết giọng tự thuật, như lời nhạc sĩ kể lại, nói lên được phần nào tâm sự Văn Cao. Tuy nhiên, có những nhược điểm: Không rõ đâu là lời Văn Cao, đâu là lời Thụy Kha. Không rõ chỗ nào thực, chỗ nào Thụy Kha thêm vào. Thí dụ, đoạn viết về *Tiến quân ca*, nếu đem so sánh với bản hồi ký đích thực của Văn Cao tựa đề *Bài Tiến quân ca* in trên Sông Hương[430] năm 1987, thì đã bị cắt xén rất nhiều. Những chỗ có tên Ph. D (Phạm Duy) đã biến mất. Có đoạn sửa đi và thêm vào mấy chữ mơ hồ cho người ta hiểu đó là Nguyễn Đình Thi. Thụy Kha viết: *"Căn gác số 171 phố Mông-grăng, Hà Nội chợt lặng phắc như vừa qua bão tố. Vũ Quý và Nguyễn Đình Thi đã đi chỉ còn lại Văn Cao với bản nháp bài "Tiến quân ca". Mới ít phút trước, căn gác còn vang lên giọng hát trầm ấm của Văn Cao trong nhịp hành khúc rắn rỏi này. Vẫn còn nguyên gương mặt xạm đen của Vũ Quý. Đôi mắt và nụ cười lấp lánh. Nụ cười thật hài lòng. Vẫn còn nguyên gương mặt đẹp trai của Nguyễn Đình Thi và nụ cười hồn nhiên khi nhẩm xướng âm bài hát. Thi còn nói với Văn Cao: "Văn ạ, chúng mình thử mỗi người làm một bài về mặt trận Việt Minh xem sao"*[431].

---

428 Nxb Lao Động 1991.

429 Nxb Thanh Niên, 2005.

430 Sông Hương số 26 tháng 7/1987.

431 Nguyễn Thụy Kha, sđd, trang 29.

Trong đoạn này, Nguyễn Thụy Kha cho biết: Nguyễn Đình Thi và Vũ Quý chứng kiến sự ra đời của *Tiến Quân Ca.* Văn Cao hát. Nguyễn Đình Thi *nhẩm xướng âm bài hát,* tại *số 171 phố Mông-grăng, Hà Nội.*

Nhưng Văn Cao không viết vậy -*Xin đọc toàn bài của Văn Cao trong phụ bản ở dưới*- Văn Cao cho biết khi ông sáng tác *Tiến Quân Ca* thì Phạm Duy ở cùng và: *"Anh* [Phạm Duy] *rất tôn trọng những phút tôi ngồi vào bàn với tập bản thảo và chờ đợi âm thanh từng câu nhạc được nhắc đi nhắc lại. Anh là người chứng kiến sự ra đời của bài Tiến quân ca"*

Văn Cao viết Phạm Duy là người chứng kiến sự ra đời của *Tiến Quân Ca*. Và ở một đoạn sau, ông mới nhắc đến Vũ Quý và Nguyễn Đình Thi:

"Trước mắt tôi mảnh trời xám và lùm cây của Hà Nội không còn nữa. Tôi đang sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc. Có nhiều mây và nhiều hy vọng.

Và bài hát đã xong. Tôi nhớ lại nụ cười thật hài lòng của đồng chí Vũ Quý. Da mặt anh đen xạm, đôi mắt và nụ cười của anh lấp lánh. Tôi nhớ lại nụ cười hồn nhiên của đồng chí Nguyễn Đình Thi khi xướng âm lần đầu tiên nhạc điệu bài hát đó. Thi nói với tôi:

- Văn ạ, chúng mình thử mỗi người làm một bài về Mặt trận Việt Minh xem sao?"

Đoạn văn này có nghiã: Văn Cao đang ở Việt Bắc, lùm cây của Hà Nội không còn nữa, và ông nhớ lại nụ cười thật hài lòng của đồng chí Vũ Quý và nụ cười hồn nhiên của đồng chí Nguyễn Đình Thi khi xướng âm lần đầu tiên nhạc điệu bài hát đó. So với đoạn trên, ông viết về việc Phạm Duy chứng kiến sự ra đời của *Tiến quân ca*, thì phải hiểu rằng: khi lên Việt Bắc, Văn Cao mới đưa nhạc phẩm cho hai *đồng chí* Vũ Quý và Nguyễn Đình Thi xem, ông gọi họ là *đồng chí*, trong khi gọi Phạm Duy là *anh*, có khác. Cũng không thấy Văn Cao nói đến khuôn mặt đẹp trai của Nguyễn Đình

Thi, đấy là Nguyễn Thụy Kha thêm vào. Tóm lại, chỉ cần thay đổi vị trí, thêm, bớt một vài câu chữ, là ý nghĩa văn bản có thể hoàn toàn thay đổi.

Bài hồi ký tựa đề *Bài tiến quân ca* của Văn Cao đăng trên Sông Hương năm 1987, không đề ngày viết, được cắt ngắn, thành bài *Tại sao tôi viết Tiến quân ca*[432], và đề ngày 7/7/76 để có vẻ như viết trước bản Sông Hương. Nhưng cũng không loại trừ khả năng bản Sông Hương được viết từ trước 1976, đến khi được đăng lần đầu, đề ngày 7/7/76, thì bị cắt xén và sửa chữa. Đến năm 1987, thời kỳ đổi mới, Văn Cao gửi cho báo Sông Hương bản đầy đủ.

Bởi vì khi so sánh hai văn bản, thì bản 7/7/76, ngoài việc cắt bỏ, sửa các lỗi có trong bản Sông Hương, câu văn cũng được "biên tập" lại: ngắn gọn hơn, thêm chấm phẩy, làm mất thi tính trong nguyên tác. Người biên tập lại không có trình độ văn hoá của Văn Cao, ví dụ, câu "*những băng cờ đỏ sao vàng đã thay những băng vàng của chính phủ Trần Trọng Kim"* của ông được sửa thành *"Những băng cờ đỏ sao vàng đã thay cho những băng vàng bẩn thỉu của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim".* Văn Cao không viết như vậy. Một người tự trọng không viết như vậy. Huống hồ tác giả *Tiến Quân Ca* không thể không biết rõ lịch sử, biết rõ công việc của chính phủ Trần Trọng Kim.

2- Cuốn sách của Bích Thuận có ý lãng mạn hoá và tô điểm cho Văn Cao trở thành nhà cách mạng trung thành với Bác và Đảng. Một điểm đáng lưu ý, ở chỗ bà trích một đoạn hồi ký của Văn Cao, viết về bài *Tiến Về Hà Nội*, có câu: *"Văn Cao viết trong hồi ký: "Tôi còn nhớ trong một buổi họp ở chi bộ Liên Khu Ba, tôi đã hứa với các đồng chí Khuất Duy Tiến, Lê Quang Đạo là tôi sẽ viết một ca khúc về Hà Nội. Tối hôm ấy, tôi đã cùng ăn cơm với anh Lê Quang Đạo.*

---

432 In trong *Thiên thai, tuyển tập nhạc Văn Cao*, Trẻ, 1988, in lại trong *Văn Cao cuộc đời và tác phẩm*, trang 86.

Anh Đạo đã nắm chặt tay tôi và nói..." Trích đoạn này dài hơn một trang[433]. Chỉ nhờ câu "*Văn Cao viết trong hồi ký"* mà chúng ta biết *Bích Thuận đã được đọc hồi ký của Văn Cao*, ít nhất là một mảng, ngoài *Bài Tiến Quân Ca*, đã in trên Sông Hương.

Cuốn sách của Nguyễn Thụy Kha, đoạn mô tả Văn Cao lùng *"Việt gian"* V.V.C, có những chi tiết mà ngoài Văn Cao không ai biết được. Rồi những câu như: *"Sông Hương, quả là một lưỡi kiếm dựng giữa trời xanh - Tiếng nước rơi bán âm - Chợt xé ra một nỗi nhớ sông Hương trong cảm xúc,* v.v...", xem ra rất Văn Cao, lác đác trải dài trong tác phẩm.

Vậy nguồn của những câu, những chữ ấy là đâu? Nếu lấy từ những trang hồi ký đích thực của Văn Cao, thì hiện giờ toàn bộ cuốn hồi ký ở đâu?

Nguyễn Thụy Kha và Bích Thuận đã "làm việc" như thế nào với những trang hồi ký mà có thể họ đã được đọc bản chính ấy? Để ghi lại chân dung một người, không gì bằng in thẳng những điều người ấy viết, trước hết, vì tôn trọng sự thật của tác giả và nhất là khi người ấy có bút pháp độc đáo như Văn Cao, vì tôn trọng văn chương của tác giả.

3- Đây là sự kiện thường xẩy ra ở Việt Nam. Phát xuất từ những lý do:

- Sự trừng trị của chính quyền đối với những chữ, những câu, những tác phẩm không đi đúng đường lối của Đảng - kiểm duyệt, tịch thu, cách chức Tổng biên tập, v.v...

- Sự sợ hãi và sự tự kiểm của nhà xuất bản.

- Sự an phận, đồng tình của giới văn học -kể cả những người ở ngoài về in trong nước- nói theo một trí thức nổi tiếng *"cái nước mình nó thế!"* Biết nó thế thì phải hành động làm sao cho nó thay đổi đi. Nhưng không. Chấp nhận. Lý lẽ: thà bị cắt, nhưng được in còn hơn không!

---

433 Bích Thuận, *Nhạc sĩ Văn Cao, tài năng và nhân cách*, Thanh Niên 2005, trang 77-78.

- Sự sợ hãi của tác giả, hoặc thân nhân - nếu tác giả đã qua đời. Đặc biệt, đối với những gia đình NVGP, sau gần nửa thế kỷ bị trù dập, không mấy ai còn muốn đối đầu. Họ muốn xoá "*dấu chàm"* trên trán để có thể sống bình thường. Muốn được chính quyền "*nhìn nhận*". Các giải thưởng, huân chương, chính là sự "*nhìn nhận*" ấy. Những người Nhân Văn *"được"* giải thưởng lúc cuối đời, bị đứng trước lựa chọn: gia đình hay khí phách. Họ đã chọn gia đình. Nhận giải thưởng không vì tùng phục mà vì thương gia đình, muốn con cháu thoát nạn *Lý lịch ba đời mấy đứa con thơ,* như lời Lê Đạt.

- Những điều đã bị bỏ, bị sửa, dưới mắt người kiểm duyệt và người bị kiểm duyệt, có thể chỉ là những *"chi tiết không quan trọng"*. Nhưng nhiều *"chi tiết không quan trọng",* bị đục bỏ, thêm thắt, xuyên tạc có thể thay đổi hẳn cục diện tác phẩm. Bằng chứng trước mắt là văn bản *Bài Tiến Quân Ca* của Văn Cao. Đó là một hình thức ngụy tạo tác phẩm, ngụy tạo sự thật. Nhiều tác phẩm ngụy tạo sẽ dựng nên một lịch sử ngụy tạo.

- Một câu hỏi đặt ra: Tại sao báo Sông Hương, tháng 7-8/1987 do Tô Nhuận Vỹ tổng biên tập và Nguyễn Khắc Phê phó tổng biên tập đã *"dám"* in đầy đủ bài của Văn Cao không cắt xén, mà sau này không ai *"dám*" in lại văn bản này?

Tình trạng chung của sách báo miền Bắc trước 1975 và cả nước sau 75, về văn học hay lịch sử cận đại, là đương nhiên phải gạt bỏ những người bị chính quyền coi là *"phản động",* là *"ngụy",* nghiã là *một nửa nước* ra ngoài.

Người nghiên cứu nếu muốn tác phẩm của mình tồn tại sau thời kỳ cộng sản, thì không thể chỉ viết về một nửa nước. Không ai cần biết Nguyễn Du, Xuân Hương... có "trung thành" hay "phản động" đối với Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh. Nhưng một cuốn sách viết về văn học thời kỳ Nguyễn Huệ-Nguyễn Ánh mà gạt Nguyễn Du, Xuân Hương... ra ngoài, sẽ là vô dụng.

● Văn Cao Phạm Duy trước kháng chiến

Người viết hay nhất và đầy đủ nhất về Văn Cao là Phạm Duy. Phạm Duy có thói quen ghi chép khá cặn kẽ các sự kiện và những sáng tác hay của các bạn. Riêng với Văn Cao, Phạm Duy chép từ những bản nhạc hướng đạo rất ít người biết, đến những lời hai, tuyệt vời của bản nhạc mà ca sĩ lười không hát, như trường hợp *Trương Chi.*

Tạ Tỵ viết: *"Phải thừa nhận rằng, nếu không có giọng hát của Phạm Duy, nhạc Văn Cao cũng khó mà phổ biến; trái lại nếu không có Văn Cao, chưa chắc Phạm Duy đã sáng tác! Cả hai hỗ trợ nhau, cùng dìu nhau đi vào bất tử!"*[434]

Văn Cao gặp Phạm Duy lần đầu năm nào?

Theo Phạm Duy là khi ông theo gánh hát Đức Huy-Charlot Miều xuống Hải Phòng, nhưng có chỗ ông ghi 1943, chỗ 1944. Phải đọc kỹ những chi tiết Phạm Duy viết, thì mới biết lúc đó Văn Cao còn *"đang thất nghiệp"* và đã sáng tác những bản *Buồn tàn thu, Thu cô liêu, Cung đàn xưa...* Vậy họ gặp nhau sớm hơn 43-44; chắc chắn trước khi Văn Cao sáng tác *Suối mơ* và *Bến xuân,* năm 42, bởi vì Phạm Duy có đóng góp trong hai tác phẩm này, cho nên Tạ Tỵ viết: *"Khi hai nhạc phẩm được in ra, tên Phạm Duy xuất hiện lần thứ nhất trước công chúng, bên cạnh tên Văn Cao"* [435].

Sở dĩ có sự lộn xộn về ngày tháng, vì Phạm Duy vác đàn đi khắp đất nước, riêng *Con đường cái quan* (xuyên Việt) ông đi về ít nhất 5 lần trong kháng chiến, và Văn Cao cũng viết: "*Tôi thường nhìn Ph. D. mỗi lần anh đóng gói đi xa và lắng nghe tiếng còi tàu ngoài ga Hàng Cỏ để chờ một chuyến tàu đêm"*[436].

---

434 Tạ Tỵ, *Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi*, Thằng Mõ, Hoa Kỳ 1990, trang 39.

435 Tạ Tỵ, *Phạm Duy còn đó nỗi buồn*, Văn Sử Học, Sài Gòn 1971, trang 47.

436 Văn Cao, *Bài tiến quân ca*, Sông Hương số 26, tháng 7/1987.

Nguyễn Thụy Kha cũng ghi lại lời tâm sự của Văn Cao khi ở Huế năm 1940: *"Đầu năm nay nó xuống Hải Phòng. Và "Buồn tàn thu" đã được nó lôi đi hát vang lên trên các nẻo đường xứ Bắc. Và thế là người yêu nhạc chốn Hà Thành đã biết có một Văn Cao tiếp sau Đặng Thế Phong"*[437].

Đầu năm nay, tức là đầu năm 1940, *nó* tức là Phạm Duy. Vậy Văn Cao gặp Phạm Duy lần đầu, khoảng đầu năm 1940, là hợp lý hơn cả. Từ đó phát xuất một tình bạn lâu dài trong sáng tác, trong hoạt động cách mạng.

Về gia cảnh Văn Cao, Phạm Duy viết:

"Văn Cao là tên thật, họ Nguyễn, ra đời sau tôi vài năm tại bến Bính, bên dòng sông Cấm. Cha (hay anh ruột, tên là Tú) làm cai của nhà máy bơm nước ở bờ sông đó nên suốt thời niên thiếu, anh sống trong nhà máy nước này. Học tiểu học tại trường Bonnal, trung học ở trường Saint Joseph, Văn Cao đã có khiếu văn nghệ ngay từ khi còn đi học. Ăn ở trong một căn nhà nhỏ có cái máy bơm rất lớn nằm chình ình giữa nhà suốt ngày đêm hút nước từ dưới sông lên không lúc nào ngừng nghỉ, Văn Cao còn vất vả hơn nữa là phải lấy một tấm phản kê lên máy bơm để làm bàn học. Sau này nhớ tới "giọng máy bơm nước", Văn Cao sẽ có câu thơ:

Anh muốn giơ tay lên mặt trời
Để vui da mình hồng hồng sắc máu
Mấy năm một điệu sáo
Như giọng máy nước thâu đêm chảy...

Anh có nghe không, trong Lá,
tuyển tập thơ Văn Cao.

Thấp bé hơn tôi, khép kín hơn tôi, nhưng Văn Cao tài hoa hơn tôi nhiều. Chắc chắn là đứng đắn hơn tôi. Lúc mới gặp nhau, anh ta chưa dám mày-tao với tôi, nhưng tôi thì có cái tật thích nói văng mạng (và văng tục) từ lâu, kết cục, cu

---

437 Nguyễn Thụy Kha, *Văn Cao người đi dọc biển*, trang 17.

cậu cũng theo tôi mà "xổ chữ nho". Nhưng Văn Cao bản tính lầm lỳ, ít nói, khi nói thì bàn tay gầy gò luôn luôn múa trước mặt người nghe. Anh ta thích hút thuốc lào từ khi còn trẻ, có lần say thuốc ngã vào tay tôi. Về sau, anh còn nghiện rượu rất nặng"[438].

Nhận xét về thơ Văn Cao, Phạm Duy viết:

"Vào năm 1941 mà anh đã có những câu thơ nghe như thơ Huy Cận:

Sông chầm chậm chảy trong mưa
Nghe chừng cô gái đã thưa nhát chèo
Mưa trong trăng tiếng nhỏ đều
Bến mờ mịt: mấy mái lều bơ vơ

- Đêm mưa

Chưa gặp Văn Cao nhưng tôi đã biết tài soạn nhạc qua mấy bài nhạc hùng của anh rồi. Khi tới Hải Phòng, sau khi gặp Hoàng Quý tôi tìm đến Văn Cao. Cũng như tất cả thanh niên "mỏ trắng" (blanc bec) thời đó, Văn Cao đang thất nghiệp sau một tháng làm việc tại Nhà Bưu Điện. (...) Gặp tôi đang lập cuộc đời mới trong một gánh hát thì kết thân ngay. Lúc đó, tôi đã tập toẹ đánh đàn với các nhạc sĩ trong ban nhạc Tây của gánh Đức Huy (...) Và tôi đã hát cho Văn Cao nghe. Nghe xong, Văn Cao vội vàng đưa cho tôi dăm ba bài anh ta mới làm xong. Lúc đó bên cạnh hai đứa chúng tôi còn có Đỗ Hữu Ích, con ông chủ bán đồ sắt phố Hàng Đồng, soạn lời ca rất hay. Đa số những bản đầu tay của Văn Cao đều đã được Đỗ Hữu Ích giúp đỡ phần lời ca"[439].

Điểm đáng chú ý là Phạm Duy không hề nhắc đến việc ông giúp bạn làm lời các bài *Suối mơ, Bến xuân* -vì lần in đầu có tên Phạm Duy. Ngược lại, ông nhắc nhiều đến công của Đỗ Hữu Ích. Có thể vì Phạm Duy đã có một sự nghiệp

---

438 Phạm Duy, *Hồi ký I*, Thơ Ấu Vào Đời, trang 234-235.
439 Phạm Duy, *Hồi ký I*, trang 236-237.

âm nhạc đồ sộ *Ngàn lời ca*, với 45 ca khúc trong 6 năm kháng chiến, trong khi Đỗ Hữu Ích không mấy ai biết đến. Phạm Duy cũng giải thích việc bạn bè phụ giúp Văn Cao:

"Có đôi khi Văn Cao không hoàn tất vài ba sáng tác của mình, có thể vì anh là người vung vãi tài hoa nhưng thiếu tự tin. Bạn bè ở bên anh có cơ hội giúp anh hoàn thành những gì anh bỏ dở. Cũng nên biết rằng những bài hát đầu tiên của Văn Cao, về phần lời ca, còn có thêm sự phụ giúp rất hữu hiệu của một anh bạn khác là Đỗ Hữu Ích"[440].

"Bạn bè" ở đây, ngoài Phạm Duy, còn có cả Hoàng Quý, Kim Tiêu[441]. Việc tranh chấp sau này về lời bản *Tiến*

---

440 Phạm Duy, *Hồi ký II*, Cách mạng kháng chiến, trang 49-50.

441 Kim Tiêu là một trong những danh ca hàng đầu trước kháng chiến đã hát nhạc Văn Cao tuyệt vời như Thái Thanh hát nhạc Pham Duy, nhưng số phận ông vô cùng bi đát. Phạm Duy nhắc đến vai trò của Kim Tiêu trong việc truyền bá ca khúc Văn Cao: "*Trong đám nam ca sĩ lúc đó, tôi cho rằng Kim Tiêu là người hát hay nhất. Trong khi tôi vác bài Buồn tàn thu đi lưu diễn ở trong Nam thì ở Hà Nội, chính nhờ giọng hát Kim Tiêu mà những bài Thiên Thai, Trương Chi của Văn Cao được nổi tiếng"* (Phạm Duy, Hồi ký II, trang 56- 57).

Về số phận người danh ca này, Tạ Tỵ cho biết: Kim Tiêu về thành trước ông nhiều tháng, nhưng sau vì chống đối, bị Pháp bắt và buộc tội là Việt Minh: "*Vào tù, anh vẫn không sợ, dù bị đánh đập tra khảo thế nào, anh cứ coi thường. Pháp nhốt anh vào xà-lim (Cellule), anh vẫn ca hát, những bài hát của Việt Minh. Sáng nào, anh cũng nắm chặt tay vào song sắt hát bản Tiến quân ca của Văn Cao để đánh thức mọi tù nhân khác dậy. Từ ngoài khu kháng chiến, Văn Cao được tin, cảm động lắm, làm một bài thơ bí mật đem vào Hà Nội, rồi nhờ các cán bộ tình báo nội thành đưa vào Hoả Lò cho ca sĩ Kim Tiêu. Tôi có được đọc cả bài thơ, nhưng lâu ngày, bây giờ chỉ nhớ vài câu:*

... Người danh ca ấy nằm trong ngục
Hà Nội nhớ tôi, hát bài ca cũ
Tiếng ca như buổi sớm trong
Tiếng ca vang vang phá phách
Xà-lim nổ tung ra
Cả Hoả Lò vỡ toang thành khối nhạc!...

Câu chuyện về ca sĩ Kim Tiêu, tôi chỉ biết tới đấy, còn sau này, Kim Tiêu sống hay chết trong tù, tôi không hay" (Tạ Tỵ, *Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi*, trang 114)

Trong đoạn viết về *Bến Xuân*, Nguyễn Thụy Kha có nhắc đến người ca sĩ giọng vàng nhưng không (dám?) nêu tên, và sau cùng có câu "*Và đau đớn nhất là chàng đã chết trong cơn đói không thể nào sống được* (Nguyễn Thụy Kha, *Văn Cao người đi dọc biển*, trang 28). Tại sao? Tìm kỹ thì chúng tôi thấy trong

quân ca, dường như cũng trong bối cảnh ấy: có thể Đỗ Hữu Ích đã phụ giúp ý kiến. Bởi nếu Đỗ Hữu Ích làm lời cả bài *Tiến Quân Ca*, thì tại sao ông lại không "kiện" Văn Cao, ít nhất từ sau 1954, mà lại để đến 1991 mới lên tiếng?

Về tính nhút nhát của Văn Cao, Phạm Duy viết: *"Lúc đó, Văn Cao đã nổi danh vì những bản nhạc thanh niên và hướng đạo nhưng nếu có ai hỏi anh có phải là nhạc sĩ Văn Cao hay không thì không hiểu vì sao cu cậu cứ trả lời là không!"*[442] Văn Cao cũng xác nhận sự nhút nhát này: *"Mày ơi! Vì sao mày đưa nàng đến để cùng tập những bài hát đầu tay của tao (...) Tao chỉ là một Văn Cao hết sức nhút nhát trước phái yếu. Nhút nhát đến gàn dở. Tuyết đến rồi qua nhanh khi Sài Gòn lùi lại sau lưng. Mày đã biết rồi đấy, tao bao lần không dám nhận mình là Văn Cao"*[443].

Đặt Văn Cao trong bối cảnh Tân Nhạc Việt Nam trước kháng chiến với hai loại *Nhạc hùng* và *nhạc tình,* Phạm Duy xác định sự đóng góp của Văn Cao: *"Bây giờ hai nhóm Tiếng gọi sinh viên và Đồng Vọng tung ra những bài như Vui Xuân, Bạn Đường, Bạch Đằng Giang của Lưu Hữu Phước, Đêm Trong Rừng, Bóng Cờ Lau, Nước Non Lam Sơn của Hoàng Quý. Đều là những bài hát hay nhưng chỉ hay một cách bình thường. Văn Cao đóng góp vào loại nhạc hùng này với những bài như Vui Lên Đường, Gió Núi, Anh Em Khá Cầm Tay, Đống Đa, Thăng Long Hành Khúc... Theo tôi, những hướng đạo ca và thanh niên-lịch sử ca của*

---

tạp chí Âm Nhạc, Minh Hiền viết: *"Kháng chiến, Kim Tiêu ở lại hoạt động vùng địch. Ông đã bị bắt. Trong tù, Kim Tiêu vẫn hát vang những bài cách mạng. Khi được thả, ngay giữa Hà Nội tạm chiếm, trong một liên hoan sinh viên, Kim Tiêu đã hát Sông Lô của Văn Cao mà không hề sợ sệt chút nào. Rất tiếc, sau hoà bình, do bị nghi ngờ được thả ra tù vì đã khai báo, Kim Tiêu buồn chán đi lang thang. Càng buồn ông càng hát hay. Kim Tiêu đã hát đến hơi thở cuối cùng ở Ga Hàng Cỏ"*. (Minh Hiền, *Những giọng vàng một thủa*, tạp chí Âm Nhạc số 3-4-5, 1994, trang 43-44.) Bi kịch Kim Tiêu chắc hẳn còn nhiều u uẩn.

442 Phạm Duy, *Hồi ký II*, trang 49.

443 Nguyễn Thụy Kha, *Văn Cao người đi dọc biển*, trang 23.

Văn Cao có nhiều souffle (hơi thở) hơn trong câu nhạc và có nhiều tính thơ hơn trong lời ca. Trong những bài ca hướng đạo Anh Em Khá Cầm Tay, Gió Núi ta đã thấy manh nha những phóng bút tuyệt vời của Chiến Sĩ Việt Nam, Bắc Sơn hay Thiên Thai, Trương Chi sau này (...) Về phần nhạc hùng thì bài Đống Đa với câu ca: "Tiến quân hành khúc ca, thét vang rừng núi xa... nó phải dẫn tới bài Tiến quân ca của Cách Mạng Tháng Tám" [444].

Về nhạc tình của Văn Cao, Phạm Duy viết: *"Vào đầu thập niên 40, nhạc tình ở Hà Nội nằm trong tay nhóm Myosotis (Hoa Lưu Ly) với những bài như Thuyền Mơ, Khúc Yêu Đương, Hồ Xưa... của Thẩm Oánh, Tâm Hồn Anh Tìm Em của Dương Thiệu Tước và trong tay nhóm Tricéa với những bài như Đoá Hồng Nhung, Bóng Ai Qua Thềm của Văn Chung, Bẽ Bàng của Lê Yên, Cô Lái Thuyền, Biệt Ly của Dzoãn Mẫn. Nhạc tình đang phổ biến dữ dội lúc đó cũng còn là của một người Nam Định, Đặng Thế Phong với ba bài hát mùa Thu: Đêm Thu, Con Thuyền Không Bến và Giọt Mưa Thu... Ở Hải Phòng, nhạc tình là địa hạt của Lê Thương với những bài đầu tay rất hay như Bản Đàn Xuân, Một Ngày Xanh (hay Bên Bờ Đà Giang), Nàng Hà Tiên... Nhất là với bài Thu Trên Đảo Kinh Châu soạn trên âm giai Nhật Bản và đang rất thịnh hành (đến độ đi vào nhạc mục của Hát Quan Họ ở Bắc Ninh).*

Trong không khí nhạc tình lãng mạn toàn nói về mùa Thu như vậy, chàng tuổi trẻ Văn Cao cũng soạn ra những bài hát mùa Thu như Thu Cô Liêu, Buồn Tàn Thu... nhưng chưa bao giờ anh có cơ hội để phổ biến. Tôi sẽ là người đầu tiên đem nhạc của Văn Cao đi - nói theo lời Văn Cao đề tựa trong một bài hát - gieo buồn khắp chốn. Danh từ người du ca đầu tiên cũng do chính Văn Cao đã gán cho tôi với một

---

444 Phạm Duy, *Hồi ký I*, trang 237-239.

sự thèm sống cuộc đời "xướng ca vô loài" như tôi lắm lắm"[445].

Sau khi phân tích giá trị từng tác phẩm của Văn Cao, Phạm Duy xác định:

"Nếu đem so sánh với những bản nhạc tình của 50 năm Tân Nhạc thì những bài Suối Mơ, Bến Xuân là cực điểm của lãng mạn tính trong ca nhạc Việt Nam. Sẽ không bao giờ có những bài ca lãng mạn như thế nữa! (...) *Khi Thiên Thai và Trương Chi ra đời, với tài năng đã đến độ chín mùi, Văn Cao sẽ dắt ta tới đỉnh cao nhất của ái tình cũng như sẽ đưa ta vào cõi sâu thẳm nhất của khổ đau với hai câu chuyện cổ dân gian biến thành hai bản tình ca muôn thủa"*[446].

● Văn Cao họa sĩ

Phạm Duy học Mỹ thuật Đông Dương một năm (1940-1941) với các thày Nam Sơn, Georges Khánh, Tô Ngọc Vân... và cùng lớp với Võ Lăng, Đinh Minh, Mai Văn Hiến, Bùi Xuân Phái, Phan Kế An, Quang Phòng, Phan Tại, Nguyễn Thanh Đức, Tạ Thúc Bình, Trần Phúc Duyên... Phạm Duy viết:

"Học trước chúng tôi vài năm là Tạ Tỵ, Phạm Văn Đôn, Trần Văn Lắm, Nguyễn Thị Kim... (...) Tạ Tỵ vẽ dessin hoặc vẽ tranh sơn dầu theo lối cổ điển hay ấn tượng (impressionisme) rất thành công, nhưng anh lại chọn con đường lập thể (cubisme) của Picasso. Ngoài Tạ Tỵ ra tôi không thấy có họa sĩ Việt Nam nào dám đi vào loại tranh đó cả. Tạ Tỵ còn đi xa hơn nữa khi anh đi vào loại tranh vị lai (futurisme)"[447].

---

445 Phạm Duy, *Hồi ký I*, trang 240-241.

446 Phạm Duy, *Hồi Ký I*, trang 247- 249.

447 Phạm Duy, *Hồi ký I*, trang 183.

Sự cách tân hội họa của Văn Cao, sẽ được Tạ Tỵ[448] nhận định trong bối cảnh chung của hội họa Việt Nam thập niên bốn mươi:

"Vào những năm 40-41, tôi học chung với nhiều bạn nhưng chỉ có vài người có tinh thần tiến bộ như Nguyễn Đăng Trí, Bùi Xuân Phái và Nguyễn Sáng. Cả ba đều học dưới tôi vài lớp. (...) Bùi Xuân Phái người Hà Nội, có đôi mắt to sáng, vầng trán cao với bộ râu đỏ hoe và nụ cười khinh bạc (...) Anh thích vẽ phố vì nhà anh ở gần phố Hàng Thiếc, Hàng Điếu, Hàng Hòm là những con phố cổ của Hà Nội ngày xưa (...) Do vậy, về sau anh em thường gọi đùa là "Phái Phố"! Tôi và Bùi Xuân Phái sau này còn rất nhiều dịp sống gần nhau để tạo nên kỷ niệm (...) Còn Nguyễn Sáng, người miền Nam, tình tình nóng nẩy. Sáng cũng có vầng trán thật cao, thân xác khỏe mạnh như lực sĩ (...) Nguyễn Sáng khéo tay lắm, nhất là tranh thiếu nữ vẽ trên lụa (...)

"Phạm Duy và Văn Cao cũng có một thời gian theo học Mỹ Thuật cũng như Phan Tại, nhà đạo diễn kịch sau này, nhưng cả ba đều bỏ ngang, có lẽ vì không thích hợp. Chỉ riêng Văn Cao vẫn vẽ, có vài tác phẩm được trưng bày tại Salon Unique năm 1943 do chính phủ Pháp tổ chức. Tác phẩm mang tựa đề "Những kẻ tự sát" (Les suicidés) với bút pháp phong phú gây được nhiều thiện cảm của giới yêu mỹ

---

448 Tạ Tỵ, sinh năm 1921 tại Hà Nội, là họa sĩ Việt Nam đầu tiên vẽ theo lối lập thể từ 1940. Tạ Tỵ theo kháng chiến từ những ngày đầu. Tháng 5/1950, sau khi bức tranh lập thể *Mưa núi*, bị phê bình gay gắt, ông quyết định về thành. Năm 1951, ông tổ chức cuộc triển lãm tranh lập thể đầu tiên với 60 tác phẩm tại Hà Nội. Năm 1953, bị động viên đi lớp Sĩ quan Thủ Đức. Ông tiếp tục sự nghiệp hội họa tại Sài Gòn, với hai cuộc triển lãm lớn năm 1956 và 1961. Tạ Tỵ phục vụ trong quân đội Việt Nam Cộng Hoà, cấp bậc sau cùng là Trung Tá. Sau 1975, ông bị đi cải tạo và đưa ra Bắc. 1981 được tha về. 1982, cùng gia đình vượt biển. Viết hồi ký *Đáy Địa ngục* (nxb Thằng Mõ, 1985, Hoa Kỳ). Năm 2004, sau khi vợ ông từ trần, Tạ Tỵ trở lại sống tại Sài Gòn và mất ngày 24/8/2004. Tạ Tỵ, như Vũ Bằng nhận xét là *"một nghệ sĩ "trọn vẹn", ngoài môn vẽ, viết, thơ ca, anh lại còn có tài về nhạc và trình diễn"*. Ông để lại những trang hồi ký giá trị về sinh hoạt văn nghệ Việt Nam, từ tiền chiến đến thập niên 80.

thuật lúc ấy. Qua tác phẩm này, ý thức cách mạng đã có ở Văn Cao nhưng chưa ai biết (...)

Văn Cao khi ở Hải Phòng, khi lên Hà Nội, mỗi lần có mặt ở thành phố, Văn Cao thường đến tìm tôi mời lại căn nhà ở trong con ngõ nhỏ đường Hàm Long để khoe tranh mới. Trong khoảng thời gian từ 42 đến 45, tôi đâu biết Văn Cao đã dấn thân vào cách mạng, hoạt động bí mật cho Mặt Trận Việt Minh. Quả thật tôi không để ý đến cách mạng và chính trị nên thường có những lập luận đối nghịch với Văn Cao về sáng tác. Văn Cao cho rằng nghệ thuật chỉ có ý nghĩa khi nó phục vụ cho số đông và một bức tranh đẹp phải truyền cảm, gây được ấn tượng tốt cho người xem tranh. Còn tôi cho rằng nghệ thuật, bất cứ ở bộ môn nào, trước hết, phải có bản sắc cũng như đặc tính của nghệ phẩm. Một bức tranh đẹp không cần sự giải thích, chỉ cần sự cảm thông giữa người xem tranh và tác phẩm (...) Nhưng tuy miệng nói vậy, chứ Văn Cao vẽ cũng mới lắm; những bản nhạc như Buồn Tàn Thu, Suối Mơ, Thiên Thai, Trương Chi, v.v... được in ra đều do Văn Cao trình bày bìa đi rất gần với trường họa lập thể, mà hồi đó chưa có một bản nhạc nào, cuốn sách nào trình bày dưới hình thức đó"[449].

Tạ Tỵ còn gặp lại Văn Cao nhiều lần trong kháng chiến và cũng chính ông là người sẽ thuật lại sinh hoạt hội họa trong kháng chiến. Bây giờ hãy tìm hiểu về giai đoạn cách mạng tháng Tám, giai đoạn *Tiến Quân Ca* và những ngày lịch sử.

● Tiến quân ca và những ngày lịch sử

1945, là thời điểm bản lề, phát xuất sự phân chia Quốc-Cộng, phân chia Nam-Bắc, phân chia chiến tuyến. Theo Lại Nguyên Ân thì người nghiên cứu ngoài Bắc có rất ít tư liệu văn học về thời kỳ này, phải nhờ đến những bài báo của Vũ

---

449 Tạ Tỵ, *Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi*, trang 18-34.

Bằng trên *Trung Bắc chủ nhật*, mà ông vừa tìm lại, mới biết được những sự việc như: *"Học giả Trần Trọng Kim trong vai trò thủ tướng; việc khôi phục Hà Nội trong quy chế một thành phố của nước Việt Nam độc lập; việc Hà Nội khôi phục đền Trung Liệt thờ những bậc quản thủ đã tử tiết vì thành phố..."*[450]

1945, là năm sôi động nhất của lịch sử cận đại và *Tiến Quân Ca* lần đầu tiên đến với quần chúng.

Để giúp bạn đọc dễ theo dõi tiến trình hành động và sáng tác của Văn Cao và các văn nghệ sĩ thời đó, chúng tôi xin nhắc lại một số mốc lịch sử sau:

▪ 04/2/1945, Hội nghị tối cao Đồng Minh họp tại Yalta, chia thế giới làm hai khu vực: vùng ảnh hưởng Nga và vùng ảnh hưởng Anh Mỹ.

▪ Tháng 3/1945 (Ất Dậu), nhiều ngàn người chết đói ở Bắc.

▪ 09/3/45, Pháp đầu hàng Nhật.

▪ 10/3/45, Nhật tuyên bố: ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc Đông Dương.

▪ 11/3/45, Viện Cơ Mật Huế thông báo: hủy bỏ hiệp ước bảo hộ 1884. Việt Nam khôi phục chủ quyền.

▪ 17/3/45, vua Bảo Đại tuyên chiếu: đích thân cầm quyền theo nguyên tắc Dân Vi Quý.

▪ 17/4/45, Bảo Đại ủy Trần Trọng Kim lập chính phủ, thành phần: Hoàng Xuân Hãn, Phan Anh, Vũ Văn Hiền, Trịnh Đình Thảo, Trần Đình Nam, Hồ Tá Khanh, Lưu Văn Lang, Trần Văn Chương, Nguyễn Hữu Thi.

Dùng cờ quẻ LY làm quốc kỳ và tiếp tục lấy *Đăng đàn cung* làm quốc ca. Trần Trọng Kim giải thích:

"Nước Việt Nam đã là một nước tự chủ thì phải có quốc kỳ và quốc ca. Bài quốc ca thì từ trước vẫn dùng bài

---

450 Lại Nguyên Ân, *Đôi lời dẫn giải*, trong *Vũ Bằng, các tác phẩm mới tìm thấy*, mạng Viet-studies.

"Đăng Đàn" là bài ca rất cổ, mà âm điệu nghe nghiêm trang. Chúng tôi nghĩ: trước khi có bài nào hay hơn và có nghĩa lý hơn thì hãy cứ dùng bài ấy.

Còn lá quốc kỳ, mỗi người bàn một cách, chúng tôi định đem hỏi mọi người trong nước và ai có ý kiến gì, thì vẽ kiểu gửi về. Có kiểu lá cờ vàng có quẻ Ly ở giữa là có ý nghĩa hơn cả. Chúng tôi định lấy kiểu ấy làm quốc kỳ.

Lá cờ vàng là từ xưa nước ta vẫn dùng. Trong sách Quốc Sử Diễn Ca nói khi bà Triệu Ẩu nổi lên đánh quân Tàu, đã dùng lá cờ ấy khởi nghĩa, nên có câu rằng "Đầu voi phất ngọn cờ vàng". Vậy lấy sắc cờ vàng là hợp với cái ý cách mệnh của tổ quốc, lấy dấu hiệu quẻ Ly là vì trong lối chữ tối cổ của ta có tám chữ viết bằng vạch liền (dương) và những vạch đứt (âm) để chỉ tám quẻ, chỉ bốn phương chính và bốn phương bàng, nói ở trong kinh dịch, mà quẻ Ly chủ phương nam. Chữ Ly còn có nghĩa là lửa, là văn minh, là ánh sáng phóng ra bốn phương.

Lấy sắc vàng là hợp với lịch sử, lấy quẻ Ly là hợp với vị trí nước nhà lại có nghĩa chỉ một nước văn hiến như ta thường tự xưng. Như thế là lá cờ vàng quẻ Ly có đủ các ý nghĩa"[451].

▪ 20/7/45, Nhật trả chính phủ Việt Nam các cựu nhượng địa Pháp: Hà Nội, Hải Phòng Đà Nẵng.

▪ 01/8/45, Đốc lý Trần Văn Lai cho phá các tượng Pháp ở Hà Nội: tượng Paul Bert, Jean Dupuis, Đầm Xoè ở Cửa Nam, Đài kỷ niệm lính Khố Xanh, Khố Đỏ.

▪ 09/8/45, Nagasaki bị ném bom nguyên tử.

▪ 13/8/45, Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Tuyên Quang, quyết định: Tổng khởi nghiã, đoạt khí giới quân Nhật, chiếm chính quyền trước khi quân Đồng Minh đến Đông Dương, lập chế độ Dân Chủ Cộng Hòa.

▪ 14/8/45, Nhật trả Nam Bộ cho triều đình Huế.

---

451 Trần Trọng Kim, *Một cơn gió bụi,* hồi ký, chương 4, đã có trên Internet.

▪ 15/8/45, Nhật Hoàng kêu gọi quân đội đầu hàng. De Gaulle cử Leclerc làm tư lệnh Lục quân Pháp tại Đông Dương.

▪ 17/8/45, công chức Hà Nội biểu tình biểu dương ý chí bảo vệ đất nước, cuộc biểu tình biến thành biểu tình ủng hộ Mặt Trận Việt Minh. Phạm Duy cướp micro hát *Tiến Quân Ca* "*lần đầu tiên và duy nhất*" tại nhà Hát Lớn Hà Nội.

▪ 19/8/45, biểu tình lớn trước nhà Hát Lớn để nghe tuyên bố của Mặt trận Việt Minh. Bài *Tiến Quân Ca* được đoàn Thanh Niên đồng ca.

▪ 22/8/45, vua Bảo Đại thoái vị.

▪ 23/8/45, thành lập chính phủ lâm thời với Hồ Chí Minh, chủ tịch.

▪ 02/9/45, chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố Độc Lập tại Ba Đình. Vũ Hoàng Chương làm bài thơ *Ngày Độc Lập*, đăng trên Tiên Phong số 24, ngày 1/12/46.

▪ 09/9/45, quân đội Trung Hoa bắt đầu tới Hà Nội để giải giới quân Nhật.

▪ 05/10/45, tướng Leclerc tới Sàigòn, tuyên bố sẽ bình định Nam Bộ.

▪ 22/12/45, Hồ Chí Minh ký thỏa ước với Việt Quốc và Việt Cách (Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt) lập chính phủ liên hiệp.

▪ 13/1/46, Vệ Quốc Quân tấn công bộ đội Việt Quốc tại Việt Trì.

Quân Pháp chiếm xong Nam Bộ, tiếp tục đánh ra Bắc.

▪ 2/3/46, thành lập chính phủ liên hiệp với Hồ Chí Minh, chủ tịch; Nguyễn Hải Thần, phó chủ tịch; Huỳnh Thúc Kháng, bộ trưởng Nội Vụ; Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng Ngoại Giao...

▪ 6/3/46, Hồ Chí Minh ký hiệp định Sơ bộ, thừa nhận Việt Nam là quốc gia tự trị trong Liên Hiệp Pháp.

▪ 16/3/46, cố vấn Vĩnh Thụy sang Trùng Khánh.

▪ 17/4/46, khai mạc hội nghị Việt Pháp tại Đà Lạt, Nguyễn Tường Tam làm trưởng phái đoàn. Hội nghị thất bại.

▪ Từ tháng 4/46 trở đi, tình hình rối loạn: quân Tưởng đánh nhau với quân Pháp. Bộ đội Việt Minh đánh nhau với bộ đội Việt Quốc. Nguyễn Tường Tam sang Tàu.

▪ 6/7/46 Khai mạc hội nghị Fontainebleau, Phạm Văn Đồng làm trưởng phái đoàn. Chương trình nghị sự: Việt Nam và liên bang Đông Dương.

▪ 10/9/46, Hội nghị Fontainebleau thất bại.

▪ 14/9/46, đang đêm, chủ tịch Hồ Chí Minh thân hành đến nhà riêng của bộ trưởng Marius Moutet ký thoả ước tạm thời.

▪ 2/11/46, Hồ Chí Minh lập chính phủ mới, không còn tính cách liên hiệp.

▪ 19/12/46, chiến tranh Việt Pháp bùng nổ[452]

Tóm tắt công việc của chính phủ Trần Trọng Kim trong hơn ba tháng cầm quyền, từ 17/4 đến đầu tháng 8/45:

• Bỏ Bộ Quốc Phòng, lập Bộ Thanh Niên do Phan Anh đảm nhiệm: Bỏ chiến tranh, rèn luyện tuổi trẻ.

• Hoàng Xuân Hãn, bộ trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật soạn thảo một chương trình giáo dục mới.

• Tiếp nhận các phần lãnh thổ bị Pháp chiếm: Nam Bộ và các thành phố Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội - Theo Phan Anh, việc này không dễ dàng, vì Nhật chưa muốn trả.

• Tổ chức đại lễ kỷ niệm Nguyễn Thái Học và các liệt sĩ Yên Bái tại vườn Bách Thảo.

• Phá những tượng đài của thực dân Pháp tại Hà Nội. Đặt lại tên Việt cho các đường phố Hà Nội.

• v.v...

Về phía các đảng phái, sự đoạn tuyệt đã rõ ràng từ khi bộ đội Việt Minh và Việt Quốc đánh nhau ở Việt Trì. Phe

---

452 Theo Đoàn Thêm, *Hai mươi năm qua, 1945-1964, việc từng ngày*

quốc gia, gồm những đảng đối lập với cộng sản, có khuynh hướng khác nhau: thân Tàu Tưởng Giới Thạch, thân Nhật hoặc thân Pháp. Phe cộng sản: thân Nga, thân Tàu Mao Trạch Đông. Nhưng Việt Minh đã thành công trong việc cổ động toàn dân theo Cách Mạng Tháng Tám.

Riêng về phía văn nghệ sĩ, gần như hầu hết những người không cộng sản cũng tham gia kháng chiến: Tạ Tỵ viết khẩu hiệu cho Việt Minh. Phạm Duy cướp micro hát *Tiến quân ca.* Vũ Hoàng Chương sáng tác *Ngày độc lập* với những câu thơ:

"... Hai cuộc tang thương tủi đọa đầy
Núi sông còn có buổi hôm nay
Kinh kỳ tám mặt reo đoàn kết
Sóng đỏ gầm quanh ngọn bút này (...)
Ngoài kia dừng chén mà coi
Núi lay xiềng khoá, sông đòi tự do
Lắng nghe dân tộc reo hò
Bốn phương thét lớn gào to: dân quyền..."

Tạ Tỵ thuật lại việc viết khẩu hiệu cho Việt Minh và Nguyễn Sáng vẽ giấy bạc cụ Hồ: *"Trước ngày 19/8/1945 là ngày Việt Minh cướp chính quyền, Lê Quốc Lộc đến tìm tôi nói về tình hình chính trị: "Chúng mình không thể ngồi chờ được nữa, phải hành động!" Tôi hỏi: "Hành động cái gì?" Anh nhìn thẳng vào mắt tôi như dò xét: "Tôi nói hành động tức là phải tham gia cách mạng". - "Cách mạng nào?" Lộc trả lời với một giọng rắn chắc: "Tôi nói thực với cậu, tôi đang hoạt động cho Mặt Trận Việt Minh; tình thế đã chín mùi rồi. Nếu cậu bằng lòng, tôi mời cậu tham gia Mặt Trận". Tôi đang phân vân chưa biết trả lời ra sao, Lộc nói tiếp: "Công tác cũng nằm trong khả năng của tụi mình thôi, nghĩa là chuyên môn". Tôi ậm ừ trả lời: "Nếu cậu làm được tôi cũng làm được". Lộc cười, cặp mắt một mí của anh hơi nheo trông giống như hai sợi chỉ kéo thẳng: "Vậy chúng ta*

bắt tay vào việc nhé!" (...) Chừng nửa giờ sau, Lộc mang vải, sơn đến với một tờ giấy nhỏ: "Cậu viết giùm mấy khẩu hiệu này". Nói xong Lộc đi ngay. Tôi mở tờ giấy ra coi, thấy mấy tiếng: "Hoan hô Mặt Trận Việt Minh. Chào mừng Cách Mạng thành công". (...) Sáng sớm hôm sau Lộc đến nhà tôi thật sớm. Hai tấm khẩu hiệu, Lộc cho vào chiếc bao bột mì, buộc gọn vào yên xe rồi ngồi lên trên, đạp nhanh như có chuyện gì gấp lắm. Ngay buổi chiều hôm đó, nhân có cuộc mít tinh của công chức và dân chúng, Mặt Trận Việt Minh lợi dụng ngay dịp đó, bắn mấy phát súng chỉ thiên và trương cờ đỏ sao vàng cùng khẩu hiệu. Thế là xong! Trang sử Việt Nam đã lật, nhưng nước Việt Nam còn phải kinh qua nhiều giai đoạn nhục nhằn ở mỗi hoàn cảnh đấu tranh để làm nên lịch sử (...) *Mấy tháng sau, Tôi được Lê Quốc Lộc giới thiệu vào cơ quan tuyên truyền để vẽ những tấm tranh cổ động. Tiền công cũng đủ sống qua ngày. Trong lúc tôi làm công tác trên thì Nguyễn Sáng được tuyển dụng vào công việc vẽ giấy bạc "cụ Hồ". Sáng vốn khéo tay và cần cù, rất thích hợp với tài năng. Tôi không biết ai đã giới thiệu Nguyễn Sáng với Bộ Tài Chánh của Việt Minh. Nguyễn Sáng làm việc với một ông cụ tuy già nhưng kẻ chữ còn tinh vi lắm (...) Tất cả mọi loại giấy bạc tiêu dưới chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đều do Nguyễn Sáng vẽ."*[453]

Tạ Tỵ đã phản ảnh rõ tâm trạng và tình thế những người đi theo kháng chiến. Nguyễn Huy Tưởng trong tiểu thuyết *Sống mãi với thủ đô* và Văn Cao trong *Bài Tiến Quân Ca* cũng có những cái nhìn tương tự.

● Ngày 17 và 19 tháng tám 1945 và Tiến Quân Ca

Tiến Quân Ca được viết từ mùa thu năm 1944, nhưng đến tháng tám năm 1945, mới có vai trò lịch sử. Chủ động

---

453 Tạ Tỵ, *Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi*, Thằng Mõ, Hoa Kỳ, 1990, trang 41 và 47.

trong hai ngày 17 và 19/8/45. Vậy những tác nhân chính viết gì về những ngày lịch sử đó?

Phạm Duy viết: *"Sau khi Nhật đầu hàng, Quân Đội Nhật ở Việt Nam trao trả phủ Toàn Quyền cho phủ Khâm Sai Bắc Bộ. Để tỏ ý chí bảo vệ đất nước, vào ngày 17 tháng 8, công chức Hà Nội được lệnh của vị Khâm Sai Phan Kế Toại đứng ra tổ chức một cuộc mít tinh ở trước Nhà Hát Lớn Hà Nội. Cuộc mít tinh của các ông các bà công chức đang diễn tiến thì bỗng nhiên một lá cờ đỏ sao vàng rất lớn được thả từ bao lơn của Nhà Hát xuống, rồi một người leo lên khán đài cướp micro để hô khẩu hiệu và hát bài Tiến Quân Ca của Văn Cao. Thế là cuộc biểu tình của Tổng Đoàn Công Chức bỗng nhiên biến thành cuộc biểu tình của Mặt Trận Việt Minh.*

Hai ngày sau, tức là 19 tháng 8, Việt Minh đích thân đứng ra tổ một cuộc mít tinh khổng lồ cũng ở trước Nhà Hát Lớn Hà Nội. Sau đó đoàn người biểu tình kéo đến bao vây Bắc Bộ Phủ. Ông Khâm Sai Phan Kế Toại đầu hàng ngay. Coi như cướp được quyền hành chánh rồi, đoàn người kéo luôn qua trại Khố Xanh ở đường Đồng Khánh để cướp quyền quân sự. Một ngàn lính Bảo An ở trong trại không kháng cự. Cờ quẻ Ly được hạ xuống, cờ đỏ sao vàng được kéo lên.

Thế là cuộc tổng khởi nghĩa thành công tại Hà Nội. Một Ủy Ban Nhân Dân được thành lập ngay hôm đó. Đồng thời tại nhiều địa phương, các đoàn võ trang tuyên truyền được gọi là "Dân Quân Giải Phóng" cũng tới chiếm chính quyền trong tay các tỉnh trưởng hay quận trưởng của một chính phủ mà ông Thủ Tướng là Trần Trọng Kim đã từ chức"[454].

Trong đoạn hồi ký trên, Phạm Duy viết ngắn và rất chi tiết, nhưng ông không hề nhắc đến vai trò của mình trong

---

454 Phạm Duy, *Hồi Ký II*, Cách mạng kháng chiến, trang 30-31.

ngày 17/8/1945, chỉ ghi *một người leo lên khán đài cướp micro để hô khẩu hiệu và hát bài Tiến Quân Ca của Văn Cao* và trong cuốn hồi ký, ông cho biết những ngày ấy ông ở trong Nam. Điều đó dễ hiểu vì Phạm Duy không thể công khai nhìn nhận mình có *"vai trò lịch sử trong những ngày Việt Minh cướp chính quyền"* cũng như Lê Đạt không thể công khai nhận mình đã theo Quốc Dân Đảng.

Nhưng Văn Cao ghi lại rõ ràng, trong hồi ký như sau: *"Tôi ở lại một mình trên căn gác vắng*[455] *vào những ngày đầu thu năm 1944.*

Tin từ Hải Phòng lên cho biết mẹ tôi, các em và các cháu đang đói khổ. Bà đưa các đứa nhỏ ấy từ Nam Định ra Hải Phòng, dọc đường để lạc mất đứa cháu con anh cả tôi. Nó mới lên ba. Đôi mắt nó giống như mắt con mèo con. Có thể nó đã nằm ở dọc đường trong đám người chết đói năm ấy. Các anh tôi cũng đang chờ tôi tìm cách giúp đỡ. Năm ấy rét sớm hơn mọi năm. Tôi ngủ với cả quần áo. Có đêm tôi phải đốt dần bản thảo và ký họa để sưởi. Đêm năm ấy cũng dài hơn đêm mọi năm. Những ngày đói của tôi bắt đầu.

Căn gác được thêm một người ở. Anh Ph. D. là bạn thân của tôi từ Hải Phòng lên. Anh mới nhận nhiệm vụ làm giao thông của tổ chức giữa hai tỉnh Hà Nội và Hải Phòng. Từ lâu, tôi vẫn biết Ph. D là người của đoàn thể, và thường chú ý giúp đỡ tôi. (...) Lần này, Ph. D. lên ở với tôi vào giữa lúc tôi đã muốn bỏ tất cả hội họa, thơ ca, âm nhạc, bỏ tất cả giấc mơ sáng tạo thường đêm đêm đan mãi đan mãi cái vành mũ triền miên trên đầu như một vòng ánh sáng thần thánh.

Một hôm, Ph. D. nói với tôi:

- Văn có nhớ anh Vũ Quý không? Anh ấy vẫn ở Hà Nội? Văn có muốn gặp anh ấy không?

---

455 171 phố Mongrand nay là số 45 Nguyễn Thượng Hiền.

Tôi biết đồng chí Vũ Quý trong những ngày còn là vận động viên bơi lội ở Hải Phòng. Chúng tôi thường tập luyện hàng ngày trên sông Cấm. Từ khi biết anh bị mật thám Pháp bắt hụt, tôi hết sức khâm phục. Thế ra người cộng sản ấy vẫn hoạt động tại Hà Nội. Anh ấy vẫn nhớ đến tôi.

Tôi đã gặp lại đồng chí Vũ Quý. Anh là người vẫn theo dõi những hoạt động nghệ thuật của tôi từ mấy năm qua, và thường khuyến khích tôi sáng tác những bài hát yêu nước như Đống Đa, Thăng Long hành khúc ca, Tiếng rừng, và một số ca khúc khác. Chúng tôi gặp nhau trước ga Hàng Cỏ. Chúng tôi vào một hiệu ăn, ở đấy quyết định một cuộc đời mới của tôi. Câu chuyện của chúng tôi thật hết sức đơn giản.

- Văn có thể thoát ly hoạt động được chưa?

- Được.

- Ngày mai Văn bắt đầu nhận công tác và nhận phụ cấp hàng tháng.

Ngày hôm sau anh đưa tôi lại nhà một đồng chí thợ giày ở đầu ngõ chợ Khâm Thiên để ăn cơm tháng và chờ quyết định công tác. Ngày đầu tiên chấm dứt cuộc sống lang thang của tôi.

Vũ Quý đến tìm tôi và giao công tác:

- Hiện nay trên chiến khu thiếu bài hát, nên phải dùng những điệu hướng đạo. Khoá quân chính kháng Nhật sắp mở, anh hãy soạn một bài hát cho quân đội cách mạng chúng ta.

Phải làm như thế nào đây? Chiều hôm ấy tôi đi dọc theo đường phố ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ, theo thói quen cố tìm một cái gì để nói, tìm một âm thanh đầu tiên. (...) Tôi đi mãi tới lúc đèn các phố bật sáng. Bên một gốc cây, bóng mấy người đói khổ trần truồng loang trên mặt hồ lạnh. Họ đang đun một thứ gì trong một cái ống bơ sữa bò. Ngọn lửa tím sẫm bập bùng trong những hốc mắt. Có

một đứa bé gái nó khoảng lên ba. Tôi ngờ ngợ như gặp lại cháu tôi. Đôi mắt nó giống như mắt con mèo con. Cháu bé không mảnh vải che thân. Nó ngồi ở xa nhìn mấy người lớn sưởi lửa. Hình như nó không phải con cái số người đó. Hình như nó là đứa trẻ bị lạc. Không phải cháu tôi. Nó đã chết thật rồi. Có thể nó nằm trong đám người chết đói dọc đường Nam Định - Hải Phòng. Tôi bỗng trào nước mắt và quay đi. Đêm ấy về gác tôi viết được nét nhạc đầu bài Tiến Quân Ca.

Những ngày ấy, Ph. D. sống chung với tôi. Thỉnh thoảng anh về Hải Phòng và mang tiền bán tín phiếu do các cơ sở gửi lên. Quần chúng ủng hộ Việt Minh ngày càng nhiều.(...)

Tôi thường nhìn Ph. D. mỗi lần anh đóng gói đi xa và lắng nghe tiếng còi tàu ngoài ga Hàng Cỏ để chờ một chuyến tàu đêm. Dưới ngọn đèn dầu, bộ mặt ngăm ngăm đen của anh chỉ thấy ánh lên đôi mắt sâu và trầm lặng. Anh rất tôn trọng những phút tôi ngồi vào bàn với tập bản thảo và chờ đợi âm thanh của từng câu nhạc được nhắc đi nhắc lại. Anh là người chứng kiến sự ra đời của bài Tiến Quân Ca. (...)

Ngày 17 tháng tám 1945, tôi đến dự cuộc mít-tinh của công chức Hà Nội. Lá cờ đỏ sao vàng được thả từ bao lơn nhà hát lớn xuống. Bài "Tiến quân ca" đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Chung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất lên vang theo những đoạn sôi nổi. Ở những cánh tay áo mọi người, những băng cờ đỏ sao vàng đã thay những băng vàng của chính phủ Trần Trọng Kim. Trong một lúc, những tờ bướm in "Tiến quân ca" được phát cho từng người trong hàng ngũ các công chức dự mít-tinh.

Tôi đã đứng lẫn vào đám đông quần chúng trước cửa nhà Hát Lớn. Tôi đã nghe giọng hát quen thuộc của bạn tôi, anh Ph. D. qua loa phóng thanh. Anh là người đã buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát.

Con người trầm lặng ấy đã có sức hát hấp dẫn hàng vạn quần chúng ngày hôm đó, cũng là người hát trước quần chúng lần đầu tiên, và cũng là một lần duy nhất"[456].

Đoạn hồi ký này xác định năm sự kiện quan trọng:

1/ Bà mẹ Văn Cao vì đói khổ, phải đưa các cháu từ Nam Định ra Hải Phòng, giữa đường bị lạc mất đứa cháu lên ba. Việc này Hoàng Văn Chí có ghi lại đúng như thế.

2/ Phạm Duy ở trong "tổ chức" trước Văn Cao. Điều đó dễ hiểu vì Phạm Duy khi học trường Thăng Long là học trò của Võ Nguyên Giáp.

3/ Phạm Duy "nhắc nhở" Văn Cao tìm gặp Vũ Quý.

4/ Phạm Duy "*chứng kiến sự ra đời của bài Tiến Quân Ca"* ở căn gác phố Mongrand.

5/ Phạm Duy "*buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát trước quần chúng lần đầu tiên"* với *"sức hát hấp dẫn hàng vạn quần chúng"* trong ngày 17/8/1945.

Trước kháng chiến, câu *"Tương tiến nhạc sĩ Phạm Duy, kẻ du ca đã gieo nhạc buồn của tôi đi khắp chốn"* của Văn Cao đã trở thành huyền thoại.

Lần này, Văn Cao muốn trả lại vai trò lịch sử của Phạm Duy đối với Cách Mạng Tháng Tám. Vai trò đã bị lịch sử một chiều cuốn đi, cướp mất. Văn Cao muốn cái gì của César phải trả về cho César.

● Không khí ám sát thủ tiêu

Tìm hiểu Văn Cao không thể bỏ qua giai đoạn ông hoạt động trừ gian. Nhưng muốn hiểu rõ hành động ấy, lại phải tìm hiểu không khí thanh trừng giữa Việt Minh và các đảng phái đối lập. Vũ Bằng viết về không khí thời ấy:

"Bầu không khí ấy là bầu "không khí cảnh sát" mà Việt Minh vừa mới nắm được chánh quyền đã tạo được liền:

---

456 Văn Cao, *"Bài tiến quân ca",* hồi ký, Sông Hương số 26, tháng 7/1987.

thu hút dân vì lẽ dám đứng ra đánh thực dân diệt phát xít cứu quốc, nhưng đồng thời cũng cho tiêu luôn các đảng phái không đi một con đường với họ.

Lúc ấy chưa có những chữ rùng rợn như "Đầm Đùn", "Lý Bá Sơ" nhưng người ta đã mang máng nghe thấy những vụ át các bỉnh bút báo "Việt Nam" ở Hàng Bún Dưới, báo "Sao trắng" đường Bô-Nan Hải-Phòng, hay vụ Ôn Như Hầu có hàng trăm cái xác ôm nhau mà chết... Sức mấy mà không sợ? Sức mấy mà phòng ngừa được bọn cán bộ bịt mắt bưng đi? Nhưng cùng tắc biến, biến tắc!.. liều, đã liều thì liều cho trót, chúng tôi cứ đả kích Trần Huy Liệu[457] *và những sơ hở của guồng máy chánh quyền phôi thai của Việt Minh. Và rồi cũng chẳng làm sao hết"*[458]

Trong tiểu thuyết *Giòng Sông Thanh Thủy*[459], Nhất Linh viết về Thanh và Ngọc, cán bộ Việt Minh và Việt Quốc, cả hai đều nhận được lệnh phải thủ tiêu nhau, nhưng họ rơi vào tình yêu, tình yêu đến chết. Nhất Linh mô tả rất rõ bối cảnh *"Họ rình nhau như những con thú dữ mà người nào cũng vì một lý tưởng mình cho là cao đẹp"*. Nhất Linh đã viết những trang lạnh lùng và rùng rợn về tội ác của con người, nhân danh Cách Mạng. Các nhân vật tự hỏi: *"Tại sao mình lại làm một việc độc ác như thế này"*. Tại cái *"guồng máy":* Họ ở hai guồng máy khác nhau. Đất nước là của chung, nhưng cách phụng sự đất nước của hai đảng, hai guồng máy chỉ đạo, khác nhau.

Tác phẩm của Nhất Linh giải thích hành động của Văn Cao trong kháng chiến: Văn Cao làm việc cho tình báo Việt Minh, tại Quán Biên Thùy năm 1947. Và *Quán Biên Thuỳ*, theo sự mô tả của Phạm Duy, có không khí rất *Giòng sông Thanh Thủy*:

---

457 Trần Huy Liệu lúc ấy là Bộ Trưởng Thông Tin.

458 Vũ Bằng, *Bốn mươi năm nói láo*, Tủ sách Nam Chi, nxb Phạm Quang Khai, Sài Gòn, 1969, trang 160.

459 Nhất Linh viết sai chính tả: thực ra là Dòng sông Thanh Thuỷ.

"Vào khoảng đầu mùa hè năm 1947 tôi tới Lào Cai và thấy ở đây có một phòng trà với cái tên là Quán Biên Thùy, bề mặt là một nơi giải trí nhưng bề trong là một tổ chức tình báo. Lúc đó, đối diện với Lào Cai vẫn còn là vùng Trung Hoa Quốc Gia chưa bị nhuộm đỏ hoàn toàn. Tôi gặp Văn Cao ở đây và được mời ở lại hát cho phòng trà này. (...) Quán Biên Thùy đông nhân viên lắm. Tất cả đều là dân Hà Nội. Tôi không để ý nhiều tới hoạt động tình báo của quán này, chỉ ngờ rằng vùng Lao Kai còn khá nhiều đảng viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau khi bị Việt Minh tảo thanh từ vùng trung du, Việt Quốc tập trung ở đây để sẽ lánh sang Trung Hoa. Nhân viên tình báo của Quán Biên Thùy này đang đi lùng Việt Quốc để báo cho Công An tới bắt hay báo cho bộ đội tới tiêu diệt. Tôi biết rằng Việt Quốc trước đây sống nhờ ở tiền thuế của sòng bạc Cốc Lều, nay sòng bạc này phải đóng thuế cho Việt Minh (...) Trong thời gian ở Lào Kai, tôi còn có cái thú tới hút thuốc phiện tại dinh của một lãnh chúa người Nùng là Hoàng A Tưởng (...) Thuốc phiện chẳng bao giờ làm tôi say cả nhưng thứ thuốc phiện được hạ thổ lâu năm của Hoàng A Tưởng lần nào cũng đánh gục hai "anh hùng" kháng chiến là Văn Cao và Phạm Duy."[460]

Không khí thanh trừng này nằm trong quỹ đạo trừ gian của Văn Cao những ngày đầu cách mạng: ám sát Đỗ Đức Phin. Bi kịch xẩy ra năm 1945, khi ông hoạt động trong đội "Biệt động vũ trang".

● Văn Cao bắn Đỗ Đức Phin

Tại sao Văn Cao vào đội biệt động vũ trang?

Giả thuyết của Vũ Bằng:

"... Cho tới một ngày kia, lúc Nhật đổ bộ vào Đông Dương, tôi mới lại nghe nói đến Văn Cao hai lần nữa. Đó là

---

460 Phạm Duy, *Hồi Ký II*, trang 105- 107.

lần Nghiêm Xuân Huyến báo tin cho tôi biết con gái anh sắp lấy chồng, mà người chồng đó là Văn Cao và một lần sau khi Việt Minh "át" cô Nga[461]*"giao du" với một sĩ quan Nhật bị bắn chết liền, ở Hải Phòng lại xẩy ra vụ bắn Đỗ Đức Phin mà lúc đó ai cũng bảo người bắn là Văn Cao.*

Nghiêm Xuân Huyến, sước hiệu[462]*là Voi đen (...) Tôi đi lại thường xuyên nhà Voi đen vì anh có ra một tờ tuần báo mười hai trang - tờ Rạng Đông. Sau này (...) anh ra tờ tuần báo trào phúng tên là Con ong do Tam Lang Vũ Đình Chí chủ biên. (...) Xa nhau được ít lâu, tôi nghe thấy Nghiêm Xuân Huyến bị Nhật bắt và "xin âm dương" cho đến chết ở nhà lao. Anh em hồi đó bảo rằng anh bị Nhật giết vì nhà in của anh in truyền đơn cho Việt Minh. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu cái vụ Nhật bắt và đánh đập tàn nhẫn Huyến cho đến chết có liên quan gì đến vụ con gái Huyến lấy Văn Cao hay không, hay là Văn Cao có liên quan gì đến việc in truyền đơn đó hay không -nếu quả có in truyền đơn tại nhà in của Huyến- chỉ biết sau đó Văn Cao im lìm, không ai biết hành tung ra sao hết cho đến lúc xẩy ra vụ ám sát Đỗ Đức Phin trong một tiệm hút ở Hải Phòng. (...) Cái tên Văn Cao nổi bật lên từ đó. Đối với một số anh em văn nghệ, có một số anh em nói cho đúng, đã lấy làm hãnh diện về điểm đó.*

Sau ngày 19/8 tiếng của Văn Cao nổi như cồn".[463]

Doãn Tòng, bạn đồng hành với Văn Cao trong đội trừ gian, thuật lại các sự kiện: *"Năm 1945, ở Hải Phòng có Đỗ Đức Phin là một tên mật thám cho Nhật - nó đã phá hoại nhiều cơ sở của ta, trên có lệnh phải trừ khử nó. Tháng 7-1945, Văn Cao trừ Đỗ Đức Phin. Việc này được đồng chí Nguyễn Khang, Xứ Ủy Bắc Kỳ đồng ý. Nguyễn Đình Thi*

---

461 Trong băng ghi âm, Hoàng Cầm cho rằng Văn Cao bắn cô Hoàng Thị Nga, chắc ông lầm, vì cả Vũ Bằng lẫn Văn Cao đều không xác định việc này.

462 Sước hiệu tức biệt hiệu.

463 Vũ Bằng, *Văn Cao - Một nghệ sĩ tài hoa*, Văn Học số đặc biệt Văn Cao, tháng 11/1970, Sàigòn, in lại trong *Văn Cao cuộc đời và tác phẩm*, trang 173.

giao cho Văn Cao khẩu súng 7165. Tổ phân công cho em Trần Liễn là cô Liên thăm dò đường đi lối lại của Đỗ Đức Phin. Cô Liên chơi với em vợ Đỗ Đức Phin, nên rất tiện cho việc điều tra. Văn Cao, Trần Liễn có lần đã đến lớp học tiếng Nhật do Đỗ Đức Phin tổ chức nên biết mặt hắn. Hắn nghiện thuốc phiện, hay hút ở tiệm số nhà 51 phố Đông Kinh. Nắm chắc được cách đi lại ăn ở của hắn, tổ bắt đầu hành động.

Vào khoảng 6 giờ chiều một ngày tháng 7 năm 1945, trời nhá nhem tối, anh em cải trang cho Văn Cao thành một anh cai xe bận quần đen, áo va-rơi, đầu đội mũ cát dầy, đeo đôi kính gọng. Hoá trang vào không ai nhận ra Văn Cao nữa. Văn Cao đạp xe đến phố Đông Kinh, vào ngồi ở một quán nước, đưa mắt quan sát. Khi Trần Khánh ra hiệu bằng cách nhẩy lò cò: có ý là Đỗ Đức Phin đang ở trên, Văn Cao bắt đầu hành động. Anh lên gác thấy rõ Đỗ Đức Phin đang nằm hút thuốc phiện. Bên cạnh là người bồi tiêm. Văn Cao bắn một phát vào đầu Đỗ Đức Phin, tên này gục xuống. Tên bồi tiêm sợ quá, nhẩy qua ban công bám vào ống máng tụt xuống chạy biến. Một số đồng bào nghe tiếng súng nổ, chạy đến nhốn nháo. Văn Cao bình tĩnh nói:" Xin mọi người ngồi im. Tôi chỉ diệt một tên Việt Nam bán nước thôi".

Nói rồi dưới ánh đêm mờ mờ, Văn Cao nhẩy lên xe đạp đi về nhà tôi thay quần áo. Sau đó Văn Cao lên Hà Nội hoạt động, tôi ở Hải Phòng"[464].

Hành động "trừ gian" này sẽ ở lại trong thơ Văn Cao như một lương tâm trầm uất suốt đời.

● Tại sao Văn Cao không sáng tác ca khúc nữa?

Sau ngày hòa bình lập lại, Văn Cao không sáng tác ca khúc nữa, lý do sâu xa được ghi trong bài viết của Hoàng Phủ Ngọc Tường: *"Đêm ấy, trong cuộc tâm tình nghệ sĩ của*

---

464 Doãn Tòng thuật lại, theo ghi chép của Bích Thuận, sđd, trang 197-198.

Văn Cao với những ngư phủ trên phá Tam Giang, tôi muốn biết một điều mà với tôi là một bí ẩn thuộc về đời ông:

- Tại sao sau kháng chiến chống Pháp, anh vẫn vẽ, vẫn làm thơ, nhưng người ta không nghe anh hát nữa?

- Hồi nhận lời viết Tiến Quân Ca, tôi không hề chuẩn bị trước để làm một bài hát, mà là một đặc nhiệm nguy hiểm của đội biệt động. Tôi là đội viện biệt động vũ trang. Nhiệm vụ của tôi là trong một đêm, cầm một khẩu súng, vào một thành phố để giết một người. Tôi đã làm xong việc ấy. Đó là chiến tranh và căm thù, đơn giản thôi. Những ngày đầu sau chiến tranh, tôi đã trở lại căn nhà ấy, thấy còn lại một gia đình mẹ góa con côi. Làm sao tôi có thể nói điều cần thiết nhất đối với tôi trong những bài hát sau đó? Nói về chiến công hay phải nói một điều gì khác? Nên tôi im lặng, và chỉ viết nhạc-không-lời.

Giữa tiếng sóng ồ ạt vỗ quanh tàu, dưới đêm sao, tôi vẫn nghe rõ giọng nói dịu dàng của Văn Cao, sâu thẳm đến lạnh người, như thể là tiếng nói đến từ một biển khác. Trời ơi, tôi đã dại dột chọc tay vào vết thương. Nhưng tôi nghĩ, chỉ có những nghệ sĩ lớn mới nuôi cho mình những bi kịch như vậy"[465].

Nhiệm vụ của Văn Cao đã được Nhất Linh làm sống lại với nhân vật Ngọc trong *Giòng Sông Thanh Thủy*. Vết thương Văn Cao cũng là vết thương Nhất Linh. Nhất Linh viết *Giòng Sông Thanh Thủy* hai năm trước khi tự vận, như một chúc thư văn học và chính trị gửi lại đời sau: cuối cùng trên dòng Xích Bích, Tào Tháo, Chu Du không còn nữa, chỉ còn lại tiếng thơ Tô Đông Pha, chỉ còn lại tiếng thơ, cho muôn đời...

---

465 Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Cảm nhận Văn Cao,* Hợp Lưu số 8, đặc biệt Văn Cao, tháng 12/1992.

● Lưu Hữu Phước và Tiếng Gọi Thanh Niên

Viết về *Tiến Quân Ca* của Văn Cao, không thể không nhắc đến *Tiếng Gọi Thanh Niên* của Lưu Hữu Phước, bài quốc ca của miền Nam trong thời kỳ chia đôi Nam Bắc.

Lưu Hữu Phước sinh ngày 21/9/1921 tại Cái Răng, Cần Thơ. Học nhạc từ nhỏ. 1940, ông ra Hà Nội học y khoa. Khoảng 1940-44, Lưu Hữu Phước nổi tiếng với những ca khúc lịch sử như *Bạch Đằng Giang, Ải Chi Lăng, Hát Giang trường hận, Hồn Tử sĩ, Hờn Sông Gianh, Hội Nghị Diên Hồng*... và một loạt hành khúc cho sinh viên như: *Ta cùng đi, Tiếng gọi thanh niên, Bài hát của thiếu sinh, Bài hát của thiếu nữ Việt Nam, Việt nữ gọi đàn*... Sau Cách Mạng Tháng Tám, Lưu Hữu Phước sáng tác *Khúc khải hoàn, Ca ngợi Hồ chủ tịch*... Ca khúc của Lưu Hữu Phước có ảnh hưởng rất lớn đối với thanh niên từ thập niên bốn mươi đến ngày nay. Trong cuốn sách của Mai Văn Bộ tựa đề *Lưu Hữu Phước con người và sự nghiệp*[466] không thấy ông nhắc đến hoạt động Quốc Dân Đảng của Lưu Hữu Phước. Điều đó dễ hiểu.

Tô Hoài kể lại, trong một dịp *"học tập bảo vệ Đảng*", ông nhận được lá đơn tự tố cáo của Nguyễn Hải Trừng: *"thành khẩn bộc lộ thời kỳ Mặt Trận Dân Chủ 1938 ở Sài Gòn, tôi đã sinh hoạt trong một tổ chức phản động là Quốc Dân Đảng. Tổ phản động này gồm ba người là: Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Hải Trừng"*[467]. Việc này xẩy ra khi Mai Văn Bộ làm đại sứ tại Paris và Lưu Hữu Phước đang ở trong B, Tô Hoài đưa lá thư cho Hà Huy Giáp, lúc đó là bí thư, nhưng Hà Huy Giáp ỉm đi.

Trong *Giòng sông Thanh Thủy,* đoạn Nhất Linh viết về nhân vật Ngọc (Quốc Dân Đảng) dẫn Tứ và Nghệ (Việt Minh) đến chỗ Ngọc sẽ đầu độc họ, trên đường xuyên núi rừng, phong cảnh hùng vĩ, Ngọc vừa đi vừa hát:

---

466 Mai Văn Bộ, *Lưu Hữu Phước con người và sự nghiệp,* Trẻ, 1989.

467 Tô Hoài, *Chiều chiều,* Hội Nhà Văn, 1999, trang 195.

"Chàng cất tiếng hát cao giọng, đi thật mau cho bước chân ăn nhịp với bài hát mà chàng cố hát thật mau:

Hồn nước muôn năm sống cùng non nước!
Ngày nay ta noi tấm gương anh hùng,
Dù khó thế mấy quyết cùng nhau bước,
Làm cho vang tiếng cháu con nòi giống Tiên Long.
Chàng chuyển sang điệp khúc:
Mau, mau đồng lòng, tay cầm tay, trông cờ nước, ta đều bước,
Tuốt gươm, thề với núi sông ...
Hồn nước muôn năm sống cùng ...

Bài hát ấy là của Lưu Hữu Phước, đảng viên Việt Quốc trong thời kỳ bí mật từ trong nước truyền ra, do Ninh dạy chàng. Ninh có nói là thay đổi lời đi đôi chút cho nó mạnh hơn và đúng bằng trắc hơn. Trời bắt đầu nắng mỗi lúc một gắt; Nghệ và Tứ không biết là bài hát gì nhưng vì nhịp quyến rũ nên cũng cố bước theo cho đúng nhịp"[468].

Chính Nhất Linh đã sửa lời bài *Bạch Đằng Giang* của Lưu Hữu Phước cho mạnh hơn và đúng bằng trắc hơn. Lời gốc của Lưu Hữu Phước như sau:

Hồn nước vẫn sống với trời, non, nước
Ngày nay, ta noi tấm gương anh hùng
Dầu khó thế mấy, quyết cùng nhau bước!
Làm cho rõ biết cháu con nòi giống Tiên Long!

Nhưng điều đó không quan trọng.

Quan trọng là Nhất Linh xác nhận: Lưu Hữu Phước theo Quốc Dân Đảng.

Sự kiện này đưa đến một số nghi vấn khác: trong thời kỳ kháng chiến, Lưu Hữu Phước sáng tác rất ít, tại sao? Lưu Hữu Phước thực sự là người của Việt Quốc hay Việt Minh? Nếu ông là người cộng sản, tại sao *Tiếng Gọi Thanh Niên* lại được chính phủ Nguyễn Văn Xuân (của Bảo Đại) chọn làm

468 Nhất Linh, *Giòng Sông Thanh Thủy*, tập 1, trang 214.

quốc ca? *Tiếng Gọi Thanh Niên* sáng tác tháng 4/1941. Ngày 2/6/1948, bản nhạc này được chính phủ Nguyễn Văn Xuân chọn làm quốc ca, và trở thành quốc ca của Việt Nam Cộng Hoà, sau 1954.

Sau ngày thống nhất đất nước, Lưu Hữu Phước, Bộ trưởng Thông tin văn hoá, ký ba Thông tri cấm lưu hành sách báo *"phản động"*. Bản đầu, số 218/CT. 75, ngày 20/8/75, trong có danh sách 130 tác giả bị cấm toàn bộ, với những tên tuổi như: Hồ Hữu Tường, Nguyễn Vỹ, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Tạ Tỵ, Doãn Quốc Sỹ, Mai Thảo, Võ Phiến, Nguyên Sa, Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Mặc Đỗ, Nguyễn Mạnh Côn, Chu Tử, Duyên Anh, Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, Tuý Hồng, Phan Nhật Nam...[469]

Tất nhiên Lưu Hữu Phước chỉ thi hành chính sách của Trung Ương. Nhưng người nghệ sĩ, khi ký những công hàm huỷ diệt tác phẩm văn học của nửa phần đất nước, hẳn không thể không nghĩ đến hậu quả. Riêng đối với người dân miền Nam hơn 20 năm gắn bó với *Tiếng Gọi Thanh Niên,* Lưu Hữu Phước đáp lại những ân tình của họ bằng một văn bản tiêu diệt tự do tư tưởng.

● Kháng chiến và văn nghệ sĩ

Trong hoàn cảnh cực kỳ phân hoá giữa Việt Minh và Quốc Dân Đảng, tại sao văn nghệ sĩ lại theo Việt Minh?

Vì phần lớn không làm chính trị.

Tạ Tỵ kể rõ các chặng đường từ bước đầu:

"Thủ đô Hà Nội chết cứng trong máu lửa. Cuộc giao tranh gay go ngay từ phút đầu giữa Trung Đoàn Thủ Đô, Tự Vệ Thành và quân đội Pháp. Phần lớn dân chúng đã tản cư. Mọi nhà đều đục tường thông qua nhau, theo lệnh của chính phủ từ mấy tháng trước. (...) Những con đường có cây to

469 Bản *Thông tri* và toàn bộ danh sách các tác phẩm, tác giả bị cấm, in trong cuốn *Văn hoá Văn nghệ... Nam Việt Nam* của Trần Trọng Đăng Đàn (nxb Thông Tin, 1993), phần *Phụ Lục II,* từ trang 697 đến 754.

được đốn ngã dùng làm chướng ngại vật cản đường xe bọc sắt của Pháp. Không khí trước ngày chiến tranh thật nghẹt thở. Vợ con tôi đã theo ông bà nhạc tản cư về quê cả tháng nay. Gia đình phía tôi cũng vậy. Tôi ở một mình vừa sáng tác vừa vẽ tranh cổ động"[470].

Và ông tìm cách ra khỏi Hà Nội, đi kháng chiến:

"Tôi chọn lối xuyên cửa ô Cầu Dền, qua làng Hoàng Mai rồi men theo bờ ruộng ra đường số 1, con đường xuyên Việt. Tôi chợt nghĩ đến Phạm Duy, không biết Duy ra khỏi Hà Nội bằng ngả nào? Sau này khi gặp lại nhau trong kháng chiến, Duy mới cho biết đã ra khỏi Hà Nội qua ngả Khâm Thiên, tức phường Dạ Lạc. Văn Cao có báo cho Duy biết nhưng Duy không tin".

Tìm liên lạc với tổ chức:

"Tôi ăn Tết với gia đình xong rồi đến làng Bài Trượng thăm vợ con, trước khi lên đường đi Việt Bắc (...) Từ phủ Đoan Hùng, tôi quay về Phú Thọ, mong gặp anh em quen biết có thể giới thiệu mình với một cơ quan nào đó. Người thì đông, anh em chẳng thấy ai. Nản quá, tôi cũng định quay về quê nhà, bỗng gặp Phạm Duy từ trong một quán cà phê đi ra. Nói chuyện hồi lâu, Duy cho biết sẽ đi Yên Bái. Nếu tôi muốn đi cùng, sáng mai đến chỗ này chờ. Tôi bằng lòng, hỏi Duy có phương tiện gì không? Duy trả lời không, sẽ đi bộ. Ngay buổi chiều hôm đó, tôi quay về chỗ tá túc đêm qua, bán chiếc xe đạp cho người chủ nhà để lấy tiền tiêu. Sáng hôm sau, tôi đeo ba lô đến nơi hẹn. Chờ một lúc, tôi thấy Duy đội mũ ca-lô, mặc bộ ka ki Mỹ, đeo cây đàn trên vai, còn một tay xách chiếc túi đựng quần áo. Chúng tôi cứ men theo đường xe lửa đã bóc hết đường rầy đi ngược lên. Duy không chịu đeo chiếc túi vải lên vai, vừa đi vừa ném về phía trước. Đến nơi, cúi xuống nhặt lên ném nữa. Tôi hỏi:

---

470 Tạ Tỵ, *Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi*, Thằng Mõ, 1990, trg 53.

- Sao làm vậy?

Duy nói:

- Đeo mệt xác, ném khoẻ hơn!

Trong lúc đi đường. Duy nói về chuyện mấy tháng trước. Sau khi ra khỏi Hà Nội, Duy tìm đường lên Vĩnh Phúc Yên, gia nhập đoàn Văn Nghệ Giải Phóng, rồi Việt Trì, bây giờ là Phú Thọ. Duy nói về dự tính tương lai với những bản dân ca. Duy lúc này đã nổi tiếng, chẳng những về hát, mà còn ở sáng tác nhưng ca khúc như Cô hái mơ, Gươm tráng sĩ, v.v...

Năm ấy, chúng tôi mới có 24 tuổi. Đi cùng với Duy rất vui vì Duy hay nói tục. Nhưng sau đó, lại trầm ngâm, có lẽ, trong đầu, Duy đang có dự tính nào đó, có thể, một ca khúc sắp ra đời. Sau cặp kính trắng, đôi mắt Duy long lanh như được chiếu dọi bởi luống ánh sáng kỳ dị. Đến Yên Bái, một thành phố đã tiêu thổ 95%, tôi gặp thêm Văn Cao. Cũng từ nơi đó, tôi và Duy chia tay. Tôi ở lại Yên Bái chơi với Văn Cao vài ngày. Mỗi chiều chúng tôi rủ nhau đi uống rượu, loại rượu để nặng. Văn Cao trông vẫn thế, sắc mặt tai tái, đôi mắt thật sắc với nụ cười chìm lắng. Có khác chăng chỉ là bộ bà ba nâu, bên ngoài phủ thêm chiếc trấn thủ"[471].

"Văn Cao nổi tiếng từ tiền chiến, trong kháng chiến và mãi mãi, mọi người đều nghe nhạc của anh. Nhưng anh, con người đa tài, ngoài nghệ thuật còn làm nhiều thứ khác.

Tôi lại chia tay với Văn Cao cũng ở Yên Bái. Văn Cao ngược Lào Cai để đi làm công tác tình báo biên giới được ngụy trang bằng một phòng ca nhạc. Phạm Duy có lên Lào Cai và hát ở phòng trà này. Bài Bên Cầu Biên Giới của Duy được sáng tác tại đó."[472]

Tạ Tỵ đi theo ban kịch truyền bá quốc ngữ được nửa năm thì bị sốt rét nặng, phải về Liên khu Ba (vùng Thái

---

471 Tạ Tỵ, sđd, trang 55-56.

472 Tạ Tỵ, sđd, trang 57.

Bình), vẽ tranh hí họa chống Pháp trên báo Cứu Quốc Thủ Đô, sáng tác văn thơ và dạy hội họa. Tạ Tỵ kể về nhiệt tình cách mạng của Văn Cao:

"Một chiều khi gần tối, bỗng Văn Cao và Nguyễn Đình Thi đến thăm. Thật không gì vui hơn, khi nằm một mình trong căn nhà vắng lại được bạn đến thăm. Văn Cao cho biết từ Liên khu 1 mới xuống công tác ở Khu 3, nhân tiện ghé chơi. (...) Nói chuyện tầm phào mãi cũng chán, tôi yêu cầu Văn Cao đọc lại bài thơ "Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc". Văn Cao tuy làm nhạc nhưng không có giọng hát, nhạc Văn Cao nổi tiếng nhờ tài hát của Phạm Duy, Bùi Công Kỳ v.v... Văn Cao cũng không có tài ngâm thơ, hát chèo như Hoàng Cầm, nhưng tiếng đọc thơ của Văn Cao nghe rất lạ, nghe ghê rợn như tiếng vọng từ đáy huyệt. (...) Tôi nhớ, đêm ấy Văn Cao nói với tôi:

- Này cậu, tôi có ý định giới thiệu cậu vào Hội Nghiên Cứu Chủ Nghiã Các-Mác[473]*cậu nghĩ sao? Tôi thẳng thắn trả lời, không thích chính trị, chỉ yêu nghệ thuật thôi! Trong đêm tối, tôi không nhìn thấy nét mặt Văn Cao và Nguyễn Đình Thi ra sao, nhưng qua câu nói của Văn Cao:*

- Không còn con đường nào khác đâu, nghệ thuật cũng phải phục vụ chính trị. Tôi chỉ biết nói thế. Còn tùy cậu. Vả lại, Hội cũng ở gần đây thôi, mất công gì đâu mà cậu ngại?

Tôi không trả lời nói lảng sang truyện khác. (...) Sáng hôm sau, Thi và Văn Cao đều dậy sớm, đi ngay".[474]

Tạ Tỵ và Phạm Duy cho biết trong thời gian đầu kháng chiến, nghệ sĩ được tương đối tự do sáng tác. Tạ Tỵ vừa vẽ tranh tuyên truyền (hí họa chống Pháp) vừa sáng tác nghệ thuật theo ý riêng mình và có thể triển lãm. Phạm Duy viết:

---

473 Tức là Đảng Cộng sản, ngày 11/11/1945, tuyên bố "tự giải tán", đổi tên thành *Hội nghiên cứu chủ nghiã Mác ở Đông Dương,* mục đích thu phục toàn dân.

474 Tạ Tỵ, sđd, trang 68-69.

"Trong ba, bốn năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc, những văn nghệ sĩ rời thành thị ra thôn quê đều là những người tự động tham gia cuộc chiến đấu chung và dù có gia nhập vào một tổ chức văn nghệ nào của chính quyền thì cũng được tự do đi lại, tự do sáng tác hay tự do biểu diễn. Dù Đảng Cộng Sản đã có đề cương văn hoá từ lâu[475] *quy định mọi sáng tác văn nghệ đều phải có "tính Đảng" nhưng chỉ tới khi có Đại Hội Văn Hoá lần thứ hai được tổ chức ở Bắc Kạn vào năm 1950*[476] *thì mới có những đường lối văn nghệ được Ban Chấp Hành đưa ra để văn nghệ sĩ ngoài Đảng học hỏi"*[477].

Trong không khí còn khá dễ thở, Văn Cao trở lại Liên khu ba năm 1949, và các họa sĩ có thể tổ chức triển lãm chung, Tạ Tỵ kể: *"Từ khi có Văn Cao ở gần, chúng tôi mỗi lần gặp lại bàn về chuyện làm phòng triển lãm. Văn Cao cũng vẽ được hai tấm tranh sơn dầu. Anh cho rằng vấn đề mở Phòng Tranh là việc nên làm vì từ ngày kháng chiến, Liên Khu 3 chưa có Phòng Tranh nào. Chúng tôi*[478] *giao việc liên lạc với chính quyền cho Văn Cao lo, còn tranh, có bức nào bày bức đó. (...) Văn Cao bày hai tác phẩm: Cây đàn đỏ và Đường cấm. Tôi có hai bức: Lìa phố và Chiến tranh. Cả bốn bức là sơn dầu, còn toàn là tốc họa, bút chì vẽ trên giấy. Tuy vậy, phòng Triển Lãm cũng nhiều người xem lắm, nhiều buổi phải chen lấn nhau, làm chúng tôi lên tinh thần, tuy sự trưng bày này hoàn toàn có tính cách biểu dương, chứ không bán. Có bán cũng chẳng ai mua. Sau khi phòng triển lãm bế mạc, Văn Cao gửi tôi giữ giùm hai tác phẩm nói trên vì lý do không ở đây lâu, nhưng sau khi tôi đã "dinh tê", đến năm 1951, quân Pháp đánh vào quê tôi, lấy đi tất cả!"*[479]

---

475 Tức là bản *Đề Cương văn hoá Việt Nam* do Trường Chinh viết năm 1943.

476 Tại đại hội này Hoàng Cầm phải treo cổ kịch thơ của mình.

477 Phạm Duy, *Hồi ký II*, trang 111-112.

478 Tức là Tạ Tỵ, Bùi Xuân Phái, Lương Xuân Nhị...

479 Tạ Tỵ, sđd, trang 99.

Trước đây, người ta chỉ biết bức tranh *Cây đàn đỏ* của Văn Cao bị phê bình, nhưng nội dung phê bình ra sao, không ai rõ. Nhờ những điều Tạ Tỵ viết về buổi phê bình tranh *Mưa Núi* của ông, chúng ta có thể đoán được cảnh phê bình tranh Văn Cao: *"Tôi vẽ thêm được bức tranh Mưa Núi, vẫn theo kỹ thuật lập thể. Một buổi chiều, tôi nhận được giấy mời đi tham dự buổi họp của Chi Bộ Văn Nghệ Liên Khu (...) Đúng ngày, tôi mang tranh đến một ngôi làng sát chân núi, bên kia sông Đặng. Đến nơi đã có nhiều anh em, tuy vậy, tôi quen rất ít, chỉ có Phái*[480]*, Huyền Kiêu và Lương Xuân Nhị, là bạn.(...)*

Sau vài giờ thảo luận sinh hoạt về chiều hướng sáng tác phục vụ kháng chiến, anh trưởng ban Tổ Chức (tôi không nhớ tên) đặt tác phẩm Mưa Núi của tôi trên chiếc giá bằng tre, xong mời anh em phát biểu ý kiến về tác phẩm đó. Mỗi người nói một cách, tôi phải trực tiếp giải thích, bào chữa cho tác phẩm mình có "nội dung cách mạng". Chắc đã được sắp đặt trước, anh trưởng ban Tổ Chức cho mời một số ông bà già, con nít chăn trâu đến trước bức tranh, hỏi mỗi người về cảm tưởng của họ. Thật khốn đốn cho tôi khi phải chống đỡ với những lời phát biểu vô cùng thật thà vì không hiểu gì về hội họa của những người dân quê mùa chất phác và các em bé chăn trâu, cắt cỏ. Trước cảnh huống đó, tôi muốn phát điên lên, nhưng cố nén giận, giữ vẻ mặt bình tĩnh tới phút chót.

Sau cuộc phê bình khốn khổ, tôi dự đoán được Tổ Chức Chi Bộ Văn Nghệ muốn đối xử với tôi ra sao rồi! Phái và Huyền Kiêu thông cảm, nhưng đứng về phía thiểu số, cũng chẳng đỡ đòn gì được, đành làm ngơ. Cuộc họp chỉ có một ngày. Đáng lẽ sau khi họp xong, tôi phải ở lại vui chơi với anh em, nhưng tối hôm đó, tôi về ngay, nại cớ ngày mai phải đi gặp trưởng Cơ Quan Bình Dân Học Vụ nhận công

---

480 Bùi Xuân Phái.

tác. Cũng kể từ đó, trong tôi đã dứt khoát, nếu có dịp thuận lợi là "dinh tê", chứ ở lâu không xong!"[481]

Đó là tình hình năm 1949. Và đó là lý do khiến những hoạ sĩ như Tạ Tỵ, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng... bỏ kháng chiến về thành.

Sự "dinh tê" của văn nghệ sĩ được Vũ Bằng cảm nhận như sau: *"Thế rồi tôi rinh tê. Tôi rinh, nhưng không có một chút mặc cảm, là vì tôi quan niệm rằng Hà Nội là đất nước mình, mình có quyền ở đó, còn vấn đề hèn hay không, đó là tùy ở nhân cách của từng người"*[482].

● Nhân Văn Giai Phẩm: Thơ Văn Cao

Sau khi hoà bình lập lại, Văn Cao không sáng tác ca khúc nữa. Ông trở lại với hội họa thì Hoàng Cầm đến mời ông viết bài cho *Giai Phẩm Mùa Xuân*.

Văn Cao nhận lời và làm thơ, vì chỉ có thơ mới nói được những bi đát sâu lắng trong nội cảnh của tâm hồn. Với sự *"đốc thúc"* của Hoàng Cầm, Văn Cao dành cả mùa xuân để sáng tác trường ca *Những người trên cửa biển.*

Lần này trở lại, Văn Cao như người anh cả, đứng lên chỉ mặt bọn người đã làm cho nghệ sĩ phải điêu đứng trong sáng tác từ 1949. Tác giả quốc ca hỏi tội:

"Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả"

"Chúng nó" đây là những khuôn mặt đã tạo dựng nên cái xã hội có nửa mặt:

"Một nửa thế giới
Một nửa tâm hồn
Một nửa thế kỷ

---

481 Tạ Tỵ, sđd, trang 102.

482 Vũ Bằng, *Bốn mươi năm nói láo*, trang 167.

Chưa khai thác xong".

"Chúng nó" đây là những con người:

"... những con người khôn ngoan
Không có mồm
Mắt không bao giờ nhìn thẳng"

"Chúng nó" đây là những vi khuẩn đã len lỏi vào sự sống của con người:

"Chúng nó còn ở lại
Trong những tủ sách gia đình
Ở điếu thuốc trên môi những em bé mười lăm
Từng bước chân các cô gái
Từng con đường từng bãi cỏ từng bóng tối
Mắt quầng thâm còn nhỡ mãi đêm"

Và một lần nữa tác giả *Tiến Quân Ca* kêu gọi mọi người đứng lên bảo vệ tự do như đã từng bảo vệ tổ quốc:

"Vào một cuộc đấu tranh mới
Để mở tung các cánh cửa sổ
Mở tung các cửa bể
Và tung ra hàng loạt hàng loạt
Những con người thật của chúng ta."[483]

Những lời kêu gọi thiết tha trên đây của Văn Cao làm rung động những tâm hồn yêu tự do, yêu nghệ thuật và yêu đất nước. Chỉ riêng những kẻ cảm thấy mình bị gọi là "chúng nó" mới động lòng. Xuân Diệu thốt lên những lời tàn nhẫn:

"Những tư tưởng Nhân văn-Giai phẩm luồn lách như chạch; không phải lúc nào nó cũng lộ liễu như trộn trấu, cát vào gạo cơm ta ăn, khiến ta biết ngay; mà có khi nó giấu tay rỏ thuốc độc vào những chai thuốc dán nhãn hiệu là "bổ". Văn Cao vào hạng có bàn tay bọc nhung như thế. Sự giả dối đã thành bản chất của Văn Cao, nên những cái lạc hậu, thoái hoá của Văn Cao cứ nghiễm nhiên mặc áo chân lý và tiến bộ. (...)

---

483 Văn Cao, *Anh có nghe thấy không,* Giai Phẩm Mùa Xuân.

Vào đời giữa thời phát-xít Nhật đổ bộ vào Đông Dương, lúc lớn lên nhạy cảm nhất lại là lúc chủ nghĩa đế quốc Pháp Nhật toát ra cái chất cuối mùa đồi trụy nhất, phản động nhất, Văn Cao đã ngộ độc rất nặng. (...)

Trong bài hát Trương Chi, Văn Cao gán cho người đánh cá cái khinh bạc tột độ của mình, không coi nhân quần ra cái gì hết, chỉ có một mình mình trên trái đất; hơi lạnh của chủ nghĩa cá nhân tuyệt đối toát ra như một âm khí nặng nề:

Ngồi đây ta gõ mạn thuyền
Ta ca trái đất còn riêng ta! (...)

Những ngày đầu Cách Mạng Tháng Tám, những ý nghĩ phiêu lưu, tìm thi vị xa vời, mới lạ trong cách mạng, là một chặng đường tất yếu của tư tưởng nhiều người; mơ ước "Hải quân Việt Nam", "Không quân Việt Nam" lúc đó cũng là một trạng thái của lòng yêu nước.

Nhưng ta phải giật mình khi nhớ lại những lời hát:
Ta là đàn chim bay trên mây xanh
Mắt nhìn trong khói những kinh thành tan…
… Ta là tinh cầu bay trong đêm trăng

Ta không trách trình độ chính trị của ta và của tác giả khi đó còn thấp. Chúng ta giật mình vì cái lối bay để mà bay, tự say lấy mình đó là tiền thân của cái lối "Hãy đi mãi" của Trần Dần; chúng ta giật mình hơn nữa là cái máu anh hùng chủ nghĩa làm cho Văn Cao sảng khoái nhìn thấy "những kinh thành tan" dưới bom đạn mà không chút xót thương, và "chiến công ngang trời" kia lại là của "không quân Việt Nam", mà không nói là chiến tranh tự vệ!

Mấy bài thơ năm 1946, 1948 của Văn Cao, có dụng ý tốt, nhưng cũng bộc lộ cái tính chất nghệ thuật của Văn Cao, thích khúc mắc, khó hiểu, thích loè lên lấp lánh, pha với sự lập dị, chộ người, toát ra một màu vị tan rã, như bài

"Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc", hay như bài "Ngoại ô mùa đông 46"[484]

Ta đi trong nhà đổ
Nghe thời gian đã nhạt khúc ân tình
Tuy phòng the chiếc áo trẻ sơ sinh
Còn xiêm hài dành hương phấn cũ…
...
Chữ Phạn, La-tinh nhường máu tô diệt Pháp
Gió lạnh khi qua viện tàng thư
Cháy cong queo, bìa giữ chút di từ
Kierkegaard, Heiddeger và Nietzsche… (...)

Giả dối như một con mèo, kín nhẹn như một bàn tay âm mưu trong truyện trinh thám, bài thơ Anh có nghe thấy không? lập lờ, ấp úng, bí hiểm, hai mặt, tuy nhiên công chúng cũng hiểu nó muốn nói gì. Văn Cao gọi ai là "chúng nó"? Đối lập với ai là "chúng ta"?

Bao giờ nghe được bản tình ca
Bao giờ bình yên xem một tranh tĩnh vật
Bao giờ
Bao giờ chúng nó đi tất cả (...)

Trên đất nước ta "chúng nó" là Mỹ-Diệm ở miền Nam, là tay chân Mỹ-Diệm ở miền Bắc, là bọn phá hoại Nhân văn-Giai phẩm; chúng nó là thế đấy (...)

Những con người của chúng ta, từ Cách Mạng Tháng Tám đến nay, xuất hiện, trưởng thành dần dần và mãnh liệt, để đi tới "lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu", dù chúng ta có còn khuyết điểm, nhược điểm gì, cả Trái Đất cũng biết chúng ta vĩ đại!"[485]

Lời Xuân Diệu chứng minh những điều Văn Cao viết về "chúng nó" là đúng. Xuân Diệu còn cho biết: Đảng chưa

---

484 Bài *Ngoại ô mùa đông 46* của Văn Cao đăng trên Văn Nghệ số 2, tháng 4-5/1948.

485 Xuân Diệu, *Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao*, in trong *Dao có mài mới sắc,* Văn Học, 1963, tr. 101-114. Bản điện tử của Lại Nguyên Ân, Talawas.

bao giờ hiểu nghệ thuật của Văn Cao. Tất cả những sáng tác tuyệt vời của Văn Cao đều bị Đảng coi là *"thuốc độc"*. Tóm lại, Đảng chỉ lợi dụng bài *Tiến Quân Ca.*

Nhưng Văn Cao không thuộc về Đảng. Văn Cao là nghệ sĩ của dân tộc. Nếu nhạc Văn Cao đưa người vào mộng, thì thơ Văn Cao xoáy vào thực tại cuộc đời: phần đời thực với *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*, *Ngoại ô mùa đông 1946, Những người trên cửa Biển* và phần nội tâm sâu xé của con người mất tự do trong các bài thơ ngắn, cô đọng đau thương *những giọt nước mắt không rơi ngoài tim mình* như lời thơ Thanh Tâm Tuyền.

Nhạc sĩ kỳ tài, Văn Cao còn là nghệ sĩ tiên phong trong hội họa và thi ca. Ngày nay khó tìm được họa phẩm của Văn Cao nhưng theo Tạ Tỵ, Văn Cao đã tự trình bày bìa những bản nhạc của mình bằng những bức tranh avant garde. Nếu tìm lại được những bản nhạc đó, ta có thể có ý niệm về hội họa tiên phong của Văn Cao.

Riêng về thơ, Văn Cao âm thầm tiếp tục con đường tân tạo. Mỗi chặng sống, ông viết những tác phẩm giá trị.

Cúi xuống lầm than của kiếp người, Văn Cao đã để lại những hình ảnh kinh hoàng của trận đói tháng ba năm Ất Dậu. Nếu không có *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc,* chúng ta không thể hình dung cảnh xe xác lăn trong xóm cô đầu của một Hà Nội bán linh hồn:

"Tiếng xe ma chở vội một đêm gầy
Xác trụy lạc rũ bên thềm lá phủ (...)
Ta về gác chiếu chăn gào tự tử
Trên đường tối đêm khoả thân khiêu vũ
Kèn nhịp xa điệu múa vô luân
Run rẩy giao duyên khối nhạc trầm trầm
Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc
Kiếp người tang tóc
Loạn lạc đòi nơi xương chất lên xương

Một nửa kêu than, ma đói sa trường
Còn một nửa lang thang tìm khoái lạc!"

Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc song hành với *Tiến quân ca*, là những tiếng bi thương và hùng tráng, báo hiệu một dân tộc vùng đứng lên kháng chiến. *Ngoại ô mùa đông 1946* viết về ngày toàn quốc kháng chiến, với một bút pháp độc đáo, kinh hoàng, gây hoang loạn:

"Phố chết rồi vài mảnh rêu ngơ ngác
The thé thất thanh giọng kêu tàn ác
Quạ dăm con, chập choạng cánh dơi xa
Lơ láo tường vôi, than bụi dui nhà (...)
Cửa ô cần lao
Cửa ô trụy lạc
Cửa ô trầm mặc
...
Mấy bức tường hồng rơi xuống cùng trâm
Một dẫy phố nghiêng cả thành Hà Nội
Dòng ngõ chợ xưa máu dâng ngập lối
Mấy xác quân thù bên cống tanh hôi
Sọ nứt toang óc chảy lẫn với rời
...
Xóm âm u
thành khối đen đặc quánh
Ơi ai ngâm mình hố lạnh
Gió mùa rú ghê người
Trăng đông dầm khe rãnh
Lưỡi lê đậu sương rơi..."[486]

Kháng chiến không chỉ là hào hùng, là hoa treo đầu súng. Kháng chiến còn là chiến tranh, chết chóc, tàn phá, kinh hoàng... *Ngoại ô mùa đông 46* là bài thơ khốc liệt nhất viết về toàn quốc kháng chiến. Trong những năm đầu, người nghệ sĩ còn được tự do sáng tác, mới có thể có *Chiếc xe xác*

---

486 Văn Cao, *Ngoại ô mùa đông 1946.*

qua phường Dạ Lạc và *Ngoại ô mùa đông 1946*, in trên báo *Tiên Phong*. Đó là Văn Cao thời kháng chiến.

Thời NVGP, Văn Cao viết trường ca *Những người trên cửa biển*, bài ca lịch sử của Hải Phòng, gắn liền với cuộc đời Văn Cao, từ lúc sinh ra dưới thời Pháp thuộc, đến cuộc kháng chiến đẫm máu mà Văn Cao đã phụng sự hết mình. Văn Cao chờ đợi một mùa xuân khi hoà bình lập lại. Nhưng ngày dứt chiến tranh cũng là ngày chia đôi đất nước, ngày những con bạch tuộc hiện hình:

Vợ xa chồng
Anh xa em
Chiều Nam chiều Bắc cùng sầu
Tiếng thức dậy niềm cô đơn nuối tiếc
...
Gió bão tới đâu cũng không một lúc
Rụng hết lá vàng
Ngày báo hiệu mùa xuân mầm nở mầm tàn
Có người tự nhiên tiếc bàn tay đã mất
Từng đêm đau nhức vết đạn trên mình
...
Trong những ngày khó khăn chồng chất
Kẻ thù của chúng ta xuất hiện
Những con rồng đất khi đỏ khi xanh
Lẫn trong hàng ngũ
Những con bói cá
Đậu trên những dây buồm
Đang đo mực nướng
Những con bạch tuộc
Bao tay chân cố dìm một con người
...
Tôi sẽ vạch từng tên từng mặt [487]

---

487 Văn Cao, *Những ngày báo hiệu mùa xuân*, Nhân Văn số 4, ra ngày 30/9/56

Văn Cao trở lại vị trí chiến sĩ trừ gian. Lần này cuộc cách mạng sẽ xẩy ra trên mặt trận tư tưởng, bằng ngòi bút. Và những kẻ sợ Văn Cao vạch mặt, chỉ tên đã hoảng loạn tinh thần, viết nên những điều cuồng dại.

Sau Nhân Văn, Văn Cao vẫn làm thơ. Lần này thơ ông đi sâu vào nội tâm con người. Một con người:

Có lúc
một mình một dao giữa rừng đêm không sợ hổ
có lúc
ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt
có lúc
nước mắt không thể chảy ra ngoài được[488]

Con người bị cầm tù tư tưởng âm thầm nhìn cái chết chậm, như bức tường vô tri, nhích dần, nhích dần trên thân xác mình:

Cái bức tường lê từng bước một
Đến gần chân chúng tôi hàng ngày
Chúng tôi nhìn chậm chạp
Châm chạp một cái chết
Thời gian đang héo thời gian đang rụng[489]

Bài thơ khóc Nguyễn Huy Tưởng, nhưng là điếu tang những người bị mất tự do. Bài thơ bị cấm trong ba mươi năm. Kiên trì, Văn Cao vẫn tiếp tục vẽ bằng thơ. Lần này ông phác họa chân dung một kẻ xưa kia là bạn:

Tôi đã gặp lại anh
Im lìm như một bức ảnh
Người anh dẹt như một con dao
Gây nhiều vết thương cho bạn hữu
Anh mang trong tôi nhiều bộ mặt
Đâu là cái cuối cùng
Chỉ còn hai con mắt

---

488 Bài *Có lúc*.
489 Bài *Với Nguyễn Huy Tưởng.*

Trắng dã không thể lừa dối[490]

Bài *Ba biến khúc tuổi 65*, tổng kết cuộc đời Văn Cao trong một tình thế chính trị không lối thoát. *Biến khúc I* viết về thời kháng chiến trừ gian:

Một người cho tôi con dao găm
Không biết dùng làm gì
đêm nhìn qua cửa sổ
một khoảng trống đen
tôi ném vào khoảng trống ...
bỗng nhiên có tiếng ngã ngoài sân
một người trúng tim đã chết
tôi không hề biết người ấy
tôi là kẻ không muốn giết người
chỉ biết bóng tối
mà tôi đã ném dao.

Những lời tự họa đớn đau của Văn Cao đã gặp những lời tự phán kinh hoàng của Nhất Linh trong *Giòng sông Thanh Thủy*: Khi anh đã lọt vào *guồng máy*, anh sẽ phải giết người, anh sẽ có *«bàn tay bẩn»* (JP Sartre).

Biến khúc II viết về bi kịch của người Nhân Văn:

Tôi đi trên phố
bỗng nhiên mọi người nhìn tôi
một ai đó kêu lên: thằng ăn cắp
tôi chạy
tôi chạy
tại sao tôi chạy?
tôi không hiểu tôi
cả phố đuổi theo tôi
xe cộ đuổi theo tôi
tôi chạy bạt mạng
gần hết đời
tới chỗ chỉ còn gục xuống

---

490 Bài *Về một người*.

tỉnh dậy mồ hôi chảy
tôi lại thấy tôi là người chưa phạm tội.

Chạy hết trọn đời, nhưng người Nhân Văn không tìm ra lối thoát. *Biến khúc III*, viết về mạng lưới công an trị:

Tôi rơi vào mạng nhện
mạng nhện cuốn lấy tôi
không còn cách gì gỡ được...
muốn phá cái mạng nhện
tôi không đủ tay[491]

Sau Nhân Văn, người ta vẫn không dám đối xử với tác giả *Tiến Quân Ca* như những thành viên khác của NVGP. Họ đành đưa Văn Cao vào bóng tối. Không nhắc tới. Không cho in. Không cho hát. Không cho vẽ. Trong ba mươi năm. Nhưng Văn Cao vẫn hiện diện. Hiện diện bằng sự vắng mặt. Người dân miền Nam vẫn nghe những tuyệt tác của Văn Cao qua tiếng hát những ca sĩ thượng thặng Thái Thanh, Hà Thanh, Khánh Ly... Và người dân miền Bắc mỗi lần chào cờ là một lần hội ngộ với Văn Cao.

Sau này, khi đất nước ra khỏi chế độ toàn trị, lá cờ đỏ sao vàng gắn liền với Đảng Cộng Sản sẽ không còn lý do tồn tại. Nhưng *Tiến Quân Ca* là xương thịt của một nghệ sĩ thiên tài, suốt đời đóng góp cho nghệ thuật chân chính và tranh đấu cho tự do của đất nước, sẽ mãi mãi còn lại. Bởi khó có tác phẩm nào thay thế được *Tiến Quân Ca* trong lòng dân tộc Việt Nam.

---

491 Bài *Ba biến khúc tuổi 65*.

Phụ bản

Hồi Ký của Văn Cao: **Bài Tiến quân ca** Sau Triển lãm Duy nhất 1944 (Salon unique), tôi về ở một căn gác hẹp đầu phố Nguyễn Thượng Hiền. Ba bức tranh sơn dầu của tôi tuy được bày vào chỗ tốt nhất của phòng tranh -nhà Khai Trí Tiến Đức- và được các báo giới thiệu cũng không bán nổi. Hy vọng về cuộc sống bằng hội họa tại Hà Nội không thể thực hiện được. Anh bạn nhường cho tôi căn gác ấy là người đã xuất bản mấy bản nhạc đầu tiên của tôi cũng không nói đến tiền nhuận bút. Tôi chưa bao giờ nhận được tiền nhuận bút về các bản nhạc viết hồi đó dù đã trình diễn nhiều lần ở các tỉnh từ Bắc tới Nam, tôi cũng không nhận được tiền nhuận bút về thơ và truyện ngắn. Đối với những cây bút trẻ, việc đăng báolà một vinh dự, người ta phải mua báo và còn phải mua thêm nhiều tờ để tặng người yêu, tặng bạn thân. Hàng ngày tôi nhờ mấy người bạn họa sĩ nuôi cơm và giúp đỡ phương tiện cho làm việc. Cuộc sống lang thang ấy không thể kéo dài nhiều ngày. Muốn tìm việc làm thì không có chỗ. Hà Nội lúc ấy lại đang đói. Những người bạn nuôi tôi cũng gặp nhiều khó khăn. Căn gác 45 ấy bắt đầu đông người thêm. Mấy người bạn tôi cũng bỏ	**Bài đã bị cắt:** **Tại sao tôi viết Tiến quân ca** Sau Triển lãm Duy nhất 1944 (Salon unique), tôi về ở một căn gác hẹp đầu phố Nguyễn Thượng Hiền. Ba bức tranh sơn dầu của tôi tuy được bày vào chỗ tốt nhất của phòng tranh -nhà Khai Trí Tiến Đức- và được các báo khen ngợi nhưng cũng không bán nổi. Hy vọng về cuộc sống hội họa, tại Hà Nội không thể thực hiện được. Anh bạn nhường cho tôi căn gác ấy, là người đã xuất bản mấy bản nhạc đầu tiên của tôi, cũng không thấy nói đến tiền nhuận bút. Tôi chưa bao giờ nhận được tiền nhuận bút về các bản nhạc viết hồi đó dù đã trình diễn nhiều lần ở các tỉnh từ Bắc tới Nam, tôi cũng không nhận được tiền nhuận bút về thơ và truyện ngắn. Đối với cây bút trẻ, việc đăng báo là một vinh dự. Người ta phải đi mua báo và còn mua thêm nhiều tờ để tặng người yêu, tặng bạn thân. Hàng ngày tôi nhờ mấy người bạn họa sĩ nuôi cơm và giúp đỡ phương tiện cho làm việc. Cuộc sống lang thang đó không thể kéo dài nhiều ngày. Muốn tìm việc làm thì không có chỗ. Hà Nội lúc ấy lại đang đói.

Hải Phòng để lên đây kiếm việc. Họ đều là những bạn hướng đạo, trước đây chưa hề phải lo đến chuyện làm ăn. Những năm trước, chúng tôi thường kéo tới nhà nhau để sống hàng tháng trời bắt gia đình phải nuôi hay thỉnh thoảng mang lều đi ra ngoài thành phố, về những nơi có núi đồi để cắm trại và ca hát. Đầu tiên chỉ có hai người tới ở chỗ tôi, sau đấy lại thêm ba người nữa và có người chỉ mới biết tôi qua bạn bè cũ. Căn gác 45 ấy biến thành một cái quán trọ của những người thất nghiệp. Hàng ngày mỗi người đi tìm bạn bè trên phố để kiếm ăn. Đêm đêm họ phải nằm trên cái sàn nhà lát gỗ. Bởi vì tôi chỉ có một cái giường nhỏ. Chủ nhà đã cắt điện vì tôi không có tiền trả hàng tháng. Tôi phải làm việc với một ngọn đèn dầu. Đã hết những câu chuyện tâm tình, những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên. Mỗi đêm, chúng tôi chỉ nhìn thấy nhau với những bộ mặt chán chường thất vọng. Đôi lúc có những bộ mặt thấy vui hơn. Đấy là dấu hiệu thắng lợi của những người gặp may trong ngày đã kiếm được một bữa ăn ngon, hay một số tiền nhỏ do bạn bè bố thí. Chúng tôi ở với nhau không ai nghĩ đến sự giúp đỡ nhau. Mạnh ai tìm lấy việc, tìm lấy cơm ăn hàng ngày. Không chí hướng. Không mục đích. Buổi sáng mỗi lần ra đi, tôi thấy họ vẫn nằm ôm nhau trên sàn gác, dù nắng đã chiếu vào giữa nhà. Thấy tiếng kẹt cửa họ cũng không buồn	

cựa quậy. Có lúc trở về vào hai ba giờ chiều tôi vẫn thấy họ nằm như buổi sáng. Anh em thường gọi đấy là những ngày phải "gồng". Tiếng "gồng" có nghĩa là chịu đói. Tiếng "gồng" theo nghĩa võ là chịu đòn. Nhóm thất nghiệp còn đặt thêm nhiều từ để chỉ sự đói: ép gồng, ép rệp. Những cảnh "gồng" thường diễn ra ở căn gác xép ấy. Người "giải gồng" -có nghĩa là giải được sự đói- giỏi nhất là tôi. Mỗi buổi sáng ra đi tôi thường không biết là sẽ đi đến đâu và sẽ làm gì, và chỉ cầu vào sự may mắn: may gặp bữa ăn ở nhà một người bạn, may gặp một người bạn mời ăn ở dọc đường. Nhờ những năm học vẽ tại Hà Nội, tôi có một số bạn nên gặp được nhiều may mắn. Nghe tiếng chân của tôi lao trên mấy bậc thang gạch, mấy anh bạn trở mình nói với nhau: "Nó hôm nay lại thấy về sớm?" Tôi nhìn các bạn nằm trên sàn gác nhịn đói không biết nói gì thêm. Cái đói đã trói chúng tôi lại một nơi này. Có một lần tôi khệ nệ xách lên gác một con cá mè dài gần một sải tay. Cả bọn vùng dậy. Mặt anh nào cũng sáng hẳn lên: - Ở đâu ra cái của này? - Bà mẹ Nguyễn Đình Phúc cho đấy. Tôi chỉ kịp ngồi thở, vì đã phải đi bộ xách cá từ Hàng Than về. Bà mẹ nhạc sĩ ấy nay đã mất rồi, nhưng chúng tôi không thể quên ngày chúng tôi nhờ mẹ mà có một bữa đỏ lửa trên sân gác, một bữa	

"tiệc" với món cá luộc chấm muối chưa bao giờ ngon lành và no nê đến thế. Hình như chỉ có một buổi tối hôm ấy thôi có người trong chúng tôi mới kể đến những chuyện về tình yêu. Thế rồi bỗng nhiên họ rẽ nhau đi hết trong một ngày. Và căn gác bỗng lạnh vắng. Bọn họ đã tìm được công việc trong một dịp may. Một người chủ thầu chợ Hà Đông nhận tất cả làm nhân viên dán vé. Riêng tôi không thể làm nghề ấy được. Tôi ở lại một mình trên căn gác vắng vào những ngày đầu thu năm 1944.	
Tin từ Hải Phòng lên cho biết mẹ tôi, các em và các cháu đang đói khổ. Bà đưa các đứa nhỏ ấy từ Nam Định ra Hải Phòng, dọc đường để lạc mất đứa cháu con anh cả tôi. Nó mới lên ba. Đôi mắt nó giống như mắt con mèo con. Có thể nó đã nằm ở dọc đường trong đám người chết đói năm ấy. Các anh tôi cũng đang chờ tôi tìm cách giúp đỡ. Năm ấy rét sớm hơn mọi năm. Tôi ngủ với cả quần áo. Có đêm tôi phải đốt dần bản thảo và ký họa để sưởi. Đêm năm ấy cũng dài hơn đêm mọi năm. Những ngày đói của tôi bắt đầu.	Tin từ Hải Phòng lên cho biết mẹ tôi, các em và các cháu tôi đang đói khổ. Bà đưa các đứa nhỏ ấy từ Nam Định ra Hải Phòng, dọc đường để lạc mất đứa cháu con anh cả tôi. Nó mới lên ba. Đôi mắt nó giống như mắt con mèo con. Có thể nó nằm ở dọc đường trong đám người chết đói năm ấy. Các anh tôi cũng đang chờ tôi tìm cách giúp đỡ. Năm ấy rét hơn mọi năm. Tôi ngủ với cả quần áo. Có đêm tôi phải đốt dần bản thảo và ký họa để sưởi. Đêm năm ấy cũng dài hơn mọi năm. Những ngày đói của tôi bắt đầu.
Căn gác được thêm một người ở. Anh Ph.D. là bạn thân của tôi từ Hải Phòng lên. Anh mới nhận nhiệm vụ làm giao thông của tổ chức giữa hai tỉnh Hà Nội và Hải Phòng. Từ lâu, tôi vẫn biết Ph. D là người của đoàn thể, và thường chú ý giúp đỡ tôi. Tôi nghĩ làm cách	

mạng là phải bỏ văn nghệ, con đường của người làm cách mạng là phải thoát ly phải hy sinh như gương chiến đấu của các đồng chí mà tôi đã được biết qua sách báo. Nhưng tôi vẫn có thể làm khác vói việc thoát ly -tôi chỉ hiểu tổ chức đến thế- có thể là bằng sáng tác, bằng những hành động mà tôi dễ làm nhất như nhận dạy hát cho một đoàn thanh niên về những bài ca yêu nước, hay tham gia những buổi biểu diễn giúp đỡ người nghèo v.v... Tôi chỉ biết sáng tác một số ca khúc về đề tài lịch sử, kêu gọi xa xôi lòng yêu nước. Tôi chưa dám làm một bài ca cách mạng. Và cũng chỉ có thế thôi, thanh niên học sinh và anh em hướng đạo đã khuyến khích tôi. Sự khuyến khích ấy đẩy tôi vào nghề nhạc sau này. Lần này, Ph. D. lên ở với tôi vào giữa lúc tôi đã muốn bỏ tất cả hội họa, thơ ca, âm nhạc, bỏ tất cả giấc mơ sáng tạo thường đêm đêm đan mãi đan mãi cái vành mũ triền miên trên đầu như một vòng ánh sáng thần thánh. Một hôm, Ph. D. nói với tôi: - Văn có nhớ anh Vũ Quý không? Anh ấy vẫn ở Hà Nội? Văn có muốn gặp anh ấy không? Tôi biết đồng chí Vũ Quý trong những ngày còn là vận động viên bơi lội ở Hải Phòng. Chúng tôi thường tập luyện hàng ngày trên sông Cấm. Từ khi biết anh bị mật thám Pháp bắt hụt, tôi hết sức khâm phục. Thế ra người cộng sản ấy vẫn hoạt động tại Hà Nội. Anh	

ấy vẫn nhớ đến tôi. Tôi đã gặp lại đồng chí Vũ Quý. Anh là người vẫn theo dõi những hoạt động nghệ thuật của tôi từ mấy năm qua, và thường khuyến khích tôi sáng tác những bài hát yêu nước như *Đống Đa, Thăng Long hành khúc ca, Tiếng rừng*, và một số ca khúc khác. Chúng tôi gặp nhau trước ga Hàng Cỏ. Chúng tôi vào một hiệu ăn, ở đấy quyết định một cuộc đời mới của tôi. Câu chuyện của chúng tôi thật hết sức đơn giản. - Văn có thể thoát ly hoạt động được chưa? - Được. - Ngày mai Văn bắt đầu nhận công tác và nhận phụ cấp hàng tháng. Ngày hôm sau anh đưa tôi lại nhà một đồng chí thợ giày ở đầu ngõ chợ Khâm Thiên để ăn cơm tháng và chờ quyết định công tác. Ngày đầu tiên chấm dứt cuộc sống lang thang của tôi. Vũ Quý đến tìm tôi và giao công tác: - Hiện nay trên chiến khu thiếu bài hát, nên phải dùng những điệu hướng đạo. Khoá quân chính kháng Nhật sắp mở, anh hãy soạn một bài hát cho quân đội cách mạng chúng ta. Phải làm như thế nào đây? Chiều hôm ấy tôi đi dọc theo đường phố ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ, theo thói quen cố tìm một cái gì để nói, tìm một âm thanh đầu tiên. Nhưng đường phố quen thuộc ấy thường không vang một âm	Tôi đã gặp lại đồng chí Vũ Quý. Anh là người vẫn theo dõi những hoạt động nghệ thuật của tôi từ mấy năm qua, và thường khuyến khích tôi sáng tác những bài hát yêu nước như *Đống Đa, Thăng Long hành khúc ca, Tiếng rừng*, và một số ca khúc khác. Chúng tôi gặp nhau trước ga Hàng Cỏ. Chúng tôi vào một hiệu ăn. Ở đây quyết định một cuộc đời mới của tôi. Câu chuyện giữa chúng tôi thật hết sức đơn giản. - Văn có thể thoát ly hoạt động được chưa? - Được. - Ngày mai Văn bắt đầu nhận công tác và nhận phụ cấp hàng tháng. Ngày hôm sau anh đưa tôi lại nhà một đồng chí thợ giày ở đầu ngõ chợ Khâm Thiên để ăn cơm tháng và cho quyết định công tác. Đây là lần đầu tiên chấm dứt cuộc sống lang thang của tôi. Vũ Quý đến tìm tôi và giao công tác: - Hiện nay trên chiến khu thiếu bài hát, phải dùng những điệu hướng đạo. Khoá quân chính kháng Nhật sắp mở, anh hãy soạn một bài hát cho quân đội cách mạng chúng ta. Phải làm như thế nào đây? Chiều hôm ấy tôi đi dọc theo đường phố ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ, theo thói quen, tôi cố tìm một cái gì để nói. Tìm một âm thanh đầu tiên. Những đường phố quen thuộc ấy thường không vang một âm thanh gì hơn những tiếng nghe

thanh gì hơn những tiếng nghe buồn bã hàng ngày. Hôm nay phố đông người hơn và lòng tôi thấy vui hơn. Tôi đang chờ nhận một khẩu súng và được tham gia vào đội vũ trang. Tôi đang chuẩn bị một hành động gì có thể là mạo hiểm hy sinh chứ không chuẩn bị để lại quay về làm bài hát. Thật khó nghĩ tới nghệ thuật lúc này. Tôi đi mãi tới lúc đèn các phố bật sáng. Bên một gốc cây, bóng mấy người đói khổ trần truồng loang trên mặt hồ lạnh. Họ đang đun một thứ gì trong một cái ống bơ sữa bò. Ngọn lửa tím sẫm bập bùng trong những hốc mắt. Có một đứa bé gái nó khoảng lên ba. Tôi ngờ ngợ như gặp lại cháu tôi. Đôi mắt nó giống như mắt con mèo con. Cháu bé không mảnh vải che thân. Nó ngồi ở xa nhìn mấy người lớn sưởi lửa. Hình như nó không phải con cái số người đó. Hình như nó là đứa trẻ bị lạc. Không phải cháu tôi. Nó đã chết thật rồi. Có thể nó nằm trong đám người chết đói dọc đường Nam Định - Hải Phòng. Tôi bỗng trào nước mắt và quay đi. Đêm ấy về gác tôi viết được nét nhạc đầu bài Tiến Quân Ca. Những ngày ấy, Ph.D. sống chung với tôi. Thỉnh thoảng anh về Hải Phòng và mang tiền bán tín phiếu do các cơ sở gửi lên. Quần chúng ủng hộ Việt Minh ngày càng nhiều. Các báo chí gửi về các cơ sở như "Cờ Giải Phóng" và "Cứu Quốc" cũng tăng thêm số lượng. Tất cả đã chất đầy mặt bàn tôi. Những tin	buồn bã hàng ngày. Hôm nay phố đông người hơn và lòng tôi thấy vui hơn. Tôi đang chờ nhận một khẩu súng và được tham gia vào đội vũ trang. Tôi đang chuẩn bị một hành động gì có thể là mạo hiểm hy sinh chứ không chuẩn bị để lại quay về làm bài hát. Thật khó nghĩ tới nghệ thuật lúc này. Tôi đi mãi tới lúc đèn các phố bật sáng. Bên một gốc cây, bóng mấy người đói khổ trần truồng, loang trên mặt hồ lạnh. Họ đang đun một thứ gì, trong một cái ống bơ sữa bò. Ngọn lửa tím sẫm bập bùng trong những hốc mắt. Có một đứa bé gái. Nó khoảng lên ba. Tôi ngờ ngợ như gặp lại cháu tôi. Đôi mắt nó giống như mắt con mèo con. Cháu bé không có mảnh vải che thân. Nó ngồi ở xa nhìn mấy người lớn sưởi lửa. Hình như nó không phải con cái số người đó. Hình như nó là đứa trẻ bị lạc cũng không phải là cháu tôi. Nó đã chết thật rồi. Có thể nó đã nằm trong đám người chết đói dọc đường Nam Định - Hải Phòng. Tôi bỗng trào nước mắt, và quay đi. Đêm ấy về căn gác tôi đã viết được nét nhạc đầu tiên của bài *Tiến quân ca*.

đấu tranh ở các tỉnh được phản ảnh đầy đủ trên báo chí. Tin chiến khu được mở rộng. Tin về các đội du kích thành lập. Rồi những tặng phẩm gửi tôi có thêm cả máy ảnh, ống viễn kính, cả những bì gạo. Mỗi vật tiếp nhận càng cho thấy sự phát triển lớn mạnh thêm của phong trào quần chúng đô thị và nông thôn. Những cột báo không đăng hết được danh sách những người ủng hộ Mặt trận. Tôi thường nhìn Ph. D. mỗi lần anh đóng gói đi xa và lắng nghe tiếng còi tàu ngoài ga Hàng Cỏ để chờ một chuyến tàu đêm. Dưới ngọn đèn dầu, bộ mặt ngăm ngăm đen của anh chỉ thấy ánh lên đôi mắt sâu và trầm lặng. Anh rất tôn trọng những phút tôi ngồi vào bàn với tập bản thảo và chờ đợi âm thanh của từng câu nhạc được nhắc đi nhắc lại. Anh là người chứng kiến sự ra đời của bài Tiến Quân Ca. Ngày nay tôi vẫn không sao nhớ nổi, dù nhớ đủ mọi kỷ niệm, rằng mình đã soạn nhạc bằng phương tiện nào, một cây đàn ghi-ta, một măng-đô-lin hay một băng-giô. Cũng không nhớ tôi đã mượn đàn của ai và ở đâu. Có thể bài "Tiến quân ca" đã soạn trên một chiếc ghi-ta Ha-oai chăng? Bởi vì tôi đã quen sáng tác trên cây đàn này những năm trước đây.	
Bài hát đã làm trong không biết bao nhiêu ngày tại căn gác hẹp số 45 phố Nguyễn Thượng Hiền bên một cái cửa sổ nhìn sang căn nhà hai tầng, mấy lùm cây và một màu	Bài hát đã làm trong thời gian không biết bao nhiêu ngày, tại căn gác hẹp số 45 Nguyễn Thượng Hiền, bên một cái cửa sổ nhìn sang căn nhà hai tầng, mấy làn cây và

trời xám. Ở đấy thường vọng lên những tiếng xe bò chở xác người chết đói đi về phía Khâm Thiên. Ở đấy hàng đêm mất ngủ vì gió mùa luồn vào từng khe cửa, vì tiếng đánh chửi nhau của một anh viên chức nghèo khổ thiếu ăn dưới nhà vọng qua những khe sàn gác hở. Ở đấy tôi hiểu thêm nhiều chuyện đời. Ở đấy có những tiếng đập cửa, những tiếng gọi đêm không người đáp lại. Tin từ Nam Định lên cho biết mẹ tôi và các em đã về quê và đang bị đói. Họ đang tìm mọi cách để sống qua ngày như mọi người đang chờ một cái chết thật chậm, tự ăn mình như ngọn nến. Tiếng kêu cứu của mẹ tôi, của các em, các cháu tôi vọng cả căn gác, cả giấc ngủ nhiều hôm. Tất cả đang chờ tôi tìm cách giúp đỡ. Tôi chưa được cầm một khẩu súng, chưa được gia nhập đội vũ trang nào, tôi chỉ biết đang làm một bài hát. Tôi chưa được biết chiến khu, chỉ biết những con đường ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ theo thói quen tôi đi. Tôi chưa gặp các chiến sĩ cách mạng của chúng ta trong khóa quân chính đầu tiên ấy, để biết họ hát như thế nào. Ở đây tôi đang nghĩ cách viết một bài hát thật giản dị cho họ có thể hát được *Đoàn quân Việt Minh đi* *Chung lòng cứu quốc* *Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa* Và ngọn cờ đỏ sao vàng bay giữa màu xanh của núi rừng. Nhịp điệu	một màn trời xám. Ở đây thường vọng lên những tiếng xe bò chở xác người chết đói về phía Khâm Thiên. Ở đây hàng đêm, mất ngủ vì gió mùa luồn vào tung khe cửa, vì tiếng đánh chửi nhau của một gia đình anh viên chức nghèo khổ, thiếu ăn, vọng qua những khe sàn gác hở. Ở đây tôi hiểu thêm nhiều chuyện đời. Ở đây đêm đêm có những tiếng gõ cửa, những tiếng gọi đêm không người đáp lại. Tin từ Nam Định lên, cho biết mẹ tôi và các em đã về quê và đang đói. Họ đang phải tìm mọi cách để sống qua ngày, như mọi người đang chờ đợi một cái chết thật chậm, tự ăn mình như ngọn nến. Tiếng kêu cứu của mẹ tôi, các em, các cháu tôi vọng cả căn gác, cả giấc ngủ chiều hôm. Tất cả đang chờ đợi tôi tìm cách giúp đỡ. Tôi chưa được cầm một khẩu súng, chưa được gia nhập đội vũ trang nào. Tôi chỉ đang làm một bài hát. Tôi chưa được biết chiến khu, chỉ biết những con đường phố Ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ, theo thói quen tôi đi. Tôi chưa gặp các chiến sĩ cách mạng của chúng ta, trong khóa quân chính đầu tiên ấy, và biết họ hát như thế nào. Ở đây tôi đang nghĩ cách viết một bài hát thật giản dị, cho họ có thể hát được *Đoàn quân Việt Nam đi* *chung lòng cứu quốc* *Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa…* Và ngọn cờ đỏ sao vàng bay giữa

ngân dài của bài hát mở đầu cho tiếng cồng vang vọng. *Đoàn quân Việt Minh đi* *Sao vàng phấp phới* *Dắt giống nòi quê hương qua nơi lầm than* Không, không phải chỉ có những học sinh khóa quân chính kháng Nhật đang hành quân, không phải chỉ có những đoàn chiến sĩ áo chàm đang dồn bước, mà cả một đất nước đang chuyển mình. Tên bài hát và lời ca của nó là một sự tiếp tục từ *Thăng Long hành khúc ca*: *"Cùng tiến bước về phương Thăng Long thành cao đứng"* hay trong *Đống Đa*: *"Tiến quân hành khúc ca* *Thét vang rừng núi xa..."* Lời trên đã rút ngắn thành tên bài *Tiến quân ca* và tiếng thét ấy ở đoạn cao trào của bài hát: *"Tiến lên! Cùng thét lên!"* *"Chí trai là đây nơi ước nguyền"* Trên mặt bàn chỗ tôi lam việc, tờ "Cờ giải phóng" đăng những tin tức đầu tiên về những trận chiến thắng ở Võ Nhai. Trước mắt tôi mảnh trời xám và lùm cây của Hà Nội không còn nữa. Tôi đang sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc. Có nhiều mây và nhiều hy vọng. Và bài hát đã xong. Tôi nhớ lại nụ cười thật hài lòng của đồng chí Vũ Quý. Da mặt anh đen xạm, đôi mắt và nụ cười của anh lấp lánh. Tôi nhớ lại nụ cười hồn nhiên của đồng chí Nguyễn Đình Thi khi xướng âm	màu xanh của núi rừng. Nhịp điệu ngân dài của bài hát mở đầu cho tiếng cồng vang vọng. *Đoàn quân Việt Nam đi* *Sao vàng phất phới* *Dắt giống nòi quê hương qua nơi lầm than…* Không, không phải chỉ có những học sinh khóa quân chính kháng Nhật đang hành quân, không phải chỉ có những đoàn chiến sĩ áo chàm đang dồn bước. Mà cả một đất nước đang chuyển mình. Tên bài hát và lời ca của nó là một sự tiếp tục từ *Thăng Long hành khúc ca*: "Cùng tiến bước về phương Thăng Long thành cao đứng" - Hay trong *Đống Đa*: "Tiến quân hành khúc ca Thét vang lừng núi xa..." Lời trên đã rút ngắn thành tên bài *Tiến quân ca* và tiếng thét ấy ở đoạn cao trào của bài hát: *"Tiến lên! Cùng thét lên!"* *"Trí trai là đây nơi ước nguyền"* Trên mặt bàn chỗ tôi lam việc, tờ "Cờ giải phóng" đăng những tin tức đầu tiên về những trận chiến thắng ở Võ Nhai. Trước mắt tôi mảnh trời xám và lùm cây của Hà Nội không còn nữa. Tôi đang sống ở một khu rừng nào đó trên kia, trên Việt Bắc. Có nhiều may và nhiều hy vọng. Và bài hát đã xong. Tôi nhớ lại nụ cười thật hài lòng của đồng chí Vũ Quý. Da mặt anh đen xạm. Đôi mắt và nụ cười của anh lấp lánh. Tôi nhớ lại nụ cười hồn nhiên của đồng

lần đầu tiên nhạc điệu bài hát đó. Thi nói với tôi: - Văn ạ, chúng mình thử mỗi người làm một bài về Mặt trận Việt Minh xem sao? Tôi không kịp trả lời, chỉ nhìn thấy đôi mắt của Thi thật lạc quan và tin tưởng. Sau này Thi làm xong bài "Diệt phát xít" trước tôi. Bài "Chiến sĩ Việt Nam" của tôi và bài "Diệt phát xít" của Nguyễn Đình Thi ngày ấy không có dịp in trên tờ báo do chúng tôi cùng phụ trách.	chí Nguyễn Đình Thi, khi xướng âm lần đầu tiên nhạc điệu bài hát đó. Thi nói với tôi: - Văn ạ, chúng mình thử mỗi người làm một bài về Mặt trận Việt Minh xem sao? Tôi không kịp trả lời, chỉ nhìn thấy đôi mắt của Thi thật lạc quan và tin tưởng. Sau này Thi làm xong bài "Diệt phát xít" trước tôi. Bài "Chiến sĩ Việt Nam" của tôi và bài "Diệt phát xít" của Nguyễn Đình Thi ngày ấy không có dịp in trên tờ báo do chúng tôi cùng phụ trách. Tháng 11-1944, tôi tự tay viết bài *Tiến quân ca* lên đá in, trong trang văn nghệ đầu tiên của tờ báo Độc Lập, còn giữ lại nét chữ viết của một anh thợ mới vào nghề. Một tháng sau khi báo phát hành, tôi từ cơ quan ấn loát trở về Hà Nội. Qua một đường phố nhỏ (bây giờ là đường Mai Hắc Đế) tôi chợt nghe tiếng đàn măng-đô-lin, từ một căn gác vọng xuống. Có người đang tập *Tiến quân ca*. Tôi dừng lại và tự nhiên thấy xúc động. Một xúc động đến với tôi hơn tất cả những tác phẩm, tôi đã được ra mắt, ở các rạp hát trước đây. Tôi nhận ra được vài chỗ nhịp điệu còn chưa hoàn chỉnh. Nhưng bài hát đã in ra rồi. Bài hát đã được phổ biến. Có thể những người cùng khổ, mà tôi đã gặp trên bước đường cùng khổ của tôi, lúc này đang cầm súng và đang hát. Tới lúc cần hành động, tôi lại bị ốm nặng, và phải đưa những vũ khí mà tôi giữ cho một đồng chí khác.

Ngày 17 tháng tám 1945, tôi đến dự cuộc mít-tinh của công chức Hà Nội. Lá cờ đỏ sao vàng được thả từ bao lơn nhà hát lớn xuống. Bài "Tiến quân ca" đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Chung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất lên vang theo những đoạn sôi nổi. Ở những cánh tay áo mọi người, những băng cờ đỏ sao vàng đã thay những băng vàng của chính phủ Trần Trọng Kim. Trong một lúc, nhưng tờ bướm in "Tiến quân ca" được phát cho từng người trong hàng ngũ các công chức dự mít-tinh. Tôi đã đứng lẫn vào đám đông quần chúng trước cửa nhà Hát Lớn. Tôi đã nghe giọng hát quen thuộc của bạn tôi, anh Ph.D. qua loa phóng thanh. Anh là người đã buông lá cờ đỏ sao vàng trên kia và xuống cướp loa phóng thanh hát. Con người trầm lặng ấy đã có sức hát hấp dẫn hàng vạn quần chúng ngày hôm đó, cũng là người hát trước quần chúng lần đầu tiên, và cũng là một lần duy nhất. Ngày 18 tháng tám 1945, đội thiếu niên tiền phong đến tìm tôi nhận nhiệm vụ mới. Tôi không biết giao việc gì cho các em lúc này khi chúng tôi không phải nhờ các em làm nhiệm vụ trinh sát như trước đây các em đã giúp chúng tôi hết sức thông minh và dũng cảm. Chúng ta sẽ bắt tay vào nhiệm vụ mới của cách mạng. Các em sẽ quay về với công việc học tập hàng ngày của các em. Lúc này... lúc này	Ngày 17-8-1945, tôi cố gắng đến dự một cuộc mít tinh của công chức Hà Nội. Ngọn cờ đỏ sao vàng được thả từ bao lơn nhà hát lớn xuống. Bài *Tiến quân ca* đã nổ như một trái bom. Nước mắt tôi trào ra. Chung quanh tôi, hàng ngàn giọng hát cất lên, vang theo những đoạn sôi nổi. Những cánh tay áo mọi người, những băng cờ đỏ sao vàng, đã thay những băng vàng *bẩn thỉu của chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim*.

chúng ta hãy tập hát. Một dàn đồng ca được thành lập ngay trong Trụ sở Hướng đạo tại phố Hàng Trống, nơi chúng tôi thường sinh hoạt với các em. Tôi đã hướng dẫn các em học bài Tiến quân ca để ngày hôm sau làm lễ chào cờ. Lúc ra về, một em bé khệ nệ ôm một gói khá to và nặng đến gặp tôi. Đó là một em làm việc quét dọn ở nhà in Lê Văn Tân. Tôi ngạc nhiên nhìn em mở bọc giấy ra trước mắt các đội viên: một gói truyền đơn mà em đã từng đêm trốn lại buồng máy, tự xếp chữ và in lấy được vài trăm tờ theo một khẩu hiệu em đã được xem trên báo Cứu Quốc ngày gần khởi nghĩa. Tôi chợt nhìn đôi mắt đầy tự hào của em. Đôi mắt em đẹp quá! Tôi ngờ ngợ như đã nhìn thấy đôi mắt ấy từ bao giờ. Đôi mắt của những đứa trẻ bị lạc!	
Ngày 19 tháng tám 1945, một cuộc mít-tinh lớn họp tại quảng trường Nhà hát lớn. Dàn đồng ca của Thiếu niên Tiền phong hát "Tiến quân ca" chào lá cờ đỏ sao vàng. Các bạn nhỏ này, ngày nay đã lớn tuổi rồi, có còn nhớ lại cái buổi sáng tháng tám nắng vàng rực rỡ ấy? Nhớ lại giọng hát của họ lẫn với giọng tôi vô cùng xúc động chào lá cờ cách mạng? Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng thét căm thù vào mặt bọn đế quốc với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng. Bài "Tiến quân ca" đã là của dân tộc Việt Nam độc lập kể từ ngày hôm đó. Nay nước Việt Nam dân	Ngày 18-9-1945, một cuộc mít-tinh lớn, họp tại quảng trường Nhà hát lớn. Dàn đồng ca của Thiếu niên Tiền phong hát *"Tiến quân ca",* chào lá cờ đỏ sao vàng. Các bạn nhỏ này, ngày nay đã lớn tuổi rồi, có còn nhớ lại cái buổi sáng tháng Tám, nắng vàng rực rỡ ấy, nhớ lại giọng hát của họ lẫn với giọng tôi, vô cùng xúc động chào lá cờ cách mạng. Hàng chục ngàn giọng hát cất lên, thét lên tiếng thét căm thù bọn đế quốc, với sự hào hùng chiến thắng của cách mạng. Bài "Tiến quân ca" đã là của dân tộc Việt Nam độc lập kể từ ngày hôm đó. 7-7-1976

chủ cộng hòa tiến lên thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bài "Tiến quân ca" hẳn còn vang vọng mãi tác dụng của nó như thuở nó ra đời trong buổi bình minh kỷ nguyên mới của lịch sử đất nước. Văn Cao (Sông Hương, số 26, tháng 7&8/1987, trang 1-5)	*Văn Cao, cuộc đời và tác phẩm* NXB Văn Học, 1996, trang 86-92

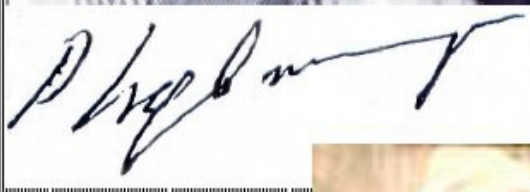

PHÙNG CUNG

Chương 14

Phùng Cung
(1928-1998)

Phùng Cung đại diện cho tất cả những người bị tù không có án, thậm chí không có lý do, hoặc lý do mơ hồ, khó hiểu, trong danh sách hàng trăm người bị xử lý nặng, hoặc hàng ngàn người đã *"liên hệ"* xa gần với NVGP. Mỗi cá nhân là một trường hợp, một chân dung bị xoá, bị đưa đi biệt tích, trong cô đơn, đau khổ.

Phùng Cung cũng là khuôn mặt văn nghệ sĩ cuối cùng trong nhóm NVGP mà chúng tôi đề cập trong loạt chân dung, trước khi bước sang địa hạt trí thức. Nhưng không có nghiã là những người khác không có giá trị: Mỗi con người đã góp phần vào việc đấu tranh cho dân chủ của Việt Nam từ đầu thế kỷ XX cho đến ngày nay là một giá trị, một biệt cách. Chỉ riêng trong phong trào NVGP không thôi, sự can trường của Hữu Loan không giống sự can trường của Phùng Cung. Lòng nhiệt tình của Phùng Quán không dễ ai sánh được. Sự đóng góp của Bùi Xuân Phái không giống Nguyễn Sáng. Kịch của Hoàng Tích Linh không giống kịch của Chu Ngọc. Mỗi văn nghệ sĩ là một chân dung mà ký ức lịch sử văn học sẽ không thể bỏ qua.

Sau này, khi nhắc đến Phùng Cung, người ta thường cho rằng ông bị tù vì truyện *"Con ngựa già của chúa Trịnh"*. Sự thực phức tạp hơn nhiều, nó nằm trong toàn bộ thái độ

sống và sáng tác của Phùng Cung. Chúng tôi cố gắng tìm hiểu những nguyên do sâu xa đã đưa Phùng Cung vào vòng tù tội và bị theo dõi suốt đời. Nguyên do ấy có thể tóm tắt như sau:

- Một tinh thần bất khuất không đầu hàng bạo lực cách mạng.
- Một sự nghiệp thơ văn chống lại chiến tranh và xây dựng văn hoá dân tộc.

● Tiểu sử Phùng Cung

Những chi tiết đáng tin cậy nhất về Phùng Cung nằm trong bài *Nhà thơ Phùng Cung* của Phùng Hà Phủ, con trai Phùng Cung, nay đã qua đời.

Phùng Cung sinh ngày 18/7/1928 tại làng Kim Lân, xã Hồng Châu, huyện Yên Lạc, Vĩnh Yên. Mất ngày 9/5/1998 tại Hà Nội. Quê tổ xã Cam Lâm, quận Đường Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây. Vĩnh Yên, quê sinh và Hà Tây, quê tổ của Phùng Cung đều thuộc tỉnh Sơn Tây. Họ Phùng ở Cam Lâm dòng dõi Phùng Hưng - Bố Cái Đại Vương.

Con trưởng một gia đình giàu có, đông con, được gửi đi trọ học ở Sơn Tây, đỗ bằng Trung Học - Brevet. Tháng 4/45, Nhật đảo chính Pháp, Phùng Cung trở lại quê nhà.

Tháng 9/45, Phùng Cung, 17 tuổi, được bầu làm chủ tịch liên xã Hồng Châu-Liên Châu. Tên xã do ông đặt và tên ấy vẫn còn giữ đến ngày nay. Phùng Cung làm chủ tịch xã được 2 năm.

Tháng 10/1947, Pháp chiếm Tông và Sơn Tây, Phùng Cung chạy lên Việt Bắc cùng mấy anh em trai. Tại quê nhà, gia đình bị liên lụy vì có con đi làm cách mạng.

Phùng Hà Phủ viết: "*Khi lên chiến khu, bố tôi làm công tác thông tin ở liên khu 10 Việt Bắc, cơ quan thông tin của ông Nguyễn Tấn Gi Trọng (bác sĩ Trọng sau này làm công tác chuyên môn tại trường Đại học Y Dược Hà Nội và là*

người giúp mẹ tôi theo học lớp dược tá khi hòa bình lập lại). Sau một thời gian làm tại liên khu 10, bố tôi mới chuyển sang an toàn khu và làm công tác văn nghệ, cùng sống và làm việc với các ông Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài,... cho đến khi hòa bình lập lại (1954) thì cùng với cơ quan Hội văn nghệ về tiếp quản thủ đô Hà Nội"[492].

Trong thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất, gia đình bị quy vào thành phần địa chủ cường hào. Cha ông bị đem ra đấu tố, rồi bị đưa lên giam giữ ở trại Cò Nỉ - Thái Nguyên. Khi ấy, Phùng Cung đang làm việc trong cơ quan văn nghệ kháng chiến ở Tuyên Quang. Phùng Hà Phủ viết: *"Khi bố tôi hay tin, bố rất nóng lòng chuyện nhà và muốn quay về xem sự thể ra sao. Những bạn bè thân trong cơ quan biết chuyện như ông Tô Hoài (lúc này đang phụ trách công tác Đảng - Đoàn của Cơ quan văn nghệ) đều khuyên nên thật bình tĩnh, chờ Đảng sẽ sửa sai. Trong một lần kết hợp đi công tác, bố tôi có tìm lên thăm và những mong gặp mặt để tiếp tế cho cụ. Nhưng tới nơi thì được một người bạn tù già cùng lán với cụ, chưa kịp nói câu nào vội vã dẫn bố lên khu đồi trọc phía sau trại giam và chỉ cho bố lùm đất mà ngọn sắn làm dấu mới héo lá. Quá bất ngờ trước cái chết của cụ, bố tôi quay ngay về Hà Nội, bố rất buồn, suy nghĩ nhiều và tránh mọi sự tiếp xúc với bên ngoài."*[493]

1954, Phùng Cung làm việc tại Hội Văn Nghệ.

1956, tham gia phong trào NVGP với truyện ngắn *Con ngựa già của chúa Trịnh*[494].

Theo Phùng Hà Phủ, tháng 5/1961 công an đến nhà bắt Phùng Cung. Theo Nguyễn Hữu Hiệu, đó là ngày *"19 tháng*

---

492 Phùng Hà Phủ, *Nhà thơ Phùng Cung,* in trong cuốn *Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản* (Văn Nghệ, California 2003); in lại trong cuốn *Phùng Cung* (Trung Tâm Dân Chủ Cho Việt Nam, Canada 2004) và Talawas.

493 Phùng Hà Phủ, bđd.

494 Đăng trên *Nhân Văn* số 4.

Chạp năm Canh Tý" tức ngày 4/2/1961. Ông bị tịch thu tất cả bản thảo và bị giam vào Hỏa Lò Hà Nội. Rồi bị chuyển đi các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Bái) và Phong Quang (Lào Cai), bị tù 12 năm, với 11 năm biệt giam, không có án.

Trong suốt thời gian từ khi ông tham gia NVGP năm 1956 đến tháng 5/61, khi ông bị bắt, Phùng Cung vẫn sáng tác đều, không hề nhụt tay trong sự lên án chế độ.

Tháng 11/1972 được tha về. Phùng Cung làm nghề thợ đinh, vẫn âm thầm sáng tác, vẫn bị công an đến thăm dò và kiểm soát. Ông phải chép bản thảo làm nhiều bản gửi nhiều nơi. Phùng Cung mất năm 1998 tại Hà Nội.

● Sáng tác chui, bản thảo gửi

1- Nguyễn Chí Thiện gặp Phùng Cung tại trại Phong Quang, năm 1970, Phùng Cung đang nằm bệnh xá vì bị lao phổi. Nguyễn Chí Thiện hỏi Phùng Cung:

"- Anh tù đã 10 năm rồi, anh sáng tác được nhiều không?

Anh Cung lắc đầu:

- Mấy năm đầu rầu rĩ, lo nghĩ về vợ con, không làm gì được. Sau đó có viết một số truyện ngắn trong đầu, nhưng không nhớ nổi. Đành chuyển sang thơ. Làm cũng được ít thôi, độ vài chục bài"[495].

2- Phùng Quán viết: *"Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ "Tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán". Rồi yên phận hẩm hiu, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay trần làm nghề đập đinh, phụ với vợ thêm nghề bánh rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn, sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, gỉ sắt, mỡ rán vẫn không át được mùi bút mực. Những lúc rảnh tay, anh ngồi buồn*

---

495 Nguyễn Chí Thiện viết về Phùng Cung, *Phùng Cung truyện và thơ*, Văn Nghệ, 2003, phụ lục, trang 397.

thiu, thỉnh thoảng chấm ngón tay vào đáy chén trà cặn, viết một từ gì đó lên mặt bàn"[496].

3- Về việc bản thảo và giữ gìn bản thảo, Ngô Minh thuật chuyện được Phùng Quán dẫn đến gặp Phùng Cung lần đầu, năm 1986: *"... rồi ông đứng lên mở ngăn kéo bàn lục tìm hồi lâu mới lấy ra một tập vở bé bằng bàn tay, bìa bọc giấy xi măng cáu bẩn, cầm đến đưa cho Phùng Quán: "Sau mười hai năm khổ ải, mình về với vợ con là mừng. Nghĩ đến tù đày là sợ lắm." Phùng Cung trầm ngâm: "Quán ạ, mình cố quên hết văn chương. Nhưng không sao quên được. Đêm ngủ thơ nó cứ kéo về trong mộng. Thế là mình thủng thẳng ghi lại từng ngày. Như là viết nhật ký. Đây là những bài thơ nho nhỏ về chuyện quê nhà. Nhưng bây giờ thì gay rồi. Hôm qua chú công an khu vực đến chơi nhà, bỗng dưng chú cười hỏi: "Chào bác Phùng Cung, nghe nói dạo này bác lại viết thơ nữa à?". Chỉ câu hỏi vui thế mà làm mình nổi da gà. Sợ quá. Tập thơ này toàn hình ảnh quê, mình viết để giải khuây, không có "chuyện gì" trong đó cả. Nhưng nếu mà họ thu mất thì tiếc lắm. Nên Quán cứ giữ hộ cho mình cho chắc."*(...)

Phùng Quán đưa cho tôi xem tập thơ chép tay. Tập vở mỏng, giấy học trò đen hùn. Trong đó mỗi trang chép một đến hai bài thơ, bài nào cũng ngắn, có bài chỉ hai ba câu, bốn năm câu giống như thơ Haiku của Nhật Bản, nét chữ Phùng Cung viết bằng bút chì rất nắn nót, hoa tay, nhưng không ghi tên tác giả. Tôi liếc bài thơ hai câu đầu tiên nhan đề là "Bèo", bỗng nổi da gà: Thơ ghê quá, bất ngờ quá:

Lênh đênh muôn dặm nước non
Dạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh (...)

Trên đường về lại Hồ Tây, tôi bảo anh Quán: "Anh để em giữ tập thơ này cho. Anh giữ cùng chưa chắc an toàn". Anh Phùng Quán đồng ý. Thế là tôi mang vào Huế. (...)

---

496 Phùng Quán, *Hằng Nga thức dậy,* tài liệu Talawas.

Tôi đã chọn hai chùm thơ Phùng Cung và đưa tập thơ viết bút chì của Phùng Cung cho nhà văn Nguyễn Khắc Phê, lúc đó là phó Tổng biên tập Sông Hương, sau này một giai đoạn là Tổng biên tập. Tạp chí Sông Hương năm 1988 đã hai lần giới thiệu thơ Phùng Cung với những bài như "Nghiêng lụy", "Bèo", "Người làng", "Chiếc lá rụng", "Cô lái đò", rút trong tập thơ chép tay bằng bút chì ấy. (...) Một lần nữ nhà văn Hà Khánh Linh ở Huế ra Hà Nội, anh Phùng Quán cũng dắt đến thăm nhà thơ Phùng Cung ở Bưởi. Buổi trưa hôm đó Phùng Cung, Phùng Quán và ông Nguyễn Hữu Đang mời cơm nữ sĩ Hà Khánh Linh. Tại bữa cơm ấy Phùng Cung cũng đưa cho Hà Khánh Linh một tập thơ chép tay như thế, nhưng viết bằng bút mực, chứ không phải bút chì (...) Mới hay, gửi cho bạn bè giữ hộ là cách "lưu trữ" thơ của Phùng Cung. Ông phải chép thành nhiều bản để đề phòng bị mất"[497].

● Xuất hiện lại trên văn đàn

Như vậy, lần đầu tiên Phùng Cung xuất hiện trở lại, là trên báo Sông Hương ở Huế năm 1988, với các bài thơ *Nghiêng lụy, Bèo, Người làng, Chiếc lá rụng, Cô lái đò.*

Nguyễn Hữu Hiệu, hay về nước, đã gặp Phùng Cung và nhiều nhà văn NVGP. Ông đem bản thảo của Phùng Cung ra hải ngoại: Bài *Dạ Ký* được đăng lần đầu trên tạp chí Khởi Hành của Viên Linh[498] năm 1996, tiếp đó là *Ván cờ khai xuân*[499] và *Phòng tuyên truyền địa ngục*[500].

Năm 1995, nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin in tập *Xem đêm* của Phùng Cung, gồm 200 bài thơ, là nhờ Quang Huy: *"Tập thơ Xem đêm được in ra có phần cổ vũ, trợ giúp không nhỏ về tài chính của ông Đang và sự nhiệt tình của*

---

497 Ngô Minh, *Phùng Cung trong tôi*, Huế, 3-2008, tài liệu Talawas.

498 Khởi Hành bộ mới, số 1 và 2, tháng 11 và 12/1996.

499 Khởi Hành số 4, tháng 2/1997.

500 Khởi Hành số 7 và 8, tháng 6 và 7/ 1997.

ông Quán. Ngoài ra cũng phải kể đến sự quý trọng và can thiệp trong khâu kiểm duyệt bài của nhà thơ Quang Huy, giám đốc nhà xuất bản đồng thời là người viết tựa cho cuốn sách này"[501].

Năm năm sau khi Phùng Cung qua đời, Lâm Thu Vân cho in tại hải ngoại, cuốn *Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản*[502] gồm tập thơ *Trăng ngục* (35 bài làm trong tù, từ 1961 đến 1972) và 11 truyện ngắn (10 truyện mới và *Con ngựa già của chúa Trịnh*). Năm sau, sách tái bản dưới tựa *Phùng Cung Trăng ngục*[503] có thêm 74 bài thơ trích trong *Xem đêm.*

Về tập *Xem đêm*, Nguyễn Hữu Đang viết: *"Khi đón nhận nó với cái tên ngộ nghĩnh Xem Đêm, tôi nghĩ ngay đến một câu của thi hào cổ đại Horace như đã "ứng" vào trường hợp này: "Tôi sẽ không chết tất cả" (nguyên văn tiếng La Tinh Non omnis moriar, ngụ ý sau khi thi sĩ qua đời, tác phẩm của ông là một phần con người ông sẽ còn sống mãi), Phùng Cung cũng hoàn toàn tin tưởng lạc quan ở sức sống lâu dài của thơ ông như Horace nghĩ về thơ mình. Và cố nhiên bấy lâu ông hằng mong thơ ông chóng thoát ly bản thảo để sức sống kia được thử thách và cống hiến"*[504].

Thơ Phùng Cung in được là nhờ Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, những người bạn "trong cuộc" và vài người "ngoài cuộc" như Quang Huy và nhóm Sông Hương ở Huế gồm Ngô Minh, Hà Khánh Linh và Nguyễn Khắc Phê ủng hộ. Còn sĩ phu Bắc Hà thì sao?

Xem đêm ra mắt độc giả trong nước từ 1995. Về mặt giá trị văn học, thơ Phùng Cung không thua gì những tập thơ khác của các nhà thơ NVGP đã được in ra. Nhưng "giới sành

---

501 Phùng Hà Phủ, bđd.

502 Văn Nghệ Cali, 2003.

503 Trung Tâm Dân Chủ Cho Việt Nam, 2004.

504 Nguyễn Hữu Đang, *Con người Phùng Cung và những bài thơ hay trong tập Xem Đêm,* Hợp Lưu số 94, tháng 4-5/2007.

thơ" ngoài Bắc không ai nhắc đến Phùng Cung. *Từ điển văn học* cũng không có mục từ Phùng Cung trong khi Văn Cao, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Phùng Quán, có. Phải chăng vì Phùng Cung chưa bao giờ được chính thức "*xoá án"?* Chưa bao giờ được công khai *"hồi phục"* như những thành viên khác của NVGP?

Nhưng còn một lý do nữa, có lẽ quan trọng hơn: là mọi người ngại, không nhắc đến Phùng Cung, không phải vì *Xem đêm,* mà vì nội dung toàn bộ tác phẩm của Phùng Cung, dù chưa in ở trong nước, nhưng đã có nhiều người biết hoặc đã đọc qua.

Cái khiến người ta ngại, chính là tư tưởng của Phùng Cung. Một tư tưởng độc đáo và ngược hướng với người cùng thời, kể cả các thành viên NVGP, trên nhiều địa hạt: *Bảo tồn văn hoá, lòng ái quốc, cách mạng mùa thu, kháng chiến chống Pháp, chiến tranh Nam-Bắc, tình nước và tình người.*

Chưa một nhà thơ, nhà văn nào dám đi xa như thế, viết những lời đả kích mãnh liệt như thế về quốc ca, quốc thiều, về cách mạng mùa thu, về chính sách văn hoá của Đảng Cộng Sản, về những tín điều đã mê hoặc người Việt Nam trong suốt thế kỷ qua. Và đó là lý do chính khiến Phùng Cung bị 12 năm tù. Rồi khi được thả, ông vẫn bị gạt ra ngoài vòng *"chấp nhận"* của nhiều người trong và ngoài đảng.

Tìm hiểu Phùng Cung là tìm hiểu dòng tư tưởng yêu nước đối lập với các quan niệm chính thống và đi ngược lại niềm tự hào dân tộc cố hữu, nhưng là kim chỉ nam cho một dân tộc mới: sự chuyển giáo dục chiến tranh và giáo dục hận thù thành giáo dục hoà bình và giáo dục văn hoá.

● Phùng Cung và lớp chỉnh huấn Thái Hà

NVGP bị dẹp cuối tháng 12/1956. Trong năm 57, mọi việc *"bình thường"* trở lại. Đến tháng 2/1958 sự thanh trừng mới bắt đầu với hai "*lớp học*" ở ấp Thái Hà.

1- Trần Dần ghi trong nhật ký một số dữ kiện về Phùng Cung, trước ngày *"đi học":*

27/2/58 PhCung: Tự dưng học hành đến nơi mà Liên Hiệp Hội lại cho PhCung nghỉ công tác. PhCung lo. Không hiểu sao. Có phải vì các ông ấy sợ mình ở đấy đâm lộ chuyện hay không? Hay là vì cái "giả vía", các ông ấy mới cho mình là cái thằng mất dậy? Đã mất dậy thì thôi, không dậy cho nữa, để mà biết tay!

Tôi hỏi PhCung xem cái "giả vía" ấy có gì?

PhCung cười hì hì, kể lại:

- Cũng chả có gì hì... Có một chỗ mình bảo là cái "đảng mạ", hì, nghiã là cái thứ mạ, mình gọi là "đảng mạ", dùng tiếng quê vậy cho nó vui, hì... Lại có chỗ mình định ca ngợi các đồng chí chuyên gia, thì mình cũng dùng tiếng quê, bảo là "các ông ấy béo mà phương phi như tây đoan", "cái đệm các ông ấy nằm mà bà con ta nằm thì ngủ không biết khi nào trở dậy được", hì, mình cứ nói tiếng quê vậy, để bà con nhân dân ta đọc cho nó vui... hì...

Tôi lo dựng tóc gáy:

Anh viết thế mà anh bảo là tiếng quê! Anh có bị đánh mất xác cũng không oan...

Về sau tôi hỏi HtLinh [505] Linh bảo:

- Cái thằng, nó cứ có cái lối thế. Nó cho rằng viết phải đả cái gì một tí thì mới oai. Anh em khỏi cười.

- Ai bảo nó thế?

- Ấy thế mới khỉ!... Nó cứ nghĩ như thế cơ chứ![506]

Vậy, trước lớp Thái Hà, Phùng Cung vẫn sáng tác đều và vẫn châm biếm Đảng.

2- Phùng Hà Phủ viết: *"Cũng khoảng thời gian này,*[507] *bố tôi bị đình chỉ công tác để làm kiểm thảo. Bố tôi ít đến cơ*

---

505 Hoàng Tích Linh.

506 *Trần Dần ghi*, Văn Nghệ, 2001, trang 238-239.

507 Tức là thời gian báo Nhân Văn bị cấm.

quan và chỉ viết ở nhà, một số bạn thân của bố tôi thường lui tới như Trần Dần, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng..."[508]

3- Phùng Quán cho biết về những truyện ngắn Phùng Cung viết trong thời kỳ này:

"Anh còn một tập truyện ngắn, đâu như tám truyện thì phải, cũng một dòng "ngựa, voi", chưa kịp ra mắt bạn đọc thì đã bị cái khách quan khắc nghiệt "bảo lưu" cùng với tài năng của tác giả. Truyện nào viết xong anh cũng đưa tôi đọc. Truyện nào cũng làm tôi say mê vì vẻ đẹp của ngôn từ. Cái kho ngôn từ dân dã của anh dường như vô tận. So với tất cả văn xuôi của tôi đã in ra, tôi có cảm giác mình là người nước ngoài viết tiếng Việt"[509].

Tóm lại, từ tháng 12/1956, khi NVGP bị đóng cửa, đến tháng 5/61, khi Phùng Cung bị bắt, ông vẫn sáng tác và các bạn đều đọc. Theo Tô Hoài, bài *Dạ Ký* lúc bấy giờ đã nổi tiếng lắm[510].

4- Phùng Cung là đảng viên, vào đảng ở Việt Bắc, chưa rõ năm nào. Vậy ông phải đi cả hai lớp chỉnh huấn Thái Hà. Tuy nhiên chưa bị tội nặng, vì ở lớp này, Hoàng Cầm, Lê Đạt đều "*bao che*" Phùng Cung, một nhà văn trẻ. Hoàng Cầm viết trong bài *"tự thú"* như sau: *"Tôi đi động viên Phùng Cung viết chuyện, và khi Phùng Cung viết "Con ngựa già của Chúa Trịnh" đưa tôi xem bản thảo đầu tiên, tôi có góp ý kiến vào việc diễn tả: "Chỗ con ngựa vào cung Vua, nên tả cho đáng ghét hơn". Khi Phùng Cung đưa bản thảo lần thứ hai, tôi chữa văn và thêm nhiều câu diễn tả cảnh đẹp, diễn tả con ngựa càng ngày càng béo"*[511].

---

508 Phùng Hà Phủ, bđd.

509 Phùng Quán, *Hằng Nga thức dậy,* tài liệu Talawas.

510 Theo Tô Hoài, trong *Cát bụi chân ai.*

511 *Những lời thú nhận của Hoàng Cầm*, Văn Nghệ, số 12, tháng 5 năm 1958.

Lê Đạt viết: *"Tôi lại viết "lời toà soạn" cho chuyện "Con ngựa già" của Phùng Cung đả kích và vu khống lãnh đạo văn nghệ không chú ý đến các nhà văn trẻ".*[512]

Hai lời *"thú nhận"* trên đây chứng tỏ Hoàng Cầm, Lê Đạt trong lớp Thái Hà, nhận mình chủ mưu, Phùng Cung chỉ là đàn em.

5- Về Thái độ của Phùng Cung ở Thái Hà ấp, Trần Dần ghi:

29/4/58 *Phùng Cung*

- Nhục lắm. Mẹ nó. Mình xin về nhà có được không nhỉ? (...) Có nên xin ra biên chế không? Tôi nhìn PhCung, ái ngại cho anh quá. Đâu như trong khi học tập, anh ta "hỗn" quá, bị đuổi khỏi lớp làm sao ấy... Tôi khuyên anh, rằng nên đầu hàng đi; rằng chỉ có một con đường, "họ" là chân lý, mình đầu hàng, là phải; rằng không nên xin ra biên chế, lúc này việc ấy có thể là một sự tiến công của tư tưởng thù địch; rằng không nên coi là nhục, oan ức gì nữa, mà cứ nghĩ lại xem tổng cộng cái bồ chữ mình đã chửi vào lãnh đạo nó to như thế nào, còn oan và nhục gì nữa? PhCung xem ý không thông gì lắm. Tôi thấy khổ! Một con người có cái gan "tử vì đạo" là PhCung, than ôi, cái đạo anh định chết vì nó chính là cái đạo phản cách mạng, sao mà anh chưa tỉnh ngộ ra hử anh?"[513]

Tại lớp Chỉnh huấn Thái Hà, Phùng Cung đã có thái độ cứng rắn, không đầu hàng, *"tử vì đạo"* như Trần Dần ghi.

6- Về tình trạng tự kiểm thảo của mọi người sau lớp Thái Hà, Trần Dần ghi:

Ngày 7/5/58 *Kiểm thảo sáng tác. Đảng đoàn HNVăn để cả một tuần này, để cho Nhân Văn viết lại cái phần kiểm thảo sáng tác! Theo như đồng chí NxSanh*[514] *nói, thì tuần*

---

512 *Những lời thú nhận của Lê Đạt*, Văn Nghệ, số 12, tháng 5 năm 1958.

513 *Trần Dần ghi*, trang 253.

514 Nguyễn Xuân Sanh.

trước, phần đó viết chưa sâu, vì thiếu thời giờ, thì tuần này viết lại cho kỹ. Mà phải viết sao cho có thể dùng in công khai được. Sau khi mọi người đã nộp cái của quốc cấm, nghiã là cả một đống những Nhân Văn Giai Phẩm rồi, thì tập trung ở cả một phòng, viết kiểm thảo (...) Anh nào anh nấy lăn vào viết. Lắm hình dung từ, lắm tiếng tự phê dao búa! (...) Tôi cũng không kém. Bao nhiêu hình dung từ phản cách mạng, phản động, phản Đảng, phản bội, chống chế độ, xét lại, tờ-rốt-kít. Không còn thiếu chữ gì. Giặc bút, viên đạn xét lại, mũi tên độc địa của chủ nghĩa cá nhân đồi trụy, chủ nghĩa vô chính phủ và đầu óc làm phản v.v... Tôi sáng tác thêm nhiều chữ nữa để mà miêu tả chân tướng mình, cho nó hết lòng một thể. Chắc các đồng chí lãnh đạo đọc một loạt kiểm thảo bọn tôi lần này thì phải bựt cười lắm đấy! "Trước kia thì nói nhẹ chúng cũng không nghe. Bây giờ thì chúng lại còn tự sỉ vả gấp triệu lần sự phê bình của lãnh đạo!"[515]

7- Về hình phạt và tâm trạng chung, Trần Dần ghi:

Ngày 12/5/58, *Tình hình*

Cuộc đấu tranh cứ lộn đi lộn lại từ B[516] *sang A*[517] *lại A sang B, báo chí cứ xoay đi xoay lại mãi, cứ như một cái nồi khổng lồ của vô sản chuyên chính, ninh đi ninh lại cho nó dừ cái chủ nghiã xét lại ra.*

Tôi chịu cái hình phạt ấy, nhẫn nại và đau khổ. Hình phạt của một người bị bung dừ. Không còn cách nào. Đây không phải là một sự trừng trị cá nhân; mà đây là "chúng ta" trừng trị một phong trào, một trào lưu tư tưởng của chủ nghiã xét lại... Tôi vừa là một tội nhân. Vừa phải cố tách mình ra, làm một đao phủ thủ, hành hạ cái chủ nghĩa xét lại có thực trong tôi và đám Nhân Văn"[518].

8- Về sự phải tố bạn để thoát thân, Trần Dần kể:

---

515 *Trần Dần ghi*, trang 257.

516 B là văn nghệ sĩ, theo cách xếp hạng của Đảng.

517 A là trí thức.

518 *Trần Dần ghi*, trang 260.

21/5/58 "Thực ra, trước khi HCầm báo cáo, tôi dự định là giữ VCao và ĐđHưng lại, như là "giữ một nửa thành phố, chỉ đầu hàng một nửa" (...). Nên báo cáo tổ, bị hỏi, bị dồn, bị truy nữa, tôi vẫn giấu quanh, không chịu thúc thủ cái một nửa thành phố đó! Đến lúc HCầm báo cáo, tức HCầm "rendre"[519] hai ông bạn quý đó rồi. PhVũ lên tố thêm VCao. LĐạt thì chỉ xác nhận, tố thêm tí tỉnh, còn bao che ĐdHưng nhiều. Hơn nữa, qua báo cáo HCầm và LĐạt, thì tôi "được" đưa lên mũi nhọn, "được" hội trường chờ đợi rất ghê!

Bão lúc ấy chầu chực trên đầu lâu tôi!

Tôi phải tính kế, vừa thoát thân, vừa thoát cho 4 thằng đang bị dồn đánh ghê gớm (TD, HC, LĐ, TPh)[520] vừa để sao cho VCao, ĐdH hiểu mình, qua cái ý ngầm của bản báo cáo!

Cụ thể, tức là tôi nghĩ rằng: "Bây giờ chỉ còn con đường duy nhất, là đầu hàng Đảng. Không có con đường khác. Mà đã hàng thì hàng thực sự, về sau mới thực sự trời êm bể lặng được. Thế nào là hàng thực sự? Hàng thực sự là: mỗi người phải ra mà gánh lấy cái phần bão, do chính trách nhiệm mình gây ra! 4 thằng đang chịu cái trận bão đó rồi, còn hai ông anh VCao, ĐdHưng thì xin nhờ đến vai hai ông, mang vác lấy cái phần của các ông! (...)

Thực tế đã chứng minh cho giá trị chủ trương đó. Quả nhiên: ngay trong lớp học, bão cũng đã ngàn đi dần dần trên đầu 4 thằng, và sau khi chuyển mạnh sang đầu 2 thằng kia ít bữa, rồi nó cũng ngàn đi.

Đến sau lớp học nữa, thằng nào cũng đều được sống trong một không khí được giải vây tương đối dễ thở. Với thời gian chắc nó sẽ càng dễ thở hơn.

---

519 Tức là *khai*.

520 Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Tử Phác.

Chỉ có cái là trong bộ 6[521] *thì có một sự phân hoá của trách móc, hằn thù... HCầm có vẻ khổ! LĐạt tự cho mình là oai nhất, "đúng nhất, vừa mức nhất, không vấy cho ai!", LĐạt cho tôi là "quá mức!", ĐdHưng thì kẻ cả: "Tất nhiên có chuyện đó, nhưng đã thuộc lịch sử rồi. TPhác khó hiểu, vừa ghét HCầm, vừa ghét VCao mà vẫn nối lại một phần, còn đối tôi thì lại bảo là: "anh ghê nhất, anh giỏi nhất!"*[522]

Đoạn nhật ký Trần Dần trên đây và đoạn Hoàng Cầm kể lại trong băng ghi âm về buổi "báo cáo điển hình" hơn 10 tiếng đồng hồ của ông tại Thái Hà ấp, hoàn toàn ăn khớp với nhau. Trần Dần giải thích tại sao phải đầu hàng trước hệ thống cưỡng bách thẩm vấn, cho biết điều kiện viết những bản tự thú và sự bắt buộc phải tố bạn để cứu mình. Trần Dần đã vạch trần chế độ toàn trị trong vài hàng nhật ký: Sự tan nát tình bạn và sự giẻ rách hoá con người.

● Phùng Cung bị bắt

1- Trần Duy viết:

"Chính việc anh Phùng Cung bị bắt làm tôi rất lo sợ và đau buồn, vì Phùng Cung không tham gia Nhân văn ngoài bài viết "Con ngựa già của Chúa Trịnh" nhằm vào một nhân vật có tên tuổi trong Hội Nhà Văn (Nguyễn Tuân). Nhưng vì anh Phùng Cung có một số bài viết đầu tay đã chuyển cho một số đàn anh xem để biết, rồi không hiểu bằng cách nào đó những bản thảo ấy lại vào tay lãnh đạo (tôi không được đọc những bài viết ấy) (...)

Tôi nhớ một cuộc họp tại trụ sở Hội Nhà Văn ở đường Nguyễn Du năm 1957 dưới sự chủ tọa của Hà Minh Tuân, Nguyên Hồng... người đến họp có đông văn nghệ sĩ, trong đó có Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần..., qua những câu hỏi, những lời xác minh của các anh Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần

---

521 Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Tử Phác, Đặng Đình Hưng.

522 *Trần Dần ghi*, trang 267-268.

Dần thì đúng Phùng Cung là tác giả của những bài viết kể trên, và như vậy bản án đã úp lên đời Phùng Cung một tội trạng. Tôi còn nhớ câu của Nguyên Hồng nói sau khi kết thúc buổi họp: "Các anh lúc bình thường đối xử với nhau có vẻ trí thức lắm, nhưng lúc có sự việc xảy ra thì các anh đối xử với nhau không bằng lũ chăn trâu!". Ra đến cổng anh Nguyên Hồng vỗ vào vai tôi và bảo: "Đã biết sợ chưa!".

Quả tình tôi rất sợ, tất nhiên sợ về pháp luật là chính nhưng sợ hơn nữa là nhân tâm con người, sự tàn nhẫn của những con người đã bán rẻ nhân phẩm của mình để tự cứu mình, giẫm lên sinh mạng của những người khác để tự thoát thân"[523].,

Theo Trần Duy, Phùng Cung bị tố năm 1957 và Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần là ba người tố. Nhưng so sánh với những tài liệu khác, không thấy nơi nào ghi 1957 có việc tố Phùng Cung. 1957 là năm tương đối yên tĩnh. 1958, tại lớp chỉnh huấn Thái Hà, Hoàng Cầm và Lê Đạt còn cố "gỡ tội" cho Phùng Cung. Vậy việc tố Phùng Cung, nếu có, phải xẩy ra vào khoảng 1960-1961, trước khi ông bị bắt, bị tịch thu bản thảo. Tóm lại Trần Duy đã nhớ nhầm năm.

2- Phùng Hà Phủ viết:

"Một buổi sáng như thường lệ, khi mẹ tôi đi làm (lúc đó hai anh em tôi còn nhỏ, chưa đến tuổi đi học), thì ở nhà, căn hộ mà gia đình tôi ở bị công an mang xe ô tô đến vây bắt khám xét. Sau khi khám nhà và tịch thu toàn bộ sách vở, tài liệu, bố tôi bị đưa ngay vào giam ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội). Đó là tháng 5/1961. Kể từ ngày đó mãi cho đến thời gian chuẩn bị ký hiệp định Paris (1973), tức là 12 năm sau, bố tôi mới được tha về nhà. Thời gian đầu bố tôi bị giam ở Hỏa Lò (Hà Nội), sau đó đưa lên Bất Bạt (Sơn Tây), rồi Yên Bình (Yên Bái), Phong Quang (Lào Cai)".

---

523 Trần Duy, *Một câu hỏi còn chưa được trả lời,* đăng ngày 10/7/2009, mạng Talawas.

"Bố tôi bị bắt và giam giữ nhưng không có án mà gọi là đi tập trung cải tạo (...)

Sau này lúc mãn hạn tù, mẹ tôi mới biết bố tôi luôn là đối tượng bị giam cấm cố trong xà lim, bị hạn chế tôi đa tiếp xúc với thân nhân.

Nhớ lại theo bố tôi kể "khi xẩy ra chuyện", buổi sáng đó bố tôi được triệu tập tới cơ quan để họp. Đến nơi thấy mọi người xung quanh đều có ý lảng tránh mình, thậm chí không dám mời nhau uống chén nước. Ngay cả những bạn rất thân và thường lui tới nhà cũng tìm cách lánh mặt. Ngay sau đó bố tôi bị đem ra kiểm điểm trước cuộc họp, mà thực chất gần như một buổi đấu tố thời "cải cách" của Liên Hiệp Hội Văn Học Nghệ Thuật (gồm cả đại diện bên văn nghệ quân đội). Chủ trì cuộc đấu tố gồm các ông Võ Hồng Cương, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Hoài Thanh... Cảm tưởng đau xót và ngỡ ngàng nhất đối với bố tôi là những bạn thường ngày chơi thân với bố tôi như vậy đều tham gia vào việc "đấu tố". Ngày hôm đó, ông Trần Dần là người đứng lên "tố" để hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm làm chứng dối. Tội chính mà bố tôi bị "tố" là mang lòng hận thù cách mạng sau cái chết của bố mình. Lôi kéo người khác cùng về hùa để lăng mạ lãnh đạo và còn viết nhiều chuyện chưa in khác - Tất cả nội dung đều tập trung vào lãnh tụ và Đảng Cộng Sản như: Dạ ký, Chiếc mũ lông, Quản thổi, Kép Nghề... Việc bố tôi bị bắt sau đó là do tham gia làm báo Nhân Văn nhưng theo mẹ tôi còn nhiều lý do khác nữa (...)

Từ ngày ra tù bố tôi sống như người bị câm, hầu như không quan hệ với ai ngay trong các bạn văn quen biết cũ. Những người trực tiếp "tố" bố tôi ngày xưa đều cảm thấy hối hận về việc làm của mình và xin lỗi bố tôi."[524]

Phùng Hà Phủ, không ghi rõ ngày "*xẩy ra chuyện*" -khi đó hai anh em mới 4 và 2 tuổi- chỉ ghi lại những gì trong ký

---

524 Trích *Phùng Cung truyện và thơ*, Văn Nghệ, California 2003.

ức nghe cha mẹ kể lại. Buổi đấu tố này, những người chủ trì khác với buổi Trần Duy kể lại, nhưng có những chi tiết đúng như Nguyễn Hữu Hiệu viết trên báo Khởi Hành.

3- Nguyễn Hữu Hiệu viết:

"Theo lệ thường, mỗi năm, hội viên Hội Nhà Văn phải viết bá cáo, tự thuật, tự đánh giá mình đọc trước lãnh đạo.

Trong đợt học tập cuối năm 1960, tổ học tập gồm bọn bốn người cứng đầu kia[525]*bị trực tiếp đặt dưới quyền tổ trưởng Võ Hồng Chương*[526]*. Trong đợt học tập này T.D.*[527] *được lãnh đạo viết bản tố cáo dài gần 40 trang viết tay chữ nhỏ như kiến. Phùng Cung bị đấu hai buổi trước đông đảo văn nghệ sĩ tại trụ sở Hội Nhà Văn; bị tố cáo là tên phản động ngoan cố nhất của "Nhân Văn Giai Phẩm".*

Chế Lan Viên, cuối cùng, mới đứng lên đề nghị phải lập tức điều công an đến khám nhà và bắt Phùng Cung.

Nỗi đau nhục bị phản bội chưa qua thì họa khám nhà đã đến. Ngày 19 tháng Chạp năm Canh Tý 1960 [tức là ngày 4/2/1961] *công an vây kín ngõ, xồng xộc vào nhà, lục soát, dầy xéo lung tung, tịch thu toàn bộ bản thảo gồm trên ba chục truyện ngắn và rất nhiều thơ. Phùng Cung bị đưa vào Hỏa Lò Hà Nội.*

Sau đó, ông bị đưa đi biệt giam qua các trại Bất Bạt (Sơn Tây), Yên Bình (Yên Bái), Bảo Thắng (Lào Kai) từ đầu 1961 đến cuối 1972. Suốt trong mười một năm bị biệt giam, Phùng Cung bị lao nặng và nhiều bệnh trầm kha khác. Khi được phóng thích ông vẫn bị quản chế rất chặt tại địa phương.(...)

Khi làn sóng Dân chủ đích thực -giấc mơ đời của Phùng Cung- dâng lên de dọa nhận chìm Liên Xô "Thành đồng của Cách Mạng" thì Phùng Cung không được làm "bất

---

525 Tức là Phùng Cung, Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt.

526 Chắc là Võ Hồng Cương.

527 T.D. chắc là Trần Dần.

cứ việc gì liên quan đến chữ nghĩa" kể cả việc làm gia sư. Đều đặn hàng tuần công an đến nhà thăm hỏi sức khoẻ, ngồi ì trong nhà khiến không ai dám bén mảng tới. Đông Âu sụp đổ, hình thức quản chế cũng theo đà "đổi mới" theo, nghiã là công an vẫn đến thăm hỏi như xưa nhưng nhẹ nhàng và ít thường xuyên hơn. Hiện Phùng Cung đang sống lây lất với gia đình tại một căn nhà âm u, lụp xụp tại vùng Quần Ngựa ngoại thành cũ"[528].

Nguyễn Hữu Hiệu viết rất rõ ràng, đúng trật tự lô-gíc, chắc chắn ông đã nghe Phùng Cung kể lại. Tóm lại, có 2 buổi đấu tố Phùng Cung cuối năm 1960, Trần Duy được dự buổi có Hà Minh Tuân và Nguyên Hồng chủ trì.

Hoàng Cầm kể chuyện Phùng Cung

Trong băng ghi âm, Hoàng Cầm nói về việc Phùng Cung bị bắt như sau:

Theo tôi, trong truyện *Con ngựa già của chúa Trịnh*, Phùng Cung ám chỉ một số người, như Nguyễn Công Hoan, Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi... trước kia có tài, bây giờ đi hầu hạ một cách đê tiện, chẳng khác gì con ngựa kéo xe cho bà Phi, ông Chúa. Vì bài đó, Phùng Cung mua sự căm ghét của những người mà anh ám chỉ. Truyện này không phải anh chủ ý đem đăng ở Nhân Văn, mà hoàn toàn là do tôi, vì anh quý mến tôi nên những gì viết xong anh thường đem cho tôi đọc và sửa. Việc đăng bài ở Nhân Văn là hoàn toàn do tôi.

Sau vụ NVGP, năm 1958, mọi người đã đi cải tạo đợt đầu rồi, nhưng người ta vẫn cho Phùng Cung làm việc ở Hội Nhà Văn, chứ không đuổi. Chỉ cho làm việc lặt vặt quét dọn nhà cửa, rửa ấm chén... với lương nhân viên hành chính độ 40 đồng. Còn hai anh Trần Dần và Lê Đạt, sau khi đi chăn bò ở Chí Linh với Tử Phác và Đặng Đình Hưng về, năm 1959

528 Nguyễn Hữu Hiệu, *Phùng Cung*, Khởi Hành, Bộ mới số 1, tháng 11/1996, trang 7.

chưa được cơ quan sắp xếp đi lao động chỗ khác, nhưng bắt buộc mỗi buổi sáng phải đến Hội Nhà Văn. Có Phùng Cung ở đấy, họ lại hội họp trò chuyện. Mà ba ông này thảo luận văn nghệ, thì có khi họ nói to, ví dụ anh Phùng Cung cứ chê cái thứ văn giẻ rách của hai ông Nguyễn Đình Thi, Hoàng Trung Thông, cả hai đều là lãnh đạo Hội Nhà Văn. Vì vậy họ thù. Ông Nguyễn Đình Thi lúc ấy là tổng thư ký, ông ghét cay ghét đắng Phùng Cung.

Sau khi đóng cửa Nhân Văn đến năm 1960, anh viết được độ 20 truyện ngắn[529], tôi đọc khoảng 10 truyện, tất nhiên không sắc nước bằng *Con ngựa già của chú Trịnh*, nhưng đều có những nét rất đặc biệt, mang tâm trạng bi phẫn. Lại có truyện rất humour, trào lộng và sâu sắc. Tôi và Lê Đạt mượn độ dăm ngày rồi trả lại, riêng anh Trần Dần mượn hơn một tháng. Thế mà không hiểu lầm sao, hai ông Nguyễn Đình Thi và Hoàng Trung Thông lại biết là anh vẫn viết văn chửi chế độ. Theo Phùng Cung, thì chính hai ông này gửi công văn sang Sở Công An Hà Nội, bảo Phùng Cung là phần tử xấu, nhờ Công An xử lý cho nghiêm. Phùng Cung nói với tôi: *"Hai thằng khốn nạn, khi tôi làm thư ký công đoàn, tôi lo cho tất cả mọi gia đình anh em, sao nó nỡ đối xử với mình như vậy!"* Tôi bảo: *"Chắc nó ghét cậu chứ gì!"*

Công an bịa chuyện có đơn khiếu nại của một thiếu nữ hàng xóm bị anh hãm hiếp, nên họ gọi anh lên để điều tra. Có lệnh khám nhà, bắt và tịch thu toàn bộ bản thảo, bản nháp các tác phẩm của anh. Tóm lại, chỉ có ba người mượn đọc là tôi, Lê Đạt và Trần Dần, mà tại sao anh bị bắt.

Sau này tôi nghe chị Thoa, vợ anh kể lại: Anh vẫn khăng khăng nghĩ như thế suốt mãi đến sau này, tức là trong 30 năm trời, anh cho rằng Trần Dần đã đem nộp tập truyện ngắn của anh cho Ban Tuyên Huấn hay Bộ Công An. Vì thế các ông Thông và Thi mới biết và làm công văn gửi Bộ Công

529 Có chỗ ông nói là hơn 10 truyện.

An nên anh bị bắt. Anh rất thù Trần Dần. Tôi nói thế nào cũng không nghe, anh luôn luôn trả lời: *"Ông đừng nhắc chuyện ấy với tôi, tôi không muốn nghe đến cái tên ấy nữa, thằng bán bạn, thằng phản bạn"*. Vì Trần Dần giữ một tháng mới trả, rồi anh bị bắt, nên anh nghi, anh nghĩ ra thế thôi, chứ còn Trần Dần có làm gì hay không thì làm sao ai biết được. Riêng tôi và Lê Đạt đều nghĩ rằng Trần Dần không thể làm cái việc như thế, vì có làm như thế cũng không gỡ lại được những kỷ luật mà người ta đã giáng xuống đầu anh. Những nghi ngờ nó gậm nhấm tâm hồn anh Cung, anh khổ quá nên anh gần như có lời nguyền là không bao giờ anh gặp lại Trần Dần nữa, lời nguyền đó anh nói với vợ anh.

Khi anh bị giam, tôi không dám viết thư vì sợ quản giáo kiểm soát, để phân trần cho Trần Dần. Tôi biết anh không nghi cho tôi, vì tính nết tôi anh quá hiểu, khi làm thư ký công đoàn, anh đã giúp đỡ vợ chồng tôi nhiều lắm, chính anh làm đơn cho tôi có hộ khẩu ở Lý Quốc Sư. Tôi chỉ nhắn chị Thoa mỗi lần lên thăm anh, nói hộ rằng: *"Tôi đã hỏi anh Dần, anh ấy bảo là mình đọc rất chậm, có khi nghiền ngẫm 2, 3 ngày một truyện, mà anh ấy viết có phải để in ấn gì đâu, nên mình không vội, chứ không cho ai mượn cả. Vậy Cung đừng nên hiểu làm như thế mà anh em thù ghét nhau vô lý lắm, tôi nhờ chị ấy nói thế"*. Nhưng về chị ấy kể: *"Anh vẫn khăng khăng, chuyện này không thể tha thứ được, Trần Dần với tôi là kẻ thù rồi, anh Cầm đừng thanh minh vô ích"*.

Đến khi được về, anh vẫn thế, anh bảo: *"Dù anh Trần Dần không phải như thế, nhưng cái chuyện kia nó đã ăn vào đầu tôi rồi, tôi yêu cầu anh đừng nhắc đến nữa, càng nhắc càng gợi sự đau lòng"*. Thế là tôi không dám nhắc đến nữa. Trong anh em có gì mâu thuẫn với nhau, như Văn Cao và Lê Đạt, có lần mâu thuẫn với Đặng Đình Hưng về vấn đề văn nghệ, tôi luôn tìm cách giảng hoà, nhưng lần này, trong 30 năm, tôi không làm được.

Mãi đến lúc sắp kỷ niệm ông Đang 80 tuổi, tất cả anh em xúm lại, cùng họp nhau ở nhà Phùng Quán bên cạnh Hồ Tây, thì lúc bấy giờ Phùng Cung mới đưa tay bắt tay Trần Dần: *"Thôi thế nhé Dần, thôi không có chuyện gì với nhau nữa nhé!"* Trần Dần chỉ nói: "*Không phải lỗi tại tôi".* Nhưng Phùng Cung không thân với Trần Dần được nữa nên cũng không đi lại. Phùng Cung ở gần nhà ông Đang, kết nghĩa anh em, vì cùng đi tù, tôn ông là anh cả, Phùng Cung, rồi đến Phùng Quán, là ba anh em kết nghiã.

Khi anh bị đi tù, chị Thoa lên thăm trên trại giam, từ Lào Cai phải đi thêm 40 cây số nữa, rồi rẽ đường rừng 10 cây số mới đến chỗ anh ở. Hai lần đầu nhất định không tiếp, anh đóng vai tàn nhẫn, cố ý để người vợ trẻ đẹp, trung hậu của anh phải giận, phải nản chí mà về đi lấy chồng khác. Khi về chị kể lại, thì tôi khuyên: Anh phẫn chí mới làm như thế, lần sau lên thăm, chị xin quản giáo cho phép ở lại, làm việc gì cũng được, miễn là được gặp chồng. Chị nghe tôi, lần sau chị xin quản giáo cho ở lại, chờ 2 ngày, thì anh phải tiếp, nhưng anh khuyên vợ: *"Em nên về nhà nuôi con, lập lại cuộc đời vì anh đi tù không biết ngày nào ra, có khi chết trong tù".* Chị bảo: "*Em quỳ xuống chân anh ấy em khóc, anh đừng nghĩ như thế, anh đã bị như thế này thì cố gắng làm việc, theo đúng kỷ luật, rồi thế nào cũng có ngày về."* Nhưng anh ấy kiên quyết: *"Em về lấy chồng đi!"*

Nhưng chị ấy cứ kiên trì lên thăm, vài lần sau, anh ấy mới thuận, vợ chồng lại chuyện trò âu yếm như trước.

Đến khi được về, sau này anh kể với tôi: Mình bị giam trong rừng thuộc huyện Hoàng Xu Phì, trong suốt 12 năm, không một ngày nào trông thấy mảnh trời xanh, vì ở rừng, chỉ thấy trời âm u qua kẽ lá. Đến khi được về, ra đến đường cái, bấy giờ mới biết mảnh trời xanh, anh như người bị mê sảng, mất phương hướng, mặc dù trời nắng, người anh run

lên, không biết đây là đâu, lạc cả hồn đi, không biết mình ở thế giới nào.

Tôi nhớ anh được về vào năm 1972 thì phải, B52 đang đánh Hà Nội trong 12 ngày. Anh về Hà Nội vắng ngắt, đèn phòng thủ lờ mờ, đèn báo động, về đến nhà cửa khoá không biết vợ con sơ tán ở đâu. Đêm ấy anh phải ngủ ngoài hiên và dự trận B52 ném bom ầm ầm.

Hôm tôi và bà vợ xuống thăm, chị khóc gọi: "Anh Cung ơi, anh Cầm, chị Yến xuống thăm mình đây này!" Tôi chưa nhìn thấy anh, không phải vì mắt tôi cận thị mà vì cái phòng tôi tối, không biết anh đứng đâu, mà chị Cung lại gọi, thì hoá ra, khi định thần lại, tôi thấy anh đứng trong góc nhà, ngay cạnh tủ chè, kề bức tường. Một bóng ma! Người nhợt nhạt, anh nói thều thào như sắp chết. Tôi phải hỏi lại chị: "*Cô Thoa ơi! Chú ấy nói gì đấy?"* Chị Thoa trả lời: *"Em cũng chả nghe rõ đâu, nhìn mồm thì em đoán là anh ấy nói rất vui trông thấy anh chị xuống thăm!"* Tôi chạy lại ôm hai cánh tay anh, thương vô cùng, người đúng như một hồn ma, gầy gò, sờ thịt nhão ra, đi lần từng bước, không nói được một câu nào cho ra lời. Nếu tôi không đăng bài *Con ngựa già của chúa Trịnh,* trên Nhân Văn thì anh đâu đến nỗi này!"[530]

● Lệnh bắt Phùng Cung

Tổng hợp những thông tin của Hoàng Cầm, Phùng Hà Phủ, Nguyễn Hữu Hiệu và Trần Duy, chúng ta có thể hình dung các sự kiện đã xẩy ra như sau:

Việc Phùng Cung nghi Trần Dần sẽ mãi mãi là một nghi vấn khó giải đáp, trừ khi có những tài liệu mới. Nhưng không loại trừ khả năng lãnh đạo biết việc này từ một nguồn tin khác. Hoàng Cầm không nhắc đến hai buổi học tập đánh Phùng Cung, có lẽ ông tránh kể lại việc này.

Tóm lại, có thể tóm tắt sự kiện như sau:

---

530 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

Lãnh đạo biết việc Phùng Cung viết văn chống Đảng. Một mặt, giao cho Nguyễn Đình Thi và Hoàng Trung Thông chính thức yêu cầu công an Hà Nội bắt. Một mặt, giao cho Chế Lan Viên tổ chức các buổi hội thảo đánh Phùng Cung. Vậy, Chế Lan Viên, Hoàng Trung Thông và Nguyễn Đình Thi, ba người ghét Phùng Cung, đều được Tố Hữu ra lệnh tổ chức bắt Phùng Cung.

Trong đợt học tập cuối năm 1960, T.D. tức Trần Dần, được chỉ định viết bản tố cáo dầy gần 40 trang, (Trần Dần từng xác nhận việc bắt buộc phải khai các bạn, để thoát). Sau bài tố của Trần Dần, Hoàng Cầm và Lê Đạt, phải đứng lên phụ họa, xác định các tác phẩm mà Phùng Cung viết trong mấy năm qua ngụ ý chống đảng là có thật.

Nhưng bi kịch này có thể đã được dàn dựng trước, vì những yếu tố sau:

1- Sau lớp Thái Hà, Phùng Cung vẫn tiếp tục sáng tác và tụ họp với Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt. *Thái độ ngông nghênh này làm gai mắt lãnh đạo.* Nguyễn Hữu Hiệu viết:

"Quả thật sau đợt học tập này, những anh em "Nhân Văn" hầu hết đều không dám qua lại nhà nhau, có chạm mặt ở cơ quan cũng không dám chào hỏi nhau, len lén cúi đầu sợ sệt. Riêng có bọn "chúng nó bốn thằng" là Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt vẫn bất chấp, ngang nhiên quấn quýt, trao đổi văn chương, chuyện trò rôm rả, nhất là khi gặp nhau tại trụ sở Hội Nhà Văn 84 Nguyễn Du. Thái độ ngông nghênh này làm gai mắt lãnh đạo. Khi nào Công an chịu bỏ qua?"[531]

2- Bài *Dạ Ký* đã "nổi tiếng" lắm trong giới văn học và công an lúc đó. Tô Hoài viết:

"*Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong chức "tay truyện ngắn nhất Đông Dương". Chắc là ở chiếu la đà với*

---

531 Nguyễn Hữu Hiệu, bđd.

nhau, ăn nói càng ganh nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đương viết tập Dạ Ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm"[532].

3- Cuối 1960, khi Phùng Cung bị gọi lên kiểm thảo, bộ ba Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt đã bị đánh tan nát rồi. Trần Dần, Lê Đạt, phải đi chăn bò, chăn trâu, bị cách ly, bị coi là *"hai tên nhà thơ phản động nhất nước"*. Trong hoàn cảnh ấy, liệu họ có quyền từ chối khi được lệnh phải tố Phùng Cung hay không?

4- Việc tố này, chẳng qua là một sự dàn cảnh, để cho mọi người thấy rõ "*bộ mặt tồi tệ của bọn Nhân Văn*", *"bọn chúng tố cáo lẫn nhau",* để Chế Lan Viên có cớ ra lệnh khám nhà và bắt *tên phản động ngoan cố nhất của Nhân Văn Giai Phẩm"*.

5- Chế Lan Viên đã đóng đúng vai trò Tố Hữu trong việc bắt Trần Dần, nhưng một cách *"đường đường chính chính",* không ám lậu như Tố Hữu.

6- Ba người nắm hồ sơ và hoạt động đắc lực nhất trong vụ thanh trừng NVGP là Chế Lan Viên, Hoàng Trung Thông và Đào Vũ. Nhưng Chế Lan Viên khôn khéo hơn hai người kia, không viết bài đánh nên không có văn bản *"để đời"*.

7- Chế Lan Viên thù Phùng Cung vì bài *Dạ Ký*, trong đó Phùng Cung vẽ biếm họa một số chân dung văn học, đặc biệt bốn vị *"tứ bất tử"*: Tố Hữu, Chế Lan Viên, Hoài Thanh và Nguyễn Đình Thi, lại có thêm *"đương kim vô địch khôn"* Tô Hoài, tuy Phùng Cung châm biếm cả các bạn đồng hành Quang Dũng, Văn Cao, Hoàng Cầm, Lê Đạt.

8- Chế Lan Viên không thể thích bức chân dung *"nhà thơ giả thiểu số"* chuyên dùng khoa *"Phật vận"* tức là "*lấy tiếng chó làm chuẩn để cân đong đánh giá sự gian ngay"* mà Phùng Cung viết về mình. Bài *Dạ Ký* đối với bốn vị lãnh đạo văn nghệ "tứ bất tử" là không thể chấp nhận được. Đặc biệt

---

532 Tô Hoài, *Cát bụi chân ai*, Hồng Lĩnh, California, 1993.

với Chế Lan Viên, sự "phạm thượng" có thể sánh ngang vụ Việt Bắc đối với Tố Hữu.

9- Phùng Cung bị bắt, bị tịch thu toàn bộ bản thảo gồm *trên ba chục truyện ngắn và rất nhiều thơ* - theo Nguyễn Hữu Hiệu. Vậy những bản thảo này hiện ở đâu? Từ khi được tha về cho đến lúc mất, Phùng Cung chỉ viết lại hay sửa lại được 10 truyện ngắn, in năm 2003 tại hải ngoại.

● *Dạ Ký*, tai họa của Phùng Cung

Dạ Ký là cái họa lớn của Phùng Cung, lớn hơn *Con ngựa già của chúa Trịnh.* Trong *Cát bụi chân ai,* đoạn viết về Phùng Cung, giọng Tô Hoài vẫn còn cay đắng:

"Phùng Cung công tác chạy hiệu ở văn phòng cơ quan hội văn nghệ từ trên Tuyên Quang. Ở rừng những việc tủn mủn không tên, sổ sách công văn, giữ thư viện, làm lán mới, đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan (...) Phùng Cung ở cơ quan nào dạt đến, không nhớ. Chơi vui, cũng không để ý, kể cả việc hệ trọng khi tôi nhờ Phùng Cung đi đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy. Đọc truyện ngắn "Con ngựa già của chúa Trịnh" của Phùng Cung đăng trên báo Nhân Văn tôi cũng gật gù đại khái "thằng này viết được. Nhưng còn hộc máu ra mới nên cơm cháo đấy, con ạ". Cũng điếu đóm tập tành như mình ngày xưa, đâu đã mà có sừng có mỏ ngay.

Phùng Cung bị bắt khi "nhân văn, nhân võ" đã được dọn dẹp êm ắng, đã tàn. Nghe nói Phùng Cung hay chén chú chén anh với đám Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, được phong chức "tay truyện ngắn nhất Đông Dương". Chắc là ở chiếu la đà với nhau, ăn nói càng ganh nhau, ngổ ngáo, bạt mạng. Đương viết tập Dạ Ký đã nghe đồn là tài lắm, dữ lắm". Tôi không thể tưởng tượng một Phùng Cung thế nào (...) anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vệt vết nặn trứng cá, cứ ngồi lừ rừ bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghẻ hay

lúi húi làm gì, con mắt đo đỏ mà tinh vặt, như chú mèo vờ lù rù rình chuột.(...)

Lại bao nhiêu năm sau. Chặp tối, một người bước vào cửa. Dáng cù rù, mặt tái ngoét, không phải Phùng Cung mà là cái bóng Phùng Cung trên tờ giấy tẩy chì mờ mờ.

- Phùng Cung phải không?

- Tôi đây.

- Còn sống về được à?

- Cũng không hiểu tại sao anh ạ.

(...)

- Anh có biết tôi phải tù bao nhiêu năm?

- Không biết.

- Vâng tù biệt giam mười một năm.

Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù. Thế nào, người tù biệt giam mười một năm vẫn hiện được về. Lại lâu lắm không gặp gỡ. Ngỡ như Phùng Cung đã làm sao. Nhưng một hôm, có người sở Công an đến nhờ tôi ký chứng nhận quãng công tác ở cơ quan sau cùng Phùng Cung làm việc, trước khi phải tù.

Tôi hỏi người công an trẻ tuổi cầm giấy.

- Chứng nhận để làm gì?

- Có liên tục công tác mới đủ năm cầm sổ hưu. Thủ tục ạ.

- Liên tục cả ở cơ quan nhà tù?

Anh công an cười hồn nhiên, chào"cám ơn bác".

Gần đây, nghe Phùng Cung đã chuyển lên ở trên Quần Ngựa. Nghe nói đã khấm khá, làm nhà mới. Lại thấy bảo đương viết, viết hồi ký-hay tiếp tục Dạ ký, sau hơn ba mươi năm, hả đời? Định có hôm nào lên chơi, vẫn chưa đi được"[533].

Những dòng trên đây phản ảnh khá rõ tình cảm Tô Hoài dành cho cái xóm "nhà lá" mà ông gọi mỉa là *"nhân*

533 *Cát bụi chân ai*, Hồng Lĩnh, California, 1993, trang 120-123.

văn, nhân võ". Đặc biệt Phùng Cung, hồi trẻ, được ông tả: *"anh chàng mặt xanh xám vỏ dưa hấu về vệt vết nặn trứng cá, cứ ngồi lừ rừ bên bàn đọc sách, có lúc gãi ghẻ hay lúi húi làm gì, con mắt đo đỏ mà tinh vặt, như chú mèo vờ lù rù rình chuột".* Phùng Cung làm việc dưới quyền ông ở Việt Bắc, chỉ được ông giao cho việc vặt, đại loại *"công tác chạy hiệu", làm "những việc tủn mủn", "đi chặt củi, vác gạo, khiêng người ốm ra trạm xá, thui chó liên hoan"...* Việc quan trọng nhất được ông sai là *"đưa chị Nam Cao xuống Hoàng Đan tìm mộ anh ấy".* Và khi đọc *Con ngựa già của chúa Trịnh,* Tô Hoài nghĩ *"thằng này viết được. Nhưng còn hộc máu ra mới nên cơm cháo đấy, con ạ".* Sau khi đi tù 12 năm, về, đến thăm, Tô Hoài rủa thầm *"Đã tù, lại biệt giam, lại bệnh lao, thế mà không chết rũ tù".* Ấy thế mà vẫn không chừa, vẫn lại chứng nào tật ấy: "*Lại thấy bảo đương viết, viết hồi ký-hay tiếp tục Dạ ký, sau hơn ba mươi năm, hả đời?"*

Những dòng này viết năm 1990, hơn bốn mươi năm sau khi NVGP bị dẹp, mà giọng Tô Hoài vẫn chưa thôi miệt thị và hằn học, như vậy đủ biết mấy trang *Dạ Ký* của Phùng Cung, nặng nợ đến thế nào.

Nhưng chỉ một *Dạ Ký* thôi, có lẽ chưa đủ để lĩnh án 12 năm. *Dạ Ký* là cái cớ làm cho những người lãnh đạo văn nghệ bị Phùng Cung biếm họa nổi giận. Chế Lan Viên ra lệnh bắt. Việc tù tội tiếp sau, dựa trên toàn bộ tác phẩm thơ văn của Phùng Cung, một nội dung phanh phui tận gốc chính sách tiêu diệt văn hoá của Đảng:

- *Giải thoát* và *Mộ phách* viết về sự bức tử nghề ca trù và tuồng chèo cổ.

- *Biệt tích* là sự thủ tiêu nghề thợ mộc chân chính.

- *Mạt kiếp* viết về cái đói và cái chết của người cùng đinh.

- *Phòng tuyên truyền địa ngục,* là cơ quan dụ con người bỏ trần gian về địa ngục.

Như vậy, Phùng Cung đã viết về chính sách thủ tiêu văn hoá của Cách Mạng Tháng Tám, từ 1956, tức là 6 năm sau khi Đại Hội Văn Nghệ Việt Bắc tháng 8/1950 ra chỉ thị tiêu diệt tuồng, chèo, cải lương. Phùng Cung viết về sự tiêu diệt *ca trù*, một sản phẩm văn hóa của vùng đất tổ Hùng Vương mà *Mộ phách* -mồ chôn phách- là tác phẩm tiêu biểu. Chính sách tiêu diệt văn hóa này, sẽ tiếp diễn với sự chôn vùi văn nghệ sĩ và trí thức của phong trào NVGP 1956; sự thiêu hủy văn học miền Nam sau 1975, và vẫn còn tiếp diễn đến ngày nay, qua việc cấm in, tịch thu sách, cách chức tổng biên tập, chia đất, bán rừng, coi nhẹ di sản văn hoá của tiền nhân... Một cái nhìn rộng và xa như vậy, phải được khởi viết từ đất Tổ: Phùng Cung, người Sơn Tây- nước Văn Lang.

● Đất Sơn Tây - nước Văn Lang

Sơn Tây phát sinh hai tài năng lớn trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm: Quang Dũng và Phùng Cung. Quang Dũng, sinh năm 1921, tại xã Phượng Trì, huyện Đan Phượng, tỉnh Sơn Tây [534] khắc hình ảnh vùng đất tổ, trong lòng người Việt qua những câu thơ:

Cách biệt bao ngày quê Bất Bạt
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vì"

Quang Dũng đi vào lòng người miền Nam, không qua ngả *Tây tiến* mà qua *Đôi mắt người Sơn Tây* do Phạm Đình Chương phổ nhạc. Đại gia đình Thăng Long -Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc- có một người anh chết ở Sơn Tây trong kháng chiến. Có lẽ vì vậy mà Phạm Đình Chương đã phổ thơ Quang Dũng bằng những nét nhạc tuyệt vời, với một tâm hồn đồng điệu. Nhờ bản nhạc *Đôi mắt người Sơn Tây* của Phạm Đình Chương mà nước *"sông Đáy chậm buồn qua phủ Quốc"* thấm vào hồn người nghe, dù họ chưa hề đặt chân lên đất tổ bao giờ. Những nghệ sĩ đích thực

534 Nay là Hà Tây, thuộc Hà Nội.

luôn luôn có khả năng truyền cảm vượt tuyến, nối tình đất và tình người trong khoảng khắc câu thơ, tiếng nhạc.

Còn Phùng Cung?

Là người thông bác lịch sử, gắn bó với đất đai và văn hóa lâu đời của dân tộc, Phùng Cung, đã dùng ngôn ngữ quật khởi, ngôn ngữ "rừng rú" của Đường Lâm để bảo tồn nền văn hoá Việt một cách quyết liệt và toàn diện.

Bài của Nguyễn Hữu Hiệu có một thông tin về nguồn gốc họ Phùng: "*Quê tổ của Phùng Cung ở Đường Lâm, Sơn Tây, vốn dòng dõi Bố Cái Đại Vương Phùng Hưng"*. Chỉ Phùng Cung mới có thể cung cấp cho Nguyễn Hữu Hiệu thông tin này. Bởi lẽ: *Đường Lâm* là một tên xưa, đã biến mất từ đời Lê, chỉ người gốc *Đường Lâm* mới biết, và khi Nguyễn Hữu Hiệu viết câu này năm 1996, Đường Lâm chắc chưa được "khôi phục" lại với khu *"di tích lịch sử - văn hoá Đường Lâm"*, như ngày nay - không rõ việc khôi phục này có do các nhà khảo cổ giám định, hay chỉ là sự bài trí màu mè để lôi kéo du khách. Vậy việc Phùng Cung dòng dõi Phùng Hưng là khả thể. Nhưng không phải cứ dòng dõi Phùng Hưng thì trở thành anh hùng. Dòng dõi và đất sinh có thể giải thích sự can trường và lòng bất khuất ở một con người như Phùng Cung. Sinh trưởng trong cái nôi lịch sử Sơn Tây, từ một ông tổ chống ngoại xâm lâu đời nhất, cái khí phách ấy, sự kiên cường ấy, không thể giải thích cách nào khác, ngoài đất đai, sông núi và lịch sử.

Nhưng trước hết, tại sao lại Sơn Tây?

Đất Sơn Tây có gì đáng nói?

Miền Bắc có bốn vùng đất cổ, đã trụ các kinh đô xưa:

1- *Sơn Tây* thuộc nước Văn Lang, có kinh đô của Hùng Vương, Trưng Vương, Phùng Vương, Ngô Vương.

2- *Ninh Bình,* có kinh đô Hoa Lư của nhà Đinh, nhà Tiền Lê, và những năm đầu nhà Lý.

3- *Hà Nội* là kinh đô Thăng Long của nhà Lý, Trần và Hậu Lê.

4- *Thanh Hoá* có Lam kinh còn gọi là Tây kinh, kinh đô đầu tiên của nhà Hậu Lê, do Lê Thái Tổ dựng lên ở phía đông núi Lam Sơn, có cung điện nhà Lê ở phủ Yên Trường và Vạn Lại, có gò Phật Hoàng, mộ tổ nhà Lê, có Thành nhà Hồ tức Tây đô, có Ly cung của nhà Hồ ở huyện Vĩnh Lộc...

Trong bốn vùng lịch sử này, Sơn Tây lâu đời nhất.[535]

Vì vậy mà trải các triều Đinh, tiền Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, Nguyễn, các vua, dù có thay đổi cách gọi, là *lộ*, là *trấn*, là *thành*, là *xứ*, không vua nào dám đụng đến *"bờ cõi"* Sơn Tây, bởi đó là *"bờ cõi"* Văn Lang, nơi vua Hùng dựng nước, với những bia, miếu, đền... những địa danh lịch sử như Phong Châu, Mê Linh, sông Hát... Sơn Tây còn là trung tâm của nước Việt cổ, một địa điểm chiến lược và tâm lý. Vì vậy, khi dàn trận Thu Đông 1947, Pháp đã chiếm Tông và Sơn Tây trước, để làm bàn đạp đánh lên Việt Bắc, cũng là một đòn tâm lý đánh vào não trạng người Việt.

● Sự sát nhập Sơn Tây vào Hà Nội

Năm 1965, chính quyền miền Bắc sát nhập Sơn Tây vào Hà Đông. Từ 1975 đến 1978, Sơn Tây bị nhập vào Hà Sơn Bình. Từ 1978 đến 1991, Sơn Tây bị nhập vào Hà Nội. Từ 1991, Sơn Tây bị nhập vào Hà Tây. Đến tháng 8/2007, thị

---

535 Sơn Tây là vùng rộng lớn, cuối thế kỷ XIX bao trùm nhiều tỉnh và thị trấn ngày nay: Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Tây và một phần Hoà Bình và Tuyên Quang. Sơn Tây có hai huyện quan trọng: Phúc Thọ và Bạch Hạc. Huyện Bạch Hạc, Việt Trì, thuộc phủ Vĩnh Tường, trung tâm Sơn Tây, là đất Phong Châu, kinh đô nước Văn Lang. Sông Lô và Sông Thao gặp nhau ở Ngã Ba Bạch Hạc. Huyện Phúc Thọ, thuộc phủ Quảng Oai, đời Hán là đất Mê Linh, nơi Hai Bà sinh trưởng và đóng đô. Có Hát giang, tức sông Đáy. Có xã Cam Lâm thuộc quận Đường Lâm là nơi sinh của Phùng Hưng và Ngô Quyền. Có đền Phùng Vương và Ngô Vương ở xã Cam Lâm. Có miếu Hai Bà ở xã Hát Môn. Hai huyện Tùng Thiên và Bất Bạt có núi Ba Vì (Sơn Tinh Thuỷ Tinh), ba ngọn rất cao, hình tròn như cái tán, lớn nhất đất Bắc.

xã Sơn Tây[536] được nâng cấp lên thành phố Sơn Tây và năm 2008, toàn bộ tỉnh Hà Tây bị sát nhập vào thủ đô Hà Nội. Đường Lâm[537] như vậy, ngày nay đã thuộc vào tỉnh Hà Nội. Những sự *"sát nhập"* này, luôn luôn thay đổi, tùy tiện và lúng túng, không do một chính sách địa lý, chính trị, văn hoá có nghiên cứu khoa học và lịch sử làm hậu thuẫn. Sự *"sát nhập"* toàn bộ thành phố Hà Tây -trong có thị trấn Sơn Tây- năm 2008 vào Hà Nội, cũng như việc ủi nền cổ thành Đại La để tổ chức lễ hội ngàn năm Thăng Long, bất chấp ý kiến các chuyên viên khảo cổ, có thể hiểu như thế nào?

- Rằng để kịp thời phục vụ *"lễ hội ngàn năm Thăng Long",* nên cần làm đẹp Hà Nội và *"bành trướng"* Hà Nội về phía đất tổ Hùng Vương chăng?

- Rằng để cho nhà, đất lên giá theo đúng đơn đặt hàng của bọn đầu cơ bất động sản?

- Rằng để xác định sự chính thống của nhà nước Việt Nam, tự xưng thời đại cộng sản như một triều đại *"mở nước",* ngang với triều Lý, với tổ Hùng Vương chăng?

Cái tin nhà nước định *"rời đô"* về chân núi Ba Vì, bất chấp ý kiến chuyên gia, lại càng làm cho các giả thuyết trên đây, đặc biệt giả thuyết sau cùng, thêm vững chắc.

Sự phá vỡ bờ cõi Văn Lang, bất chấp lịch sử, văn hoá, cũng không đi ra ngoài quỹ đạo truyện ngắn của Phùng Cung. Truyện của ông xoáy vào toàn bộ chính sách văn hoá của đảng cộng sản: từ việc loại trừ phần văn hóa cổ dân gian, như chèo, tuồng, ca trù, thời kháng chiến, đến sự phá vỡ vùng đất tổ Hùng Vương hiện nay, là hậu quả của chính sách phi văn hoá, xuất phát từ 1950 khi đảng cộng sản quyết định áp dụng chính sách *đấu tranh giai cấp* trên toàn lãnh thổ để xây dựng một nhà nước do *vô sản độc quyền lãnh đạo.*

---

536 Gồm hai huyện Phúc Thọ và Minh Nghiã, thuộc phủ Quảng Oai.

537 Theo Ngô Thì Sĩ và Phan Huy Chú, Đường Lâm là đất hai huyện Hoài An, (nay là huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây) và Mỹ Lương (nay là đất các huyện Chương Mỹ tỉnh Hà Tây và Lương Sơn, Kim Bôi, tỉnh Hoà Bình).

● Đấu tranh giai cấp giữa chó và người

Dưới mắt Phùng Cung, chính sách Đấu Tranh Giai Cấp của Đảng Cộng Sản, được mô tả dưới dạng phân chia giai cấp giữa *Chó* và *Người*.

Giai cấp mà ông gọi là *chó* thuộc thành phần những kẻ *"úp mặt hôn mê liếm lộc",* những kẻ "*cưỡng bức ngữ ngôn",* những kẻ *"tình nguyện trọn kiếp bút nô",* những kẻ *"ngợi ca tội ác"...* Và trong bối cảnh "*chó đô hộ người*" các công tác dò thám, hãm hại, thủ tiêu, đều đạt đỉnh điểm. Sự triệt tiêu văn hoá trở thành quốc sách. Chưa một ngòi bút nào đi xa đến thế trong việc mô tả xã hội toàn trị. Tư tưởng chủ đạo này chi phối toàn bộ tác phẩm của Phùng Cung, mỗi truyện có nhiệm vụ biểu trưng một vấn đề mà nhà văn đưa ra. Cách nhìn xã hội chó-người này, sẽ sống lại trong tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp, sau này. *Con ngựa già của chúa Trịnh,* tác phẩm duy nhất của Phùng Cung in trong thời NVGP, tả bọn quần thần như những con ngựa già suốt đời nhắm mắt bịt tai cúi đầu phủ phục lãnh tụ.

Ngay từ *Con ngựa già của chúa Trịnh*, Phùng Cung đã lấy đất Sơn Tây làm nền cho tác phẩm: từ vùng đất tổ, phát xuất giống ngựa nòi, sau này sẽ bị thế quyền làm mai một, mất giống. Lão Nông là hình ảnh đầu tiên về người nông dân chân chính của vùng đất tổ.

Con ngựa già của chúa Trịnh viết về con thần mã Kim Bông của lão Nông ở Sơn Tây, có sức vượt nghìn dặm với cái thế *"cao đầu phóng vĩ"* của nòi ngựa chiến. Bất cứ cuộc đua nào, Kim Bông cũng đứng đầu. Tin đồn đến tai chúa Trịnh, nhà chúa bèn cử người đến mua con ngựa quý. Dù luyến tiếc vô cùng, lão Nông bắt buộc phải giao ngựa về kinh. *"Kim Bông phi như gió, trả lại đằng sau những đồi núi, cây cỏ hỗn độn của vùng Sơn Tây. Chỉ trong nửa ngày đã về đến Thăng Long"*. Về kinh, Kim Bông trở thành con

vật sủng ái, được kéo xe hầu chúa. Sống trong nhung lụa, thần mã được ngự tại *mã đài* ngày ngày chỉ ăn và tắm. Chúa ban áo mão cân đai, đặc biệt cái mũ cánh chuồn, như hai chiếc lá đa che tai, che mắt, chỉ để lộ mỗi con ngươi nhìn thẳng về phía trước. Rồi đến lúc can qua, chúa cần con ngựa chiến dũng mãnh ngày xưa, nhưng than ôi, con thần mã đã quen thói cung đình, bao nhiêu năm che tai, bịt mắt, khi tháo mũ áo ra, nó hoa mắt, đầu choáng váng, chân không phóng được nữa. Thần mã cố sức bình sinh, dốc hết tàn lực rồi ngã vật xuống đất, đứt ruột mà chết.

Kim Bông tượng trưng cho những tài năng lớn, khi đã mũ ni che tai, quỳ gối, úp mặt, phục vụ thế quyền, để tìm bổng lộc, đều trở thành những con ngựa già, vô dụng. Kim Bông là "nhân vật" đầu tiên, từ "thần mã" xuống "chó" mà Phùng Cung mô tả.

Là một trong những truyện ngắn hay nhất thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, cùng với *Tiếng sáo tiền kiếp* của Trần Duy, *Con ngựa già của chúa Trịnh* mang tính chất ẩn dụ tế nhị, kín đáo và sâu sắc, khó có thể kết tội công khai tác giả.

Dạ ký là một bút ký tưởng tượng hài hước về những nhân vật chính trong vụ NVGP, bên nguyên cũng như bên bị, mập mờ những chân dung: Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Tô Hoài..., cả người thầy học cũ của tác giả cũng có mặt... đến Quang Dũng, Văn Cao, Hoàng Cầm, Tử Phác, Lê Đạt... Không chỉ tứ trụ triều đình được phác họa dưới những nét châm biếm, mà cả những bạn đồng hành cũng không thoát khỏi... tất cả đều bị cuốn theo cơn lốc, dưới chân một ngọn tháp, *"trên đỉnh tháp là một tàn vàng chóe loé, hơi giống mặt trời chiều lúc gần xuống núi; có phần sáng hơn mặt trời. Bên cạnh tàn vàng là một lá cờ đại, xung quanh lá cờ đại là hàng ngàn cờ nhỏ - đều màu đỏ rực. Từ cờ đại đến cờ nhỏ đều quay tròn. Diềm cờ không*

dính tua kim tuyến mà là lưỡi câu thép ngoại. Cờ tạo gió, gió nhân thành bão, thì ra cờ bay mà tiếng gầm rú hãi hùng như vậy. Tôi lạnh cả người, cầm sẵn trong tay một cái chết móc hàm"[538].

Dạ Ký biếm họa một thời đại cuồng điên, người người lớp lớp phục xuống trước một ngọn tháp vĩ đại, "*chạy vòng quanh tháp - như đèn kéo quân"; "hàng ngàn cờ nhỏ - đều màu đỏ rực", "một rừng cờ"* có *"lưỡi câu thép ngoại"; "cờ bay mà tiếng gầm rú hãi hùng"...*

Chưa có tác giả miền Bắc nào dám viết về bác Hồ, về lá cờ búa liềm và ngày 19/8 như thế. *Dạ ký* là bức tranh châm biếm hãi hùng về sự tung hoành của lá *"cờ có lưỡi câu thép ngoại",* là điềm báo hiệu 12 năm tù không án của Phùng Cung. Nhưng *"tội"* của Phùng Cung, không chỉ là đã nặn ra một *"con ngựa già",* và vài trang *"dạ ký"* phạm thượng, mà còn ở những truyện ngắn sâu xa khác, tất cả viết trong khoảng 1957-1960, thời kỳ NVGP bị đàn áp sôi sục nhất.

Chính những tác phẩm này mới đưa đến 11 năm biệt giam. Chúng bày ra những cảnh trường bi đát của một thời đại u tối mà ngày nay chúng ta đang cần tìm hiểu.

Đó là số phận *mạt kiếp* của những người như lão Thiều, suốt đời sống trong đói nhục, cuối cùng, lão đục đáy cót ngô để ăn cắp, bị ngô tưới xuống đè chết.

Mạt kiếp là một trong những truyện ngắn thê thảm nhất về cái đói, trong xã hội phân chia giai cấp *chó-người.*

Vẫn trong bối cảnh Sơn Tây, Ba Vì, vẫn trên nền đất tổ. Ngay từ dòng đầu, không khí bạo lực bốc lên qua giọng văn mạnh, phũ, như một bức họa phổ nhạc, với những âm thanh loang lổ, màu sắc hoắc loạn: *"Chiều xuống chới với trên đầu làng Chu Trần. Một con chó vàng nhạt, hơi gầy đứng trên*

---

538 *Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản* Văn Nghệ, California 2003, trang 312.

bờ đê nghến phía tây nam nơi mặt trời như một chậu máu, loang vãi từ đỉnh Ba Vì hắt lại. (...)

Thình lình tiếng tù và rúc ba hồi dữ dằn từ cầu Đạc Ba -điếm tuần của làng- gió tiếp âm, gom tiếng dữ trình làng. Mấy nhà gần điếm còn nghe được cả tiếng "hự hự" của kẻ phạm pháp đang chịu đòn bằng đấm đá, lên gối vào ngực, vào bụng. Nghe đủ tiếng động, đàn chó làng cất tiếng tập thể tru lên một lúc rồi im bặt, quý hồ đủ tư cách chó, bởi dẫu có mỏi mõm cũng chẳng ăn nhằm gì".

Đó là khúc *chó tru* dạo đầu cho thân phận lão Thiều. Thiều không phải tên của lão, lão tên là Vị, Thiều là tên đứa cháu ngoại. Lão có một quá khứ tù mù, có thể trước lão đã có thời chân đi giày săng đá, đầu đội mũ chào mào khố xanh, khố đỏ, nhưng bây giờ thân tàn ma dại, không biết vợ bỏ hay vợ chết, lão ở nhờ nhà con rể cả chục năm rồi. Ăn uống phải tự túc, gặp lúc nhà ai có việc gọi đến, lão còn được miếng no. Nhiều ngày chẳng ai đoái hoài, lão đói rã họng, đành thậm thọt vụng trộm củ khoai, bắp ngô của làng. Bị tuần bắt được trói gô vào cột đình, đánh, lão chày mặt ra chửi đổng. Lão nghĩ bụng *"no nên bụt, đói ra ma"*, *"ngũ cốc còn ghê hơn thuốc phiện, chưa rã họng chưa biết!"*, *"trên đời này ông sợ nhất cái đói, ông khinh nhất cái đói, ông căm thù nhất cái đói"*.

Ăn nói kiểu Chí Phèo; Chúa, Phật, chả coi ra gì, bất kỳ quỷ ma thần thánh gì lão cũng theo tuốt miễn có cái bỏ vào mồm, lão làm tất tần tật: đánh thần trùng, bốc mả, nhảy xuống ao cứu trẻ chết đuối, không từ một việc nào. Vì cứu trẻ ở xóm đạo, lão được mang tên thánh Phê Đô Vị, rồi xóm đạo hết việc, lão mon men đến chùa, giúp bà vãi đốn tre, cạp rổ cạp rá... Lão đã trải hết các *"thời",* vậy mà lão vẫn sống.

Cho tới cái *năm ấy*. Lão cố nhớ lại: *"Năm ấy là năm gì nhỉ? Nước sông Hồng vua Thủy dâng to hơn mọi năm nhiều. Nước tràn lên đánh úp bờ bãi, cướp trắng hoa màu chưa*

đến tuổi thu hoạch, đe dọa đê điều đe dọa cả một vùng đói kém!"

Chẳng biết lão Thiều có ý nói kháy cái năm bốn nhăm thần thánh ấy, cái năm quái gở trùng hợp đói, lụt và biến cố lịch sử vĩ đại của cuộc cách mạng nào không.

Dám lắm, đến nước này, lão còn nể gì. Lão đổ tội cho cái năm thổ tả ấy, vì nó mà lụt lội tràn lan khắp nơi. Đói quá, lão Thiều chẳng còn nể nang gì nữa, lão chửi cái đói *"Mày đang tâm biến người thành chó, chó thành người!"*. Lời chửi đổng của lão cũng mập mờ đầy ý nghiã, chẳng biết lão chửi *cái đói*, chửi *thần thánh,* hay thoá mạ *cách mạng*. Đường cùng, lão tính nước cờ chót: liều chết, lão lội lụt vào tận đáy cót ngô của nhà Tư Tâm, đục cót cho ngô chảy xuống, lão hứng bằng hai ống quần, nhưng không ngờ, ngô chảy mạnh quá. *"Đói, lạnh, nặng, cả ba lực giáp công, lão không sao ngóc đầu lên được. Chỉ trong chớp mắt lão nghỉm hẳn"*[539].

Mạt kiếp được viết với bút pháp lạnh lùng gần như châm biếm, vô cảm hóa nghịch cảnh, và đó chính là nghệ thuật trình bày cái bi đát trong thân phận con người sâu sắc nhất: Từ cái *năm ấy*, cái năm đói ấy, Lão Thiều bị nghiền nát nhân phẩm, lão cố ngóc đầu lên để được sống làm người, sống như người, nhưng cuối cùng lão bị quật ngã, bị tiêu diệt.

Biệt tích là truyện phó Lâm, người thợ không hội nhập được với *"đời sống mới"*. Người thợ mộc đầy lương tâm và nhân cách này không thể chấp nhận lối *"ăn thật làm dối"* của Ủy Ban Nhân Dân. *"Với phó Lâm, tua, mộng là tuyệt kỹ, khi vào mộng, không tháo ra, chêm lại làm đau gỗ!"*[540], nhưng bây giờ Ủy Ban lại bắt Phó Lâm phải làm nhanh, đóng bàn không cần tua, mộng gì cả, cứ ghép lại bằng đinh năm phân, chặt mũ, đóng ngậm là đủ. Ông chủ tịch xã lại còn ra lệnh:

---

539 *Mạt kiếp*, *Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản*, Văn Nghệ, California 2003, trích dẫn từ trang 27 đến 67.

540 *Biệt tích*, sđd, trang 155.

"- Cứ mẫu ấy mà đóng!

Phó Lâm lo âu xoa hai bàn tay vào nhau:

- Dạ! Thưa ủy ban không làm được ạ!"

Phó Lâm lẩm bẩm trả lời bằng những *dạ thưa, không làm được ạ, dạ thưa, khó quá ạ....* cho tới lúc bị đuổi về. Ít lâu sau, phó Lâm đi đâu biệt tích... Có người đồn thấy phó Phó Lâm vai vác rìu, tay sách hòn đục ngược dòng sông lên núi Tản Viên, bước trên nước như đi đường vậy. Bà Lâm được tin lạnh cả người! Ở đây không ai còn lạ gì chuyện đức Thánh trên đỉnh núi Tản cứ ba năm lại một lần xuống núi tìm thợ giỏi lên sửa điện đài trên ấy. Bà Lâm chờ chồng *ba năm, sáu năm, rồi chín năm...* không thấy về, bà chọn tháng bẩy ngày rằm xá tội vong nhân làm giỗ.

Biệt tích phác những nét mơ hồ nhưng vô cùng xác thực về một thời mà những cái chết bí ẩn, những sự *mất tích, biệt tích* của con người khá thường xuyên. Thời mà những giá trị đạo đức nghề nghiệp không còn chỗ đứng. Thời mà dốt nát, cẩu thả, lên ngôi. Phó Lâm, kẻ muốn bảo tồn đạo đức nghề nghiệp, đã bị gọi *về trời*. Phó về trời, như bị mất tích, như bị thủ tiêu, như tự thăng cùng thần núi Tản, để giữ mãi cái chân chất của nghề tổ, giữ trọn phong cách của một nghệ nhân chân chính.

Chắc chắn Phùng Cung có dự Đại hội Văn Nghệ 1950 ở Việt Bắc, và ông là nhà văn duy nhất đã phản ảnh lại chính sách chôn sống tuồng chèo, ca trù, của đại hội, trong hai tác phẩm: *Giải thoát* và *Mộ phách*: "*Từ nay cái nghề ca trù càn rỡ dông dài phải tự tay đào sâu, chôn chặt, không để nấm mồ, không luyến tiếc*"[541].

Giải thoát viết về sự phá sản của nghề hát chèo ở làng Ô. Cái thế *"cao đầu phóng vĩ"* của con Kim Bông, loài ngựa chúa, được thể hiện lại trong nhân vật *Cả Miêng*, hay *Trùm Nhất* ở làng Ô, kẻ được coi là *Bố cái đại vương* của làng Vân

541 *Mộ phách*, sđd, trang 204.

Ô, nơi ngự trị của thần tổ nghề hát chèo, trên *một giải đất cao, thế đất chim Phượng* cạnh dòng sông Hát - sông Đáy.

Văn Phùng Cung luôn luôn có cái uy của *đất tổ*, cái đẹp của *nghề tổ*, cái trách nhiệm của *bố cái* -cha mẹ- trong nhiệm vụ bảo tồn văn hoá và lịch sử.

Ở thế *cao đầu phóng vĩ* như thế, Phùng Cung một mình một ngựa, cầm cương chống lại giai cấp mà ông gọi là *"chó"* của bọn tàn phá văn hoá dân tộc, tàn phá những nghề tổ: nghề mộc, nghề chèo, nghề ca trù... đã nuôi sống con người. Bỏ nghề đi, là cắt đứt cuộc sống, là tiêu diệt nghệ thuật cùng miếng cơm, manh áo. Mà *Mộ phách* là một giá trị độc đáo.

● Mộ phách

Mộ phách viết về thời kỳ cấm ca trù, đập đàn đáy, chôn phách. Bi kịch của vợ chồng kép Tư Chản và Đào Khuê cả đời gắn bó với cây đàn tiếng hát, không khỏi gợi nhớ đến Cô Tơ và Chánh Thú trong *Chùa đàn* của Nguyễn Tuân. Tư Chản có hai con, một trai một gái, chỉ mong sao cho chúng sau này lớn lên nối tiếp nghề tổ để được no ấm một đời. *"Thằng Thuyên, con trai độc nhất, khi nó mới biết lẫy, ông đã nắn ngắm bàn tay của nó và lấy làm mãn nguyện. Ngón tay dài, ắt hẳn dài hơn tay bố, mai ngày nhẹ nhàng nhấn, vuốt dây tơ".*

Ngoài thằng con, Tư Chản chỉ còn cây đàn là quý: *"Đàn này của cụ Kép thân sinh của Tư Chản để lại", "cụ Kép chọn gỗ, thuê thợ Kim Sa đóng cây đàn này lúc Tư Chản mới tám tuổi. Đáy đàn bằng gỗ dâu vàng, cần đàn bằng gỗ xâng chun, trục vặn bằng gỗ sứa. Phần trên của đáy đàn, hai khoáy gỗ đối nhau như hai con mắt. Cây đàn lên tiếng ngân vang gần một nửa thế kỷ. (...) Ba ngôi âm thanh của đàn đáy "Tiếng tòng! tiếng dụng! tiếng dênh!" hợp thành đựng trong bầu đáy; nhà nghề gọi là "hồn đàn bất tử!"*

Tư Chản, coi đàn như người cha, như ông tổ, đàn là nguồn nghệ thuật và nguồn sống: *"Tư Chản quan tâm đến cây đàn nằm đây như nâng giấc một người cha ốm. Trên bàn thờ sát vách bên trái, -cố để khuất mắt người lạ- cây đàn được nằm trong tư thế, dày, trục nghiêm trang. Trên đáy phủ tấm khăn the màu hoàng yến, nay đã ngả màu lõi mít che bụi và che tất cả. Ngày nào ông cũng hai lần nâng tấm khăn, nhìn kỹ toàn cây đàn. Sóc, vọng hai lần mỗi tháng; vào buổi tối, ông đều lau bụi, và bàn tay lại chạm khẽ lên dây tơ, lặng nghe tiếng xa xưa vọng lại. Ông đứng ngẩn ngơ, quên, nhớ, mông lung. Trước khi quay lưng ông không quên chắp tay thành kính vái cây đàn đủ bốn vái."*

Thế rồi thời thế thay đổi, *thằng Thuyên lớn lên đi bộ đội cầm súng thay đàn*... Vợ chồng Tư Chản không còn được tự do đàn hát kiếm sống như trước nữa, nhưng trong lòng vẫn *"nhớ dồn thương góp"*, âm thầm lấy đêm *17 tháng 8*[542] cúng tổ tiễn thu. Họ chờ lúc trăng khuya, cổng đóng then cài, tìm lại nghề cũ, tiếng đàn chen tiếng phách, nổi chìm giọng ngâm tha thiết của những đêm xưa... *"Khúc "Cung bắc" đang chơi vơi như đò chưa cập bến. Bỗng tiếng chó sủa rộ từ phía nhà thím Vượng hắt sang. Đàn phách im bặt. Hai linh hồn đang rong ruổi quá khứ vụt trở về thực tại. Chó vẫn sủa dai dẳng. Ngờ đâu tiếng tơ, tiếng phách đã leo rào, lọt đến tai người, va vào miệng chó".*

Từ đêm đàn ca vụng trộm đó, hai vợ chồng nơm nớp lo sợ, sợ người và sợ chó, sợ cả chó người. Rồi chuyện gì phải đến đã đến. Thuyên, đứa con trai duy nhất, đang đợi được kết nạp vào Đảng, dưới sự chỉ đạo của Đảng, đã ra tay xử lý cây đàn. Thuyên khẳng định: cây đàn đáy chính là *"đồn địch"*.

---

542 Ngày 17/8 ở đây có ý nghĩa chính trị: 17/8/1945, trong buổi mít-tinh của công chức, bài *Tiến Quân Ca* được Phạm Duy "cướp micro" hát lần đầu tại nhà Hát Lớn, Hà Nội. 19/8/1945, Việt Minh "cướp chính quyền", bài *Tiến Quân Ca* được dàn đồng ca Thiếu niên Tiền phong do Văn Cao điều khiển hát tại Nhà Hát Lớn.

Và như một chiến sĩ can trường, Thuyên xông vào tóm lấy cổ *"địch":*

"Thuyên hăng hái nhảy tới bên cạnh bàn thờ, tóm lấy cây đàn đáy - Cây đàn va vào vách "Cang!" một tiếng từ đàn đáy vọng ra như tiếng kêu cứu thất thanh của một tội nhân đến giờ hành quyết".

Kêu cứu cũng vô ích, cây đàn không thoát khỏi định mệnh oan trái của mình. Sau khi bị đập tan tành, xác đàn bị hoá kiếp lần nữa: trở thành mớ củi nấu nước tắm cho cậu quý tử: *"Lửa cháy vù vù dưới thùng nước tắm. Ông Chản đang loạn bước ngoài ngõ, ngoài vườn, xéo nát cả luống rau mới cấy. Tai ông nghe lửa réo và ngửi thấy mùi đàn cháy khen khét như một vật có xương có thịt. Ông thảng thốt nghe rõ tiếng đàn từ trong cháy phi ra. [...] Ông hỏi vợ có nghe tiếng gì không?*[543]

Từ đấy, Tư Chản cứ trầm trầm đi tìm lại tiếng đàn, mấy tháng sau ông mất. Đào Khuê chọn ngày cúng chồng rồi tìm miếng lụa liệm cỗ phách của mình, nó tên là *Kim phách*. *Kim phách* cũng có một sử thi lẫy lừng không kém cây đàn đáy của Tư Chản. Đào Khuê mai táng *Kim phách* trong ngôi mộ chôn cạnh bờ ao.

Mộ phách ngân lên như tiếng khóc tiễn đưa thi ca, âm nhạc về bên kia thế giới trong một thời mà nghệ thuật đích thực bị xử lý như một phạm nhân. Với *Mộ phách*, Phùng Cung đã để lại những âm giai bất tử về sự bức tử một *cây đàn* và sự tuẫn tiết của một *cỗ phách*. Và qua đó là sự tàn phá nền văn hoá cổ Văn Lang.

● Từ bà Huyện Thanh Quan đến Phùng Cung

Sau khi thống nhất đất nước, nhà Nguyễn gỡ cung điện Thăng Long đem về Huế. 1831, vua Minh Mạng lấy hai chữ Hà Nội, tên một tỉnh nhỏ phía bắc nước Tàu, đặt cho Thăng

---

543 Các trích đoạn tên đây rút trong *Mộ phách*, sđd, từ trang 205 đến trang 234.

Long. Nhà Nguyễn gỡ cung điện vua Lê và đổi tên Thăng Long thành Hà Nội nhằm xoá tinh thần phò Lê trong lòng người dân đất Bắc, nhưng không qua mắt được nhà thơ: Bà Huyện Thanh Quan, thày dạy con gái vua Minh Mạng, sáng tác bài *Thăng Long thành hoài cổ,* một kiệt tác hoài Lê, một sự phản kháng âm thầm và mãnh liệt của kẻ sĩ Bắc Hà *"nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc, thương nhà mỏi miệng cái gia gia",* vậy mà Gia Long không hề đốt sách và Minh Mạng không dám lấy tên Gia Long đặt cho Bắc thành.

175 năm sau, thống nhất xong Nam-Bắc, chính quyền miền Bắc đổi tên *Sài Gòn* thành *Hồ Chí Minh*, vẫn sách lược cũ của nhà Nguyễn, kèm thêm chiến dịch *cải tạo* và nghị quyết tiêu diệt hầu như toàn bộ văn học miền Nam. Kết quả: hơn 35 năm sau, cái tên *"cúng cụ"* của thủ đô miền Nam vẫn không thu phục được nhân tâm. Với dân chúng miền Nam, nó vẫn chỉ là vết tích tủi nhục của sự bại trận, sự *"mất nước",* đúng như tình cảm bà Huyện dành cho nhà Nguyễn.

Vì sao? Vì bất cứ chính quyền nào, chính sách văn hoá cũng vẫn là cốt tuỷ. Đối xử một cách văn hoá với người bại trận là phương sách uỷ lạo lòng người. Bởi văn hoá ở trên chính trị. Đối với văn hoá, không thể áp dụng chính sách diệt trừ địch thủ như trong chiến tranh.

Không phải cứ loại *Tự lực văn đoàn*, văn học xã hội chủ nghiã sẽ trở thành lãnh đạo. Không phải cứ tiêu diệt *Nhân Văn Giai Phẩm*, thì những Tố Hữu, Chế Lan Viên, Hoài Thanh, Nguyễn Đình Thi... sẽ ngời sáng mãi mãi trên vòm trời văn học Việt Nam. Không phải cứ đốt hết *văn học miền Nam*, thì *văn học miền Bắc* sẽ trở thành độc nhất vô nhị. Bởi văn học không phải là một vùng chiến địa, để một còn một mất, mà là vùng hoà bình, sống chung, càng nhiều tác phẩm hay, nền văn học của một nước càng thêm sáng giá. Việc loại trừ những tác giả lớn của văn học Việt Nam trong suốt thế kỷ XX ra ngoài vì lý do chính trị, đã thu nhỏ nền văn

học Việt Nam, trong lòng một bàn tay, đã bị cắt hết ngón -là những tinh tuý của dân tộc- chỉ còn lại những công thần, bịt tai, bịt mắt như những *Con ngựa già của chúa Trịnh* mà Phùng Cung mô tả.

Đó là tiếng kêu tha thiết nhất mà Phùng Cung để lại trong tác phẩm, tiếng chim báo bão về nền văn hoá Việt đang bị thu gọn và tự hủy, từ việc bảo tồn đất tổ Hùng Vương đến sự loại trừ các giá trị tinh thần không theo đúng đường lối của Đảng.

● Đường Lâm thi chí, một nền thơ chống chiến tranh và tù ngục

Những thành viên NVGP đều tham gia kháng chiến, nhưng sau chiến tranh, họ đã có những suy nghĩ khác:

- Ở Văn Cao, là niềm hăng say tuyệt đối ban đầu: vào đội trừ gian, sáng tác quốc ca. Sau khi hoà bình lập lại, Văn Cao không còn sáng tác ca khúc nữa.

- Ở Hoàng Cầm, chiến thắng chỉ là giấc mộng, kể cả trong giai đoạn sôi nổi nhất.

- Ở Lê Đạt, đọng lại hình ảnh máu lửa tiêu thổ kháng chiến, là tội đốt quê hương.

- Ở Trần Dần là bản hùng ca lụa Việt Bắc mà đói khát và bệnh tật phủ lên xác anh hùng.

- Ở Quang Dũng là hình ảnh hãi hùng của đoàn quân không mọc tóc.

Các thi sĩ trên đều thấy hậu quả chiến tranh và rút ra bài học của mình.

Phùng Cung có một hướng đi khác hẳn: ông không nhìn hậu quả chiến tranh để hối hận như các bạn. Ông cũng không đổ trách nhiệm lên đầu kẻ thù như người khác. Phùng Cung coi chiến tranh -chống Pháp và chiến tranh Nam-Bắc- đều phát xuất từ căn bệnh của dân tộc: bệnh hiếu chiến. Chứng nan y này đã thấm vào máu, khó có thể chữa được.

Đối lập với Văn Cao trong quan niệm yêu nước, Phùng Cung phê bình quốc ca.

Trăng ngục là bản hùng ca phản chiến, kết tội Cách Mạng Mùa Thu, nhìn sự hiếu chiến của dân tộc như nguyên nhân sau xa nhất của hai cuộc chiến trong thế kỷ XX: chống Pháp 46-54 và thống nhất đất nước bằng võ lực, chống Mỹ và chiếm miền Nam 54-75. *Trăng ngục* tập hợp những sáng tác trong tù. Vì không có giấy bút, không thể viết truyện nhẩm, nên Phùng Cung "bắt buộc" phải làm thơ. *Trăng ngục* biểu hiệu những tư tưởng đối lập khác lạ, đầy bất khuất, trong những dòng chữ bị cầm tù suốt đời của tác giả. Tác phẩm chứa đựng những lời thơ mạnh, khẳng khái, đanh thép, như những mũi dao nhọn, đục thủng màng lưới bủa vây nhà thơ, đánh sụp bức tường xà lim, để lộ diện con người tự do, sẵn sàng chịu trả giá cho hành động và tư tưởng của mình, chống lại toàn bộ hệ tinh thần yêu nước chủ chiến.

Vào đầu là bài *Biển cả*, làm tại trại biệt giam Bất Bạt năm 1961, Phùng Cung bị tù tại chính Sơn Tây, vùng đất tổ. Nhà thơ ví chế độ toàn trị như biển cả:

Biển cả khoác triều phục đại dương
Hợm mình - uy nghi đồ sộ
Song đòi phen
Nghiêng ngửa - đáng thương (...)
Hỡi biển cả!
Diện tuy rộng
Nhưng thiếu những giác quan cần thiết
Lòng tuy xanh - sâu
Xanh sâu đầy mặn chát....
Nộ cuồng sóng vỗ
Trống trải bơ vơ
Chiều quả phụ
Bình minh vô vọng phương mờ...
Ôi! Bao yên lặng thanh cao

Đều chìm
Trong thét gào man rợ...

Bố Cái đã bị bắt, bị tù trên đất *Đường Lâm*: tất cả đều đã sụp đổ. Dân tộc, bây giờ, không đứng trước quân nhà Đường phương Bắc, mà đối diện với biển cả mênh mông của chế độ cực quyền.

Người dân hỏi ý cha. *Bố Cái* trả lời:

Biển cả mênh mông
Như biển cả
Trước mắt trẻ thơ
Mỗi tinh cầu
Chỉ là chấm nhỏ
Càng tối đen càng nhìn rõ xa xanh.

Nhà thơ trình bày trước mắt chúng ta hai thực thể: một bên là thế quyền lồng lộng, khoác *"Triều phục Đại Dương";* một bên là sinh linh *"trăm họ",* những con người.

Đại dương có đầy đủ phương tiện để vùi lấp *trăm vạn sinh linh* trong một trận thủy triều. Còn con người, con người lấy gì chống lại? Con người chỉ có ánh mắt. Mắt trẻ thơ. Dưới ánh mắt của đứa bé, cái thế quyền lồng lộng ấy là gì?

- Chẳng là gì cả, nó chỉ là con số không. Bởi dưới mắt đứa bé: "*Mỗi tinh cầu chỉ là chấm nhỏ, càng tối đen, càng nhìn rõ xa xanh".*

Rồi *Bố Cái* chỉ cho dân cách đối phó với bạo lực cách mạng:

Thì nhắm mắt
Thì bưng tai
Nhưng phải đâu khiếp sợ
Chỉ điếc đui vừa đủ
Để làm ngơ.

Bài *Biển cả* tung trên trang đầu tập *Trăng ngục* như một thách đố trí tuệ, gói gọn triết lý tương đối và trung dung của tác giả đối với cực quyền toàn trị. Phùng Cung đòi hỏi sự

hài hoà trong vũ trụ, đòi hỏi quyền sống cho những cái nhỏ, cái lớn, đòi hỏi sự bình đẳng không những về mặt chính trị văn hóa mà cả về thiên nhiên môi trường.

Bài *Trăng ngục* rất ngắn, tập trung những tái tê bất hạnh của một đời tù biệt giam trong xà lim:

Trăng qua song sắt
Trăng thăm ngục
Bỗng ta chợt tỉnh - sững sờ
Trên vai áo tù
Trăng vá lụa
Ngày xưa ơi!
Xa mãi đến bao giờ...

Trong tù, chỉ có vầng trăng, chỉ còn vầng trăng. Trăng quấn quýt. Trăng là áo. Trăng là ngày xưa. Trăng là vợ. Trăng là tri kỷ. *Trên vai áo tù trăng vá lụa* một câu tuyệt bút, là sự hài hoà giữa *mềm* và *cứng*, giữa *tù* và *lụa*, giữa *trăng* và *áo*, giữa *xa* và *gần*, giữa *xót xa* và *âu yếm*, giữa *tự do* và *tù tội*. Nhà thơ đã kêu gọi sự hài hoà đó trong bài *biển cả*, nhưng không thấy biển cả trả lời, chỉ một *vầng trăng* đáp lại.

● Ai liều tảo mộ chiều nay

Phản chiến là tư tưởng chủ yếu trong tập *Trăng ngục*. Phản chiến toàn diện, bất cứ "*thể loại chiến tranh*" nào, vì đối với Phùng Cung *"dấu tích tàn phá của chiến tranh vệ quốc hay xâm lược"* cũng như nhau. *"Tất cả chỉ là sự bày đặt, buôn bán máu xương của ma vương quỷ dữ!"*[544]

Trong bài *Gãi đất* Phùng Cung gọi những kẻ chủ chiến là bọn:

Lái buôn binh lửa
Ôi! binh lửa triền miên
Tuổi trẻ gái - trai
Bị lôi đi - hết

544 *Dạ ký*, sđd, trang 286.

Dờ dịt sức già gãi đất.

Bởi chiến tranh nào cũng chôn sạch tuổi trẻ, chỉ để lại những người già ngồi *gãi đất*.

Thu xa là bài chinh phụ ca mới, phản bác những anh hùng ca chính thống của Tố Hữu, Chính Hữu... cả những anh hùng ca bàng thống của Trần Dần, Phùng Quán... *Thu xa* là giấc mơ phản chiến, chống *Cách Mạng Mùa Thu*, kết án tử hình chiến tranh, kêu gọi con người hãy làm tình yêu, làm hoà bình, đừng làm chiến tranh, hãy thôi chém giết:

Gió vàng đếm lá vàng rơi
Mười hai bến nước
Em ngồi quay xa
Xa quay gấp
Làn tơ vội đứt
Em nhủ lòng
Tơ đứt vì xa
Tơ vương vó ngựa quan hà
Xa in dấu ngựa
Canh gà gọi thu
Quan hà lộng gió chinh phu
Rừng thu tắm máu
Máu thu gội chiều
Tơ vàng nhỏ giọt lệ điều
Đăm đăm tay vẫn chiều chiều quay xa
Xa quay nhẹ
Làn tơ vẫn đứt
Em hỏi lòng
Tơ đứt vì đâu
Sông ngân lỡ bắc nhịp cầu
Mà người trần thế
Mang sầu thiên cung.

Tất cả thi sĩ miền Bắc, không ai dám đả động đến *"Cách Mạng Mùa Thu",* bởi đó là *"chính nghiã tuyệt đối"*

được *"tất cả mọi người"* công nhận. Trừ Phùng Cung. Phùng Cung không. Phùng Cung đi ngoài quỹ đạo. Phùng Cung là người đầu tiên dám dùng những hình ảnh kinh hoàng như *"Rừng thu tắm máu, máu thu gội chiều"* để viết về *Cách Mạng Mùa Thu*.

Rồi hai chữ *quay xa*, tại sao lại *quay xa* mà không *quay tơ?* Chữ *xa* nhập nhoè nhiều ý nghĩa: *xa* vừa là guồng tơ, guồng cửi; nhưng *xa* còn là bánh xe chiến tranh như *chiến xa; xa* còn là *xa lìa* đứt đoạn. Người chinh phụ ở đây, không chỉ là nạn nhân của chiến tranh, chịu hậu quả của chiến tranh như những người chinh phụ thời xưa nữa, mà chính nàng cũng góp phần vào bộ máy chiến tranh, nàng đang quay bánh chiến xa, nàng đang *"tắm máu rừng thu"* như chồng. Ống kính độc đáo của nhà thơ, quay lại cảnh toàn thể dân tộc lao vào cuộc chiến tàn khốc: ống kính duy nhất của thi ca Việt Nam đã chụp bắt được trách nhiệm mỗi cá nhân trong chiến tranh, nam cũng như nữ.

Nhưng Phùng Cung không chỉ dừng lại ở đấy, ông còn đi sâu hơn, để truy lùng thủ phạm chiến tranh, ông đã đụng đến cả những biểu tượng được tôn sùng nhất:

Cờ máu rợp trời
Lợm gió!
Tiếng quốc thiều tăng âm
Cực đại thét gào
...
"Thề phanh thây uống máu!..."
Ta lùng trong kho nhớ
Nhẩm biên niên sử
Xin hỏi loài người
Có quốc thiều nào man rợ thế không?

Hỏi tội cách mạng mùa thu chưa đủ, nhà thơ còn hỏi tội quốc ca, quốc kỳ. Chưa nhà thơ nào dám đưa ra những lời

buộc tội gay gắt về những biểu tượng *"thiêng liêng"* như thế: *Có quốc thiều nào man rợ thế không?*

Bên cạnh những hình ảnh dễ sợ *"cờ máu rợp trời lợm gió",* bên cạnh những lời buộc tội không khoan nhượng, rằng trong *"kho nhớ của loài người",* không thấy có *"quốc thiều nào man rợ"* như thế; là những lời thơ trữ tình đẫm lệ gửi cho *quê hương* tan nát vì chiến tranh, *lầy nước mắt*:

Quê hương ơi!
Đường quan lầy nước mắt
Điệu sáo hết du dương
Mây chìm
Gió ngủ (...)
Sông sâu bặt tiếng gọi đò
Chim hãy cùng ta
Gọi cành xanh ngóc dậy
Để một lần
Quê hương thấy lại quê hương
Ráng chiều ngụy tạo bình minh
Lá thuyền tình
Chỉ lênh đênh giữa dòng.

Phùng Cung là *người chữ* duy nhất trên đất Bắc, đối với hai cuộc chiến, đã nhìn thấy và đã dám nói ra cái giá quá đắt phải trả cho hòa bình đã mất. Dưới mắt nhà thơ, chiến tranh không chỉ là những thúc giục lên đường, không chỉ là những tiếng hô xung phong, mà đằng sau tất cả cờ xí rợp trời là bộ mặt kinh hoàng của thần chết:

Phát lệnh chia bôi...
Ngọn gió giao liên
Gửi tiếng xa gần
Trống phát dẫn
Gia nô thần chết cầm dùi
Dấm dúi vùi nông
Chiều bạc mệnh

Khói hương ơi!
Đền miếu tan rồi!...
Năm tận tháng cùng
Hòng hõng mong thư tuyến lửa.

Những hình ảnh *"gia nô thần chết"* trong thơ Phùng Cung, hoà cùng những xác *"người chết hai lần"* trong ca từ Trịnh Công Sơn, đã hợp thành dòng máu của anh em giết nhau. Trong buổi liên hoan mừng chiến thắng, Phùng Cung âm thầm đếm lại những đốt xương tàn:

Tiếng gia tiên
Thổn thức dưới mồ
Những lúc chim về
Tím lịm chân mây
Ai liều tảo mộ chiều nay
Mà hương tảo mộ bay đầy hoàng hôn.

Hướng về những linh hồn quá trẻ đã bị *vay tuổi* để xuất trận, Phùng Cung tảo mộ con, liệm hồn mẹ, những người mẹ bạc đầu hương khói trên những nghiã trang giả, mồ không xác:

Con vừa mười sáu tuổi đời
Nửa đêm vay tuổi lấy người chiến tranh
Đèn con tiễn đến cổng đình
Quay về hụt bước ngỡ mình chiêm bao
Khe Sanh - Dốc miếu là đâu
Vắng con nhớ đến bạc đầu cô đơn
Máu chiều gội đỏ hoàng hôn
Nghiã trang mồ giả, nắm xương không mồ
Đồng chiều gió tím mấp mô
Nén hương đẹn khói, mấy mùa khóc vay.

Và dưới mồ tiếng Phùng Cung nhắn lên, ngược dòng với Văn Cao, Lưu Hữu Phước: Này thanh niên ơi! Đừng bao giờ chọn giải pháp chiến tranh cho dân tộc.

● Xem đêm

Là tập thơ của người Việt cổ, *"người Rừng",* thơ *Đường Lâm thi chí,* của Bố Cái bị cầm tù trên Bất Bạt. Tất cả đã bị tàn phá, từ thân cây ngọn cỏ, đến cả đọt sương, đến cả tâm hồn, đến cả khổ đau và hạnh phúc, cũng không còn như xưa... *Xem đêm* là một hình tượng mới, một hành động chữ mới, mỗi chữ là tinh cầu, chỉ cần vài câu đã gói trọn bầu trời nhật nguyệt thực sau Nhân Văn. Ở Hoàng Cầm là những *đêm kim, đêm mộc, đêm thủy, đêm hoả, đêm thổ.* Ở Phùng Cung là *nghe đêm, xem đêm... Xem đêm* là một vũ trụ không ánh sáng của những số kiếp bọt bèo, những người bị tù chung thân vì *tội chữ*:

Lênh đênh muôn dặm nước non
Dạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh

(Bèo)

Xem đêm là sự đậm đặc của những con chữ nguyên chất, con chữ quê mùa, chưa bị văn minh xâm lấn, chưa bị lừa lọc tấn công, chưa bị chủ nghiã nhiễm độc, chưa bị chuẩn hoá theo một mẫu mực nào. Trong đêm miên viễn ấy, người và vật nhập quyện vào nhau trong một trạng thái dung hợp vật chất, tinh thần. Thơ cô đọng như Đường thi, một vài chữ đủ gánh cả phận người. Sự giao thoa giữa *vật thể, tiếng động, không gian* là đặc tính của *Đường Lâm thi chí:*

Đêm về khuya
Trăng ngả màu hoa lý
Tiếng gọi đò căng chỉ ngang sông

(Đò khuya)

Đêm, trăng, hoa lý, tiếng gọi đò, sông... là những yếu tố của một *cảnh đêm* có thể chất hoàn toàn khác nhau. Nhờ một hành động chữ, chúng đã hoá mộng. Để được sống lại trong một không gian khác, để tạo ra nghịch cảnh của một đời người. Sự cô đơn tuyệt đối của con người bị cô lập suốt đời, được nhà thơ biểu hiện dưới một màn trăng đêm không

người, mà có *"tiếng gọi đò"* như *"con nhện vô hình"* giăng nối hai bờ xa cách. Hai quang cảnh, một của thiên nhiên hiện thực, diễm ảo: *Đêm về khuya trăng ngả màu hoa lý* và một của tâm thức cô đơn tuyệt đối *Tiếng gọi đò căng chỉ ngang sông,* của kẻ bị cách ly, lưu đầy, bị đoạt tự do và cướp ánh sáng mà Nguyễn Mạnh Tường gọi là *Un Excommunié - Kẻ bị khai trừ*.

Nhưng tất cả nghịch cảnh, cách ly, đều đã *có* mà đều đã *không*. Đã xẩy ra và đã không còn nữa: *sắc sắc không không,* như một sự giao thoa triết học Đông Tây phi thường, mới lạ.

Một bài thơ khác:

Quất mãi nước sôi
Trà đau nát bã
Không đổi giọng Tân Cương

(Trà)

Đây chính là thơ *Đường Lâm* nói chí. Chỉ có ba *"nhân vật": Trà, nước, giọng*, ba yếu tố thuần khiết của một cuộc thiết trà. Bỗng chữ *quất* hiện lên như một hung thần và chữ *Tân Cương* sừng sững như một *người Rừng*, một *chí lớn*, một sự *cương cường mới* bị giam hãm ở Tân Cương, trại tập trung các trí thức Trung Hoa bị Mao Trạch Đông đày đi gánh phân, biến cuộc thiết trà thành một cuộc *tra vấn* tàn phũ, mà kẻ thẩm tra quất *trà* đến *nát bã* nhưng *trà sĩ* vẫn không khai, không đổi giọng bất khuất.

Thơ Phùng Cung có chí Phùng Hưng.

Một bài thơ về mẹ:

Mồ hôi mẹ
Tháng ngày đăm đăm
nhỏ giọt
Con níu giọt mồ hôi
Đứng dậy làm người

(Mẹ)

Một giọt mồ hôi mẹ, đủ tác thành khí phách con. Chữ đi từ núi Tản, mỗi chữ là một giọt thép. Đọc thơ ấy, sẽ hiểu tại sao con người ấy bị biệt giam 11 năm. Bởi không có phép gì *"cải tạo"* được tâm hồn và chí khí của ngọn Ba Vì. Vẫn về người phụ nữ, lần này là người vợ:

Lưng áo em
Ngoang vôi trắng xóa
Cái trắng này vắt tận trong xương

- Mồ hôi xương

Chân dung người vợ cũng toát ra cái can trường trắng của đất Mê Linh. Sự can trường dũng cảm hàng ngày của người vợ phải đương đầu với miếng cơm manh áo, để nuôi con, để tồn tại. Và một tinh thần phản chiến, kiên cường và dứt khoát, rùng rợn, trong cung cách Đường thi:

Mỗi chiến thắng
Một lần gươm tắm rượu
Ruồi vẫn qua lùng máu
sa trường

- Gươm báu

Bài *Nghe đêm* gói trọn nỗi cô đơn cuối đời của con người bị lưu đầy, vì chữ nghiã, từ tuổi thanh niên đến lúc đầu bạc:

Đêm chợt nghe
Trong gối vọng tiếng ru
Lắng tai mới rõ
Tiếng tóc mình chuyển bạc

- Nghe đêm

Đó là sự cô đơn của kẻ *một mình một ngựa* trên hành trình mở nước và dựng nước về phía văn hóa, tình nước và tình người.

Chương 15

Cuộc cách mạng hiện đại đầu thế kỷ XX

Trở lại những năm đầu thế kỷ XX, sau thất bại liên tiếp của các phong trào cần vương[545] và văn thân[546] một thế hệ kháng chiến mới hình thành với những trí thức khoa bảng nho học, trong hai chuyển động lớn: Phong trào Đông Du (1906-1908) do Phan Bội Châu lãnh đạo và phong trào Duy Tân (1905-1908) do Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng chủ xướng. Hai phong trào này phát động tinh thần yêu nước, phát sinh hình thức kháng chiến hiện đại của các trí thức nho học, nguồn gốc của các tổ chức chống Pháp sau này.

Một phong trào thứ ba, ít được biết đến, vì phần lớn văn bản viết tiếng Pháp, trên đất Pháp. Những người chủ chốt như Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh không theo cộng sản, và hậu duệ của họ là nhóm Đệ tứ, đã bị cộng sản tiêu diệt từ 1945. Đó là phong trào chống Pháp của các trí thức Tây học, xuất thân trường Pháp, chống Pháp trên báo chí tiếng Pháp, tại Paris và tại Sài Gòn. Phong trào này do Phan Văn Trường khởi xướng ở Paris, năm 1912, với hội Đồng Bào Thân Ái, cùng với Phan Châu Trinh. Sau được ba thanh niên Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh và

---

545 Cần vương: cứu vua.

546 Văn thân: lấy văn học tiến thân vào đời.

Nguyễn Tất Thành tiếp sức, họ được đồng bào gọi là nhóm Ngũ Long, đã có ảnh hưởng lớn trong việc chống thực dân, tại Pháp những năm 1920, dưới bút hiệu chung Nguyễn Ái Quấc. Sau họ là nhóm Đệ tứ, gồm những đệ tử của Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Hồ Hữu Tường, Huỳnh Văn Phương... tiếp tục tranh đấu đến 1945.

Trong thời kỳ đầu, những khuynh hướng chống Pháp không đối kháng nhau mà cùng hoạt động chung. Đến 1945 mới bị phân liệt, Việt Minh thanh trừng các đảng phái đối lập, thủ tiêu nhóm Trốt-kít - trừ Hồ Hữu Tường ở Hà Nội nên thoát. Sau khi lên cầm quyền, Hồ Chí Minh, không những gạt bỏ các thành phần đối lập ra ngoài lịch sử chính thống mà còn gán cho họ nhãn hiệu *phản quốc*. Phan Khôi và Hồ Chí Minh gắn bó với cả ba phong trào nói trên, lịch sử của họ giải mã những câu hỏi:

- Trong khi hầu hết các thành viên khác của NVGP, vẫn kính nể "bác Hồ", tại sao Phan Khôi lại "dám" đả kích công khai thần tượng Hồ Chí Minh?

- Sau NVGP, lệnh nhục mạ và bôi nhọ Phan Khôi trong nhiều thập niên đến từ đâu và bởi ai? Sự nhục mạ này dẫn đến cái chết bí ẩn gần như bức tử của Phan Khôi năm 1959.

Phan Khôi và Nguyễn Tất Thành, hai thanh niên nho học được Phan Châu Trinh trông cậy sẽ *"kế nghiệp"* mình. Năm 1922, thất vọng vì Nguyễn Tất Thành chọn con đường cộng sản và không chịu về nước, Phan Châu Trinh viết bức thư công khai gửi Nguyễn Ái Quốc, gần như đoạn tuyệt.

Năm 1925, về nước, Phan Châu Trinh trao di sản tinh thần cho Phan Khôi. Cuộc đời Phan Khôi gắn bó với lịch sử đấu tranh bất bạo động của phong trào Duy Tân, theo truyền thống Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch (1852-1895). Vì vậy, muốn tìm hiểu tư tưởng của Phan Khôi, cần phải nhìn

lại hành trình cách mạng hiện đại chống Pháp đầu thế kỷ XX. Bắt đầu với Phan Bội Châu.

● Phan Bội Châu (1867- 1940)

Phan Bội Châu sinh ngày 26/12/1867, tại làng Đan Nhiệm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Mất ngày 29/10/1940, tại Huế. Là cha đẻ của nền cách mạng hiện đại trong thế kỷ XX. Chính trị gia, nhưng cũng là nhà văn nhà thơ lớn, văn chương Phan Bội Châu có khả năng thúc giục con người đứng lên cứu nước. Về văn thơ yêu nước, không tác giả nào sánh kịp Phan Bội Châu. Mỗi tác phẩm là một chặng đường. Tác phẩm nào cũng quyền biến cũng *"sai bảo"* con người phải hành động trước cái nhục nô lệ, mất nước. Trong khi các nhà cách mạng khác tìm cách đánh vào địch thủ, tức là thực dân Pháp, hay bọn quan trường thối nát, thì Phan Bội Châu, trước hết, đánh vào lòng người. Và chính cái lòng người được thúc giục vùng dậy ấy, sẽ đứng lên cứu nước. Phan Bội Châu cũng như các nhà nho cùng thời thường viết bằng Hán văn và khi dịch ra quốc ngữ, theo Huỳnh Thúc Kháng, cái hay đã mất đi một nửa, vậy mà ngày nay đọc cụ Phan chúng ta vẫn còn thấy xúc động gai người. Phan Bội Châu xứng đáng ngôi vị cha già của dân tộc.

Khi Phan ra đời, năm 1867, nước đã mất ba tỉnh Nam Kỳ. Chín tuổi, Phan *"tập trận"* theo kiểu *"bình Tây"*. Năm 19 tuổi, cùng Trần Văn Lương lập đảng *"Sĩ tử cần vương đội",* khoảng 100 người, mưu *"việc lớn"*. Pháp đánh Nghệ An, *"đội sĩ tử"* tan vỡ. Phan ở nhà trông nom cha trong 9 năm và dạy học, nhưng vẫn thầm mưu việc nước. 1900, cha mất, bắt đầu hoạt động: liên kết với các đồng chí của Phan Đình Phùng. Cùng Phan Bá Ngọc -con trai Phan Đình Phùng- và dư đảng Văn Thân, tổ chức đánh thành Nghệ An, nhân ngày 14/7/1901, ngày quốc khánh Pháp, nhưng không thành. Cuối 1902, Phan ra Bắc gặp Đề Thám lần đầu. Mùa xuân 1903,

gặp Tiểu La Nguyễn Thành cựu đảng viên Cần Vương ở Quảng Nam. Nguyễn Thành khuyên Phan nên tôn vinh một dòng dõi đế vương để có chính nghĩa. Phan yết kiến Kỳ Ngoại Hầu Cường Để[547]. Hầu chấp nhận. 1903, Phan viết bản *Lưu Cầu huyết lệ tân thư* [548] để dò phản ứng của sĩ phu và thuyết phục quan trường. Văn bản có 5 phần: *Nêu sự tủi nhục của người dân mất nước - Mở mang dân trí, mưu đồ phục quốc - Phục hưng dân tộc - Đào tạo nhân tài - Kỳ vọng vào các hào kiệt.*

Cuối 1903, Phan vào Nam vận động. Đầu 1904, trở về Quảng Nam họp với Nguyễn Thành và Kỳ Ngoại Hầu rồi lại ra Bắc gặp Đề Thám, quyết định mở đại hội. Giữa tháng 5/1904, khai hội tại *Nam Thành sơn trang*, nhà trên núi của Nguyễn Thành với Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và 20 người tâm huyết, bí mật lập *Duy Tân hội,* tôn Cường Để làm *Hội chủ*, chủ trương ba điểm: *Chiêu mộ đảng viên - Phát sinh bạo động - Cầu ngoại viện.* Không thể nhờ Tàu vì Tàu đã theo Pháp. Tăng Bạt Hổ đã sang Nhật nhiều lần, biết tiếng Nhật, đề nghị nhờ Nhật. Ngày 23/2/1905, Phan Bội Châu, Tăng Bạt Hổ và Đặng Tử Kính bí mật đi Hương Cảng rồi sang Nhật. Gặp Lương Khải Siêu. Lương khuyên: Quý quốc đừng lo không được độc lập mà chỉ lo dân không đủ (khả năng để) độc lập. Có thể nhờ Lưỡng-Quảng viện trợ lương thực và khí giới, nhưng nếu (dân) không có thực lực thì cũng hỏng. Thực lực tức là: *Dân trí, dân khí* và *nhân tài*. Phan nói đến việc cầu viện Nhật, Lương gạt đi: *"Quân Nhật đã một lần vào nước rồi, thì không thể đuổi nó ra được".* Lời khuyên của Lương Khải Siêu thật là sâu sắc. Lương giới thiệu Phan với Khuyển Dưỡng Nghị và Đại Ôi, những nhà lãnh đạo chính trị cấp tiến của Nhật Bản. Đại, Khuyển rất dè dặt:

---

547 *Kỳ ngoại hầu* nghĩa là *Ông hầu ngoài kinh kỳ*, tức dòng hoàng tử Cảnh.

548 Lấy Lưu Cầu, tên một quốc đảo phụ thuộc vào Trung Hoa bị Nhật chiếm năm 1879, làm ẩn dụ.

"Chúng tôi có thể giúp lương thực, còn giúp khí giới thì phải tuyên chiến với Pháp, điều rất khó".

Phan thất vọng. Lương khuyên hai giải pháp: Dùng lời văn để thức tỉnh lòng dân và đánh động dư luận thế giới. Về nước cổ động thanh niên xuất dương du học, xây dựng vững nền tảng: dân trí, dân khí và nhân tài. Nghe Lương, Phan viết *Việt Nam Vong Quốc Sử* (1905), nhờ Lương in hộ. Cuối tháng 7/1905, Phan Bội Châu và Đặng Tử Kính lén đem 50 bản *Việt Nam Vong Quốc Sử* về nước. Tác phẩm có tác động như quả bom thứ nhì sau *Lưu Cầu huyết lệ tân thư*. 1905 còn là cái mốc quan trọng trong tình hình thế giới: Nhật thắng Nga tại eo biển Đối Mã, người da vàng lấy lại niềm tin, biết có thể thắng được người da trắng đang làm chủ thế giới.

Phan Bội Châu về nước với mục đích đem Cường Để và một số sinh viên sang Nhật. Tháng 8/1905, Phan họp với Đặng Nguyên Cẩn[549] trong một chiếc thuyền trên sông Lam, rồi gặp Ngô Đức Kế, thủ lãnh phong trào Duy Tân và Đông Du Nghệ-Tĩnh ở Nghèn, bàn việc kinh tài cho phong trào Đông Du. Tháng 4/1906, Đặng Nguyên Cẩn và Ngô Đức Kế bắt tay xây dựng các cơ sở thương mại: *Triêu Dương thương quán* được thành lập khoảng tháng 11/1906, và các Nông hội, các Học hội khác lần lượt ra đời.

Phan lại lên đường sang Nhật. Gặp lại Lương Khải Siêu, nói đến những khó khăn về việc tìm sinh viên và kiếm trợ cấp. Lương khuyên nên có một bài văn cổ động việc này, Phan viết "*Khuyến quốc dân tư trợ du học văn - Khuyên dân đóng góp cho việc du học*, Lương in giùm ngàn trang để gửi về nước. Một lần nữa, tác phẩm của Phan Bội Châu lại gây xao động lòng dân: dân chúng đóng góp và sinh viên bắt đầu tìm đường sang Nhật. Khuyển giới thiệu Phan với Tôn Dật Tiên. Hội đàm 2 lần. Tôn khuyên Phan nên bỏ quân chủ chuyển sang dân chủ, nên liên kết với đảng Quốc Dân Trung

549 Cha Đặng Thai Mai.

Hoa để cùng tranh đấu, nhưng không đi đến thoả thuận nào. Đầu năm 1906, Phan Bội Châu trở về Hương Cảng đón Kỳ Ngoại Hầu. Hai thủ lãnh đã ở hải ngoại, Duy Tân hội có thể công khai, in rõ chương trình hành động, với ba tiêu chỉ: *Đánh đổ Pháp - Khôi phục Việt Nam - Kiến thiết nhà nước quân chủ lập hiến*. Lần này Phan đã chuyển sang con đường lập hiến.

Tháng 2/1906, Phan Bội Châu gặp Phan Châu Trinh tại nhà Lưu Vĩnh Phúc ở Quảng Châu. Rồi cùng sang Nhật. Thời gian ở chung tại Nhật, hai người đã tranh luận sôi nổi về đường lối cứu nước, nhưng hai hướng đi đối lập, không thể dung hoà. Phan Bội Châu: *"Cụ thì muốn đánh đổ quân chủ, mà cốt vun trồng nền tảng dân quyền. Dựa vào Pháp mà đánh đổ quân chủ. Còn ý tôi thì muốn đánh đổ người Pháp trước, chờ nước mình độc lập rồi, mới bàn đến việc khác. Vì thế, đương lúc đánh với Pháp, phải lợi dụng quân chủ. (...) Cụ thì muốn dựa vào Pháp đánh đổ vua, tôi ưng theo lối bài Pháp phục Việt, sở dĩ mâu thuẫn với nhau là như thế"*[550].

Phan Châu Trinh: *"Một là đảng "cách mạng", một là đảng "tự trị". Nguồn phát khởi đảng "cách mạng" là Phan Bội Châu. Đảng "tự trị" người phát khởi là Phan mỗ mỗ- Phan Bội Châu chủ trương bạo động- Tôi xướng thuyết dựa vào người Pháp để tự lập"*[551].

Tuy hai lãnh tụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh có hai đường hướng chính trị đối lập, nhưng phần lớn trí thức nho học như Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Lương Văn Can, Nguyễn An Khương... ủng hộ cả hai phong trào: Đông

---

550 *Phan Bội Châu niên biểu* tức *Tự Phán*.

551 Phan Châu Trinh, *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam - Nước Việt Nam mới sau khi liên hiệp với Pháp*, bản dịch của Nguyễn Q.Thắng, Nguyễn Văn Tưởng, in trong Phan Châu Trinh cuộc đời và tác phẩm của Nguyễn Q. Thắng, Văn Học, 1992, trang 251-285.

Du và Duy Tân. Sau hai tháng ở Nhật, Phan Châu Trinh thấy không thể nhờ Nhật, ông về nước, xúc tiến việc mở rộng phong trào Duy Tân, và từ đây con đường của hai người chia hai ngả. Phan Bội Châu trở lại Hoành Tân, thảo *Hải ngoại huyết thư* và viết *Kính cáo toàn quốc phụ lão văn* thay lời Cường Để, hiệu triệu đồng bào. Lại một lần nữa, ngòi bút Phan Bội Châu tác dụng lên quần chúng, nhất là người dân Nam Kỳ rất gắn bó với triều Nguyễn, sự đóng góp cho Duy Tân Hội và Kỳ Ngoại Hầu cao nhất trong nước.

Năm 1908, cách mạng Việt Nam chịu những tổn thất nặng nề: Ở trong nước, phong trào *Trung Kỳ dân biến,* chống thuế ở miền Trung, do ảnh hưởng *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu và phong trào cúp tóc của Phan Châu Trinh, bị đàn áp dã man. Đông Kinh Nghiã Thục và một loạt các trường học, hãng buôn kinh tài cho Duy Tân và Đông Du bị đóng cửa. Các lãnh tụ Duy Tân và Đông Du: Nguyễn Thành, Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn... đồng loạt bị bắt, bị đi đầy. Riêng Trần Quý Cáp, thầy học của Phan Khôi, bị xử chém ở chợ Cạn tỉnh Khánh Hoà. Cái chết bi thảm của Trần Quý Cáp có lẽ là một trong những lý do khiến Phan Khôi sau này phê bình gay gắt tính chất bạo động của các cuộc nổi dậy chống Pháp: Trung kỳ dân biến (1908) và Xô-Viết Nghệ-Tĩnh (1930-31).

Tháng 3/1909, Nhật bắt tay với Pháp, trục xuất Phan Bội Châu, Cường Để và các sinh viên du học. Phan phải lánh sang Trung Hoa. 1911, Cách mạng Tân Hợi của Tôn Dật Tiên thành công, đem lại nguồn hy vọng mới. Tháng 11/1911, Phan tuyên bố *"thủ tiêu"* Duy Tân Hội lập Việt Nam Quang Phục hội (Khôi phục Việt Nam). Mua vũ khí và chuyển sang chiến đấu võ trang để khôi phục lãnh thổ.

1913, nhiều vụ bạo động xẩy ra ở trong nước do Quang Phục Hội lãnh đạo nhưng không đem lại kết quả mong

muốn. Pháp đàn áp gắt gao. Quần chúng trước ủng hộ Phan Bội Châu, nay ngần ngại. Ảnh hưởng đấu tranh bất bạo động của Phan Châu Trinh, một thời bị lu mờ vì Phan Bội Châu, nay trở lại.

Phan Bội Châu không chỉ là nhà chính trị mà còn là nhà văn, nhà thơ lỗi lạc. Tác phẩm của ông khơi động tinh thần ái quốc của toàn dân. Từ Phan Bội Châu phát sinh dòng cách mạng bạo động: Lương Ngọc Quyến[552], Nguyễn Thái Học, Nguyễn Hải Thần, Hồ Chí Minh, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam...

Phan Châu Trinh chủ trương duy tân, dân chủ, tự lực, tự cường. Từ ông, phát xuất các phong trào tranh đấu bất bạo động: Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Hồ Hữu Tường, Phan Khôi...

---

552 Trong số những sinh viên đầu tiên vượt biển sang Nhật, có anh em Lương Ngọc Quyến, Lương Nghị Khanh, (con Lương Văn Can, hiệu trưởng Đông Kinh Nghiã Thục) và Nguyễn Hải Thần (môn đệ của Lương Văn Can), sau này sẽ trở thành lãnh tụ Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội. Lương Ngọc Quyến là một thanh niên "bụi đời" đầu thế kỷ XX, nghệ sĩ, để tóc dài, sang Nhật, học trường quân sự Chấn Võ, đi "ăn mày" để quyên tiền cho sinh viên Đông Du. Tự do, quật khởi, bất khuất. Nhiều năm bôn ba ở Trung Hoa tìm cách mộ binh đánh Pháp. Sau này, Nguyễn An Ninh sẽ tiếp tục hình ảnh nhà cách mạng bụi đời Lương Ngọc Quyến.

Theo Đào Trinh Nhất và Nguyễn Hiến Lê, năm 1915 Lương Ngọc Quyến bị bắt ở Hương Cảng giải về Hà Nội, giam ở nhiều nơi, rồi đưa lên Thái Nguyên. Darbes, công sứ Thái Nguyên, nổi tiếng bạo ngược nhất đất Bắc, sai dùi bàn chân Lương Ngọc Quyến buộc vào xích sắt. Dù vậy, Quyến vẫn liên lạc với viên đội khố xanh Trịnh Cấn. Đêm 30/8/1917, Trịnh Cấn phá ngục, chiếm đồn, cõng Lương Ngọc Quyến ra để chỉ huy. Nghiã quân làm chủ Thái Nguyên từ 30/8 đến 5/9, lấy cờ năm sao làm quốc kỳ, đặt quốc hiệu là Đại Hùng đế quốc, công bố hai bài tuyên ngôn với quốc dân. Khi Pháp tiến đánh, biết thế không giữ nổi, không chịu theo cáng để rút lui, Lương Ngọc Quyến nhờ Trịnh Cấn bắn một phát vào ngực ngày 5/9. Lương để lại bài *Cảm tác* trước khi mất, lời thơ hùng tráng, bi phẫn. Đội Cấn rút quân chống cự với Pháp, ngày 5/1/1918, bị vây và bị thương ở Pháo Sơn, chỉ còn 4 thủ hạ, Trịnh Cấn tự bắn vào bụng. Hai cái chết oanh liệt bi tráng vào bậc nhất trong lịch sử cách mạng dân tộc. Ngô Đức Kế lúc ấy đang bị tù ở Côn Đảo, làm sáu bài thơ tứ tuyệt chữ Hán tựa đề *Thái Nguyên thất nhật Quang Phục ký*. Lương Ngọc Quyến trở thành thần tượng của Nguyễn An Ninh và khởi nghiã Thái Nguyên 1917 dẫn đến khởi nghiã Nguyễn Thái Học 1930.

● Phan Châu Trinh (1872-1926) và phong trào Duy Tân

Phong trào Duy Tân chủ trương bất bạo động, khôi phục đất nước bằng nâng cao dân trí, cải tổ mọi mặt xã hội: kinh tế, giáo dục và văn hoá, lập các nhà buôn lớn để tự lực, mở trường dạy học hiện đại, dạy quốc ngữ, bỏ từ chương, thêm khoa học và sinh ngữ. Chọn nền chính trị dân chủ.

Phan Châu Trinh sinh ngày 9/9/1872, tại làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Cha là Phan Văn Bình, một võ quan ở biên giới vùng núi. Mẹ là Lê Thị Chung. Thiếu thời, Phan theo cha học võ và tham dự phong trào Cần Vương. Năm 1887, cha bị lãnh đạo nghi ngờ, xử tử. Phan được anh cả là Phan Văn Cừ trông nom, trở về đi học. Đậu cử nhân năm 1900, phó bảng, 1901. Bạn học cùng khoá với Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Đình Hiến, Ngô Đức Kế, Nguyễn Sinh Huy (cha Nguyễn Tất Thành). Tất cả đều đỗ đạt cao. Năm 1903, Phan được bổ làm Thừa Biện Bộ Lễ. Nhưng ông chỉ làm việc hơn một năm rồi xin từ chức.

Tháng 2/1905, Phan Châu Trinh cùng Trần Quý Cáp (1874-1908), Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947) rủ nhau đi Nam. Qua Bình Định, gặp kỳ thi, cả ba mạo danh vào thi. Đề thi là *Chí thành thông thánh*[553], Phan làm bài thơ *Chí thành thông thánh* còn Trần và Huỳnh làm bài phú *Danh sơn lương ngọc*[554]. Hai tác phẩm sẽ được quảng bá rộng rãi trong quần chúng và phát động phong trào Duy Tân[555].

---

553 Lòng thành động đến thánh hiền.

554 Núi có danh sản xuất ra ngọc tốt - Núi có danh vì có người hiền tài.

555 Tinh thần Duy tân bắt nguồn từ những bản điều trần của Phạm Phú Thứ (1821-1882), Nguyễn Trường Tộ (1828-1871) dâng vua Tự Đức (1829-1883), đó nguyên nhân xa. Nguyên nhân gần: Tinh thần Duy Tân bắt nguồn từ Nguyễn Lộ Trạch (1852-1895) với văn bản *Thiên hạ đại thế luận,* viết năm 1892. Các lãnh tụ Đông Du và Duy Tân đều đọc và chịu ảnh hưởng của văn bản này trước khi đọc *Tân thư* do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu giới thiệu và dịch Rousseau, Montesquieu sang chữ Hán. *Thiên hạ đại thế luận* nay đã mất, nhưng qua Huỳnh Thúc Kháng, chúng ta có thể biết những điểm chính của bài đại luận này:

Huỳnh Thúc Kháng chỉ ghi chuyến đi Nam là chuyến *"đi chơi, đi du lịch",* kỳ thực lúc đó ba người tìm đường sang Nhật. Nguyễn Tử Trực khai: "*Họ được biết tin có tầu Nhật cập bến Khánh Hoà và họ muốn tìm đường Đông Du và vì vậy phải cải trang thành thương nhân lên tầu bán hàng để rồi theo tầu về phía Đông; họ không ngờ rằng khi đến đó, chỉ thấy có tầu Nga mà không có tầu Nhật; họ bèn quay trở về để đi Phan Thiết và tìm đường để đi về phía Đông*"[556]. Vào Bình Thuận. Trần và Huỳnh xem xét tình hình rồi về Quảng. Phan bị ốm ở lại Phan Thiết. Ốm chỉ là cớ, vì theo Hồ Tá Khanh: "*Thời cơ đó rất thuận tiện cho Phan Châu Trinh ở lại mấy tháng bàn bạc với anh em và hoạt động ngay. Trước mắt nhà cầm quyền Pháp, bọn quan lại triều đình không dám hó hé. Thư xã được lập ngay trong năm 1905 mà diễn giả đầu tiên là cụ Tây Hồ... Liên Thành ra mắt năm 1906 và năm 1907 trường Dục Thanh mở cửa*"[557]. Đó là những cơ sở đầu tiên của phong trào Duy Tân trên đất nước.

1- Nước mạnh hay yếu là tại *chánh giáo* (là nền giáo dục lấy *chánh đạo* để đào tạo sĩ phu và quốc dân) chứ không phải tại lớn nhỏ. 2- Trình bày tình trạng tê liệt của Trung Hoa. Người Việt Nam đừng trông mong gì nước ấy giúp mình. Phải biết Duy Tân mà tự cường như Nhật Bản mới mở mặt được. 3- Bàn về các lẽ suy nhược của Việt Nam. 4- Muốn cứu nước, không thể theo đường cũ mà phải: a- Chấn chỉnh chánh giáo. b- Duy Tân, mở mang nông, công, thương, kỹ thuật khoa học của Âu Tây. c- Chờ cơ hội thuận lợi mà cứu nước. Sau khi trình bày bài luận trên, Huỳnh Thúc Kháng viết: *"40 năm về trước* (tức là 1892) *mà học giới ta nước ta có người đại văn hào viết bài đại luận tình lý đã xác thực châu đáo mà văn thể cũng hùng kiện, không đáng gọi là Khang, Lương của nước ta hay sao? Chính cụ Sào Nam, cụ Tây Hồ và phần nhiều trong đám tiên thời nhân vật ở xứ ta sở đắc ảnh hưởng của bài ấy rất là sâu xa mật thiết, không kém gì sách Lương, Khang kia".* Đúng như nhận xét của Nguyễn Văn Xuân: *"Đại Thế Luận của Nguyễn Lộ Trạch đưa ra nét chính, phác họa một phong trào Duy Tân còn thô sơ. Phải nhờ Phan Châu Trinh mang chủ thuyết Dân Quyền về làm Chánh giáo, phong trào Duy Tân mới thực sự mở màn"* (theo Nguyễn Văn Xuân, *Phong Trào Duy Tân*, Lá Bối, 1969, các trang 33-34-35).

556 Lê Thị Kinh, bản hỏi cung Nguyễn Tử Trực, *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, nxb Đà Nẵng, 2001 tập 1, quyển 1, trang 74.

557 Trích *Thông sử Liên Thành* do bác sĩ Hồ Tá Khanh viết năm 1984 tại Pháp, Lê Thị Kinh, sđd, tập1, q.1, tg. 69.

Sở dĩ phong trào Duy Tân phát triển được, vì đó là thời toàn quyền Paul Beau (1902-1908), người đã từng làm đại sứ ở Trung Hoa. Từ khi nhậm chức, Beau hết sức cải tổ chính trị, mở thêm các trường Pháp-Việt và Đại học đầu tiên ở Đông Dương[558]. Toàn quyền Antoine Klobukovski kế nhiệm (1908-1910) áp dụng một chính sách hà khắc hơn nhiều.

Cuối 1905, Phan Châu Trinh ra Bắc, liên lạc với Lương Văn Can và các thân sĩ Bắc Hà để lập cơ sở Duy Tân ở Bắc (sẽ là trường Đông Kinh Nghiã Thục), gặp Đề Thám, sang Quảng Châu gặp Phan Bội Châu rồi hai người cùng sang Nhật. Quan sát tình hình chính trị và dân trí nước Nhật, bàn luận với Phan Bội Châu, biết không cùng chí hướng: Phan Châu Trinh về nước, xúc tiến con đường duy tân.

Về nước tháng 6/1906. Phan Châu Trinh gửi cho toàn quyền Beau bản *"Đầu Pháp chính phủ thư"*[559], lên án gắt gao triều đình và quan lại. Phan hoạt động không ngừng: phát động phong trào cắt tóc ngắn, liên lạc với các sĩ phu, tìm sự ủng hộ của các nhân vật quan trọng như Hoàng Cao Khải, phó vương kinh lược sứ Bắc Kỳ và nhà tỷ phú Bạch Thái Bưởi[560], tham gia xây dựng Đông Kinh nghiã thục...[561]

● Đông Kinh nghiã thục và Trung Kỳ dân biến

Ở số 10 Hàng Đào[562] năm 1906, là cửa hiệu của bà Lương Văn Can, nhưng trên gác, là nơi hội họp của các nhà

558 Theo Phạm Quỳnh, là với mục đích quảng bá ảnh hưởng Pháp, lôi cuốn sinh viên Trung Hoa và các nước Á Châu sang học, thay vì đi du học Mỹ.

559 Thư gửi cho nhà cầm quyền Pháp.

560 Lê Thị Kinh, sđd, trang 135.

561 Nguyễn Hiến Lê viết: "Cụ Tây Hồ là người mở đường cho phong trào duy tân ở nước nhà. Lập Nghiã thục, một phần công lớn là của cụ, gây tư tưởng mới ở Quảng Nam là cụ, đi khắp nơi diễn thuyết là cụ, khuyên quốc dân cắt tóc là cụ, liệng cái phó bảng mà ra lập hiệu buôn cũng là cụ, bỏ tục nhuộm răng, vận Âu Phục bằng nội hoá thì người đầu tiên cũng lại là cụ" (Đông Kinh nghiã thục, Lá Bối, Sài Gòn, 1968, trang 85).

562 Nguyễn Văn Vĩnh ghi số 10 Hàng Đào, Nguyễn Hiến Lê ghi số 4 (chắc ông Lê nhầm).

cách mạng mà thủ lãnh là Lương Văn Can. Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh, đều đến luận bàn với họ mỗi khi ra Bắc. Đó là trụ sở Đông Kinh Nghiã Thục.

Đông Kinh là tên kinh đô Thăng Long thời nhà Hồ. Nghiã Thục là dạy không tốn tiền. Chọn tên Đông Kinh là đã ngụ ý theo sự *duy tân* của Hồ Quý Ly và cả *cách mạng* Hồ Quý Ly nữa. Bởi *Đông Kinh nghiã thục*, chủ trương cả hai đường: *cách mạng bạo động* và *duy tân văn hoá*, của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh[563].

Nhiều nho sĩ góp tiền và dạy không công - ngày 2 bữa cơm và ngủ ngay tại trường. Các lớp dạy miễn phí. Tiểu học: Việt văn. Trung và Đại học thêm Hán và Pháp văn. Một tháng 2 lần diễn thuyết. Bỏ lối học từ chương khoa cử. Trần Hữu Dực và Nguyễn Quyền đứng đơn xin mở trường[564], Lương Văn Can, hiệu trưởng. Nguyễn Quyền, giám học.

Tháng 3/1907, mở hai lớp đầu tiên. Tháng 5/1907 mới chính thức được giấy phép. Số học sinh gia tăng rất nhanh. Đào Trinh Nhất đã học, cho biết có khoảng hơn ngàn[565] và Nguyễn Văn Vĩnh cũng viết: "*Bài nói chuyện cuối cùng của tôi về trường Đại học cho Việt Nam đã được trên 500 người nghe*"[566]. Trường có ban tu thư để soạn sách và dịch sách lấy. Có máy in. Các sách của trường in ra không còn dấu vết, nhưng những bài ca ái quốc còn truyền lại. Cuốn *Hải Ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu đã được trường quảng bá khắp

---

563 Nguyễn Hiến Lê viết: *"Sự thực là có một sự phân công giữa các nhà Nho thời đó và hai phái Duy Tân và Bạo Động nhắm chung một đích, bổ túc lẫn nhau. Các cụ hẹn với nhau cứ sáu tháng lại khai hội một lần"* (trang 43).

564 Nguyễn Văn Vĩnh, *Bản điều trần gửi toàn quyền về Đông Kinh Nghiã Thục*, Lê Thị Kinh, sđd, trang 132.

565 Nguyễn Hiến Lê đoán có lẽ ít hơn, NHL, sđd.

566 Nguyễn Văn Vĩnh, tài liệu đã dẫn, Lê Thị kinh, sđd, trang134. Theo Nguyễn Hiến Lê: Giáo sư Hán Văn gồm có cụ Kép làng Hương Canh, Dương Bá Trạc, Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Quyền, Lương Trúc Đàm... Giáo sư Việt Văn, Pháp văn và Toán: Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Trần Đình Đức, Bùi Đình Tá, Phạm Đình Đối...

nước. Đông Kinh Nghiã Thục phát động phong trào yêu nước, phổ biến các bài ca yêu nước như *Thiết Tiền Ca* của thầy đồ Tây Tựu, và qua các buổi diễn thuyết. *"Các giáo sư như Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền, Nguyễn Văn Vĩnh thay phiên nhau đăng đàn, nhưng nhà hùng biện nhất vẫn là cụ Tây Hồ. Mỗi lần ở Quảng Nam ra thì cụ đều lại Nghiã thục để diễn thuyết"*[567]. Tất nhiên chính quyền thuộc địa phải tìm cách dẹp.

Tháng 1/1908, trường bị thu giấp phép[568].

Hoạt động chưa được một năm, nhưng ảnh hưởng của Đông Kinh Nghiã Thục rất quan trọng trong thế kỷ XX: Đó là cái nôi đầu tiên xây dựng nền Việt học.

Đông Kinh Nghiã Thục bị đóng cửa tháng giêng, đến tháng 4/1908, khởi phát phong trào *Trung Kỳ dân biến*: dân chúng nổi dậy chống thuế. Bạo động. Khâm sứ Trung Kỳ Lévecque, Toàn quyền lâm thời Bonhoure và sau đó toàn quyền Klobukovski thẳng tay đàn áp, mượn cớ dẹp luôn Duy Tân và Đông Du: Phan Châu Trinh bị bắt ở Hà Nội, giải về Huế. Trong tư liệu mới về Phan Châu Trinh, bà Lê Thị Kinh tức Phan Thị Minh, cháu ngoại cụ Phan tìm thấy các chứng cớ chứng minh chính khâm sứ Trung Kỳ Lévecque đích thân chỉ đạo việc đàn áp cùng với toàn quyền lâm thời Bonhoure, quyết định kết án tử hình Phan Châu Trinh, nhưng nhờ Phủ Phụ chính, đặc biệt các quan thượng thư Cao Xuân Dục và Lê Trinh chống lại Lévecque, đổi án tử hình sang đầy *Lao*

---

567 Nguyễn Hiến Lê, sđd, trang 79.

568 Nguyễn Văn Vĩnh viết: *"Rồi đã xẩy ra việc cảnh sát soát xét và tìm thấy 3 khẩu súng tại một trường ở Hà Đông (súng đã bị mất trong thành Hà Nội). Đông Kinh nghiã thục đã bị khám xét nhưng chỉ tìm thấy một số tranh và bản đồ của Nhật cùng một số sách chữ Tầu (...) Hôm sau ông Can được gọi đến toà Khâm sứ và được yêu cầu đóng cửa trường. Ông trình bầy gì cũng không được. Ông chạy về hỏi tôi. Tôi khuyên ông trước hết cứ chấp hành lệnh trên đã, sau đó sẽ trình bầy rõ hơn và có thể sẽ có lệnh ngược lại."* (Bản điều trần gửi toàn quyền về Đông Kinh nghiã thục, bài đã đã dẫn).
Nguyễn Hiến Lê cho biết các cụ đã đã đốt hết tài liệu từ những đêm trước.

Bảo, Lévecque-Bonhoure đổi thành *Côn Đảo*. Sau vụ Phan Châu Trinh, Lévecque không cho đưa Trần Quý Cáp vào Huế để phủ Phụ Chính xử nữa, mà giam ông ở Khánh Hoà, rồi lệnh cho quan lại Khánh Hoà chém ngay, không để cho triều đình kịp can thiệp. Từ trước đến nay chúng ta vẫn tưởng nhờ Ernest Babut vận động Hội Nhân Quyền can thiệp mà Phan Châu Trinh thoát án tử hình.

Ngày 1/4/1911, Phan Châu Trinh và con trai là Phan Châu Dật rời Sài Gòn. Ngày 27/4/1911, tàu đến Marseille, đi xe lửa tốc hành lên Paris, ở hôtel rue Gay Lussac từ 27/4 đến 2/5. Sau đó chuyển đến ký túc xá Guyau của sinh viên, số 32 rue Vouillé[569]. Châu Dật học ở Montparnasse. Tháng 4/1913, Phan Châu Trinh trọ ở hôtel rue l'Abbé de l'Epée, Paris 5e. Tháng 10/1913, ông dọn sang hôtel rue Cujas, Paris 5e.

Tại Paris, Phan viết *Trung Kỳ dân biến thỷ mạt ký* điều trần với chính phủ Pháp nỗi đau khổ của người dân, vì sưu cao thuế nặng mà phải nổi lên chống thuế, rồi bị đàn áp dã man, mong chính quyền thuộc địa thay đổi chính sách.

Từ đây, kháng chiến chống Pháp bước sang giai đoạn thứ ba: đòi tự do dân chủ và độc lập bằng ngòi bút. Phan Văn Trường khởi động tại Pháp năm 1912, lập Hội Đồng bào Thân Ái, cùng Phan Châu Trinh lãnh đạo phong trào Việt kiều. Tháng 6/1919, Phan Văn Trường viết *Thỉnh nguyện thư của dân tộc An Nam*, ký tên *Nguyễn Ái Quấc,* gửi Hội Nghị Hoà Bình Versailles, công khai đòi tự do dân chủ. *Phong trào chống Pháp tại Pháp* bắt đầu.

Những người chủ chốt được gọi là Ngũ Long gồm Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Tất Thành.

---

569 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 29.

● Phan Văn Trường (1878-1933)

Nhờ hồi ký *Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou la vérité sur L'Indochine - Chuyện những người An Nam âm mưu ở Paris hay sự thật về Đông Dương* của Phan Văn Trường, do sử gia Ngô Văn sưu tầm, in lại ở Paris, nxb l'Insomniaque, 2003, ta được biết thêm nhiều sự kiện mới về Phan Văn Trường.

Phan Văn Trường sinh năm 1878 tại làng Đông Ngạc, tỉnh Hà Đông, trong một gia đình 6 anh em. Con ông Phan Huy Quang và bà Phan Thị Nghiêm. Học trường Dòng, rồi trường thông ngôn. Làm phán sự ở Toà Sứ. Viên chánh văn phòng Toà Thống Sứ nhận xét: *"Được giao làm các công bố chính thức, Trường hoàn thành nhiệm vụ rất cẩn thận và khéo léo. Có trí thông minh thực vô song, Trường sẽ là một phán sự cực giỏi có thể thay hẳn một viên chức người Âu".* Nhưng sau đó thêm vào*: "Có những biểu hiệu cứng đầu rất rõ rệt và những hành động gần như vô kỷ luật"*[570].

Năm 1908, đậu ngạch tham tá, biệt phái sang Paris làm giáo sư phụ giảng tiếng Việt[571] tại trường Ngôn Ngữ Đông Phương[572] và học Luật. Ông đi Pháp theo nghị định ngày 8/11/1908 của phủ Toàn quyền. Ông nhập Pháp tịch ngày 18/3/1911.

Năm 1912, xong cử nhân, ông ghi tên vào luật sư đoàn, tập sự tại toà Thượng Thẩm Paris. 1912, ông gặp Phan Châu Trinh, lập hội Đồng Bào Thân Ái**,** cơ sở đầu tiên của Việt kiều yêu nước tại Pháp. Vì hoạt động này, đầu tháng 1/1913, khế ước dạy học của ông bị huỷ.

Từ tháng 4/1913, Việt Nam Quang Phục Hội của Phan Bội Châu tổ chức nhiều cuộc bạo động ở Bắc và Trung. Ngày 26/4/1913, nhân vụ ném bom tại một quán cà phê, hai

---

570 Lý lịch Phan Văn Trường lập năm 1919, của Sở Mật Tham Trung Ương, Lê Thị Kinh, Phan Châu Trinh... Tập I, Quyển 3, trang 120-121.

571 Répétiteur d'Annamite.

572 Ecole des Langues Orientales.

sỹ quan Pháp bị chết ở Hà Nội, chính quyền bảo hộ bắt người anh cả của ông là Phan Tuấn Phong -trí thức nho học- và con trai 13 tuổi là Phan Trắc Cư. Ngày 30/6/1913, khám nhà em trai ông là Phan Trọng Kiên lấy cớ tìm được ở nhà ông Kiên những thư từ liên lạc với ông Trường. Hai anh em và Cư bị đầy chung thân biệt xứ sang Nouvelle-Calédonie. Nhiều năm sau, nhờ luật sư Marius Moutet can thiệp, mới được trở về.

Ngày 31/10/1913, Bộ Thuộc Địa gài bẫy, dùng lá thư của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để ở Đức gửi Phan Châu Trinh, để kết tội hai ông Phan liên lạc với Việt Nam Quang Phục Hội, năm sau sẽ buộc tội hai ông *"âm mưu chống nhà nước Pháp"* qua bản khai (man) của Nguyễn Như Chuyên. Chuyên đi cùng tàu với Phan Châu Trinh sang Pháp, ở cùng khách sạn với Phan Châu Trinh, rue L'Abbé de l'Épée, rồi Cujas, có nhiệm vụ theo dõi Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường.

Ngày 13/3/1914, Phan Văn Trường được mời dự Hội thảo về vấn đề Đông Dương ở trường Cao Đẳng Xã Hội[573], Albert Sarraut[574] lo ngại, can thiệp với Bộ Thuộc Địa, không cho Phan Văn Trường diễn thuyết nhưng không thành. Phan Văn Trường nói về đề tài: *Les revendications indigènes - Những thỉnh nguyện của người bản xứ*[575].

Bài diễn văn không nhắm trực tiếp vào những đòi hỏi độc lập dân chủ, vì ông biết đòi lúc này vô ích, nhưng ông phê bình đến nguồn cội của chính sách thực dân kiểu Âu châu từ thời La Mã, rồi so sánh và đối chất với hệ thống đô

---

573 Ecole des Hautes Études Sociales.

574 Saraut làm Toàn quyền Đông Dương từ 1911-1914 và từ 1917-1919, sau đó làm Bộ Trưởng Bộ Thuộc Địa.

575 *Les revendications* theo tiếng Việt ngày nay thì phải dịch là *Những yêu cầu, những đòi hỏi*, nhưng trong bối cảnh tiếng Việt đầu thế kỷ XX, dường như chưa có chữ đó, và nếu có, cũng không thể ăn nói một cách "dân chủ" như thế, đối với người Pháp, chúng tôi dịch là *Thỉnh nguyện* theo Hoàng Xuân Hãn, vì chữ này phù hợp với ngôn ngữ đầu thế kỷ và ngôn ngữ Phan Văn Trường trong bản Thỉnh nguyện thư Tám điểm 1919.

hộ kiều Tàu, là nguồn cội xuất phát đế quốc An Nam. Bài diễn thuyết làm chính quyền thực dân lo ngại.

Thế chiến bùng nổ. Cuối tháng 7/1914, lệnh tổng động viên, vì có quốc tịch Pháp, Phan Văn Trường bị gọi đi lính. Ngày 12/9/1914, đang đóng ở Chartres, ông bị đưa về Paris, giam trong binh ngục Cherche-Midi. Phan Châu Trinh bị bắt ngày 15/9/1914, bị giam tại ngục Santé. Lý do giả là lá thư của Cường Để. Lý do thực là Hội Đồng Bào Thân Ái, đã được dự thẩm toà án binh, quan ba[576] Caron viết ra: "*Ngày 22/8/1914 có công văn của Bộ trưởng thuộc địa gửi cho Bộ trưởng quốc phòng thông báo: Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường trong hai năm qua đã kích động sinh viên và đồng bào thù ghét chính phủ Pháp và đưa họ vào một tổ chức có mầm mống phản loạn*"[577].

Trong bản hỏi cung ngày 8/4/1915, Nguyễn Như Chuyên khai hết những *"âm mưu chống phá chính quyền"* của hai ông Phan với những *"bằng chứng":* ông Trường sang Anh nhiều lần tìm cách liên lạc với cách mạng Trung Hoa, ông Trinh được chính phủ Đức cho tiền để mua súng đạn, tổ chức lật đổ chính quyền Pháp tại Việt Nam[578], điều này hoàn toàn bịa đặt, vì Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh đều chống cách mạng bạo động. Dù là *"sinh viên",* Nguyễn Như Chuyên cũng *"bị"* bắt giam vào binh ngục cùng Phan Văn Trường, Chuyên dụ ông Trường muốn thoát án tử hình, phải viết đơn cầu cứu Thủ lãnh Luật sư đoàn hay dự thẩm Caron, nhưng Phan không viết.

Tháng 7/1915, nhờ luật sư dân biểu đảng Xã hội Marius Moutet, đồng nghiệp của Phan tại toà Thượng thẩm,

---

576 Đại uý

577 Lê Thị Kinh tức Phan Thị Minh, *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, Đà nẵng, 2001, tập1, q.4, trang 7.

578 Bản hỏi cung Nguyễn Như Chuyên ngày 8/4/1915, tại toà án Binh Pháp, được in lại trong *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp*, của Thu Trang, Đông Nam Á, trang 59- 63.

yêu cầu Thủ tướng Pháp can thiệp cho ông xem hồ sơ, bởi vì nó trống. Albert Sarraut phải nhượng bộ. Toà tuyên *miễn tố*. Lệnh thả ký ngày 13/7/1915. Ngay khi ra tù, Phan Văn Trường biết từ đây mình có thể bị bắt và bị án tử hình bất cứ lúc nào, ông dặn Moutet mọi việc hậu sự.

Phan Văn Trường được gửi về Công Binh Xưởng Toulouse, làm thông ngôn cho lính thợ. Tại đây, ông vẫn bị Bộ Thuộc Địa, do André Salles chủ mưu -*sẽ nói rõ hơn ở các chương sau*- thâm thù Phan Văn Trường về việc trường Parangon và Hội Đồng Bào Thân Ái, tiếp tục theo dõi. Tháng 2/1916, Salles lại viết thư yêu cầu Bộ Quốc Phòng mở lại ăng-kết về ông, nhưng không có kết quả.

Đến tháng 6/1917, nhân việc viết đơn xin giãi ngũ cho một binh sĩ, Phan lại bị truy tố về tội *"chủ mưu xui giục"* công binh Việt Nam viết đơn xin giải ngũ[579]. Nhưng ông được thiếu tá chỉ huy Malacamp bênh vực. Tướng Mas đến Toulouse gặp Phan Văn Trường, sau đó Bộ Quốc Phòng trả lời dứt khoát Bộ Thuộc Địa, không chuyển Phan Văn Trường đi đâu hết vì không có bằng cớ gì cả.

Trong thời gian ở Toulouse, Phan kết bạn với Louise Vert -không ở chung- ở số 58 Rue Côte Pavé, sinh con trai Robert Phan, nhưng biết mình làm chính trị, có thể bị bắt bất cứ lúc nào, ông giấu tung tích vợ con. Bà liên lạc với ông qua địa chỉ ông Khánh Ký.

Tháng 4/1919, được giải ngũ, ông trở lại ở Paris. Luôn luôn bị mật thám theo dõi. Từ lúc này, địa chỉ số 6 villa des Gobelins, quận 13, Paris, nhà Phan Văn Trường, được coi là *"trụ sở"* của Hội Người An Nam Yêu Nước.

Tháng 6/1919 ông viết bản *Les revendications du peuple annamite* - *Thỉnh nguyện thư của dân tộc An Nam*, ký tên Nguyễn Ái Quấc, đưa Nguyễn Tất Thành đem đến Hội Nghị Hoà Bình ở Versailles. Bản thỉnh nguyện không được

---

579 Trong thế chiến, số thợ và lính từ Việt Nam sang Pháp khoảng 92.000 người.

Hội Nghị Hoà Bình lưu ý, nhưng làm cho chính quyền Pháp nổi giận, sẽ được ghi lại như văn bản đầu tiên đòi tự do dân chủ của người Việt gửi đến chính phủ Pháp và Đồng Minh.

Từ cuối 1919 đến giữa 1922 Phan Văn Trường thường sang Rhénanie biện hộ tại toà án binh Mayence. Đây là vùng đất Đức, thuộc Pháp từ 1793 đến 1914 Đức mới lấy lại. Ông sang đây cãi ở toá án binh, vì ở Paris không thể làm việc được: thân chủ ông bị mật thám theo dõi và đe doạ. Ngày 3/6/1922, ông trình luận án tiến sĩ, đề tài *Essai sur le Code Gia Long - Khảo luận về Luật Gia Long*.

Phan Văn Trường rời Pháp ngày 22/12/1923, đến Sài Gòn ngày 21/1/1924. Ra Bắc thăm gia đình, rồi trở vào Sài Gòn ngày 6/2/1925. Mở văn phòng chung với luật sư Paul Monin, nổi tiếng bảo vệ người An Nam, ở số 119 đường Mac-Mahon. Ông diễn thuyết và viết báo, cộng tác với Nguyễn An Ninh làm báo la *Cloche Fêlée - Chuông Rè,* cùng nhau viết nhiều bài chỉ trích chính quyền Pháp, nhưng Ninh để cho Trường ký, vì Trường có quốc tịch Pháp, thực dân không dám thẳng tay trừng trị như Ninh[580]. Ngày 26/11/1925, Phan Văn Trường thay Dejean de la Bâtie làm giám đốc tờ *Chuông Rè*[581]. Với các bài viết và các buổi diễn thuyết, nhóm Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, rồi sau này Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm... khuynh đảo tình hình chính trị tại Nam Kỳ.

Phan Châu Trinh lên đường về nước ngày 18/5/1925 cùng Nguyễn An Ninh và mất ngày 24/3/1926 tại Sài Gòn.

Vì tội tổ chức mít-tinh ở Vườn Xoài, Ninh bị bắt ngày 20/3/1926. Bốn ngày sau Phan Châu Trinh mất. Phan Văn Trường tiếp tục tờ *Chuông Rè*, mở rộng với nhóm Đệ tứ và đổi thành *L'Annam* từ 1/5/1926. *L'Annam* ra tới tháng 2/1928

---

580 Phương Lan-Bùi Thế Mỹ, *Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh 1899-1943*, Thúy Phương, Sài Gòn, 1970, trg 153.

581 Trước kia báo ra hàng tuần, bây giờ mỗi tuần hai lần.

phải đình bản, vì Phan Văn Trường bị toà Tiểu hình Sài Gòn kết án 2 năm tù ngày 27/3/1928[582] với những "tội" sau đây:

1- Báo An Nam năm 1926, đăng bản kêu gọi Hội Quốc Liên của báo Việt Nam Hồn và đảng Phục Việt[583] đòi quyền độc lập cho Việt Nam.

2- Đăng một bài trích báo L'Humanité Paris, xúi giục quân lính Việt Nam ở Trung Hoa bất tuân lệnh.

3- Cổ động dân chúng làm lễ truy điệu Lương Văn Can.

Toà Thượng Thẩm y án. Phan Văn Trường chống lên toà Phá Án Paris và sang Pháp để tự biện hộ. Toà Phá Án y án. Phan Văn Trường vào tù tháng 6/1929. Luật sư Marius Moutet, dân biểu đảng Xã Hội, vận động ân xá. Phan Văn Trường được trả tự do tháng 2/1930. Ông về nước, mở phòng cố vấn pháp luật tại Sài Gòn. 1933 ông ra Bắc thăm gia đình và mất tại nhà anh là Phan Cao Lũy, 25 phố Gambetta -Trần Hưng Đạo, Hà Nội, ngày 22/4/1933 vì bệnh đau gan[584].

● Nguyễn Thế Truyền (1898-1969)

Nguyễn Thế Truyền là khuôn mặt thứ nhì sau Phan Văn Trường trong nhóm Ngũ Long. Nhờ cuốn *Thân thế và sự nghiệp nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền* của Đặng Hữu Thụ, chúng ta có thể biết rõ về Nguyễn Thế Truyền.

Nguyễn Thế Truyền sinh ngày 17/12/1898 tại làng Hành Thiện, tỉnh Nam Định trong một gia đình khoa bảng nổi tiếng. Cha là Nguyễn Duy Nhạc. Ông là Nguyễn Duy

---

582 Ngô Văn, *Việt nam 1920-1945*, L'Insomniaque, 2000, trang 64-65.

583 Báo và đảng của Nguyễn Thế Truyền ở Pháp.

584 Theo Nguyễn Văn Vĩnh, *Trạng sư Phan Văn Trường từ trần*, l'Annam Nouveau số 231 ngày 24/4/1933 và Đặng Hữu Thụ, *Thân thế và sự nghiệp nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền*, tác giả xuất bản, Melun, Pháp, 1993, trang 35-36. Trong bài viết, Nguyễn Văn Vĩnh ghi ông Trường mất đêm hôm nay (báo ra ngày 24/4/1933)

Hàn, tuần phủ Thái Bình, bị hạ sát ngày 12/4/1913, vì bom của Phan Văn Tráng, trong Quang Phục Hội (Phan Bội Châu). Năm 1910, 12 tuổi, Truyền được phó công sứ Thái Bình Dupuy đem về Pháp du học. Vào nội trú trường Parangon[585] (trực thuộc Alliances françaises[586]) lúc đó do André Salles, cựu thanh tra thuộc địa, làm hiệu trưởng. Trường Parangon có mục đích đào tạo trẻ em thuộc địa trở thành *"công dân tốt"* trung thành với mẫu quốc.

Là học sinh xuất sắc, Nguyễn Thế Truyền liên tiếp được học bổng của Alliances françaises từ 1913 đến 1922. Năm 1915, đậu Brevet Supérieur, về nước một năm, học thêm Hán văn, rồi trở lại Pháp học tiếp kỹ sư hóa học (1916-1920) ở Toulouse.

Tháng 8/1920, sau khi tốt nghiệp kỹ sư, về nước một năm, học tiếp Hán văn. Tháng 8/1921 trở lại Paris, sửa soạn luận án tiến sĩ, học thêm triết và đậu cử nhân triết năm 1922.

Khi mới trở lại Paris, Nguyễn Thế Truyền ở số 3 Champollion, Paris 5e.

Đầu năm 1922, ông đến ở nhà Phan Văn Trường, số 6 villa des Gobelins - Từ cuối 1919 đến 1922, Phan Văn Trường hay đi Đức, biện hộ tại toà án binh Mayence. Khi Phan Văn Trường về lại Pháp, Nguyễn Thế Truyền mướn nhà số 6 rue Saint Louis en l'Ile, Paris. Kết duyên với cô La Tour, y tá, sống chung từ cuối 1922, có bốn con.

Nguyễn Thế Truyền là một con rồng lớn trong nhóm Ngũ Long, ông đã khuynh đảo chính sách thực dân bằng ngòi bút, đặc biệt trên tờ Le Paria, với sự cộng tác của Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thế Phu - chú của Truyền.

Nguyễn Thế Truyền vào đảng Xã Hội, rồi đảng Cộng Sản[587]. Năm 1925, ông làm phó tổng thư ký hội *Liên Hiệp*

---

585 Trường này ở Joinville le Pont, ngoại ô Paris.

586 Alliances françaises là Liên Minh Pháp Ngữ, cơ quan truyền bá tiếng Pháp ở nước ngoài.

587 Vào đảng Cộng Sản khoảng 1922 khi ông bắt đầu viết cho tờ *Le Paria*.

Thuộc Địa - Union intercoloniale và chủ bút tờ *Le Paria - Người cùng khổ.* Năm 1926, ông rời *Le Paria*, ra báo *Việt Nam Hồn*. Tháng 5/1927, ông tách khỏi bộ phận thuộc địa của đảng Cộng Sản Pháp và lập đảng Việt Nam Độc Lập[588].

Báo *Việt Nam Hồn* ra công khai được tám số[589] thì bị Albert Sarraut, lúc đó là tổng trưởng Nội Vụ, ra lệnh cấm. Vẫn lén lút ra. Sau đổi tên là *Hồn Việt Nam,* ra được bốn số, rồi đổi là *Việt Nam* từ tháng 9/1927. Từ khi *Việt Nam Hồn* bị cấm, Truyền ra công khai tờ *Phục Quốc*. Hai tờ *Le Paria* và *Việt Nam Hồn* mà Nguyễn Thế Truyền là linh hồn, đã ảnh hưởng sâu xa đến cách mạng Việt Nam. Ngày 7/12/1927 Nguyễn Thế Truyền và gia đình cùng Nguyễn An Ninh lên tàu về nước. Nguyễn Văn Luận thay thế quán xuyến mọi việc. Gia đình Nguyễn Thế Truyền về Sài Gòn ở nhà Nguyễn An Ninh một tháng, ra Huế thăm Phan Bội Châu 3 ngày, rồi đi Vinh thăm bà dì ruột.

Đầu tháng 3/1928, trở về quê làng Hành Thiện ở ít lâu rồi lên Nam Định cư ngụ số 22 đường Sài Gòn[590]. Lúc đó cha ông là Nguyễn Duy Nhạc đang làm tri phủ Quốc Oai, Sơn Tây, Nguyễn Thế Truyền từ chối mọi đề nghị làm việc với Pháp, sống bằng phần ruộng gia đình, tự trông nom mùa màng, giúp Nguyễn Thế Song, đã về mở xưởng sửa chữa máy móc và xe hơi ở Hà Nội, để sống và kinh tài cho đảng Việt Nam Độc Lập. Xưởng bị mật thám xét, thợ thuyền bị đe dọa, khách hàng bị tra hỏi, giữa năm 1928 phải đóng cửa. Nguyễn Thế Truyền viết sách về các phong trào ái quốc, bằng tiếng Pháp, nhờ một nhà nho dịch sang chữ Hán và quốc ngữ, đem sang Trung Hoa in[591] nhưng chắc bị tịch thu, không còn dấu vết.

---

588 Ngô Văn, sđd, trang 43.

589 Từ số 1 (1/1926) đến số 8 (8/1926).

590 Đặng Hữu Thụ, sđd, trang 279-281.

591 Cuốn sách được thám tử Durand nói đến trong phúc trình ngày 7/1/1932.

Nguyễn Thế Truyền tìm cách liên lạc với Nguyễn Hải Thần và Đặng Hữu Bằng -người Hành Thiện- đệ tử Phan Bội Châu, sĩ quan cao cấp trong quân đội Trung Hoa và giáo sư trường võ bị Hoàng Phố. Tin này bị lộ, Truyền bị bắt 1933. Bà Truyền nhờ hội Chống Thực Dân can thiệp, mới được thả. Trong thời gian ở Bắc, Nguyễn Thế Truyền làm ba việc khiến người dân bị trị khâm phục: Tát Tổng đốc Vi Văn Định - Kiện chính quyền bảo hộ Bắc Kỳ - Bắt viên chánh cẩm Pháp tại Nam Định phải xin lỗi trước mặt công sứ Nam Định. Không thành công trong việc xây dựng đảng Việt Nam Độc Lập tại Việt Nam vì hoàn toàn bị theo dõi và cô lập và trong khi ông vắng mặt thì đảng ở Pháp bị giải tán.

Nguyễn Thế Truyền quyết định trở lại Pháp, ngày 26/3/1934 đến Marseille. Tại Paris, để sinh sống, ông bán báo rong. Diễn thuyết và viết báo. Xác định lập trường: Việt Nam không chấp nhận chủ nghiã vô sản chuyên chính vì các nhà lãnh đạo đệ tam hay đệ tứ đều tuân theo mệnh lệnh của Staline, Trotsky. Ở Việt Nam từ xưa đến nay, không có giai cấp rõ rệt, ai học giỏi thì đỗ ra làm quan. Không có chuyện cha truyền con nối. Không có giai cấp bóc lột. Không cần đấu tranh giai cấp. Chủ nghĩa cải cách của Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh cũng không đi xa được vì những cải cách mà người Pháp đưa ra chỉ có tính cách vặt vãnh, không khi nào thực dân bỏ quyền lợi của họ ở Việt Nam. Chỉ có chủ nghiã quốc gia, nặng về nhân trị, không bài ngoại, là thích hợp với dân tộc. Nguyễn Thế Truyền hoạt động cho Liên Minh chống chính sách thuộc địa -Fédération anticolonialiste do Marius Moutet và Joseph Lagrosillière sáng lập năm 1935. Ông thành lập Tập Đoàn Đông dương -Rassemblement Indochinois năm 1936. Vận động các tổ chức nhân quyền, các ủy ban đòi ân xá chính trị phạm, bênh vực Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Tạo, Tạ Thu Thâu... bị giam ở Sài Gòn. Hoạt động đến hết 1938 mới về nước. Từ 1934 đến 1937, vợ

con ông vẫn ở Nam Định, do cha mẹ ông trông nom. Khi hai con gái ông xin học bổng thì bị bác vì tên là Nguyễn Trưng Trắc, Nguyễn Trưng Nhị, bị coi là *"những con rắn nhỏ"* lớn lên sẽ đánh Pháp như Trắc, Nhị đánh Tàu. Vợ con ông bị nhóm thực dân ở Nam Định kỳ thị và thù ghét. Tháng 3/1937, bà nhận làm y tá, nghề cũ, tại trường Yersin và đem các con vào Đà Lạt. Sau khi bà mất các con ông được các linh mục đỡ đầu. Trưng Trắc sau làm tu sĩ ở Pháp. Trưng Nhị, giáo sư triết ở Anh. Quốc Tuấn học âm nhạc tại Tây Đức, Thế Hào học về cơ khí ở Pháp.

Nguyễn Thế Truyền không gặp lại vợ con khi về nước. Vợ ông mất giữa năm 1940, các con báo tin cho ông nhưng nhà cầm quyền chặn thư. Sau biết tin, ông xin vào Đà Lạt nhưng không được phép. Ông và Nguyễn Thế Song bị Pháp bắt ở Nam Định[592] theo quyết định của toàn quyền ngày 3/5/1941 bị đưa lên Sơn La, và cuối 1941, bị đầy sang an trí ở Madagascar, tới tháng 6/1946, Marius Moutet mới can thiệp được cho hai anh em trở lại Việt Nam, nhưng bị quản thúc tại Sài Gòn đến giữa 1947.

Nguyễn Thế Truyền mất ngày 19/9/1969 tại Sài Gòn. Mộ của ông ở nghiã trang Hội Gò Công tương tế, gần phi trường Tân Sơn Nhất, sau bị chính quyền cộng sản san bằng[593].

● Nguyễn An Ninh (1900-1943)

Hai gia đình cách mạng lớn thế kỷ XX là gia đình cụ Lương Văn Can ở Bắc và cụ Nguyễn An Khương trong Nam. Không những hai cụ là những nhà nho lãnh đạo phong trào Duy Tân và Đông Du ở Bắc và Nam, mà còn là thân phụ của hai người anh hùng: Lương Ngọc Quyến - Nguyễn An Ninh,

---

592 Do một người ta điền, nhận tiền, lén nhét vào ngăn kéo nhà hai ông tài liệu Cộng sản và Cường Để (Đặng Hữu Thụ, trang 334).

593 Tiểu sử Nguyễn Thế Truyền viết theo Đặng Hữu Thụ, sđd.

tiêu biểu cho hai khuynh hướng cách mạng: bạo động của Phan Bội Châu và bất bạo động của Phan Châu Trinh.

Nguyễn An Ninh sinh ngày 5/9/1900 tại Chợ Lớn. Gia đình gốc Quán Tre, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định. Cha là Nguyễn An Khương, mẹ là Trương Thị Ngự, chú Nguyễn An Cư và bác Nguyễn Thị Xuyên, đều tham gia cách mạng. Đại diện Đông Kinh Nghiã Thục trong Nam, Nguyễn An Khương lập khách sạn Chiêu Nam Lầu tài trợ cho Duy Tân và Đông Du. Dịch sách chữ Hán sang tiếng Việt. Viết bài trên Nông Cổ Mín Đàm cổ động lòng yêu nước. Nguyễn An Cư, là nhà văn, nhà nho uyên thâm, thày thuốc Nam nổi tiếng.

Nguyễn An Ninh nhận hai nền giáo dục từ nhỏ: Hán học, do cha và cô ruột dạy và Pháp văn ở trường Sở Cọp, gần Vườn Bách Thú, rồi sau vào trường Dòng Taberd và lycée Chasseloup - Laubat. Làm báo tiếng Pháp rất sớm khi vừa xong bằng Brevet Élémentaire - Thành Chung. Nổi tiếng bất khuất, chửi Tây, đánh Tây. Thủa nhỏ có tật nói cà lăm, nhưng tự luyện khỏi cà lăm. Khi ở Paris, ngày nghỉ thường ra ngoại ô, vào rừng luyện giọng hàng giờ, sau trở thành nhà diễn thuyết hùng hồn, lôi cuốn. Năm 1916, Ninh ra Hà Nội học y khoa, sáu tháng sau bỏ qua Luật. 1918, Ninh về Sài Gòn, rồi sang Pháp học tiếp Luật. 1920, đậu cử nhân Luật[594]. Đậu xong cử nhân, cha gọi về nước cưới vợ. Vì Ninh đánh hai người Pháp có thái độ hỗn xược trong rạp xi-nê, trước mặt ông anh rể tương lai, ông này sợ quá, huỷ bỏ lễ cưới[595]. Tháng 7/1920, Ninh đi Pháp lần thứ nhì, chuẩn bị làm luận án tiến sĩ Luật.

Tháng 10/1922, Ninh về nước sau khi đi Âu Châu (Anh và Ý), diễn thuyết nhiều lần tại Hội Khuyến Học Nam Kỳ, đả kích chính sách thực dân, phát huy tinh thần dân chủ, được thanh niên hưởng ứng. Tháng 2/1923, Ninh trở lại Pháp, viết

---

594 Theo Phương Lan-Bùi Thế Mỹ, Hồ Hữu Tường và Lê Văn Thử.

595 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, trang 131.

báo, mời Phan Văn Trường về nước làm báo. Tháng 8/1923, Ninh về nước. Tháng 12/1923, ông Trường về nước.

Đêm 15/10/1923, Nguyễn An Ninh diễn thuyết ở hội Khuyến Học Sài Gòn, bài *Cao Vọng Thanh Niên*, có tiếng vang lớn, thống đốc Nam Kỳ Cognacq gọi Ninh lên cảnh cáo. Ngày 10/12/1923, phát hành số 1, báo *La Cloche fêlée - Chuông rè,* toà soạn đặt tại số 29 đường Pierre Flandin - Bà Huyện Thanh Quan[596] do Nguyễn An Ninh sáng lập, Dejean de la Bâtie làm chủ nhiệm. *La Cloche fêlée* là cơ quan ngôn luận đầu tiên chống Pháp công khai và mãnh liệt tại Việt Nam. Nguyễn An Ninh viết bài, lên trang, đưa in và tự mình đem báo đi bán. Báo viết tiếng Pháp, đánh thẳng vào các chính sách thực dân. Đến số 19, ra ngày 14/7/1924, báo phải tạm ngưng[597]. Cuối năm 1924, Nguyễn An Ninh kết hôn với cô Trương Thị Sáu.

Tháng 1/1925, Nguyễn An Ninh lại sang Pháp, ở Pháp gần một năm, lần này đón Phan Châu Trinh về nước[598]. Ngô

---

596 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, *Nguyễn An Ninh (1899-1943) nhà cách mạng,* Sài Gòn, 1970, trang 145.

597 Theo Ngô Văn vì vụ Phạm Hồng Thái ném bom ở Sa Diện (tại khách sạn Victoria, đảo Sa Diện - Shamian, trên sông Châu Giang, Quảng Châu), giết hụt toàn quyền Merlin ngày 19/6/1924 và một số sự kiện khác. Theo Lê Văn Thử, vì Thống đốc Cognacq tìm cách đóng cửa tờ báo nhưng không được, bèn sai lính kín hăm dọa chủ nhà in. (*Hội Kín Nguyễn An Ninh*, Nam Việt, 1949, trang 24).

598 Phương Lan Bùi Thế Mỹ viết: "*Ninh thông minh, sáng suốt, nhận xét tinh tường. Nên mọi việc đều chuẩn bị chu đáo, hoạch định một cách có khoa học, là lần đầu về nước, đã phủ dụ được hai nhà cách mạng lão thành, cụ Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường. Ninh sẽ nương hai cột trụ tiền bối mà cùng mở mang dân trí đòi chủ quyền dân chủ, tự do độc lập (...) Chương trình hoạch định của Ninh là tại Hội Khuyến Học Nam Kỳ, Ninh tổ chức cho Phan Chu Trinh diễn thuyết về Luân lý Đông Tây, đến Phan Văn Trường nói về "Một chuyện người Việt âm mưu ở Ba Lê hay là sự thật về Đông Dương (Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou La Vérité sur l'Indochine). Tới Ninh nói về Cao Vọng Thanh Niên, Nền Quốc Học, cũng tại Khuyến Học Nam Kỳ. Rồi các bài diễn văn ấy, đều in lại thành sách đem phổ biến vào quần chúng, cùng in tại nhà in Xưa Nay, số 62-64 đường Bonnard, nay là nhà sách Khai Trí, đường Lê Lợi, vào năm 1926. Và chính Ninh lãnh đi bán nào Luân Lý Đông Tây nào Conspirateurs Annamites... Cao Vọng Thanh Niên, Pháp Luật Lược Luận của*

Văn cho biết: *"Trước khi lên đường ba hôm, Ninh và Trinh tham dự cuộc mít tinh tập hợp hơn 800 người Pháp và Đông Dương tại hội trường Hội Bác Học- Hôtel des Sociétes savantes"*. Kết quả cùng ký một quyết nghị gửi chính phủ Pháp[599], đòi tự do, dân chủ cho Việt Nam, tương tự bản Thỉnh Nguyện Thư tám điểm của Phan Văn Trường.

Một mật báo viết: *"Phan Châu Trinh đã xuống tàu hôm 28/5/1925 về Sài Gòn (...) Cùng chuyến tàu có tên phiến loạn chống Pháp là Nguyễn An Ninh cùng về. Cũng có quyển France en Indochine* [600] *chống Pháp một cách đáng ghét đã được đem về trong chuyến này. Yêu cầu không được phổ biến quyển sách này. Xin làm mọi cách để ngăn cấm"*[601].

Tờ *Chuông rè* im lặng 20 tháng, khi Phan Bội Châu bị bắt đưa về Hà Nội, bị đưa ra toà ngày 23/11/1925 về tội *"phiến loạn",* Nguyễn An Ninh tung trở lại *Chuông rè* ngày 26/11/1925[602], phát động chiến dịch bảo vệ Phan Bội Châu cùng với Đông Pháp Thời Báo. Nguyễn Thế Truyền ở Pháp lập tức vận động Hội Liên Hiệp Thuộc Địa, tổ chức mít tinh

---

Phan Văn Trường có câu chữ Hán trước bìa: Dân Vi Quý, Xã Tắc Thứ Chi, Quân Vi Khinh. Chính câu này có đăng dưới cái tên báo Chuông Nứt của Ninh" (sđd, trang 152-153).

599 Ngô Văn, trg 50, trích G. Garos, Forceries humaines, Paris 1926, trg 179.

600 Tác phẩm của Nguyễn An Ninh.

601 Điện tín ký André Hesse, do tổng giám đốc cơ quan An Ninh gửi từ Paris sang Hà Nội (Thu Trang, 231-232).

602 Theo Phương Lan Bùi Thế Mỹ: *"Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh họp nhau cùng viết nhiều bài chỉ trích chính phủ Pháp, mà phần nhiều Ninh để cho Trường ký tên. Để Trường ký tên cho lợi mọi việc. Vì Trường vốn dân Pháp gốc Việt, nên có viết bài chỉ trích mạnh, Pháp không dám thẳng tay trừng trị như Ninh. Có một độ, bộ ba Trường, Ninh, Dejean de la Bâtie, đồng ký tên viết một bài tuyên bố trên mặt báo Chuông Nứt cho độc giả hay rằng bắt đầu từ hôm nay (26/11/1925), Phan Văn Trường sẽ thay Dejean làm giám đốc tờ Chuông Nứt, câu Organe de propagande des idées françaises bỏ đi, thay vào câu khác như thế này: Organe de propagande démocratique (cơ quan tuyên truyền dân chủ), và nhà in từ đường P. Flandin cũng rời luôn về toà soạn mới đường Espagne (số 273) giờ là đường Lê Thánh Tôn. Trước kia mỗi tuần một lần, giờ có sự hợp tác Phan Văn Trường, ra mỗi tuần hai lần, vào ngày thứ hai và thứ năm"* (Phương Lan Bùi Thế Mỹ, trang 153).

lớn tại hội trường Hội Bác Học từ 9/10/1925, ứng khẩu diễn thuyết hùng hồn cảm động và viết trọn hai số *Le Paria* 36 và 37 về Phan Bội Châu[603].

Ngày 24/12/1925, toàn quyền Varenne phải thả Phan Bội Châu, đưa về an trí ở Huế. 8/8/1927, Nguyễn An Ninh sang Pháp đón Nguyễn Thế Truyền về nước ngày 7/12/1927.

• Nguyễn An Ninh, năm lần bị bắt và bị cầm tù

1- *Lần thứ nhất*: 20/3/1926[604], bị bắt, bị kết án *18 tháng tù*, vì tội phá rối trị an, viết báo *Chuông rè* và truyền đơn xúi dân làm loạn, tổ chức mít tinh tại Xóm Lách, Vườn Xoài ngày 21/3/1926 -tổ chức chứ không tham dự, vì bị bắt từ hôm trước- ở nhà bà Đốc Phủ Tài, dì ruột Ninh, và đưa ra bản quyết nghị có ba ngàn người biểu quyết. Quyết nghị đòi Tám điểm, tương tự như *Bản Thỉnh Nguyện Thư* của Phan Văn Trường 1919. Bốn ngày sau, 24/3/1926, Phan Châu Trinh mất. Nguyễn An Ninh đã dặn dò nhóm Đặng Văn Ký, Huỳnh Đình Điển, Phan Khôi lo liệu cho Phan Châu Trinh trước khi bị bắt - *sẽ nói rõ hơn trong chương 20, phần viết về đám tang Phan Châu Trinh.*

Ngày 7/1/1927, được ân xá, Ninh xin sang Pháp lo cho gia đình Nguyễn Thế Truyền về nước[605]. Ngày 7/12/1927 Truyền và Ninh lên tàu Chantilly từ Marseille về Sài Gòn.

2- *Lần thứ nhì:* tháng 9/1928, bị kết án ba năm tù vì tội lập *Hội Kín Nguyễn An Ninh*, dính líu gần 500 người bị bắt vì tội *"đảng viên"*. Phan văn Hùm cũng bị tù, được thả, viết cuốn sách nổi tiếng *Ngồi tù khám lớn*. Đến cuối năm 1930, Ninh được thả.

---

603 Đặng Hữu Thụ, Nguyễn Thế Truyền, trang 56-57.

604 PLBùi Thế Mỹ và Lê Văn Thử, bạn và đồng chí của Nguyễn An Ninh đều viết Ninh bị bắt ngày 21/3/1926. Cuốn *Nguyễn An Ninh Tác Phẩm* (Văn Học, 2009) ghi Ninh bị bắt 24 /3/1926 cùng ngày Phan Châu Trinh mất là sai.

605 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, trang 177.

3- *Lần thứ ba:* 4/1936, bị bắt về tội viết báo *La lutte - Tranh đấu,* quy tụ nhóm Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử, Phan Văn Hùm, phá rối trị an, bị kết án 18 tháng tù, cùng với Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo. Tuyệt thực. Tháng 11/1936 được thả.

4- *Lần thứ tư:* 7/37 bị bắt trở lại, kết án 5 năm tù ở, 5 năm biệt xứ, về tội tổ chức biểu tình ở quận Càn Long *"xúi giục dân chúng nổi loạn".* Tháng 1/1939 được ân xá.

5- *Lần thứ năm:* Ngày 5/10/1939, đệ nhị thế chiến bùng nổ, bị bắt cùng với nhiều nhà chính trị khác đủ các khuynh hướng. Ninh bị kết tội phá rối trị an bằng cách hành động trong những cơ quan bí mật, tiếp xúc và xúi giục nông dân, thợ thuyền nổi lên chống chính phủ Pháp. Bị kết án: 5 năm tù. 10 năm biệt xứ và mất quyền công dân.

Lần này không thoát khỏi tử thần, nhà cách mạng Nguyễn An Ninh mất tại Côn Đảo ngày 14/8/1943, ở tuổi 43[606].

◙

Bài diễn thuyết *Cao vọng thanh niên* tại hội Khuyến học Sàigòn, đêm 15/10/1923 đánh dấu sự thành công đầu tiên của Nguyễn An Ninh như một nhà trí thức ái quốc 23 tuổi *"mở màn cho cao trào cách mạng, mở mang dân trí, dân sinh, dân quyền, dân chủ cho nòi giống Việt"* như Phương Lan Bùi Thế Mỹ nhận xét.

Nguyễn An Ninh đã ảnh hưởng sâu xa đến lớp trẻ như Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu... Họ coi Ninh là thần tượng, *"noi gương"* Ninh làm cách mạng chống Pháp, lập đảng Trốt-kít. Phan Khôi, dù lớn hơn Ninh 13 tuổi, cũng chịu ảnh hưởng của Ninh trong việc xây dựng một nền quốc

606 Bạn ông, nhà báo nổi tiếng Bùi Thế Mỹ (chồng bà Phương Lan), mất ngày 27/3/1943. Cuốn sách Nguyễn An Ninh có lẽ phần lớn do Bùi Thế Mỹ viết.

học, thoát khỏi ảnh hưởng Khổng Mạnh, gần gụi với tinh thần khoa học Tây phương.

Tại Paris, Ninh vừa làm vừa học: viết bài khảo cứu về Đông Phương học cho các báo, hoặc làm người mẫu cho họa sĩ. Chơi thân với giới văn nghệ sĩ Pháp và nhóm *Anarchiste - Vô chính phủ*. Khi về nước, viết báo, lên khung, in báo, mặc áo dài, để tóc dài, đem báo rao bán trên đường Catinat. Nấu *dầu cù là Nguyễn An Ninh* đem bán khắp thôn quê kiếm sống và diễn thuyết, nói chuyện với quần chúng đói khổ về tình hình đất nước. Có lúc Ninh và Hùm cạo trọc đầu.

Tại Paris, hoạt động tích cực trong nhóm Người An Nam Yêu Nước, là một trong Ngũ Long, diễn thuyết và viết báo chống thực dân. Hồ Hữu Tường viết: *"Tụi Tây ít khi phục bằng cấp (...) Ninh viết français hay lắm, tụi nó lác mắt. Chừng đó mới chịu phục (...) Khởi đầu, Ninh viết trong tờ Le Libertaire*[607] *là cơ quan anarchiste* [608] *Tây nó phục rồi, mới rủ Ninh đứng vào nhóm sáng lập tạp chí Europe (do J.R. Bloch làm giám đốc)... Vào tạp chí Europe, Ninh làm quen với Léon Werth. Sau Ninh rủ Léon Werth qua bên mình. Về Pháp, Léon Werth viết cuốn Cochinchine để ca tụng Ninh là người trí thức độc nhứt kể cả Tây lẫn Việt, mà Werth gặp được ở Nam Kỳ"*[609].

Phương Lan Bùi Thế Mỹ viết: *"Năm 1922, vào mùa thu, sau khi kết nạp, tìm tòi, học hỏi ở Ý và ở Anh, kết nạp đặng nhiều bạn đồng chí như lãnh tụ Ấn Độ Nerhu, Ninh đã trở về đất nước phổ biến chí hướng phong trào ái quốc, cách mạng với dân tộc. Cái tài quan trọng nhứt là tài diễn thuyết và viết. Ninh đem từ Âu Châu về một lối văn mới, lời ít mà nói nhiều, câu văn gọn không rườm rà dài dòng lê thê mà tối nghiã như lối nhà văn thâm nho"*[610].

---

607 Người tự do tuyệt đối.

608 Vô chính phủ.

609 Hồ Hữu Tường, *41 năm làm báo*, Đông Nam Á, Paris, 1984, trang 13.

610 Phương Lan- Bùi Thế Mỹ, Nguyễn An Ninh, trang 41.

Lối viết thẳng và bộc trực này, cũng sẽ là lối viết của Phan Khôi, đặc biệt trong những văn bản cuối cùng, lập luận và văn phong của Phan Khôi chống *Đấu tranh giai cấp* có nhiều điểm giống Nguyễn An Ninh. Ninh viết về Đạo Phật, về Nietzsche, dịch 5 chương đầu cuốn *Contrat social - Dân ước* của Rousseau... Hành động quyết liệt nhưng tư tưởng trung dung, giao hoà Âu Á. Đó là Nguyễn An Ninh.

Nguyễn An Ninh tỏ lòng ngưỡng mộ đặc biệt Lương Ngọc Quyến, có lẽ cái chết bi tráng của Ngọc Quyến đã gây dấu ấn sâu đậm trong An Ninh, khiến sau này Ninh cũng trở nên một nhà cách mạng can trường vào bậc nhất thế hệ ông. Trong 43 năm sống, một phần ba đời vào tù ra khám, nhưng không hề nhụt chí, tiếp tục tranh đấu bằng ngòi bút cho đến chết.

Với cái nhìn rộng về tình hình thế giới, thâm hiểu cuộc cách mạng bất bạo động của dân Ấn Độ, Nguyễn An Ninh là khuôn mặt cách mạng hiện đại nhất của chúng ta. Một thần tượng trẻ trung, bụi đời, hippie, hóm hỉnh. Nhưng Nguyễn An Ninh còn là người anh cả nếu không muốn nói là cha đẻ của phong trào cách mạng thanh niên, chủ yếu nhóm Trốt-kít, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Hồ Hữu Tường, Huỳnh Văn Phương... những thanh niên học trường Tây, sử dụng ngôn ngữ Voltaire, dùng tinh thần cách mạng 1789 để chống thực dân Pháp tại Pháp và tại Nam Kỳ, trong suốt 25 năm, từ 1920 đến 1945, mới bị cộng sản tiêu diệt.

• Cái chết của Nguyễn An Ninh

Nhà báo Bùi Thế Mỹ, bạn đồng hành của Nguyễn An Ninh đã tìm cách xây dựng lại hoàn cảnh cái chết của Nguyễn An Ninh qua lời những nhân chứng bị giam cùng với Ninh trong đó có Hồ Hữu Tường và Tạ Thu Thâu.

1/ Phương Lan Bùi Thế Mỹ viết: "*Nguyễn An Ninh, sau ba năm tù đầy thiếu thốn, ăn gạo hẩm, khô mực, không chút*

rau cỏ, không đủ sinh tố, lúc đầu chưa xẩy ra đệ nhị thế chiến, thì thỉnh thoảng còn tiếp được đồ tiếp tế của gia đình từ quê nhà gởi ra, đỡ khổ phần nào, khi bị chiến tranh phong tỏa mấy cửa biển lớn tầu bè ít đi lại, không được nhà tiếp tế, thì sức khoẻ Ninh lần lần kiệt quệ, đau ốm thường, nên thân hình nhà cách mạng chỉ còn da bọc lấy xương. Khi vướng bệnh kiết lỵ qua bệnh thũng, chịu bệnh tật hành hạ một thời gian ngắn, Ninh mới thở hơi cuối cùng vào mùa Vu Lan, nhằm ngày 14/8/1943 (theo lời một tù nhân tại chỗ nói lại, chẳng hiểu có đúng hay không?) (...)

"Không muốn cho người anh hùng dân tộc bỏ vùi thi thể trong hai mảng bao hàng, một người bạn gái, Pháp lai, cùng học chung với Ninh một trường Đại Học Sorbonne là Charlotte Printanière, vợ một kỹ sư nhà đèn tại Côn Đảo, có mướn đóng cho Ninh một chiếc quan tài, để cho Ninh ấm áp thi hài ngày cuối cùng, nhưng không được viên xếp khám là Tisseyre đồng ý, cho phép. Bà Charlotte tức giận gây với lão ta (...)

Vì sự kiện này, mà viên Giám đốc Tisseyre gửi đơn thưa bà kỹ sư. Và sau đó bà được lịnh rời Côn Đảo, không cho phép ở lại đó nữa. Chồng bà thua buồn, chán ngán, cũng xin đổi về đất liền theo vợ" [611].

2- Phương Lan Bùi Thế Mỹ trích đoạn Hồ Hữu Tường, tù chung với Nguyễn An Ninh, dưới bút hiệu Bửu Liên, kể lại trên báo Hoà Đồng:

"Gặp nhau và sống chung với nhau trong tù từ 1939 đến 1943. Chung sống trong tù, chúng tôi có dịp trao đổi với nhau những suy tư (...) Vài tháng trước khi vĩnh biệt.... Nguyễn An Ninh đã xin phép nhà cầm quyền để ghi vào một chúc thơ dài. Ngày ngày Giám thị mở khám để cho Ninh ra ngoài hành lang một mình với giấy mực, để nghiền ngẫm mà

---

611 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, Nguyễn An Ninh, trang 245- 246.

viết cái chúc thơ tinh thần ấy. Cả tuần lễ như vậy mới thảo xong. (...)"

Nhưng rất tiếc, theo tác giả Bửu Liên, chúc thư này Nguyễn An Ninh viết bảo để lại cho con, nhưng sự thật là lời chúc thư gửi cho cả thế hệ trẻ của dân tộc.

Rồi chúc thư lạc về đâu mất? Chẳng có đến tận tay gia đình nhà cách mạng Nguyễn An Ninh. Pháp cất giữ để làm tài liệu ư? Hay đã bị bỏ mất, thủ tiêu?"[612]

3- Phương Lan Bùi Thế Mỹ trích nhà văn Đỗ Bá Thế, trên báo Quyết Tiến, trong chương V, tiểu thuyết *Thiếm Bẩy Giỏi* thuật lời Tạ Thu Thâu kể lại Nguyễn An Ninh chết đau thương trong lao tù như thế nào:

Từ ngày ở Côn Nôn về chưa bao giờ Thâu có một ngày nghỉ ngơi trọn vẹn, Thâu muốn trở lại hoạt động, gặp lại các đồng chí cũ, Thâu hẹn gặp Mười Gò Vấp và bị Minh Hải cản: anh đi làm gì, Thâu trả lời: "Em nói vậy nghe sao được! Thằng Mười Gò Vấp là em út ruột của anh ***Ninh****. Khi anh* ***Ninh*** *gần chết, có dặn nếu anh về đất liền, thì tìm nó, thuật lại cho nó nghe phút cuối cùng của anh để anh em an lòng (...)*

- Nhưng này anh Năm[613] *à, lúc anh Ninh gần chết, tánh tình ảnh có thay đổi gì không! tại sao tụi Trấn, Giầu*[614] *đồn quá trời vậy anh?*

- Chúng nó đồn anh Ninh điên phải không?

- Có chỗ họ nói anh Ninh bị thác loạn tâm hồn, tinh thần rất xuống và lúc gần chết chúng tuyên truyền anh Ninh loạn óc.

Nhưng anh Ninh có loạn óc thật hay không vậy anh Năm?

- Thì em còn lạ gì chúng nó nữa! (...)

---

612 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, Nguyễn An Ninh, trang 247, trích Bửu Liên, Hoà Đồng số ngày 14/8/1965, trang 6.

613 Tức Tạ Thu Thâu.

614 Tức Nguyễn Văn Trấn hay Bẩy Trấn và Trần Văn Giầu.

Lúc anh Ninh ở Sài Gòn còn mập mạnh, ra Côn Đảo vài năm sau sức khoẻ anh xuống quá nhiều. Anh đau ốm liên miên. Trong lúc đó, bọn anh Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng triệt để khủng bố tinh thần anh. Chúng nó lập tiểu tổ phê bình những người không cùng chánh kiến. Anh đây cũng bị chúng nó áp đảo tinh thần suốt mấy năm trời trong lao.

Đã nhiều lần anh cố khuyên anh Ninh ráng chịu đựng!

Nhưng sức khoẻ của ảnh quá kiệt quệ, bịnh thiếu sinh tố càng làm cho ảnh mau xuống tinh thần nữa. Đến một hôm không còn hy vọng gì kéo dài cuộc sống tù tội, ảnh có nói một câu với anh: "Thâu, em có về được đất liền nhờ nói với con anh, bảo chúng nó phải phòng ngừa bọn Sít-ta-lin-niên" (Stalinien)[615].

Sự thật lịch sử này sẽ bị sửa đổi hoàn toàn trong tuyển tập *Nguyễn An Ninh - Tác phẩm*, do gia đình và Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học in năm 2009.

615 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, *Nguyễn An Ninh*, trang 250-253.

Chương 16

Nguyễn Tất Thành

Tiểu sử Hồ Chí Minh là một bí mật.

Chỗ nào ông muốn viết hoặc chỉ thị cho viết, chỗ nào giấu đi hoặc thêm thắt vào, đều có chủ đích rõ ràng. Và ông không hề ngần ngại nhận mình là tác giả những công trình không phải của ông. Trong phạm vi khảo luận này, chúng tôi chỉ chú ý đến thời kỳ Nguyễn Tất Thành ở Pháp, từ 1919 đến 1923. Thời gian này, ông tự nhận là Nguyễn Ái Quốc và chính những bài báo ký tên *Nguyễn Ái Quấc/Quốc* đã xây dựng nên tên tuổi và huyền thoại Hồ Chí Minh.

Thật vậy, về Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Tường Bách, em Nhất Linh Nguyễn Tường Tam viết: *"Ngày 2/9 chính phủ Hồ Chí Minh làm lễ tuyên thệ độc lập ở Quảng trường Ba Đình. Tôi đã biết từ lâu Hồ Chí Minh ngày nay là Nguyễn Ái Quốc mà chúng tôi vẫn khâm phục như một nhân vật thần kỳ thời thiếu niên. Éo le là vận mệnh đã làm cho tôi đứng vào hàng ngũ đối lập"*[616].

Đặng Thai Mai cũng viết tương tự: *"Chúng tôi được đọc báo Nhân Đạo và những tờ báo Bác Hồ viết ở Pháp như tờ Le Paria. Chúng tôi nhận những sách báo đó qua cụ Ngô Đức Kế, lúc đó đang làm báo Hữu Thanh (...) Kể từ những năm 1925 trở đi, chúng tôi hiểu được Liên Xô hơn vì được*

---

616 Nguyễn Tường Bách, *Việt Nam những ngày lịch sử*, Tủ sách nghiên cứu, Montréal, 1981, trang 70.

đọc các báo Việt Nam Hồn, Le Paria, L'Humanité, do Thủy thủ Pháp, đảng viên đảng Cộng Sản đưa vào Sài Gòn"[617].

● Một tiểu sử đầy nghi vấn

Cuối lá thư đề Marseille ngày 15/9/1911, gửi Tổng thống Pháp, xin học trường Thuộc địa, ghi sinh năm 1892 ở Vinh. Một mật báo ghi Nguyễn sinh ngày 24/1/1892. Một mật báo khác ghi 15/1/1894. Hộ chiếu vào Nga năm 1923, theo Hồng Hà, ghi 15/1/1895. Còn ngày sinh chính thức 19/5/1890, có từ năm 1946, theo Nguyễn Thế Anh, có thể là ngày kỷ niệm thành lập Mặt Trận Việt Minh, 19/5/1941[618]. Daniel Hémery cho rằng chọn năm sinh chính thức 1890 -thay vì 1895 hay 1898- chỉ có mục đích phục vụ huyền thoại: 1890 tính đến 1945 là đã ngoại ngũ tuần, đáng được gọi bằng Bác. Năm Nguyễn Tất Thành từ Anh sang Pháp cũng thế, theo Hémery, Thành đến Pháp năm 1919, nhưng lại chọn năm 1917, vì năm này có những mốc lịch sử gắn liền: những cuộc binh biến trong quân đội Pháp và cuộc cách mạng tháng 10 của Nga[619].

Tiểu sử chính thức của Hồ Chí Minh được rút ra từ ba cuốn hồi ký *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch* của Trần Dân Tiên, được coi là chính Hồ Chí Minh viết. Cuối sách này đề (viết xong) *Mùa xuân năm 1948*. Bản gốc, chữ Hán được in ở Thượng Hải năm 1949, dịch ra quốc ngữ và in ở Hà Nội lần đầu năm 1958. Cuốn thứ nhì: *Vừa đi đường vừa kể chuyện* của T. Lan[620], một bút hiệu khác của Hồ Chí Minh, in năm 1963. Và Cuốn thứ ba: *Thời thanh*

---

617 Đặng Thai Mai, Hồi ký, Tác phẩm mới, 1985, trang 355.

618 Nguyễn Thế Anh, *L'itinéraire politique de Ho Chi Minh*, in trong cuốn Ho Chi Minh, L'homme et son héritage, Đường Mới, Paris, 1990.

619 P. Brocheux dẫn Hémery, *Ho Chi Minh*, Presses Sciences Po, 2000, trg15.

620 *T. Lan* là một trong những bút hiệu của Hồ Chí Minh sau 1951, theo Bùi Tín, ông Hồ rút ngắn bí danh Trần Thái Lan của Nguyễn Thị Minh Khai khi hoạt động ở Hương Cảng và Quảng Đông.

niên của Bác Hồ, của Hồng Hà, nhà xuất bản Thanh Niên in năm 1976.

Viết về thời gian ở Pháp, cuốn Trần Dân Tiên có một số đoạn tương đối thành thực hơn cả. Cuốn Hồng Hà sửa lại, đầy đủ và hợp lý hơn, nhưng nhiều đoạn thêm bớt khá lộ liễu.

Lữ Phương nhận xét: *"Cuốn "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch" của Trần Dân Tiên, viết từ năm 1948, đến nay đã in đi in lại đã có cả chục lần rồi. Cuốn sách này đã đóng vai trò hết sức đặc biệt đối với giới nghiên cứu, giảng dạy về Hồ Chí Minh trong chế độ cộng sản Việt Nam từ đó đến nay: nó được mọi người coi như là tác phẩm do chính Hồ Chí Minh viết về mình dưới bút danh Trần Dân Tiên, một tài liệu được tác giả giới thiệu như một "tiểu sử trung thành, đúng đắn, sinh động, không thêu dệt, không bày đặt". Cuốn sách vì thế đã thành một nguồn tham khảo căn bản, quan trọng nhất cho tất cả những công trình biên khảo về Hồ Chí Minh: các sự kiện về cuộc đời hoạt động của ông đã được đương nhiên coi là chính xác, không thể nói khác, nói ngược lại"*[621].

Dựa vào sự kiện bà Lê Thị Kinh đã gặp ông Vũ Kỳ và kể lại rằng: *"Chiều ngày 2 tháng 3 năm 1993, tôi đã được gặp ông Vũ Kỳ là thư ký riêng của Bác từ Cách Mạng Tháng Tám đến ngày Bác qua đời và đã cùng một số người quanh Bác là đồng tác giả cuốn "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch" với bút danh Trần Dân Tiên",* Lữ Phương đưa ra lập luận sau đây: *"Không có gì ngăn cản người ta tin rằng cái "tiểu sử" dưới hình thức "truyện" ấy được chính Vũ Kỳ và những người cộng sự viết ra và ký là Trần Dân Tiên. Nhưng như vậy thì lại gặp điều khó khăn phải giải thích tại sao cuốn sách tầm thường của một tác giả*

---

621 Lữ Phương, *Từ Nguyễn Tất Thành đến Hồ Chí Minh*, Thư Nhà, Melbourne, Australia, 2002, trang 5.

vô danh là Trần Dân Tiên ấy lại có thể trở thành một thứ tài liệu tham khảo vào bậc nhất về Hồ Chí Minh như đã xẩy ra, đặc biệt trong giới nghiên cứu, giảng dạy? Sự quan trọng ấy không thể nào có được nếu những gì đã viết về ông Hồ trong cuốn sách ấy không được chính ông xét duyệt (Vũ Kỳ là thư ký riêng của ông) và một cách nào đó đã làm cho người ta hiểu rằng chính ông đã muốn phổ biến cái "tiểu sử" có nội dung như vậy. Cuốn sách, do đó, dù có do Vũ Kỳ lấy tài liệu từ Hồ Chí Minh để viết hoặc do chính Hồ Chí Minh trực tiếp viết (hay đọc cho Vũ Kỳ viết), thiết tưởng ý nghiã cũng đều như nhau: Sự xuất hiện của nó là "cái cần thiết" cho nhu cầu cách mạng của bản thân Hồ Chí Minh sau 1945"[622].

Tại sao lại cần thiết cho nhu cầu cách mạng của bản thân Hồ Chí Minh, Lữ Phương giải thích: *"Sau 1945, Khi Nguyễn Tất Thành đã trở thành chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà với cái tên mới là Hồ Chí Minh (dân chúng chưa biết rõ lắm về lai lịch của cái tên này), 1948, đang ở chiến khu Việt Bắc kháng chiến chống Pháp: phải tạo cho mình hình ảnh một "đấng bậc trưởng thượng" kiểu Châu Á có uy tín vượt trội (...) một con người trong sạch, giản dị, hoà mình vào quần chúng, được bạn bè khắp hoàn vũ mến yêu giúp đỡ còn đồng bào trong nước thì đặt hình lãnh tụ lên bàn thờ và tôn xưng là "Cha già của dân tộc" v.v... Cuốn "tiểu sử" viết về Hồ Chí Minh của Trần Dân Tiên đã biểu lộ rất rõ cái nhu cầu năm 1948 mà Hồ Chí Minh và cuộc cách mạng của ông đang muốn tạo ra cho phong trào yêu nước cộng sản trước tình hình mới - một lãnh tụ tuyệt vời và chỉ có lãnh tụ đó mới là tuyệt vời thôi!"*[623]

Lập luận của Lữ Phương rất sắc bén. Duy có một điểm: bản gốc cuốn *"tiểu sử"* là chữ Hán, in năm 1949, tại Thượng Hải, chắc chắn phải do Hồ Chí Minh viết - trừ khi Vũ Kỳ

---

622 Lữ Phương, sđd, trang 26-27).

623 Lữ Phương, sđd, trang 25.

biết chữ Hán, nhưng điều này khó mường tượng: ông Hồ đọc cho Vũ Kỳ bằng tiếng Việt rồi Vũ Kỳ dịch sang tiếng Tàu! Ông Hồ viết chữ Hán vì ông giỏi chữ Hán hơn quốc ngữ. Nhưng bản dịch quốc ngữ in năm 1958 tại Hà Nội, chắc phải do Vũ Kỳ và những người *"quanh Bác"* thực hiện, vì trình độ quốc ngữ của *"Bác"* không cao -xin xem bài *Việt Nam Yêu Cầu Ca*- không thể viết được cuốn *"Những mẩu chuyện..."* Lữ Phương có lý khi ông cho rằng Vũ Kỳ và những người *"quanh Bác"* đã góp phần trong bản quốc ngữ. So với bản chính Hán văn, sự khác biệt ra sao? Phải hỏi những nhà Hán học. Nhưng chắc bản Hán văn gần với lời ông Hồ hơn cả.

Vậy cuộc đời *"thật"* của Nguyễn Tất Thành từ ngày rời nước năm 1911 đến năm 1923, đi Nga, như thế nào?

Từ 1911 đến 1923, cuộc đời Nguyễn Tất Thành, *có thể đã diễn ra* như sau:

Ngày 4/6/1911, Nguyễn Tất Thành rời Sài Gòn trên tàu L'Amiral Latouche-Tréville, thuộc *Compagnies des Chargeurs Réunis - Công ty vận tải liên kết*, chạy đường Hải Phòng - Dunkerque, làm phụ bếp, lấy tên Văn Ba. Trên tàu gặp ông Bùi Quang Chiêu và được 2 người lính trẻ, giải ngũ, hồi hương, dạy đọc và viết tiếng Pháp. Ông Chiêu nói với Tất Thành: *"Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này? Bỏ nghề này đi. Con nên chọn một nghề khác, danh giá hơn..."*[624].

Sổ hành trình ghi: Ngày 5/6/1911 rời Sài Gòn; 6/7 đến Marseille; 15/7 tới Le Havre; 26/8/1911 đến Dunkerque[625]. Theo Trần Dân Tiên, tàu đến Le Havre để sửa chữa. Nhân viên được chuyển sang một chiếc tàu khác để trở về Đông Dương, nhưng anh Ba không muốn về, anh ở lại Le Havre, làm vườn cho ông chủ tàu tại Sainte-Adresse, ngoại ô Le

---

624 Trần Dân Tiên, trang 17.

625 Chép theo sổ hành trình của tàu, Hồng Hà, trang 27-28-29. Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 187.

Havre, trong khoảng một tháng, rồi lại tiếp tục lên tàu đi Phi Châu. Tại nhà ông chủ, anh Ba học tiếng Pháp với cô sen[626].

Lê Thị Kinh viết: *"Từ Dunkerque, tàu quay lại Sài Gòn và trên sổ lương của tàu có ghi: "Văn Ba đã lĩnh lương tại Sài Gòn ngày 16/10/1911". Ngày 31/10/1911 Tất Thành đã gửi một thư cho cha. Thư lọt vài tay mật thám và được chuyển cho khâm sứ Trung Kỳ"*[627].

Vậy Trần Dân Tiên giấu việc trở lại Việt Nam, bịa ra chuyện đi vòng châu Phi để làm gì? Nếu không phải là để chứng minh muốn *"đi xem các nước"* để tính chuyện *"giúp đồng bào"* ngay từ 1911? Tất Thành lúc đó chưa thể bị *"mật thám"* theo dõi, vì chưa có thành tích gì. Thành viết thư thẳng đến Tòa Khâm, nhờ khâm sứ chuyển tiền cho cha, đồng thời viết thư cho anh là ông cả Đạt, đang làm việc tại Tòa Khâm - *Sẽ nói rõ hơn ở dưới.* Trong các thư Tất Thành gửi cho cha hay cho toàn quyền, năm 1911-1912, còn ký cả tên Tây: Paul Tatthanh hay Paul Thành... nữa, vậy khó có thể nói đến việc đi Tây *"tìm đường cứu nước"*.

● Đơn xin học trường Thuộc Địa

Lá thư đề Marseille ngày 15/9/1911, gửi Tổng Thống Pháp xin vào nội trú trường Thuộc Địa được Henri de Turenne[628] phát hiện và công bố trên đài truyền hình Pháp trong chương trình về Hồ Chí Minh, tháng 1/1982. Vũ Ngự Chiêu và Nguyễn Thế Anh chụp được hai bức thư viết tay giống hệt nhau: một gửi Tổng Thống Pháp và một gửi Bộ Trưởng Thuộc Địa[629] cùng về việc xin học.

Daniel Hémery, cho rằng sự lựa chọn này là do Phan Châu Trinh dẫn dắt. Lê Thị Kinh, có lẽ do ảnh hưởng

---

626 Trần Dân Tiên, trang 18-19-20.

627 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 187-188.

628 Nhà báo Pháp, cánh tả, nổi tiếng làm phim thời sự về Việt Nam.

629 Vũ Ngự Chiêu &Nguyễn Thế Anh, *Một ngôi trường khác cho Nguyễn Tất Thành,* Tủ sách Văn Hoá, Paris, 1983, trang 117- 118.

Hémery, đưa ra giả thuyết: Khi ở Sainte-Adresse: *"Chắc chắn Người đã tranh thủ đến Paris gặp bác Phan, làm quen với những người quanh bác, và đặc biệt để bàn bạc với bác về hướng sống và học tập... Và có thể không phải chỉ đến một lần*". Và bà tiếp tục cho rằng nhân dịp này "Người" gặp Bùi Kỷ, đang học trường Thuộc Địa và Bùi Kỷ đã gợi ý và viết đơn giùm[630].

Lập luận này không vững vì nhiều lẽ: Tất Thành chỉ ở Le Havre từ 15/7/1911 đến 26/8 đã theo tầu lên Dunkerque. Phan Châu Trinh tới Paris ngày 27/4/1911, lúc đó chưa quen Phan Văn Trường -chỉ gặp ông Trường tháng 1/1912- và chưa chắc đã biết Bùi Kỷ ở đâu. Việc thông tin thời ấy không dễ dàng, Tất Thành vừa từ Sài Gòn sang, tiếng Pháp chưa biết, lạ nước lạ cái, mà cũng chỉ ở Le Havre hơn một tháng, làm sao đã tìm được địa chỉ của Phan Châu Trinh? Mà dù có địa chỉ cũng chưa chắc đã dám xin chủ nghỉ việc để về Paris *nhiều lần thăm bác*, vì thời ấy di chuyển không dễ dàng như bây giờ. Hơn nữa, cả Trần Dân Tiên, Bùi Kỷ và Phan Châu Trinh đều không nói đến những cuộc gặp gỡ này. Vậy giả thiết *"Bác"* đã gặp Bùi Kỷ và Phan Văn Trường tại nhà Phan Châu Trinh không thể đứng vững.

Ngoài ra, hầu hết các tư liệu đều chứng minh: Năm 1911 Tất Thành chưa có ý đồ hoạt động chính trị, chỉ muốn giúp cha và tiến thân. Sau cùng, nếu Bùi Kỷ viết đơn giùm Tất Thành, thì cũng không gửi đơn xin học cho tổng thống và bộ trưởng, mà viết thẳng cho hiệu trưởng. Vậy người viết đơn giùm Tất Thành phải là người không có trình độ cao lắm, làm việc cùng với Tất Thành ở Công Ty Vận Tải tại Marseille, Le Havre hay Dunkerque, hoặc một sự quen biết nào khác. Ngày 21/10/1911, ông hiệu trưởng trường Thuộc

630 Lê Thị Kinh, sđd, trang 188-190.

Địa viết thư trả lời từ chối, chỉ nhận những người đã học và được toàn quyền tuyển chọn tại Đông Dương[631].

Lữ Phương dựa theo tài liệu của Hémery, thuật lại những sự kiện: khi tàu ghé Sài Gòn giữa tháng 10/1911, ngày 31/10/1911, Tất Thành viết thư gửi khâm sứ Trung Kỳ nhờ chuyển cho cha mandat 15 đồng Đông Dương và viết thư cho anh là ông cả Khiêm -Nguyễn Sinh Khâm hoặc Nguyễn Tất Đạt- đang giúp việc vặt tại Toà Khâm Sứ Trung Kỳ, nhờ vận động xin vào Ecole Coloniale. Việc này cũng thất bại.

Theo lời khai của ông Bùi Quang Chiêu với mật thám Sài Gòn ngày 21/9/1922, thì khi gặp trên tàu, Tất Thành nói với ông mục đích sang Pháp là để xin khiếu nại cho cha vừa bị bãi chức, và muốn đến ở nhà thuyền trưởng Do Huu Chan đang làm việc ở Marseille để nhờ ông giúp đỡ trong việc khiếu nại đó[632].

Xin nhắc lại: *"Nguyễn Sinh Huy đậu phó bảng năm 1901; năm 1906 vào Huế nhậm chức thừa biện Bộ Lễ; 1909 được cử làm tri huyện Bình Khê (tỉnh Bình Định), nhưng chỉ 7 tháng sau, tháng 1/1910, thì bị bãi chức và bị triệu về Huế. Lý do: theo sở mật thám ông đã uống rượu say và đánh chết người"*[633].

Vậy việc khuyên Tất Thành xin vào trường Thuộc Địa và viết đơn giùm có thể là thuyền trưởng Đỗ Hữu Chân -hay Chấn- làm. Cũng không loại trừ khả năng chính ông Bùi Quang Chiêu đã nghĩ ra, vì thương Tất Thành là con quan -ông Chiêu đã dạy ông Nguyễn Sinh Huy về nông nghiệp- phải làm việc trên tàu cực khổ, nên đã giới thiệu Thành với ông Đỗ Hữu Chấn và nhờ ông Chấn giúp đỡ, vì ông Chấn ở cùng công ty hàng hải. Đơn xin học đề ngày 15/9/1911 ở

---

631 Vũ Ngự Chiêu & Nguyễn Thế Anh, trang 121.

632 Hémery, sđd, trang 36-37. Lữ Phương, sđd, trang 19-20.

633 Trích theo Lữ Phương, sđd, trang 16, LP trích lại Hémery, Jeunesse d'un colonisé, genèse d'un exil. Ho Chi Minh jusqu'en 1911, Approche Asie, No 11, 1992.

Marseille, đúng là thời gian tàu ghé Marseille trên đường về Sài Gòn. Ngày 16/10/1911, Văn Ba lĩnh lương tại Sài Gòn. Tất cả ăn khớp vì đường Thủy Marseille - Sài Gòn là một tháng. Tại Sài Gòn, Tất Thành lại nhờ anh, ông Đạt, viết thư gửi khâm sứ và toàn quyền, xin vào trường Thuộc Địa một lần nữa, nhưng vẫn bị từ chối. Từ đây, Tất Thành phải chấp nhận nghề thủy thủ.

Theo Hémery, từ 1912 tới mùa hè 1914, Tất Thành vẫn dùng tên Ba, tiếp tục làm bồi, phụ bếp, hoặc phu khuân vác trên những tàu xuyên Đại Tây Dương, chạy đường Le Havre - Londres - New York, hoặc Châu Phi - Châu Mỹ.

Từ 1914 đến 1919, bỏ việc trên tàu, sống tại Luân Đôn với tên Nguyễn Tất Thành, ở số 8 Tottenham Road. Hémery cho rằng trong thế chiến, Tất Thành không sang Pháp vì sợ có thể bị gọi đi quân dịch. Làm việc tại khách sạn Carlton, rửa bát, rồi phụ bếp. Học tiếng Anh và hình như buổi tối có học thêm Máy móc (Mécanique) và Điện. Trao đổi thư từ với Phan Châu Trinh bằng Hán văn. Giữa tháng 6/1919, sang Paris. Hoạt động trong nhóm An Nam Yêu Nước. Ngày 27/12/1920, khai mạc hội nghị Tours của đảng Xã Hội (SFIO), Nguyễn Tất Thành xuất hiện công khai với tên Nguyễn Ái Quốc. Ngày13/6/1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật đi Nga, tới Moscou ngày 30/6/1923. Tháng 2/1925, Lý Thụy xuất hiện ở Quảng Đông, tình báo Trung Hoa nhận diện là Nguyễn Ái Quốc. Thành lập Việt Nam Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội.

● Trình độ học vấn

Theo năm sinh chính thức 1890, thì khi xuống tàu đi Pháp năm 1911, Tất Thành 21 tuổi.

Từ điển Văn học và các tiểu sử chính thức khác đều ghi: thủa nhỏ học chữ Hán rồi quốc ngữ, sau vào Quốc Học Huế. Đầu năm 1911, bỏ học vào Phan Thiết dạy trường Dục

Thanh, ít lâu sau vào Sài Gòn, rồi từ Sàigòn "*xuất dương tìm đường cứu nước*".

Daniel Hémery viết: *"Theo lời khai của Đạt (anh cả của Thành) với Sở Mật thám năm 1920, thì Thành học trường bảo hộ (franco-indigène), dường như Đông Ba, đậu bằng Tiểu học (Certificat d'études primaires). Cả hai ghi tên vào trường Quốc học (...) nhưng Thành học dở dang, bỏ đi làm (khoảng 1909?), làm trợ giáo, lương 8 đồng một tháng, ở trường Dục Thanh tại Phan Thiết"*[634].

Hémery ghi rõ học trường Pháp-Việt, còn đậu cả bằng *Certificat d'études primaires.* Nếu chi tiết này đúng, tức là Nguyễn Tất Thành đi học đến năm 19 hoặc 21 tuổi, và nếu có *Certificat d'études primaires,* tất phải biết tiếng Pháp.

Nhưng Trần Dân Tiên viết ngược lại: Ở tàu Latouche-Tréville *"mỗi ngày anh Ba phải làm từ 4 giờ sáng", "công việc kéo dài suốt ngày", "suốt ngày anh Ba đẫm nước, hơi và mồ hôi, mình đầy bụi than",* buổi tối có hai người lính giải ngũ về Pháp, tốt bụng, *"dạy cho anh đọc và viết".* Và khi làm vườn cho ông chủ tàu ở Sainte-Adresse, *"anh học tiếng Pháp với cô sen"*[635]. Một người đã có bằng *Certificat d'études primaires* không thể không biết đọc và viết tiếng Pháp, mà phải học tiếng Pháp với cô sen.

Nhưng cũng không có lý gì mà Hồ Chí Minh viết sai về chuyện này, nhất là ông lập lại nhiều lần rằng khi đến Pháp ông không rành tiếng Pháp, không viết được tiếng Pháp, phải nhờ Phan Văn Trường viết hộ.

Tại sao có nghịch lý này? Xin tạm giải thích như sau: Trong lá thư từ chối đơn xin học của Nguyễn Tất Thành[636], ông hiệu trưởng trường Thuộc Địa nói rõ lý do: Trường chỉ nhận những học sinh đã học ở Đông Dương và do toàn quyền

---

634 Daniel Hémery, *Ho Chi Minh De L'Indochine au Viet Nam*, Gallimard 1990, trang 32-33.

635 Trần Dân Tiên các trang 15-16-17 và 20.

636 Vũ Ngự Chiêu & Nguyễn Thế Anh, sđd, trang 121.

Đông Dương quyết định. Vì vậy, khi về qua Sài Gòn, Tất Thành mới viết thư cho ông cả Đạt, nhờ ông viết thư cho khâm sứ và toàn quyền, để xin cho em mình vào học trường Thuộc Địa. Trong hai lá thư này, để có trọng lượng, chắc ông Đạt khai là em mình đã học các trường Pháp Việt Đông Ba và Quốc Học... Vì vậy, năm 1920, khi Nguyễn Tất Thành đã *"nổi danh"* là Nguyễn Ái Quốc, sở Mật Thám gọi ông Đạt lên hỏi cung, ông giữ nguyên lời khai cũ.

Tóm lại, vấn đề học vấn của Nguyễn Tất Thành, phần chữ Hán là chắc chắn, vì cha là phó bảng Nguyễn Sinh Huy, bạn của Trần Quý Cáp, Phan Châu Trinh... Còn việc học ở các trường Đông Ba, Quốc Học, dường như không lấy gì làm chắc lắm.

● Nguyễn Tất Thành đến Paris

1/ Trong thời gian ở Anh, Nguyễn Tất Thành có trao đổi thư từ với Phan Châu Trinh, gọi cụ Phan là *Hy Mã nghi bá đại nhơn* - *Hy Mã* là tên hiệu của Phan Châu Trinh, *nghi bá* là *bác kính*- tự xưng là *cuồng điệt Nguyễn Tất Thành -cuồng điệt* là *người cháu hăng say*. Vì Phan Châu Trinh bị theo dõi rất kỹ, loạt thư này không qua mắt được mật thám, đó cũng là một trong những lý do xác định khoảng 1914-1918, Nguyễn Tất Thành sống ở Luân Đôn.

2- Theo Thu Trang, mật thám tìm thấy thẻ thư viện mang tên Nguyễn Ái Quốc, ghi năm 1919[637]. Chứng này không đáng tin, vì thẻ thư viện, cũng như thẻ sinh viên, phải đề đầy đủ họ và tên thật *Nguyễn Tất Thành*, hoặc chỉ đề họ *Nguyễn*, chứ không thể đề tên hiệu *Nguyễn Ái Quốc*. Việc này có thể do mật thám nhìn thấy thẻ có tên Nguyễn, rồi bịa thêm thành Nguyễn Ái Quốc để lấy điểm.

3- Về thời điểm sang Pháp, Trần Dân Tiên viết:

---

637 Thu Trang, Rapport ký tên Jean, in trong Phụ lục cuốn *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925*, Đông Nam Á, Paris, 1983.

Thế giới đại chiến bùng nổ. (....) Anh Ba đến nói với tôi: "Xin từ biệt anh Nam".

- Anh đi đâu?

Tôi đi Pháp (...)

Sau khi rời Luân Đôn, anh Ba viết thư cho tôi. Đại ý thế này:

"Tôi đã gặp nhà ái quốc Phan Châu Trinh. (...) Tôi cũng gặp luật sư Phan Văn Trường và những người khác. Tôi nói với họ: Trong khi vua Duy Tân nổi dậy ở Huế, nhân dân Thái Nguyên và nhiều nơi khác khởi nghiã, thì chúng ta phải làm gì chứ?"[638]

Trích đoạn trên đây cho thấy, *"lần sang Pháp vào lúc đại chiến bùng nổ"* Tất Thành mới gặp Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường. Nhưng lại có mâu thuẫn: Đại chiến thứ nhất bùng nổ năm 1914. Vua Duy Tân nổi dậy, 1916 và khởi nghiã Thái Nguyên, 1917. Vậy nếu Tất Thành sang Paris khi đại chiến bùng nổ vào năm 1914, thì làm sao biết được những biến cố xẩy ra năm 1916 và 1917?

Tại sao phải nói bừa như vậy?

Đọc đoạn Trần Dân Tiên viết về Hội Nghị Hoà Bình Versailles 1919, chúng ta có thể hiểu lý do:

"Họ đến để yêu cầu độc lập và tự do. Trong số đó, người ta thấy có ông Nguyễn Ái Quốc (tức là anh Ba). (...) Ông Nguyễn tổ chức nhóm người Việt Nam Yêu Nước ở Pa-ri và ở các tỉnh Pháp. Với danh nghiã của tổ chức này, ông đã đưa những yêu cầu ra trước hội nghị Véc-Xây (...) Cũng nên nhắc lại ý kiến đưa yêu cầu do ông Nguyễn đề ra nhưng lại do luật sư Phan Văn Trường viết, vì lúc bấy giờ ông Nguyễn chưa viết được tiếng Pháp. Cũng nên nhắc lại là ông Phan Châu Trinh và ông Phan Văn Trường không tán

---

638 Trần Dân Tiên, trang 30-31.

thành hoạt động của nhóm Việt Nam Yêu Nước, vì các ông ấy cho nhóm thanh niên là trẻ con"[639].

Trần Dân Tiên nhận mình đã *"tổ chức nhóm người Việt Nam Yêu Nước ở Paris và ở các tỉnh",* là nói bậy. Về bản *Thỉnh Nguyện Thư* thì viết đúng: *luật sư Phan Văn Trường viết, vì lúc bấy giờ ông Nguyễn chưa viết được tiếng Pháp.* Còn câu: "*các ông ấy cho nhóm thanh niên là trẻ con"* nên hiểu: hai ông Phan thuộc lớp già, chê lớp trẻ: Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tất Thành là trẻ con.

Tóm lại, đoạn *"anh Ba đi Pháp khi đại chiến thế giới bùng nổ"* sở dĩ có nhiều chỗ vô lý, vì nó được viết ra với hậu ý chứng minh rằng:

- Chính Nguyễn Tất Thành đã dựng nên nhóm Người An Nam Yêu Nước.
- Chính Nguyễn Tất Thành là tác giả những bài báo ký tên *Nguyễn Ái Quấc/Quốc.*
- Chính Nguyễn Tất Thành chủ động đưa ra ý kiến về bản *Thỉnh Nguyện Thư* ở Hội nghị Hoà Bình Versailles 1919.
- Và Nguyễn Tất Thành viết được những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc là do đã ở Pháp từ 1914 và đã hết sức cố gắng học tiếng Pháp.

Xin nhắc lại: Khi Nguyễn Tất Thành đến Pháp -*sẽ được xác định vào tháng 6/1919*- Hội Nghị Hoà Bình Thế Giới đã khai mạc từ 18/1/1919 ở Versailles, tức là nửa năm trước, và nhóm An Nam Yêu Nước đã hoạt động từ khoảng 1916. Vậy Nguyễn Tất Thành không thể *"tổ chức"* nhóm An Nam Yêu Nước và cũng không *"đề ra những yêu cầu"* ở Versailles. Tất Thành chỉ là người được nhóm An Nam Yêu Nước chỉ định đem bản *Thỉnh Nguyện Thư Của Người An Nam* đến Hội Nghị Hoà Bình Versaillles.

---

639 Trần Dân Tiên, trang 32.

Hội Nghị Hoà Bình khai mạc ngày 18/1/1919, với tham vọng xây dựng những quốc gia Âu châu mới sau thế chiến. Trong chiến tranh, Pháp đã tập trung 900 ngàn người ở các thuộc địa đến Pháp để đánh giúp, trong đó có 92 ngàn người Việt Nam[640]. Số lính thợ di dân tạo nên những phong trào yêu nước chống Pháp của người dân các thuộc địa như Tunisie, Algérie... và Việt Nam với nhóm An Nam Yêu Nước của Phan Văn Trường. Trong bối cảnh tổng thống Wilson tuyên bố chống lại chính sách thuộc địa, Hội Nghị Hoà Bình Thế Giới là cơ hội hiếm có để tiếng nói của các nước bị đô hộ vùng lên, và nhóm Yêu Nước đã nhắm đúng thời cơ để công bố bản *Thỉnh Nguyện Thư tám điểm*, ký tên Nguyễn Ái Quấc.

● Xác định ngày Nguyễn Tất Thành đến Paris

1/ Việc Tất Thành sang Pháp năm 1914, quá khó tin; cho nên trong cuốn *Thời thanh niên của bác Hồ*[641], Hồng Hà (được lệnh) sửa lại như sau:

"Anh bỏ nghề phụ bếp ở Luân Đôn, sang Pháp, đấy là vào cuối năm 1917"[642].

"Vừa tới Pa-ri, anh Nguyễn Ái Quốc đến ở nhà số 6 phố Vi-la đề Gô-bơ-lanh[643] *một phố yên tĩnh của quận 13. Đây là nhà của luật sư Phan Văn Trường. Cùng ở có cụ Phan Châu Trinh mà anh Nguyễn Ái Quốc có thư từ thăm hỏi luôn khi anh còn ở Luân Đôn. Ông Trường nhường cho anh một buồng con trên gác ba, vừa đủ kê một cái bàn, một cái giường và một cái tủ con. Dạo ấy, nhà số 6 phố Vi-la đề Gô-bơ-lanh là một trung tâm gặp gỡ của nhiều Việt kiều ở Pa-ri. Có khi bà con đến chơi ăn ở liền mấy ngày (...) Cụ* [Phan Châu Trinh] *làm nghề ảnh tư ngay tại nhà số 6. Để*

---

640 Hémery, sđd, trang 42.

641 Nxb Thanh Niên, 1976.

642 Hồng Hà, trang 38.

643 6 villa des Gobelins. *Villa* ở đây nghiã là *Ngõ cụt*, không phải là *Phố*.

sống, anh Nguyễn - cả người Việt lẫn người Pháp quen gọi anh Nguyễn Ái Quốc như thế - cùng với một kiều bào khác là Tuyết giúp việc cho cụ Phan đồng thời học nghề rửa ảnh và phóng đại ảnh. Cụ Phan là một nhà yêu nước chân thành, nổi tiếng ở Việt Nam và nước ngoài. Cụ hơn anh Nguyễn 19 tuổi, còn ông Trường vốn là thông ngôn, học đến tiến sĩ luật học, làm nghề luật sư ở Pa-ri. Ông giỏi tiếng Pháp, vào quốc tịch Pháp, có nghiên cứu chủ nghiã Mác, quen biết nhiều trí thức và nhà chính trị Pháp. Điều mà anh Nguyễn băn khoăn hỏi hai người lúc đó làm gì cho đất nước trong khi đồng bào khao khát cách mạng thì không được trả lời thoả đáng, rõ ràng. Anh Nguyễn vừa làm nghề rửa ảnh vừa chăm chỉ học thêm tiếng Pháp với ông Trường"[644].

Trích đoạn này cho ta một số thông tin rất đáng lưu ý. Đặc biệt câu: *"Vừa tới Pa-ri, anh Nguyễn Ái Quốc đến ở nhà số 6 phố Vi-la đề Gô-bơ-lanh"*. Chính câu này đã xác định, một lần nữa, ngày tháng Nguyễn Tất Thành đến Paris: Bởi vì căn nhà số 6, ngõ cụt Gobelins, Phan Văn Trường chỉ ở sau giải ngũ, tức là từ tháng 4/1919, khi ông về sống tại Paris[645].

Tóm lại, nếu Nguyễn Tất Thành đến Paris ở ngay nhà Phan Văn Trường, 6 Villa des Gobelins, thì chỉ có thể là sau tháng 4/1919, thời điểm Phan Văn Trường đã giải ngũ, lên Paris và trước khi Nguyễn Tất Thành đem bản *Thỉnh Nguyện* đến Versailles, giữa tháng 6/1919.

2/ Một mật báo của Pierre Guesde - *tổng thanh tra quân đội Đông Dương và người Đông Dương- Contrôleur général des troupes indochinois et des Indochinois* chắc là chức vụ tình báo cao nhất về vấn đề Đông Dương, thời đó - không đề ngày, nhưng chắc là cuối năm 1919, ghi như sau:

---

644 Hồng Hà, sđd, trang 38 và 19.

645 Phan Văn Trường, *Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou la vérité sur L'Indochine* - Chuyện những người An Nam âm mưu ở Paris hay Sự thật về Đông Dương, L'Insomniaque, 2003.

"Người có tên gọi là Nguyễn Ái Quốc, 27 tuổi, quê ở Đông Dương. Anh ta đã từ Luân Đôn (Anh) đến Paris hồi tháng 6 vừa qua, ở một mình từ ngày 7 đến ngày 11/6/ tại số nhà 10 phố Stockholm, rồi từ ngày 12/6 đến ngày 13/7 vừa qua tại 56 Monsieur Le Prince. Sau đó, anh ta cư trú tại 6 Villa des Gobelins, ở với người đồng hương có tên là Phan Văn Trường sinh năm 1878 ở Hà Nội (Bắc Kỳ), luật sư toà Phúc Thẩm Paris"[646].

Mật báo này có lẽ là nguồn mà Sophie Quinn-Judge trích dẫn trong bài viết của bà, để xác định Tất Thành từ London đến Paris ngày 7/6/1919.

Tóm lại, theo tổng thanh tra Guesde: Tất Thành đến Pháp ngày 7/6/1919. Ở số 10 Stockholm từ 7/6 đến 11/6. Ở 56 Monsieur Le Prince từ 12/6 đến 13/7. Và từ 14/7/1919 đến ở 6 Villa des Gobelins. Được ông Khánh Ký dạy cho nghề rửa ảnh.

Vậy có thể xác định chắc chắn rằng: Nguyễn Tất Thành đến Pháp ngày 7/6/1919. Kết hợp mật báo của Pierre Guesde và các sự kiện khác, tất cả đều ăn khớp.

Nguyễn Tất Thành ở nhà số 6 Villa des Gobelins của Phan Văn Trường trong hai năm, từ tháng 6/1919 đến ngày 14/7/1921 mới dọn tới số 9, Impasse Compoint, khu 17.

Đây là khu phố nghèo dành cho thợ thuyền, gần ngoại ô phía Bắc Paris, Tất Thành tiếp tục nghề ảnh ở một cửa hiệu gần nhà. Ngày 14/3/1923, Tất Thành dọn về trụ sở báo Le Paria, số 3 Marché des Patriaches[647], ở được ba tháng đến 13/6/1923, lên đường đi Nga.

Khi đã xác định được đúng thời điểm Nguyễn Tất Thành đến Pháp, ta có thể đi sâu hơn nữa vào các tổ chức Việt kiều, vào sự phát sinh cái tên Nguyễn Ái Quấc/Quốc và

---

646 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 64.

647 Hồng Hà, trang 187.

những công trình Hồ Chí Minh nhận là của ông nhưng lúc đó ông chưa có mặt tại Paris.

● Căn nhà số 6 Villa des Gobelins và ông Khánh Ký

Căn nhà số 6 Villa des Gobelins, được coi là *"trụ sở"* của Hội Người An Nam Yêu Nước, nhiều nơi ghi là địa chỉ của Phan Văn Trường từ 1912, đặc biệt trong bản báo cáo của dự thẩm quan ba Caron, ngày 23/6/1915, với câu: *"Sở Mật Thám khám nhà hai ông: không bắt được gì tại nhà ông Trường ở 6 Villa des Gobelins. Tại nhà ông Trinh ở 16 Cujas có bắt được một số tư liệu chữ Hán và quốc ngữ*"[648].

Trong hồi ký, Phan Văn Trường cho biết: Từ khi sang Pháp cuối năm 1908 đến 1913, cuộc đời ông chia đôi giữa trường Sinh Ngữ Đông Phương, nơi ông dạy học và trường Luật, nơi ông học.

Bắt đầu từ tháng 4/1913, ông nói đến địa chỉ rue Bertholet (PVT, trang 99). Và đến tháng 2/1916, đóng ở Toulouse, khi được nghỉ phép về Paris, ông vẫn ở cái appartement ấy (PVT, trang 168).

1914-1915, đi tù. Ra tù, bị đổi xuống Toulouse, nhưng không ở trong trại lính mà thuê nhà ở riêng, đổi nhà 2 lần, đều ở Phố Taur - Rue du Taur.

Appartement phố Bertholet có lúc cho cháu ở, bị an ninh khám 2 lần, đều giả ăn trộm, lần thứ nhất khi ông vừa nhập ngũ, lần thứ nhì khi ông đã bị tù trong ngục Cherche-Midi, và mật thám đã lấy đi tất cả tài liệu (PVT, trang 112), cả bài diễn văn *Les revendications indigènes - Những thỉnh nguyện của người bản xứ*, đọc ở trường Cao Đẳng Xã Hội ngày 13/3/1914, cũng bị tịch thu trong 2 buổi khám nhà này.

Sự nhầm lẫn của Caron có thể giải thích như sau: số 6 Villa des Gobelins là một nhà lầu (immeuble) có nhiều

648 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 14.

phòng. Khoảng 1914-1915, có thể ông Khánh Ký đã thuê cho những người đồng hương lỡ bước ở nhờ.

Ông Khánh Ký tên thật là Nguyễn Văn Xuân, là một nhà ái quốc, thợ ảnh và doanh nhân, một trong ba cột trụ của Hội Đồng Bào Thân Ái, là người kinh tài cho tổ chức Yêu Nước ngay từ những ngày đầu, bạn thân của Phan Văn Trường, không hề rời ông Phan, dù ở Paris, Toulouse hay sang Mayence, Đức. Chính ông Khánh Ký đã dạy cho Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành nghề ảnh để kiếm sống tại Pháp. Và Nguyễn Như Chuyên -có nhiệm vụ theo dõi Phan Châu Trinh từ trên tàu rời Việt Nam- cũng đã ở số 6 Villa des Gobelins trong thời điểm đó.

Vì vậy mới có sự lầm lẫn trong phúc trình Caron và trong báo cáo của một số chỉ điểm khác. Mà cũng chưa hẳn là nhầm: có thể chính Nguyễn Như Chuyên đã dẫn mật thám đến khám nhà này năm 1914 và bảo đó là nhà của Phan Văn Trường.

Một mật báo của Deveze ngày 29/4/1921 cho biết thêm: "*Hôm qua trong căn hộ của Phan Văn Trường ở 6 Villa des Gobelins đã xẩy ra một cuộc cãi cọ dữ dội giữa một bên là Khánh Ký và bên kia là Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc và Tạ Văn Căn. Khánh Ký đã nhân danh Phan Văn Trường cam kết với chủ ngôi nhà, ông Richard, là sẽ trả dần tiền thuê nhà trong 5 năm chiến tranh, nay không thể tiếp tục trả nữa và nói rằng những người ở nhà phải trả nợ đó (...) Khánh Ký còn báo với Phan Châu Trinh là người cháu của Phan Văn Trường là Phan Cao Lu (Lục?) làm cho một ngân hàng tư nhân ở Toulon sẽ đến ở Paris cùng với vợ và một cháu bé và phải giành chỗ ở cho anh ta trong căn hộ. Tình hình đó làm cho Phan Châu Trinh, Tạ Văn Hộ và Nguyễn Ái Quốc rất lo lắng, họ không biết sẽ làm sao ở chung được với gia đình trẻ có một cháu bé như vậy. Do đó*

họ đã tìm bà gác cổng để hỏi xem trong nhà còn nơi nào chưa có người thuê không"[649].

Như vậy, ông Khánh Ký đã thuê căn nhà Villa des Gobelins từ trong chiến tranh, và tới tháng 4/1921, ông báo cho những ai ở đó phải lo trả tiền nhà. Bởi vì ông đang sửa soạn về nước. Ông về Hà Nội ngày 25/7/1921[650].

Đó là lý do khiến ngày 14/7/1921, Tất Thành phải dọn tới 9 Impasse Compoint. Phan Châu Trinh ở lại đến cuối năm 1921 mới dọn ra 21 Pernety. Có lẽ vì giận Tất Thành hay làm ẩu nên ông Khánh Ký nói vậy -khi ở Mayence, ông Khánh Ký đã viết thư răn đe Tất Thành nên ăn ở tử tế với ông Trường- chứ ông Trường viết thư cho ông Trinh ngày 27/4/1921 còn dặn dò: *"Tôi đã bảo cho Lục nếu nó cần ở Paris mấy tháng thì có thể đến căn hộ của tôi nhưng phải để gia đình ở Toulon. Nếu nó đem theo ai thì anh báo cho tôi. Roux đến Paris có việc gì hay chỉ đến thăm anh"*[651].

● Trình độ chính trị của Nguyễn Tất Thành

Trần Dân Tiên viết: *"Lúc ấy, ông Nguyễn là một người yêu nước quyết tâm hy sinh tất cả vì tổ quốc; nhưng ông Nguyễn lúc đó rất ít hiểu về chính trị, không biết thế nào là công hội, thế nào là bãi công và thế nào là chính đảng (...) Ông Nguyễn không đủ tiếng Pháp để viết và phải khẩn khoản yêu cầu ông Phan Văn Trường viết thay. Ông Trường viết giỏi, nhưng không muốn ký tên. Mà chính ông Nguyễn đã phải ký tên những bài báo"*[652].

Đoạn này xác định thêm một lần nữa: Nguyễn Tất Thành không biết tiếng Pháp và cũng không hiểu gì về chính trị, nhưng những chi tiết này ở các bản tiểu sử chính thức về sau sẽ bị xoá hẳn. Trần Dân Tiên viết tiếp về việc học viết

649 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 188.
650 Lê Thị Kinh, tập 2, quyển 1, trang 211.
651 Lê Thị Kinh, sđd, t2, q1, trang 190.
652 Trần Dân Tiên, trang 34- 35.

báo tiếng Pháp: *"Nhược điểm về tri thức làm ông Nguyễn rất khó chịu. Nhất là ông Trường không viết tất cả những điều ông Nguyễn muốn nói. Vì vậy, ông Nguyễn bắt tay vào việc học làm báo. Thường lui tới toà báo "Dân Chúng", ông làm quen với những người Pháp khác trong đó có chủ bút tờ "Đời sống thợ thuyền". Cũng như ông Lông-ghê, người chủ bút này cũng rất đáng mến. Ông bảo ông Nguyễn viết tin tức cho tờ báo của ông. Biết rằng không thể nhờ ông Trường viết mãi, ông Nguyễn nói thật là mình cón kém tiếng Pháp. Người chủ bút nói: "Điều đó không ngại, có thể nào anh viết thế ấy. Tôi sẽ chữa bài của anh trước khi đưa in. Anh không cần viết dài, năm, sáu dòng cũng được". Ông Nguyễn bắt đầu viết rất khó khăn. Tin tức về Việt Nam, ông Nguyễn không thiếu. Ông thiếu nhất là văn Pháp (...) Khi thấy viết đã bớt sai lầm, ông chủ bút bảo ông Nguyễn: "Bây giờ anh viết dài hơn một tý, viết độ bảy tám dòng". Ông Nguyễn viết bảy, tám dòng. Dần dần, ông Nguyễn có thể viết cả một cột báo và có khi dài hơn. Lúc bấy giờ người chủ bút bạn thân của ông Nguyễn khẽ bảo:"Bây giờ anh viết ngắn lại. Viết từng này hoặc từng này dòng. Không viết dài hơn"*[653].

Việc học tiếng Pháp để viết báo trong vài năm chỉ có thể đưa đến kết quả: Nguyễn Tất Thành có thể viết được vài hàng tin tức. Còn viết được những bài xã luận ký tên Nguyễn Ái Quốc là một chuyện khác. Nhất là Tất Thành chỉ ở Pháp có 4 năm.

Tóm lại, phần thành thật trong nhật ký Trần Dân Tiên là nhìn nhận lúc ở Pháp, Tất Thành chưa biết gì về chính trị, tiếng Pháp kém và muốn học để viết báo. Nhưng cũng có chỗ không thành thật: vì ông đã nâng thời điểm Tất Thành đến Pháp từ 1919 lên 1914, để chứng tỏ những việc làm của Phan Văn Trường là Nguyễn Tất Thành làm. Theo thông tin tình báo, ông chơi rất thân với Nguyễn Thế Truyền, người bạn có

653 Trần Dân Tiên, trang 35- 36.

lúc ở chung với ông, hoặc ngày nào cũng gặp, có lẽ Nguyễn Thế Truyền mới là người đắc lực dạy ông tiếng Pháp.

Ở Hội Nghị Tours, khai mạc ngày 27/12/1920, Nguyễn Tất Thành xuất hiện công khai với cái tên Nguyễn Ái Quốc. Hémery viết: *"Nguyễn xoay sở để được mời đi dự Đại Hội đảng Xã Hội ở Tours, nhân danh đại biểu khu 13 của nhóm Xã Hội Đông Dương ma (fantomatique). Ngày 27/12 anh phát biểu ủng hộ kiến nghị Cachin-Frossard, ủng hộ việc đảng Xã Hội gia nhập Quốc Tế Cộng Sản"*[654].

Về Hội Nghị Tours, Trần Dân Tiên viết: *"ông Nguyễn lắng nghe nhưng không hiểu rõ lắm, vì người ta thường nhắc đi nhắc lại những tiếng, những câu: chủ nghiã tư bản, giai cấp vô sản, bóc lột, chủ nghiã xã hội, cách mạng (...) Ông Nguyễn nhức đầu vì khó hiểu"*[655].

Tuy không hiểu rõ những bàn cãi chính trị trong Hội Nghị Tours, nhưng Nguyễn vẫn bỏ phiếu cho Đệ Tam Quốc Tế vì ông nghĩ: *"Đệ Tam Quốc Tế nói sẽ giúp đỡ các dân tộc bị áp bức giành lại tự do và độc lập của họ"*[656].

Đoạn này Trần Dân Tiên cũng viết rất thực, nhưng trong cuốn Hồng Hà và các tiểu sử chính thức về sau, những đoạn thành thực như thế sẽ bị xoá hẳn, để thêm vào những đoạn dài mô tả *"Bác"* đã *"nghiên cứu"* kỹ càng lý thuyết Mác-Lê trước khi dự Hội Nghị Tours.

---

654 Hémery, trang 46.

655 Trần Dân Tiên, trang 46-47.

656 Trần Dân Tiên, trang 49.

Chương 17

Hội Đồng Bào Thân Ái
Phong Trào Ái Quốc Đầu Tiên tại Pháp

● Phan Văn Trường thành lập hội Đồng Bào Thân Ái

Về sự thành lập *Hội Đồng Bào Thân Ái - La Fraternité des Compatriotes*, Phan Văn Trường viết: "*Một ngày trong năm 1912, sau khi đưa đám một thiếu niên An Nam, học sinh trường Parangon* [trường Nguyễn Thế Truyền học từ năm 1910], *một số đồng bào đưa ra ý kiến lập Hội Ái Hữu Sinh Viên An Nam tại Pháp - Association amicale des étudiants annamites en France. Họ đề nghị tôi nghiên cứu dự trình để thực hiện càng sớm càng tốt. Tôi trả lời ngay: "Làm thì dễ, Pháp đã có luật 1/7/1901, tự do lập hội. Nhưng luật không chưa đủ, còn phải tính đến chính sách thuộc địa nữa. Các bạn nên biết, nếu ta lập hội mà không có phép, chính quyền thuộc địa sẽ tìm cách dẹp ngay"*[657].

Tuy nói vậy, nhưng rồi ông cũng làm:

"Tôi bắt tay vào việc. Viết bản Điều lệ và một bài quảng cáo dài. Hội được thành lập trong sự hoan hỉ của đồng bào đã giao phó trách nhiệm cho tôi. Tôi yêu mến đặt tên nó là Thân Ái - La Fraternité. Hội có mục đích:

---

657 Phan Văn Trường, *Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou la vérité sur L'Indochine - Chuyện những người An Nam âm mưu ở Paris hay Sự thật về Đông Dương*, L'Insomniaque, 2003, trích dịch trang 87.

1/ Giúp sinh viên Đông Dương xa gia đình có cơ hội gặp gỡ, kết bạn, đến chơi và giúp đỡ nhau trong trường hợp rủi ro, bệnh hoạn.

2/ Học chung với nhau để trao đổi kiến thức khoa học và văn chương.

Hội Thân Ái mỗi tháng tổ chức nhiều cuộc hội họp"[658].

Bản Điều lệ của Hội được Lê Thị Kinh tìm thấy, dịch và đưa vào *"Phan Châu Trinh Qua Các Tài Liệu Mới*[659]. Ở dưới có ghi: *"Dịch nguyên văn từ quốc ngữ ra tiếng Pháp. Lorin, giáo viên dạy tiếng An Nam Trường Thuộc Địa",* nhưng bà không tìm thấy bản quốc ngữ. Điều này dễ hiểu, vì Phan Văn Trường, bản tính thận trọng, viết bản điều lệ bằng tiếng Pháp, nhưng đề tên Lorin dịch, nên không hề có bản tiếng Việt. Lê Thị Kinh tìm thấy một số tư liệu quý về Phan Văn Trường và Hội Đồng Bào Thân Ái, mà có lẽ lúc còn sống chính ông Phan cũng không biết.

Về ngày lập hội, Phan Văn Trường ghi trong hồi ký: *"Tôi chưa bao giờ gặp ông* (Trinh) *ở trong nước. Tôi quen biết ông tại Paris năm 1912"*[660]. Ông Trường nói vì đồng bào thúc đẩy nên ông mới đứng ra lập hội, viết bản điều lệ và đặt tên là *Thân Ái* nhưng ông không ghi rõ ngày tháng việc này. Albert Sarraut xác định chủ tịch là Phan Văn Trường. Và trong bản Điều lệ, khoản 1, ghi: *"Nay thành lập một Hội của người nước Nam có tên gọi Hội "Đồng Bào Thân Ái". Trụ sở của hội tạm thời đặt ở nhà của vị chủ tịch".*

Rất may Lê Thị Kinh tìm được mật báo đầu tiên về cuộc họp ở trường Parangon ngày 18/1/1912 về *Hội Ái Hữu Đông Dương - Société de Secours Mutuels Indochinoise*, trong có câu: "*Sau đám tang của Dang* [Đang?], *ông Trinh và và những người cùng đi đã mời tất cả người Đông Dương đến*

---

658 Phan Văn Trường, sđd, trang 87-88.

659 Quyển 3, tập 1, trang 138

660 Phan Văn Trường, sđd, trang 68.

họp nghe nói chuyện tại Parangon. Đó là một cuộc mời họp đột xuất. Ông Trinh cùng một người tôi không biết rõ tên đã nói trước tiên"[661].

Điều này ăn khớp với những gì Phan Văn Trường viết trong hồi ký: Sau đám tang một học sinh Parangon, một số đồng bào đưa ra ý kiến lập hội Ái Hữu Sinh Viên An Nam tại Pháp. Tóm lại, ngày 18/1/1912 là buổi họp đầu tiên tại trường Parangon có Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường tham dự[662]. Buổi họp này, vì chưa có hội, nên chưa có tên, mỗi người đưa ra một tên như: Ái Hữu Sinh Viên, Ái Hữu Đông Dương, Hội Tương Tế... Chỉ sau khi Phan Văn Trường đã viết xong bản điều lệ và đặt tên là *Thân Ái-La Fraternité* gửi cho Bộ Thuộc Địa, thì mới chính thức có Hội *Đồng Bào Thân Ái.*

Phan Văn Trường viết: *"Hội hoạt động công khai không mờ ám. Chúng tôi cũng biết là có mật thám trà trộn trong đám hội viên, nhưng không sao, càng tỏ cho họ thấy là hội của chúng tôi theo đuổi những mục đích hoàn toàn hợp pháp và đáng khuyến khích. (...) Bọn mờ ám vẫn rình rập, với thế lực trong chính quyền thực dân, thế nào họ cũng phá. Hội của chúng tôi bị tẩy chay, họ phao tin hội này là ổ cách mạng, gián tiếp cảnh cáo hội viên nếu cứ cứng đầu không chịu bỏ thì có ngày sẽ phải hối hận"*[663].

Bản *Lý lịch Phan Văn Trường* của sở Mật Thám ngày 19/12/1919 viết: "*Năm 1912, y lập Hội Tương Tế lấy tên là Đồng Bào Thân Ái, chỉ gồm toàn người Đông Dương. Hội này chưa bao giờ khai báo với cảnh sát, không có trụ sở và thường hội họp ở các phòng trong của các tiệm cà phê, nhất là tiệm ăn Tầu ở 183 Đại lộ Montparnasse. Hội này hình như đã bị giải tán vào tháng bẩy năm 1913 (?)"*[664]

---

661 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 134-135.

662 Phan Văn Trường viết trong hồi ký là quen Phan Châu Trinh năm 1912. Vậy họ biết nhau trong những ngày đầu tháng Giêng, khi sửa soạn lập Hội.

663 Phan Văn Trường, sđd, trang 89.

664 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 115.

Hội Đồng Bào Thân Ái là tế bào đầu tiên của người Việt yêu nước tại Pháp. Lúc đó có Bùi Kỷ, đang học trường Thuộc Địa, làm thư ký và Khánh Ký doanh nhân làm thủ quỹ.

Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh, trở thành hai nhà lãnh đạo đầu tiên của phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp. Vì hoạt động của hội, mà Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh bị bắt năm 1914.

Cùng với việc lập Hội Đồng Bào Thân Ái, trong tháng 4/1912, Phan Văn Trường giúp Phan Châu Trinh viết lại bản điều trần *Trung Kỳ dân biến thỉ mạt ký*[665] sang tiếng Pháp gửi cho Hội Nhân Quyền. Trong hồi ký, ông nhắc đến văn bản này nhiều lần nhưng chỉ nhẹ nhàng nói rằng ông giúp Phan Châu Trinh đưa bản điều trần lên Hội Nhân Quyền.

Về văn bản này, Lê Thị Kinh mới đầu cũng nghĩ là Phan Văn Trrường viết, nhưng sau bà lại dẫn ý kiến Hémery cho rằng đây là một *"công trình tập thể",* được ông De Pressensé, chủ tịch Hội Nhân Quyền duyệt lại trước khi gửi cho bộ trưởng Thuộc Địa. Chúng tôi không đồng ý với ông Hémery, bởi vì dấu ấn Phan Văn Trường quá rõ, không thể là *"tập thể"* được, ngoài bút pháp mà Roux và Babut không thể sánh, còn có những điểm sau:

1/ Bỏ hẳn giọng hạ mình đối với chính quyền Pháp của Phan Châu Trinh.

2/ Xưng nước mình là Đế Quốc An Nam, ngôn ngữ tự hào dân tộc, sẽ thấy lại trong bản *Thỉnh Nguyện Thư Tám Điểm* 1919.

3/ Vô tình xưng mình quê ở huyện Hà Đông - trong khi Phan Châu Trinh quê ở làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Phan Văn Trường mới quê ở Hà Đông.

---

665 Bản dịch in trong Lê Thị Kinh, tập 1, quyển 4, trang 250-276.

4/ Lối lập ngôn *"Xét rằng"* cao kỳ của một nhà luật học, phù hợp với ngôn ngữ trong bản tuyên ngôn nhân quyền.

Phan Văn Trường có đủ thẩm quyền hơn nhiều người khác về sự thận trọng, tài lập luận và dùng chữ; chỉ cần đọc những thư hoặc thư ngỏ ông viết cho toàn quyền, bộ trưởng, dân biểu... để bắt bẻ, thì thấy khả năng bút pháp của ông.

Bản điều trần đăng trên *Báo của Hội Nhân Quyền và Dân Quyền - Bulletin de la Ligue des droits de l'homme et du citoyen* số 20 ngày 31/10/1912. Và được ông chủ tịch hội Nhân Quyền chuyển đến Bộ Thuộc Địa ngày 25/9/1912. Đầu năm 1913, Albert Sarraut phải nhượng bộ, hứa thả dần tù nhân vụ Trung Kỳ dân biến.

Toàn quyền Albert Sarraut gửi lá thư thứ nhất cho bộ trưởng Thuộc Địa về Hội Đồng Bào Thân Ái ngày 24/4/1912. Lá thư mở đầu bằng câu: *"Theo điện số 1152 (V.P. Bộ Trưởng) Ngài đã chuyển cho tôi bản điều lệ của Hội Đồng Bào Thân Ái do những người An Nam ở Pháp thành lập. Chủ tịch là Phan Văn Trường, phụ giảng ở trường Ngôn Ngữ Đông Phương"*. Và kết thúc bằng câu: *"Cần đề phòng ảnh hưởng của Phan Văn Trường, người có kiến thức rất uyên bác nhưng tự phụ, hay sinh sự và muốn có uy tín trong đồng bào mình ở Pháp và ở Đông Dương. Đồng Bào Thân Ái sẽ thành một Câu Lạc Bộ để trao đổi những cảm tưởng và ý nghĩ bất lợi cho sự thống trị của chúng ta, sẽ thảo luận các vấn đề chính trị nhiều hơn là những lợi ích vật chất và tinh thần của Hội. Tôi nghĩ cần phải theo dõi kỹ hành động của Hội này và mong ngài sẽ có những chỉ thị cần thiết cho việc đó"*[666].

Toàn quyền Albert Sarraut viết lá thư thứ hai cho bộ trưởng Thuộc Địa ngày 5/7/1912, tỏ rõ ý lo ngại hơn về Hội Đồng Bào Thân Ái, Sarraut nhấn mạnh: *"Tôi đã yêu cầu*

---

666 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 146-147.

ngài hạ lệnh theo dõi hoạt động của các thành viên, đặc biệt là Phan Văn Trường, chủ tịch Hội"[667].

Và lần này có kết quả: Để trừng trị, Bộ Thuộc Địa ra lệnh cho hiệu trưởng trường Sinh Ngữ Đông Phương phải sa thải Phan Văn Trường.

Nhưng sự trừng phạt không dừng ở đó. Albert Sarraut lo ngại hai ông Phan dùng hội Đồng Bào Thân Ái để liên lạc với các tổ chức chống Pháp ở trong nước, đặc biệt Phan Châu Trinh liên lạc với Lương Văn Can và Phan Văn Trường với 5 anh em ông[668], một gia đình nổi tiếng nhiều nhân tài ở đất Bắc, khiến Nguyễn Văn Vĩnh viết: "*Nếu nước An Nam chúng ta có độ mươi gia đình như gia đình này, thì chúng ta sẽ có đủ nhân tài để bố trí làm tất cả những công việc cần thiết*"[669].

Lợi dụng việc Quang Phục Hội của Phan Bội Châu ném bom giết chết hai sĩ quan Pháp tại một quán cà phê ở Hà Nội tháng 4/1913, mật thám bắt người anh cả của ông Trường là Phan Tuấn Phong và con trai 13 tuổi là Phan Trắc Cư. Khám nhà em ông là Phan Trọng Kiên, tìm được thư của ông Trường, trong có câu: *"Mong nước mình rồi sẽ có ngày 14/7",* tức là ngày cách mạng Pháp phá ngục Bastille năm 1789. Hai anh em bị kết án chung thân biệt xứ vì *"tội đã giết*

---

667 Lê Thị Kinh, tập 1, quyển 3, trang 148.

668 Theo Nguyễn Văn Vĩnh, gia đình Phan Văn Trường 6 anh em, đều có học thức, tri thức, và có khuynh hướng khác nhau. Hai anh: Phan Tuấn Phong, anh cả, nhà nho, nhà văn, nhà hùng biện, nhà ái quốc theo đạo Khổng; Phan Cao Lũy, chánh thư ký toà án tối cao, theo đạo thiên chúa, và ba em: Phan Trọng Kiên, đạo Phật, người em thứ là bạn của Nguyễn Văn Vĩnh, triết gia. Và người em út Phan Văn Dương, làm trác đại tư (thiết kế) cho Sở Công Chánh, theo trường phái Epicure.

669 Nguyễn Văn Vĩnh, bđd.

quan tư[670] *Chapuis và Montgrand*", tại Hà Nội[671]. Cha con ông Phong và ông Kiên bị đầy sang Nouvelle-Calédonie.

Ngày 13/3/1914, Phan Văn Trường được mời diễn thuyết tại trường Cao Đẳng Xã Hội, Albert Sarraut lại can thiệp với Bộ Thuộc Địa, không cho Phan Văn Trường nói, nhưng không thành - các trường lớn và các đại học rất ghét sự can thiệp của chính quyền. Phan Văn Trường diễn thuyết về đề tài: *Les revendications indigènes - Những thỉnh nguyện của người bản xứ*. Lần đầu tiên ông chính thức dùng chữ *Les revendications - thỉnh nguyện, đòi hỏi,* về sau chữ này sẽ trở lại với *Bản Thỉnh Nguyện Tám Điểm,* năm 1919.

Tiếp theo đó là vụ bắt Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường, tù từ tháng 9/1914 đến tháng 7/1915. Theo một mật báo thì *Hội Đồng Bào Thân Ái* phải giải tán năm 1916[672].

Nhóm Người An Nam Yêu Nước ra đời.

- **André Salles, con bài của Bộ Thuộc Địa để trừ khử Phan Văn Trường và Hội Đồng Bào Thân Ái**

André Salles, thanh tra thuộc địa về hưu, mạnh cánh trong Bộ Thuộc Địa, là Bí thư - Secrétaire- của Ủy Ban Paul Bert trực thuộc *Alliances Françaises- Liên Minh Pháp Ngữ,* cơ quan truyền bá tiếng Pháp ở nước ngoài. Uỷ Ban Paul Bert có nhiệm vụ kiểm soát du học sinh đến từ thuộc địa. Học sinh đến Pháp được Salles đưa vào trường Parangon, một trường tiểu học tư ở Joinville le Pont, ngoại ô Paris, do Salles đỡ đầu, để dễ kiểm soát. Salles cực lực chống việc cho Phan Châu Dật vào trường Parangon, mặc dù lúc đầu y cũng tỏ vẻ *"nâng đỡ"* Phan Châu Trinh. Học sinh nào tỏ dấu hiệu khó bảo thì cha mẹ sẽ bị trừng trị. Ngay từ lúc mới sang, Phan Văn Trường đã được Salles mời đến gặp, chủ ý muốn

670 Thiếu tá.

671 Tổng hợp lý lịch Phan Văn Trường, Lê Thị Kinh, sđd, Tập 2, quyển 1, trang 115.

672 Thu Trang, *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp*, trang 43.

"thu phục", nhưng thái độ của Phan Văn Trường lơ là, Salles đem lòng thù oán. Y tiếp tục theo dõi, coi hai ông Phan là phần tử xấu, ảnh hưởng đến học sinh, reo rắc mầm mống nổi loạn.

Trong một bản mật báo gửi Arnoux, một trong những xếp mật thám ở bộ Thuộc Địa, Salles viết: *"Nghỉ hè năm 1910, khi gặp tại Ngân khố một trong các trẻ thơ đỡ đầu của chúng tôi mới 17 tuổi, đến nay vẫn chưa tốt nghiệp trung học, y* (tức Phan Văn Trường) *đã nói: "Chúng ta là những nô lệ, vì vậy tôi sẽ xin nhập quốc tịch Pháp". Sau đó, y đưa cho nó một danh mục sách bảo nên mua đọc:*

- Dân ước của Rousseau.

- Thực chất luật pháp (tức Vạn pháp tinh lý) *của Montesquieu.*

- Thử bàn về sử (Khảo luận sử học) *của Chateaubriand (...) hành động của Trường đúng là chứng tỏ cách làm của lãnh đạo Hội Đồng Bào. (...) "Học vấn cao và đúng hướng sẽ nẩy sinh tư tưởng cách mạng", đó là chủ trương của Hội Đồng Bào. (...) Hội Đồng Bào năm 1912 có vẻ muốn nối tiếp truyền thống của Hội Đồng Bào năm 1908 ở Trung Kỳ (...) Chủ trương mới này mang tính lâu dài hơn nhưng còn khôn khéo hơn nhiều, có thể tóm tắt như sau: "Nấp dưới luật pháp của Pháp để chống chính sách của Pháp ở Đông Dương"*[673].

Được hỏi về việc này, Phan Văn Trường trả lời vắn tắt: *Tưởng cứ đọc Dân Ước thì làm cách mạng được à, sao dễ thế!* Nhưng những việc Salles tố giác không *"oan":* Nguyễn Thế Truyền là một trường hợp điển hình, có thể coi là môn đệ của Phan. Phan Văn Trường lại tỏ thái độ rất coi thường Salles, khiến y càng tức tối, tìm hết cách để triệt hạ ông và Hội Đồng Bào Thân Ái. André Salles là đầu mối các việc: Phan Văn Trường mất chức giảng dạy ở trường Sinh Ngữ, thay bằng Cao Đắc Minh, tay chân của Salles. Anh, em ông

---

673 Theo Lê Thị Kinh, sđd, tập1, quyển 3, trang 155-157.

Trường ở Hà Nội bị bắt và bị đi đầy. Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường bị bắt.

Đến tháng 2/1916, André Salles viết đơn yêu cầu mở lại vụ án, đòi đuổi Phan Văn Trường khỏi Công Binh Xưởng Toulouse. Nhưng sau lá thư trả lời dứt khoát của Bộ Quốc Phòng ngày 13/3/1916, từ chối việc thuyên chuyển ông Trường, André Salles bị mất chức bí thư Uỷ Ban Paul Bert, thay thế bằng Lorin là người đã ký tên dịch bản điều lệ Hội Đồng Bào Thân Ái của Phan Văn Trường.

● Nhóm An Nam Yêu Nước

Sự xuất hiện bút hiệu Nguyễn Ái Quấc.

Nếu Hội Đồng Bào Thân Ái ra đời một cách chính thức, có điều lệ nội quy gửi lên Bộ Thuộc Địa để xin phép, thì Nhóm An Nam Yêu Nước là một tổ chức không chính thức, không là *Hội - Association* mà chỉ là *Nhóm- Groupe.*

Hémery cho rằng: *"Nhóm nhỏ Người An Nam Yêu Nước do Trinh và Trường lập năm 1918. Một thứ "cộng đồng" nhiều nhất độ 15 người ở nhà Phan Văn Trường số 6 Villa des Gobelins"*[674]. Câu này có chỗ sai: Năm 1918, Phan Văn Trường đang ở Toulouse, chưa ở nhà số 6 Villa des Gobelins. Nhưng rất có thể nhóm này đã hình thành từ khi Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền ở Toulouse.

Phan Văn Trường để ý đến Nguyễn Thế Truyền từ khi Truyền còn là học sinh trường Parangon. Hai người về sau lại cùng sống ở Toulouse từ 1916 đến 1919: Phan Văn Trường, tại ngũ, làm thông ngôn cho lính thợ và Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Song (em), Nguyễn Thế Phu (chú), Nguyễn Thế Tắc (em họ), đều là sinh viên ở Toulouse từ 1916 trở đi, và đều trở thành những nhà cách mạng trong nhóm Nguyễn Thế Truyền.

---

674 Hémery, sđd, trang 42.

Hémery nói đến năm 1918, vì 1918 tên Nguyễn Ái Quốc/Quấc xuất hiện trên báo, nhưng chắc nhóm An Nam Yêu Nước đã hoạt động tại Toulouse từ 1916.

Sau khi Phan Văn Trường ra tù, được gửi về Công Binh Xưởng Toulouse, André Salles vẫn ngấm ngầm vận động mở lại vụ án, đòi chuyển Phan Văn Trường khỏi Toulouse, nhưng giám đốc Công Binh Xưởng trả lời: Phan Văn Trường có thái độ đúng đắn, không hề có triệu chứng gì đáng nghi ngờ. Salles bèn viết tiếp lá thư thứ nhì, vẫn nhân danh bộ trưởng Thuộc Địa, lần này y nhấn mạnh: *"Về thái độ đúng của Phan Văn Trường ở Toulouse: Do y biết đang bị theo dõi nên hết sức giữ gìn. Y sẽ làm việc một cách kín đáo giấu giếm như y đã làm trong Hội Đồng Bào với các sinh viên An Nam, ngoài sự kiểm soát của người quản lý các sinh viên đó. Và y có nhiều thuận lợi: y ở ngoài phố và thợ người Nam từ 19 đến 21 giờ và chiều ngày chủ nhật được tự do. Như vậy tha hồ trò chuyện không bị kiểm soát. Đó là những hoạt động ngầm rất khó phát hiện (...) Bộ trưởng Thuộc Địa rất ngại Phan Văn Trường sẽ thực hiện với thợ thuyền người An Nam ở Toulouse những điều y đã làm với sinh viên Đông Dương và chuẩn bị cho họ phản kháng lại kỷ luật của các nhà cầm quyền Pháp (...) Vì vậy nên đưa tên lính Phan Văn Trường ra khỏi Toulouse và cho y đến một nơi không có có nhóm thợ An Nam nào làm việc."*[675].

Lần này bộ trưởng Quốc Phòng gửi thư đáp lại bộ trưởng Thuộc Địa, bác bỏ hẳn đề nghị đổi Phan Văn Trường đi chỗ khác vì đang cần một thông dịch viên giỏi ở Toulouse[676]. Thu Trang trích một mật báo, năm 1919, không ghi ngày, như sau:

"Hội những người An Nam yêu nước đã được thành lập từ nhiều năm nay do hai nhà cách mạng chống Pháp là

---

675 Lê Thị Kinh, tập 1, quyển 4, trang 206-208.

676 Lê Thị Kinh, sđd, trang 213-214.

Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh. Đó là một nhóm hoạt động rất tích cực.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh (1914-1918), trụ sở Hội này là nơi hẹn của rất nhiều binh lính An Nam và hạ sĩ quan cùng sĩ quan có cấp bực. Từ hồi hai người trên, Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh, bị bắt vì tội chống an ninh quốc gia vào năm 1915, tuy Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh vẫn giữ vai trò lãnh đạo Hội một cách không chính thức, nhưng thực tế thì đã chính là do Nguyễn Ái Quốc"[677].

Điểm đáng chú ý đầu tiên là câu: "*Trong suốt thời kỳ chiến tranh (1914-1918), trụ sở Hội này là nơi hẹn của rất nhiều binh lính An Nam và hạ sĩ quan cùng sĩ quan có cấp bực",* Câu này chỉ có thể là thời kỳ Phan Văn Trường ở Toulouse, vì chỉ ở Toulouse mới có Công Binh Xưởng, hội tụ nhiều binh lính An Nam. Vậy mật báo này xác nhận việc Phan Văn Trường đã quy tụ nhóm An Nam Yêu Nước ở Toulouse. Lo lắng của Salles không phải là vô bằng cớ.

Điểm thứ nhì đáng chú ý là câu: "*tuy Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh vẫn giữ vai trò lãnh đạo Hội một cách không chính thức, nhưng thực tế thì đã chính là do Nguyễn Ái Quốc",* câu này trong mạch văn, có thể có các ý nghiã:

1/ Cái tên *Nguyễn Ái Quốc/Quấc đã xuất hiện trong khoảng 1914-1918, ít nhất là từ 1918.* Tức là trước khi Nguyễn Tất Thành sang Paris rất lâu - Tất Thành sang Paris tháng 6/1919, như đã nói ở trên.

2/ Nhóm Người An Nam Yêu Nước đã hình thành trong khoảng 1914-1918. Như vậy, chỉ có thể ở Toulouse, nơi Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền, em và chú, cùng học từ 1916. Trong thời gian này Phan Văn Trường bị buộc tội xúi giục binh lính An Nam làm loạn viết đơn xin

---

677 Thu Trang, *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925*, Đông Nam Á, Paris, 1983, trang 44.

giải ngũ. Nhóm Nguyễn Thế Truyền có lẽ còn là sinh viên nên chưa bị để ý - *Sẽ nói đến sau.*

3/ Nguyễn An Ninh được ba người bạn thân Lê Văn Thử, tác giả *Hội kín Nguyễn An Ninh*[678], Phương Lan Bùi Thế Mỹ, tác giả *Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh 1899-1943*[679] và Hồ Hữu Tường, tác giả *41 năm làm báo*[680] đều ghi nhận Nguyễn An Ninh sang Pháp lần đầu năm 1918.

Vậy cái tên *Nguyễn Ái Quấc - Quấc* chứ không phải *Quốc - nếu có từ năm 1918, phải là dấu ấn của Nguyễn An Ninh.* Ninh là người Nam, chỉ có người Nam, theo Huỳnh Tịnh Của, mới viết *Quấc*. Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền người Bắc, không viết như thế. *Quấc* và *Quốc* cùng được sử dụng trong một thời gian, sau Nguyễn Thế Truyền chỉ dùng tên *Quốc.*

4/ Bộ Thuộc Địa bắt đầu theo dõi Nguyễn Ái Quốc vào khoảng tháng 10/1919. Báo cáo của Jean[681] tháng 10/1919, có đoạn như sau:

"1- Ông Guesde nói phải, có Nguyễn Ái Quốc tên thật là Nguyễn Văn Quốc, người Sàigòn, học ở bên này đã lâu lắm. Song chưa biết tên ấy ở đâu - Phải quen Phan Văn Chường thời mới biết tên ấy được.

2- Xin ông làm ơn hỏi Sureté[682] *Paris xem Chường có ở Paris bây giờ không, hay là đi voyage như lời sergent interp*[683] *Khương nói và cho tôi chỗ hắn ở (số nhà và phố)"*[684].

Theo báo cáo này, Jean đến tháng 10/1919, vẫn chưa xác định được nhân dạng Nguyễn Ái Quốc, lúc thì coi

---

678 Nam Việt ấn hành 1949.

679 Thúy Phương, Sàigòn, 1970.

680 Đông Nam Á, Paris, 1984

681 Tên một người Việt làm chỉ điểm cho Tây.

682 An ninh.

683 Ông đội thông ngôn.

684 Thu Trang, sđd, trang 54.

Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn An Ninh - người Sàigòn, lúc thì coi Nguyễn Ái Quốc là Nguyễn Thế Truyền - học ở bên này đã lâu lắm, và chưa biết địa chỉ của Hội người An Nam yêu nước là nhà Phan Văn Trường, số 6 villa des Gobelins.

Những báo cáo của mật thám và chỉ điểm, trong hai năm 1919-1920 về Nguyễn Ái Quốc của Jean, của Edouard (cũng có tên là Đốc Phủ Bẩy) và của tổng thanh tra Pierre Guesde[685], trong thời gian này đều có tính rối mù như thế, nghiã là như một nhân vật có đầy đủ khả năng biện luận, diễn thuyết, biết rõ tình hình Việt Nam và thế giới, đang viết và dịch sách Tây ... tóm lại là khả năng của nhiều người họp lại.

5/ Về hoạt động của nhóm An Nam Yêu Nước, Daniel Hémery viết: "*Từ mùa thu năm 1919, Nhóm Những Người Yêu Nước có cột viết trên các báo Le Popupaire* (Người bình dân), *L'Humanité* (Nhân loại), *Le Libertaire* (Người tự do tuyệt đối), *báo của CGT (một công đoàn), La vie ouvrière* (Đời sống thợ thuyền) *và Le Peuple* (Dân chúng). *Họ diễn thuyết, tổ chức những buổi họp mặt công cộng, với chủ đích bảo vệ quyền lợi Đông Dương trong nền văn chương chống thực dân theo cách của những nhà văn Indonésia* (Nam Dương) *hay Ấn Độ. Cuối năm 1919, Nguyễn Ái Quốc, theo lời khuyên của Paul Vigné d'Octon là người hết sức chống chế độ thuộc địa, làm việc ráo riết tại thư viện Quốc gia, sửa soạn ra cuốn sách Les Opprimés* (Những kẻ bị đàn áp), *có thể là sơ thảo văn bản tương lai Procès de la Colonisation* (Bản Án Chế Độ Thực Dân) *và nghiền ngẫm dự định dịch các tác phẩm tây phương, như L'Esprit des lois* (Vạn pháp tinh lý) *sang Quốc ngữ*"[686].

Câu này xác định hoạt động của nhóm Ngũ Long trên báo chí và diễn thuyết. Nhưng vì *dùng tài liệu sai của mật*

---

685 Được Lê Thị Kinh sưu tầm trong tập 2, quyển 2, trang 123 -150.

686 Hémery, sđd, trang 45.

thám, nên Hémery đã nhầm Nguyễn An Ninh với Nguyễn Ái Quốc/Nguyễn Tất Thành.

Trong các bài viết hoặc diễn thuyết của mình, Nguyễn An Ninh thường nhắc đến kinh nghiệm cần học hỏi của Ấn Độ, Nam Dương. Nguyễn An Ninh thời ấy là một thanh niên để tóc dài kiểu hippie, làm *"người mẫu"* để kiếm tiền học, chơi thân với Paul Vigné d'Octon và nhóm *anarchiste - vô chính phủ*, cộng tác với báo *Le Libertaire* của nhóm này. Mỗi cuối tuần, Ninh ra ngoại ô Paris, vào rừng tập nói, để diễn thuyết cho hùng hồn. Đó là Nguyễn An Ninh những năm 1918-1922 ở Pháp. Theo Phạm Quỳnh[687], thập niên 1920 ở Pháp, diễn thuyết là một cái mốt, hầu như cuộc hội họp nào cũng có diễn thuyết. Nguyễn An Ninh còn viết cuốn *La France en Indochine - Nước Pháp ở Đông Dương,* chống Pháp mãnh liệt, in năm 1924, mang về Việt Nam trong chuyến đi với Phan Châu Trinh, sách này đã bị tịch thu[688]. Ninh dịch *Contrat social - Dân ước* của Rousseau và có ý dịch cả *L'Esprit des lois - Vạn pháp tinh lý* của Montesquieu.

Vậy hình ảnh một thanh niên tên *Nguyễn*, chơi thân với nhóm anarchiste, diễn thuyết hùng hồn, viết hết sách này đến sách khác, vào cuối 1919 đầu 1920, mà mật thám Jean mô tả và Hémery ghi lại trên đây, chỉ có thể là Nguyễn An Ninh, vì Nguyễn Tất Thành, đến tháng 6/1919, mới sang Pháp, đang học tiếng Pháp, làm sao cuối năm 1919, đã có thể *"đăng đàn diễn thuyết",* viết sách, và dịch Montesquieu được?

6/ Một mật báo khác viết: *"Vào những năm 1920-1921, Hội những người An Nam yêu nước" đặt trụ sở tại số 6 villa des Gobelins. Số người lãnh đạo của Hội này, đã từng làm công việc tuyên truyền chống Pháp một cách rất mạnh nói chung, và đặc biệt chống ông Sarraut (toàn quyền Đông*

---

687 Trong *Pháp du hành trình nhật ký*.

688 Bài *La France et L'indochine* đăng trên Europe số 31, ra ngày 15/7/1925, tóm lược nội dung cuốn sách.

Dương) nói riêng. Những người này cho là ông ta đã gây nên nhiều nỗi đau khổ tại nước họ.

Tháng 10 năm 1921, Phan Văn Trường, Nguyễn Ái Quốc, Khánh Ký, Lê Văn Thuyết và Hai Tân đã quyết định đề nghị ám sát ông Sarraut (...) Nhưng nhờ sự can thiệp của Phan Châu Trinh mà dự án này không đem ra thi hành"[689].

Những thông tin trong đoạn đầu, khá đúng, duy việc Phan Văn Trường định *"ám sát"* Sarraut là sai. Phan Văn Trường là người thận trọng, ghét bạo lực, hành động công khai, ông đối lập với Sarraut bằng luật pháp và ngòi bút. Nguyễn Thế Truyền sôi nổi và nóng nẩy hơn khi viết những bài đả kích Sarraut.

● Hội Liên Hiệp Thuộc Địa và báo Le Paria

Hội Liên Hiệp Thuộc Địa - Union Intercoloniale là cơ sở quan trọng thứ nhì, đối với người Việt tại Pháp, sau nhóm An Nam Yêu nước. Hội quy tụ đại diện những nước nhược tiểu bị Pháp đô hộ, họp lại để cùng chống thực dân. Hội ra tờ báo *Le Paria - Người cùng khổ.*

Trần Dân Tiên khoe vai trò của mình trong tờ báo này:

"Để mở rộng việc tuyên truyền đến các thuộc địa, ông Nguyễn và các đồng chí của ông ra tờ báo Người cùng khổ (Le paria) do ông là chủ bút kiêm chủ nhiệm (...) Ông Nguyễn kiêm cả viết, chủ nhiệm, chủ bút, chữa bài, thủ quỹ, xuất bản và liên lạc"[690].

Hồng Hà cũng viết: *"Báo Người cùng khổ, cơ quan ngôn luận của vô sản thuộc địa do anh Nguyễn Ái Quốc sáng lập, làm chủ bút kiêm chủ nhiệm, phát hành trong những năm từ 1922 đến 1924 (...) Anh Nguyễn viết khỏe nhất và nhiều nhất, có số anh viết tới ba, bốn bài. Chính từ đây*

---

689 Thu Trang, sđd, trang 45.

690 Trần Dân Tiên, trang 44.

và từ năm 1922 này, người đọc được thấy những bài báo đầy tính chiến đấu mãnh liệt của anh Nguyễn"[691].

Sự thực không như thế.

Hội Liên Hiệp Thuộc Địa được sáng lập tháng 7/1921, tại Paris. Mỗi thuộc địa có một đại diện trong ban chấp hành. Trụ sở số 9 rue Vallette, sau dời đến số 3 rue Marché des Patriarches. Tờ báo của hội là tờ *Le Paria* ra hàng tháng, dưới sự bảo trợ của nhà văn Henri Barbusse. Báo viết tiếng Pháp, tên in ba thứ chữ: Pháp, Hán và Ả Rập, tồn tại 4 năm, ra được 38 số: số 1, ngày 1/4/1922 và số 38, ngày 1/4/1926.

Thành phần của Hội khi mới thành lập gồm có: Marie Bloncourt, luật sư, đại diện Dahomey, Phi Châu, tổng thư ký, Nguyễn Ái Quốc, đại diện Đông Dương, Jean Baptiste, đại diện Guadeloupe; v.v... Lúc đầu có khoảng 200 hội viên. Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh đều là hội viên từ 1922, cả ba đều đã diễn thuyết nhiều lần tại trụ sở của Hội hoặc ở *Hội trường Hội Bác Học - Salle des Sociétés savantes*, rue Danton. Ví dụ, ngày 18/2/1923, Phan Văn Trường diễn thuyết so sánh sự cai trị Việt Nam của Pháp và của Trung Hoa. Nguyễn An Ninh diễn thuyết nhiều lần tại Hội trường hội Bác Học. Ngày 17/10/1924 Nguyễn Thế Truyền diễn thuyết về Đông Dương dưới sự cai trị của Albert Sarraut và Martial Merlin. Mỗi lần Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh diễn thuyết, Phan Châu Trinh đều đến nghe[692].

Chỉ cần lướt qua tờ *Le Paria* cũng thấy: đây là tờ báo chống thực dân một cách trào phúng và thâm thúy, kiểu *"gậy ông đập lưng ông";* phải đủ những điều kiện: có óc châm biếm, có uy-mua Pháp, thâm hiểu văn hoá Pháp mới viết được. Nguyễn Ái Quốc làm đại diện cho Đông Dương trên tờ báo này là đúng, vì bút hiệu Nguyễn Ái Quốc năm 1922, đã

691 Hồng Hà, trang 150 và 156.

692 Đặng Hữu Thụ, *Thân thế và sự nghiệp nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền,* tác giả xuất bản, Paris, 1993, trang 40.

rất nổi tiếng. Nhưng những bài ký tên Nguyễn Ái Quốc có phải do Nguyễn Tất Thành viết không?

Trong một bài bênh vực Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Thế Truyền ngụ ý: *tiếng nói của Nguyễn Ái Quốc là tiếng nói của toàn dân Việt Nam*, vậy ông đã kín đáo thổ lộ sự thật về cái bút hiệu chung này. Báo Le Paria số 4, tháng 7/1920, có 2 bài ký tên Nguyễn Ái Quốc, tựa đề *La haine des races- Sự căm thù chủng tộc* và *Les cilivisateurs - Những kẻ giáo hoá.* Bài *L'Humanité coloniale - Nhân nghiã thực dân* trong số 6 ra tháng 7/1920, có kèm ảnh những người bị xử bắn, và trong bài báo tác giả mỉa mai ghi: *đó là hành động của những con người văn minh*[693].

Bài đầu tiên ký tên Nguyễn Thế Truyền xuất hiện trên Le Paria, số 9 ra ngày 1/12/1922, tựa đề *Un bolchevick jaune- Một người Bôn-sơ-vích da vàng,* nội dung bênh vực Nguyễn Ái Quốc bị báo *La Dépêche Coloniale - Bản tin thuộc địa* đả kích, trong bài này, Nguyễn Thế Truyền ngụ ý: *Tiếng nói của Nguyễn Ái Quốc là tiếng nói của toàn dân Việt Nam,* như đã nói ở trên.

Sau khi Nguyễn Tất Thành đi Nga, tên Nguyễn Thế Truyền xuất hiện nhiều hơn và tên Nguyễn Ái Quốc giảm dần, nhưng vẫn tồn tại đến 1927, chứng tỏ Nguyễn Thế Truyền tuy đã viết bằng tên thật nhưng vẫn còn tiếp tục dùng tên Nguyễn Ái Quốc trong 4 năm nữa[694].

Số 21 ra ngày 1/12/1923, trong bài *Le vase de Chine - Chiếc bình sứ Trung Hoa*, Nguyễn Thế Truyền đả kích kịch liệt bác sĩ Cognacq, nguyên giám đốc học chính Đông Dương về tội hối lộ. Số 22, Nguyễn Thế Truyền nhắc đến lòng yêu nước của Phan Tuấn Phong và Phan Trọng Kiên, anh em ruột của Phan Văn Trường trong phong trào Đông Du, bị bắt năm 1913. Số 24, đả kích toàn quyền Albert

693 Thu Trang, trang 144.

694 Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh về nước cuối năm 1923 và Nguyễn Tất Thành đi Nga, giữa 1923.

Sarraut đầu độc dân tộc Việt Nam bằng rượu và thuốc phiện. Số 27, viết về Phạm Hồng Thái và tiếng bom Sa Diện. Số 28, đả kích Outrey, dân biểu Nam Kỳ, tuyên bố trong quốc hội Pháp không nên áp dụng luật ân xá tại Việt Nam, vì người Việt Nam không biết ân xá là gì. Nguyễn Thế Truyền chê Outrey dốt nát không biết gì vì chín trăm năm trước vua Lý Thánh Tông đã ân xá cho phạm nhân, trong một năm trời làm rét mướt[695].

Từ ngày 4/11/1923, Nguyễn Thế Truyền thay thế Nguyễn Ái Quốc làm trị sự toà báo. Đầu 1925, Nguyễn Thế Truyền trở thành phó tổng thư ký của Hội và chủ bút tờ *Le Paria.* Trong năm 1925, hầu như số nào cũng có bài của Nguyễn Thế Truyền. Sau số kép 36-37 ra tháng 10/1925, toàn bộ viết bài bênh vực Phan Bội Châu, Nguyễn Thế Truyền ra khỏi *Le Paria* để sửa soạn ra tờ Việt Nam Hồn, tiếng Việt. Không có Nguyễn Thế Truyền, *Le Paria* chỉ ra được một số chót - số 38, tháng 4/1926- rồi đình bản[696].

● Ai là tác giả những bái báo ký tên Nguyễn Ái Quốc?

Nhờ cuốn sách của Đặng Hữu Thụ, mà chúng ta biết rõ hoạt động của Nguyễn Thế Truyền và nhóm của ông tại Pháp trong đó có em trai là Nguyễn Thế Song, chú ruột là Nguyễn Thế Phu và các anh em họ và người làng, đều đi du học Pháp từ 1916 và làm cách mệnh.

Trong thư ngày 27/3/23, cụ thân sinh Nguyễn Thế Truyền khuyên con: *"chớ bắt chước Nguyễn Ái Quốc làm báo nói lăng nhăng, chớ chơi với Nguyễn Ái Quốc"*[697].

Như thế, cái tên Nguyễn Ái Quốc, tuy là tên chung, tên ma, nhưng đã thành tên riêng của một người: Nguyễn Tất Thành, và *sự bí mật về cái tên Nguyễn Ái Quốc gần như toàn*

---

695 Đặng Hữu Thụ, trang 43.

696 Đặng Hữu Thụ, trang 51.

697 Đặng Hữu Thụ, sđd, trang 19.

diện, đến cả cụ thân sinh Nguyễn Thế Truyền cũng không biết con mình viết bài ký tên Nguyễn Ái Quốc! Sự bí mật này trở thành chiến lược của nhóm Ngũ Long, chúng tôi sẽ trở lại trong phần phân tích văn bản Nguyễn Ái Quốc.

Trần Dân Tiên/Hồ Chí Minh hiển nhiên nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, tác giả các bài báo.

Nhưng nhiều dữ kiện chứng minh ngược lại:

1/ *Khả năng tiếng Pháp:* Một người đến Pháp năm 1919, mới bắt đầu học viết báo tiếng Pháp, một thời gian sau không thể viết được những bài xã luận ký tên Nguyễn Ái Quốc, kể cả khi người ấy ở Pháp nhiều năm. Viết được như vậy phải học trường Pháp từ nhỏ và có văn tài.

2/ *Chính quyền Pháp cũng không tin Nguyễn Tất Thành là Nguyễn Ái Quốc:* Trong thư gửi toàn quyền Đông Dương ngày 12/9/1923, sau khi Nguyễn Tất Thành đi Nga, tổng thanh tra Pierre Guesde còn viết: *"Những bài ký tên Nguyễn Ái Quốc không phải do y viết hoặc đã được sửa chữa rất nhiều. Khả năng nói và viết tiếng Pháp của tay An Nam này không đủ để viết những bài y ký tên".*

Nguyên văn: *"Les articles publiés sous le nom de Nguyễn Ái Quốc ne sont pas de lui ou ont été tout au moins l'objet des plus sérieures retouches. Cet annamite parle et écrit insuffisament le français pour rédiger tout ce qui paraît sous son nom"*[698].

Một thư khác, Pierre Guesde gửi toàn quyền Đông Dương ngày 6/7, nhưng không đề năm, chắc vào khoảng 1920-1921, có đoạn như sau: *"Tôi được thông báo là Phan Văn Trường sẽ từ Mayence về Paris những ngày sắp tới. Tôi đã dặn Cảnh Sát Cuộc phái người theo dõi trong thời gian y ở lại thủ đô. Ông Babut có đến thăm tôi và nói rằng tất cả*

---

698 Thư của tổng thanh tra quân đội Đông Dương và người Đông Dương gửi toàn quyền Đông Dương ngày 12/9/1923 - Contrôleur général des troupes indochinois et des Indochinois à Gouverneur général de L'Indochine le 12/9/1923) (Slotfom Série I, Carton II - Đặng Hữu Thụ, trang124).

những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc đều do Phan Văn Trường gợi hứng. Babut xác định với tôi rằng Phan Văn Trường là linh hồn của tất cả những gì xẩy ra trong môi trường Villa des Gobelins"[699].

Theo báo cáo này thì Ernest Babut không hẳn đã có lòng tốt với Phan Châu Trinh mà Babut còn *"làm việc"* với chính phủ Pháp nữa.

Nhiều chứng cớ cho thấy Babut và Roux, hai ân nhân của Phan Châu Trinh, còn hành động dưới quyền điều khiển của Pierre Guesde và Albert Sarraut.

Báo cáo 20/1/1921 của Josselme, trưởng Cơ Quan Kiểm Soát ở Marseille gửi Guesde về lời khai của François Albert, một luật sư gốc Việt - Miên đã ở trong nhóm Phan Văn Trường: *"Ngày 17/1/1921, theo ý kiến của François Albert thì có khả năng nhân vật Nguyễn Ái Quốc không có thật mà đó chỉ là một bí danh của Phan Văn Trường, tiến sĩ luật khoa. François Albert nói: Tôi chưa bao giờ trông thấy Nguyễn Ái Quốc ở Paris. Tất cả các bài báo đăng cũng như các yêu sách của dân Đông Dương gửi đến hội nghị hoà bình đều do Phan Văn Trường thảo ra*"[700].

3/ Những ai biết tiếng Pháp và đọc những văn bản ký tên Nguyễn Ái Quốc, đều thấy một sự thực hiển nhiên: Nguyễn Tất Thành không thể viết những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc.

Hoàng Xuân Hãn viết: *"bí danh này có thể là tên tượng trưng của tất cả người Việt (Nguyễn là họ thông thường của nhiều người Việt, chứ không phải chỉ là họ của Tất Thành). Nguyễn yêu nước, ba chữ ấy ứng vào tiếng Pháp: Groupes des patriotes Annamites thấy ký ở dưới truyền đơn: Bản yêu cầu tám điểm. Có lẽ một mặt vì họ Nguyễn mà mật thám coi*

---

699 Thu Trang sđd, Phụ lục, chú thích 7, chương 5.

700 Lê Thị Kinh, *Phan Châu Trinh qua các tài liệu mới*, Tập 2, quyển 1, trang 122.

đó là tên của Nguyễn Tất Thành. Rồi sau Nguyễn Tất Thành cũng mang tên ấy một thời gian mà thôi"[701].

Những điều này giáo sư Hoàng Xuân Hãn viết khi còn giả thuyết Nguyễn Tất Thành sang Pháp từ năm 1917.

● Nhóm Ngũ Long

Hồ Hữu Tường là người đầu tiên *"tiết lộ bí mật"* về nhóm Ngũ Long. Hồ viết theo lời Phan Văn Trường kể lại khi họ gặp nhau ở Paris năm 1930, sau khi Phan ra tù lần thứ nhì, và sắp lên đường về nước. Những lời Hồ viết dưới đây có vài chi tiết sai, nhưng đại thể là đúng: *"Khi ra rù, hai cụ được Nguyễn Thế Truyền, học xong ở Toulouse lên hiệp tác. Đầu tháng bẩy cụ Tây Hồ móc nối được với Nguyễn Tất Thành, lúc đó ở London, nên viết thơ gọi về Paris. (...), Đến 1918, nhóm nầy lại được Nguyễn An Ninh ở Sài Gòn sang nhập bọn. Người ngoài cho đó là năm con Rồng, bởi người Việt xưng mình là "con Rồng". Linh hồn của nhóm "Ngũ long" nầy là cụ Phan Châu Trinh.*

Và khi chường ra công chúng, nhứt là khi viết báo chống thực dân, thì ý kiến thường do cụ Tây Hồ xướng ra, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh thảo thành tiếng Pháp, và giao cho Tất Thành đem giao cho nhà báo với một bút hiệu chung.

Về cái bút hiệu nầy, có một giai thoại kể ra cũng buồn cười. Lúc ban đầu, các cụ chọn bút hiệu là Nguyễn Ố Pháp. Nghiã là thằng Nguyễn ghét người Pháp. Tên nầy được độc giả Pháp hoan nghinh lắm, vì giọng nói dí dỏm của người Việt Nam, lại thêm câu văn của Ninh và Truyền gọt giũa nên có duyên. Độc giả gởi thơ đến nhà báo hỏi Nguyễn Ố Pháp là ai và tên ấy có nghiã gì? Các cụ buộc lòng phải dịch cho ngay tình. Các bạn Pháp phản đối cái tên cực đoan dễ ghét, mà tiếng Pháp gọi là sô vanh (chauvin), và đề nghị đổi đi.

---

701 Thu Trang, sđd, trang 114.

Từ đó bút hiệu Nguyễn Ố Pháp bị đổi là Nguyễn Ái Quốc. Về sau bốn vị kia tách ra, tên Nguyễn Ái Quốc còn lại riêng cho Hồ Chí Minh"[702].

Câu: "*Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh thảo thành tiếng Pháp, và giao cho Tất Thành đem giao cho nhà báo với một bút hiệu chung",* ăn khớp với sự khảo sát văn bản Nguyễn Ái Quốc mà chúng tôi sẽ đề cập đến ở chương sau.

Vẫn về việc này, Lê Thị Kinh viết lại lời Phan Châu Trinh: *"Cụ Phan Châu Trinh trên giường bệnh tháng 3/1926 tại Sài Gòn đã kể lại vắn tắt với cụ Nguyễn Sinh Huy: "Ban đầu, Nguyễn Ái Quốc là tên chung của nhóm, khi cảnh sát đưa giấy cho Phan Châu Trinh ở số 6 Villa des Gobelins gọi Nguyễn Ái Quốc ra trình diện thì Tất Thành mới ra nhận"*[703].

Hồ Hữu Tường cũng kể lại việc này và pha trò theo cách của ông: "*Bộ trưởng Thuộc Địa tống trát đòi "Nguyễn Ái Quốc đến cấp tốc tại Bộ Thuộc Địa gặp ông bộ trưởng", nhưng lại đem trát giao tận nhà Phan Châu Trinh. Cụ Tây Hồ gọi Tất Thành đến giao tờ trát, Tất Thành cầm trát đến gặp ông bộ trưởng Pháp và câu đầu nói xỏ rằng "Nguyễn Ái Quốc là tôi. May mà trát gởi đến nhà chú tôi là Phan Châu Trinh, nên được chú tôi đưa lại. Không thì lạc mất rồi! (...) Ngày ấy, cụ Tây Hồ xỏ Tây tế nhị xong, xuống chợ Mouffetard mua lòng lợn về mời đủ năm Rồng xơi một tiệc "khải hoàn"*[704].

Trong thời gian từ 1919 đến 1923, nhóm Ngũ Long, qua bút hiệu chung Nguyễn Ái Quấc/Quốc, rồi từ 1923 đến 1927, chỉ còn lại Nguyễn Thế Truyền ở Pháp, đã tả xung hữu đột, tranh đấu quyết liệt cho sự độc lập và dân chủ của đất nước. Sự phân công có thể như sau:

---

702 Hồ Hữu Tường, *41 năm làm báo*, Đông Nam Á, Paris, 1984, trang 18-19.

703 Lê Thị Kinh, sđd, Tập 2, quyển 1, trang 28.

704 Hồ Hữu Tường, sđd, trang 19-20.

Phan Châu Trinh là nhà ái quốc lão thành, nhưng cách tranh đấu của ông không còn phù hợp với hoàn cảnh mới ở bên Pháp, cho nên chỉ giữ vai lãnh đạo tinh thần.

Phan Văn Trường là nhà lãnh đạo đích thực.

Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh viết nhanh, viết mạnh.

Nguyễn Tất Thành phụ trách phần tin tức, việc quản trị và cổ động bán báo, in truyền đơn...

Phần lớn những người tham gia kháng chiến chống Pháp, từ Nho học đến Tây học, đều học giỏi nổi tiếng, nhưng đã gạt văn bằng sang một bên để dấn thân. Hồ Chí Minh là một trường hợp đặc biệt, dù con quan, nhưng sớm bỏ học, trình độ quốc ngữ kém, tiếng Pháp sơ sài, ông đã sống rất cực khổ, làm bồi bếp trong suốt quãng đời thanh niên từ 1911 đến 1919, trước khi tới Pháp. Tại Pháp cũng chỉ có hai năm ở nhà Phan Văn Trường là khá, sau này ra Compoint, một khu nghèo nàn thợ thuyền, sống rất cơ cực, với mặc cảm sâu xa đối với các bạn đồng hành trí thức. Đó là những lý do khiến Nguyễn Tất Thành theo cộng sản, mặc dù ông chưa hiểu rõ lý thuyết cộng sản như thế nào.

Sau này, khi lên cầm quyền, việc đầu tiên là ông sẽ bắt mọi người phải kính nể, phải gọi ông bằng *"Bác",* phải cúi đầu trước chân dung ông, và riêng đối với trí thức, ông sẽ dành cho họ những nhục nhằn mà ông đã phải gánh chịu trong suốt cuộc đời thanh niên.

Phụ bản

Chúng tôi in lại bản *Revendications du Peuple Annamite* dưới đây, nguyên văn tiếng Pháp, bản dịch sang tiếng Việt, và bài thơ *Việt Nam Yêu Cầu Ca.*

♦ Revendications du Peuple Annamite

Depuis la victoire des Alliés, tous les peuples assujettis frémissent d'espoir devant la perspective de l'être de droit et de justice qui doit s'ouvrir pour eux en vertu des engagements formels et solennels, pris devant le monde entier par des différentes puissances de l'entente dans la lutte de la Civilisation contre la Barbarie.

En attendant que le principe des Nationnalités passe du domaine de l'idéal dans celui de la réalité par la reconnaissance effective du droit sacré pour les peuples de disposer d'eux-même, le peuple de l'ancien Empire Annam, aujourd'hui Indo-Chine Française, présente aux Nobles Gouvernements de l'Entente en général et à l'honorable Gouvernement Français en particulier les humbles revendications suivantes:

1- Amnistie Générale en faveur de tous les condamnés politiques indigènes.

2- Réforme de la justice indochinoise par l'octroi aux Indigènes des mêmes garanties judiciaires qu'aux Européens, et la suppression complète et définitive des Tribunaux d'exception qui sont des instruments de terrorisation et d'oppression contre la partie la plus honnête du peuple Annamite.

3- Liberté de presse et d'opinion.

4- Liberté d'association et de réunion.

5- Liberté d'émigration et de voyage à l'étranger.

6- Liberté d'enseignement et création dans toutes les provinces des écoles d'enseignements techniques et professionnels à l'usage des indigènes.

7- Remplacement du Régime des lois[705].

8- Délégation permanente d'indigènes élus auprès du Parlement Français pour le tenir au courant des désidérata indigènes.

Le peuple Annamite, en présentant des revendications ci-dessus formulées, compte sur la justice mondiale des toutes les Puissances et se recommande en particulier à la bienveillance du Noble Peuple Français qui tient son sort entre ses mains et qui, La France étant une République, est censée d'avoir pris sous sa protection. En se réclamant de la protection du Peuple Français, Le Peuple Annamite, bien loin de s'humilier, s'honore au contraire; car il sait que le Peuple Français représente la liberté et la justice, et ne renoncera jamais à son sublime idéal de Fraternité universelle. En conséquence, en écoutant la voix des opprimés, le Peuple Français fera son devoir envers la France et envers l'Humanité.

Pour le Groupe des Patriotes Annamites:
Nguyễn Ái Quốc

---

705 Trong bản in ở cuốn sách của Vũ Ngự Chiêu & Nguyễn Thế Anh, trang 125, điều 7 này được viết như sau: *Remplacement du régime des decrets par le régime des lois* (Thay chế độ sắc lệnh bằng chế độ pháp lệnh). Chúng tôi dùng bản in trong sách của Thu Trang vì có bài thơ viết tay *Việt Nam Yêu Cầu Ca* đính kèm. Văn bản này trong bộ *Hồ Chí Minh toàn tập* đã được sửa hết các lỗi chính tả.

♦ Thỉnh nguyện của dân tộc An Nam

Từ khi Đồng Minh thắng trận, các cường quốc long trọng cam kết rõ ràng trước thế giới quyết tâm tranh đấu, lấy Văn Minh chống lại Hung Tàn; tất cả những dân tộc bị áp bức đều nôn nao hy vọng, trước viễn ảnh, sẽ được sống trong công bằng và luật pháp.

Trong khi chờ đợi nguyên tắc dân tộc tự quyết, từ lý tưởng sang thực hành, bằng sự nhìn nhận thực sự quyền thiêng của mỗi dân tộc, tự định đoạt lấy số phận mình; Chúng tôi, Thần dân của Đế quốc An Nam ngày trước, nay là Đông Dương Pháp, trình bày với Cao Quyền Đồng Minh nói chung và Kính Quyền Pháp nói riêng, những thỉnh nguyện khiêm tốn sau đây:

1- Đại xá tất cả tù binh chính trị bản xứ.

2- Cải tổ luật pháp Đông Dương, bằng cách bảo đảm cho người dân bản xứ, những điều kiện về luật pháp như người Âu châu. Bỏ hẳn các toà án đặc biệt là công cụ khủng bố và đàn áp thành phần lương thiện nhất của dân tộc An Nam.

3- Tự do báo chí và tư tưởng.

4- Tự do lập hội và hội họp.

5- Tự do di dân và du lịch ra nước ngoài.

6- Tự do giáo dục và xây dựng những trường kỹ thuật và thực nghiệp tại các tỉnh cho người bản xứ.

7- Thay thế Chế độ pháp lý.

8- Có phái đoàn đại diện thường trực dân biểu bản xứ tại Nghị viện Pháp để thông báo những nguyện vọng của người dân bản xứ.

Dân tộc An Nam, qua những thỉnh nguyện trên đây, tin tưởng ở công pháp quốc tế của các cường quốc và đặc biệt trông cậy vào lòng thành của dân tộc Pháp cao quý, đang cầm vận mệnh của chúng tôi trong tay; nước Pháp là một nước Cộng hoà, cầm bằng như đã bảo hộ chúng tôi. Khi

thỉnh cầu sự bảo trợ của Dân tộc Pháp, Dân tộc An Nam, không hề tự hạ mình, mà ngược lại còn lấy làm vinh hạnh, vì họ biết Dân tộc Pháp biểu hiện tự do và công bằng, không bao giờ từ khước lý tưởng cao cả: Tứ hải giai huynh đệ. Vì vậy, khi đáp ứng tiếng kêu của người bị áp bức, Dân tộc Pháp không những làm tròn bổn phận đối với nước Pháp mà còn đối với cả Nhân loại.

Thay mặt nhóm An Nam Yêu Nước - Nguyễn Ái Quấc.

(Thụy Khuê dịch)

♦ Việt-Nam yêu cầu ca

Bằng nay gặp hội Giao hoà.
Muôn giân hèn yếu gần xa vui tình.
Cầy rằng các nước Đồng minh
Đem gươm công lí giứt hình giã man
Mấy phen công bố rõ ràng.
Dân nào rồi cũng được trang bình quyền
Việt Nam xưa cũng oai thiêng
Mà nay đứng giới thuộc quyền Lang-sa.
Lòng thành tỏ nỗi sút sa.
Giám xin đại quấc soi qua chút nào.
1 xin tha kẻ đồng-bào.
Vì chưng chính trị mắc vào tù giam.
2 xin phép luột sửa sang
Người Tây người Việt hai phương cùng đồng.
Những toà đặc-biệt bất công
Giám xin bỏ giứt rộng giung dân lành
3 xin rộng phép học hành
Mở mang kỵ nghệ, tập tành công thương
4 xin được phép hội hàng
5 xin nghị ngươi nói bàn tự gio
6 xin được phép lịch giu

Bốn phương mặc sức, năm châu mặc tình.
7 xin hiến-pháp ban hành
Trăm đều phải có thần-linh pháp quyền.
8 xin được cử nghị-viên.
Qua Tây thay mặt giữ quyền thổ giân.
Tám đều cặn tỏ xa gần.
Chưng nhờ vạn quốc công giân xét tình
Riêng nhờ giân Pháp công bình
Đem lòng đoái lại của mình trong tay.
Pháp giân nức tiếng xưa nay.
Đồng-bào, bác ái sánh tày không ai.
Nỡ nào ngảnh mặt ngơ tai.
Để cho mấy ức triệu người bơ vơ.
Giân Nam một giạ ước mơ
Lâu nay tiếng núp bóng cờ tự-gio.
Rộng xin giân Pháp xét cho
Trước phò tiếng nước, sau phò lẽ công.
Gịch mấy chữ quấc âm bày tỏ
Để đồng-bào lớn nhỏ được hay.
Hoà bình may gặp hồi nầy
Tôn sùng công lí, đoạ đày gia-man
Nay gặp hội khải hoàn hĩ hạ
Tiếng vui mừng khắp cả đồng-giân
Tây vui chắc đã mười phần
Lẽ nào Nam lại chịu thân tôi đòi

*

Hẵng mở mắt mà soi cho rõ
Nào Ai-lan, Ấn-độ, Cao-ly.
Xưa, hèn phải bước suy vi
Nay, gần độc lập cũng vì giân khôn
Hai mươi triệu quấc hồn Nam Việt
Thế cuộc nầy phải biết mà lo
Đồng bào, bình đẳng tự gio

Xét mình rồi lại đem so mấy người
Ngổn ngang lời vắn ý giài
Anh em đã thấu lòng nầy cho chưa
Nguyễn Ái Quấc

Việt-Nam yếu cầu ca.

Bấy nay gặp hội Giao-hoà.
Cây rằng các nước Đông minh
Mấy phen cũng lẽ rõ ràng.
Việt-Nam xưa cũng oai thường
Loạn thành tổ nỗi sút sa.
1 xin tha kẻ đồng-bào.
2 xin phép luật sửa sang
Những tội đặc-biệt bất công
3 xin rộng phép học hành
4 xin được phép hội hàng
6 xin được phép lịch gia
7 xin hiến-pháp ban hành
8 xin được cử nghị-viên.
Tạm đến cận kề xa gần.
Riêng nhỏ giám pháp công bình
Pháp quán mục tiêu xưa nay.
Nỗ vào ngành mặt ngỏ tài.
Giữa Nam một gia cước mỏ
Rộng xin giận Pháp xét cho
Gịch mấy chuyện quốc cầm bay tỏ
Hoà bình may gặp hội nầy
Nay gặp hội khải hoàn hữu hạ
Tây-vu chẳng đã nuôi phần

Muôn giám hiền yếu gần xa vui tình.
Đem quốc công-lí giút hình giữ man
Dẫu nào nỗi cũng được tranh bình quyền
Mà nay đứng giới thuộc quyền Long-Đà.
Giám xin đại quốc soi qua chuyết nào.
Vì chung chính trị mức vũ trụ gram.
Người Tây ngụ. Việt hai phương cùng đồng.
Giám xin bỏ giút rộng lượng dân lành
Mở mang kỹ nghệ, lập hành công thường
5 xin nghỉ người mới hàn tài gió
Bốn phương mặc sức, năm châu mặc tình.
Trăm đều phải có thân-linh pháp quyền.
Qua Tây thay mặt giữ quyền thổ giản.
Chung nhỏ vạn quốc công giám xét thiệt
Đem lòng dâng lại của mình trong tay.
Đồng-bào, bức ai sánh tay không ai.
Để cho mấy kẻ triều người hỏ vở.
Lâu nay tiếng mếp bóng cỏ tú-gió.
Trước phô tiếng nước, sau phô lẽ công.
Đã đồng-bào lớn nhỏ được hay.
Tôn sùng công lí, đoạ đày gian-man
Tiếng vui sướng khắp cả đồng-giản
Lẽ nào Nam lại chịu thân tôi đoi

× × × × × ×

Hãng mở mắt mà soi cho rõ
Xưa, tuổi phải bước suy vi
Hai mươi triệu quốc-hồn [illegible]
Đồng bào, bình đứng tử-gió
Ngẩn ngơ lời vắn ý giải

Nào Ai-lan, Ấn-độ, Cao-ly.
Nay, gần độc lập cùng sĩ giản thôn
Thế cuộc mấy phải biết mà lo
Xét mình nói lại đem so mấy người
Anh em dải thấu lòng mấy cho chưa

Nguyễn-an-Quốc

Nhóm Ngũ Long
PHAN VĂN TRƯỜNG
PHAN CHU TRINH
NGUYỄN AN NINH
NGUYỄN THẾ TRUYỀN
NGUYỄN TẤT THÀNH

Nguyên-Ai-Quốc
LE PROCÈS
de la
Colonisation Française
Mœurs Coloniales
LIBRAIRIE DU TRAVAIL
le Paria
勞働報
Tribune du Prolétariat Colonial
Faillite Parlementaire et Colonies
Indochine et Pacifique
le Paria
勞働報
Organe des Peuples opprimés des Colonies
Vive Pham-Boï-Chau!
le Paria
勞働報
Tribune du Prolétariat Colonial
Faillite Parlementaire et Colonies
TÊTES A CAPPLES
Le colonel Fabry, ministre
Indochine et Pacifique
1.000

Chương 18

Nguyễn Ái Quốc
lai lịch và văn bản

Bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập*, 12 cuốn[706], 8410 trang, gồm:

- 80% diễn văn, công văn chính thức, do các bí thư viết, văn phong thay đổi tùy theo sách lược chính trị mỗi thời và bút pháp từng người.

- 5% chú thích.

- 15% còn lại là văn bản gần 1000 trang, có thể chia làm hai phần: Phần dịch từ tiếng Pháp những bài ký Nguyễn Ái Quốc và phần tiếng Việt gồm những bài ký bút hiệu khác.

Phần tiếng Việt: Gồm những bài đăng báo Việt Nam, ký C.B tập 7 và 8 - C.B là viết tắt của *Của Bác,* theo Bùi Tín, ký Trần Lực, tập 9 và 10 và ký Chiến Sĩ, tập 11. Loạt bài tiếng Việt phản ảnh tư chất thực tiễn, ngắn gọn, dễ hiểu, không lý thuyết lý luận, không khôi hài, có lẽ đó mới đích thực là văn viết của Hồ Chí Minh. Bài *Việt Nam Yêu Cầu Ca*, có thể xem là bài thơ đầu tay, phản ánh lối làm thơ nôm na của ông Hồ. Sau này, còn có nhiều bài khác, cùng một phong cách như thơ chúc Tết, thơ Trung Thu và thơ ngâm vịnh. Lối thơ này được in lại trong tập 3.

---

706 Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000.

Phần ký Nguyễn Ái Quốc: Khoảng 700 trang -bản CD bị cắt một số đoạn, so với sách in- là bản dịch những bài viết trên báo Pháp, từ 1919 đến 1927. Bản dịch chưa lột hết cá tính nguyên văn, nhưng cũng làm lộ phẩm chất, tư tưởng, lòng ái quốc và chí khí của người viết. Chính loạt bài này đã *"thành danh"* Nguyễn Ái Quốc, xác định *"tư tưởng Hồ Chí Minh",* làm cho ông trở thành thần tượng ngay từ thập niên 1920-1930 của thế kỷ trước.

Nguyên bản tiếng Pháp trên báo, được ký dưới hai dạng: Nguyễn Ái Quấc, trong thời kỳ đầu, sau Nguyễn Thế Truyền giữ lại Nguyễn Ái Quốc.

Phần khảo này có hai mục đích:

- Truy nguyên lai lịch bút hiệu Nguyễn Ái Quấc/Quốc.
- Khảo sát văn bản Nguyễn Ái Quốc.

Để truy nguyên lai lịch Nguyễn Ái Quốc, ta phải trở lại sự thành lập Nhóm An Nam Yêu Nước tại Toulouse.

● Hoạt động của Phan Văn Trường tại Công Binh Xưởng Toulouse

Ra tù năm 1915, Phan Văn Trường tiếp tục là phần tử "*nguy hiểm",* luôn luôn bị theo dõi. Mật thám dò hỏi người giữ cửa immeuble về mọi hoạt động, giao du của ông. Trong thời gian ở Toulouse, ông không ở trong trại lính, thuê nhà ở riêng, đổi nhà 2 lần, đều ở phố Taur - Rue du Taur. Vì biết mình luôn luôn bị mật thám theo dõi và vẫn tiếp tục chống Pháp, ông giấu kín việc gia đình, có người vợ không giá thú, và con trai không ở cùng địa chỉ.

Ông Khánh Ký cũng xuống Toulouse, ở số 23 đường Braqueville. Nguyễn Thế Truyền, em, chú và em họ cũng về Toulouse học.

Thời kỳ đó, Phan Châu Trinh trải qua nhiều bất hạnh đớn đau, có lẽ không liên lạc thường xuyên với anh em trong một thời gian dài. Bà Phan Châu Trinh mất khi ông ở tù và

ông cũng bị chặn tin, không hề hay biết, như trường hợp Nguyễn Thế Truyền. Ra tù, ông bị chính quyền thực dân cắt trợ cấp, hy vọng không biết tiếng Pháp, không thể xoay xở nổi, Phan sẽ phải về nước.

Nhưng Phan học nghề ảnh với Khánh Ký và tự lập được. Ông di chuyển nhiều nơi: Chartres, Pons, Bordeaux, Le Havre, kiếm sống sung túc. Đến tháng 3/1917 Phan lâm trọng bệnh phải vào bệnh viện Cochin 2 tháng. Ra viện, tiền dành dụm đã hết, lại yếu quá không làm việc được. Châu Dật phải nghỉ học, làm việc ở siêu thị Bon Marché để nuôi cha. Marius Moutet can thiệp, Dật được học bổng trở lại, học tiếp niên khoá 1917-18, nhưng đã mắc bệnh lao vì quá vất vả. Pháp không chữa được.

Phan hy vọng cho con về Việt Nam thời tiết ấm hơn, Châu Dật lên tầu về nước ngày 27/9/1919 và mất ở Huế ngày 2/2/1921.

Từ 1916, Phan Văn Trường ở Toulouse vẫn bị André Salles theo dõi nhưng không làm hại được. Đến tháng 9/1917, nhân việc Phan dịch đơn xin hồi hương cho một người thợ, mọi sự lại dấy lên lần nữa, Phan bị khám xét nhà cửa. Bộ Quốc Phòng bắt buộc phải mở cuộc điều tra. Viên sĩ quan phụ trách tìm cách ép những người lính thợ phải khai rằng chính Phan đã *"chủ mưu xúi giục"* họ viết đơn xin giải ngũ. Thực ra, Phan chỉ dựa trên việc chính quyền thuộc địa dán áp-phích quảng cáo khắp nơi, rằng đi lính chỉ một năm rồi về, để khuyến dụ mọi người *"tình nguyện"* đi lính cho Tây. Nhưng lần này Phan không bị bắt, một phần vì Thiếu tá chỉ huy trưởng Malacamp có thiện cảm với ông, và nhất là nhờ những người lính thợ, không những không khai mà còn nói chính ông Phan đã ngăn cản chúng tôi nộp đơn xin giải ngũ![707] Tướng Mas xuống gặp Phan, và sau đó mọi chuyện được dàn xếp ổn thoả.

---

707 Phan Văn Trường, sđd, trang 170-171.

Sự kiện này cho thấy tinh thần tương trợ của đồng bào và nói lên bộ mặt chìm của an ninh: Bộ Thuộc Địa vẫn nghi ngờ hoạt động bí mật của Phan Văn Trường tại Công Binh Xưởng Toulouse, họ theo dõi để diệt trừ. Phan Văn Trường trong hồi ký chỉ viết về việc ông bị theo dõi, bị nghi *"oan"* vì đã dịch thư xin hồi hương cho một đồng bào, mà không hở chút gì về hoạt động của ông tại Toulouse[708].

Về tội xúi giục binh lính Việt xin hồi hương, chắc không oan, vì đó là một chiến lược: Ông muốn *vận động một phong trào phản chiến trong lòng những sĩ quan và binh lính Việt*. Cũng giống như ông đã gieo vào đầu óc học sinh trường Parangon tinh thần chống Pháp tại Pháp. Và ông luôn luôn khôn khéo, không hành động ra ngoài khuôn khổ luật pháp: Việc lính thợ xin hồi hương, là đúng luật, đúng hạn kỳ một năm mà chính phủ Pháp đã hứa hẹn. Việc này Phan còn làm lại, trên báo *L'Annam* ở Sài Gòn năm 1926, kêu gọi lính Việt ở Trung Hoa, ngừng chiến đấu cho Pháp, và lần thứ hai này ông bị bắt, bị kết án cùng với một số tội trạng khác, ông phải sang Pháp tự biện hộ, nhưng vẫn bị tù năm 1929.

● Nội dung các văn bản ký tên Nguyễn Ái Quấc/Quốc

Đọc những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quấc/Quốc và hai tác phẩm *Bản Án chế độ thực dân* và *Đông Dương (1923-1924)*, ta có thể hiểu được hoạt động của nhóm *Người An Nam Yêu Nước* tại Toulouse: Nội dung *tố cáo tội ác thực dân một cách xác thực, toàn diện và ghê gớm,* chứa đựng trong toàn bộ các văn bản ký Nguyễn Ái Quấc/Quốc này, cho thấy đây là một công trình dài hơi đã được thu thập tài liệu một cách quy mô trong một thời gian dài, trước khi các tác giả chấp bút.

---

708 Vì hồi ký Phan Văn Trường đăng từng kỳ trên báo La Cloche Fêlée từ 30/11/1925 đến 15/3/1926, chủ đích để "*vạch trần chính sách thực dân"* nên không phải việc gì cũng *"công bố"* được.

Thời kỳ Phan Văn Trường ở Toulouse, cùng Khánh Ký là thời gian hình thành cuộc cách mạng bằng ngòi bút trên báo chí Pháp từ 1919 trở về sau, với sự trợ giúp của nhóm Nguyễn Thế Truyền (sinh 1898), em Nguyễn Thế Song (1902) và chú Nguyễn Thế Phu (1900)[709], cùng ở Toulouse trong thời điểm đó và cùng giúp Nguyễn Thế Truyền trong các tờ *Le Paria, Việt Nam Hồn, Phục Quốc* và *La Nation Annamite.*

Vậy có thể kết luận rằng từ 1916 đến 1919, tại Toulouse, nhóm An Nam Yêu Nước đã tập hợp tài liệu và nhân chứng để chuẩn bị cho cuộc tranh đấu công khai bằng ngòi bút về sau:

1/ Hàng ngày tiếp xúc với lính thợ và sĩ quan Việt, Phan Văn Trường *đã thu thập những nhân chứng quan trọng về chính sách dã man của thực dân*. Đó là kho lưu trữ lớn nhất, gồm những thông tin từ hai phía: phía chính quyền, qua hồ sơ quân đội Pháp mà Phan tiếp cận được và phía nạn nhân, qua những điều mà người lính thợ Việt Nam hàng ngày kể lại với ông, khi họ nghỉ việc ở xưởng từ 19 đến 21 giờ mới phải vào trại và có nửa ngày chủ nhật nghỉ, như Salles cho biết. Vì vậy "ê-kíp" của ông mới có thể gặp gỡ và ghi lại những nhân chứng nói về các trường hợp cụ thể tội ác thực dân đã xẩy ra ở từng nơi, từng làng.

2/ Năm 1918, Nguyễn An Ninh từ Sài Gòn sang - trước khi đi Pháp, Ninh đã ra Hà Nội học hai năm. Ông biết rõ tình hình cả Nam lẫn Bắc. Sau này, ông còn về nước nhiều lần.

3/ Năm 1919 có nhiều yếu tố hội tụ: Tháng 1, Hội Nghị Hoà Bình khai mạc ở Versailles. Tháng 6, Nguyễn Tất Thành

---

709 Nguyễn Thế Phu là con tuần phủ Nguyễn Duy Hàn người đã bị bom của Quang Phục Hội (Phan Bội Châu) giết chết, nhưng gia đình Nguyễn Thế Truyền không hề nghĩ đến "thù" riêng, khi Phan Bội Bội Châu bị bắt, ông Truyền đã hết sức vận động: diễn thuyết, viết bài trên báo Le Paria và vận động Hội Nhân Quyền cứu cụ Phan khỏi án tử hình. Đặng Hữu Thụ ghi lại rất rõ những hoạt động của "đảng" Nguyễn Thế Truyền tại Pháp.

từ Luân Đôn sang Pháp. Bản *Thỉnh Nguyện Thư* do Phan Văn Trường viết, nhưng *Tám điểm* hẳn là một sự bàn cãi tập thể, vì Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh đều học Luật.

4/ Nguyễn Thế Truyền sau khi học xong kỹ sư, về quê một năm từ tháng 8/1920 đến tháng 8/1921. Thời gian này, ông quan sát tác dụng của phong trào: tên Nguyễn Ái Quốc được người trong nước coi như một vị anh hùng, và khi trở lại Pháp, Nguyễn Thế Truyền đã thuật lại trong bài "*Một người Bôn-Sê-Víc da vàng*". Ông mở rộng địa bàn tranh đấu trên tờ Le Paria của hội Liên Hiệp Thuộc Địa cùng với các nhà văn, nhà báo Châu Phi, Madagascar. Tại trụ sở *Le Paria*, Nguyễn Thế Truyền thu thập thông tin, qua chứng từ của các nhà báo và của người đọc ở Châu Phi gửi về toàn soạn.

Tất cả dữ kiện đó, tạo ra một ngân hàng thông tin, mà các tác giả sử dụng để viết những bài báo, chính ra là những bản cáo trạng, phơi bày sự thật về chính sách thực dân tại Đông Dương, dưới một bút danh bí mật *Nguyễn Ố Pháp*, rồi *Nguyễn Ái Quấc/Quốc*. Nguyễn Tất Thành là người đứng ra nhận tên Nguyễn Ái Quốc.

● Nguyễn Tất Thành / Nguyễn Ái Quốc một lầm lẫn vô tình hay cố ý

Khi viết về thời kỳ lịch sử này, hầu hết các nhà nghiên cứu Pháp-Việt đều coi Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc là ba nhân vật chính của phong trào chống Pháp. Điều đó không sai. Nhưng sự sai lầm đến từ sự kiện: *Nguyễn Tất Thành là người nhận tên Nguyễn Ái Quốc nhưng không phải là tác giả những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc*. Sở dĩ chưa ai soi tỏ sai lầm này, vì các lý do sau đây:

1/ Vì Hồ Chí Minh tự nhận là Nguyễn Ái Quốc, nên không ai dám cãi lời *"Bác"*. 1948, khi viết *"hồi ký"* ký Trần Dân Tiên, ông Hồ cần dựa trên uy tín của Nguyễn Ái Quốc

-cái tên mà người Việt đã biết, đã coi như anh hùng, qua những bài báo chống Pháp thập niên 1920 tại Pháp- để lập cho mình một căn cước *"lãnh tụ tuyệt vời"* đúng như lời Lữ Phương: *Cuốn "tiểu sử" viết về Hồ Chí Minh của Trần Dân Tiên đã biểu lộ rất rõ cái nhu cầu năm 1948 mà Hồ Chí Minh và cuộc cách mạng của ông đang muốn tạo ra cho phong trào yêu nước cộng sản trước tình hình mới - một lãnh tụ tuyệt vời và chỉ có lãnh tụ đó mới là tuyệt vời thôi*". Cho nên ông đã tạo ra các bằng chứng để biện minh Nguyễn Tất Thành chính là Nguyễn Ái Quốc.

2/ Sự kiện này, có thể làm được năm 1948, vì ba người trong cuộc: Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh đã qua đời. Nguyễn Thế Truyền bị bắt từ tháng 5/1941, bị đầy đi Madagascar. Đến tháng 6/1946, Moutet can thiệp, hai anh em ông Truyền mới được thả, nhưng bị quản thúc tại Sài Gòn đến 1947. Tóm lại, 1948, ở Việt Bắc, Hồ Chí Minh tưởng Nguyễn Thế Truyền vẫn đang bị đi đầy, nhóm Ngũ Long không còn ai, vậy mình có thể nhận là *chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Le Paria*, là người *lập ra nhóm An Nam Yêu Nước* mà không bị ai phản bác. Đúng như dự tính của ông Hồ: không bao giờ Nguyễn Thế Truyền đả động đến việc viết chung bút hiệu. Chỉ khi cuốn hồi ký *41 năm làm báo* của Hồ Hữu Tường được in ra năm 1984 tại Paris sau khi ông mất, việc này mới tỏ.

3/ Một mặt khác, sau khi thua trận, người Pháp có mặc cảm tự ti đối với Hồ Chí Minh, mặc cảm này dường như đã thấm vào vô thức của nhiều người, kể cả các nhà nghiên cứu đứng đắn.Vì vậy, dù họ có đặt ra một số nghi vấn về tác giả Nguyễn Ái Quốc nhưng rồi vẫn mặc nhiên coi Nguyễn Ái Quốc là Hồ Chí Minh. Riêng đối với những đảng viên cộng sản Pháp như sử gia Alain Ruscio, và đặc biệt Léo Poldès, người quản lý Câu Lạc Bộ Faubourg, nơi Nguyễn Tất Thành đến học nói tiếng Pháp trước công chúng, thì sự tôn sùng

lãnh tụ Hồ Chí Minh còn có ý *"kể công"* và tuyên truyền cho đảng Cộng Sản Pháp.

4/ Nhiều nhà nghiên cứu ngoại quốc, một mặt, không biết rõ những khó khăn của một người ngoại quốc học viết tiếng Pháp, một mặt, tưởng Nguyễn Tất Thành cũng như hầu hết những thanh niên Việt sang Pháp thời ấy, đều giỏi tiếng Pháp.

5/ Thu Trang trong cuốn *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp,* rồi Thu Trang-Gaspard trong cuốn *Hồ Chí Minh à Paris*, và Lê Thị Kinh trong bộ *Phan Châu Trinh qua các tài liệu mới,* là những trường hợp đặc biệt, mặc dù hết sức trung thành với "Bác Hồ", nhưng vẫn đưa ra được những bằng chứng nghi ngờ Nguyễn Tất Thành là Nguyễn Ái Quốc.

6/ Sau cùng, sự nhầm lẫn của các nhà nghiên cứu, còn đến từ một sự kiện khác: việc sử dụng những báo cáo sai lầm của mật thám. Yếu tố sau cùng này là rường mối của các sai lầm mà chúng tôi gọi là sai lầm của những nhà nghiên cứu đứng đắn và sự kiện này cần được mổ xẻ, phân tích kỹ càng.

● Nguyễn Như Chuyên

Nguyễn Như Chuyên là loại thám tử trà trộn vào hàng ngũ *"địch"* vẫn thấy trong các phim trinh thám. Khi chính quyền thực dân thả Phan Châu Trinh và cho ông đi Pháp, họ đã gài sẵn một thám tử đi theo hai cha con, là Nguyễn Như Chuyên, thông dịch viên ở Đông Dương, đi với tư cách *"sinh viên"* được học bổng 3 năm của Pháp, cùng chuyến tầu[710]. Nhiệm vụ của Chuyên có lẽ chỉ bộ trưởng, toàn quyền và một vài người được giao trách nhiệm trực tiếp biết, vì các bộ não an ninh dường như cũng không biết rõ, vẫn coi Chuyên là *"đồng bọn"* với hai ông Phan.

---

710 Theo thư của Bùi Kỷ viết cho Ngô Đức Kế, Lê Thị Kinh, sđd, tập1, quyển 3, trang 183.

Tới Pháp, Chuyên vào học trường Jules Ferry tại Versailles ít lâu rồi bỏ, thường đi về giữa Paris và Le Havre, khai là có cửa hàng ở Le Havre. Gần gụi Phan Châu Trinh, làm thông dịch cho ông, trao đổi thư từ *"tâm huyết"* với ông trong nhiều năm, được ông coi là đồ đệ. Chuyên ở cùng khách sạn với Phan Châu Trinh, rue l'Abbé de l'Epée, rồi rue Cujas. Khi Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường bị bắt, Chuyên cũng bị bắt, bị điều tra thẩm vấn hệt như *"tòng phạm"* của hai ông Phan. Chuyên có mon men làm thân ông Trường nhưng ông Trường là người cực kỳ thận trọng, đã cảnh báo ông Trinh, nhưng ông Trinh không nghe. Trong hồi ký, ông Trường trách ông Trinh "*khinh xuất"* là như thế. Chính Nguyễn Như Chuyên đã mạo khai để hai ông Phan bị bắt về tội "*phiến loạn".*

Cũng nên đọc qua một đoạn hỏi cung *"cò mồi"* của quan ba Caron với Chuyên:

"- Hỏi: Hôm khám nhà anh 14/10/1914 ở khách sạn Flandres, 16 Cujas, thấy trong lò sưởi có nhiều giấy tờ đã đốt. Giấy tờ gì vậy?

- Đáp: Chính là các thư của Phan Châu Trinh vì tôi sợ nên đã đốt. Chính qua các thư đó mà tôi biết các khoản tiền chính phủ Đức giúp Phan Châu Trinh cũng như dự định nổi dậy ở Đông Dương trong đó có các thư của Phan Văn Trường về quan hệ của ông ta ở Tàu và sự giúp đỡ của Tàu cho các nhà cách mạng Đông Dương.

- Hỏi: Anh nói thêm chi tiết về kế hoạch nổi dậy?

- Đáp: Phải chờ cơ hội thuận tiện và chiến cuộc ở Âu châu có thể là hiệu lệnh cho cuộc nổi dậy. Quân cách mạng sẽ được các nhà cầm quyền Tàu ở biên giới cấp vũ khí tiền bạc cùng với các lãnh sự Đức ở Tầu. Quan hệ với Tàu do Phan Văn Trường, còn Phan Châu Trinh phải quan hệ với nhà cầm quyền Đức"[711].

---

[711] Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 4, trang 117. Thu Trang, sđd, trang 61.

Tổ chức mua súng ống là bịa đặt vì hai ông Phan hoàn toàn chống lại bạo động cách mạng. Những câu hỏi được dàn dựng một cách ngu xuẩn: *"Hôm khám nhà anh thấy đốt... tư liệu gì vậy?* Tại sao Chuyên biết sẽ bị khám nhà mà đốt? Lại nhè đúng lúc công an sắp đến mới đốt để cho họ thấy tro? Tại sao không giữ những thư của Phan Châu Trinh nhận tiền của Đức, nếu có? Tại sao những giấy tờ Phan Văn Trường liên lạc với Tàu làm cách mạng, lại ở nhà Nguyễn Như Chuyên? Phương pháp làm việc của Caron và đồng bọn quả đúng là ô nhục như lời luật sư Moutet nhận định sau này.

Dù là *"sinh viên*", Chuyên *"được*" giam vào ngục nhà binh Cherche-Midi ở tù chung với Phan Văn Trường! *"Phan Châu Trinh cứ khen Nguyễn Như Chuyên thông minh và là chính trị gia khéo léo, chứ tôi thấy y rất tồi trong vai thám tử mà người ta giao cho hắn đóng cạnh tôi trong ngục Cherche-Midi"*[712].

Sau khi đi cung về Chuyên thuật lại với ông Trường: *"Họ đã quyết định chặt đầu cả ba đấy. Đây là chiến thuật của Sarraut muốn đánh một cú vang dội. Ông phải viết thư ngay tức khắc cho thủ lãnh luật sư đoàn, hay cho Quan ba Caron, hay một người có quyền thế nào khác, kêu xin cầu cứu đi"*. Phan Văn Trường chẳng động đậy.

Lần cung hôm sau, ra về, y nói: *"Họ đã bắt tôi phải khai là ông nhận tiền của của lãnh sự Đức để mua súng vậy ông còn chần chừ gì nữa*". Phan Văn Trường vẫn không nhúc nhích.

Cuối cùng, hắn quát to bằng tiếng Pháp: *"Đấy! đấy! Tôi đã bảo hắn là việc hết sức quan trọng, tôi đã khuyên hắn phải viết thư xin những vị có thẩm quyền can thiệp, mà hắn chẳng coi ra gì, cứ rắn như đá, dù hắn đã có hai anh em bị đi đầy*"[713].

---

712 Phan Văn Trường sđd, trang 141.

713 Phan Văn Trường, sđd, trang 144- 145-146.

Sau cùng, Chuyên giả điên, nhẩy vào cắn Phan Văn Trường, một người lính canh cản lại. Chuyên được chuyển vào nhà thương điên, Phan Văn Trường vẫn nghĩ đó chỉ là một vở hài kịch được dàn dựng. Cớ điên để vô hiệu hoá những lời khai man của Chuyên và có cớ xử hai ông được miễn tố. Sự miễn tố này, là công của luật sư Marius Moutet, đồng nghiệp của Phan Văn Trường tại toà Thượng thẩm, và Phan đã gặp trong hội nghị về nhân quyền ở Lille năm 1914, đã là người bảo vệ hai ông Phan, hiệu quả nhất. Quan tư Roux có can thiệp cho ông Trinh, nhưng chỉ thêm rách việc, vì Caron nói thẳng với ông Trinh: *Ông đừng tưởng cứ quen Roux mà xong đâu!*

Tại Quốc hội, tháng 2/1925, trong cuộc đối chất với Outrey, Moutet kể lại lúc còn đang đi lính, ông được tin Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường, bạn đồng nghiệp của ông tại toà Thượng Thẩm bị bắt. Đang đóng ở Vosges, ông đã viết nhiều thư can thiệp nhưng vô hiệu. Phải đợi đến lúc đắc cử dân biểu, về Quốc Hội, ông mới đến gặp Thủ tướng Viviani và nói rằng: "*Tôi muốn trình thủ tướng người ta đã dùng những phương pháp ô nhục. Là thủ tướng, ông cho phép tôi mở lại hồ sơ, tôi muốn chứng minh rằng nó hoàn toàn trống rỗng". Ông Viviani gọi trách nhiệm toà án binh đến và ra lệnh: "Tôi yêu cầu ông đưa ngay hồ sơ cho ông Moutet". Thưa quý vị, tôi đã mở hồ sơ và quả nó trống rỗng. Người ta bảo tôi: "Trống đấy, nhưng hồ sơ thật ở bên Đông Dương kia!"*[714]

Albert Sarraut không còn lối thoát. Đành phải tính cách thối lui cho khỏi mất mặt. Và có lẽ bi hài kịch Nguyễn Như Chuyên giả điên được dàn dựng trong hoàn cảnh đó.

Ngày 2/3/1918, một mật báo cho biết: Nguyễn Như Chuyên được đưa vào nhà thương điên Bicêtre từ 22/4/1915

---

714 Tranh luận tại quốc hội, ghi lại trên Echo Annamite ngày 11 và 12/1925, Phan Văn Trường trang 208-223.

đến 16/4/1916 được ra. Sau khi vào bệnh viện lần thứ nhì, ngày 13/2/1918 Chuyên được ra khỏi để *"đi đến Toulouse, số 23 đường Braqueville, nhà người chụp ảnh Khánh Ký, người đã cam kết nhận y để kiếm việc làm cho y"*[715]. Vậy Bicêtre có lẽ là *"địa chỉ tạm thời"* mà Chuyên được ở với bệnh danh *"trầm cảm"* do bác sỹ cấp, để đánh lạc hướng, và Chuyên sẽ về Toulouse với ông Khánh Ký, để tiện bề theo dõi nhóm Yêu Nước.

Sau chiến tranh, Phan Văn Trường trở lại Paris làm luật sư, mật thám vẫn theo dõi các thân chủ của ông, đe dọa nếu mượn Phan Văn Trường, một kẻ phiến loạn, chống nhà nước Pháp biện hộ, thì có ngày mang họa.

● Vấn đề chỉ điểm, mật thám

Chính quyền thuộc địa dùng nhiều mật thám người Việt, dễ len lỏi vào môi trường Việt kiều. Những người có bí danh như Jean, chuyên theo dõi Nguyễn Tất Thành hay Désiré, theo dõi Nguyễn Thế Truyền, đều là Việt. Trong số mật thám có cả các quan: Đốc Phủ Bảy là một trường hợp. Nhưng mật thám có thể đưa những thông tin sai lầm:

Cuốn *Cochinchine - Nam Kỳ*[716] của Léon Werth, là một tác phẩm văn học giá trị, nói lên sự khâm phục kín đáo của Werth đối với Nguyễn An Ninh và mô tả tỷ mỷ đời sống hàng ngày ở Nam Kỳ dưới sự áp bức của bọn thực dân vô giáo dục trên một dân tộc có truyền thống văn hóa lâu đời nhưng cam chịu. Léon Werth kể lại câu chuyện sau đây: hai mật thám người Việt có nhiệm vụ theo dõi Nguyễn An Ninh ở Sài Gòn, nhưng thay vì theo Ninh, họ lại đi theo Dejean de la Bâtie[717]. Khi Werth và Ninh rời Sài Gòn đi Lục tỉnh, mật thám vẫn tiếp tục theo dõi La Bâtie và làm báo cáo hàng

---

715 Lê Thị Kinh, sđd, tập1, quyển 4, trang 124.

716 Nhà xuất bản Rieder, 1926, Viviane Hamy, 1997.

717 Chủ báo La cloche fêlée, người Pháp lai, đồng chí của Nguyễn An Ninh.

ngày. Đến lúc cơ quan an ninh ở Rạch Giá đánh điện lên, Sài Gòn mới biết là nhầm, hình như hai người này bị đuổi![718]

Trong năm 1919, Edouard đưa ra những bản báo cáo về Nguyễn Ái Quốc rất dài và tỉ mỉ, đặc biệt mật báo về cuộc thảo luận tối 19/12/1919 ở Villa des Gobelins[719] mà ông được dự - Edouard hình như là Đốc phủ Bẩy, công chức ở bộ Thuộc Địa, "*chơi thân"* với nhóm Yêu Nước- chép lại lời Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết rất hùng hồn về hiện tình Việt Nam và thế giới, trong lúc chính sở mật thám cũng chưa biết Nguyễn Ái Quốc là ai! Đọc bản báo cáo này, người ta có thể nhận ra Nguyễn Thế Truyền vì phù hợp với lối phát biểu của ông, nhất là chi tiết: *"Nguyễn Ái Quốc" lấy tàu đi Toulouse.*

● Theo dõi Nguyễn Ái Quốc

Vấn đề theo dõi Nguyễn Ái Quốc rất phức tạp, vì những lý do sau đây:

1/ Người Pháp và người Tây phương nói chung, thường dùng Họ thay Tên. Vì vậy, đối với người Pháp, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quấc, đều là *M. Nguyễn*. Ấy là chưa kể các Nguyễn khác trong nhóm Yêu Nước, riêng gia đình Nguyễn Thế Truyền có đến bốn năm Nguyễn.

2/ Thời gian đầu, mật thám chưa phân biệt được 3 nhân vật chính: Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Tất Thành[720]. Vì vậy, có một số mật báo hoàn toàn trái ngược nhau, ví dụ tả Nguyễn Ái Quốc là *người miền Nam,* tức Nguyễn An Ninh, hoặc *học ở Pháp từ nhỏ,* tức Nguyễn Thế Truyền. Có mật báo còn nhầm Nguyễn Ái Quốc với Nguyễn

---

718 Cochinchine, trang 156.

719 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 126.

720 Xin nhắc lại thời kỳ này hầu như mọi người đều có mặt: Nguyễn An Ninh ở Pháp từ 1918- 10/1922, chỉ về nước một lần trong hè 1920. Nguyễn Thế Truyền về nước một năm từ 8/1920 đến tháng 8/1921.

Chuyên[721], rồi nhầm Nguyễn Chuyên với Nguyễn Như Chuyên... Đến khi chụp được ảnh Nguyễn Tất Thành, mới vỡ lẽ. Nhưng từ bộ trưởng, toàn quyền đến thanh tra, tất cả đều cho là Thành mạo nhận.

3/ Chính Nguyễn An Ninh và Nguyễn Thế Truyền cũng tung hoả mù: Truyền và Ninh cố tình giao các văn bản họ đã viết cho Nguyễn Tất Thành đem khoe với mật thám rằng mình vừa viết xong.

Vì thế, từ cuối 1919, đã có những bản mật báo ghi rõ: *Nguyễn Ái Quốc vừa viết xong cuốn sách này, dịch cuốn sách kia...* và Daniel Hémery đã dựa vào những báo cáo này để viết câu: "*Cuối năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã "sửa soạn ra cuốn sách Les Opprimés- Những Kẻ Bị Đàn Áp, có thể là sơ thảo văn bản tương lai Procès de la Colonisation - Bản Án Chế Độ Thực Dân và nghiền ngẫm dự định dịch các tác phẩm Tây phương, như L'Esprit des lois- Vạn Pháp Tinh Lý sang Quốc ngữ."*[722]. Sự thể đã trở thành khôi hài: một người mới sang Pháp 6 tháng, đang học tiếng Pháp, làm sao có thể có những dự tính *"đội đá vá trời"* như vậy?

Việc vở kịch *Le dragon de bambou - Rồng tre*, là một ví dụ. Có thể Truyền hay Ninh viết, rồi đưa Thành đem đến cho Léo Poldès, đảng viên cộng sản, người điều khiển các buổi nói chuyện ở *Câu Lạc Bộ Ven Đô - Club du Faubourg*, khu 17, nơi Tất Thành, từ 14/7/1921, ở ngõ Compoint gần đấy, hay đến để tập nói tiếng Pháp giữa công chúng. Léo Poldès đọc thích quá, đã giúp việc dựng kịch. Ông nhận xét về vở kịch này như sau: "*Hoàn chỉnh, hóm hỉnh, đối thoại hài hước quất vun vút như roi, sống động như lối khôi hài của Aristophane"*[723].

---

721 Một người họ Nguyễn trong nhóm Yêu Nước.

722 Daniel Hémery, Ho Chi Minh, De L'Indochine au Vietnam, Gallimard, 1990, trang 45.

723 Trích bài của Léo Poldès, trên báo *Ici Paris Hebdo* ngày 11/6/1946, in lại trong *Hồ Chí Minh Le procès de la Colonisation française*, L'Harmattan, 2007,

4/ Ngày 12/10/1919, Guesde báo cáo cho bộ trưởng: *"Nguyễn Ái Quốc đã được mời ra sở cảnh sát để hỏi và chụp ảnh ngày 20/9/1919. Anh ta kiên quyết khai tên là Nguyễn Ái Quốc mặc dù ta biết là khai man"*[724].

5/ Mật báo ngày 28/11/1919, mô tả khá đúng tình trạng hoả mù ấy: *"Chúng tôi thấy ở Paris có một người An Nam hình như gốc Bắc, tự nhận là Nguyễn Ái Quốc. Hắn giấu kỹ danh tánh thật. Chính hắn đã ký những bản truyền đơn đòi tự trị ở Đông Dương. Hắn ở số 6, villa des Gobelins, nhà luật sư Phan Văn Trường, hắn chuyên về vấn đề chính trị và cả ngày ở thư viện Quốc gia, phố Richelieu, thư viện Sainte-Geneviève, Place du Panthéon, ở văn phòng Hội Nhân Quyền, phố L'Université, hoặc nậm nọa với bọn khả nghi cùng chủng loại. Hắn thư từ với Phan Châu Trinh ở Pons, Phan Văn Trường và Khánh Ký hiện đang ở Mayence. Tình báo cho biết tại nhà số 6 Villa des Gobelins bọn An Nam có khi tụ họp tới một giờ sáng, cãi nhau ỏm tỏi đến nỗi láng giềng phải than phiền. (...) Các thám tử của ta theo dõi rất sát tên được gọi là Nguyễn Ái Quốc, một người đã kết thân được với hắn, sớm muộn gì rồi hắn cũng sẽ thổ lộ cho biết danh tánh thật"*[725].

Phan Văn Trường cho biết nhà ông lúc nào cũng có vài người canh gác bên kia đường - Villa des Gobelins là một ngõ cụt nhỏ, immeuble khang trang. Vậy thám tử *"tìm thấy"* Nguyễn Tất Thành ở số 6 Villa des Gobelins là đương nhiên, và Tất Thành nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, cũng đương nhiên. Sự tranh luận sôi nổi có thể về đề tài những bài báo sẽ viết. Thời điểm ấy, theo Phan Văn Trường, mọi người đều đến thư viện, đọc và học, vì không có tiền mua than củi để sưởi nhà, rất dễ nhầm người này với người kia, nhất là những người cùng tên Nguyễn.

---

trang 195. Aristophane là kịch tác gia danh tiếng của Hy Lạp.

724 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 49

725 Thu Trang-Gaspard, Hồ Chí Minh à Paris, trang 82-83.

6/ Ngày 16/9/1920 tổng thanh tra Pierre Guesde thông tri cho Cảnh Sát Cuộc: *"Phải gọi Nguyễn Ái Quốc đến hỏi lại: Tên thật là gì? Gốc gác ở đâu? Cha mẹ tên gì? ...*

Vì ở Đông Dương mọi người đều phải có thẻ căn cước, giấy thông hành, thẻ thuế thân, không thể có chuyện một người đến Pháp mà không có giấy tờ gì cả"[726].

7/ Ngày 12/10/1920, Pierre Guesde viết bài tổng kết gửi lên bộ trưởng, tình hình vẫn hết sức lộn xộn: Cơ quan an ninh Pháp vẫn chưa xác định được ai là người viết những bài ký tên Nguyễn Ái Quốc, vì họ không tin Nguyễn Tất Thành là Nguyễn Ái Quốc. Chắc chắn do sự khác biệt quá lớn giữa thứ tiếng Pháp mới học của Nguyễn Tất Thành, và thứ tiếng Pháp nhuần nhuyễn tinh vi trong các bài ký tên Nguyễn Ái Quốc. Theo một tài liệu Vidéo của Viện Quốc Gia lưu trữ Âm thanh và Hình ảnh Pháp INA - Institut National Audiovisuel về buổi Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn một nhà báo Pháp tháng 6/1964[727], thì quả đúng như thế: Ông Hồ nói tiếng Pháp dở, nhiều lỗi sơ đẳng, có câu ông dịch tiếng Việt từng chữ một, người Pháp không nói như thế. Có chỗ ông không hiểu câu hỏi của phóng viên. Một trình độ Pháp văn như vậy không thể viết được những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc.

Đứng trước tình trạng: có một *"bóng ma"* Nguyễn Ái Quốc rất tài tình được mô tả trong các bản mật báo: diễn thuyết liên miên, phát biểu trong các buổi họp của đảng Xã hội, viết sách, viết báo, dịch sách, trả lời phỏng vấn báo Triều Tiên, báo Mỹ... Và một *"người thật"* là Nguyễn Tất Thành tự xưng mình là Nguyễn Ái Quốc, mà lại nói không thông tiếng Pháp, Pierre Guesde, tường trình về sự hoang mang của mật vụ như sau:

"Paris ngày 12 tháng 10 năm 1920

---

726 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 73.

727 Được đưa lên *Youtube*, và ông Nguyễn Ngọc Quỳ ở Paris ghi lại trên mạng *diendantheky* ngày 16/4/2011.

Thưa ông Bộ Trưởng,

(...) Trước hết, Nguyễn Ái Quốc, giấu danh tánh thật của y. Y không muốn bị lộ tung tích; y đã đổi tên nhiều lần khi di chuyển từ nơi này đến nơi khác, cái tên Nguyễn Ái Quốc hiện nay chỉ đánh lừa được kẻ không biết tiếng An Nam; Nguyễn Ái Quốc có nghiã đơn thuần là "Nguyễn yêu nước". Tất cả mọi cố gắng đều dồn vào việc điều tra hộ tịch của Quốc. Những người chỉ điểm An Nam và các thanh tra an ninh đều bắt tay vào việc và trao đổi thường xuyên với Đông Dương.

Những thông tin do Cảnh Sát Cuộc - Préfecture de Police cung cấp chẳng có gì chính xác (...) Trong buổi nói chuyện với ông thanh tra Cảnh Sát Trưởng, tôi đã thông báo là ông toàn quyền Đông Dương rất có lý khi nhấn mạnh đến việc cần xác định danh tánh Quốc. Tôi còn nói thêm: "Nguyễn Ái Quốc tự nhận mình là người An Nam. Có thật thế không? Ai chứng tỏ điều đó? Y nói rằng y không có giấy tờ nào do nhà cầm quyền Đông Dương cung cấp. Y xen vào chính trị, trà trộn vào những nhóm chính trị, phát biểu trong những buổi hội họp cách mạng, và chúng ta không biết rõ đối thủ là ai! (...)"

Sau buổi tôi nói chuyện cùng ông thanh tra, Nguyễn Ái Quốc bị gọi đến Cảnh Sát Cuộc. Người ta đã chụp hình và hỏi cung y. Việc này xẩy ra ngày 20 tháng 9 (20/9/1920). *Những câu trả lời của Quốc được lưu trữ trong biên bản đính kèm. Y vẫn khăng khăng nhận mình là Nguyễn Ái Quốc. Chúng ta chắc chắn đó là lời mạo nhận."*

Nhưng ngay sau đó, trong bức thư, Pierre Guesde lại viết những lời ngược lại:

"Trong tình trạng hiện nay của ăng-kết, với những thông tin tiếp được từ Đông Dương, tôi nghĩ có thể xác định rằng Nguyễn Ái Quốc chẳng qua là tên Nguyễn Tất Thành, kẻ đã ở An Nam năm 1908, trong khi xẩy ra bạo loạn, và đã

ở Anh trước khi đến Pháp. Mà Nguyễn Tất Thành được coi là kẻ phiến động nguy hiểm.

Ngay từ ngày 25/7/1919, qua điện tín số 1791, chính phủ Đông Dương đã thông báo rằng một bản thỉnh nguyện có ẩn ý, gửi từ Paris, hôm 18/6, cho nhiều tờ báo ở thuộc địa, dưới cái tựa "Những thỉnh nguyện của dân tộc An nam". Bản thỉnh nguyện này, trước tên ký, có ghi: Thay mặt nhóm người An Nam yêu nước: Nguyễn Ái Quốc" (...)

Nguyễn Ái Quốc đã liên kết với nhiều phần tử cách mạng ở Pháp và ở ngoại quốc. Y giao thiệp cùng lúc với nhóm xã hội, nhóm vô chính phủ ở Pháp và những kẻ cách mạng Trung Hoa, Triều Tiên, Nga, Ái Nhĩ Lan, v.v... Y phát biểu trong những buổi diễn thuyết của đảng Xã Hội, đáng chú ý là hôm 1 tháng 5 vừa qua (1/5/1920) *và trong những cuộc đình công khác nhau. Y vừa viết xong một cuốn sách trong đó y đòi độc lập cho Đông Dương. Chúng tôi đã có được bản cóp-pi những đoạn chính của cuốn sách này. Tài liệu đính kèm.*

Những lời trên đây chứng tỏ sự bối rối của cơ quan an ninh Pháp: Một mặt cho rằng có một *Nguyễn Ái Quốc giả*, tức là kẻ đến trình diện, tự nhận mình là Nguyễn Ái Quốc. Một mặt lại tin rằng có một *Nguyễn Ái Quốc thật* -qua các mật báo- người ấy mới chính là Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết và là tác giả các văn bản.

Thời gian từ 1919 đến tháng 5/1920, Nguyễn Ái Quốc *"thật"* được các chỉ điểm Pháp mô tả như một người đã "*liên kết với nhiều phần tử cách mạng ở Pháp và ở ngoại quốc. Y giao thiệp cùng lúc với nhóm xã hội, nhóm vô chính phủ ở Pháp và những kẻ cách mạng Trung Hoa, Triều Tiên, Nga, Ái Nhĩ Lan, v.v... Y phát biểu trong những buổi diễn thuyết của đảng Xã hội, đáng chú ý là hôm 1 tháng 5 vừa qua* (1/5/1920) *và trong những cuộc đình công khác nhau. Y vừa viết xong một cuốn sách trong đó y đòi độc lập cho Đông*

Dương. Chúng tôi đã có được bản cóp-pi những đoạn chính của cuốn sách này. Tài liệu đính kèm.

Chân dung này chính là Nguyễn An Ninh, nhờ ba yếu tố: vô chính phủ, diễn thuyết liên miên và viết sách đòi độc lập cho Đông Dương. Nguyễn Thế Truyền lúc đó còn học ở Toulouse, chắc không đi về Paris thường xuyên và Nguyễn Tất Thành, mới sang, không rành tiếng Pháp, không thể diễn thuyết và viết sách tiếng Pháp được.

Pierre Guesde viết tiếp: *"Những bài báo phát xuất từ Nguyễn Ái Quốc và đồng bọn được đón nhận khá tốt trong một loại báo (đặc biệt báo L'Humanité). Chúng ta thấy những bài ký tên y trong những báo khác nhau, đặc biệt trong tờ L'Humanité ngày 2/8/1919, và trong tờ Le Populaire ngày 4 và 14/10/1919. Y ở số 6, villa des Gobelins, Paris, trong một nhà lầu do Phan Văn Trường thuê. Phan Văn Trường là một trong những tay phiến động nguy hiểm nhất hiện đang ở Đức cùng với Khánh Ký và François Albert, tất cả đều là bạn Nguyễn Ái Quốc cũng như Phan Châu Trinh thường trực ở nhà Nguyễn Ái Quốc và hiện đang ở đây luôn. Kèm đây là lá thư của Nguyễn Ái Quốc gửi cho M. Outrey, từ Biarritz, ngày 16/10/1919, cho thấy ý kiến của Nguyễn Ái Quốc về chính phủ ta như thế nào. (...) Ta có thể xác định rằng Phan Văn Trường là kẻ thông minh nhất và quỷ quyệt nhất trong nhóm. Nguyễn Ái Quốc là thư ký và là người cho Phan Văn Trường mượn tên"*[728].

Bản tường trình của Pierre Guesde bị rối loạn vì những thông tin sai lầm của thám tử, nhất là khi François Albert, một người trong nhóm Yêu Nước, bị hỏi cung cũng khai chẳng hề gặp Nguyễn Ái Quốc bao giờ.

---

[728] Carton 87, S. III, Thu Trang - Gaspard, *Hồ Chí Minh à Paris*, trang 107-108.

Thực ra những thám tử của Guesde lầm mà không lầm vì vô tình, họ đã xác định được 1/3 sự thực: Nguyễn Ái Quốc chính là Nguyễn An Ninh.

Bởi vì, người mà thám tử thấy viết sách, giao thiệp với nhóm Xã Hội, nhóm Vô Chính Phủ và diễn thuyết liên miên, năm 1919-1920, chính là Nguyễn An Ninh. Người "*vừa viết xong một cuốn sách trong đó y đòi độc lập cho Đông Dương"* cũng là Nguyễn An Ninh, có thể đó là cuốn *La France en Indochine*. Người viết *Lá thư gửi từ Biarritz cho M. Outrey* cũng là Nguyễn An Ninh - *Sẽ giải thích sau.* Trong bản báo cáo, Pierre Guesde rất tinh tường qua những nhận xét khác của ông:

- Một mực không tin Nguyễn Tất Thành là Nguyễn Ái Quốc. Đọc các văn bản Nguyễn Ái Quốc, ông ta đoán đây là người Pháp viết tiếng Pháp. Đặc biệt ông ta chú ý đến những bài quan trọng như *La question des indigènes en Indochine - Vấn đề dân bản xứ ở Đông dương* do Phan Văn Trường viết; bài *L'Indochine et la Corée; une intéressante comparaison - Đông Dương và Triều Tiên, một sự so sánh lý thú* và bài *Lettre à Monsieur Outrey - Thư gửi ông Outrey* do Nguyễn An Ninh viết.

- Ông ta xác định Phan Văn Trường là người nguy hiểm nhất.

Tóm lại, tới ngày 12/10/1920, Pierre Guesde vẫn đinh ninh Nguyễn Tất Thành là người *"gánh"* cái tên Nguyễn Ái Quốc cho Phan Văn Trường. Điều này cũng không sai, nhưng Guesde cũng chỉ tìm ra 1/3 sự thật: Phan Văn Trường cũng là Nguyễn Ái Quốc.

Trong phụ bản số 2 của bản báo cáo gửi bộ trưởng Thuộc Địa, Guesde kết luận:

"*Sau khi trao đổi với toàn quyền Đông Dương, thấy cần phải biết rõ Nguyễn Ái Quốc là ai. Ngày 20/9/1920 đã đưa giấy gọi Nguyễn Ái Quốc đến sở cảnh sát để chụp ảnh*

và hỏi lai lịch (kết quả kèm theo đây). Thấy rõ đây vẫn là lời khai man"[729].

Và khi Nguyễn Tất Thành đã đi Nga, năm 1923, trong thư gửi toàn quyền Đông Dương ngày 12/9/1923 Pierre Guesde còn viết: *"Những bài ký tên Nguyễn Ái Quốc không phải do y viết hoặc đã được sửa chữa rất nhiều. Khả năng nói và viết tiếng Pháp của tay An Nam này không đủ để viết những bài y ký tên"*[730].

● Nguyễn Tất Thành trở thành Nguyễn Ái Quốc và xin vào hội Tam Điểm

Khi Nguyễn Tất Thành đến Paris tháng 6/1919, Hội Nghị Hoà Bình đã khai mạc từ 18/1/1919 ở Versailles. Mục đích của hội nghị là xây dựng những *quốc gia Âu Châu mới* sau thế chiến. Nhóm *Yêu Nước* muốn lợi dụng tình hình quốc tế thuận lợi, để xác định sự hiện diện của Việt Nam, một đất nước đã bị mất chủ quyền. Có thể họ đã thảo luận với đại biểu các nước khác trong hậu trường Hội Nghị, trước khi tung bản thư *Thỉnh Nguyện*.

Khi bản *Thỉnh Nguyện* hoàn tất, tại sao Phan Văn Trường giao cho Nguyễn Tất Thành đem đến Versailles, mà không giao cho một người khác?

Bởi Nguyễn Tất Thành là khuôn mặt mới, vừa chân ướt chân ráo đến Paris, chưa bị mật thám bao vây. Lần xuất hiện đầu tiên này, chưa ai biết Nguyễn Tất Thành là ai.

Nguyễn Tất Thành, xa nước từ 1911, sống vất vả trên tàu, rồi biệt lập ở Luân Đôn, vừa sang Pháp, chưa biết rõ những thông tin về tình hình trong nước, cũng không đủ kiến thức và không rành tiếng Pháp, nên chỉ có thể giữ vai trò khiêm tốn: học Pháp văn, giữ sổ sách chi thu, tập viết những mẩu tin, phụ trách việc in và phát truyền đơn. Không thể viết

---

729 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 74.

730 Slotfom Série I, Carton II - Đặng Hữu Thụ, trang124.

được những bài xã luận ký tên Nguyễn Ái Quấc/Quốc, nhưng vì muốn trở thành chính khách, Nguyễn Tất Thành xung phong nhận tên Nguyễn Ái Quấc/Quốc.

Việc đưa bản Thỉnh nguyện đến Versailles là chặng đầu. Xin vào hội Tam Điểm, là chặng thứ nhì. Việc này chắc chắn phải do sự sắp đặt của Phan Văn Trường -có thể Phan Văn Trường cũng có chân trong Hội Tam Điểm- vì Nguyễn Tất Thành mới tới Paris, không thể biết rõ về hội Tam Điểm.

Theo Pierre Brocheux: *"Tháng 8/1919, Quốc đệ đơn xin vào nhóm Ernest Renan trong hội Tam Điểm (Franc-Maçonnerie), 16 Rue Cadet, nhưng không được"*[731].

-Theo Thu Trang: *Ngày 14/6/1922, Nguyễn Ái Quốc được kết nạp vào hội Tam Điểm"*[732]

Tháng 8/1919, người ta chưa biết Nguyễn Tất Thành là ai. Hội Tam Điểm từ chối. Nhưng đến tháng 6/1922, ba năm sau, Nguyễn Tất Thành đã "*chính thức"* trở thành Nguyễn Ái Quốc, một tên tuổi trong làng báo chống thực dân. Hội Tam Điểm mới chấp nhận. Nhưng chỉ được vài tháng, Nguyễn Ái Quốc bỏ Tam Điểm, vì sao?

Tam Điểm là một hội kín, có truyền thống lâu đời trên thế giới, dựa trên nguyên tắc cao quý *"Thân ái -Fraternité- giữa người và người"*. Nhưng trên thực tế, hội quy tụ những phần tử ưu tú của xã hội, có thể nắm vận mệnh các dân tộc. Người làm chính trị vào hội Tam Điểm để được bảo vệ khi gặp bất trắc. Trần Trọng Kim cũng ở trong hội Tam Điểm, vì vậy khi làm chính trị, ông có thể nói thẳng mà không sợ chính quyền thuộc địa đàn áp.

Có thể Phan Văn Trường đã tìm cách đưa Nguyễn Tất Thành vào hội Tam Điểm khi Thành mới tới Paris, vì ông tin tưởng ở tương lai người thanh niên nhiệt tình này, và muốn có một thế lực hậu thuẫn cho Tất Thành. Nhưng khi được

---

731 Pierre Brocheux, *Ho Chi Minh*, Presses de Sciences PO, 2000, trang 110.

732 Thu Trang, *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp, 1911/1925*, Đông Nam Á, 1983, trang 193.

vào hội rồi, *Nguyễn Ái Quốc/Tất Thành* không chịu nổi không khí trí thức trưởng giả của hội, nhất là trong những trao đổi, Thành không thể không để lộ những trống vắng về ngôn ngữ và kiến thức của mình trước các thành viên là những phần tử ưu tú của xã hội Pháp. Ngoài ra, còn có thể bị áp lực của đảng Cộng Sản Pháp, nên ít lâu sau Nguyễn Tất Thành đã bỏ hội Tam Điểm.

Về việc Nguyễn Ái Quốc có giấy mời đi dự hội nghị Tours của đảng Xã Hội Pháp, cuối năm 1920, Hoàng Văn Chí cho rằng do Nguyễn Thế Truyền sắp đặt. Có lẽ không đúng, mà vẫn do Phan Văn Trường lo liệu, vì lúc đó Nguyễn Thế Truyền đang ở Việt Nam.

Ta cần phải biết rằng giới chính khách và trí thức Pháp -hay ở nước nào cũng vậy- không dễ thâm nhập, phải là bạn ngồi cùng ghế đại học với họ, hoặc có danh, hoặc có tài. Họ có thể tranh đấu cho cần lao, nhưng họ không làm bạn với những người cần lao, ít học. Một nghịch lý nhưng là sự thật. Vừa đến Paris, làm thợ ảnh, tiếng Pháp chưa thông, làm sao Nguyễn Tất Thành có thể gặp người này, người kia, trong chính giới Pháp? Nếu không được những trí thức thực sự như Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, giới thiệu, và phải *"có tên tuổi"* trong làng báo như Nguyễn Ái Quốc.

Nhờ những yếu tố này, Tất Thành/Ái Quốc mới có thể được chấp nhận trong môi trường chính trị cánh tả của Pháp. Nhưng *"đội"* tên Nguyễn Ái Quốc cũng là một gánh nặng, mà đôi khi chính bản thân Nguyễn Tất Thành không kham nổi. Việc tìm lối thoát đi Nga có thể cũng là một cách giải quyết hợp lý hợp tình.

Chương 19

Khảo sát văn bản Nguyễn Ái Quấc/Quốc

Sự khảo sát văn bản Nguyễn Ái Quốc dẫn tới sự xác định vai trò lãnh đạo phong trào Người Việt yêu nước của Phan Văn Trường trong giai đoạn đầu (1911-1920) và của Nguyễn Thế Truyền trong giai đoạn sau (1921-1927). Đó là cơ sở đầu tiên của phong trào Yêu Nước chống thực dân trên đất Pháp.

Từ 1927, khi Nguyễn Thế Truyền về nước, phong trào Yêu Nước sẽ do nhóm Trốt-kít tiếp tục lãnh đạo với Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hùm, Huỳnh Văn Phương, Trần Văn Thạch... Những nhà ái quốc này, tới năm 1945, sẽ bị cộng sản thủ tiêu, trừ Hồ Hữu Tường sống sót vì trốn ở Hà Nội.

Nguyễn Tất Thành trở thành Hồ Chí Minh, chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, từ 1948, chính thức nhận mình là Nguyễn Ái Quốc, tác giả các bài báo và xác định phong trào Người Việt Yêu Nước do ông lãnh đạo, trong cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên. Những người ái quốc đối lập chính trị với ông bị chôn vùi trong nấm mồ *"phản động"*.

Trong số rất ít nhà nghiên cứu tìm hiểu về giai đoạn lịch sử này có Thu Trang và Lê Thị Kinh đã tìm ra được những tài liệu hiếm quý, nhưng cả hai đều đặt trọng tâm trên

Phan Châu Trinh và *Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh,* coi ông Hồ là *"lãnh tụ vĩ đại"*. Nhờ các công trình nghiên cứu của Ngô Văn về lịch sử các nhà cách mạng Đệ Tứ và của Đặng Hữu Thụ về Nguyễn Thế Truyền, và cuốn hồi ký của Phan Văn Trường, mọi sự đã sáng tỏ hơn. Tuy nhiên hiện nay vẫn thiếu một công trình nghiên cứu sâu xa về Nguyễn An Ninh tại Pháp.

Một điểm cần phải xét lại là Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường thường được coi như những người mở đường phong trào yêu nước; nhưng vai trò lãnh đạo thường được dành cho Phan Châu Trinh. Phan Văn Trường ít ai biết, hoặc có biết, cũng chỉ coi như người "phiên dịch" tư tưởng Phan Châu Trinh ra tiếng Pháp, cả Hồ Hữu Tường cũng lầm như thế.

Sự thật khác hẳn: Trong thời kỳ tranh đấu ở Pháp, Phan Châu Trinh, tuy với một quá khứ can trường, tuy được dân tộc quý mến, nhưng ông đã bị vượt qua, không thể là người lãnh đạo phong trào. Lý do: Phan Châu Trinh không biết tiếng Pháp.

Khi đi Nhật, bị người Nhật hỏi: *Các ông chống Pháp mà có học tiếng Pháp hay không?* Cả hai cụ Phan đều ngỡ ngàng. Khi về nước, Phan Châu Trinh có viết bài cổ động học tiếng Pháp, nhưng chính bản thân ông không áp dụng. Trong 15 năm ở Pháp, vì không chịu học tiếng Pháp, ông không tiếp nhận trực tiếp được thông tin của xã hội mà ông đang sống, luôn luôn phải qua trung gian của thông dịch, do đó có sự cách biệt sâu xa giữa ông và những người viết bài ký tên Nguyễn Ái Quốc. Vì không đọc được những bài báo này, ông không biết họ viết gì, nên ông chống lại và cho rằng viết báo tiếng Tây cho Tây đọc là vô ích, từ đó, đưa đến những đổ vỡ về sau. Vì lệ thuộc vào những người phiên dịch cho nên Phan đã tin cẩn Nguyễn Như Chuyên; ngay cả Đại úy Roux, người tận tình giúp đỡ từ lúc ông mới đến Pháp,

cũng chỉ là một con bài được Pháp chỉ định với nhiệm vụ làm cho Phan tin vào chính quyền thuộc địa.

Phan Văn Trường để lại cuốn hồi ký *Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou la vérité sur L'indochine - Câu chuyện những người An Nam âm mưu* (chống Pháp) *tại Paris hay Sự thật về Đông dương*[733]. Nội dung tác phẩm vạch rõ âm mưu thâm độc của chính quyền thực dân, trong vụ án gọi là *"âm mưu chống Pháp"* gán cho Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh, và bộc lộ mối tương quan giữa hai người, cho thấy đường hướng tranh đấu của họ hoàn toàn khác nhau.

Phan Châu Trinh đả kích quan lại và triều đình Huế, còn đối với Pháp, ông viết nhiều bản điều trần gửi Albert Sarraut với hy vọng chính quyền thuộc địa sẽ thay đổi chính sách để giúp Việt Nam lấy lại chủ quyền.

Phan Văn Trường tuy kính trọng Phan Châu Trinh nhưng phê phán ông Trinh quá ngây thơ, cứ đến bộ thuộc địa *"chầu chực"* xin gặp Sarraut một cách vô ích.

Điều này không sai vì Phan Châu Trinh ngay từ đầu đã không nhận ra Nguyễn Như Chuyên là mật thám và những *"sự tốt"* của chính quyền đối với ông thực ra chỉ là sự quản thúc trá hình: Việc quan ba Roux, được lựa chọn trong số những người Pháp thạo tiếng Việt, để đến làm bạn với Phan ngay từ lúc mới sang, ân cần giúp đỡ, dịch cho Phan những kiến nghị gửi toàn quyền Albert Saraut cũng nằm trong chính sách ấy. Cả vụ Sarraut cho Phan ở thêm một năm, cũng là sự dàn xếp để Phan thấy rõ *"lòng tốt"* của Sarraut. Những điều này khá rõ trong hai bức thư Roux gửi cho Phan từ những ngày Phan mới đến Pháp:

1/ Bức thư đầu tiên Roux gửi Phan Châu Trinh ngày 26/5/1911 có những câu: *"Theo nhời quan Thượng Thư*

---

733 Đăng từng kỳ trên La Cloche Fêlée từ 30/11/1925 đến 15/3/1926. 1928, nxb Gia Định, Sài Gòn, xuất bản và 2003 Ngô Văn tái bản, L'Insomniaque, Paris.

Thuộc Địa tôi xin viết mấy chữ nầy để mời quan lớn lại chơi nhà tôi phố Odessa, số bẩy, gần "la ga Montparnasse" (...)

Khi quan lớn mấy tôi đã gặp nhau một lần nào như thế rồi thì chúng ta định mỗi một tuần lễ nào quan lớn mấy tôi hội nhau mấy lần, để quan lớn tỏ ra được các điều quan Thượng thư phải nghe rõ"[734].

2/ Ngày 20/7/1911, trong bức thư thứ nhì, Roux gọi Phan là em: *"Quan toàn quyền đã xem cái thư ấy rồi, lại định rằng ưng cho các điều em tỏ ra trong cái thư ấy.*

Nhưng có một điều em nên hiểu rõ là sau này: Quan Toàn Quyền Sarraut thật là một người yêu mến dân Annam lắm. Ngài ấy chưa sang ở bên Đông Dương một lần nào mà đã lo liệu dân tình nước ấy lắm. Ở trong bụng thì định rằng: muốn giúp đỡ người Annam để được tấn tới và thịnh vượng.

Quan Toàn Quyền định cho em ở bên Tây này một năm nữa, nhưng trước hết Toà Toàn Quyền nên lo liệu về việc ấy để xem cách nào nên dùng thuộc về phí tổn.

Dẫu hoá ra gì thì em nên tin cậy quan Toàn Quyền; lại em cũng nên tin cậy anh vì anh mấy em bây giờ là như hai người bình đẳng, là như hai người bạn hữu thật".[735]

Chính Roux đã đưa Phan đến trình diện Pierre Guesde, lúc đó chưa làm Tổng Thanh Tra -nôm na là trùm an ninh thuộc địa- nhưng đã làm chánh văn phòng Bộ Thuộc Địa. Trong những trao đổi thư từ giữa Guesde, Salles và thuộc hạ[736], họ đã tính buộc hai cha con Phan phải đi Neufchatel-en-Bray gần Dieppe để phân tán lực lượng Hội Đồng Bào Thân Ái ngay từ tháng 4/1912. Nhưng Phan Châu Trinh từ chối, họ không dám ép quá, sợ Phan làm ầm lên, rách việc, nên mới thôi.

---

734 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang31.

735 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 46.

736 Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 3, trang 81-89.

Roux có nhiệm vụ *"nói tốt"* và chứng minh *"thực tâm"* của Sarraut và chính quyền. Trong khi *"thực tâm"* Sarraut đối với Phan Văn Trường và Hội Đồng Bào Thân Ái ra sao, ta đã rõ. Ngay cả Ernest Babut, người đã làm báo với Phan ở Hà Nội, giúp đỡ và bênh vực Phan khi ông bị bắt năm 1908, cũng *"làm việc"* với chính quyền. Babut đã báo cáo với Guesde về Phan Văn Trường và *"gợi ý"* cho Phan Châu Trinh xin Guesde xuống Marseille làm việc ở Hội Chợ 1922, lãnh lương của Pháp, gây sự nghi ngờ giữa ông Trinh và các đồng chí. Những *"ân nhân"* này, phải hiểu, trước hết họ là người Pháp, họ không thể phản bội nước Pháp của họ. Việc giúp Phan chỉ có mục đích làm cho Phan tin tưởng hơn nữa vào chính quyền thuộc địa, không "*nổi lên*" chống lại mà *"cộng tác"* và họ đã thành công.

Riêng luật sư dân biểu đối lập Marius Moutet là người của luật pháp, vì muốn làm sáng tỏ sự công minh của luật pháp nước ông và truy tố phương pháp ám lậu, nhầy nhụa của bọn thực dân, cho nên Moutet đã tận tình can thiệp cho Phan Châu Trinh, Khánh Ký, Phan Văn Trường và anh em, Phan Bội Châu, Nguyễn Thế Truyền và em... ra khỏi cảnh tù đầy, để họ được tự do bầy tỏ chính kiến của mình. Tuy nhiên khi Moutet lên làm bộ trưởng, chính sách của ông đối với Việt Nam lại là một chuyện khác.

● Phan Châu Trinh dưới mắt Phan Văn Trường

Sự bất đồng ý kiến giữa Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh đã nhiều nơi đề cập, qua những bức thư Phan Châu Trinh viết cho Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, đã được công bố. Ở đây, chúng tôi chỉ nhắc đến ý kiến của Phan Văn Trường trong cuốn hồi ký *Une histoire de conspirateurs*

annamites à Paris - Chuyện những người An Nam âm mưu tại Paris[737].

Sử gia Ngô Văn cho biết: Ở thời điểm xuất hiện trên báo Chuông Rè, tác phẩm gây chấn động trong lòng người dân nô lệ như một luồng điện giật[738]. Nội dung tác phẩm trình bày hành trình tư tưởng và con đường tranh đấu của Phan Văn Trường, kêu gọi người dân nô lệ phải đứng lên *làm người. Đừng sợ kẻ khác. Dù phải trả giá thế nào đi chăng nữa.* Phan Văn Trường thuật lại vụ án mà ông và Phan Châu Trinh bị thực dân dàn dựng để ghép hai người vào tội âm mưu lật đổ chính quyền Pháp.

Phan Văn Trường đã dành nhiều trang hồi ký cho Phan Châu Trinh, người bạn đồng hành của mình. Ông viết theo lối Tây học, có gì nói thẳng, cả cái hay lẫn cái dở của bạn. Một nhận xét: Phan Văn Trường không hề nhắc đến tên Nguyễn Tất Thành, mặc dù Tất Thành ở nhà ông trong 2 năm, từ tháng 6/1919 đến tháng 7/1921.

Sự ngây thơ của Phan Châu Trinh, được phân tích khá cặn kẽ, trong chương X. Phan Văn Trường mô tả Phan Châu Trinh là người thông minh thiên bẩm, uyên bác và có kinh nghiệm sống, nói chuyện hay, nhưng dường như những ưu điểm trên đây bị sự khinh suất khó mường tượng và sự ngây thơ lạ lùng phá vỡ. Những lời lẽ hạ mình đối với chính quyền thực dân trong *Đầu Pháp chính phủ thư,* thực vô ích. Phan

---

737 Cuốn hồi ký này, viết xong tại *Paris, tháng 10/1923*. Tháng 12/1923, Phan Văn Trường xuống tàu về nước, tới Sài Gòn cuối tháng giêng 1924. Sau đó ông ra Bắc khoảng một năm, thăm gia đình, đến tháng 2/1925, ông mới trở lại Sài Gòn và lo việc lập văn phòng luật sư và làm báo. Vì vậy, hồi ký chỉ bắt đầu đăng trên báo Chuông Rè từ ngày 30/11/1925.

738 Sau khi Phan Văn Trường mất ngày 21/4/1933, bà Phạm Vân Anh có viết loạt bài tựa đề *Cái đời gian truân lưu lạc của Phan Văn Trường,* ký VA (Phụ Nữ Tân Văn từ số 211 (10/8/1933) đến số 218 (28/9/1933), đăng lại trong cuốn *Phụ Nữ Tân Văn Phấn son tô điểm sơn hà* của Thiện Mộc Lan, Văn Hoá Sài Gòn, 2010). Loạt bài này phỏng theo hồi ký của Phan Văn Trường nhưng đã lược bỏ tất cả những chi tiết liên quan đến chính trị trong bản tiếng Pháp, có lẽ vì thời ấy, báo tiếng Việt không tự do bằng báo tiếng Pháp.

Châu Trinh đến Pháp với con trai là Phan Châu Dật, 12 tuổi, để lại vợ và 2 con gái ở nhà. Chính phủ Pháp trợ cấp mỗi tháng 420 francs. Hai cha con ở một nhà trọ, có vài công chức cao cấp của chính quyền thuộc địa thỉnh thoảng đến thăm. Ông được đồng bào nhiệt liệt hưởng ứng, người Việt ở Paris đến chơi, nghe ông nói chuyện để thoả lòng nhớ nước.

Phan Văn Trường viết: *"Vị nhân sĩ này tượng trưng xã hội An Nam xưa. Ông ra vào văn phòng của bộ Thuộc Địa như một nhân vật được ưu ái tín nhiệm (personna grata), ông trình bày những quan điểm chính trị, đặc biệt yêu cầu ân xá cho những người bạn cùng cảnh ngộ còn ở trong tù, nhưng không bao giờ ông nhận được trả lời ngoài sự im lặng khinh bỉ. Sự chăm sóc hời hợt của chính quyền thuộc địa lúc đầu, lạnh dần để cuối cùng chuyển sang ác cảm và thù nghịch"*[739].

Vẫn theo Phan Văn Trường, sự chăm sóc hời hợt này chỉ là cái cớ để dễ bề trừng phạt khi Phan Châu Trinh dám bàn (phiếm) đến chính sách chính trị ở Đông Dương, và nhất là đã cùng Phan Văn Trường, làm một bản Thỉnh Nguyện gửi hội Nhân Quyền, nhờ can thiệp cho những người bạn còn bị tù Côn đảo vì biến cố 1908. Thế là một loạt báo Pháp ở Đông Dương (được lệnh) phát triển phong trào bôi nhọ, viết bài ngụ ý tiếc rằng chính quyền Đông Dương đã không để xử tử (Trinh) cho rồi, và quy kết hai người (Trinh và Trường) vào tội tổ chức cuộc nổi dậy chống Pháp tại Đông Dương.

Sau vụ Thỉnh Nguyện Thư gửi Hội Nhân Quyền, Phan Châu Trinh vẫn còn được trợ cấp, ông sống rất chật vật, phải gửi con vào nội trú tỉnh nhỏ (Melun) và ông ở khách sạn, ăn cơm rẻ tiền. Mặc dù ở trong tình trạng khốn đốn, Phan Châu Trinh là người bền chí, ông vẫn còn tin vào chính quyền thực dân, ông đến bộ Thuộc Địa thường xuyên, tìm gặp những

739 Hồi ký Phan Văn Trường, trang 72.

công chức cao cấp phụ trách vần đề Đông Dương để bày tỏ lòng trung thực của mình.

Nhưng sau những hớ hênh của ông - Phan Văn Trường muốn nói đến việc Phan Châu Trinh tin cậy mật thám Nguyễn Như Chuyên, coi như môn sinh- ông và tôi bị bắt, bị giam 11 tháng. Tháng 7/1915, ra tù, đang trong chiến tranh, chính quyền thuộc địa cúp hết trợ cấp, hy vọng không biết tiếng Pháp, không có nghề, bắt buộc ông phải về xứ. Nhưng Phan Châu Trinh không về, ông ở lại, học nghề ảnh và sống ung dung.

Sau những bài học đắng cay như thế, tưởng Phan Châu Trinh sẽ hết lạc quan, nhưng không, ông vẫn tiếp tục thái độ triết nhân của mình, coi như không có chuyện gì xẩy ra, vẫn đến Bộ thuộc địa, tìm gặp những kẻ đã đày đọa mình, và xin hội kiến Albert Sarraut hết lần này đến lần khác.

Phan Văn Trường viết: *"Tạm nói mà không hề có ý miệt thị rằng, người này -vẫn bám vào chính quyền thuộc địa, bị đuổi cửa trước thì luồn vào cửa sau- người mà chính quyền thuộc địa hai lần buộc tội âm mưu chống Pháp!*

Phan Châu Trinh là một người thông minh, một người tử tế, một người bạn tốt; nhưng những đức tính này không đủ để làm nên một người cách mạng"[740].

Lời phê phán quả là nặng, nhưng nếu so với lời Phan Châu Trinh phê phán Phan Bội Châu trong bài *"Nước Việt Nam mới sau khi liên hiệp với Pháp",* thì lời Phan Văn Trường cũng chưa nặng bằng.

Hồi ký Phan Văn Trường viết năm 1923, lúc tình bạn hai ông đã rạn nứt vì bất đồng chính kiến, nhất là sau vụ Phan Châu Trinh xin Guesde giới thiệu xuống Marseille làm việc ở Hội chợ, và những lá thư đả kích nhau, nhưng ông Trường vẫn bênh vực ông Trinh bị Pháp kết án oan vì không hiểu rõ chủ trương Pháp Việt đề huề của ông Trinh, đồng

---

740 Hồi ký PVT, trang 73-74-75.

thời nói lên sự khác biệt trong con đường tranh đấu của hai người và đó cũng là sự khác biệt sâu xa giữa hai phái Nho học và Tây học.

Tinh thần Tây học này, được xác định một lần nữa trong nhận định của Hoàng Xuân Hãn. Về *"Đầu Pháp chính phủ thư"* của Phan Châu Trinh, Hoàng Xuân Hãn viết: *"Lời lẽ trong thư kịch liệt, có thể kích thích sĩ khí, nhưng lại vô tình hay hữu ý ngoa ngoắt bôi nhọ quốc dân và quan lại, dường như để nhử chính quyền tin mình mà nhận lời mình. Kết quả là không những ý mình không toại, mà thực dân đã dùng quan lại để trừ khử ông: ông bị kết án tử hình; rồi may nhờ Hội Nhân quyền Pháp can thiệp, chỉ bị đầy ra Côn Đảo. Giả sử thực dân bấy giờ khôn ngoan hơn, biết thấy lợi xa mà nghe lời ông, thì lập trường của ông trong giai đoạn nầy có lẽ sẽ có lợi cho dân ta trong quá trình tìm giải phóng. Trái lại, sự thất bại của ông đã làm cho người ngày nay, khi đọc lại thư ông, chỉ có cảm tưởng ông ngây thơ về chính trị và cảm thấy tức tối khi ông mạt sát quá đáng đồng bào, mà tâng bốc vượt mức thực dân. Tuy vậy, ta không thể không nhận rằng ông có óc hiện thực, biết quan sát, phân tích và có thái độ can đảm và thẳng thắn"*[741].

Hoàng Xuân Hãn cũng như tất cả mọi người lúc đó chưa biết rõ sự thâm độc của thực dân. Mặc dù Phan công kích các quan thậm tệ, nhưng khi ông bị bắt năm 1908, chính triều đình đã bênh vực ông khỏi án tử hình: Lê Thị Kinh tìm được các công văn chứng minh các quan trong Phủ Phụ Chính thời vua Duy Tân, đặc biệt Cao Xuân Dục và Lê Trinh đã tìm mọi cách chống lại quyết định của Khâm sứ Lévecque và Toàn quyền lâm thời Bonhoure, muốn xử tử hình Phan Châu Trinh[742].

---

741 Hoàng Xuân Hãn, Tựa cuốn *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp* của Thu Trang, Đông Nam Á, Paris, 1983, trang 8.

742 Lê Thị Kinh viết: *"Khâm sứ Trung Kỳ Lévecque đã theo dõi phong trào sớm, đích thân chỉ đạo cuộc đàn áp, trước tiên nhằm vào hai người được đánh giá là*

● Con đường tư tưởng của nhóm Tây học

Nhờ sự khảo sát văn bản Nguyễn Ái Quốc, ta có thể xác định Phan Văn Trường mới thực sự là thủ lãnh phong trào Việt kiều yêu nước, chính ông đã xây dựng nền móng, rồi cùng Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh hình thành đường lối chính trị và tư tưởng chống Pháp:

- Bằng ngòi bút, đả kích trực tiếp thực dân bằng cách trình bày những tội ác của thực dân trên báo chí Pháp. Đối lập nước Pháp cộng hoà với nước Pháp thực dân: Nói rõ tội trạng của bọn thực dân để người Pháp phải xấu hổ mà bác bỏ chính sách dã man đó đi.

- Liên kết với các nhà văn và nhà chính trị phái tả, các báo L'Humanité và Le Populaire của đảng Xã Hội; La vie

---

chủ chốt: Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp. Rất quỷ quyệt, y chủ động mọi việc nhưng lại đẩy Phủ Phụ Chính của Triều đình Huế ra gánh trách nhiệm về các quyết định bắt và xử án các lãnh tụ Duy tân. Từ Huế vào Hội An, y điện thẳng ra cho Thống sứ Bắc kỳ Morel, nhờ bắt Phan Châu Trinh nhưng điện lại viết "Phủ Phụ chính nhờ bắt...".

Trong quá trình xét xử tại Huế, y cố gò Phủ Phụ Chính vào quyết định "trảm quyết" nhưng nhờ lương tri và dũng khí của các thượng thư, nổi bật nhất là hai cụ Cao Xuân Dục và Lê Trinh, đã dám lên tiếng cãi lại Lévêque với sự đồng tình của toàn Phủ Phụ Chính. Nhờ vậy mà Phan Châu Trinh đã thoát án chém tức thì, lãnh án "trảm nhưng giam lại", đầy Lao Bảo. Lévecque và toàn quyền đã đổi thành "đầy Côn Đảo". Thế nhưng sau đó nhà cầm quyền thực dân đã đổi trắng thay đen, lu loa rằng: "Do thù về việc đả kích quan lại nên Nam triều đã xử tử hình, may nhờ quan Pháp kịp thời can thiệp nên Phan Châu Trinh thoát chết". Lập luận này đã được ngay cả những đại biểu của cánh tả trong Hạ Viện Pháp tiếp thu trong phát biểu bảo vệ Phan Châu Trinh.

Ở Việt Nam thì lại loan truyền lập luận: "nhờ có Liên Minh Nhân Quyền can thiệp nên án tử hình được đổi thành khổ sai chung thân". Thực ra với tốc độ bắt và xử án tại Huế (ngày 31/3 bắt, ngày 10/4 đã xử án tại Huế) thì Liên Minh sẽ không kịp ngăn chặn việc thi hành án trảm quyết ông Trinh tại Huế. (...)

Phải chăng vì sợ Phủ Phụ Chính sẽ nương tay với các bậc đại khoa nên sau đó, khi bắt Trần Quý Cáp (17/4/1908). Lévecque đã cho giữ ông tại Nha Trang, không cho giải ông về Huế giao cho triều đình xử theo thông lệ đối với các bậc đại khoa như đã làm với ông Trinh, và y đã cùng công sứ Khánh Hoà gây sức ép với các quan tỉnh để làm án "trảm quyết không xét xử", giết Trần Quý Cáp một tháng sau khi bắt (17/5/1908). (Lê Thị Kinh, sđd, tập1, quyển 2, trang 8-9).

ouvrière, La revue communiste và Le Paria của đảng Cộng sản, Le libertaire của nhóm anarchiste...

- Từ 1922 trở đi, nhóm Yêu Nước của Nguyễn Thế Truyền đã sử dụng Hội Liên Hiệp Thuộc Địa và báo Le Paria của đảng Cộng sản làm bàn đạp để kết giao với các nhà hoạt động cách mạng trên các thuộc địa Châu Phi, Madagascar, tạo thành phong trào chống thuộc địa toàn cầu.

- Tác phẩm *Le procès de la colonisation française - Bản án chế độ thực dân Pháp* là thành quả của sự hợp tác này. Và cũng từ cuối năm 1923, khi mọi người đã rời khỏi Paris, Nguyễn Thế Truyền đứng mũi chịu sào với sự giúp sức của chú ruột Nguyễn Thế Phu, em ruột Nguyễn Thế Song, người cùng làng Nguyễn Thế Thạch, và các đồng chí và môn đệ như Nguyễn Văn Luận, Tạ Thu Thâu... đã mở rộng cuộc đấu tranh, không những về phía Châu Phi, Madagascar, mà còn viết bài ký tên Nguyễn Ái Quốc trên báo Inprekorr của Nga, ấn bản tiếng Pháp. Ý niệm *"toàn cầu hoá"* cuộc tranh đấu chống thực dân là của Nguyễn Thế Truyền.

Phan Châu Trinh vì không tiếp cận trực tiếp với tiếng Pháp, nên ông không thể hiểu được con đường chính trị này. Vì vậy, ông không tha thiết, mà còn chống lại việc viết báo tiếng Pháp cho người Pháp đọc. Những đề tài viết về một người boxeur da đen như Siki của Nguyễn Thế Truyền có thể là vô bổ đối với Phan Châu Trinh, nhưng đối với cuộc tranh đấu toàn diện, đó là một cái nhìn thấu suốt tình hình thế giới.

Ngoài niềm tự hào dân tộc mãnh liệt, những cây bút ký tên Nguyễn Ái Quốc luôn luôn đề cao tư tưởng phương Đông: Phan Văn Trường nghiêng về văn minh Trung Hoa, Nguyễn An Ninh nghiêng về văn minh Ấn Độ, và Nguyễn Thế Truyền nghiêng về lịch sử và văn hoá dân tộc. Đó là điểm khác biệt giữa ba người.

Trí thức ở Pháp có truyền thống theo cánh tả. Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền muốn tranh

đấu, phải dựa vào trí thức cánh tả, trong các đảng xã hội, đảng cộng sản, nhóm anarchiste... nhờ họ làm hậu thuẫn để chống lại chính sách thực dân.

Tuy vậy, Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh không vào đảng nào, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Tất Thành vào đảng Xã Hội, rồi đảng Cộng Sản. Nhưng nên hiểu cộng sản 1920 khác với cộng sản Staline. Bản *Tuyên ngôn Cộng sản* của Marx - Engels mà Phan Văn Trường in trên báo *La cloche fêlée*, được Ngô Văn giải thích như sau: *"Bản tuyên ngôn của Marx - Engels trong thời điểm 1920 rất được phổ biến, in thành sách nhỏ rẻ tiền tại Pháp, nó không chứa đựng điều gì có thể gây sốc, mà chỉ có thể làm cho thanh niên suy nghĩ"*[743].

● Phan Văn Trường

Bằng văn bản và diễn thuyết, Phan Văn Trường đả kích trực tiếp những nhân vật chủ chốt của chính sách thuộc địa như bộ trưởng, toàn quyền, và toàn bộ hệ thống cai trị thuộc địa. Ông trở lại chính sách thuộc địa Âu Châu thời La Mã, so sánh với chính sách thuộc địa Á Châu của Trung Hoa. Ông tỏ phong thái kiêu hãnh về nền văn minh Đông Phương lâu đời đối diện với một nền văn minh Tây Phương non trẻ. Phan Văn Trường phân biệt rõ dân tộc Pháp mà ông quý mến và kéo làm đồng minh để chống lại bọn dã man giết người trong chính quyền thực dân. Ông đánh vào lòng tự hào của dân tộc Pháp để họ phải bãi bỏ chính sách thuộc địa dã man không xứng đáng với lịch sử của họ. Phan Văn Trường đối với chính quyền thực dân nguy hiểm hơn Phan Châu Trinh, bởi ông là người thận trọng, có thế lực, được trí thức Pháp biết tiếng. Ông có quốc tịch Pháp và là luật sư, ông hành động công khai theo đúng luật pháp. Khi bắt bẻ các bộ trưởng,

---

743 Ngô Văn, sđd, trang 63.

hoặc toàn quyền, ông sử dụng các điều luật trong ngành tư pháp để gọi tội của từng người.

Hồ Hữu Tường viết về Phan Văn Trường như sau:

"Tôi ở chung với cụ Phan Văn Trường được hơn tuần thì cụ về xứ [744]. Trong thời gian đó, ngày nào tôi cũng quấn quýt theo bên cụ, mà nghe cụ kể những mẩu chuyện thăng trầm của đời tranh đấu mình. Cụ rất vui tính, cười hề hề, dầu cho chuyện bi đát, cụ cũng tìm thấy vài nét ngộ nghĩnh để mà trào lộng. Cụ là một bực học giả uyên thâm, các sách hay của Đông phương lẫn Tây phương cụ đều đọc cả. Cụ nói: "Tôi đọc được nhiều là nhờ nghèo. Mùa lạnh ở nhà rét quá chịu không nổi, mà mình không đủ tiền mua than củi để sưởi. Đành vào thơ viện từ chín giờ sáng đến mười giờ tối. Gián đoạn bằng hai lượt đi ăn. Vào thơ viện, phải im phăng phắc, thì đọc sách là việc bắt buộc.

Triết học, kinh tế học, xã hội học, tôn giáo... sách nào căn bản, cụ đều có nghiên cứu kỹ. Luận án thi tiến sĩ luật của cụ bàn về chủ nghiã Bôn-sê-vích ở Nga[745] đem áp dụng vừa được cuộc cách mạng. Nhưng mà trong thâm tâm, cụ chê tất cả các triết gia Tây phương, ngay cả Marx nữa: Bọn nó vì tự cao ám thị mà chẳng chịu ngó đến văn hóa Đông phương, thành chui rút vào tháp ngà, không có một cái nhìn thống quản. Riêng có anh chàng Schopenhauer khiêm tốn, đọc sách Phật, nên tác phẩm của y đọc dễ chịu hơn"[746].

Những điều Hồ Hữu Tường viết về Phan Văn Trường được thể hiện rõ ràng trên bản *Thỉnh Nguyện của dân tộc An Nam*. Tháng 6/1919, bản *Thỉnh Nguyện của dân tộc An Nam* đưa đến Versailles và gửi cho báo chí. Ngày 18/6/1919

---

744 Hồ Hữu Tường gặp Phan Văn Trường tại Paris khoảng tháng 2/1930, sau khi Phan ra tù lần thứ nhì, trước khi ông về xứ và ba năm sau ông mất.

745 Hồ Hữu Tường nhớ lầm, có lẽ là luận văn cử nhân, luận án tiến sĩ của Phan Văn Trường về Luật Gia Long.

746 Hồ Hữu Tường, 41 năm làm báo, trang 20.

L'Humanité đăng bản *Thỉnh Nguyện* dưới tựa đề: *Les droits des peuples - Quyền của các dân tộc*.

Điện tín từ phủ toàn quyền ở Hà Nội gửi sang, cho biết bản Thỉnh Nguyện cũng đã đến tay báo chí ở Việt Nam. Lập tức, cái tên Nguyễn Ái Quốc trở thành kẻ thù số một của chính quyền Pháp. Phủ Tổng Thống gửi thông tư đến bộ Thuộc Địa ra lệnh điều tra ngay lý lịch Nguyễn Ái Quốc và vấn đề Nguyễn Ái Quốc được đưa ra tranh luận ở Quốc hội.

● Thỉnh nguyện thư Tám điểm gửi Hội nghị Hoà bình năm 1919

Hoàng Xuân Hãn cho rằng: Phan Châu Trinh viết phần Hán văn, Phan Văn Trường dịch ra Pháp văn, Nguyễn Tất Thành làm bài lục bát *Việt Nam Yêu Cầu Ca*[747].

Nhưng qua văn bản, chúng tôi có thể xác định: Phan Văn Trường viết thẳng phần tiếng Pháp, Phan Châu Trinh dịch sang Hán văn. Nguyễn Tất Thành làm bài thơ lục bát. Bài thơ này, Thu Trang chụp được bản chép tay, và theo Lê Thị Kinh thì có người xác định đấy là nét chữ của ông Hồ. Sở dĩ chúng tôi xác định Phan Văn Trường viết vì những lý do:

- Phan Văn Trường trong buổi diễn thuyết ngày 13/3/1914 ở trường Cao Đẳng Xã Hội, đã dùng những chữ *Les revendications indigènes - Thỉnh nguyện của người bản xứ.*

- Lời văn trong bản Thỉnh Nguyện 1919 phù hợp với lối viết của Phan Văn Trường: Kín đáo, kiêu kỳ, châm biếm. Trong khi văn Phan Châu Trinh dùng lối trực bút, không châm biếm, ít ẩn nghĩa. Tây Hồ khi viết về Pháp và Tây phương thường có giọng khiêm tốn trong khi Phan Văn Trường có niềm kiêu hãnh của người Phương đông.

Sự so sánh văn bản này dựa trên *đoạn đầu* và *đoạn cuối* của bản Thỉnh Nguyện -*Tám điểm chỉ là những kê khai,*

---

747 Thu Trang, sđd, trang 9.

có thể do sự bàn bạc của nhiều người- hai đoạn văn ngắn và cô đọng chứng tỏ văn tài của tác giả. Đọc *Thỉnh nguyện của người An Nam* trên L'Humamité, độc giả Pháp phải chú ý vì giá trị độc đáo của văn bản: Lời lẽ nhũn nhặn mà kiêu kỳ, tự xưng nước mình là *Đế Quốc - L'Empire d'Annam,* ngụ ý coi kẻ xâm lăng là *tiểu quốc*. Tác giả tìm cách thu phục lòng người Pháp dân chủ tiến bộ, kích động niềm tự hào dân tộc của họ, để họ thấy xấu hổ mà bãi bỏ chế độ thuộc địa tàn ác, không xứng đáng với truyền thống dân chủ của họ. Cách vận động này, trong bức thư ngỏ gửi Nguyễn Ái Quốc 1922, Phan Châu Trinh gọi là "*cái dụng lý thuyết thâu nhân tâm của Phan"*, mà Tây Hồ phản bác.

Bút pháp Phan Văn Trường có lý lẽ của một luật sư, có kiến thức của một học giả, có sự sử dụng chữ nghiã của một văn tài. Văn bản đã được gửi về Việt Nam qua nhiều ngả. Nhờ vậy, mà người Việt lấy lại niềm tự hào dân tộc. Bản *Thỉnh nguyện của dân tộc An Nam* trở thành bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của người Việt.

Phủ Tổng thống lo ngại và bọn thực dân bắt đầu lên tiếng phản bác trên báo chí. Phan Văn Trường bắt buộc phải trả lời. L'Humanité ngày 2/8/1919 đăng bài *La question des indigènes en Indochine - Vấn đề người bản xứ tại Đông Dương* của Phan Văn Trường, ký tên Nguyễn Ái Quốc. Sau bài viết này, vấn đề Nguyễn Ái Quốc và nhóm Yêu Nước được đem ra Hạ Viện bàn cãi. Quả bom Phan Văn Trường đã ném trúng đích: lần đầu tiên một kẻ *indigène* dám lên tiếng ngạo nghễ đòi tự do dân chủ tại Pháp.

● Xác định hai bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc do Phan Văn Trường viết

Dưới đây chúng tôi trình bày phương pháp xác định văn bản, bắt đầu bằng 2 văn bản ký tên Nguyễn Ái Quốc do Phan Văn Trường viết.

Tại sao có thể xác định bài *La question des indigènes en Indochine* là do Phan Văn Trường viết?

Nhờ những chi tiết sau đây:

1/ Tác giả bài báo coi những yêu cầu trong bản *Thỉnh nguyện tám điểm* năm 1919 là *của chính mình.* Ông thuật lại lập luận của đối phương cho rằng các yêu sách *của mình,* đã gây chấn động trong giới thực dân. Đây là hiện tượng sự thực toát ra từ vô thức của ngòi bút: chỉ Phan Văn Trường mới viết như vậy, những người khác không thể và không dám nhận bản Thỉnh Nguyện là của mình vì không do họ viết ra.

2/ Tác giả nhắc đến bản Thỉnh Nguyện 1912, đòi trả tự do cho các sĩ phu bị tù Côn đảo, đăng trong *Bulletin officiel de la Ligue des droits de l'homme* ngày 31/10/1912. Văn bản này do Phan Văn Trường viết giùm Phan Châu Trinh. Ngoài Phan Văn Trường, ba người kia không biết rõ việc này, vì năm 1912, Truyền, Ninh và Thành còn nhỏ.

3/ Tác giả *biết đích xác* việc một sĩ quan cao cấp trong quân đội được lệnh tịch thu bản Thỉnh Nguyện 1919 trong tay lính thợ Việt Nam. Chỉ có Phan Văn Trường, cựu quân nhân, có đường dây trong quân đội mới dám cam đoan biết đích xác việc này.

Về bài *Phong trào cộng sản quốc tế Đông dương*[748] thường được trích dẫn trong các bài viết về tư tưởng Hồ Chí Minh, và được coi là "*nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh",* cũng có những dấu ấn cho thấy là bài viết của Phan Văn Trường, căn cứ vào nội dung đề cao văn minh phương Đông một cách ngạo nghễ:

1/ 5000 năm trước, Hoàng Đế đã áp dụng chính sách phân phối ruộng đất.

2/ 2205 năm trước Công Nguyên, nhà Hạ đã đặt ra chế độ cưỡng bức lao động.

---

748 Đăng trên *La revue communiste*, số 15, tháng 5/1921.

3/ 551 năm trước Công Nguyên: Khổng Tử đã khởi xướng thuyết Đại Đồng và nguyên tắc: *Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*. Phan Văn Trường sẽ ghi câu này dưới tên báo La Cloche fêlée, từ số 52, thay thế câu *Organe de propagande démocratique - Cơ quan truyền bá dân chủ* của Nguyễn An Ninh, để chứng minh rằng dân chủ phát xuất từ phương Đông.

Năm 1921, khi Phan Văn Trường viết bài báo này, chủ nghiã cộng sản mới bắt đầu phát triển ở châu Âu, và được nhiều trí thức ngưỡng mộ, ông đưa ra ý kiến: nên phát triển chủ nghiã cộng sản ở Á Châu -*để đuổi thực dân*- nhưng vẫn ngụ ý cao kỳ: những nguyên tắc mà chủ nghiã cộng sản ở phương Tây của các anh đưa ra, phương Đông chúng tôi đã áp dụng từ bốn, năm ngàn năm nay rồi! Chúng tôi hiện đang mắc vào hiểm họa thực dân, hãy đợi khi nào chúng tôi đuổi được bọn thực dân, chúng tôi sẽ giúp các anh *"tự giải phóng"*. Đó là những ý thâm trầm sâu sắc của Phan Văn Trường trong bài *Phong trào cộng sản quốc tế Đông Dương*.

● Bút pháp Nguyễn Thế Truyền trên tờ Le Paria

Ngày 1/12/1922, trên Le Paria có hai bài, một bài ký tên Nguyễn Thế Truyền, một bài ký tên Nguyễn Ái Quốc. Khảo sát hai văn bản này, có thể xác định Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Ái Quốc là một.

Nguyên văn bài *Một người Bôn-sơ-vich da vàng - Un Bolchevick jaune* ký tên Nguyễn Thế Truyền, xin tạm dịch:

"Nguyễn Ái Quốc có phải là một "kẻ đầy tham vọng, không nhân cách và không đại diện cho ai", như ý kiến của cái điện văn rất thực dân kia. Những lời phỉ báng như thế, hiển nhiên phản ảnh sự gập mình của cái thấp hèn trước cái cao cả.

Vì thế, đáng được trả lời.

Tham vọng? Hẳn thế, Nguyễn Ái Quốc đầy tham vọng. Nhưng tham vọng gì? Tham vọng giải phóng anh em rơi vào vòng nô lệ, bị bọn "diều hâu thực dân" bóc lột dã man. Có tham vọng nào cao quý hơn?

Kẻ viết bài giấu tên trên báo La Dépêche Coloniale kia, vì ngươi không biết đến nhân cách của Nguyễn Ái Quốc, nên ta cho ngươi biết.

Trong xứ, Nguyễn Ái Quốc sống hạnh phúc bên cạnh người thân. Khi còn rất trẻ, một hôm thấy Pháp chặt đầu đồng bào. Quốc không hiểu tại sao. Phẫn uất, Quốc ra đi, xa lánh bất công, để có thể kêu gào: "Công lý!" ở nơi khác. (...) Hôm nay, anh cương cường tranh đấu cùng những người anh em châu Phi, châu Âu. Với nghề khiêm tốn "sửa ảnh", vất vả để kiếm sống, nhưng anh trong sạch hơn bao nhiêu quan chức, quá quan cách, ở các thuộc địa, kia.

Ồ! Không! Quốc không hề như họ. Chẳng tiền hô hậu ủng, không diêm dúa mề đai, không cồng kềnh "ấn trát", nhưng anh mang nguyện ước của đồng bào, kỳ vọng của Dân tộc bị áp bức.

Năm ngoái, trở lại Đông Dương, tôi được nghe những lời cảm động về anh, bí mật truyền miệng mọi người. Một cụ bà kể: tôi có hai đứa cháu bị Pháp bắt đi đầy (vì tư tưởng); cụ hỏi tôi: "Cậu ơi, Cậu có biết Nguyễn Ái Quốc không?" - Một em bé dễ thương nhớ lại người cha, nhân sĩ nổi tiếng, bị tình nghi vì tư tưởng, một ngày kia bị cảnh sát Tây lôi đi như con chó; trong đầu đầy hình ảnh anh hùng huyền thoại, đứa nhỏ hỏi tôi: "Nguyễn Ái Quốc có phải là người bằng xương, bằng thịt không?"

- Này, người của La Dépêche Coloniale, ngươi không hiểu gì hết, ngươi đang phỉ báng một chân lý lớn lao, một sự hy sinh cao cả, ngươi hãy câm đi!"

- Nguyễn Thế Truyền

Ngay trong câu đầu, Nguyễn Thế Truyền đã bộc lộ lối chơi chữ tài tình của ông, mà khi dịch không thể lột hết: Tờ báo mà ông đả kích có tên là *La Dépêche Coloniale,* nghiã là *Tin điện thuộc địa,* hay *điện văn, điện tín thuộc địa...* Ông bèn xé lẻ cái tên này làm hai, thành *dépêche - điện văn* và *colonial - thực dân* và viết: *"Nguyễn Ái Quốc có phải là một "kẻ đầy tham vọng, không nhân cách và không đại diện cho ai", như ý kiến của cái điện văn rất thực dân kia!*

Văn phong Nguyễn Thế Truyền, nhanh, ngắn, mạnh, kiểu quyền Anh, không cho địch thủ kịp đỡ đã tung ra cú đấm khác, khác hẳn lối viết điềm đạm thâm thuý của Phan Văn Trường. Bài này, nội dung không nói lên lòng *"tôn thờ" Nguyễn Ái Quốc/Tất Thành*, như Thu Trang nhận xét, mà Nguyễn Thế Truyền chỉ có ý vinh danh một người anh hùng vô hình, nói khác đi, một người anh hùng huyền thoại, vì thế ông đặt vào miệng bà cụ câu: *Có ai gặp Nguyễn Ái Quốc không*? Đặt vào miệng đứa nhỏ câu: *Nguyễn Ái Quốc có phải là người bằng xương bằng thịt không*? Đó là ý chính của Nguyễn Thế Truyền: hóm hỉnh xác định Nguyễn Ái Quốc là một huyền thoại, không có thật.

Chống Pháp không khoan nhượng, Nguyễn Thế Truyền mạnh tay -tát tổng đốc Vi Văn Định- mạnh bút, luôn luôn đánh thẳng vào thực dân với lời lẽ quyết liệt. Bài này tát tai kẻ viết bài trên báo *La Dépêche Coloniale*, hèn, giấu tên -có thể là người Việt- không hiểu thế nào là sự hy sinh cao cả cho một chân lý. Xác định văn phong sắc, gọn, giọng khiêu khích, châm biếm, sự kiêu kỳ và lối chơi chữ của Nguyễn Thế Truyền, và đưa ra một thông tin: khi ông về nước, giữa 1920, cái tên Nguyễn Ái Quốc đã được mọi người truyền tụng.

Trên cùng số báo Le Paria này có bài *Về vụ Siki - A propos de Siki,* ký tên Nguyễn Ái Quốc, y một giọng, viết về sự kiện Siki, boxeur da đen hạ Carpentier, boxeur da trắng:

Chúng tôi trích một đoạn, tiếng Pháp trước, để độc giả thấy bút pháp của tác giả:

"Depuis que le colonialisme existe, des blancs ont été payés pour casser la g... aux noirs. Pour une fois, un noir a été payé pour en faire autant à un blanc. Adversaire de toute violence, nous désapprouvons l'un et l'autre procédé. Mais le fait est là, nous n'avons qu'à le constater. Constatons.

D'un coup de poing - sinon scientifiquement envoyé, du moins formidablement placé - Siki déplaca proprement Carpentier de son piédestal pour grimper dessus lui-même.

Le championnat de la boxe a changé de mains, mais la gloire sportive nationale n'a pas souffert, puisque Siki, enfant du Sénégal, est parconséquent, fils de France, donc Français.

Malgré cela, il arrive que chaque fois que Carpentier triomphe, c'est naturellement par son adresse et par sa science. Mais toutes les fois qu'il est battu, c'est toujours par la force brutale d'un Dempsey ou la mauvaise jambe d'un Siki. C'est pourquoi, au match de Buffalo, on a voulu déclarer - on a même fait déjà la déclaration - que Siki, bienque gagnant, était vaincu "quand même".

Dịch:

"Từ khi có chế độ thực dân, người da trắng được trả tiền để đánh bể mặt người da đen. Bận này, một anh da đen lại được trả tiền để nện anh da trắng. Chống mọi bạo lực, chúng tôi không tán thành cả hai cách này. Nhưng sự kiện sờ sờ ra đó, chúng ta chỉ việc ngó qua. Xem nào.

Một cú đấm -nếu không được gọi là khoa học, thì ít ra thì cũng trúng boong- Siki rành rành hạ bệ Carpentier và leo lên thế chỗ.

Giải vô địch đánh bốc đã đổi chủ, nhưng hào quang thể tháo quốc gia không hề hấn gì, vì Siki, đứa con Sénégal, tức, con Pháp, vậy, là người Pháp.

Ấy thế mà mỗi khi Carpentier thắng thì tất nhiên là nhờ tài trí và phương pháp khoa học của anh. Còn lần nào thua thì y như rằng là vì một tên Dempsey nào đó, đánh ác hay một tên Siki nào đó, đá hiểm. Vì vậy, trong trận đấu Buffalo, người ta những muốn tuyên bố - người ta đã tuyên bố rồi - rằng Siki dù thắng, "vưỡn" bại!"

A propos de Siki
ký tên Nguyễn Ái Quốc

Tháng 6/1964, Hồ Chí Minh trả lời phỏng vấn một nhà báo[749] với câu: "*Le peuple Vietnam c'est un Un et le pays du Vietnam c'est Un"* - Ông dịch từng chữ khẩu hiệu *"Nước Việt Nam là Một, dân tộc Việt Nam là Một"* sang tiếng Pháp, nhưng người Pháp không thể hiểu vì họ không nói như thế và cũng không có thứ cú pháp nào lạ lùng như thế. Chắc chắn không phải với thứ tiếng Pháp thô thiển này, ông Hồ có thể viết được những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc như bài *Về vụ Siki* hay *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

● Nguyễn An Ninh

Nguyễn An Ninh có hai lối viết: lối tranh luận, đôi khi cũng sát phạt không kém Nguyễn Thế Truyền và lối hoà nhã gần Phan Văn Trường.

Bài *Thư gửi ông Outrey - Lettre à Monsieur Outrey* ký Nguyễn Ái Quốc đăng trên Le populaire ngày 14/10/1919, là lối văn tranh luận, với những chi tiết xác định người viết là Nguyễn An Ninh và sự đụng độ kịch liệt giữa Outrey và Nguyễn An Ninh.

Việc phát xuất từ bài *Đông Dương và Triều Tiên, một sự so sánh lý thú - L'Indochine et la Corée, une intéressante comparaison,* in trên báo Le populaire ngày 4/9/1919. Trong bài này Nguyễn An Ninh so sánh sự bảo hộ Triều Tiên của

749 Tài liệu Vidéo của INA (Institut National Audiovisuel - Viện Quốc Gia lưu trữ Âm thanh và Hình ảnh của Pháp) được đưa lên *Youtube*, và ông Nguyễn Ngọc Quỳ ở Paris ghi lại trên mạng *diendantheky* ngày 16/4/2011.

Nhật Bản với sự bảo hộ Đông Dương của Pháp. Ông buộc tội Pháp đã đầu độc người da vàng bằng những lời hứa hão và dùng bọn bồi bút để ca tụng chính quyền thuộc địa. Ernest Outrey đã từng làm thống đốc Nam Kỳ và từ năm 1914, làm dân biểu, đại diện người Pháp ở Sài Gòn tại Hạ Viện.

- Tháng 6/1919, bản Thỉnh Nguyện đưa đến Versailles và gửi cho các cơ quan có thẩm quyền và báo chí.

- Ngày 23/6/1919, Phủ Tổng Thống yêu cầu bộ Thuộc Địa báo cáo về Nguyễn Ái Quốc và nhóm Yêu Nước.

- Ngày 18/6/1919 báo L'Humanité - lúc đó là báo của đảng Xã Hội, đăng bản Thỉnh nguyện dưới tựa đề: *Les droits des peuples- Quyền của các dân tộc.*

- Ngày 2/8/1919 L'Humanité đăng bài *La question des indigènes en Indochine* của Nguyễn Ái Quốc do Phan Văn Trường viết.

- Ngày 4/9/1919 Le populaire đăng bài *L'Indochine et la Corée, une intéressante comparaison* ký Nguyễn Ái Quốc do Nguyễn An Ninh viết. Sự chống Pháp trên báo chí Pháp được phát động qua ngòi bút Nguyễn Ái Quốc. Tình hình sôi động.

- Ngày 20/9/1919, P. Guesde lệnh cho Cảnh sát Cuộc gọi Nguyễn Ái Quốc đến hỏi cung và chụp ảnh, lần đầu.

- Ngày 18/9/1919, vấn đề Nguyễn Ái Quốc được đem ra tranh luận tại Quốc hội giữa Outrey và Longuet - Moutet. Outrey chất vấn Longuet, chủ nhiệm báo Le Populaire: Đã cho đăng những bài báo của Nguyễn Ái Quốc, một kẻ thù của nước Pháp, tên này là một kẻ phiến động đã bị truy tố ở Nam Kỳ. Được tin, Nguyễn An Ninh đang nghỉ ở Biarritz viết lá thư ngỏ cho Outrey, gửi đăng trên báo Le Populaire, phản pháo mãnh liệt, đồng thời xác định mình là Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn An Ninh viết:

"Ông đã nói đi nói lại (ở Hạ Viện) *rằng tôi bị truy nã ở Đông Dương vì âm mưu chống Pháp. Vậy hãy cho biết, lúc nào, toà án nào, âm mưu gì?"*

Ernest Outrey và Nguyễn An Ninh biết rõ hành tung của nhau. Xin nhắc lại: Trong suốt thời gian từ 1911 đến 1919, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Tất Thành không ai có mặt tại Nam Kỳ.

Outrey biết Nguyễn An Ninh thuộc gia đình chống Pháp hàng đầu ở Nam Kỳ: cha, mẹ, chú, cô đều là những nhà cách mạng. Khách sạn Chiêu Nam Lầu của cha Ninh là nguồn tài trợ cho phong trào Đông Du, là nơi tá túc hội viên các hội kín Đông Kinh Nghiã Thục, Cường Để[750]. Bản thân Nguyễn An Ninh cũng rất quậy, để tóc dài, hay đánh lộn với Tây và viết báo chống Pháp từ thời niên thiếu. Outrey, khi đọc văn, đoán chắc *Nguyễn Ái Quốc* là Nguyễn An Ninh và dựa trên các thông tin đã biết, Outrey tố cáo *Nguyễn Ái Quốc* là người đã bị truy nã về tội chống Pháp ở Nam kỳ.

Thành tích chống Pháp của Nguyễn An Ninh đã trở thành huyền thoại: *"Thi đậu bằng Brevet Elémentaire[751]nhà ái quốc đi làm báo tiếng Pháp, do người Pháp điều khiển. Trong thời gian làm báo, dù chỉ là một cộng sự viên tầm thường, lượm tin chó cán, nhưng Ninh đã nổi tiếng rồi, vì sự bất khuất, hay đập lộn với người Pháp, hay chưởi người Pháp. Chính trong thời gian nầy, trong nước xẩy ra nhiều chuyện bạo động, nào Phan Xích Long khởi nghiã, Trần Cao Vân rước vua Duy Tân rời kinh thành Huế, Lương Ngọc Quyến bạo động ở Thái Nguyên. Dù những phong trào ấy bị thất bại, song gieo vào lòng người dân thời đó một mầm mống sâu đậm trong cõi lòng, trong số đó có nhà ái quốc thanh niên Nguyễn An Ninh"[752].*

---

750 Vương Hồng Sển, *Sàigòn năm xưa*, trang 250.

751 Tương đương với Trung học phổ thông.

752 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, *Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh*, trang 10.

Sở dĩ Nguyễn An Ninh không bị bắt vì tuổi vị thành niên, vì vậy, Ninh mới viết *Lá thư gửi ông Outrey,* thách y phải tìm ra chứng cớ rằng tôi - Nguyễn Ái Quốc- bị bắt ở Nam Kỳ lúc nào, năm nào, bị bắt ở đâu, ra toà nào? Ninh đã *"đáp lễ"* Outrey tới nơi tới chốn.

Vì câu thách thức này mà ta xác định được tác giả *Lá thư gửi ông Outrey* là Nguyễn An Ninh. Khi xác định được Nguyễn An Ninh là tác giả *Lá thư gửi ông Outrey* thì tự nhiên ông là người viết bài *Đông dương và Triều tiên*, vì bài này mà Outrey nhận diện được Quốc là Ninh và gây hấn.

Người viết nào cũng để lại căn cước của mình qua chữ nghiã. Cho nên dù ký tên gì đi nữa, người đọc tinh ý luôn luôn tìm ra bản chất và lai lịch của người viết.

Sự xác định tác giả một số bài viết ký tên Nguyễn Ái Quốc mà chúng tôi ghi danh sách trong phần cuối chương này, dựa trên cơ sở của những chi tiết đó.

● La France et L'Indochine

Ngoài tài bút chiến, Nguyễn An Ninh còn là ngòi bút văn chương và tư tưởng. Trong *La France et L'Indochine - Nước Pháp và Đông Dương,* Nguyễn An Ninh viết:

"Trong những năm gần đây, mặc dù thực dân hết sức tìm cách giam hãm người An Nam, nhưng dưới hấp lực của phong trào thanh niên Tây du, một vài người đã có thể đến Pháp, quan sát đời sống hàng ngày và tìm hiểu bí quyết về sức mạnh vật chất của Âu Châu. Họ mang về nước tư tưởng dân chủ, tinh thần phê phán của Châu Âu; hơi thở Tây phương đã làm sống lại niềm tin và nghị lực của họ. Họ đã nhận tận tay người Pháp bản án chế độ thực dân Pháp tại Đông Dương. Thực dân không thể ngăn cấm người An Nam biết tiếng Pháp đọc Montesquieu, Rousseau, Voltaire.

Và, cùng một lúc, tinh thần phê phán Tây phương, giúp thanh niên An Nam ấp ủ tâm hồn dân tộc trong lòng, giải

thoát triết học Khổng Tử và Mạnh Tử khỏi lớp bụi dầy của đạo lý Khổng Mạnh suy đồi. Đã có một số xu hướng nổi lên, tìm cách cổ động quần chúng bỏ ý định phục thù bằng bạo lực và dấn thân vào con đường tranh đấu mới: Đòi hỏi những tự do căn bản để bảo tồn phẩm giá con người, đòi hỏi những cải cách, hoà hợp tinh thần dân chủ của dân tộc An Nam với tư tưởng Tây Phương. Họ không còn chấp nhận, như quần chúng đã phải chấp nhận, như kẻ bại trận trên chiến trường đã phải chấp nhận, cái luật chiến tranh, cái đắc ý thô bạo của kẻ thắng và sự nhục nhã của người thua. Họ cũng không còn chiến đấu bí mật với lòng yêu nước thuần tuý nữa mà họ tranh đấu công khai, nhân danh nguyên tắc nhân quyền 1789. Và bọn thực dân không còn dám dựa trên cớ "chủ quyền nước Pháp bị đe doạ" để bắt họ đi đày hoặc xử tử.

Như thế, chính sách người bóc lột người ở Đông Dương đã được báo trước sẽ bị phá sản.

Hoặc là, điên cuồng vì thất bại, bọn thực dân vẫn cố chấp áp dụng biện pháp đán áp, tiếp tục siết chặt những nạn nhân đang vùng vẫy, mặc kệ dấu hiệu báo trước những biến cố sắp tới; như thế, thảm họa chung sẽ xẩy ra: nước Pháp mất hết quyền lợi và uy tín -"sứ mệnh giáo hoá" của Châu Âu sẽ lộ bộ mặt thật của nó- và nước An Nam, sau những kinh hoàng, thống khổ, sẽ được tự do hơn để hoàn tất sứ mệnh của mình.

Hoặc là, nước cộng hoà Pháp đến Đông Dương để thay thế bè lũ thực dân; như thế, không những, thanh danh và lợi ích của Pháp sẽ được bảo toàn, mà Pháp còn được hưởng sự tri ân của một dân tộc sẽ ủng hộ họ ở Châu Á.

Cách đây khoảng 15 năm, để trả lời tiếng kêu của những người bị đàn áp, bọn thực dân đã rêu rao trên báo như sau: "Nước Pháp không đến đây với Kiếm và Luật. Chỉ

có Kiếm"[753]. Dường như, sau sáu mươi năm bị đô hộ và chịu ảnh hưởng Pháp, đất Nam Kỳ ngày nay đã được công bố là đất Pháp, vậy người An Nam có quyền đòi hỏi nước Pháp phải mang sang Đông Dương, không những Luật, mà cả thanh bảo Kiếm để bảo vệ Luật pháp. Sự hoà hợp giữa lý tưởng cộng hoà Pháp và tư tưởng dân chủ của một xã hội có nền móng tư tưởng Khổng Mạnh, không phải là sự tiến hoá theo quy luật tự nhiên, như thực dân tuyên truyền. Phong trào giải phóng các dân tộc ở Á Châu không phải là sự "tiến hoá" từ xã hội dã man lên xã hội Âu Châu tân tiến.

Phải là thực dân trong nghĩa ngu xuẩn nhất mới có thể tin được "nghiã vụ giáo hoá" của những người Âu Châu sang xâm chiếm Đông Dương. Ở Ấn Độ, sự tuyên ngôn về "nghiã vụ giáo hoá" (của người) Tây phương gợi trong lòng một Tagore ý thức giáo hoá (đến từ) Đông phương. Ở Trung Hoa, giới thanh niên đã đi học ở Âu Châu, đặt câu hỏi trên báo chí như một thách đố với Châu Âu: "Bạn có thể nói cho chúng tôi biết, nước bạn đã văn minh chưa? (...)

Về chính sách thực dân mà nước Pháp áp dụng ở Đông Dương, chúng tôi nhận thấy:

1- Rằng, ở Đông Dương, nước Pháp chẳng những không áp dụng những nguyên tắc lớn mà họ đã tuyên thệ, mà còn tiêu diệt tư tưởng dân chủ của xã hội An Nam.

2- Rằng, nước Pháp, thừa nhận tự do và quyền công dân Pháp cho những người, hôm qua, vẫn còn là nô lệ, nhưng lại áp đặt chế độ nô lệ ở Đông Dương cho một dân tộc tự do, đã có một nền văn minh, từ khi cư dân sống trên đất Pháp vẫn còn ăn lông ở lỗ (vivait dans des cités lacustres)"[754].

---

753 Nguyễn An Ninh dùng chữ Le Glaive, chỉ đoản kiếm sắc cả hai bên và là biểu tượng của Sức Mạnh.

754 Trích dịch *La France et L'Indochine*, Europe, số 31, ra ngày 15/7/1925.

Bài viết *La France et L'Indochine* mà chúng tôi vừa trích dịch một đoạn trên đây, có thể tóm gọn tư tưởng đấu tranh của Nguyễn An Ninh.

Trong cuốn *Nguyễn An Ninh tác phẩm*[755] có in bản dịch *Nước Pháp ở Đông Dương - La France en Indochine* và nói rằng bản này đã in trong in tạp chí Europe, nhưng khi so sánh chúng tôi thấy không hoàn toàn giống.

Theo Đặng Hữu Thụ, *"La France en Indochine"* tháng 4/1925, in 2000 bản tại nhà A et F Debeaufauve Tournefort Paris. Ninh trao cho Nguyễn Thế Truyền 150 bản để Truyền nhờ các thủy thủ Việt Nam đem về nước. Ngoài ra, sách cũng được gửi tặng một số dân biểu, nghị sĩ Pháp, Hội Nhân Quyền và báo chí viết về thuộc địa. Khi đáp tàu về nước ngày 28/5/1925 cùng Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh mang theo một số cuốn. Nhưng Bộ thuộc địa biết, đánh điện về Phủ toàn quyền, và sách đã bị tịch thu khi tàu cập bến[756].

Mật báo của Deveze 12/1/1921, nói đến một cuốn Đông Dương, ký Nguyễn Ái Quốc, như sau:

"Hội Ái Hữu xuất bản ở 118 Avenue Parmentier đã gởi cho ông Nguyễn Ái Quốc: "Chúng tôi đã đọc bản thảo "Indochine" hay "Máu của mỗi người" nhưng Hội không thể nhận xuất bản được vì đã cam kết với nhiều nơi rồi. Nhưng chúng tôi sẵn sàng mời ông đến trao đổi về bản thảo đó" Dezeve ghi thêm: *"Mặc dù Nguyễn Ái Quốc khẩn thiết nhưng báo L'Humanité cho rằng không thể đưa vào khuôn khổ tờ báo"*[757].

Một cuốn sách, mang tên *Đông dương (1923-1924)* được dịch và đưa vào *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1, phải chăng đây chính là tác phẩm *Indochine* hay *Máu của mỗi người* mà Dezeve nói đến? Trần Dân Tiên viết: "*Ông*

---

755 Nxb Văn Học, 2009.

756 Đặng Hữu Thụ, sđd, trang 64.

757 Lê Thị kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 161.

Nguyễn chỉ viết cuốn sách duy nhất là Bản Án Chế Độ Thực Dân", vậy ông Hồ không biết đến cuốn *Đông Dương* ký tên Nguyễn Ái Quốc.

Đông dương (1923-1924), dịch in trong Hồ Chí Minh toàn tập có cùng bố cục như *Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp,* nhưng lời văn điềm đạm hơn, gần với lối viết của Nguyễn An Ninh và Phan Văn Trường. Điểm chung của hai tác phẩm là cùng dùng những mẩu chuyện, những nhân chứng đã có trong các bài ký tên Nguyễn Ái Quốc. *Đông Dương* nói đến tình trạng ở nước ta, còn *Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp* viết chung cho nhiều dân tộc.

● Le Procès de la Colonisation Française
Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp

Cuốn *Le Procès de la colonisation française* đề tên tác giả Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thế Truyền viết tựa. Nhưng thực ra ai viết? Sách in năm 1925, sau khi Nguyễn Tất Thành đi Nga hai năm. 1946, in lại lần đầu ở Hà Nội.

1/ Ngô Văn viết: *"Sau khi Phan Châu Trinh khởi hành về Sàigòn, vào tháng 5 năm 1925 một luận văn châm biếm nẩy lửa do Thư điếm Lao động (Librairie du Travail) phát hành và lập tức bị cấm ở Đông Dương. Đó là tập Bản án chế độ thực dân Pháp (Procès de la colonisation française) ký tên Nguyễn Ái Quốc, nhưng có thể là do Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền viết"*[758].

2/ Đặng Hữu Thụ kể lại giai thoại sau đây: Ông Bửi Nghi, một người bạn kể cho ông rằng Nguyễn Thế Truyền có đưa bản thảo cuốn *Bản án chế độ thực dân* cho ông Bửu Nghi đọc, nhờ chữa lỗi chính tả, và nói là của Nguyễn Ái Quốc viết[759]. Điều này cũng chẳng nói lên được gì, vì Nguyễn Thế Truyền và nhóm Ngũ Long đã đồng ý với nhau

758 Ngô Văn, *Việt Nam 1920-1945 Cách mạng và phản cách mạng thời đô hộ thực dân*, Chuông rè, L'Insomniaque, Paris, 2000, trang 42.
759 Đặng Hữu Thụ, sđd, trang 123.

về việc lấy Nguyễn Ái Quốc làm bút hiệu chung. Khi Nguyễn Tất Thành đã đi Nga, Nguyễn Thế Truyền vẫn còn ký tên Nguyễn Ái Quốc trên báo và trong bản quảng cáo sẽ ra báo Việt Nam Hồn. Vậy đó là chiến lược của cả nhóm.

3/ Trần Dân Tiên chỉ viết một câu ngắn gọn về văn bản này: *"Ông Nguyễn chỉ viết một quyển sách duy nhất là quyển "Bản án chế độ thực dân Pháp"; quyển này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp, trích trong những sách của người Pháp viết để ở thư viện quốc gia. Đầy hăng hái, ông Nguyễn viết cả vở kịch "Rồng tre"*[760].

Sự quá vắn tắt của Trần Dân Tiên rất khả nghi, tại sao ông không nói rõ là ông Nguyễn đã viết cuốn *Le Procès* trong hoàn cảnh nào? Nhất là cuốn sách ấy lại in sau khi ông đi Nga hai năm. Lý do dễ hiểu: có lẽ ông Hồ *chưa đọc Le Procès* khi viết những dòng này năm 1948, cho nên mới có câu: "*quyển này gồm những tài liệu chống thực dân Pháp, trích trong những sách của người Pháp viết để ở thư viện quốc gia"*. Bởi vì những nhân chứng kể tội ác thực dân, mô tả rõ ràng, trần trụi việc hãm hiếp, tra tấn, giết người, ở những làng mạc có tên rõ như thế, lại được in lại thành sách để trong thư viện Pháp, cho ông Hồ chép lại, thì quả là lạ. Báo chí đối lập của Pháp có thể đưa tin này khác về tội ác chiến tranh, nhưng chắc chắn những vụ giết người kinh hoàng như vậy đã bị quân đội và chính quyền thực dân giấu nhẹm, chỉ có các nạn nhân và những người lính Việt Nam đã chứng kiến tại chỗ mới có thể biết được.

4/ Chúng tôi tạm đưa ra giả thuyết: Nguyễn Tất Thành không có khả năng tiếng Pháp và không có đủ tài liệu sống để viết tác phẩm này. Có thể ngoài tài liệu của nhóm Yêu Nước, Nguyễn Thế Truyền còn tập hợp thêm những bài báo, những chứng nhân khác ở các thuộc địa, xuất hiện trên báo Le Paria, sửa đổi đôi chút rồi viết tựa. Tài liệu phong phú và

---

760 Trần Dân Tiên, sđd, trang 37.

cực kỳ chi tiết về sự tàn ác của chế độ thực dân trên các nước nhược tiểu, *Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp* có thể được coi là một sáng tác tập thể mà Nguyễn Thế Truyền làm *"chủ biên"* và viết lời giới thiệu.

Phần nhân chứng về Việt Nam do lính thợ cung cấp, họ kể lại những tội ác của quân đội viễn chinh mà họ đã mục kích, những lời chứng này có thể đã được Phan Văn Trường thu lượm trong thời kỳ làm việc tại Công Binh Xưởng Toulouse.

Bản Án Chế Độ Thực Dân Pháp, được viết hay soạn từ những thông tin, những đoạn, những ý tưởng đã có trong các bài ký tên Nguyễn Ái Quốc và những thông tin khác đến từ các thuộc địa châu Phi. Tác phẩm không chỉ đưa ra bộ mặt lầm than, thống khổ của một dân tộc Việt Nam mà còn của tất cả những người dân da màu khác đang bị đô hộ. Vì vậy nó có tính chất nhân loại. Khó có thể xác định ai là tác giả, vì nội dung cho thấy bàn tay của nhiều người: Nguyễn Thế Truyền, trước tiên, vì ông đã có công soạn thảo, chỉnh đốn, viết tựa. Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh, viết về luật pháp. Phan Văn Trường viết về công binh. Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường đều có thể khắc họa những chân dung toàn quyền và viết về các chính sách dã man của thực dân Pháp trên đất nước ta. Nhưng còn có những đóng góp khác của các nhà văn châu Phi, và thư từ độc giả từ các nơi gửi về... do đó Nguyễn Thế Truyền đã giữ tên tác giả chung là Nguyễn Ái Quốc.

● Vở kịch *Rồng tre* - Le dragon de bambou

Không biết Nguyễn Thế Truyền hay Nguyễn An Ninh viết, nhưng chắc chắn không phải Nguyễn Tất Thành, vì chữ Rồng ở đây có ý tự trào, ngạo nghễ ám chỉ đám Ngũ Long, tuy là đồ chơi mà... là Rồng, tức là chơi lối... Rồng - Đế vương. Lại vừa có ý nhạo vua Khải Định là Rồng mà... Rồng

tre - đồ chơi. Ý nghĩa thâm thúy như thế, nhưng chắc ông Hồ không hiểu rõ, nên mới nhận là mình viết. Bởi nếu ông viết thì không thể viết như thế, khác nào lậy ông tôi ở bụi này: đã tự coi mình là Nguyễn Ái Quốc duy nhất, thì làm sao lại chấp nhận có các con Rồng khác?

Le dragon de bambou cái tựa của vở kịch, chúng tôi xin nhấn mạnh, nguyên tên tiếng Pháp là *Le dragon de bambou* - Rồng tre chứ không phải *Le dragon en bambou* -*Rồng bằng tre*, như có người đã cố ý sửa lại, bởi vì người sửa không hiểu được sắc thái (nuance) khác nhau giữa *le dragon* ***de*** *bambou* và *le dragon* ***en*** *bambou*.

Kịch bản đã mất, nhưng cái tựa *Le dragon de bambou-Rồng tre* đã chứng minh sự tinh tế về Pháp ngữ của tác giả. Léo Poldès, người được *Nguyễn Ái Quốc/Nguyễn Tất Thành* đưa đọc để giúp việc trình diễn, viết: "*Như cái tựa của vở kịch, Rồng tre là một vị nguyên thủ quốc gia Á châu bất lực, bất tài, ngu dốt, bị tác giả mắng nhiếc thậm tệ trong ba màn*" (*"Le dragon de bambou, titre de la pièce, était un chef d'Etat asiatique impuissant, incapable, ignorant, et dont l'auteur fustigeait sans pitié, pendant trois actes"*)[761].

Ngòi bút Nguyễn Ái Quốc xuất hiện đều đặn trên các báo từ tháng 8/1919 đến đầu 1920: thời gian này chủ yếu là Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh viết.

Trong năm 1920, có ít bài, vì Phan Văn Trường bận việc toà án, đi về giữa Paris và Mayence, Nguyễn An Ninh về Sài Gòn hè 1920 và Nguyễn Thế Truyền về Bắc một năm từ 8/1920 đến 8/1921.

Thời điểm tung hoành mạnh mẽ nhất là khoảng 1921-1922, khi Nguyễn Thế Truyền chính thức bước vào "nghề báo" và Nguyễn An Ninh còn ở Paris: bút hiệu Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trên nhiều tờ báo một lúc, vậy hai người viết

---

761 Trích bài của Léo Poldès, trên báo *Ici Paris Hebdo* ngày 11/6/1946, in lại trong *Hồ Chí Minh Le procès de la colonisation française*, L'Harmattan, 2007, trang 194.

chính trong thời kỳ này là Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh. Phan Văn Trường bận việc ở Mayence, ít tham dự.

Tháng 10/1922, Nguyễn An Ninh về Sài Gòn. Cuối năm 1923, Phan Văn Trường về nước. Còn lại Nguyễn Thế Truyền, một mình, ký cả Nguyễn Ái Quốc và tên thật Nguyễn Thế Truyền.

Những bài ký tên Nguyễn Ái Quốc sau khi Nguyễn Tất Thành đi Nga, từ 1923 đến 1927, trên Le Paria và trên Inprekorr, báo Nga ấn bản Pháp ngữ, là của Nguyễn Thế Truyền.

● Xác định một số văn bản

Sự xác định một số văn bản mà chúng tôi nêu tên sau đây, dựa vào văn phong và tư tưởng khác nhau của mỗi tác giả; nhưng có khi, chỉ dựa vào một vài chi tiết rất nhỏ.

• **Phan Văn Trường:** *Tâm địa thực dân, Vấn đề dân bản xứ* (L'Humanité 2/8/1919), *Những kẻ bại trận ở Đông dương* (La vie ouvrière số 101, ngày 8/4/1921), *Quyền của những người lính* (La vie ouvrière số 105, ngày 7/5/1921), *Phong trào cộng sản quốc tế Đông dương* (La revue communiste, số 15, tháng 5/1921), *Vụ âm mưu ở Đông Dương* (17/8/1921)...

• **Nguyễn An Ninh**: *Đông Dương và Triều Tiên* (Le populaire, 4/9/1919), *Thư gửi ông Outrey* (Le populaire, 14/10/1919), *Phong trào cách mạng ở Ấn Độ* (La revue communiste, số 18-19 tháng 8-9/1921). *Nền văn minh thượng đẳng* (Le Libertaire, 23/9/1921), *Tội ác của chủ nghiã thực dân* (La vie ouvrière, số 126, ngày 30/9/1921), *Sự quái đản của công cuộc khai hoá* (Le Libertaire, ngày 30/9 và 7/10/1921). *Hãy yêu Pháp, nước bảo hộ bạn* (Le Libertaire, ngày 14/10/1921)...

• **Nguyễn Thế Truyền**: *Thú vật học* (Le Paria số 2, ngày 1/5/1922), *Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa* (L'humanité

ngày 25/5/1922), *Paris* (L'humanité, 30 -31/5/1922), *Lời than của bà Trưng Trắc* (L'humanité, 24/6/1922), *Những kẻ khai hoá* (Le Paria số 4, ngày 1/7/1922), *Hận thù chủng tộc* (Le paria số 4, ngày 1/7/1922), *Thư ngỏ gửi ông Albert Sarraut* (Le journal du peuple, 25/7/1922), *Khai hoá giết người* (Le Paria số 5, 1/8/1922), *Phụ nữ An Nam và sự đô hộ của Pháp* (Le Paria số 5 ngày 1/8/1922), *Nhân đạo thực dân* (Le paria, số 6-7 (tháng 9 và 10/1922), *Amdouni và Ben Belkhir chịu nhục hình* (Le Paria, số 8, 11/1922), *Về vụ Siki* (Le Paria, số 9, 12/1922), *Người bản xứ theo mốt* (Le Paria số 10, 15/1/1922)...

Chương 20

Vì sao Phan Châu Trinh phó thác "đại sự" cho Phan Khôi?

Năm 1922 là năm bản lề, đánh dấu ngõ quặt của nhóm Ngũ Long: *Bắt đầu về nước tranh đấu*. Người đầu tiên là Nguyễn An Ninh. Nhưng cũng bắt đầu sự phân hoá.

Về bối cảnh chung, 1922 có một số sự kiện xẩy ra:

Hội Chợ đấu xảo Marseille mở cửa ngày 16/4/1922.

Đầu năm1922, Phan Châu Trinh xuống Marseille để làm việc tại hội chợ. Pháp cử 7 phái viên Bắc Kỳ đi dự đấu xảo gồm:

- Tuần phủ Cao Bằng Vi Văn Định và quan huyện Phong Doanh Trần Lưu Vị đại diện quan trường.
- Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Duy Tốn đại diện Tư vấn nghị viện.
- Hoàng Kim Bảng đại diện thương mại.
- Nguyễn Hữu Tiệp đại diện canh nông.
- Phạm Quỳnh đại diện Khai Trí Tiến Đức[762].

Tháng 2/1922, Phan Châu Trinh gửi thư ngỏ cho Nguyễn Ái Quốc.

Tháng 5/1922, Phan Châu Trinh gặp gỡ các nhà trí thức sang Pháp dự hội chợ.

---

[762] Phạm Quỳnh, *Hành trình nhật ký*, Ý Việt, Paris, 1997, trang 208.

Tháng 6/1922, Vua Khải Định tới Pháp. Một phong trào bài kích nhà vua nổi lên với *Thất Điều Thư* của Phan Châu Trinh kể bảy tội của vua Khải Định, với các bài báo đả kích và vở kịch *Dragon de bambou - Rồng Tre* ký Nguyễn Ái Quốc. Nhóm Ngũ Long chống vua Khải Định là tất nhiên, tuy lời lẽ hơi quá đáng vì sự thực thì nhà vua không còn quyền hành gì cả. Nhưng hai sự kiện đáng chú ý hơn là việc:

1/ Phan Châu Trinh viết bức thư ngỏ gửi Nguyễn Ái Quốc đề ngày 18/2/1922.

2/ Phan Châu Trinh gặp Nguyễn Văn Vĩnh Phạm Quỳnh

● Lá thư ngỏ của Phan Châu Trinh gửi Nguyễn Ái Quốc

Trước hết, tại sao Phan Châu Trinh lại gửi cho Nguyễn Ái Quốc, mà không gửi cho Nguyễn Tất Thành, mặc dù ông thừa biết Nguyễn Tất Thành không phải là tác giả những bài báo ký tên Nguyễn Ái Quốc?

Lý do nằm trong nội dung lá thư: Phan Châu Trinh viết thư chung cho các tác giả ký tên Nguyễn Ái Quốc, nhưng có đoạn viết riêng cho Nguyễn Tất Thành.

Khi nhắn chung các tác giả ký tên Nguyễn Ái Quốc, ông viết: *"Thực trạng dân tình thế thái bên nhà, bọn mình biết rõ, bấy lâu nay, bọn mình ở bên này có đăng báo chương, hô hào các hạng người Pháp có lương tâm ngõ hầu giúp người An Nam đánh đổ cường quyền áp chế, nhưng kết quả chẳng được là bao. Cái khát vọng bình đẳng, tự do, bác ái mà ông Mạnh Đức Tư Cưu và ông Lư Thoa*[763] *khởi xướng chẳng nhỏ được giọt nào trên đất An Nam mình"*[764].

Trong một đoạn khác, nhắn riêng Nguyễn Tất Thành, ông viết: *"Bấy lâu nay, tôi cùng anh và Phan đàm đạo nhiều việc, mãi tới bây giờ anh cũng không ưa cái phương pháp*

---

763 Montesquieu và Rousseau.

764 Thư Phan Châu Trinh viết chữ Hán, chúng tôi trích bản dịch của Hoàng Xuân Hãn, in trong cuốn *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911/1925* của Thu Trang, Đông Nam Á 1983 trang 135-140.

khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh của tôi. Còn tôi thời lại không thích cái phương pháp ngọa ngọa chiêu hiền, đãi thời đột nội (ngồi ngoài đợi thời) *của anh và cả cái dụng lý thuyết thâu nhân tâm của Phan. Bởi phương pháp bất hoà mà anh đã nói với anh Phan là tôi là hạng hủ nho, thủ cựu. Cái điều anh gán cho tôi đó, tôi chẳng giận tý nào cả, bởi vì suy ra thì tôi đã thấy rằng: Tôi đọc chữ Pháp bập bẹ, nên không am tường hết sách vở ở cái đất văn minh này. Cái đó tôi đã thua anh xa lắm, đừng nói gì đọ với anh Phan."*

Tây Hồ nói dù Tất Thành (và bọn trẻ) coi ông là hủ nho, thủ cựu, nhưng ông không chấp, ông cũng chẳng thích gì lối ngồi ở nước ngoài đợi thời của Tất Thành và nhất là câu: *Tôi đọc chữ Pháp bập bẹ, nên không am tường hết sách vở ở cái đất văn minh này. Cái đó tôi đã thua anh xa lắm, đừng nói gì đọ với anh Phan",* có ý mỉa mai: tiếng Pháp anh giỏi hơn tôi nhưng đã giỏi đến đâu mà dám chê tôi.

Rồi ông tiếp tục mắng mỏ lối viết báo tiếng Tây của Nguyễn Ái Quốc - Trường, Truyền, Ninh: *"Tôi coi lối ấy phí công mà thôi. Bởi vì, quốc dân đồng bào mấy ai biết chữ Tây, chữ quốc ngữ, cầm tờ báo mà đọc nổi".*

Và ông kiên quyết trở về chủ trương của mình: *"Theo ý tôi thì mình mà học hỏi lý thuyết hay, phương pháp tốt, tóm thâu được chủ nghiã, có chí mưu cầu lợi quyền cho quốc dân, đồng bào thì đừng có dùng cái lối nương náu ngoại bang để rung chuông gõ trống, mà phải trở về ẩn náu trong thôn dã, hô hào quốc dân đồng bào, đồng tâm hiệp lực đánh đổ cường quyền áp chế, ắt là thành công. Anh không nghe lời tôi nói, anh ở hoài bên này, cứ cái lối đó thì tài năng của anh khác gì công dã tràng".*

Để nhắn riêng Nguyễn Tất Thành, ông nhấn mạnh thêm những điểm sau đây: *"Tôi biết anh hấp thụ được cái chủ nghiã của ông Mã Khắc Tư, ông Lý Ninh*[765] *nên tôi cũng đem*

---

765 Karl Marx và Lénine.

chuyện hai ông ấy mà giảng dẫn cho anh rõ". Rồi ông kể lại việc cả *Karl Marx* lẫn *Lénine* đều có một thời bị đuổi ra nước ngoài, nhưng sau đó họ đều tìm cách trở về nước để tranh đấu và ông kết luận: *"Cứ xem hai ông Mã, Lý mà anh tôn thờ chủ nghĩa, có ông nào dùng cái lối nương náu đất người mà làm quốc sự cho mình, như anh đâu? Bởi vậy, quả như anh tôn thờ lý thuyết hai ông ấy thì anh nghe tôi mà về quảng cáo cho quốc dân đồng bào".*

Ông nói về những hình phạt dành cho đường lối bạo động: *"Ông Đề Thám bị bêu đầu giữa chợ, Ông Phan Đình Phùng bị đào mả ném xuống sông, ông Hàm Nghi, Duy Tân, Thủ Khoa Huân bị đầy biệt xứ và nhiều không kể xiết sự đầu rơi máu chảy".* Cuối cùng ông khuyên Tất Thành nên về nước để *"mưu đồ đại sự".*

Lá thư ngỏ này, chắc Phan Châu Trinh đã đưa cho Nguyễn Văn Vĩnh một bản để dịch sang tiếng Pháp vì chúng tôi thấy bản tiếng Pháp và bản dịch ra quốc ngữ, từ bản tiếng Pháp trong tập tài liệu *Kỷ niệm 115 ngày sinh ông Nguyễn Văn Vĩnh*, do gia đình in năm 1997.

Bản dịch mà chúng tôi trích dẫn trên đây là bản Hoàng Xuân Hãn, dịch từ bản Thu Trang tìm thấy trong hồ sơ mật thám, và theo Hoàng Xuân Hãn thì đây cũng chỉ là một bản chép lại. Lá thư này rất quan trọng, vì nó xác định những điểm khác biệt tư tưởng trong nhóm Ngũ Long do chính ngòi bút Phan Châu Trinh viết ra:

1/ Phan Châu Trinh không đồng ý với đường lối tranh đấu của nhóm Tây học: theo ông, viết các bài đả kích thực dân trên báo Pháp là vô ích. Tư tưởng Rousseau và Montesquieu không thể đến được với dân Việt Nam.

2/ Ông xác định một lần nữa phương pháp tranh đấu của ông: Khai Dân Trí, Chấn Dân Khí, Hậu Dân Sinh.

3/ Ông chống lại cách mạng bạo động và kêu gọi về nước tranh đấu bất bạo động.

Xin nhắc lại: Con đường đấu tranh chung của nhóm Yêu Nước là đuổi Pháp, giành độc lập và dân chủ hoá đất nước, nhưng họ khác nhau ở tư tưởng và cách thực hiện mục đích:

- Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh, Nguyễn Thế Truyền chủ trương dùng ngòi bút để đấu tranh trên đất Pháp và tiếp theo, trên đất Việt, vạch tội ác của chính quyền thực dân, đánh động người Pháp dân chủ, để họ bãi bỏ chế độ thuộc địa.

- Phan Châu Trinh viết nhiều kiến nghị gửi toàn quyền và bộ trưởng Albert Sarraut, yêu cầu thay đổi chính sách cai trị.

- Nguyễn Tất Thành chủ trương cách mạng bạo động theo con đường cộng sản.

Phan Châu Trinh viết thư ngỏ gửi Nguyễn Ái Quốc, là một cách công khai nói lên sự khác biệt giữa ông và nhóm Tây học: Họ chủ trương vạch tội ác của thực dân trên báo, tìm sự hưởng ứng của người Pháp dân chủ, để nước Pháp bãi bỏ chế độ thực dân; nhưng Phan Châu Trinh lại cho rằng cách ấy vô ích. Ngược lại Phan Văn Trường cho rằng việc Phan Châu Trinh viết những thư yêu cầu Sarraut và chính quyền Pháp thay đổi chính sách là vô ích.

Sự khác biệt cơ bản đó được Nguyễn Văn Vĩnh đặt câu hỏi và trả lời: *"Ông Trường có phải là một nhà yêu nước cùng loại với ông Phan Chu Trinh, hoặc là một người cộng sản cùng loại như ông Nguyễn Ái Quốc hay không?*

Tôi biết rằng ông rất gắn bó với hai người, ông luôn ở cùng hai người ở Paris nhưng không bao giờ tán thành lý thuyết của hai người và cũng không bao giờ tỏ ra có một chút đồng tình nào với cả hai người"[766].

Phan Châu Trinh công bố lá thư ngỏ gửi Nguyễn Ái Quốc, tháng 2/1922.

---

766 Nguyễn Văn Vĩnh, *Trạng sư Phan Văn Trường từ trần*, L'Annam Nouveau số 231 ngày 24/4/1933.

Nguyễn An Ninh về nước đầu tiên: tháng 10/1922.

Rồi Ninh ần lượt sang Pháp đón các vị đàn anh trở về: Tháng 12/1923, Phan Văn Trường về nước. Tháng 6/1925, Phan Châu Trinh về nước và tháng 12/1927, Nguyễn Thế Truyền về nước. Ngoài ra, ông Khánh Ký cũng đã về nước từ tháng 7/1921.

Vậy chương trình *"Ngũ Long tề khởi"* mà Phan Châu Trinh đề xướng, trong một khía cạnh nào đó, đã được nhóm Tây học thực hiện. Dĩ nhiên họ không làm theo cách của Tây Hồ mà làm theo cách của họ: Đem tư tưởng tự do dân chủ của Pháp về truyền bá tại Việt Nam và chống thực dân bằng báo tiếng Pháp trên đất Việt. Nguyễn An Ninh là người *"theo sát"* nguyện ước về nước tranh đấu trong lòng dân tộc của Phan Châu Trinh. Nguyễn Thế Truyền khi bỏ báo Le Paria để làm báo Việt Nam Hồn, tiếng Việt, có thể đã nghe lời Tây Hồ.

Sự kiện này được Hồ Hữu Tường ghi lại trong hồi ký theo lối *"Tam Quốc Chí"* như sau: *"Theo lời cụ Phan Văn Trường thuật lại, thì năm 1922, khi Nguyễn An Ninh sắp sửa về nhà mà sáng lập tờ báo La Cloche fêlée, thì cụ Phan Châu Trinh có đưa ra một phân công, gọi là "ngũ long tề khởi". Tại quê nhà, bầu không khí thực dân và phong kiến còn quá nặng, Ninh lãnh sứ mạng đem tư tưởng dân quyền của Pháp ra mà "dĩ di diệt di". Nên chi báo của Ninh nêu lên đường lối là Cơ quan tuyên truyền cho tư tưởng Pháp (Organe de propagande des idées françaises*) (...) *Còn hai cụ Phan thì chờ Ninh xung phong, dọn dẹp chông gai bên nhà, hai cụ sẽ về góp sức mà tiến lên gây một phong trào dân chủ. Nhưng mà theo kế hoạch nầy, phân ra thì có, mà tụ lại thì chưa. Năm 1925, quả Ninh có rước hai cụ Phan về xứ. Nhưng sang năm 1926, cụ Tây Hồ lìa trần, Ninh lo tổ chức quần chúng, giao cho cụ Trường đứng mũi chịu sào tờ L'Annam. Rồi Ninh vào tù, cụ Trường ba chìm bẩy nổi, bị án tù, sang Paris chịu vào khám.*

Còn Tất Thành mang tên chung là Nguyễn Ái Quốc, theo cộng sản luôn, một đi không trở lại.

Nguyễn Thế Truyền vào đảng cộng sản Pháp, mượn phương tiện mà thành lập Việt Nam Hồn, sau đổi lại là Hồn Việt Nam, rồi Phục Quốc..."[767]

Sự đổ vỡ có lẽ đã bắt đầu từ khi Phan Châu Trinh xuống Marseille, đầu năm 1922: Nhân Hội Chợ Đấu Xảo Marseille, Phan Châu Trinh nhờ Babut xin Pierre Guesde cho ông xuống Marseille làm việc. Guesde bằng lòng. Nhưng Outrey phản đối dữ dội. Guesde viết thư trả lời trình bầy lý do, như sau: *"Tôi nghĩ việc nhận cho y làm việc sẽ có lợi về chính trị nên đã đưa tên An Nam này vào làm ở Ban Tổng Quản Lý Triển Lãm và cũng xin nói thêm là ở đó y đã làm việc rất tốt.*

Như vậy, tôi đã tranh thủ được cơ hội đương sự yêu cầu để kéo về phía chúng ta một tên An Nam thông minh và kiên trì, tuy có đôi chút ấm ức vì những đắng cay của một cuộc sống đầy xáo trộn, nhưng tư tưởng tình cảm không hề có gì đáng ngại cho sự cai trị của chúng ta. Đến nay tôi vẫn tin chắc đây là một biện pháp tốt, dung hòa được cả hai mặt nhân đạo và chính trị"[768].

Theo các tài liệu sau đó[769] ông Phan xuống Marseille chỉ có mục đích đợi gặp bộ trưởng Thuộc Địa Albert Sarraut để xin một số yêu cầu - chắc là xin vào quốc tịch Pháp và xin về Việt Nam, vì vậy ông không làm việc tích cực và đã bị "xếp" khiển trách thô bạo nên ông bỏ việc. Dù sự tình xẩy ra như thế nào, thì lá thư của Guesde, một lần nữa cho thấy bộ mặt thực của chính quyền thuộc địa, cả những người giúp đỡ Phan như Roux, Babut, cũng nằm trong cái guồng máy ấy. Sự ngây thơ về chính trị của Phan Châu Trinh dĩ nhiên bị Phan Văn

767 Hồ Hữu Tường, *41 năm làm báo*, Đông Nam Á, Paris, 1984, trang 24-25.
768 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 211- 214.
769 Lê Thị Kinh, sđd, tập 2, quyển 1, trang 219-228.

Trường *"lên lớp"* và hai người giận nhau. Các thư ông Trinh *"mắng lại"* ông Trường, ông Truyền tỏ rõ điều ấy.

● Phan Châu Trinh gặp Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh tại Pháp năm 1922

Phan Châu Trinh xuống Marseille để đợi gặp Sarraut[770] và có lẽ cũng để tiếp xúc với những người Việt sang Pháp dự đấu xảo. Quan trọng nhất là những buổi gặp gỡ giữa Phan Châu Trinh và Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh.

Trong chuyến đi Pháp 1922 Phạm Quỳnh gặp nhóm Yêu Nước ít nhất năm lần. Và luôn luôn bị mật thám theo dõi:

1/ Ngày 11/4/1922: Gặp Phan Châu Trinh, Phạm Quỳnh ghi lại như sau: *"Hôm nay gặp cụ Phan Tây Hồ, là một nhà chí sĩ nước ta, nay biệt xứ bên quý quốc. Hồi cụ khởi nghiệp, tôi còn nhỏ tuổi, nên chỉ biết tiếng mà không được biết người. Nay sang đến đây mới được gặp cụ, trong lòng ngổn ngang nhiều nỗi, không sao nói xiết. Cùng nhau đàm luận trong mấy giờ. Viêc cụ làm chánh đáng hay không chánh đáng, tôi đây không muốn phẩm bình, nhưng xét cái thân thế cụ, dẫu ai có chút lương tâm cũng phải ngậm ngùi. Ừ, làm người ai chẳng muốn vợ đẹp, con nhiều, cửa cao, nhà rộng, bạc đầy tủ, thóc đầy kho; thế mà có người không muốn như thế, thời con người ấy, dẫu hay dở thế nào, tưởng làm kẻ quốc dân cũng không nên a dua nhẹ miệng mà gia tiếng thị phi vậy"*[771].

2/ Theo mật báo của an ninh Marseille ngày 11/5/1922, có cuộc gặp gỡ giữa ba người: Phan Châu Trinh, Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh. Trong cuộc họp này, Phan Châu Trinh ngỏ ý muốn lật đổ Nam triều, lập Quốc Hội An Nam với các dân biểu để cai trị cùng với chính phủ Pháp. Nhưng Nguyễn Văn Vĩnh khuyên không nên, vì người trí thức và người dân vẫn còn gắn bó với nền quân chủ. Vả lại vua nước Nam không

770 Nhưng không gặp được vì Sarraut chỉ đến Hội Chợ có một buổi.

771 Phạm Quỳnh, *Pháp du hành trình nhật ký*, Nam Phong số 58 (4/1922) đến số 100 (10-11/1925), in lại trong *Hành trình nhật ký*, Ý Việt, Pháp, 1997, trg 252.

giống như vua Louis XIV hay XVI của Pháp đã áp bức làm khổ dân; và người dân An Nam cũng chưa đủ trình độ để sử dụng quyền Quốc Hội. Phải chờ. Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh nói sẽ suy nghĩ xem có thể đóng góp gì cho chương trình hành động của Phan Châu Trinh[772].

3/ Ngày 27/6/1922, các ông Lê Thanh Cảnh và Trần Đức mời Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Cao Văn Sến dùng cơm ở một khách sạn khu Montparnasse, Paris. Đã có cuộc tranh luận gắt gao giữa Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh - *sẽ nói rõ thêm ở dưới.*

4/ Ngày 13/7/1922, Phạm Quỳnh ghi trong sổ tay: *"Juillet/13/Jeudi: Ăn cơm An Nam với Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc ở nhà Trường (6 rue des Gobelins)"*[773].

5/ Ngày 16/7/1922, Phạm Quỳnh ghi: *"Dimanche 16/7: ở nhà, Trường, Ái Quốc và Chuyền* (Truyền) *đến chơi"*[774]. Như vậy, khi Phạm Quỳnh Nguyễn Văn Vĩnh đến Marseille và Paris, họ đã gặp nhóm Yêu Nước năm lần, nhưng ông Trinh và ông Trường không gặp nhau.

Trong năm lần họp mặt, chỉ có buổi ở Montparnasse Paris được Lê Thanh Cảnh ghi lại trong tập *Ký Ức Về Trường Quốc Học*[775] và được gia đình Nguyễn Văn Vĩnh lữu trữ. Rất tiếc người biên tập đã không ghi rõ nguồn của bài viết, năm, tháng... Tuy nhiên, nếu dựa vào mấy chữ *"câu chuyện năm mươi năm trước"* mà Lê Thanh Cảnh ghi trong *"Lời người viết",* thì có thể đoán bài này viết khoảng 1970-1975 ở trong Nam, vì tác giả dùng hai chữ *"anh Quốc"* rất tự nhiên.

---

772 Thu Trang, *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911/1925*, Đông Nam Á 1983, trang 160.

773 Phạm Tôn, *Người nặng lòng với nước*, tài liệu gia đình, Blog Phạm Tôn.

774 Phạm Tôn, *Người nặng lòng với nước*, tài liệu gia đình, Blog Phạm Tôn.

775 Đăng trong đặc san của Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Quốc Học, in lại trong tập tài liệu *Kỷ niệm 115 ngày sinh ông Nguyễn Văn Vĩnh*, do gia đình ấn hành năm 1997, tập III, trang 21.

Dưới tựa đề *"Thử đi tìm một lập trường tranh đấu cho dân tộc Việt nam",* trước hết ông Lê Thanh Cảnh thuật lại bối cảnh cuộc họp mặt: Nhân dịp phái đoàn Nam triều đi dự cuộc triển lãm do Pháp Quốc Sử Địa tổ chức tại Ba Lê *"Ô. Trần Đức nói khẽ vào tai tôi, bảo hai anh em chúng mình mời bốn cụ Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Ngọc Thiện, Cao Văn Sến đến chiều hôm ấy dùng cơm tại khách sạn Montparnasse. Chúng tôi nhân mời thêm cụ Phan Tây Hồ, anh Quốc, vợ chồng Trần Hữu Thường và ông Hồ Đắc Ứng".*

Đáng chú ý nhất là đoạn tác giả ghi lại cuộc tranh luận giữa năm nhân vật: Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Cao Văn Sến, Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh. Chúng tôi trích lại những đoạn chính, lướt qua ý kiến Phan Châu Trinh vì cũng giống như những điều ông đã viết trong thư gửi NAQ ở trên mà chú trọng vào ý kiến những người khác:

"Cụ Tây Hồ bắt đầu nói: Tôi đã gặp Nguyễn Ái Quốc từ 10 năm trước đây mà tôi thấy anh chủ trương cách mệnh triệt để quá táo bạo nên tôi không thể theo anh được, và anh cũng không chấp nhận đường lối của tôi. (...)

Anh Quốc tiếp lời: Mấy hôm nay anh Cảnh qua đây có tiếp xúc nhiều với tôi và có nói cho tôi một câu ước mơ của cụ Trần (Cao) *Vân: Nếu cuộc khởi nghiã của vua Duy Tân thành công thì sau này việc đầu tiên của chúng ta sẽ làm là viết chữ Việt Nam không phải chữ "Tuất" một bên, mà phải viết chữ Việt là Phủ Việt, "Rìu Búa", mới kiện toàn được sự nghiệp cách mệnh. Sở dĩ tôi chủ trương cách mệnh triệt để là xưa nay muốn giành độc lập cho tổ quốc và dân tộc thì không thể nào ngã tay xin ai được mà phải dùng sức mạnh như cụ Trần Cao Vân đã nói là phải dùng BÚA RÌU.*

Ô. Nguyễn Văn Vĩnh cướp lời ngay, đã bênh vực chủ trương của mình và cũng để giác ngộ anh Quốc - Tôi đã từng đứng trong hàng ngũ Đông Kinh Nghiã Thục cùng các bậc tiền bối và rất đau đớn thấy hàng ngũ lần lượt tan rã và hầu

hết phần tử ưu tú chiến sĩ quốc gia bị tiêu diệt: Hết phong trào Đông Kinh Nghiã Thục, đến chiến khu Yên Thế của Đề Thám ở Bắc, rồi đến vụ xin thuế ở miền Trung... (...) Bao nhiêu chiến sĩ đều gục ngã hoặc còn vất vưởng sống ở Côn Đảo, Thái Nguyên, Lao Bảo hay Banmêthuột. Bạo động như anh Quốc nói là thậm nguy! (...) Sở dĩ tôi theo lập trường TRỰC TRỊ (administration directe) là kinh nghiệm cho tôi thấy Nam Kỳ trực trị tiến bộ quá xa hơn Trung Bắc. Mà Bắc Kỳ nhờ chế độ mập mờ, nửa Bảo Hộ nửa Trực Trị (không công khai) mà còn hơn Trung Kỳ quá xa. (...). Cứ trực trị cái đã rồi sau khi được khai hoá theo đà tiến bộ thì tức khắc dân chúng tự có sức mạnh mà trồi đầu lên. Nói Trực Trị tôi chẳng khi nào chịu giao nước Nam cho Tây đâu. Quá khứ đường lối tranh đấu của tôi, cuộc đời thiếu thốn của tôi đã hùng hồn bảo đảm cho lời nói của tôi hôm nay.

Ô. Phạm Quỳnh tiếp: Có lẽ ngay trong tiệc này tôi đã thấy có rất nhiều lập trường tranh đấu chống lại chủ thuyết mà tôi hoài bão: "QUÂN CHỦ LẬP HIẾN". Nói đến quân chủ thì phần đông tỏ vẻ lo sợ chế độ chuyên chế. Nhưng xin đồng bào trương mắt nhìn hai nước Anh và Nhật. Với nền Quân Chủ họ đã văn minh tột mức và dân chủ còn hơn các nền dân chủ cộng hoà khác nhiều lắm. (...) Vua chỉ là người đứng lên "thừa hành" bản hiến pháp mà chính nhân dân toàn quốc được triệu tập dự thảo và quyết định (...)".

Sau lời Phạm Quỳnh biện hộ cho chế độ quân chủ lập hiến, đến lượt Cao Văn Sến biện hộ cho việc dùng văn minh Tây phương để tiến hành dân chủ và nhìn nhận rằng ở Nam Kỳ đồng bào tiến bộ hơn nên thực dân không dám ăn hiếp như ở Trung và Bắc. Lê Thanh Cảnh viết tiếp:

"Tôi khẩn khoản xin quý cụ là bậc tiền bối nên thảo luận ngay một kế hoạch hay hệ thống nào để làm việc cho có hiệu quả về sau. Anh Quốc nóng nẩy bảo ngay: "Thì xin chú nói ngay ý kiến của chú ra". Tôi tiếp lời: "Cũng như anh đã

trả lời cho cụ Phan mấy hôm trước đây, tôi muốn nghe ngóng tất cả để sau này áp dụng một chủ nghiã thực tiễn, lấy văn hóa Việt Nam làm gốc. Có thể mới hợp với tính tình dân tộc Việt Nam: Hành động gì bây giờ là thất bại ngay, mà cũng như cụ Phan Tây Hồ đã trịnh trọng cảnh cáo hai anh em chúng tôi mấy kỳ gặp gỡ trước đây, mà tôi rất bái phục: "Vô bạo động, bạo động tắc tử, vô vọng ngoại, vọng ngoại tắc ngu. Dư hữu nhất ngôn dĩ cáo ngộ đồng bào. Viết: Bất như "Học".

Anh Quốc quát to tiếng: "Nầy cụ Tây Hồ, nếu Cụ qua làm Toàn Quyền Đông Dương thay mặt thực dân cũng chỉ nói như thế thôi. Bó tay mà chịu lầm than sao? Không được!"

Tôi sợ anh Quốc đi quá trớn, đứng lên thưa, ôn hoà: "Tôi xin anh suy nghĩ thêm về lời khuyên của Cụ Tây Hồ. Nếu chúng ta khôn khéo thì "bất chiến tự nhiên thành".

Anh Quốc lại quát lớn: "Lại thêm chú này nữa kìa!"

Tôi được dịp kịch liệt bác bỏ luận điệu anh Quốc và bênh vực chủ thuyết của cụ Tây Hồ".

Lời lẽ trong cuộc tranh luận này được ông Cảnh ghi lại theo trí nhớ, có thể không đúng nguyên văn, nhưng phản ảnh được không khí buổi họp và xác định một số thông tin sau:

- Chủ trương trực trị của Nguyễn Văn Vĩnh dựa trên sự quan sát tình hình dân trí trong Nam cao hơn Bắc và Trung. Việc này được chứng minh qua tình hình báo chí mở rộng tại Nam Kỳ và những phong trào chống Pháp rất mạnh trên báo ở trong Nam do Nguyễn An Ninh, tiếp đến Phan Văn Trường, rồi nhóm Trốt-kít viết.

- Nguyễn Tất Thành phản đối Phan Châu Trinh bằng lời lẽ nặng nề, khác hẳn cung cách *"chú cháu"* ngày trước, nhưng lại không có phản ứng gì đối với quan điểm của Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Cao Văn Sến.

- Để bảo vệ quan niệm bạo lực cách mạng, Nguyễn Tất Thành đưa ra biểu tượng Búa Rìu, của đảng cộng sản, nhưng

lại giải thích bằng Hán tự và dùng ý nghiã Búa Rìu của Trần Cao Vân. Sau này Trần Huy Liệu cũng đề cao vai trò Trần Cao Vân nhưng bị Phan Khôi phản bác, Phan Khôi cho rằng Thái Phiên mới là người chủ chốt trong vụ vua Duy Tân, Trần Cao Vân chỉ là *"nửa là nhà nho gàn, nửa là thầy bói kiêm thầy pháp"*[776].

Những sự kiện này, mới xem qua, gần như không đáng lưu ý, nhưng sự thực nó có tầm quan trọng: Việc đề cao Trần Cao Vân là để nâng cao biểu tượng Búa Rìu của đảng cộng sản, gắn liền Búa Rìu với hình ảnh cách mạng của vua Duy Tân. Có lẽ Phan Khôi đã thấy chủ đích ấy trái ngược với sự thật lịch sử nên ông phản bác lại bằng loạt bài trên báo Sông Hương năm 1936.

Hai buổi họp mặt ở Marseille và Paris năm 1922, chứng tỏ Phan Châu Trinh muốn chia sẻ quan điểm đấu tranh của mình và tìm sự hợp tác với Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh khi về nước. Sự phản bác kịch liệt Tây Hồ của Nguyễn Tất Thành ở Montparnasse, chứng tỏ có sự đoạn tuyệt giữa Phan Châu Trinh và Nguyễn Tất Thành, từ 1922. Trong đám Ngũ Long, Ninh và Truyền là người *"rộng tình"* với Phan Tây Hồ hơn cả, có thể trong thâm tâm Ninh cũng chê Phan cổ lỗ, quá đát: "*trọn mười mấy năm ở Pháp cứ ôm bộ Ẩm Băng Lương Khải Siêu cho đến ngày về nước cũng còn đem theo tàu để lót đầu nằm*"[777]. Nhưng Ninh vẫn một lòng quý mến ông Phan, sang Pháp đón Phan về nước và chăm sóc Phan đến khi Ninh bị bắt. Cả Nguyễn Thế Truyền dù bị Phan "xỉ vả" cũng vẫn tôn kính ông Phan. Năm 1925, Phan Châu Trinh về nước tìm người thừa kế. Một câu hỏi được đặt ra: Tại sao Tây Hồ không chọn Nguyễn An Ninh? Bởi vì Nguyễn An Ninh Tây quá, sôi động quá. Phan Châu Trinh muốn một người nho học,

---

776 Phan Khôi, *Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916*, Sông Hương số 7, 1936.

777 Nguyễn An Ninh, *Vài lời nhắc nhở- Điếu văn khóc Phan Văn Trường*, Trung Lập 27/4/1933, in lại trong *Nguyễn An Ninh tác phẩm*, Văn Học, 2009, trg 1037.

điềm tĩnh, gần gụi với tư tưởng của ông hơn, và ông đã tìm thấy trong nhà nho Phan Khôi.

● Đám tang Phan Châu Trinh
Sự xuất hiện của Phan Khôi

Phan Châu Trinh chủ trương *"Ngũ Long tề khởi"* từ 1922, nhưng đến tháng 6/1925 mới về được nước, và đến tháng 3/1926 ông mất. Lê Văn Thử viết: *"Cụ Phan Châu Trinh về Sàigòn một lượt với Ninh, đương ở nhà Ninh tại Quán Tre, kẻ thăm, người viếng rần rần rộ rộ"*[778].

Nguyễn An Ninh bị bắt đêm 20/3/1926, bốn hôm sau Phan Châu Trinh mất, 24/3/1926[779]. Phương Lan Bùi Thế Mỹ thuật lại: *"Chính Đặng Văn Ký, theo sự uỷ thác của Ninh, vào tù, lo săn sóc bịnh tình cụ Phan Châu Trinh. Khi cụ Phan bịnh nặng, Ký cùng với các bạn đem dời cụ Phan lên nhà cụ Nguyễn An Cư; chú ruột của Ninh trị bịnh rồi cụ Phan mất tại đấy. Đặng Văn Ký hợp với Huỳnh Đình Điển, Phan Khôi đem cụ Phan về khách sạn Bá Huê Lầu, đường Pellerin giờ là Pasteur do Huỳnh Đình Điển là chủ nhơn khách sạn, thành lập ủy ban làm quốc táng, Phan Khôi đảm nhận viết lời hiệu triệu quốc dân. Đặng Văn Ký nhóm Jeune Annam lo liên lạc tìm đất chôn"*[780].

"Lễ quốc táng của nhà chí sĩ Phan Châu Trinh được tổ chức châu đáo vĩ đại. Quàn xác gần một tuần, tại Bá Huê Lầu của Huỳnh Đình Điển, người chen chúc vô dâng hương nhà chí sĩ không biết bao nhiêu mà đếm. Nườm nượp ra vô cả

---

778 Lê Văn Thử, *Hội kín Nguyễn An Ninh*, trang 25.

779 Xin nhắc lại: nhiều chỗ (kể cả cuốn Nguyễn An Ninh do gia đình in) ghi sai: Ngyễn An Ninh bị bắt hôm ông Phan mất. Thực ra Ninh bị bắt ngày 20/3/1926 vì tội tổ chức mít tinh tại Xóm Lách, Vườn Xoài ngày 21/3/1926 (tổ chức chứ không tham dự, vì bị bắt từ hôm trước), ở nhà bà Đốc Phủ Tài, dì ruột Ninh, buổi mít tinh đưa ra *bản quyết nghị có ba ngàn người biểu quyết,* Quyết nghị đòi Tám điểm, tương tự như Bản Thỉnh Nguyện Thư của Phan Văn Trường 1919. Bốn ngày sau, 24/3/1926, Phan Châu Trinh mới mất.

780 *Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh*, Phương Lan Bùi Thế Mỹ, trang 130.

ngày lẫn đêm. Ngày đưa đám thiên hạ trùng trùng điệp điệp từ bốn phương xa gần tụ họp tới. Sắp hàng từ đầu cầu Mống, cái cầu ở tận trên đường Thống Nhất. Câu đối, tràng hoa tiễn đưa vô số kể."[781]

Sự thành công trong việc tổ chức đám tang vĩ đại của Phan Châu Trinh là do nhiều yếu tố hợp lại, chúng tôi sẽ bàn đến trong một dịp khác. Ở đây chỉ xin nhắc đến sự đóng góp của một người, ở hậu trường, đã nổi trội, có *"công"* hơn: Nhiều dấu hiệu cho thấy từ khi về nước, Phan Châu Trinh đã tìm Phan Khôi để gửi gấm *"đại sự"*. Về việc này, Nguyễn Q. Thắng viết: *"...năm 1925 khi về nước, Phan Châu Trinh đã cho vời Phan Khôi vào Sàigòn để viết một quyển sách về đời hoạt động và sách lược cứu nước của Tây Hồ. Phan Khôi đã viết xong bản thảo có tên "Phan Châu Trinh" nhưng bị phủ toàn quyền Đông Dương cấm in. Bản thảo đã thất lạc (theo "mật báo về tác phẩm Phan Châu Trinh của Phan Khôi" của sở mật thám Nam Kỳ, gởi thống đốc Nam Kỳ ký ngày 1/6/1926). Sách "Phan Châu Trinh" dày 94 trang đánh máy, do nhà in Xưa Nay của Nguyễn Háo Vĩnh xuất bản nhưng không phát hành được"*[782].

Vậy Phan Khôi là ai?

Năm 1925, Phan Khôi chưa phải là một tên tuổi nổi trội trong giới báo chí tranh đấu như Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường. Nhưng Phan Khôi đã bắt đầu sự nghiệp làm báo với hai nhà báo lừng danh Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh, những người đã gặp Phan Châu Trinh và nhóm Yêu Nước năm 1922 ở Pháp. Phan Khôi được Phan Châu Trinh giao cho việc viết lại lịch sử đời mình.

Từ trọng trách ấy, Phan Khôi đảm nhiệm viết lời *Hiệu triệu quốc dân* dự đám tang Phan Châu Trinh.

---

781 Phương Lan Bùi Thế Mỹ, trang 164.

782 Nguyễn Q. Thắng, *Phong Trào Duy Tân, những khuôn mặt tiêu biểu*, Văn Hoá Thông Tin, 2006, trang 478.

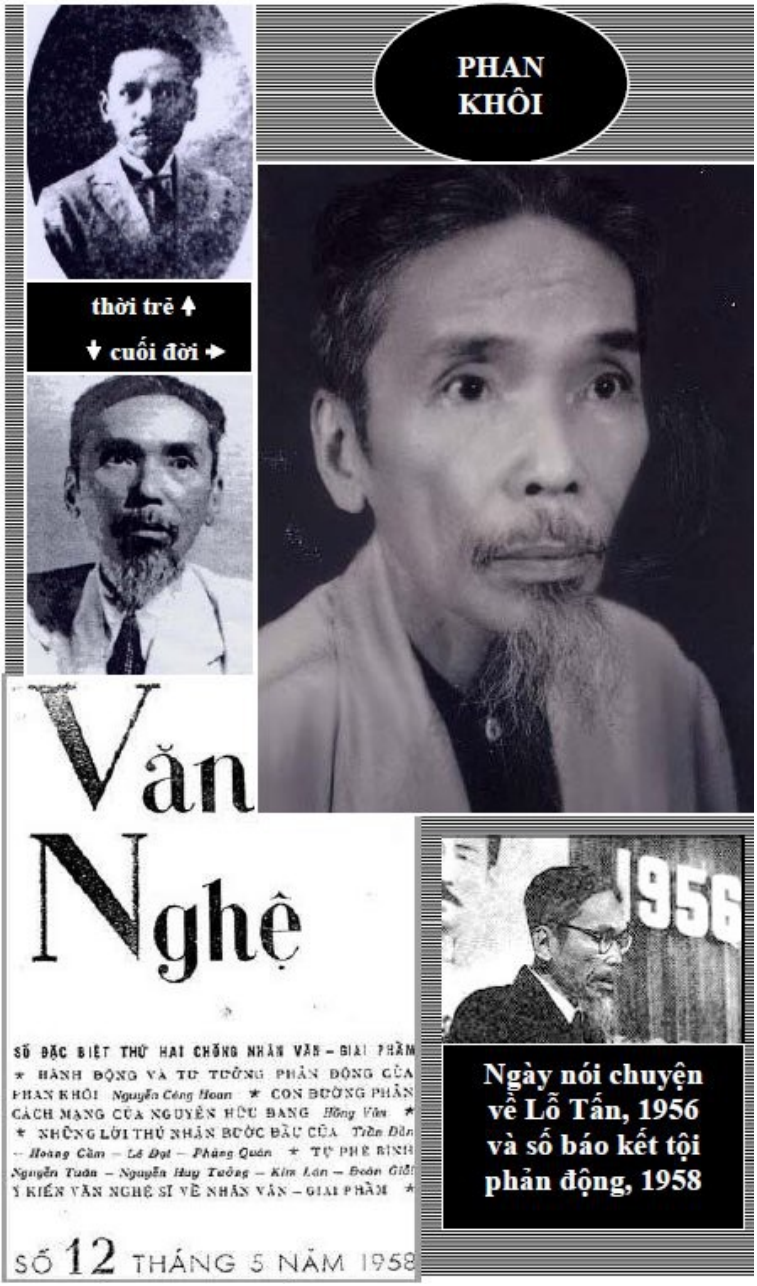

Ngày nói chuyện về Lỗ Tấn, 1956 và số báo kết tội phản động, 1958

Chương 21

Phan Khôi
(1887-1959)

I ● Sự chôn vùi Phan Khôi

Sau Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, từ thập niên 1930 Phan Khôi tiếp tục xây dựng nền móng mới cho Việt học, bằng phương pháp độc đáo: *phân tích, phê bình và phản biện,* cổ võ phải viết lịch sử cho đúng, kể cả các chi tiết nhỏ. Phải viết tiếng Việt cho đúng từng câu, từng chữ, từng chữ cái, từng chấm, phẩy. Phải dùng từ Việt và từ Hán Việt cho thích hợp. Phải hiểu Khổng học cho đúng. Sự tìm hiểu nguồn gốc ngôn ngữ và triết học Tây phương đi từ Thánh Kinh. Nữ quyền bắt đầu với Võ Tắc Thiên. Phan Khôi luôn luôn tìm đến nguồn cội để giải thích vấn đề. Là một nhà báo, nhưng không phải nhà báo bình thường. Là một học giả, nhưng không phải học giả cổ điển chỉ biết nghiên cứu. Phan Khôi là khuôn mặt *học giả phản biện* duy nhất của Việt Nam trong thế kỷ XX. Nhưng sự nghiệp văn học của Phan Khôi bị chôn vùi trong gần nửa thế kỷ[783].

---

783 Phan Khôi bị cấm ở miền Bắc từ 1958 đến 1975 và sau 75, trên toàn thể đất nước. Khi chúng tôi đến gặp ông tại nhà, Tạ Trong Hiệp chỉ vào tập ronéo cao vài thước, và nói: *"Tôi đã xin được của Thanh Lãng, lúc đó còn là giáo sư đại học văn khoa Sài Gòn đã sưu tầm những bài viết trên báo xưa, bỏ tiền thuê người đánh máy, cho sinh viên học, trong đó có khoảng 5, 6 trăm trang của Phan Khôi viết trên Phụ Nữ Tân Văn. Thế nào chúng ta cũng phải đọc và giới thiệu Phan Khôi với giới trẻ ngày nay trong nước, vì họ chẳng biết gì về ông này cả!* (...) *Nếu tôi có can đảm viết, có thì giờ, và tôi không đau ốm quá, thì tôi sẽ*

♦ Tạ Trọng Hiệp: Phan Khôi, người xa lạ

Tạ Trọng Hiệp là người đầu tiên ở hải ngoại, đặt vấn đề nghiên cứu lại Phan Khôi trong buổi trả lời phỏng vấn RFI năm 1996[784]:

"Tôi gọi Phan Khôi là Người xa lạ, vì từ những năm 56, 57 trở đi, qua hiện tượng đấu tranh của nhóm NVGP, thì sau đó có một cuộc đàn áp ghê gớm của nhà cầm quyền Hà Nội. Và từ đó đến nay, đã có rất nhiều thay đổi về tình hình trong nước (...) đã gần như không còn chỉ thị cấm kỵ gì nữa. Nhưng hình như với riêng một số người -chứ không phải toàn bộ- cứng đầu nhất trong NVGP, trong đó có Phan Khôi, thì những cấm kỵ ấy vẫn còn, còn dưới nhiều hình thức lắm. Thứ nhất là không nói đến Phan Khôi. Không nói đến Phan Khôi, làm như là không có hiện tượng Phan Khôi. Phan Khôi không xuất hiện ở trên trái đất này.

Nhưng tìm nhiều thì thấy có một vài trường hợp không thể tránh khỏi, nên miễn cưỡng, họ phải làm ra một tiểu sử về Phan Khôi. Trong một cuốn sách ra cũng lâu lắm rồi, từ năm 1972, tập 2 bộ Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam, ở mục số 50, có một trang rưỡi dành cho Phan Khôi. Nội dung bài viết và phong cách câu văn làm ta sống lại những năm chung quanh vụ đàn áp NVGP, mà đỉnh cao là về sau, xuất hiện dưới hình thức một cuốn gọi là "Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận", in năm 1959 (...) Người nào có cuốn ấy thì thấy trong đó có ba, bốn bài gì đó, tập trung nện cụ Phan Khôi bằng đủ mọi cách, bằng những bịa đặt rất là bẩn thỉu, để chứng minh rằng ngay từ khi còn thiếu niên, Phan

---

viết về Phan Khôi, và sẽ đặt nhan đề là Phan Khôi: Người Xa Lạ". Năm 1995, sưu tập của Thanh Lãng được in lại dưới tiêu đề *13 năm tranh luận văn học* (Văn Học, tp Hồ Chí Minh). 1996, cuốn *Chương Dân thi thoại*. 2001, cuốn *Nhớ cha tôi* của Phan Thị Mỹ Khanh; và 2003 Lại Nguyên Ân bắt đầu xuất bản loạt *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1928,* tất cả do cố gắng của nxb Đà Nẵng.

784 Thu thanh 10/7/1996, phát trên RFI tháng 12/96 sau khi ông qua đời về bệnh ung thư ngày 25/10/1996 tại Paris.

Khôi đã là người không ra gì. Và người viết không phải là người lơ tơ mơ đâu, đây là những người nổi tiếng có cá tính bướng bỉnh và có tinh thần phê phán rất ghê gớm như Nguyễn Công Hoan. Nếu tôi là con cháu Nguyễn Công Hoan, thì có lẽ lúc này tôi sẽ tìm những nơi nào có cuốn sách đó, đốt đi, để xóa một giai đoạn không tốt cho Nguyễn Công Hoan[785].

Còn riêng cá nhân tôi, Tạ Trọng Hiệp, thì tôi lại chủ trương ngược lại: Nhân dịp ta ra 1 hay 2 đặc san về Phan Khôi, thì cũng nên in lại vài bài, kiểu bài của Nguyễn Công Hoan hay là của một vài người khác đã viết về Phan Khôi, để ta nhớ lại, nhất là để giáo dục thanh niên ngày hôm nay, là đã có những thời gian mà trình độ văn hóa và đạo đức trong nước nó sa đọa đến một cái mức thấp mà không ai có thể ngờ được. Đây có tính cách giáo dục, mở đường cho tương lai. Ngày hôm nay thì những cấm kỵ, phần lớn đã được bỏ rồi. Nhưng mà người ta vừa bỏ cấm kỵ, vừa muốn cho chúng mình nghĩ rằng trong quá khứ có một vài sự hiểu lầm chứ chẳng bao giờ sa đọa đến nỗi bẩn thỉu như thế. Đấy là chuyện nó cắt nghĩa tại sao tôi muốn gọi cụ Phan Khôi là người xa lạ. (...) Tôi tiếp tục cái ý Phan Khôi, người xa lạ là người ta hình như cố tình xóa dấu vết về Phan Khôi".

Tạ Trọng Hiệp đưa ra bằng chứng về luận điểm này:

1/ Sự cố tình xoá tên Phan Khôi

"Một bằng chứng rất gần đây là Phan Khôi trong những năm 30 có một số bài tranh biện với cụ Trần Trọng Kim (...) Những bài của cụ Kim đáp lại Phan Khôi được nhà xuất bản Tân Việt, khi in cuốn Nho Giáo lần thứ 3, cho vào phần Phụ Lục.(...) *Bây giờ, muốn xóa dấu vết Phan Khôi cho tốt, là ta bỏ phắt cái Phụ Lục đi. Và quả nhiên, năm 1991, khi tái bản Nho Giáo ở Sài Gòn, người ta bỏ hẳn phần Phụ Lục ấy. Ta có thể đọc hết cuốn Nho Giáo mà vẫn không biết là*

785 Bài của Nguyễn Công Hoan không đưa vào *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận,* Tạ Trọng Hiệp nhầm với bài *Một nhà nho "tiết tháo": Phan Khôi* của Phùng Bảo Thạch, được đưa vào, trang 75-81.

Phan Khôi đã giới thiệu, đã có công rất lớn để giúp cho cuốn Nho Giáo của Trần Trọng Kim được giới có học, tạm gọi là trí thức hồi đó, tìm đọc. Và nhờ những biện luận của Phan Khôi mà có một số điểm sai lầm trong Nho Giáo được sửa lại. Như vậy là riêng về một tác phẩm mà Phan Khôi có công, và cái công đó đã hoàn toàn bị xoá bỏ, khi người ta tước cái phần phụ lục ấy đi".

2/ Về nhà văn Sở Cuồng Lê Dư, em rể Phan Khôi

"Ông Vũ Ngọc Phan, tác giả bất hủ của bộ Nhà Văn Hiện Đại mà tôi cũng như mọi người mang ơn rất nhiều trong thời còn trẻ (...) Những năm cuối đời, có đủ thì giờ, ông viết hồi ký rất tường tận. Đặc biệt ông dành riêng gần 100 trang để tả lại cái buổi ban đầu lưu luyến ấy, ông được gặp người yêu của ông và sau ông cưới làm vợ. Đó là cô Hằng Phương, người có quan hệ gia đình với Phan Khôi.

Tại sao tôi nhớ đến Vũ Ngọc Phan khi nói về Phan Khôi? Tôi muốn đưa ra một minh họa, đố ai chối cãi, rằng người ta cố ý, hay là quá sợ, người ta không dám nói đến Phan Khôi: Ông Vũ Ngọc Phan, nhà anh hùng văn hóa này, ông anh hùng đến nỗi kể về cô gái đẹp như tiên, ông tả Hằng Phương tóc dài mượt. Cái gì cũng đẹp cả. Thế thì bố cô Hằng Phương là ai? Đọc hết cả tập hồi ký của Vũ Ngọc Phan nhan đề Những Năm Tháng Ấy (...) cả thẩy 423 trang (...) vẫn không biết ông ấy tên là gì! Ông bố của Hằng Phương là nhà văn Sở Cuồng, tên thật là Lê Dư!

Lê Dư, hồi trẻ, có một giai đoạn bồng bột, nghe theo tiếng gọi của nhiệt huyết yêu nước, xuất ngoại Đông Du.(...) Vì đói quá, ông chuồn về Việt Nam. Và lại gặp lúc mật thám Pháp đang tìm cách dụ những người trí thức chống đối, về làm việc với nó, vì nó đang muốn mở ra một lối thoát cho trí thức nho học duy tân: Các anh đi con đường chống chúng tôi thì chết; nhưng nếu các anh đừng chống chúng tôi, mà lại có một hoạt động văn hóa, có lợi cho cả các anh lẫn chúng tôi,

thì các anh sống được. Tức là bằng sự mở tờ Nam Phong. Một người có tư tưởng ôn hòa như Phạm Quỳnh đứng chủ trương. Cụ Lê Dư về được bổ nhiệm làm chủ bút, giữ phần Hán văn của Nam Phong[786]*. Thì chỉ vì những năm đó mà về sau Lê Dư bị mang một nhãn hiệu -sau khi Cộng Sản lên cầm quyền- gần như là một người phản cách mạng. Cho nên Lê Dư cũng bị một số phận -tuy không nặng bằng Phan Khôi, nhưng cũng gần như thế.(...)- là trong bộ sách quý báu mà tôi hay dùng,* Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam, tập II, *ở mục số 19, có một tiểu sử Lê Dư, mà người cán bộ viết sách đó, lúc đó đang sống ở Hà Nội, có con gái cụ Lê Dư là bà Hằng Phương, con rể cụ Lê Dư là ông Vũ Ngọc Phan, con gái út cụ Lê Dư là vợ tướng Nguyễn Sơn, còn đang sống lúc bấy giờ ở giữa Hà Nội, mà họ dám viết tiểu sử Lê Dư bằng hai câu đầu như thế này:* Không biết năm sinh và năm mất ở đâu. *Lúc đó, cụ Lê Dư đang sống phây phây ở giữa Hà Nội (...) Vợ ông Lê Dư là em ruột Phan Khôi (...) tôi rất bất mãn khi ghi chép tiểu sử người ta, mà cứ giấu cái này, giấu cái kia. Nhất là cuốn hồi ký của Vũ Ngọc Phan, là người tôi mến trọng ngày xưa bao nhiêu, thì sau khi đọc cuốn hồi ký, tôi mất đi nhiều thiện cảm với ông ấy, chỉ vì cái chuyện hèn nhát của ông ấy: Tên bố vợ không dám nói, chỉ nói ông cụ làm ở Bác Cổ (...) Suốt mấy chục trang nói về ông bố của người mà mình sắp đến xin cưới con gái, không dám nói đến tên ông cụ là Lê Dư!*

3/ Về cụ Phan Trân, cha Phan Khôi

"Điểm thứ ba, khi nói về tên ông ngoại của vợ mình là cụ Phan Trân. Trong suốt cả cuốn hồi ký, mỗi lần nhắc đến cụ thì cứ gọi cụ là cụ Phan Trần.(...) Ai có cuốn sách Những Năm Tháng Ấy của Vũ Ngọc Phan: Tên cụ là Phan TRẦN *chứ không phải* Phan TRẦN**.** *Và qua sự chắp nối với một vài điều đọc ở chỗ khác, thì dần dần tôi thử phác họa Phan Khôi là con cái nhà ai, sinh năm nào? Ở đâu? Đấy, cái này đã bắt*

786 Lúc đầu Nguyễn Bá Trác làm chủ bút phần Hán Văn. Lê Dư cộng tác sau.

tôi bỏ ra nhiều thời gian tìm kiếm, nó là khía cạnh khiến tôi đi đến một quyết định là nếu viết bài, thì tôi đề tựa: Phan Khôi Người xa lạ? *Với một dấu hỏi rất lớn vì quả thật là gốc gác, lý lịch và dấu vết về đời cụ Phan Khôi ngày nay gần như bị xoá hết cả rồi"*[787].

Tạ Trọng Hiệp qua đời ba tháng sau khi nói những lời *"thịnh nộ"* này. Đó là năm 1996.

Năm 2010, Lê Hoài Nguyên[788] cho biết tình trạng chung như sau: *"Tại miền Bắc cuốn "Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận" là tài liệu duy nhất tập hợp các bài tổng kết phê phán chính thống về NVGP. Một số người nghiên cứu do không có tư liệu, thường dựa viết theo cuốn này khi phải nói về giai đoạn 1954-1960 (...) Hầu như toàn bộ các thế hệ sau không biết mặt mũi các ấn phẩm NVGP là thế nào, người ta chỉ lặp lại các luận điệu chính thống mỗi khi nói về nó. (...) Ở một số cuốn hồi kí khi đến giai đoạn này người ta chỉ lướt qua một vài dòng, kể cả hồi kí của Đào Duy Anh, Vũ Đình Hoè, Gia đình Phan Khôi, Vũ Ngọc Phan, Tố Hữu... Nghĩa là việc nói lại một cách rành mạch về NVGP vẫn còn là một việc cấm kỵ hoặc ít ra là khó nói!"*

Và ông kết luận: "*Trong một xã hội đã kéo dài hơn nửa thế kỷ về sự mê muội dân trí, về sự độc tài về chính trị, sự lừa dối, sự đầu độc để có sự đồng thuận về vụ NVGP và các nhân vật của nó thật khó như đáy bể mò kim… Nhưng trong đêm tối không phải không có những người đã nhìn thấy ánh sáng của chân lý. Sẽ có nhiều người phản đối tôi. Nhưng chẳng lẽ cứ im lặng mãi. Mỗi người chỉ là một góc của thế giới, và người ta bị thôi miên nữa, người ta cả tin. Tôi nghĩ đau khổ nhất của con người là đánh mất lý trí, là không hiểu, không thấy được thế giới thật đang ở bên mình. Họ đã*

---

787 Tạ Trọng Hiệp trả lời phỏng vấn RFI, phát thanh những ngày 15, 22 và 29/12/1996.

788 Nhà thơ Lê Hoài Nguyên tên thật là Thái Kế Toại, nguyên Đại Tá công an, trực thuộc A 25, đặc trách NVGP.

sống và tàn sát đồng loại và tự biện minh bằng một cái mục đích hão huyền vô nhân tính. Vào những năm đầu đổi mới, tôi đã viết trong bài thơ Thế giới đang tồn tại: "Bi kịch thay cho những dân tộc chỉ tin vào những thần tượng, những tín điều""[789].

Đây là bài viết công khai đầu tiên của một người trong ngành công an, đã từng có trách nhiệm trong hơn 20 năm về hồ sơ NVGP. Một bài viết can đảm. Không những có những thông tin đúng đắn, những nhận định ngay thẳng, mà còn đòi hỏi sự sòng phẳng với quá khứ về mặt văn học và lịch sử.

Hoạ sĩ Trần Duy, trong bài *Tưởng niệm về Phan Khôi*, viết nhân dịp kỷ niệm 120 năm sinh Phan Khôi 6/10/1887-6/10/2007[790] viết: *"Ông Phan Khôi không còn nữa, nỗi oan khuất của đời ông vẫn chưa có người giải!(...) nỗi oan của Phan Khôi, cái mà ông quý nhất, gìn giữ nhất là phẩm giá, thì đã bị bôi nhọ, bị chà đạp. Ai là người minh giải?"*[791].

♦ Đánh Phan Khôi, các văn bản ô nhục

1/ Rồng Nam phun bạc

Trong cuốn *Lược truyện các tác gia Việt nam,* quyển II, in năm 1972, của Trần Văn Giáp, Nguyễn Tường Phượng, Nguyễn Văn Phú, Tạ Phong Châu, mục từ số 50, có đoạn như sau: *"Phan Khôi đã được Mác-ty (Marty) gọi ra làm việc cạnh nó và viết báo Nam Phong. Trong phòng kín, Phan đã bí mật tố giác một số nhân sĩ yêu nước và bí mật hiến mưu dập tắt phong trào cách mạng"... Trong tạp chí Nam Phong, Phan đã viết những bài văn và bài thơ lừa dối, kêu gọi "dân An Nam" dốc túi ra lấy tiền để đánh đổ "Đức tặc" giúp đỡ nước "bảo hộ" Pha-lang-xa đã không quản trùng dương muôn dặm*

---

789 Lê Hoài Nguyên, *Vụ Nhân Văn- Giai Phẩm từ góc nhìn một trào lưu tư tưởng dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành,* mạng *nguyentrongtao* tháng 8/2010.

790 Bài của Trần Duy không được đọc trong buổi lễ.

791 Trần Duy, *Tưởng niệm về Phan Khôi* đăng trên Talawas ngày 18/6/2008.

đem "văn minh" sang gieo rắc ở cái đất An-nam "hèn yếu hủ lậu này"... Phan đã tuyên truyền rầm rộ cho giặc dưới cái nhãn hiệu phỉnh nịnh là "Rồng Nam phun bạc".

Những việc làm của Phan Khôi "đã đẹp lòng bọn mật thám Mác-ty nhưng chỉ đem lại cho sĩ phu hồi đó sự căm giận khinh bỉ. Phan Khôi là một nhà Nho không những không có sĩ khí văn phong gì, mà đã tụt xuống bại vong quốc nô vô sỉ" (Xem bài Một nhà nho "tiết tháo": Phan Khôi của Phùng Bảo Thạch, đăng trong tập "Bọn Nhân Văn - Giai Phẩm trước toà án dư luận" Nhà xuất bản Sự Thật, 1969, trang 76, 78). (...) Nhóm phá hoại Nhân Văn - Giai Phẩm đã bị vạch mặt và bị dư luận phê phán nghiêm khắc. Cuộc đời nhơ nhớp, phản bội cách mạng của Phan Khôi lần này được phơi bày ra ánh sáng. Hai năm sau, 1960, Phan Khôi chết ở Hà Nội"[792].

Đó là Phan Khôi, trong *Lược truyện các tác gia Việt Nam,* 1972*,* hoàn toàn trích dẫn bài viết của Phùng Bảo Thạch. Ngày nay, *Từ điển Bách khoa*, mục từ *Pháp Việt đề huề,* cũng vẫn chép lại câu của Phùng Bảo Thạch: *Báo Nam Phong của Phạm Quỳnh đưa ra khẩu hiệu "Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc".*

Trong số những bài đánh Phan Khôi, bài của Phùng Bảo Thạch tồi tệ nhất, nhưng lại có ảnh hưởng sâu rộng và dài lâu nhất, tại sao? Vì bài này được in trong cuốn *"Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận"* và đến 2010, theo Lê Hoài Nguyên, người ta vẫn còn dựa vào cuốn này khi phải viết về giai đoạn 1954-1960. Phùng Bảo Thạch là một trong ba người sáng lập báo *Đông Tây* (1929-1932)[793] mà Phan Khôi cộng tác năm 1930-1931, tức là *"bạn đồng hành"* của Phan Khôi thời trẻ, cho nên là người *"có thẩm quyền hơn cả"* khi viết về Phan Khôi.

---

792 *Lược truyện các tác gia Việt nam,* quyển II, của Trần Văn Giáp, Nguyễn Tường Phượng, Nguyễn Văn Phú, Tạ Phong Châu, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1972, mục từ Phan Khôi, số 50, trang 141.

793 Cùng với Hoàng Tích Chu và Tạ Đình Bính, cha của Tạ Trọng Hiệp.

Chúng tôi tìm đọc Nam Phong, thấy bìa sau phần chữ Hán có hình một con rồng phun lên hai chữ *Nam Phong*; còn trong những bài tiếng Việt mà Phan Khôi viết trên Nam Phong, thì tuyệt nhiên không thấy khẩu hiệu "*Rồng Nam phun bạc*" và cũng không thấy bài văn, bài thơ nào *kêu gọi "dân An Nam" dốc túi ra lấy tiền để đánh đổ "Đức tặc"*. Tìm đọc những bài Phan Khôi viết trên báo khác, thì thấy một bài hài đàm có tên *Rồng Nam*, viết năm 1929 trên báo Thần Chung, trong đó Phan Khôi nói phiếm đại ý: cái tên nào có chữ Nam, hay bị xui. Không biết tay Lang-Sa nào xỏ lá, Siam thì nó gọi là Siamois; Cambodge là Cambodgien, chỉ có Annam thành *Annamite*. Vần *ite* sau chót chỉ dân bán khai. Vậy mà cũng không hẳn xui đâu, vì Phan nhớ lại hồi thế chiến *"chánh phủ mở cuộc quốc trái ở nơi mấy cái cáo thị dán cùng đường, thì có con rồng, dưới lại đề chữ: "Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc". Đức bị đánh đổ không chưa biết, chớ rồng Nam lúc đó phun bạc thiệt nhiều!"*[794]

Thì ra người ta đã lấy "*cái cáo thị dán cùng đường, có con rồng, dưới lại đề chữ: "Rồng Nam phun bạc đánh đổ Đức tặc",* đổ cho Phan Khôi và nhóm Nam Phong, để có cớ lôi Phan Khôi xuống bùn. Trong cuốn *Lược truyện các tác gia Việt Nam,* có ba học giả bị kết án nặng nhất, nhưng Nguyễn Văn Vĩnh -mục từ 24- chỉ bị coi là thân Pháp. Phạm Quỳnh -mục từ 48- dù bị thủ tiêu, cũng chỉ bị coi là *"tay sai đắc lực của đế quốc Pháp trong lãnh vực văn hoá và một tên Việt gian lợi hại chống cách mạng"*.

Phan Khôi bị bôi nhọ một cách bỉ ổi hơn cả.

Như vậy, sự bôi nhọ Phan Khôi được chuẩn bị một cách hệ thống, chắc chắn phải do lệnh từ trên cao nhất của lãnh đạo. Hồ Chí Minh lúc ấy là chủ tịch kiêm tổng bí thư. Trường Chinh đã từ chức từ tháng 10/1956 và Tố Hữu không đủ thẩm

---

794 Phan Khôi, *Rồng Nam*, Thần Chung số 38 (2/3/1929), sưu tập Lại Nguyên Ân.

quyền để đánh Phan Khôi. Chiến dịch này dùng những học giả, nhà văn, nhà báo lão thành như Hồng Quảng, Nguyễn Đổng Chi, Nguyễn Công Hoan, Phùng Bảo Thạch, Trần Văn Giáp...

Hồng Quảng là tên giả của một trong những *học giả hàng đầu,* là người chủ chốt. Bài *Tính chất Phan Khôi hay ngựa quen đường cũ* ký tên Hồng Quảng đăng trên Văn Nghệ số 11 tháng 4/1958, là bài chỉ đạo: Trầm tĩnh, lịch sự tối thiểu, không mày tao, chi tớ, có lúc còn gọi Phan Khôi là tiên sinh, dù trong nghiã mỉa mai, nhưng dần dần tiệm tiến *"chứng minh"* Phan Khôi là kẻ *"phản quốc"*. Lập luận chính: *"Phan Khôi chỉ học mót của Hồ Thích chứ không có tư tưởng gì cả"*. Hồng Quảng là *"thủ trưởng"* vụ đánh Phan Khôi, nhưng viết bài mà không dám ký tên thật luôn luôn là một hành động phức tạp: ở những kẻ có *"tên tuổi",* đây là hành động *"kẻ cả",* tỏ mình là *"bề trên",* không nhúng tay vào những việc bẩn. Nhưng đồng thời cũng chứng tỏ tác giả không tin vào điều mình viết, thậm chí còn xấu hổ nữa, nên không dám ký tên thật. Là ai chăng nữa, thì việc ký tên giả luôn luôn chứng tỏ người viết là kẻ tráo trở hai mặt, ném đá giấu tay. Tên giả thường chỉ xuất hiện trong một *"vụ việc"* nào đó, rồi hết. Khác với việc nhà văn dùng nhiều bút hiệu để phân biệt lối viết và cách trình bày tư tưởng khác nhau của mình trên mặt báo.

Sự chỉ đạo của Hồng Quảng được Nguyễn Đổng Chi gián tiếp nói ra: *"Khi viết bài này, bạn Hồng Quảng ở tạp chí Văn nghệ (số 11) đã vạch cho ta thấy Phan Khôi "không phải độc lập sáng tạo" mà chỉ học mót lại những cái Hồ Thích đã nói từ lâu. Đúng thế. Phan Khôi là một tên học trò vụng về của Hồ Thích, mà Hồ Thích thì là một tên lính xung phong của thực nghiệm chủ nghĩa hay thực dụng chủ nghĩa của giai*

cấp tư sản phản động của đế quốc Mỹ do bọn Đi-uy (Dewey), Ram (James) và Mát (Mach) v.v… sáng tạo"[795]

Một chi tiết nhỏ trong lời của Nguyễn Đổng Chi: Hồng Quảng đã *"vạch cho ta"* chứng nhận tính cách chỉ đạo của Hồng Quảng và bài của Nguyễn Đổng Chi chỉ lập lại hai ý chính của Hồng Quảng: *"Phan Khôi học mót của Hồ Thích"* và *"Phan Khôi có bộ óc dương nô"* -nô lệ Tây Phương- của Hồng Quảng, để buộc Phan vào tội *"vong bản, phản dân tộc"*. Ngày nay, nếu có phương tiện, cũng nên xác định xem Hồng Quảng, kẻ chỉ đạo việc đánh Phan Khôi trong giới học giả là ai, để hoàn lại cho người viết, cái trách nhiệm văn bản của mình. Bởi người cầm bút luôn luôn phải chịu trách nhiệm về những điều mình viết.

2/ Phan Khôi có "học mót" của Hồ Thích không?

Theo các *"học giả"* nói trên, thì những chủ đề Phan Khôi đưa ra trên báo, từ thời Phụ Nữ Tân Văn (1929) đến Sông Hương (1936) đều là *"học mót"* của Hồ Thích cả. Vậy chúng ta thử xem Phan Khôi viết gì về người thày quý hoá này?

1/ Trong bài *"Lý với thế: Hồ Thích với Quốc dân đảng"*, năm 1929, Phan Khôi viết: *"Trong thời cuộc nước Tàu độ mười lăm năm trở lại đây, phải kể Hồ Thích là một người quan hệ lắm, quan hệ cả về mặt văn hóa và về mặt chánh trị. Thế mà mới ba năm gần đây, Hồ trở nên một người không hợp với thời cuộc, trái với dư luận, ấy là tại **va** gặp cái thế của Quốc Dân Đảng.*

*Độ Dân Quốc gây dựng được năm bảy năm chi đó, Hồ Thích bắt đầu xướng ra cái thuyết dùng bạch thoại thế cho văn ngôn, làm cho văn thể nước Tàu biến đổi ngay và từ đó tư tưởng người Tàu cũng phát đạt mau. Hồ là một tay Hán học uyên thâm mà lại đậu Tấn sĩ văn khoa nước Mỹ, bấy giờ **va** chỉ viết báo mà cổ động sự cải cách văn thể chớ đích thân **va***

795 Nguyễn Đổng Chi, *Quan điểm phản động, phản khoa học của Phan Khôi phải chăng là học mót của Hồ Thích*? Tập san nghiên cứu Văn Sử Địa, Hà Nội, số 41, tháng 6/1958, tài liệu Talawas.

thì còn ở bên nước Mỹ chưa về. Lúc đó bọn thanh niên nước Tàu trông ***va*** *về lắm, trông* ***va*** *về để làm người lãnh tụ dìu dắt bọn thanh niên lên trong đường cải cách.*

Khi ***va*** *về, trường Đại học Bắc Kinh liền rước làm thầy giáo (professeur) dạy khoa triết học. Ở đó vài năm,* ***va*** *làm được một cuốn "Trung Quốc triết học sử đại cương" là sách rất có giá trị trong học giới Tàu ngày nay"*[796].

Phan Khôi gọi Hồ Thích bằng **va.** Trích đoạn này có 7 chữ ***va. Va*** là có ý coi thường. Không ai gọi thầy mình là ***va*** cả. Phan Khôi gọi Trần Quý Cáp là *thầy tôi;* Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của là *đại sư;* gọi Lương Khải Siêu, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh (kém Phan 5 tuổi), là *tiên sanh*.

Bài viết có giọng của một người đàn anh (Phan hơn Hồ 4 tuổi) khen người đàn em, tuy trẻ tuổi mà đã nổi đình đám lắm, nhưng cũng chê Hồ không ít. Phan viết về một bữa tiệc ở Thượng Hải: *"Hồ, chừng như cho mình là nhà triết học ngôn luận phải khác chúng mới được, bèn đứng lên nói một cách sỗ sàng. Đại lược va nói rằng thành phố phải độc lập về đường chánh trị (...) Va nói như vậy có gì lạ đâu, chẳng qua theo cái phép đô thị tự trị thì phải như vậy. Mới rồi các ông hội đồng quản hạt ta nói về việc tự trị của thành phố Vũng Tàu cũng nói như vậy mà có ai cãi? Cho nên khi Hồ nói xong thì có ý tự đắc".*

Không ai *"nhận định"* về *"người thầy tư tưởng"* của mình bằng một bài viết như thế.

2/ Tóm lại, việc Phan Khôi viết văn tự nhiên và rành mạch, không phải do ông *học mót của Hồ Thích* việc *dùng bạch thoại*. Trong bài trả lời phỏng vấn Phan Thị Nga[797], Phan

---

796 *Lý với thế: Hồ Thích với Quốc dân đảng,* Đông Pháp thời báo, Sài Gòn, số 807 (18/12/1928), Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1928, sưu tập Lại Nguyên Ân, trang 123-124.

797 Phan Thị Nga (vợ Hoài Thanh), *Lối tự học của những bậc đàn anh nước ta*, Hà Nội Báo, số 10 (11/3/1936). In lại trong *13 năm tranh luận văn học*, tập I,

Khôi cho biết: nhờ nghiên cứu cái *logique* trong tiếng Pháp, nên từ khi viết cho *Đông Pháp thời báo*, tức là từ 1925 trở đi, ông viết theo lối này.

Ngoài ra, từ 1922 trở đi, Phan giao du và chịu ảnh hưởng của nhóm trẻ Nguyễn An Ninh kém Phan 13 tuổi, Dejean de la Bâtie dạy Phan tiếng Pháp, Bùi Thế Mỹ cùng quê... là những người bạn làm báo, học trường Tây. Nhưng nguyên nhân sâu xa, có thể là Phan đã học lối viết *hài đàm* của Nguyễn Văn Vĩnh trên *Đăng Cổ Tùng Báo*, và ông đã áp dụng lối văn trong sáng này trong bản dịch Kinh Thánh từ năm 1920-1925 - *chúng tôi sẽ phân tích văn bản Kinh Thánh ở phần dưới.*

3/ Tại sao người ta lại chọn Hồ Thích để gán cho Phan Khôi? Vì lý do chính trị: Hồ Thích (1891-1962) được đào tạo ở Mỹ. 1910, đi du học rồi đậu tiến sĩ Ph.D. 1918, về nước. 1938, làm đại sứ cho Tưởng Giới Thạch tại Mỹ.

Gán cho Phan Khôi *"học mót"* Hồ Thích, để đi đến kết luận: Phan Khôi phản quốc, trước làm bồi Tây, sau bồi Mỹ.

Việc triệt hạ Phan Khôi ở các học giả, nếu dùng chữ của Phan Khôi, thì đó là cách hạ độc thủ của *"các bạn đồng chí, những người quân tử"*.

Năm 1928, khi nói đến việc Hồ Thích bị bọn đồng chí trong Quốc Dân Đảng hạ thủ, Phan Khôi viết: *"Thà chịu cái độc thủ của kẻ cường quyền, của bọn tiểu nhân; không thà chịu cái chó má của bạn đồng chí, của người quân tử!"*

Ba mươi năm sau, 1958, Phan Khôi bị rơi vào đúng trường hợp của Hồ Thích.

3/ Đặt tên con là Phan Lang Sa

Chiến dịch đánh Phan Khôi được tổ chức khá quy mô, sử dụng những người có tiếng hiền lành như Nguyễn Đổng Chi, Tế Hanh, vừa dễ sai bảo, vừa được quần chúng tin cậy.

Văn Học tp Hồ Chí Minh, 1995, trang 255-159.

Tế Hanh là người được chọn đi cùng với Phan Khôi sang Trung Quốc nhân dịp kỷ niệm 100 năm Lỗ Tấn, 1956.

Tế Hanh đã làm những câu thơ như sau:

Chống Pháp lại đi ôm đít Pháp
Chửi vua rút cuộc liếm giầy vua
Há mồm lại nói nền dân chủ
Đạo đức ba que quả trái mùa[798]

Trong bài *"tường trình"* về chuyến đi Trung quốc, Tế Hanh kể rặt tội Phan Khôi trong suốt chuyến đi: *lúc nào cũng tìm cách nói xấu đảng. Nhưng còn một việc tệ hơn nữa: Phan Khôi đặt tên con trai út là Phan Lang Sa, vì mong Pháp trở lại*. Trong bài tự trào, gửi cho gia đình từ Việt Bắc, năm 1949, Phan viết:

Hai nhà cộng lại có mười con
Năm gái năm trai nhắm cũng giòn.
Gả cưới tạm yên nguyền một nửa
Sữa măng riêng mũi máu ba hòn
Tư trào thôi hẳn đành chia rẽ
Nhân cách còn mong được vẹn tròn
Bé nhất Lang Sa mới ba tuổi
Tên mầy ghi cái nhục sông non[799]

Bài này nói lên gia cảnh và ý chí của Phan Khôi: Hai vợ, mười con. Một nửa đã lập gia đình. Ba con vợ hai còn nhỏ. Vì theo tư trào -chỉ cách mạng- mà phải chia lìa. Mong giữ vẹn toàn nhân cách. Con bé nhất ba tuổi, đặt tên là Lang Sa - Pháp để ghi *"cái nhục sông núi"* (mất nước). Tinh thần bài thơ đi đôi với lời Phan thường chỉ trích những hạng người *"vong bổn",* mới đi Tây vài năm mà đã khoe là quên hết tiếng Việt; hoặc không biết tiếng Tây mà cũng đặt tên con là *Trần thị Tờ roi*, *Trần văn Xết*[800].

---

798 Thơ họa "Con rùa đá" của Tế Hanh - 1957.

799 Phan Thị Mỹ Khanh, *Nhớ cha tôi*, nxb Đà Nẵng, 2001, trang 161.

800 Phan Khôi, *Cái thói nói tiếng Lang Sa*, Đông Pháp thời báo, số 733 (19/6/1928).

Nhưng Tế Hanh đã *"thuật"* lại rằng nhân dịp ghé Nam Ninh thăm người con học ở đây tên là Phan Lang Sa, Phan Khôi *"nói"* với ông như sau:

"Thằng này sinh ngày 9 tháng 3 năm 1945. Ngày Nhật đảo chính Pháp. Tôi đặt tên nó để cho những người nào vui mừng việc Nhật lật Pháp biết là Pháp sẽ trở lại cho coi".

Và Tế Hanh kết tội: *"Phan Khôi đã đáp lại lòng thù ghét của nhân dân ta đối với thực dân Pháp như thế. (...) Chỉ có một tâm hồn vong bản loại Phan Khôi mới mong Pháp trở lại mà thôi"*[801].

Như vậy đủ biết sự xuyên tạc và vu khống, từ những ngòi bút có tiếng hiền lành, chân thực có tác động nguy hiểm như thế nào. Bao nhiêu kẻ khác đã chép lại giai thoại bịa ấy mà buộc Phan vào tội *"phản quốc"*. Đến con ông cũng phải đổi tên mình thành Phan An Sa.

Nguyễn Công Hoan làm thơ:

Nhắn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi
Thọ mi mi chúc chớ hòng ai
Văn chương! Đù mẹ thằng cha bạc
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài
Lô-gích, trước cam làm kiếp chó
Nhân văn*, nay lại hít gì voi*
Sống dai thêm tuổi cho thêm nhục
Thêm nhục cơm trời chẳng biết gai[802].

Những lời *"thơ"* lỗ mãng luôn luôn là thứ gậy ông đập lưng ông. Nhưng đặc biệt thâm hiểm là bài *Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi*, đăng trên Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958, bản điện tử trên Talawas, mà Tạ Trọng Hiệp đã nói đến ở trên: Nguyễn Công Hoan là người biết nhiều về Phan Khôi hơn cả. Bài viết của ông có những chi tiết về ngày tháng khá rõ, có thể dùng được trong tiểu sử Phan Khôi. Dựa

---

801 Báo Độc Lập số 357 (1/5/1958), in lại trong *Bọn NVGP trước toà án dư luận*, trang 138-139.

802 Thơ họa của Nguyễn Công Hoan - 1957.

vào những sự kiện mình biết, Nguyễn Công Hoan thêm thắt, xuyên tạc, để "chứng minh" Phan Khôi là người bán nước, đã làm "chỉ điểm" cho Pháp trong suốt cuộc đời. Bài này với bài Phùng Bảo Thạch là hai *"kiệt tác"* về sự ô nhục của trí thức.

II ● Tìm lại cuộc đời đích thực của Phan Khôi

Hiện nay, một phần tác phẩm Phan Khôi đã được in lại, nhưng cuộc đời thực của ông vẫn chưa được soi tỏ. Hệ thống xuyên tạc và bôi nhọ Phan Khôi trong hơn nửa thế kỷ trong từ điển và học đường đã *"giáo dục"* quần chúng không nhắc đến tên ông hoặc coi ông như một người phản quốc.

Chúng tôi cố gắng tìm lại cuộc đời đích thực của Phan Khôi, *ưu tiên qua những điều do chính ông viết ra*, lượm lặt trong các bài ký, truyện ngắn như: *Lịch sử tóc ngắn*, *Chuyện bà cố tôi*, *Bạch Thái công ty thơ ký viên, Đi học đi thi, Ông Bình Vôi, Ông Năm Chuột* và bài ông trả lời phỏng vấn *Lối tự học của những bậc đàn anh nước ta* do bà Phan Thị Nga viết lại năm 1936[803]. Những tài liệu gia đình như *Phan Khôi niên biểu* của Phan Cừ, Phan An[804], *Nhớ cha tôi*[805] của Phan Thị Mỹ Khanh, về niên biểu, cũng chỉ phỏng chừng, nhiều sự kiện trước sau lẫn lộn, có chỗ viết sai. Những bài đánh Phan Khôi của Nguyễn Công Hoan, Đào Vũ... dù nhơ bẩn, nhưng có một số chi tiết dùng được, bởi những người này đã có dịp gần Phan Khôi trong 9 năm kháng chiến nghe ông kể chuyện rồi xuyên tạc đi, để buộc tội ông phản quốc.

♦ Tiểu sử Phan Khôi

Sinh ngày 6/10/1887 tức ngày 20/8 năm Đinh Hợi tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Mất ngày 16/1/1959 tại Hà Nội. Ông nội: Phan Nhu. Cha: Phan Trân.

---

803 Phan Thị Nga, *Lối tự học của những bậc đàn anh nước ta*, 13 năm tranh luận văn học, tập I, trang 255-159.

804 Bài in trong cuốn *Chương Dân thi thoại*, nxb Đà Nẵng, 1996.

805 Nxb Đà Nẵng, 2001.

Mẹ: Hoàng Thị Lệ, con gái tổng đốc Hoàng Diệu. Phan Khôi chỉ có một người em gái - gia đình gọi là cô Ba, bà là vợ nhà văn Sở Cuồng Lê Dư và là mẹ của Hằng Phương, vợ Vũ Ngọc Phan, Hằng Phân, vợ Hoàng Văn Chí và Hằng Huân, vợ tướng Nguyễn Sơn. Phan Khôi có người chú ruột là Phan Định, cha của Phan Thanh và Phan Bôi tức Hoàng Hữu Nam.

Bút hiệu: Chương Dân, Khải Minh Tử, Tân Việt chung với Diệp Văn Kỳ, Nguyễn Văn Bá; Thông Reo chung với Nguyễn An Ninh; Tú Sơn, phiên âm chữ *Tout Seul - Một Mình,* để nhại Tú Mỡ... Riêng trên báo Sông Hương 1936-1937, có hơn 10 tên khác nhau: Phan Khôi, Sông Hương, Ngự Sử, Phan Nhưng, Tú Vườn, Bê Ca, K, PK, TV, ... chắc chắn là Phan Khôi; còn TT, TM, PTT... có thể cũng là Phan Khôi. Vì vậy, việc xác định văn bản Phan Khôi không dễ dàng.

1906, đỗ tú tài Hán học[806].

1906-1907: Bỏ khoa cử, học quốc ngữ và chữ Pháp với Lê Thành Tài. Hoạt động trong phong trào Duy Tân. Theo Phan Châu Trinh cắt tóc ngắn, làm bài *Vè cúp tóc*.

16/2/1908 ra Hà Nội học tiếng Pháp ở Đông Kinh Nghĩa Thục, nhưng tới nơi, trường đã bị đóng cửa. Về Nam Định, học với Nguyễn Bá Học được 3 tháng thì bị bắt giải về Quảng Nam. Bị tù 3 năm. Trong tù, làm bài *Dân quạ đình công,* tự học tiếng Pháp, với thầy Ưng Điển[807]. 1911, ra tù, vẫn tiếp tục hoạt động bí mật với nhóm Duy Tân và Đông Du Nam Ngãi. 1912, vào học trường Dòng Pellerin ở Huế được vài tháng, bà nội mất, trở về làng chịu tang, rồi ở lại quê.

Năm 1913 kết hôn với Lương Thị Tuệ, quê huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, con nhà cách mạng Lương Thúc Kỳ[808].

---

806 Nhiều chỗ ghi 1905, là sai, vì 1905 không có kỳ thi hương.

807 Chúng tôi dùng bản Phan Thị Nga, năm 1936. Các con Phan Khôi sau này ghi là Ưng Diễn.

808 Lương Thúc Kỳ, đỗ cử nhân 1900, làm quan tại Huế, theo phong trào Duy Tân, sau có dạy trường Dục Thanh, trường đầu tiên của phong trào Duy Tân, mở năm 1905 ở Phan Thiết, được ít lâu thị bị bắt. Lương Thúc Kỳ mất năm 1947.

Năm 1908, Lương Thúc Kỳ bị bắt, bị tù Côn Đảo tới 1917. Bà Lương Thị Tuệ có 8 con: Phan Thao, Phan Cừ, Phan Thị Hựu Khanh, Phan Thị Bang Khanh[809], một con trai chết năm 1935, lúc 10 tuổi, Phan Thị Mỹ Khanh, Phan Thị Tiểu Khanh, Phan Trản. Bà Nguyễn Thị Huệ, vợ thứ nhì, gặp tại Hà Nội, chung sống từ 1935, có ba con: Phan Nam Sinh, Phan Thị Thái, Phan Lang Sa, sau tự đổi tên thành Phan An Sa.

1913-1916, Phan Khôi mở lớp dậy học tại quê nhà.

1916, triều đình và chính quyền thuộc địa bỏ thi lối cũ[810]. Phan Khôi nghỉ dậy, trở lại trường học tiếng Pháp với thầy Lê Hiển[811] cùng với học trò. Được Thái Phiên rủ tham gia kháng chiến vua Duy Tân, nhưng Phan không nhận. Lý do: Một mặt, không tin tưởng vào cách mạng bạo động[812], chọn con đường hoạt động văn hoá. Một mặt, cha hết sức ngăn cản bởi ông là con trai duy nhất. Nguyễn Công Hoan đã vin vào cớ ông không theo Thái Phiên để đổ tội ông làm mật thám cho Pháp ngay từ 1916.

Từ 2/1918 - 5/1919, được Nguyễn Bá Trác giới thiệu vào Nam Phong, ông viết bài báo quốc ngữ đầu tiên đăng trên Nam Phong số 8, ra tháng 2/1918, khai trương mục *Nam Âm thi thoại,* diễn đàn phê bình thơ sớm nhất ở Việt Nam. Đi Huế với Phạm Quỳnh dự tế Nam Giao từ 19/3/1918 đến 3/4/1918.

Theo Phan Khôi, ông làm việc chưa đầy một năm với Nam Phong thì thấy *"không thể đi cùng đường với hai vị chủ bút"* -tức là Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác- nên ông xin nghỉ trở về quê. Đầu năm 1919, ông Bùi Quang Chiêu từ Sài

---

809 Còn có tên là Phan Thị Yến, cùng chồng và con chết vì bom tháng 9/1952.

810 Khoa thi hương cuối, ở Bắc: 1915 và ở Trung: 1918.

811 Theo bản Phan Thị Nga. Các con ông ghi là Lê Hiên.

812 Trong hai bài: *Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916* (Sông Hương số 7-8-9 ra ngày 12/9-19/9 và 26/9/1936) và *Mấy cuộc vận động quần chúng ở nước ta* (Sông Hương số 29-30-31 ra ngày 27/2-13/3 và 20/3/1937), sưu tập Sông Hương của Phạm Hồng Toàn; Phan Khôi nói rất rõ bối cảnh những cuộc cách mạng bạo lực và phân tích sự thất bại của những phong trào này.

Gòn ra Hà Nội tìm trợ bút cho báo Quốc Dân Diễn Đàn của ông, Phạm Quỳnh giới thiệu Phan Khôi và đánh điện cho Phan Khôi ra Đà Nẵng xuống tàu gặp Bùi Quang Chiêu, nhờ vậy ông lại có dịp được đi ra khỏi làng.

Tháng 6/1919, vào Sài Gòn viết cho Quốc Dân Diễn Đàn. Vẫn theo Phan Khôi, được độ một tháng, không biết Marty nói với Bùi Quang Chiêu thế nào, mà Bùi Quang Chiêu đổi ông sang làm báo Lục Tỉnh Tân Văn do Marty điều khiển. Làm được vài tháng, vì một chuyện gì đó, dường như ông viết một bài báo công kích một viên chức cao cấp Pháp sắp lên làm toàn quyền, ông bị sa thải.

Những sự kiện trên đây cho thấy Phan Khôi dù ra khỏi Nam Phong nhưng vẫn giữ mối liên lạc khá chặt chẽ với Phạm Quỳnh và Marty.

Tháng 9/1919, trở về quê Quảng Nam.

Tháng 3/1920 ra Hải Phòng, làm thư ký cho Bạch Thái Bưởi từ 1/5/1920 đến 31/12/1920.

Cuối 1920: Nhận việc *dịch Kinh Thánh* - dịch toàn bộ Tân Ước và 1/3 Cựu Ước trong 5 năm, từ 1920 đến 1925, từ bản Hán văn và Pháp văn ra quốc ngữ.

1921-1922, viết Thực Nghiệp Dân Báo và Hữu Thanh ở Hà Nội.

1922 vào Nam, *có thể* đã liên lạc và hoạt động với nhóm Nguyễn An Ninh, Dejean de la Bâtie, khi Nguyễn An Ninh từ Pháp về lập báo La Cloche fêlée năm 1923.

1922-1925: Xuống Cà Mau ẩn náu. Học tiếng Pháp qua thư từ với Dejean de la Bâtie. Tiếp tục dịch Kinh Thánh.

1925 Phan Châu Trinh từ Pháp về, giao cho Phan Khôi việc viết lại lịch sử đời ông.

24/3/1926 Phan Châu Trinh mất: Phan Khôi soạn bản *Hiệu triệu quốc dân* đi dự đám tang Phan Châu Trinh và viết cuốn *Phan Châu Trinh.*

1926-1928: Phan Khôi viết các báo Thần Chung, Đông Pháp Thời Báo, Văn Học ở Sài Gòn và Đông Tây ở Hà Nội. Tháng 5/1928, phê bình Trần Huy Liệu, đặt vấn đề *Viết sử cho đúng* trên Đông Pháp Thời Báo.

1929-1932: Thời kỳ hoạt động mạnh nhất, viết các báo Thần Chung, Phụ Nữ Tân Văn, Trung Lập, ở Sài Gòn; Đông Tây, Phổ Thông, ở Hà Nội, đặt những vấn đề:

- 1929, *Phê bình Khổng giáo* trên Thần Chung. *Nữ quyền* và *Viết tiếng Việt cho đúng* trên PNTV.

- 1930, khai sinh thể loại bút chiến văn học với Phạm Quỳnh và Trần Trọng Kim trên PNTV.

- 1931, viết bài *Cái cười của con rồng cháu tiên* trên PNTV, phê bình cuốn *Cay đắng mùi đời* của Hồ Biểu Chánh: đây là *bài phê bình văn học đầu tiên viết theo lối hiện đại*.

- Đầu 1932, công bố bài *Một lối "thơ mới" trình chánh giữa làng thơ* và bài thơ *Tình già,* cả hai được coi là *bản tuyên ngôn của Thơ Mới* trên Tập Văn Mùa Xuân, báo Đông Tây, rồi PNTV.

1933 ra Hà Nội viết Thực Nghiệp và Phụ Nữ Thời Đàm.

1934 về Huế viết cho Phụ Nữ Tân Văn tái bản, rồi làm chủ bút báo Tràng An. Phan Trân từ trần.

1936-1937: Lập báo Sông Hương tại Huế từ 1/8/1936 đến 27/3/1937. Viết cho Hà Nội báo. Tập hợp những bài viết trong mục *Nam Âm thi thoại* in thành sách *Chương Dân thi thoại,* Đắc Lập, Huế, 1936.

1937-1941: Vào Sài Gòn dậy trường Chấn Thanh. Viết tiểu thuyết. In cuốn *Trở vỏ lửa ra,* Phổ Thông Bán Nguyệt San số 41, ra ngày 16/8/1939 tại Hà Nội.

Viết báo Tao Đàn từ tháng 3/1939.

1940, viết cho Dân Báo.

1941, Chấn Thanh đóng cửa. Phan Khôi về Quảng Nam ở đến 1946.

19/8/1945:Việt Minh cướp chính quyền.

Ngày 2/3/46: Thành lập chính phủ liên hiệp.

Ngày 6/3/1946: Hồ Chí Minh ký hiệp định sơ bộ với Pháp. Theo Nguyễn Công Hoan, tháng 6/1946, trong một buổi mít tinh ở Quảng Nam, Phan Khôi lên diễn đàn đả phá hiệp định sơ bộ. Phan Khôi được bầu làm chủ nhiệm chi bộ Quảng Ngãi của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Theo Hoàng Văn Chí, cán bộ địa phương định phá hủy nhà thờ Hoàng Diệu, Phan Khôi cực lực phản đối, họ toan bắt Phan Khôi, nhưng nể Phan Thao, con trai ông, là cán bộ cao cấp. Phan Khôi viết thư cho Huỳnh Thúc Kháng[813] nhờ can thiệp. Hồ Chí Minh giải quyết khéo léo: viết thư mời Phan Khôi ra Hà Nội, giao cho Phan Bôi[814] phụ trách việc quản thúc. Phan Khôi ra Hà Nội, nhưng không chịu ở nhà Phan Bôi, lên 80 Quan Thánh ở với Khái Hưng.

Theo Nguyễn Công Hoan, đêm 12/7/1946**,** công an bao vây nhà Khái Hưng, Phan Khôi bị bắt tại đây:

"Ở Quảng Nam ít lâu, hắn bèn ra Hà Nội, họp với Trung Ương Đảng Bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng của hắn để đề nghị một chương trình chống chính phủ. Chương trình của hắn là gây một cuộc rắc rối về ngoại giao giữa chính phủ Pháp, để dồn chính phủ đến một nước cờ bí, phải đi đến chỗ tự lật đổ, hoặc bị thực dân Pháp đánh bại.

Vừa lúc đó, Phan Khôi tiếp được giấy của Bộ Nội Vụ tập hợp Hội Nghị Văn Hoá. Sau khi họp với bọn "đồng chí" ở Quảng Nam, đặt kế hoạch hoạt động trong thời gian hắn vắng mặt, hắn tạm rời tỉnh Quảng Nam. Đến thủ đô hắn xin vào yết kiến cụ Huỳnh Thúc Kháng khi ấy là bộ trưởng Bộ Nội Vụ. Nhưng cụ Huỳnh đã rõ bộ mặt nhơ bẩn của hắn không thèm tiếp.

Đêm 12/7, trong khi hắn đương họp bàn với bọn đầu sỏ Quốc Dân Đảng ở 80 đường Quan Thánh, thì xảy ra việc

---

813 Là bộ trưởng Nội Vụ trong chính phủ liên hiệp lúc bấy giờ.

814 Là em họ Phan Khôi. Phan Bôi tức Hoàng Hữu Nam là Ủy viên Trung Ương Đảng, thứ trưởng Bộ Nội Vụ.

công an ta đến khám tòa báo Việt Nam của đảng ấy tại trụ sở ấy. Bọn phản động trong nhà nổ súng ra để chống cự. Tức thì công an buộc lòng phải bắt bớ người. Trong số những người bị bắt có Phan Khôi. Song Phan Khôi lại một lần nữa được chính phủ tha cho về suy nghĩ tội lỗi mà hối cải. Trong thời gian Phan Khôi ở Hà Nội, thì chi bộ Quốc Dân Đảng ở Quảng Nam tiếp tục thực hiện chương trình hắn đã vạch ra (...) Thấy việc bán nước mỗi ngày một khó khăn hơn, Phan Khôi phải ở lại Hà Nội để bàn việc củng cố đảng hắn. Nhưng tối ngày 19 tháng 12 toàn quốc đứng dậy làm cuộc kháng chiến Phan Khôi giật nẩy mình, muốn về Quảng Nam thì nghẽn đường, không đi được. Lại có một người em họ ở trong chính phủ bảo đảm cho, nên hắn được- hoặc bắt buộc- đi theo kháng chiến" [815].

Theo Phan Khôi, ngày 6/7/1946 ông ra đến Hà Nội, nhưng được người bạn thân báo tin cụ Huỳnh Thúc Kháng khuyên đừng gặp cụ. Ông quanh quẩn ở lại Hà Nội xem tình hình, ngày 12/7/46, ông dự buổi họp của Trung Ương Quốc Dân Đảng ở toà báo Việt Nam.

Theo Hoàng Văn Chí, sau ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/1946, Phan Bôi được lệnh đưa Phan Khôi lên Việt Bắc. Phan dịch sách và làm biên khảo.

Tổng kết các thông tin của Phan Khôi, Hoàng Văn Chí, Nguyễn Công Hoan, xin tạm hình dung bối cảnh này như sau:

Phan Khôi thấy có thể bị Việt Minh bắt ở Quảng Nam, nên ông viết thư cho Huỳnh Thúc Kháng, tìm cách chính thức ra Hà Nội. Cụ Huỳnh viết thư mời ông ra dự Hội Nghị Văn Hoá, nhưng ngại không tiếp ông sợ bị liên lụy, chắc bản thân cụ cũng không vững. Ở Hà Nội, Phan Khôi hội họp với Quốc Dân Đảng, trụ sở 90 Quan Thánh, nhà Khái Hưng. Ông bị bắt tại đây, nhưng lại được thả ngay, vì lẽ gì? Vì em họ Phan Bôi

---

815 Nguyễn Công Hoan, *Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến,* Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958.

làm bộ trưởng Nội Vụ và con trai Phan Thao làm chủ nhiệm báo Nhân Dân chăng? Chưa chắc. Rất có thể vì Hồ Chí Minh không dám thẳng tay với Phan Khôi. Sau khi được tha, ông vẫn tiếp tục hội họp với Quốc Dân Đảng, mặc dù ông đã chán nản vì thấy tổ chức này lỏng lẻo, chẳng có chính sách gì rõ ràng, có lúc ông muốn tìm đường ra ngoại quốc.

Theo Đào Vũ, nhà cửa, ruộng đất của gia đình Phan Khôi ở Điện Bàn bị tịch thu trong Cải Cách Ruộng Đất.

1954-55: Về Hà Nội, gặp lại vợ con từ Quảng Nam ra. Ở số 51 Trần Hưng Đạo. In *Việt ngữ nghiên cứu*[816].

1956: *Lãnh đạo tinh thần phong trào NVGP.* Làm chủ nhiệm báo Nhân Văn.

1957: Được cử đi Bắc Kinh dự lễ kỷ niệm 100 năm sinh Lỗ Tấn, có Tế Hanh đi cùng.

1958: NVGP bị thanh trừng. Phan Khôi bị đuổi khỏi 51 Trần Hưng Đạo, dọn về 10 Nguyễn Thượng Hiền, rồi 73 phố Thuốc Bắc.

Phan Khôi mất ngày 16/1/1959. Chôn ở nghĩa trang Hợp Thiện, phía đông Hà Nội. Trên mộ đề Chương Dân. Mộ phần bị "thất lạc" trong chiến tranh - theo gia đình.

Lại Nguyên Ân cho biết từ giữa năm 2000, ông bắt đầu sưu tầm tác phẩm Phan Khôi. Đến nay đã ra được 5 tập *Phan Khôi, Tác phẩm đăng báo,* từ 1928 đến 1932 và cuốn *Phan Khôi viết và dịch Lỗ Tấn*, do các nxb Đà Nẵng, Hội Nhà Văn và Tri Thức in; riêng sưu tập 1932, khổ 16x24. Các sách này đã đưa lên website Lại Nguyên Ân: *lainguyenan.free.fr*[817]. Tổng cộng: 4706 trang. Công trình này dành cho giới nghiên cứu, và là bước đầu tiến tới một tuyển tập Phan Khôi, ngắn gọn hơn, cho mọi từng lớp độc giả.

---

816 Do nhà xuất bản Văn Nghệ, Hoàng Cầm trách nhiệm, in tại Hà Nội, 1955.

817 Bản điện tử có vài chỗ sửa lại chữ của Phan Khôi, ví dụ *tấn sĩ* thành *tiến sĩ*, có lẽ không nên.

Năm 2009, Phạm Hồng Toàn in sưu tập *Sông Hương, tuần báo ra ngày thứ bẩy (1/8/1936-27/3/1937),* Lao Động và Đông Tây, 2009, gồm 2 tập, khổ 19x26.

Hiện nay, chỉ còn những bài báo của Phan Khôi trong khoảng 1918-1928 và 1933-1942, chưa được in thành sách. Sưu tập của Thanh Lãng trước 1975 tại Sài Gòn, được xuất bản dưới tiêu đề *13 năm tranh luận văn học 1932-1945*, gồm 3 tập, Văn Học, TP.HCM, 1995, trong đó có một số bài của Phan Khôi.

Bộ sách này so với bản ronéo của Thanh Lãng có chỗ bị cắt, không hoàn toàn trung thành với bản chính như việc làm của Lại Nguyên Ân.

♦ Bà cố (1791- 1864)[818] dựng nghiệp họ Phan ở Điện Bàn

Năm 1791, trước khi Gia Long lên ngôi 11 năm, tại làng Hoá Quê gần cửa Hàn, một người con gái ra đời. Đó là *bà cố* của Phan Khôi, người dựng nghiệp họ Phan ở Điện Bàn. Phan Khôi viết: *"Họ Phan chúng tôi, ông thỉ tổ nguyên ở Nghệ An vào lập làng tại Quảng Nam, kêu là Bảo An"*[819]. Làng Bảo An do ba họ Nguyễn, Ngô và Phan lập ra. Họ Phan từ khởi thủy đến đời ông cố, vốn *"nghèo hèn, dốt nát"*.

1809, ông lấy bà cố, chung sống 15 năm, được 7 con, ông mất, người con út, Phan Nhu, ông nội Phan Khôi, mới 2 tuổi. Bà cố buôn gánh ở Hội An, nuôi con trong 6 năm. Rồi bà tái giá, làm kế một ông Đội khá giả ở làng Hội Vực, nhưng bà ra điều kiện: phải để cho bà về nhà chồng trước trông nom con cái. Theo lời những người già trong làng, bà thường *cưỡi ngựa đi từ làng Hội Vực về Bảo An* hay ngược lại, đồ vật chất đầy trên cổ ngựa, nhờ vậy mà các con bà được ăn học. Sáu năm sau, ông Đội mất, bà đem 2 con với ông Đội về nuôi cùng 7 con đời chồng trước.

---

818 Theo *Chuyện bà cố tôi* của Phan Khôi, Phụ Nữ Tân Văn, số 25, 17/10/1929, in lại trong *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1929,* Lại Nguyên Ân, trang 228-234.
819 Phan Khôi, *Chuyện bà cố tôi*, bđd.

Nhờ có vốn của chồng để lại, bà mở đại lý buôn đường với tàu buôn của người Hoa ở Hội An, trở thành *người phụ nữ đầu tiên có hãng xuất cảng đường* và thành "*cự phú*". Hai con trai bà, Hương Đạo và Bá Đức cũng giàu có tiếng trong vùng. Người con út, Phan Nhu, đậu cử nhân khoa Đinh Tị 1847, làm đến chức Án Sát tỉnh Khánh Hoà thì bị cách chức.

Dù có công lớn với gia đình, nhưng vì *tội tái giá*, nên sau khi mất, ở tuổi 73, bà không được chôn ở đất công của làng. Vì vậy, Phan Khôi đòi *kiện cái luật cổ hủ* của xã hội thời ấy[820]. Từ bà cố, người phụ nữ độc lập, cưỡi ngựa nhảy qua hàng rào lễ giáo cổ hủ đầu thế kỷ XIX để xác định nữ quyền, nuôi chín con, lập sự nghiệp *"tỷ phú"*. Đến người cháu, *học giả phản biện, lãnh đạo tinh thần phong trào Nhân Văn Giai Phẩm,* là một dòng máu dân chủ và tự chủ nối dài.

Phan Khôi đấu tranh cho quyền làm người của phụ nữ, ngay từ thập niên 30 của thế kỷ trước, khi Simone de Beauvoir, mẹ đẻ nữ quyền thế giới, chưa xuất hiện trên văn đàn. Đó là đặc điểm của Phan Khôi: *tiên phong* và *phản biện* trong nhiều lãnh vực tư tưởng.

● Phan Nhu và Phan Trân

Ông nội Phan Khôi là Phan Nhu, đỗ cử nhân khoa Đinh Tị, 1847, làm đến chức Án Sát tỉnh Khánh Hoà thì bị cách chức. Cha là Phan Trân (1862-1934), đậu phó bảng, làm tri phủ Diên Khánh, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ[821]. Năm 37 tuổi, 1899, ông cáo bệnh từ quan, lúc đó Phan Khôi 12 tuổi.

Nhờ loạt bài *Đi học đi thi*[822] mà chúng ta biết thêm về Phan Nhu, Phan Trân và Trần Quý Cáp. Trong bài ký này,

---

820 Theo *Chuyện bà cố tôi*, bđd.

821 Theo truyện ngắn *Ông Năm Chuột,* Văn số 36 (10/1/1958), in lại trong *Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí.

822 Bài *Đi học đi thi* có tiểu tựa: *Ký ức lục của một vị lão Nho*, ký tên Tú Vườn, in trên Sông Hương từ số 23 (7/1) đến 30 (13/3/1937), sưu tập Phạm Hồng Toàn.

Phan Khôi tức Tú Vườn dùng nhân vật lão Nho, ra đời khoảng 1875 thay thế cho mình, để mô tả lại bối cảnh gia đình họ Phan trước khi Phan ra đời năm 1887, đồng thời vẽ chân dung người thầy Trần Quý Cáp và trình bầy hoàn cảnh u uất của giới sĩ phu khi nước mất và sự bất đồng tư tưởng trong gia đình họ Phan, từ đời ông, đời cha đến đời con, ba thế hệ.

Năm 1885, kinh thành thất thủ[823], vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị, phong trào Cần Vương ở Quảng Nam nổi lên rầm rộ trong ba năm từ khi vua xuất bôn đến khi vua bị bắt, năm 1988[824]. Phan Nhu cũng muốn theo phong trào, nhưng Phan Trân khuyên cha không nên vì biết không thể chống nổi Tây: *"ông tôi ban đầu còn chưa chịu nghe, sau thầy tôi can mãi, nhiều khi đến nói mà vừa lạy vừa khóc, ông tôi mới thôi"*. Nhưng thời ấy, không theo nghiã quân, nghiã đoàn, thì có thể bị hại, nên hai cha con phải đem nhau đi trốn: *"Có một lần, chúng tôi ở trong một chiếc ghe, đậu bên gành núi. Đương đêm, vừa mưa vừa gió, trời tối đen như mực, ông tôi thức dậy, đốt đèn ngồi một mình rồi không biết vì nghĩ thế nào mà ông tôi khóc oà lên, trong lúc khóc, ông tôi kể lể nhiều lắm: Chốc lại kêu Hoàng Thượng, chốc lại kêu Phu Tử (...) Về sau, tôi mới đoán ra rằng lúc đó ông tôi kêu Hoàng Thượng là chỉ đức Hàm Nghi, còn Phu Tử là đức Khổng Tử"*[825].

Phan Nhu, tuy bị cách chức nhưng vẫn một mực thờ vua và Khổng Tử, vẫn tiếp tục bắt con cháu phải học để ra làm quan trị dân giúp nước, theo đúng truyền thống sĩ phu dấn thân thời phong kiến. Phan Trân muốn theo con đường duy tân, nhưng không dám trái ý cha. *"Sau khi loạn yên, thầy tôi "thưa đơn tòng chánh" và ra làm quan là cũng bởi cực chẳng đã mà phải vâng lời ông tôi, nếu không thì ông tôi giận"*. Ra làm quan, tất phải đụng chạm với Pháp: *"Lúc ở Hải Phòng,*

---

823 Ngày 23/4 Ất Dậu, tức ngày 5/6/1885.

824 Ngày 26/9 Mậu Tý tức ngày 30/10/1888.

825 Đi học đi thi, bđd.

gặp Lê Bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự toà sứ Nha Trang, thầy tôi làm Tri phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng làm thông ngôn"[826].

Và sau cùng Phan Trân đã phải từ chức.

Sau này, trong khoảng từ 1911 đến 1917 -sau khi đi tù về- Phan Khôi cũng muốn bỏ nhà đi theo chí hướng của mình, nhưng cũng lại bị cha cản trở, và ông cũng phải vâng lời. Vì vậy, Phan viết: *"Làm con khác với làm người. Nhiều khi làm con không phải làm người! Thành thử trước mặt những người cha có học thức, chẳng cứ cái học thức ấy thế nào, thường thường cái tư cách làm người của những người con phải bị chôn đi. Thương hại cho thầy tôi, suốt đời ở vào cái hoàn cảnh đó!"*[827].

Nếu Phan Trân phải chiều lòng cha, thì Phan Khôi cuối cùng, tìm cách thoát được, ông đã sống một cách tự do bằng ngòi bút, trong đời làm báo. Phải chăng vì bi kịch cha con trong gia đình Khổng Mạnh, mà sau này, Phan Khôi quyết liệt chống Tống Nho và ông để các con Phan Thao, Phan Cừ "tự do" theo Cộng Sản, đi con đường trái ngược với tư tưởng của mình? Sự bất đồng tư tưởng trong gia đình họ Phan kéo dài thêm một thế hệ nữa: ông, cha, con, cháu.

♦ Tinh thần bất khuất từ nhỏ

Thuở nhỏ Phan học chữ nho và chịu ảnh hưởng ông nội nhiều hơn cha. Năm lên bảy, mẹ qua đời. Khi cha phải đi nhậm chức tri phủ Diên Khánh, gửi Phan về bên ngoại cho người cậu làm tri phủ, là con cả tổng đốc Hoàng Diệu trông nom. Ông phủ mướn thày dạy học con trai và Phan Khôi, nhưng ít lâu sau, Phan xin cha cho đi học nơi khác. Tại sao? Phan không nói rõ. Nhưng sau này qua lời *Ông Năm Chuột*, Phan gián tiếp cho biết: Ông ngoại hết sức thanh liêm, làm

826 Ông Năm Chuột, bđd.
827 Đi học đi thi, bđd.

tổng đốc mà không có tiền lợp lại mái nhà đã tróc ngói. Người cậu làm tri phủ ba năm đã mua được mươi mẫu ruộng. Ông ngoại đánh Pháp, tuẫn tiết mà chết. Người cậu theo Pháp đàn áp nghiã quân. Điều này chứng tỏ: từ lúc 8 tuổi, Phan đã nhìn rõ hành động của người cậu tri phủ, và đó chính là lý do khiến Phan xin cha cho học chỗ khác.

Phan Trân gửi con cho Trần Quý Cáp. Phan Khôi học Trần Quý Cáp 10 năm, từ 9 tuổi đến 19 tuổi. Phan Khôi viết: *"Tôi từ nhỏ có tư bẩm thông minh lạ. Lên 13 tuổi đã "cụ thể tam trương": Nghiã là về lối văn khoa cử, kinh nghiã ở trường nhất, thi phú trường nhì, văn sách trường ba tôi đều làm được cả trong tuổi ấy. Ông nội tôi và ông thân tôi đều để hy vọng vào tôi nhiều lắm. Ông nội tôi sống đến năm tôi 16 tuổi, đi thi khoa đầu, hỏng trường nhất, rồi người mới mất"*[828].

- 16 tuổi, Phan Khôi đi thi lần đầu, khoa 1903, hỏng trường nhất.

- 19 tuổi, 1906, thi lần thứ nhì, chỉ đậu tú tài. Phan Khôi tức giận lắm

Bởi từ khoa Giáp Ngọ, 1894, trở đi, các học quan bắt đầu ăn đút lót, chấm gian, và đến khoa Bính Ngọ, 1906, thì bị kiện. Phan Khôi viết: *"Tôi là một kẻ đứng đơn với bọn Dương Thưởng kiện sự "thủ sĩ bất công" hồi khoa Ngọ, tôi đã làm cho mấy ông quan trường bị giáng bị cách thì tôi còn sợ gì mà chối?"* Vì vụ kiện này mà những kỳ thi sau, chính phủ bảo hộ phái người đến kiểm soát. Đó cũng là một trong những lý do tại sao Phan Khôi bỏ lối học khoa cử. Ngoài ra Phan còn cho biết: Nguyễn Bá Trác (1881-1945) đi thi năm Bính Ngọ 1906 không phải để đỗ, *mà để làm bài thuê, kiếm tiền cho phong trào Đông Du*, rút cục lại đỗ cử nhân. Chính Nguyễn Bá Trác đã rủ Phan Khôi bỏ học. Phan học tiếng Pháp với Phan Thành Tài tại trường Diên Phong là trường đầu tiên của

828 Đi học đi thi, bđd.

phong trào Duy Tân ở Quảng Nam. Sau Phan Thành Tài tham gia cuộc chính biến vua Duy Tân, 1916, bị xử tử.

Năm 1906, đánh dấu ngõ quặt quan trọng trong cuộc cách mạng duy tân và cuộc đời Phan Khôi: bỏ nho học, theo Phan Châu Trinh cắt tóc ngắn, cổ động cắt tóc và làm bài *Vè cúp tóc*.

♦ 1906-1908: Phong trào cắt tóc Lập Hội buôn - Trung Kỳ dân biến

Việc cắt tóc và mặc âu phục do Phan Châu Trinh phát động cuối năm 1906, và kéo dài suốt năm 1907, là một hành động *duy tân* và *phản kháng*: chống cổ hủ[829].

---

829 Trong bài tự truyện *Lịch sử tóc ngắn* đăng trên báo Ngày Nay năm 1939, Phan Khôi kể lại đầy đủ các chi tiết: Từ 1906 trở về trước, đàn ông Việt Nam vẫn để tóc dài rồi búi lại đằng sau ót thành một cái đùm. Ngoài Bắc thì đàn bà vấn tóc, còn từ Huế trở vào, đàn bà cũng búi tóc, thành thử nhìn sau lưng có thể lẫn lộn đàn bà với đàn ông. Giữa lúc toàn dân đang còn để tóc dài, thì vua Thành Thái đã cắt tóc ngắn, mặc đồ Tây và ông bắt cận thần phải cắt tóc. Năm 1905, vua ngự giá vào Quảng Nam, bị dân chúng chế nhạo. Năm sau, phong trào cắt tóc được Phan Châu Trinh phát động. Phan Khôi viết:

"Mùa đông năm 1906, thình lình ông Phan Châu Trinh đi với ông Nguyễn Bá Trác đến nhà tôi. Đã biết tin ông Phan mới ở Nhật về, tiên quân tôi chào mừng một cách thân mật với câu bông đùa này:"Cửu bất kiến quân, quân dĩ trọc!" Bấy giờ tôi có mặt ở đó, câu ấy khiến tôi phải chú ý xem ngay đầu ông Phan. Thấy không đến trọc, nhưng là một mớ tóc ngắn bờm xờm trong vành khăn nhiễu quấn.

Ở chơi nhà tôi ba hôm, lúc đi, ông Phan rủ tôi cùng đi sang làng Phong Thử, nơi hiệu buôn Diên Phong, là một cơ quan của các đồng chí chúng tôi lúc bấy giờ mới lập được mấy tháng. Tại đó, gặp thêm ông cử Mai Dị nữa, rồi bốn người chúng tôi cùng đi thuyền lên Gia Cốc, thăm ông Học Tổn (...) Giữa bữa cơm sáng đầu tiên, khi ai nấy đã có chén hoặc ít hoặc nhiều, ông Phan mở đầu câu chuyện, nói:

− Người đời, nhất là bọn nhà nho chúng ta, hay có tánh rụt rè, không dám làm việc. Mỗi khi có việc đáng làm, họ thường tìm cớ trách trút, có khi họ nói: Việc nhỏ, không xứng đáng. Trong ý họ, đợi đến việc lớn kia. Nhưng nếu họ đã có ý không muốn làm thì đối với họ việc nào cũng sẽ là nhỏ cả, thành thử cả đời họ không có việc mà làm!...

Ông Phan lúc đó gặp ai cũng hay diễn thuyết. Những câu chuyện luân lý khô khan như thế, mấy hôm nay ông đem nói với bọn tôi hoài, thành thử khi nghe mấy lời trên đó của ông, không ai để ý cho lắm, cứ tưởng là ông phiếm luận.

Hơn một năm sau, khi vụ biểu tình chống thuế *Trung Kỳ dân biến* xẩy ra, chính quyền bèn kết hợp việc cúp tóc với việc biểu tình chống thuế, thành hành động nổi loạn, chống lại nhà cầm quyền.

Tuy Phan Khôi theo và cổ động phong trào hớt tóc ngắn, làm bài *Vè cúp tóc* nổi tiếng, nhưng không tham dự vào cuộc nổi dậy chống thuế ở Quảng Nam 1908, vì lúc đó ông đã lên

---

Thong thả, ông nói tiếp:

− Nếu lấy bề ngoài mà đoán một người là khai thống hay hủ lậu thì trong đám chúng ta ngồi đây duy có ba anh − vừa nói ông vừa chỉ ông Trác, ông Dị và tôi − là hủ lậu hơn hết, vì ba anh còn có cái đùm tóc như đàn bà.

Cả mâm đều cười hé môi. Ba chúng tôi bẽn lẽn. Ông Phan lại nói:

− Nào! Thử "cúp" đi có được không? Đừng nói là việc nhỏ; việc này mà các anh không làm được, tôi đố các anh còn làm được việc gì! Câu sau đó, ông nói với giọng rất nghiêm, như muốn gây với chúng tôi vậy. Ông Mai Dị đỏ mặt tía tai:

− Ừ thì cúp chứ sợ chi!

− Thì sợ chi!

− Thì sợ chi!

Ông Trác rồi đến tôi lần lượt phù họa theo (...) Ông Mai Dị được hớt trước rồi đến hai chúng tôi. Mỗi người đều đầy ý quả quyết và tin nhau lắm, chẳng hề sợ ai nửa chừng thoái thác (...) Ở Gia Cốc về, chúng tôi chưa về nhà vội, còn định trú lại Diên Phong mấy ngày. Ở đó, chúng tôi yêu cầu các ông Phan Thúc Duyện, Phan Thành Tài, Lê Dư cũng làm như chúng tôi; luôn với năm, sáu mươi vừa người làm công, vừa học trò, đều cúp trong một ngày. Rồi hễ có vị thân sĩ nào đến chơi là chúng tôi cao hứng lên diễn thuyết, cổ động, khuyến họ cúp thảy cả. Trong số đó có ông tiến sĩ Trần Quý Cáp, thầy chúng tôi và các ông tú Hữu, tú Bân, tú Nhự, còn nhiều không kể hết. Ít hôm sau, ông Huỳnh Thúc Kháng ở Hà Đông ra, cũng cúp tại đó, chính tay ông Lê Dư cầm kéo hớt cho ông Huỳnh dù ông Lê chưa hề biết qua nghề hớt là gì.

Hôm ở Diên Phong về nhà, tôi phải viện ông Lê Dư đi về với. Thấy hai chúng tôi, cả nhà ai nấy dửng dưng. - Trước tôi mảng tưởng về nhà chắc bị quở dữ lắm, nhưng không, thầy tôi tảng lờ đi, bà tôi càng lạnh lùng hơn nữa, chỉ ba chặp lại nhìn cái đầu tôi mà chặc lưỡi. Dò xem ý bà tôi, hẳn cho rằng tôi đã ra như thế là quá lắm, không còn chỗ nói! (...) Qua đầu năm 1907 giở đi, thôi thì cả tỉnh nơi nào cũng có những bạn đồng chí về việc ấy (...) Lúc này không còn phải cổ động nữa, mà hàng ngày có những người ở đâu không biết, mang cái búi tóc to tướng đến xin hớt cho mình. Bởi một ý đùa, tôi đặt một bài ca dao cho Đoan để mỗi khi hớt cho ai thì ca theo nhịp đó:

"Tay trái cầm lược,
Tay mặt cầm kéo,
Cúp hè! Cúp hè!

đường ra Hà Nội. Sau này trong hai bài viết trên Sông Hương: *Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916*[830] và *Mấy cuộc vận động quần chúng ở nước ta*[831], Phan Khôi nhắc lại sự thành công của đấu tranh bất bạo động trong đám tang Phan Châu Trinh năm 1926, trong Nam, và phê bình gay gắt sự thất bại của những cuộc bạo động ở miền Trung: Khởi nghiã Văn Thân 1883 ở Huế; Trung Kỳ dân biến 1908 ở Quảng Nam và Phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh 1930-1931.

Phong trào Duy Tân phát triển mạnh từ cuối năm 1906, sau khi Phan Châu Trinh ở Nhật về, phát động phong trào *Cắt tóc ngắn*, kết hợp với Tiểu La Nguyễn Hàm -chủ trì khuynh hướng Phan Bội Châu- với nhóm Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn ở Nghệ An, Hà Tĩnh chủ trương việc lập *Hội buôn* và với Nguyễn Văn Vĩnh trong *Đông Dương tạp chí*, lập thành một

---

Thẳng thẳng cho khéo!
Bỏ cái hèn mầy,
Bỏ cái dại mầy,
Cho khôn, cho mạnh,
Ở với ông Tây!" v.v...

"Giữa lúc đó có lời phao đồn ở Diên Phong, chúng tôi hay cưỡng bách người ta hớt tóc, đến nỗi khuyên không nghe mà rồi đè xuống cắt đi, thì thật là thất thực, không hề có thể bao giờ. Sự cưỡng bách ấy nếu là có trong vụ "xin xâu" năm 1908, do những kẻ cầm đầu đoàn dân thi hành. Tôi vắng mặt trong vụ ấy, nhưng sau nghe nói lại rằng mỗi một đoàn dân kéo đi, giữa đường nếu có ai xin gia nhập thì đều buộc phải hớt tóc; hoặc khi đoàn dân nghỉ ở một cái chợ thì người cầm đầu đứng ra diễn thuyết, bắt đàn ông trong chợ đều phải hớt tóc rồi mới cho nhập bọn đi theo mình. Cũng nhờ vậy mà sau vụ này, thấy số người tóc ngắn tăng giá lên rất nhiều. Hớt tóc cũng là một cớ buộc tội trong vụ án năm 1908 ở mấy tỉnh Trung Kỳ. Làm người không có việc gì cả, chỉ đã hớt tóc mà cũng bị ghép vào mặt luật bất ưng vi trọng, phải 18 tháng tù. Lại, cuộc phiến loạn năm 1908 ấy, trong các ký tài của người Pháp cũng gọi là "cuộc phiến loạn của đảng hớt tóc" (Révolte des cheveux tondus). Xem đó đủ thấy hớt tóc ở thời đại ấy bị coi là nghiêm trọng dường nào. (Trích *Lịch sử tóc ngắn*, *Tự truyện của Phan Khôi*, Ngày Nay số 149, 15/2/1939), in lại trong *13 năm tranh luận văn học*, tập III, trang 535-543).

830 Sông Hương số 7-8-9 ra ngày 12/9-19/9 và 26/9/1936.

831 Sông Hương số 29-30-31 ra ngày 27/2- 13/3 và 20/3/1937.

lực lượng phản kháng đáng ngại. Công sứ Quảng Nam, Charles[832] viết:

"Hội buôn Quảng Nam mà các thành viên thường tự xưng là "những người cắt tóc" theo cách họ nhận biết nhau. Hội này tập hợp tất cả những phần tử đối lập với ảnh hưởng của Pháp, những viên quan trong đảng "Cần Vương" An Nam cũ, các nhà yêu nước khuynh hướng quốc gia kiểu Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu. Lúc này Hội ấy hoạt động ráo riết. Các thành viên đi khắp các làng, đề nghị dân chúng cắt tóc, mặc âu phục (!) và khuyên họ tự giải quyết mọi mâu thuẫn, không cần đến cửa quan hoặc các toà công sứ. Họ hoạt động cho sự tiến triển về tư tưởng mà tác giả của bài xã luận quan trọng đã đăng trong số ngày 15/10 của tạp chí bán công Đông Dương tạp chí (...) Hoạt động của Hội này thực hiện nhiều nhất ở hai phủ Thăng Bình và Tam Kỳ và đặc biệt ở vùng giáp giới giữa hai phủ này (...) Phan Châu Trinh đã đi ra Bắc Kỳ từ đầu tháng[833], theo người ta nói có đem theo các khoản đóng góp của hội viên (...)

Hội kín ở Quảng Nam tiếp tục công cuộc tuyên truyền chống Pháp và tư tưởng quốc gia. Trong hai phủ Thăng Bình và Tam Kỳ họ nắm các trường học và điều hành việc dạy học. Họ trao cho học sinh những tài liệu kích thích tinh thần yêu nước, hận thù quân xâm lược, xem thường cái chết. Mỗi người phải sẵn sàng hy sinh cho tổ quốc. Thật là những bài học tuyệt vời về chí khí, chỉ tiếc là chúng ta một ngày kia phải trả giá cho sự giáo dục ấy mà thôi"[834].

---

832 Là người sẽ được trao nhiệm vụ cha nuôi Hoàng tử Vĩnh Thụy, tại Pháp.

833 Theo mạch văn của bài này thì Charles muốn nói: đầu tháng 11/1907, nhưng theo tài liệu của Lê Thị Kinh thì Phan ra Bắc từ tháng 7/1907.

834 *Trích báo cáo của công sứ Quảng Nam Charles từ 9/1906 đến 3/1908 về Phan Châu Trinh và phong trào Duy Tân,* Lê Thị Kinh, Phan Châu Trinh trong những tài liệu mới, Tập I, quyển I, trang 47-52.

Viên công sứ Charles đã nhận định đúng vai trò của giáo dục. Mà Trần Quý Cáp lúc đó là giáo thọ[835] phủ Tăng Bình giữ trách nhiệm hàng đầu. Điều này giải thích việc khâm sứ Trung Kỳ Lévecque đổi Trần Quý Cáp vào Ninh Hoà, để phân tán lực lượng Duy Tân và giết Trần Quý Cáp. Bị đổi vào Ninh Hoà, Trần Quý Cáp vẫn tiếp tục công việc, Charles viết: "*Trần Quý Cáp đã thận trọng bổ dụng một số người hoàn toàn tin cẩn của y. Những người tích cực nhất trong việc xây dựng các trường học sẽ được thưởng bằng một chức quan: như thế là đủ để cho giáo thọ có trách nhiệm trông nom các trường này có trong tay một công cụ tuyên truyền ghê gớm. May thay ngôi trường của chính giáo thọ đã bị cháy, không còn nơi dạy nữa. Trần Quý Cáp đang ở nhà tri huyện Hồ Sĩ Tạo cũng là tiến sĩ như y, nhưng Hồ Sĩ Tạo có mẹ qua đời đã xin nghỉ về quê*[836]*cư tang. Trần Quý Cáp lợi dụng cơ hội đó chiếm hẳn nhà Hồ Sĩ Tạo và tại ngôi nhà này y tiến hành tuyên truyền mạnh mẽ*"[837].

Việc Phan Khôi ra Hà Nội năm 1908, được Phan Trân cho phép, nằm trong chương trình hành động của nhóm Duy Tân Quảng Nam, gửi 11 học trò: *Lê Dư, Mai Dị, Nguyễn Bá Trác, Phan Khôi, Đặng Huyên, Lê Vỹ, Mai Luyện, Nguyễn Nhự, Võ Kiền, Lê Lượng và Lê Cơ,* ra Bắc học tiếng Pháp ở trường Đông Kinh Nghiã Thục và có thể tìm đường sang Nhật du học. Phan Châu Trinh đã ra Bắc từ tháng 7/1907, mang theo tiền đóng góp thu được ở Quảng Nam. Trần Quý Cáp, tháng 2/1908, khi bị đổi đi Ninh Hoà đã cảm thấy nguy cơ sắp đến và cũng chuẩn bị ra Bắc. Ngày 16/2/1908, Phan Khôi đi Hà Nội. Hai thầy trò đã gặp nhau bàn bạc trước khi lên đường.

Trong bản hỏi cung, Trần Quý Cáp khai: *"Sau lúc ông ta (Phan Châu Trinh) đi, tôi có đến Tourane (Đà Nẵng) để*

---

835 Quan coi việc học của một Phủ.

836 Ở Bình Định, chú thích Lê Thị Kinh.

837 Charles, bài đã dẫn.

xuống tầu Thủy. Lúc đó tôi đã gặp một học trò cũ tên là Phan Khôi đỗ tú tài, đang ở đó định sẽ đi tầu thủy ra Hà Nội và ở lại đó để học tiếng Pháp. Tôi đã nói với anh ta là tôi nhiều lần nghe nói các năm trước tại Hà Nội, Nhà Nước bảo hộ có mở những văn phòng để sửa sách gọi là tu thư, và lại có văn phòng của "Đại Việt tân báo"[838]*, tôi nhờ anh ta hỏi giúp tôi xem các văn phòng trên có nơi nào nhận tôi thì tôi sẽ xin từ chức giáo thọ để xin làm việc ở đó nhằm có thể đủ tiền ăn tiêu hơn và có điều kiện mở rộng kiến văn*"[839].

Trong bản hỏi cung số 24, phiên xử ngày 12/7/1908, Phan Khôi khai: *"Ngày 15 tháng 1 năm nay (16/2/1908), khi tôi xuống Đà Nẵng để ra Hà Nội học, tôi đã gặp thày giáo cũ của tôi là ông Trần Quý Cáp (giáo thọ) đang đi đến nhận nhiệm sở mới. Ông nhờ tôi nếu tôi gặp ông Phan Châu Trinh thì nói với ông ấy xem có thể tìm giúp cho ông một chỗ làm trong thư viện hay trong một toà báo và viết thư báo cho ông ấy biết. Đến Hà Nội, tôi có gặp Phan Châu Trinh và tôi nhắc lại điều ông Trần Quý Cáp đã dặn. Sau đó, tôi nhờ ông nếu có viết thư cho ông Trần Quý Cáp thì xin ông ghi ở cuối thư rằng tôi đã tới Hà Nội an toàn. Sau đó, tôi đi Nam Định để học tiếng Pháp. Tôi không hề viết thư cho thày giáo cũ của tôi, ông Trần Quý Cáp. Đoạn thư có liên quan tới tôi mà người ta thấy trong bức thư đó chắc hẳn là do ông Phan Châu Trinh viết. Vả chăng, từ khi tôi từ biệt ông để đi Nam Định, tôi không còn gặp ông nữa. Do đó, tôi không biết chính xác là ông có viết thư cho ông Trần Quý Cáp hay không"*[840].

Khi Phan Khôi và các bạn ra đến Hà Nội thì Đông Kinh Nghiã Thục đã bị rút giấy phép.

Xin nhắc lại: Đông Kinh Nghiã Thục khai giảng tháng 3/1907. Tháng 5/1907 mới chính thức được phép. Tháng

---

838 Là báo của Ernest Babut và Đào Nguyên Phổ, Phan Châu Trinh có cộng tác.

839 Trích hồ sơ thẩm vấn Trần Quý Cáp, số 79, Lê Thị Kinh, Phan Châu Trinh qua... Tập I, quyển 1, trang 118)

840 Lê Thị Kinh, Phan Châu Trinh qua... Tập I, quyển 1, trang 120.

1/1908, giấy phép bị thu hồi. Ban giám đốc phải thủ tiêu hết sách vở chứng từ. Pháp bắt những người cầm đầu; bổ một số người ôn hoà vào ty giáo huấn, chức huấn đạo[841] hoặc đi tri huyện, có người không nhận[842].

Việc đổi Trần Quý Cáp vào Khánh Hoà nằm trong chủ trương khủng bố của nhà cầm quyền cùng với việc đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục và Đăng Cổ Tùng Báo để phân tán lực lượng của tất cả những phong trào cách mạng và trừng trị những người chủ xướng.

Tháng 3/1908[843] mới bùng nổ vụ *Trung Kỳ dân biến*: Cuộc biểu tình chống thuế bắt đầu ở huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam rồi lan rộng khắp miền Trung, hình thức bạo động, ảnh hưởng Phan Bội Châu nhiều hơn Phan Châu Trinh.

Huỳnh Thúc Kháng bị bắt ở Quảng Nam. Phan Châu Trinh bị bắt ngày 2/3/1908 tại Hà Nội. Ngô Đức Kế bị bắt từ 1907, đến 1908 bị đày Côn Đảo cùng với những người khác.

Trần Quý Cáp bị bắt ngày 16 hay 17/4/1908[844] tại Khánh Hoà, bị xử tử ngày **15/6/1908** tức là ngày 17/5/Mậu Thân[845]. Khâm sứ Trung Kỳ Lévecque không đưa Trần Quý Cáp về Kinh để xử, theo thông lệ đối với các Tiến sĩ, tại sao? Phải chăng vì sợ Phủ Phụ Chính, đặc biệt các quan Lê Trinh và Cao Xuân Dục sẽ chống lại bản án tử hình như trường hợp Phan Châu Trinh, cho nên Lévecque đã cho lệnh giết Trần Quý Cáp tại chỗ?[846]

---

841 Quan coi việc dạy học một huyện.

842 Theo Nguyễn Hiến Lê, *Đông Kinh Nghiã Thục*, chương XI.

843 Nhiều nơi ghi tháng 2, vì không đổi ngày ta sang ngày Tây. Nguyễn Bá Trác ghi rõ tháng 3/1908.

844 Theo lời khai của Đoàn Thoại, Lê Thị Kinh, Phan Châu Trinh qua... Tập I, quyển 1, trang 53.

845 Hầu hết các tài liệu đều ghi ngày xử Trần Quý Cáp là 17/5/1908. Chỉ có Huỳnh Thúc Kháng ghi rõ: ngày 17 tháng 5 năm Mậu Thân. Vậy người ta đã chép ngày ta của Huỳnh Thúc Kháng, và thêm năm Tây vào.

846 Lê Thị Kinh cũng đưa ra giả thiết này, Phan Châu Trinh qua... Tập I, quyển 1, trang 39.

♦ Số phận Phan Khôi
và những học trò đi trốn hoặc bị bắt

Các thanh niên Quảng Nam được gửi ra Hà Nội học Đông Kinh Nghiã Thục tới nơi thì trường đã bị đóng cửa, bèn chạy về Nam Định, học tiếng Pháp với Nguyễn Bá Học. Phan Khôi bị bắt giải về Quảng Nam. Nguyễn Bá Trác trốn ở trong Nam một năm rồi chạy qua Thái Lan, Nhật và Tàu. Sở Cuồng Lê Dư có lẽ đã đi Nhật từ trước, sau sang Tàu...

1/ Bản án số 9, ngày 3/8 năm Duy Tân thứ hai, tức là ngày 29/8/1908, có đoạn như sau: "*Trương Huy, Lê Dư càn quấy diễn thuyết mỗi nơi chỉ trích, phỉ báng quan lại; Mai Dị, Nguyễn Bá Trác và Phan Khôi không xin phép, tự tiện đi Bắc Kỳ, dịch phục cải trang* (mặc âu phục) *(...) Xét tình đó, thì tự Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng xướng xuất, mà bọn này là phụ họa đấy thôi. (...) Lê Dư, Mai Dị, Nguyễn Bá Trác, Phan Khôi, Đặng Huyên, Lê Vỹ, Mai Luyện, Nguyễn Nhự, Võ Kiền, Lê Lượng và Lê Cơ, xin đều xử trượng 100, đồ 3 năm. Tựu trung Nguyễn Bá Trác tại đào, xin nên gia đẳng xử trượng 100, đày 2000 dặm, chờ bắt được, chiếu án thi hành*"[847].

2/ Phan Châu Trinh viết: *"Ông cử nhân Nguyễn Bá Trác và Phan Khôi, Nguyễn Mai, cùng bạn học hơn 10 người ra Hà Nội học tập Pháp văn; sau vụ dân biến, đều đánh điện sức về hết. Bạn đồng học năm, sáu người tuân lệnh về làng; tức thì bị bắt làm án. Ông cử nhân ấy sợ trốn ra ngoại quốc, nghe nói cha ông ta bị bắt giam, bức bách đủ cách, nhà ông trước cũng khá giàu, nay thì đã nghèo xơ xác, mà cái lệnh bắt bớ đến nay* (1911) *cũng chưa đình, như vậy thì không khác gì đẩy người ta ra ngoại quốc vậy.*

---

847 Trích châu bản số 9, triều Duy Tân, Nguyễn Thế Anh, *Cuộc kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*, Văn Vĩ dịch, Bộ Văn Hoá Giáo Dục và Thanh Niên xb tại Sài gòn 1973, in lại trong *Phong trào Duy Tân*, Nguyễn Q. Thắng, Văn Hoá Thông Tin, 2006, trang 671-674.

Bà con của thân sĩ Quảng Nam và những người vô tội bị bắt giam đánh khảo, nhiều không kể siết, án tù khổ sai từ 2 tháng đến 3 năm ước hơn trăm"[848].

3/ Về việc chạy trốn, Nguyễn Bá Trác viết:

"Ngày tháng giêng năm 1908, tôi cùng mấy người bạn ra chơi Bắc Kỳ, định ở lại Nam Định mà học. Đến tháng 3 nhân việc ngăn trở[849] *phải đáp tàu về Đà Nẵng (Tourane). Khi về đến nơi không tiện lên bờ, bèn chạy thẳng vào Quy Nhơn. Đến đấy đổ bộ đi xuyên sơn vào Phú Yên, lẩn lút trong chừng 8, 9 tháng. Ngày 24 tháng chạp năm ấy, mới đáp mành vào Nam Kỳ. Từ cửa bể Xuân Đài mà ra khơi. Đến ngày 7 tháng giêng năm 1909, tới Mỹ Tho, lần vào Bến Tre, đến làng Tân Hướng tìm chỗ ngồi bảo trẻ. Ngày tháng tư năm ấy, nhân theo bạn lên Sài Gòn mua sách vở. Đêm nằm nhà trọ nghe người một bên nói chuyện đi Xiêm, nghe lỏm được kỳ tầu và cách đi, bèn xuống tầu mà châm chước với một người thủy thủ. Được người ấy chịu lời rồi đêm mồng ba tháng tư xuống tầu mà làm khách xuất dương từ đấy"*[850].

Hạn mạn du ký là một áng văn hay, một tư liệu quý về số phận những thanh niên theo Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, như Lê Dư, Nguyễn Bá Trác, trong vụ khủng bố 1908 phải chạy trốn: sang Nhật. Nhật đuổi. Sang Tàu.

Cuối cùng, nhớ nước, phải quay về đầu thú.

4/ Kết toán các sự kiện về Phan Khôi: Phan Khôi ra Hà Nội giữa tháng 2, tháng 3 bùng nổ vụ Trung Kỳ dân biến, Phan Khôi cùng các bạn theo thầy Nguyễn Bá Học về Nam Định. Học được ba tháng thì bị bắt, khoảng tháng 6/1908 ở Nam Định. Theo bản án triều Duy Tân ngày 29/8/1908, Phan Khôi bị đánh 100 gậy và bị tù 3 năm, vì tội *"tự tiện đi Bắc Kỳ*

---

848 PCT, *Trung kỳ dân biến thỉ mạt ký*, bản dịch Nguyễn Q. Thắng và Lê Ấm, in trong *PCT cuộc đời và tác phẩm*, Văn Học, 1992, trang 321-322.

849 Ý nói vụ Trung Kỳ dân biến.

850 Trích *Hạn mạn du ký - Bài ký của người đi chơi phiếm* của Nguyễn Bá Trác, nguyên tác chữ Hán, bản dịch in trên Nam Phong, số 19 tháng 11/1919.

không xin phép, và mặc đồ Tây". Sau khi ra tù Phan Khôi còn bị quản thúc khá lâu: *"Ra tù từ năm 1911, cho đến năm 1917, chẳng có cơ hội nào cho mình vượt khỏi cổng làng. Điều ấy, tự tôi lấy làm uất ức đã đành, mà tiên quân tôi, người lại còn lo cho tôi hơn nữa. Muốn ra đi, cái chí của tôi ở chỗ khác; nhưng thầy tôi thì chỉ mong làm sao cho tôi có đường xoay xở hầu mau thoát cái lốt tù"*[851].

Về sự kiện này, Nguyễn Công Hoan đã xuyên tạc Phan Khôi bằng những dòng như sau: *"Trong những người bị bắt, người thì bị tử hình, người thì bị chung thân khổ sai, hoặc hai mươi năm, mười năm, không rõ Phan Khôi đã khai báo như thế nào, hắn chỉ bị giam một thời gian ngắn"*[852].

Ở tù ra, Phan Khôi vẫn tiếp tục bí mật hoạt động cách mạng một thời gian nữa. Nhưng lần này Phan Trân đổi ý, khuyên răn con, thậm chí van lơn con đừng làm cách mạng nữa, vì nhà con một. Đó cũng là một trong những lý do khiến Phan Khôi không tham gia khởi nghiã Duy Tân, 1916, nên không bị bắt.

♦ Người thầy đầu tiên Trần Quý Cáp

Phan Khôi học Trần Quý Cáp 10 năm, từ 1896 đến 1906. Trần Quý Cáp (1870-1908), tiến sĩ khoa Giáp Thìn, 1904, Huỳnh Thúc Kháng đậu hoàng giáp cùng khoa, và Phan Châu Trinh đậu phó bảng, 1901, là ba nhà lãnh đạo Duy Tân. Trong ba người, Trần Quý Cáp hay chữ và nguy hiểm hơn cả, bởi ông trực tiếp dậy học, hướng dẫn tư tưởng thanh thiếu niên. Học trò Trần Quý Cáp có đến nhiều ngàn người. Phan Khôi, sau khi mẹ mất, được cha gửi đi trọ học trường Trần Quý Cáp, thôn Thái La, làng Bất Nhị, trong 10 năm, từ 9 đến

---

851 *Bạch Thái Công Ty thơ ký viên*, Dân báo, Sàigòn, số 201, số Tết 1940, tài liệu Lại Nguyên Ân.

852 Nguyễn Công Hoan, *Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến*, Văn Nghệ số đặc biệt thứ hai chống NVGP, số 12, tháng 5/1958, trang 14.

19 tuổi. Phan tả lại cảnh trường như sau: *"Ở trong một xóm cuối làng, dân cư lơ thơ, nhà ở xen với những đám ruộng thổ, một nếp nhà tranh đôi khi ở trong rừng mía rậm, ấy là nhà của thầy tôi và cũng là trường học đó. (...) Thầy tôi là trang quân tử thanh bần, thiên hạ đều biết, quân trộm cướp cũng đã thấy mà chê rồi, nên dù ở đó cũng chẳng ngại chi. Còn một lẽ nữa là cái cảnh tĩnh mịch đìu hiu lại rất lợi cho sự học. Cái nhà ba gian hai chái, sườn bằng gỗ, rộng lòng căn. Trong nhà trừ ba gian bàn thờ và một cái buồng ở góc, còn thì liệt ván cả. Một bộ ván cao ở giữa là chỗ thầy ngồi; còn bao nhiêu ván thấp, cho học trò"*[853].

Khoảng 1889-1896, học trò đông nhất, hàng ngày đến *"nghe sách"* có đến trăm rưởi, hai trăm. Người không đến nghe, chỉ nộp bài, cũng tám chục, một trăm. Mỗi kỳ khảo hạch, thầy phải chấm ba trăm quyển. Học trò đến từ các nơi, có khi cả Phú Yên, Bình Định nghe tiếng trường lớn cũng ra học. Phan Khôi viết:

"Thầy bước lên thì ngồi đó[854] *quay mặt ra phía ghế xuân ý* [855] *coi rất nghiêm, vì bao giờ cũng khăn đen áo rộng.*

Sách giảng hàng ngày là kinh, truyện, sử, mà cứ ngày chẵn ngày lẻ đổi khác nhau. Như ngày chẵn: Kinh thi, truyện Luận ngữ, sử Hán, thì ngày lẻ: Kinh dịch, truyện Mạnh tử, sử Đường. Rồi theo đó cứ luân lưu mà giảng tiếp.

Thầy ngồi yên rồi, dưới nầy một trò nào chẳng hạn, chiếu theo ngay mà mở ba cuốn sách, nhằm chỗ tiếp với hôm trước, theo thứ tự đè chồng lên nhau và đem đặt lên ghế xuân ý, trước mặt thầy.

Đọc đi! Thầy truyền. (...) Rồi một người tốt giọng bắt đầu đọc. Đọc chậm rãi mà ngân ngợi. Được vài ba tờ, tới chỗ thầy bảo dứt thì dứt. Đến phiên thầy cắt nghiã."

---

853 Đi học đi thi, bđd.

854 Tức là thày ngồi trên ván cao kê giữa nhà.

855 Ghế để nghiên son bút son.

Về "lương bổng" của thầy: *"Thầy đối với chúng tôi như chẳng thèm kể đến công dậy dỗ. Mỗi một năm hai lễ tết, đoan dương*[856] *và chánh đán*[857] *trò nào đi bao nhiêu thì đi, thầy chẳng hề nói ít nhiều (...) Vì vậy nên một trường lớn như trường thầy tôi mà mỗi lễ tết, thầy thâu vào không đầy trăm bạc"*[858].

Năm 1906, Trần Quý Cáp được bổ chức giáo thọ phủ Thăng Bình. Ban đầu ông không nhận, nhưng vì cảnh mẹ già, nghèo túng, và các bạn khuyên, ông nhận. Việc làm của ông tại phủ Thăng Bình đã đưa đến kết luận của Charles trong bản báo cáo đã trích dẫn ở trên. Huỳnh Thúc Kháng viết: *"Khi tới trường, tiên sinh mời thầy chữ Tây về dậy chữ quốc ngữ và chữ Tây, làm cho phong khí tỉnh nhà được mở mới, như Diên Phong, Phú Lâm, Phước Bình. (...). Vì thế Tiên sinh thành ra tấm bia cho phái cựu học nhắm vào"*[859]. Rồi Trần Quý Cáp viết bài *Sĩ phu tự trị luận* công kích đám *"trung đẳng sĩ phu"*.

Tháng 3/1908, bùng nổ vụ Trung Kỳ dân biến. *"Tiên sinh tuy đã vào miền Nam, nhưng vì cớ lãnh tụ phái tân học, lại đề xướng dân quyền tự do, cũng như cụ Tây Hồ vậy, làm cho nhà đương đạo Khánh Hoà chú mục, kiểm soát thư từ ra vào thấy có đôi câu cho là chủ động, kết án "Mạc tu hữu"*[860]*. Tiên sinh lên đoạn đầu đài, thật là thê thảm! Trong lịch sử huyết lệ, Tiên sinh là người thứ nhất!"*

Huỳnh Thúc Kháng ghi rõ ngày 17/5 Mậu Thân, tức ngày 15/6/1908, Trần Quý Cáp bị xử tử tại Nha Trang.

Trần Quý Cáp là người hay chữ nhất trong ba vị lãnh tụ Duy Tân. Về văn bản, Huỳnh Thúc Kháng cho biết: *"Về thi*

---

856 Đoan ngọ.

857 Nguyên đán.

858 Đi học đi thi, bđd.

859 Trích theo *Tiểu sử Trần Quý Cáp* của Huỳnh Thúc Kháng, tiểu sử này ghi viết ngày 20/2/Mậu Dần (21/3/1938), bản dịch của báo Minh Tân số 63, in năm 1959, in lại trong *Trần Quý Cáp* của Lam Giang, Đông A, Sài Gòn, 1971, trang 10-16.

860 Xử tội chẳng cần án.

văn của Tiên sinh không lưu bản cảo, chỉ có đồng nhân cùng tôi còn nhớ đôi bài lượm lặt chép thành tập, gửi nơi Tiêu Đẩu Nguyễn Bá Trác".

Phan Bội Châu viết: *"Nhớ khi ông ra tới trường chém, dao đã kề cổ, còn thung dung xin với quan giám trảm, cho đặt án đốt hương, áo mão nghiêm trang, bái tạ quốc dân ngũ bái, rồi khảng khái tựu hình, sắc mặt in như khi nhóm trò giảng sách."*[861]

Trần Quý Cáp bị xử chém. Cái chết thảm khốc của người thầy đã in dấu sâu đậm trong đời Phan Khôi và ảnh hưởng sâu xa đến đường lối văn hoá và sự tranh đấu bất bạo động của Phan Khôi sau này.

III ● Con đường văn hoá

♦ Ảnh hưởng Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh

Người đầu tiên Phan Khôi chịu ảnh hưởng trong nghề báo là Nguyễn Văn Vĩnh. Bởi lối viết vừa *đàm* vừa *luận* của Nguyễn Văn Vĩnh trên *Đăng Cổ Tùng Bá* (1908) sau này thấy sống lại trong lối *hài đàm* của Phan Khôi.

Nhưng Nam Phong là nơi khởi sinh nghiệp bút, với mục bình thơ *Nam Âm thi thoại.* Bài đầu ít nhiều chịu ảnh hưởng bài *Thơ Ta thơ Tây* (có lẽ là bài *lý thuyết thơ* sớm nhất của Việt Nam) của Phạm Quỳnh viết năm 1917. *Nam Âm thi thoại* bình thơ theo lối Tầu, nhưng đã có những nhận thức mới về ngữ học, đặc cách Phan Khôi: trực bút, cô đọng, dùng chữ độc sáng, bất ngờ. Khi Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến viết thay, mục này không còn thú vị nữa.

Từ 1917, Phạm Quỳnh đã viết phê bình văn học, nhưng cách phê bình của ông -tóm lược tác phẩm, nói qua cái hay và cái dở- nay đã lỗi thời; ngược lại, tiểu luận, triết học, ngữ học, biên khảo và dịch thuật của Phạm Quỳnh có giá trị bất biến.

---

861 Phan Bội Châu, *Văn khóc cụ nghè Trần Quý Cáp*, in trong *Thi văn quốc cấm*, Thái Bạch soạn, Sài Gòn, 1968, trang 390.

Phan Khôi viết phê bình văn học sau Phạm Quỳnh.

Bài *Cái cười của con rồng cháu tiên* trên PNTV số 84 ra ngày 28/5/1931, là một sáng tạo độc đáo: Đọc *Cay đắng mùi đời* của Hồ Biểu Chánh, ông chú ý đến ý nghiã trong cái cười của người Việt: tự nhận mình là con Rồng cháu Tiên, nhưng vô ý thức, gì cũng cười, cười cả sự tật nguyền của người khác, *"cái cười vô nghiã lý, vô ý thức, cái cười vừa ngu dại, vừa độc ác"* ấy *"đã thấm vào máu dân tộc nầy"*. Đây là bài phê bình văn học theo lối xã hội học sớm nhất của văn chương Việt Nam. Bài này đã làm Tản Đà nổi giận, viết loạt bài *Bài trừ cái nạn Phan Khôi ở Nam Kỳ*[862], buộc tội Phan phỉ báng dân tộc và đòi *"giết"* Phan Khôi trên văn đàn.

Dù Phan Khôi chỉ cộng tác với Nam Phong trong hơn một năm, có bài in trên báo từ tháng 2/1918 đến tháng 5/1919, nhưng chịu ảnh hưởng Phạm Quỳnh khá rõ. Phan tiếc đã bỏ Nam Phong - có lẽ ngoài những lý do khác, còn có vấn đề hai cá tính độc đáo không thể ngồi chung, Phạm Quỳnh nhỏ hơn Phan Khôi năm tuổi, mà làm xếp, không dễ. Sau này, dù hai người có tranh luận, nhưng vẫn tương kính nhau. Thời kỳ Nam Phong, Phan Khôi đã học được tinh thần phê bình, óc lý luận của Phạm Quỳnh.

♦ Một đời tự học

Phan Khôi học chữ Hán với ông nội, cha và 10 năm với Trần Quý Cáp, rồi tự học quốc ngữ và tiếng Pháp từ 1906; dịch Kinh Thánh trong 5 năm 1920-1925: những *"trường rèn luyện"* ấy đã tạo nên nhà báo và học giả uyên thâm hai nền văn hoá Đông Tây. Phan Thị Nga, dưới dạng phỏng vấn Phan Khôi và viết lại, ghi trên Hà Nội Báo về việc ông học tiếng Pháp như sau:

- *"Ông xuống Nam Định học với ông Nguyễn Bá Học, gặp thầy hay, ông thấy sức học mình tấn tới, nhưng rủi mới*

862 An Nam tạp chí, Hà Nội từ số 26 (1/1932)

học được ba tháng ông lại bị bắt giải về Quảng. Người ta kết án ông (ông Phan Thành Tài người Quảng Nam (Bảo An tây) trước làm phán toà sau về dạy học can vào việc vua Duy Tân, bị xử tử). Ba năm trong lao, ông tìm cách đưa sách vào học như Lecture courante, Manuel v.v... Đọc sách chỗ nào không hiểu ông lại lật tự vị ra tra. Hồi ấy, ông nghe nói có thày Ưng Điển dạy giỏi, ông viết thư nhờ thày Điển ra bài cho. Làm đâu được vài bài vừa bị ông án Trần Văn Thống khám xét thâu hết sách Tây ta, bút, giấy và nói một câu nghe rất ý vị: "Các anh còn học làm gì nữa vì có ai cho các anh thi nữa mà học!"

Mãn tù ông ra Huế xin học trường dòng (...) ông vô học đứng chót đội sổ trong hai tháng, qua tháng thứ ba đến kỳ hạch ông trở nên đứng đầu. Gặp đại tang, ông thôi học, về quê mở lớp dạy chữ Nho và quốc ngữ. Hai năm sau có nghị định bỏ thi, ông thôi dạy, bảo học trò: "Dạy các anh cho giỏi chữ Nho tôi vẫn dạy được, nhưng bây giờ các anh học giỏi ra chẳng làm gì được hãy học chữ Tây đi".

Thôi dạy, ông lại cắp sách đến trường học thầy Lê Hiển, ông cùng học với học trò của ông. Qua năm sau, ông Nguyễn Bá Trác giới thiệu ông vào làm Nam Phong. Ông bước vào nghề báo từ lúc ấy (1918) viết được một năm, ông xuống Hải Phòng làm thơ ký cho Bạch Thái Bưởi. Đơn từ bằng chữ Tây ngăn ngắn ông có thể xem được và viết được.

Thôi làm thơ ký, ông lại vào Nam viết cho Lục Tỉnh Tân Văn. Làm được ít lâu, ông viết một bài kịch liệt quá, người ta buộc ông thôi, ông lại ra Bắc làm cho hội Tin Lành. Ông chuyên dịch Kinh Thánh chữ Nho ra quốc ngữ. (...). Ông sóng Kinh thánh Tây với Kinh thánh Tàu rồi dịch, chấm câu rất rành mạch. Làm được một năm ông lại thôi, vào Nam kiếm việc"[863].

---

863 Phan Thị Nga, *Lối tự học của những bậc đàn anh nước ta*, Hà Nội báo, số 10, 11/3/1936, trích đoạn này dùng bản Thanh Lãng soạn, tài liệu đánh máy, của Tạ Trọng Hiệp. Bản in trong *13 tranh luận văn học* bị cắt mấy câu.

Từ 1911 đến 1917, Phan Khôi tìm cách thoát ly khỏi cảnh bị quản thúc ở làng: *"Ra tù từ năm 1911, cho đến năm 1917, chẳng có cơ hội nào cho mình vượt khỏi cổng làng. Điều ấy, tôi tự lấy làm uất ức đã đành, mà tiên quân tôi, người lại còn lo cho tôi hơn nữa. Muốn ra đi, cái chí của tôi ở chỗ khác; nhưng thầy tôi thì chỉ mong làm sao cho tôi có đường xoay xở hầu mau thoát khỏi cái lốt tù. Vậy mà năm 1918 ra Hà Nội làm Nam Phong tạp chí nửa chừng lại bỏ mà về"*[864].

Trong thời gian này, Phan Khôi vẫn liên lạc với những hoạt động yêu nước. Phan Thành Tài, thầy dậy Pháp văn của ông tham dự vào cuộc khởi nghiã Duy Tân năm 1916, bị tử hình. Phan Khôi cũng được Thái Phiên rủ vào, nhưng ông từ chối. Vì cái chết của Trần Quý Cáp, nên Phan Khôi lựa chọn con đường văn hoá? Vì ông không tin ở khả năng những người cầm đầu? Hay vì sự cấm đoán nghiêm ngặt của cha? Nguyễn Công Hoan sẽ vin vào cớ Phan Khôi từ chối Thái Phiên để xuyên tạc ông làm chỉ điểm cho Tây từ năm 1916.

Năm 1918, được Nguyễn Bá Trác mời vào Nam Phong. Đó là cơ hội tốt để vào nghề cầm bút. Nhưng chỉ được một năm, Phan Khôi bỏ Nam Phong vào Nam và tại Sài Gòn, ông lại gặp khó khăn với tờ Lục Tỉnh Tân Văn:

"Năm 1919 vào Sàigòn, trước làm cho Quốc Dân Diễn Đàn, sau làm cho Lục Tỉnh Tân Văn, không bao lâu bị giải chức. Những lúc ấy, về ở nhà, tôi đôi khi cũng nghĩ đến sự mình mà ân hận: Té ta tôi chẳng những là thằng người không biết chiều đời mà còn là thằng con không biết chiều cha.

Ở Sàigòn về nhà đầu mùa thu năm 1919, nằm khoèo cho đến mùa xuân năm sau, tôi thấy chán sự đeo đuổi theo đời, nhưng còn thấy chán hơn nữa là cái cảnh phẳng lỳ với

---

864 *Bạch Thái Công ty thơ ký viên*- một tự truyện của Phan Khôi, Dân báo, Sài Gòn, số 201, số Tết, 1940, tài liệu của Lại Nguyên Ân.

vợ với con. Ấy thế mà mỗi khi bẩm mạng cùng thầy tôi xin lại đi nữa, thì người một hai ngăn trở không cho, lấy cớ rằng vận hạn của tôi còn xấu lắm, dẫu có đi cũng chưa làm gì được. Tôi biết làm sao có được tự do như (...) đây. Xin phép mà không được là phải chịu. Suốt một mùa đông tôi ngày nào cũng phải nốc rượu và thường thường ban đêm trốn đi đánh cờ đánh kiệu ở nhà hàng xóm"[865].

Những dòng tâm sự trên đây nói rõ nỗi khổ tâm của ông, trên đường lập thân. Tháng 3/1920, một cơ hội nữa giúp Phan Khôi thoát ly gia đình lần thứ nhì: Người em họ là Phan Hạnh chết tại Thanh Hoá, Phan được người chú ủy thác ra Thanh lo mọi việc. Phan đưa hành lý của người đã khuất ra Hà Nội, định xuống Hải Phòng lấy tàu về Trung. Nhưng tại Hải Phòng, tình cờ kiếm được việc làm thư ký cho Bạch Thái Bưởi, lương tháng 50 đồng. Được 8 tháng, 1/5/1920-31/12/1920, Phan Khôi xin nghỉ vì điều kiện làm việc quá vất vả. Trong bài *Bạch Thái Công Ty thơ ký viên*, ông có những lời chỉ trích sự bóc lột và khôn khéo của Bạch Thái Bưởi, nhưng vẫn ngụ ý khâm phục. Sau này trong một bài viết khác, ông xác định Bạch Thái Bưởi và Nguyễn Văn Vĩnh là hai nhân vật kỳ tài.

♦ 1921- 1925, dịch Kinh Thánh

Sở dĩ Phan Khôi xin nghỉ việc, vì ông đã tìm được việc mới ở Hà Nội: dịch sách cho Hội Tin Lành của Mỹ, việc này vừa cao lương hơn vừa phù hợp với chí hướng của ông: trau dồi tiếng Pháp và tìm hiểu tư tưởng Tây Phương - Sau NVGP, người ta sẽ vin vào cớ này để buộc tội Phan Khôi làm việc cho Mỹ. Phan Khôi nghỉ việc với Bạch Thái Bưởi ngày 31/12/1920, và có viết thư bảo đảm báo trước một tháng. Như vậy có thể xác định: Phan Khôi đã nhận dịch Kinh Thánh vào khoảng tháng 11/1920.

---

865 *Bạch Thái Công ty thơ ký viên*, bđd.

Phan Khôi viết: *"Tôi đã từng dịch kinh điển đạo Cơ Đốc từ tiếng Pháp và tiếng Tàu ra tiếng Việt Nam. Hồi đó tôi làm việc ấy dưới quyền hai ông bà mục sư W. Cadman. Tuy họ coi tôi là người trọng yếu lắm trong việc dịch, nhưng dầu đến một câu trong đó họ cũng không để toàn quyền về tôi. Gặp câu nào nghĩa hơi khó một chút thì bà Cadman đem nhiều bổn sách ra mà đối chiếu -vì bà biết đến 13 thứ tiếng- để chọn lấy nghiã nào đúng nhứt. Phần chúng tôi dịch chỉ có bộ Tân ước và một phần ba Cựu ước thôi, song mất đến 5 năm mới thành"*[866].

Bà Phan Thị Nga ghi lại việc ông dịch kinh Thánh như sau: *"Ông chuyên dịch Kinh Thánh chữ Nho ra chữ quốc ngữ, cứ theo nguyên văn bên chữ Hán mà dịch thì người mình xem Kinh không thể hiểu được, vì lối chấm câu chữ Hán không minh, ông sánh Kinh Thánh Tây với Kinh Thánh Tàu rồi dịch, chấm câu rất rành mạch."*[867]

Trong bài *"Giới thiệu và phê bình Thánh Kinh Báo"*, có một câu Phan Khôi xác định thời gian dịch Kinh Thánh: *"Sau hết, tôi xin có lời cảm ơn ông bà Mục sư Cadman đã gởi tặng tập báo nầy cho tôi. Vì tôi làm chung việc dịch Kinh Thánh với ông trong 5 năm (1920-1925), biết ông là người yêu lẽ thật, nên thấy trái thì nói, tôi chẳng lấy làm ngại chút nào"*[868].

Phước Nguyên, trong bài viết *Quá trình phiên dịch Kinh Thánh sang tiếng Việt*[869], cho biết: Hội Công Giáo bắt đầu từ dịch Kinh Thánh từ 1872 và Hội Tin Lành dịch từ 1916. Ông tìm lại lịch sử những bản dịch xuất hiện từ 1892 đến 1919, và trong giai đoạn này, Kinh Thánh chỉ mới được

---

866 *Bàn về việc dịch kinh Phật*, Trung Lập 5/9/1931, Phan Khôi 1931, Lại Nguyên Ân sưu tầm, trang 352.

867 Phan Thị Nga, bđd.

868 PNTV, số 74 (16/10/1930), Phan Khôi 1930, LNA, trang 568.

869 Phước Nguyên, *Quá trình phiên dịch Kinh Thánh sang tiếng Việt,* Báo Linh Lực, 1/1996, baolinhluc.org

dịch từng phần. Với sự đóng góp của Phan Khôi, bộ Kinh Thánh mới hoàn tất và được Hội Tin Lành in năm 1926. Phước Nguyên viết: *"1923, Thánh Kinh Hội Anh Quốc xuất bản Kinh Thánh Tân Ước tại Hà Nội. Toàn bộ Kinh Thánh được thực hiện xong vào năm 1925, và xuất bản năm 1926 tại Thượng Hải.*

Bản dịch này do một nhóm học giả gồm có cụ Phan Khôi, ông bà giáo sĩ William C. Cadman, giáo sĩ John D. Olsen thực hiện với sự giúp đỡ của một số thành viên khác trong đó có cụ: Trần Văn Dõng, sinh viên trường Cao Đẳng Đông Dương, cụ Tú Phúc và vài học giả khác. Tuy nhiên người phiên dịch chính là cụ Phan Khôi.

Trong suốt 70 năm qua, bản Kinh Thánh nầy được tục bản nhiều lần tại Anh Quốc, Hong Kong, Hoa Kỳ, Đức, Đại Hàn và Việt Nam. Đây là bản Kinh Thánh được ấn hành và sử dụng rộng rãi nhất hiện nay. Mặc dù chúng ta không có số liệu thống kê chính thức nhưng ước tính mỗi lần tái bản Kinh Thánh từ 5000 đến 10.000 cuốn; trong suốt 70 năm qua, số Kinh Thánh phát hành đã được vài trăm ngàn cuốn. Có lẽ đây là cuốn sách Việt Ngữ được phát hành nhiều nhất từ trước đến nay".

Sau đó Phước Nguyên liệt kê việc dịch, hiệu đính và in kinh thánh từ 1925 đến ngày nay ra chữ quốc ngữ và chữ nôm, và ông cho biết:

"Năm 1995, toàn bộ Kinh Thánh của Giáo Hội Tin Lành đã được tái bản tại Đà Nẵng (Việt Nam). Bộ Kinh Thánh tái bản lần này là bản Kinh Thánh 1926. Việc tái bản này do Hội Thánh Tin Lành Việt Nam thực hiện với sự hỗ trợ của Thánh Kinh Hội Liên Hiệp (UBS). Đây là bản Kinh Thánh đầu tiên được phép in và phát hành dưới chế độ cộng sản Việt Nam"[870].

---

870 Phước Nguyên, bđd.

Bây giờ, thử so sánh đoạn *Chúa giáng sinh*, trong kinh Tân Ước qua hai bản Tin Lành và bản Công Giáo, để thấy cách dịch của Phan Khôi.

Phúc âm Matthieu - L'Évangile selon Saint Matthieu, bản Tin Lành dịch:

Phúc âm Mã-Thi

Chúa giáng sinh

Sự giáng sinh của Chúa Cứu Thế Giê-xu diễn tiến như sau: Cô Ma-ri đã đính hôn với Giô-sép, nhưng khi còn là trinh nữ, nàng chịu thai do Thánh Linh. "Giô-sép, vị hôn phu của Ma-ri là người ngay thẳng, quyết định kín đáo từ hôn, vì không nỡ để nàng bị sỉ nhục công khai.

Đang suy tính việc ấy, Giô-sép bỗng thấy một thiên sứ đến báo mộng: "Giô-sép, con cháu Đa-vít! Đừng ngại cưới Ma-ri làm vợ! Vì cô ấy chịu thai do Thánh Linh. Ma-ri sẽ sinh con trai, hãy đặt tên là Giê-xu vì Ngài sẽ cứu dân Ngài khỏi xiềng xích tội lỗi"[871].

Bản Công giáo dịch:

Tin mừng theo thánh Mát-Thêu

Truyền tin cho ông Giu-se

Sau đây là gốc tích Đức Giê-su Ki-tô: bà Ma-ri-a, mẹ Người, đã thành hôn với ông Giu-se. Nhưng trước khi hai ông bà về chung sống, bà đã có thai do quyền năng của Chúa Thánh Thần. Ông Giu-se, chồng bà, là người công chính và không muốn tố giác bà, nên mới định tâm bỏ bà cách kín đáo. Ông đang toan tính như vậy, thì kìa sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: "Này ông Giu-se, là con cháu Đa-vít, đừng ngại đón bà Ma-ri-a vợ ông về, vì người con bà cưu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần.

---

871 Thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước do Thánh Kinh Hội quốc tế xuất bản, Văn Phẩm Nguồn Sống phát hành, 1994, trích Kinh Tân Ước, sách Phúc âm Mã-Thi, Chúa giáng sinh, trang 1.

Bà sẽ sinh con trai và ông phải đặt tên cho con trẻ là Giê-su, vì chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ"[872].

So sánh hai đoạn văn này, chúng ta thấy ngay tài dịch của Phan Khôi: đoạn trên ngắn hơn đoạn dưới hơn một dòng, lại rõ nghiã và hay hơn. Ví dụ *Évangile* dịch là *Phúc âm,* Hán Việt, hay hơn *Tin mừng,* thuần Việt. Không kể sự vô lý ở đoạn dưới: chưa chung sống thì sao gọi là vợ chồng? Bản tiếng Pháp phổ thông cũng ghi: *"Marie, sa mère, était fiancée à Joseph - Bà Marie, mẹ người, là vợ chưa cưới của Josep.* Tóm lại: Bản Kinh Thánh phổ biến hiện nay của Hội Tinh Lành, là do Phan Khôi, dịch giả chính đã dịch *Tân ước* và *1/3 Cựu Ước.* Ông đã làm trong 5 năm, 1921-1925.

Thời kỳ dịch Kinh Thánh là thời kỳ chủ chốt, đã rèn luyện ngòi bút Phan Khôi. Nhờ sự tiếp xúc sâu sắc với Kinh Thánh, ông hiểu văn minh Tây phương, từ nguồn cội. Ngoài ra, dịch là trường dạy ngôn ngữ, khiến sau này ở địa vị "ngự sử văn đàn", không những Phan Khôi viết tiếng Việt đúng mà ông còn đòi hỏi những nhà văn khác phải viết tiếng Việt cho đúng.

♦ Ba năm ở ẩn Cà Mau 1922-1925

Một dấu hỏi: Tại sao khoảng 1921-1922, Phan Khôi ở Hà Nội, có việc làm: dịch Kinh Thánh và viết báo Hữu Thanh[873] và Thực Nghiệp Dân Báo, lại bỏ vào Sài Gòn? Vậy Phan Khôi vào Sài Gòn là có *"nhiệm vụ"* gì, hay chỉ tình cờ? Nhất là vào Sài Gòn rồi phải trốn xuống Cà Mau. Về việc này, Phan Thị Nga viết: *"Gặp hồi chưa có việc ông dùng thì giờ rỗi để học, ông ở tại đồn điền của một bạn ở Cà Mau, đồn điền ấy hẻo lánh quá, không có ai nói chuyện cho vui, ông vụt cầm bút viết bức thư thứ nhất, bức thư chữ Tây cho ông De-jean. Rất ngạc nhiên và khen bức thư của ông viết trôi chảy,*

872 Kinh Thánh Tân Ước, nxb Thành Phố Hồ Chí Minh, 2000, trang 68.

873 Hữu Thanh là báo của Ngô Đức Kế, một trong những người lãnh đạo phong trong trào Đông Du và Duy Tân, vừa từ Côn Đảo trở về.

ông Dejean bảo ông có thể dạy ông Phan trong 6 tháng, ông ta có thể viết được báo chữ Tây. Từ đó về sau ông Phan thường dịch các bài của ông Dejean viết ở các báo Tây.

Lối học của ông Phan hồi ấy là gặp chữ chi khó là hỏi, hỏi rồi tra tự vị lại cho chắc chắn và biên vào sổ con, gặp bài gì thích thì dịch"[874].

Phan An, Phan Cừ viết:*"Do một sự việc gì đó, ông bị Pháp tình nghi và đe doạ, nên phải chạy về Cà Mau ẩn náu nơi nhà người bạn làm chủ đồn điền"*[875].

Phan Thị Mỹ Khanh viết: *"Rồi nhân có một vụ việc gì đó xẩy ra ở thành phố, ông bị mật thám tình nghi, đe dọa, phải chạy xuống Cà Mau tạm trú tại nhà một người quen thân làm chủ đồn điền tại đây. Thời gian ở ẩn ăn không ngồi rồi khá lâu, mất đến gần 3 năm, nhưng cha tôi biết tận dụng nó để làm một việc có ích là tiếp tục học tiếng Pháp bằng cách trao đổi thư từ, bài tập qua đường bưu điện với một nhà báo người Pháp ở Saigòn, tên là Dejean..."*[876].

Những thông tin trên đây đưa đến một số câu hỏi:

1- Nếu không có nhiệm vụ gì, tại sao đang có việc ở Hà Nội, Phan Khôi lại vào Sài Gòn?

2- Phan làm gì mà bị Pháp tình nghi, phải chạy xuống Cà Mau ở ẩn trong ba năm?

3- Phan vào Nam, phải chăng vì đã nhận được thông điệp của Phan Châu Trinh từ Pháp? Vào Nam để bắt liên lạc với Nguyễn An Ninh? Người đầu tiên trong nhóm Ngũ Long vừa từ Paris về nước năm 1922, đang sửa soạn phát hành báo La Cloche fêlée? Việc ở ẩn ba năm tại Cà Mau, trong bài chỉnh huấn ông sẽ giấu chính quyền cộng sản.

---

874 Phan Thị Nga, bđd.

875 *Phan Khôi niên biểu*, Chương dân thi thoại, Đà Nẵng, 1996, trang 157.

876 Nhớ cha tôi, Đà Nẵng, 2001, trang 39.

4- Việc Phan Khôi học tiếng Pháp với Dejean de La Bâtie, chứng tỏ ông có liên lạc với nhóm Chuông Rè[877].

Trong thời gian ở ẩn tại Cà Mau 1922-1925, không những Phan Khôi học tiếng Pháp hàm thụ với Dejean de la Bâtie mà còn tiếp tục việc dịch Kinh Thánh. Sau này, có thể người ta đã chắp nối hai sự kiện: quen với Tây (Dejean de la Bâtie) và làm việc cho Mỹ (dịch Kinh Thánh cho Hội Tin Lành) để xuyên tạc Phan Khôi làm bồi Tây, bồi Mỹ.

♦ 1925, viết sách về Phan Châu Trinh

Tài liệu 241 của sở mật thám Nam Kỳ, mật báo của P. Arnoux ngày 1/6/1926, gửi thống đốc Nam Kỳ và Phủ toàn quyền Hà Nội, ghi:

"Tú tài Phan Khôi mà tôi đã báo Ngài cách đây mấy tháng như là một đồ đệ của Phan Châu Trinh, đã viết một tác phẩm mang tên đơn giản là "Phan Châu Trinh" tôi đã có trong tay tập sách đó với 94 trang đánh máy (...) Kèm theo tiểu sử của Phan Châu Trinh, tác phẩm này chứa đựng các bình luận về đời sống chính trị, tư tưởng, các dự án và công việc tuyên truyền ở Đông Dương, ở Pháp và ở nước ngoài, những quan điểm chính trị của con người được dân An Nam coi là nhà đại ái quốc. Nếu được in ra, chắc chắn sách này sẽ được hoan nghênh và kích động những người An Nam đọc chống đối chính phủ bảo hộ (...)

Phan Châu Trinh đã cho gọi tú tài Phan Khôi vào Nam Kỳ với ý đồ cho y viết tác phẩm này và nhiều tác phẩm chính trị khác. Nhưng tình hình sức khoẻ không cho ông ta thực hiện hoàn toàn ý đồ đó. Phan Khôi đang soạn thảo ra một

---

877 Xin nhắc lại: Dejean de La Bâtie, người Pháp lai, là đồng chí của Nguyễn An Ninh, từng làm chủ nhiệm báo La Cloche fêlée (Chuông rè). Phan Văn Hùm trong *Ngồi tù khám lớn* (Bảo Tồn, Sài Gòn, 1929. Phan Tùng Mai (con Phan Văn Hùm) tái bản, Sài Gòn, 1957) cho biết: lần vào tù năm 1928, Dejean được giam cùng với người Pháp, còn Nguyễn An Ninh, thì các cai tù Pháp rất nể trọng, gọi là Monsieur.

tác phẩm theo dạng đó với những thông tin do các bạn cũ thân cận của Phan Châu Trinh cung cấp, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng. Phan Khôi tính dựa vào nhà in "Bảo Tồn thư xã" đang chuẩn bị ra đời để xuất bản tác phẩm của y (...) Phan Khôi ở nhà họa sĩ Ky đường Martin des Pallières. Y quan hệ thường xuyên với Nguyễn Pho và Dejean de la Bâtie"[878].

Theo mật báo này, ý đồ tiếp tục sự nghiệp của Phan Châu Trinh khá rõ. Từ 1925 đến 1928, Phan Khôi viết cho Thần Chung, Đông Pháp, Văn Học ở Sài Gòn và gởi bài cho Đông Tây ở Hà Nội. Hiện nay chưa in sưu tập các bài Phan Khôi viết trong thời gian này. Đây là giai đoạn Pháp đã bình định nền cai trị, với những yếu tố quan trọng:

- Đám tang vĩ đại của Phan Châu Trinh, mà Phan Khôi đã tham gia tổ chức và viết bài Hiệu triệu quốc dân.

- Phan Bội Châu bị bắt, nhưng Pháp không áp dụng án tử hình, xử vắng mặt trước đó, chỉ đem về quản thúc tại Huế: về việc này, Nguyễn Thế Truyền đã góp phần quan trọng, cổ động trên báo La Paria và vận động Hội Nhân Quyền tại Pháp.

- Sự tung hoành của ngòi bút Nguyễn An Ninh và Phan Văn Trường trên các báo La cloche fêlée và L'Annam, tại Nam Kỳ.

- Sự vận động của Phạm Quỳnh qua các bài diễn thuyết tại các trường lớn, trong chuyến đi Pháp 1922 dẫn đến việc Pháp cải cách giáo dục: bỏ ý định Pháp hoá người Việt (thay chữ Hán bằng chữ Pháp). Lần đầu tiên mở cấp sơ học ở Trung và Bắc, năm 1924, dậy tiếng Việt cho học trò từ nhỏ - *Sẽ nói rõ hơn trong chương Vụ án Nam Phong.*

Dường như những yếu tố quan trọng này đã khiến Phan Khôi thấy sức mạnh của ngòi bút, ông chuẩn bị bước vào giai đoạn nòng cốt: Phụ Nữ Tân Văn.

---

878 Tài liệu của Lê Thị Kinh, in lại trong *Nhớ cha tôi*, trang 279-280.

♦ 1928-1932: Thời kỳ Phụ Nữ Tân Văn.

Từ năm 1928 đến 1932, ngòi bút Phan Khôi tả xung hữu đột trong tất cả các *"mặt trận"* tranh đấu xã hội và văn hoá. Hầu như ông chỉ ở trong Nam, thỉnh thoảng có viết bài cho báo Bắc, nhưng Nam Kỳ vẫn là đất chính. Lập luận đấu tranh dựa trên khí giới: *phê bình.*

1928: Phê bình Trần Huy Liệu trên báo Đông Pháp. Đặt vấn đề: *Phải viết sử cho đúng*.

1929: Phê bình Khổng Giáo ở Thần Chung. *Tranh đấu nữ quyền* và Đòi hỏi *phải viết tiếng Việt cho đúng* trên Phụ Nữ Tân Văn.

1930: *Tranh luận* với Phạm Quỳnh và Trần Trọng Kim trên Phụ Nữ Tân Văn.

1931: Phê bình cuốn *Cay đắng mùi đời* của Hồ Biểu Chánh trong bài *Cái cười của con rồng cháu tiên* trên PNTV. Đây là *bài phê bình văn học đầu tiên viết theo lối hiện đại.*

1932: Công bố *Một lối "thơ mới" trình chánh giữa làng thơ* và bài *Tình già,* cả hai được coi là *bản tuyên ngôn của Thơ Mới,* trên Tập văn mùa xuân, báo Đông Tây, rồi PNTV.

Tư tưởng và phong cách Phan Khôi được xác định trong thời kỳ Phụ Nữ Tân Văn, vừa cùng dòng chảy với Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, trong việc dịch thuật, giới thiệu tư tưởng Tây phương và đặt nền móng quốc ngữ bằng cách phát triển từ vựng, nghiên cứu tiếng Việt. Lại vừa đối lập với hai vị học giả này, trong cách đưa tinh thần phản biện vào triết học, sử học, văn học và xã hội học.

♦ Phan Khôi và cộng sản

Khi lên án Phan Khôi, người ta thường dẫn chứng rằng ông đã nói hoặc viết câu này câu kia chống Đảng, chống Bác, là sai cả. Thực ra Phan Khôi chẳng coi cộng sản ra cái gì, ông chống cái dốt, cái độc tài, cái thần tượng hoá, và cái ngu dân, từ trước khi có Bác và Đảng viết hoa. Ngay từ năm 1930, khi

cộng sản mới nhen nhúm ở Việt Nam, ông đã viết mấy bài về cái ngu và cái dốt của họ: như bài *Quân cách mạng đời nay*[879] nói về việc ông tướng cách mạng Trần Đại Lộc, dơ tay lên trán đỡ đạn; bài *Quốc ngữ của bọn cọng sản*[880] nói về việc cộng sản muốn sửa chữ: *Pháp* viết là *Fáp, gì* viết là *zì, đ* viết là *d.* Ý ông: Nếu chỉ muốn thay đổi quốc ngữ thì cũng chẳng sao, nhưng họ lại chủ trương đấu tranh giai cấp mới bậy.

Bình sinh, ngòi bút Phan Khôi không sợ ai bao giờ: Năm 1906, ông viết đơn kiện triều đình vì thi cử gian lận. Năm 1928, ông viết bài *Cái dốt của triều đình Huế*[881] đại ý nói: Làm Hán Việt từ điển, mà không biết *từ điển* với *tự điển* khác nhau như thế nào[882].

Năm 1928, bàn về việc *cấm sách,* ông viết: *Ở thế kỷ hai mươi, đâu đâu người ta cũng hô lớn nào tự do, nào tôn trọng quyền ngôn luận, quyền xuất bản, mà lại có cái chuyện cấm sách mới lạ. "Vậy thì chúng tôi viết đây để làm chi? (...) Một cuốn sách không cấm thì người ta coi như thường, không chú ý. Đến cấm đi một cái, thì hết thẩy ai nấy đều chú ý vào nó. Cấm đi, là muốn cho người ta đừng đọc, mà không ngờ lại làm cho người ta càng đọc! (...) có nhiều cuốn sách hiển thánh rồi. Việt nam vong quốc sử và Hải ngoại huyết thư đã hiển thánh hai mươi năm nay (...) Không có cái thú gì bằng cái thú trong lúc trời mưa, đóng cửa cho chặt lại, rồi... đọc*

---

879 Trung Lập số 6151 (20/5/1930).

880 Trung Lập, số 6235 (1/9/1930). Phan Khôi thường viết: cọng sản. Cả hai chữ *cộng* và *cọng* đều dùng được.

881 Đông Pháp, số 717 (8/5/1928).

882 Phan Khôi giải thích: *Tự* là *chữ*, mà *từ* là *lời*. Trong *tự điển* mỗi mục từ chỉ có *một chữ*. Trong *từ điển* mỗi mục từ có thể có *nhiều chữ* ghép lại. Nhưng không phải chữ ghép nào cũng được coi là *từ* để đem vào từ điển được. Ví dụ, *thiên mã* thì gọi là từ được, vì đó là một cách nói đặc biệt (expression), gần như một điển cố, chỉ việc vua Võ Đế nhà Hán có con ngựa hay lắm, vua đặt tên là thiên mã, tức là ngựa nhà trời. Còn *tẫn mã* (ngựa cái) hay *dịch mã* (ngựa trạm) thì không thể đem vào *từ điển* được, vì nếu cứ lấy những chữ ghép tràn như vậy, thì phải bao nhiêu từ điển cho đủ!

sách cấm! Cái thế lực của sách cấm là như vậy, còn cấm sách nữa thôi?...[883].

Những lời này mà viết ngày nay thì bị coi là nói xấu Đảng, là phản động, chẳng tờ báo nào dám in. Nhưng sự thần tình của một tác giả lớn là tuy Phan nói phiếm về những việc dưới thời Pháp thuộc, cách đây 90 năm, mà lại rất trúng với việc thời nay. Trong thuật ngữ văn học, người ta gọi đó là một nhà văn có *tính hiện đại.*

Về chuyện cấm in, cấm sách, có một số bài của Phan Khôi, đăng trên báo Trung Lập, Sài Gòn, 1930, được Lại Nguyên Ân sưu tầm. Nhưng khi in thành sách, gia đình tự kiểm duyệt bỏ đi. Bản trên mạng *lainguyenan.free.fr* đầy đủ hơn.

Trong số những bài bị bỏ, có bài *Khoái cho ông Mussolini*[884] vì nội dung khen Mussolini nên bị loại, oan. Việc khen Mussolini, năm 1930, chẳng đáng xấu hổ, mà phải cắt, vì lúc ấy, bộ mặt trái của đảng Phát-xít chưa được thế giới biết đến. Phan khen cái gì? Phan khen Mussolini đã cấm tiệt thói ăn mày: khi nước Ý có nơi bị động đất, gần 2000 người chết, vậy mà Mussolini cấm không được lập hội này hội kia xin tiền. Gần đây nước Nhật vừa động đất, vừa sóng thần, vừa bể lò nguyên tử, mà họ có ngửa tay xin tiền ai đâu? Mussolini chẳng được cái nết gì, nhưng ít ra cũng được cái nết dạy dân không đi ăn mày. Mà cái nết ấy, dân ta, hiện nay đến cả lãnh tụ, cũng còn đang cần phải dạy. Phan Khôi *hiện đại* là ở chỗ đó.

Bài "*Hơn hai trăm năm còn thúi*" cũng bị cắt, vì ông kể chuyện ngày 11/5/1930, *"có một nhà nọ đào móng đặng xây nhà, trong khi đào, phát lộ ra một cái quan tài xưa coi bề ngoài còn chắc. Người ta bèn mở ra xem thấy thi thể đã nát rồi, chỉ còn có bộ xương và quần áo. Quần áo cái dáng vẫn*

---

883 Phan Khôi, *Cấm sách, sách cấm*, Đông Pháp thời báo, số 763 (1/9/1928).

884 *Khoái cho ông Mussolini,* Trung Lập, số 6207 (28/7/1930).

tươi tốt, nhưng khi động tới liền hoá ra tro. (...) Thế nhưng lạ một điều là lúc dỡ ra, hơi hám xông lên vẫn còn thú nực thúi nồng (...) Vậy mới biết giống người ta là giống thúi hơn hết thảy mọi loài (...) Cái thúi hai trăm năm còn chưa mấy chút; có cái thúi đến muôn năm, là kẻ "di xú vạn niên" kia"[885].

Bài này chẳng hề nói động đến ai, chỉ nói chuyện... đào mả, tuyệt không chạm huý, mà người ta cũng sợ *"nhạy cảm"* phải cắt đi. Ý Phan Khôi: những kẻ nhất thời *"vàng ngọc dát đầy, tiền hô hậu ủng"* nhưng chả biết mai sau thế nào, có *"di xú vạn niên"* chăng? Ví như Tần Thủy Hoàng đốt sách? Thời ấy có mấy ai đọc sách, mấy ai biết chuyện? Nhưng bọn nhà văn thường nhớ dai và bênh nhau xuyên thế kỷ. Đụng đến sách vở, thì hậu quả khó lường.

Còn bài *Thúi thây* bị cắt là đúng lắm, vì Phan dám đụng tới thây ông Lê Ninh. Từ 1930, Phan đã chẳng coi ông thánh này ra gì: *"An Nam ta hay mắng những người biết ăn mà không biết làm là "đồ thúi thây". Kỳ thiệt An Nam ta thuở nay có mấy ai mà thây bị thúi bao giờ. Duy thấy bây giờ cái thây ông Lê Ninh nước Nga bị thúi đó thôi. Việc đời hay tréo nhau là vậy, ông Lê Ninh lại là người ăn ít mà làm nhiều!*

Không biết hồi họ ướp xác ông thế nào mà ngày nay đến nỗi thúi ra. Cứ theo tin mới đây thì xác ấy không thể để được nữa mà phải thiêu ra tro. Nếu vậy thì ra khoa học ngày nay lại dở hơn ngày xưa.

Ai có tri thức khá một chút, há không biết bên Ai Cập đời xưa có cái thuật ướp xác để lâu kêu là "momie" hay sao? (...) Xứ Nga lạnh hơn Ai Cập, sao xác ông Lê Ninh lại thúi? (...) Đến như xứ An Nam mình, thuộc về ôn đới, khí hậu điều hòa, có lẽ giữ xác được lâu mà không thúi chăng? Song ngặt vì An Nam ta lại không có cái xác nào đáng ướp hết; cái thây nào cũng đáng để cho thúi quách hết thẩy"[886].

---

885 *Hơn hai trăm năm còn thúi,* Trung Lập, số 6152 (21/5/1930).

886 *Thúi thây,* Trung Lập, số 6216 (7/8/1930).

Bạn đọc ngày nay phải phục Phan Khôi là tiên tri!

Những việc ông viết cách đây hơn 80 năm mà cứ như bây giờ. Văn học gọi đó là *tính hiện đại.*

♦ Phê Bình Lãnh đạo văn nghệ và Nắng Chiều

Thời kỳ NVGP, Bài *Phê bình lãnh đạo Văn Nghệ* là tác phẩm tiêu biểu. Phan Khôi vẫn *"ngựa quen đường cũ",* xử sự như dưới thời phong kiến, nghĩa là nghĩ sao viết vậy. Ông kê khai toạc hết những nét chính trong đời sống văn nghệ: kiểm duyệt lời nói, chữ viết, cấm phê bình, chỉ đạo sáng tác, đàn áp nhà văn, thánh hóa lãnh tụ, bè phái văn nghệ.

1- *"Tôi muốn nói sự thực"*- Nhưng người ta bảo: *"có những sự thực không nên nói".*

2- *"Tôi muốn phê bình"*- Nhưng người ta bảo, *"phê bình nội bộ thì được, không nên viết lên báo, bên địch chúng thấy chúng sẽ xuyên tạc"*

3- Về việc "giáo dục sáng tác": *"Nhược bằng bắt hết mọi người viết, phải viết theo lối với mình thì rồi đến một ngày kia, hàng trăm thứ hoa cúc đều phải nở ra cúc vạn thọ hết".*

"Đảng giáo dục Xuân Diệu làm cách mạng chứ có giáo dục Xuân Diệu làm thơ đâu!"

4- Về sự đàn áp nhà văn: *"Hỏi độc tội một Trần Dần thôi là cái ngón chính trị tài tình lắm đấy, để cô lập Trần Dần và phân hóa những người trong Giai Phẩm, cái ngón ấy đã thành công".*

5- Về việc tôn sùng lãnh tụ: *"Tôi còn nhớ có vị bắt lỗi trong bài thơ Trần Dần có chữ Người viết hoa, lấy lẽ rằng chữ Người viết hoa chỉ để xưng Hồ chủ tịch, thế mà Trần Dần lại viết hoa chữ Người không phải để xưng Hồ chủ tịch. Tôi ngồi nghe mà tưởng như ở trong chiêm bao, chiêm bao thấy mình đứng ở một sân rồng nọ, ông Lê mỗ tố cáo ông Nguyễn mỗ trước ngai vàng: "Trong phép viết chỉ có chữ nào thuộc*

về Hoàng thượng mới phải đai, thế mà tên Nguyễn mỗ viết thư cho bạn dám xài những chữ không phải thuộc về Hoàng thượng. Nhân may cho tôi, tôi tỉnh ngay ra là mình đang ngồi ở trong phòng họp hội Văn nghệ".

6- Về tính gian lận trong việc chấm giải thưởng văn học 54-55: *"Cả ba ông Xuân Diệu, Nguyễn Huy Tưởng, Hoài Thanh đều có tác phẩm dự thi mà đều ở trong ban chung khảo. Nếu ở trong ban chung khảo mà thôi còn khá, thử điều tra lại hồ sơ, thì ba ông còn ở ban sơ khảo nữa, sao lại có thể như thế? Trường thi phong kiến xưa, tuy có ám muội gì bên trong, chứ bên ngoài họ vẫn sạch tiếng. Một người nào có con em đi thi thì người ấy có được cắt cử cũng phải hồi tỵ, không được chấm trường. Bây giờ đến cả chính mình đi thi mà cũng không hồi tỵ, một lẽ là ở thời đại Hồ Chí Minh, con người đã đổi mới, đã liêm chính cả rồi, một lẽ trắng trợn vì thấy mọi cái miệng đã bị vú lấp".*

Phê bình lãnh đạo văn nghệ trở thành kim chỉ nam cho các nhà văn trên con đường đòi tự do tư tưởng. Dưới cái tựa: *Phê bình lãnh đạo văn nghệ*, Phan Khôi phê bình cả lãnh tụ tối cao Hồ Chí Minh, điều không thể chấp nhận được trong xã hội cộng sản.

Còn một tác phẩm nữa, hầu như không ai biết, đã bị chôn vùi, đó là tập truyện ngắn *Nắng chiều*. Vào lúc *"dầu sôi lửa bỏng",* toàn bộ NVGP đã bị đóng cửa được một năm, đang chờ lệnh của Đảng, Phan Khôi đem tập *Nắng chiều* đến Hội Nhà Văn để in. Trong bài *Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi,* Đoàn Giỏi viết:

"Tháng 12/1957, Phan Khôi đưa đến nhà xuất bản Hội Nhà Văn một xấp bản thảo dầy, bên ngoài đề hai chữ "Nắng chiều"[887]. Mượn giọng đả kích, để công bố cho hậu thế biết

887 Đoàn Giỏi, *Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi,* Văn Nghệ số 15, tháng 8/1958, in lại trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí.

nội dung tác phẩm cuối cùng của Phan Khôi, Đoàn Giỏi đã bị trừng phạt như một thành viên NVGP.

Nắng chiều, gồm những bài bút ký và tạp văn viết trong kháng chiến, và mấy bài viết sau 1954: *Cầm vịt, Tiếng Chim, Cây Cộng sản, Thái văn Thu, Chuyện ba ông vua Càn Long, Quang Trung và Chiêu Thống, Giới thiệu Nguyễn Trường Tộ*.

Đoàn Giỏi đã giới thiệu từng văn bản một: Truyện *Thái văn Thu* chống lại bạo lực cách mạng và sự đàn áp NVGP. *Chuyện ba ông vua*... đả kích chế độ phong kiến ngày nay. Bài *Nguyễn Trường Tộ* so sánh chế độ hiện hành với những triều đại phong kiến trước. Riêng hai bài *Cầm vịt* và *Tiếng chim*, Phan Khôi *"đánh vào vấn đề căn bản của chủ nghiã Mác-Lê Nin",* để xác định: Xã hội không có đấu tranh giai cấp. Của ai người nấy ăn. Vấn đề đấu tranh giai cấp chỉ là kiểu rình phần ăn của kẻ khác. Đoàn Giỏi trích một đoạn trong bài *Tiếng chim* của Phan Khôi: *"Một lần ở Cẩn Nhân, tôi ngồi nơi nhà sàn, thấy hai con quạ rình bắt con gà con, một con bắt được bay ra đứng ở bờ ruộng, xé con gà ra ăn; còn con kia bị gà mẹ chống cự, bắt không được, cũng bay ra đứng cạnh con quạ thứ nhất, nó nhìn sững và đi đi lại lại, rồi cũng bay đi tuốt, nó không hề nói: "Mầy phải cho tao với!"*

Đoàn Giỏi giải thích như sau: *"Vấn đề thứ nhất Phan Khôi đặt ra là không có người bóc lột người. Vấn đề thứ hai là của ai người ấy ăn. Cho đến thứ quạ kia còn biết giành giật cái miếng không phải của nó là không ổn, và không hề nói: Mầy phải chia cho tao với"*

Bài thứ nhì *Cây Cộng sản* được giới thiệu khá kỹ, Đoàn Giỏi viết: *"... Cây Cộng sản, ngay câu đầu, Phan Khôi đã chỉ ngay vào Việt Bắc, quê hương cách mạng:*

"Có một thứ thực vật nữa cũng như sen nhật bản, ở xứ ta trước kia không có mà bây giờ có rất nhiều. Đâu thì tôi chưa thấy chỉ thấy trong mấy tỉnh Việt Bắc không chỗ nào là không có". Đầu tiên Phan Khôi thấy nó rải rác mấy nơi ở

tỉnh Phú Thọ, và nhiều nhất là ở Thái Nguyên và Tuyên Quang. Nó mọc trên thị trấn bị ta phá hoại "như rừng, ken kít nhau". Nơi gọi là Cỏ Bù-xít vì nó có mùi hôi như con bọ xít, nơi gọi là Cây Cứt lợn, nơi gọi là Cây chó đẻ. "Tên đều không nhã tí nào hết" thứ cây ấy những người có học không gọi bằng Cây Cứt lợn dại, mà gọi bằng Cây Cộng sản".[888].

Rồi Đoàn Giỏi kể tiếp về gốc gác cái tên này: Phan Khôi bịa ra là trước kia xứ ta không có cây này, người Pháp đem đến giồng ở các đồn điền cà phê, cao su, rồi chẳng bao lâu nó lan ra, không diệt được, tình trạng này bắt đầu từ những năm 1930-31, cùng lúc Đông Dương Cộng Sản Đảng bắt đầu hoạt động, *"phong trào Cộng sản cũng lan tràn nhanh chóng như thứ cây ấy, cũng không trừ khử được như thứ cây ấy cho nên bọn Tây đồn điền đặt tên nó là "herbe communiste", đáng lẽ dịch là cỏ Cộng sản, nhưng nhiều người gọi là Cây Cộng sản. Nó còn một tên nữa rất lạ..."*

Tên này là gì? Thì Phan Khôi lại bịa lời một ông già Thổ: *"ông nói tên nó là "Cỏ cụ Hồ". Thứ cỏ này trước kia ở đây không có, từ ngày cụ Hồ về đây lãnh đạo cách mạng, thì thứ cỏ ấy mọc lên, không mấy lúc mà đầy cả đường xá đồi đống, người ta không biết tên nó là gì, thấy nó cùng một lúc với cụ Hồ về thì gọi nó như vậy".*

Tại sao Phan Khôi đem Cây Cứt lợn, cũng gọi là Chó đẻ, là Bọ xít "toàn những tên không nhã tý nào nào hết" để gọi nó là Cây Cộng sản và Cỏ cụ Hồ?"[889]

Câu hỏi *"ngây thơ"* của Đoàn Giỏi chứng tỏ sự *"đồng loã"* của ông với tác giả *Nắng Chiều*. Và Đoàn Giỏi đã phải trả giá. Đây là lần cuối cùng Phan Khôi dùng ngòi bút châm biếm của mình để chống lại sự độc tài và dốt nát, mà ông đã mục kích và đả kích từ năm 1930.

---

888 Đoàn Giỏi, bđd.

889 Đoàn Giỏi, bđd.

Cũng về tập bản thảo *Nắng chiều*, Chế Lan Viên lại một lần nữa hiện ra như một hung thần của trí thức và chữ nghiã qua sự mô tả của Đào Vũ: "*Đồng chí Chế Lan Viên lúc ấy có đọc bản thảo kia", "Đồng chí Chế Lan Viên lúc ấy có phân tích nhiều mặt về những ám ý xấu xa, phản động trong những "tìm tòi" ấy của Phan Khôi; và tỏ ý rất công phẫn. Chúng tôi cũng đồng tình".* Vẫn theo Đào Vũ, khi "*Phan Khôi nói với chị Chế Lan Viên nên về khuyên bảo anh ấy đừng đi theo lãnh đạo*", thì Đồng chí Chế Lan Viên *"lên tận phòng của y cho một bữa nên thân. Những nào: Đừng cậy già mà nói láo, đây ba mươi năm nữa cũng già, đồ đốn mạt đồ hèn v.v…"*[890].

♦ Những ngày tháng cuối

Gia đình Phan Khôi nhận hậu quả cuộc "*đấu tranh giai cấp"* khi ông đang ở Việt Bắc. Đào Vũ kể:

"Đồng chí cùng quê với Phan Khôi ôn lại chuyện nhân dân địa phương căm thù định đến tàn phá nhà Phan Khôi từ phong trào bình dân (1936) *và cho biết, ý định ấy mãi đến sau cách mạng* (sau 1945) *mới thực hiện được: Những nương dâu phì nhiêu kia của Phan Khôi bà con nông dân đã giành lấy về tay chia nhau trồng trọt, tre nhà Phan Khôi, vì căm thù, bà con đốn không còn một gốc, nhà của Phan Khôi, bà con đập lấy gạch về xây bao nhiêu hầm khắp làng để che chở cho dân làng kháng chiến trường kỳ. - Giữa Phan Khôi và nông dân địa phương từ bao lâu, đã diễn ra một cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt"*[891].

Sau Nhân Văn, Phan Khôi bị đuổi khỏi 51 Trần Hưng Đạo, Trần Duy viết: *"Cũng từ dạo ấy, tôi thấy sức khoẻ của ông Phan Khôi sa sút. Có lúc thấy ông đi không vững. Có lúc thấy ông khó thở. Ông nói với tôi ông bị sốt thường*

890 Đào Vũ, *Tính cách vô lại và bộ mặt chính trị nhơ nhớp của Phan Khôi ngày nay*, Văn nghệ, số 12, tháng 5/1958 – Số đặc biệt thứ hai chống NVGP.
891 Đào Vũ, bđd.

xuyên, xin được đi khám bệnh nhưng không ai ký giấy giới thiệu.

Một buổi chiều tôi đến 51 Trần Hưng Đạo thì gặp cảnh: Một quan chức có quyền lực quát đuổi vợ chồng ông ra khỏi số nhà 51 Trần Hưng Đạo.

Người này quát lớn:

"Tống cổ thằng già khốn nạn này ra khỏi đây!"

Vợ ông, bà Huệ ôm chăn màn, sách vở; ông Phan Khôi lảo đảo theo sau. Ra cổng gặp tôi, ông chào và nói:

"Thôi, anh về đi… Buồn không cần thiết!"[892]

Bị đuổi khỏi 51 Trần Hưng Đạo, Phan Khôi dọn về số 10 Nguyễn Thượng Hiền rồi 73 Phố Thuốc Bắc. Lâm Bích Thủy, con gái nhà thơ Yến Lan, viết về căn nhà cuối cùng này:

"Gia đình tôi ở phía dưới, giữa 5 gia đình khác, kề vách là gia đình cụ Khôi. Phía ngoài căn nhà cụ là chân cầu thang của hộ bà Cán, đến bể nước công cộng. Căn dành cho gia đình cụ là một cái buồng khép kín, rộng chừng 9 m2, bằng 3/4 gian nhà tôi, có thể đấy là nơi thờ cúng của chủ trước. Giữa nhà tôi và nhà cụ là một cửa sổ nhỏ, to bằng bàn cớ tướng. Tôi thường ngồi cạnh cửa sổ nhà cụ giặt giũ.

Ban đầu mới dọn về, tôi thấy ba tôi và các chú nhà thơ hay vào phòng cụ Khôi uống trà, bàn chuyện thời sự, bình luận những bài thơ vừa đăng báo; bọn trẻ chúng tôi chạy vô chạy ra nhà cụ để chơi với các anh các chị con cụ, mọi người đều thân thiện, cởi mở. Thế rồi, dần dần tôi thấy có một điều gì đó, lung lắm. Các cô các chú không xởi lởi như trước nữa. Trong cư xử tỏ ra dè dặt, dò xét. Nhà cụ Khôi cứ vắng dần bóng người lớn, vắng dần tiếng trẻ. Không khí trong ngôi nhà nặng nề, xét nét, xa lạ. Tôi hỏi má tôi "tại sao vậy?". Bà nói nhỏ sợ người khác nghe: " Ông Khôi đang bị coi là người cầm đầu nhóm Nhân văn - Giai phẩm, con không nên vào nhà cụ, có người đang theo dõi nhà mình đấy…". Tôi không hiểu

---

892 Trần Duy, *Tưởng niệm về Phan Khôi*, Talawas 18/6/2008.

Nhân văn - Giai phẩm là tội gì, nặng đến mức nào mà ai cũng sợ liên lụy đến như thế. Tuy không nói ra nhưng ai cũng muốn chứng minh rằng mình không hề có quan hệ thân mật với gia đình cụ Khôi. Họ tránh nhà cụ như thể nhà có bệnh dịch lây lan. (...) Dường như gia đình cụ hiểu được điều băn khoăn của mọi người nên tế nhị lấy báo dán kín cửa sổ lại. Lâu lâu tôi thấy cụ ngang qua nhà, vẫn dáng người cao, nhưng gầy yếu hơn trong bộ đồ tây màu vàng nhạt, tóc còn lơ thơ vài cọng bạc trắng, ẩn sau chiếc mũ phớt màu nâu. Trên tay cụ giờ có thêm chiếc ba-toong, gặp ai cụ không nhìn, mắt hướng thẳng phía trước như chưa hề biết họ.

Như trước đây, tôi vẫn ngồi giặt bên bể nước, cạnh cửa sổ nhà cụ. Tôi liếc nhìn cụ qua cửa sổ. Cụ ngồi trên giường, giờ cụ trầm ngâm, buồn buồn, mắt nhìn đâu đâu, tôi thương cụ quá chừng. Có lần tôi nghe cụ ngâm bằng giọng Quảng Nam: "Làm chi cũng chẳng làm chi / Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao / Làm sao cũng chẳng làm sao / Dẫu có thế nào cũng chẳng làm chi…"[893]

♦ Cái chết của Phan Khôi

Phan Cừ, Phan An viết: *"Ông nằm quay mặt vào tường lặng lẽ trút hơi thở cuối cùng, trong sự túc trực chăm sóc của bà vợ Nguyễn Thị Huệ (...) Cỗ xe song mã màu đen quàn thi hài ông, đi sau là vợ con, cháu cùng một vài bạn hữu tiễn ông lần cuối đến nghiã trang Hợp Thiện ở phía đông thành phố Hà Nội. Trong chiến tranh, phần mộ của ông bị thất lạc"*[894].

Phan Thị Thái viết: *"Mộ cha tôi được ghi dấu bằng tấm bia nhỏ mang tên: Chương Dân (...) Khoảng một năm trước khi mất, thầy tôi rất buồn. Mỗi dịp nghỉ hè về thăm thầy, tôi thường thấy người ngồi bàn viết lách hoặc đọc sách.*

---

893 Lâm Bích Thuỷ, *Thủy chung tình bạn sau linh cữu*, tài liệu Talawas.

894 Phan Cừ, Phan An, bđd.

Có khi nằm đọc rồi ngủ quên nhưng hai tay vẫn giữ chặt quyển sách dày cộm, hầu hết là sách chữ Hán. Hầu như thầy tôi không có thì giờ rảnh. Sáng sáng đi vài ba đường quyền, ăn uống điểm tâm rồi ngồi vào bàn làm việc cho đến tối. Chỉ có một tuần trước khi mất, vì quá đuối sức, người đành phải lìa chiếc bàn và quyển sách. Gia tài lớn mà thầy tôi để lại cho chúng tôi là sách và tất nhiều các bài viết, các bài nghiên cứu về tiếng Việt và chữ Hán. Chúng tôi đã gìn giữ tất cả trước tác của thầy tôi trong nhiều năm và sau đó đã chuyển giao cho Viện Hán Nôm để các đồng nghiệp của ông tiếp tục công việc nghiên cứu, dịch thuật"[895].

Lâm Bích Thủy viết: *"Chở linh cữu cụ là một chiếc xe có hai con ngựa kéo bị che hai bên mắt, khoảng bảy hoặc tám người, kể cả người đánh xe ngựa và ba tôi − nhà thơ Yến Lan. Nhưng điều để lại sau đám tang là sự dè bỉu và mỉa mai đối với ba tôi mà người thời bấy giờ gọi là "thằng". Sáng hôm sau, ngoài phố, họ kháo nhau bằng những câu: "Nghe nói ngoài gia đình còn có thằng cha nhà thơ nào đó cả gan đưa đám lão Phan Khôi". Giải thích điều này ba tôi nói: "Đó là đạo lý của người Việt Nam − Nghĩa tử là nghĩa tận"*[896].

Theo Lại Nguyên Ân, nghiã trang Hợp Thiện bị chiếm đất dần để xây nhà. Năm 1970, nghiã trang này được chuyển lên Bất Bạt. Những ngôi mộ bị dời đi, có đánh số, nhưng sau gia đình không tìm lại được. Tất yếu của định mệnh? Hay là vẫn cố tình xoá dấu Phan Khôi?

Được biết những năm gần đây đã có ngôi mộ của Phan Khôi ở Điện Bàn, chúng tôi hỏi nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân về việc này, qua điện thư ngày 27/7/2012, ông cho biết:

"Chuyện mộ Phan Khôi, thì con trai ông là Phan An Sa kể cho tôi: Năm 1959 ông mất, được chôn cất tại nghiã trang Hợp Thiện, Hà Nội. Theo anh Sa thì mộ ở phía đông

---

895 Phan Thị Thái, *Nhớ cha tôi, học giả Phan Khôi*. 19/12/1996, Kiến Thức Ngày Nay.

896 Lâm Bích Thuỷ, bđd.

khu nghiã trang. Khu nghiã trang này, từ những năm 1960 bị lấn từng phần làm một số cơ quan, xí nghiệp như nhà máy mỳ kẹo Hải Châu, kho của mấy công ty thương mại quốc doanh, rồi phần giữa nghiã trang cũng sớm bị dùng làm bãi chiếu bóng Mai Động, vv... Đến đầu những năm 1970 chính quyền Tp. Hà Nội cho chuyển toàn bộ các ngôi mộ còn lại ở Nghiã trang Hợp Thiện lên nghiã trang Yên Kỳ ở huyện Ba Vì (khi đó thuộc tỉnh Hà Tây), lấy đất xây thêm một nhà máy dệt.

Theo tôi hỏi một số viên chức làm ở Cty quản lý nghiã trang Hà Nội, thì các ngôi mộ chuyển lên chỉ được đánh số chứ không gắn bia mộ họ tên, phần họ tên ở bia mộ cũ được ghi vào sổ lưu lại Cty quản lý nghiã trang, gia đình nào cần tìm phải tới xem sổ lưu ấy để xác nhận lại vị trí mộ ở nơi mới Yên Kỳ.

Tuy vậy, các con ông PK tìm đến vị trí mộ ở Hợp Thiện theo trí nhớ thì không thấy, đào cũng không thấy, hình như cũng không có hồi âm gì từ thông tin về số mộ đưa lên Yên Kỳ, cuối cùng đành bốc một ít đất ở nơi mà họ nhớ là nơi chôn lần đầu, đem về trong quê ở Quảng Nam chôn vào trong ngôi mộ trống, tất nhiên có khắc bia họ tên lên đấy".

Điều mà Phan Khôi làm cho *bà Cố* cách đây hơn nửa thế kỷ, tức là kiện cái chế độ phong kiến, để mộ của bà cố được trở về chôn ở mảnh đất gia tiên, hiện chưa ai làm cho ông. Phan Khôi có mười con, bao nhiêu cháu? Nếu ngày nay có một sự xám hối nào đó về phía chính quyền, hẳn không phải là những lễ kỷ niệm, với những bài ca tụng vô bổ, mà là việc tìm lại hài cốt Phan Khôi trong đám mộ ở Yên Kỳ, xác định ADN, để dựng lại ngôi mộ Phan Khôi, cho xứng đáng với địa vị của một trong những nhà văn, nhà trí thức và tư tưởng hàng đầu của Việt Nam trong thế kỷ XX.

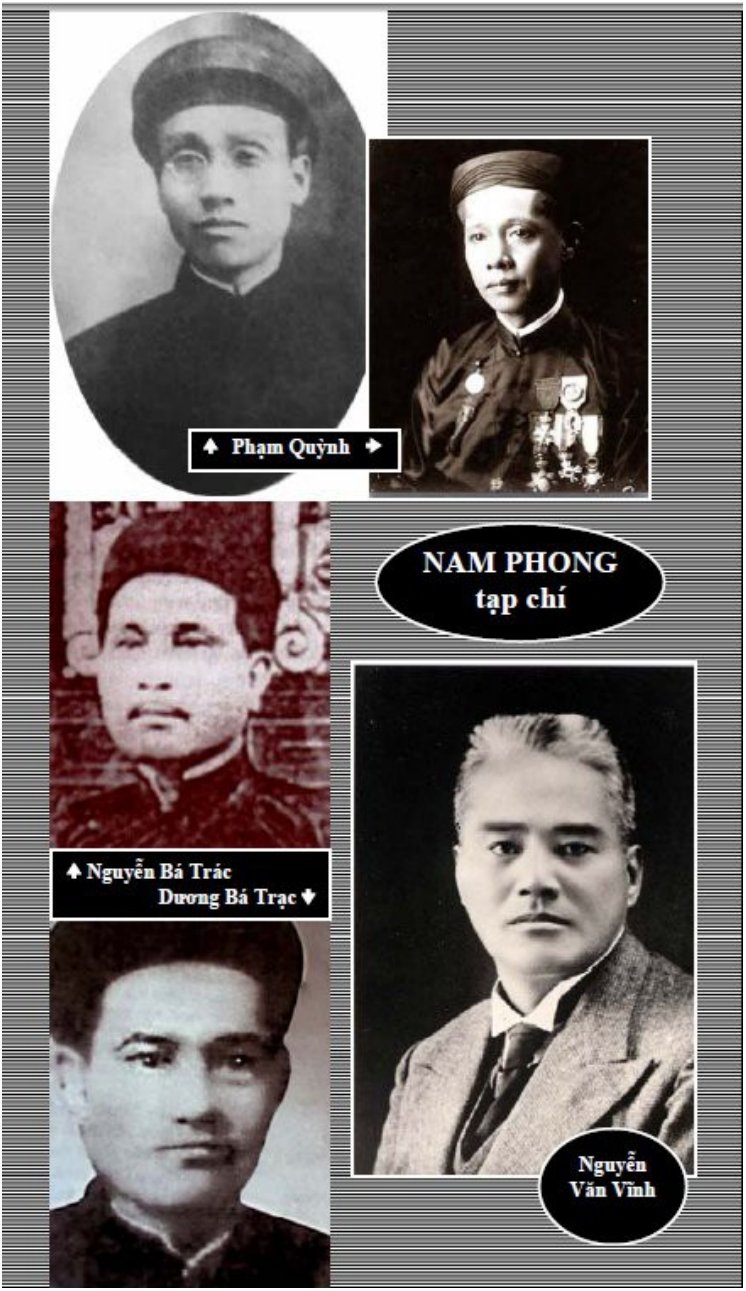
Phạm Quỳnh
NAM PHONG
tạp chí
Nguyễn Bá Trác
Dương Bá Trạc
Nguyễn
Văn Vĩnh

Chương 22

Vụ án Nam Phong

Tuy không chính thức có vụ án Nam Phong, nhưng sau khi Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác, chủ nhiệm và chủ bút Nam Phong bị xử tử năm 1945; tại miền Bắc, toàn bộ trước tác trên Nam Phong, được coi là tờ báo của thực dân do "trùm mật thám" Louis Marty điều khiển, bị khai trừ khỏi nền giáo dục và văn học. Tại miền Nam từ 1954 đến 1975, các nhà nghiên cứu như Thanh Lãng, Phạm Thế Ngũ... tuy có nhắc đến nguồn cội phát xuất Nam Phong, từ chính quyền thực dân, nhưng vẫn xác nhận giá trị Phạm Quỳnh và đưa Nam Phong vào chương trình giáo dục trung-đại học. Sự kết án Phạm Quỳnh của Nguyễn Văn Trung, chỉ là một hình thức phản phê bình, chống lại quan điểm Thanh Lãng và Phạm Thế Ngũ, nhưng không đủ bằng chứng thuyết phục.

Cái án vô hình về Nam Phong vẫn còn đó, chưa ai minh giải. Xoá án Nam Phong là tìm lại công lao của những người đã xây dựng nền văn học quốc ngữ, đã bị chôn vùi trong 66 năm ở miền Bắc, 36 năm trên toàn quốc: Học trò không được học, không được biết, không được sử dụng những thành tựu vô giá về dịch thuật và tư tưởng mà Nam Phong để lại. Tên Phạm Quỳnh và Nam Phong hiện nay đã được đưa vào *Từ điển Bách khoa* và *Từ điển Văn học*, bộ mới, nhưng tên Nguyễn Bá Trác bị loại. Sự đánh Nam Phong dựa trên hai yếu tố chính:

1- Chuyện *Rồng Nam phun bạc* mà chúng tôi đã đề cập trong chương trước.

2- Báo Nam Phong do Louis Marty sáng lập.

Ở điểm thứ 2 này, lời vu cáo của Phùng Bảo Thạch: *"Phan Khôi đã được Mác-ty (Marty) gọi ra làm việc cạnh nó và viết báo Nam Phong. Trong phòng kín, Phan đã bí mật tố giác một số nhân sĩ yêu nước và bí mật hiến mưu dập tắt phong trào cách mạng"*[897] được *Lược truyện các tác gia Việt Nam* chép lại, đã có ảnh hưởng lâu dài trong sự tàn phá uy tín của Phan Khôi.

Nguyễn Công Hoan phụ hoạ: *"Làm chỉ điểm cho Pháp, cố nhiên Phan Khôi được sở mật thám Pháp tin dùng. Báo Nam Phong của tên chùm* (trùm) *mật thám Đông dương Lu-y Mác-ty sáng lập, cho hai tên phản cách mạng phụ trách, Phạm Quỳnh làm chủ bút phần quốc văn, Nguyễn Bá Trác làm chủ bút phần Hán văn. Nguyễn Bá Trác được lệnh của Mác Ty dùng Phan Khôi.*

Từ đó, đời Phan Khôi xoay ra làm báo để reo rắc những tư tưởng phản động, có lợi cho thực dân hơn nghề làm chỉ điểm cho chúng"[898].

Những lời vu hãm trên đây tiêu biểu cho lối buộc tội Nam Phong, được dùng để đánh Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác, Lê Dư, nhưng đặc biệt với Phan Khôi, sự xuyên tạc đã đạt đến đỉnh cao. Lập luận xoáy vào 3 điểm chính:

- Báo Nam Phong được Pháp bảo trợ.
- Nam Phong do Louis Marty, Nguyễn Bá Trác và Phạm Quỳnh điều hành.
- Phan Khôi, *"vốn nghề chỉ điểm"* nên được Marty tin dùng.

---

897 Phùng Bảo Thạch, *Một nhà nho "tiết tháo": Phan Khôi*, Bọn NVGP trước toà án dư luận, trang 76.

898 Nguyễn Công Hoan, *Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến*, Văn Nghệ số đặc biệt thứ hai chống NVGP, số 12, tháng 5/1958.

● **Louis Marty**

Không chỉ Nam Phong mà hầu hết các báo quốc ngữ, từ khởi thủy đều do người Pháp sáng lập[899]: *Gia Định báo,*1865: Ernest Potteaux sáng lập-Trương Vĩnh Ký chủ bút. *Nông cổ mín đàm,* 1901: Canavaggio - Lương Khắc Ninh. *Đại Việt tân báo,* 1905: Ernest Babut - Đào Nguyên Phổ. *Lục tỉnh Tân văn,* 1909: Pierre Jeantet - Trần Nhất Thăng. *Đăng cổ tùng báo,* 1907-1908 và *Đông Dương tạp chí,* 1913: Schneider - Nguyễn Văn Vĩnh... Vậy việc Nam Phong do Marty - Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác, trách nhiệm, nằm trong quy luật trên và trong chủ trương của chính quyền thuộc địa lúc bấy giờ: thúc đẩy trí thức hoạt động văn hoá để họ không chống đối chính quyền. Việc người trí thức lợi dụng lại khí giới này để truyền bá quốc ngữ và văn hoá Tây phương, là mặt trái của mề đai.

Trường hợp Nam Phong, dính liền với Louis Marty, người được coi là "trùm mật thám", vậy cần tìm hiểu xem Louis Marty là ai?

Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại,* chỉ ghi vỏn vẹn: Marty là *một ông quan cai trị Pháp.* Phạm Thế Ngũ cho biết thêm: 1907, Marty vào nghạch tham sự hành chánh, làm việc tại Phủ Thống Sứ Bắc Kỳ. 1914, làm phụ tá trưởng Phòng Chính Trị Phủ Toàn Quyền, được đặc phái đi Bắc Kinh. 1915, thăng trưởng phòng Chính Trị, phụ trách việc lấy tin để đối phó với âm mưu tấn công vào Đông Dương của Đức. Cơ quan gián điệp ấy sau trở thành Tổng Cục An Ninh Đông Dương. 1934, Marty bị toàn quyền Robin đẩy đi làm khâm sứ Ai Lao[900].

---

899 Việc này có thể hiểu: người Pháp đứng tên thì mới được cấp giấy phép và được hưởng quyền tự do báo chí.

900 Theo Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, tập 3, Đại Nam in lại tại Mỹ, chú thích trang 128.

Hoàng Văn Chí viết: *"Mai* (Đặng Thai Mai) *và Giáp* (Võ Nguyên Giáp) *đều là "con nuôi" của Louis Marty, giám đốc phòng chính trị của phủ toàn quyền. Marty kiếm việc cho Mai dạy học ở trường Gia Long mà giám đốc là Bailey, một người Pháp, và giao Giáp, hãy còn là sinh viên, cho Mai trông coi. Trong khi những đảng viên Tân Việt khác bị tù đày hoặc cầm cố thì hai người ung dung sống ở Hà Nội cho đến ngày Giáp được Pháp đưa sang Tầu theo Việt Minh chống Nhật. Giáp có theo học lớp "chiến tranh du kích" do Mỹ mở ở Tĩnh Tây, nhưng không bao giờ lên Diên An"*[901].

Đặng Thai Mai viết trong hồi ký: *"Tôi tham gia đảng Phục Việt, tiền thân của đảng Tân Việt (...) Khoảng 1928, tôi vào dạy trường Quốc học Huế. Ở đây tin tức không có bao nhiêu. Năm 1930-1931 tôi bị tù. Năm 1932 tôi ra Hà Nội dạy học trường Gia Long, sau dạy ở trường Thăng Long. (...) Ở trường Thăng Long lúc đó có đồng chí Phan Thanh*[902] *Võ Nguyên Giáp và tôi. Tôi được giao một vài công tác góp phần vào việc mở Hội truyền bá quốc ngữ, viết báo đảng bằng quốc ngữ và tiếng Pháp"*[903].

Nguyễn Vỹ, trong *Tuấn chàng trai nước Việt*[904], viết: *"Võ Nguyên Giáp, sinh viên cao đẳng luật khoa, Hà Nội, vừa thi đỗ chứng chỉ 2, cấp bằng cử nhân Luật, tháng 6 năm 1937. Nhưng năm sau, 1938, anh lại thi rớt cấp bằng Luật pháp Hành chánh. Số đông sinh viên Luật Hà nội thi đậu chứng chỉ cử nhân Luật liền học một năm về "Droit administratif (Hành chánh Luật), thi đậu cấp bằng này được bổ ra làm Tri huyện, theo Hành Chánh Nam triều, hoặc*

---

901 Hoàng Văn Chí, *Từ thực dân đến cộng sản*, chương IV, chú thích trang 83, *Chân trời mới*, 1962, có bản điện tử trên Talawas.

902 Em họ Phan Khôi.

903 *Hồi ký Đặng Thai Mai*, Tác Phẩm Mới, 1985, trang 355-356.

904 Đã dành chương 39, quyển II, (trang 381- 394) để viết về Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp, thời kỳ 1932- 1940 mà ông có dịp gặp gỡ thường xuyên, nhất là về người vợ đầu của ông Giáp và người con gái của Đặng Thai Mai sau này trở thành vợ thứ nhì của ông Giáp.

"commis"[905] *làm tại phủ toàn quyền, hoặc các toà Thống sứ, Khâm sứ, Thống Đốc, nếu phục vụ cho chính quyền thuộc địa.*

Võ Nguyên Giáp lúc bấy giờ có ước vọng làm commis, nhưng thi rớt nên bỏ học luôn, và tiếp tục làm giáo sư sử địa trường trung học Thăng Long"[906].

Những thông tin của Hoàng Văn Chí, Đặng Thai Mai và Nguyễn Vỹ trên đây phát xuất ở những thời điểm và vị trí hoàn toàn khác nhau, nhưng không đối chọi nhau và có phần bổ túc cho nhau:

- Marty là một nhân vật khôn khéo: liên lạc và giúp đỡ những thanh niên *"có đầu óc"* gặp khó khăn, không phân biệt chính kiến.

- Tình trạng thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ không đơn giản. Chống Pháp hay ra làm quan với Pháp chỉ cách nhau một bước: Nếu Võ Nguyên Giáp thi đỗ, đã trở thành Tham tá làm việc tại Phủ Toàn quyền, cuộc đời ông có thể đã thay đổi hoàn toàn.

- Không nên thần thánh hoá bất cứ một nhân vật lịch sử nào. Sự bôi nhọ Phan Khôi trong hơn nửa thế kỷ. Sự kết tội Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác *"bán nước",* nếu giúp chúng ta rút ra được một bài học nào, là trong cái nghiã đó.

Tất cả *"tội ác"* quy vào việc Nam Phong được thành lập do nghị định của phủ toàn quyền, với sự cộng tác của Louis Marty, lúc đó là trưởng phòng chính trị. Nhưng Marty không chỉ đỡ đầu Nam Phong, năm 1917, mà đến thập niên 1930, còn đỡ đầu cho Đặng Thai Mai và Võ Nguyên Giáp nữa. Vậy cần phải xác định lại vị trí của Nam Phong và trả lời những câu hỏi: Chủ đích của Nam Phong là gì? Những người xây dựng Nam Phong có phải là người *"bán nước"* hay không?

---

905 Tức là Tham tá.

906 Nguyễn Vỹ, *Tuấn chàng trai nước Việt*, quyển II, in lại ở Mỹ, không đề năm, trang 381-382.

● Nguyễn Bá Trác (1881-1945)

Nguyễn Bá Trác làm chủ bút phần Hán Văn của Nam Phong từ tháng 7/1917 đến tháng 9/1919 được vời vào Huế làm quan, đến chức tổng đốc.

Phạm Thị Ngoạn, con gái Phạm Quỳnh xác định vai trò của Nguyễn Bá Trác: "*Vào năm 1917, bên cạnh và đối với Phạm Quỳnh, Nguyễn Bá Trác quả thực đã đóng vai đàn anh, vì tuổi tác, vì danh vị đỗ cử nhân, và nhất là uy tín của một quá khứ mạo hiểm đã khiến ông nổi danh là lịch duyệt*"[907].

Nguyễn Bá Trác hơn Phạm Quỳnh 11 tuổi. Những trước tác trên Nam Phong chứng tỏ ông là một người thơ văn lỗi lạc.

Phan Khôi và Nguyễn Bá Trác là hai người bạn thân từ thời đi học. Trong bài *Đi học đi thi*, Phan Khôi cho biết: Nguyễn Bá Trác đi thi năm Bính Ngọ (1906) không phải để đỗ, *mà để làm bài thuê, kiếm tiền cho phong trào Đông Du,* rút cục lại đỗ cử nhân. Rồi Nguyễn rủ Phan bỏ lối học khoa cử, cùng theo phong trào Duy Tân, Đông Du, từ 1906 và được gửi ra Hà Nội học tiếng Pháp năm 1908. Khi phong trào bị đàn áp, Phan Khôi bị bắt ở Nam Định. Nguyễn Bá Trác trốn ở trong Nam rồi sang Xiêm, sang Nhật, sang Tầu.

Trong *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, mục từ 59, ghi: *"... Trác được vào học lớp cán bộ quân sự ở Quảng Tây cùng với Trần Huy Lực (xem Phan Bội Châu niên biểu, trang 111). Nhưng rồi Trác làm mật thám cho Pháp, vào làm phòng báo chí của phủ toàn quyền. Lúc đầu, Trác được giao cho việc làm tờ "Công thị báo" bằng chữ Hán. Năm 1917, khi tên trùm mật thám Mác-ty (Marty) sai Phạm Quỳnh làm chủ bút tờ Nam Phong thì Trác được giữ gìn phần chữ Hán của tạp*

---

907 Phạm Thị Ngoạn *Introduction au Nam Phong* (Tìm hiểu tạp chí Nam Phong), bản dịch Phạm Trọng Nhân, Ý Việt, Paris, 1993, trang 68.

chí đó. Vì có công lao ấy, Trác được bổ ra làm Tá lý bộ Học ở Huế rồi làm Tuần phủ Quảng Ngãi, y đã đàn áp nhân dân và tàn sát nhiều nhà cách mạng."[908]

Những *"thông tin"* trên đây vừa lộn xộn vừa đáng ngờ: Nguyễn Bá Trác làm mật thám lúc nào? Ở Quảng Tây hay ở Hà Nội? Vì làm mật thám nên được vào phủ toàn quyền hay vào phủ toàn quyền rồi mới làm mật thám? Ở Quảng Ngãi, Nguyễn Bá Trác đã giết những ai? Tên họ các nạn nhân là gì mà bảo là *"tàn sát nhiều nhà cách mạng"?* Chúng tôi chỉ nhắc đến cuốn *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, vì đây là cuốn sách chính mà những người đi sau, thường sao chép lại. *Từ điển văn học* loại hẳn tên Nguyễn Bá Trác ra ngoài.

Vấn đề Nguyễn Bá Trác không chỉ nổi cộm trong chế độ cộng sản, mà nhiều nhà nghiên cứu trong Nam ngoài Bắc khi nhắc đến Nguyễn Bá Trác, thường úp mở ngụ ý ông là Việt gian. Nguyễn Văn Xuân trong *Phong Trào Duy Tân* nói đến việc Mai Dị *"gởi cho Nguyễn Bá Trác một bức thư chửi rủa thậm tệ, được nhiều người truyền tụng"*[909]. Điều này cũng chẳng chứng tỏ được gì. Điểm đáng chú ý là Huỳnh Thúc Kháng khi viết tiểu sử Trần Quý Cáp, năm 1938, có câu: *"Về thi văn của Tiên sinh không lưu bản cảo, chỉ có đồng nhân cùng tôi còn nhớ đôi bài lượm lặt chép thành tập, gửi nơi Tiêu Đẩu Nguyễn Bá Trác"*[910].

Vậy Nguyễn Bá Trác, sau khi về đầu thú, vẫn được các bạn đồng hành tín nhiệm, trao giữ tác phẩm của thầy Trần Quý Cáp, và khi ra làm báo Nam Phong, Nguyễn vào Quảng Nam rủ Phan Khôi làm cùng, Phan Khôi không chối từ, chưa kể việc Nguyễn được thầy cũ là Nguyễn Bá Học gả con gái cho. Từ khi Nguyễn Bá Trác về đầu thú đến lúc ông bị Việt Minh xử tử, Phan Khôi không ngừng giao thiệp với Nguyễn

---

908 *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, quyển II, trang 152.

909 Nguyễn Văn Xuân, *Phong Trào Duy Tân*, Là Bối, Sài Gòn, 1970, trang 213.

910 Huỳnh Thúc Kháng, *Tiểu sử Trần Quý Cáp*, Trần Quý Cáp của Lam Giang, Đông A, Sài Gòn, 1971, trang 16.

Bá Trác. Theo Phan Khôi, năm 1926, cụ Phan Bội Châu về Huế đến ở nhà Nguyễn Bá Trác và ông cũng đến ở đó. Như vậy, Phan Bội Châu cũng tin cẩn Nguyễn Bá Trác.

Về phía kết tội Nguyễn Bá Trác, chưa ai nêu được chứng cớ rõ rệt, thường chỉ phỏng theo lời đồn. Cho tới nay, chứng cớ duy nhất dựa vào một chú thích trong cuốn *Mémoires de Phan Bội Châu*[911] của Georges Boudarel, 1968, cho biết: Nguyễn Bá Trác và Nguyễn Thái Bạt đã chỉ điểm cho Pháp bắt Trần Hữu Lực, một chiến sĩ của Phan Bội Châu.

Trần Hữu Lực là ai? Phan Bội Châu viết trong *Tự Phán*: *"Trần Hữu Lực người Nghệ An, tên thực là Nguyễn Thức Đường, con trai Đông Khê tiên sinh, là thầy học tôi. Nhà đời nghiệp Nho, mà tính chất ông khác riêng một cách, có thái độ như một nhà võ sĩ thời xưa"*[912].

Trần Hữu Lực theo phong trào Đông Du sang Nhật, học trường quân sự Đông Kinh. Khi Nhật giải tán Đông Du, trục xuất Cường Để (1909), Lực nổi giận, định chống lại, nhưng các đồng chí ngăn cản, ông bỏ sang Tầu. Trần Hữu Lực cùng Nguyễn Bá Trác và Nguyễn Thái Bạt được vào học trường quân sự Quảng Tây. Sau khi tốt nghiệp, Trần Hữu Lực về Quảng Đông, nhận chức thiếu úy. Phan Bội Châu kể tiếp:

"Đến lúc Việt Nam Quang Phục Hội thành lập[913] *ông tự nguyện sang Xiêm La, tổ chức toán quân Việt Kiều. Tôi lấy tư cách Quang Phục hội Tổng lý, đặc uỷ ông làm trú Xiêm Quang phục hội chi bộ bộ trưởng*[914] *(...) Rủi lúc đó, nước Xiêm cũng tuyên chiến với Đức. Chính phủ Xiêm theo lời giao thiệp của người Pháp hết sức phá cách mạng đảng của người Việt Nam, kẻ tù người đuổi. Hai tên trinh thám cho Pháp, một*

---

911 Bản dịch *Tự phán* ra tiếng Pháp của Georges Boudarel, France-Asie số 194-195, Paris, 1968.

912 Phan Bội Châu, *Tự phán*, bản Nhân Chủ Học Xã in, Hoa Kỳ, 1987, trang127.

913 Ngày 19/6/1912.

914 Tức là quyền Chi bộ trưởng Quang Phục Hội ở Xiêm.

người Trung Kỳ, một người Bắc Kỳ, hết sức săn cho được ông, *ông bị dẫn độ với chính phủ Pháp, bắt về Hà Nội, tống vào nhà pha khuyên ông chịu thú phục thì được tha tội. Ông không chịu, đồng một ngày ấy với Hoàng Trọng Mậu bị sang sát*[915] *dưới núi Bạch Mai"*[916].

Vẫn theo Phan Bội Châu, Trần Hữu Lực bị bắt ở Xiêm ngày 26/6/1915. Hoàng Trọng Mậu bị bắt ở Hương Cảng ngày 28/5/1915[917]. Phan Bội Châu viết rất rõ, trong Tự Phán: "*Hai tên trinh thám cho Pháp, một người Trung Kỳ, một người Bắc Kỳ, hết sức săn cho được ông*". Câu này trong *Phan Bội Châu niên biểu,* Chương Thâu ghi như sau: *"Hai tên trinh thám Pháp, một người Bắc Kỳ tên là Hùng; một người Trung Kỳ tên là mỗ(2) hết sức săn cho được ông";* và trong chú thích (2) Chương Thâu viết: *"Câu này trong bản của Anh Minh chỉ ghi Nguyễn... và Nguyễn... nhằm che dấu cho hai tên phản bội này. Bản Nguyễn Khắc Ngữ thì không ghi rõ tên mà chỉ chú theo MP là Nguyễn Tiêu Đẩu (Nguyễn Bá Trác) và Nguyễn Thái Bạt (Nguyễn Phong Di)"*[918].

Tóm lại, trong các bản dịch khác nhau của *Tự phán*:

- Bản Nhân Chủ học xã: Không ghi tên 2 người trinh thám.

- Bản Chương Thâu ghi một người Bắc Kỳ tên là Hùng; một người Trung Kỳ tên là mỗ[919].

- Theo Chương Thâu: Bản Anh Minh ghi: Nguyễn... và Nguyễn...

- Bản Nguyễn Khắc Ngữ không ghi tên mà chỉ chú theo MP.

---

915 Xử bắn.

916 Tự phán, sđd, trang 128.

917 Tự phán, sđd, trang 186.

918 *Phan Bội Châu niên biểu,* tên khác của *Tự phán,* Chương Thâu, Văn Nghệ tp Hồ Chí Minh, 2001, trang 177.

919 Mỗ là tiếng chỉ người, thay cho tên thật.

- MP là viết tắt của *Mémoires de Phan Bội Châu,* bản dịch *Tự phán* của Boudarel. Và Boudarel chú thích hai người này là Nguyễn Tiêu Đẩu (Nguyễn Bá Trác) và Nguyễn Thái Bạt (Nguyễn Phong Di).

Nhưng Phan Bội Châu không hề viết rõ tên hai mật thám săn bắt Trần Hữu Lực.

Nguyễn Khắc Ngữ và Chương Thâu chép lại chú thích của Boudarel để xác định hai kẻ đó là Nguyễn Bá Trác và Nguyễn Thái Bạt. Hiện chúng tôi không có bản của Boudarel, nên không rõ Boudarel *dựa vào đâu, để xác định như thế.*

Nhưng khi khảo sát *Tự phán* của Phan Bội Châu và *Hạn mạn du ký* của Nguyễn Bá Trác, thì thấy nhiều chứng, minh oan cho Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Thái Bạt và cả Lê Dư:

1/ Nếu Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Thái Bạt và Lê Dư làm chỉ điểm cho Pháp, thì tại sao Phan Bội Châu lại không viết rõ tên họ ra? Tại sao họ lại không bị đảng Quang Phục giết như trường hợp Phan Bá Ngọc? Phan Bội Châu viết rất rõ hành vi phản bội của Phan Bá Ngọc - con trai Phan Đình Phùng và việc Ngọc bị Lê Tán Anh ám sát, với súng và tiền lộ phí do Cường Để cung cấp[920].

2/ Ra đầu thú không phải là một tội đối với đảng: chứng cớ là sau khi đầu thú, Lê Dư vẫn hoạt động tiếp. Phan Bội Châu viết: *"Vừa lúc đó* (1917), *ông Lê Dư ở trong nước ra, đương ở Nhật Bản, đi theo Kỳ Ngoại Hầu, viết giấy mời tôi qua, bảo rằng có 2000 hễ đến Nhật Bản thì đưa ngay. Nghĩ đến Lê mới về thú, bạc này lấy ở đâu vào? Ngẫm nghĩ một hồi lâu mới biết được manh mối bạc này rồi"*[921]. Lê Dư tiếp tục kinh tài cho đảng tới 1918. Lê Dư chơi thân với Phan Bá Ngọc, cả hai đều khuyên Phan Bội Châu viết *Pháp Việt đề huề luận*[922], các việc này Phan Bội Châu đều ghi rõ, *nhưng*

920 *Tự phán*, bản Nhân Chủ học xã, trang 209.
921 *Tự phán*, trang 191.
922 *Tự phán*, trang 199-200.

ông không hề xác định Lê Dư phản đảng: Vậy đảng biết rất rõ hành động từng người.

3/ Trong *Tự phán*, Phan Bội Châu chỉ nhắc đến Nguyễn Bá Trác hai lần, trong câu "*Nguyễn Bá Trác và Nguyễn Thái Bạt, ba người* - tức là kể cả Trần Hữu Lực- *đồng thời vào nhà quân hiệu"* và câu *"Quảng Tây cán bộ học đường thì có những người như Trần Hữu Lực, Nguyễn Tiêu Đẩu, Nguyễn Thái Bạt"*[923]. Ngoài ra, *không có lời nào khác trong Tự phán chỉ định Nguyễn Bá Trác và Nguyễn Thái Bạt làm chỉ điểm lùng bắt Trần Hữu Lực ở Xiêm*.

4/ Trong *Hạn mạn du ký,* Nguyễn Bá Trác cho biết: ông về tới Sài Gòn tháng 8/1914. Và trong bài *Lời di ngôn của của cụ Nguyễn Bá Học*, Nguyễn viết:

"Hồi tháng 9 năm 1914 tôi tới Hà Nội, mới được tha về vài ngày, liền xuống Nam Định hỏi thăm tiên sinh[924] *(...) Tiên sinh lại hỏi tôi rằng: "Anh ở Hà Nội định làm kế sinh hoạt gì?". Tôi chưa kịp đáp, tiên sinh lại nói rằng: "Tôi bây giờ nguyệt bổng*[925] *đã được bốn năm chục, nếu anh chửa được việc gì để làm sinh kế, thời tôi có thể giúp anh được; bản tâm tôi là muốn bảo toàn danh dự cho anh vậy". Tôi mới đáp là đã làm việc báo, tiên sinh nói rằng: "Ừ, thế được, phải cố gắng lên mà phải cẩn thận, chớ có táo suất*[926] *mà làm cho lấp đường ngôn luận của nước ta"*[927].

Khi về đầu thú, Nguyễn Bá Trác làm công chức ở sở toàn quyền, phụ trách *Công thị báo* từ 1914, làm báo *Âu Châu chiến sử* với Phạm Quỳnh, và đến tháng 6/1917, ra báo Nam Phong. Tháng 9/1914, ông xuống Nam Định thăm Nguyễn Bá Học, người thày dạy ở Đông Kinh Nghĩa Thục, sau biến cố Trung Kỳ dân biến, đã cưu mang học trò Quảng Nam ra Hà

---

923 *Tự phán*, trang 128 và 166.

924 Nguyễn Bá Học.

925 Lương tháng.

926 Nóng nẩy sơ suất.

927 Nam Phong số 50, tháng 8/1921.

Nội, nuôi và dậy học trong nhà, số 108, phố Hàng Rượu, Nam Định. Nguyễn Bá Học không những giúp đỡ học trò gỡ rối việc ra đầu thú mà còn gả con gái cho Nguyễn Bá Trác.

Như vậy không hề có chứng cớ rõ ràng, để có thể gán cho Nguyễn Bá Trác việc sang Xiêm săn lùng và làm chỉ điểm để Pháp bắt Trần Hữu Lực ngày 26/6/1915.

5/ *Hạn mạn du ký* một lần nữa minh oan cho Nguyễn Bá Trác: *Hạn mạn du ký - Lời ký của một người đi chơi phiếm*[928] viết về 6 năm trốn ra ngoại quốc của Nguyễn Bá Trác, từ tháng 3/1908 đến tháng 8/1914.

Sau vụ *Trung kỳ dân biến*, phong trào Duy Tân và Đông Du bị khủng bố: Nguyễn Bá Trác trốn xuống tàu về Trung, đến Phú Yên, ẩn trong rừng 8, 9 tháng. Ngày 24/12/1908, ông lên tàu vào Nam. Ngày 7/1/1909 đến Mỹ Tho, rồi đi Bến Tre và vào làng Tân Hương dậy học. Ba tháng sau ông lên Sài Gòn, rồi đêm 3/4/1909, từ Sài Gòn xuống tàu trốn đi Xiêm, tới Bangkok ngày 6/4/1909. Từ đây bắt đầu cuộc lưu vong, đi Hương Cảng, rồi sang Nhật. Tới Nhật, sinh viên du học đã bị trục xuất. Ở Nhật một tháng, rồi quay về Thượng Hải, định tìm đường lên Bắc Kinh, nhưng không thành. Tháng 2/1910, làm báo với Trần quân, tức Trần Thế Mỹ, một yếu nhân của Quốc Dân Đảng Trung Hoa, tại Thượng Hải.

Tháng 6/1910, gặp *Nguyên quân - tức Trần Hữu Lực* cả hai được một ân nhân giới thiệu thi vào trường sĩ quan Quảng Tây, ở Quế Lâm, tháng 9/1910. Trong thời gian học ở Quế Lâm, một lão bà tìm đến trường: Bà người Việt, con quan, bị giặc Khách bắt về Tàu từ thủa nhỏ, bị bán nhiều lần, có người con gái là Trần Tuệ Nương, muốn gả cho Bá Trác để mẹ con tìm đường về nước. Nghĩ phận mình trôi nổi chưa biết ra sao nên Bá Trác khước từ. Hai năm sau trên đường lưu lạc, Bá Trác hay tin Tuệ Nương đã chết.

---

928 Nguyên bản chữ Hán, in trên Nam Phong phần chữ Hán trước, sau tác giả dịch và in lại trên Nam Phong quốc ngữ từ số 38, 8/1920 đến số 43, 1/1921.

Chương trình học quân sự là ba năm, nhưng Trác và Lực đỗ vào năm thứ nhì; vì thiếu ngân quỹ, chính phủ Trung Hoa gộp hai năm làm một, nên tháng 9/1911, cả hai tốt nghiệp. Trần Hữu Lực được bổ làm sĩ quan ở sở Binh Bị. Nguyễn Bá Trác rời Quế Lâm, theo Quốc Dân Đảng Trung Hoa, bị kéo vào cuộc nội chiến, nay Thượng Hải, Nam Kinh, mai Bắc Kinh, Trùng Khánh, rồi quay về Thượng Hải, cuối cùng quyết định về nước. Trong khi đó, Phan Bội Châu bị bắt ở Quảng Châu ngày 20/1/1914 đến tháng 4/1916 mới được tha.

Tháng 1/1914, Bá Trác từ Thượng Hải về Quảng Đông, ở lại 6 tháng. Đầu tháng 7/1914, đáp tầu đi Hương Cảng. Rồi từ Hương Cảng về đến Sài Gòn tháng 8/1914.

Hạn mạn du ký là một thiên ký sự. Tác giả ghi rõ ngày tháng từng sự kiện, nhưng đổi tên nhân vật và giấu những gì liên hệ đến tổ chức cách mạng Phan Bội Châu. Tác phẩm còn là văn bản nghiên cứu lịch sử và văn hoá ba nước: Nhật Bản, Trung Hoa và Cao Ly (Triều Tiên). Về giá trị văn chương, sử học và xã hội, *Hạn mạn du ký* có phần sâu sắc hơn *Hải Trình Chí Lược* của Phan Huy Chú hay *Vũ Trung Tuỳ Bút* của Phạm Đình Hổ.

Tác phẩm có 2 đoạn đáng chú ý, có thể minh oan cho Nguyễn Bá Trác:

1/ Đoạn viết về lòng nhớ nước và khát vọng trở về đất tổ của lão bà bị cướp khỏi gia đình từ thời niên thiếu, lưu lạc trên đất khách, trọn đời chỉ có một quyết tâm: nuôi con thành người Việt, lấy chồng Việt để tìm đường về tổ quốc. Người mẹ ấy nói: *"Ôi! Người mà quên cả ông cha, gọi là người "vong tổ" có thể là người được chăng?"* Lời nói ấy, dường như phát tự đáy lòng Nguyễn Bá Trác.

2/ Đoạn tả Nguyên quân ngâm bài Hồ Trường. *Nguyên quân* -anh Nguyên- chính là Trần Hữu Lực, được mô tả như một hiệp sĩ thời xưa, vừa nghệ sĩ, vừa khẳng khái, với giọng thân ái và kính phục, nhưng cũng bộc lộ tâm sự của tác giả:

"Nguyên quân cả năm không hay uống rượu đã uống thì say, đã say hay hát. Hát không hiểu khúc, song tiếng trong mà cao; cứ nghêu ngao mấy câu cổ phong, tự người ngoại quốc nghe đã lấy làm kiêu điệu lắm; cho nên ngày ở Quế Lâm, thi tốt nghiệp rồi, Nguyên quân say rượu tay gõ miệng hát, anh em đồng học đều khen là danh ca.

Chiều hôm ấy[929] *rượu ngà ngà, Nguyên quân cũng đứng dậy mà hát. Cách phòng có một người khác tên là Lưu mỗ, là người Trực Lệ, hiện làm quan võ coi lính ở Quảng Tây, nghe Nguyên quân hát, bèn vào phòng, chào nói tên họ rồi hỏi Nguyên quân: "Tôi nhớ năm xưa có gặp quý hữu một lần ở tại Đông Kinh nước Nhật". Nguyên quân nói: "Lâu ngày không nhớ rõ". Khách lại hỏi: "Vừa nghe quý hữu hát ấy là điều gì?". Nguyên quân nói: "Ấy là một điệu đặc biệt ở phương nam!" Khách nói:" Nghe tiếng bi mà tráng, nhiều hơi khẳng khái, nam phương có điệu hát đến như thế ru?". Nói rồi, liền gọi thằng hầu lấy bút, xin Nguyên quân viết bài hát cho mà xem. Nguyên quân cầm bút viết ngay. Bài hát dịch ra như sau này:*

Trượng phu không hay xé gan bẻ cột phù cương thường;

Hà tất tiêu dao bốn bể, luân lạc tha hương.

Trời Nam nghìn dậm thẳm; mây nước một mầu sương.

Học không thành, công chẳng lập, trai trẻ bao lâu mà đầu bạc; trăm năm thân thể bóng tà dương.

Vỗ tay mà hát, nghiêng đầu mà hỏi, trời đất mang mang, ai là tri kỷ, lại đây cùng ta cạn một hồ trường.

Hồ trường! Hồ trường! Ta biết rót về đâu?

Rót về Đông phương, nước bể Đông chẩy xiết, sinh cuồng lan.

Rót về Tây phương, mưa Tây sơn từng trận chứa chan;

Rót về Bắc phương, ngọn bắc phong vì vụt, đá chạy cát dương;

---

929 Khoảng tháng 3- 4/1910

Rót về Nam phương, trời Nam mù mịt, có người quá chén như điên như cuồng.

Nào ai tỉnh, nào ai say, chí ta ta biết lòng ta hay;

Nam nhi sự nghiệp ở hồ thỉ, hà tất cùng sầu đối cỏ cây"[930]

Không ai viết như vậy về người mình đã *"chỉ điểm"* cho Pháp bắt giết. Giọng văn bí ẩn, cố giấu tông tích người hiệp sĩ anh hùng, nhưng cũng muốn ngỏ cho người đọc thấy sự thực: *Nguyên quân - Trần Hữu Lực* là một "hiệp sĩ", có giọng ngâm hay, nhưng không phải là người văn học, vì "*hát không hiểu khúc"*.

Bài mà *Nguyên quân* hát, *Ấy là một điệu đặc biệt ở phương Nam!* - Một điệu phương Nam, mà phương Nam là đâu? Là nước Việt, nhưng người Việt có ai biết bài này, trừ Nguyễn Bá Trác? *Vậy người sáng tác Hồ Trường phải là Nguyễn Bá Trác.* Từ trước đến nay, vì không có sự khảo sát văn bản, người ta vẫn cho rằng bài *Hồ trường* là của *Nguyên Quân,* người Tầu, được Nguyễn Bá Trác dịch sang tiếng Việt.

Sự thực, *Nguyên quân* chỉ là *Nguyễn quân* đã bỏ dấu ngã. Tác giả phải giấu mình, nhưng trong vô thức luôn luôn có cái gì "phản lại" tác giả, ở đây là bốn chữ: *Nguyên quân* và *phương Nam*.

Hồ trường là một tuyệt tác, nói lên tâm sự bi tráng của những thanh niên đất Quảng ra Hà Nội, mong học *"thành tài"* để góp phần canh tân đất nước. Nào ngờ đến Bắc việc đã hỏng. Trốn sang Xiêm, Nhật, chậm rồi. Về Tầu lang thang khất thực, học làm tướng. Theo Quốc Dân Đảng Trung hoa. Nhưng Dân Đảng bại trận. Mọi việc đều hỏng. Bốn phương mù mịt. Đói khát vây quanh. *Hồ trường* chính là tâm sự bi đát của Nguyễn Bá Trác.

---

930 Trích *Hạn mạn du ký.*

● Phạm Quỳnh (1892-1945)

Lời Phạm Quỳnh: *"Tôi sinh ra nước đã mất rồi, còn đâu mà tôi bán?"* Ẩn một sự thật bi thương. Nam Phong ra đời do nghị định ngày 30/12/1916 của phủ toàn quyền. Vậy Nam Phong nằm trong chính sách cai trị của Pháp lúc bấy giờ.

Trên cái manchette *Nam Phong tạp chí* là hàng chữ: "*L'Information française - Thông tin Pháp*", và "*La France devant le monde. Son rôle dans la guerre des nations - Nước Pháp trước thế giới. Vai trò của Pháp trong cuộc chiến giữa các nước".* Vậy chủ đích Nam Phong đã rõ.

Với một *"chủ đích"* như thế, Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác, hai chủ bút quốc ngữ và Hán văn và cũng là hai công chức của Pháp, có thể làm gì?

Trong bài trả lời phỏng vấn Đào Hùng[931] năm 1931, Phạm Quỳnh cho biết: Trong thế chiến thứ nhất, Đức làm báo chữ Hán để tuyên truyền bên Tầu; Pháp bèn giao cho hai ông Quỳnh và Trác làm tờ *Âu Châu chiến sử*, chữ Hán, viết bài ký tên người Tầu, tuyên truyền cho Pháp, đem sang Tầu phát không. Trong mấy năm, tờ báo ấy chỉ phát hành ở Tầu, không có ở Đông Dương. Đến năm 1917, phủ toàn quyền bàn với tôi (Phạm Quỳnh) rằng *sẵn có tin tức và bài vở thì nên mở ra một bản quốc văn để làm cơ quan tuyên truyền tin tức trong xứ.* Từ đó Nam Phong mới xuất hiện cùng với Đông Dương tạp chí, là hai tờ báo quốc văn ở đất Bắc. Như vậy, Phạm Quỳnh đã nói rõ *mục đích tuyên truyền của Pháp* trong việc cho phép Đông Dương, Nam Phong xuất hiện. Sau này những lập luận chống Phạm Quỳnh thường vịn vào cớ ấy để buộc tội ông.

Nguyễn Văn Trung viết cuốn *Chủ đích Nam Phong*[932] để buộc tội Phạm Quỳnh và phản bác các quan điểm của Thanh Lãng và Phạm Thế Ngũ. Tiếc rằng, Nguyễn Văn Trung không

---

931 Đào Hùng, *Phụ Nữ Tân Văn từ Nam ra Bắc*, *Ông Phạm Quỳnh và vấn đề lập hiến ở nước Nam*, PNTV số 87 (18/6/1931), đăng lại trên *13 năm tranh luận văn học*, sưu tập Thanh Lãng, trang 252-261.

932 Trí đăng, Sài Gòn, 1972.

đem lại điều gì mới hơn các *"chủ đích"* đã in trên đầu tờ báo và đã được Phạm Quỳnh nói rõ từ năm 1931 với Đào Hùng; ông chỉ đưa ra một số văn thư chính thức của Pháp, khen ngợi Phạm Quỳnh là người bạn tốt của Pháp, như vụ làm báo *Âu Châu chiến sử*; ông cũng chỉ đọc sơ vài bài viết của Phạm Quỳnh, lựa những câu có thể phê phán được, đưa ra ngoài bối cảnh để buộc tội: tại sao Phạm Quỳnh không chống Pháp mạnh mẽ như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh? Lối lập luận như thế khó đứng vững, bởi Phạm Quỳnh là người ôn hoà, chọn đường khác: con đường văn hoá, và Phan Khôi cũng chọn con đường này trong nhiều thập niên sau.

Giọng ca tụng Pháp tồi tệ nhất trên Nam Phong là của Tuyết Huy Dương Bá Trạc[933] trong *Bài ký ngày kỷ niệm quan toàn quyền Sarraut đến Hà Nội* [934] và bài *Lời mừng cuộc toàn thắng đồng minh*[935]. Lời lẽ đáng xấu hổ, gọi Pháp là "*mẹ nuôi ta*", coi Nã Phá Luân là *"xứ nhà giời",* hoan hô "*Đại Pháp muôn năm", "Quan toàn quyền Sarraut muôn năm", "Ta chúc nước Lang sa ta vinh quang hách dịch đời đời kiếp kiếp",* nhưng rất lạ là Dương Bá Trạc lại không bị kết tội *"bán nước".*

Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác, trong phần quốc văn, không viết bài nào đáng trách. Cùng chủ trương cộng tác Pháp-Việt, nhưng lời lẽ Phạm Quỳnh chừng mực, ít *"thân Tây"* hơn Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong các bài viết có tính cách Pháp-Việt đề huề, đúng như nhận xét của Thanh Lãng.

Tóm lại, trên Nam Phong, ngoài mục Thời Đàm -tin tức bình luận thời sự- tuyên truyền cho chính sách của Pháp ở Á Châu, theo đúng chủ đích đã ghi trên đầu tờ báo, khó có thể

933 Là anh Dương Quảng Hàm.
934 In trên Nam Phong số 1 (7/1917).
935 Nam Phong số 17 (11/1918).

tìm được chứng cớ nào buộc tội Phạm Quỳnh *"bán nước"* qua các văn bản biên khảo, triết học, phê bình, dịch thuật của ông trên Nam Phong. Vậy ta thử tìm hiểu trong chuyến đi Pháp năm 1922, Phạm Quỳnh có thái độ như thế nào đối với các nhà ái quốc và với nước Pháp?

♦ Gặp gỡ các nhà ái quốc năm 1922 tại Pháp

Tâm sự sâu lắng của Phạm Quỳnh trong chuyến đi Pháp năm 1922 được bộc lộ qua loạt bài *Pháp du hành trình nhật ký*[936], ông ghi lại tỷ mỷ chuyến đi và những nhận xét tinh vi của ông về xã hội Pháp đương thời.

Khởi hành từ Hải Phòng ngày 9/3/1922, đến Marseille 9/4 và về nước ngày 11/8/1922. Trong 4 tháng, Phạm Quỳnh đã gặp các nhà ái quốc trong nhóm Ngũ Long nhiều lần:

1/ Đến Marseille 9/4, ngày 11/4/1922, Phạm Quỳnh ghi: *"Hôm nay gặp cụ Phan Tây Hồ, là một nhà chí sĩ nước ta, nay biệt xứ bên quý quốc. Hồi cụ khởi nghiệp, tôi còn nhỏ tuổi, nên chỉ biết tiếng mà không được biết người. Nay sang đến đây mới được gặp cụ, trong lòng ngổn ngang nhiều nỗi, không sao nói xiết. Cùng nhau đàm luận trong mấy giờ"*[937].

2/ Theo mật báo ở Marseille, ngày 11/5/1922, có cuộc gặp gỡ giữa Phan Châu Trinh, Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh. Phan Châu Trinh muốn lật đổ Nam triều, lập Quốc hội An Nam để cai trị cùng với chính phủ Pháp. Nguyễn Văn Vĩnh không đồng ý. Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh hứa sẽ nghĩ biện pháp giúp Phan Châu Trinh[938]. Phạm Quỳnh ở Marseille đến 12/5 đi Lyon, tới Paris ngày 16/5/1922, ở Hôtel du Monde, số 15, Rue Berthollet cùng với Nguyễn Văn Vĩnh.

---

936 Nam Phong từ số 58 (4/1922) đến số 100 (10-11/1925) in lại trong *Hành trình nhật ký*, Ý Việt, Pháp, 1997.

937 *Hành trình nhật ký*, Ý Việt, Pháp, trang 252.

938 Thu Trang, *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911/1925*, Đông Nam Á, 1983, trang 160.

3/ Ngày 27/6/1922, Phạm Quỳnh đến *Hội Địa Dư Thương Mại - Société de Géographie Commerciale* đọc diễn văn giới thiệu hội Khai Trí Tiến Đức.

Lê Thanh Cảnh trong bài *"Thử đi tìm một lập trường tranh đấu cho dân tộc Việt nam"*[939] cho biết, ngay chiều hôm ấy, tức là chiều 27/6/1922, ông tổ chức mời cơm tại khách sạn Montparnasse, có sự tranh luận sôi nổi giữa Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc, Cao Văn Sến, Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh.

4/ Ngày 13/7/1922, Phạm Quỳnh ghi trong *Hành Trình nhật ký*: *"Chiều hôm nay ăn cơm An Nam với mấy ông đồng bang ở bên này. Mấy ông này là tay chí sĩ, vào hạng bị hiềm nghi, nên bọn mình đến chơi không khỏi có trinh tử dò thám. Lúc ăn cơm trong nhà, chắc lũ đó đứng ngoài như rươi; nhưng họ cứ việc họ, mình cứ việc mình, có hề chi!"*[940] Trong cuốn sổ tay, ông viết rõ tên: *"Juillet /13 /Jeudi: Ăn cơm An Nam với Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc ở nhà Trường (6 rue des Gobelins)"*[941].

5/ Ngày 16/7/1922, Phạm Quỳnh ghi: *"Trưa, mấy ông chí sĩ cùng ăn cơm bữa trước lại chơi ở trọ, nói chuyện giờ lâu. Nghe nói các ông đi đâu cũng có bọn trinh tử theo sau, chắc bọn đó đã đứng đâu ngoài cửa cả"*[942] Và trong sổ tay: *"Dimanche 16/7: ở nhà, Trường, Ái Quốc và Chuyền* (Truyền) *đến chơi"*[943]

Tóm lại, trong chuyến đi Pháp 1922, Phạm Quỳnh gặp nhóm Yêu Nước, *ít nhất năm lần.* Và hầu như luôn luôn bị mật thám theo dõi. Điều này chứng tỏ: năm 1922, có sự tham vấn về tình hình đất nước giữa khuynh hướng ôn hoà của Phạm Quỳnh chủ trương quân chủ lập hiến và Nguyễn Văn

---

939 Bài đã dẫn trong chương 20.

940 *Hành trình nhật ký*, trang 485.

941 Phạm Tôn, *Người nặng lòng với nước*, tài liệu gia đình, Blog Phạm Tôn.

942 *Hành trình nhật ký*, trang 491.

943 Phạm Tôn, bđd.

Vĩnh chủ trương trực trị và khuynh hướng chống đối mạnh mẽ của nhóm Ngũ Long, tại Pháp.

♦ Đối diện với trí thức Pháp: đấu tranh cho giáo dục ở Việt Nam

Hoạt động thứ nhì trong thời kỳ Phạm Quỳnh ở Pháp, là tranh đấu cho một đường lối giáo dục phù hợp với dân tộc Việt Nam, thể hiện qua 4 bài diễn thuyết tại các trường lớn. Những bài này được đăng báo ở Pháp, rồi trên Nam Phong song ngữ và in lại trong *Nouveaux essais franco-annamites - Những bài tiểu luận Pháp-Việt mới*[944].

Đây là những bài tham luận quan trọng, nhưng ít ai biết, lại phải đọc nguyên văn tiếng Pháp, vì bản dịch dù của tác giả, nhưng với thứ tiếng Việt đầu thế kỷ: *La France* dịch là *Đại Pháp*; *Messieurs* là *Thưa các ngài*, đã làm mất tính dân chủ trong sự khẳng khái đòi chính quyền Pháp thực thi một nền giáo dục đúng đắn ở Việt Nam.

Trước sinh viên và trí thức Pháp, Phạm Quỳnh dùng lối thuyết khách: ông trình bầy và phân tích tiến trình lịch sử và văn hoá Việt Nam từ thời thượng cổ, để thuyết phục Pháp không thể *"giáo hoá"* dân Việt như một dân tộc dã man, tức là bỏ hẳn tiếng Việt, chỉ dạy tiếng Pháp, biến người Việt thành người Pháp.

1/ Ngày 26/5/1922. Diễn thuyết tại *Ecole des Langues orientales vivantes - Trường Sinh ngữ Đông phương*. Đề tài: *L'évolution de la langue annamite - Sự tiến hóa của tiếng An-nam*[945].

Phạm Quỳnh lược qua tình trạng ngôn ngữ ở Việt Nam: Trải ngàn năm bị Tầu đô hộ, văn chương Việt chia làm hai loại: bác học, chữ Hán và bình dân, chữ Nôm. Tiếng nói dân tộc bị coi thường, chữ Nôm bị khinh rẻ.

---

944 Nxb Bùi Huy Tín, Huế, 1938.

945 Nam Phong, phụ lục tiếng Pháp, số 69 (3/1923) và số 70 (4/1923).

Nhưng đến đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Du, một đại văn hào xuất hiện, đưa thứ ngôn ngữ thông tục lên hàng kiệt tác với *Truyện Kiều*. Công của Nguyễn Du đối với quốc âm cũng giống như công của Ronsard, Rabelais đối với tiếng Pháp.

Chữ quốc ngữ, do các linh mục Tây Phương đặt ra với mục đích truyền giáo; nhờ Trương Vĩnh Ký và Paulus Của, được truyền bá rộng rãi ở Nam Kỳ, bởi vì trong Nam không có lớp nho học bảo thủ như đất Bắc.

Khoảng 1900, sau khi Tầu thua Nhật, người Tầu bắt đầu du học Âu Mỹ; khi về nước, họ đã dịch đủ loại tác phẩm Tây phương, từ Darwin, Kant, đến Rousseau, Montesquieu, Voltaire, Diderot... sang chữ Hán. Đó là những sách Tân Thư. Các nhà nho Việt đọc tân thư, tiếp nhận, và dịch lại những danh từ khoa học, kỹ thuật, triết học, mà người Hoa đã dịch sang chữ Hán.

Khi lớp người Tây học (chúng tôi) bắt đầu dịch các sách Tây Phương sang tiếng Việt, thì đã có sẵn kho danh từ Hán-Việt do các bậc đàn anh dịch từ chữ Hán sang: *Chữ quốc ngữ hiện đại hình thành và giàu mạnh, là nhờ sự cộng tác chặt chẽ giữa hai phái Nho và Tây học.*

Sự phục hưng tiếng Việt qua quốc ngữ không được người Pháp biết đến, kể cả những người đã Việt hoá nhất, họ chỉ học tiếng Việt hàng ngày, khi đụng phải một vài danh từ Hán Việt là họ giãy nẩy lên, bảo đấy là tiếng Tầu. Nói là mượn tiếng Tầu thì cũng không đúng hẳn: Thực ra, để tạo chữ mới, tiếng Việt cũng như tiếng Cao Ly, Nhật, quan thoại, đều mượn chữ Hán, một tử ngữ, hệt như người Âu mượn chữ La tinh, Hy lạp. Khi các bạn viết: *électro-dynamique* thì cũng giống như chúng tôi dùng từ Hán-Việt vậy.

Tại sao phải dùng từ Hán-Việt? Ví dụ *intuition* dịch là *trực giác*, trực là thẳng, giác là thấy, dễ hiểu hơn là phiên âm thành *anh-tuy-di-on* hay giải nghĩa dài dòng sang tiếng Việt. Nhưng có những tiếng có thể dịch thẳng sang tiếng Việt, như

l'aréoplane thành *tầu bay* hoặc *automobile* phiên âm thành *ô tô*; *la gare* thành *nhà ga*. Về tên riêng, chúng tôi phiên âm tên *Napoléon* thành từ Hán Việt *Nã Phá Luân,* bởi ba chữ này có âm vang chiến đấu; *Washington* thành *Hoa Thịnh Đốn* vì âm vang thanh nhã hợp với đất kinh thành.

Khi ngôn ngữ bất đồng, thì không thể hiểu nhau được.

Các bạn đang học trường Sinh Ngữ Đông Phương, vậy nếu các bạn muốn học tiếng nước tôi thì không chỉ học ngôn ngữ hàng ngày, nên học cả ngôn ngữ văn chương, và nếu có thể, học thêm chữ nho, để có thể tìm hiểu đến nguồn cội ngôn ngữ Việt Nam[946].

Bài *L'évolution de la langue annamite* mở đầu cho *"chiến dịch"* cổ động mà Phạm Quỳnh đã trù định: Thừa dịp được toàn quyền Maurice Long cử sang Pháp diễn thuyết tại các trường lớn, ông đã tìm cách thuyết phục Pháp đừng thi hành chính sách đồng hoá ngôn ngữ ở Việt nam. Mở đầu bằng lời khuyên sinh viên trường sinh ngữ, ngoài tiếng Việt hàng ngày, nên học văn chương Việt, học thêm chữ nho, để hiểu những danh từ Hán-Việt.

2/ Ngày 31/5/1922 diễn thuyết ở *Ecole Coloniale-Trường Thuộc Địa*, đề tài: *L'évolution intellectuelle et morale des Annamites depuis l'établissement du Protectorat français - Sự tiến hóa về đường tinh thần của người Việt Nam từ khi nước Pháp đặt Bảo hộ*[947].

Phạm Quỳnh ghi trong *Hành Trình Nhật Ký*: *"Trị cái đề này cho cứng và cho ổn cũng khó thật; khó là muốn cho vừa cứng vừa ổn. Nếu ổn quá thì thành ra nịnh rồi, mà nịnh thì mình không mặt mũi nào; mà nếu cứng quá tất sẵng, mà sẵng cũng không xong". "Tối hôm nay quyết ăn mặc quần áo An Nam, lấy quốc phục làm lễ phục, cho nó thêm trịnh trọng.*

---

946 Tóm tắt các ý chính trong bài diễn văn của Phạm Quỳnh.

947 Nam Phong, phụ lục tiếng Pháp số 66 (12/1922) và 67 (1/1923).

Nghiễm nhiên là một anh "đồ" An Nam mà ngồi diễn thuyết bằng tiếng Pháp"[948].

Bài này có tính cách chính trị: Phạm Quỳnh tổng kết tiến trình lịch sử và văn hoá Việt Nam từ đô hộ Tàu đến đô hộ Tây. Mục đích nói cho *"các quan cai trị"* tương lai biết rằng: các bạn muốn thành công thì nên học tiếng Việt, tìm hiểu văn hoá Việt. Mọi sự đàn áp đều đưa đến hậu quả khôn lường.

Phần đầu, ông nói về tình hình văn hoá Việt dưới sự đô hộ của Tàu: Chữ Hán trở thành ngữ tự chính thống.

Phần thứ nhì, và cũng là phần cốt lõi, ông nói đến nền đô hộ của Tây. Đại ý như sau: Nước Pháp đến nước chúng tôi đã nửa thế kỷ. Chuyện đã rồi, chúng tôi đành phải chịu. *"Nhưng đối với lớp đàn anh chúng tôi, thì chẳng qua quý quốc cũng chỉ là một giống "xâm lược" mà thôi". "Trừ là một dân tộc hèn mạt suy đốn, chứ có bao giờ người dân một nước lại giương tay ra đón lấy kẻ ngoại quốc đến cưỡng chiếm nước mình".* Bởi thế nên 20 năm sau khi quý quốc đến chiếm hữu, biết bao nhiêu cuộc nổi dậy chống đối, *"cũng chỉ vì cái lòng ái quốc bị khổ nhục, lòng căm tức tới tâm gan*".

Sự căm thù khiến chúng tôi coi việc học tiếng Pháp và học vần quốc ngữ do người Tây phương đem lại là một cái nhục. Nhưng dần dần, sĩ phu của chúng tôi cũng phải thừa nhận sự yếu kém của nước mình, và họ đã tìm đọc những tư tưởng tiến bộ của J.J. Rousseau, Montesquieu qua những cuốn Tân Thư của Tàu, từ đó phát xuất phong trào Đông Du. Họ muốn trông cậy vào Tầu, Nhật để đuổi Pháp ra khỏi xứ sở, mà biến cố 1908 - *Trung kỳ dân biến* là đỉnh điểm.

Khi toàn quyền Paul Beau nhậm chức (1902-1908), ông đã hết sức cải tổ chính trị, mở rộng các trường Pháp-Việt và mở trường đại học đầu tiên ở Đông Dương, tôi (Phạm Quỳnh) có hân hạnh với vài người bạn được vào học trường này. Nhưng chỉ ít lâu sau trường bị đóng cửa vì biến cố 1908.

---

948 *Hành trình nhật ký*, trang 343- 345.

Người ta giải thích rằng: Vì người Nam chưa có trình độ để học Đại học; điều đó đúng vì hồi đó chúng tôi làm gì có trường trung học? Việc lập đại học khi chưa có trung học là một nghịch lý. Thực ra thì ông Beau đã có chủ kiến sẵn: Từng làm đại sứ Pháp tại Trung hoa, ông biết rõ mỗi năm có hàng nghìn người Hoa sang Âu, Mỹ du học, quá tốn kém cho gia đình và nhà nước Trung hoa, cho nên nếu ông lập ra một Đại học Đông Dương ở Hà Nội, mà người Tầu sang học thì uy thế của Pháp tại Viễn đông càng nổi trội.

Nhưng chính sách khôn ngoan của ông Beau đã không được người kế nhiệm thấu hiểu. - *Ở đây, Phạm Quỳnh muốn nói đến toàn quyền Antoine Klobukovski (1908-1910), người đã tàn khốc đàn áp các phong trào Duy Tân và Đông Du, đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục và Đại Học Đông Dương*. Đến khi ông Albert Sarraut sang làm toàn quyền, chính sách cộng tác văn hóa Pháp Việt của ông Beau mới lại được tiếp tục: những vở kịch của Molière qua bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh đã được trình diễn ở Hà Nội - Xin nhắc lại: Albert Sarraut, thuộc đảng xã hội, làm toàn quyền hai lần (1911-1914) và (1917-1919), sau đó là Maurice Long (1921-1923), cả hai tiếp tục chính sách cộng tác văn hoá của Beau.

Phạm Quỳnh kết luận: *Chúng tôi là một dân tộc cổ kính có một nền văn hoá lâu đời, ngày nay muốn hội nhập vào thế giới hiện đại, nhưng dứt khoát không muốn từ bỏ nền văn minh, cái quá khứ mà tổ tiên đã để lại qua nhiều thế kỷ. Chúng tôi muốn là chính mình. Muốn giữ lấy bản sắc của mình, giữ lấy cái quốc hồn quốc tuý của dân tộc mình.*

Vì sự tình cờ của lịch sử, chúng tôi phải chịu sự bảo hộ của nước Pháp. Chúng tôi muốn được nước Pháp giúp đỡ trong công cuộc cải cách, bởi nước Pháp là một cường quốc, thông qua lịch sử, luôn luôn góp phần vào công cuộc tranh đấu giải phóng con người[949].

---

949 Tóm lược các ý chính trong bài diễn thuyết.

Với bài *L'évolution intellectuelle et morale des Annamites depuis l'établissement du Protectorat français* trên đây, Phạm Quỳnh đánh vào tâm lý những nhà cai trị tương lai. Nội dung mãnh liệt. Lời lẽ khôn khéo. Không khác gì lời Phan Văn Trường trong bản Thỉnh Nguyện Thư 1919. Phạm Quỳnh trong tư thế thuyết khách. Phan Văn Trường viết lời thỉnh nguyện của một dân tộc.

3/ Ngày 5/7/1922. Diễn thuyết ở *Société française des amis de l'Orient- Hội Ái hữu Đông phương*.

Đề tài: *La poésie annamite - Thi ca Việt Nam*[950].

Bài này giới thiệu hai mảng thi ca quan trọng nhất của Việt Nam: *Ca dao* và *Truyện Kiều*. Vào đề, ông nói ngay: Thi ca của dân tộc nào là đặc biệt của dân tộc ấy, không thể dịch ra tiếng nước khác được. Dịch tức là diệt. Mà muốn dịch, lại phải thông thạo cả hai thứ tiếng. Tôi (Phạm Quỳnh) có thể tự hào biết rõ tiếng nước tôi, nhưng làm sao tôi biết hết những tinh vi trong tiếng Pháp, vậy tôi dịch phải sai nhiều lắm. Muốn thưởng thức thơ nước tôi, các bạn chỉ có cách học tiếng Việt.

Sau đó ông dịch một số câu ca dao và giải thích những cái hay tuyệt vời không thể dịch sang tiếng Pháp được, ví dụ hai chữ *chiều chiều* dịch thành *soir soir* thì làm sao nói được nỗi buồn với dư âm day dứt tiềm ẩn trong âm thanh *chiều chiều*.

Ca dao, mới chỉ là những bông hoa dân gian, hoa rừng, không trồng mà mọc. Còn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, mới là thơ của nhà đại thi hào dân tộc. Kiều là một quyển sách bói - livre d'horoscopes, giây phút nào trong đời người, bạn cũng có thể mở Kiều và tìm thấy những câu thơ phù hợp. Từ thượng cổ Hy Lạp đến nay, thi nhân luôn luôn băn khoăn tới số phận con người. Nhưng Tây phương thường diễn ca theo

---

950 In trong Revue Orient et Occident ở Paris, tháng 8/1922, và Nam Phong phụ trang Pháp ngữ, số 63 (9/1922).

lối huyền ca thần bí, trong khi thi nhân nước tôi, lấy thân phận làm *chủ não - leit-motiv* của đời người đàn bà bị khổ nhục vì có nhan sắc, có lòng cao thượng và có quan niệm khác thường về nghĩa vụ con người.

Quý quốc sang cai trị chúng tôi đã 50 năm. Trong 100 công chức Pháp thì có độ 10 người biết tiếng Việt, nhưng điều quái lạ là không ai tìm đọc truyện Kiều! Ông Abel des Michels có dịch và chú thích nhưng cũng dịch sai nhiều lắm. Ông Nguyễn Văn Vĩnh, bạn của chúng tôi, đã dịch nhiều tác phẩm của quý quốc sang tiếng nước tôi, và ông đã dịch cuốn Kiều sang tiếng Pháp. Lần này ông sang Pháp để tìm một văn tài thượng đẳng của quý quốc (*nobilité littéraire française*) có thể nhuận sắc lại bản dịch của ông để in bên Pháp[951].

Tôi nói thế không ra ngoài đề đâu, mỗi chi tiết đều có ý quan trọng về chính trị cả đấy. Bởi có những ý kiến đang thịnh hành cho rằng tiếng An Nam chẳng qua là một *"thổ âm"* phải tiêu diệt dần đi, thay tiếng Pháp vào. Một tiếng nói mà chúng tôi đã giữ được qua bao nhiêu thế kỷ chống lại tiếng Tầu. Người ta thường nói một dân tộc sống về tiếng nói, và nếu đúng như thế thì dân tộc *chúng tôi quyết muốn sống đây*! Chẳng phải vì bọn trí thức chúng tôi ghét tiếng Pháp mà nói vậy: *chúng tôi muốn truyền bá văn minh Tây phương, nhưng sự truyền bá này phải không phương hại gì đến tiếng Quốc âm và nền văn minh lâu đời của chúng tôi*.[952]

Với chủ đề văn chương, Phạm Quỳnh đã nói chính trị: *bảo vệ triệt để ngôn ngữ dân tộc trước nguy cơ bị chính quyền thuộc địa dẹp hẳn để thay thế bằng tiếng Pháp như đối với các nước Châu Phi.* Để bảo vệ tiếng Việt, Nguyễn Văn Vĩnh dịch Kiều và hai ông Vĩnh, Quỳnh đề cao Kiều như một

---

951 Bản dịch Kiều của Nguyễn Văn Vĩnh được in dần trên Đông Dương tạp chí từ số 18 trở đi, rồi trên Trung Bắc Tân Văn. Xuất bản sau khi Nguyễn Văn Vĩnh qua đời (nxb Alexandre de Rhodes, 1942, Hà Nội), 2 tập, gồm ba phần: thơ, chú giải, và dịch từng chữ. Nguyễn Văn Vĩnh đã dịch Kiều trong khoảng 1913-1916.

952 Tóm lược những ý chính trong bài diễn thuyết.

kiệt tác, để người Pháp thấy cái hay trong tiếng Việt khiến họ phải kính phục và tôn trọng. Sự đề cao Truyện Kiều của Phạm Quỳnh là trong chủ đích ấy, nhưng một số nhà nho không hiểu. Ngô Đức Kế đã cực lực phản đối bằng những lời lẽ luân lý hết sức thiển cận. Sự hiểu lầm Phạm Quỳnh còn kéo dài trong nhiều thập niên sau với Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Văn Hoàn...

4/ Ngày 22/7/1922 diễn thuyết tại *Académie des Sciences morales et politiques - Hội Hàn Lâm Luân lý Chính trị học*. Mặc quốc phục.

Đề tài giáo dục: *Un problème d'éducation des races. Comment doit-être faite l'éducation des Annamites par La France?- Một vấn đề giáo dục giống nòi. Nước Pháp phải giáo hoá người An Nam như thế nào?*

Đây là bài quan trọng nhất, bàn thẳng vào chính sách giáo dục của Pháp ở Việt Nam, mở đầu bằng những lời:

"Trong sử cũ nước Việt Nam chúng tôi, thường nói đến những bậc người đại trí (...) Gặp những cơ hội gì quan trọng, hay là khi nào phải xét đến một cái vấn đề lợi hại cho cả nước, thời chính Hoàng đế hay là các quan quốc vụ đại thần, hay là bất cứ người dân nào hữu tâm về vận mệnh nước nhà, thường hay tìm đến để hỏi han. Mà các bậc ấy bao giờ cũng lấy những điều chính lý, những sự khôn ngoan mà khuyên bảo. Mà những lời khuyên bảo ấy, hầu hết là nghe theo cả.

Toà Hàn Lâm của Đại Pháp, là nơi tẩu trạch (sanctuaire) *những ngài học vấn uyên thâm, khôn ngoan tài trí của quý quốc..."*[953]

Lời mở đầu vẫn xác định nước mình có nền văn hoá lâu đời, có những bậc hiền triết mà vua, quan, dân đều phải nghe theo. Sau mới nói đến Hàn Lâm Viện Pháp, đặt các vị hàn lâm lên trên hết, hy vọng tiếng nói của họ sẽ được chính quyền Pháp nghe, như ở xứ Việt, từ xưa.

---

953 Trích theo bản dịch của Phạm Quỳnh, Nam Phong số 71 (5/1923).

Chúng tôi đã bị Pháp đô hộ hơn 40 năm.

Bởi yếu thế về chính trị, nên đã không *"đủ sức chống lại một kẻ xâm lược vừa giỏi vừa mạnh hơn nhiều"*. Chúng tôi thua trận vì: *"nước chúng tôi là gốc ở một cái văn minh rất cổ ở Á Châu, trong bao nhiêu thế kỷ tựa hồ như cách biệt với thế giới bên ngoài"*.

Trước Hàn Lâm Viện Pháp, Phạm Quỳnh vẫn xác định: Pháp là *kẻ xâm lược,* sau *nông nỗi mất nước* buổi đầu, những phần tử ưu tú của đất nước chúng tôi mới nhận thức được sự yếu kém về học thuật của mình, muốn được thấm nhuần *"cái học thuật và cái văn minh nhân đạo"* của nước Pháp. Chúng tôi là một dân tộc bị áp bức, trông chờ ở nước Pháp, cái nôi của nhân quyền và giải phóng con người, giúp đỡ học hỏi để trở thành một nước tân tiến. Tóm lại, *chúng tôi rất mong được giáo hoá, nhưng quý quốc định giáo hoá chúng tôi như thế nào đây?* Sau khi bãi bỏ nền giáo dục cổ truyền của chúng tôi, quý quốc chưa tìm được giải pháp nào ổn thoả. Hiện có hai lập luận:

- Nhóm thực dân lâu đời cho rằng: Dân An Nam càng có kiến thức càng nổi lên chống Pháp, vậy chỉ nên dậy chúng trở thành những người thợ, hoặc thư ký, dễ sai bảo. Đây là một "*lập luận hẹp hòi, ích kỷ, không xứng đáng với truyền thống nhân đạo của nước Pháp, mà còn nhục mạ khả năng tri thức của dân tộc tôi"*. May mà chưa thực hiện.

- Lập luận thứ nhì, đang thực hiện, là mở trường dậy từ cấp tiểu học, tiến dần lên trung học, và đã bắt đầu nền đại học, xin rất cám ơn. Nhưng lại có vấn đề:

Nếu chúng tôi là một dân tộc vô văn hoá, hay một dân tộc mới, vừa xuất hiện trên mảnh đất tân bồi nào đó, không có quá khứ, không có lịch sử, thì việc giáo hoá như vậy cũng được. Tức là cứ việc *"Tây hoá"* cho thành người Pháp. *"Nhưng dân Việt Nam chúng tôi, không thể ví như tờ giấy trắng được. Dân tộc chúng tôi là một quyển sách cổ (un vieux*

parchemin) đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai, đã mấy mươi thế kỷ nay; không có thuốc gì xoá hẳn được thứ chữ ấy đi. Không ai có quyền tự do muốn viết gì vào đấy thì viết được. Quyển sách cổ ấy, có thể đóng theo kiểu mới cho hợp thời trang, nhưng không thể đem in một thứ chữ ngoài lên trên các dòng chữ cũ được".

Còn một thuyết khác nữa khá phổ biến, cho rằng: Người Nam xưa đã học chữ Tầu, nay học chữ Tây là phải, còn cái tiếng An Nam man rợ ấy phải tiêu diệt dần đi, nó chỉ là một thứ *"thổ âm"* (patois); đến ngày nào bao nhiêu trẻ con nước Nam đều biết nói tiếng Pháp cả, thì nước Nam sẽ trên đường tiến bộ. Nhưng giả thử có ngày bao nhiêu trẻ con An Nam đều biết nói mấy câu tiếng Tây *"ba rọi"* (petit nègre), nhưng lại quên tiếng nước mình, vì không còn được dậy ở trường nữa, thì đó có phải là thời tiến bộ của nước tôi không?

Hay còn một giải pháp hợp lý hơn, là cho dân An Nam học tiếng Việt ở bậc tiểu học, tức là bậc giáo dục phổ thông trước đã. Rồi lên cao hơn, học thêm tiếng Pháp để dự bị vào trung học, cao đẳng, đại học. Chính ở bậc trung học này, cũng phải dậy thêm chữ nho, vì đối với tiếng An Nam, chữ nho cũng giống như chữ La tinh đối với tiếng Pháp. Hiện nay chưa có nghị định nào bắt người An Nam phải học thuần tiếng Pháp cả, *nhưng chữ An Nam chỉ có một địa vị rất nhỏ ở cuối bậc tiểu học mà thôi.* Thử hỏi chính phủ Pháp có thể trông cậy vào những người An Nam học ở bên Tây, đỗ kỹ sư, tiến sĩ, mà quên cả tiếng mẹ đẻ, thì đối với dân mình, chỉ là những người xa lạ, làm sao có thể truyền bá cái văn minh Tây phương cho họ được?

Vậy nền giáo dục của chính phủ Bảo hộ, muốn có kết quả tốt thì phải đào tạo được những người Việt Nam chân chính, vừa có cái học thái tây, vừa biết giữ gìn ngôn ngữ,

phong tục của nước mình. Vì dân tộc tôi mà tôi tha thiết mong các danh sư của Viện Hàn Lâm Pháp soi xét vấn đề này[954].

Bốn bài diễn văn của Phạm Quỳnh năm 1922 tại Paris đã có tác dụng.

Phạm Thế Ngũ viết: *"Đến năm 1924, vì nhiều nguyên nhân chính trị, và cũng vì chiến dịch vận động của Phạm Quỳnh, người Pháp lần đầu ở Bắc và Trung, lập ra một bậc Ấu học ở Việt Nam trong ba năm hoàn toàn học bằng tiếng Việt để thi lấy bằng Sơ học yếu lược.(...) Phạm Quỳnh coi đó là một thắng lợi trong công cuộc vận động giáo dục, thực hành chủ nghiã quốc gia về đường văn hoá. Cũng như một thắng lợi khác nữa của ông là việc mở một khoa "Ngôn ngữ và văn chương Hán-Việt" ở trường Cao đẳng mà ông đã được cử phụ trách giảng dậy, một thứ mầm mống của Đại học văn khoa sau này"*[955].

Công trình văn học, triết học, ngữ học, dịch thuật của Phạm Quỳnh đã xác định địa vị của ông, không ai có thể chối cãi được. Hầu hết trước tác của Phạm Quỳnh nằm trong Nam Phong, hiện nay, trọn bộ 210 số, đã được Viện Việt Học ở California đưa vào DVD. Di sản văn hoá đồ sộ của Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh, hai nhà văn hoá bị kết án *"bán nước",* hiện vẫn còn ngủ yên chưa được lựa chọn, soạn thảo, chú thích theo tiếng Việt hiện thời và in lại một cách hệ thống để dùng làm sách giáo khoa. Phần *Thượng Chi văn tập*, đã in lại, không có gì đáng kể. Chỉ riêng về triết học và dịch sách Pháp, công trình của Phạm Quỳnh Nguyễn Văn Vĩnh, cũng đã đầy đủ cho học sinh và sinh viên sử dụng, thay vì dùng những bản dịch của những *"dịch giả"* mới học tiếng Pháp dăm năm, chưa đủ trình độ và kiến thức để hiểu nguyên bản, nói gì đến dịch đúng.

---

954 Tóm tắt những ý chính trong bài diễn thuyết.

955 Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, quyển 3, trg 150.

Nguyễn Bá Trác, ngoài Hán Văn, còn đóng góp hai bài tuyệt bút *Ngọn gió hồ Gươm* và *Bài tình tự với sông Hương*, trên Nam Phong số 1 và 2, hai bài tuỳ bút quốc ngữ đầu tiên nói lên tâm sự đớn đau của người xa quê nhớ nước.

Ngoài trước tác, Phạm Quỳnh còn lập phụ trương *Tự vựng, quốc ngữ, chữ nho, chữ Pháp* - từ Nam Phong số 1 đến số 10, in những chữ mới, gồm những từ Hán Việt, được các nhà Nho và Tây học dịch từ tiếng Pháp và chữ Hán sang quốc ngữ. Đó là những danh từ khoa học, triết học, ngữ học, luận lý, trừu tượng... như *anh hùng ca, ảnh hưởng, áp chế chủ nghiã, bán khai, bành trướng, bi đát, bi kịch, bí quyết, duy tâm chủ nghiã, duy vật chủ nghiã*... có lẽ là lần đầu tiên xuất hiện, và sau này sẽ trở thành thông dụng đối với chúng ta. Tiếc rằng, phần phụ trương *Tự vựng* này, không được chụp lại trong DVD Nam Phong, nhưng trên sưu tập *sachxua.net* có đủ, cho thấy con đường của Phạm Quỳnh: xây dựng tiếng Việt từ những số đầu Nam Phong.

Phạm Quỳnh tiếp tục với bộ *Việt Nam Tự Điển* của hội Khai Trí Tiến Đức, mà ông là chủ tịch, soạn cùng với Nguyễn Văn Vĩnh, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Đỗ Mục.... *Việt Nam Tự Điển* ra đời năm 1931 -tuy còn nhiều khuyết điểm, chưa làm xong và chưa thể sánh với *Đại Nam Quấc Âm tự vị* của Paulus Của- nhưng đã có thêm một số chữ mới, đánh dấu giai đoạn phát triển quốc ngữ Nguyễn Văn Vĩnh - Phạm Quỳnh tiếp nối giai đoạn Trương Vĩnh Ký - Huỳnh Tịnh Của.

Chương 23

Nguyễn Mạnh Tường
(1909-1997)

Ngày 30/10/1956, Nguyễn Mạnh Tường diễn thuyết 6 tiếng trước Mặt Trận Tổ Quốc tại Hà Nội -3 giờ buổi sáng, 3 giờ buổi chiều- về những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất. Trường Chinh, Xuân Thủy và Dương Bạch Mai yêu cầu ông viết lại nội dung cuộc nói chuyện ứng khẩu thành văn bản. Ông viết lại với tựa đề: *"Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo",* đánh máy làm hai bản, trao cho Trường Chinh và Xuân Thủy, chỉ giữ lại bản nháp viết tay. Bài chính luận sâu sắc, chủ đích phân tích những sai lầm của chế độ, từ Cải Cách Ruộng Đất ở thôn quê, sang Cải Tạo Tư Sản, quản lý mậu dịch ở thị thành, chỉ ra nguồn cội của sai lầm: vì chế độ chính trị không dân chủ; và trình bày phương pháp sửa đổi: thực hiện những nguyên tắc của một nhà nước pháp quyền, trong một chế độ dân chủ.

Bài tham luận được gửi sang Rangoon, thủ đô Miến Điện, rồi đến Pháp - theo Hoàng Văn Chí. Vậy Trường Chinh và Xuân Thủy, ai là người chuyển băn bản Nguyễn Mạnh Tường ra ngoại quốc, và để làm gì? Để cho quốc tế biết tình hình miền Bắc Việt Nam hay để buộc tội tác giả?

Nguyễn Mạnh Tường bị kiểm điểm rồi bị đuổi khỏi đại học, sống trong hơn 30 năm sa mạc. 40 năm sau, ông viết tiểu thuyết *Une voix dans la nuit* (Tiếng vọng trong đêm) về

ba chính sách nòng cốt trong thời kỳ xây dựng chế độ Cộng sản ở miền Bắc: Cải Cách Ruộng Đất, Cải Tạo Tư Sản, và Thanh Trừng Trí Thức. Ông gửi bản thảo sang Paris. Đây là một trong 7 tác phẩm được hoàn tất trong giai đoạn cuối đời, *tất cả viết bằng tiếng Pháp,* về hơn 60 năm ông sống dưới chế độ cộng sản. Ngoại trừ cuốn *Un excommunié - Kẻ bị khai trừ,* được Quê Mẹ in năm 1992 tại Paris, các tác phẩm khác, chưa in.

Tại Paris trong bốn tháng -4/1989-1/1990- ông trả lời nhiều cuộc phỏng vấn, được ghi âm, viết lại, in trên báo, và riêng chúng tôi cũng có dịp gặp ông, nhờ đó, nhiều vấn đề được sáng tỏ hơn**.**

Ngày 27/7/2003, bác sĩ nha khoa Nguyễn Văn Lung (1916-2009)[956] người tích cực hoạt động cho tổ chức *Francophonie - Khối Pháp ngữ* gửi đến chúng tôi một tập tài liệu quan trọng về giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, với lời ghi: *"Tôi xin gửi tới chị một số tài liệu về anh Tường để chị sẽ làm hương hồn anh trở lại với chúng ta".* Và ông Lung đề nghị cùng chúng tôi làm một chương trình về luật sư Nguyễn Mạnh Tường trên đài RFI, dưới dạng phỏng vấn, bởi ông biết rõ con người và đã được đọc nhiều tác phẩm chưa in của Nguyễn Mạnh Tường. Đang chuẩn bị, thì ông được thư của bà Nguyễn Mạnh Tường tỏ ý lo ngại, ông đành phải hoãn cuộc phỏng vấn, đợi khi nào thuận tiện hơn. Tuy nhiên ông căn dặn chúng tôi có toàn quyền sử dụng tập tài liệu này trong khuôn khổ văn hoá. Cũng xin nói thêm, Nguyễn Văn Lung và Joël Fouilloux, là hai người có giấy ủy quyền của Nguyễn Mạnh Tường về việc in các tác phẩm của ông ở ngoại quốc. Chúng tôi đang chờ đợi một dịp thuận tiện để công bố những tư liệu này, thì ông Nguyễn Văn Lung đột ngột qua đời tại Paris ngày 8/10/2009.

---

956 Em ruột bà Hoàng Xuân Hãn.

Trong tập tài liệu này, ngoài hình ảnh, thư từ viết bằng tiếng Pháp, trao đổi giữa Nguyễn Mạnh Tường và Nguyễn Văn Lung cùng một số người Pháp, về vấn đề Francophonie, về việc in sách của luật sư tại Pháp, còn có bản chụp hai cuốn *Contruction de l'Orient - Apprentissage de la Méditerranée - Xây dựng Đông phương - Kinh nghiệm Địa Trung Hải* và *Le voyage et le sentiment - Du hành và cảm xúc,* kịch. Ngoài ra, có một bản đánh máy, *kê khai gần đủ các tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tường,* phần lớn chưa in, và nhất là bản thảo đánh máy cuốn *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm* do Nguyễn Mạnh Tường sửa lỗi.

Qua những tư liệu này, chúng tôi sẽ dựng lại chân dung Nguyễn Mạnh Tường, chủ yếu dẫn trích từ các tác phẩm và từ lời nói của ông trong các buổi gặp gỡ, trả lời phỏng vấn Phạm Trần, Hoà Khánh, ở Paris, và giáo sư Nguyễn Văn Hoàn, học trò ông ở Hà Nội.

Phần thứ hai, chúng tôi sẽ giới thiệu tác phẩm *Une voix dans la nuit,* cho tới nay, là cuốn sách duy nhất do một *trí thức tự do* viết về những bi kịch đau thương còn khép kín. Như các tác phẩm khác của Nguyễn Mạnh Tường, *Une voix dans la nuit,* có bút pháp mạnh mẽ, đầy hấp lực và hình ảnh, mỉa mai châm biếm, chặt chẽ trong lập luận pháp lý, là sự đồng quy của văn chương và luật pháp trong một ngòi bút nhà văn. Tập tài liệu của nha sĩ Nguyễn Văn Lung trao cho chúng tôi năm 2003, với những bút tích quý giá này, sẽ được gửi về Viện Bảo Tàng Văn Học hoặc Lịch Sử, khi điều kiện cho phép.

Ở trong nước, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh 16/9/1909 – 16/9/2009, qua một số bài viết, Nguyễn Mạnh Tường được thần tượng hoá trở lại, với những mỹ từ *"thông minh siêu việt, lưỡng khoa tiến sĩ, kỷ lục chấn động học đường nước Pháp, nhà sư phạm lỗi lạc"...* Những điều đó ít

nhiều có thật, tiếc rằng còn một sự thật đáng nói hơn là cuộc đời và tác phẩm của ông, hiện vẫn bị chôn vùi trong bóng tối.

Duy chỉ có giáo sư Nguyễn Văn Hoàn là trung thành với lời nói của thày Tường, còn một số học trò cũ, nay đã thành các nhà giáo nhân dân, không ngần ngại xoá bỏ quãng đời sa mạc hơn 30 năm của thầy Tường, để thay thế bằng một sự nghiệp liên tục tốt đẹp, không vết phong trần, ông Trần Văn Hà, giáo sư tiến sĩ, viết: *"Chiến thắng Điện Biên Phủ, hoà bình được lập lại, toàn gia đình giáo sư Nguyễn Mạnh Tường mới trở về Hà Nội. Giáo sư tiếp tục giảng dạy tại trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội và làm việc tại Viện Nghiên Cứu Giáo Dục từ 1954 đến 1970. Từ khi nghỉ hưu, giáo sư dạy Pháp ngữ tại nhà theo yêu cầu, và theo đuổi những công trình khoa học của mình."*[957]

Viết không đúng sự thực là cách chôn thày thêm lần nữa, đáng ngại là nó xẩy ra ở những ngòi bút của các giáo sư đại học, mà sự chính xác phải là châm ngôn giảng dạy:

Ví dụ, về việc Nguyễn Mạnh Tường gặp chủ tịch Hồ Chí Minh trong đại hội *"Liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc"* năm 1952 ở Việt Bắc, ông Nguyễn Đình Chú, nhà giáo nhân dân, cho rằng: *"Riêng đối với giáo sư* [NMT] *đây là những giây phút (...) gắn bó thiêng liêng máu thịt giữa giáo sư với cách mạng, với lãnh tụ, đến mức cực độ"*. Không biết ông căn cứ vào đâu mà viết như vậy, bởi Nguyễn Mạnh Tường là người rất thận trọng trong lời nói cũng như chữ viết, khó có thể tìm thấy một tình cảm "cực độ" của ông đối với một đối tượng nào.

Riêng về đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ, Hoàng Cầm kể lại như sau: Năm 1952, tôi đem đội văn công của tôi đi phục vụ Đại Hội Chiến Sĩ Thi Đua Anh Hùng Toàn Quốc. Đó là đại hội đầu tiên bầu ra các mặt anh hùng lao động,

---

957 Trần Văn Hà, *Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, tự học và quyết tâm là bí quyết thành công*, Xưa và Nay, số 11, 1996.

công nghiệp, nông nghiệp, quân đội... Tôi phải phục vụ đại hội trong 10 ngày, tôi nhìn thấy Trần Đức Thảo và Nguyễn Mạnh Tường và có nói chuyện với hai ông. Trong đại hội, bác Hồ có phát biểu một câu ngăn ngắn thôi về trí thức: *"Trí thức là những người mà nếu đứng về phía nhân dân làm việc phục vụ nhân dân tốt thì xứng đáng gọi là trí thức xã hội chủ nghiã, còn nếu trí thức chỉ có sách vở chẳng làm gì thực tế để giúp cho đời sống của nhân dân thì cái trí thức ấy không bằng cục phân"*. Tôi nghe thấy hơi khó chịu, kể ra thì cũng đúng đấy, nhưng mà người đứng đầu một nước không nên nói như thế, nhất là cái câu ấy ông Mao đã nói ở bên Trung Quốc rồi, ông Hồ chẳng qua chỉ nhắc lại thôi"[958]. Trong bối cảnh ấy, làm sao nhà trí thức Nguyễn Mạnh Tường có thể *"cảm thấy gắn bó thiêng liêng máu thịt với cách mạng và lãnh tụ đến cực độ được?"* Hoặc để chứng minh những *"vinh quang chói lọi"* của thày Tường, ông Nguyễn Đình Chú không ngần ngại xác định: "*thân phụ là một công nhân*", *"Nguyễn Mạnh Tường đã liên tiếp tốt nghiệp cao đẳng văn chương, cử nhân văn chương, cử nhân luật khoa, làm luật sư toà thượng thẩm Montpellier, cao đẳng ngôn ngữ, và văn tự cổ";* và luận án tiến sĩ được phê *"siêu ưu"* (ông dịch chữ *très bien*)[959]. Chẳng hiểu Pháp có các bằng *cao đẳng văn chương, cao đẳng ngôn ngữ, và văn tự cổ* từ thủa nào? Và Nguyễn Mạnh Tường chỉ mới tập sự luật sư, khi ở Pháp.

Ông Phong Lê, giáo sư, Viện trưởng Viện Văn Học, viết: *"Năm 1928, đỗ cao đẳng văn chương, năm 1929, đỗ cử nhân văn chương, cũng năm 1929, đỗ cử nhân Luật. Năm 1931, đỗ cao đẳng ngôn ngữ văn tự cổ (tức chữ La Tinh và Hy Lạp cổ)*. Rồi ông giải thích thêm: *"Mà cử nhân thì còn lâu mới đến Tiến sĩ, sau khi vượt được cái ngưỡng cửa Thạc sĩ. (Lúc này tất cả các thầy Pháp ở Đại học Đông Dương*

958 Theo băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.

959 Nguyễn Đình Chú, *Thầy tôi*, Hồ sơ Nguyễn Mạnh Tường, mạng Vietstudies.

đều mới chỉ có bằng Thạc sĩ)"[960]. Thì ra các giáo sư Nguyễn Đình Chú và Phong Lê chẳng hiểu gì về văn bằng ở Pháp. Riêng ông Phong Lê còn nhầm *Thạc Sĩ - Agrégé* của Pháp, một kỳ thi tuyển rất khó, với văn bằng hiện nay ở Việt Nam gọi là *Thạc Sĩ*, tương đương với *Maîtrise* của Pháp, hay *Master* của Mỹ. Khi dịch *Maîtrise* hay *Master* thành *Thạc Sĩ*, Bộ Giáo Dục, vì không hiểu lịch sử của hai chữ *Thạc Sĩ*, nên đã gây lầm lộn như thế.

Thạc sĩ là một kỳ *thi tuyển - concours* chọn các giáo sư của Pháp để dạy các trường trung học, là *thạc sĩ văn chương, khoa học,* hay đại học là *thạc sĩ luật* hay *y khoa* - nay đã bỏ. Để dự thi *thạc sĩ văn chương* hay *khoa học*, thí sinh phải có bằng cử nhân- licence ngày trước, maîtrise hiện nay, riêng thạc sĩ luật và y khoa đòi hỏi phải có bằng tiến sĩ.

Việt Nam có Nguyễn Mạnh Tường đỗ 2 bằng Tiến sĩ quốc gia năm 1933, Phạm Duy Khiêm đỗ thạc sĩ văn chương năm 1935, Hoàng Xuân Hãn, thạc sĩ toán năm 1936, ... sau này về y khoa có thạc sĩ Trần Đình Đệ... đều là những người học giỏi nổi tiếng. Cũng xin nói thêm rằng Pháp coi ngành giáo dục rất mực quan trọng, cho nên, những người đậu thạc sĩ văn chương hay khoa học, là những phần tử ưu tú hàng đầu của nước Pháp, được đưa vào dạy trung học. Việc dạy trung học, không có nghiã là bằng thạc sĩ yếu thế hơn bằng tiến sĩ, mà chứng tỏ Pháp coi *việc rèn luyện học sinh trung học quan trọng hơn việc dạy đại học*, *vì bậc trung học mới là nền tảng của thanh niên*. Nguyễn Mạnh Tường, tuy đỗ bằng tiến sĩ, sau này dạy đại học, nhưng cũng như tất cả những tiến sĩ khác ở Pháp, ông không thể không kính trọng những người như Phạm Duy Khiêm, Hoàng Xuân Hãn, đỗ bằng thạc sĩ mà chỉ dạy trung học.

---

960 Phong Lê, *Nguyễn Mạnh Tường-Một chân dung và một hành trình như tôi hiểu*, Hồ sơ Nguyễn Mạnh Tường, mạng Vietstudies.

● Tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tường

Trong lá thư đề ngày 16/8/1994 gửi Nguyễn Văn Lung, Nguyễn Mạnh Tường viết: *"Tôi vẫn tiếp tục làm việc, dậy học và hoàn tất cuốn tiểu thuyết mới nhất Palinodies- Phủ nhận, cuốn sách thứ 18 của tôi".* Như vậy tạm coi *Palinodies là tác phẩm cuối cùng, và là cuốn sách thứ 18 của ông.*

Với những tư liệu hiện hành, xin tạm kê khai những tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tường như sau:

♦ Thời kỳ 1932, các luận án, tác phẩm Pháp văn:

1/ *L'Individu dans la vieille cité annamite- Essai de synthèse sur le Code de Lê - Cá nhân trong xã hội cổ Việt Nam - Tổng luận Luật Hồng Đức*: Luận án tiến sĩ Luật.

2/ *Essai sur la valeur dramatique du théâtre d'Alfred de Musset - Giá trị bi kịch trong tuồng của A. Musset,* luận án chính (thèse principale), tiến sĩ văn chương.

3/ *L'Annam dans la littérature française, Jules Boissières - Việt Nam trong văn chương Pháp, tác phẩm của Jules Boissières,* luận án phụ (thèse complémentaire), tiến sĩ văn chương.

♦ Thập niên 1940, tác phẩm Pháp văn:

4/ *Sourires et larmes d'une jeunesse - Nụ cười và nước mắt tuổi trẻ,* Revue Indochinoise, Hà Nội, 1937.

5/ *Construction de l'Orient - Pierres de France - Xây dựng Đông Phương - Nền tảng Pháp*, Revue Indochinoise, 1937.

6/ *Construction de l'Orient - Apprentissage de la Méditerranée - Xây dựng Đông Phương - Kinh nghiệm Địa Trung Hải,* Collection Tendances, Hà Nội, 1939.

7/ *Le voyage et le sentiment - Du hành và cảm xúc*, kịch ba màn, Collection Tendances, Hà Nội, 1943.

♦ **Sau 1950, tác phẩm Việt văn:**

8/ *Một cuộc hành trình*, nửa hồi ký, nửa nghị luận. Hành trình một người trí thức tham gia kháng chiến, Minh Đức, Hà Nội, 1954.

♦ **Sau 1958, tác phẩm Việt văn:**

9/ *Lý luận giáo dục Âu châu thế kỷ XVI, XVII, XVIII, từ Erasme tới Rousseau - Doctrines pédagogiques de l'Europe du XVI au XVIIIe siècle, d'Erasme à Rousseau*, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1994.

10/ *Eschyle và bi kịch cổ đại Hy Lạp - Eschyle et la tragédie grecque,* nxb Giáo Dục, Hà Nội, 1996.

11/ *Orestia*, dịch và chú giải bi kịch của Eschyle sang tiếng Việt. Chưa in.

12/ *Virgile, nhà thơ vĩ đại của thời kỳ La Mã cổ đại* Tên gốc:*Virgile và anh hùng ca La tinh - Virgile et l'épopée latine,* nxb Khoa Học Xã Hội, 1996.

Bắt đầu viết tự truyện, tiếng Pháp: *Larmes et sourires d'une vieillesse.*

♦ **Sau khi đi Pháp về (1990-1994), hoàn tất các tác phẩm, Pháp văn:**

13/ *Larmes et sourires d'une vieillesse - Nụ cười và nước mắt tuổi già*, tự truyện, ba cuốn, chưa in.

14/ *Triptyque* - tạm dịch: *Bức họa ba tấm*, chưa in.

15/ *Un excommunié - Kẻ bị khai trừ*, Quê Mẹ, Paris, 1992.

16/ *Malgré lui, malgré elle - Mặc hắn, mặc nàng* (l'amour conjugal sous le régime communiste - tình yêu vợ chồng dưới chế độ cộng sản). Chưa in.

17/ *Partir, est ce mourir?*- Đi là chết? (Tragédie de l'émigration - Bi kịch di dân). Chưa in.

18/ *Une voix dans la nuit - Roman sur le Việt Nam 1950-1990 - Tiếng vọng trong đêm - Tiểu thuyết về Việt Nam từ 1950 đến 1990*. Chưa in.

19/ *Palinodies - Phủ nhận.* Chưa in.

Trừ bản dịch Orestia, thì đúng Nguyễn Mạnh Tường đã viết 18 cuốn sách, kể cả các luận án tiến sĩ.

Ngoài bốn cuốn tiếng Việt, phần còn lại, để bảo vệ tự do của ngòi bút, để thế giới có thể đọc được, để giữ an ninh cho gia đình và bảo toàn bản thảo, Nguyễn Mạnh Tường đã chọn tiếng Pháp. Vì vậy, muốn đọc và hiểu ông, cần phải biết tiếng Pháp, hoặc phải có bản dịch. Văn chương điêu luyện của ông không dễ dịch, bản dịch *Un excommunié - Kẻ bị mất phép thông công* của Nguyễn Quốc Vĩ[961] mới chỉ là bản đầu tiên, chưa diễn đạt được văn phong uy vũ của Nguyễn Mạnh Tường. Ngay trong cái tựa *Un excommunié*, tác giả đã có ý so sánh chế độ cộng sản như một giáo hội cuồng tín, loại trừ kẻ ngoại đạo - những người không cộng sản - vì vậy, nên dịch theo nghiã bóng *Kẻ bị khai trừ*, hơn là dịch theo nghiã đen, *Kẻ bị mất phép thông công*, yếu và khó hiểu.

● Con đường hoà hợp văn hoá Đông Tây

Nguyễn Mạnh Tường sinh ngày 16/9/1909 tại phố Hàng Đào, nguyên quán: xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Mất ngày 13/6/1997 tại nhà riêng, 34 Tăng Bạt Hổ, Hà Nội. Cha: Nguyễn Căn Cát, công chức.

Năm 1937, kết hôn với cô Tống Lệ Dung, có ba con: Nguyễn Tường Hưng và Nguyễn Dung Nghi, Nguyễn Dung Trang. Học tiếng Pháp từ nhỏ ở Collège Paul Bert, rồi lycée Albert Sarraut, Hà Nội. 1925,16 tuổi, đậu Tú Tài Triết Học hạng ưu. Được học bổng sang Pháp học Luật và Văn Chương tại đại học Montpellier.

1927, đậu cử nhân văn chương với 4 chứng chỉ: văn chương Pháp, văn chương Hy Lạp, văn chương La Tinh và Bác ngữ học - Philologie. 1930, đậu cử nhân Luật. Dự định thi tuyển *Thạc Sĩ - concours d'agrégé* để dậy học, nhưng vì

961 Trên các mạng Thông Luận, Vietstudies.

quốc tịch Việt nên không được thi. Sửa soạn luận án *tiến sĩ quốc gia - doctorat d'état*. Trong thời gian làm luận án, ông thực tập luật sư tại toà Phúc Thẩm Montpellier.

Tháng 5/1932, Nguyễn Mạnh Tường bảo vệ luận án tiến sĩ Luật, đề tài: *L'Individu dans la vieille cité annamite - Essai de synthèse sur le Code de Lê - Cá nhân trong xã hội Việt Nam cổ - Tổng luận Luật Hồng Đức*. Tháng 6/1932, bảo vệ luận án tiến sĩ văn chương với luận án chính: *Essai sur la valeur dramatique du théâtre d'Alfred de Musset - Giá trị bi kịch trong tuồng của A. Musset* và luận án bổ túc: *L'Annam dans la littérature française, Jules Boissières*[962]*- Việt Nam trong các tác phẩm của Jules Boissières.*

Trả lời phỏng vấn của Phạm Trần tại Paris, năm 1989, Nguyễn Mạnh Tường giải thích:

"Chính sách đàn áp của thực dân (đặc biệt sau vụ nổi dậy của Việt Nam Quốc Dân Đảng), chương trình học, cũng như mặc cảm lạc hậu về đất nước khiến người trí thức hồi đó dễ xa lìa mạch sống dân tộc. Thế nên, cái vấn nạn lớn nhất của chúng tôi thời đó là làm cách nào để dung hợp hai nền văn hoá Đông Tây đối chọi nhau. (...) Để hoà hợp, căn bản đầu tiên là phải hiểu nhau. Hai nền văn hoá phải cho nhau biết bản sắc, lề lối suy nghĩ (mentalité) của mình. Từ đó, gạn đục khơi trong để tổng hợp. Và căn bản nghiên cứu của tôi phát xuất từ nhận định đó. Tôi khảo sát nét hay của văn minh Âu. Tôi mơ ước đem văn minh vật chất Âu kết vào vũ trụ tình cảm Đông (...)

---

962 Jules Boissières, thuộc ngành hành chính dân sự, 1886 đến Bắc Kỳ cùng với Paul Bert và làm phụ tá cho Paul Bert. Paul Bert, bác học và chính trị gia, học trò của Claude Bernard, là vị Tổng Trú Sứ - Résident général Bắc và Trung Kỳ có đầu óc tự do, ôn hoà, chủ trương hợp tác Pháp-Việt, ông mở các trường Pháp-Việt đầu tiên ở Bắc và Trung (ở Nam Kỳ có từ 1867). Năm 1886, Paul Bert mất tại Hà Nội. Boissières mất tại Hà Nội năm 1897, ở tuổi 34, nổi tiếng với tập truyện ngắn *Fumeurs d'opium - Những kẻ hút thuốc phiện* in năm 1919.

Ngay từ khi viết luận án, tôi đã mang ý hướng ấy. Luận án Luật tôi dành cho Việt Nam. Tôi khảo sát cái chủ nghiã cá nhân (một sản phẩm đặc thù Âu Tây), đã thể hiện ra sao trong văn hoá Việt, cụ thể qua Luật Hồng Đức (thế kỷ XV), một bộ luật còn mang nhiều dân tộc tính. Đề tài chính của luận án văn, tôi dành cho văn hoá Pháp; đề tài phụ tôi dùng J. Boissières để kết nối Đông Tây. Boissières đã vẽ lại bức tranh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX và đã đặt chính sách thực dân trước những vấn nạn lương tâm khó xử"[963].

● Đậu hai bằng tiến sĩ ở tuổi 22

Một trường hợp hiếm có ở đại học. Nguyễn Mạnh Tường thành công vì làm việc cật lực:

"Từ lớp sáu cho tới tú tài, mỗi tuần tôi có thói quen đọc 2 cuốn tiểu thuyết Tây. (...) và nhất là do cật lực làm việc: suốt 5 năm dài, mỗi sáng tôi thức dậy từ 4 giờ, học và viết tới 8 giờ thì đi lớp; chiều lại học tới khuya"[964].

Tháng 9/1932, ông về nước 3 tháng, rồi lại sang Pháp. Việc này, trong các bài trả lời phỏng vấn ở Paris, không thấy ông nói đến. Một số người đưa ra thuyết: *"chính quyền thực dân Pháp không muốn dùng ông. Không tìm được việc làm xứng đáng với học vị của mình, ông lại sang Pháp"*[965]. Nhưng theo Nguyễn Văn Hoàn, thì Nguyễn Mạnh Tường kể lại rằng: *"Về nước có hai viên mật thám, trong đó có Louis Marty gặp và gợi ý tôi vào làm việc với Bảo Đại, cấp bậc Thượng thư. Tôi từ chối, sau đó họ gây khó khăn, ở nhà ba tháng, tôi trở lại Pháp"*[966].

---

963 Phạm Trần, *Hạnh ngộ cụ Nguyễn Mạnh Tường, Hai thế hệ, một tâm tình,* Paris, 16/11/1989, tài liệu đánh máy.

964 Phạm Trần, bđd.

965 Trần Văn Hà, bđd.

966 Nguyễn Văn Hoàn, *Ký niệm về thầy Nguyễn Mạnh Tường*, tháng 10/2009, báo Hồn Việt, mạng Vietstudies.

Chứng này có thể tin được vì Nguyễn Mạnh Tường và Bảo Đại cùng về nước tháng 9/1932, và bản thân ông muốn đứng về phía dân, không tham chính.

Tháng 12/1932, ông trở lại Paris. Từ 1933-1936: du lịch nhiều nước Âu Châu. "*Thành thật nói, tôi đã trở thành một hiện tượng. Các báo ở Paris và Montpellier dành cả số nói về tôi. Có tờ coi sự thành công của tôi là một "sai lầm" của Pháp* - ông muốn nói đến bài của Clément Vautel. *Song hầu hết đều nói tốt. Cũng nhờ vậy mà nhiều đại học Âu Châu biết và mời tôi tới thăm. Tôi đã có dịp Âu du một vòng không mất tiền từ London sang La Haye xuống Bruxelles, Berlin, Athènes, Rome, Istanbul, Vienne, Madrid... Tôi còn nhớ trên đường từ Berlin về Vienne thời đó (1933) tôi ngang qua Munchen và tham gia cuộc biểu tình lớn của Hitler tổ chức."*[967]

Chúng ta cũng nên đọc qua bài báo của Clément Vautel[968] mà Nguyễn Mạnh Tường vừa nhắc, tiêu biểu cho

---

967 Phạm Trần, bđd. Theo cuốn *Apprentissage de la Méditérannée- Kinh nghiệm Địa Trung Hải,* ông đến Madrid tháng 4/1933, rồi đi thăm các tỉnh Tây Ban Nha và đi Ý; năm 1934 sang Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Vậy ông đã nhớ lầm trật tự các chuyến đi, khi trả lời Phạm Trần 60 năm sau.

968 Nguyên văn tiếng Pháp:

Un Annamite de 22 ans, qui s'appelle Nguyen Manh Tuong, vient de décrocher avec une aisance remarquable, à la Faculté de Montpellier, le doctorat en droit et le doctorat ès lettres. Il ne lui a fallu que cinq ans d'études pour obtenir ainsi deux mandarinats occidentaux de première classe. Ce "jaune" intellectuel, s'est particulièrement distingué en soutenant une thèse littéraire sur le théâtre d'Alfred de Musset. Il pourrait sans aucun doute en remontrer à nombre de nos critiques. Le jury lui a adressé des félicitations auxquelles je ne me permettrai pas indigne que je suis, de joindre les miennes.

On ne compte d'ailleurs plus les jeunes Indochinois qui ont conquis, en France des diplômes de tous genres; ils obtiennent des succès universitaires que nombre de jeunes "barbares blancs", moins bien doués, leur envient... Très travailleurs, très intelligents, et par surcroît, très ambitieux, ces Asiatiques débrouillent, comme en se jouant, les mystères de notre orgueilleuse science, puis retournent dans leur patrie en disant:

- C'est tout ça, leur fameuse civilisation? De loin, ça paraît formidable, et de près, ce n'est vraiment pas grand'chose!

khuynh hướng thực dân ngạo mạn và kỳ thị. Bài ngắn, chúng tôi dịch cả để độc giả thấy giọng điệu xỏ xiên này:

"Một tay An-nam-mít 22 tuổi, tên Nguyễn Mạnh Tường, vừa giật dễ dàng hai bằng tiến sĩ luật và văn chương ở đại học Montpellier. Hắn chỉ học có năm năm đã đoạt hai phẩm hàm cao nhất của phương Tây. Tay trí thức "da vàng" này, đặc biệt nổi trội khi trình luận án văn chương với đề tài tuồng Alfred de Musset, có thể dạy cho bọn bỉnh bút của ta một bài học đích đáng. Ban giám khảo đã có lời khen rồi, tôi chả có tư cách gì mà chêm vào nữa.

Aussi je me demande si nous ne commettons pas la plus grave des imprudences en initiant ainsi aux arcanes de notre "culture" des gaillards qui, rentrés chez eux, ne peuvent plus croire à la supériorité de cette race blanche qui les tient cependant en tutelle.

C'est très joli d'ouvrir aux indigènes les portes de nos universités, de les bombarder docteurs ès ceci et ès cela, mais nous nous faisons bien des illusions: nous croyons que c'est là un bon moyen d'effacer les souvenirs de la conquête et de passer le plus rapidement de l'ère de la domination à celle de la collaboration.

Les Jaunes que nous avons badigeonnés d'un intellectualisme blanc ne tournent sans doute pas à l'écarlate quand ils ont regagné les bords du fleuve Rouge, mais enfin beaucoup d'entre eux forment les cadres de ce parti communiste qui, en Europe, se déclare pour l'abolition des patries, mais, aux colonies prêche le nationalisme cent pour cent.

Comment voulez-vous qu'il n'en soit pas ainsi? Ce qui m'étonne, c'est qu'une jeune Indochinoise -car il est aussi des étudiantes jaunes- rentrée dans son pays avec le diplôme de professeur d'histoire, ne soit pas encore devenue la "Vierge rouge" d'une révolution libératrice en déclarant:

- A présent, c'est moi qui suis Jeanne d'Arc!

La sagesse consisterait, me semble-t-il à favoriser le développement des indigènes dans la ligne de leur propre civilisation. A quoi rime, je vous le demande cette thèse d'un Annamite sur le théâtre d'Alfred de Musset, théâtre charmant, raffiné, exquis, tout ce que vous voudrez, mais vraiment peu fait pour donner à un conquis une haute idée de la morale des conquérants?

N'oublions pas que Gandhi est un diplômé des universités d'outre-Manche et qu'il en donne du fil à retordre, avec son rouet, à l'Angleterre... Soyez tranquille, nous en aurons, quelque jour, notre part.

Clément Vautel

Le Journal, 17-7-1932

Thực đếm không xuể số trẻ Đông Dương đoạt đủ loại bằng cấp tại Pháp: chúng đạt những thành quả ở đại học mà bọn "rợ trắng" không khá bằng, thèm muốn.

Rất chăm chỉ, thông minh, lại đầy tham vọng, những tay Á châu này tháo gỡ như bỡn những bí quyết trong đỉnh cao học thuật của chúng ta, rồi về xứ rêu rao:

- Cái văn minh nức tiếng kia rút cục chỉ có thế ư? Xa trông tưởng ghê gớm, chứ đến gần, nào có ra gì!

Vì vậy, tôi tự hỏi, chúng ta chẳng đã phạm những nhầm lẫn sơ đẳng nhất, khi dạy cho các tướng này những bí quyết "văn hoá" của chúng ta, để khi về nước, chúng không còn tin vào tính ưu việt của giống nòi da trắng đang bảo hộ chúng.

Việc mở cửa cho bọn bản xứ vào các đại học của ta, và tưới xả láng chúng những bằng tiến sĩ này nọ, xem thì cũng ngộ đấy; nhưng chớ có ảo tưởng, coi đó là phương tiện xoá dấu vết xâm lăng để từ thời đại đô hộ nhẹ bước sang thời đại cộng tác.

Không phải tất cả những tên da vàng được ta bôi trát thứ chủ thuyết vị trí tuệ (intellectualisme) trắng này, sẽ xoay sang đỏ choé khi chúng về tới bờ sông Hồng, nhưng nhiều đứa trong bọn sẽ trở thành cán bộ của cái đảng cộng sản, mà ở Âu Châu, thì tuyên bố vô tổ quốc, nhưng về đến nền thuộc địa, lại rao giảng chủ nghĩa quốc gia trăm phần trăm.

Thử hỏi làm sao mà khác cho được? Cái làm tôi ngạc nhiên, là một cô gái Đông dương -bởi có cả bọn sinh viên con gái da vàng nữa- về nước với bằng giáo sư sử học, tuyên bố: Chừ tôi mới chính là Jeanne d'Arc đây! Vậy mà ả vẫn chưa thành "Nữ Thánh đồng trinh đỏ" của cuộc cách mạng giải phóng.

Theo tôi, khôn ngoan ra, thì ta nên khai hoá dân bản xứ bằng chính cái văn miêng của chúng. Thử hỏi cái luận án của một tay An-nam-mít về tuồng hát của Musset, là cái

giống gì? Dù tuồng đó có đậm đà, tinh tế, cao nhã, gì gì đi nữa, thì nó cũng chẳng làm cho kẻ bị đô hộ có cảm tưởng tốt đẹp về đạo đức của người đô hộ.

Đừng quên Gandhi cũng đã đỗ đạt ở bên kia bờ biển Manche, và, với cái guồng sợi của mình, hắn đã làm cho nước Anh rối loạn... Cứ từ từ, rồi một ngày, chúng ta cũng sẽ như vậy"[969]. Bài báo của Vautrel nói lên lòng căm thù chủng tộc và sự ganh tỵ nhân tài.

● Về nước, những sáng tác đầu tiên

Chuyến đi thăm miền Địa Trung Hải đã giúp Nguyễn Mạnh Tường viết 4 tác phẩm: *Sourires et larmes d'une jeunesse, Construction de l'Orient - Pierres de France, Construction de l'Orient - Apprentissage de la Méditéranée* và *Le voyage et le sentiment.*

Ông giải thích ý nghĩa hai tác phẩm đầu:

"Tây cho Đông kỹ thuật, quan niệm về nhân quyền, về cái chừng mực và đa dạng của con người, về phương pháp suy tư và về một quan điểm đời sống. Và tôi đã viết hai cuốn: "Pierres de France (Nguyên liệu từ Pháp), "Apprentissage de la Méditérranée" (Học hỏi văn minh Địa Trung Hải) để diễn tả những điểm trên"[970].

Hai cuốn sách còn lại, viết về sự xung đột giữa hai nền văn minh Đông Tây: *"Sourires et larmes d'une jeunesse (Nụ cười và nước mắt tuổi thanh xuân) diễn tả cái xung đột giá trị nơi một thanh niên Việt thấm nhiễm văn hóa Tây. Chàng thanh niên được ví như đứa con hoang đàng trong Kinh Thánh, đã quen với nếp sống tự do, nay trở về bị truyền thống gia đình ràng buộc. Và chàng đã phải tự đấu tranh tìm một giải pháp dung hòa cho cuộc sống. Vở kịch Le voyage et le sentiment (Du hành và tình cảm) nói lên hai*

969 Clément Vautel, *Mon film* (Ống kính của tôi), báo Le Journal (Nhật trình) ngày 17/7/1932.

970 Phạm Trần, bđd.

khía cạnh khác nhau giữa Đông (nặng tình cảm, thủy chung) và Tây (như một tay du lịch luôn đi tìm của lạ). Các sách đó tôi viết từ năm 1930-1940, chỉ xuất bản vài trăm cuốn mỗi thứ và đã hết hơn nửa thế kỷ nay. Giờ muốn in lại một ít mà đành chịu vì thiếu phương tiện"[971].

Khác hẳn những người lớp trước như Nguyễn Văn Vĩnh, Phan Văn Trường, Phạm Quỳnh, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh... hoặc cùng thời với ông như Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lãng (cả hai đều sinh năm 1909 như ông), Nguyễn Mạnh Tường sùng bái cái học Tây phương, trong khi những người kia, dù phục Tây phương, nhưng vẫn cho Đông phương là nguồn cội của tư tưởng.

Tóm lại, theo người thanh niên Nguyễn Mạnh Tường, để xây dựng một Đông Phương mới, chúng ta nên học hỏi kinh nghiệm Địa Trung Hải, tức là học sự giao lưu văn hoá Ả Rập - Hy La ở vùng Địa Trung Hải. Giả sử hồi đó, ông đi Ấn Độ, thì tư tưởng của ông có thể thay đổi: bởi Ấn Độ mới là nơi loài người thực hiện sự giao lưu văn hoá sớm nhất và thành công nhất. Mặc dù triết học Ấn Độ là cha đẻ của triết học nhân loại và đền đài Ấn Độ là những kỳ công kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ Á Âu; nhưng Ấn Độ hiện hành, cũng như Ai Cập, Trung Hoa, vẫn còn là những nước "thứ ba". Vậy, văn minh-văn hoá và văn minh-khoa học; văn minh-văn hoá và dân chủ-tự do, có những tương quan như thế nào? Đó là những câu hỏi phức tạp khác.

Năm 1936, về nước, ông dạy văn chương Pháp ở trường Bảo Hộ[972] và trường Cao Đẳng Công Chánh[973]: *"Sau 5 năm đi du lịch, năm 1936 tôi về nước được vào dạy ở Trường Bảo Hộ (Trường Bưởi). Nhà ở số 1 Mai Xuân Thưởng, trông ra Hồ Tây, chỉ cách trường 200 mét. Đây là*

971 Phạm Trần, bđd.

972 Lycée du Prétectorat, là Trường Bưởi và trường Chu Văn An sau này.

973 Ecole Supérieure des Travaux Publics.

một quãng thời gian hạnh phúc của đời tôi. Đồng nghiệp thì có Hoàng Xuân Hãn dạy Toán, Nguyễn Văn Huyên dạy Sử, Kontum dạy Vật lý"[974].

Ngoài ra, ông còn học thêm chữ nho và văn chương cổ điển Việt, tham gia phác họa cuốn *Việt Nam Văn Phạm* với nhóm Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, hợp tác làm *Việt Nam Tự Điển* với nhóm Khai Trí Tiến Đức: *"Bỗng nhiên tôi nhớ năm 1936, sau chuyến về nước ở luôn, tôi bắt đầu học chữ nho và góp phần làm cuốn Việt Nam Văn Phạm của Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ, và cộng tác biên soạn tự điển Khai Trí Tiến Đức"*[975]. Trong thời kỳ này, ông làm phụ tá cho thị trưởng Hà Nội. Georges Boudarel, trong bài nghiên cứu tựa đề *Le tort de parler trop tôt - Sai lầm vì nói sớm quá,* chủ đích dịch và giới thiệu bài *Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất xây dựng quan điểm lãnh đạo* với độc giả Pháp, đã phân tích khá rõ tâm trạng Nguyễn Mạnh Tường và thành phần ưu tú của đất nước theo Việt Minh năm 1945, như sau:

"Trở về Bắc Kỳ, năm 1936, ông dạy văn chương Pháp tại trường Bảo Hộ và trường Cao Đẳng Công chánh. Vì cứ in hoài những tập tiểu luận ngẫu hứng từ những ngày sống ở Pháp, đã để lại trong ông những cảm tưởng không phai mờ (...) cuối cùng, ông trở thành đệ nhị phụ tá cho Thị Trưởng thuộc địa Hà Nội.

Dù hết sức ngưỡng mộ Paris và nước Pháp (khó có thể làm hơn), nhưng tới giờ phút quyết định, Nguyễn Mạnh Tường trong sâu thẳm của tâm hồn, vẫn là người Việt. Dường như ông nghĩ, mình chỉ trung thành với những lý tưởng hun đúc ở Paris: độc lập, tự do, nhân quyền và dân quyền. Năm 1945, cùng toàn bộ thành phần ưu tú của dân

---

974 Trả lời phỏng vấn Nguyễn Văn Hoàn, bđd.

975 Nguyễn Mạnh Tường, Un Excommunié (Kẻ bị khai trừ, trang 286).

tộc (kể cả các vị giám mục thời ấy), ông đi theo chính phủ Hồ Chí Minh"[976].

1940, ông nghỉ dậy học, mở văn phòng luật sư: *"Năm 1940, Pháp thua trận, Nhật đưa quân vào Đông Dương, lập ra một Hội Đồng, do Phạm Lê Bổng đứng đầu, vận động nông dân bán lúa, gạo cho Nhật. Họ muốn tôi tham gia nhưng tôi từ chối. Họ lại gây khó khăn, tôi nộp đơn xin từ chức, ra mở văn phòng luật sư ở phố Trần Hưng Đạo*[977] *đây là nghề tôi đã tập sự bên Pháp"*[978].

Theo Nguyễn Đình Nhân, *"Từ năm 1942 đến 1945: ông mở phòng luật sư chung với hai đồng nghiệp Trần Văn Chương*[979] *và Vũ Văn Hiền"*[980].

Tháng 10/1945, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh lập thêm Đại Học Văn Khoa, Nguyễn Mạnh Tường được cử dạy văn chương Tây phương.

● Hội nghị Đà Lạt (17/4/1946 - 12/5/1946)

Hội nghị Đà Lạt họp từ 17/4/1946 đến 12/5/1946. Bàn về các vấn đề đã dự trù trong hiệp định sơ bộ 6/3/1946. Phía Việt Nam, Nguyễn Tường Tam làm trưởng phái đoàn, Võ Nguyên Giáp, phó. Phía Pháp, Max André, nghị sĩ, trưởng phái đoàn.

Chủ tịch các ủy ban: Hoàng Xuân Hãn, chính trị. Võ Nguyên Giáp, quân sự. Nguyễn Mạnh Tường, văn hoá. Trịnh Văn Bính, kinh tế và tài chính.

---

976 *Le tort de parler trop tôt - Sai lầm vì nói sớm quá* của Georges Boudarel, in trong Sudestasie số 52, tháng 5/1988. Việc NMT làm phụ tá Thị trưởng, Boudarel dựa theo tài liệu trong *Souverains et notabilités d'Indochine*, Éditions du Gouvernement général de l'Indochine, 1943, trg 99.

977 Trước là Gambetta.

978 Nguyễn Văn Hoàn, bđd.

979 Cha bà Trần Lệ Xuân (bà Ngô Đình Nhu).

980 Nguyễn Đình Nhân, *Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường từ trần tại Việt Nam,* báo Tin Tức, 7-8/1997, Paris.

Về hội nghị này, trả lời Hoà Khánh ở Paris, năm 1990, Nguyễn Mạnh Tường cho biết:

"Năm 1946, một hôm, ông Nguyễn Hữu Đang, người sau này tham gia Nhân Văn Giai Phẩm và bị cộng sản kết án 15 năm tù, đến văn phòng luật sư của tôi nói là cụ Hồ mời tôi đến gặp Cụ có việc cần. Nguyễn Hữu Đang chở tôi đến cái chỗ sau này gọi là Phủ Chủ Tịch. Ở đó Vũ Đình Huỳnh, Vụ trưởng vụ Lễ Tân ra tiếp và đưa vào gặp Cụ Hồ. Cụ gọi tôi là Ngài. Cụ nói: "Như Ngài đã biết, chính phủ vừa ký kết với Pháp một bản tạm ước. Theo bản tạm ước ấy, sắp tới giữa ta và Pháp sẽ có một hội nghị quan trọng. Xin Ngài giúp soạn giùm cho một bản lập trường của chính phủ (thèse gouvernementale) để sử dụng như một cương lĩnh chỉ đạo cuộc hội nghị". Tôi đáp: "Công việc này quan trọng quá, xin cụ nhờ một người nào giỏi và có kinh nghiệm hơn tôi". Cụ Hồ nói: "Tôi đã hỏi ý kiến nhiều người và ai cũng bảo là chỉ có Ngài mới có thể làm được thôi". Cuối cùng, tôi nhận lời, về nhà, đóng cửa văn phòng luật sư, vận dụng tất cả kiến thức về luật pháp quốc tế cũng như những điều khoản căn bản của tạm ước để soạn bản lập trường. Đến khi đem trình, được Cụ Hồ chấp thuận và do đó, buộc tôi phải tham dự Hội Nghị Đà Lạt. (...)

Chỉ có một điều ít ai biết là, kết thúc cuộc hội nghị, hai bên đã tổ chức một bữa tiệc chung. Trong bữa tiệc ấy, tên tùy viên của thủy đô đốc D'Argenlieu đến cạnh tôi, nói là thủy đô đốc muốn gặp tôi để nói chuyện. Tôi bảo là tôi không phải trưởng đoàn do đó không có tư cách gì để gặp gỡ thủy đô đốc cả. Tên tùy viên lại bảo đây là sự gặp gỡ thân mật có tính cách cá nhân thôi chứ không phải để bàn bạc chuyện gì quan trọng cả. Nghe thế, tôi rời bàn tiệc ra ngoài hành lang gặp D'Argenlieu. Lúc ấy trong bàn tiệc ai cũng thấy cả. Và cuộc nói chuyện cũng rất vu vơ, thăm hỏi xã giao về công ăn việc làm thôi. Thế nhưng, về Hà Nội

bỗng dưng lại có tin đồn là Nguyễn Mạnh Tường thông đồng với giặc, là Nguyễn Mạnh Tường bán nước.

- Luật sư có biết tin đồn đó phát xuất từ đâu không?

- Thì cũng phải có người phát thì nó mới động chứ. Tin đồn đó là cả một chiến dịch được tổ chức hẳn hoi. Anh Hoàng Xuân Hãn lúc ấy phải đến gặp hình như là Võ Nguyên Giáp thì phải, bảo Tường làm cái gì mà người ta lại tung tin đồn là nó bán nước, theo giặc ghê quá vậy. Nguy cho nó lắm. Mà nguy thật. Chỉ cần một phát súng, một mũi dao là xong đời chứ gì. Từ khi anh Hãn can thiệp, tin đồn ấy mới lắng xuống rồi biến mất"[981].

Về việc này, Nguyễn Văn Hoàn ở Hà Nội, ghi như sau: *"Lúc tiễn đoàn lên đường, cụ Hồ nói to: "Xin chúc anh em đi thành công, đặc biệt tôi có lời khuyên: Nội bộ đoàn kết, phải đấu tranh **găng** nhưng không được **gãy"**. Hoàng Xuân Hãn có viết hồi ức về Hội nghị nhưng không nhắc lại chi tiết quan trọng này, tôi hỏi thì anh bảo quên!" (...)*

Kết thúc hội nghị, D'Argenlieu có tổ chức tiệc trà tiễn Đoàn. Một sĩ quan hầu cận Pháp đến nói: Thủy Sư Đô Đốc muốn gặp riêng Ngài. Tôi nói: Tôi chưa hân hạnh được quen biết Ngài Thủy Sư Đô Đốc. Có anh em nói: Nó mời thì anh cứ đi, tôi đi xuyên qua phòng họp, đông khoảng một trăm người, đến gặp nó, chỉ toàn nói chuyện xã giao vớ vẩn. Thế mà khi về Hà Nội, có dư luận nói: "Tường là tay trong của Pháp, Tường phản quốc", Hãn tức, đến gặp Võ Nguyên Giáp, dư luận mới được dập tắt"[982].

Boudarel viết: *"Sau khi ở hội nghị về, Tường không được trao cho nhiệm vụ gì nữa, cũng như nhiều người yêu nước không cộng sản khác. Tuy vậy khi cuộc chiến bùng nổ ngày 19/12/1946, ông vẫn đi theo kháng chiến"*[983].

---

981 Hoà Khánh, *Ba giờ với luật sư Nguyễn Mạnh Tường*, phỏng vấn ghi âm, viết lại, đăng trên Giai phẩm xuân Quê Mẹ, số 105-106, tháng 1/1990.

982 Nguyễn Văn Hoàn, bđd.

983 Boudarel, bài đã dẫn.

● Đi kháng chiến, nhưng không tham gia Mặt Trận Việt Minh

Ngày 19/12/1946, toàn quốc kháng chiến. Nguyễn Mạnh Tường đang biện hộ ở toà án Hải Phòng. Ông đi vòng xuống Nam Định để về Hà Nội, chuẩn bị gia đình tản cư. Trước khi đi, ông dâng toàn bộ tài sản cho cách mạng. Gia đình ông về Hà Nam, Ngô Khê. Pháp đánh Hà Nam, chạy sang Thái Bình. Thái Bình thuộc Liên khu Ba là một địa điểm tụ họp đông đảo trí thức văn nghệ sĩ. Tháng 10/1948, Hội Văn Nghệ Liên Khu Ba được thành lập. Theo Bùi Huy Phồn[984] và Phạm Duy[985] đây là thời kỳ đẹp nhất của kháng chiến: các trí thức, văn nghệ sĩ khuynh hướng khác nhau cùng hoạt động chung. Khi Pháp đánh Thái Bình, Chi Hội Văn Nghệ phải chuyển về Vĩnh Lộc, Thanh Hoá. Văn nghệ sĩ người về thành, người vào Khu Bốn tức Thanh Hoá vùng tướng Nguyễn Sơn.

Trả lời câu hỏi của Hoà Khánh ở Paris: *Luật sư có thể cho biết luật sư đã tham gia phong trào Việt Minh và sau đó, tham gia kháng chiến như thế nào?*

Nguyễn Mạnh Tường xác định: *"Thật ra, tôi không hề tham gia Mặt Trận Việt Minh. Bao giờ tôi cũng là một người yêu nước, luôn luôn ưu tư đến việc giành lại độc lập cho đất nước. Tuy nhiên tôi tự xác định cho mình một vị trí là làm một người trí thức. Mà người trí thức, muốn độc lập, thì không nên tham chính. Do đó, tôi đã từng từ chối nhiều lời mời ra làm bộ trưởng của nhiều chính phủ. Người trí thức phải đứng về phía dân chứ không đứng về phía chính quyền. Người trí thức chỉ nên đứng ở lãnh vực thuần lý chính trị (politique spéculative), nghiên cứu, thúc đẩy các trào lưu.*

---

984 Trong bài Đường về Liên khu Ba, *Cách mạng Kháng chiến và đời sống văn học*, tập 1, trang 155-163.

985 Trong *Hồi ký Cách mạng kháng chiến,* trang 180-183.

Cách Mạng Tháng Tám làm tôi rất vui mừng. Tôi muốn đóng góp vào việc xây dựng đất nước trong hai lãnh vực sở trường của mình: luật học và nghiên cứu văn học"[986].

Nguyễn Văn Hoàn ghi: *"Năm 1946, tôi đang cãi ở Hải Phòng thì tiếng súng toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Tôi phải đi đường Nam Định để về Hà Nội, rồi tản cư đi Hà Nam, ở Ngô Khê. Nó đánh Hà Nam, chạy sang Thái Bình, ở Hưng Nhân. Nó đánh Thái Bình, chạy vào Thanh Hóa. Hồi dạy Dự Bị Đại Học, tôi ở dốc Đu, Thiệu Hóa, bên cạnh là nhà Hồ Đắc Liên, gần nhà Nguyễn Khánh Đàm, anh ruột nhà văn Nguyễn Tuân"*[987].

● Làm luật sư trong kháng chiến

Trong kháng chiến, Nguyễn Mạnh Tường cãi ở Toà Án nào? Và cãi cho ai? Một điều chắc chắn: ông cãi trong các toà án Kháng Chiến- tức là toàn án của Việt Minh. Vậy loại toà án nào? Vì sau này, trong thời Cải Cách Ruộng Đất, ông cho biết các Toà Án Nhân Dân không cần chánh án và luật sư. Chắt lọc một số thông tin đáng tin cậy, ta có thể xác định: ông cãi ở những tòa án quân sự, đại hình, và được chính phủ kháng chiến cử làm *luật sư chỉ định - avocat d'office,* biện hộ cho những người quốc gia bị Việt Minh bắt và xử tội.

1/ Boudarel viết: *"Trong những năm đầu chiến tranh, hình như luật sư Tường đã nhận cãi cho những trường hợp vô vọng, ông nhận biện hộ cho những người quốc gia bị kết tội phản quốc mà không có chứng cớ gì minh bạch. Lần vận động (hay lần cãi) cuối cùng hình như ở Đức Thọ, năm 1951"*[988].

2/ Trần Văn Hà viết: *"Gia đình tôi* (Nguyễn Mạnh Tường) *chuyển dịch từ Phủ Lý về Thái Bình, rồi về Thanh*

---

986 Hoà Khánh, bđd.

987 Nguyễn Văn Hoàn, bđd.

988 Boudarel, bđd.

Hoá. Tôi tiếp tục giảng dậy cho lớp Dự Bị Đại Học ở Thanh Hoá, được cử làm luật sư của chính phủ đi bào chữa cho tội nhân tại toà án quân sự, đại hình. Cứ mỗi tháng là phải tới một tỉnh, với chiếc xe đạp tòng tọc. Nhiều đoạn đường, cái chết kề bên. Anh "ba lô viên" của tôi bị trúng đạn địch, đã bỏ mạng tại bờ sông Hồng"[989].

3/ Trong bài Kiều Mai Sơn kể lại lời Vũ Đình Hoè, có một đoạn đáng chú ý: *"Tôi* (Vũ Đình Hoè) *lúc bấy giờ là bộ trưởng Bộ Tư Pháp nên cũng được họp trong phiên Chính phủ họp bàn về xử vụ ông Vĩnh Thụy đào nhiệm. Đó là vào hồi năm 1950 - 1951. Cụ Hồ không muốn truy tố.*

Để hợp thủ tục dân chủ, Hồ Chủ tịch đề nghị giơ tay biểu quyết. Tất cả thành viên chính phủ đều giơ tay lên, trừ cụ Bùi Bằng Đoàn[990]*- Trưởng ban Thường Trực Quốc hội. Cụ nói đồng ý là ông Vĩnh Thụy phạm tội nặng đối với Tổ quốc, nhưng cụ không nỡ giơ tay biểu quyết. Mọi người nhớ xưa cụ đã một thời giữ chức thượng thư trong triều đình Bảo Đại. Cuối cùng chính phủ quyết định giao cho tòa án xét xử theo đúng pháp luật, phải làm đàng hoàng đầy đủ thủ tục, có luật sư bào chữa cho bị cáo vắng mặt.*

Mấy tháng sau, Toà Án Quân Khu III được thành lập do ông Lê Văn Chất làm chánh án, ông Bùi Lâm làm công cáo uỷ viên, một hội thẩm chính trị là đại biểu quân đội, một hội thẩm chuyên môn là ông Trần Đình Trúc, thẩm phán do giám đốc Tư Pháp Khu III phái sang. Hai luật sư cùng bênh vực cho bị cáo Vĩnh Thụy là ông Đỗ Xuân Sảng và ông Nguyễn Mạnh Tường.

Bản cáo trạng buộc tội ông Vĩnh Thụy rất đanh thép. Sau khi đã thực thi đủ thủ tục pháp lý và bàn luận kỹ càng, hội đồng xét xử đã ra phán quyết vắng mặt bị cáo: Tử hình. *Luật sư Nguyễn Mạnh Tường đề nghị ghi vào bản án xử theo*

---

989 Trần Văn Hà, bđd.

990 Cha ông Bùi Tín.

điều luật của nhiều nước trên thế giới là: ***Tử hình vắng mặt, khi nào bắt lại được can phạm thì sẽ mở lại phiên toà chứ không được thi hành cái án đã tuyên trước đó"***[991].

Vẫn trong bài này, Kiều Mai Sơn kể thêm mấy vụ khác:

- Vụ xử Quản Dưỡng, tức Trần Văn Dưỡng, ở Hà Đông, trước làm lính khố xanh, bị xử tội đã ra lệnh cho lính Bảo An bắn vào người biểu tình.

- Xử vợ một lãnh tụ Quốc Dân Đảng, ở Vĩnh Yên.

- Một nông dân giết kẻ ngoại tình với vợ, là một anh Đại Đội Trưởng bộ đội, ở làng Xuân Thọ, Thái Bình.

- Hè 1951, một anh bộ đội đánh chết người đang *"hủ hoá"* với mẹ mình, tại Đức Thọ, Hà Tĩnh - lúc đó Nguyễn Mạnh Tường đã vào Thanh Hoá.

4/ Hoàng Văn Chí viết: *"Từ 1947 đến 1950 ông làm trạng sư ở khu III. Trong khi bênh vực cho các bị cáo trước toà, ông hay dùng lời lẽ văn hoa để* "nói mát" *chế độ, nên ông bị chuyển sang ngành giáo dục. Ông bị coi là một phần tử* ***"ngoan cố",*** *không chịu* ***"lột xác",*** *nên thường bị đả kích. Có lần cán bộ đã đặt ra một vở kịch nhan đề là* ***"Phải hấp lại"*** *để lăng mạ ông, nhưng ông không thèm trả lời."*[992]

Điều Hoàng Văn Chí viết "*ông hay dùng lời lẽ văn hoa để nói mát chế độ"* được phản ảnh trong lời kể của giáo sư Hoàng Như Mai: *"Vụ thầy Tường cãi đó là: cô con dâu cầm dao đâm bố chồng. Tôi không dự cái cuộc ấy nhưng được nghe người ta kể lại. Thầy Tường bào chữa: Xưa nay chuyện bố chồng con dâu, nhất là mẹ chồng nàng dâu xung đột với nhau là chuyện rất điển hình ở xã hội Việt Nam xảy ra coi như cơm bữa. Nhưng vì sao cô này lại đâm bố chồng? Vì khẩu hiệu của kháng chiến: Mỗi người sẵn sàng cầm vũ khí*

---

991 Kiều Mai Sơn, *Nguyễn Mạnh Tường, Luật sư huyền thoại*, An Ninh Thế Giới 10/10/2009, mạng Bee.net và Vietstudies.

992 Hoàng Văn Chí, *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, trang 293.

trong tay để giết giặc. Cho nên lỗi tại có vũ khí kia chứ không thì chị ấy không phạm tội giết bố chồng"[993].

Những chứng trên đây bổ sung cho nhau. Tóm lại, có thể nói: lần cuối Nguyễn Mạnh Tường cãi ở Đức Thọ, Hà Tĩnh, theo Boudarel và sau đó ông bị chuyển sang ngành giáo dục, theo Hoàng Văn Chí. Một mặt khác, chính Nguyễn Mạnh Tường cũng viết về lý do đổ vỡ của ngành tư pháp và y tế ở Khu Ba và Khu Tư: *"Chính trị chèn ép chuyên môn như thế nào; xua đuổi người trí thức ra ngoài con đường cách mạng ra sao, lịch sử kháng chiến đã cho ta kinh nghiệm đau đớn. Năm 1949, phong trào tư pháp liên khu III tan vỡ vì chính quyền quan niệm tư pháp phải thuộc sự điều khiển của mình. Năm 1951, phong trào quân y, dân y liên khu IV sụp đổ vì các chính trị viên đưa vào các bệnh viện, đã đán áp chuyên môn, thúc đẩy các bác sĩ có công với cách mạng, với kháng chiến, phải gạt nước mắt mà rời bỏ kháng chiến"*[994].

● Từ chối vào Đảng

Năm 1951, được đề nghị vào đảng, nhưng ông từ chối, rồi cuối cùng ông phải chấp nhận vào đảng Xã Hội, Nguyễn Mạnh Tường giải thích tại sao:

"Năm 1951, trong chiến khu[995] *Đặng Châu Tuệ, một đảng viên Cộng Sản*[996] *đến bảo tôi và bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên nộp đơn xin vào Đảng. "Trên" đã chứng nhận hạnh kiểm và hoạt động của chúng tôi trong kháng chiến. Những người cộng sản thường say mê hình thức và mắc bệnh kiểm kê con người giống như tài sản, theo tuổi tác, phái tính, hoạt động nghề nghiệp để trộn họ vào những tổ chức quần chúng,*

---

993 Kiều Mai Sơn, bđd.

994 *Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất*, Trăm hoa đua nở trên đất Bắc, trang 305.

995 Khu Ba.

996 Chánh án, Bí thư Đảng đoàn.

để giáo dục và điều khiển họ một cách hữu hiệu hơn. Một mặt khác, vì Đảng không dung tha bọn trí thức ham hưởng thụ tự do và cá nhân chủ nghiã, nếu tập trung họ lại trong Đảng, thì cái địa vị tối cao và vai trò lãnh đạo sẽ làm họ phởn chí. Thật vậy, trong thời điểm đó, những kẻ có tham vọng, những kẻ cơ hội, mơ tưởng được vào hàng ngũ cộng sản đã làm không ít việc hạ tiện để đẹp lòng người chiêu nạp. Cũng cùng thời ấy, đã có khá nhiều trí thức, không chịu được đầu óc hẹp hòi và tính ngoan cố của những người cầm đầu, đã bỏ hàng ngũ cách mạng để về Hà Nội, rồi từ đó bay đi những chân trời tốt đẹp hơn. Vì thế, bác sĩ Nguyên và tôi xét cái "vinh dự" mà họ ban cho chẳng qua chỉ là một thủ đoạn ngờ vực: họ muốn khoá trái chúng tôi trong các tổ Đảng được canh gác chặt chẽ để ngăn chặn không cho chuồn, nếu có kẻ nào manh tâm. Cả hai chúng tôi từ chối lời mời vào Đảng. Nhưng những người cầm đầu không cho đứng ngoài tất cả các tổ chức, họ đề nghị chúng tôi vào đảng Xã Hội. Cầm cự mãi cũng chán, chúng tôi bắt buộc phải chấp nhận. Bởi chẳng nên khăng khăng cương quyết từ chối mãi ý nguyện của Đảng, nhất là trong chiến khu, có những con mắt vô hình kiểm soát nhất cử nhất động. Khá là nguy hiểm"[997].

Nguyễn Mạnh Tường rời Khu Ba khoảng mùa xuân 1951, sau khi từ chối vào Đảng. Tới tháng 5/1951, ở Khu Tư Thanh Hoá ông cãi lần cuối cùng tại Đức Thọ, Hà Tĩnh. Boudarel viết: "*Tháng 2/1952, Trường Dự Bị Đại Học mới mở ở khu Tư, Thanh Hoá và Nghệ An, do nhà phê bình mác-xít Đặng Thai Mai điều khiển, Nguyễn Mạnh Tường được gọi về dạy văn chương"*[998].

---

997 Trích dịch Un Excommunié (Kẻ bị khai trừ), Quê Mẹ, Paris, 1992, trang 205-206.

998 Boudarel, bđd.

Hoàng Trung Thông kể lại: *"Các lớp học viết văn thì tổ chức ở Quần Tín*[999]*, Đặng Thai Mai là hiệu trưởng, Nguyễn Xuân Sanh phụ trách các công việc, tương đương với giáo vụ bây giờ. Khoá dự bị đại học đầu tiên có 5 học sinh. Các lớp sau đông hơn (...) Học sinh tới học do địa phương giới thiệu nhưng kinh phí hầu như phải tự túc hoàn toàn"*[1000]. Vào Khu Tư, Nguyễn Mạnh Tường vẫn tiếp tục đấu tranh tư tưởng với cộng sản, Hoàng Trung Thông kể tiếp:

"Cuộc tranh đấu tư tưởng duy nhất ở Liên Khu Bốn trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là cuộc đấu tranh với một số quan điểm của Nguyễn Mạnh Tường. Trong một cuộc nói chuyện Nguyễn Mạnh Tường cho rằng văn nghệ ta như một cái chuồng nhốt các văn nghệ sĩ trong đó. Ý kiến này lập tức đã làm nổi lên một làn sóng bất bình trong giới văn nghệ. Có hai bài phê phán ý kiến đó một cách nghiêm khắc trên tạp chí Thép Mới của Nguyễn Văn Tỵ và Chế Lan Viên. Khi đồng chí Lưu Trọng Lư, chi hội trưởng văn nghệ Liên Khu Bốn, phụ trách tờ tạp chí Thép Mới, đến gặp đồng chí Trường Chinh thuật lại các bài đấu tranh tư tưởng thì đồng chí Trường Chinh có nhắc nhở về mấy bài phê phán đó, đại ý như sau: các đồng chí phê bình cũng là phải thôi; nhưng cũng như một cây tre, vin xuống vừa phải thì sức bật của nó sẽ lớn, nhưng vin mạnh quá thì nó gẫy. Tôi hiểu ý đồng chí Trường Chinh nói là cần phải đấu tranh tư tưởng nhưng đừng nặng lời quá vì lúc bấy giờ chúng ta đang cần đoàn kết để kháng chiến chống Pháp, mặc dầu đoàn kết không có nghiã là thủ tiêu đấu tranh"[1001].

Cuộc đấu tranh tư tưởng ở Khu Tư, sau Nguyễn Mạnh Tường, đến Trương Tửu, càng mãnh liệt hơn.

---

999 Thanh Hoá.

1000 Hoàng Trung Thông kể, Tôn Phương Lan ghi, *Trên địa bàn văn nghệ khu Bốn và Việt Bắc*, *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập 1, Tác phẩm mới, 1985, trang 184.

1001 Hoàng Trung Thông, sđd, trang 187.

● Dự các hội nghị quốc tế

Mặc dù đã từ chối vào Đảng và luôn giữ khoảng cách với chính quyền, nhưng Đảng vẫn phải nhờ Nguyễn Mạnh Tường trong việc đối ngoại, bởi khó tìm được người có đủ khả năng thay thế: Ông được cử đi dự ba Hội nghị quốc tế vì tài hùng biện.

Về Hội nghị Bắc Kinh, 1952, hiện không có tài liệu.

Về Hội nghị Vienne, cuối 1952, đầu 1953, Boudarel phân tích khá kỹ: *"Năm 1952, vì vì nhu cầu tuyên truyền và viễn ảnh những thương lượng mới về Đông Dương đi đôi với vấn đề Triều Tiên đang thảo luận, người ta đã lôi Tường trong nhà tù bóng tối ra ánh sáng. Ông được gọi đi Vienne dự hội nghị các dân tộc, do Phong Trào Hoà Bình Thế Giới ảnh hưởng Liên Xô, tổ chức. Một lần nữa, ông lại làm phát ngôn viên khôn khéo và hùng biện cho chính phủ Hồ Chí Minh, dù ông không chia sẻ mọi quan điểm, nhưng đối với ông, chính phủ này, trước hết, bảo đảm nền độc lập.*

Chuyến đi Vienne đã có thể là cơ hội lý tưởng cho luật sư Nguyễn Mạnh Tường chạy sang phía bên kia. Nhưng không. Mặc. Ông trở về xứ. Vì yêu nước. Vì muốn độc lập cho Việt Nam, mà cũng vì muốn làm thay đổi chế độ từ bên trong bằng sức mạnh của ngôn từ"[1002].

Bài phát biểu của Nguyễn Mạnh Tường tại hội nghị Vienne, viết thành *Lettre à un ami de France - Thư gửi người bạn Pháp,* lời lẽ khôn khéo, cảm động, để thuyết phục những người bạn Pháp hãy vận động cho việc ngừng chiến ở Việt Nam: *"... Từ Vienne náo động âm nhạc hoà bình của tiếng xe hơi và tàu điện, tâm tư tôi hướng về đất nước đang rền vang tiếng đại bác. Từ Vienne chói lòa ánh sáng, tôi nhìn qua hai mươi ngàn cây số xa, về những thành phố của chúng tôi đang bị thiêu huỷ; khi màn đêm buông xuống, nhờ*

1002 Boudarel, bđd.

bóng tối, máy bay ngưng cơn cuồng nộ, làng mạc, ruộng đồng, trỗi dậy sinh hoạt. Tôi thấy con trai tôi, trong đêm lạnh, tay mang sách vở, lần bước để nhập bọn với bạn bè và những người dân quê, qua những con đường ngoằn ngoèo, cùng họp nhau dưới căn nhà lá dùng làm trường học. Chúng thắp những ngọn đèn dầu nhỏ mà ánh sáng vàng vọt, mù khói làm cay mắt, ngứa cổ. Chúng ngồi bệt dưới đất, tay tựa vào cái bàn nhỏ bằng lòng bàn tay, đem từ nhà đi. Thầy đến và lớp học bắt đầu. Chúng được học nhiều điều, đặc biệt là lòng yêu mến các dân tộc, sự kính trọng con người và giá trị cần lao. Chắc các bạn cũng chẳng đến nỗi dửng dưng khi biết rằng những đứa con trai ấy còn học một ngoại ngữ, rằng ngoại ngữ ấy là tiếng Pháp và tiếng đầu tiên chúng được học là chữ AIMER[1003]*...*

Mỗi khi màn đêm buông xuống, chúng tôi giao cảm với nước Pháp đích thực, nước Pháp sống động, nước Pháp cụ thể, nước Pháp mà chúng tôi đã ngừng Yêu trong khổ đau nhức nhối, nước Pháp của Joliot-Curie, của Raymonde Dien, của Henri Martin, của nông dân, của thợ thuyền, của trí thức, của tất cả những ai đau khổ vì nỗi khổ đau của chúng tôi, những ai đòi hỏi quân đội Pháp phải rút khỏi Đông Dương, để bi kịch huynh đệ phải chấm dứt, để con cái chúng tôi khỏi bị đạn bom xé thành trăm mảnh mà chúng được nở hoa dưới ánh mặt trời của cuộc sống và được học tập trong hoà bình"[1004].

Bức thư dù tha thiết cũng không ngăn cản được cuộc chiến kéo dài đến 1954. Khi trở về nước, Nguyễn Mạnh Tường phải trực diện với bi kịch kinh hoàng Cải Cách Ruộng Đất, trong sự bất lực hoàn toàn.

Ngày 22/5/1956, hội nghị Luật Gia Dân Chủ họp ở Bruxelles trong lúc phong trào NVGP đang manh nha, ông

1003 YÊU.

1004 Trích dịch *Lettre à un ami de France*, Revue Défense de la Paix, tháng 1/1953.

lại được "vời ra" lần nữa, và ông cũng lại dùng tài hùng biện để biện hộ cho sự thống nhất Việt Nam, theo quan điểm của miền Bắc. Nhân chuyến đi này ông được các luật gia Tiệp Khắc và Nga và mời sang Praha và Moscou.

Khi trở về Hà Nội, ông đã nhận được rất nhiều vinh dự, nhưng ngày 30/10/1956, ông xuất hiện tại Mặt Trận Tổ Quốc với bài diễn thuyết lịch sử: *Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo,* làm thay đổi vận mệnh của chính mình.

Nguyễn Mạnh Tường nhớ lại: *"Ngay khi trở về Hà Nội, tôi được phủ đầy "vinh dự". Khoa trưởng Đại Học Luật Khoa đang hấp hối, phó chủ tịch hội luật gia, thủ lãnh luật sư đoàn, khoa phó Đại Học Sư Phạm, giáo sư đại học dạy văn chương Âu châu, ủy viên trung ương Mặt Trận Tổ Quốc và thành viên Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội; thành viên của hội Hữu Nghị Việt Pháp và Việt Xô, của Uỷ Ban Bảo Vệ Hoà Bình, chủ tịch sáng lập Câu Lạc Bộ Đoàn Kết Trí Thức... dư sức viết đầy hai mặt danh thiếp!*

Những "tước vị hoành tráng" này chẳng phiền hà gì tôi cả, cũng chẳng tổn thương đến lòng khiêm tốn và tôi cũng không cảm thấy mình to đùng hay bé lại. Chế độ cộng sản áp dụng lối sùng bái hình thức: Họ trang trí thế giới bằng những đồ giả. Những tước vị hào nhoáng, gáy to nhất, không để tưởng thưởng cho người sống mà cho những con nộm hình người có kẻ đứng sau lưng, trên đầu hay trong đám đó giật dây. Những diễn viên múa may trên khán đài thuộc thế giới xi-nê-ma quá đát, cinéma câm. Vì cộng sản và ciné câm ra đời cùng một lúc, cho nên người ta tự hỏi chẳng biết cái nào ảnh hưởng đến cái nào"[1005].

Nguyễn Mạnh Tường tiếp tục phân tích phong cách của Đảng: *"Phải chăng Đảng đã ngó ngàng tới tôi và muốn thổi phồng tôi lên thành một trong những con khỉ bác học được*

1005 Trích dịch Un Excommunié, trang 75-76.

đưa chạy vòng quanh sân xiếc làm trò cười cho trẻ? Năm 1951, trong chiến khu miền Bắc, giữa kháng chiến chống Pháp, người ta đã đề nghị cho tôi vào Đảng, nhưng tôi từ chối vinh dự này. Năm 1946, khi đi theo kháng chiến với gia đình và cha mẹ, tôi đã dâng hết của cải, gồm ba dinh thự ở Hà Nội cho Cách Mạng và Nhân Dân. Trong suốt thời gian kháng chiến, tôi chấp nhận mọi hy sinh và dùng cả hai nghề luật sư và giáo sư để phục vụ dân tộc. Là thành viên của các phái đoàn Việt Nam đi dự bốn hội nghị quốc tế, Đà Lạt 1946, Bắc Kinh 1952, Vienne 1953 và Bruxelles 1956, tôi đã giữ vai trò chủ động và đạt một vài thành quả khiêm nhường... Có thể Đảng cũng muốn cho tôi một chứng chỉ tán thành bằng cách thăng cho những chức vụ dù chỉ là danh dự cũng có phần khả kính. Nhưng tôi thừa biết trí nhớ của Đảng tồi lắm, Đảng quên ngay công lao của cả những người ngày trước đã được Đảng công nhận, chỉ vì tội làm Đảng nổi giận. Ngay cả những người cộng sản nổi tiếng, đã từng đi tù chung với những lãnh đạo hiện ở trên ngai, cũng chẳng được hưởng ân sủng gì ngoài sự ngoan cố và độc ác của họ.

Trong những ủy ban chỉ đạo các tổ chức quần chúng, Đảng có lệ đem những trí thức nổi tiếng vào làm phụ tá cho những đảng viên cầm cương, cầm lái. Những con rối ngồi trên chủ tọa đài, tuyên bố khai mạc và kết thúc các buổi hội thảo, được người ta uể oải vỗ tay và cũng uể oải vỗ tay đáp lễ. Cái lối hành xử này đã trở thành tập quán, chỉ để phô trương có sự cộng tác chặt chẽ giữa trí thức không đảng phái và những người cộng sản. Tôi biết thừa và chẳng ngạc nhiên gì. Tôi đợi bánh xe luân hồi của đạo Phật quay và sẵn sàng phòng thủ, không để cho những bất trắc đánh bại"[1006].

1006 Trích dịch Un Excommunié, trang 76-77.

● Tham gia Cải Cách Ruộng Đất

1953, sau khi dự Hội nghị Vienne về, ông phải tham gia Cải Cách Ruộng Đất. Đối thoại của ông với Hoà Khánh:

- Luật sư có đi tham gia Cải Cách Ruộng Đất?

- Có. Hồi ấy, tất cả mọi cán bộ đều phải về các địa phương để tham gia Cải Cách Ruộng Đất. Tôi cũng phải đi.

- Luật sư về địa phương nào?

- Phủ Nho Quan.

- Công việc của các cán bộ cụ thể là làm gì?

- Để phụ với nhân dân tổ chức các cuộc Cải Cách Ruộng Đất thôi.

Trầm ngâm một lát, luật sư Nguyễn Mạnh Tường kể tiếp: Chính trong những đợt đi xuống địa phương ấy tôi mới thấy rõ, thấy hết sự tàn bạo của nó. Lại im lặng. Chúng tôi cũng im lặng chờ đợi. Giọng của luật sư Nguyễn Mạnh Tường trầm trầm, buồn buồn:

"Đầu tiên, về Phủ Nho Quan, chúng tôi được học tập theo lệnh từ trên là tại địa phương này có cả thảy 80% dân chúng thuộc thành phần địa chủ. Tôi điếng cả người. Phẫn nộ, thấy ngay cách làm việc như vậy là rất trái khoa học. Khoa học nào cũng phải sử dụng phương pháp quy nạp, phải căn cứ trên quá trình điều tra thực tế cẩn thận, từ thực tế mà đúc kết thành nhận định. Đằng này thì mấy ông từ trung ương cứ tưởng tượng ra các chỉ tiêu rồi ra lệnh xuống bắt các địa phương phải thực hiện. Cán bộ địa phương muốn hoàn thành công tác thì phải kích thôi. Có nhiều gia đình nghèo xơ nghèo xác, ở trong một căn nhà hẹp có hai gian, tài sản đâu chỉ được một hai mẫu ruộng thế mà cũng bị ghép váo thành phần địa chủ. Để cho đủ số lượng mà! Tội lắm. Oan ức nhiều không sao kể hết được.

- Luật sư có tham gia vào cuộc xử án nào không?

- Không. Người ta đâu có cần luật sư. Mình đi là cốt để rèn luyện quan điểm, rèn luyện lập trường thôi, chứ đâu phải để xử án hay biện hộ cho ai.

- Thế thì ai làm chánh án, luật sư trong các vụ đấu tố?

- Chẳng có chánh án, luật sư gì cả. Phiên tòa được tổ chức ở một bãi sân rộng đâu đó trong làng. Mấy anh thuộc thành phần bần cố nông ngồi ngất ngưởng trên bàn để luận tội, còn mấy người bị gọi là địa chủ thì bị xích cổ, trói chân, trói tay, quỳ mọp giữa sân...

- Có cả chuyện xích cổ ư?

- Có. Suốt "phiên toà", hết bần cố nông này lên tiếng chửi thì đến bần cố nông khác lên chửi tiếp. Xong rồi đến lượt hành hình địa chủ, vậy thôi.

- Luật sư có bao giờ can thiệp vào những sự đấu tố dã man như vậy không?

- Có mà muốn chết à? Không. Có chẩy nước mắt thì cũng rán mà giấu đi.

- Có địa chủ nào được quyền tự biện hộ, tự thanh minh cho mình không?

- Không. Lúc đó, ai cũng hồn kinh phách tán cả rồi, mặt mũi xanh rờn, đứng còn không nổi nữa thì nói gì đến chuyện tự biện hộ. Mà ai cho? Cứ bị khép vào thành phần địa chủ là coi như đã chết"[1007].

Bối cảnh Phủ Nho Quan sẽ được đưa vào tiểu thuyết *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm,* và cũng là nền tảng của bài diễn thuyết *Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo* tại Mặt Trận Tổ quốc ngày 30/10/1956.

● 10/10/1954, quân cách mạng tiến vào Hà Nội

Là nhân chứng không thể loại trừ, Nguyễn Mạnh Tường viết về ngày 10/10/1954: *"Mười giờ sáng ngày*

1007 Hoà Khánh, bđd.

10/10/1954, lực lượng kháng chiến long trọng bước vào thành phố đã chinh phục lại. Quân đội mở đầu, cờ cao, trống thúc! Cán bộ dân sự đứng trên xe vận tải chào mừng quần chúng tụ tập hai bên đường, tay vẫy cờ giấy, hoan hô cổ võ đến khàn giọng nghẹt thở (...)

Trong khoảng mười lăm ngày, cán bộ bị cấm trại ở một nơi, vì lý do gì, không ai biết (...) Về phía mình, một phần, nóng lòng được đặt chân về chốn tôi đã sinh ra, thành phố không ngừng ám ảnh tôi trong những năm dài xa cách; phần khác, lòng càng héo mòn ủ rũ vì ngay từ phút đầu đã không thể trở về nhìn lại mẹ cha, mà tuổi hạc càng làm tăng thêm ước muốn được âu yếm nhìn thấy đứa con đầu lòng, đã phải xông pha quá lâu, cho dù hai thân đã chấp nhận sự hy sinh ấy là cần thiết và chính đáng.

Cuối cùng, rồi nỗi khổ tâm của chúng tôi cũng chấm dứt khi người ta thông báo cho biết tôi được nhận công tác tiếp quản Đại Học Luật Khoa. Sau nghi lễ, tôi chạy vội về nhà, cha mẹ tôi oà khóc khi thấy tôi còn sống![1008]

Song song với ngòi bút nhà văn, ngòi bút luật gia và chính trị gia phân tích tâm lý những người cộng sản: *"Thời gian trôi đi, Đảng lần khân và chậm quyết định mở lại hay đóng cửa trường Luật. Tôi hiểu những ngần ngại này. Trong nhiều năm được nhà cầm quyền chỉ định làm luật sư (avocat d'office) tại các toà án, và nhờ giao tiếp thường xuyên với những người được gọi là có trách nhiệm, tôi đo lường được trong cái vô thức bí mật của họ, sự ghê tởm luật pháp đến thế nào!* (...)

Trong khi người chính trị khẳng định chủ lực (volontarisme), thì người luật pháp chọn chủ luận (rationalisme). Một bên đặt vấn đề cụ thể, phân tích những yếu tố, khảo sát mối tương quan và hấp lực hỗ tương giữa các đối tượng, để tìm một giải pháp lợi hại nhất, và dùng

---

1008 Trích dịch Un Excommunié, trang 23-24-25-26.

quyền lực để thực hiện giải pháp đó. Họ không cảm thấy bị trói buộc bởi bất cứ nguyên tắc nào, họ không bị bắt buộc, họ tự do như con ngựa phi trên vùng thảo nguyên, bạo liệt như trận cuồng phong hung dữ chặt thủ cấp những nóc nhà, vùi sâu dân chài trong lòng biển cả. Trong cơn mê sảng, quyền lực chính trị lợi dụng những thế cờ thuận tiện để phất lên lá bài của mình và tỏ rõ sự sắt đá đã lột xác. Nhưng thời cơ thuận lợi của họ vấp phải sự cứng rắn của luật lệ, của luật pháp: Họ quyết định quét sạch luật lệ, dầy xéo luật pháp; tuy nhiên họ vẫn tiếp tục bình thản ngủ vùi, bởi trong chiến khu, Nhà Nước chỉ nói chuyện với cỏ cây, súc vật trong rừng rú, dân chúng thì đã chín muồi vì lòng yêu nước cao độ và ý thức bổn phận, nên không ai quấy nhiễu sự bình an của những người cầm quyền. Nhưng tất cả mọi sự đều thay đổi khi trở về Hà Nội. Ở đây, dư luận thị thành luôn luôn khuấy động, cả sự im thin thít của nó cũng làm chính quyền lo ngại. Dư luận tỏ ý tôn trọng luật pháp. Khi quyền lợi của người dân bị xâm phạm, họ gõ cửa luật sư và pháp đình là thành lũy của công bằng và pháp lý.

Nhà Nước cộng sản, để tỏ thiện ý, đã giữ lạiuật sư đoàn, vì đó là hàng quan chức tư pháp đã được thay thế bằng những người sùng bái Đảng và đã được Đảng giáo dục để quyết định số phận các cuộc tranh tụng. Vấn đề nội trị có thể giải quyết dễ dàng. Nhưng từ khi về Hà Nội, toàn thế giới nhìn vào Việt Nam, sự giao tế bây giờ thoát khỏi biên thùy các "nước anh em" mà kéo dài tới các nước tư bản. Nay, những nước này lại tỏ ra rất hâm mộ luật pháp và đưa cái bản Hiệp định (Genève) *mà họ ký vào trong khuôn khổ pháp luật. Ngoài ra, những pháp viện và những tổ chức quốc tế chăm chú nhìn vào Việt Nam để phán xét xem họ có thể nghiêng cán cân về phiá nào: giúp đỡ hay phản đối. Chính nhờ con đường quốc tế mà luật pháp đã xâm nhập*

một cách vũ bão vào hiện tình Việt Nam và những người cầm quyền bắt buộc phải để ý"[1009].

Những dòng trên đây mô tả cuộc xung đột quyết liệt giữa chính trị và luật pháp, sau 1954, khi quân cách mạng tiếp thu Hà Nội và sự thủ tiêu luật pháp sau khi Đảng nắm vững chính quyền, đồng thời giải thích việc Nguyễn Mạnh Tường diễn thuyết tại Mặt Trận Tổ Quốc, đòi tự do dân chủ và nhà nước pháp trị.

● Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất xây dựng quan điểm lãnh đạo

Trả lời Nguyễn Văn Hoàn, ở Hà Nội, Nguyễn Mạnh Tường nói: *"Ở hội nghị của Mặt Trận Tổ Quốc, họp ở Hà Nội ngày 30 tháng 10 năm 1956, sau khi ông Trường Chinh, thay mặt Đảng Lao Động Việt Nam, tự phê bình về các sai lầm đã phạm trong Cải Cách Ruộng Đất, tôi đọc bản tham luận "Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo". Từ góc độ một người hoạt động trong lĩnh vực luật pháp, tôi nói đến một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự. Đi hội nghị về, Nguyễn Hữu Đang đến phỏng vấn, rồi viết bài đăng lên báo Nhân Văn. Tôi như thành một người "phạm pháp quả tang", bị sa thải khỏi Đại Học và không được hành nghề luật sư nữa. Từ 1957 là thời kỳ đen tối của cuộc đời tôi. Tuy vậy, tôi đã lợi dụng thời gian rảnh rỗi này để viết sách, trong đó có cuốn Lý Luận Giáo Dục Châu Âu Từ Thế Kỷ XVI Đến Thế Kỷ XVIII, tôi cố ý viết bằng tiếng Việt để lãnh đạo có thể đọc được"*[1010].

Trả lời Hoà Khánh ở Paris, Nguyễn Mạnh Tường cho biết thêm nhiều chi tiết hơn: *"Các anh cũng biết là, vụ Cải Cách Ruộng Đất đã thất bại nặng nề đến nỗi ông Trường*

1009 Trích dịch Un Excommunié, trang 28 và 30.

1010 Nguyễn Văn Hoàn, bđd.

Chinh phải mất chức tổng bí thư đảng cơ mà. Lúc đó có phong trào sửa sai ghê lắm. Trong cuộc vận động sửa sai như thế, ông Tố Hữu, rồi ông Trường Chinh, rồi ông Xuân Thủy đã lần lượt gọi tôi đến nhà riêng của các ông ấy để yêu cầu tôi, trong cuộc hội nghị của Mặt Trận Tổ Quốc, trình bầy cho mọi người biết thế nào là dân chủ. Các ông ấy nói là sau sai lầm Cải Cách Ruộng Đất, chúng ta phải cố làm sao để cho chế độ xã hội chủ nghiã trở thành một chế độ thực sự dân chủ. Nghe thế, tôi mừng quá nên nhận lời ngay. Thế rồi hội nghị được tổ chức. Tôi thuyết trình trọn cả ngày, ba giờ buổi sáng, ba giờ buổi chiều. Thuyết trình xong, người ta khen ghê lắm. Ông Trường Chinh, Ông Xuân Thủy, ông Dương Bạch Mai sau đó lại yêu cầu tôi viết lại bài nói chuyện đó để đưa cho mấy ông xem.

- Thế trong cuộc hội nghị, luật sư chỉ nói miệng chứ không đọc bài viết đã soạn sẵn?

- Không. Thì giờ đâu. Chính mấy ông ấy bảo thì tôi mới viết lại chứ. Tôi đánh máy bài viết thành hai bản, nộp hết cho mấy ông. Thế mà không biết tại sao, bài viết đó lại lọt ra nước ngoài, bọn báo chí ngoại quốc làm ầm ĩ lên thế mới chết chứ.

- Luật sư còn nhớ chắc là không hề đưa bài viết ấy cho ai khác?

- Chắc chắn. Cả hai bản đánh máy tôi đều nộp hết cho ông Trường Chinh và ông Xuân Thủy. Tôi chỉ giữ lại bản nháp viết tay thôi.

- Thế thì luật sư có thể đoán được là tại sao, từ nguồn nào, bài biết của luật sư lại lọt ra nước ngoài được không? Luật sư Nguyễn Mạnh Tường cười lắc đầu:

Chịu thôi, ở đời vẫn có những bí mật như thế đó, các anh ạ.

- Thế sau khi bài viết bị tiết lộ ra ngoài thì cộng sản đối xử với luật sư như thế nào?

- Thì còn đối xử thế nào nữa. Kiểm điểm rồi đuổi việc thôi"[1011].

Vậy, Trường Chinh và Xuân Thủy, ai là người chuyển văn bản Nguyễn Mạnh Tường ra ngoại quốc và với mục đích gì?

● Ba mươi năm sa mạc

♠ Trả lời Hoà Khánh:

- Luật sư có bị bắt, có bị giam cầm gì không?

- Không. Chỉ bị đuổi ra khỏi tất cả những nơi đang làm việc. Và độc ác nhất là bị cô lập hoàn toàn. Các anh cứ tưởng tượng suốt mấy chục năm trời, không ai dám đến gặp tôi cả. Họ sợ bị liên lụy đến bản thân, đến gia đình của họ. Có khi, đi ngoài đường, nhìn thấy tôi từ xa, là bạn bè, học trò cũ của tôi phải tránh đi chỗ khác. Tôi cũng không trách gì họ. Vì sự an toàn của họ, họ phải làm thế thôi. Nhưng đau xót lắm.

- Trong thời gian suốt mấy chục năm trời như vậy, luật sư làm gì để sống?

- Không làm gì cả. Xin việc gì người ta cũng không nhận. Thoạt đầu, cứ bán dần đồ đạc trong nhà mà ăn tiêu. Bán bàn ghế, giường tủ, rồi bán quần áo, giầy dép... Cuối cùng phải bán đến cả sách vở tôi dành dụm thu thập sắm trong hai mươi năm. Bán theo giá bán giấy ký thôi. Rẻ mạt. Nhưng cần sống thì phải bán. Cứ mỗi lần bán sách là mỗi lần tôi có cảm tưởng như có ai lấy dao găm đâm vào tim mình. Rồi tất cả đồ đạc cạn dần, cạn dần. Tôi lại sống bằng sự bố thí của anh em, bạn bè. Lâu lâu người này cho cái đồng hồ, người khác cho một ít tiền.

- Những người giúp luật sư thuộc thành phần nào?

- Một số là học trò cũ cũa tôi; một số là bạn bè của tôi lúc còn ở Pháp và một số khác nữa là hoàn toàn xa lạ vì

1011 Hoà Khánh, bđd.

nghe tiếng tôi, thương cho hoàn cảnh của tôi, từ Pháp thỉnh thoảng cho một ít quà.

- Họ là người Việt Nam hay là người Pháp?

- Người Việt có, người Pháp có"[1012].

♠ Trả lời Phạm Trần:

"Cuộc sống thật gay. Khó khăn thật lớn. Nhưng cái khó khăn nhất là nỗi cô độc. Không ai dám tiếp xúc với mình. Học trò thấy mình từ xa thì đã né tránh. Nhưng tôi hiểu và thông cảm cho họ. Còn sau này, thỉnh thoảng vẫn có anh em cán bộ đi công tác và họ nhờ tôi chỉ vẽ đôi chút tiếng Pháp. Ai sẵn thì họ giúp chút ít. Thế thôi"[1013]

♠ Đói - Ông viết: *"Tôi muốn dạy tư Pháp văn tại nhà riêng. Nhưng vừa bắt đầu thì một bọn công an, có lẽ do thám tử và chỉ điểm quanh tôi, báo, ùa vào nhà, bảo rằng trong chế độ cộng sản, chẳng có gì riêng tư, kể cả những bài học do người thầy bần cùng nghèo đói dạy! Làm gì bây giờ? Vì cao tuổi, không thể đạp xích lô như một số đồng nghiệp trẻ, chứ tôi nào có sợ gì "người ta xầm xì này nọ" (...)*

Tôi bị kết án đói kinh niên. Một sự mệt mỏi mênh mông, vô bờ bến, xâm chiến thân thể, như nước sông mùa lụt tràn ngập một miền, chỉ ngọn cây và đỉnh đồi là trồi lên được. Tôi có cảm tưởng như mình bị nhận chìm trong một trạng thái hôn mê mà sự sáng suốt của ý thức thỉnh thoảng bùng lên chọc thủng. Cố gắng đứng dậy đi vài bước lảo đảo nhưng rồi lại ngã lăn đùng ra giường, đợt sóng bạc nhược đánh tan tành tất cả sức lực cơ bắp còn lại. Cùng lúc ấy, dạ dầy quặn thắt trong một chuyển động tuần hoàn cực kỳ đau đớn. Những co giật làm tôi luân lưu giữa căng và dãn, trước khi bị vùi sâu trong cơn Thủy triều bất tỉnh, mất hẳn khả

1012 Hoà Khánh, bđd.

1013 Phạm Trần, bđd.

năng tri giác. Ra khỏi những cơn khủng hoảng này, cật vỡ, hồn bầm. Tôi đã học tập kinh nghiệm đói!"[1014]

♠ Tiếp tục viết sách - Trả lời Phạm Trần:

- Suốt 30 năm "ngồi chơi xơi nước" cụ còn mang ước vọng dung hợp (Âu Á) *nữa không?*

- Có chứ. Anh nói "ngồi chơi xơi nước" là không đúng. Lo cái ăn mờ con mắt. Ngồi chơi thì ít mà uống nước (thay ăn) thì nhiều. 30 năm qua tôi đã hoàn thành được 4 công trình: Lý thuyết sư phạm thế kỷ XVI-XVIII: từ Erasme tới Rousseau; Eschyle và thảm kịch Hy Lạp; Virgile và thời hoàng kim La Tinh và dịch bản Orestia (chuyện chàng Orestia) của Eschyle.

Văn hoá Âu đã giáo dục những thế hệ con người mới như thế nào để chuẩn bị cho những cuộc cách mạng kỹ thuật, dân quyền và nhân quyền. Quan hệ giữa sinh hoạt trí thức và lãnh đạo chính trị phải được quan niệm và xác định như thế nào. Những tiến trính phải qua từ một thể chế sơ khai bước sang thể chế dân chủ...

Những vấn đề trên (mà ta hiện nay đang loay hoay) đã được giải quyết ngay từ thời cổ đại La Tinh, Hy Lạp cả rồi. Tôi tìm các thí dụ quá khứ để giải đáp các câu hỏi hiện tại. Riêng vở kịch Orestia tôi có thêm một phần dẫn nhập để người đọc dễ dàng theo dõi. Các sách trên viết bằng Việt ngữ. Các nhà xuất bản Hà Nội không nghi ngờ giá trị của chúng, nhưng không thể in vì không tiền và sợ phổ biến khó. Ngoài này có thể in giúp được không? Những đứa con cưu mang hàng chục năm mà không ra đời được thì xót xa lắm"[1015].

1014 Trích dịch Un Excommunié, trang 254- 257- 258.

1015 Phạm Trần, bđd.

● Trở lại Pháp 10/1989-1/1990

Mùa xuân 1989, dược sĩ Tống Lịch Cường, anh rể Nguyễn Mạnh Tường ở Paris, viết giấy bảo lãnh để ông sang Pháp, chuyến đi do các học trò cũ đài thọ.

Tháng 10/1989, ông đến Pháp, ở nhà nha sĩ Nguyễn Văn Lung, 12 rue d'Auteuil, Paris 16, gần nhà ông bà Hoàng Xuân Hãn, 60 rue Théophile Gautier Paris 16. Địa chỉ trên giấy tờ: 51 Boulevard Montparnasse - 14/1/1990.

"Năm 1989, ở tuổi 80, những người bạn Pháp Việt mời tôi đi Pháp. Lúc đó, sau Đại Hội VI của Đảng cộng sản, lần đầu tiên trong lịch sử, họ tuyên bố chủ nghiã tự do oe oe chào đời; tôi lợi dụng cơ hội để xin cấp giấy thông hành đi Pháp. Tôi cũng không nghĩ là đơn được chấp thuận với quá khứ chính trị nặng nề như vậy. Nhưng, ngạc nhiên vô cùng, chỉ hai tháng là tôi có giấy thông hành và hộ chiếu xuất ngoại. Chẳng may chính phủ Pháp lại làm khó dễ trong nhiều tháng mới cấp giấy nhập cảnh.

Đúng là thế giới lộn ngược.

Tôi đến phi trường Orly một buổi chiều tháng mười. Những người bạn Pháp Việt đón tôi thật cảm động. Sau 60 năm, tôi tìm lại quê hương của trí tuệ tôi cùng với sự đón tiếp ân cần và tế nhị của những trái tim vàng. Sức khoẻ suy nhược bởi 40 năm thiếu dinh dưỡng thể xác và khốn đốn tinh thần làm tôi quỵ ngã. Lần đầu tiên trong đời, ở tuổi tám mươi, tôi vào một bệnh biện của Pháp, và đã được săn sóc hết lòng. Mười ngày sau, tôi liên lạc lại với bạn hữu và tiếp tục công việc. Trả lời phỏng vấn đài truyền hình TF1, thuyết trình hai lần, một ở Clermont L'Hérault, gần Montpellier, nơi tôi đã đến tìm tài liệu về J. Boissières để làm luận án phụ tiến sĩ văn chương, và một lần ở Paris VII. Tôi đến thăm thủ lãnh luật sư đoàn Paris"[1016].

Trả lời Phạm Trần:

1016 *Un Excommunié*, trang 338-340.

"- 80 tuổi rồi, chẳng còn dám đặt chương trình gì nữa. Có cái ước nguyện ôm ấp bao nhiêu năm nay là được sang đây để cám ơn các ân nhân (hầu hết là học trò cũ). Những người đã giúp đỡ tôi mấy chục năm qua. Không có họ thì tôi không chắc sống tới ngày nay. Mà bây giờ đã sang được. Thế là mãn nguyện.

- Làm sao sang được đây?

- Mọi chi phí các học trò tôi lo. Chứ tôi làm gì dám nghĩ một cuộc Âu du như vậy"[1017].

Phượng Linh Đỗ Quang Trị viết:

"Năm 1990 qua Pháp, thầy được con một ông bạn Pháp cùng học ở Montpellier đóng tiền bảo kê sức khoẻ. Ông bố đã mất nhưng con nhớ bố kể lại, rất khâm phục tài học của thầy Tường, nên đã giúp đỡ. Nhờ vậy mà khi thầy Tường ngã ngất vì tim yếu tại nhà anh Nguyễn Văn Lung là em Hoàng Xuân Hãn phu nhân, Thầy đã được đưa vào bệnh viện điều trị miễn phí"[1018].

Trong thời gian ở Pháp, ngoài các buổi trả lời phỏng vấn và nói chuyện ở các đài truyền hình TF1, FR3, đại học Paris VII v.v... Nguyễn Mạnh Tường còn tiếp xúc rộng rãi với mọi tầng lớp Việt kiều, đặc biệt ông muốn gặp giới trẻ quan tâm đến tình hình đất nước và chúng tôi, theo lời yêu cầu của bác sĩ Trịnh Văn Tuất, bạn ông, cũng đã tổ chức một buổi tại nhà. Trong những cuộc gặp gỡ ấy, ông đều nói thẳng nói thật, nhưng khi gặp những câu hỏi có tính cách chính trị, của những người muốn ông mạnh mẽ phản đối nhà cầm quyền, về sự đối xử với ông trong 30 năm sau NVGP, ông ôn tồn trả lời: bản thân ông đã quên mọi oán thù. Về Hồ Chí Minh, ông bảo: hãy để lịch sử phán đoán.

1017 Phạm Trần, bđd.

1018 Phượng Linh Đỗ Quang Trị, *Thầy Nguyễn Mạnh Tường không còn nữa*, tài liệu đánh máy.

Lúc đó phong trào cách mạng nhung vừa khởi xuất, hỏi ông tiên đoán gì về tình hình Việt Nam? Ông mỉm cười: *Tôi không phải là nhà tiên tri. Việc gì phải đến sẽ đến.*

Về phía ông, chuyến đi Pháp dường như là động cơ thúc đẩy ông viết, bởi khi về nước, chỉ trong vòng bốn năm (từ 1990 đến 1994), ông đã hoàn tất một lượng sách đáng kể.

● Những năm tháng cuối - Thư từ trao đổi giữa Nguyễn Mạnh Tường và Nguyễn Văn Lung

Chúng tôi công bố những thư viết tay và đánh máy của Nguyễn Mạnh Tường gửi Nguyễn Văn Lung vì đây là chứng từ đích thực về giai đoạn 1990-1994, thời kỳ ông viết mạnh nhất.

Francophonie - Cộng Đồng Quốc Tế Các Nước Nói Tiếng Pháp là một tổ chức được thành lập năm 1986, trong khuôn khổ hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp tại Paris. Việt Nam tham dự tổ chức này từ tháng 12/1989, nhân chuyến thăm của Alain Decaux, bộ trưởng Đặc Trách Khối Pháp Ngữ. Nha sĩ Nguyễn Văn Lung (1916 - 2009), qua thư từ trao đổi với những người Pháp, chứng tỏ ông đã hết sức vận động Bộ Ngoại Giao Pháp tài trợ để mở các Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ tại Việt Nam. Luật sư Nguyễn Mạnh Tường chấp nhận việc tổ chức và làm đại diện cho Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ Hà Nội. Là bạn thân của Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Văn Lung về Sài Gòn tháng 1/1990 và ở đến tháng 4/1990, lo mở mang Francophonie ở Việt Nam. Nguyễn Mạnh Tường từ Paris về Hà Nội tháng 1/1990. Họ gặp lại nhau tại Hà Nội.

Tất cả thư từ trao đổi đều viết bằng tiếng Pháp. Nha sĩ Lung trao cho chúng tôi bản chính, và dù ông không nói ra, chúng tôi cũng hiểu, vì tuổi cao, ông muốn gửi lại người đi sau những chứng từ quý giá về lịch sử văn học để sau này sẽ chuyển về nước. Thư viết ngắn gọn, trực tiếp nói vào việc

chính, thỉnh thoảng có vài lời thăm hỏi, vài câu về chuyện gia đình.

Chúng tôi dịch các phần chính, liên quan đến lịch sử và văn học và lược bỏ việc riêng. Lời thư tỏ hết tâm tư và nguyện ước của Nguyễn Mạnh Tường và nói lên không khí ông sống trong những năm tháng cuối.

Độc giả sẽ tiếp xúc trực tiếp với ông, không qua trung gian của ngòi bút nào.

• Thư ngày 26/1/1990

Fax từ Sài Gòn của Nguyễn Văn Lung
Gửi Maharadja Indien, Emir Sarfaraz Husain
Đại sứ Ấn độ tại UNESCO.

Lá thư khá dài, có hai mục đích chính:

- Nhờ Emir Husain trợ giúp mở rộng Francophonie ở Việt Nam, chủ đích tiến tới việc cấp học bổng cho các bác sĩ, kỹ sư, giáo sư, đi tu nghiệp ở Pháp.

- Giới thiệu giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, nhân vật văn hoá Pháp-Việt uy tín, nhận giúp Francophonie thực hiện việc đưa tiếng Pháp trở lại Việt Nam ở bậc Trung và Đại học.

• Thư ngày 10/4/1990

Nguyễn Văn Lung gửi Nguyễn Mạnh Tường:

Anh Tường,

Việc in sách tiếng Việt:

Sau khi thảo luận với luật sư Hiệp[1019] *chúng tôi đã quyết định:*

- Anh gửi cho tôi 4 tác phẩm viết tiếng Việt về vấn đề nghiên cứu Hy Lạp-La Tinh.

1019 Luật sư Trần Thanh Hiệp, lúc đó là chủ tịch hội Văn Bút Việt Nam hải ngoại.

- Sẽ cố gắng nhờ Hội Văn Bút Pháp hoặc Mỹ; hoặc nhờ l'ACCT[1020](France) giúp đỡ.

Việc in lại sách tiếng Pháp:

Về bốn cuốn: Sourires et larmes d'une jeunesse, Pierres de France, Apprentissage de la Méditérénée và Le voyage et le sentiment, tôi sẽ tìm hai cách: Hoặc nhờ l'ACCT in lại. Hoặc nhờ Bộ Ngoại Giao Pháp (qua ông Portiche).

Tôi đang vận động Bộ Ngoại Giao để xin 20.000 cuốn sách giáo khoa, cho các Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ Sài Gòn, Đà Lạt, Huế và Hà Nội. Câu Lạc Bộ Sàigòn đã hoạt động, Đà Lạt đã có giấy phép. Chỉ còn chờ Hà Nội và Huế.

• Thư ngày 8/4/1990

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Anh nói với Husain và Portiche rằng việc hợp tác và chương trình Francophonie tiến hành khó khăn, không phải vì chuyện thơ lại, nhưng có lẽ vì tài chính, tuy vậy tôi vẫn hy vọng. Anh nhớ nhắc người bạn dạy Sorbonne (mà tôi quên tên), đã hứa giúp việc in sách của tôi ở Pháp. Tôi đang đánh máy những tác phẩm mới: "Hồi ức của một người trí thức và diện mạo Việt Nam trong 80 năm đời tôi, chủ yếu 40 năm dưới sự lãnh đạo của cộng sản". Hy vọng cuối năm nay sẽ viết xong. Tôi sẽ mở lại văn phòng luật sư với sự cộng tác của một trong những luật sư đã tập sự với tôi ngày trước (Luật sư Dương Văn Đam)[1021] chúng tôi chỉ chuyên về luật quốc tế, chủ yếu về kinh tế".

• Thư ngày 1/5/1990

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Cám ơn anh đã cố gắng giúp tôi trong việc in tác phẩm. (...) Tôi đang cố cho xong bộ hồi ký Larmes et

---

1020 ACCT là Agence de Coopération Culturelle et Technique - Cơ quan hợp tác kỹ thuật và văn hoá, Jean-Louis Roy làm Tổng thư ký năm 1990.

1021 Đạm hay Đàm, vì viết tiếng Pháp không để dấu.

Sourires d'une vieillesse và cuốn Triptyque, cả hai đều viết bằng tiếng Pháp, hy vọng từ giờ đến cuối năm sẽ đánh máy xong. Về Francophonie vẫn đang gặp khó khăn..."

• Thư ngày 27/5/1990

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Ông bạn Fouilloux (Les Echelles -2 allée des Ecuyers- Chambourcy) đã chụp được cuốn sách thứ tư của tôi, Le Voyage et le Sentiment- kịch 3 màn. Tôi đã nhờ ông ấy chuyển cho anh một bản để anh có đủ 4 tác phẩm của tôi đã in ở Việt Nam năm 1940 mà chưa in ở Pháp. Anh xem có thể làm gì được không, và nhất là nhờ anh dò ý nhà xuất bản Việt (mà tôi quên không ghi tên và địa chỉ) xem họ còn muốn giữ lời hứa in lại những sách ấy không. Cám ơn anh. Và bây giờ tôi có vài dòng về Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ:

1/ Nhà cầm quyền Việt Nam chưa động tĩnh gì. Họ sợ, không muốn cho phép mở. Có thể phải nhờ sự can thiệp của chính phủ Pháp.

2/ Phải có trợ cấp để thuê một nơi làm phòng đọc sách và diễn thuyết. Vấn đề tài chính cũng quan trọng như vấn đề giấy phép của chính quyền".

• Thư ngày 18/6/1990

Bác sĩ Lung gửi Fax cho luật sư Tường
qua Dominique Gallet[1022],
ông Gallet nhờ một dân biểu Pháp sang VN đem lại:

"Từ tháng tư, khi về lại Paris, tôi vẫn chờ tin của ông Maurice Portiche, về việc gửi những dụng cụ làm việc (sách học, cassettes, v.v...) về các trung tâm dậy tiếng Pháp trong nước, như Sài Gòn, Đà Lạt, Huế, Hà Nội.

Ông Fouilloux cũng đã chụp được cuốn "Le voyage et le sentiment" (kịch) ở Thư Viện Quốc Gia Pháp và gửi cho

---

1022 Nhân viên Bộ ngoại giao Pháp.

tôi. Và bà Musain Claire cũng đã chụp giùm những cuốn còn lại. Như vậy, tôi đã có đủ 4 cuốn sách của anh để in lại. Hy vọng sớm tìm được "người bảo trợ" cho việc "làm sống lại" tiếng Pháp ở Việt Nam.

Khi nào có tin mừng cho các giáo sư và học sinh đang đợi sự bảo trợ để tiến hành chương trình Francophonie, tôi sẽ báo cho anh."

• Thư ngày 3/7/1990

Nguyễn Mạnh Tường gửi ông Tống Lịch Cường[1023] nhờ nhắn với ông Lung:

"Như anh (Cường) *đã biết, tình trạng Việt Nam càng ngày càng tồi tệ. Dân chủ lùi bước, nhà cầm quyền thắt chặt kiểm soát, dân chúng và trí thức chờ đợi những giờ phút đen tối nhất. Vì thế, những cố gắng xây dựng Câu Lạc Bộ Francophonie trở thành vô ích. Người ta không cho phép tôi hành nghề luật sư tư với tư cách cá nhân. Người ta bắt tôi phải vào Hiệp Hội Chính Thức Luật Sư Nhân Dân (La Corporation officielle des défenseurs populaires) có nghiã là người ta không cho tôi hành nghề luật sư. Đó là hiện tình Việt Nam. Nhờ anh gọi điện thoại hỏi Lung xem việc in 4 cuốn sách của tôi tới đâu đâu rồi. Từ khi Lung về lại Pháp tôi không nhận được tin Lung nữa."*

• Thư ngày 21/7/1990

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"*Về việc Francophonie, tôi đã nhận được thư Alain Decaux và tôi đã trả lời, đại ý: Có nhiều người ghi tên hơn dự tính. Nhưng cần phải có giấy phép mở Câu Lạc Bộ.*

Chúng tôi đã nghĩ ra một mưu: xin mở một chi nhánh của Hội Hữu Nghị Việt Pháp (đã có) ở Hà Nội, nhưng cũng vẫn cần phải có giấy phép, mà họ không cho!

1023 Anh bà Nguyễn Mạnh Tường.

Anh có biết hiện nay dân chủ ở Việt Nam đang thụt lùi rõ rệt. (...)

Anh có tin gì về việc in 4 cuốn sách của tôi không?

• Thư ngày 1/8/1990

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Tôi đã nhận được thư ngày 16/7/1990 của anh, nhờ Mulheim, giáo sư ở Paris và là chồng người học trò cũ của tôi, cả hai đang ở Hà Nội, đem lại:

Về việc Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ, chúng tôi đang định ghép nó vào Hội Hữu Nghị Việt Pháp (Association de l'Amitié France-Vietnam), lập ở Hà Nội một chi nhánh của Hội này, nhưng từ mấy tháng nay, nhà cầm quyền vẫn làm lơ. Tôi bắt buộc phải đứng tên làm đơn xin mở một Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ ở Hà Nội, giống như các Câu Lạc Bộ đã có ở Huế, Sài Gòn và Đà Lạt, tôi đang đợi sự trả lời của quan chức Hà Nội. Tôi đã nhận được thư của Alain Decaux và đã trả lời như anh biết (...) Hiện nay vấn đề đáng ngại vẫn là khoản trợ cấp để thuê phòng đọc sách và diễn thuyết (...). Vậy tôi đợi gặp Alain Decaux và sẽ nói với ông ta. Anh đã nhận được đầy đủ 4 cuốn sách của tôi chưa, nếu không anh liên lạc với ông Fouilloux..."

• Thư ngày 14/11/1990

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Thư lại bị mất nữa. Tôi nhờ một người đi Pháp cầm cho anh thư này. Tôi vừa bị từ chối không được mở phòng luật sư và lá đơn xin mở Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ ở Hà Nội cũng bị chận đứng từ nhiều tháng. Tôi hiện rất kẹt, bắt buộc phải dậy học lại để kiếm sống. Thì giờ còn lại dồn hết để viết cho xong cuốn III của tập hồi ký. Cuốn I và 2/3 cuốn II đã tới Paris, trong tay một người bạn vừa về qua Hà Nội, tên là Muldheim, ở số 38 Rue Faubourg St Denis. Hà Nội nghẹt

thở hơn trước. Họ chỉ bật đèn xanh cho những tờ báo tố cáo sai lầm và các tội nhỏ của vài người cầm quyền. Nếu họ cho báo chí chút tự do như thế, là để trấn an dân chúng đang sôi động, nhưng điều đó cũng làm mất niềm tin vào Đảng.

Về việc in bốn cuốn sách của tôi, xem ra không được phải không? Còn về 4 cuốn biên khảo, viết bằng tiếng Việt, tôi chỉ có một bản thảo duy nhất, và tôi cũng không muốn phải đối đầu với sự nổi giận và lòng căm thù của chính quyền nếu họ biết tôi in ở Pháp. Vả lại những sách này dành cho người trong nước hơn là độc giả ngoại quốc.

Hy vọng của tôi là hoàn tất bộ Larmes et sourires d'une vieillesse (chân dung tự họa của một trí thức đã trải qua 80 năm sống trên đất Việt). Bộ sách này sẽ có độc giả Pháp thích. Tôi cố gắng viết xong cuối năm nay".

Người chuyển thư, ông Tống Lịch Cường, viết thêm mấy dòng, ngày *6/12/1990:*

"Tường đang bị khó khăn lắm. Sự oán -nếu không muốn nói là căm thù- của những người cầm quyền cộng sản đối với Tường thật bền bỉ. Phải đợi Tường viết xong quyển III hồi ký, rồi mới tính đến chuyện in ấn ở Pháp".

• Thư ngày 21/1/91

Trên tấm danh thiếp nhỏ

Nguyễn Mạnh Tường viết mấy hàng tiếng Việt:

"Họ chối từ không cho tôi trở lại làm luật sư. Họ không trả nhời về chuyện Francophonie".

Ông Tống Lịch Cường, chuyển tấm carte cho ông Lung, viết thêm mấy dòng tiếng Pháp:

"Tấm carte này đã được một người quen đem sang Pháp và gửi cho tôi qua đường bưu điện. Chúng ta thấy bao nhiêu dự tính của Tường đổ xuống sông cả, chỉ vì sự thù hận dã man và mù quáng của những người cầm quyền Hà Nội đối với Tường. "Sự ngu si vô văn hóa đã phá hoại văn hóa",

như lời Tường vẫn nói, không ngừng theo anh trong suốt bốn mươi năm qua và vẫn còn đang tiếp tục".

• Thư ngày 23/2/1991

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Tôi gửi cho anh hai lá thư, nhưng hình như anh không nhận được. Những thư từ bạn bè ở Pháp gửi về cho tôi cũng bị bưu điện chận lại. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Việt Nam quả quyết trung thành với chủ nghiã cộng sản và đóng các cửa ngõ (...) Tôi rất mừng vì biết là anh và Portiche đã đọc qua hai tập đầu bộ hồi ký của tôi rồi, tập ba cũng đã xong, và tôi đang tìm cách gửi sang Pháp. Nếu Muldheim trở lại Hà Nội tháng 2, tôi sẽ gửi cho anh. Điều cốt tử là làm sao cả ba cuốn đến được Pháp. Nếu có nhà xuất bản chịu in thì hay quá (...) Gần một năm rồi mà những người cầm quyền vẫn làm ngơ không chịu trả lời về việc mở Câu Lạc Bộ Pháp Ngữ ở Hà Nội. Thật tức cười, mà như vậy đấy! Có lẽ phải nhờ đến nhà cầm quyền Pháp can thiệp chăng?

• Thư ngày 7/10/1991

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Đã khá lâu chúng ta không có tin tức của nhau. Nhân bác sĩ Trịnh Đình Tuất (Trịnh Văn Tuất) *về, tôi gửi mấy hàng chúc anh mạnh khoẻ. Về phần tôi, từ hai tháng nay, sức khoẻ xuống lắm. Tim đập loạn xạ làm mạch máu lưu thông không đều hoà, tôi bị ngã hai lần, khiến phải nằm rịt trên giường từ hai tháng nay. Tưởng bị liệt cả hay bán thân bất toại vì hai chân không động đậy được nữa. May mà cố gắng chữa chạy, sau những kỳ đấm bóp và tập đi, dùng các thứ thuốc có chất Coramine, Duxil... nay đã chống gậy đi lại được. Phần còn lại của cơ thể vẫn lành mạnh nhất là đầu óc. Cũng chẳng có gì lạ, vì tôi đã quá 82 tuổi và hồi ở Paris đã*

bị tai biến mạch máu lần đầu, phải vào bệnh viện Pean điều trị. Anh hiểu trong hoàn cảnh như thế này thì khó làm công việc hàng ngày.

Tôi mong tìm lại sức khỏe bình thường, nhưng mới chỉ là hy vọng".

• Thư ngày 26/3/1992

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung:

"Để trả lời thư anh, tôi báo tin anh biết là trong mấy năm vừa qua, tôi đã viết xong những tác phẩm sau đây:

Larmes et sourires d'une vieillesse (Nụ Cười Và Nước Mắt Tuổi Già), *ba cuốn!*

Un excommunié (Kẻ Bị Khai Trừ), *tiểu thuyết.*

Malgré lui, malgré elle (Mặc hắn, mặc nàng), *bi kịch tình yêu dưới chế độ cộng sản.*

Partir, est ce mourir? (Đi, là chết?), *bi kịch di dân.*

Tất cả những sửa sai để thiết lập sự thật là đối tượng của phần phụ lục cuối sách. Những tác phẩm này được gửi nhà người bạn Fouilloux"[1024].

• Thư ngày 16/8/1994

Nguyễn Mạnh Tường viết cho Nguyễn Văn Lung
vài dòng ngắn, có câu:

"Tôi vẫn tiếp tục làm việc, dậy học và hoàn tất cuốn tiểu thuyết mới nhất Palinodies (Phủ nhận) *cuốn sách thứ 18 của tôi".*

• Thư ngày 19/1/1996

Joël Fouilloux gửi thư cho Nguyễn Mạnh Tường:

"Thưa luật sư,

[1024] Ông Joël Fouilloux, địa chỉ năm 1989: số 2, Allée des Ecuyers, 78240 Chambourcy, theo nha sĩ Nguyễn Văn Lung, đã mất về bệnh tim, khoảng 1996.

(...) Phải đến ngày 14 và 21/6/1995, khi lại thăm ông tại nhà, tôi mới biết rằng cuốn Lý Luận Giáo Dục Âu Châu của ông đã được xuất bản bằng tiếng Việt ở trong nước. Tuy nhiên qua thư từ và tin tức gia đình, ông cũng biết rõ là tôi đang thương lượng với RIASEM ở Đại Học Nice-Sophia Antipolis từ tháng 10/1994 để bảo vệ tập sách này (...)

Một mặt khác, cho đến tháng 6 vừa qua, ông vẫn còn đợi Hà Nội trả lời về việc in bản dịch các cuốn: "Eschyle et la tragédie grecque, Orestia, và Virgile et l'épopée latine. Hiện việc này tiến hành đến đâu rồi?

Ông Võ Văn Ái, nhà xuất bản Quê Mẹ, cũng là "nhà xuất bản của ông" do giao kèo mà tôi ký với ông Ái, qua giấy ủy nhiệm của ông, sau cùng, đã cho tôi biết kết quả đáng buồn về cuốn Un Excommunié, Hanoi 1954-1991: Procès d'un intellectuel, tới tháng 4/1992, như sau:

Tình trạng tồn đọng (không ghi tới ngày nào) là 802 cuốn. Số sách bán tới ngày 30/6/1995: 323 cuốn trên tổng số phát hành: 1530 cuốn.

Nhiệm vụ trung gian thân ái mà tôi đã hoàn toàn tình nguyện làm cho tới ngày nay, cũng như tất cả những gì tôi đã làm cho đất nước ông, được thúc đẩy bởi một nguyện ước sâu xa, thường trực, và kiên quyết, là để góp phần xây dựng lại tình bạn Việt-Pháp. Tôi vẫn tin, tôi còn tin. Và tôi đã dành cả sinh mệnh và sức lực của tôi trong suốt cuộc đời cho lý tưởng này.

Trong tinh thần đó, tôi đã "khai ngòi" cho việc nhận diện lại con người cao quý của ông, về phía Pháp cũng như về phía cộng đồng Việt Nam tại Pháp, bằng mối liên hệ mà tôi nối với nhà xuất bản này, để in cuốn sách tiếng Pháp đầu tiên (của ông) *từ gần 50 năm nay. Cố gắng đầu tiên này sẽ được tiếp nối trong cộng đồng di tản hải ngoại bằng việc dịch tác phẩm sang tiếng Việt (dĩ nhiên vì bản tiếng Pháp không bán được, nên phải ngừng lại).*

Dự trình ban đầu của chúng tôi năm 1991 đã có nhiều thay đổi trong thời gian qua. Ở thời điểm đó, phải hết sức thận trọng. Ông Võ Văn Ái và tôi đã vô cùng lo ngại ông sẽ bị liên lụy vì lối hành xử "tự do" của chúng tôi ở Paris. Tôi đã chứng kiến nỗi lo lắng tuyệt đối có tính cách cha con mà ông chủ nhà xuất bản và bà Phương Anh, vợ ông, bộc lộ, về ông. Họ đã tin tưởng một cách rất chân thành và với nhiều lý tưởng về sự thành công của dự trình này - dù mục đích thương mại của họ có thế nào chăng nữa. Ngày đầu tiên, họ đã tiếp tôi, với sự vui mừng lạ lùng và mối thân tình thực sự. Chúng tôi cùng chia sẻ những cái nhìn về con người và tác phẩm của ông và lợi ích cực điểm trong việc hướng công chúng trở lại với tên ông (...)"

Bìa sau cuốn *Un Excommunié*, nhà xuất bản trích một đoạn thư của Nguyễn Mạnh Tường viết ngày 16/3/1992 (có thể là gửi cho ông Fouilloux):

"Tôi muốn hoãn việc in các tác phẩm của tôi vì hoàn cảnh mới đây khiến tôi phải thận trọng, nhưng ông đã làm tôi vượt con sông Rubicon[1025] *và ông có lý: Rất nguy hiểm nhưng phải liều. Tôi chờ đợi cái tồi tệ nhất và mong nó không xẩy ra. Nhưng nếu họ dã man đến buộc tội tôi như những trí thức bị kết án phỉ báng chế độ, tôi sẽ vững chân đợi những thử thách, biết trước là tàn khốc. Tôi đã quyết định, nếu sự đó xẩy ra, tôi sẽ nhịn ăn tới chết. Ở tuổi 84, tôi đã trải qua tất cả mọi khía cạnh cuộc đời, và chẳng tiếc gì phải từ giã nó. Đời tôi, tôi đã làm tròn bổn phận của một trí thức trước dân tộc và lịch sử."*

1025 *Rubicon* là tên con sông nhỏ ở biên giới Ý và La Gaule cisalpine (tên Ý gọi đất Pháp vùng núi Alpes thuộc Ý). Thành ngữ *vượt sông Rubicon* do điển tích: Thời xưa, để bảo vệ thành La Mã, có luật cấm Tướng cầm quân từ La Gaule về vượt biên giới này mà không có phép của Nguyên Lão Nghị Viện (Sénat). Năm 50, César, bất chấp luật, đem quân vượt sông Rubicon, rồi tuyên bố: *Việc đã rồi*! Từ đó có thành ngữ *vượt sông Rubicon*.

Việc in những dòng này, có lẽ đã được toan tính trước, để cảnh báo nhà cầm quyền nếu nặng tay với Nguyễn Mạnh Tường, kết quả sẽ khó lường được.

Sự *"thất bại"* của *Un Excommunié*, là một sự kiện đớn đau nhưng dễ hiểu: Một phần, vì người Việt có bằng cấp (bác sĩ, kỹ sư...) thường được coi là *"trí thức",* ít chịu đọc sách, nhất là sách Pháp. Thập niên 1990, còn có tình trạng phân hoá trầm trọng giữa hai phe *Quốc - Cộng* ở Paris, khiến cho cuốn *Un Excommunié,* do nhà xuất bản Quê Mẹ, thuộc phe *Quốc* in ra, bị phe *Cộng* sa thải. Hơn nữa, nội dung tác phẩm cũng không phù hợp với nhãn quan của các nhà trí thức phái tả.

Mặc tuổi cao, bệnh hoạn, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã miệt mài làm việc, hoàn tất 7 tác phẩm viết về xã hội Việt Nam dưới chế độ cộng sản, mà bộ hồi ký *Larmes et sourires d'une vieillesse - Nụ cười và nước mắt tuổi già,* gồm ba cuốn. Có thể trong tác phẩm đồ sộ này, một khi được công bố toàn diện văn bản tiếng Pháp, không cắt xén, không biên tập lại, chúng ta sẽ tìm thấy 80 năm đời ông và 80 năm lịch sử Việt Nam trùng hợp. Lịch sử đích thực. Lịch sử của sự thực.

Những năm cuối đời, nhà văn Nguyễn Mạnh Tường tha thiết mong các tác phẩm của mình được in tại Paris. Vô vọng. Trong thư ông Fouilloux cho biết, ông đã chấm dứt nhiệm vụ và đã trao lại cho con gái luật sư, khi cô đến Paris. Dường như đó là lá thư cuối cùng của ông Fouilloux vì sau đó ông mất về bệnh tim.

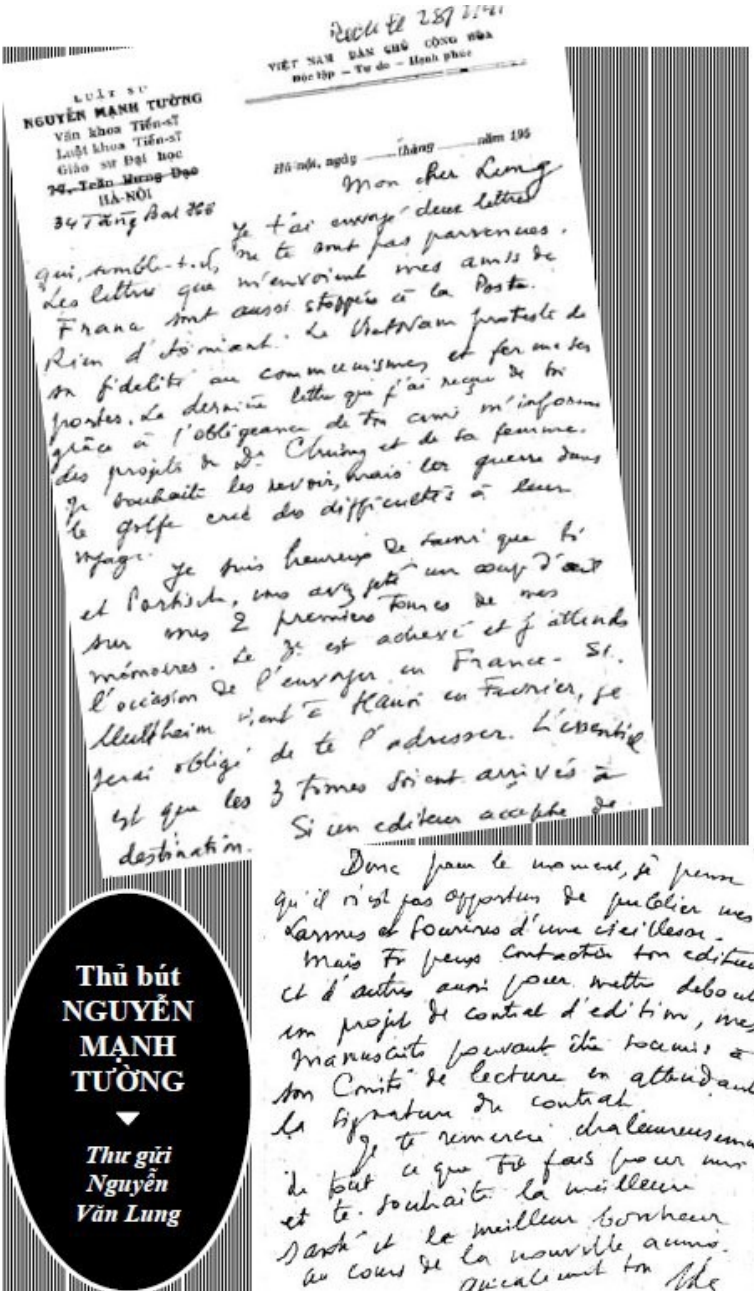

Thư số 287 TTPL

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

LUẬT SƯ
NGUYỄN MẠNH TƯỜNG
Văn khoa Tiến-sĩ
Luật khoa Tiến-sĩ
Giáo sư Đại học
~~74, Trần Hưng Đạo~~
HÀ-NỘI
34 Tăng Bạt Hổ

Hà-nội, ngày ____ tháng ____ năm 195

Mon cher Lung

Je t'ai envoyé deux lettres qui, semble-t-il, ne te sont pas parvenues. Les lettres que m'envoient mes amis de France sont aussi stoppées à la Poste. Rien d'étonnant. Le VietNam proteste de sa fidélité au communisme et ferme ses frontières. La dernière lettre que j'ai reçue de toi grâce à l'obligeance de ton ami m'informe des projets de Dr Chuong et de ta femme. Je souhaite les revoir, mais la guerre dans le golfe crée des difficultés à leur voyage. Je suis heureux de savoir que tu et Particia, vous avez pris un coup d'œil sur vos 2 premiers tomes de mes mémoires. Le 3e est achevé et j'attends l'occasion de l'envoyer en France. St. Multhein viendra à Hanoi en Février, je serai obligé de te l'adresser. L'essentiel est que les 3 tomes soient arrivés à destination. Si un éditeur accepte de

Donc pour le moment, je pense qu'il n'est pas opportun de publier mes Larmes et Sourires d'une vieillesse. Mais tu peux contacter ton éditeur et d'autres aussi pour mettre debout un projet de contrat d'édition, mes manuscrits pouvant être soumis à son Comité de lecture en attendant la signature du contrat.

Je te remercie chaleureusement de tout ce que tu fais pour moi et te souhaite la meilleure santé et le meilleur bonheur au cours de la nouvelle année.

Sincèrement ton Khe

Thủ bút NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

▼

Thư gửi Nguyễn Văn Lung

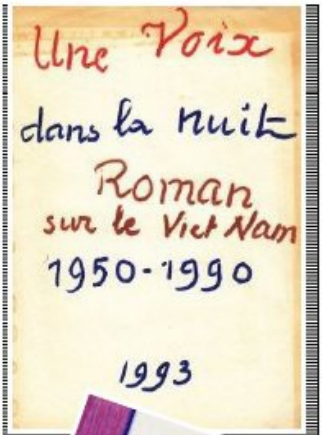

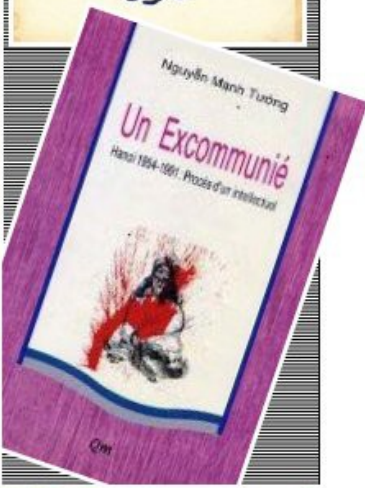

Bên ↑
Hoàng Xuân Hãn
và
Nguyễn Văn Lung
→

Chương 24

Une Voix Dans La Nuit
Cải Cách Ruộng Đất và Cải Tạo Tư Sản

Trong buổi nói chuyện trên RFI tháng 9/1995, trả lời câu hỏi: "*Từ sự đoàn kết dân tộc thời toàn quốc kháng chiến 1946, đến thời kỳ phân hoá chia rẽ dân tộc chỉ có 10 năm. Tại sao?"* Nguyễn Hữu Đang giải thích:

"Có thể hiểu việc đó như thế này: Ngay trong cương lĩnh của đảng Cộng Sản Đông Dương cũng ghi rõ là làm cách mạng để tiến tới Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghĩa. Cho nên 10 năm sau, nhất định nước Việt Nam phải tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội và muốn tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội thì phải tiến hành Đấu Tranh Giai Cấp, phải xóa bỏ địa vị, quyền lợi của hai giai cấp bóc lột là giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản. Trước kia đoàn kết Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc, giờ đây phải Đấu Tranh Giai Cấp để tiến tới Chủ Nghĩa Xã Hội. Trong Đấu Tranh Giai Cấp như thế thì quyết liệt lắm, có ảnh hưởng chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao Trạch Đông là quá tả, rất ác liệt, (...) Chúng tôi chống, là chống cái chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao Trạch Đông đưa đến nhiều hiện tượng -nói là chuyên chính thì chưa đủ- phải nói là cực quyền toàn trị, nó gay gắt ghê lắm. Nó gay gắt ghê lắm! Đảng Cộng Sản đã phạm sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, rồi thì Chỉnh Huấn, Chấn Chỉnh Tổ Chức,

Đăng Ký Hộ Khẩu v.v... Tất cả những cái đó đều do những cái quá tả, từ phương Bắc nó xâm nhập vào, chứ không phải chờ đến bây giờ nó mới đem cái tả khuynh hữu trí vào nước Việt Nam. Cái thời mà cụ Hồ chưa về nước và ông Trần Phú làm tổng bí thư, thì làm cái cuộc gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh, đưa ra cái khẩu hiện rất quái gở tức là "Trí, phú, địa, hào đánh tận gốc, trốc tận rễ". Nó quá tả như thế thì còn làm sao giành được độc lập! Như thế là chia rẽ dân tộc".

Lịch trình 10 năm tiến lên Xã hội chủ nghiã ở Việt Nam đã xẩy ra như sau:

Đầu năm 1950, Hồ Chí Minh bí mật đi Liên Xô và Trung Quốc về. Heinz Schütte phân tích: *"Tháng 1/1950, Đại Hội III Đảng Cộng Sản, tuyên bố Việt Nam chính thức đi theo đường lối Trung Quốc và đẩy mạnh chủ trương đấu tranh giai cấp trong cả nước. Điều này dẫn tới việc thủ tiêu những người bị cho là những "phần tử phản cách mạng". Sách vở Trung Quốc, đặc biệt những tác phẩm của Mao được dịch ra tiếng Việt -vài tác phẩm do chính Hồ Chí Minh dịch- để truyền bá những phương pháp của Trung Quốc trong việc vận dụng chủ nghiã Mác-Lê-Mao, trong việc tiến hành cách mạng và cải tạo tư tưởng ở Việt Nam. Tại chiến khu Việt Bắc, từ những năm 1951 đã có các khoá chỉnh huấn tư tưởng dành cho trí thức"*[1026].

Mấu chốt cuộc cách mạng vô sản là *Đấu Tranh Giai Cấp*. Từ *Đấu Tranh Giai Cấp* nẩy sinh *Chỉnh Huấn. Chỉnh Huấn* chuẩn bị cho *Giảm Tô.* Sau *Giảm Tô* đến *Cải Cách Ruộng Đất, Cải Tạo Tư Sản,* và *Thanh Trừng Trí Thức*. Từ Trung Quốc về, Hồ Chí Minh bắt tay vào việc thực hiện những chiến dịch này từ 1950 đến 1960 để hoàn thành cuộc Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghiã.

1026 Heinz Schütte, *Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua đua nở ở Việt Nam 1954-1960,* bản dịch từ tiếng Đức của Talawas.

Cho đến nay, hai tác giả viết về tiến trình 10 năm tiến lên Xã Hội Chủ Nghiã một cách rõ ràng nhất là Hoàng Văn Chí trong *Từ thực dân đến Cộng sản* và Nguyễn Mạnh Tường trong *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm.* Sách của Hoàng Văn Chí - Mạc Định, dưới dạng nghiên cứu, ra đời từ 1962, nguyên tác tiếng Anh, đã được dịch sang tiếng Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và tiếng Việt do chính tác giả dịch, đã được phổ biến rộng rãi và Phạm Thị Hoài đưa lên Talawas những năm gần đây.

Tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tường, trong khi chờ đợi bản đánh máy, kèm với bản chụp ảnh và bản dịch sẽ đưa dần lên Internet, chúng tôi dịch và giới thiệu những phần chính, giống như việc Boudarel đã làm khi ông giới thiệu bài *Qua những sai lầm trong Cải Cách Ruộng Đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo"* của Nguyễn Mạnh Tường sang tiếng Pháp cách đây hơn 20 năm. Nhưng trước khi đọc Nguyễn Mạnh Tường, chúng ta cần tóm tắt lại chiến dịch *Cải Cách Ruộng Đất* qua sự trình bầy của Hoàng Văn Chí.

● Chỉnh Huấn

Theo Hoàng Văn Chí, hồi ở Khu Tư, Nguyễn Sơn có viết mấy cuốn sách nhỏ về *Chỉnh Quân, Chỉnh Phong*, và *Chỉnh Đảng*[1027], vì không ưa Nguyễn Sơn nên Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp không dùng, chỉ chép lại những nét đại cương, lập nên phong trào *Rèn Cán Chỉnh Cơ*[1028]. Sau này, khi Nguyễn Sơn đã trở lại đất Tầu, năm 1951 và các cố vấn Trung Quốc đã sang Bắc Việt để huấn luyện, Đảng mới áp dụng phương pháp *"cải tạo tư tưởng"* hoàn toàn theo kiểu Mao, gồm *Chỉnh Phong*, *Chỉnh Đảng* hợp lại gọi là *Chỉnh Huấn.*

1027 *Chỉnh* là chỉnh đốn tư tưởng và tác phong. *Chỉnh Quân* cho quân đội, *Chỉnh Đảng* cho đảng viên, và *Chỉnh Phong* cho người ngoài đảng.

1028 Rèn luyện cán bộ và chỉnh đốn cơ quan.

Vì mọi cấp bậc đều phải đi học, nên *Chỉnh Huấn* chia làm nhiều đợt để mọi người có thể thay phiên nhau nghỉ việc, đi học. Mỗi khoá *chỉnh huấn* dài ba tháng, thêm một tháng sắp xếp ăn ở. Vì vậy, mỗi chiến dịch chỉnh huấn kéo dài từ 1 năm đến 18 tháng, cán bộ cao cấp đi học trước, rồi về dạy học viên khoá đầu.

Bài học do Trường Chinh soạn, nhưng một phần được in lại từ cuốn sách *Sửa Đổi Lề Lối Làm Việc* của XYZ - một biệt hiệu của Hồ Chí Minh - do nhà xuất bản Sự Thật in và chính ông Hồ viết năm 1946. Vẫn theo Hoàng Văn Chí, khi học viên có thắc mắc mà giáo viên đả thông không nổi, thì ông Trường Chinh, tổng bí thư Đảng sẽ đến. Nếu ông Trường Chinh cũng không thuyết phục được, thì ông Hồ sẽ thân hành đến. Chưa có thắc mắc nào mà ông Hồ không đả thông nổi. Khoá chỉnh huấn 1953-1954, mà ông Hoàng Văn Chí tham dự, gồm 5 bài học: 1- Thái độ học tập. 2- Lịch sử cách mạng Việt Nam. 3- Tình hình mới, nhiệm vụ mới. 4- Tác phong cán bộ và đảng viên. 5- Cải Cách Ruộng Đất.

Bài học thứ 5, về Cải Cách Ruộng Đất, nhắm vào năm điểm chính:

1/ Bản chất nông dân rất thực tế - tức là hám lợi.

2/ Vậy để họ phấn khởi, ta nên cấp phát cho họ đủ ruộng đất cầy cấy, thành chủ nhân ông ruộng đất của mình.

3/ Địa chủ là thành phần bóc lột. Là kẻ thù số một của nhân dân.

4/ Nhưng chỉ có nhân dân mới biết rõ, ai là địa chủ phản động gian ác.

5/ Vậy phải để cho nhân dân lãnh đạo đấu tố. Đảng đứng sau hướng dẫn.

Tài liệu chính trong bài học thứ 5 này là bản báo cáo của Trường Chinh đọc tại Đại hội I của Đảng Lao Động, họp tại Việt Bắc từ 14 đến 23/11/1953.

Trường Chinh lập luận: Chế độ cũ là chế độ bóc lột. Việt Nam có 5% dân số địa chủ, chiếm 70% diện tích ruộng đất trong nước. Nếu lấy lại ruộng đất ấy, chia đều cho mọi người thì mỗi gia đình sẽ được 1 héc-ta. Địa chủ luôn luôn cấu kết với đế quốc Pháp. *Địa chủ và đế quốc đều là kẻ thù. Phải tiêu diệt cả hai: Phản đế là tiêu diệt đế quốc Pháp. Phản phong là chống phong kiến, tức là tiêu diệt giai cấp địa chủ*[1029].

Vì người Việt không dễ dàng chấp nhận chính sách *Cải Cách Ruộng Đất* theo kiểu Mao, nên Đảng phải tổ chức các chiến dịch *Chỉnh huấn* để đả thông tư tưởng. Những người tham dự Chỉnh huấn xuất thân trung lưu hoặc khá giả, họ phải chấp nhận lập luận của Đảng, với hy vọng, nếu có bị ghép vào thành phần địa chủ, thì cũng là địa chủ tiến bộ, đã theo kháng chiến và theo Đảng[1030].

● Giảm Tô và Cải Cách Ruộng Đất

Cuộc Cải Cách Ruộng Đất được thực hiện qua hai chiến dịch: Giảm Tô 1953-54 và Cải Cách Ruộng Đất đích thực 1954-56, đều có đấu tố và xử bắn địa chủ. Hai chiến dịch này không thực hiện cùng một lúc trên toàn quốc, mà làm từng đợt ở những vùng mà đảng cộng sản nắm vững, thành một vết dầu loang.

Mỗi chiến dịch có 5 đợt. Cả hai chiến dịch đều nhắm mục đích tiêu diệt toàn bộ địa chủ để thành lập chế độ vô sản chuyên chính ở nông thôn.

1029 Trường Chinh "phỏng theo" nội dung *Đấu tranh giai cấp* trong *Luận Cương chính trị* của Đảng, do Trần Phú soạn năm 1930, đại ý: Tất cả giai cấp tư sản đều phản động dù là bộ phận "hiệp tác" với đế quốc hay bộ phận "thỏa hiệp" với đế quốc. Thoả hiệp như: bọn Huỳnh Thúc Kháng, bọn Phạm Quỳnh, bọn Ngọ Báo... Các đảng phái tiểu tư sản như Quốc Dân Đảng, Nguyễn An Ninh... đều dính dáng đến bọn địa chủ và tư bản... (*Văn kiện đảng toàn tập*, Tập 2, nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, trang 88-103, dẫn theo Lữ Phương, sđd).

1030 Như lời ông Hồ đã hứa, sẽ trình bầy ở dưới.

Vài tháng sau cuộc "*Đấu Tranh Chính Trị*" - là cuộc khủng bố từ tối 23/12 Nhâm Thìn tức là ngày 7/2/1953, nhằm ngày ông Táo chầu trời, kéo dài trong nửa tháng, tiêu diệt tất cả thành phần phản động - chính quyền mới bắt đầu thực hiện chiến dịch *Giảm Tô.*

Về *Giảm Tô*[1031], từ 1949 đã có sắc lệnh *Giảm Tô* của Hồ Chí Minh, bắt địa chủ phải giảm thu địa tô 30%, giống chính sách *Giảm Tô* thuần tuý thực hiện ở Trung Quốc trước 1949, trong vùng Mao chiếm đóng. Chiến dịch *Giảm Tô* 1953 của Hồ Chí Minh, là phần đầu chính sách *Cải Cách Ruộng Đất*, có đấu tố và xử bắn địa chủ; chỉ khác *Cải Cách Ruộng Đất* ở điểm: *Giảm Tô* giới hạn trong số ít người, còn *Cải Cách Ruộng Đất*, số người bị quy là địa chủ tăng gấp năm lần so với *Giảm Tô.*

Thực chất *Giảm Tô* như sau:

Một đoàn cán bộ đã được huấn luyện ở Trung quốc giả dạng làm nông dân bí mật về làng. Họ thực hành chính sách gọi là *ba cùng* - cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc với chủ nhà- trong ba tháng, làm giúp mà không lấy công, góp phần ăn với chủ nhà. Họ có nhiệm vụ điều tra và *"giác ngộ"* người nông dân về sự tàn ác của địa chủ. Người nông dân được *"giác ngộ"* gọi là *"rễ",* và công tác kể trên gọi là *"bắt rễ".* Từ đó, cán bộ chỉ hành động qua cái *"rễ",* và *rễ* A sẽ kết nạp B, B kết nạp C... việc này gọi là *"xâu chuỗi";* B, C, D... được gọi là *cốt cán.* Sau vài tháng hoạt động như vậy, cán bộ có đầy đủ thông tin về cả làng và sẽ báo cáo bí mật với Đoàn Cải Cách Ruộng Đất đóng ở tỉnh. Cán bộ quy định tất cả các thành phần trong làng, đặc biệt thành phần địa chủ và gán cho người nào những tội gì.

1031 *Tô* là *địa tô* viết tắt, *địa tô* là tiền hay hiện vật người thuê đất -tá điền- phải giả cho người chủ đất - địa chủ.

Tới lúc đó *Đội Cải Cách Ruộng Đất* mới ra mắt công khai, đứng lên điều khiển mọi việc trong làng, thay mặt cơ quan hành chính địa phương. Chiến dịch có 6 bước liên tiếp:

1/ Định thành phần.

2/ Phân loại địa chủ.

3/ Tống tiền: Địa chủ bị bắt rồi, vợ con sẽ phải trả ngay một số tiền gọi là *"thoái tô"* hoặc *"nợ nông dân"* tức là phải trả lại số tô đã thu "quá mức" trong 4, 5 năm vừa qua.

4/ Tố khổ: Nông dân được học tập cách tố khổ, lập danh sách tội ác của địa chủ.

5/ Đấu địa chủ: Địa chủ được mang ra đấu trường.

6/ Xử án địa chủ: Vài ngày sau cuộc đấu, một toà án nhân dân đặc biệt tới xã, xử những người bị tố, toà án toàn là bần cố nông không ai có kiến thức về luật pháp.

Chiến dịch *Giảm Tô*, đánh vào thành phần địa chủ *"đầu sỏ"* phản động, bóc lột. Khoảng một năm sau chiến dịch *Giảm Tô*, Đảng thi hành chiến dịch *Cải Cách Ruộng Đất Đích Thực.*

Cải Cách Ruộng Đất Đích Thực là cuộc thanh trừng quy mô trong toàn quốc, thực hiện ngay trong hàng ngũ Đảng. Đảng viên cũng bị thanh trừng như quần chúng ngoài đảng. Lần này Đảng ấn định cho mỗi xã một con số tối thiểu địa chủ gấp năm lần chiến dịch Giảm Tô. Và như vậy, không đủ con số địa chủ để đánh, phải đánh tới các thành phần dưới là phú nông, có nơi tới cả bần nông.

Khi Cải Cách Ruộng Đất đợt 5, tức là đợt cuối cùng, chấm dứt, Đảng mới tuyên bố Sửa Sai[1032].

Trong bài phát biểu quan trọng tại *Hội Nghị Nông Vận Và Dân Vận Toàn Quốc* ngày 5/2/1953, Hồ Chí Minh nói rõ lập trường và mục đích của ông trong Cải Cách Ruộng Đất:

1032 Theo Hoàng Văn Chí, *Từ thực dân đến cộng sản,* nxb Chân Trời Mới, 1962, từ trang 181 đến 263.

"Sau 80 năm nô lệ, nhân dân ta nổi lên đánh đổ đế quốc giành độc lập. Bọn phong kiến địa chủ lại mưu bán nước. Trong chính phủ bù nhìn là những ai? Bảo Đại và những tên đầu sỏ khác đều là bọn đại địa chủ phong kiến. Đế quốc lợi dụng phong kiến địa chủ để cướp nước ta. Phong kiến địa chủ bám vào đế quốc để áp bức bóc lột nhân dân ta. Vì thế, muốn kháng chiến thắng lợi không những phải đánh đổ đế quốc mà còn đánh đổ cả phong kiến địa chủ".

Để thuyết phục thành phần xuất thân địa chủ ủng hộ Cải Cách Ruộng Đất, ông hứa: *"Vấn đề xuất thân có quan hệ thật nhưng nếu xuất thân là địa chủ nhưng đứng hẳn về phía nông dân, thì không phải là địa chủ nữa. Trung Quốc gọi những địa chủ hoan nghênh Cải Cách Ruộng Đất là "thân sĩ khai minh". Cho nên, nếu kiên quyết rửa sạch tư tưởng địa chủ thì dù xuất thân là địa chủ vẫn tham gia được cách mạng".*

Hồ Chí Minh xác nhận sự lãnh đạo và trách nhiệm của ông trong Giảm Tô và Cải Cách Ruộng Đất: *"Vì giảm tô chưa thực hiện được triệt để nên năm nay* (1953) *Đảng và Chính phủ phải chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô. Từ năm 1949 đã có sắc lệnh giảm tô, đến nay đã 4 năm mà vẫn chưa thực hiện triệt để. Xem đó thì biết rằng giảm tô không phải là vấn đề giản đơn, nó là một bộ phận của giai cấp đấu tranh, giai cấp nông dân đấu tranh với giai cấp địa chủ. Đây cũng là một chiến dịch nhưng chiến dịch này to và rộng hơn chiến dịch Hoà Bình, Tây Bắc vì nó mở ra khắp cả nước. Nó càng khó hơn đánh giặc, vì đánh giặc thì đưa vũ khí ra mà đánh, trong chiến dịch này nông dân không đưa súng đạn ra đánh với địch, nhưng phải dùng một thứ vũ khí mạnh hơn, tức là lực lượng tổ chức và lực lượng đoàn kết của hàng triệu nông dân. Đảng và Chính phủ là Bộ Tổng Tư Lệnh, Bộ Tổng Tham Mưu của cuộc đấu tranh này.*

Cũng như mọi chiến dịch khác, nó phải có chính sách rõ ràng, phương châm đúng đắn, kế hoạch đầy đủ, có tổ chức, có lãnh đạo, chứ không phải nói "phóng tay phát động" quần chúng là phóng tay lung tung (...)

Tư tưởng và hành động phải nhất trí, lý luận và thực hành phải nhất trí, cán bộ trên dưới phải nhất trí, cán bộ và nông dân phải nhất trí, thì mới chắc thành công"[1033].

● Cải Tạo Tư Sản

Chiến dịch *Cải Tạo Tư Sản* ở thành thị cũng không kém phần khốc liệt và cũng gặp những khó khăn như *Cải Cách Ruộng Đất*, nghiã là những thương gia, những sở hữu chủ giầu có, phần lớn đã đi Nam hay ra ngoại quốc, Hà Nội chỉ còn lại những người buôn bán nhỏ, và giai cấp công chức, trước làm việc cho Pháp, nay đã về hưu mà cụ Cát, cha của Nguyễn Mạnh Tường là một trường hợp. Những người này, sau năm 1954, không còn được lĩnh lương hưu của Pháp nữa, sống nhờ vào căn nhà - tiền dành dụm một đời- ngày trước ở cả, nay dọn lại, cho thuê một phần để có lợi tức sống qua ngày.

Chính sách Cải Tạo Tư Sản xác định bất cứ nguồn lợi nào không do bàn tay làm ra, là bóc lột. Vì vậy, người nào có một phần nhà cho thuê, dù lớn dù nhỏ, đều bị chính quyền tịch thu, quản lý và thu tiền thuê nhà. Nhiều người không còn nguồn lợi nào khác, đành chết đói.

Sau những ngày tháng rộn ràng của chiến thắng Điện Biên Phủ, tuy đất nước bị chia đôi, nhưng đến 10/10/1954, khi quân đội Việt Minh tiếp thu Hà Nội, mọi người đều ít nhiều hy vọng ở chính phủ mới. Tuy nhiên những tin tức về *Giảm Tô* và *Cải Cách Ruộng Đất* bắt đầu lan rộng. Người di cư đi Nam càng ngày càng đông, nhất là thành phần công

---

1033 *"Bài nói tại Hội nghị nông vận và dân vận toàn quốc",* Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 7, trang 25-26.

giáo. Để trấn an dân chúng, năm 1955, chính quyền tạm ngưng chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất trong một thời gian, nhưng rồi vẫn tiếp tục đến 1956. Đợi xong đợt *Cải Cách Ruộng Đất* đợt 5, cuối cùng, tháng 8/1956, Đảng mới chính thức tuyên bố *Sửa Sai.*

Từ 1953 đến 1956, với Chiến dịch *Giảm Tô* và *Cải Cách Ruộng Đất*, chính quyền đã tiêu diệt xong thành phần địa chủ ở nông thôn.

Từ 1956 đến 1960, là cuộc Thanh Trừng Trí Thức trong một quy mô rộng lớn mà NVGP là tâm điểm. Cùng thời điểm ấy diễn ra cuộc *Cải Tạo Tư Sản* ở thành thị.

Cả ba giai đoạn Cải Cách Ruộng Đất, Cải Tạo Tư Sản và Thanh Trừng Trí Thức được Nguyễn Mạnh Tường phản ánh trong tiểu tuyết *Une voix dans la nuit*.

● Une voix dans la nuit.

Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm có tiểu tựa: *Tiểu thuyết viết về Việt Nam từ 1950 đến 1990.* Trang cuối ghi: *Viết xong ngày 19/3/1993, giữa tuổi 84 và 85*.

Bản thảo đánh máy khổ 20,6x31,1cm gồm 109 trang, thiếu 16 trang đầu. Mục lục đề rõ bốn phần:

I- *Cải cách ruộng đất.*

II- *Cải tạo tư sản.*

III- *Vấn đề trí thức.*

IV- *Độc quyền đảng trị.*

Và thêm phần cuối: *Đối thoại giữa một người trí thức và một người cộng sản.*

Vậy có thể hiểu: 16 trang đầu, tác giả tự ý bỏ đi. Đây là cuốn tiểu thuyết chính trị, mô tả và phân tích những giai đoạn chính trong đời sống Việt Nam dưới chế độ cộng sản.

Nguyễn Mạnh Tường soi ống kính vào chiến dịch *Cải Cách Ruộng Đất*, tìm hiểu bộ não điều khiển mà vị lãnh tụ tối cao gọi là *"tổ chức"* để biến những người dân quê hiền

lành chất phác thành những kẻ tàn ác trong đấu tố. Ông mô tả guồng máy bào chế căm thù đã được kiến trúc như thế nào, với con mắt quan sát tinh vi của một chứng nhân sống từ bên trong.

Tác phẩm có giá trị như một tư liệu lịch sử. Nếu *Un Excommunié - Kẻ bị khai trừ* mô tả phương pháp thanh trừng các trí thức tham gia NVGP, thì *Une voix dans la nuit - Tiếng vọng trong đêm* mở địa bàn rộng hơn, truy nguyên đến nguồn cội, tìm hiểu lý do vận hành và mục đích của ba chính sách tiêu diệt: địa chủ, sở hữu chủ, và trí thức, để thiết lập chế độ chuyên chính vô sản, rồi độc tài toàn trị ở Việt Nam.

Nguyễn Mạnh Tường chú ý đến những gì xẩy ra trong hậu trường Cải Cách Ruộng Đất, mô tả quá trình rèn luyện chính trị, học tập căm thù, tập dượt đấu tố, trước ngày vở kịch mở màn thực thụ trên đấu trường.

Địa điểm là một làng nghèo trong phủ Nho Quan.

Lan, con gái út một công chức về hưu, nhà ở số 13, phố Hàng Giấy, Hà Nội, đang học năm thứ nhất trường Cao Đẳng Sư Phạm Sinh Ngữ, môn Pháp văn, và Hiên, một bộ đội, cả hai được gửi đi học tập Cải Cách Ruộng Đất. Tình cờ gặp nhau, tình yêu chớm nở giữa hai người. Một cặp thanh niên khác, sau cũng trở thành vợ chồng, đó là Năng, ủy viên chính trị, đội phó đội cải cách, và Thủy, thành viên đoàn Thanh Niên Cộng Sản. Năng và Thủy sẽ trở thành giai cấp lãnh đạo.

Người đọc dễ dàng nhận ra: gia đình Lan chính là gia đình Nguyễn Mạnh Tường mà ông Cát, công chức thời Pháp thuộc về hưu, vai chính trong bi kịch Cải Tạo Tư Sản, là cụ Nguyễn Căn Cát, cha của tác giả. Những nhân vật cùng nhau xuyên qua ba thời kỳ: Cải Cách Ruộng Đất, Cải Tạo Tư Sản và Thanh Trừng Trí Thức, trong vị trí đối lập: một bên là trí thức, một bên là cộng sản, trong cuộc chiến một mất một còn. Vào truyện bằng những dòng lãng mạn pha lẫn kinh hoàng, Nguyễn Mạnh Tường viết:

"Mặt trời chiều tan loãng trong ao vàng, quét những tia sáng xiên lên bầu trời phía tây tới tận thiên đỉnh. Theo đúng mệnh lệnh, Nho Quan, chôn vùi trong im lặng chết chóc, không động tĩnh, không một bóng người, chó mèo cũng không dám phóng qua đường! Không biểu hiệu sống nào chứng tỏ những cơn cuồng nộ, tàn ác của phi công địch sẵn sàng thả bom hay nã liên thanh từng loạt.

Trong cảnh ngày tàn, giữa lúc nhá nhem ma quỷ hiện, Nho Quan biến thành nơi tụ họp của những đoàn người buôn bán, ban ngày ẩn núp trong các làng mạc xung quanh, cách trung tâm thị trấn năm cây số: có người, vì khôn ngoan hay cẩn thận, đã đào cả hầm sâu ngoài đồng. Nhưng giờ thì bà tiên hoàng hôn đã cầm cây đũa thần đánh thức mọi người ra khỏi trạng thái hôn mê. (...)

"Trên không, nền trời xanh thẫm làm nổi bật ánh sáng rực rỡ từ các vì sao ganh đua nhấp nháy, rung động. Dưới đất, bóng tối âm u dâng ngọn triều, bao trùm lên cảnh vật mênh mông, hàng đoàn bạn hàng đi về phía chợ, vai gánh hai thúng đầy nông sản; những ngọn đèn nhỏ, móc trên đòn gánh, theo nhịp chân rảo bước, ngời lên ấn tượng nên thơ của những ngọn lửa vàng dắt tay nhau nhẩy múa"[1034].

Cuốn tiểu thuyết bắt đầu bằng những dòng thơ mộng đầy bí mật, nhưng rồi tác giả rời dần bút pháp văn chương, để đi vào bút pháp chính trị.

● Bài học thứ nhất về sự bóc lột và sự căm thù

Trên đường đêm từ Nho Quan về làng cách phố phủ hai cây số, Lan và Hiên tình cờ gặp nhau, họ theo Đội Cải Cách về đây để sống *ba cùng*. Đội trưởng là một nhà cách mạng lão thành và đội phó, Năng, một uỷ viên chính trị. Tám thành viên khác đều là cán bộ làm việc trong những cơ quan kháng

---

1034 Trích dịch trang 16-17.

chiến, tuổi không quá 20. Đêm đầu trước khi vào làng họ được nhận bài học khai tâm của ông đội trưởng:

"Thưa các đồng chí, qua những lớp học chính trị, chắc các đồng chí đã biết rằng Đảng ta, sau khi đánh đuổi bọn thực dân hút máu mủ đồng bào, giải phóng Việt Nam khỏi ách nô lệ ngoại bang, trả lại cho người dân phẩm giá và danh dự của họ, đã tự lãnh nhiệm vụ tạo hạnh phúc cho dân. Một mai khi người lính thực dân cuối cùng rời bỏ xứ này, khi chúng ta trở lại làm chủ những tài nguyên thiên nhiên của chúng ta, thì ta phải xây dựng lại tổ quốc và sản xuất. Kẻ thù bên ngoài không còn dầy xéo lãnh thổ, nhưng chúng ta vẫn còn vướng mắc kẻ thù bên trong, không kém phần nguy hiểm, vì tiềm lực của nó rất phức tạp, đa diện, mờ ám, vô hình, bí mật và ẩn sâu trong nội tạng! Đó là sự ham thích bóc lột. Nó đẩy tới chỗ chiếm hữu của cải không do ta làm ra bằng mồ hôi nước mắt. Nhưng chúng ta không thể sống như ký sinh trùng trong xã hội, bằng sức lao động của kẻ khác.

Bản thân tôi chưa dám nghĩ chế độ cộng sản sẽ cố chấp đến độ tuyên bố rằng tất cả mọi hạt gạo kiếm được không do sức lao động, đều là sản phẩm của sự bóc lột con người. Nếu như thế, thì tất cả các sở hữu chủ, cho thuê động sản hay bất động sản để kiếm lời, đều là bóc lột. Ở thôn quê, mọi địa chủ không cầy cấy đất đai của mình mà cho cấy rẽ, đều là bóc lột. Trong làng này, chỉ có khoảng 15 héc-ta đất trồng cấy. Người giầu nhất có 7 héc-ta. Ba người kia chia nhau chỗ còn lại.

Đến đây, diễn giả ngừng một chút để đợi phản ứng của cử toạ. Không một lời nào cất lên phàn nàn vì chiến lợi phẩm nhỏ nhoi mà người săn sẽ thu lượm được. Biết rõ những gì xẩy ra cho những kẻ hay phản đối, hoặc bướng bỉnh muốn tỏ mình hay ho, ra cái điều "ta đây gì cũng biết",

tất cả ê-kíp ẩn trong im lặng, ngậm tăm đầy ý nghiã. Diễn giả tiếp tục:

"Trong các đồng chí có người sẽ nghĩ rằng, con thú mà chúng ta lùng bắt không xứng với công săn. Tôi xin trả lời: ta không săn một con thú mà ta săn con trùng của một căn bệnh mà ta phải trừ tuyệt nọc, bằng mọi giá, để nó khỏi nhiễm độc xứ sở, lây lan dân tộc. Xã hội chủ nghiã chỉ có thể chiến thắng sau khi đã tiêu diệt sự bóc lột và những kẻ bóc lột tàn nhẫn và ác độc nhất. Vậy các đồng chí đã hiểu rõ ý nghiã của cuộc cải cách ruộng đất.

Những ai góp phần vào công cuộc cải cách ruộng đất, cũng là góp sức củng cố vững bền niềm tin vào chủ nghiã cộng sản và cũng tự dọn cho mình một chỗ đứng vinh dự trên Thành đài mới mà chúng ta đang xây dựng".

Diễn giả lại ngừng một lát để cho những kiến thức mới nhập vào óc người nghe, thấm thật sâu, rồi mới tiếp tục:

"Thưa các đồng chí, tôi vừa nhắc các đồng chí thế nào là chiến lược cộng sản. Bây giờ tôi sẽ nói tới cái mưu lược phải dùng ở nơi hẻo lánh này, mặc dù nghèo khổ cùng cực, cũng không ngăn được sự bóc lột lan vào tàn phá. Chúng ta sẽ dành những đòn thâm độc nhất cho tên đại địa chủ làng này. Việc quan trọng nhất không phải là kết án tử hình nó, mà trước hết phải hủy hoại thanh danh nó, giết chết lòng tự hào của nó, cắt tuyệt những hoài nghi cho rằng nó vô tội, đập vỡ lòng tự tin của nó về bản thân, về của cải mà nó đã chiếm đoạt bằng tội ác trên lưng người nông dân nghèo mà cuộc sống hàng ngày tưới đẫm mồ hôi và nước mắt, phải hạ nhục nó, kéo nó xuống địa vị con giun bò dưới đất mà ta nghiền nát dưới gót giầy! Những đãi ngộ mà ta dành riêng cho nó, không chỉ nhằm đưa đến cái chết đáng đời của nó mà hơn nữa, ta phải giật cái vòng hoa trên đầu nó xuống, cái vòng nguyệt quế cho phép nó đứng ngang hàng với thánh thần trong đầu óc người dân quê, họ đã quỳ mọp và hiến

dâng lòng sùng kính của họ. Đó là phương tiện hữu hiệu nhất để đem lại cho những kẻ thanh bần này lòng tự tin và phẩm giá con người. Nhưng kết án và trừng phạt kẻ bóc lột, hãy còn là nhẹ. Ta còn phải bôi đen nó hơn nữa, không chỉ phơi bầy ra ánh sáng những hành vi ghê tởm trái với luật pháp và đạo lý của nó, mà còn nên chế thêm vào đó những hành động nhơ nhuốc bị luật pháp và đạo đức kết án. Kẻ bóc lột, có thể không làm những việc này, nhưng vì bị bản năng kích thích, nó vẫn vi phạm trong đầu. Những người nghiêm khắc, quan tâm đến sự công bằng, sẽ phản đối phương pháp này, nhưng tôi sẽ trả lời là tôi đứng trên bình diện chính trị chứ không phải trên khoa pháp lý, và nói theo ý thức quần chúng, ai muốn cứu cánh thì phải dùng đến phương tiện.

Thưa các đồng chí, tôi đã cho các đồng chí biết những thông tin cần thiết để thi hành bổn phận của các đồng chí. Tôi không nói quá khi tuyên bố rằng sự bóc lột và kẻ bóc lột là tử thù của chủ nghĩa xã hội. Các đồng chí là những cán bộ có kinh nghiệm, là những chiến sĩ xung phong của Đảng. Vận mệnh của Đảng, hạnh phúc và tương lai của dân tộc tùy thuộc vào chiến thắng của chủ nghĩa cộng sản mà các đồng chí là những người thợ thủ công. Ngay từ ngày mai, chúng ta bắt tay vào việc. Đảng muôn năm! Chủ nghĩa Cộng sản muôn năm!"[1035]

Sau bài học thứ nhất của ông đội trưởng, cả đội lên đường vào làng, mỗi người được phái ở một mái tranh, tập sống *ba cùng*: cùng ăn, cùng ở, cùng làm với chủ nhà, trong cùng một điều kiện sống.

● Hiện tượng vắng bặt căm thù

Lan và Hiên được phân phối ở hai nhà cạnh nhau, đầu làng. Hai thanh niên tiểu tư sản thành thị lần đầu tiên tiếp xúc với cảnh khốn cùng, cuộc đời tăm tối, rách rưới, đói

---

1035 Trang 20- 21.

khát, bệnh tật của dân quê. Lan không tin trên thế gian này lại có những người cùng khổ như thế.

"Cả Hiên lẫn Lan đều không khỏi rùng mình khi bước qua ngưỡng cửa ngỏ gió lùa tứ phía, một tấm phên tre khép hờ rách mướp đầy những lỗ hở há miệng cho gió bấc ùa vào trong những đêm đông. Mái tranh, nhiều chỗ rơm đã bị bầy chuột ngự trị ở đấy cắp đi hay chọc thủng, lộ những mảnh trời. Vách đất tróc từng mảng vì mưa gió và loài gặm nhấm tàn phá: ruồi chui đầy nhà qua những vết nứt dọc, kêu ầu ầu rất khó chịu"[1036].

Sau một đêm thức trắng dưới mái tranh lộ thiên, sáng tinh mơ hôm sau Lan và Hiên gặp lại nhau, Lan se sẽ lên tiếng bình luận phương pháp "*ba cùng"* của Đảng, nhưng Hiên chặn lại ngay và giảng cho Lan biết những kinh nghiệm đầu tiên về cách ứng xử trong môi trường cộng sản mà anh đã học được trong quân đội: *Im lặng. Không phê bình. Tránh phát biểu*. Và họ bắt đầu áp dụng bài học đầu tiên của ông đội trưởng, về *sự bóc lột* và *sự căm thù* ở ngay gia đình mà họ tá túc. Lan tìm cách trò chuyện với người chủ nhà để kích động lòng căm thù của họ đối với những kẻ bóc lột:

"Nàng nói nhỏ với người chủ nhà:

- Có thể nào trên thế gian này, trong thời đại chúng ta đang sống lại có những khổ đau nhường này? Tôi thật không tin được những điều mắt thấy tai nghe. Còn bác, bác có ý thức được cái khổ của bác không?

- Cô chỉ hỏi lẩn thẩn. Nhà tôi từ ba đời nay vẫn vậy, có biết cái gì khác đâu. Riết rồi quen, chẳng còn tơ tưởng gì nữa. Muốn có miếng cơm vào miệng thì phải vã mồ hôi. Mà đau ốm hay xấu giời không ra đồng được thì phải nhịn đói. Các cụ vẫn bảo tay làm hàm nhai mà.

- Nhưng khi bụng đói, gạo hết, thì có ai giúp bác không?

1036 Trang 22.

- Cùng khổ như nhau cả. Chẳng ai giúp được ai. Ấy cái số nó vậy.

- Bác có xin được người giàu tí gì không?

- Xóm này làm gì có người giàu? Ngay địa chủ cũng chỉ có vài mẫu ruộng thừa kế, hay người ta đem cầm rồi bỏ, mà họ cũng chẳng giàu có gì, chỉ đủ ăn ngày hai ba bữa.

Lan hỏi:

- Thế bác không thù họ à?

- Sao lại thù? Giời thương ai thì người ấy được. Ông giời có cái lý của ông ấy. Mình cãi làm sao được với giời mà thù với hận?"[1037]

Trước những lập luận như vậy, Lan chịu thua. Không chỉ Lan mà nhiều người trong đoàn cùng có chung nhận xét: sự quái lạ của cái làng này. Mặc cán bộ tìm mọi cách kích động lòng *căm thù giai cấp*, họ vẫn trơ ra. Buổi họp tối hôm đó, sau khi đội viên đã trình bày những điều mắt thấy tai nghe về các gia đình họ tá túc, hầu như mọi người đều gặp nhau ở điểm: làng này không hề căm thù địa chủ. Hiện tượng *"vắng bặt căm thù giai cấp"* ở cái làng nghèo mạt rệp này làm cho mọi người hoang mang, trầm ngâm suy nghĩ. Bỗng Thủy, một Thanh Niên Cộng Sản đứng lên xin phát biểu:

"Thưa các đồng chí, xin cho phép một thành viên của đoàn Thanh Niên Cộng Sản được phát biểu vài cảm tưởng. Tôi xin nhắc lại rằng Đảng ta đã bảo đảm sẽ thực hiện sự lãnh đạo của vô sản trên toàn đất nước. Đấu tranh giai cấp là khí giới lợi hại nhất để đạt tới mục đích này (...) Kẻ bóc lột, dù nhỏ mọn thế nào, vẫn là kẻ thù của người nông dân lao động. Gia sản đất đai của nó dù chẳng đáng là bao, dù nó có đối xử tử tế với những người sắp chết đói đến ngửa tay xin ăn, và trở thành ân nhân của họ, gợi lên trong họ lòng biết ơn, ta vẫn phải chỉ đích danh nó ra để cho nông dân căm thù. Ta phải phát huy căm thù, nuôi dưỡng căm thù,

---

1037 Trang 25- 26.

bành trướng căm thù bằng tất cả mọi phương tiện, thậm chí, sáng chế những căm thù mới, bịa đặt những tổn thất nếu cần, để truy bức nó, để đánh quỵ nó. Để chống kẻ thù giai cấp, tất cả mọi phương tiện đều tốt. Có quan hệ gì cách giết một con rắn độc, bằng hòn đá, bằng gậy gộc, hay bằng gót giầy!"

Trong khi Thủy thao thao bất tuyệt, cử tọa há hốc mồm nghe, và kinh hoàng tự hỏi không biết Thủy học ở đâu những điều này, mà dường như, Thủy cũng chẳng nói để trình bầy ý kiến riêng tư và thành thực của mình, mà chỉ nói cho những thành phần của Đảng nghe để lấy điểm. Toan tính rất đúng, bởi vì ủy viên chính trị của đội cải cách tức khắc đứng lên khen ngợi"[1038].

● Bài học thứ nhì

Lời khen ngợi Thủy của Năng, ủy viên chính trị, đội phó đội cải cách, là bài học thứ nhì về sự bóc lột và căm thù, lần này quyết liệt hơn bài học học thứ nhất của ông đội trưởng đội cải cách. Uỷ viên chính trị nói thẳng đến những phương pháp phải dùng để đạt kết quả, đặc biệt đối với dân làng này:

"Thưa các đồng chí, tôi thật không ngờ trong Đội ta lại có một thiếu nữ như cô Thủy, đã trình bầy và bảo vệ một cách nhiệt tình và mãnh liệt quan điểm của Đảng đến thế. Tôi nhiệt liệt hoan nghênh Thủy đã tìm thấy đường đi. Nếu kiên trì cố gắng, cô sẽ tiến bộ rất xa. Về phần tôi, tôi xin phép được nói thêm vài câu, nhất là được nhấn mạnh ý nghĩa cuộc đấu tranh giai cấp. Tất cả lý thuyết cộng sản nằm trong đó. Không có đấu tranh giai cấp thì không có cộng sản. Đấu tranh giai cấp và cộng sản là một, một khối duy nhất. Thật vậy, nếu không có đấu tranh giai cấp, thì không có cộng sản. Sự thể là như thế bởi vì trong xã hội

---

1038 Trang 27-28.

phân chia giai cấp, sự bóc lột ngự trị và những kẻ bóc lột muốn bảo tồn vĩnh viễn xã hội giai cấp, kéo dài cuộc chiến giữa người bị bóc lột và kẻ bóc lột. Người lao động gánh trên vai gông cùm của sự bóc lột, bắt buộc phải đấu tranh quyết liệt chống lại những giai cấp áp bức, bắt chúng phải chết trong bần cùng, đói khát.

Đấu tranh giai cấp là định mệnh của lịch sử, là con đường duy nhất giải phóng quần chúng lao động, dìu dắt họ lấy lại phẩm cách của con người. Bình thường ra, những kẻ bị bóc lột phải cảm thấy sự căm thù không nén được đối với đao phủ của họ. Tuy nhiên, như các đồng chí cũng đã nhận thấy ở đây, qua các cuộc nói chuyện với nông dân nghèo bị chiếm đoạt đất đai tổ tiên để lại, là họ không nuôi lòng thù nghịch thâm căn cố đế đối với những kẻ đã dìm họ xuống hàng súc vật! Hẳn các đồng chí đã hiểu những lý do giải thích thái độ, thoạt nhìn, không thể hiểu được này: Mỗi nông dân sắp chết đói được chúng bố thí cho một bát cơm! Để thổi phồng trái tim đói khát, có gì hơn là lòng biết ơn đối với kẻ đã cứu họ khỏi cái chết cận kề.

Thưa các đồng chí, đến đây, chúng ta cần phải kết án bọn thực dân, không những, chúng đã cướp hết tài sản của nhân dân ta, mà chúng còn dìm sự bần cùng trong vũng bùn ngu dốt và mù chữ. Làm sao những người thất học và thiếu văn hoá có thể hiểu được phương pháp phân tích phê bình thực tế để có một phán đoán lành mạnh? Nếu lương tri bẩm sinh của họ được đào luyện thêm về mặt tri thức, họ đã có thể phán đoán sáng suốt về ý đồ của lòng "từ thiện" này, mà mục đích duy nhất chỉ là cứu vớt nhân công, mà thiếu nó, đất đai của chúng sẽ bị bỏ hoang, không ai cầy cấy!

Vì thế, sự căm thù của vô sản đối với những kẻ chiếm đoạt đất đai của họ, phải được nẩy nở, phải được đào luyện vun trồng, để sản xuất ra những thành quả mong muốn trong cải cách ruộng đất. Tôi để các đồng chí tìm tòi những

phương pháp nẩy nở căm thù, cung cấp thức ăn cho nó, nuôi dưỡng nó, đưa nó lên đỉnh cao, làm nở rộ động lực và tiềm năng của nó. Tiếng chủ lệnh là căm thù. Và để có căm thù, đôi khi phải sáng chế ra những hành động tán tận lương tâm của địa chủ, để kích thích sự phẫn uất nơi những kẻ biết ơn chúng. Triết học Tây Phương đã minh định: Cứu cánh biện minh cho phương tiện. Muốn có cứu cánh, phải dùng đến phương tiện!

Căm thù và dối trá phải đi đôi với nhau. Cứu cánh mà chúng ta mơ ước, vinh quang đến độ chúng ta không thể trì hoãn trong sự lựa chọn phương tiện. Để tận diệt những kẻ bóc lột, tất cả mọi hình thức dối trá, dù trắng trợn đến đâu, đều có thể và phải được áp dụng, ngõ hầu biến bọn chúng thành ghê tởm, không xứng đáng sống làm người!

Trên mặt đất đã tẩy sạch sự bóc lột và kẻ bóc lột, những dân tộc có thể xây dựng xã hội chủ nghĩa và hưởng thụ một thứ hạnh phúc không ai mường tượng được! Thế giới mà chúng ta để lại cho con cháu, rạng ngời ánh sáng xã hội chủ nghiã, sẽ trong sạch, không một vết nhơ, như ngày sáng thế, và con cháu chúng ta sẽ được thụ hưởng hạnh phúc khiến chúng đời đời nhớ ơn chúng ta!"[1039]

Bài học chính trị thứ nhì chấm dứt.

Mọi người ra về.

Đêm ấy, Hiên và Lan gặp nhau thì thầm, nỗi sợ bắt đầu. Lan đã thấy lại ở Thủy hình ảnh những thành viên của đoàn Thanh Niên Cộng Sản xuất thân tiểu tư sản, mà nàng đã gặp ở Hà Nội, luôn luôn năng nổ, không ngần ngại làm bất cứ công việc đê tiện nào để đẹp lòng thượng cấp, dưới lốt "chiến sĩ vô sản" vẫn còn nặc mùi tiểu tư sản: trước đó không lâu, còn chăm lo tô son trát phấn để hy vọng kiếm tấm chồng giầu, chỉ một thời gian sau đã xoay ngược 180 độ, xin vào đoàn Thanh Niên Cộng Sản, trở thành "chiến sĩ thi đua",

---

1039 Trang 28-29.

thậm chí còn chọn người bạn đường thuần tuý gốc vô sản để tiến thân. Hiên điềm tĩnh phân tích tình hình chung:

"Nếu ngày mai những mẫu người như Thủy và Năng sinh xôi nẩy nở, dân tộc ta sẽ có những ngày đen tối. Những kẻ khát máu này đã đẩy sự dã man của chúng tới mức bịa đặt những dối trá giết người, tra tấn, cực hình những người lương thiện vì lòng tham, để chiếm của cải của họ, tệ hơn nữa, vì cuồng tín chính trị, để bảo đảm sự thắng lợi của ý thức hệ của chúng. Nếu lên cầm quyền, chúng sẽ tiêu diệt tất cả đối lập để giữ vững chỗ ngồi"[1040].

● Cuộc điều tra lần thứ nhì

Sau bài học thứ nhì về *căm thù giai cấp*, do ủy viên chính trị Năng thuyết dậy, các đội viên cải cách bắt buộc phải tìm đủ mọi cách, để giải thích cho dân làng biết là *họ bị bóc lột*, và để kích động lòng căm thù, đội viên phải dùng cả cách khảo hạch, gần như đe doạ:

- "Bác có biết rằng mình bị bóc lột không? Rằng tất cả những khổ đau thể xác và tâm hồn của bác là cùng một mối mà ra, đó là sự bóc lột, mà bác là nạn nhân không?

- Tôi chả biết thế nào là bóc lột. Chỉ biết cái nghèo cứ đeo hết đời này sang đời khác, quanh đây hai ba cây số, rặt người nghèo. Con trai con gái, tới 15 tuổi là bỏ làng đi chỗ khác kiếm ăn. Tôi chẳng biết bóc lột là gì và cũng chẳng thấy mình bị bóc lột. Khi ốm đau thì hàng xóm láng giềng đến xức dầu bóp chân, cho bát cháo thay thuốc. Lá lành đùm lá rách vậy thôi. (...)

- Bác có đất cày không, đất của bác đâu rồi?

- Tổ tiên để lại vài mẫu ruộng. Những năm đói kém, không có gì ăn, phải đến gõ cửa địa chủ, xin họ cho cầm, đổi lấy mấy giạ gạo. Nhờ lòng tốt của họ mới có cái bỏ bụng

---

1040 Trang 30.

cầm hơi, không thì đã chết rục lâu rồi. Năm này qua năm khác, không đủ tiền trả nợ, đành coi như mất.

- Cái đó người ta gọi là bóc lột đấy. Bác là nạn nhân của bọn lòng lang dạ sói, lợi dụng cảnh khốn cùng của bác để chiếm đoạt ruộng đất của bác. Bác phải căm thù đến tận xương tuỷ những kẻ khốn nạn đã cưỡng đoạt tài sản của bác.

- Sao cô lại xui tôi phải vong ân bội nghĩa, phải căm thù ân nhân đã cứu mình thoát chết? Khi chúng tôi sắp chết đói, có thấy mống cộng sản mà cô ca tụng nào mở tay làm phúc cho tôi miếng ăn, cứu tôi thoát chết đâu? Bây giờ lại bảo tôi phải căm thù kẻ đã cứu mình? Cô có biết là cô đang tuyên truyền cho cách cư xử vô nhân đạo, trời đất chẳng dung không"[1041].

Không thuyết dụ được người nghèo căm thù địa chủ, Lan và Hiên quyết định tìm đến tận chỗ ở của kẻ "hút máu mủ đồng bào" để xem chúng sống thế nào:

"Tưởng kẻ được gọi là kẻ thù của nhân dân đang sống xa hoa trong một lâu đài nào cách đó vài trăm thước. Cặp thanh niên ngạc nhiên trước bụi tre vây quanh nhà người địa chủ. Tường gạch và cửa có then gài, nhưng cũng là mái tranh, tuy dầy dạn thật và không có lỗ thủng nên mưa gió không thốc được vào nhà. Ba gian thông suốt thành một, chống cột gỗ thị. Trong góc, một cái giường, trên trải chiếu cũ, ông chủ ngủ đó. Ở chéo đầu kia, một chiếc giường không chiếu, dành cho cô con gái. Gian giữa đặt bàn thờ tổ tiên sơn son nhưng không có bài vị thiếp vàng như những nhà giàu có. Dấu hiệu duy nhất của sự sung túc là một cái chum tròn đựng gạo. Bên ngưỡng cửa, có một chậu thau rửa mặt. Gia cảnh khá hơn người dân quê nghèo, nhưng cũng chỉ là thanh bạch. Bây giờ họ hiểu tại sao vợ chồng người chủ nhà

1041 Trang 32-33-34.

họ ở không ghét địa chủ. Nếu dùng ngôn ngữ cộng sản, thì cả hai ở cùng một giai cấp"[1042].

Các đội viên khác đi làm ăng-kết cũng đều đưa đến kết luận tương tự. Một người kể lại:

"Người đàn bà mà tôi lên lớp, hết sức "quần", buộc chị ta phải tố cáo tên địa chủ đã làm chị ô nhục, chị ta cực lực phản đối: "Không được đâu, cậu không thể bắt tôi làm cái việc tồi bại để phải hối hận suốt đời ấy. Không có, cái người hiền lành mà cậu lập mưu hành hạ không hề có thói trăng hoa. Ông ta có chạy theo đàn bà đâu, ông ta không hề có thói ấy, tính tình ông ta đứng đắn lắm!"[1043]

● Tổng dượt đấu tố

Cách đem các đội viên về sống *ba cùng* trong làng để tìm hiểu thực tế và hướng dẫn quần chúng, thực ra chỉ là hình thức, vì các màn đấu tố, các vai đã được chỉ định và đạo diễn từ bên trong. Các đội viên cải cách như Lan và Hiên chỉ là những người ngoại cuộc như những người khác.

"*Nghi lễ xử tội được dự định vào tối hôm sau trong ngôi chùa bỏ hoang đầu làng. Nhưng ngay từ sáng hôm sau, người ta đã bắt đầu tập dượt. Khi Hiên và Lan đến nơi, phần trang trí đã xong. Trên sân chùa căng một băng vải đỏ lớn dán những chữ cắt bằng giấy thiếp vàng công thức nghi lễ:* Đảng Cộng Sản muôn năm. *Dưới khẩu hiệu, là cái bàn phủ khăn trúc bâu xanh dành cho ba vị thẩm phán. Trong sân bày những hàng ghế dành cho cử tọa. Một xe phóng thanh trên đường mời dân chúng đến xem xử kẻ thù dân tộc, tên địa chủ hút máu mủ nông dân!*

Ba vị thẩm phán, một nam hai nữ, được chọn trong đám người nghèo nhất vùng. Quần áo rách rưới được thay bằng một bộ đồ lành lặn. Họ có vẻ không thoải mái trong

---

1042 Trang 34-35.

1043 Trang 35.

vai trò của mình, mắt xáo xác nhìn quanh, cái nhìn hoảng hốt của những con thú bị rình bắt. Tất cả đoàn Thanh Niên Cộng Sản được điều động dàn hàng hai bên sân chùa. Khi mặt trời vừa ló dạng dưới chân trời, Năng, đội phó Đội Cải Cách hiện ra chỉ đạo việc dàn cảnh; điều chỉnh điệu bộ của các vị thẩm phán, bắt họ phải ngồi ngay ngắn, đầu ngửng cao; Năng cất giọng lên lớp:

"Lời khuyên đầu tiên mà tôi dặn các anh chị là phải quên mình là nông dân nghèo. Các anh chị là đại biểu của nhân dân và nhân danh nhân dân để phán quyết. Vậy cuộc Cải Cách Ruộng Đất mà chúng ta đang chấp hành đây, là gì?

Có phải mục đích duy nhất chỉ là lấy lại đất đai mà những kẻ bóc lột đã chiếm đoạt của các anh chị không? Nếu chỉ có thế, thì Đảng chỉ cần ra một nghị quyết là xong ngay. Có phải là để loại trừ tầng lớp địa chủ ra khỏi xã hội không? Cũng không phải. Bởi Đảng chỉ cần hạ lệnh bỏ tù hoặc xử tử là đủ! Không, thưa các đồng chí nông dân, vấn đề phức tạp hơn nhiều!

Vấn đề cơ bản không phải là trả lại ruộng đất cho những người đã bị cướp; cũng không phải là trừ khử khỏi xã hội những kẻ bóc lột vô liêm sỉ, mà là tái thiết lại ở người nông dân, cái nhân phẩm và danh dự của một con người, như một thành viên trọn vẹn của xã hội, người nông dân bên cạnh người thợ, bạn đồng hành muôn thủa. Chúng ta đã làm cách mạng để quét sạch xã hội những rác rưởi, những sở hữu chủ sống xa hoa trên mồ hôi và sự nhọc nhằn của quần chúng cần lao! Vậy làm sao ta có thể chấp nhận cho bọn ăn bám ấy phát phì bằng máu mủ người lao động?

Có cần phải nhắc lại cho các đồng chí biết rằng, để bảo tồn sự thống trị vĩnh viễn của chúng, những kẻ bóc lột này, còn chó má đến độ, chúng rao giảng cái chủ nghĩa nhục nhã được gọi là tiền định và chúng truyền bá trong thành

phần lao động cái chủ thuyết không thể chấp nhận được, theo đó, số phận của mỗi người đã được số mệnh xác định từ thiên cổ.

Số mệnh do trời định và con người bị bắt buộc phải chấp nhận phận mình. Con người không thể chống lại mệnh số cũng không thể hướng số mệnh theo ý mình. Cái thuyết định mệnh này xâm nhập vào trí óc của đồng chí, thấm vào máu, trở thành da thịt thân thể đồng chí. Niềm tin vào định mệnh không những hủy diệt tất cả mọi cố gắng cá nhân để con người thoát khỏi ngõ cụt dẫn vào tuyệt lộ, mà còn chỉ đạo cả tình cảm lẫn thái độ của người bị bóc lột trước kẻ bóc lột! Kẻ bóc lột được hưởng sự phù hộ của trời, vì vậy chúng có quyền nhận tất cả mọi hình thức tôn kính, mọi hình thức tận tụy, hoặc ít ra là thương mến, từ phía người bị bóc lột. Cuộc Cải Cách Ruộng Đất của chúng ta chiến đấu chống lại sự phục tòng và áp chế này!

Trái tim của người bị bóc lột phải đơm đầy thù hận kẻ bóc lột. Người bị bóc lột được hưởng sự nâng đỡ và thế lực của Đảng trong công cuộc đấu tranh cho chính nghiã, để đưa toàn thể giai cấp trở lại địa vị con người. Đừng ngại thô bạo trong lời nói, trong cử chỉ, trong những lăng mạ, những bất công, đối với kẻ bóc lột! Ta càng quyết liệt bao nhiêu, càng sớm thoát khỏi sự hạ mình mà chúng đã buộc ta vào, và các đồng chí càng xứng đáng là người vô sản, xứng đáng trở thành giai cấp lãnh đạo của thế giới mới!

Chiến thắng mà các bạn mang lại đêm nay sẽ mở đường cho các bạn vào hàng ngũ của Đảng đang hân hoan đón chờ các bạn!"

Năng đã thuyết pháp với tất cả ngọn lửa hùng biện võ biền và phe phái. Những Thanh Niên Cộng Sản ngồi hàng ghế hai bên sân, lắng nghe, miệng há hốc trong khi ba vị thẩm phán hồn xiêu phách lạc; mắt trợn ngược đảo tròn khắp không gian, như muốn kêu trời đến cứu! Trong hai

ngày qua Năng và Thủy đã tìm hết cách giải thích cho họ những điều mà Đảng muốn họ làm và chờ đợi ở họ. Đã dạy họ phải gào thét, phải chỉ tay về phía bị cáo đòi đền tội, phải giơ tay lên trời để tỏ ý phẫn nộ. Bắt họ lập đi lập lại những câu hỏi đập nát đầu bị cáo. Bảo cho họ biết phải tuyên bố án quyết như thế nào, và cả "lý do" của cái án tử hình! Sửa lỗi câu cú, lỗi phát âm sai, có thể làm cử tọa cười bò. Nghệ thuật dàn cảnh của họ không chê vào đâu được. Dù muốn dù không, cũng phải công nhận ở những người cộng sản, thuật hoá trang, trá hình, trang điểm, diễn kịch, tạo nhân vật, phối hợp các màn diễn, đã được huấn luyện với một nghệ thuật hoàn mỹ."[1044]

Sau buổi tổng dượt, Hiên và Lan đều kinh hoàng.

Họ thì thầm hỏi nhau:

- Chẳng biết Đảng âm mưu gì đây? Đảng chơi cái trò gì đây?

- Một trò không tinh vi, không tế nhị, phô bầy sự trơ tráo vô liêm sỉ. Những người chính trị đã cùng nhau thoả thuận như thế. Họ sáng chế ra một thứ tội ác mới: tội bóc lột và đổ lên đầu giai cấp mà họ muốn trừ khử, tiêu diệt tận rễ, giai cấp giàu có. Phương pháp giản tiện và nhanh chóng nhất là tập trung những sở hữu chủ động sản và bất động sản lại và nã súng liên thanh vào như một số nước đã làm trong thế chiến thứ nhì. Nhưng làm như vậy sẽ phạm tội ác chống nhân loại và sự trả thù của các dân tộc sẽ kinh hồn đối với bọn đao phủ. Vì vậy họ chọn dùng khí giới luật pháp để đạt mục đích mà không bị trừng phạt. Do đó mà có cả: Tội ác, toà án và bản án! Nhưng sự mạo nhận pháp luật này không đánh lừa được ai: mọi người đều biết tỏng những ý đồ xấu xa của những kẻ chủ mưu tiêu diệt hàng triệu người vô

[1044] Trang 36- 37.

tội, mở trong tâm hồn người Việt một vết thương há miệng có thể không bao giờ lành!"[1045]

Đó là những lời phê bình cuối cùng của Hiên, trước khi kịch mở màn. Sau bữa ăn tối, buổi đấu tố diễn ra đúng như đã được tập diễn:

"Ăn vội vàng cơm tối, rửa bát xong, Năng và Thủy gặp lại nhau trên đường cùng đến chùa, duyệt lại lần chót buổi trình diễn sẽ bắt đầu khi trời vừa tối. Khi họ tới nơi, tất cả đã đâu vào đấy. Ba vị thẩm phán nhân dân do Đảng chỉ định đã có mặt, hăng hái đợi lên diễn đàn. Theo nhận xét của Thủy, hai phụ nữ vào vai dễ dàng vì họ chuyên cãi lộn với bạn hàng và những con mẹ lắm điều ngoài chợ, họ sành sỏi ngôn ngữ hàng tôm hàng cá và tối ưu trong việc vận dụng tiếng chửi thề. Họ còn biết đủ trò lườm nguýt và la làng. Ngược lại người đàn ông có vẻ rụt rè sợ sệt, bối rối. Những Thanh Niên Cộng Sản được chiêu mộ trong vùng, khoảng hai chục người, sẵn sàng ném mệnh lệnh cho khán giả, và hò hét những khẩu hiệu thích ứng, tay nắm chặt những bó đuốc chốc nữa sẽ đốt lên để soi tỏ sân khấu. Chưa bao giờ xóm này tổ chức một cuộc liên hoan như vậy. Tất cả những người hiếu kỳ bị tính cách dị thường của ngày hội lôi cuốn, đều không hiểu sự khác biệt giữa buổi diễn tuồng và một toà án quyết định số phận một con người! Trong khi chờ đợi, trẻ con chơi diều và những người đàn bà nhà quê thi nhau nói huyên thiên chả đâu vào đâu cả"[1046].

Trong cảnh trí lễ hội, nạn nhân được đưa ra đấu trường:

"Đêm vừa xuống, bỗng một thứ im lặng nặng nề đổ xuống kềm chặt mọi người. Bọn Thanh Niên vội vã châm đuốc, các vị thẩm phán vội vàng an tọa sau chiếc bàn phủ khăn màu. Ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn dầu tố cáo nét xương xẩu trên những khuôn mặt hóp má.

1045 Trang 39.

1046 Trang 39.

Bị cáo đến, bước nặng nề, vòng còng sắt xích chân đập vào sân gạch vang âm ghê rợn. Áo quần hoen ố bùn và máu. Mặt sưng vù điểm những vết bầm tím quanh hai mắt mở hé. Tội nhân khó nhọc bước đi giữa hai người gác, một cầm gậy, một cầm gươm phường tuồng tuốt trần. Đoàn tùy tùng ô nhục hộ tống bị can chân lảo đảo bước chỉ chực ngã. Hai nữ thẩm phán theo đúng lệnh đứng dậy chửi phủ đầu:

- Thằng khốn nạn kia, mày đóng kịch để những kẻ yếu bóng vía thương hại mày, nhưng không qua mặt được bà mày đâu! Ngày trước, khi bà mày đến xin bố thí bát cơm cho con bà sắp chết đói chết bệnh, mày đứng trên ngôi cao, nhìn bà từ đầu đến chân, rồi ra lệnh cho con gái thả chó đuổi ăn mày. Đồ tồi bại, lúc ấy mày đâu ngờ có ngày sẽ bị bà xử tội, tử hình đấy con ạ!"[1047]

Buổi đấu tố đạt thành quả mỹ mãn.

Nhưng sau đó, ông tổng bí thư nhận được bản phúc trình của Năng và Tụy, một cán bộ khác của Đội Cải Cách, nội dung tố cáo hành động của viên đội trưởng Đội Cải Cách, nhấn mạnh đến sự kiện viên đội trưởng tuy theo cách mạng từ lâu nhưng trong những buổi học tập chính trị, lại có những lời lẽ đáng ngờ, chủ yếu là sau khi giải thích ý nghiã cuộc Cải Cách Ruộng Đất, hắn còn chêm vào: nếu ta làm cách mạng để đoạt lại phẩm giá con người cho thành phần bị bóc lột thì ta cũng không thể coi kẻ bóc lột là con vật. Khi trừng trị họ rồi thì cũng phải cho họ cái quyền làm người.

Nếu hắn chỉ phát biểu trong nội bộ, thì ta cũng có thể làm ngơ vì không nên để cho bên ngoài biết có sự bất đồng nội bộ, nhưng ngày hôm qua hắn làm nổ một xì căng đan lớn giữa công chúng. Mặc dù hai bồi thẩm phụ nữ đã rất xuất sắc trong vai trò của mình, khiến bị cáo phải vòng tay, cúi đầu, nhắm mắt, nhục nhã, đi không vững, nhưng chưa ngã. Nhưng khi chánh án tuyên bố tử hình, vì bị sốc mạnh, cộng thêm bị

[1047] Trang 40.

đánh và bỏ đói trong nhiều ngày, hắn đưa tay lên chặn tim rồi ngã lăn đùng ra đất.

Bản phúc trình viết: *"Người đầu tiên đến cứu kẻ hấp hối là đội trưởng Đội Cải Cách, đã bế xốc hắn lên đưa vào trong chùa".* Một xì căng đan không thể tha thứ được. Tổng bí thư chấp thuận ý kiến của Năng và Tụy.

Sau vụ thanh trừng đội trưởng Đội Cải Cách, bị quy là có nguồn gốc *"quốc gia",* không còn một tiếng nói lương tri nào dám đứng lên chống lại những tàn ác trong Cải Cách Ruộng Đất nữa. Năng và Thủy toàn thắng trong nghĩa vụ. Từ đây, Năng sẽ được tổng bí thư tin dùng.

● Cải Tạo Tư Sản

Sau Cải Cách Ruộng Đất, Hiên và Lan trở về Hà Nội và họ làm lễ cưới. Lương hai người sống chật vật, không đủ tiền thuê nhà, phải ở nhờ cha mẹ Lan. Ông Cát là công chức thời thuộc địa về hưu. *"Sau một đời tằn tiện, hai ông bà có được căn nhà nhỏ số 13 phố Hàng Giấy. Hai tầng, mỗi tầng 28 mét vuông. Tầng dưới cho một tiệm hớt tóc thuê. Dưới thời Pháp thuộc, lương một người thư ký trong chính quyền Pháp, cần kiệm sống được ba người. Khi ông Cát về hưu, số tiền cho thuê tầng dưới cộng với lương hưu đủ ba người ăn tiêu tằn tiện. Nhưng sau khi chính phủ kháng chiến về Hà Nội, quỹ lương hưu cũng rời Hà Nội, tất cả những người về hưu bị cắt nguồn lợi tức chính thức cuối cùng, giúp họ có bát cơm hàng ngày. Ông bà Cát phải thắt lưng buộc bụng, nếu không còn món tiền thuê của tiệm hớt tóc nữa họ sẽ phải ăn xin"*[1048].

Trong câu lạc bộ đói, những bạn đồng hành của ông Cát có những người tứ cố vô thân:

"Đó là những người không gia đình, vừa chôn vợ xong, không con, hay con cái đã chết trong chiến tranh. Người ta

---

1048 Trang 47-48.

bố thí cho họ một góc bếp, đêm lạnh như những mũi kim châm giết người chọc thủng da thịt. Sáng ra, người ta thấy họ co quắp trong tấm chăn thủng, chiếc chiếu rách. Thời gian đầu, những người bạn cùng khốn nhịn ăn bóp chắt chút tiền góp mua cho họ chiếc quan tài. Rồi sau, những người bạn ăn mày đó cũng chỉ hai ba ngày mới có miếng cơm vào miệng, không ai còn khả năng đóng góp gì nữa. Những xác bị chất đống trên xe ba gác, rồi quăng vào hố công cộng, như thời cả nước chết đói trước đây! Chỉ vài người như ba, nhờ có tý nhà cho thuê là còn sống". Người cha già lau những giọt lệ cay đắng chảy từ khoé mắt"[1049].

Ông bà Cát còn chút may mắn hơn họ, nhưng cũng không yên thân được lâu.

"Một thời gian sau, người cha già nhận được "giấy mời" đi dự hội nghị Cải Tạo Tư Sản ở Hà Nội. Có những "giấy mời" không thể chối từ (...) Người thuyết trình không ai khác hơn là Năng (...) Hôm nay với tư cách phó chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Hà Nội, Năng, khéo léo ban cho những "kẻ thù của dân tộc" hai chữ "đồng chí", nhắc lại công lao giải phóng dân tộc và đưa đất nước lên hàng quốc tế của Đảng, trước khi vào chính đề:

"... Trên bình diện nguyên tắc, các đồng chí cũng biết rằng chủ nghiã cộng sản quyết tâm chiến đấu chống tất cả mọi hình thức bóc lột. Chế độ của chúng ta chỉ cho phép người lao động sống, và phải sống bằng kết quả việc làm của mình. Chúng ta chiến đấu kịch liệt chống những ký sinh trùng xã hội sống không làm việc mà nhờ chiếm đoạt kết quả lao động của người khác! Nhờ ăn cắp hay bóc lột. Ví dụ kẻ bóc lột, có một toà nhà: nó có quyền ở cùng với gia đình. Nhưng một khi nó cho thuê một phần hay cả nhà để lấy tiền sống, là nó đã bóc lột, bởi vì nó không sống bằng việc làm mà sống bằng lợi tức thu được. Xã hội cộng sản không có

1049 Trang 50.

chỗ cho kẻ bóc lột, chỉ có người lao động mới được vinh dự hưởng mọi quyền lợi trong xã hội này. Trong trật tự chính trị mới này, không có chỗ cho bọn ký sinh, cũng không có chỗ cho bọn bóc lột. Chúng ta kịch liệt chống lại những cái ác và không sờn lòng quyết chí trừ khử tận rễ (...)

Tôi xin nhắc lại với các đồng chí rằng Đảng ta, sau khi lấy lại nền độc lập và tự do, đã trân trọng cam kết sẽ đem lại thịnh vượng và hạnh phúc cho dân tộc và đã quyết định phát động cuộc chiến một mất một còn với sự bóc lột dưới mọi hình thức.

Thế nghiã là gì? Nghiã là tất cả lợi tức trái phép từ việc cho thuê nhà, thuê đất kiếm lời, đến cán bộ ăn đút lót bán chữ ký, bán đặc ân, đều bị luật pháp trừng trị...

Luật chứng nhận hợp pháp tiền cho thuê nhà, xuất thân và mang tính cách tư bản chủ nghiã. Chúng ta bãi bỏ luật này từ hôm nay. Ở chế độ ta, chính trị đi trước pháp luật và chỉ cho luật pháp con đường phải đi. Chính trị là lệnh đầu và lệnh cuối của tất cả. Tôi xin lưu ý các đồng chí rằng, ngay một nghị quyết được thảo dưới định chế của một bộ luật cũ và được bộ luật ấy công nhận giá trị, cũng sẽ bị tước bỏ giá trị của nó nếu chính trị quyết định khác. Thậm chí, một biện pháp chính trị có thể có tác dụng hồi tố chống lại quan niệm của luật gia tư bản. Trong trường hợp mà chúng ta đang xét, sự hồi tố của quyết định chính trị, bắt buộc những người chủ nhà phải trả lại những số tiền thuê nhà đã thu được trong quá khứ. Có thể họ đã mua vàng với những số tiền này: vậy vàng hay tiền mặt còn lưu trữ trong nhà phải được trả lại cho Nhà Nước. Các đồng chí đừng vội hoảng, Đảng ước định rằng, sau khi các đồng chí đã trả hết số vàng và tiền mặt còn giữ, các đồng chí cũng chẳng chết đói đâu mà sợ. Các đồng chí vẫn còn đủ để sống một đời sang trọng gần như trước. Dĩ nhiên là từ nay, các đồng chí sẽ bị tịch thu hết bất động sản, chỉ được giữ đúng một diện

tích để ở với gia đình. Chỗ còn lại sẽ được cơ quan thành phố quản lý và tất cả quyền sở hữu đều bị hủy bỏ! (...)

Xin nhắc lại rằng trong tất cả xã hội loài người, hai yếu tố cấu thành chung thân xung đột nhau là cá nhân và tập thể. (...)

Chiến thắng mà cha ông ta hằng mơ ước sở dĩ chúng ta đạt được là bởi vì chúng ta nghe theo tiếng gọi của Đảng, chấp nhận hy sinh xương máu. Đảng độc quyền lãnh đạo và quyết định rằng chính trị là trên hết, trên các luật lệ, trên cả luật pháp và đạo đức, nhất là nếu chúng tán dương cá nhân chủ nghiã và cá nhân con người.

Khả năng của cá nhân bị giới hạn trong thời gian và không gian, bị giảm hiệu năng vì luôn luôn bị lôi kéo trong đam mê và tội lỗi, làm sao có thể ganh đua với sức mạnh vô song, khôn lường của một tập thể đã được sự chỉ đạo của một quyền lực sáng suốt và có ý thức? Nhất là khi cá nhân chủ nghiã cho phép những hoạt động đi ngược lại con đường chính trị của tập thể, ví dụ, nó chấp nhận quyền bóc lột, trong việc nhận tiền thuê nhà! Chính vì tình trạng này mà Đảng ban bố sắc lệnh Cải Tạo Tư Sản để triệt hạ quyền bóc lột mà chủ nhà được hưởng.

Thưa các đồng chí, vấn đề trước mặt các đồng chí thật rõ ràng: Chịu ở mãi địa vị bóc lột, ngửa tay nhận tiền puốc-boa trái phép, nhục nhã, thêm sự căm thù của người thuê? Hay ngược lại, quyết định lấy lại phẩm cách con người, người lao động trong một nước tự do, độc lập, theo Đảng, tuân lệnh Đảng, cùng góp phần với Đảng trong công cuộc đấu tranh giai cấp? Đảng mở ra trước mặt các đồng chí con đường vinh quang và hạnh phúc trong sự xây dựng xã hội chủ nghiã, bằng cách tiêu diệt hoàn toàn sự bóc lột trong xã hội ta. Nay, Đảng dạy rằng sự bóc lột chỉ biến mất nếu ta thi hành chính sách tập trung tất cả của cải, bất luận thứ gì, thậm chí, tập trung cả mọi phương tiện và trung tâm sản

xuất kỹ nghệ cũng như thương mại. Chắc chắn các đồng chí sẽ mất sự hưởng thụ quyền sở hữu nhà cửa. Tôi đồng ý đối với một số đông, sẽ là khó khăn đấy. Nhưng các đồng chí và thế hệ con cháu sẽ thắng lợi vì đã lấy lại được phẩm chất của một công dân bình đẳng, trong một quốc gia tự do và độc lập! Tôi bảo đảm: không bao giờ các đồng chí sẽ phải hối tiếc đã theo Đảng, đã tuân thủ những mệnh lệnh của Đảng!"

Diễn giả ngừng. Đảo mắt khắp phòng. Có thể, vì thói quen, trong những cuộc họp khác, y đợi những tràng pháo tay của một cử toạ đã được huấn luyện trước?

Nhưng lần này, một sự im lặng chết chóc chào đón lời y. Trong mắt một số sở hữu chủ lớn, ngời lên một tia sáng: Phải chăng đó là sự tức giận, sự căm thù, hay là để diễn tả cơn cuồng nộ báo oán, hay một quyết định yếm thế giữ khoảng cách với cộng sản và nếu cần thì bỏ xứ ra đi? Mọi ức đoán đều khả thể.

Ngược lại, phản ứng của những người chủ nhỏ giống nhau, không thể lầm lẫn được bởi trên mặt họ hiện nên những nét nặng nề đau khổ, tất cả đều rưng rưng nước mắt. Họ đã bị mất phần lương hưu, chỉ sống bằng món tiền nhỏ mọn, nhờ cho thuê lại một vài mét vuông phần nhà đang ở. Bây giờ, tất cả mọi diện tích cho thuê, lớn nhỏ, đều bị giật khỏi chủ nhà, để cho Nhà Nước quản lý, và tất cả người thuê phải được một cơ quan hành chính chấp nhận, cơ quan này thu tiền nhà và trả vào quỹ Nhà Nước; những chủ nhà nhỏ, độc thân, không có gia đình, không được hưởng bất cứ trợ cấp hay sự giúp đỡ nào, thấy trước mắt hình ảnh khủng khiếp của cái đói một khi đã tiêu hết tiền tháng trước. Cơn ác mộng chết chóc mỗi đêm ám ảnh cướp giấc ngủ. Có người còn đủ sức, lê gót đến bờ sông gieo mình xuống nước rút ngắn nợ đời. Có người, co quắp, mặt không còn thịt, hai gò má hõm sâu hoắm, rơi xuống vỉa hè ngủ giấc cuối cùng.

Có người giữ phép lịch sự và chững chạc tới phút chót, mặc bộ quần áo cũ lành lặn nhất nằm dài trên sân căn nhà nát, một phần đã cho thuê, nhường chỗ của mình cho một kẻ trú đêm. Sáng ra người ta khám phá những xác chết không gia đình ấy quận tròn trong manh chiếu rách thay quan tài và được vất trong hố công cộng. Sự bóc lột của thực dân chấm dứt không kèn không trống như thế![1050]

"Bỗng nhiên trên báo chí hàng ngày, con số tai nạn lưu thông vọt lên cao như tên bắn và kỳ lạ là tất cả những nạn nhân bị xe hơi cán thường là những người già gầy trơ xương. Chưa bao giờ người ta vớt được trên sông Hồng nhiều xác ốm o đầu bạc như thế. Ấy là chưa kể đến những người sáu bẩy chục tuổi, không chịu được cái sốc bị mất phần lợi tức nhỏ nhoi giúp họ có miếng lấp bụng đói đang reo: đầu óc rối loạn, áo quần rách rưới, họ bỏ chiếc ghế bố đi rong khắp phố phường vừa đi vừa nói lảm nhảm, không ai hiểu, trước khi ngã lăn đùng bên một bờ dốc"[1051].

Sau khi thuật cho con nghe tình hình chung của các bạn mình, người cha già kết luận:

"Cuộc cải tại tư sản do Đảng ban hành để chấm dứt sự bóc lột dưới tất cả mọi hình thức để xây dựng xã hội chủ nghiã, đã chiếm đoạt quyền sống của cha mẹ. Chưa bao giờ ở nước ta và trong cả lịch sử loài người, một chính quyền dám khẳng định sự áp chế vô nhân đạo đến độ không đoái hoài đến nỗi đau khổ cá nhân và gia đình như thế; chưa bao giờ, kể cả trong lúc thác loạn điên khùng nhất, một bạo chúa dám động đến quyền sở hữu cá nhân và đập vỡ viên gạch nền móng của xã hội loài người. Con người chỉ làm việc để bảo đảm quyền sống. Trong số những giấc mơ thúc đẩy họ sốt sắng theo đuổi những cố gắng là có mái ấm gia đình. Khác với một số loài vật dã man tụ tập thành lũ, thành bầy,

---

1050 Trang 55-56-58.

1051 Trang 73.

con người luôn luôn cảm thấy cần phải cá nhân hoá sự hiện hữu của mình. Nếu hắn làm việc, là để có một đời sống cá nhân theo sở thích của hắn, để sống những ngày bình yên trong lòng một gia đình với người vợ hắn đã chọn và những đứa con sinh ra từ máu mủ của mình. Hắn chỉ mong ước có một mái nhà cho những người thân yêu trú ngụ, với họ, hắn sẽ học hỏi, xây đắp, làm nẩy nở nhân cách, để cho cuộc đời hắn đạt cái ý nghiã cao nhất và đầy đủ nhất. Đối với hắn, quyền sở hữu cá nhân đối với gia đình và mái nhà, cũng cần thiết như khí trời để thở, như bát cơm để ăn. Chính vì thế mà con người khác loài vật, chính vì thế mà văn minh tiến bộ. Ngay từ lúc nhà cầm quyền khởi sự đấu tranh chống sở hữu cá nhân nhà cửa, hướng đòn đánh vào cá nhân, nhân danh tập thể, họ phải biết rằng họ đã phá vỡ cơ sở căn bản của xã hội, đã đánh sập nền móng Nhà Nước, do đó phá vỡ bệ trụ trì quyền uy của họ"[1052].

1052 Trang 59.

Chương 25

Une Voix dans la nuit
Vấn Đề Trí Thức và Độc Tài Đảng Trị

Trong phần hai của tiểu thuyết *Une voix dans la nuit,* Nguyễn Mạnh Tường dùng hình thức đối thoại để mô tả cuộc chiến một mất một còn giữa người cộng sản và người trí thức, qua các cuộc nói chuyện tay đôi giữa Năng và Tổng Bí Thư; giữa Hiên và Đắc; giữa luật sư Mạn và bác sĩ Xuân. Người đọc tinh ý sẽ nhận ra Hiên và Mạn là hình ảnh Nguyễn Mạnh Tường, Đắc là Nguyễn Hữu Đang, người đến mời Nguyễn Mạnh Tường tham gia phong trào NVGP, và Xuân chính là bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên, người được chánh án Châu -Đặng Châu Tuệ- mời vào đảng Xã Hội cùng một lúc với Nguyễn Mạnh Tường. Tổng Bí Thư xuất hiện hai lần trong tiểu thuyết, lần đầu sau khi hoàn tất chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất -trên thực tế, trước tháng 10/1956, Trường Chinh làm Tổng Bí Thư, từ tháng 10/1956 đến tháng 9/1960, Hồ Chí Minh làm Chủ Tịch kiêm Tổng Bí Thư- và lần thứ nhì, khi Đảng quyết định làm đám ma cho hai đảng Xã hội và Dân chủ[1053] lúc đó Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí Thư.

Hình thức đối thoại này mở cửa vào nội bộ của hai phía cộng sản và trí thức, trong quá trình hành động từ 1945 đến 1990, cho thấy họ hiểu rõ nhau đến mức độ nào, đồng thời

---

1053 Trên thực tế, đảng Dân Chủ thành lập ngày 30/6/1944, giải thể ngày 20/10/1988; đảng Xã Hội thành lập ngày 22/7/1946, giải thể ngày 15/10/1988.

xác định: Sự căm thù trí thức tuy là sản phẩm Mác-Lê-Mao, nhưng khi được áp dụng ở Việt Nam, đã trở thành sản phẩm Việt, khó có thể quy trách nhiệm cho Nga Tàu.

Chúng tôi trích dịch những đoạn mấu chốt, không bình luận, để ngôn ngữ Nguyễn Mạnh Tường trực tiếp đi vào tim óc người đọc.

● Người trí thức Việt Nam dưới mắt người cộng sản

"Vị Tổng Bí Thư bước xuống bậc cuối của nấc thang danh dự đón Năng được ông triệu tập đến tư dinh để đàm luận một vấn đề quan trọng. Vừa ngồi xuống bộ salon, nhắp ngụm trà ướp sen, ông chủ nhà đi ngay vào đề:

- Tôi mời đồng chí đến để cùng thảo luận về vấn đề trí thức. Sau khi giải quyết vấn đề Cải Cách Ruộng Đất, đánh bại tầng lớp địa chủ và sau khi thực hành Cải Tạo Tư Sản, chấm dứt sự bóc lột của bọn tư sản thành thị, đã đến lúc chúng ta phải đánh vào vấn đề trí thức.

Không ai chối cãi được sự quan trọng của chất xám trong thế giới tân tiến. Thế kỷ chúng ta đã chứng kiến những thành quả sáng ngời của khoa học trong mọi địa hạt. Người trí thức đã đạt địa vị cao quý trong xã hội và được hưởng sự kính trọng và khâm phục của cả nhân loại. Các đoàn thể trí thức mở rộng chi bộ, thế lực, liên đới nhau trong vũ trụ, bảo vệ quyền lợi của họ trước dư luận thế giới. Vậy sự khôn khéo khuyên chúng ta phải cẩn thận cực kỳ trong mối quan hệ với từng lớp trí thức, tránh tất cả mọi bực mình, mọi kết án đến từ dư luận thế giới. Nhưng trước khi đi thẳng vào vấn đề, chúng ta cần phải khảo sát khái niệm trí thức Việt Nam.

- Đồng chí Tổng Bí Thư hoàn toàn có lý, trí thức Việt Nam có những dấu ấn đặc thù khiến họ có một chỗ đứng riêng trong thế giới chung của trí thức.

- Theo đồng chí, những dấu ấn đặc thù ấy là gì? Từ nhiều năm nay đồng chí đã có dịp tiếp xúc với trí thức.

Trong tất cả chúng ta, chỉ có đồng chí là duy nhất được hưởng đặc điểm này.

- Tôi rất tiếc sẽ làm đồng chí Tổng Bí Thư thất vọng. Tuy đã giao dịch nhiều với trí thức, nhưng tôi không dám nói là biết rõ họ.

- Tại sao? Tôi tưởng cứ gặp luôn thì khắc biết rõ người.

- Dạ đúng, nhưng chỉ đối với những người không phải là trí thức. Chúng ta chỉ có thể biết rõ những người ta giao dịch nếu họ không tìm cách giấu ta, hoặc có thể nói, họ sống đúng theo bản chất của họ, nghĩa là, thẳng thắn phô bày cá tính, lột trần nét tự nhiên của họ. Những người cộng sản là như thế, họ thoải mái xử sự như những vị chúa tể. Còn bọn trí thức, ngược lại, sống khép kín, không để lộ tâm tư. Họ đứng nghiêm thẳng hàng theo đúng nghi thức, tránh gây chú ý. Trong các hội nghị hay các chỗ tụ họp đông đảo, họ cũng hô khẩu hiệu, cũng giơ tay, giơ nắm đấm, y hệt mọi người; giữ cùng một vẻ tôn kính khi nói với người cộng sản cũng như khi nói về những Đảng viên. Nhưng ta đừng ngây thơ tin rằng họ thật tình. Bởi nhát gan, bởi sợ bị đánh, bởi ghê tởm nhà tù, mà họ trở thành bậc thầy của nghệ thuật đóng kịch, nhưng đây không phải là sự đạo đức giả, mà là sự tự vệ. Còn khi bắt buộc phải phát biểu ý kiến trên diễn đàn, trong nội dung và ngôn ngữ bài diễn văn, trong lối phát âm, hướng nhìn, họ luôn luôn khăng khít hướng về biểu tượng búa liềm. Một người ngoại cuộc quan sát, sẽ tưởng đó là một Đảng viên thực thụ, nhất là bao giờ họ cũng kết luận bằng công thức nghi lễ: Chủ Nghĩa Cộng Sản muôn năm!

Sự căm thù chính trị của họ sánh ngang với sự sợ công an. Trước hết họ muốn bảo vệ sự bình an của tâm hồn và nếu được, không tham dự những cuộc mít-tinh hoặc chỉ có mặt trong chốc lát, đủ để cho người ta thấy sự hiện diện. Trong những hội họp công việc, họ lắng nghe tranh cãi,

nhưng hầu như không bao giờ lên tiếng, hoặc nếu bị mời phát biểu, thì họ luôn luôn đồng ý với những nhà lãnh đạo cộng sản. Ta không thể chê trách gì họ được, trừ cái sự chẳng được tích sự gì!"[1054]

Sau khi phân tích hành động và tâm lý trí thức, Năng định nghiã trí thức, phân biệt rạch ròi trí thức thực và giả:

"Ở đây, tôi muốn nói những nhà trí thức đích thực, đối cực toàn diện với những trí thức giả mạo, ngực bơm phồng những tước hiệu chẳng ai kiểm chứng tính chân xác, những bằng cấp tạp nham mà giới thẩm quyền cũng chẳng thèm xem là thật hay giả, nhưng khi được một vị lãnh đạo bảo lãnh, thì tức khắc là có giá, kẻ mang bằng được hưởng tất cả lợi thế, vinh dự và giá trị của nó được giới văn hoá chính thức công nhận! (...)

Ở những nhà trí thức đích thực, nhân cách đi đôi với văn hoá. Văn hóa ở đây không có nghiã là kiến thức. Có những người đầy kiến thức, là chuyên viên hàng đầu trong địa hạt hoạt động của mình, nhưng họ vẫn vô văn hoá, bởi lối nhìn về con người, về vạn vật của họ ấu trĩ vô cùng. Sự nhận thức thực tế xã hội và con người của họ ngây ngô lạ lùng! Họ thiếu cái gì? Thiếu sự phán đoán được rèn luyện qua sách vở, thiếu sự giao tiếp với con người, thiếu tiếp cận những vấn đề của cuộc sống, thiếu trao đổi tư tưởng với người khác, thiếu sự suy nghĩ sâu xa và đúng đắn về những thành công và thất bại mà kinh nghiệm sống đem lại. (...)

Nhờ nhân cách và văn hoá mà người trí thức, trung quân trong thời phong kiến, có uy tín đối với quần chúng và được vương quyền nể trọng. Sau khi trúng những kỳ thi tuyển khó khăn, đỗ, ra làm quan cai trị dân là họ hoàn tất nhiệm vụ của mình. Dưới thời Pháp thuộc, giai cấp quan lại bị mất uy tín vì sa vào vòng thối nát hối lộ, mất đi cái hào quang xưa, trở thành cái bia cho báo chí và quần chúng chế

1054 Trang 62- 63.

giễu, phỉ báng. Nhưng lớp trí thức mới được đào tạo từ những trường hay đại học Pháp, lại nhận được di sản kính trọng mà những thế hệ xưa đã từng vinh dự được hưởng. Thêm một sự kiện mới nữa: Những trí thức tân học đích thực này đã tiếp nhận tinh thần dân chủ Pháp thoát thai từ cách mạng 1789. Họ không xa lạ gì với những quyền tự nhiên của con người.

Thưa đồng chí Tổng Bí Thư, cái nguy hiểm là ở chỗ đó: Con trùng dân chủ và nhân quyền đã thấm vào máu, nhất là tầng lớp quan lại xuất thân từ đại học Luật mới mở những năm gần đây. Dĩ nhiên có người vẫn còn chịu ảnh hưởng truyền thống cũ, có người là nạn nhân những di tật người trước để lại, nhưng trong đáy lòng họ, vẫn le lói ngọn lửa dân chủ"[1055].

Trước những phân tích sáng suốt và minh bạch của Năng, Tổng Bí Thư trả lời:

- Tuy nhiên họ đều phục tùng cách mạng cả và họ đã phục vụ những lãnh đạo biết khai thác kiến thức và khả năng của họ. Họ đã giúp Đảng trong việc khởi thảo chế độ mới và xây dựng nhà nước Việt Nam mới, đứng trong hàng ngũ những nước dân chủ nhân dân.

- Xin đồng chí Tổng Bí Thư đừng nhầm! Nếu những người mà chúng ta nói ở đây quy phục cách mạng, là bởi vì họ bị lôi cuốn theo cái đà dân tộc để phá vỡ guồng máy bóc lột của thực dân và để phục hồi nền độc lập cho xứ sở. Tôi tin rằng không một ai chiến đấu trong hàng ngũ chúng ta không biết rằng, một khi độc lập rồi, chúng ta sẽ dừng lại ở đấy mà không tiếp tục tiến lên con đường cộng sản; con đường này ít người biết rõ những yếu tố cơ bản, ngay cả những người có học. Những kẻ xấu miệng nói thẳng rằng chúng ta bịp bợm. Nhưng có hề gì? Chúng ta không thể cứu kẻ không muốn cứu.

[1055] Trang 63-64-65.

- Trong thâm tâm tôi thường tự hỏi rằng Hồ Chí Minh đã đem dân tộc bước qua con sông được xem là biên thùy của cộng sản; nhưng con người, nhân cách và cuộc đời của bác vẫn còn là một bí mật mà lịch sử sẽ phải giải quyết. Là con quan, trong tuổi thơ và tuổi thanh niên, bác đã nhận được một nền giáo dục cổ truyền của nhà nho. Những người yêu nước mà bác có dịp gần cận ở Paris lại chẳng có gì là cộng sản. Vậy bởi con đường bí mật nào mà ân sủng cộng sản đã đến với bác? Những kẻ hoài nghi cho là một phép lạ. Nhưng Đảng không hoài nghi niềm tin cộng sản của bác. Còn về phía kia, nhân dân vẫn luôn luôn tin vào khía cạnh truyền thống của bác. Về phần bác, bác cũng không làm gì để soi rõ bí ẩn này. Bên này hay bên kia đều bám vào định kiến của mình và vị lãnh tụ chơi và thắng trên cả hai bình diện. Điều lạ lùng là cả hai phía, thay vì đâm chém nhau, lại hoà hợp trong việc thờ phụng người anh hùng và còn tô vẽ thêm huyền thoại nữa.

- Hồ Chủ Tịch dường như đã thực hiện được sự đồng nhất hai cái tương phản: Trí thức và quần chúng gặp nhau trong cùng một sự tôn sùng. Nhưng nếu nhân dân cùng bước sau Đảng, bầy tỏ lòng tin vào chủ nghiã cộng sản, thì tự hỏi những người trí thức trong tận đáy lòng họ có chia sẻ niềm tin của nhân dân đối với chủ nghiã cộng sản hay không? Hay là thái độ của họ chẳng qua chỉ là vì sợ bị ngược đãi và bị khai trừ. Điều khiến chúng ta cần đặt vấn đề, là họ bị nhiễm độc con trùng dân chủ và các quyền tự nhiên của con người. Tôi không tin họ có thể chấp thuận vai trò lãnh đạo của giai cấp thợ thuyền; chấp nhận Đảng lãnh đạo Nhà Nước và tất cả mọi hoạt động kinh tế của xứ sở; chấp nhận Đảng sử dụng độc quyền chính trị, loại hết những tổ chức khác; chấp nhận Đảng đảm nhận lãnh đạo hành chính và luật pháp, cả các địa hạt văn chương, văn hoá, nghệ thuật!

- Dĩ nhiên rồi, thử nhìn lại toàn thể những phản đối mà bọn trí thức nuôi dưỡng chống lại chúng ta, là ta thấy họ không cam chịu quyền lực tuyệt đối mà Đảng nắm giữ không chia cho Nhà Nước và Chính Phủ trong sự phức tạp của phân quyền: hành chính, luật pháp, kinh tế, giáo dục, văn chương và nghệ thuật.

Tệ hơn nữa, chúng ta đã triệt hạ cá nhân và thay thế bằng tập thể, chúng ta đã ban hành sắc lệnh bãi bỏ sở hữu cá nhân để thay bằng sở hữu tập thể.

Chúng ta đã đưa giai cấp thợ thuyền lên cầm quyền thay cho trí thức bị truất địa vị cao quý và bị lột vòng nguyệt quế trước quần chúng.

Chúng ta đã hoàn thành sự nghiệp cách mạng, không chỉ trong cấu trúc xã hội mà còn trong cả việc cấu trúc lại trí tuệ và các hoạt động trí óc của con người. Dù muốn dù không, chúng ta đã phá sập nền móng suy nghĩ và hành động theo lối truyền thống và tổ chức lại trên những nền tảng mới. Vậy sự chống đối của tầng lớp trí thức là tất nhiên. Sở dĩ họ chưa bùng nổ lòng thù hận chống lại cộng sản, và tung ra những cuộc xung đột phá hoại trật tự công cộng và an ninh xã hội, là chỉ vì họ sợ bị rơi vào nanh vuốt của công an và pháp luật. Vậy chúng ta đã hiểu tại sao bọn trí thức lại cứ bo bo thận trọng ngậm miệng; sự khôn ngoan khuyên họ đừng biểu lộ mạnh mẽ, nên thận trọng từ tốn, nên tuân theo quy lệ. Đảng bị dồn vào một vị trí khó khăn: Đảng không thể hoá cải những kẻ trí thức này về với Đảng, mà cũng không thể trừng phạt họ vì thiếu vắng tất cả mọi hành động phá hoại.

- Thưa đồng chí Tổng Bí Thư, đồng chí đã nhận thấy rằng bức tường yên lặng mà bọn trí thức ẩn náu chỉ là cái pháo đài phòng thủ, do sự bi quan của những kẻ chiến bại xây dựng, để che chở cho chúng, khỏi cuộc tấn công không ngừng của chủ nghiã cộng sản vinh quang, rạng ngời ánh

sáng. Theo đồng chí Tổng Bí Thư, chúng ta sẽ phải chọn con đường chính trị nào đối diện với sự kháng cự mãnh liệt này? Ở đây, thật không có nhiều khả năng lựa chọn. Chính trị bị đặt trước một giao thế duy nhất: hoặc là ta cứ để nguyên sự việc như vậy, kéo dài tình trạng này, hoặc là ta thi hành biện pháp mạnh, tức là trừng trị những kẻ mà chúng ta coi là thủ phạm, kẻ thù của chế độ, những kẻ khả nghi có manh tâm đối lập, cho chúng một bài học đích đáng.

- Đồng chí có đo lường trước hậu quả của một biện pháp như thế, tiếng vang của nó trong xã hội và trong quần chúng ra sao, bởi vì ta chưa kiếm ra được tội gì cụ thể của bọn người mà ta sẽ trừng phạt. Không lẽ lại buộc tội sự im lặng!

- Đồng chí Tổng Bí Thư hoàn toàn có lý. Chúng ta tự hào là một dân tộc văn minh, có toà án, có luật hình sự, không thể kết án mà không có bằng chứng! Vì vậy ta sẽ lập mưu cho bọn trí thức rơi vào bẫy khiến chúng không thể thoát được. Đó là một thủ đoạn quỷ quyệt, nhưng cứu cánh biện minh cho phương tiện! Hiện tôi chưa thấy rõ ràng, nhưng đại thể là ta quyến rũ chúng bằng miếng mồi dân chủ, làm chúng vấp ngã trong cái lưới to đặt trên hố bẫy hổ, chúng ta chỉ việc tóm lấy và đeo còng cả bọn!"[1056]

● Người cộng sản dưới mắt người trí thức

Sau những bàn bạc giữa Năng và Tổng Bí Thư về một chiến lược đối đầu với trí thức, Nguyễn Mạnh Tường quay ống kính về phía trí thức: Một đêm, Hiên và Đắc, bí mật gặp nhau để bàn về khẩu hiệu *"Trăm Hoa Đua Nở"* vừa được ban hành ở Trung Quốc và ngọn gió đang thổi đến Việt Nam. Hiên thận trọng nói:

- Rút từ những kinh nghiệm quá khứ chúng ta phải rất thận trọng với tất cả những sản phẩm nhập cảng từ nước

---

1056 Trang 63-64-65-67.

Tầu. Nhưng việc đầu tiên là phải phân tích cái khẩu hiệu này để liệt kê nội dung và hậu quả của nó.

- Công thức này riêng tôi thấy quá sáng tỏ. Còn có nghiã gì ngoài sự tự do cho trăm hoa đua nở, để mọi người cất cao tiếng nói, khác hẳn thời tự do bị bịt miệng đã qua.

- Mới nhìn thì anh có vẻ có lý. Nhưng chúng ta đừng vội kết luận rằng tự do và dân chủ đã toàn thắng. Trước hết, Đảng có đủ thẩm quyền cấm trăm hoa đua nở không? Có chứ! Đảng chỉ việc cấm trồng hoa. Vậy mà bây giờ Đảng lại cho trồng hoa, nhưng Đảng không thể cấm hoa nở, Đảng bắt buộc phải chấp nhận trăm hoa đua nở. Vậy cái việc cho phép trồng hoa và để cho hoa nở này có nghiã gì? Rất có thể chỉ để tuyên bố công khai rằng Đảng không còn là kẻ thù của cái đẹp dưới tất cả mọi hình thức và tất cả sắc thái của nó, chăng?"[1057] Rồi Hiên phân tích sâu xa các khía cạnh của vấn đề và kết luận:

"Theo quan điểm của tôi, mỗi chế độ có những phần tử bất hảo mà họ muốn loại trừ. (...) Nhưng những kẻ trú ẩn trong im lặng khó có thể dò ra được. Sự im lặng mà họ bo bo gìn giữ, che chở cho họ hữu hiệu chẳng khác gì chiếc áo đỡ đạn chống lại bọn trộm cướp. Nay, phương tiện duy nhất làm họ bỏ cái vỏ này là gãi trúng chỗ ngứa. Tụi bay khao khát tự do ư? Ta sẽ giải khát cho bay bằng cách cho tự do sáng tác. Tụi bay muốn chơi trò chính trị ư? Thì cứ chơi! Ta cho chúng bay mặc sức diễn thuyết những xác tín và những chương trình hành động của bay bằng máy phóng thanh... Đó là cái bẫy ta giương ra cho bọn ngây thơ tin vào lòng ngay thẳng và sự thành thật của chính quyền cộng sản. Một khi tụi bay đã tự phát giác bản chất, lộ diện cái trần truồng mà trước đây được im lặng che đậy, thì dễ như bỡn, ta sẽ làm cho tụi bay bất động mãi mãi trong cõi yên lặng đời

---

1057 Trang 68.

đời!"[1058]Sau khi *"đọc"* rõ tư tưởng của Năng và Tổng Bí Thư, Hiên phân tích hành trình và tâm lý người cách mạng:

"Điều đầu tiên mà mọi người đều biết là sự thất học mà những người cách mạng phải chịu thiệt thòi. Thiếu điều kiện để học hành tới nơi tới chốn, những người vô sản Việt Nam đói khổ vô cùng, khi không có cơm ăn, làm sao có thể học được? Con đường duy nhất mở ra trước mắt là làm cách mạng. Những người may mắn nhất, trải muôn nghìn hiểm nguy, xuyên rừng, leo núi, chắp nối được với vô sản Trung quốc đang tranh đấu chống tư sản. Vậy nhận xét đầu tiên là người cách mạng Việt Nam đau bệnh vô học! Hậu quả của tình trạng này như thế nào?

Lẽ dĩ nhiên, họ không thể đọc những kinh điển Mác-xít, Lê-nin-nít trực tiếp qua văn bản, nên phải học lỏm nhờ sự sốt sắng của những người có khả năng, nhưng những người này cũng không đủ kiến thức để hiểu những vấn đề vô cùng đa dạng và phức tạp. Dầu sao đi nữa, những bí mật của thuật cai trị con người thoát khỏi tầm tay của họ. Kinh nghiệm cho thấy những người mắc bệnh mặc cảm thường bị cả tự ti lẫn tự tôn, hai mặc cảm bổ sung cho nhau, tiếp sức cho nhau, là hai mặt của cùng một trạng thái tinh thần. Người cộng sản vô học tự cảm thấy bị tổn thương khi tiếp xúc với người trí thức có văn hoá. Nhưng một khi lấy lại toàn bộ địa vị bề trên của mình, vị thủ lĩnh lập tức dùng quyền lực giáng đòn sấm sét xuống những kẻ bị nghi là thiếu kính trọng ông ta.

Vì thế, sau những hiểu lầm bi đát phát sinh từ những thành kiến vô lý, cộng sản thù ghét trí thức. Người cộng sản tưởng tượng rằng người trí thức khinh bỉ họ vì họ vô học. Người trí thức thì tin rằng người cộng sản say sưa quyền lực, dùng sự chuyên chế bạo ngược để củng cố và bảo tồn quyền lực của mình. Theo chỗ tôi biết, không có một cuộc

---

1058 Trang 68-69.

đàm luận nào được tổ chức để hai phía nhìn rõ mặt nhau, giải thích, để hiểu nhau và đi đến chỗ cộng lực xây dựng đất nước. Đó là một giấc mộng đẹp, và như tất cả các giấc mộng, không thể thực hiện được. Chướng ngại vật là dân chủ"[1059].

● Lý do thành lập Nhân Văn Giai Phẩm

Đắc tiếp lời:

- Như anh vừa nói, chúng ta là một bọn mưu phản. Một nhóm trí thức âm mưu đòi dân chủ. Ở nước khác, những cuộc hội thảo trí thức hay ý thức hệ được tổ chức giữa ban ngày, hoặc trên báo, hoặc trong những buổi họp mặt công cộng. Ở nước ta, sự cấm đoán đè nặng lên người trí thức, chính quyền chỉ chấp nhận một thái dộ duy nhất: quỳ gối, cúi đầu, ngậm miệng. Tất cả mọi tiếng nói cất lên cùng đồng thanh nhất trí hô khẩu hiệu trung thành với Đảng. Trong điều kiện đó, người cầm quyền có thể yên vị trị vì và hô hoán với bàn dân thiên hạ rằng ở Việt Nam tất cả đều VÌ dân, DO dân! (POUR le peuple, PAR le peuple!) Quần chúng thì quỳ mọp tung hô: Đảng thắng lợi! Đảng muôn năm! (...) Vậy ta thử hỏi: cái gì DO dân làm? Tất cả những biện pháp lập hiến và hành chánh, tất cả những quyết định, những nghị quyết mà dân chúng phải thi hành, không do người dân làm ra, mà do những cơ quan, những hội, những viện, mà TẤT CẢ mọi thành viên đều là cộng sản hoặc phục tòng cộng sản và áp dụng triệt để mệnh lệnh của Đảng. Vậy làm sao ta có thể chấp nhận rằng tất cả đều DO dân làm mà không khỏi chau mày? Đó là sự dối trá hiển nhiên, vô liêm sỉ, chỉ được chấp nhận bởi một số nhỏ những kẻ yếu tinh thần, say sưa ảo tưởng về Đảng hoặc hy vọng được Đảng nhận làm đầy tớ.

- Vậy thì phải làm thế nào? Hiên hỏi.

1059 Trang 70.

- Chúng tôi thành lập một nhóm nhỏ trí thức trong đó có vài người trong đảng. Không phải để tranh đấu đánh đổ chế độ, mà chỉ để đạt được một số cải cách giúp mọi người dễ thở hơn. Mặc dù mục đích khiêm nhượng -ít nhất dưới mắt anh em- chúng tôi làm theo cách của cộng sản: nghiã là trong bóng tối. Chỉ gặp nhau hai người một, không bao giờ ở trong nhà vì những bức tường thường có tai mà hẹn ở công viên hoặc trên vỉa hè thành phố. Dĩ nhiên là không có ủy ban lãnh đạo, và không giữ tài liệu gì trong túi hoặc trong nhà để có thể phương hại đến bản thân.

- Bây giờ tôi hiểu rồi. Vậy tôi có thể làm gì giúp các anh?

- Anh là một trí thức tầm cỡ: anh có văn hoá cao, lại không màng đến tiền bạc và vinh dự, sự liêm khiết của anh, phẩm cách của anh đã nổi tiếng trong đám chúng ta. Anh em hân hạnh muốn biết ý kiến của anh đối với những vấn đề mà anh em đang thắc mắc. Anh nghĩ sao về chế độ chúng ta đang sống?

Hiên im lặng trầm ngâm một lúc rồi trả lời:

Nếu lưu tâm đến thực tế hàng ngày đang quy định đời sống dân tộc và quan sát kỹ àngc, chúng ta có thể nhận thấy chế độ này có ba tính cách đặc thù:

1/ Cá nhân chủ nghiã bị hạ bệ và khai trừ. Tập thể lên ngôi và làm bá chủ trong tất cả mọi lãnh vực hoạt động.

2/ Đảng đảm nhiệm chỉ đạo và điều khiển tất cả.

3/ Chúng ta sống trong sự vắng mặt của tất cả mọi thứ tự do đương nhiên và quyền con người.

Vậy sẽ rất bổ ích nếu chúng ta khảo sát từng tính chất một và phân tích giá trị của nó[1060].

1060 Trang 70-71.

● Cá nhân và tập thể

Để giải thích sự xung đột giữa những cặp phạm trù: Cá nhân và tập thể, trí thức và cộng sản, Hiên nhắc lại sự xâm nhập cá nhân chủ nghiã vào Việt Nam:

"Trước tiên, phải công nhận rằng cá nhân và cá nhân chủ nghiã không phải là sản phẩm Việt Nam mà được nhập cảng từ Pháp, nó phát sinh từ cách mạng 1789.

Trong xã hội cổ truyền của ta, tập thể gia đình ngự trị. Tất cả mọi thành viên trong gia đình sống chung dưới một mái nhà, cùng làm việc trên một mảnh đất, ăn chung một mâm cơm. Kết quả nẩy sinh một sức mạnh chung là tổng hợp những sức mạnh của mỗi cá nhân trong gia đình, và sợi dây liên lạc máu mủ cùng lợi ích vật chất và kinh tế cũng không bị lỏng lẻo, suy yếu.

Cá nhân chủ nghiã, được nhập cảng, đã đến nước ta từ khi Pháp xâm chiếm; bởi vì nó thúc đẩy và kích động sản xuất, bởi vì nó tác động trực tiếp tới lợi ích cá nhân, tới tính ích kỷ của người lao động cho nên nó kích thích mọi cố gắng (...)

Vì vậy, khi chính quyền Pháp đem kinh tế thị trường vào cùng với chủ nghĩa kinh tế cá nhân, hệ thống mới này chinh phục ngay xã hội ta, vì nó biểu hiệu một mô hình hoạt động vô cùng cao hơn hệ thống hiện hành. Những thành phố sinh sôi nẩy nở, kinh tế thành thị mở rộng tiểu công nghệ, tiểu sản xuất kỹ nghệ và thương mại.

Trong điều kiện mới này, sự sản xuất nông nghiệp trong kinh tế nông thôn suy đồi dần, tập thể gia đình bị giải tán. Con cái bỏ cha mẹ lên tỉnh làm việc, và không có gì ngạc nhiên khi thấy cá nhân chủ nghiã đã tiến những bước khổng lồ"[1061].

Trở lại vấn đề văn hoá, Hiên nói tiếp:

1061 Trang 72.

"Văn hóa là tinh chất của cá nhân, nó ưu đãi sự nẩy nở cá nhân chủ nghĩa nơi người trí thức. Trong thời phong kiến, mẫu người có văn hoá điển hình là ông quan cai trị. Nhưng ông ta được tôn kính không phải vì chức năng mà vì sự học rộng, vì cái nhã độ trong phong cách, vì sự lịch lãm trong ngôn ngữ và sự minh triết trong cách xử thế.

Khi kinh tế thực dân ngự trị đất nước, điều khiển những phương tiện sản xuất và bất động sản tư nhân, thì cá nhân chủ nghiã thắng lợi trên mọi phương diện. Những người trí thức tân tiến mà văn hoá đã cá nhân hoá trí tuệ, chễm chệ trong tiện nghi của căn nhà mới. Tuy nhiên, nhờ sự tự trọng và biết trọng danh dự, họ giữ vững được lương tri của mình và tôn trọng ý thức quần chúng, cộng thêm cái uy tín của sự hiểu rộng, người trí thức vẫn được quần chúng ngưỡng mộ".

Hiên kết luận: *"Vấn đề trọng đại của nước ta và dân tộc ta là vấn đề xung đột giữa văn hoá và chính trị.*

Sự xung đột này có thật và hiện hữu, phải liệt kê những lý do phát sinh. Mặc dù trí thức được vinh danh trong xã hội phong kiến, chế độ cộng sản đã quay ngược tình thế và tìm cách trói họ vào cột bêu đầu tội phạm, để công chúng nguyền rủa; trách họ không tha thiết đến số phận người dân, chui đầu vào những thú khoái lạc dâm ô, tự khép kín trong những tháp ngà mà cảm khoái nghệ thuật ngăn cản không cho họ nghe thấy tiếng thở than của lớp người cùng khốn. Sự hủ bại sâu xa của người trí thức, là do cá nhân chủ nghiã, nó đã giới hạn tầm nhìn của con người, đã ngăn chặn họ thừa nhận sự hiện diện của quần chúng bình dân, của tập thể lao động vất vả ngày đêm để đảm bảo tiện nghi đời sống. Cái cá nhân chủ nghĩa của bọn trí thức đáng bêu thây, sỉ nhục.

Nhưng chiến dịch phỉ báng những người có văn hoá cũng chỉ kéo được một số trí thức khốn khổ, bị sợ hãi và

tham vọng bám riết, tới quỳ mọp dưới chân chính quyền, còn phần đông đều giữ vững quan điểm, giữ được sự tôn trọng và quý mến của quần chúng thành thị"[1062].

Hiên nói tiếp: *"Theo tôi, người cộng sản thấy người trí thức là đại diện quan trọng nhất, đủ tư cách nhất, thậm chí là hiện thân của chủ nghiã cá nhân. Thế mà chúng ta lại biết rằng chủ nghiã cá nhân là đối cực của chủ nghiã cộng sản, giữa hai thực thể này đã có cuộc đấu tranh quyết liệt chỉ ngừng khi một bên bị triệt hạ hoàn toàn. Mọi người cũng lại biết rằng người trí thức không thể chịu được bất cứ sự hỗn tạp, chung lộn nào, bởi chung lộn là bắt buộc phải chung đụng với những phần tử mà mình không thích. Một mặt khác, người trí thức cho rằng cái xác định con người, là nhân cách riêng của nó: mỗi cá thể là một nhân cách. Con người thay đổi và có nhiều mặt*[1063]*, chính tính cách đa diện là dấu ấn đặc biệt của con người. Chúng ta đã thấy dưới thời phát xít Hitler và Mussoloni, khi những thực thể sống động là con người phải mặc cùng một loạt đồng phục, cùng bước một nhịp, cùng hô một khẩu hiệu, cùng có một cử chỉ, thì những thực thể ấy đã trở thành người máy, sự tự động đã thay thế cho sự biến đổi, máy móc thay thế cho đời sống! Nhưng cuối cùng, không ai thành công trong sự máy móc hoá dân tộc mình mãi mãi.*

Hơn nữa, sự thù nghịch của cộng sản đối với trí thức còn được giải thích bằng sự gắn bó không thể tiêu diệt (l'attachement indéfectible), không thể khước từ (irréfragable) của trí thức đối với những giá trị dân chủ. Vậy từ đâu mà có sự gắn bó này? Là bởi vì, trong mối song quan (dilemme): chính quyền - dân chúng, không một người trí thức nào lựa chọn chính quyền, trừ phi họ bị những tham vọng đê tiện dẫn dắt. Ta đứng về phía dân chúng bởi vì

1062 Trang 74-75.

1063 *Con người thay đổi và có nhiều mặt* NMT lấy lại câu*: L'homme est ondoyant et divers"* của Montaigne.

chính ta là người dân. Chế độ dân chủ cho tới bây giờ là hình thức chính quyền duy nhất thực hành công bằng và công lý, làm việc cho dân. Uy tín của chế độ này đã khiến chính những chế độ cộng sản cũng không ngừng tự xưng mình là dân chủ, là làm việc cho dân![1064]

● Trí thức và cộng sản: ngày và đêm

Đào sâu hơn nữa vào sự xung đột giữa cộng sản và trí thức, Hiên nói tiếp: *"Sự xung đột giữa đôi bên không thể giải quyết được bởi vì nó đụng tới bản chất và lý do tồn tại của chủ nghiã cộng sản. Thực thế, hai quan niệm về đời sống và về con người, chống nhau trong một sự kình địch chỉ có thể biến mất khi chế độ cộng sản xụp đổ!*

Trước hết, chủ nghiã tập thể đặt nền móng trên một quan niệm toán học về con người. Theo đó, con người không là gì cả, chỉ một con số trừu tượng, có thể thay người này bằng người kia, hệt như một người lính thuộc quân số của một đơn vị nhà binh dưới mắt người chỉ huy. Tên, tuổi, trọng lượng, tầm vóc, của mỗi người không quan trọng, chỉ có tổng số lính là đáng kể! Thế mà cá nhân chủ nghiã lại nhấn mạnh đến chất lượng của cá thể, tức là những dấu hiệu đặc thù phân biệt người này với người kia trong cùng một chủng loại và tuyên bố mỗi con người là một thực thể khác nhau.

Chủ nghiã tập thể, không tha thiết gì đến con người và từ chối sự khác biệt giữa người và người. Con người được chính quyền tạo ra để sử dụng đã gây tổn thất nặng nề cho cá nhân, yếu tố mà tập thể không thèm biết đến sự hiện hữu.

Ngược lại, cá nhân chủ nghiã đưa con người lên mức quan tâm hàng đầu. Con người tự lấy mình làm cứu cánh, không phải là phương tiện để phục vụ bất kỳ một cái gì. Cây người phải được vun trồng cho nở hoa và đơm trái. Để đạt tới mục đích này, cần phải học, phải biết rõ con người, biết

---

1064 Trang 77.

tất cả những dấu hiệu khác biệt của nhân cách qua những yếu tố tối giản của cá tính.

Vì vậy, chủ nghiã tập thể và chủ nghiã cá nhân đối nghịch như ngày với đêm: có cái này thì không thể có cái kia: hai bên không bao giờ gặp nhau. Chủ nghiã cộng sản tập thể không bao giờ hiểu được chủ nghĩa cá nhân của người trí thức.

Dân chủ là chiến trường thứ nhì giữa trí thức và cộng sản. Ở thời điểm người cộng sản tranh đấu bí mật, họ dựa trên dân, nhờ dân nuôi dưỡng và che chở khỏi sự lùng bắt của mật thám. Từ khi lên nắm chính quyền, họ luôn luôn cam đoan trung thành đối với những ân nhân xưa, tuyên bố nguyện ước tranh đấu cho dân và làm tất cả vì dân. Nhưng đó chỉ là những lời hứa hão và cái hố càng ngày càng đào sâu giữa người dân và chính quyền cộng sản. Người trí thức, từ lòng dân tộc mà ra, tự cảm thấy mình có sứ mệnh dân chủ.

Người cộng sản khi lên cầm quyền, từ chối thay đổi khẩu hiệu, tiếp tục tuyên bố: Vì dân. Do dân. *Nhưng cái dân tộc mà họ vin vào đó, biết rõ hơn ai hết rằng chẳng có cái gì do dân làm cả, lý do hiển nhiên là dân không có quyền bầu những đại biểu của mình trong chính quyền và vì vậy dân không có quyền biểu quyết những chính sách được áp dụng ở trong nước. Quốc hội và tất cả những cơ quan cầm quyền, trong mọi lãnh vực hoạt động, đều tràn đầy cộng sản, từ ủy ban chỉ đạo tới ủy viên bình thường, không có một cái gì làm ở trong nước mà không qua sự chỉ đạo và kiểm soát của những người cộng sản hoặc những người sắp vào đảng, họ đánh nhau để chiếm chỗ, ra sức ngoan ngoãn, dễ bảo, tận tụy với Đảng. Biểu thức* "Do dân" *vì vậy không có ý nghiã gì.*

Trực diện với độc quyền mở vào con đường lộng hành, bất công, bất bình đẳng và những đàn áp đủ mọi hình thức, giấc mơ duy nhất để an ủi là quay về với dân chủ (...)

Những người trí thức bị nghi ngờ nuôi dưỡng hy vọng dân chủ trong lòng, bị coi là những kẻ thù của chế độ. Để cấp cho những hình phạt mà họ quyết định ở toà án một cái bề ngoài hợp pháp, những kẻ cầm quyền trở thành luật gia ngẫu hứng, bịa ra một tội ác không có ở bất cứ bộ luật nào, là tội "phản động". *Tất cả mọi người trí thức không chia sẻ đường lối cộng sản đều bị coi là* "kẻ phản động" *và bị giáng từ 10 đến 20 năm tù. Những quyền tự do cơ bản và nhân quyền, phản ảnh kích thước văn minh của một nước bằng sự đề cao danh dự và phẩm cách con người, không được biết đến ở Việt Nam*[1065].

● Đảng Xã Hội và Đảng Dân Chủ

Nguyễn Mạnh Tường, thành viên của đảng Xã Hội, xoay ống kính vào hậu trường chính trị của sự ra đời và xoá sổ hai đảng Xã Hội và Dân Chủ. Năng được triệu tập đến dinh Tổng Bí Thư, để bàn về việc dẹp hai đảng Xã Hội và Dân Chủ, đã được dựng nên trong thời kháng chiến. Đầu tiên hết, Tổng Bí Thư giải thích nguồn cội sự ra đời của hai đảng để Năng nắm rõ tình hình:

"- Như đồng chí đã biết, Đảng ta đã lập ra đảng Xã Hội và đảng Dân Chủ. Đảng Xã Hội dành cho bọn trí thức và đảng Dân Chủ dành cho bọn tư sản. Đồng chí cũng biết rằng Đảng không làm điều gì mà không cân nhắc kỹ. Những người mác-xít cố chấp có thể trách ta đã xây dựng những đảng phái sai trật hẳn với quan niệm mác-xít của một đảng chính trị.

Rằng hai đảng này không đáp ứng đúng đòi hỏi mác-xít, chúng ta xin lỗi, nhưng ta có cái lý của ta. Trước cách

---

1065 Trang 80-81.

mạng, trường Pháp đã đào tạo ra nhiều thế hệ trí thức đã theo ta trong kháng chiến. Nhưng trong 10 năm kháng chiến, trường Pháp còn đào tạo thêm những thế hệ trí thức khác. Khi trở về Hà Nội, một số đã bỏ ta, đi làm, đi học ở nước ngoài. Đối với những kẻ ở lại, ta không thể bỏ rơi họ. Trước hết, vì lợi ích của chính họ, giúp họ theo kịp những tiến bộ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của ta. Rồi khi trở về Hà Nội sau mười năm kháng chiến, ta vấp phải một tầng lớp dân chúng đã quá quen nghe nói đến tự do và nhân quyền; vì không muốn lộ bộ mặt chậm tiến, nên ta phải nói cùng thứ ngôn ngữ với bọn thực dân Pháp cũ. Ta phải giả đò tôn trọng quyền của người dân được lập những đảng phái chính trị để bảo vệ quyền lợi của họ. Sau cùng, về mặt đối ngoại, chúng ta phải bảo đảm với dư luận thế giới, về những tự do chính trị mà chúng ta sẽ cho dân hưởng sau khi người Pháp đi khỏi. Nhưng dĩ nhiên là dưới cái bề mặt phỉnh gạt ấy, chúng ta không thể mất cảnh giác, mà phải tiếp tục điều khiển hai cái đảng mà chúng ta gọi là "anh em" từ lúc mới dựng chúng nên và trong suốt thời gian chúng còn hoạt động. Ta đã khuyến khích một vài trí thức nổi tiếng cái ý lập hai đảng. Vậy là dưới sự thúc đẩy của ta và nhờ sự cố vấn của ta mà hai cái đảng này được khai sinh trong đời sống chính trị và chập chững bước đầu. Chính ta cấp ngân quỹ cho hai đảng anh em. Chính ta đã gài trong mỗi đảng những uỷ viên chính trị có nhiệm vụ theo dõi hoạt động của chúng để báo cáo kịp thời cho ta biết những chệch hướng hay những lệch lạc có thể xẩy ra, và trực tiếp truyền lệnh của ta cho chúng thi hành. Bây giờ, đồng chí hãy báo cáo cho tôi biết sự hoạt động của chúng mà đồng chí có trách nhiệm theo dõi.

- Xin báo cáo đồng chí Tổng Bí Thư: tình hình là lạc quan. Hai đảng anh em cư xử rất được. Những ủy viên chính trị mà ta gài vào đã làm việc thật tuyệt vời. Ngay khi đến, họ

đã biết kết hợp cương với nhu, họ đã làm cho hai uỷ ban trung ương và hai chủ tịch của hai đảng này hiểu rõ rằng không có một văn kiện chính thức nào - diễn thuyết, thông điệp, tuyên ngôn, diễn văn khai mạc hay bế mạc - có thể được ký mà không qua ý kiến của họ. Không có một cuộc trả lời phỏng vấn nào mà không có họ chứng kiến. Bọn kia tuân thủ răm rắp. Hai tên tổng bí thư cũng như toàn thể đảng viên của hai cái đảng này đều là kháng chiến cũ. Chúng đã được giáo dục tốt. Không màu. Không mùi. Vô hại. Có miệng nhưng câm như hến. Tránh liên quan. Cung kính tuyệt đối trước lãnh đạo! Đối với chúng, ta có thể yên tâm ngủ khò.

Nhưng tôi có bổn phận phải báo cáo đồng chí Tổng Bí Thư cái mặt trái của mề đai. Trước hết, số đảng viên quá ít. Ngoài phố họ cười ầm lên, mỗi đảng không được một trăm mống! Điều bất hạnh là trong cái đảng Xã Hội mệnh danh "trí thức", chỉ có độ mươi mống trí thức chính hiệu! Chỗ còn lại là giáo viên tiểu học, thợ thủ công, cán bộ hạng xoàng, được đưa vào để gồng số đảng viên. Trong cái đảng Dân Chủ, số tư sản có chút vốn chỉ độ hai, ba mạng, phần còn lại toàn bọn buôn bán lẹt đẹt, cán bộ tép riu. Để được vào hai đảng này, chỉ cần xuất trình phẩm trật kháng chiến!

Bọn chúng được cấp giấy hạnh kiểm tốt, chứng nhận tận tụy với Đảng cầm quyền mà chúng khoe là "anh em". Uy tín của chúng đối với quần chúng là zê-rô, chúng cũng chẳng có ảnh hưởng chính trị gì, mặc dù những tên cầm đầu vênh vang trên ô tô nhà nước và trong những buổi hội họp công cộng, chúng được nhận những chức vụ mà ta dùng cho lãnh đạo Đảng ta, nhưng của chúng chỉ để gáy. Đúng là một vở tuồng mà ta cho chúng diễn và chúng đóng trò hề này rất cần mẫn chăm chỉ. Mặc tất cả những cung kính mà ta dành cho chúng trong những lễ nghi chính thức, những kẻ xấu miệng vẫn gọi chúng là con rối, là bù nhìn, họ kêu ầm lên:

"Giễu! Sao Đảng chẳng chọn những diễn viên khôi hài hơn, dệt những con rối tức cười hơn để giải trí!"

- Nếu chúng ta quyết định dẹp hai cái đảng này và ra sắc lệnh chấm dứt trò hề, đồng chí có thấy bất tiện không?

- Nếu được phép nói thật, tôi sẽ thú thực với đồng chí Tổng Bí Thư rằng xây dựng một cái đảng đã là tế nhị, mà giải tán một cái đảng lại còn vô cùng tế nhị hơn. Nhất là trong hoàn cảnh hiện thời! Dù bọn nhà trò có giễu dở đến đâu, dù vở tuồng có nhạt nhẽo thế nào, công chúng đã có thói quen xem chúng múa may trên sân khấu, chơi trò hề và làm phụ diễn hài hước cho khán giả cười bể bụng. Không hiếm người than phiền chế độ ta hà khắc bởi chính trị len vào khắp cả và cơ hội được cười thả cửa quá hiếm. Hai đảng "anh em" bộ điệu nghiêm trọng không hề nao núng, chấp hành hết sảy công tác nhái mà ta dạy, kích thích khán giả phì cười, nhưng trước bàn dân thiên hạ, mọi người lại phải ôm bụng nhịn, về nhà mới dám xả láng với bà con bè bạn.

- Những lời đồng chí vừa nói khiến ta càng dứt khoát quyết định không làm trò hề cho thiên hạ nữa. Thực ra, Đảng cũng ớn việc cứ giơ sườn ra cho chúng chế giễu, nhạo báng làm mất uy tín. Chúng ta rất nhạy cảm với sự châm biếm và không gì làm chúng ta đau lòng hơn là thấy quần chúng giễu ta và những nhân vật chỉ có một tội ác duy nhất là đã vâng mệnh ta một cách dễ bảo không ngờ, thậm chí bất ngờ! Khi ta hạ màn, trả họ về với những bận rộn hàng ngày, phẩm giá của những người "anh em" đã sốt sắng tự hạ mình để phục vụ ta, sẽ đỡ bị sứt mẻ và Đảng ta sẽ lấy lại được cái uy tín mà những sai phạm đã ít nhiều làm tổn hại.

Ngoài ra, như đồng chí cũng đã biết, gần đây ở một vài nước châu Âu đã bắt đầu có mầm mống phong trào đa nguyên. Bổn phận của chúng ta là phải trang bị một ý thức chính xác về mối nguy cơ này cho Đảng.

Lấy cớ rằng mỗi đầu người có một ý kiến, và chính sự đối chất giữa các ý kiến khác nhau sẽ nẩy sinh ra sự thật, rằng sự độc quyền một đảng, bất cứ giá trị của đảng viên như thế nào, cũng dẫn thẳng đến sự chuyên chế, độc tài; bọn chúng đề nghị chúng ta cho phát triển sự đa đảng. (...)

Chúng ta không đặt mình vào địa vị đối lập với chân lý và tiến bộ. Nhưng chúng ta từ chối làm kẻ Bị Lừa Bịp*, tin lời* Lường Gạt *của bọn* Lang Băm**.** *Những điều mà chúng đề nghị tưởng mới mẻ gì, thực ra đã cũ mèm từ hai thế kỷ: chế độ đại nghị! Một chế độ chính trị cũ rích.*

Dưới mắt những người cộng sản chúng ta, chủ nghiã đa nguyên là một trò hề nực cười nhất. Bắt đầu bằng cuộc bầu cử. Trong đó kẻ nào chửi bới đối phương một cách hèn hạ nhất sẽ thắng, người ta sáng chế ra những dối trá nếu cần, để hạ địch thủ. Còn về chương trình hành động, người ta đua nhau ném ra những lời hứa biết trước là không thể giữ được. Có quan hệ gì? Miễn là được bầu. Một khi đã qua cầu rồi thì không kẻ nào quay nhìn phía sau, nhớ lại những điều lường gạt đã tung ra để lấy phiếu. Cử tri đóng vai ngố rừng trong trò bịp bợm này. (...)

Làm sao một chính quyền thối nát ngay từ đầu có thể làm tròn phận sự? Lại càng khó khăn hơn khi chính quyền này bị chia cắt làm ba: Lập Pháp chiếm ưu thế, được chọn thành phần Cầm Quyền (Hành Pháp), rồi tới phiên Hành Pháp chọn nhân viên của Tư Pháp. Đúng lô gích thì Lập Pháp mạnh thế, bởi được dân bầu trực tiếp, có quyền chỉ định thành phần Cầm Quyền. Rủi thay, quyền của họ chỉ dừng ở đó. Họ không có quyền kiểm soát hữu hiệu và thường trực hoạt động của nhà Cầm Quyền, và họ cũng không có quyền hội họp hàng ngày, phải đợi được triệu tập trong những điều kiện pháp định.

Về Tư Pháp, người ta nhìn nhận nó có quyền độc lập khi thi hành nhiệm vụ, nhưng cũng không thể chối cãi là

ngành này gồm những công chức, phụ thuộc vào nhà Cầm Quyền để được thăng quan tiến chức, vậy họ phải tìm cách ở trong ân sủng của nhà Cầm Quyền, điều này có nghiã gì, ai mà chẳng biết (...)

Thấy ông Tổng Bí Thư có vẻ lạc đề, hăng hái trong việc *"mô tả"* chế độ đại nghị, Năng tìm cách đưa ông trở lại đề tài quan trọng trước mắt là làm sập tiệm hai cái đảng Xã Hội và Dân Chủ:

- Thưa đồng chí Tổng Bí Thư, nếu đồng chí cho phép dùng thứ ngôn ngữ hình ảnh, tôi xin so sánh hai đảng này như hai cái nhà chòi được dựng trong hội chợ và tháo rỡ khi tan hội. Để thu hút khách xem, có một kẻ cầm loa rêu rao khoác lác những điểm lạ thường trên thân chú lùn, người khổng lồ, hoặc người đàn bà mình cây, ở trong chòi. Nhưng đám đông cứ tỉnh bơ, bởi chủ nhà chòi làm ăn dở quá. Ngược lại, Đảng ta gợi hình ảnh một toà lâu đài vĩ đại mà nền móng thách đố sự vận chuyển nhiều thế kỷ, đầy tràn một xã hội công an hoá và một lớp hầu cận kiểu cách (personnel stylé).

Ở đây ta làm tốt công việc, dưới quyền điều khiển của những xếp thông minh, nhìn suốt hiện tại đến tương lai, bước ra ngoài phạm vi lâu đài để ôm lấy toàn thể đất nước và ra khỏi bọn cư dân để đến với toàn thể nhân dân!

- Này đồng chí, ý ta muốn đạp đổ luôn hai cái nhà chòi của đảng Xã Hội và đảng Dân Chủ. Bởi chúng huỷ hoại cảnh đẹp, làm xấu tầm nhìn, gây sốc cho cảm quan. Vậy theo đồng chí, nếu hai cái nhà chòi này biến mất có làm dư luận bất bình không?

- Tôi chắc là không. Hai cái đảng này thiếu đảng viên và không có một ảnh hưởng nào trong xã hội. Dĩ nhiên ai cũng biết bọn đảng viên của hai cái đảng này vô hại, không mùi, không màu, và người ta cũng biết chúng là con hoang của Đảng ta, không ai chú ý đến sự hiện diện của chúng! Vì

chẳng ai để ý đến sự có mặt của chúng cho nên cũng chẳng ai thấy sự biến mất của chúng! Nhưng tôi vẫn chưa hiểu tại sao chúng ta lại từ chối quyền sống cho hai cái đảng này? Chúng chỉ chiếm một chỗ rất nhỏ, chỉ mở miệng để hô khẩu hiệu và hót muôn năm, vạn tuế Đảng.

- Chúng ta đã phạm sai lầm khi khai sinh ra chúng và đã để chúng héo mòn không cho chúng quyền hiện hữu, không cho chúng quyền cộng tác với chúng ta, cùng làm việc cho hạnh phúc vĩnh cửu chung. Trong những điều kiện như thế, ta nhận thấy rằng hài kịch đã kéo dài quá lâu mà chẳng có lợi lộc gì cho ta và nhất là cho lũ con rối mà ta đã tạo ra! Lý do trọng đại hơn, chính là chúng ta phải hết sức cảnh giác vì trên thế giới mới xuất hiện một phong trào, dưới nhãn hiệu bảo vệ dân chủ, kích thích sự sinh xôi nẩy nở các đảng phái chính trị để chặn đứng con đường chuyên chế vinh quang của đảng cộng sản!

- Thưa đồng chí Tổng Bí Thư, làm sao mà đồng chí không có lý cho được. Một khi những căn nhà chòi đã bị tiêu diệt, chỉ cần vài nhát chổi là xoá sạch dấu vết. Trong tất cả mọi gia đình người ta đều quên tiệt bọn con hoang.

Với sự cho phép của đồng chí Tổng Bí Thư, chúng tôi sẽ tìm cách tổ chức cho chúng một đám ma trọng thể để chứng tỏ lòng ngưỡng mộ của chúng ta đối với hai cái đảng "anh em" mà sự dễ bảo xứng đáng được hưởng những lời khen thưởng của tất cả những chủ nhân ông đang thiếu kẻ hầu người hạ!"[1066]

● Đám ma đảng Dân Chủ và Xã Hội

"Buổi chiều đó, Đảng Cộng sản tổ chức tại nhà hát Hà Nội đám ma hai đảng anh em: đảng Xã Hội và đảng Dân Chủ.

1066 Trang 85-86-86 bis-87.

Trên sân khấu, những chiếc ghế bành được dành cho chóp bu ba đảng. Khách mời bước vào nhà hát chói mắt vì sự lạm phát màu sắc: màu đỏ choé lên khắp các băng vải trúc bâu giăng trên tường, chữ vàng óng dán trên vải tán dương sự vinh quang của bộ ba mác-xít Mác - Enghen - Lênin, của chủ tịch Hồ và con đường chính trị của Đảng. Nhưng lần này, những băng-rôn cất tiếng ca tụng sự đoàn kết, tình hữu nghị anh em ba đảng. Điều thiếu nhất là không khí đưa ma, đáng lý phải làm cho cử tọa nghiêm chỉnh lên tới độ u ám đau buồn. Nhưng người ta cứ cười nói tự nhiên như không. Tất cả đều cho thấy, nếu như người ta không thích thú, thì cũng chẳng ai buồn bã gì cho cái chết của hai đảng con hoang. Mấy tay giễu dở còn tuyên bố rằng quét sạch hai đảng anh em khỏi sân khấu chính trị, chúng ta để dành được món tiền to đã trợ cấp cho chúng. Một kẻ khác chêm vào: Ôi may mắn thay! Từ nay, trong những buổi họp công cộng cũng như trong ra-đi-ô hay trên truyền hình, ta chỉ phải chịu (trận) diễn văn của Đảng cầm quyền và được tha bổng khỏi diễn văn nhái của hai đảng anh em. Tổng cộng, chúng ta không phải rỏ một giọt nước mắt nào cho số phận người quá cố, ngược lại, chúng ta được cười hể hả vì thoát khỏi bọn rách việc!"[1067]

Trong buổi lễ, chẳng ai nghe diễn văn chính thức, riêng các thành viên của hai đảng mới chết, ghé tai nhau thì thầm những giai thoại, những bi hài kịch mà họ đã trải qua.

"*Sự kết án tử hình đảng Xã Hội mà đảng cộng sản là cha đẻ, là vú nuôi, không gây một tiếng vang nào trong giới trí thức Việt Nam. Nó sống hay chết, người trí thức cũng không mất ăn mất ngủ vì nó!*

Mỗi năm, vào ngày 3 tháng 2, sinh nhật Đảng Cộng Sản, là ngày lễ quốc khánh. Chính quyền không ban sắc lệnh gì về việc này, nhưng tất cả các tổ chức, không loại trừ hình

---

[1067] Trang 87.

thức nào, dưới sự hướng dẫn của Đảng Cộng Sản, đều hết sức vinh hạnh được long trọng tổ chức những buổi họp mặt để ca tụng vinh quang và thắng lợi của Đảng Cộng Sản trong quá khứ và chúc mừng Đảng tương lai ngày càng sáng lạng hơn. Một cái đảng cầm đầu một dân tộc; dân tộc này, ít ra ngoài mặt, tung hô niềm tin vào Đảng, quỳ mọp trước Đảng để thề nguyện trung thành, vì lợi mà cũng vì hèn, sợ bị hành hạ, bị trừng phạt dưới mọi hình thức, đó là cảnh tượng bầy ra trước mắt những người cộng sản cầm quyền. Trước thành công tuyệt vời đã đạt được, họ ngủ yên mãn nguyện vì đã thoả lòng ham muốn, đã toại nguyện ước ao"[1068].

● Đối thoại giữa hai trí thức, thành viên đảng Xã Hội

"Hai người, bác sĩ y khoa Xuân và luật khoa tiến sĩ Mạn đi từ từ xuống bậc thềm, dáng mơ mộng. Hai thành viên của cái đảng Xã Hội bị giết và chôn hôm nay trao đổi kỷ niệm với nhau.

- Anh còn nhớ thời ở Hà Nam, cách Hà Nội sáu mươi cây số trong Liên Khu Hai không? Gia đình tôi trú ngụ trong nhà một địa chủ. Tôi chữa mắt cho bệnh nhân và dạy nhãn khoa trong trung tâm huấn luyện y khoa bên kia sông Đáy.

- Còn tôi, luật sư Mạn trả lời, *gia đình tôi được một gia đình công giáo ở Bích Tri đón nhận. Mỗi tháng tôi bị gọi lên toà án Binh làm luật sư cãi cho bị can. Một hôm đồng chí Châu là Chánh Án Toà Đại Hình đến chơi. Ông ta cho biết có đảng Xã Hội Việt Nam mới được dựng nên ít lâu nay:*

"Chúng tôi biết ông rất kỵ cái việc vào Đảng Cộng Sản vì ông không thích làm chính trị, nên tôi mời ông vào đảng Xã Hội. Đảng này không có kỷ luật chặt chẽ: không có tiểu tổ và không phải họp hàng tuần. Đảng này, đúng như tên gọi của nó, có bổn phận xây dựng tại Việt Nam một chủ nghĩa

---

[1068] Trang 95.

xã hội, loại bỏ sự bóc lột trong kinh tế và xã hội, bảo đảm ưu thế của người lao động, dù chân tay hay trí óc. Tôi không đi vào chi tiết nhưng có thể bảo đảm với ông rằng đây là một đảng tiến bộ phù hợp với người trí thức. Cũng xin nói thêm là đã được một học giả nổi tiếng là cụ Bùi Kỷ gia nhập".

- Châu cũng nói với tôi những điều tương tự. Tôi cũng được người ta cho biết là không nên từ chối lời mời của Đảng cầm quyền. Nhất là nếu mình chẳng được gì thì cũng chẳng mất gì.

- Chúng ta có thể tự hỏi vì lý do gì Đảng cầm quyền đã cảm thấy sự cần thiết phải xây dựng hai đảng "anh em". Theo ý tôi, lý do chính là những người cầm quyền không muốn và không thể để cho bọn trí thức và bọn tư sản lọt ra ngoài vòng kiểm soát của họ. Những đảng anh em được tạo ra nhằm mục đích "nhốt trại chính trị" (encaserner politiquement) tầng lớp trí thức. Không một cá nhân, không một nhóm người nào có thể để cho tự do được. Sự tự do bị cấm ở Việt Nam. (La liberté est intredite au Vietnam).

- Tôi còn thấy một lý do khác: Phong trào thúc đẩy trí thức và tư sản về Hà Nội đoàn tụ với bà con ngày càng không cưỡng lại được. Vì lẽ gì? Trước hết vì sự bất ổn do máy bay oanh tạc và đêm hôm bị lính com-măng-đô lẻn vào cướp của giết người. Sau cùng là sự kiểm soát quá tỷ mỷ của những người cầm quyền cộng sản, công an nổi, công an chìm, thêm sự đói khổ cùng cực vì kiếm sống ở chiến khu vô cùng khó khăn. Chẳng một người chồng nào dù kiên nhẫn và chịu đựng đến đâu, có thể đeo mãi bên cạnh lũ vợ con không ngừng than van khóc lóc ngày đêm. Kiệt lực, anh ta đành đầu hàng, thuê một chiếc thuyền tam bản chở cả gia đình lúc nhúc ngược sông Đáy về tới Đông Quan, cửa thành Hà Nội. Đảng Xã Hội có thể tập trung phong trào này, chận đứng nó

lại và giữ những người trí thức còn lại không cho bỏ vào thành. (...)

- Làm sao có thể quên được sự thống khổ mà chúng ta đã trải qua trên hành trình đi tới nơi hẹn mà chúng ta được các nhà lãnh đạo mời, tại một căn nhà lá biệt lập ở phía nam Phủ Lý, chỗ con đường rẽ hai, ngã phải đi Ninh Bình và ngã trái về Nam Định (?)(...) Tôi chắc mái tranh người ta hẹn chỉ là nơi trú của những người canh đêm. Khi bước vào, sự bần cùng dơ dáy tởm lợm đến khó chịu. Trên nền đất, một cái chiếu rách được trải ra. Vách đất há hốc đầy lỗ thủng lớn. Trên bức vách trong cùng, một giải băng vải đỏ hò hét những chữ vàng: "Đảng Cộng Sản Việt Nam muôn năm!" Lá cờ Liên Xô với dấu hiệu búa liềm đối diện với cờ Việt Nam sao vàng trên nền đỏ. Ba vị thánh mác-xít ngự trị vai kề vai với chủ tịch Hồ. Ba đồng chí cộng sản trong đó có Châu, đón và giải nghĩa cho biết là chúng ta được mời đến để làm lễ tuyên thệ với Đảng Cộng Sản và Đảng Xã Hội. Họ yêu cầu chúng ta phải thề vâng lệnh và trung thành với cả hai đảng; chúng ta giơ tay phải và thề. Buổi lễ đơn giản khốn cùng không gây cho chúng ta ấn tượng gì. Nếu ngày nay chúng ta nhớ lại chỉ bởi vì cái đám táng của hai đảng Xã Hội và Dân Chủ vừa được tổ chức với những nghi thức đập vào mắt. (...)

- Tôi nghĩ rằng người ta đã rắp tâm cho chúng ta biết trước những gì có thể chờ đợi ở đảng Xã Hội. Người ta muốn nhấn mạnh rằng tổ chức này chỉ là bà con nghèo mà người ta giữ trong nhà vì lòng từ thiện, chỉ được hưởng phần cơm thừa canh cặn, chỉ có nhiệm vụ hầu hạ và tuyệt đối gọi dạ bảo vâng. Họ mời ta là để cho biết không nên có ảo tưởng gì về vai trò của mình!

- Dĩ nhiên là chúng ta hiểu rõ điều đó. Và nếu ngày hôm nay cái đám tang mà chúng ta đau buồn đến dự được trọng thể như thế này, lý do quan trọng là để, trái với những

gì đã xẩy ra trong hơn một thập kỷ, người ta muốn thổi phồng tầm quan trọng của đảng Xã Hội, cho nó một vai trò mà nó chưa bao giờ có. Trong bối cảnh chế độ đa nguyên đang mở rộng và thắng thế trên thế giới, nước Việt Nam muốn chống lại bằng một sự khước từ dứt khoát, quả quyết. Người ta đã làm một trò bịp bợm lớn lao: Phần "Quan Trọng" của đảng Xã Hội đã tự nguyện tự huỷ để củng cố và mở rộng đảng Cộng Sản mà độc quyền lãnh đạo đã được xây dựng trong sự thoả hiệp nhất trí giữa các đảng phái dân tộc. Bộ dạng trịnh trọng ngày hôm nay là để công bố cho mọi người biết cái chết tự chọn của các đảng phái "anh em" và sự độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản.

Khá khen cho cho những nhà lãnh đạo trong thủ đoạn quỷ quyệt của họ, ngày trước họ dựng nên và ngày nay họ tiêu diệt hai đảng anh em. Một sự thực mà đến mãi bây giờ chúng ta mới hiểu và cuối cùng chúng ta đã hiểu rằng chính quyền cộng sản không bao giờ sai lầm, ngay cả khi họ không có quyền hành xử như họ đã làm![1069]

● Độc quyền lãnh đạo

Sau khi đi dự buổi lễ vinh thăng Đảng Cộng Sản nhân ngày kỷ niệm sinh nhật 3/2, Đắc và Hiên dừng lại ở một công viên thì thầm trò chuyện. Hiên hỏi:

- Anh nghĩ sao về việc kết án tử hình hai đảng anh em mà đảng Cộng Sản là cha đẻ và cha nuôi?

- Thực ra thì tôi thấy không cần phải bóp cổ hai đứa con mà đảng Cộng Sản đã cho ra đời. Đó là những hài nhi ngoan ngoãn khó bì, giữ trò con rối tuyệt vời. Những máy người này được vô dầu mỡ tốt đến độ chúng chạy hay như những người máy. Đó là những máy hát thời xưa chỉ biết đọc những đĩa cũ. Mặc dù hai đảng anh em biểu thị rõ đặc điểm câm và ỳ, nhưng chúng vẫn là những đảng chính trị có

1069 Trang 95.

thể làm lợi cho phong trào đa nguyên đa đảng. Vì vậy, đảng Cộng Sản Việt Nam thấy cần phải khẳng định sự độc quyền lãnh đạo.

- Đi từ thực tế Việt Nam, chúng ta thử trình bầy sự độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản:

Một cái đảng giữ độc quyền lãnh đạo khai trừ tất cả những đảng khác, là hình ảnh một kỵ sỹ phi ngựa một mình. Quyền lực của nó là tuyệt đối, nó không lệ thuộc vào bất kỳ điều kiện nào. Nó không cần ai làm cố vấn, không cần hỏi ý kiến người khác. Không thể làm gì nếu không có lệnh của nó và tất cả mọi lệnh mà nó ban ra phải được thi hành. Nó không chịu bất cứ sự kiểm soát nào. Nó cho phép, thậm chí khuyến khích tung hô những cái hay mà nó làm, nhưng cấm phán đoán và phê bình những cái dở do nó gây ra. Luật pháp diễn tả ý nguyện của dân, nhưng cái đảng này ở trên luật pháp và ở trên dân. Không một thẩm quyền nào có thể xử án cái đảng, bởi vì nó không thể tạo ra một toà án để xử chính nó. Nó có thể ra lệnh cho thuộc dân của nó phải tự kiểm thảo, nhưng bản thân nó không làm. Không có con đường kháng cáo nào chống lại một trong những quyết định bị dân kêu ca của nó. Chỉ có nước chờ sự phán xét của Thượng Đế! Nhưng cái đảng còn ở trên Thượng Đế!

Khuyết tật cơ bản của chế độ này là kẻ cầm quyền, khi cần quyết định, không thể lựa trong một số biện pháp khác nhau đã được tuyển chọn, mà hắn chỉ có một biện pháp duy nhất là của chính hắn, mà chưa chắc đã hay.

Người ta có thể phản bác rằng lãnh tụ thế nào chả hỏi ý kiến những nhân vật trong Bộ Chính Trị, trong Ban Bí Thư, trong Ủy Ban Trung Ương Đảng. Nhưng đừng nên quên rằng, trong Đảng bao trùm một không khí kỷ luật sắt và sự lo sợ bị trừng phạt và tham vọng được thăng quan tiến chức và được hưởng đủ loại ân huệ bổng lộc, từ nhà ở, lương bổng, đến những công vụ béo bở ở nước ngoài, rồi

những lợi lộc mà con cái được hưởng, và sự sợ hãi cũng như tham vọng làm tê liệt cái lưỡi của hơn một người cộng sản và giải thích tại sao tất cả những thuộc hạ khi được Lãnh Tụ hỏi ý kiến luôn luôn nghiêng mình với nụ cười và tuyên bố kinh ngạc trước thiên tài và sự thông bác của Lãnh Tụ!

Người dân cũng vậy, không thể nào khác, một khi có vinh hạnh được Đảng hỏi đến!

Lãnh Tụ có thể than thở như Moïse: "Tôi đầy quyền lực nhưng cô đơn", nhưng hắn không thể đợi một sự cứu trợ nào của Thượng Đế bởi vì chính hắn là Thượng Đế trong xứ sở của hắn. Hắn bị cấm cố chung thân trong cô đơn!

Hai cuộc Cải Cách Ruộng Đất và Cải Tạo Tư Sản dẫn tới sự tịch thu đơn thuần ruộng đất trong tay địa chủ ở thôn quê và nhà cửa trong tay gia chủ ở thị thành.

Cuộc cách mạng hoàn tất năm 1945 tự nhận là vô sản. Những người cách mạng vô sản không những thiếu văn hoá trí thức, lại cũng không có động sản và bất động sản nữa, có nghiã là họ không thể cai trị một xứ sở, điều khiển một dân tộc. Không thể đòi hỏi gì ở những người bụng rỗng, quần áo rách, không có cơm ăn, không có nhà trú qua đêm. Khi người ta thiếu tiền, người ta lấy ở chỗ có. Đó là ăn cắp và trong một xã hội có luật, có cảnh sát, thì sẽ bị bắt, bị tù. Nhưng những người cách mạng vô sản nào có coi luật lệ ra gì: họ chỉ cần tuyên bố trắng rằng sở hữu là ăn cắp! Rằng những người có đất có nhà đồng loã với phản động, rằng tất cả đều phải biết câu: lấy của kẻ cắp, không phải là ăn cắp! Về phương diện kỹ thuật thì chỉ cần ban sắc lệnh bãi bỏ sở hữu cá nhân. Là xong![1070]

● Vai trò của Quốc hội

Hiên và Đắc, hai trí thức đích thực còn sống tới thập niên 90, nhận định hiện tình sau "đổi mới":

1070 Trang 96-97.

"Luật được "bầu" ở Quốc Hội. Nay cái quốc hội này gồm trăm phần trăm cộng sản chính thức và cộng sản ngầm *(crypto communistes) luôn luôn bày tỏ, xác nhận sự trung thành triệt để đối với chính quyền. Cũng có thể mức độ văn hoá của những thành viên trong quốc hội không cho phép họ đề xuất những cuộc thảo luận và phê bình quá khó khăn về kinh tế và luật pháp. Cái quốc hội này được coi là đại diện của dân nhưng nó lại là đại diện của Đảng, và tất cả những điều luật được nó biểu quyết đều do chính quyền gợi ý hay làm ra!*

Đảng và Nhà Nước điều khiển Quốc hội, ngự trên tất cả luật pháp. Quốc Hội lập pháp không đảm trách bất cứ một chức năng chính trị nào, nó không can dự vào việc thành lập chính phủ, cũng không lật đổ chính phủ bằng cách bỏ phiếu bất tín nhiệm. Những người cầm quyền, như vậy, không thể bị tố cáo trước pháp luật, họ ở trên pháp luật và công lý. Trong tất cả các nước văn minh, nguyên tắc thiêng liêng thần thánh là phải tôn trọng sự độc lập của quan toà trong khi họ thi hành nhiệm vụ. Vậy mà ở Việt Nam, các thẩm phán trước khi quyết định tuyên án phải hỏi ý kiến người cầm đầu Đảng. Nhưng nếu đối với phần đông thiên hạ, công lý chẳng có trên đời, thì ở đây câu này lại càng đúng hơn nữa: thẩm quyền công lý không bao trùm những tội ác lớn nhỏ của những người cầm quyền. Cho nên sự vô trách nhiệm của họ thật toàn diện, trọn vẹn, không chỉ trong địa hạt chính trị mà cả pháp lý (...).

Bây giờ chúng ta đã biết thế nào là sự độc quyền cai trị ở đó sự tuyệt đối vô trách nhiệm trải rộng trên mọi địa hạt! Trong môi trường xã hội như thế, nếu cái vi mô đi cạnh cái vĩ mô thì chắc chắn cái vĩ mô sẽ nuốt chửng cái vi mô, không cho nó cơ hội sống theo ý muốn, theo sở thích, mà buộc nó phải chịu theo kỷ luật tập thể, tổ chức cuộc đời bằng cách bắt chước người khác, không được tỏ ý kiến riêng

về một lối sống, một ý thích cá nhân nào. Xã hội là một trại lính mênh mông và kỷ luật tập thể áp dụng cho tất cả. Xin một giấy phép đặc biệt để ra trại vô cùng khó khăn và trong đời sống hàng ngày, triệt để cấm diễn tả tự do ý kiến của mình, nhất là ý kiến phê phán cấp trên và những người có chức quyền. Tất cả những ai vô tình hay cố ý vi phạm kỷ luật tập thể, sẽ bị kết tội có khuynh hướng "phản động" và bị trừng phạt nặng nề. Người ta không ra lệnh cho dân phải mặc đồng phục, chỉ vì sự đói khổ đã bắt họ mặc cái đồng phục tôi đòi. Nhưng người ta có thể cưỡng bức nhét vào mọi đầu óc, sự tôn thờ cùng một sắc độ chính trị, chấp nhận cùng một thái độ trí thức, cùng tôn sùng những thánh thần cộng sản. Một tiếng kèn trổi lên, tất cả bắt đầu cùng bước, cùng cất giọng đồng ca!

Người ta dạy dân tín điều Mác-xít xưa nay Việt Nam không ai biết, còn thực hành thì người dân chỉ biết những cấm điều phải tuyệt đối tuân theo, mặc dù trong những diễn văn gửi đến cử tọa quốc tế, các lãnh đạo chối tiệt, bảo ở Việt Nam làm gì có cấm. Ví dụ người ta hay nói đến dân chủ, nhưng những quyền tự do đương nhiên và quyền con người thì không được biết đến ở Việt Nam. Hay quyền tự do ý kiến, có trong tất cả các nước dân chủ, cũng không được biết ở Việt Nam. Cấm phê bình chỉ trích những người cầm quyền trong Đảng và những quyết định của họ, cấm cả sự không tán thành (...)

Tất cả báo chí, dù ở đâu, tuyệt đối không dám có một bài viết, bài báo ngắn hay bản tin để lộ một ý kiến xấu đối với những người cầm quyền hay đối với đường lối chính trị của Đảng. Một sự kiểm duyệt tỷ mỷ, cẩn mật, đầy cảnh giác không bao giờ cho in những dòng chữ khiếp đảm như thế"[1071].

[1071] Trang 100- 101.

Phải công nhận rằng Đảng đã kiến trúc sự độc quyền lãnh đạo một cách hoàn hảo! Đó là một công trình bất hủ không thể khám phá ra một vết rạn nhỏ và sự thiết bị cũng tuyệt vời đến nỗi không một con kiến nào có thể lọt qua mà không bị bắt quả tang trong tầm thấy của người gác (détenteur) và qua mắt ống chuẩn trực (collimateur)!"[1072]

Về hiện tình kinh tế thị trường định hướng xã hội chũ nghiã: *"Có người kết luận: Như thế chế độ cộng sản chỉ kéo dài ở Việt Nam trong có một thế hệ. Con cái những nhà cách mạng tiên phong đã trở thành những nhà tư bản chính cống, giết cha về mặt chính trị. (...)*

Nay, độc quyền đảng trị cho phép tất cả cán bộ cộng sản được quyền ban những quyết định có trọng lượng vàng: Một chữ ký dưới cái giấy chứng nhận mang lại cho người ký một phong bì đầy đô la, đưa tận tay, kín đáo, vắng bặt những con mắt hiếu kỳ ô uế, câm tiệt những xì xào của kẻ xấu miệng"[1073].

Une voix dans la nuit, tác phẩm áp chót của Nguyễn Mạnh Tường, viết xong ngày 19/3/1993, ở tuổi 84-85, cho tới nay là cuốn sách có hệ thống, khúc chiết và sâu xa nhất bao trùm toàn bộ hành trình thiết lập chế độ độc tài toàn trị ở Việt Nam.

Hiện nay, mọi người dường như đã "*thích nghi*" với "*chế độ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghiã*".

Ngậm miệng là điều kiện cần và đủ để thành công mọi mặt, từ công việc làm ăn đến thăng quan tiến chức. Từ miếng giấy thông hành về nước, đến việc dạy học, việc mở hội thảo ở Việt Nam.

Ngoại trừ những khuôn mặt can trường đã vào tù, tinh thần trí thức hướng dẫn xã hội và dân tộc đến bình đẳng tự

1072 Trang 99.

1073 Trang 102.

do, dân chủ, đã bị dẹp tan, gần như diệt chủng, kể cả những "trí thức" đã đi du học, làm việc ở nước ngoài, đã được giải thưởng quốc tế, cũng lộn về để nhận ân sủng, phẩm hàm, nhà cửa.

Thông điệp Nguyễn Mạnh Tường để lại cho chúng ta, mạnh mẽ và dứt khoát: Sống không chỉ có ăn mặc, có nhà cửa, có phẩm hàm, địa vị, mà còn phải có văn hoá, tư tưởng. Phải đòi cho được quyền làm người. Cho chính mình và cho người khác. Nếu không, con người sẽ chẳng khác gì con vật.

Paris ngày 17/9/2011
Bổ sung lần cuối ngày 9/9/2012
Thụy Khuê

PHỤ LỤC

TRÒ CHUYỆN

với

NGƯỜI TRONG CUỘC

Nói chuyện với
nhà cách mạng Nguyễn Hữu Đang

Tên tuổi Nguyễn Hữu Đang đã gắn liền với hai chữ tranh đấu: tranh đấu giành độc lập cho tổ quốc, tranh đấu cho tự do và dân chủ. Về hành trình dài và cam go này, nhà cách mạng lão thành sẽ dành riêng cho thính giả RFI hai chương trình đặc biệt. Chương trình hôm nay nói về ngày 2/9/1945, ngày lễ Độc Lập mà ông được chủ tịch Hồ Chí Minh giao trách nhiệm Trưởng Ban Tổ Chức. Trong chương trình chủ nhật tới 10/9/1995 ông Nguyễn Hữu Đang sẽ nói về phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

● Ngày lễ Độc Lập

- THỤY KHUÊ: *Thưa ông Nguyễn Hữu Đang, 50 năm sau ngày 2/9/1945, có lẽ hiện nay không ai có thẩm quyền hơn ông để nói về ý nghĩa của ngày lễ này vì chính ông là trưởng ban tổ chức ngày lễ Độc lập 2/9.*
- NGUYỄN HỮU ĐANG: Thưa bà, khi tôi được chủ tịch Hồ Chí Minh trao nhiệm vụ tổ chức ngày này, lúc bấy giờ chủ tịch cũng như trung ương Đảng đề ra chỉ là một ngày lễ để chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân, đồng thời đọc một bản Tuyên Ngôn Độc Lập đối với dân trong nước và đối với cả thế giới. Sau đó, tôi cùng với ban tổ chức trao đổi ý kiến, muốn nâng cao giá trị ngày lễ đó lên cho nên chúng tôi đã đặt

tên nó là Ngày Độc Lập để nói lên ý nghĩa trọng đại của ngày hôm đó trong lịch sử Việt Nam.

Ngày Độc Lập đó có bốn tính chất như thế này: Một là tính chiến đấu của nó, hai là tính khẩn trương của nó, bà là tính nhân dân của nó, thứ tư là tính độc đáo của nó.

Tính chiến đấu của nó là do tình thế nghiêm trọng của nước Việt Nam lúc bấy giờ. Từ năm 1943, chính phủ lâm thời kháng chiến của Pháp thành lập ở Alger, tướng De Gaulle đứng đầu chính phủ, lập tức nghĩ ngay đến việc thu hồi lại thuộc địa đã mất, quyết tâm lấy lại Đông Dương bằng vũ lực. Chính phủ De Gaulle, khi đưa lực lượng vũ trang sang chuẩn bị lấy lại Đông Dương, phất cao ngọn cờ gọi là chính nghĩa của mình, đánh bọn *"giặc cỏ phiến loạn"*. Điều đó làm cho nhân dân Pháp hiểu nhầm cách mạng Việt Nam. Chúng tôi không được sự ủng hộ của nhân dân thế giới và nhân dân Pháp, cho nên vấn đề là phải chính thức hóa nhà nước mới, chính thức hóa chính phủ lâm thời để thế giới trông vào, biết rằng chính nghĩa là thuộc về chúng tôi chứ không thuộc về thực dân Pháp. Chính thức hóa một nhà nước mới và một chính phủ được nhân dân ủng hộ. Tất cả hai điều đó, chúng tôi long trọng công bố trước nhân dân trong nước và cả thế giới.

Ngoài những khó khăn do phe thực dân gây ra còn có một cái khó khăn cực lớn của Trung quốc: chính phủ Tưởng Giới Thạch. Ngày 9/8 chính phủ Trung quốc tuyên bố sẽ đưa quân vào Đông Dương để giải giáp quân Nhật theo quyết định của hội nghị Postdam tháng 7 năm 1945. Tiếp theo, ngày 27/8, quân Tàu Tưởng thuộc quyền chỉ huy của tướng Lư Hán, vượt biên giới Hoa Việt vào nước ta. Theo chân họ có các tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng của Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam và Việt Nam Cách Mạng Đồng Chí Hội của Nguyễn Hải Thần. Quân của Lư Hán cùng với hai đảng, chống Việt Minh, chống từ trước chứ không phải

về sau đâu, không dự vào mặt trận đoàn kết, mặt trận đánh Pháp bao giờ cả. Hai đảng ấy chống Việt Minh đến cùng. Nguyên cuộc tấn công của phe thực dân Pháp đã là một mối đe dọa lớn với nền độc lập của chúng ta rồi, thêm vấn đề Trung quốc vào đấy lại còn nguy hiểm hơn nữa. Tính chất khẩn trương là như thế. Tính chiến đấu đã nói rồi. Còn tính nhân dân thì cũng gọn thôi vì sau khi chúng tôi đăng thông cáo, nhân dân ủng hộ, tham gia rất tích cực, người góp của, người góp công. Tất cả việc chúng tôi làm đều không có phương tiện của Nhà Nước, mà toàn là phương tiện của nhân dân đem đến cả. Đấy là tính nhân dân. Tính thứ tư là tính độc đáo thì chúng tôi tổ chức một buổi mít-tinh huy động thành phố Hà Nội, huy động tất cả mọi người, không trừ một ai cả, coi như thành phố thiết quân luật, nhân dân đi mít-tinh, đi từ nửa đêm, cơm nắm muối vừng, đi từ sáng sớm cho đến tối, đêm mới trở về nhà. Đó là một tính độc đáo mà sau này không ai làm như vậy cả.

- TK: *Thưa ông, ông đã làm sao để có thể tổ chức một ngày lễ lớn như thế?*
- NHĐ: Vấn đề là chúng tôi bắt đầu việc tổ chức như thế nào. Hồ chủ tịch khi giao như thế thì chỉ còn có 4 ngày nữa thôi. Bốn ngày mà làm việc lớn như thế, không phải là tổ chức ở Hà Nội đâu, mà tổ chức trong cả nước, thì bốn ngày làm sao đủ để làm được, nhất là lúc bấy giờ chúng tôi không có bộ máy gì cả. Ông cụ giao cho tôi một mình, về rồi tôi tập hợp một số anh em, phương tiện thì chỉ có hai bàn tay trắng, một đồng xu không có, một ki-lô gỗ, ki-lô xi măng cũng không có thì làm thế nào bây giờ trong hoàn cảnh khó khăn quá như vậy. Tôi có nói là còn ít ngày nên khó quá thì cụ lại bảo có khó mới giao cho chú chứ. Qua câu đó tôi biết là khó cũng phải làm, mà làm ngay. Tôi hiểu không thể hoãn, không thể chậm được. Khi giao việc như thế, lúc bấy giờ cũng đã 10 giờ đêm rồi, tôi lập tức trở về bộ Tuyên Truyền. Ở thời điểm

đó chưa thành lập chính phủ, chỉ mới phân công bộ nọ bộ kia; lúc bấy giờ tôi tạm thời đảm nhiệm thứ trưởng bộ Tuyên Truyền. Tôi chạy về bộ Tuyên Truyền, gọi dây nói cho các tờ báo, tôi đọc ngay lập tức cho họ một thông cáo tôi viết vội, kêu gọi quốc dân ai có nhiệt tình với nền độc lập đến tham gia việc tổ chức ngày hôm nay. Nhân dân hưởng ứng rất mạnh mẽ. Tôi giao cho anh Trần Kim Xuyến là đổng lý văn phòng bộ, liên lạc với các anh bạn ở trong ba tổ chức là hội Truyền Bá Quốc Ngữ, hội Văn Hóa Cứu Quốc và Hướng Đạo Sinh để thành lập ban tổ chức ngay tối hôm đó. Trước hết là chọn địa điểm. Địa điểm thì chọn ở đâu bây giờ? Đưa ra bãi đá bóng thì không long trọng. Có một khu rộng rãi, bây giờ gọi là quảng trường, ngày xưa tiếng Pháp gọi là *rond point,* chẳng nhẽ lại bảo là mời đến cái *rond point* phủ Toàn quyền à? Nghe nó vô duyên và kệch cỡm thế nào đó. Chúng tôi cũng lợi dụng việc chính phủ Trần Trọng Kim đã đặt tên chỗ đó là Vườn Hoa Ba Đình, chúng tôi bảo thế thì được, mời nhân dân đến Vườn Hoa Ba Đình biểu tình. Số người hôm đó trên nửa triệu người.

- TK: *Xin ông nói về vai trò của cụ Hồ. Giả sử nếu không có cụ Hồ thì Cách Mạng Tháng Tám có thể thành công được hay không, thưa ông?*
- NHĐ: Vai trò của Hồ chủ tịch rất quan trọng. Cụ có thành lập Mặt Trận Việt Minh thì mới có Cách Mạng Tháng Tám. Nếu đảng Cộng Sản đứng ra vận động cuộc Cách Mạng Tháng Tám, tôi tin là không được kết quả như là Mặt trận Việt Minh, đó là một mặt trận gồm nhiều thành phần, nhiều tầng lớp tham gia cho nên phát triển mạnh, được nhân dân ta hưởng ứng hơn chứ còn nếu đảng Cộng Sản đứng ra thì vẫn bị hạn chế đấy. Cho nên Hồ chủ tịch đã sáng suốt, thứ nhất là chủ trương mặt trận dân tộc để thu hút quần chúng, thứ hai là cụ đã nhằm được đúng thời cơ chiến tranh thế giới tạo ra, đưa đến đảo chính Nhật, rồi đưa đến Nhật đầu hàng, đấy là

một thời cơ vô cùng quý giá. Nếu không có thời cơ đó, thì Cách Mạng Tháng Tám cũng không làm gì được, dù có thiên binh vạn mã cũng không làm trò gì được. Đảng Cộng Sản lúc bấy giờ có 5000 người chứ ăn thua gì đâu. Quần chúng tự khắc người ta nổi lên thành ra một làn sóng cách mạng đưa đến kết quả như vậy.

- TK: *Tại sao từ một khí thế của ngọn sóng toàn quốc kháng chiến những năm 45-46 lại đi đến chỗ đổ vỡ, bắt bớ, và thủ tiêu những đảng phái đối lập những năm sau đó?*
- NHĐ: Phải nói như thế này là những cuộc đấu tranh của nước nào cũng vậy, khi nó rộng rãi quá, ban đầu nó đoàn kết, về sau nó phân hóa. Nó có những mâu thuẫn vì trong xã hội các tầng lớp có phải nhất trí quyền lợi với nhau đâu; không nhất trí về quyền lợi, có khi còn không nhất trí về quan điểm với nhau nữa, đến lúc phân hóa thì do mâu thuẫn quan điểm, mâu thuẫn quyền lợi thì phải đấu tranh với nhau. Điều này chúng ta còn lạ gì nữa, về chính trị thì một mất một còn chứ còn có dung hòa gì được nữa, có phải là việc gia đình đâu. Cả hai đảng, chắc bà cũng nghĩ đến, là Quốc Dân Đảng và Cách Mạng Đồng Minh Hội không hề hợp tác với Mặt Trận Việt Minh, lúc khởi nghĩa cướp chính quyền không hợp tác gì cả, nhưng sau khi đã có chính quyền rồi thì hai đảng đó dựa vào quân đội Tàu trở về nước, ý định là tranh quyền, cướp nước cho nên là hai bên đấu nhau. Nhưng rồi cuối cùng quân đội Tàu cũng thấy rằng không thể lật đổ chính quyền Việt Minh được, phải giàn xếp. Chúng tôi cũng rất mềm dẻo và đoàn kết với họ thành lập một chính phủ liên hiệp đấy. Thành lập chính phủ liên hiệp rồi vẫn không hết mâu thuẫn cho nên sau cũng đi đến đổ vỡ thôi.

- TK: *Ông vừa nói đến những đảng phái đối lập, nhưng trong nội bộ đảng Cộng Sản cũng có những đổ vỡ. Tại sao từ một khí thế đoàn kết năm 45, 10 năm sau đó dẫn đến cuộc Cải Cách Ruộng Đất và những vụ thanh trừng khác?*

- NHĐ: Có thể hiểu việc đó như thế này: Ngay trong cương lĩnh của đảng Cộng Sản Đông Dương cũng ghi rõ là làm cách mạng để tiến tới Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghĩa. Cho nên 10 năm sau, nhất định nước Việt Nam phải tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội và muốn tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội thì phải tiến hành Đấu Tranh Giai Cấp, phải xóa bỏ địa vị, quyền lợi của hai giai cấp bóc lột là giai cấp địa chủ và giai cấp tư sản. Trước kia đoàn kết Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc, giờ đây phải Đấu Tranh Giai Cấp để tiến tới Chủ Nghĩa Xã Hội. Trong Đấu Tranh Giai Cấp như thế thì quyết liệt lắm, có ảnh hưởng chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao Trạch Đông là quá tả, rất ác liệt, cuối cùng Việt Nam cũng tiến hành Đấu Tranh Giai Cấp như thế. Diện gọi là đoàn kết cũng thu hẹp lại, xã hội tiến lên cần phải như thế, đây là tôi nói về quan điểm của đảng Cộng Sản, cho nên có những Cuộc Cải Cách Ruộng Đất. Sau này những đảng khác được thành lập cũng phải trên cơ sở phục tùng đảng Cộng Sản thì mới tồn tại được. Nếu không phục tùng đảng Cộng Sản thì không thể tồn tại được. Tiến lên Đấu Tranh Giai Cấp, tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội thì phải tăng cường chuyên chính, phải độc quyền lãnh đạo. Ai vi phạm những điều này sẽ bị xử trí rất nghiêm khắc.

- TK: *Trách nhiệm của cụ Hồ trong các việc ấy, cụ Hồ có biết hay là người dưới lạm quyền?*
- NHĐ: Cái việc mà người ta cứ nói là việc nọ việc kia là người dưới làm chứ cụ Hồ không biết, cụ Hồ không thực tiễn làm, đó là một cách nói không đúng sự thật. Người ta thấy việc gì mà có dư luận kêu ca, thắc mắc thì không muốn để cái kêu ca thắc mắc đó hướng vào vị lãnh tụ mà người ta suy tôn tuyệt đối. Có thể nói là người ta thần thánh hóa cụ Hồ. Vì cái lý do nó là như thế. Thực chất thì cụ Hồ không phải là người bị vô hiệu hóa trong bộ máy lãnh đạo của đảng và của dân tộc. Cụ Hồ lúc nào cũng là người có đầy đủ quyền hành, lúc nào cụ cũng sáng suốt, linh lợi, lúc nào cụ cũng có uy tín

với dân và cũng có quyền đối với các đồng chí trong đảng, đối với những người lãnh đạo khác. Chắc bà cũng biết rằng những vị lãnh đạo khác của đảng, đối với cụ Hồ là học trò chứ không phải như ở các đảng Cộng Sản khác đâu. Cho nên uy tín của cụ Hồ, quyền hành của cụ Hồ bao giờ cũng rất vững, cụ Hồ biết hết cả, và việc đó cụ Hồ cũng đồng tình làm. Có thể nói tóm một câu là cho đến mấy năm sau cùng, vì cụ yếu cụ ít chăm nom công việc, cụ khoán cho Bộ Chính Trị, cụ ít can thiệp trực tiếp, chứ còn trước đó thì bất cứ việc gì cũng là trong phạm vi chỉ đạo của cụ cả. Hay cũng ở cụ, dở cũng ở cụ. Cụ phải gánh trách nhiệm đó, điều đó rõ ràng. Có khi nào một lãnh tụ tối cao đối với dân tộc, lãnh tụ tối cao của Đảng mà lại không có trách nhiệm về việc nọ, việc kia. Điều đó không đúng. Chế độ gọi là báo cáo thỉnh thị rất chặt chẽ trong nội bộ đảng Cộng Sản và trong bộ máy chuyên chính của nhà nước cũng thế, nghiêm ngặt lắm.

● Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm

- TK: *Thưa ông Nguyễn Hữu Đang, trước hết xin ông cho biết thực chất của phong trào Nhân Văn Giai Phẩm là gì?*
- NHĐ: Tôi nhớ có một lần Lê Đạt nói chuyện với bà đấy, nói rằng đó là một cố gắng đối thoại đầu tiên giữa những đảng viên, cán bộ, trí thức, để tìm một giải phóng tốt đẹp hơn cho xã hội. Kết cục cuộc đối thoại đó không có kết quả. Thực chất phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, nếu đứng về mặt chính trị, thì đó là một cuộc đấu tranh của một số người trí thức, văn nghệ sĩ và một số đảng viên về chính trị nữa, là chống -không phải chống Đảng Cộng Sản đâu, mà đấy là chống- cái chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao Trạch Đông đưa đến nhiều hiện tượng -nói là chuyên chính thì chưa đủ- phải nói là cực quyền toàn trị, nó gay gắt ghê lắm. Nó gay gắt ghê lắm! Đảng Cộng Sản đã phạm sai lầm

trong Cải Cách Ruộng Đất, rồi thì Chỉnh Huấn, Chấn Chỉnh Tổ Chức, Đăng Ký Hộ Khẩu v.v... Tất cả những cái đó đều do những cái quá tả, từ phương Bắc nó xâm nhập vào, chứ không phải chờ đến bây giờ nó mới đem cái tả khuynh hữu trí vào nước Việt Nam. Cái thời mà cụ Hồ chưa về nước và ông Trần Phú làm tổng bí thư, thì làm cái cuộc gọi là Xô Viết Nghệ Tĩnh, đưa ra cái khẩu hiện rất quái gở tức là *"Trí, phú, địa, hào đánh tận gốc, trốc tận rễ"*. Nó quá tả như thế thì còn làm sao giành được độc lập! Như thế là chia rẽ dân tộc. Lúc bấy giờ chúng tôi cũng cảnh giác, chúng tôi theo đảng Cộng Sản nhưng chống chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Nhưng rất tiếc là lúc bấy giờ, thế lực của Liên Xô rất mạnh, áp lực của Trung Quốc cũng rất mạnh cho nên cuộc đối thoại ấy không có kết quả.

- TK: *Thưa ông, từ thời Mặt Trận Bình Dân, ông đã từng là cán bộ hùng biện tuyên truyền cho Đảng. Rồi đến năm 45, ông làm bộ trưởng Bộ Tuyên Truyền cho cụ Hồ. Vậy đến lúc nào thì ông bắt đầu nghi ngờ Đảng?*
- NHĐ: Tôi bắt đầu -cái tin tưởng của tôi có yếu đi- là bởi vì ban Tuyên Huấn Đảng có đưa ra một thông tri, một chỉ thị khẳng định là những đảng viên thuộc giai cấp tiểu tư sản không đáng tin cậy lắm, phải cảnh giác. Thì tôi rất buồn. Theo đó mấy tháng, thì có một cuộc Chỉnh Huấn. Trước khi vào chỉnh huấn, tôi biết rằng, tôi sẽ bộc lộ thành phần của tôi, tức là tiểu tư sản trí thức. Tôi sẽ phải nhận không biết bao nhiêu là khuyết điểm, do cái thành phần tiểu tư sản bấp bênh dao động nọ kia... Tôi có ý cũng như là giận dỗi, chán nản đó. Tôi có hỏi một người bạn cũng như là một người anh, là ông Nguyễn Khánh Toàn, tôi bảo: *"Tôi muốn xin ra Đảng thì có nên không?"* Thì ông ấy khuyến khích tôi, ông ấy bảo không nên, cứ cố gắng đấu tranh bản thân, rồi khắc phục, rồi nhờ giúp đỡ của tập thể nọ kia... Đấy! Thì cuối cùng tôi cũng không ra Đảng. Nhưng mà từ đấy trở đi, tinh

thần hăng hái của tôi cũng kém đi nhiều. Đến khi có *Cải Cách Ruộng Đất* thì tôi không đồng ý tí nào, nhưng mà kỷ luật lúc bấy giờ nghiêm ngặt lắm. Bất cứ ai có lời nói, việc làm, cử chỉ, hay một thái độ tỏ rằng không đồng tình -chẳng nói là không đồng tình về việc lớn là *Cải Cách Ruộng Đất* đâu- mà chỉ không đồng tình về một vài chi tiết nhỏ, cũng không được. Đồng thời với việc phát hiện Cải Cách Ruộng Đất, thì ở Liên Xô lại họp Đại Hội Đảng Cộng Sản XX, lúc bấy giờ nó lại phát hiện ra rằng: Đảng Cộng Sản cũng có thể phạm sai lầm! Lúc bấy giờ trong người tôi bùng lên một tư tưởng: *Vì chân lý mà đấu tranh*. Kỷ luật của Đảng không thể trói buộc mình được, nếu mình thấy phải, mình cứ làm, cứ nói. Lúc bấy giờ không sợ tổ chức nhiều quá nữa. Bấy giờ mới tự tin ở mình, phải thẳng thắn đấu tranh. Ở thời đó, thì tư tưởng gọi là đấu tranh, phê bình của anh em văn nghệ cũng lên cao lắm. Thành thử tư tưởng đấu tranh của tôi gặp tư tưởng đấu tranh của anh em, cho nên cuối cùng tập hợp nhau thành phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

- TK: *Thưa ông, điểm gặp gỡ mấu chốt giữa ông và các anh em văn nghệ sĩ là gì ạ?*
- NHĐ: Anh em có một điểm gặp nhau là dù thế nào đi nữa cũng không thể chấp nhận được cái chế độ cực quyền, chế độ toàn trị, là cái biến dạng của chuyên chính vô sản. Nhưng mà thể hiện đấu tranh để chống lại chủ nghĩa Mao hay chủ nghĩa Staline sẽ cụ thể ra bằng cái gì? Thì cuối cùng cũng chỉ có vấn đề là: *Tự do sáng tác*, tức là không chấp nhận chủ nghĩa xã hội của Staline Zhdanov đẻ ra mà trái lại cũng vẫn muốn thể hiện cái hiện thực phê bình như là ở thế kỷ XIX ở phương Tây như là những Balzac, Flaubert, rồi Maupassant, rồi Hugo, Stendhal... lúc bấy giờ anh em tha thiết lắm.

- TK: *Thưa ông, rút cục vụ án Nhân Văn Giai Phẩm đã kết thúc ra sao? Ông và các bạn đã trải qua những giai đoạn như thế nào?*

- NHĐ: Thì tất nhiên tôi là người -tiếng bấy giờ gọi là- "*đầu sỏ trong cái bọn Nhân Văn Giai Phẩm"* thì tôi bị bắt giữ và đưa ra tòa. Ra tòa thì họ buộc cho cái tội là "*phá hoại về chính trị*". Lúc đầu thì đề ra phạm kỷ luật tuyên truyền, nhưng phạm kỷ luật tuyên truyền thì nhẹ lắm, mà thêm một cái là *"phá hoại về chính trị"* thì tội đó rất nặng. Ở trước tòa án thì tôi nhận mấy điểm như thế này:

1/ Tôi có phạm kỷ luật của Đảng và của nhà nước về phương diện gọi là tuyên truyền.

2/ Trong việc làm của tôi, cũng có những vụng về sai sót. Anh em cũng như tôi thôi, thế nhưng tôi gánh trách nhiệm nặng hơn.

3/ Động cơ thì nhất định là tốt: Chúng tôi chỉ vì dân, vì nước mà tin rằng việc mình làm có ích nước lợi dân cho nên làm thôi.

Cho nên ra tòa tôi nhận hết, chứ tôi không có bào chữa, không cãi cọ gì nhiều cả. Thậm chí là sau khi bị kết án 15 năm thì tôi cũng không ký chống án gì cả. Từ bấy giờ đến nay tôi cũng không viết một cái đơn nào để thanh minh, phân trần, xin xỏ, khoan hồng hay là nọ kia. Không! Cái việc đó không!

Ở đây tôi phải nói ngay với bà về việc bà hay quan tâm đến bà Thụy An. Người ngoài người ta cũng nói đến bà Thụy An rất nhiều, nhưng mà thật ra thì thế này: Bà Thụy An không tham gia gì vào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cả! Bà ấy không viết một bài, một câu, một chữ nào cho Nhân Văn. Bà ấy cũng không hề mách nước, bàn bạc gì với người khác hay với tôi bao giờ. Không! Không hề có! Tuy rằng có quan hệ, thỉnh thoảng gặp nhau, cũng nói chuyện. Nhưng tại sao lại cứ quy cho bà ấy là Nhân Văn và bà ấy cũng cứ nhận như thế, thì cái đó tôi có thể hiểu như thế này: Bà Thụy An bị cơ quan an ninh nghi bà ấy làm gián điệp cho Pháp, vì thời tạm chiếm, bà ấy có quan hệ với nhiều người Pháp. Đến lúc đi,

người ta sắp cử bà ấy làm giám đốc đài phát thanh cơ mà! Như thế là bà ấy cũng có địa vị, có uy tín, thì đáng nhẽ là bà ấy phải theo chính quyền ngụy vào trong Nam chứ, bà ấy lại không theo vào, bà ấy ở lại vì lý do chuyện cá nhân của bà. Vì bà ấy ở lại như thế thì người ta lại càng nghi: Ờ, thế là bà này là địch cài lại đây! Nguy hiểm lắm đây! Rồi người ta theo dõi. Bà ấy không tham gia vào Nhân Văn nhưng làm một, vài việc không hợp ý lãnh đạo lắm. Thí dụ như bà ấy thuê những phim như Hamlet chẳng hạn. Người ta nhìn vào đó người ta cho rằng: Đấy! Cũng là một cách để đánh lạc hướng, cạnh tranh với những phim Tàu, Liên Xô không được hay, đưa cái phim Hamlet ra để át những phim kia! Thế rồi đến vở kịch, bà ấy cùng với anh Phan Tại, ở cùng nhà và có thân thiết đấy, tổ chức vở kịch Thầy Tú tức là Topaze của Marcel Pagnol, thế thì người ta cũng lại cho rằng tại sao trong nước cũng viết vở nọ, vở kia, thiếu gì, không diễn, mà lại đem vở kịch ấy ra. Khi đã nghi thì trông gà hóa cuốc, cái nọ thành ra cái kia. Thế là người ta quy bà cùng với anh Phan Tại vào tội gọi là "*phá hoại chính trị*" và đem ra xử, xử cùng một phiên tòa. Nhưng mà họ không hỏi tôi về bà Thụy An bao giờ cả. Lúc hỏi cung cũng thế và lúc ra tòa cũng thế, không hỏi về bà Thụy An. Và họ cũng không hỏi gì bà Thụy An về chuyện Nhân Văn cả mà cứ hỏi về chuyện riêng của bà ấy thôi. Nhưng người ta gây ra một sự hiểu nhầm, tức là tưởng như bà Thụy An cùng một vụ với tôi. Trong thời sự cũng như trong các tài liệu sách báo ghi lại này khác, thì bà Thụy An cứ là người trong Nhân Văn.

Có lần giam ở Hà Nội xong rồi người ta đưa chúng tôi lên trại giam Yên Bái. Chuyến đi ô-tô đó cùng đi có Thụy An, và cả tôi. Đến lúc lên Yên Bái, ở trại giam người ta hỏi để ghi sơ bộ lý lịch. Người ta hỏi tôi thì tôi nhận tôi làm báo Nhân Văn Giai Phẩm, rồi phạm kỷ luật tuyên truyền nọ kia. Còn bà Thụy An, khi hỏi đến tội bà ấy, bà ấy trả lời một câu

gọn lỏn, tôi ngạc nhiên hết sức, bà ấy khai: *"Địch trong Nhân Văn!"* Úi giời! Tôi giật nẩy mình. Tôi bảo: *"Quái, cái bà này sao lại khai lạ lùng như thế này?"*

Đến năm 1973, trước khi được trả lại tự do, tôi có gặp lại bà ấy ở bệnh xá của một trại giam, Người ta chăm sức khỏe để cho về đấy. Tôi mới hỏi chị là: *"Chị, tại sao chị lại nhận là "Địch trong Nhân Văn" là thế nào? Chị có ở trong Nhân Văn bao giờ đâu?"* Thì bà ấy bảo: *"Tôi bị công an nó hỏi cung, nó đe dọa, nó truy bức nặng quá, tôi đành phải nhận như thế cho qua chuyện. Tôi nhận liều. Tôi xin lỗi anh."* Thế thôi. Chuyện nó buồn cười như vậy đó.

- TK: *Thưa ông, ông được về trong trường hợp nào?*
- NHĐ: Không phải là hết án mà về đâu chị ạ. Cũng không phải là nhà nước khoan hồng. Tôi về là ở trong cái diện gọi là *"Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris."* Bên miền Nam người ta cũng đại xá chính trị phạm. Miền Bắc cũng đại xá chính trị phạm. Trại tôi ở là thuần túy chính trị. Họ giải tán trại đó, tất cả những người giam ở đó đều được đưa về. Nhưng mà về rồi, cũng còn phải chịu cái tự do hạn chế, bị phân biệt đối xử thế nào đó, nhưng về danh nghĩa thì được đại xá đấy!

- TK: *Thưa ông, ông có thể cho biết là hiện giờ ông sống như thế nào?*
- NHĐ: Sau việc đàn áp rồi thì đến năm 73 tôi được về quê, quản chế mà. Cưỡng bức cư trú. Thì tôi cứ ở quê thôi. Đi đâu cũng phải qua công an cho giấy mới đi được. Còn anh em có phần dễ dàng hơn. Các anh ấy cũng bị đưa đi cải tạo, lao động, thực tế lao động này khác, chứ còn giam giữ thì chỉ có tôi với Phùng Cung thôi. Tôi bị 15 năm, anh Phùng Cung 12 năm. Một số anh em sau đó đã được phục hồi như chị đã biết đó: Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, v.v..., Phùng Quán nữa. Bây giờ thì đời sống các anh ấy cũng đã tạm ổn định. Đời sống của tôi thì trước gay go lắm, nhưng

mà từ 1990, tôi đã được hưởng một cái lương hưu hạn chế, thực chất nó là một thứ trợ cấp thôi. Cách đây vài tháng thì tôi đã được cấp một gian nhà ở, vì tôi thuở bé đến giờ chưa bao giờ có nhà cả, bây giờ người ta cấp nhà, tuy rằng nhà cho thuê thôi, như thế cũng là phấn khởi lắm.

- TK: *Trước khi từ giã, xin hỏi ông một câu hỏi chót là nếu so sánh với thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm thì việc tự do sáng tác ở thời này, khác với thời kỳ ấy như thế nào?*
- NHĐ: Chị hỏi về việc sáng tác, thì riêng phần tôi, bây giờ tôi cũng có thể viết sách báo được. Người ta vẫn kiểm duyệt rất chặt chẽ, nhưng nếu mình viết khéo, mình viết cho đúng với đường lối chính sách, thì người ta cũng có thể in cho đấy. Có khả năng người ta in cho. Tôi chưa được in quyển nào bao giờ cả, nhưng mà viết báo thì tôi cũng viết năm, mười bài, người ta cũng để cho đăng thôi, miễn là đừng có động chạm gì lắm. Còn nói về cái sáng tác chung của mọi người, chuyện tự do sáng tác bây giờ như thế nào, thì tôi nói thật với chị là cái nguyên tắc chuyên chính vô sản, nguyên tắc của một nhà nước xã hội chủ nghĩa là quản lý rất chặt những sản phẩm tinh thần, sảm phẩm văn hóa. Cho nên ở Hà Nội này và cả trong nước, văn nghệ sĩ mà viết lách như thế là có hai cơ quan giám sát để người ta sàng lọc, người ta kiểm duyệt. Tức là:

1/ Ban Tư Tưởng Văn Hóa. Nó thay Ban Tuyên Huấn ngày xưa đấy. Ban Tư Tưởng Văn Hóa của Đảng.

2/ Có những cơ quan an ninh thuộc Bộ Nội Vụ đấy.

Những cơ quan đó cũng theo dõi và khi cần, người ta cũng can thiệp vào nội dung của thơ văn. Hiện bây giờ nó như thế. Tóm lại là nó cũng không thay đổi gì lắm đâu! Cũng như thời trước thôi. Thực tế thì vẫn là phải lãnh đạo chặt chẽ ngành văn học nghệ thuật. Phải lãnh đạo chặt chẽ và anh em muốn làm được cái gì thì cũng phải phục tùng sự lãnh đạo đó, sự kiểm soát đó, sự sàng lọc đó. Nếu có những tác phẩm

nào có giá trị, muốn được in ra, thì cái đó cũng phải trông nhờ sự sáng suốt của những cơ quan kiểm soát, những cơ quan lãnh đạo ấy, chứ không phải là tự cái hay, cái tốt của nó mà nó có thể ra đời, nó có thể đi đến quần chúng được. Tôi cho cái đó là rất tự nhiên thôi. Chừng nào mà Đảng còn giữ độc quyền lãnh đạo, chừng nào còn có chuyên chính vô sản, thì việc đó phải là như thế thôi, không thể nào khác được. Tự do sáng tác phải lệ thuộc rất nhiều vào dân chủ hóa. Bao giờ có dân chủ hóa nhiều thì bấy giờ mới có tự do sáng tác nhiều. Hai cái đó nó gắn liền với nhau.

TK: *Xin cám ơn ông Nguyễn Hữu Đang.*

Chương trình Văn Học Nghệ Thuật
RFI ngày 3-9-1995 và 10/9/1995

THỦ BÚT
của NGUYỄN HỮU ĐANG

Hà nội, 23-9-97

Cô Thụy Khuê thân mến,

Tôi cùng ô. Vũ Toàn đến để chào tiễn chân cô chú lên đường ngày mai mà không được gặp. Vậy xin gửi lại đây lời tạm biệt thân thiết, chúc cô chú "thượng lộ" bình an, thuận lợi.

Mong đến chuyến sau cô, chú lại về thăm quê hương, tôi sẽ được gặp và được gần gũi nhiều ngày chứ không quá eo hẹp như lần này.

Như tôi đã ngỏ ý, trong khi chờ đợi một chuyến sau may mắn như thế, tôi sẽ thỉnh thoảng liên lạc với cô qua thư tín bưu điện. Và từ quan hệ các bức ấy, rất có thể giữa chúng ta sẽ xuất hiện khả năng cộng tác về một vấn đề gì đó mà chúng ta cùng quan tâm.

Cô, chú vui, mạnh.

Xiết chặt tay,

Nguyễn Đang

Tại biểu tôi viết vội thế. Phòng cung, tôi gửi đến cô giấy tờ khác. Nhưng thế nào đó là tùy ý. Cô chỉ đọc giấy tờ khác.

Nói chuyện với
nhà thơ Lê Đạt

Tháng giêng năm 1956, Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời, mở đầu phong trào Nhân Văn Giai Phẩm. Nhưng thực sự phong trào đã manh nha trước đó, ở thời điểm nào? Do những đóng góp tích cực của những ai? Phong trào phát triển rất nhanh và đã đạt được những thành quả ra sao? Gần 50 năm trôi qua, đã đến lúc phải trả lại công bằng cho quá khứ, mở lại hồ sơ NVGP. Và lần đầu tiên, trên đài RFI, trong bảy chương trình, từ 8/5/2004 đến19/6/2004, thính giả trong và ngoài nước được nghe lịch sử của phong trào qua tiếng nói uy tín của nhà thơ Lê Đạt, một trong những thành viên cột trụ đã xây dựng Giai Phẩm Mùa Xuân và Nhân Văn. Những chương trình phát thanh này, đã được ghi lại và in trên tạp chí Hợp Lưu, số 81, tháng 2 và 3/2005, tại Hoa Kỳ. Bản in này đã được nhà thơ Lê Đạt đọc lại và sửa chữa những sai lầm trên bản Hợp Lưu.

● Sự hình thành Giai Phẩm Mùa Xuân

Hầu như tất cả các tài liệu đều thống nhất ở một điểm: Phong trào NVGP bắt đầu hiện diện trên công luận với sự ra đời của Giai Phẩm Mùa Xuân, nhưng trong "nội bộ" những người chủ trương giai phẩm này, những diễn biến đã xẩy ra như thế nào, tại sao lại có Giai Phẩm Mùa Xuân? Đó là những câu hỏi mà nhà thơ Lê Đạt sẽ trả lời.

- TK: *Thưa anh Lê Đạt, nguyên do nào đã khiến anh trở thành một trong những người chủ chốt của phong trào NVGP?*
- LĐ: Tôi là một học sinh yêu nước cho nên khi Cách Mạng thành công thì tôi tham gia Cách Mạng ngay. Từ khi tham gia Cách Mạng, hầu như tôi đều hoạt động ở ngành Tuyên Huấn, rồi sau này lên làm việc ở Tuyên Huấn Trung Ương[1074] trực tiếp theo dõi phong trào văn nghệ, văn hóa và giáo dục. Vì thế, tôi có nhiều điều kiện để tiếp xúc với tất cả anh em văn nghệ, từ lãnh đạo đến những anh em bình thường. Tôi cũng suy nghĩ rất nhiều về phong trào văn nghệ vì xưa nay tôi vẫn là người thích làm thơ.

Năm 50, khi ở chiến dịch Lào Cai, tôi có dịp gặp một nhà thơ mà tôi chưa biết mặt, nhưng biết tên từ lâu, đó là anh Trần Dần. Trần Dần, tuy thơ thì chưa làm nhiều, nhưng là một người nổi tiếng vì những ý kiến độc đáo và kỳ cục của anh ta về thơ. Cho nên, khi gặp Trần Dần ở Lào Cai, chúng tôi đã bàn rất nhiều về thơ ca Việt Nam, và đi đến một nhất trí như thế này: anh Tố Hữu là một nhà thơ cách mạng, nhưng thi pháp của anh ấy, căn bản vẫn chưa ra khỏi thi pháp thời kỳ thơ mới năm 1930, và tôi với Trần Dần nghĩ rằng: chính mình phải làm một cái gì để đổi mới nền thi ca Việt Nam. Đó là từ năm 1950.

Chị nên nhớ lúc bấy giờ là đang kháng chiến mà đi kháng chiến thì người ta bận tâm nhiều về chuyện đánh nhau, ít người nghĩ đến thơ như lũ hâm này, phải nói như thế! Tôi với Dần nói với nhau về Rimbaud, về Baudelaire, về Mallarmé... về nhiều thứ lắm, nhưng tập trung nhiều nhất về Maïakovski, tại vì Maïakovski lúc bấy giờ đang là ngôi sao sáng trên nền trời văn học cách mạng. Song nói rồi cũng để đấy thôi, mỗi người lại đi theo công việc của mình.

1074 Ngày nay là Uỷ Ban Văn Hoá Tư Tưởng Trung Ương.

Đến năm 1954, khi hòa bình trở lại, chúng tôi gặp nhau ở Hà Nội, lại bàn tiếp giấc mộng thơ mới đó. Khi ấy, Trần Dần đã viết xong *Người người lớp lớp* và đang gặp khó khăn trong quân đội, về vấn đề các văn nghệ sĩ trong quân đội đấu tranh đòi có một kỷ luật sống, cho thích hợp với thời kỳ hòa bình. Lúc đó, Trần Dần cũng bị o ép rất ghê, anh Dần có bàn với tôi rằng: *"Có lẽ ta nên tổ chức một buổi phê bình thơ Việt Bắc"*. Tôi hoan nghênh lắm. Vì vậy, Trần Dần tổ chức một cuộc phê bình thơ Tố Hữu ở trong quân đội.

- TK: *Thưa anh, như vậy có thể nói là tất cả đều bắt đầu từ việc phê bình thơ Tố Hữu trong quân đội. Nhưng lúc đó anh không ở trong quân đội, phải không ạ?*
- LĐ: Lúc đó tôi đang học lớp tiếp quản để về tiếp quản khu 300 ngày ở Quảng Ninh. Trần Dần có nói với tôi rằng: *"Thôi cậu đến "viện trợ" cho mình một tí, vì trong quân đội nó trật tự lắm. Hôm này có các ông quan to thì chắc là mọi người không dám phát biểu"*. Trần Dần cũng biết tính tôi là khi tôi nói thì tôi cũng không sợ gì ai cả. Hôm đến, tôi đã thấy ông Nguyễn Chí Thanh ngồi đấy rồi. Hoàng Yến lên nói về thơ Tố Hữu và bảo rằng thơ Tố Hữu bây giờ *"nhỏ"* hơn thơ Tố Hữu thời trước, thì đó cũng là một cách nói thôi. Sau đó, khi anh Thanh lên diễn đàn thì tôi thấy không khí im lặng cả, không ai nói gì nữa. Trần Dần đá chân tôi bảo: *"Thôi, thế cậu lên đi."* Tôi lên nói một bài về thơ Tố Hữu và tôi có nhắc đến sự sùng bái chủ tịch Hồ Chí Minh của Tố Hữu. Cuộc trao đổi ấy rất vui vẻ rồi ông Thanh cũng không nói gì nữa. Căn cứ trên cuộc thảo luận ấy thì anh em thấy là có thể có đủ bài để viết trên tạp chí Văn Nghệ mà lúc đó tôi là thường trực. Sau đó tôi có lên trình bày với anh Tố Hữu về tờ báo Văn Nghệ.

Đã lâu lắm rồi anh em không gặp nhau. Phải nói rằng, tôi quan hệ với anh Tố Hữu từ thời kháng chiến, quan hệ rất tốt, nhưng mà từ hòa bình thì có hơi xa nhau. Lần này, sau

khi nói chuyện một lúc, anh Tố Hữu có nói với tôi: *"Ông vốn là người nhậy cảm mà tôi thấy có tập Việt Bắc mà ông không cho phê bình thì như thế là độ này Lê Đạt nhạy cảm hơi kém rồi."* Lúc ấy, trong túi tôi đã có bài Hoàng Yến phê bình Việt Bắc, tôi chỉ cười, không nói gì cả và tôi nghĩ bụng: Vâng, chắc anh sẽ xem được một loạt những bài phê bình Việt Bắc nhưng có lẽ ngoài ý muốn của anh! Sau đó ra về tôi in bài của Hoàng Yến và tiếp đó là một loạt những bài phê bình Việt Bắc. Thì tôi chắc là việc đó gây cho anh Tố Hữu nhiều bực tức lắm, tại vì các lời phê bình ấy thường thường là chê, mà ở nước Việt Nam người ta chưa quen chê anh Tố Hữu bao giờ cả. Về vụ phê bình Việt Bắc thì tôi được sự ủng hộ của anh Nguyễn Hữu Đang vì Đang lúc ấy đang ở trong tòa soạn báo Văn Nghệ với tôi. Vụ Việt Bắc ấy kéo dài độ hơn một tháng, sau mọi người thấy là nên thôi, tại vì ông Lành[1075] cũng không chịu thua mà chúng tôi cũng không thắng, nhưng chắc là thơ ông Lành bắt đầu bị đặt vấn đề. Từ đó quan hệ của tôi với anh Lành hình như hơi khó khăn hơn.

- TK: *Từ vụ phê bình thơ Việt Bắc của Tố Hữu đến việc thành lập Giai Phẩm Mùa Xuân, mọi chuyện diễn tiến ra như thế nào, thưa anh?*
- LĐ: Sau vụ Việt Bắc, đến vụ Trần Dần. Dần lúc ấy có quan hệ với chị Khuê là vợ anh ấy bây giờ; chị Khuê là một người công giáo, cho nên người ta nghĩ rằng đó là một người công giáo cài lại làm gián điệp để tranh thủ anh Dần. Vì Trần Dần lúc đó còn ở trong quân đội nên Dần bị kỷ luật và người ta cấm trại không cho ra nữa. Đó là lần anh Dần bị giữ lần thứ nhất, không bị giam. Trần Dần, sau đó, cũng được ra và rồi hai người, như trong truyện cổ tích, cũng lấy được nhau.

Trần Dần ra rồi, chúng tôi mới nghĩ đến chuyện này: bây giờ làm sao mà in được một tập thơ, trái với nguyên tắc lúc bấy giờ - nguyên tắc bấy giờ là tất cả các bài đều bị kiểm

---

1075 Tên thật của Tố Hữu.

duyệt. Tôi chủ trương tập này phải là một tập tự do sáng tác hoàn toàn, tức là mỗi cá nhân đều chịu trách nhiệm về bài của mình và không có kiểm duyệt gì cả. Tôi có bàn với Dần, Cầm, với Văn Cao, Tử Phác và mấy anh hội họa nữa là Sỹ Ngọc và Nguyễn Sáng. Lúc đó thì chưa tìm được chữ gì hay lắm. Tôi cũng không thích chữ *Giai Phẩm* tại chữ Giai Phẩm có vẻ Tự Lực Văn Đoàn, nghe chữ ấy nó sang trọng quá tôi không thích. Nhưng lúc đó anh Minh Đức, nhà xuất bản và anh Đang đều thích chữ ấy. Trước tôi định cái tít là "*Thơ năm người"*, nhưng mọi người bảo thế là *"gây sự"* quá, thì sau cũng đành lấy chữ *Giai Phẩm*.

Ngay lúc đó xẩy ra vấn đề Phùng Quán: Phùng Quán thì không dính dáng gì đến lớp chúng tôi cả. Phùng Quán lúc ấy -theo lối nói Việt Nam- mới chỉ là *"đàn em"* thôi, thế nhưng Phùng Quán đang nổi tiếng vì quyển *Vượt Côn Đảo*, tác phẩm chứng tỏ Phùng Quán có óc tưởng tượng rất phong phú. Một hôm Phùng Quán đến tôi chơi, tôi thấy một anh bộ đội trẻ, xưng với tôi: em là Phùng Quán. Trong lúc anh em ngồi chơi nói chuyện với nhau, Phùng Quán có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ, trong đó có bài *Công nhân hót rác*, nghe tôi cũng thấy vui lắm. Tôi bảo: *"Các anh sắp ra một quyển Giai Phẩm Mùa Xuân, thế Quán có muốn tham gia không?"* Tôi không ngờ lời nói đùa ấy đã rẽ Quán sang một bước ngoặt của đời Quán. Quán nói rằng: *"Em thích lắm, tất cả các anh em đều quý cả, để em tham gia với."* Tôi lấy bài của Quán, nhưng khi đến bàn với anh em thì tôi gặp sự phản đối, nhất là anh Văn Cao. Anh Văn Cao nói rằng: *"Quán nó không thể ngồi cùng chiếu với mình được!"* Tôi cười, tôi nói với anh Văn Cao rằng: *"Đây là chỗ anh em với nhau chứ không phải chiếu tiên chỉ, thứ chỉ gì mà chúng ta đối với nhau trật tự quá như thế".* Tôi không ngờ câu nói đùa đó sau sẽ cứ đeo bám anh Văn Cao suốt một cuộc đời. Và từ đó người ta đều gọi anh Văn Cao là *tiên chỉ*. Ý kiến của tôi dĩ

nhiên được cả mọi người ủng hộ, thì anh Văn Cao phải thua thôi. Vì thế trong Giai Phẩm Mùa Xuân lại có một người rất trẻ là Phùng Quán.

- TK: *Thưa anh, trước khi tiếp tục câu chuyện, xin anh xác định lại một lần nữa: Phong trào của các anh là tự phát chứ không dính dáng gì đến Liên Xô và Trung Quốc cả.*
- LĐ: Hoàn toàn không có dính dáng gì đến Liên Xô và Trung Quốc cả. Tại vì, như tôi đã nói, lúc đó anh em đang bàn với nhau làm một tuyển tập tự do sáng tác cơ mà. Giai Phẩm Mùa Xuân ra -nếu tôi nhớ không lầm- tháng giêng năm 1956, mà đến tháng 5/1956 mới có phong trào *Trăm Hoa Đua Nở* ở Trung Quốc. Vậy không có lý do gì một phong trào có sau lại ảnh hưởng đến phong trào có trước cả. Và lúc đó phải nói thật là chúng tôi cũng chưa nghĩ gì sâu xa lắm đâu, lúc đó tôi còn quá trẻ, chị Thụy Khuê ạ, tôi mới 26, 27 tuổi, tôi chỉ nghĩ rằng: anh em bây giờ ở trong điều kiện hòa bình thì phải chống lại vấn đề kiểm duyệt, nó khe khắt quá và hai là chống lại thứ văn nghệ độc tôn, thực hiện tự do sáng tác, tôi thấy vấn đề rất đơn giản: mỗi anh sáng tác một bài và chịu trách nhiệm bài viết của mình. Chúng tôi cũng chưa nghĩ là mình làm cái việc tày trời như thế, chuyện ấy nó sẽ đến sau, cho nên tôi cũng chẳng bận tâm gì đến Trăm Hoa Đua Nở, tôi cũng chẳng bận tâm gì đến ông Hồ Phong. Nhưng nếu nói đến một ảnh hưởng gì của Nga, thì đó không phải là ảnh hưởng phong trào nào của Nga, mà là ảnh hưởng một nhà thơ Nga mà tôi rất yêu mến, đó là Maïakovski. Cho nên, không thể gọi là ảnh hưởng phong trào này, hay phong trào kia được. Ngoài ra, anh Cầm thì cũng không ảnh hưởng gì Maïa cả, chỉ có tôi với Dần là ảnh hưởng Maïa thôi, nhất là Văn Cao cũng chẳng ảnh hưởng Maïa, lại có cả Nguyễn Sáng và Sỹ Ngọc là những người của hội họa. Mà anh Sáng có làm một bài thơ thì xin lỗi, rất trung bình. Cho nên anh

em là vui với nhau để chứng tỏ rằng những người nghệ sĩ, những người sáng tác có quyền sáng tác một cách tự do.

- TK: *Sau khi Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời, tác dụng của nó đối với người đọc như thế nào?*
- LĐ: In ra được một tuần thì thấy ảnh hưởng của nó ghê gớm quá, tôi với anh Trần Dần cũng không ngờ. Đi đâu lúc bấy giờ cũng thấy người ta nói đến câu thơ của Trần Dần:

Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà
chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ

và câu thơ của tôi mà sau này cụ Phan Khôi cụ đã bình luận. Sau này tôi sẽ nói về chuyện đó. Nhưng mà đồng thời dông bão cũng đã bắt đầu thấy xuất hiện ở trên vòm trời rồi. Hôm tôi đến Hội, tôi gặp cụ Phan Khôi. Cụ Phan Khôi bảo: *"Này, gay go đấy nhé!"* Tôi bảo: *"Cái gì mà gay go hở cụ?"*

- Hôm nọ Tố Hữu đến đây phê phán Giai Phẩm Mùa Xuân nặng lắm và nói rằng: *"Lũ này là lũ phản động",* thì tôi có nói rằng: *"Phản động hay không phản động chưa biết, cứ biết rằng người ta nói mình không bằng lòng thì mình viết, rồi để cho người ta trả lời",* thì Tố Hữu nói ngay rằng: *"Thừa giấy cho chúng nó viết à?"* Phan Khôi không nói gì nữa. Phan Khôi bảo tôi: *"Cẩn thận!"*

Rồi chúng tôi chia tay nhau.

Lúc đó đi đâu cũng thấy người ta nói đến Giai Phẩm Mùa Xuân. Bấy giờ là gần Tết rồi và hôm ấy, vào khoảng độ 28 Tết, trên đường đi tôi gặp một người liên lạc của tôi, đang chạy xe đạp đi các phố để tìm tôi, bảo rằng: "*Anh Tố Hữu có điện đi tìm anh và nói rằng mời anh lên Tuyên Huấn để kiểm thảo".* Phản ứng đầu tiên là tôi rất bực mình. Tôi cũng là một người như mọi người khác, thì phải để cho tôi ăn Tết chứ? Tôi bảo với cậu liên lạc: *"Bây giờ em về, em cứ nói với cơ quan là không tìm thấy anh, rồi sau Tết anh sẽ lên".*

Tôi nghỉ ăn Tết xong, mùng 5 Tết tôi lên gặp Tố Hữu. Lên, thì lúc ấy Tố Hữu ở trên gác, một anh chánh văn phòng

xuống gặp tôi, nói rằng: *"Anh đợi một lúc, anh Tố Hữu sẽ xuống!"* Tôi phải nhắc lại với chị một lần nữa: Tôi là người trong suốt thời kháng chiến ở Tuyên Huấn, cho nên tôi về Tuyên Huấn như là tôi về nhà tôi vậy. Nhưng mà tôi thấy sao hôm nay về nhà mình, ngạc nhiên lắm, cái nhà không phải là nhà mình nữa, trông nó lạnh lùng mà nó khác hẳn rồi. Trong lúc ngồi ghế đợi, tôi thấy quyển Giai Phẩm Mùa Xuân để trên bàn, bài *Nhất định thắng* của Trần Dần với rất nhiều câu hỏi của anh Lành -Tố Hữu- đánh bằng bút bi đỏ, ở chung quanh. Nói ghê lắm. Còn bài *Mới* của tôi, thì bên cạnh câu: *Bay cho cao, bay cho xa,* anh Tố Hữu có đề câu hỏi: *Bay đi đâu? Có phải bay vào miền Nam không?* Tôi thấy tình hình gay go rồi: Mình làm chuyện sáng tác nhưng tự nhiên các ông ấy lại gắn vào cái chính trị, ngoài ý muốn của mình. Nhưng lúc ấy tôi chưa sợ. Tôi không có lý do gì mà sợ cả. Tôi vẫn tin ở sự trong sáng của mình và lúc ấy tôi vẫn tin vào sự trong sáng của Đảng.

Giai Phẩm Mùa Xuân ra vào tháng giêng, tháng hai, thì như thế là vào khoảng cuối tháng hai tôi đã bị gọi lên Tuyên Huấn, chị thấy tác động nó rất nhanh. Lúc đó, anh Tố Hữu đi trên gác xuống, lần này anh Tố Hữu gặp tôi khác lắm, không chào hỏi gì cả. Và anh rút bao thuốc lá Trung Quốc trong túi ra, anh ấy hút mà không mời tôi.

Câu đầu tiên anh nói với tôi rất lạnh lùng: *"Các anh muốn gì?"*. Tôi hơi bực mình, tôi trả lời: *"Chúng tôi chẳng muốn gì cả, chúng tôi chỉ muốn làm văn nghệ. Anh Tố Hữu này, chúng ta vẫn còn là đồng chí với nhau, cho nên anh không thể xử sự với tôi như người ngoài được. Có gì anh cứ nói một cách bình tĩnh."* Lúc ấy anh Tố Hữu nghĩ thế nào, mới rút một điếu thuốc lá mời tôi và chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Câu đầu tiên mà anh Tố Hữu nói là: *"Tôi rất lo cho tương lai chính trị của anh. Anh thì còn là người ở trong nội bộ, còn Trần Dần hỏng rồi. Chúng tôi đã có tài liệu rằng*

Trần Dần là có bàn tay của địch dúng vào. Vì anh còn là người của nội bộ cho nên chúng tôi mời anh đến đây kiểm điểm. Anh phải ở lại đây 15 ngày để kiểm điểm và để thấy rõ bộ mặt phản động của Trần Dần."

Thế là tôi ở lại đấy ăn cái Tết kiểm thảo 15 hôm. Tôi không phải làm việc gì cả, tức là theo cái cách ở Việt Nam người ta làm, anh cứ ngồi đấy *"suy nghĩ"* về những lỗi lầm của anh. Anh viết về những sai sót của anh. Lẽ dĩ nhiên, lúc đó anh Lành cũng không gây áp lực gì nhiều lắm đối với tôi. Tôi có nói với anh Lành thế này: *"Tôi không thể căn cứ vào tác phẩm của anh Dần mà đi đến kết luận anh ấy là phản động được. Dù anh có kéo dài nửa tháng hay một tháng cũng thế thôi: Không thể căn cứ vào tác phẩm của ai mà kết tội người ta là phản động được. Phản động là thuộc phạm vi của công an".* Trong 15 ngày thì có một cuộc hội nghị rất lớn, hầu hết các nhân vật sừng sỏ nhất của Tuyên Huấn, nào là anh Kỉnh này, Kỉnh là trung ương ủy viên và là phó ban Tuyên Huấn, Nguyễn Chương này. Nguyễn Chương, anh em quen gọi là Xứ Chương, là một cán bộ kỳ cựu sừng sỏ về lý luận - sau này cuộc tranh luận giữa Xứ Chương và Nguyễn Hữu Đang trên báo được rất nhiều độc giả lưu ý. Cả thiếu tướng Lê Trưởng, ... nhiều, nhiều lắm. Cuộc họp rất to, mà ở bên này chỉ có tôi thôi - *cười.* Một người thì không thể nào cãi lại được tất cả mọi người. Nhưng tôi cãi được một điểm duy nhất mà tôi có thể cãi lại, và tôi cho là đúng, đó là:*" Tôi không thể nào căn cứ vào một văn bản mà kết luận một người là phản động được".* Lúc đó anh Tố Hữu nói: "*Thôi được rồi, để anh suy nghĩ thêm, nhưng tổ chức đã có tài liệu."* Thì tôi nói: *"Tổ chức đã có tài liệu thì tôi còn phải kiểm điểm gì nữa."*

Tóm lại, cuộc đấu tranh rất căng thẳng. Sau đó, tôi được thả về vì đến đấy coi như đã xong và anh Dần cũng đã bị bắt rồi. Tức là cùng lúc tôi bị gọi lên kiểm điểm ở Tuyên

huấn thì anh Dần bị bắt ở chỗ Cải Cách Ruộng Đất. Trần Dần bị bắt cùng với Tử Phác, trong khi hai người đang đi thực tế học tập về chính sách Cải Cách Ruộng Đất. Ba hôm sau, anh Dần cứa cổ tự tử, người ta buộc phải giải quyết vấn đề tức là cho anh Dần ra bệnh viện để chạy chữa và khuyên anh ấy không nên làm như thế. Vì vậy trong hình của Trần Dần trên báo *Nhân Văn*, Nguyễn Sáng có vẽ một vết sẹo ở cổ, chính là cái vết tự tử bằng mince lame trong cuộc bị bắt ấy. Rồi Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu và tự nhiên người ta gọi chúng tôi là nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân.

● Sự thành lập Nhân Văn và vai trò của Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang và Thụy An

Nếu Giai Phẩm Mùa Xuân là một nhóm văn nghệ sĩ thuần túy, thì tờ Nhân Văn có những khuôn mặt chính trị. Sự buộc tội nặng nề nhất của nhà cầm quyền hướng về "những tên đầu sỏ" Phan Khôi, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo, Lê Đạt... Nhưng sự thật ra sao? Ai là "đầu sỏ"? Phan Khôi, Thụy An, Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo... làm gì trong tờ Nhân Văn? Lần đầu tiên Lê Đạt trả lời công khai về những sự kiện này.

- TK: *Có thể nói giai đoạn thứ nhì của phong trào NVGP bắt đầu từ sự ra đời của tờ Nhân Văn, vậy thưa anh, báo Nhân Văn đã ra đời trong hoàn cảnh nào, ở thời điểm nào và do ai chủ xướng?*
- LĐ: Tháng 5 năm 1956, bắt đầu ở Trung Quốc có phong trào Trăm Hoa Đua Nở thì ở Việt Nam, ít lâu sau, cũng bắt đầu có cuộc học tập văn nghệ về vấn đề dân chủ. Trong cuộc học tập[1076], anh em phê phán văn nghệ rất nhiều, trong đó nổi bật lên vai trò của anh Nguyễn Hữu Đang. Và tôi phải nói về anh Đang như thế này: Anh Đang là người hoạt động lâu năm ở trong Đảng, nhưng đã từ lâu -hình như có cái gì không

[1076] tức là đợt học tập 18 ngày trong tháng 8/1956.

bằng lòng mà trong danh từ của chúng tôi người ta thường gọi là *"bất mãn"*- anh không hoạt động nữa. Lúc bấy giờ Nguyễn Huy Tưởng có đón anh ấy ra để làm báo Văn Nghệ, cùng với tôi. Trong buổi học tập văn nghệ đó, anh Đang có đọc một bài tham luận rất hùng hồn về những sai lầm của lãnh đạo văn nghệ. Lúc đó Đang có nói một câu với Nguyễn Đình Thi -Nguyễn Đình Thi lúc ấy là một trong những người chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ- Đang nói rằng: *"Thế nào tao cũng ra một tờ báo, tờ báo chưa biết tên là gì, tao thì không làm được nhưng để cho bọn Giai Phẩm Mùa Xuân nó làm"*. Đó là lời nói của Đang như thế. Trong tất cả các anh em Giai Phẩm Mùa Xuân chỉ có tôi là biết Đang thôi, nhưng do việc họp văn nghệ như thế thì Đang cũng dần dần biết anh em chúng tôi nhiều hơn, tiếp xúc với nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân nhiều hơn, nhưng Đang cũng chỉ thân với tôi thôi. Thế còn Trần Dần, Văn Cao, và các anh em... cũng không thân gì với Đang lắm. Đang nói với tôi: *"Thế nào cũng phải ra báo và ra báo thì chắc là tụi mày phải làm thôi."*

Vì tình hình Trung Quốc họ làm như thế, cho nên ở Việt Nam cũng có cởi mở hơn về vấn đề dân chủ, tháng 9 năm 1956, cho tái bản Giai Phẩm Mùa Xuân. Như thế bước đầu, có thể gọi là một thắng lợi. Và trong tình hình sôi sục như thế Đang có đề nghị ra một tờ báo, tờ báo này chính là tờ Nhân Văn.

Tờ Nhân Văn thì không do tôi đặt tên, điều đó chắc là rõ ràng rồi. Và khi Giai Phẩm Mùa Xuân được tái bản thì lập tức nó đẻ ra một loạt những giai phẩm khác: Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông và bên phía sinh viên, là tờ Đất Mới. Tức là lúc đó tự nó hình thành một phong trào rộng lớn của trí thức miền Bắc: Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông, Đất Mới... Vì người ta tôn trọng Giai Phẩm Mùa Xuân mà thực tế cũng là thế, nên người ta vẫn cho rằng, chính cái

gốc của tất cả những giai phẩm này cũng như của Đất Mới là Giai Phẩm Mùa Xuân.

Lúc đó, anh Minh Đức có nói với tôi rằng: *"Hay là bây giờ anh chịu trách nhiệm Tổng biên tập tất cả các giai phẩm này*", thì tôi nói: *"Tôi bận quá, tôi không thể làm được".* Sau đó các anh ấy làm với nhau thôi, một phần là anh Đang, một phần là các anh ấy làm, tôi không làm.

- TK: *Thưa anh, tất cả các Giai Phẩm Mùa Xuân, Mùa Thu, Đất Mới, ... này ra đời, là một hiện tượng bột phát hay là có sự bàn bạc chung giữa các anh chị em tham gia phong trào NVGP?*
- LĐ: Cái đó không phải bàn bạc gì với nhau, nhưng tự nhiên nó hình thành một phong trào đòi hỏi dân chủ và cách tân văn hóa ở miền Bắc, tập trung chung quanh Giai Phẩm Mùa Xuân và nhóm đại học do anh Đào Duy Anh, anh Trương Tửu, anh Trần Đức Thảo... và tôi thấy tình hình lúc ấy bắt đầu khó khăn. Tại vì lúc mới chỉ là một tập Giai Phẩm Mùa Xuân thì được, nhưng đến khi nó trở thành phong trào rộng lớn như thế này, thì chắc là phải suy nghĩ một cách kỹ lưỡng hơn. Thú thật, sau Giai Phẩm Mùa Xuân, chúng tôi cũng có phần hơi mệt. Hơn nữa chúng tôi cũng chưa chuẩn bị tư tưởng sẵn sàng cho việc ra đời một tờ báo. Nhưng cuộc đời nó vẫn thế, mình làm là một chuyện, rồi cuộc đời nó đẩy đưa mình đi. Những Giai Phẩm Mùa Thu, Mùa Đông cũng vẫn tiếp tục việc của Giai Phẩm Mùa Xuân, với những bài này, bài khác rồi chị sẽ đọc sau, trong các tài liệu... Điểm chính là phong trào đã phát triển và cái này thì đúng là có ảnh hưởng Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc: Vì phong trào Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc làm cho Việt Nam phải suy nghĩ về chính sách văn học nghệ thuật của mình; chắc chắn đó là có ảnh hưởng, mình không nên phủ nhận cái ảnh hưởng của người ta. *Nhưng ảnh hưởng sinh ra Giai Phẩm thì không có,* tôi muốn nhấn mạnh ở chỗ ấy.

- TK: *Tóm lại Giai Phẩm Mùa Xuân ra đời vào tháng giêng năm 1956, sau đó bị tịch thu; nhờ có phong trào Trăm Hoa Đua Nở ở Trung Quốc mà tháng 9/1956, Giai Phẩm Mùa Xuân được tái bản, đồng thời có thêm Giai Phẩm Mùa Thu, Giai Phẩm Mùa Đông, Đất Mới và tờ Nhân Văn. Xin anh nói về sự thành lập tờ Nhân Văn như thế nào và ban biên tập có những ai?*
- LĐ: Xong tờ Giai Phẩm Mùa Xuân thì tình trạng anh em như thế này: Bấy giờ anh Dần mới sinh cháu thứ nhất - tức là cháu Kha bây giờ và tôi cũng bắt đầu lập gia đình, thành ra chúng tôi đều có những lo lắng mới cả. Mà trong anh em cũng có một nhận định chung: Vai trò của mình như thế cũng là xong, mình đã làm xong Giai Phẩm Mùa Xuân thì cũng có thể nghỉ được.

Đến lúc ra báo Nhân Văn, cũng lại có nhiều khó khăn lắm. Anh Dần muốn trực tiếp lo chuyện gia đình vì anh ấy gặp nhiều khó khăn quá: bị bắt, rồi lại phải lo cho con cái. Còn tôi lúc đó, tôi cũng muốn nghỉ. Anh Đang lại không thuộc nhóm Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đang là một cán bộ chính trị cũ, anh ấy chỉ biết tôi thôi, thế còn quan hệ với anh em Giai Phẩm Mùa Xuân, anh Đang lại không có. Mà các anh ở Giai Phẩm Mùa Xuân cũng không thích anh Đang. Chúng tôi mới quyết định thế này: Anh Cầm đang rỗi rãi, bèn giao -Nhân Văn- cho anh Cầm, tách anh Cầm ra làm việc chung với anh Đang.

Về số 1 Nhân Văn, nguồn gốc cái tên Nhân Văn, bây giờ kể lại, có hơi phức tạp, vì tôi không hiểu là ai nói đúng. Tôi nghĩ rằng các anh ấy cũng chẳng nói dối đâu, nhưng chắc là trí nhớ của các anh không phục vụ các anh một cách trung thành: Anh Cầm thì nói rằng tên Nhân Văn là do anh ấy nghĩ ra. Còn anh Đang cũng nói Nhân Văn do anh ấy nghĩ ra, thực tình tôi cũng không hiểu như thế nào, nhưng có một điều khẳng định là tôi không nghĩ ra tên tờ Nhân Văn. Cái ấy thì

rõ. Còn mọi việc cứ để các anh tĩnh trí nghĩ lại. Mà tôi thấy việc ấy cũng chẳng đáng gì - *cười.* Nhưng sau, thấy tờ Nhân Văn lung tung quá, nhiều người tìm đến, có những nhà xuất bản ở nhiều nơi cũng ủng hộ tiền nong, mọi thứ, rất nhiều. Tự nhiên trở thành một phong trào rất lớn. Lúc ấy, các anh Giai Phẩm mới nói: *"Thế này thì chắc là Lê Đạt phải vào rồi"*, tại vì các anh vẫn nghĩ rằng tôi là người có cái nhìn quán xuyến, còn Cầm thì chắc là không làm xuể. Anh em nói thế, thì tôi cũng đành vào thôi. Vào một cái, thì anh Đang đặt luôn vấn đề: *"Cậu đứng tên nhé!"* Tôi nói rằng: *"Cậu là đảng viên đã bỏ sinh hoạt, cậu còn chẳng đứng tên, mình là đảng viên đương sinh hoạt thì đứng tên làm sao được?"* Sau hai anh em bàn với nhau - sáng kiến này là của Đang - Đang bảo: *"Hay là mời cụ Phan Khôi?* Mà cụ Phan Khôi cũng lại không thân gì với Đang lắm. Thế là anh Hoàng Cầm được cử đến mời cụ Phan Khôi. Phan Khôi khẳng khái nhận lời ngay. Vì cụ Phan Khôi với tôi vốn có những quan hệ đặc biệt và cụ biết tôi là một trong những người phụ trách chính của tờ báo, cho nên tôi phải đến gặp cụ. Tôi nói với cụ Phan Khôi rằng: *"Tôi phải nói thật với bác, tổ chức của báo thì nó không như một tờ báo chính thống đâu, nó lung tung lắm, cho nên tôi không thể nào đem tất cả các bài đến để cho bác duyệt được, với tư cách bác là chủ nhiệm tờ báo."* Thế là ông Phan Khôi trợn mắt lên, nhìn tôi và nói rằng: *"Ông buồn cười thật! Tôi đứng ra để chịu trách nhiệm, còn các ông làm chứ tôi làm thế nào được!"* Riêng việc ấy tôi rất phục ông. Tôi rất trọng thái độ của Phan Khôi. Mặc dầu Phan Khôi không có lãnh đạo trực tiếp gì tờ Nhân Văn, nhưng *trong thâm tâm tôi, bao giờ tôi cũng coi ông là người lãnh đạo tờ Nhân Văn*. Do thái độ tự trọng của ông ấy. Một thái độ tốt như thế. Chứ còn báo chí cứ nói rằng Phan Khôi lãnh đạo Nhân Văn thì quả thật là ông Phan Khôi không làm gì trong tờ Nhân Văn cả, cái đó là rõ ràng. Nhưng mà nguyên việc một người dám đứng lên

chịu trách nhiệm một việc tầy đình như thế, thì việc ấy đáng phải đề cao mới được. Nhưng cái gì cũng phải rõ ràng: Ông Phan Khôi không dính gì đến công việc hàng ngày của báo Nhân Văn. Có việc gì lớn lắm tôi mới nói với ông ấy thôi, còn mọi việc là do chúng tôi làm cả.

- TK: *Nhưng tờ Nhân Văn số 1 có đăng bài* Phê bình lãnh đạo văn nghệ[1077] *của Phan Khôi, bài này cũng mạnh lắm chứ ạ?*
- LĐ: Vâng, về ông Phan Khôi, thì chắc chắn là ông ấy chịu trách nhiệm về bài viết của ông ấy. Mà Phan Khôi từ xưa đến nay vốn là người viết văn thì ai cũng biết là ông ấy nói rất mạnh, mà đã nói thì không bao giờ ông ấy rụt tay rồi. Nhưng, ý tôi muốn nói thế này: trong tờ Nhân Văn số 1, có một bài của ông Phan Khôi[1078], một bài của Hoàng Cầm nói về Trần Dần và bài thơ *Những người tự tử* của tôi đăng như bài xã luận. Đó là ba bài sau này gây nhiều tiếng vang nhất ở Hà Nội. Nhất là bài *Những người tự tử*. Tôi nói thế không phải để hạ thấp vai trò của ông Phan Khôi, mà tôi nói thế là tôi đề cao vai trò của ông Phan Khôi rất ghê, nhưng đồng thời mình cũng phải rõ ràng, không nên có những lẫn lộn trong những người làm việc, chắc là chị hiểu ý tôi chứ?

- TK: *Dạ. Còn một người nữa mà trong cuốn Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Tòa Án Dư Luận in năm 1959, họ coi là một trong những thủ phạm rất nguy hiểm, đó là chị Thụy An. Theo anh vai trò của Thụy An trong phong trào NVGP là như thế nào? Bởi vì cho đến nay thì mỗi người nói một khác, thí dụ như anh Nguyễn Hữu Đang có lần anh bảo: bà ấy không thuộc phong trào NVGP, vậy theo anh, chị Thụy An đã làm gì trong phong trào NVGP?*

1077 Thực ra bài *Phê bình lãnh đạo văn nghệ* của Phan Khôi đăng trên *Giai Phẩm Mùa Thu, tập I.*

1078 Bài này không quan trọng, Phan Khôi trả lời báo *Cách mạng quốc gia*, một tờ báo của chính phủ miền Nam có ý mỉa mai Phan Khôi theo Việt Cộng.

- LĐ: Tôi phải đính chính một điểm mà mọi người đều hiểu lầm: Chị Thụy An chưa bao giờ ở trong NVGP cả, đó là dứt khoát. Tại vì khi tôi thay mặt anh em làm NVGP thì tôi có đề ra mấy nguyên tắc mà tôi cho là rất nghiêm khắc: Một là, tất cả những người viết cho NVGP phải đều là những người kháng chiến trở về. Lẽ dĩ nhiên không phải mình phân biệt đối xử gì giữa anh em kháng chiến với anh em trong thành đâu, nhưng vấn đề Nhân Văn nó là vấn đề nguy hiểm, nếu có anh em trong thành viết, người ta sẽ dễ gây những lẫn lộn lắm. Hai là, không được nhận bất cứ số tiền nào của tất cả các nhà xuất bản. Tại vì lúc đó các nhà xuất bản đến ủng hộ tiền rất nhiều. Lẽ dĩ nhiên chị Thụy An là bạn của tôi mà tôi rất kính trọng nhưng chị Thụy An là người ở trong thành.

- TK: *Anh vừa nói là các anh không lấy tiền của bất cứ nhà xuất bản nào muốn giúp đỡ Nhân Văn, như vậy anh Trần Thiếu Bảo, chủ nhà xuất bản Minh Đức phải là một người nhiều tiền lắm mới có thể bỏ ra để in Nhân Văn, Giai Phẩm và các tờ báo khác chứ?*
- LĐ: Đó là một sự lầm lẫn. Anh Trần Thiếu Bảo cũng không có nhiều tiền gì cả. Anh ta cũng là người tháo vát thôi. Mà anh ta từ kháng chiến về, Trần Thiếu Bảo chỉ có cái vỏ thôi, chứ Trần Thiếu Bảo làm gì có tiền! - *cười.* Nếu anh ấy có tiền thì anh ấy đã rũ tù rồi. Anh ấy có một xu nào đâu! - *cười.* Nhưng anh này giỏi lắm, anh ấy đi mua chịu giấy, việc nhà in anh ấy rất giỏi. Hơn nữa anh Trần Thiếu Bảo là một nhà in ở kháng chiến về. Việc quản trị tờ Nhân Văn là do anh Đang lo, tôi không có thì giờ lo việc ấy, nhưng nguyên tắc là như thế này: nói chung là chúng tôi đều mua chịu giấy báo. Anh em đi vay nợ để mua giấy và in chịu, rồi bán báo xong lấy tiền giả nợ. Mình không lấy tiền nhưng mình lấy sự ủng hộ. Và việc ấy phải nói đến vai trò của anh Đang. Anh Đang trước đã hoạt động trong giới văn hóa nội thành, cho nên anh ấy quen rất nhiều những người làm văn hóa và những cơ sở

in ấn ở nội thành. Về nguyên tắc thì đề ra như thế, còn có vi phạm hay không thì cái đó tôi cũng chưa kiểm tra được một cách rõ rệt lắm.

- TK: *Bây giờ trở lại câu chuyện chị Thụy An một chút. Thưa anh người ta buộc chị Thụy An vào những tội gì?*
- LĐ: Tôi nhắc lại một lần nữa là chị Thụy An chưa bao giờ ở trong nhóm NVGP cả. Nhưng chị Thụy An rất thân với anh em trong NVGP và đặc biệt là thân với tôi. Người ta buộc tội chị Thụy An, người ta cứ buộc tội mập mờ thế thôi, *"tội chính"* của chị Thụy An là thế này: Là gián điệp cài lại để lũng đoạn nhóm NVGP. Nhưng từ khi tôi biết chị ấy, thì tôi cũng chẳng thấy chị ấy viết bài nào cho NVGP cả. Thế mà chị ấy đối với tôi thì lại rất quý, chị ấy luôn luôn mua đồ đạc cho tôi, cho vợ con tôi, và tôi cũng chẳng thấy chị ấy bàn với tôi về việc viết một bài nào cho NVGP cả. Thế cho nên việc ấy, tôi cũng cho là một cái oan rất lớn.

- TK: *Người ta buộc tội chị ấy là gián điệp, nhưng theo anh, anh rất thân với chị ấy thì anh thấy chị ấy có là gián điệp không?*
- LĐ: Tôi có thể bảo đảm 100% chị ấy không phải là gián điệp. Tại vì thế này: Nếu là gián điệp thì phải có chứng cớ chứ! Chị nhận tiền của ai? Nhận tiền ở đâu? Liên lạc với ai? Cho đến bây giờ tôi vẫn thấy đó là một câu hỏi mà nhà nước chưa trả lời tôi được. Chưa có chứng cớ thì làm sao có thể kết luận người ta là gián điệp được. Thì cứ cho tôi là người mù mờ đi, tôi bị chị mua chuộc đi. Tôi nhớ lại tất cả cuộc đời của tôi, thì chị ấy chưa mua chuộc tôi lần nào cả. Và chị ấy chỉ giúp đỡ tôi rất nhiều. Cho nên đến bây giờ tôi thấy là: Riêng về trường hợp chị Thụy An, tôi vẫn rất ân hận. Tại vì chúng tôi đã được phục hồi nhưng chị Thụy An chưa được phục hồi gì cả. Mà một trong những tội lớn nhất của chị ấy là mua chuộc tôi. Thì như các bạn đã biết, tôi chưa từng cảm thấy bị mua chuộc mà chắc cũng chưa ai mua chuộc được

tôi. Cho nên tôi thấy riêng tôi bây giờ nói những lời này, tôi vẫn khao khát và thiết tha có một dịp nào đó, người ta phục hồi chị Thụy An một cách chính thức. Không có thì riêng tôi, tôi đối với chị Thụy An, tôi vẫn cho là món nợ. Còn về chị Thụy An, tôi phải nói thế này: Chị Thụy An là một người rất giỏi. Chị ấy là một trong những cây bút nữ đầu tiên của Việt Nam. Chị Thụy An còn nói kín hở cho tôi biết rằng chị ấy đã từng tham gia kháng chiến! Việc liên lạc với kháng chiến trong thời ấy thì mình mất mối là chuyện bình thường, mà mất mối thì mình không thể chứng minh được. Bây giờ cũng đã lâu rồi, đã gần 50 năm rồi. Tôi thấy chúng ta có thể mở những kho tài liệu ra để buộc tội hoặc minh oan cho một người cho rõ ràng và khi mình đặt rõ ràng về phận vị rồi thì mình phải trả lại danh dự cho người ta. Rồi lúc đó chúng ta hãy bàn đến vấn đề chị Thụy An có đóng góp gì trong cái phong trào thời ấy. Như thế, chúng ta mới có đủ bình tĩnh hơn để bàn về vấn đề này. Riêng tôi thì không bao giờ tôi quên công của chị Thụy An đối với tôi cả.

● Nội dung báo Nhân Văn
và sự đình bản tờ Nhân Văn

Ba *"điểm nóng"* trong tờ Nhân Văn số 1: Bức tranh Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần với vết sẹo ở cổ, bài *"Con người Trần Dần"* của Hoàng Cầm và bài thơ dài *"Nhân câu chuyện mấy người tự tử"* của Lê Đạt đăng trọn một trang báo lớn. Đó là ba yếu tố sau này trở thành biểu tượng của Nhân Văn số 1. Một mặt khác, Nhân Văn còn có những bài xã luận chính trị, đòi hỏi tự do dân chủ, ký tên Người Quan Sát. Vậy Người Quan Sát là ai? Nguyễn Hữu Đang và Lê Đạt là hai thành viên của Nhân Văn bị buộc tội nặng nhất, trong một bản cáo trạng, người ta xác định Lê Đạt :*"Là một người chủ chốt của báo Nhân Văn, tham mưu cho cả tờ báo, tự tay sửa chữa nhiều bài, đả kích chế độ ta rất là cay độc".* Nhà thơ Lê Đạt

sẽ nói rõ vai trò của ông và ông Nguyễn Hữu Đang trong tờ Nhân Văn và lý do nào đã khiến Nhân Văn bị đóng cửa.

- TK: *Thưa anh, khi báo Nhân Văn số 1 ra đời thì dư luận công chúng đã đón nhận nó như thế nào?*
- LĐ: Đời tôi chưa bao giờ tôi thấy một tờ báo được hoan nghênh như thế. Tức là khi số 1 Nhân Văn in xong, được đưa từ nhà in Xuân Thu đến Nhà Hát Lớn - vào khoảng độ gần 2 cây số, thì có khi người bán báo phải đi đi về về đến 10 lần để lấy báo, tại vì hết ngay và người ta chen ra đường mua; thậm chí người ta đưa tiền ra mà không ai lấy tiền trả lại cả! Lúc đó tôi đứng đấy tôi nhìn thì mới thấy đúng là *"ngày hội của quần chúng"*. Đúng là ngày hội của quần chúng thật, tức là: không thể đi được! Bản thân tôi, tôi cũng không đi được. Cứ ra thì người ta lấy hết báo, lại vào, cứ liên tục như thế mà chẳng phải quảng cáo gì cả. Sau khi báo Nhân Văn số 1 ra rồi, đi đâu tôi cũng thấy người ta nhắc lại hai câu thơ của tôi:

Đem bục công an đặt giữa trái tim người
Bắt tình cảm ngược xuôi
theo đúng luật đi đường nhà nước

Nhất là sinh viên ủng hộ rất nhiều. Nhân Văn số 1 lập tức là phải in lại sau đâu có một hai ngày gì đó. Hình như báo nhà nước lúc đó cũng chưa có chuẩn bị đối phó trước một hiện tượng đột ngột như thế, sau này, sự đối phó đến sau, lúc đó tất cả các báo, nhất là báo Nhân Dân, thường xuyên phản pháo. Trên báo Nhân Dân đã đành, còn các đoàn thể khác cũng đều học tập vấn đề Nhân Văn. Nhưng vì lúc đó tình hình bên Trung Quốc vẫn chưa có gì thay đổi cả, vẫn *"trăm hoa đua nở",* vẫn *"trăm nhà đua tiếng"* thành ra ở Việt Nam, người ta vẫn vừa nghe ngóng, lại cũng thấy rằng bên Trung Quốc chưa động tĩnh gì cho nên họ vẫn để cho Nhân Văn ra tiếp.

- TK: *Thưa anh, anh và anh Đang bị kết tội khá nặng nề về tờ Nhân Văn, người ta coi anh là một trong những cột trụ.*

Vậy xin anh cho biết thật rõ anh đã làm gì trong tờ Nhân Văn, về vai trò của anh và anh Đang.

- LĐ: Đến mấy số sau thì tình hình càng ngày càng phức tạp, lúc đó không thể nào dừng lại ở vấn đề văn nghệ được nữa; vì tình hình đấu tranh ở Đông Âu đang nổi lên, Nhân Văn phải có ý kiến. Thế là chúng tôi phải ra hẳn một số về Ba Lan - Hung Ga Ri và một số về Ba Lan. Những số đó tôi phải làm hết sức vất vả.

Bây giờ phải nói về việc tôi làm trong báo Nhân Văn: vì tôi nhận trách nhiệm với anh em Giai Phẩm, là tôi lo về phần chính trị của báo Nhân Văn. Mà ở trong mục chính trị, thì phải chú ý nhất đến bài xã luận của anh Nguyễn Hữu Đang. Tôi không hiểu anh Đang nghĩ gì, nhưng anh Đang có cách làm việc rất đặc biệt và tôi thấy chưa ai làm việc như thế cả, tức là anh thường viết bài xã luận rất lâu, mỗi lần gặp anh chỉ đưa cho tôi một mẩu, đến lúc báo sắp sửa lên khuôn, anh mới đưa mẩu cuối cùng. Tôi không biết anh ấy nghĩ gì, nhưng anh ấy nói rằng: *"Mình viết khó khăn lắm".* Vì thế đêm nào in báo tôi cũng phải thức để đợi xem câu chót của bài xã luận anh ấy như thế nào, thành ra rất vất vả. Mà anh em cãi nhau ở nhà in rất dữ, rất nhiều, nhưng không thể làm thế nào hơn được, tại vì cách làm việc của anh ấy như thế thì tôi cũng phải chịu thôi. Đến số Ba Lan - Hung Ga Ri thì Đảng và nhà nước đã khó chịu lắm rồi. Cái bài nói về bài học Ba Lan Hung Ga Ri tuy ký tên là Người Quan Sát nhưng chính là tôi viết. Tôi với Đang đều ký tên là Người Quan Sát cả, nhưng về hai bài[1079] ấy, anh Đang có nói: *"Toa viết thì toa phải nhận",* vậy tôi xin chính thức nhận ở đây! - *cười.*

- TK: *Trong hai bài đó anh đã viết những gì?*

- LĐ: Lúc bấy giờ quan niệm của Đảng cũng như của phe cộng sản là như thế này: Bọn Mỹ và bọn phản động chúng nó

[1079] Lê Đạt nói 2 bài: như vậy một bài đăng Nhân Văn Số 5 chúng ta đã biết, còn bài đăng số 6, bị đình lại ở nhà in.

kích động thì mới xẩy ra vụ Ba Lan - Hung Ga Ri; thì tôi nói đại ý rằng: *"Cái đó không phải, tức là xuất phát tự ta, ta bậy quá cho nên tụi kia mới nhúng vào được, chứ nếu ta tử tế thì không việc gì nó nhúng vào được cả. Cho nên, việc thứ nhất ta không nên sợ vì chúng nó can thiệp mà ta không chỉnh đốn việc của ta".* Đó là việc mà mọi người trong các báo chính thức rất khó chịu và họ vẫn cho tôi là lẫn lộn ta địch. Nhất là bấy giờ đại sứ Ba Lan cũng viết thư phản đối tôi, nói là: *"Ông lẫn lộn giữa Ba Lan và Hung Ga Ri. Hung Ga Ri khác, Ba Lan khác."* Cho nên tình hình lúc đó phức tạp lắm chứ không phải là đơn giản.

Nhưng đến bây giờ tôi cũng không thay đổi ý kiến: *"Nếu mình không làm bậy thì đế quốc và những thế lực thù địch cũng không làm gì được cả. Bậy là chính tự ta".* Đấy tôi xin trả lời chị tóm tắt bài tôi viết như thế, tức là đi ngược lại với nhận định của Đảng lúc bấy giờ.

- TK: *Thưa anh, báo Nhân Văn số 6 là số đưa đến sự đóng cửa của tờ Nhân Văn, vậy bài gì trong số 6 đã đưa đến cơ sự này?*
- LĐ: Số 6 thì thế này. Số 6 thì anh Đang cũng như thường lệ, anh ấy vẫn đưa cho tôi từng mẩu một. Tôi có xem đến các chỗ, kể cả biểu tình, nhất là về quyền được biểu tình thì tôi đã xem kỹ lại. Về vấn đề biểu tình thì tôi thấy cái quyền biểu tình cũng đơn giản thôi: vì trong các nước Cộng Hòa Xã Hội thì bao giờ cũng có biểu tình, quyền biểu tình là bình thường. Tôi xem kỹ lại và tôi hỏi Đang: *"Ông viết thế này, ông đã nghĩ kỹ chưa?"* Đang liền đưa cho tôi xem bản hiến pháp Trung Quốc, tôi cũng thấy là đúng, có những chữ ấy thật, mà lúc đó tôi cũng vội quá, không kịp nghĩ đến một ẩn ý gì của anh Đang, và tôi cũng không biết anh ấy có ẩn ý hay không. Cái đó chỉ có anh Đang biết thôi, mình làm báo thì mình chỉ xem lại, nếu không có lỗi gì thì mình phải cho thông qua. Và tôi cũng đồng ý cho thông qua bài xã luận ấy. Thế nhưng cái

bài xã luận ấy khi đang in sous presse thì bị ách lại. Và ở trên nói rằng Nguyễn Hữu Đang hô hào biểu tình. Lúc đó, riêng tôi, tôi phản đối ý kiến đó: đấy là mình đang nói về hiến pháp Trung Quốc cơ mà, chứ có phải mình nói đến vấn đề chung chung đâu. Không nói về ý định tác giả, cái ý định của tác giả thì biết thế nào được? Nhưng trên giấy trắng mực đen, tôi chưa thấy có gì chứng tỏ Nguyễn Hữu Đang hô hào biểu tình cả. Và tờ báo ấy, chính bị ngừng lại là vì câu của Nguyễn Hữu Đang viết trong bài xã luận.

- TK: *Anh còn nhớ rõ nội dung câu anh Đang viết trong bài xã luận ấy là như thế nào không ạ?*
- LĐ: Tôi không nhớ, nhưng mà thế này này: Chu Ân Lai có nói rằng: Hiến pháp Trung Quốc công nhận quyền tự do, dân chủ rộng rãi của nhân dân, *kể cả quyền biểu tình*. Thì tôi xem lại hiến pháp Trung Quốc cũng có thật, mà Chu Ân Lai cũng có nói thật, nhưng mà không biết cái ẩn ý là như thế nào. Lúc đó, một là, tôi vội quá, tại vì bao giờ tôi cũng cập rập. Hai là, có khi anh Đang anh ấy vô tình cũng nên. Mình không nên đổ tội cho người ta một cách không có bằng cớ gì cả. Thế thì sau đó báo bị ách lại ngay. Và tôi thấy tất cả các nơi đã bắt đầu nói rằng: Tờ Nhân Văn công khai hô hào nhân dân biểu tình. Lúc ấy tôi cũng phản đối rất ghê. Như thế là tờ báo ra được 5 số, tức là đời sống của nó cũng chỉ có độ ba, bốn tháng thôi nhưng nó đã để lại một ấn tượng rất lớn trong đời sống văn hóa của nhân dân Việt Nam.

- TK: *Thưa anh, tóm lại tờ Nhân Văn bị đóng cửa chỉ vì bài viết của anh Nguyễn Hữu Đang hay còn có những lý do gì khác nữa?*
- LĐ: Theo tôi bài của anh Nguyễn Hữu Đang chỉ là cái cớ thôi, chứ còn người ta định đóng tờ Nhân Văn từ lâu rồi. Nhưng nếu anh Đang không có chủ ý gì, thì riêng việc đó, theo tôi, viết báo như thế cũng là một sơ hở. Bao giờ người ta cũng căn cứ vào cái sơ hở người ta đánh thôi, chứ còn

người ta đã định từ lâu rồi. Sau tờ báo, cũng chả có ai biểu tình gì cả; vì thế tôi cũng cho là cái cớ thôi. Người ta đã định đoạt số phận của tờ này từ lâu lắm rồi. Tôi thấy tất cả các công đoàn, tất cả các cơ quan đều học tập về báo Nhân Văn từ trước khi người ta đóng cửa cơ mà, và mọi người đều nói tờ báo đó là phản động.

- TK: *Như vậy là trong lúc anh làm tờ Nhân Văn anh còn làm cả tờ Văn Nghệ nữa?*
- LĐ: Vâng, tôi vẫn làm tờ Văn Nghệ. Về điểm này tôi muốn nói với chị một chuyện hơi buồn cười mà cũng không ra gì. Tức là khi đưa tờ Nhân Văn ra quảng cáo ở ngoài đường -Đang thì bao giờ cũng thích quảng cáo- tôi đã nói rằng: *"Không thể quảng cáo tên tôi được".* Nhưng họ cứ quảng cáo tên tôi ầm lên ở ngoài đường. Tôi mới bảo Đang: "*Tại sao cậu lại không tuân thủ...* " Thì Đang nói: *"Thế thì tao xóa đi vậy".* Nó bèn xóa nham nhở - *cười.* Vẫn còn tên tôi ở ngoài đường - *cười.* Thế là hôm ấy tôi đến -có cả Chế Lan Viên, có Nguyễn Công Hoan, có Bùi Hiển... đứng ở 51 Trần Hưng Đạo- trụ sở hội Văn Nghệ. Tôi đi vào, Chế Lan Viên gọi: *"Lê Đạt vào đây."* Tôi vừa vào, Chế Lan Viên bảo: *"Mày đứng đằng sau mày lãnh đạo tờ Nhân Văn phải không?"* Tôi bảo: *"Không, nó xóa tên tao rồi."* Chế Lan Viên bảo: *"Nó xóa tên mày mà nó đăng bài thơ của mày cả một trang báo à?"* Chế Lan Viên vốn là người thô lỗ, chửi luôn: *"Tiên sư thằng nào lãnh đạo mà giấu mặt"* - *cười.* Đấy, chị thấy không khí rất căng thẳng. Căng thẳng lắm. Nhưng mà tôi vẫn bình thường, công việc tôi, tôi vẫn làm, nhưng anh em khó chịu với tôi lắm, ở cái hội nghị Đảng nào, người ta cũng nêu tên tôi ra, tôi trở thành một phần tử *indésirable* (bất hảo). Nhưng người ta cũng chưa có thái độ gì cụ thể đối với tôi cả. Đến khi Nhân Văn bị cấm rồi, thì ở bên Trung Quốc người ta vẫn tiếp tục phong trào dân chủ; lúc ấy, Đảng và nhà nước thấy rằng: Cho là các tờ Nhân Văn, Giai Phẩm nó quá đáng

đi, thì đóng cửa lại, nhưng bây giờ cũng phải thu xếp sao cho ổn thỏa. Và như thế họ thu xếp để tôi không làm báo Văn Nghệ nữa, về Hội Nhà Văn làm ở đối ngoại. Trần Dần cũng đã ra khỏi quân đội rồi, về Hội Nhà Văn làm ban sáng tác. Mà lại buồn cười thế này: Khi thành lập Hội Nhà Văn, vào tháng 4 năm 1957, thì khi bầu ban chấp hành -lẽ dĩ nhiên là ban chấp hành cũng không có quyền gì- lại có cả Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh mà ai cũng biết là cả hai đều tham gia Nhân Văn. Như thế để biết là, lúc ấy, ở trên cũng chưa có một chủ trương nào dứt khoát cả, vì họ còn mở rộng để cho Hoàng Cầm và Hoàng Tích Linh vào ban chấp hành Hội Nhà Văn cơ mà. Thì đủ biết rằng lúc ấy họ chưa có chủ trương đánh đấm gì dứt khoát cả, hình như họ vẫn muốn là: thôi, bây giờ đoàn kết nhau lại để làm một cái gì tốt đẹp hơn, thì chính Hội Nhà Văn này sẽ cho ra đời tờ báo Văn đó.

- TK: *Có phải vì Đảng bắt đóng cửa tờ Nhân Văn cho nên Đảng cho ra tờ báo Văn để thay thế tờ Nhân Văn, có phải như vậy không thưa anh?*
- LĐ: Không, không, cái đó không phải chị ạ. Để tôi nói rõ ràng, cái đó không phải đâu. Đảng -chị nghĩ hơi phức tạp quá và hơi tế nhị quá- chắc là Đảng không có những bận tâm phức tạp và tế nhị như thế! Tức là sau đó thì tờ Nhân Văn bị cấm. Nhưng chị nhớ là lúc đó ở bên Trung Quốc người ta vẫn tiếp tục phong trào *"Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng",* và tôi xin nhắc lại là tháng 4 năm 1957 có hội nghị thành lập Hội Nhà Văn. Lẽ dĩ nhiên là tờ Nhân Văn bị cấm nhưng những anh em Nhân Văn thì vẫn chưa bị gì lắm, như tôi chẳng hạn, tôi đang chịu trách nhiệm tờ Văn Nghệ thì người ta chuyển tôi sang làm ban đối ngoại của Hội Nhà Văn thôi, tức là lúc bấy giờ tôi chỉ không được dính gì đến báo chí nữa, chứ chưa có một lời phê phán nghiêm khắc gì. Khi thành lập Hội Nhà Văn thì Hội cho ra tờ báo Văn, và mặc dầu, lúc đó tôi ở Hội Nhà Văn, nhưng tôi cũng không tham

gia gì vào tờ báo. Lý do thế này: Tôi không thích ông Nguyên Hồng và Nguyên Hồng cũng không thích tôi. Lúc ấy Nguyên Hồng lại là thư ký tòa soạn của tờ báo Văn và Tô Hoài là tổng thư ký Hội Nhà Văn, kiêm giám đốc nhà xuất bản. Lẽ dĩ nhiên là họ cũng chẳng cần gì đến tôi.

- TK: *Thưa anh, trong tờ Văn còn có cả Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân nữa và hình như Nguyễn Tuân có viết bài gì trên tờ Văn, nên sau đó cũng bị lôi thôi?*[1080]
- LĐ: Về Nguyễn Tuân và Nguyễn Công Hoan thì phải nói như thế này: Nguyễn Công Hoan và Nguyễn Tuân rất hẩu với Tô Hoài. Mà ông Tuân thì tính ông ấy khó tính, thỉnh thoảng ông ấy hay bặc sặc, thế thôi. Khi báo Văn ra, có một chuyện gì đó cãi nhau với báo Học Tập, báo Học Tập là báo của Đảng, Nguyễn Tuân có viết một bài trả lời trên báo Văn. Cãi nhau thì tôi cho cũng là chuyện bình thường thôi, nhưng lúc đó tình hình nó xẩy ra như thế này:

Tháng 5 năm 1957 ra báo Văn. Cuối năm 1957 Trung Quốc đánh phái hữu, nếu tôi nhớ không lầm thì như thế. Lúc đó Đảng mới có thái độ dứt khoát: Người ta nói rằng báo Văn là hậu thân của báo Nhân Văn và như thế phải có một cuộc học tập đấu tranh để làm tuyệt hết tất cả. Tức là họ bảo: ở Hội Nhà Văn, tuy Nhân Văn đã chết nhưng nọc độc của Nhân Văn vẫn còn. Cho nên đến rằm tháng giêng năm 1958 thì có lớp Thái Hà đấu tranh chống NVGP. Tôi phải nói với chị rằng NVGP đã chết từ tháng 12 năm 1956 tức là người ta đánh như thế -nói theo kiểu pháp luật- là sai, đã hồi tố, không ai đánh một việc đã xong rồi. Tức là như thế này: Tháng hai năm 1958 tổ chức lớp Thái Hà để đấu tranh chống Nhân Văn mà số 6 Nhân Văn thì đã chết từ tháng 12 năm 1956 rồi.

1080 Thực ra thì báoVăn số 36, bị đình bản vì bài *Ông Năm Chuột* của Phan Khôi.

- TK: *Từ khi Nhân Văn bị đóng cửa đến lúc anh đi dự lớp Thái Hà, trong suốt thời gian đó anh làm gì?*
- LĐ: Khi thành lập Hội Nhà Văn thì báo Nhân Văn đã đóng cửa rồi, và thành lập Hội Nhà Văn ấy trên khẩu hiệu đoàn kết mọi người, trong đó một số anh em Nhân Văn cũ cũng tham gia, như anh Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh, và họ ra tờ báo Văn, thì báo Văn họ làm với nhau, chứ tôi không dính gì đến báo Văn cả, mà anh em Nhân Văn *thì đã tan nát mỗi người một nơi*. Và tôi phải nói với chị điều này nữa: Tháng 5/1957, khi ra tờ báo Văn thì tôi vẫn còn có chân trong Đảng. Đến tháng 7/1957 tôi viết một bài thơ dài tên là *Cửa hàng Lê Đạt*, giữa lúc cao trào Cải Tạo Tư Sản đang lên ở miền Bắc. Bài *Cửa hàng Lê Đạt* chưa in thì đã có nhiều người đồn lắm rồi, đi đâu người ta cũng xì xào: *"Lê Đạt nó sắp sửa nổ một trái bom"*. Lúc ấy, đang in ở nhà Xuân Thu thì tôi thấy Việt Dung -là một cán bộ của sở Văn Hóa- bảo tôi:

- *Sao lúc nào cậu cũng lôi thôi thế!*
- *Cái gì mà lôi thôi?*
- *Nó cấm rồi?*
- *Cấm cái gì?*
- *Thế cậu không biết à? Nó biểu tình rồi. Nó ngừng không in quyển của cậu nữa.*

Tôi chạy xuống thấy bản thảo người ta cũng đã lấy đi rồi, gỡ hết cả chữ, không còn gì nữa. Tức là khi đang in sous presse, thì người ta vận động công nhân -chả biết có vận động không- tự nhiên thấy công nhân đứng lên phản đối, ngừng, không in nữa, và nói rằng: *"Tác phẩm này đi ngược với quyền lợi của công nhân!"*

Sau cái bài *Cửa hàng Lê Đạt* ấy, người ta vu tôi là gì? Là giữa cao trào Cải Tạo Tư Sản mà Lê Đạt viết bài *Cửa hàng Lê Đạt* là tiếp tay với bọn tư sản. Lập tức người ta triệu tập tôi đến hội nghị chi bộ. *Lúc này tôi chính thức bị khai trừ*

khỏi Đảng Cộng Sản Việt nam, tức là vào khoảng tháng 7 năm 1957.

Sở dĩ tôi phải nói rõ chỗ đó vì thế này: Đợt đấu tranh Thái Hà có hai lớp. Theo thói thường của Đảng, bao giờ họ cũng tổ chức hai lớp: Một lớp vào tháng hai, năm 1958, để chuẩn bị cho các đảng viên. Và lớp thứ hai, tháng ba, năm 1958 cho tất cả mọi người. Thái Hà là chỗ gần lăng ông Hoàng Cao Khải, đó là trường công đoàn và ở đó người ta tổ chức một lớp đấu tranh ghê gớm nhất đối với NVGP. Sau này mọi người đều nhắc đến nó và gọi là lớp Thái Hà.

● Lớp đấu tranh Thái Hà và quyết định kỷ luật đối với Nhân Văn Giai Phẩm

Trong các tài liệu chính thức, lớp đấu tranh Thái Hà được gọi là hội nghị: *"Đầu năm 1958, có hai cuộc hội nghị của anh chị em công tác văn nghệ, nghiên cứu nghị quyết của Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam, kết hợp với hai bản tuyên ngôn và tuyên bố của hội nghị các đảng Cộng Sản và các đảng công nhân họp ở Mạc Tư Khoa, cuối năm 1957. Hội nghị đầu, tháng 2 năm 1958, gồm có 172 người dự. Hội nghị sau, tháng 3 năm 1958, gồm có 304 người dự. Qua hai cuộc hội nghị ấy, tất cả những nhân vật bỉ ổi đã được phát hiện"*[1081]

Nhưng trong thực tế, nội dung *"hội nghị"* này là gì?

Lê Đạt, chứng nhân không thể loại trừ, sẽ thuật lại quang cảnh những gì đã xẩy ra.

- TK: *Thưa anh, về mặt thực tế thì có thể nói là sau khi Trung Quốc đánh phái hữu, bên Việt Nam mới bắt đầu tổ chức lớp Thái Hà?*
- LĐ: Cuối năm 1957, như Thụy Khuê đã biết, Trung Quốc bắt đầu đánh phái hữu thì tháng 2 năm 1958, ở Việt nam, người ta bắt đầu tổ chức cái lớp gọi là lớp đấu tranh Thái Hà

1081 *BNVGPTTADL, nxb Sự Thật, Hà Nội, 1959, trg 309.*

để chống phong trào NVGP. Lúc ấy Nhân Văn đã đóng cửa được hơn một năm rồi, tức là đánh là đánh lại đấy thôi. Lớp đầu tiên tổ chức cho các đảng viên, vì tôi không còn là đảng viên nữa thì dĩ nhiên là tôi không được đi học. Lớp đó có Văn Cao, Đặng Đình Hưng... tức là người ta vận động các đảng viên khác phát hiện tất cả những tội của những đảng viên tham gia NVGP đã đành rồi, nhưng còn để phát hiện cả những tội của những người chưa tham gia Nhân Văn, của quần chúng, vì vậy người ta phải làm trong buổi trước.

Tôi thấy lớp đó đã gay go lắm, vì tôi gặp Đặng Đình Hưng mà Đặng Đình Hưng không dám nói gì cả, chỉ bảo: "*Gay lắm! Gay lắm!"* Văn Cao cũng không nói gì cả, thì tôi biết là gió đã thổi mạnh lắm rồi. Hôm đó là ngày mùng 2 (tức là trước Tết Âm lịch), tôi đến Hội Nhà Văn thì thấy không khí đã khác lắm. Gặp Tô Hoài, Tô Hoài bảo*: "Tí nữa tao ra tao nói chuyện với mày".* Tôi hẹn Tô Hoài ở hàng cà phê mà hai người vẫn gặp nhau, nhưng tôi đến thì Tô Hoài cũng không đến nữa, tôi biết là tình hình căng lắm. Căng lắm rồi. Đến tháng ba (tức là sau Tết) năm 1958, họ tổ chức một cuộc họp rộng rãi cho tất cả những anh em NVGP.

Tôi phải nhắc lại với chị thế này: *"Không phải là chị Thụy An, anh Trần Duy và ông Phan Khôi không chịu đi học, ở đấy người ta chia ra: Những người nào hoạt động chính trị mà người ta cho là có tính chất phản động, là những phần tử xấu thì người ta không cho đi học lớp ấy, Phan Khôi, Thụy An, Trần Duy không được học. Chỉ có những văn nghệ sĩ mà người ta cho là những người vì quan điểm lầm lạc, được Đảng chiếu cố cải tạo giúp đỡ, thì mới được đi học lớp ấy thôi. Cho nên đi học lớp ấy gay go thế cũng là một ưu tiên."*

- TK: *Thưa anh, trong lớp học ấy mọi người phải làm những gì?*

- LĐ: Khi tôi đến, anh Tố Hữu nói ngay thế này: "*Các anh làm thì sai rất nhiều, nhưng mà Đảng thấy các anh còn trẻ và đều là những người kháng chiến cả cho nên Đảng vẫn tin rằng các anh còn ở lại được hàng ngũ của kháng chiến. Nhưng ở lại hay không ở lại là tùy các anh. Đảng lúc nào cũng sẵn sàng, nhưng các anh có muốn ở lại hay không mà thôi"*. Tôi chưa thấy một cuộc họp nào gay gắt như thế. Đây không phải là một cuộc học tập mà là một cuộc đấu tranh, nó khác hẳn các cuộc học tập khác.

Trong những ngày đầu, người ta vạch tất cả *"những tội"* của những người trong *NVGP*, ai nhớ được gì thì nói ra..., nó như là một cái tụi... tố cáo nhau - *cười*! Tôi kể với chị, ví dụ một chuyện: Trong một bữa ăn uống ở cuối Tết, tính Tử Phác vẫn hay gây gỗ với người này người khác, thì tôi mới nói rằng: *"Thôi, năm mới, mẹo mới."* Thế là người ta cũng mang ra cái hội nghị ấy, người ta bảo: *"Năm mới, mẹo mới là cái gì? Mẹo mới chỉ là mẹo chống Đảng chứ gì, thì phải nói ra*!" - *cười*. Cho nên mọi việc phức tạp vô cùng, nó gây một không khí rất căng thẳng. Nó không còn là một cuộc học tập nữa cho nên phải gọi là cuộc đấu tranh. Trong khi *"học"* như thế thì công an đi ra đi vào rất nhiều, mà đi một cách rõ ràng cho mình trông thấy chứ không phải người ta kín đáo gì!

Sau khi tất cả mọi người đều đã *"phát hiện các tội"* của Nhân Văn xong rồi, thì mới đến lượt Nhân Văn, từng người một, nhận tội. Lúc đó người ta cũng nói một cách lịch sự là tự kiểm điểm thôi. Tôi nói như thế này là để chị thấy tình hình găng như thế nào. Tức là một hôm Sỹ Ngọc đi với Nguyễn Huy Tưởng, Sỹ Ngọc nói rằng: "*Như thế này tức là mình lỗi lầm nhiều quá, chắc là mình cũng không trở lại hoạt động văn nghệ được nữa đâu!"* Thì Nguyễn Huy Tưởng -vốn là người tốt- anh ấy nói: "*Không! Đấu tranh có gì sai thì ta sửa, còn anh em vẫn là anh em, nghệ thuật vẫn là nghệ*

thuật chứ!" Thì Nguyễn Khải đứng lên, Nguyễn Khải phản đối, Nguyễn Khải nói: "*Tôi thấy quan điểm của đồng chí Nguyễn Huy Tưởng rất mơ hồ, đây không phải là cuộc đấu tranh giữa anh em nội bộ, đây là cuộc đấu tranh giữa ta và địch"*.

Hay là một buổi khác, vừa lên lớp thì anh Võ Hồng Cương là một người trong học ủy, lên nói rằng: "*Tôi phải báo cho các đồng chí biết một tin rất mừng là hôm qua đồng chí Tám Danh -đồng chí Tám Danh là một đồng chí nghệ nhân ở miền Nam- trước thái độ ngoan cố của Lê Đạt, tức quá, đã vác búa đi tìm để đánh. Nhưng may mà học ủy phát hiện kịp thời nên đã ngăn chặn kịp thời cái hành động đó"*.

Đấy, không khí luôn luôn bị hun nóng như thế. Nhưng chúng tôi ở đó, thì... mình nghĩ mãi cũng chẳng thấy thêm được cái tội gì cả - *cười*! Bi kịch của chúng tôi lúc bấy giờ là như thế này: Không phải sợ -sợ thì chưa chắc đã sợ, lẽ dĩ nhiên là trong chúng tôi cũng có anh sợ, ví dụ như anh Hoàng Cầm chẳng hạn, anh ấy rất sợ, nhưng tôi, tôi chưa nghĩ đến chuyện sợ- tôi nghĩ bây giờ họ *"đòi hỏi"* nhiều quá mình chưa nghĩ ra cái tội nào to để cho họ có thể bằng lòng được. Mà nếu họ không bằng lòng thì không biết họ kéo mình đến bao giờ, chỗ đó là cái lo nhất của tôi. Vì kiểm điểm lại thì tôi thấy mình không có tội gì ghê gớm, có tính chất... "*hấp dẫn"* - *cười,* để họ không thể nào tha thứ cho mình được cả.

Không khí rất căng thẳng, tôi nói thế này để chị biết nó căng thẳng như thế nào: Văn Cao đã đi lớp trước rồi, lớp cho đảng viên hồi tháng 2, thì sau đó, họ cũng kéo tất cả trở lại lớp sau để đánh tiếp. Tôi xin nhắc lại: tức là trong lớp trước, họ học tập đảng viên phát hiện quần chúng, để họ đánh; nhưng bây giờ, ở lớp thứ hai này: quần chúng lại phát hiện trở lại, để nếu đảng viên có gì, họ lôi ra đánh tiếp luôn, chị có rõ ý tôi không? Thế thì tôi thấy Văn Cao -hôm ấy trời

nóng- Văn Cao mặc áo sơ mi to phồng thế mà sau khi nó tố những khuyết điểm của Văn Cao, tôi thấy cái áo sơ mi cứ dính dần, dính dần, dính dần... nó toát hết cả mồ hôi, nó dính như một cái áo lót cơ mà... Đấy, chị thấy không khí căng thẳng như thế nào.

- TK: *Rút cục anh đã nhận những tội gì để cho họ bằng lòng?*
- LĐ: Tức là như thế này: Bây giờ anh làm trong tổ, tổ thông qua bài khai của anh. Bài của anh lại phải đưa ra hội trường, hội trường thông qua thì anh mới được xong. Nếu không thì anh cứ việc tiếp tục lại. Coi như xong, nhưng chưa thành khẩn, thì lại phải viết tiếp. Mình cứ phải viết tiếp, viết tiếp... mãi, mà mình chỉ có từng ấy ý thì làm sao viết thêm được mãi! Sau đó, chắc là Dần nó cũng đồng ý với tôi -lúc ấy, anh em không trao đổi được với nhau, nó theo dõi ghê lắm- là mình cứ nhận phắt cái tội *"cướp cờ của ông Tố Hữu"* cho xong đi, chắc là nó cũng thông qua thôi. Khi tôi nhận đến chỗ ấy thì mọi người bảo: *"Lê Đạt còn ngoan cố nhiều nhưng cũng được cái tương đối "thành khẩn" - cười.* Thế là họ cho tôi nghỉ!

Trong lúc kiểm thảo như thế, thì người ta loan tin, người ta nói rằng: *"Công an đã bắt Nguyễn Hữu Đang!"* Cái anh Đang này cũng là người hoạt động mà sao dại dột thế! Ông ấy lại nhờ người mang một lá thư về Hải Phòng để bố trí cho ông ấy vào Nam. Cái thằng dại dột quá! Thế là nó bắt được cái thư ấy. Vì chính người đưa thư ấy là người của công an. Thế là họ đồn ầm lên: "*Sự liên hệ giữa Nhân Văn và bọn Mỹ Diệm là đã rõ ràng rồi. Nguyễn Hữu Đang trong lúc không còn đường thoát nữa, liên lạc với trong ấy và chúng ta đã bắt được Nguyễn Hữu Đang rồi, bắt vào ngày bao nhiêu, bao nhiêu"...* Tất cả mọi người vỗ tay hoan hô, hoan hô... Tức là một sức ép rất ghê gớm, chị ạ.

Những tuần trước thì tuần nào cũng được về nhà, nhưng đến tuần cuối cùng thì không được về nhà nữa, tức là làm liên tục, ai làm xong mới được về nhà. Tôi và Dần rồi cũng làm xong cả. Trên đường ra về, anh Tố Hữu có đợi tôi ở cửa, lúc bấy giờ đã lạnh lùng lắm rồi. Anh Tố Hữu có nói với tôi thế này: *"Tội của anh cũng nặng như tội Nguyễn Hữu Đang. Lẽ ra anh cũng bị đi tù. Nhưng mà Đảng vì nghĩ đến anh, chiếu cố đến anh còn trẻ, có khả năng và còn có thể giúp ích được cho đời nữa nên Đảng khoan hồng với anh thôi chứ anh-đừng-nên-nghĩ-rằng-anh-tội-nhẹ!"*

Đó là lời dặn dò của Tố Hữu với tôi trước khi tôi về.

- TK: *Tóm lại cuộc đấu tranh như vậy kéo dài trong bao lâu?*
- LĐ: Một tháng.

- TK: *Và trong suốt một tháng ấy là cứ ngày nào, ngày nào cũng...*
- LĐ: ... lên phát hiện tội. Cứ phát hiện tội, tức là mình có gì thì mình báo cáo; còn người ta, người ta phát hiện tội của mình. Nó là một thứ đấu tranh đấy mà. Đấu tranh rất gay gắt. Và lẽ dĩ nhiên, nói là cả lớp, nhưng người ta chỉ tập trung vào một vài người thôi, trong số đó có tôi cho nên vất vả lắm.

- TK: *Cái cách "phát hiện" ấy như thế nào? Tất cả mọi người đều viết ra giấy hay là ... có nói miệng nữa?*
- LĐ: Không! Không! Tất cả mọi người đều đứng lên phát hiện chứ. Phát hiện thì có thư ký ghi hết và bản thân mình cũng phải ghi. Rồi sau căn cứ trên cái phát hiện của người ta, mình về tổ, mình phát hiện cái khuyết điểm của mình, cái tội của mình và sau đó mình phải làm bài kiểm điểm rất dài về toàn bộ thời gian mà mình tham gia Nhân Văn. Người ta phát hiện, thế còn mình không được nói nữa. Đông Tây người ta phát hiện ầm ầm, ầm ầm, làm sao mà mình có

quyền, nhất là không được cãi gì. Tôi nói một ví dụ, xin lỗi chị, ví dụ như là có một anh -bây giờ tôi không muốn nói tên- lên phát hiện tôi*: "Lê Đạt là một tên rất phản động, buổi sáng nào anh ta cũng đến cơ quan, rồi anh ta xé báo Nhân Dân anh ta đi vệ sinh" - cười.* Tôi không thể nói rằng: *"Bấy giờ tôi không có giấy -thời ấy chưa có giấy toa-lét- thì tôi phải..." - cười.* Thế là mọi người *"Đả đảo! Đả đảo!"* Nó cũng kỳ. Mà chị còn lạ gì tôi nữa, tôi vốn là người, không phải là người can đảm gì nhưng trong tôi vốn là người hài hước - *cười* vì tôi hay cười, và vì cái cười của tôi cho nên người ta hay ghét lắm. Người ta vẫn cho tôi là người ngoan cố, cho nên người ta sai người đi đánh là vì thế - *cười.*

- TK: *Thưa anh, trong không khí đấu tranh gay gắt như thế có ai bênh anh không?*
- LĐ: Tôi vẫn quý trọng Nguyễn Huy Tưởng. Tôi nhắc lại, tháng ba (tức là sau Tết) năm 58 thì có lớp đấu tranh Thái Hà, thì mùng ba Tết năm ấy, tôi có hẹn lên ăn cơm ở nhà Tô Hoài, trên Bưởi. Lên thì lúc đó thì đã gay go lắm, tôi có gặp Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân, Bổng. Bổng lúc đó mặt đã lạnh lùng. Bổng tham gia ban lãnh đạo. Mà ăn uống với nhau thì lúc đó đã làng tàng lắm rồi, chị bảo không khí lúc đó thì còn ăn uống gì nữa, mặc dầu Tô Hoài cũng làm cho ra vẻ. Thì Tưởng có nói một câu mà tôi rất cảm động, trên đường về, Tưởng nói rằng: *"Tôi thấy các ông lý luận buồn cười. Các ông lý luận thế nào chứ moa không thể tin thằng Lê Đạt nó phản động được. Nó ở với moa bao nhiêu lâu, moa còn lạ gì nó nữa, bây giờ các ông có lý luận thế nào moa cũng không thể tin là thằng Lê Đạt nó phản động được!"* Tôi thấy riêng về Tưởng: một là, tư tưởng Tưởng rất tốt. Hai là, sau trận NVGP, Tưởng tỉnh ngộ ra nhiều lắm. *"Một thằng như thế mà anh làm sao bảo nó phản động được!"* Tưởng nói như thế ngay mặt Nguyễn Văn Bổng. Và Nguyễn Văn Bổng là người trong ban lãnh đạo lớp học tập ấy. Nhất là nói lúc

bấy giờ rất nguy hiểm. Đó là con người Nguyễn Huy Tưởng mà tôi rất quý.

- TK: *Sau lớp đấu tranh Thái Hà, thì tâm trạng của anh như thế nào? Nếu phải làm lại thì anh có dám làm NVGP nữa không?*
- LĐ: Xong, tức là người ta xác định được như thế là chúng tôi đều là những người có tội cả. Và như thế nghĩa là ở trên báo Nhân Dân, đăng tải trên một tirage rất rộng khắp nước, ở đâu người ta cũng nói đến Trần Dần - Lê Đạt là hai tên thơ phản động nhất nước. Như thế tự nhiên nó gây một áp lực rất ghê đối với gia đình tôi, đối với bản thân tôi. Tôi phải nói, lúc ấy, ngay ông già tôi cũng khuyên: *"Con không nên về nhà nữa"*. Còn vợ tôi thì rất lo. Trong những buổi đấu tranh cuối cùng ấy, lúc nào thấy tôi không về, luôn luôn sợ là tôi bị bắt rồi. Chị không thể tưởng tượng được không khí căng thẳng như thế nào. Nhưng lúc đó, nói tôi sợ thì cũng không đúng, mà nói tôi không sợ thì cũng không đúng. Vì tôi nghĩ trong thâm tâm là mình cũng chẳng làm gì có tội cả. Vả lại lúc đó tôi cũng chưa nghĩ được, chưa nghiên cứu được tất cả những vụ xử án ghê gớm của Đảng như sau này tôi nghiên cứu, cho nên lắm lúc tôi cứ tự hỏi rằng: *"Nếu mà mình nghiên cứu trước, thì không biết mình có dám làm Nhân Văn không?"* Chắc là tôi cũng vẫn sẽ làm, nhưng chắc là mình làm cẩn thận hơn. Chắc là có. Tại vì lúc ấy tôi nghĩ rằng mình chẳng làm gì bậy cả. Nếu không có gì bậy, mà một cái Đảng là Đảng tử tế, mà lại bắt những người không làm bậy, thì không bao giờ tôi nghĩ lại có chuyện xẩy ra như thế cả. Mãi sau này, có thời gian, tôi mới nghiên cứu tất cả những vụ án xử ở bên Liên Xô và cả mọi thứ, và khi tôi có kinh nghiệm, thì lúc đó đã xong rồi, tôi đã làm rồi. Nhưng mà tôi chắc là nếu lúc đầu tôi biết chuyện sẽ xẩy ra như thế, thì tôi cũng sợ nhiều hơn và chắc tôi sẽ làm một cách cẩn thận hơn.

- TK: *Sau đó các anh bị kỷ luật như thế nào ạ?*

- LĐ: Sau đó thì mọi người được về, và lẽ dĩ nhiên anh Tố Hữu trong bản tổng kết nói là: *"Chúng ta đã thắng lợi. Hơn 100 anh em đi thì được 100 anh em về. Đảng như thế vẫn bao dung cho tất cả".* Tiếp đó, theo quyết định của Hội Nhà Văn tôi bị khai trừ ba năm. Nặng nhất có tôi, anh Trần Dần, anh Đặng Đình Hưng, anh Tử Phác. Anh Cầm thì bị hai năm, anh Phùng Quán một năm. Lúc đó mình cũng rất ngây thơ, phải nói như thế. Mình tin là sau ba năm thì mình sẽ trở về với văn nghệ, và tôi tin là với khả năng của mình, mình có thể đuổi lại được thời kỳ đã mất, cũng chẳng đáng bao lâu. Tôi, với Trần Dần, Tử Phác về trại Chí Linh, nơi đồng bào khu V ra ngoài này tập kết, khai hoang ở Chí Linh. Anh tổ trưởng là bố của Ý Nhi: anh Hoàng Châu Ký. Đầu tiền, họ không nhận, họ nói rằng: *"Chúng tôi ra ngoài này là để đấu tranh cho thống nhất chứ có phải đi giữ tù đâu!"* Thế là ở trên tổ chức lại phải cử người về nói rằng: *"Không! Đây cũng là những đồng chí mình, do lập trường không vững thành ra Đảng vẫn muốn cải tạo, thấy đây tổ chức tốt thì về".* Và tôi về thì tôi bị -nói như thời ấy là tôi được- được lao động một cách vất vả ngay, tức là đi chăn bò, đi khai hoang, làm tất cả mọi thứ lao động mình chưa quen, chưa quen tí nào cả. Thời ấy tôi còn trẻ lắm, tôi mới 26, 27 tuổi thôi, thành ra tôi cũng không sợ gì những thứ lao động vất vả ấy cả. Tôi chăn bò rất khá. Hình như là nông trường thấy tôi có *"năng khiếu"* cho nên họ cứ để tôi chăn bò mãi. Tôi có thể chăn được 30 con bò cơ mà.

Nhưng lúc đó thì tất cả đất nước đối với tôi đã khác rồi. Tôi không còn là người công dân bình thường của đất nước Việt Nam nữa vì đi đâu người ta cũng nói đến Trần Dần - Lê Đạt như hai kẻ phản động. Vợ tôi thì rất khổ. Theo lời vợ tôi kể lại, sáng nào dậy cũng chỉ muốn chui xuống đất thôi, vì bắt đầu dậy là bắt đầu học tập về Trần Dần - Lê Đạt rồi. Vợ tôi làm việc ở cơ quan, mà ở tập thể lúc nào người ta

cũng nói đến Trần Dần - Lê Đạt, ý của cơ quan là muốn vợ tôi phải bỏ tôi. Tôi phải nói với chị thế này: Vợ tôi là diễn viên xuất sắc nhất của Đoàn Kịch Nói Cách Mạng của Trung Ương. Vợ tôi là Nguyễn Thị Thúy, mà người ta vẫn gọi một cách văn chương là Thúy Thúy. Thế Lữ, Nguyễn Huy Tưởng... tất cả những đạo diễn xuất sắc đều khen vợ tôi ghê lắm. Tưởng thì bốc lắm, Tưởng nói là: *"Cô ấy đúng là một tài năng"*. Cho nên vợ tôi rất khổ. Ngày nào cũng phải kiểm điểm và thỉnh thoảng họ đến lục ba-lô xem có giấy tờ gì của Lê Đạt còn giấu ở đấy không. Vợ tôi lúc ấy còn trẻ lắm, mới 18, 19 tuổi ấy mà. Anh của cô ấy là một thiếu tá, mà lần nào đến thăm em cũng cho liên lạc đến chứ không dám bước chân vào nhà tôi! Tức là nó ở trong một sự cô đơn hoàn toàn, mà chắc là tôi thì còn chịu đựng được chứ vợ tôi -tôi chắc bây giờ hỏi nó về NVGP thì nó cũng chẳng biết là cái gì- cái tai vạ ụp xuống đầu nó nặng quá, lúc ấy mới chưa 20 tuổi và đang bắt đầu vào cái nghiệp sân khấu. Như thế riêng tôi, tôi đã làm hỏng sự nghiệp sân khấu của vợ tôi.

● Kỷ luật 3 năm kéo dài 40 năm

Lịch sử phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, trong nhiều tuần qua lần đầu tiên được mở ngỏ trên làn sóng RFI, qua lời nhà thơ Lê Đạt: Hôm nay, nhà thơ nói đến giai đoạn kỷ luật, giai đoạn bi kịch của đời ông, nhưng đồng thời cũng là bi kịch chung của một lớp người đã hệ lụy với Nhân Văn.

- TK: *Thưa anh, sau khi bị kỷ luật, anh đã đi lao động với một tâm trạng như thế nào?*
- LĐ: Lúc đầu mới đi thì mình cũng lao động, cũng hăm hở. Mình hăm hở vì chắc là hai năm thì xong. Thế nhưng mà hai năm rồi cũng không thấy ai nói gì về vấn đề đó cả và lại tiếp tục hai năm nữa rồi dần dần nó phai nhạt đi không ai nhắc đến chuyện đó nữa. Thì thời gian disponibilité -thời gian mà phải đi, lúc nào người ta gọi đi lao động cũng được- thời gian

đó kéo dài 10 năm. Lẽ dĩ nhiên là trong 10 năm ấy, không phải lúc nào cũng đi. Người ta gọi đi, rồi người ta lại cho mình về; về rồi, họ lại kéo mình đi, nghĩa là trong 10 năm là thời gian mình phải dành cho việc đi lao động cải tạo. Thế còn sau này hết 10 năm thì ở nhà. Nhưng mà ở nhà thì... Tôi không ngờ nó kéo dài đến thế: cả thời kỳ đi lao động lẫn thời kỳ *"cấm"* là gần 40 năm chị ạ. Mình thấy nó đằng đẵng mà mình coi như là số mệnh thôi.

Lúc bấy giờ tôi mới càng ngày càng thấy đó là một sự ghê gớm. Tôi có viết trong bài bút ký *"Vào 21"* ấy, là mình chẳng biết mình là ai nữa. Mỗi người phải có cái vị trí trong xã hội, hoặc anh là địch thì địch hẳn đi, hoặc anh là ta thì ta hẳn đi. Nhưng tôi là tí ta, tí địch, tí cán bộ, tí tù, nó chẳng ra cái gì rõ ràng cả, mà tôi thấy nó gây nhiều ám ảnh ghê lắm chị ạ. Tôi thí dụ cái này để chị thấy: Khi nhà tôi về *"biểu diễn",* gọi là biểu diễn thì lúc ấy nó không cho biểu diễn nữa rồi, thế nhưng cũng phải đi, mang theo hai đứa con nhỏ, một đứa đã lớn, một đứa mới đẻ. Đi thì, tôi có về Hải Phòng tôi thăm, mang chứng minh thư về, nhất định nó không cho vào khách sạn, nó bảo là: *"Ông phải có giấy đi công tác thì mới được vào khách sạn".* Mình là cái thằng *"phản động"* thì còn *"công tác"* gì nữa? Mà, như thế là hai người phải ngồi ghế đá ở công viên giữa đêm khuya, lúc ấy tôi có làm một câu thơ:

Hai vợ chồng ghế đá trăng suông
cảng cấm còi tàu u ú
gió oà
đất nước mẹ mình hay mẹ ghẻ?

Tôi không hiểu cái đất nước ấy, nó đối với tôi như thế nào? Mẹ ghẻ hay mẹ đẻ? Mẹ đẻ thì không đối với con cái như thế! Sau đó tôi lại đi về. Thì thấy rằng nó dằng dai mà nó hành hạ mình suốt cuộc đời như thế nào. Hoặc ví dụ, trong tôi, có lúc cũng thành cái người như lên bệnh thần kinh ấy. Bởi vì, đi đâu, vào cái cơ quan nào nó cũng hỏi giấy. Thì

công việc đầu tiên của cái anh Nhân Văn là phải chuẩn bị giấy tờ cho cẩn thận. Một hôm có ông dâu gia mời tôi đi ăn cưới. Đi tới nửa đường, tôi thấy mình quên không mang giấy cưới, lại quay về nhà lấy cái giấy cưới để nhỡ người ta có hỏi giấy tờ thì mình đưa cho nó... cho nó... đúng -*cười*- "thủ tục". Như thế cái đó nó ảnh hưởng đến con người rất ghê gớm, và làm cho mình hèn hạ đi rất nhiều. Tôi không biết rằng những người cầm quyền ở đất nước Việt Nam có nghĩ đến việc ấy không? Có lẽ họ chỉ nghĩ mình không tù đầy, mình để cho họ tự do như thế, thì chắc là mình không xử sự tệ hại quá đối với họ. Nhưng mà họ không biết như thế là một sự rất tệ hại, họ làm hỏng một con người. Lúc bấy giờ, nếu tôi không có sự cưỡng lại thì tôi là một người vứt đi, thành một cái giẻ rách. Tôi cho cái việc *giẻ-rách-hóa-con-người* đó chính quyền phải chịu trách nhiệm.

- TK: *Trong thời gian anh đi lao động như vậy, ở nhà chị và các cháu sống như thế nào?*
- LĐ: Lẽ dĩ nhiên là người ta phải sống thôi, nếu người ta không muốn chết. Trong những thời gian như thế, vợ tôi vẫn đi làm, vẫn có một số tiền để nuôi con, hai là nhà nước vẫn trợ cấp cho tôi một số tiền tối thiểu để tôi có thể sống được, tức là sống một cách rất vất vả. Nhà tôi vẫn là công nhân viên nhà nước thì nó không có thể đuổi ra được. Nhưng mà nó không giao cho việc gì, tức là nó bắt chạy đạo cụ này, rồi lo những phục trang... mà những việc ấy, thời xưa vợ tôi không bao giờ phải làm cả. Thế còn vai nó không giao cho nữa, còn luôn luôn bị kiểm thảo lên, kiểm thảo xuống. Mà vợ tôi không quen, bây giờ vợ tôi bị suy nhược thần kinh rất nặng.

Chắc lúc nào có thì giờ tôi sẽ gửi chị một bài thơ mà tôi chưa muốn chị xem bây giờ, bài "*Vợ Nhân Văn*", để chị biết cảnh sống lúc đó như thế nào. Lẽ dĩ nhiên là lúc ấy ở miền Bắc ai sống cũng khổ cả chứ không phải riêng tôi,

nhưng mà, phải nói thế này, nó khổ quá, đến nỗi một hôm, có nhà thơ là một anh bộ đội, thấy tôi khổ quá, anh ấy mới bảo: *"Tiền thì em không thể góp cho anh được, vậy em chạy cho anh một cái thẻ thương binh".* Có thẻ thương binh thời đó thì mua gì cũng được ưu tiên. Mà tôi mua cái thẻ thương binh ấy cũng chẳng để mua cái gì cả, tức là, lúc bấy giờ ở gần bờ sông, cách nhà tôi vào khoảng độ hai cây số, có một cơ sở công nhân, thường thường khi họ giết lợn... lòng họ ăn hết rồi, còn cái nước lòng họ bán ra; bán ra thì xếp hàng đông ghê lắm. Thế thì mình mua cái nước lòng ấy, mình về cho rau cỏ vào thì con cái nó ăn được. Sau cùng, tôi nghĩ rằng tôi cũng không dùng lậu cái thẻ thương binh ấy tại vì chính tôi cũng là một thương binh, tôi là thứ thương binh mà ta bắn thôi. Anh em cũng thương tôi, nhưng họ cũng nghèo lắm, chỉ có cách như thế này, tức là họ tìm những tài liệu cho mình dịch, dịch đủ các thứ tài liệu, tôi dịch cả về vật lý, về triết học, về cả tự động học nữa, vừa học, vừa dịch. Như thế là một năm dịch sáu tháng thì có thể sống được, tức là sống một cách vất vả.

- TK: *Còn xã hội chung quanh, mọi người đối với anh như thế nào?*
- LĐ: Xã hội thì nói chung là chẳng biết trong thâm tâm họ như thế nào. Tôi thấy anh Vũ Hoàng Chương, anh ấy nói là:

Lũ chúng ta lạc loài dăm bẩy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh

thì chắc là anh cũng chỉ nói văn chương thế thôi, chứ anh ấy chưa biết thực tế nó như thế nào là sự ruồng bỏ của xã hội. Mà trong một xã hội toàn trị, ai người ta cũng sợ liên quan với mình. Nói theo kiểu Việt Nam, người ta sợ lây hủi cả. Thế nên nhiều bạn bè tôi, tôi đi ở vỉa hè bên này, họ trông thấy từ xa, họ đổi sang vỉa hè bên kia. Bởi vậy tôi có nói rằng: *Tôi cũng đổi vỉa hè và phấn đấu làm người mất tích.*

Lúc đầu, thực ra tôi cũng chưa xác định được là mình đúng hay sai, tôi phải nói thật với chị như thế. Mình nghĩ không biết có phải do cái sai lầm của mình mà mình ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh thống nhất đất nước không? Mà những người miền Nam -tập kết ra Bắc- họ đối với mình, họ ghét như thế? Hai là, mình là một người yêu nước và là một người đi theo Cách Mạng thì mình làm thế là đúng hay sai? Những cái đó nó dằn vặt rất ghê. Mà bao quanh một áp lực rất ghê gớm: tức là không có nơi nào người ta nhận mình cả. Nghĩa là mình hình như là không có đất đứng ở chính cái xã hội đã đẻ ra mình. Bây giờ tôi nói với chị cái này nhé: Anh vào một cơ quan, vào cơ quan thì nhất định là có kẻ thường trực ở đấy. Thường trực hỏi chị: Anh vào có công tác gì? Lần trước tôi đã nói với chị đó:

Tôi mơ một giấc mơ đáng sợ,
Khu phố cả ngôi nhà tôi ở,
Mặt sắt chữ vàng nền đỏ
Không phận sự miễn vào.

Tôi cho cái đó là ghê gớm nhất mà tôi phải trải qua trong thời gian ấy. Nếu mình không cứng rắn thì tôi cũng trở thành người điên hoặc tự tử mà chết rồi. Chị có hỏi tôi nhiều lần là trong thời kỳ ấy, tôi có căm thù ai không? Thì sự căm thù trong tôi cũng không nhiều lắm nhưng *sự-khinh-bỉ* trong tôi rất nhiều. Mà tôi cho sự khinh bỉ ấy đã giúp tôi trải qua những năm tháng cay đắng nhất của đời tôi. Tại vì tôi thấy rằng mình chẳng làm gì sai cả mà sao xã hội đối với mình một cách tàn nhẫn thế! Như thế nhất định là hai bên phải có một bên sai, mà tôi cho rằng người đáng khinh bỉ không phải là tôi, thì tôi thấy mình phải làm gì chứ không thể không làm gì được, thế nên tôi cố sống như *một người tử tế,* học hành, tôi vẫn học hành một cách chăm chỉ, viết lách, làm tất cả mọi việc, mình không thể buông tuồng được. Mà tôi có một câu nói khá nổi tiếng, được nhiều người biết đến: *Nếu xã hội*

không dùng mình thì, nhất là, mình phải dùng mình. Không việc gì mình phải lệ thuộc vào xã hội. Và tôi nhắc lại, tức là lúc đó cả nước đều khổ: Ví dụ một năm thì mới được một cái may-ô, và người ta đã có một câu rất mỉa mai: *"Cho may-ô mới được phần may-ô"*, ai cũng khổ cả, cho nên cái khổ vật chất ấy không đáng gì, mình vẫn xoay xở được, nhưng cái khổ về tinh thần thì cực kỳ. Cực kỳ.

- TK: *Thưa anh, trong hoàn cảnh như vậy thì có thể nói là còn bạn nữa hay không?*
- LĐ: À bạn, lúc đó mình phải xét lại nhiều thứ lắm chị ạ. Mình phải xét lại nhiều thứ lắm. Có những người bạn ngày trước, bây giờ người ta không gặp mình nữa. Như tôi đã nói với chị, ngay trong anh em, tình bạn cũng thay đổi rất nhiều rồi. Tại vì chị còn lạ gì nữa, trong một nhóm người làm việc chung với nhau, thì khi người ta áp dụng kỷ luật, người ta cũng phân hóa ra người kỷ luật nhiều, người kỷ luật ít, và tự nó, nó đẻ ra những cách xử đối khác nhau. Vì thế cho nên tôi không muốn đi vào chi tiết, nhưng tôi có thể nói với chị rằng ngay một người rất thân với tôi ngày xưa là anh Văn Cao, tôi cũng không biết rằng anh Văn Cao, trong thời gian sau này có còn là bạn của tôi nữa không. Đấy là cái người gần tôi nhất.

- TK: *Tại sao lại đến nỗi như thế? Anh có thể nói rõ hơn một chút không?*
- LĐ: Anh Văn Cao thì anh ấy, một là, anh ấy không cùng lứa với chúng tôi, mặc dầu là bạn rất thân, nhưng anh ấy là lớp trước, và hai là, anh ấy lại là người có nhiều bài hát cách mạng và là tác giả *Tiến Quân Ca*, cho nên ý kiến của trên là vẫn giữ anh ấy lại. Cho nên anh Văn Cao vẫn ở trong Đảng chứ có bị khai trừ đâu. Anh Văn Cao chưa bao giờ bị khai trừ cả. Thế, và cũng là đi lao động, anh Văn Cao đi lao động thì cũng đi với anh Tuân, anh Tưởng, đi với những người sang trọng cả, lên vùng Điện Biên Phủ; nhưng vì anh ấy bị chảy

máu dạ dày, anh ấy về. Như thế là, ở trong người anh Văn Cao, anh ấy tự thấy mình được đối xử một cách đặc biệt và như thế trong anh em, nó có một sự phân hóa. Tôi không biết rằng anh Văn Cao có... nói không, hay là anh có khuyến khích cái việc nói không, nhưng mà trong một thời gian sau Nhân Văn, thì có những dư luận nói rằng ông Văn Cao không thân gì với ông Lê Đạt, ông Trần Dần cả; hai ông Trần Dần và Lê Đạt là bạ vào cái *Tiến Quân Ca* của ông ấy thôi. Thì cái đó làm tôi rất giận, tôi không muốn nói đến chuyện giữa cá nhân như thế nào, nhưng để chị thấy là không khí lúc bấy giờ nó không còn như ngày xưa nữa. Và có thể đó là một cuộc chia tay rất lâu dài. Thật buồn.

- TK: *Thế còn anh Xuân Diệu? Vì lý do gì mà anh Xuân Diệu lại viết bài đánh anh một cách tàn tệ như thế?*
- LĐ: À vâng, anh Xuân Diệu thì chuyện như thế này. Anh Xuân Diệu là người bao giờ cũng có ý làm trưởng môn một môn phái. Thế nhưng, anh ấy thấy rằng từ Cách Mạng trở ra thì vị trí anh ấy yếu lắm vì thơ anh ấy rất kém. Những bài *Ngọn cờ tổ quốc* với cái gì non sông ấy, thơ tồi quá. Mà trong những người chê anh ấy thì có tôi với Nguyễn Đình Thi, cho nên anh ấy ghét tôi với Thi lắm. Anh ấy đã nói trong cái hội nghị ấy là: *"Tôi cho việc không chơi với Lê Đạt là một nguyên tắc".* Thế cho nên anh Diệu đối với tôi, anh ấy rất ghét. Nhưng mà anh ấy không thể ghét tôi được tại vì lúc ấy thì anh ấy là đảng viên mới, mà tôi lại là người chịu trách nhiệm theo dõi về văn hóa văn nghệ, cho nên đối với tôi, có ghét thì anh ấy cũng để trong bụng thôi. Tôi nói cho chị một chuyện này: Người ta bố trí cho anh Xuân Diệu ngay cạnh giường của tôi, nằm ngủ cùng với tôi để anh ấy *"giúp đỡ xây dựng"* tôi. Trong một buổi họp, anh Xuân Diệu đã nói như thế này cơ mà -để chị biết là nó tàn tệ như thế nào- anh ấy nói rằng: *"Bây giờ tôi phải nói với các đồng chí rằng tội của tôi cũng không đáng bao nhiêu mà đêm nào tôi cũng trằn*

trọc không ngủ được. Nhưng tội Lê Đạt nó tầy đình như thế mà tôi cứ thấy nó nằm xuống giường là nó ngủ ngay!" - cười. Tôi thấy nhiều người phải quay mặt đi, chắc là hơi xấu hổ - *cười.* Đấy, cái tình hình nó ghê gớm thế. Xuân Diệu, tại vì Xuân Diệu thấy ở tôi và Trần Dần là hai người cạnh tranh nhất trong vấn đề thơ, cho nên đặc biệt Xuân Diệu ghét Trần Dần và tôi, và đặc biệt ghét tôi nhất tại vì tính tôi là người hay nói mà tôi lại thân với Thi. Cho nên thái độ anh Xuân Diệu đối với tôi quá đáng, chắc cũng vì thế mà thôi.

Và tôi phải nói với chị thế này, tức là sau khi Nhân Văn bị đánh rồi thì tất cả những người làm thơ năm 1930 tức là anh Huy Cận, anh Xuân Diệu và anh Chế Lan Viên tập trung xung quanh anh Tố Hữu và lúc bấy giờ rõ ràng là nền thơ Việt Nam hẳng một nhịp cầu và nó lại trở lại cái vai trò chế ngự của thơ mới năm 1930 mà chính anh Tố Hữu chủ xướng.

- TK: *Anh vừa mới bảo là anh và anh Nguyễn Đình Thi thân nhau vậy mà sao anh Thi cũng đánh anh tàn bạo không kém gì Tố Hữu?*
- LĐ: Thi là một người thân với tôi từ trước. Trong kháng chiến thì Thi không phải là người được trọng vọng gì. Tất cả mọi việc trong thời kháng chiến là quyền trong tay Nguyễn Huy Tưởng, Thi chỉ đi hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, Thi có quyền gì đâu! Thi một lần đã nói với tôi rằng: *"Có lẽ sau này nó phải tìm những bản thảo của mình ở trong sọt rác để nó in".* Anh Tố Hữu cứ đưa anh Thi đi hết chiến dịch này đến chiến dịch khác, coi như là cải tạo đó. Thế thì sau cái tố khổ trong quân đội, Nguyễn Đình Thi có viết một quyển gọi là *Mẹ con đồng chí Chanh*, một tập thơ lục bát về nỗi khổ sở của người nông dân. Hồi đó, tôi còn ở Tuyên Huấn, nhà anh Tố Hữu ở trên đồi cao, nhà tôi ở dưới.

Tôi thấy Tố Hữu có vẻ vui vẻ lắm, tay cầm một quyển sách nhỏ mà có nhiều khuyên tròn lắm, gặp tôi anh ấy nói:

"Này, Lê Đạt này, thằng Thi giờ nó tiến bộ lắm." Tôi trông cái quyển ấy tôi biết ngay rồi, tại vì chữ Thi nó nhỏ như chữ đàn bà ấy mà khuyên tròn nhiều lắm. *"Nó viết Mẹ con đồng chí Chanh tiến bộ lắm, ông xem xem, có gì ông chữa rồi ông đưa in."* Tôi lật qua xem, tôi thấy lục bát rất kém - *cười.* Tôi vẫn biết là Thi làm sao làm được lục bát. Từ thơ không vần chuyển sang lục bát khó khăn lắm. Tôi rất buồn. Tôi có nói lại với anh Tố Hữu: *"Không, anh đã xem rồi tôi cứ đem đi in thôi."* Thế là từ đó Thi mới được ông Tố Hữu chú ý tới và sau đó Tố Hữu mới kéo Thi về đi với Karmel để quay phim, quay phim Việt Nam thắng lợi, phim Liên Xô. Sau đó, Thi mới được đi cùng với Karmel sang Liên Xô . Khi Thi đang ở Liên Xô thì ở nhà xảy ra vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Vì anh Hoài Thanh anh ấy đánh kém quá, lúc bấy giờ Tố Hữu mới gọi Nguyễn Đình Thi về.

Thi lúc đầu còn tử tế, gọi tôi đến. Buổi tối hôm đó, tôi còn nhớ, gọi đến Quán Sứ thì Thi nói rằng: *"Tao với mày từ xưa vẫn là anh em mà bây giờ tao có nhiệm vụ là phải viết về mày. Tao thấy rằng lời nói đọi máu, tao thấy nó khó khăn quá thì tao định hỏi mày xem vấn đề thế nào?"* Tôi trả lời Thi: *"Không, vấn đề bây giờ nó đã đến thế này rồi, cậu muốn viết thế nào thì cậu viết. Mình cũng không có ý kiến gì cả!"* Thế là mấy hôm sau tôi thấy bài của Nguyễn Đình Thi, tôi thấy nó cũng chẳng viết gì hơn những người khác, mà nó chửi mình quá chó! - *cười*. Tôi thất vọng về cái anh này lắm. Cho đến bây giờ, cũng như phần lớn tất cả những người văn nghệ có lương tâm ở Việt Nam, đều nói rằng: "*Thi đã bước lên lưng Nhân Văn Giai Phẩm mà làm tổng thư ký lâu năm của Hội Nhà Văn Việt Nam".* Và *tôi-cũng-nghĩ-như-thế.* Nhưng tôi vẫn ao ước gặp được những sự kiện rõ ràng chứng tỏ rằng mình lầm lẫn.

- TK: *Theo anh ước lượng thì nạn nhân của vụ NVGP vào khoảng độ bao nhiêu người?*

- LĐ: Lần trước chị có hỏi tôi rằng *Nhân Văn* có nhiều người bị ra tòa không? Lúc ấy tôi trả lời không nhiều, như thế là đúng. Tại vì không có nhiều người bị đưa ra tòa, bị lên án. Tức là bị kết án chính thức thì không nhiều, chỉ khoảng độ một chục người. Nhưng ở đất nước Việt Nam, những người đau khổ vì Nhân Văn chắc rất nhiều, không thể đếm xuể được. Những người ủng hộ, những sinh viên... đều là những phần tử ưu tú của đất nước hay là những cán bộ người ta cũng khao khát một tí dân chủ. Tất cả những ai, chỉ cần có một tờ Nhân Văn, đọc một tờ Nhân Văn hay là gửi tiền đến Nhân Văn, thì sau đó, khi Nhân Văn bị đánh rồi, thì người đó coi như bị vào sổ đen hết. Có thể là anh phải chuyển công tác, có thể anh phải đi lao động, tôi đã gặp rất nhiều sinh viên, những cô sinh viên trẻ, phải đi lao động rất lâu năm vì đã đọc Nhân Văn, thì cái số người ấy tôi không đếm xuể được. Nếu mà chị có làm chương trình lại thì chị phải tìm cách bổ sung số người ấy. Những người mà tôi nói đến, chỉ là những người chính thức thôi, còn bao nhiêu người vô danh, cái đau khổ vô danh cũng là đau khổ chứ, có phải chỉ cái đau khổ của những người có tên tuổi mới là đau khổ đâu? Tôi thì dĩ nhiên rồi, tại vì tôi có tên tuổi, nhưng chắc là tôi cũng không thể đau khổ bằng họ được. Chính bây giờ tôi cũng vẫn tự hỏi: *"Không biết là đối với họ mình có tội gì không?"* Đành rằng trong một cuộc đấu tranh cho cái mới, thì chúng ta mỗi người phải chịu một ít. Nhưng họ, đúng là họ không có ý thức gì cả, họ chỉ ham muốn, ham muốn tự do, mà ham muốn thì không có gì sai lầm; đọc một tờ báo, gửi một cái viện trợ... mà sau này nó kéo, nó kéo có khi cả một đời... Cho nên đến bây giờ tôi vẫn không biết là công mình nhiều hay tội mình nhiều và lúc nào tôi cũng nghĩ đến họ. Nếu chị có nói, có viết thì chị phải nói, viết rất nhiều đến những người ấy mà tôi cho là đông lắm, không thể đếm xuể được. Ở Việt Nam không có gì rõ ràng cả. Cái chữ rất neutre

mà lại rất gay go, người ta gọi là *liên quan*. *Liên quan* là dính líu đấy thôi. Nhưng mà anh đã *liên quan* là anh... gay go lắm. *Liên quan* với Nhân Văn, *liên quan* với địa chủ, *liên quan* với tư sản... thì tất cả những người này cũng là một thứ liên quan mới; *liên quan với Nhân Văn* là khổ lắm, nhất là lớp sinh viên trẻ, đi lao động, đi cải tạo... mà có phải chỉ Hà Nội đâu, ở những các nơi, các tỉnh đều có người ủng hộ cả. Thì những người đó mình không bao giờ biết thân phận họ ra sao.

● Thân phận Hoàng Cầm, Nguyễn Tuân Nguyễn Bính, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh

Khi tìm hiểu về phong trào NVGP, chúng ta không thể không tìm lại một số những khuôn mặt nhà văn, nhà trí thức, đã tham gia phong trào như Hoàng Cầm, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh... mà còn cả những khuôn mặt nhà văn cùng thời đã xa gần liên hệ với họ như Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan... Những nhà văn nhà trí thức này đã có một thái độ sống như thế nào? Với lối nói thẳng, nói thật, nhà thơ Lê Đạt sẽ phác họa vài nét sống động về một số nhà thơ, nhà văn, một thời hệ lụy với Nhân Văn, với văn chương và tư tưởng.

- TK: *Thưa anh, người đầu tiên xin được hỏi anh là một người bạn rất thân của anh, đó là anh Hoàng Cầm. Xin anh nói về anh Hoàng Cầm.*
- LĐ: Anh Hoàng Cầm thì cũng có một cái oan nghiệt, tức là trong tất cả anh em Nhân Văn và một số người chung quanh anh Hoàng Cầm đều cho rằng: trong những lúc đấu tranh thì thông thường là anh ấy nhát sợ. Theo tôi thì cũng không nên đòi hỏi một nhà thơ phải đặc biệt can đảm làm gì. Cốt nhất là đòi hỏi nhà thơ cái *can-đảm-chữ* là quan trọng. Riêng tôi, tôi cho rằng *Hoàng Cầm, về chữ là một người can đảm.* Tại vì anh ấy cứ bình tĩnh đi con đường của anh ấy. Chị phải biết

cái ảnh hưởng của anh Dần và anh Hưng là ghê gớm lắm. Anh Hưng và anh Dần chê thơ anh Hoàng Cầm rất ghê: Thơ anh Cầm là bình dân này, thơ không bác học này... tất cả mọi thứ. Nhưng tôi thấy anh Cầm anh ấy có cái tốt là anh ấy không nói gì cả. Anh Cầm thì không có lý luận, nhưng anh ấy bình tĩnh đi con đường của anh ấy. Tôi thấy điểm ấy cũng là điểm đáng trọng lắm. Thường thường ở trong nước người ta vẫn cho tôi là bênh anh Hoàng Cầm, nhưng tôi nói chuyện này để tùy chị kết luận xem tôi có bênh hay không là tùy chị: Thời ấy, anh Cầm vừa bị bắt sau vụ *Kinh Bắc*. Bị giam cũng đâu 5, 6 tháng gì đó[1082]. Khi anh ấy trở về thì tôi thấy anh Cầm, nói xin lỗi, đúng là một cái rẻ rách. Tôi gặp anh ấy trong một căn nhà, đó là một cái nhà sâu, rất tối mà lại ẩm thấp. Vào, tôi thấy bóng một người ngồi -mà ta gọi là ngồi đầu gối quá tai đó- trông rất buồn, ngồi hút thuốc lào. Như thói thường, gặp một người bạn thì bao giờ tôi cũng rất cẩn thận, vì tôi cũng chưa biết anh ấy như thế nào, tôi nói rằng: *"Thôi, bây giờ chuyện đã xong rồi, cái gì mình thấy là sai lầm thì mình nhận là sai lầm, cái gì mình đúng thì mình cứ giữ lấy chẳng việc gì mình phải thay đổi cả."* Thì Cầm nói với tôi một cách rất thành khẩn: *"Không những mình sai lầm mà mình còn có tội nữa."* Tôi rất buồn và lúc đó tôi nghĩ chắc là Cầm không bao giờ còn có thể viết được nữa. Tôi mất một người bạn. Thế rồi Phùng Quán đến, Phùng Quán nó viết một câu thơ *"Có con sông Đuống tiễn đưa anh"* gì đó. Thơ Phùng Quán bao giờ cũng hùng hồn. Tôi nói với Quán: *"Bây giờ những lời hùng hồn ấy đều vô ích cả, hẵng để cho anh ấy có thì giờ suy nghĩ."*

Thỉnh thoảng chúng tôi cứ lại thăm. Và vẫn bị ám ảnh bởi cái bóng tối và bóng của anh Hoàng Cầm ấy, tôi lại nhớ đến bài thơ *Cha tôi* mà tôi viết ngày trước, *"bóng và người như nhau",* tôi không tin rằng Cầm có thể viết được nữa.

1082 Thực ra Hoàng Cầm bị giam 18 tháng.

Khoảng độ 5, 6 tháng sau, tôi đến, thì Cầm đưa cho tôi một bài thơ, thơ còn chuệch choạc nhưng tôi thấy những câu chữ cũng được lắm và một năm sau tôi thấy anh ấy lại làm thơ bình thường và tôi cho một người làm thơ can đảm như thế là đủ. Can đảm để giữ cái bản chất của mình. Anh Cầm anh ấy vẫn cho là thế này: Anh em thì chúng nó học nhiều hơn mình, nó mô-đéc hơn mình, mình thì hơi cổ. Nhưng cái tự ti ấy không đủ để anh ấy thay đổi thi pháp của anh ấy. Tôi cho đó là lòng can đảm. Khi một người đã rũ xuống như một cái rẻ rách ấy, thì tôi tin anh không thể viết được nữa, vậy mà sau một thời gian cũng chỉ gần một năm giời anh lại trở lại làm thơ và có những bài thơ rất hay thì tôi cho một người làm thơ chỉ cần can-đảm-chữ là đủ. Tại vì anh có phải là đặc công hay là anh có phải đi đánh cọp, đi bắt cướp gì đâu mà cần một người can đảm. Tôi thấy người làm thơ chỉ cần can-đảm-chữ mà thôi.

- TK: *Trong phong trào NVGP của các anh thì có thể nói là anh, anh Trần Dần, anh Đặng Đình Hưng đều đi con đường tìm tòi cái mới. Chỉ riêng có anh Hoàng Cầm là không triệt để đi tìm cái mới. Vậy anh nghĩ gì về thơ của anh Hoàng Cầm?*
- LĐ: Về điểm này tôi với Trần Dần và Đặng Đình Hưng tranh luận rất nhiều. Riêng tôi thì tôi nghĩ rằng anh Hoàng Cầm là một nhà thơ bình dân mà ở trong *Kinh Bắc* nhiều chỗ anh ấy cũng đạt tới chỗ bác học. Có những câu thơ rất hay mà nó bâng khuâng lắm. Đơn giản nhưng bâng khuâng. Tôi kể lại một câu chuyện mà tôi đã kể khi viết về 75 năm Hoàng Cầm: hôm ấy tôi gặp Nguyễn Bính, Nguyễn Bính thì mọi người đều cho là người khinh bạc. Nguyễn Bính khinh bạc lắm. Nhưng Nguyễn Bính đối với tôi lại rất tốt, tôi không biết tại sao thế. Độ ấy Nguyễn Bính còn làm báo *Trăm Hoa*, thì cứ buổi chiều thứ bảy là Nguyễn Bính đi đến các đại lý bán báo để thu tiền. Lúc nào được tiền thì Nguyễn Bính cũng

rủ tôi đến Mã Mây ăn thịt chó. Lúc ấy tôi đang khó khăn lắm, thời kỳ Nhân Văn mà. Một hôm uống rượu xong, tôi hỏi Nguyễn Bính: *"Sau cậu là ai? Cái trường phái thơ bình dân ấy, sau cậu là ai?"* thì Nguyễn Bính nói ngay không nghĩ ngợi gì cả: *"Sau tao là thằng Cầm."* Tôi cũng mỉm cười thôi, không nói gì cả. Uống rượu một lúc thì Nguyễn Bính lúc đó đã say lắm rồi, mặt đỏ, đặt chén rượu xuống chỉ vào mặt tôi: *"Thằng này là thằng khốn nạn. Tí nữa tao mắc lừa mày. Thằng Cầm cũng bằng tao!" - cười.* Thì để thấy rằng những người anh em mà người ta tưởng là khác xa nhau, người ta tưởng là mâu thuẫn với nhau, nhưng mà họ liên tài với nhau lắm. Lẽ dĩ nhiên Nguyễn Bính là một thế giới, và Nguyễn Bính nổi tiếng, nhưng Hoàng Cầm cũng nổi tiếng không thua gì Nguyễn Bính cả. Nhưng qua đó thì thấy gì? Thấy rằng những nhà thơ lớn thường thường họ liên tài và những sự mâu thuẫn của họ chỉ là những mâu thuẫn lặt vặt thôi. Chỉ có những nhà thơ xoàng mới ghen ghét nhau thôi.

- TK: *Còn một người nữa cũng có những nét rất đặc biệt trên văn đàn đó là Nguyễn Tuân nhưng chưa có dịp nào để hỏi anh về Nguyễn Tuân, vậy thì hôm nay anh nghĩ sao về Nguyễn Tuân?*
- LĐ: Về Nguyễn Tuân tôi nghĩ như thế này: Anh Tuân là một người mà tôi rất kính trọng, tôi rất kính trọng cái thời mà anh ấy viết trước Cách Mạng, tức là thời kỳ *Vang bóng một thời* và những bút ký của anh Tuân tôi thích lắm. Tôi sợ rằng khi người ta đánh giá về anh Tuân, đánh giá nhiều lúc cũng không đúng, mà bản thân anh Tuân nhiều lúc cũng không đúng lắm. Ví dụ tôi thấy một nhà văn cho rằng trong những ký sự sau này, anh Tuân đã đem lại được dấu ấn của sự sang trọng. Tôi không thấy sang trọng gì cả. Tôi thấy những bài ký sự của anh Tuân sau này yếu. Những bài đánh Mỹ của anh ấy tôi thấy không có gì là sang trọng cả. Nhưng về anh Tuân thì tôi thấy thế này: Anh Tuân vì được mọi người quý trọng quá,

cho nên anh Tuân trở thành một người ích kỷ và chính cái ích kỷ ấy hạn chế khả năng của anh ấy. Tôi kể lại đây một chuyện của Nguyễn Sáng để chị biết rằng Nguyễn Sáng cũng là một người tinh tế lắm. Tức là có một mâu thuẫn gì đó, tôi không tiện kể ở đây, giữa Nguyễn Sáng và Nguyễn Tuân, vì hai người rất thân với nhau; sau đó thì Nguyễn Tuân có nhắn một người đến nói với Nguyễn Sáng rằng: *"Trong cái sai lầm ấy thì toa cũng có khuyết điểm chứ!"* Nói với Nguyễn Sáng như thế. Thì Nguyễn Sáng trả lời thế này này: *"Nguyễn Tuân là người không viết được tiểu thuyết, không xây dựng được nhân vật cho nên không hiểu thế thái nhân tình. Không chơi với Nguyễn Tuân."* Để biết rằng như thế là những người nghệ sĩ họ hiểu nhau lắm. Hai là, tôi nói thế này không biết có phải là vô lễ với anh Tuân không, nhưng mà tôi cứ nói: tôi thấy anh ấy hơi điệu bộ quá. Và hình như là anh Tuân đã mất quá nhiều thời giờ để sắm cái vai Nguyễn Tuân trong cuộc đời mình. Giá thời gian ấy anh dùng để viết hoặc để suy nghĩ thì chắc là anh có thể làm được cho đời nhiều thứ hơn. Nói như thế không phải là tôi đánh giá thấp anh Tuân đâu, Nguyễn Tuân là một trong những người tôi quý nhất trong nền văn học Việt Nam. Nhưng mà quý không có nghĩa là xuề xòa tất cả về những cái gì mình không bằng lòng về anh ta. Tôi thấy anh Tuân đúng là anh ấy diễn nhiều quá. Và tôi sợ không phải chỉ có mình anh Tuân. Tôi không muốn nhắc tên những người bạn của tôi, nhưng nhiều người bạn của tôi cũng bận diễn quá. Hình như khi cái vinh quang nó khoác cho mình thành một nhân vật, thì mình sẽ để rất nhiều thời giờ để sắm vai cái nhân vật ấy, hơn là mình sống với bản chất nghệ sĩ của mình. Tôi cho đó là bi kịch của anh Tuân.

- TK: *Trường hợp Nguyễn Công Hoan hơi khác. Trong thời kỳ NVGP, Nguyễn Công Hoan có thái độ không được hay lắm. Nhưng ở ngoài cuộc sống thì ông Nguyễn là người thế nào hở anh?*

- LĐ: Anh Nguyễn Công Hoan mà chơi với anh ấy thì rất dễ chịu. Anh ấy tính vui vẻ mà chúng tôi vẫn gọi là bon papa. Anh Hoan là người rất đơn giản. Anh đã từng khuyên các nhà văn trẻ là: *"Moa viết văn hay như thế moa có cần đọc gì đâu!"* - *cười.* Cho nên đối với anh Hoan, mình cũng kính trọng như là một bon papa ấy thôi, chứ anh Hoan thì không có suy tư gì sâu xa về văn học. Tôi đã nghe anh ấy nói: *"Moa có đọc gì đâu!"* Anh Hoan là một người sống đơn giản lắm, rất đơn giản. Mà tôi cũng không hiểu tại sao anh ấy viết được những truyện như thế. Theo tôi thì ngoài những nói năng của anh ấy trong thời kỳ NVGP nó không được lịch sự lắm, thì đó cũng là một người mà tôi kính trọng. Tại vì đến khi anh ấy nhận thức ra, thì anh ấy cũng dám nói chứ không phải anh ấy không dám nói, anh ấy cũng không phải là người mũ ni che tai đâu. Thường thường Nguyễn Công Hoan gặp tôi thì bao giờ cũng tỏ thái độ thông cảm hơn là người khác.

- TK: *Thưa anh, trong phong trào NVGP có hai nhóm, một nhóm như anh, anh Hoàng Cầm, anh Trần Dần... thuộc về nhóm văn nghệ sĩ tranh đấu bên phía Hội Nhà Văn. Còn một nhóm nữa gồm những nhà trí thức, sinh viên, tranh đấu bên đại học, với những tên tuổi như Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường v.v... Vậy sự liên hệ giữa hai nhóm này như thế nào và vai trò một người như Trần Đức Thảo trong tờ Nhân Văn là thế nào?*
- LĐ: Hai bên cũng không liên hệ với nhau nhiều và thường thường liên hệ với nhau qua anh Đang. Còn liên hệ trực tiếp với tôi thì ít nhưng mà thế này: Anh Thảo thì hầu như không tham gia nội bộ Nhân Văn, nhưng anh viết bài cho Nhân Văn và anh ấy có đến dự họp báo Nhân Văn. Thảo gây một ấn tượng rất lớn với anh em Nhân Văn, vì anh Thảo đã có tiếng từ trước, người ta đồn anh này đã cãi nhau với Sartre, anh này là một nhà triết học đỗ thủ khoa... ở nước Pháp v.v... cho nên, anh ấy mang đằng sau anh một cái bóng rất to. Tôi thấy

anh em đều tôn trọng anh Thảo. Mà anh Thảo lại có một cách nói rất khiến người ta lưu ý: anh ấy nói một cách rất trừu tượng, hình như anh không ở trong cái vấn đề, anh nói nó như cái vấn đề ở đâu đấy. Tôi còn nhớ buổi hôm ấy họp về một vấn đề quan trọng lắm: Nhân Văn đã đến số 5 rồi, còn tiếp tục nữa hay không? Bởi vì chung quanh, các công nhân rồi tất cả người ta đánh ầm ầm, ầm ầm... Bạn tôi đều nói: *"Bây giờ nó học tập ghê lắm rồi, sắp sửa đánh to lắm"*. Thì anh Thảo có đến, anh hình như không bận tâm gì, anh nói rằng: *"Toa rất buồn cười, họ đã đánh đâu mà ta lại rút lui. Đợi khi nào họ đánh hãy hay, chứ họ đã đánh đâu mà lại rút lui, có khi họ đánh vờ thì sao?"* Những cái ý của anh Thảo tỏ ra anh là người rất bình tĩnh, hình như anh ở ngoài tất cả những vùng đánh đấm bon chen ấy: anh Thảo gây một ấn tượng rất mạnh trong buổi họp hôm ấy.

Sau này tôi còn tiếp xúc với anh Thảo nhiều lần, tại vì anh em vẫn tiếp tục chơi với nhau, nhưng tôi có cảm giác là anh Thảo luôn luôn bị *hantise de persécution* (ám ảnh bị hành hạ, bị theo dõi). Anh Thảo là người có lập luận rất chặt chẽ và chính cái chặt chẽ đó là một ưu điểm và là nhược điểm của anh ấy. Hình như anh ấy không chú ý gì đến cuộc đời mà anh chú ý đến lập luận của anh nhiều hơn. Tôi nhớ một hôm đang trên đường đi, anh Thảo rủ tôi về nhà. Anh bảo: *"Lê Đạt về đây mình cho xem cái tài liệu hay ghê lắm"*. Thế là tôi về nhà anh ấy, một căn nhà bẩn thỉu, lộn xộn, không có ai chăm sóc gì cả. Bên cạnh ông bố già đang ngâm thơ - *cười.* Thảo đưa tôi một tài liệu hơn 20 trang, nói rằng: *"Đây toa xem xem thế nào. Moa chứng minh rằng Tố Hữu là một tay DB*[1083] *cài lại"* -thằng DB tức là thằng mật thám Pháp cài lại- Thì tôi thấy anh chứng minh một cách rất chặt chẽ, anh nói rằng thời xưa, khi Tố Hữu ở trong tù ở Thừa Thiên, đã liên lạc với bố của Trần Duy, lúc đó là phủ thừa ở Thừa

---

1083 Deuxième Bureau là Phòng Nhì.

Thiên như thế nào; thế rồi tại sao khi Tố Hữu đi lên Điện Biên Phủ đi theo với thằng Pháp mà không có ai cả. Anh ấy chứng minh một lúc thì xem ra Tố Hữu hoàn toàn là thằng DB. Tôi xem xong trả lại anh Thảo, tôi nói rằng: *"Mình không thích cái này lắm!" - cười.* Thảo có ý không bằng lòng. Đó là một chuyện về anh Thảo. Anh ấy luôn luôn có những lập luận như thế và luôn luôn bị ám ảnh là có người theo dõi. Từ độ ấy thỉnh thoảng chúng tôi cùng ra thư viện dịch để kiếm tiền. Lúc đó Mỹ đã ném bom đến Hà Nội rồi, tất cả các cơ quan đều sơ tán hết. Thư viện cũng sơ tán, còn ít anh em thôi, thì thường thường khi gặp nhau Thảo thường rủ tôi ra đằng sau thư viện để nói chuyện cho kín, Thảo nói rằng: *"Toa với moa ra ngoài này nói chuyện cho kín không có công an. Nhiều công an lắm!"* Tôi nói chuyện xong hai ba lần, sau tôi mới bảo Thảo: *"Ông có biết cái cơ quan mà chúng ta nói chuyện trước cửa là của ai không? Nó là công an. Sở công an dọn về đấy rồi!" - cười.*

Tôi có cảm giác là sau này óc anh ấy không được bình tĩnh như hồi tôi gặp. Cho nên những việc anh ấy làm sau này, tôi thấy là đáng tiếc nhưng cũng có thể hiểu được. Là một người luôn luôn suy nghĩ, dằn vặt, anh ấy sống rất cô đơn. Và tôi phải nói với chị như thế này: Anh Thảo về nước với một ý định rất rõ rệt chứ không phải là anh ấy không có ý định đâu: anh về nước với ý định trở thành nhà lý luận của Đảng Cộng Sản Việt Nam, vì thế cho nên sau này thỉnh thoảng anh ấy vẫn còn bênh vực Lê-nin cũng là nằm ở trong ý định ban đầu thôi. Nhưng anh ấy không biết rằng người Việt Nam không bao giờ coi một nhà triết học là một nhà lý luận cả. Chỉ có lãnh tụ với nhà chính trị mới là nhà lý luận mác-xít, anh Thảo không thể là nhà lý luận được. Tôi cho đó cũng là cái vỡ mộng của anh ấy.

- TK: *Còn hai nhà trí thức nổi tiếng trong phong trào nữa là Nguyễn Mạnh Tường và Đào Duy Anh, anh có gần gụi họ không, xin anh cho vài nét về họ.*
- LĐ: Về anh Nguyễn Mạnh Tường thì tôi cũng không gần lắm. Tôi biết một chuyện này: anh Tường là một người rất tốt. Tại vì sau khi mọi việc xong xuôi rồi thì anh Tường là người dạy cháu Vũ, con anh Dần, về Pháp văn rất chu đáo, mà sở dĩ Vũ sau này nó sang Pháp một cách thuận lợi như thế, một phần công lớn là do anh Tường, mà anh Tường dạy cũng không lấy tiền, tại vì Trần Dần làm gì đủ tiền mà cho Vũ học anh Tường, cho nên anh Tường đối với những người ngày xưa, anh ấy cũng có ý rất tốt.

Thế còn anh Đào Duy Anh thì, anh Đào Duy Anh là một người như thế này: Anh Đào Duy Anh là một người cẩn thận, cẩn thận, giữ gìn, trong danh từ Việt Nam người ta nói đơn giản là hơi nhát - *cười.* Anh Đào Duy Anh sau khi Nhân Văn xong thì anh ấy làm việc trong ngành sử, rồi cũng không có gì liên lạc với nhau nữa. Thời trước thì vẫn gặp nhau, thỉnh thoảng gặp nhau, nhưng vì Đào Duy Anh là một người lớn tuổi, tôi chỉ đáng tuổi con anh ấy thôi, mà đằng sau anh ấy là cả chồng tự vị cao lớn như thế, chắc sức tôi cũng không đủ vác những tự vị của anh ấy. Nhưng tôi vẫn nhớ một chuyện về Đào Duy Anh mà tôi muốn kể với chị, để thấy cái tình cảm của những người Nhân Văn như thế nào. Tức là đã lâu lắm, mấy chục năm tôi không gặp anh Đào Duy Anh nữa, tại vì nhà anh ấy ở rất xa, mà anh ấy lại thuộc thế hệ khác, mình chẳng có gì để bàn với anh ấy cả. Và hai là, anh ấy không muốn tiếp xúc với những người Nhân Văn cũ, anh rất ngại. Sau này, vì tình hình nó mở ra, hôm ấy Mặt Trận Tổ Quốc tổ chức ngày sinh nhật thật trọng thể 80 năm của Đào Duy Anh. Chị còn lạ gì tôi, tôi không thích đến những cuộc đông đảo như vậy bao giờ, tính tôi như thế. Tôi đang đắn đo lắm, thì anh Đào Duy Anh mới nói với em anh ấy là Đào

Phan, Đào Phan là bạn tôi, rằng: *"Thế nào cũng bảo Lê Đạt tới"*. Anh ấy nói như thế thì nhất định là tôi phải tới rồi. Đào Phan có dẫn tôi đến chỗ Đào Duy Anh, đông lắm, mọi người những học trò rồi là những người lâu lắm mới lại gặp, khi Đào Duy Anh xuất hiện thì mọi người quý lắm, tôi có đến chào anh Đào Duy Anh thì anh Đào Duy Anh quay lại ngay. Tôi nói: *"Chào bác, thế nào bác còn nhớ tôi không?"* Thì anh Đào Duy Anh có nói một câu mà tôi rất cảm động: *"Làm sao mà quên được, bục công an chứ gì!"*

Lúc ấy tôi mới biết là trong mấy chục năm nay ông ấy không bao giờ quên mình cả! Đấy là cái quan hệ giữa tôi và anh Đào Duy Anh. Như thế những người ở trong Nhân Văn, mặc dù không gần gũi nhau như trước nữa nhưng trong thâm tâm người ta vẫn dành một chỗ nào nhất định để đối xử với nhau. Đó là một tình bạn rất hiếm ở một nước như nước Việt Nam.

● Những lời cuối của Lê Đạt về Nguyễn Hữu Đang

Ngày 8/2/2007 Nguyễn Hữu Đang từ trần, chúng tôi điện thoại về Hà Nội để ghi những lời của Hoàng Cầm và Lê Đạt nói về Nguyễn Hữu Đang. Và đây là những lời Lê Đạt nhớ bạn.

- TK: *Thưa anh Lê Đạt, anh với anh Đang, mặc dù tuổi tác khác nhau nhưng lại rất thân nhau, vậy xin anh cho biết về con người của anh Đang.*
- LĐ: Tôi biết tiếng anh Đang đã lâu rồi, nhưng khi anh Đang ở Khu IV, thì tôi lại ở trên Việt Bắc. Đến khoảng trước năm 54, anh Đang về làm biên tập tờ Văn Nghệ với tôi, và sau báo Văn Nghệ, thì lại tiếp tục làm tờ Nhân Văn với nhau; trong thời gian ấy, chúng tôi rất thân nhau vì anh Đang sống một mình cho nên hai anh em có thể gặp nhau ngày đêm bất kể lúc nào để bàn luận công việc. Anh Đang rất trực tính, cái

gì cũng nói thẳng với nhau được. Tôi kể một chuyện này để chị thấy: thời kỳ tôi mới vào báo Văn Nghệ, anh Xuân Diệu cũng ở trong báo Văn Nghệ. Lúc ấy anh Xuân Diệu đang làm thư ký toà soạn thì bị bệnh vào nằm bệnh viện, tôi làm thay. Anh Xuân Diệu rất khó chịu với tôi, anh ấy nói với anh Tưởng[1084] là không nên để Lê Đạt làm, vì nó chủ quan lắm, bài của mình cũng bị nó gạt luôn, Lê Đạt còn quá trẻ để làm việc ấy. Anh Tưởng hỏi: *"Thế thì để ai làm?"* Anh Diệu bảo việc ấy để Đang làm. Anh Tưởng rất nể anh Đang, nhưng khi anh Tưởng vừa nói là không để tôi làm thì anh Đang mắng luôn: *"Sao cậu phong kiến thế, để nó làm. Nó làm hơn tớ nhiều. Tớ không làm đâu"*. Anh Đang rất ủng hộ tôi, mà anh em đối với nhau rất vui vẻ. Anh Đang là người rất nghệ sĩ, có vẻ hắc thế thôi nhưng rất nghệ sĩ, bề ngoài là người cứng rắn nhưng tâm hồn rất mềm yếu. Tôi đã trông thấy anh Đang nhìn một em bé chơi dưới nắng trong nửa tiếng đồng hồ, một cách rất say mê. Về văn nghệ ý kiến của anh ấy rất xác đáng và nhất là về hội họa, anh rất tinh. Chỉ có là anh ấy chưa làm thơ thôi, chứ anh ấy rất hiểu văn nghệ.

- TK: *Thưa anh, trong suốt thời gian từ 1973 sau khi ra tù, rồi bị quản thúc ở Thái Bình cho đến sau này, anh Đang có viết được nhiều không ạ?*
- LĐ: Anh Đang lúc ấy có một việc rất hay mà tôi tiếc là anh đã không làm được: anh có ý muốn xem lại Nam Hoa Kinh của Trang Tử. Một người như anh Đang, làm cách mạng, sau khi bị tù đày mà nghiên cứu Nam Hoa Kinh, tôi chắc là sẽ có nhiều điểm hay lắm. Nhưng thời kỳ ở Thái Bình, anh quá khổ, thời kỳ giun dế mà Quán[1085] nói đó, quá khổ. Người ta phải có điều kiện vật chất tối thiểu thì mới có thể đọc sách, nghiên cứu được chị ạ. Sau khi anh Đang được trở về Hà Nội, tôi rất hy vọng là anh Đang sẽ làm được chuyện ấy.

1084 Nguyễn Huy Tưởng.
1085 Phùng Quán.

Nhưng lúc đó thì lại có một việc khác xảy ra là người này, người kia mời. Cho nên anh mất rất nhiều thì giờ giao tiếp, tôi có nhắc anh một vài lần, rồi sau cũng không dám nhắc nữa, vì mình cũng phải thông cảm với cái khổ của anh. Anh có viết được không? Tôi không rõ, nhưng nếu anh viết chắc là có nhiều ý kiến độc đáo lắm. Bởi vì những lúc nói chuyện với nhau, tôi đã thấy anh có những ý kiến rất đặc biệt. Một người đi từ chủ nghĩa Cộng Sản, sang Lão Tử, Trang Tử, thì tôi chắc phải có nhiều cái hay lắm, nhất là anh Đang là người có nhiều ý kiến độc đáo. Nhưng làm thế nào được, đó là cuộc đời.

- TK: *Thưa anh, nếu sau này giới trẻ muốn tìm hiểu về anh Đang thì nên giữ lại hình ảnh gì của anh Đang?*
- LĐ: Cuộc đời anh Đang là cuộc đời khổ sở. Anh Đang bị nhiều thiệt thòi, lúc trẻ anh bận công tác cho văn hóa, công tác tổ chức, công tác cách mạng, cho nên anh không viết được nhiều. Sau này khổ sở, rồi cuộc đời đưa đẩy, anh không viết được, cho nên cái viết của anh hầu như không để lại gì nhiều. Đó là điều rất đáng tiếc. Thế hệ sau khó biết Nguyễn Hữu Đang, khó hiểu Nguyễn Hữu Đang, bởi vì khi đã chết đi, người ta chỉ có thể quen nhau qua trước tác thôi, qua tác phẩm thôi, mà anh Đang viết rất ít. Nhưng tôi vẫn tin là người ta không quên được anh Đang, một người hoạt động văn hóa xuất sắc, tận tâm. Anh Đang có công rất nhiều trong việc Truyền Bá Quốc Ngữ, tôi cho đó là điểm phải đề cao về anh Đang. Tôi tin rằng khi nói đến tiếng Việt, người ta không thể quên được Nguyễn Hữu Đang.

● Sự tìm tòi một con đường mới cho thơ ca Lê Đạt

Lê Đạt là một trong những nhà thơ lớn có công cách tân thi ca Việt Nam nửa sau thế kỷ XX, cùng với Thanh Tâm Tuyền, Đặng Đình Hưng, Trần Dần... Trừ Thanh Tâm Tuyền

ở miền Nam, còn ba người miền Bắc thuộc phong trào NVGP. Tại sao như vậy? Đó là câu hỏi mà thế hệ mai sau còn nhiều dịp để tìm lời giải đáp. Ở đây, nhà thơ Lê Đạt sẽ nói về hành trình cách tân thơ của ông bên cạnh hai người bạn: Trần Dần và Đặng Đình Hưng.

- TK: *Thưa anh, có thể nói sự thay đổi thi pháp của anh là kết quả của một hành trình dài, bắt đầu từ việc đọc sách ở thư viện thập niên 70. Vậy trước tiên xin anh kể lại việc đọc sách này.*
- LĐ: Đọc ở thư viện khó lắm chị ạ, thư viện khoa học xã hội nhiều sách hay nhưng chỉ dành riêng cho những người làm việc nhà nước, cán bộ nghiên cứu thôi. Tôi lúc ấy đã về hẳn rồi, tuy vẫn còn kỷ luật nhưng không phải cái mười năm lưu lạc giang hồ nữa. Tôi phải nói khéo với cơ quan cho tôi xin một cái giấy vào thư viện tôi đọc, tại vì đã lâu lắm rồi tôi không được đọc sách. Lúc đó cũng may rằng anh em Việt kiều ở Paris vừa biếu Việt Nam một loạt sách về hoạt động văn hóa những năm 50 của Pháp, tức là những năm sôi nổi nhất trong sinh hoạt trí tuệ Pháp, nào là phái cấu trúc, nào là phái phê bình mới, Roland Barthes... thì tôi phải cố gắng xin cái giấy phép. Xin cũng khó lắm chị ạ. Đọc sách ở nước Việt Nam khó lắm chứ có phải dễ đâu. Đáng nhẽ mọi người vào, là cứ xin giấy rồi vào thôi. Còn giấy tôi xin thì cũng phải độ bẩy hôm người ta mới trả lời là ông đọc được. Tôi đã được đọc sách và tôi cho đó là những ngày hạnh phúc nhất đời tôi.

Tôi đọc mười giờ một ngày: buổi sáng tôi ăn sớm rồi tôi đọc đến trưa, trưa xong tôi lại tiếp tục đọc đến chiều, về nhà tôi phải ăn cơm nguội cơ mà. Cho nên lúc đó ở Hà Nội nó đã đồn là ông Lê Đạt giàu lắm vì lúc đó không ai ra thư viện đọc sách để học cả, mà người ta chỉ ra thư viện đọc sách để dịch. Một người suốt ngày ở thư viện là phải dịch được nhiều tiền lắm!

Tôi đọc lại những sách thuở nhỏ tôi đã đọc và tôi đọc cả những sách đang sôi nổi lúc bấy giờ ví dụ như về *structuralisme* (cấu trúc luận), về *linguistique* (ngôn ngữ học), về *nouvelle poésie française* (thơ mới của Pháp) v.v... Tôi cho đó là những năm tốt đẹp nhất của đời tôi, lâu lắm tôi mới được đọc như thế. Sau đó thì thư viện họ quen tôi và họ đối với tôi rất tử tế. Lúc ấy anh Thảo cũng ra, anh Trần Dần thì đâu người ta thuê anh ấy dịch Althusser, anh ấy cũng ra thư viện đó để dịch, thế là ba anh em lại gặp nhau và lúc đó ở Hà Nội người ta đã sơ tán cả rồi. Một hôm tôi đến mượn sách thì chị thủ thư rất buồn, bảo: *"Bây giờ ban giám đốc vừa ra một cái lệnh bác không được đọc sách nước ngoài nữa, chỉ đọc sách tiếng Việt thôi"*. Sau tôi mới hỏi ra thì là thế này: Người phụ trách thư viện là một ông thiếu tá vừa chuyển ngành, ông ấy nghĩ bụng là bây giờ mọi người đều đi sơ tán thì còn ai học hành gì nữa, chỉ thấy mấy anh NVGP trong này, chắc chúng nó bàn chuyện bậy bạ gì cho nên việc thứ nhất là: thôi, không cho chúng nó đọc nữa. Nhưng Thảo thì có cái giấy ở trên, đang nghiên cứu về hiện tượng học đó, thì anh ấy vẫn được đọc. Còn tôi không có giấy đặc biệt gì cả thì họ không cho tôi đọc tiếng Pháp nữa. Tôi phải rời thư viện ấy, sau khi tôi đã đọc coi như gần hết thư viện đó rồi, thì để chị biết là ở Việt Nam đọc sách cũng khó khăn lắm.

- TK: *Như vậy có thể nói rằng chính sự đọc sách ở thư viện đã dẫn anh đến chỗ quyết định phải thay đổi thi pháp của mình, thưa anh có phải như vậy không?*
- LĐ: Không, quyết định ấy có từ lâu rồi. Quyết định từ lâu rồi. Tức là sau Nhân Văn, tôi không được làm thơ nữa, không được in thơ nữa cho nên tôi đã nghĩ rất nhiều về thơ của mình, tôi phải tìm một cách khác. Dần dần tôi đã đi xa, càng ngày càng xa Maïakovski: Tại vì tôi thấy chính Maïakovski là người đã đóng góp rất nhiều vào cái sai lầm

của chủ nghĩa Cộng Sản, cho nên càng ngày tôi càng tách xa Maïakovski nhưng chưa tìm được cách nào để đi cả.

Lúc bấy giờ thì những anh em cũ như Trần Dần, Đặng Đình Hưng... Đặng Đình Hưng, sau năm 60, do sự giúp đỡ của Trần Dần, thì Đặng Đình Hưng đã có một số những thành tựu nhất định. Anh Dần, anh Hưng, các anh ấy đinh ninh đã tìm thấy đường rồi, còn tôi vẫn chưa tìm thấy đường gì cả. Tôi nhớ có một hôm, năm ấy vào khoảng năm 65, ba người uống rượu với nhau, Hưng không biết là tỉnh hay say, hay là giả say thì không biết, mới nói rằng: *"Cậu không bao giờ có thể làm thơ hay được cả tại vì cậu tỉnh quá"*. Thì tôi đứng dậy nói*: "Cũng có thể mình không thể làm thơ hay được nữa, nhưng mà mình không muốn mất cái sự tỉnh táo"*. Và tôi chia tay với họ. Sự chia tay ấy chắc mọi người không biết được, tại vì chỉ chia tay trong ba người thôi. Nhưng lúc ấy tôi rất buồn, tại vì chỉ còn có ba người thôi mà không trụ được với nhau, lại phải chia tay. Mà tôi nhất định không thể ở lại được nữa. Tại vì ở lại thì hoặc là tôi theo họ, mà tôi không thích. Lúc bấy giờ tôi buồn lắm. Trong bốn, năm năm trời tôi không làm bài thơ nào cả, chỉ làm những cái mà người ta gọi là tập, exercices, con con nhưng không làm bài thơ nào cả.

Thường thường là cứ đến ngày Noël, anh em hay gặp nhau; gặp nhau thì làm một bữa rượu, ngồi uống rượu. Những buổi đó bao giờ cũng có đủ: tôi, anh Dần, anh Hưng và anh Hoàng Cầm. Uống rượu được một lúc thì anh Hoàng Cầm thường đọc bài đề từ của Chu Mạnh Trinh mà Hoài Nam Tử dịch trong đó có một câu rất nổi tiếng là *Cánh hoa rụng chọn gì đất sạch* đó. Anh Cầm ngâm bài ấy cực hay và rất buồn. Sau đó thì các ông ấy uống rượu, uống rượu rồi bàn hết khôn rồi ra dại. Thường những lúc ấy tôi hay đứng dậy, lặng lẽ một mình tôi bỏ về. Bỏ về như vậy làm anh em khó chịu nhưng tôi thấy không thể tiếp tục mãi như thế được.

Trong đám ấy, lúc bấy giờ tôi lại trở nên một kẻ bị bỏ rơi, mà tôi cũng chưa biết là mình sẽ đi đến đâu cả, con đường trước mắt chưa biết thế nào, nhưng chắc chắn là tôi không đi con đường của hai anh ấy.

- TK: *Xin anh nói về con đường đi của hai anh Trần Dần và Đặng Đình Hưng.*
- LĐ: Tôi thấy anh Dần từ xưa đến nay vẫn là người mê chữ từ lâu rồi, cho nên anh Dần vẫn tiếp tục con đường của anh ấy. Còn anh Hưng anh ấy ở âm nhạc sang cho nên anh ấy có lợi thế rất nhiều vì không bị ám ảnh bởi văn phạm ngôn ngữ như tôi. Anh ấy gặp anh Dần thì hai anh sẵn sàng đi con đường của mình, tức là con đường sau này chị đã thấy trong thơ Đặng Đình Hưng đó; nhưng lúc đầu thì anh Đặng Đình Hưng chưa làm thơ văn xuôi như thế, sau này mới dần dần đi về văn xuôi, do anh ấy không bị -người ta gọi là- hạn chế gì, bởi cái văn phạm của những người làm thơ lâu như tôi. Vì từ nhạc sang cho nên anh ấy rất dễ dãi và anh ấy thanh thoát lắm. Anh Dần thì có nhiều khó khăn, tại vì anh Dần là một người tìm tòi. Tôi vẫn cho anh Dần là một người có nhiều ưu điểm và nhược điểm của một anh trưởng môn. Anh ấy hay đề ra lý luận trước để anh ấy theo sau, thí dụ anh ấy đề ra lý luận của cái *Mùa sạch* ấy, anh ấy theo một lý luận như thế, rồi anh ấy cứ làm như thế. Cái đó là ưu điểm của anh ấy, tức là anh gây được một ấn tượng mạnh, nhưng nhiều lúc, nếu chị đọc cẩn thận, nhiều lúc chị cũng thấy là nó hơi khiên cưỡng. Thế nhưng anh Dần cứ tiếp tục đi. Anh ấy với anh Hưng làm cả thơ vẽ... anh Dần làm nhiều thơ lắm. Nhưng tôi thấy rằng cái đó không hợp với tôi.

- TK: *Thưa anh, có thể nói rằng giữa hai anh Đặng Đình Hưng và Trần Dần cũng có sự khác biệt: sự tìm kiếm của anh Đặng Đình Hưng đã được thể hiện khá rõ ràng qua hai tập* Ô mai *và* Bến lạ*, còn anh Trần Dần, qua những gì đã in, người ta chưa thấy rõ được những tìm kiếm của anh Trần*

Dần. Tập Cổng tỉnh *cho thấy sự giàu có trong ngôn ngữ thơ Trần Dần, nhưng vẫn còn là một cấu trúc thơ tương đối cổ điển. Còn tập* Mùa sạch*, mới chỉ là một thứ thử nghiệm, exercice, chưa thể nói là xong, là một tập thơ hoàn chỉnh. Vậy theo anh, cần phải làm thế nào để giới thiệu toàn diện sự tìm tòi thơ của Trần Dần?*

- LĐ: Cái này thì tôi có hứa với Trần Dần một điều mà tôi chưa làm được, tức là tôi sẽ đọc lại tất cả thơ Trần Dần, tại vì, như chị biết là, sau này, tôi đi tìm con đường của tôi thì tôi cũng không gần anh Dần như ngày xưa nữa, thế và khi tôi đề nghị với anh Dần như thế này thì anh ấy cũng không đồng ý: *"Bây giờ thì cậu cũng yếu rồi, cậu yếu rồi thì để mình chọn cho cậu toàn tập, với tất cả những tìm tòi của cậu để người ta có một cái nhìn chung về tất cả những tìm tòi của Trần Dần"*. Nhưng anh Dần muốn in tập *Cổng tỉnh* thì tôi cũng phải chiều anh ấy thôi. Nhưng chắc là thế nào cũng có một lần tôi phải *prendre en main* (đích thân làm) chuyện này, tôi sẽ đọc lại hết thơ của anh Trần Dần và tôi sẽ cố gắng làm sao mà xuất bản một tuyển tập của anh ấy, chọn trong cái toàn tập của anh ấy, để mọi người có thể thấy được cái tìm tòi của anh ấy như thế nào. Về anh Dần thì rất khó chị ạ, vì mọi người nghe tiếng anh ấy rất nhiều, mà tiếng anh ấy rất to. Tôi rất sợ những tiếng to. Tôi đã nói với Dương Tường đấy, với một người như Dần thì không nên dùng những chữ to quá, như những *kim tự tháp*, hay... gì gì, nghe nó mệt quá. Với những người ấy càng cần phải dùng những gì gần gũi hơn. Tôi rất tiếc. Tôi có nói với cháu Vũ, tức là con anh Trần Dần: *"Có lẽ hôm nào hai bác cháu mình phải làm cái việc ấy, tức là chọn lại tất cả các tác phẩm của bố cháu, và trình bày trong tất cả quá trình nó đi như thế nào, để mọi người biết là bố cháu đã tìm tòi như thế nào"*. Tôi phải nói, anh Dần cũng có cái này không thuận lợi là từ năm bẩy mươi mấy anh ấy đã bị nhũn não rồi. Lúc mới nhũn não anh còn

làm được, nhúc nhắc được nhưng mà bệnh ấy cứ dần dần lan ra cho nên độ nhạy bén của anh ấy cũng sút đi, thành ra bây giờ tôi coi đấy là cái nợ mà tôi phải trả đối với anh Trần Dần. Lúc nào, khi tôi đã xem hết, thì có lẽ tôi sẽ trả lời chị một cách thỏa đáng hơn.

- TK: *Bây giờ xin anh kể về công việc tìm tòi thi pháp mới của anh. Anh đã đi theo con đường tư tưởng như thế nào?*
- LĐ: Thì tôi cứ đọc, đọc lung tung hết, nhất là tôi đọc lại Freud, đọc lại... rất nhiều và tôi chú ý nhất đến cái *vô thức*. Tôi cho là thơ của thế kỷ XVIII nặng về trí tuệ, đến thế kỷ XIX nó trả lại cho con người một *dimension* (chiều kích) nữa, là *dimension* về tình cảm. Nhưng thế kỷ XIX chỉ đứng ở đấy thôi và đến thế kỷ XX nó mới trả lại cho con người một *dimension* nữa, tôi cho cái *dimension* ấy là vô thức, tôi đọc lại Freud rất nhiều. Tuy rằng Freud tôi đã đọc từ khi đi học nhưng cũng chỉ đọc một cách vội vã thôi, bây giờ mình đọc lại; sau tôi cũng rất thích Lacan, rồi đọc những Barthes thì ông ấy đều nói tức là phải có một cái gì nó *autre* (khác), một cái vô thức, mà lúc ấy thì tôi cũng chưa biết vô thức là như thế nào cả.

Lúc ấy tôi thấy các ông *structuraliste* (nhà cấu trúc học) nói về ngôn ngữ học, mà kiến thức của mình về ngôn ngữ học kém quá, tôi lại phải lên thư viện trên gác, là thư viện khoa học tự nhiên, tôi đọc ngôn ngữ học, tôi đọc Saussure như thế nào, vất vả lắm. Cả khi người ta đặt dịch điều khiển học tôi lại phải tìm hiểu *cibernétique* (tự động học). Tôi lên thư viện trên gác, những gì mình không hiểu thì hỏi những người quen trên ấy, như thế là trong thời gian đó mình học được rất nhiều, rồi khi nào nó thành hình, tôi cũng không rõ. Chị là người duy nhất mà nói về thơ tôi rõ ràng hơn tôi. Tôi nói thật đấy, vì khi làm, tôi cũng mù mờ cả thế thôi, tôi chỉ nghe, chỉ dựa vào một câu của Lacan, tức là: *"L'inconscient est structuré comme un langage"* (Vô thức

được cấu trúc như một ngôn ngữ). Tóm lại, tôi tìm học ngôn ngữ rất nhiều, nhưng càng ngày tôi càng thấy làm thơ là chống lại ngôn ngữ học, cụ thể là ngữ pháp. Làm thơ nô lệ ngữ pháp là thơ vứt đi. Aragon đã tỏ ra rất sâu sắc khi phát biểu *"Tất cả bắt đầu bằng một lỗi ngữ pháp"*.

Chính tôi làm lúc đầu cũng run tay lắm, tại vì mình thấy tự nhiên mình nói một thứ ngôn ngữ không phải là ngôn ngữ của mọi người. Ở Dần tôi còn thấy cái ngôn ngữ là ngôn ngữ của mọi người. Điểm đầu tiên là tôi không đưa thơ cho Dần và Hưng xem như ngày xưa nữa, tại vì tôi nghĩ: đưa cho họ cũng chẳng có tích sự gì, họ lại góp ý, có khi mình lại phải theo ý kiến của họ mà mình chưa tin thì làm sao mình theo họ được. Sau này, khi tôi in mấy bài rồi -khi đã phục hồi rồi- thì Dần có lên gặp tôi, nói rằng: *"Được, nhưng mà hơi kỹ quá"*. Tôi cũng không hiểu là anh ấy có ý gì, tôi cũng không hỏi nữa, mà lúc ấy tôi đã thành hình rồi, tôi chắc không ai thay đổi tôi được nữa.

Tóm lại là tôi thấy cần phải có *vô thức*, và tôi đi tìm nó. Tôi không có cái đinh ninh của người trưởng môn, cho nên lúc nào tôi cũng lo lắng, hồi hộp, chắc chị biết đó. Cho nên đến khi tôi đọc bài *Tạo sinh* của chị thì tôi mới lại tiếp tục nghiên cứu lại những bài mà tôi được đọc để cho nó sáng tỏ ra - *cười*. Không, tôi nói thật đó -*cười*- chứ còn khi tôi viết thì đúng là tôi cũng không có nghĩ gì. Lẽ dĩ nhiên tôi là một người nặng về lý luận, cũng như anh em đều cho tôi là một người lý luận rồi, nhưng mà nói một cách rõ ràng, *formuler* (bày tỏ) một cách rõ ràng như thế thì đúng là lúc đó tôi cũng chưa formuler được. Tôi đã đọc Saint John Perse, tôi đọc René Char, tôi đọc Francis Ponge, nhất là Ponge, tôi đọc rất nhiều. Tôi thấy công lao của Ponge về vấn đề ngôn ngữ nhiều lắm. Nhưng mà theo tôi, thì mình phải đi xa hơn họ. Trong lúc đó tôi đọc cả Nouvelle Poésie Française, tôi cũng đọc lại thơ Đường rất nhiều và trong thơ Đường nhiều cái rất

hay mà tôi thấy nó rất hiện đại cho nên trong thâm tâm tôi, tôi vẫn muốn làm thế nào mà có thể kết hợp được thơ Á Đông với thơ Tây phương. Đó là một chủ trương, nhưng tôi không biết chủ trương ấy phải thực hiện như thế nào thôi. Tôi không thích một số người, trước thì cái gì cũng ca ngợi Tây phương hết lời; đến khi người Tây phương ca ngợi Á Đông thì quay lại cho Tây phương là vứt đi, chỉ có Á Đông mới là sang trọng. Tôi cho rằng Á Đông cũng sang trọng mà Tây phương cũng sang trọng, nhưng mình phải biết đúng chỗ nào thôi. Cho nên điều mong muốn nhất của đời tôi -không biết có thực hiện được không- là làm sao tôi có thể làm được những câu thơ mang tất cả những tìm tòi của Tây phương kết hợp với những tìm tòi của Đông phương, thì đó là con đường thơ của tôi. Đến đâu thì chưa biết.

- TK: *Thưa anh, thơ anh còn một đặc điểm khác hẳn thơ của những người khác, đó là anh dùng ít chữ lắm và thơ anh không rõ nghĩa như thơ những người khác. Cho nên đọc thơ anh không phải là dễ. Vậy xin anh giải thích thêm một chút về vấn đề này.*
- LĐ: Tôi đã nói với chị cái đạt được ấy nhiều khi nó cũng vô thức lắm. Tôi rất thèm muốn được có cái hữu thức sáng suốt như anh Trần Dần, vốn tôi lại không có. Nhưng trong khi suy nghĩ để tìm cái vô thức ấy, thì tôi đọc rất nhiều, như trên tôi vừa nói, không những tôi đọc thơ Đường, đọc Nouvelle Poésie Pháp, mà tôi còn đọc rất nhiều ca dao, và đặc biệt là những bài hát trẻ con. Tôi mới thấy rằng: chữ nghĩa hình như người ta tách nó ra khỏi nguồn gốc sinh thành của nó nhiều quá. Vì thế cho nên chị thấy trong thơ tôi có rất nhiều nguyên âm, như thể là chữ (của tôi) nó nấn ná lắm, nó chưa muốn ra khỏi cái nôi của mẹ nó. Tôi vẫn cho rằng rạch ròi là bệnh xấu của thơ. Tôi thấy hình như chữ nó gần gụi với nhau lắm và nó không muốn chia tay nhau ở trên một trang giấy, thành ra, chị xem, thơ tôi hay lẫn lộn và hay có nhiều nguyên âm. Tôi

vẫn cho rằng: mỗi câu thơ ấy, thường những chữ nó đều ở ngã ba, ngã tư chữ cả. Khi đọc những ngôn ngữ cổ, tôi thấy ngôn ngữ cổ rất ít tiếng, đôi khi một tiếng có hai nghĩa trái ngược hẳn nhau, tôi rất thích thứ ngôn ngữ như thế, tại vì hình như ngôn ngữ càng ngày càng muốn rạch ròi quá. Riêng tôi, tôi vẫn nghĩ hình như cái chữ khi nó ra khỏi im lặng, nó vẫn tiếp tục sự im lặng đó. Không biết khi đọc thơ tôi chị có thấy thế không, nhưng mà thơ tôi, những cái chữ nó ra, hình như nó đều bất đắc dĩ cả và nó nối tiếp cái im lặng mà ở trong đó nó thoát thai ra. Vì thế đọc thơ tôi nhiều người nói câu này, không biết chị có đồng ý không: *"Thơ như một người nói nhịu ấy"*. Mà nếu nói nhịu như thế thì hay tại vì, chắc là như chị cũng biết Freud phát hiện được cái vô thức là do nghiên cứu cái nói nhịu ấy thôi. Thì tôi cho rằng qua cái nói nhịu ấy, may ra mọi người phát hiện được cái vô thức của mình thì cũng rất tốt.

- TK: *Xin anh một lời kết cho toàn bộ câu chuyện dài về NVGP của chúng ta.*
- LĐ: Tôi muốn nói mấy điểm thế này chị ạ, chị thấy thời gian sống của Nhân Văn không lâu, chỉ có mấy tháng giời thôi, mà cũng chỉ có mấy số báo thôi, nhưng làm sao nó để lại một ảnh hưởng sâu đậm như thế? Làm sao chỉ có mấy người -lúc bắt đầu Giai Phẩm Mùa Xuân chỉ có mấy người- mà mấy người cũng rất trẻ, sau đó phong trào Nhân Văn trở thành một phong trào rộng lớn, một bên là phong trào sinh viên rất đông, hai là một số giáo sư đại học, tất cả hợp thành giới trí thức nói chung. Mà chẳng có bộ máy gì cả, chẳng có quyền lợi gì cả, không hứa hẹn gì cả, chẳng có huân chương cho ai cả, chỉ có một đám người như thế đứng lên, thì cái đó là điều làm cho mình phải suy nghĩ. Như thế mới thấy là cái khao khát của những người trí thức muốn đóng góp cho đất nước rất sâu sắc. Lúc bấy giờ mọi người đều đóng góp, có được tiền nong gì đâu, mà đóng góp lúc ấy rất nguy hiểm.

Thì tôi thấy những người lãnh đạo nước Việt Nam phải lưu ý: Tại làm sao, thời ấy, một nhóm người rất nhỏ có thể huy động được nhiều trí thức như thế? Làm sao một bộ máy lớn như bộ máy nhà nước mà không huy động được trí thức trong vấn đề xây dựng đất nước, bây giờ? Nếu những người lãnh đạo đất nước bỏ tất cả những bực dọc, bỏ tất cả những định kiến đi, mà suy nghĩ về vấn đề NVGP, tôi chắc họ cũng học được rất nhiều, nhất là bây giờ người ta đang nói nhiều đến chất xám. Chất xám trở thành cái vốn rất lớn, nhưng sự huy động chất xám chưa được bao nhiêu cả. Thế mà làm sao thời kỳ Nhân Văn chỉ có một nhóm người, lại huy động được cái chất xám lớn lao như thế? Mà chỉ trong một thời gian ngắn đã trở thành một lực lượng thực sự. Nếu những người có thẩm quyền của nước Việt Nam bây giờ thực sự suy nghĩ về NVGP, để làm sao có thể huy động được giới trí thức lớn lao như vậy thì đất nước sẽ khá hơn nhiều.

Tại sao bây giờ tất cả những người ở trong nước lại tránh nói đến vấn đề NVGP? Nó là vấn đề lịch sử đã qua rồi. Chúng ta có thể rút kinh nghiệm cho những ngày tới. Tôi thấy việc ấy nên làm lắm. Không ai có thể tịch thu được lịch sử cả, tại vì lịch sử sống dài hơn một con người, lịch sử sống dài hơn một chế độ. Thà mình biết trước, mình làm cho nó thỏa đáng, có lịch sự bao nhiêu không? Bây giờ cứ để cho đến lúc mà... Thường thường khi người ta rút kinh nghiệm lịch sử thì bao giờ cũng quá muộn.

- TK: *Xin thành thật cảm ơn nhà thơ Lê Đạt.*

Toàn bộ buổi nói chuyện với nhà thơ Lê Đạt, thu thanh ngày 13/4/1999 tại Paris và phát thanh nhiều kỳ trên đài RFI từ 8/5/2004 đến 19/6/2004.

Nói chuyện với
nhà thơ Hoàng Cầm

Những buổi nói chuyện với nhà thơ Hoàng Cầm về đời văn của ông từ thời thơ ấu qua những giai đoạn cách mạng kháng chiến, thời kỳ NVGP, thời kỳ đổi mới đến ngày nay, được thu thanh nhiều lần qua điện thoại viễn liên Paris-Hà Nội và phát thanh trong nhiều dịp khác nhau trên đài RFI, lần đầu tiên ngày 14/1/96 và gần đây nhất, đầu năm 2007 khi Nguyễn Hữu Đang qua đời.

Phần ông nói về NVGP đã được ghi lại trên Hợp Lưu số 81 số đặc biệt về NVGP tháng 2-3/2005 và về Nguyễn Hữu Đang, trên HL số 94, tháng 4-5/2007, số tưởng niệm Nguyễn Hữu Đang.

Chúng tôi soạn lại và ghi toàn bộ các cuộc nói chuyện với Hoàng Cầm, không theo trình tự phát sóng mà theo trình tự những diễn biến đã xẩy ra trong đời Hoàng Cầm, để bạn đọc có thể nhìn thấy những dữ kiện nối tiếp nhau.

Nói chuyện với Hoàng Cầm, điện thoại thường không bị cắt, trừ lần cuối, ghi âm ngày 8/2/2007, Nguyễn Hữu Đang vừa mất, Hoàng Cầm muốn kể lại rõ ràng hơn về Nguyễn Hữu Đang và NVGP, nhưng thu thanh được gần một giờ, vì thấy ông mệt, chúng tôi hẹn lại ngày hôm sau, nhưng từ ngày sau, điện thoại bị nhiễu không thể tiếp tục thu được giọng ông nữa. Đó là lần cuối cùng chúng tôi được tiếp xúc với nhà thơ Hoàng Cầm.

● Thời thơ ấu và cảm hứng thi ca

- TK: *Thưa anh Hoàng Cầm, trở lại những ngày anh bắt đầu làm thơ, anh đã đến với thơ trong trường hợp như thế nào ạ?*

- HC: Bây giờ tôi mới nghiệm ra là hình như tôi là thơ bẩm sinh thì phải, hình như là thơ đã nhập vào người tôi từ lúc tôi còn là cái bào thai. Không biết là có đúng không. Mà ngay từ khi tôi biết được khách quan tức là có ý thức được rằng mình đang ở đâu, bố mẹ mình thế nào, rồi chung quanh mình thế nào, tức là từ năm lên 5 tuổi.

Lúc bấy giờ gia đình tôi ở môt phố xép, bên cạnh đường số 1, còn 6 cây số nữa mới đến thị xã Bắc Giang. Nhà tôi có một cái tủ thuốc của ông bố tôi làm cụ lang chữa bệnh, với lại một cái bồ hàng xén của bà mẹ tôi, thường thường là gánh đi bán ở các chợ chung quanh mấy xã đó, là huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang.

Sống nghèo nàn như thế thôi. Không hiểu sao khi tôi lớn lên một chút thôi, tức là từ năm lên 5 tuổi, luôn luôn tôi cứ mơ mộng về những đám mây, nó cứ đi, nó cứ bay rồi nó về một ngọn núi xa xa là dãy núi Nham Biền ở tỉnh Bắc Giang đấy. Đằng sau đường xe lửa đi độ vài trăm mét thì có một con ngòi, khi mùa nước lũ nó cũng to, mùa khô thì có thể lội qua được. Tôi hay ra bờ con ngòi đó. Mình cứ mơ mơ màng màng vào con sông đó, cái ngòi đó, cứ trôi mà không biết trôi về đâu. Có khi mình thả những con thuyền, lấy một cái lá đa bó nó lại như hình con thuyền ấy, rồi mình thả cho nó trôi. Để muốn nói rằng, thời thơ ấu của tôi cho đến khi tôi học hết tú tài thì cái nghiệp thơ đã định vào người tôi từ quá sớm. Mà tôi sống rất cô đơn, ở một xóm quê, cứ thơ thẩn trên cái đường làng hiu hắt như thế cho đến bây giờ 77 tuổi, tức là 70 năm. Bởi vì tôi cũng bắt đầu làm câu thơ đầu tiên vào năm lên tám tuổi. Cái nghiệp thơ ấy nó cứ theo đuổi tôi

suốt bảy chục năm. Có thể nói là không có một ngày nào, tôi buông rời được cái hồn thơ của tôi.

- TK: *Anh có thói quen làm thơ vào những lúc như thế nào? Ban ngày hay ban đêm? Hay là phải những giờ phút đặc biệt mà anh có cảm hứng?*
- HC: Không hiểu làm sao mà cái hồn thơ của tôi nó cứ luôn luôn đêm nào cũng thế, nó cứ thao thức ở trong người. Có lúc thì bật ra được bài thơ. Mà không chăng nữa thì nó cũng vẫn là những giấc mê hoặc những mơ mộng, hoặc những nguyện vọng, những ao ước. Nó luôn luôn bám lấy tôi, nhất là về ban đêm. Và cũng phải nói một điều là từ lúc biết làm thơ, chưa bao giờ tôi làm thơ ban ngày hay chưa bao giờ tôi làm thơ theo một chủ đề định sẵn. Cứ tự nhiên nó đến, rồi tự nhiên nó đi. Không hề có một sự cố gắng tìm tòi chữ nghĩa hay bố cục gì cả. Tất nhiên là cảm xúc đầu tiên có ghi ra giấy, sau đó là cái thời gian phải nâng cao lên, tức là chọn chữ hoặc thay đổi chữ nọ, nhịp kia... thì tất nhiên phải làm. Và cái giai đoạn này nó đã bắt đầu ngay từ lúc còn thơ ấu.

- TK: *Nếu bây giờ tóm tắt lại thời thơ ấu của anh trong mấy nét chính thì anh thấy có những mấu chốt nào cần ghi lại?*
- HC: Thời thơ ấu thì chỉ tóm tắt lại như thế này: Cái thời thơ ấu có bốn vấn đề lớn: Một là cái tuổi thơ, thấy cô đơn ngay từ bé. Điểm thứ hai: tuổi thơ sớm phát triển dục tính, tức là biết yêu từ năm lên tám. Đặc điểm thứ ba, anh muốn nói đến một nhà xuất bản -tức là nhà xuất bản Tân Dân- vì từ thời thơ ấu cho đến khi hết đi học, đang học tú tài, anh đã tham gia nghề văn rồi. Đó là một nhà xuất bản lớn của ông Vũ Đình Long, và cho đến bây giờ thì anh nhận định rằng đó là một nhà xuất bản rất có công với văn học Việt Nam, là một. Thứ hai nữa, là cách đối xử với văn nghệ sĩ, ông Long đối xử một cách tử tế, vừa công bằng, vừa hợp lý nhưng đồng thời cũng có tình nữa, đó là điểm thứ ba. Điểm thứ tư, cái khuynh hướng của anh lúc ấy là khuynh hướng làm thơ, có thể nói là

quá sớm đi. Như người ta, lúc bắt đầu mới vào nghiệp văn thơ, thường làm lung tung cả chứ chưa ấn định được; ngược lại, ở Hoàng Cầm, thơ là cái nó bắt vào ngay. Từ lúc lên tám, lên chín, cái hướng về thơ đã hình thành một cách khá rõ nét. Đó là bốn đặc điểm của thời kỳ thứ nhất.

- TK: *Thưa anh, sang thời kỳ thứ hai là thời kỳ trưởng thành, sự nghiệp thi ca của anh bắt đầu như thế nào?*
- HC: Sang thời kỳ thứ hai là thời kỳ Cách Mạng và Kháng Chiến, có hai tác phẩm đánh dấu thời kỳ bấy giờ. Một là về thơ, nhưng thơ lại đi sau một ngành khác tức là ngành Kịch Thơ và anh rất say mê kịch thơ. Cho nên đã viết từ năm 1937 -lúc bấy giờ anh mới học năm thứ ba trường Cao Đẳng Tiểu Học ở Bắc Ninh- thì anh đã viết kịch thơ đầu tiên tức là kịch *Hận Nam Quan*, kịch thơ đầu tiên và diễn ngay ở trong lớp. Đến năm 1942, viết một vở kịch thơ mà cho đến bây giờ, kể cả các người ở sân khấu, các nhà nghiên cứu, các nhà phê bình, đều đánh giá là vở kịch thơ xuất sắc nhất của Hoàng Cầm, đó là *Kiều Loan*, viết năm 1942.

Nhưng vở kịch thơ ấy có một số phận khá long đong, nghĩa là từ lúc viết đến lúc in ra lần thứ nhất, là đúng nửa thế kỷ: Viết năm 1942 mà mãi đến năm 1992 mới in được toàn bộ. Còn về diễn thì chỉ diễn được đúng một buổi ở Nhà Hát Lớn Hà Nội, vào khoảng cuối tháng 11 năm 1946. Vừa diễn xong thì có lệnh phải hoãn, vì lúc bấy giờ chiến tranh Việt Pháp sắp nổ ra và tình hình Hà Nội lúc bấy giờ rất căng thẳng: luôn luôn có những vụ bắt cóc, những vụ nổ súng, nổ lựu đạn, v.v... tức là cuối tháng 11 cho đến 19 tháng 12 thì nổ ra cuộc kháng chiến toàn quốc.

Cũng vì cái kịch thơ đó, mà viên chánh sứ người Pháp tên là Luciani đã ra lệnh trục xuất Hoàng Cầm khỏi tỉnh Bắc Giang. Khi về Hà Nội, lại đưa vở kịch ra phòng kiểm duyệt, thì cũng lại một viên chức cao cấp của Pháp tên là Cousseau, sau này người ta bảo, hắn là chủ nhiệm phòng Tuyên Truyền

và Báo chí, Chef de l'IFP tức là Information Presse et Propagande, kiểm duyệt bỏ cả bốn hồi kịch thơ. Đó là giai đoạn Cách Mạng và Kháng Chiến, bắt đầu bằng Kịch Thơ.

- TK: *Thưa anh, như vậy tức là Thơ Hoàng Cầm đến sau Kịch thơ và có thể nói rằng những bài thơ đầu tiên của anh gắn bó với kháng chiến và nó đánh dấu cho một giai đoạn lịch sử.*
- HC: Có thể nói là những bài thơ ấy đánh dấu cái thời kỳ cả nước chống thực dân Pháp, đó là bài *Bên Kia Sông Đuống*, nó cùng thời với những bài *Tây Tiến* của Quang Dũng, rồi độ hai năm sau, tới bài *Màu tím hoa sim* của Hữu Loan. Rồi một ít lâu nữa thì đến bài trường ca *Việt Bắc* của Trần Dần. Lúc bấy giờ anh Lê Đạt chỉ mới bắt đầu -làm thơ- vì anh ấy trước tiên là cán bộ Tuyên Huấn. Đầu tiên anh ấy là bí thư riêng về văn nghệ cho ông Trường Chinh. Đến năm 49 thì Trường Chinh cử Lê Đạt sang làm trợ lý cho ông Tố Hữu vì ông Tố Hữu được đảng phân công phụ trách toàn bộ vấn đề văn nghệ của thời kỳ kháng chiến. Nhưng một mình ông ấy thì khó mà lãnh đạo được những văn nghệ sĩ nổi tiếng và sừng sỏ -có thể dùng một từ như thế- như Nguyễn Tuân, rồi Tú Mỡ, Nguyễn Xuân Khóat, Đoàn Phú Tứ v.v... tức là những người đã có tiếng tăm lớn rồi. Rồi thì cả những nhà văn cũng xuất hiện, nhưng là những nhà văn rất có tài như Nam Cao chẳng hạn, thì với một lực lượng văn nghệ sĩ như thế, mà lãnh đạo, theo ý ông Trường Chinh -cái này là anh Lê Đạt nói chuyện với anh về sau này- thì sợ rằng ông Tố Hữu không đủ lực để lãnh đạo một số văn nghệ sĩ vừa có tài và vừa có tên tuổi như thế, cho nên mới cử anh Lê Đạt sang làm trợ lý cho ông Tố Hữu, đấy là năm 49, và cử anh Đặng Đình Hưng thành lập Đoàn Văn Công Nhân Dân Trung Ương. Bởi vì lúc bấy giờ đoàn Văn Công Quân Đội do Hoàng Cầm phụ trách là có 200 diễn viên, toàn là những diễn viên ưu tú tập họp lại chung quanh Tổng Cục Chính Trị. Hoàng Cầm phụ trách đoàn đó có từ

năm 1952. Ông Trường Chinh thấy thế nên có ý kiến rằng: Quân đội có đoàn văn công lớn như thế, mạnh như thế thì ngoài nhân dân cũng phải có một đoàn tương tự. Ông Trường Chinh bèn giao cho Đặng Đình Hưng đứng ra lãnh đạo một đoàn. Đoàn ấy gồm những diễn viên, những nhà đạo diễn nổi tiếng như Thế Lữ... có những tác gia như Thế Lữ, Lưu Quang Thuận, rồi thêm những tác giả âm nhạc như Lê Yên, Trọng Bằng v.v... Đó là một đoàn rất lớn và gồm những diễn viên trứ danh như Song Kim, Trúc Quỳnh v.v... Anh Đặng Đình Hưng lại được phân công ra làm đoàn trưởng kiêm chính trị viên đoàn Văn Công Nhân Dân Trung Ương, ấy là từ năm 52. Đấy là sơ qua lịch sử của vài đoàn văn công như thế.

- TK: *Thời ấy anh có ba bài thơ nổi tiếng, đó là Đêm Liên Hoan, Tâm Sự Đêm Giao Thừa và Bên Kia Sông Đuống. Thưa anh, anh đã sáng tác những bài thơ này trong những hoàn cảnh như thế nào?*
- HC: Đầu tiên là bài *Đêm Liên Hoan*, là sau khi cả hai vợ chồng Hoàng Cầm và Tuyết Khanh, lúc ấy Tuyết Khanh đã có mang Kiều Loan được ba, bốn tháng rồi, thì lúc bấy giờ hai vợ chồng nhập quân đội vào giữa năm 47, Tuyết Khanh vẫn hát và ngâm thơ trong lửa trại cũng có mà trên sân khấu cũng có. Đến tháng thứ 7, thứ 8 mới nghỉ. Hoàng Cầm có làm bài thơ đầu tiên khi mới vào quân đội là bài *Đêm Liên Hoan*. Làm bài *Đêm Liên Hoan* như thế nào? Phải nói là có một cuộc gặp gỡ giữa hai tiểu đoàn quân đội tức là tiểu đoàn miền ngược gồm các chiến sĩ miền núi, và một tiểu đoàn miền xuôi tức là những chiến sĩ nông dân các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh. Hai tiểu đoàn chủ lực gặp nhau kéo dài tới hơn 10 ngày để tập luyện, trao đổi kinh nghiệm chiến đấu để trở thành những tiểu đoàn chủ lực vững vàng của Việt Bắc. Cuộc gặp gỡ đó anh gọi là *Liên Hoan*. Chữ *liên hoan* này không phải do Hoàng Cầm đặt ra mà chính là của phòng chính trị lúc bấy giờ người ta gọi như thế, là có những cuộc

liên hoan tức là vui chung giữa các tiểu đoàn với nhau. Chính người trưởng phòng chính trị lúc bấy giờ có mời anh lên nói chuyện và yêu cầu anh hẳn hoi, là anh làm thế nào làm cho bài thơ để động viên hai tiểu đoàn đó trong cuộc gặp gỡ độ mươi ngày để họ phấn chấn, phấn khởi tinh thần để tập luyện, để trao đổi kinh nghiệm chiến đấu. Lúc bấy giờ mới vào quân đội thì người ta hào hùng lắm. Người ta rất hào hùng và tinh thần yêu nước ngự trị toàn bộ văn nghệ sĩ đi kháng chiến lúc bấy giờ.

Lúc bấy giờ thực sự là cũng chưa hiểu đảng là thế nào, mà với cụ Hồ thì cũng chỉ cho cụ là người lãnh tụ làm thế nào để lo được cái độc lập cho dân tộc, thế thôi, chứ cũng không hiểu đảng Cộng Sản, thậm chí sách cộng sản Hoàng Cầm cũng không đọc gì cả. Thậm chí đến cái mức như thế này cơ mà: Ví dụ khi đi công tác thì có anh ở ban hành chính, anh ấy bảo: *"Anh lên chỗ hành chính mà lấy công tác phí đi"*. Hoàng Cầm không hiểu chữ *công tác phí* là thế nào. Tại sao lại *công tác*? Tại sao lại *phí*? Thế rồi đến những chữ mà bây giờ quá ư là quen thuộc, ví dụ như chữ *thường xuyên* chẳng hạn, lúc bấy giờ cũng rất lạ tai. Chữ *công tác* này, chữ *thường xuyên* này, chữ *khai hội* này, những chữ mà sau này thành quen nhưng mới đầu thì chính Hoàng Cầm cũng bỡ ngỡ, bảo quái, sao lại *công tác*, lại *công tác phí*? Thế rồi *sinh hoạt*, lại *sinh hoạt phí*. Tức là những từ ở bên Trung quốc nó nhập cảng vào, thành ra nghe lúc đầu rất bỡ ngỡ, sau mới quen. Thế đủ biết rằng lúc đầu ấy, phần lớn văn nghệ sĩ, hay nói riêng Hoàng Cầm, trong người chỉ có mỗi một cái hào hùng, khí tiết phải đánh giặc.

- TK: *Theo anh thì vì sao, cái động lực nào đã thúc đẩy thanh niên thời ấy xung phong đi chống Pháp với một tâm trạng hào hùng như vậy?*
- HC: Bởi vì riêng cá nhân Hoàng Cầm, đối với Pháp, thì cũng đã cực kỳ không có cảm tình. Tại sao? Bởi vì nhìn

chung thì anh ta cậy mạnh đến cai trị nước mình. Mà quả thật mắt mình trông thấy, mình nghe thấy toàn những chuyện dân đói khổ. Nhất là năm 45 đấy, chính mắt mình trông thấy người chết đói đầy đường, rải rác khắp từ Hà Nội ra các ngả đường. Xác người chết đói đầy ra và mình xúc cảm lắm về những chuyện ấy. Nhưng đất nước đau khổ như thế nào mà bây giờ thực dân Pháp lại còn muốn quay trở lại để ngự trị, để thống trị ở cái đất nước này thì không được, không ai có thể chấp nhận điều đó được. Cho nên khi mới đi kháng chiến với một tâm trạng đầy khí phách, hào hùng nên anh mới viết bài *Đêm Liên Hoan* phản ánh đúng tinh thần văn nghệ sĩ lúc bấy giờ. Rồi thanh niên hoặc trí thức nói chung, như Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Trung, rồi các giáo sư như Đặng Văn Ngữ và nhiều văn nghệ sĩ ở các ngành khác, cả các giáo viên cấp ba, cấp hai, ai cũng rất hào hứng đi đánh giặc. Thậm chí là tự tay mình đốt nhà mình, tự tay mình phá đi, nhất quyết không để cho giặc chiếm đóng. Và lên rừng sẵn sàng ăn cơm với muối, không có cả gạo nữa thì sẵn sàng ăn cả củ mài. Thậm chí là anh đây này, Hoàng Cầm đây này, bảy ngày ăn gì nào? Đố biết... Ăn... Ăn cái củ nâu ấy mà. Củ nâu để nhuộm ấy, lấy cái củ nâu non, bởi vì củ mài đào cũng hết rồi, ở các rừng măng, nứa đấy. Măng nứa, măng mai này là ăn vãn hết rồi. Mà đói quá, bởi vì năm 49 là năm đói nhất đấy mà chính ra vợ Hoàng Cầm là một, con gái Hoàng Cầm là hai, chỉ vì đói, ăn lung tung cả mới sinh bệnh mà chết. Hai mẹ con chết liền trong một tuần lễ trong lúc tản cư năm 49 đấy. Thì gia đình anh đã đóng góp cái máu đó là hai người: vợ và con. Rồi đến năm 52, đóng góp một giọt máu nữa cho kháng chiến chống Pháp là người em ruột của Hoàng Cầm, nó cũng rất có tài về văn nghệ. Nó làm đạo diễn kịch được, viết kịch được, đặc biệt là diễn cũng rất khá. Hoàng Cầm đã cử nó làm đại đội trưởng một đội văn công Tây Bắc, tức là Sơn La, Lào Kai, Lai Châu thuộc quân đội, gọi là đội Văn

Công Tây Bắc. Cậu ấy đi đánh phỉ và bị phỉ nó sát hại, cả một đội văn công 12 người, chết hết. Nhà chỉ có hai anh em, người em cũng đi bộ đội như người anh và đã hi sinh năm 52. Nghĩa là gia đình anh đóng góp vào cuộc kháng chiến đó: một người vợ, một đứa con gái và một người em ruột. Còn bản thân anh thì trèo đèo, lội suối khắp các mặt trận, chỗ nào cũng đem cái đoàn văn công của mình đi biểu diễn. Đóng góp vào cuộc kháng chiến như vậy, ngoài sáng tác của mình.

● Bên kia sông Đuống

- TK: *Thưa anh, kỳ trước anh đã nói về hoàn cảnh sáng tác bài thơ đầu tiên trong thời kỳ kháng chiến đó là bài Đêm Liên Hoan, bây giờ xin anh kể tiếp về hai bài Tâm Sự Đêm Giao Thừa và Bên Kia Sông Đuống.*
- HC: Bài đầu tiên là bài *Đêm Liên Hoan*, thì chỉ trong vòng nửa tháng bài ấy nó truyền tụng khắp các đơn vị ở Việt Bắc. Sau đó đến bài thứ hai là bài Phạm Duy có vẻ mê lắm đấy, ông ấy bảo đó là một bài thơ mà chưa bao giờ có ai làm, là đem cái sinh lý, cái thân thể con người vào trong thơ được, tức là bài *Tâm Sự Đêm Giao Thừa*: Người lính ấy gác đêm 30 Tết, nhớ nhà muốn mừng tuổi cho con, không biết mừng tuổi cái gì, anh ta tưởng tượng và anh ta nghĩ rằng giá mình lập được chiến công mà cái tin ấy nó đồn đến tai vợ mình, thì vợ mình dù là xanh xao gầy còm, không có sữa cho con bú, nhưng nghe thấy tin chồng lập chiến công, thì sữa sẽ căng lên đầu vú, *"máu chẩy mạnh trong người, vợ tôi cho con bú, con uống mạnh từng hơi, đứa bé no rồi ngủ, xuân ấm nồng trên môi."* Đó là bài *Tâm Sự Đêm Giao Thừa*, bài thơ thứ hai được người ta chép, lính chép rồi thuộc khá nhiều.

Đến bài thứ ba là bài *Bên Kia Sông Đuống* thì cũng do một đêm, có ba anh cán bộ chỉ huy của tiểu đoàn, gọi là tiểu đoàn Thiên Đức -Thiên Đức là tên chữ của con sông Đuống- lên bộ chỉ huy ở Thái Nguyên báo cáo về tình hình lúc bấy

giờ Pháp đã chiếm hòan toàn bờ Nam sống Đuống tức là hữu ngạn -sông Đuống nó chảy từ sông Hồng, nối sông Hồng xuống đến Phả Lại- Pháp chiếm toàn bộ miền Nam sống Đuống tức là bốn huyện Gia Lâm, Thuận Thành là huyện của Hoàng Cầm, rồi đến Gia Bình, Lang Tài xuống đến Phả Lại. Chiếm toàn bộ mảnh đấy ấy để làm gì? Để làm hành lang an toàn cho đường số 5, là con đường Hải Phòng lên Hà Nội. Thế thì tiểu đoàn Thiên Đức ấy, là tiểu đoàn dân lập. Một anh người làng Hoàng Cầm, anh Vương Văn Trà, anh ấy tự lập ra tiểu đoàn đó, dân nuôi, vẫn cầy ruộng, vẫn làm đồng áng nhưng có những giờ tập luyện quân sự. Rồi sau tiểu đoàn đó đi đánh Pháp thì đánh bằng gì? Có phải dàn trận ra mà đánh được đâu, lúc bấy giờ võ khí làm gì có nhiều, cả tiểu đoàn may lắm mới được mười khẩu súng trường, với mấy cái súng ngắn, chưa có võ khí gì ghê gớm lắm, toàn giáo mác, gậy gộc. Thế mà cái tiểu đoàn đó làm cho địch cũng xiêu liêu suốt từ đầu năm 47 cho đến hết mùa xuân 48. Đến tháng tư năm 48 địch mới chiếm được hết cái vùng mà tiểu đoàn đó hoạt động, tức là bên kia sông Đuống.

- TK: *Lúc đó anh đang làm gì? Và công tác của anh có liên lạc thế nào với cuộc chiến ở sông Đuống này ạ?*
- HC: Thì anh đang ở với tòa soạn quân báo *Việt Bắc*, do anh Nguyên Hồng là tổng biên tập. Hoàng Cầm vẫn phụ trách một đội văn công nho nhỏ, gồm chưa đến ba chục người. Đội văn công đó ở một xóm, gần xóm của tòa báo này. Nhưng anh cứ thích, đêm thì cứ thích sang ngủ với anh Nguyên Hồng, với anh em trong tòa soạn, chuyện trò hợp hơn. Thế thì đêm hôm ấy là đêm ông Lê Quảng Bá, chỉ huy trưởng mời anh sang nghe báo cáo. Có anh Vương Văn Trà là người chỉ huy tiểu đoàn Thiên Đức ấy và mấy anh chỉ huy phó, lên báo cáo. Hoàng Cầm nghe từ chín rưỡi cho đến gần khoảng độ một giờ khuya, anh ấy báo cáo hết những trận đánh và những cái địch tràn lên chiếm hữu ngạn, tức bờ nam sông

Đuống như thế nào. Anh ấy báo cáo rất tỉ mỉ, từng làng một, chỗ nào đánh nhau to, chỗ nào nó đã giết bao nhiêu thanh niên, bắt đi bao nhiêu phụ nữ, v.v... và tôi cho là chính xác nữa, bởi vì anh ấy chỉ huy cả tiểu đoàn, cái tiểu đoàn ấy đánh giặc rất dũng cảm và nhiều thành tích lắm. Nhưng dù sao thì nó cũng bị thiệt hại, bị thương vong cho nên lúc bấy giờ phải lên bộ chỉ huy xin ý kiến để củng cố lại và xin thêm trang bị.

- TK: *Thưa anh, bài thơ phát xuất từ động lực gì? Là do sự đòi hỏi của ủy ban chính trị hay là nó bột phát tự chính anh?*
- HC: Trong khi anh ấy báo cáo thì trong người của người làm thơ này nó ngổn ngang, phải nói là ngổn ngang. Đến khi anh ấy báo cáo xong rồi, mình thẫn thờ đi về nhà mình, cách đó độ non một cây số. Về thì anh Nguyên Hồng đã ngủ say và nói chung anh em đều ngủ say cả, lúc bấy giờ đã đến 1 giờ sáng rồi. Bấy giờ người mình nó như một cái gì nó ngổn ngang, không thể nói nó là cái gì được. Chuyện căm thù có, giận dữ có, nhưng cái nổi trội nhất trong tâm trạng mình lúc bấy giờ là sự nhớ thương và đau xót, vì tiếc một vùng đất đẹp như thế, vùng đất cổ xưa mà người ta vẫn gọi là Luy Lâu, nó gần như một cái thủ đô của thời kỳ Bắc thuộc, tức là trong gần một nghìn năm, thì cái chỗ ấy, vùng đất ấy, được coi như là thủ đô của cả đất nước này. Bởi vì ông Kinh Dương Vương, ông tổ của dân tộc này, định cư ở đấy, phải nói thế. Bởi vì, ngay trong huyện anh hiện nay còn có miếu đền, miếu của ông ấy lớn lắm và rất âm u, rất cổ kính, thờ Kinh Dương Vương.

Rồi thì đấy lại là đất mà văn hóa phát triển bắt đầu ở đấy. Đạo Phật từ Ấn Độ sang, cũng ở đấy, xuất phát từ điểm đấy. Rồi đạo Lão, đạo Khổng mà đại biểu là ông Sĩ Vương, Sĩ Nhiếp, đem chữ Hán truyền bá sang Việt Nam thì cũng ở đấy từ thế kỷ thứ hai, đạo Phật thì từ thế kỷ thứ nhất. Phải nói là cả cái vùng mà bây giờ là huyện Thuận Thành, tức là huyện của Hoàng Cầm đấy, đó là một cái nôi về văn hóa, nhưng

đồng thời nó là xuất phát điểm của sự xây dựng đất nước là huyện Thuận Thành, trước gọi là Luy Lâu.

- TK: *Thưa anh, tất cả những suy nghĩ về lịch sử dân tộc, về con người đó đã tràn ra trong bài thơ như thế nào?*
- HC: Thì mọi người đã ngủ say, mình chỉ còn có mỗi ngọn đuốc, ngọn đèn bằng cái lá sở, cây sở, cuộn lá lại, đốt lên, thì khói mù lên trên, ở dưới sáng. Mình cứ ngồi đấy thôi, không ngủ được, vì có nằm mình cũng biết là nằm cũng không ngủ được. Cứ ngồi hút thuốc lào vặt. Lúc bấy giờ khuya lắm, có lẽ đến hơn hai giờ sáng. Bốn bề yên tĩnh, thỉnh thoảng nghe thấy một tiếng gà gáy xa xa hay tiếng một con hoẵng trong rừng, rất xa, mà vắng lặng như thế thì chợt ở bên tai nó vẳng lên như là một tiếng hát, như là một tiếng kêu, như là một tiếng than thở, mà lại giọng nữ, nó vẳng lên ở ngay bên tai mình. Mà không phải là tiếng người mẹ mình, không phải là tiếng vợ mình, không phải tiếng người yêu nào cả, nhưng rõ ràng là giọng nữ, rất trong trẻo lanh lảnh đọc rất chậm chậm mà có âm điệu như thế này:

Em ơi, buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì...

Đại khái đọc cũng chậm như thế và cũng có tiết điệu như thế. Thì Hoàng Cầm cũng đã có kinh nghiệm là nếu mà lười, không ghi ngay đi thì chỉ ba phút sau, bốn phút sau thôi, muốn nhớ lại không thể nào nhớ nổi một từ nào hết. Cho nên là ghi ngay. Có ba câu ấy thì mình phải ghi ngay. Thế nhưng mà không ngờ rằng ghi xong được ba câu ấy thì nó giống như là một nhát cuốc, cuốc vào cái bờ mà người ta ngăn nước ý mà, như một cái đập chẳng hạn, thì nước nó trào ra, nó trôi rất nhanh. Tất cả những cảm xúc về quê hương, về số phận con người, về người thân của mình, người yêu của mình, lúc bấy giờ nó dồn dập trào ra, thậm chí là anh sợ viết không kịp nữa cơ mà. Mình viết rất nhanh, mình viết ngoáy,

chữ nọ đè lấp lên chữ kia cũng được. Thì cứ viết như thế một mạch và cũng có lúc nó ngừng lại một chút thì cũng hút được một điếu thuốc lào, nhưng mà cái mạch đó nó cứ còn nguyên ở trong người mình và sau đó nó lại tiếp tục chảy. Viết như thế vào khoảng độ đến lúc bấy giờ đã nghe thấy tiếng gà gáy sáng rồi, nghĩa là vào khoảng bốn rưỡi, thì đến câu cuối cùng. Tại làm sao mình biết là câu cuối cùng? Bởi vì đến câu ấy thì trong người thấy nó nhẹ hết đi.

Bao giờ về bên kia sông Đuống
Anh lại tìm em
Em mặc yếm thắm
Em thắt lụa hồng
Em đi trẩy hội non sông
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh.

- TK: *Anh đã sáng tác xong rồi, thì làm gì? Từ lúc xong bài thơ đến lúc bài thơ truyền đi khắp nơi thì truyền bằng gì?*
- HC: Thì lúc bấy giờ đặt bút xuống và xuống bếp đun lại một nồi nước chè tươi cho nó nóng lên. Lên đến nơi thì thấy Nguyên Hồng đã có vẻ cựa quậy mà gà thì đã bắt đầu dồn dập gáy sáng tức là 5 giờ rồi. Tang tảng sáng rồi. Thì Nguyên Hồng có thói quen là khi ngủ dậy, anh ấy cứ thế chân đất chạy ra sân tập thể dục, thở phì phà phì phò rồi giơ chân, giơ tay rất ồn ào và có thể nói là rất bằng nhắng nữa cơ, nghĩa là đấm đá ngoài không khí. Thì đấy là một thói quen của ông Nguyên Hồng, cái thói quen rất đáng yêu. Thế lúc bấy giờ anh mới nói rằng là: *"Này, Hồng ơi! Có thơ mới đây, mới làm xong đêm nay đây, có nghe không?"*

Nguyên Hồng khi nghe nói đến thơ thì anh ấy thích lắm. *"Có à? Có thơ à? Ờ, vào nghe ngay nhé!"* Anh ấy đấm đá không khí một vài cái nữa là vào. Vào thì anh đọc được ba câu hay bốn câu gì đó, thì Nguyên Hồng bắt đầu khóc. Đầu tiên còn sụt xịt thôi, nhưng càng đọc thì anh ta càng nức nở khóc, khóc như là một người, xin lỗi Thụy Khuê nhé, như

một người phụ nữ bị chồng đánh ấy! Bù lu bù loa, khóc khổ khóc sở, nước mắt dàn giụa cả, rồi lấy vạt áo, lấy tay quệt như trẻ con, trông rất thương nhưng rất đáng yêu. Nhưng bởi vì mình đã quen với cái tính rất mau nước mắt của Nguyên Hồng đấy, cho nên mình cứ đọc, còn việc ông khóc, ông cứ khóc và cuối cùng đọc xong bài thơ cũng phải hết 15 phút thì Nguyên Hồng vẫn cứ khóc sụt xịt rồi sau mới mếu máo nói thế này chứ: *"Thôi hôm nay Hoàng Cầm cố nhé, có chép cho mình làm ba bản nhé, để mình gửi đi nhé!"* Thế là đúng cả ngày hôm sau mình phải chép thật. Cứ thế mà chép và gửi đi ba nơi, một là báo Sự Thật tức là báo Nhân Dân bây giờ. Hai là báo Vệ Quốc Quân, bây giờ là báo Quân Đội Nhân Dân. Ba là Hội Văn Nghệ, có một người phụ trách vấn đề văn nghệ thôi là anh Nguyễn Huy Tưởng ở Việt Bắc. Thì đấy, gửi đi ba nơi ấy bởi vì anh Nguyên Hồng có một cái liên lạc riêng thì anh ấy gửi đi nhanh được. Nhưng hai tháng sau không ngờ cái chỗ mà mình không gửi lại đăng bài đó, tức là tháng 6/1948 tờ báo *Cứu Quốc* do hai anh Tô Hoài và Như Phong đảm đương, cái tờ báo từ Hà Nội chuyển cả máy in vào rừng sâu lắm, mình chả biết ở chỗ nào, chỉ biết là có liên lạc nó đưa đi thôi. Tức là tháng 6 năm 1948 thì bài thơ ấy xuất hiện trên tờ báo *Cứu Quốc*.

- TK: *Đối với anh thì Bên Kia Sông Đuống có chỗ đứng như thế nào trong toàn bộ tác phẩm của anh?*
- HC: Khi bài thơ xuất hiện trên báo *Cứu Quốc*, lúc bấy giờ in bằng giấy bản, cái giấy bản của ta dùng vào -nói xin lỗi- giấy vệ sinh ấy. Nhưng mà lúc bấy giờ in vào cái tờ báo như thế thì phải nói rằng Hoàng Cầm cảm động vô cùng, khi thấy chữ mình mới viết độ hai tháng nay thôi, bây giờ tất cả như là quê hương nó hiện lên trang giấy này. Cầm tờ báo mà dưng dưng muốn khóc. Đấy là chỉ có một lần in, ấy là lần đầu. Rồi về sau suốt kháng chiến chống Pháp không in nữa thì chỉ truyền khẩu, truyền khẩu suốt từ Việt Bắc xuống tới

khu ba, rồi vào đến khu bốn, rồi vào đến Phạm Duy là ông ấy thuộc hết cả từ *Đêm Liên Hoan* cho đến *Bên Kia Sông Đuống*, thì ông ấy cứ như thế ông ấy đi ngâm ở các nơi ở khu bốn ấy trong năm 48 đấy. Rồi bài ấy nó lại vào đến tận Phú Quốc, rồi cả Côn Đảo nữa. Bởi vì sau này những chiến sĩ ở đấy được tha về, họ đều có kể lại là được nghe sông Đuống từ ở trong ấy là quãng cuối năm 48. Đó là bài mà cho đến nay vẫn sống được ở trong lòng những người, tất nhiên là những người già, tuổi từ 70 đến 80, mà nhất là trước kia đi bộ đội. Thì đó, anh nghĩ rằng dù sao nó cũng là cái thành công của anh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đó là thành công đầu tiên, cùng với hai bài kia là gộp lại. Tức là có nửa năm 47 sang đầu năm 48 thì anh được ba bài thơ đó, nó đánh dấu thời kỳ đầu của kháng chiến trường kỳ, thì cảm động lắm và cho đến bây giờ những bà con Việt kiều ở nước ngoài về, nếu máy bay hạ cánh xuống Nội Bài, khi nó xuống thấp rồi thì ai ngồi gần cửa người ta chỉ trỏ chỗ không biết con sông Đuống nằm ở đâu? Có người cứ nói bừa đi: Kia kìa, nó nằm ở kia kìa, nó ngoằn ngoèo ở chỗ giữa kia kìa, thì đấy là con sông Đuống. Những chuyện đó nó làm cho mình hết sức cảm động, cũng là nhờ quê hương, nhờ đất nước của mình, đã làm cho mình có được một bài thơ, cũng nhờ trời, nhờ phật, nhờ quê hương mà cho đến hôm nay nó vẫn còn sống, nó vẫn còn sống được ở trong lòng người ta, chứ nó chưa chết. Thì đó là một cái mà anh rất lấy là tự hào và sung sướng.

● Thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm

- TK: *Thưa anh Hoàng Cầm, sau hiệp định Genève, về Hà Nội anh làm gì ạ?*
- HC: Lúc bấy giờ tôi ở quân đội về tiếp quản thủ đô, tôi phụ trách một đoàn văn công. Lúc bấy giờ văn công quân đội chia làm ba đoàn: Thủ Đô, Khu Ba và Khu Bốn. Tôi phụ

trách đoàn 1, về tiếp quản Hà Nội. Trong giai đoạn đầu của cuộc tiếp quản thủ đô, độ 3 tháng, thì việc làm thơ của tôi cũng không tiến hành được bao nhiêu, bởi vì công việc của đoàn văn công choán khá nhiều thời giờ. Nhưng đến Tết, cái Tết năm 1955 sang 1956, tôi và anh Lê Đạt bàn nhau là bây giờ ta phải tiến hành một cuộc đổi mới thơ đi. Mà tiến hành đổi mới thơ thì trên các báo của nhà nước nó chật chỗ quá, mình không thể mở rộng được những ý kiến của mình. Lúc bấy giờ nhà nước vẫn để cho các nhà in tư nhân cũng như các nhà xuất bản tư nhân được hoạt động. Thế thì có nhà xuất bản Minh Đức mà người chủ là anh Trần Thiếu Bảo, đã từng là một nhà xuất bản đi theo kháng chiến chống Pháp, ở Khu Bốn, anh ấy đặt trụ sở ở Thanh Hóa. Trong thời ấy anh ấy đã in nhiều sách phục vụ kháng chiến chống Pháp. Về hòa bình, anh lại tiếp tục công việc xuất bản. Anh ấy cũng không có vốn gì lớn lắm, đi vay bè bạn thôi, cũng có thể thỉnh thoảng ra được một vài quyển sách có ích cho lúc bấy giờ. Chúng tôi mới đề nghị với anh Minh Đức là in một tập văn thơ vào mùa xuân năm 56. Cái số đó chúng tôi định ra vào dịp Tết âm lịch tức là sang năm 56 rồi.

- TK: *Thưa anh, Giai Phẩm Mùa Xuân có những ai cộng tác?*
- HC: Cái Giai Phẩm Mùa Xuân ấy chỉ có mỗi tôi và anh Lê Đạt thôi, bởi vì lúc bấy giờ anh Trần Dần và anh Tử Phác là hai người bạn thân mà cũng là những người muốn đổi mới văn học nghệ thuật, thì hai anh ấy đi công tác Cải Cách Ruộng Đất cách Hà Nội 12 cây số tức là ở bên Yên Viên, không có nhà. Chỉ có tôi với anh Lê Đạt làm. Tập hợp được một số anh em viết bài cho, ví dụ như anh Trần Lê Văn, anh Quang Dũng, anh Hữu Loan, anh Phùng Quán, anh Văn Cao... Lúc bấy giờ tôi và cả anh Lê Đạt đều có giữ bản thảo một bài thơ dài của anh Trần Dần tức là bài *Nhất định thắng*. Chúng tôi lấy bài đó làm cái xương sống đã, rồi mỗi anh em

lại thêm vào đó một số bài. Thì anh em có giao cho tôi nhiệm vụ là thúc đẩy anh Văn Cao làm thơ, bởi vì từ ngày về Hà Nội anh Văn Cao cũng thôi không làm ca khúc nữa mà anh ấy chuyển sang vẽ. Tất nhiên vẽ cũng là một cách tự biểu hiện mình. Nhưng tôi thấy rằng khả năng làm thơ của anh Văn Cao có thể vẫn còn nhiều. Tôi và cả anh Lê Đạt đều biết là anh ấy có khả năng thơ. Bởi vì trước 45, anh ấy có một số bài thơ cũng khá, ví dụ bài *Chiếc xe xác đi qua phường Dạ Lạc* chẳng hạn. Đó là một bài thơ có nhiều suy nghĩ mới ở trong thơ ca, mặc dầu cả bài còn nhiều ảnh hưởng rơi rớt của Vũ Hoàng Chương hoặc của Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi biết thế, cho nên thúc đẩy anh ấy làm thơ chứ không phải là vì một lẽ gì đâu. Mà chính là vì anh ấy cạn kiệt cảm xúc âm nhạc. Đấy là theo ý nghĩ riêng của tôi. Có thể tôi sai. Nhưng tôi cứ nói thật ý nghĩ riêng của tôi lúc bấy giờ không phải là Văn Cao lười, mà cũng không phải là vì một lẽ gì khác mà chính là vì anh ấy cạn kiệt cảm xúc âm nhạc. Thế thì lúc bấy giờ tôi với anh Lê Đạt cứ đùn đẩy nhau về cái việc đối với Văn Cao. Anh Lê Đạt bảo là anh ấy chưa có tiếng tăm gì và trong số bạn chơi với nhau thì anh ấy là người ít tuổi nhất, tất nhiên là chưa có uy tín gì trong số anh em về mặt sáng tác cả. Cho nên anh ấy không muốn thúc đẩy Văn Cao, anh ấy bảo là sợ anh Văn Cao bảo là hỗn, mày nhỏ tuổi thế mà mày thúc đẩy gì tao. Thế! Hoặc giả anh Văn Cao có thể có ý nghĩ gì khác nữa chăng, thành ra anh Lê Đạt giao cho tôi, anh ấy bảo: Bởi vì tôi đối với anh Văn Cao là ngang vai phải lứa thì có thể thúc đẩy anh ấy được. Tôi đành phải nhận. Vì tôi biết là Văn Cao cũng khó lắm, bởi vì anh ấy đã thích một cái gì đấy thì khó lay chuyển anh ấy lắm. Anh ấy đang thích vẽ mà. Sau đó tôi đến thúc đẩy một tuần thì quả nhiên anh ấy cũng làm được một bài đăng ở Giai Phẩm Mùa Xuân tức là bài *Anh có nghe thấy không*.

- TK: *Như vậy là trong số Giai Phẩm Mùa Xuân 56 thì chỉ có một bài thơ của anh Văn Cao, thế còn những bài khác là của những ai?*
- HC: Anh Văn Cao có một bài ấy thôi. Còn anh Lê Đạt thì cũng làm đâu ba bốn bài, những bài thơ ngắn. Ví dụ như là bài *Đụng long mạch* hoặc là bài *Công nhân làm cầu* gì đó, tôi quên mất đầu đề rồi. Nhưng chúng tôi dựa vào bài *Nhất định thắng* của anh Trần Dần là chính, thì đã có thể ra được một tập sách. Cộng với một bài nghiên cứu về dân ca của anh Tử Phác. Một bài thơ Quang Dũng. Một bài tản văn của anh Trần Lê Văn. Và một vài bài nữa của anh Hữu Loan, Phùng Quán... thì chúng tôi đã tập hợp được và đưa in luôn[1086]. Như thế là quyển Giai Phẩm Mùa Xuân ra trước Tết âm lịch năm 1956. Anh Tử Phác và anh Trần Dần không biết là quyển sách ấy ra bởi vì các anh ấy bận công tác ở xa Hà Nội và công tác cải cách ruộng đất lúc bấy giờ đang ở cao trào cho nên các anh ấy không có quan hệ gì với chúng tôi ở Hà Nội cả. Thành ra chúng tôi cứ ra cái đó và bài thơ của anh Trần Dần cứ xuất hiện bởi vì chúng tôi đều có bản thảo. Sau khi xuất bản tập đó được độ một tuần thì cả hai anh Tử Phác và Trần Dần đều bị một tai nạn tức là cả hai anh đều bị bắt. Cái thời gian bắt các anh ấy cũng nhanh chóng, vì cũng có những cái tình cờ, hoặc cũng có những sự việc cụ thể, chứ không phải giam giữ gì lâu lắm. Sau đó, anh Trần Dần lại về công tác ở Phòng Văn Nghệ Quân Đội, nghĩa là vẫn chưa ra khỏi quân đội, cả anh Phùng Quán nữa, cũng đang ở trong quân đội. Chỉ có tôi là ra khỏi quân đội cuối năm 55. Chính vì tôi ra khỏi quân đội thì tôi mới làm Giai Phẩm Mùa Xuân cùng với anh Lê Đạt bởi vì anh Lê Đạt lúc đó là biên tập viên của báo Văn Nghệ. Lúc bấy giờ chưa có Hội Nhà Văn mà nói chung gọi là Hội Văn Nghệ thôi, và anh Lê Đạt vẫn là một

---

1086 *Giai Phẩm Mùa Xuân* có các sáng tác của: Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần, Văn Cao, Phùng Quán, Nguyễn Sáng, Sỹ Ngọc.

cán bộ của Tuyên Huấn Trung Ương. Khi tôi ra khỏi quân đội rồi thì không bị gò bó bởi những công việc và kỷ luật của quân đội nữa, thành ra tôi tự do hơn một chút, vì thế mới ra được Giai Phẩm Mùa Xuân. Nhưng điều không ngờ là chính Giai Phẩm Mùa Xuân đó lại gây ra tai nạn cho hai anh Tử Phác và Trần Dần. Chuyện này tôi có nói rồi, hình như tôi có nói một phần ở trong bài *Con người Trần Dần* đăng ở số 1 báo Nhân Văn, năm 56. Sau này tôi có thể viết nó kỹ hơn, đầy đủ hơn những diễn biến của vụ đó. Sau khi tờ Giai Phẩm Mùa Xuân được giải quyết rồi, tức là thu hồi này, rồi thì anh ấy bị kỷ luật một thời gian ngắn, rồi sau lại ra làm việc, thì các công việc mọi người cứ đâu lại làm đấy. Tôi vẫn phụ trách phó giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ. Anh Trần Dần vẫn ở quân đội cũng như anh Tử Phác và Phùng Quán. Anh Lê Đạt vẫn làm việc ở Tuyên Huấn, lúc bấy giờ lại còn là bí thư chi bộ của tuần báo Văn Nghệ nữa, đấy là anh Lê Đạt. Mọi công việc nhà nước vẫn tiến hành bình thường.

- TK: *Nhiều người cho rằng hồi ấy các anh chủ tương Giai Phẩm Mùa Xuân là do ảnh hưởng tình hình Liên Xô và Trung Quốc, nhất là từ phong trào Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc, thưa anh, việc ấy có đúng không?*
- HC: Tình hình thế giới bắt đầu có những biến chuyển về mặt văn học, ở Liên Xô ông Khrouchtchev làm một cuộc chống tệ sùng bái cá nhân, cụ thể là chống những sai lầm của Staline. Ở Trung Quốc có việc chống phái hữu, rồi thì những gì gì đó mà chúng tôi không được đọc báo, nhất là việc Trung Quốc, thì cũng chỉ nghe tin tức chung chung thôi chứ không được theo dõi kỹ lắm. Đấy là vào khoảng tháng 5, tháng 6 năm 56, tức là Giai Phẩm chúng tôi ra rồi, ra từ đầu năm cơ. Gần đây, Lê Đạt đi Pháp về, có nói rằng anh ấy có phản đối cái nhầm của ông Boudarel khi viết rằng Nhân Văn chúng tôi chịu ảnh hưởng Trăm Hoa Đua Nở của Trung Quốc. Cái đó ông Boudarel rất nhầm. Bởi vì chúng tôi đã có

ý định cải cách, hoặc canh tân thi pháp, đổi mới thi ca từ đầu năm 1956. Lúc bấy giờ chúng tôi chưa hề biết chuyện ở bên Trung Quốc về văn học có những cái gì, có những phong trào gì. Mãi sau mới có cái Trăm Hoa Đua Nở, rồi đến chuyện đấu tranh chống phái hữu. Mà phái hữu trong văn nghệ Trung Quốc thì có Đinh Linh và Trần Sĩ Hà là nổi bật lên. Chúng tôi chỉ nghe tin một cách sơ sài thế thôi. Còn nội dung là gì thì chúng tôi không biết lắm. Vậy thì chúng tôi không hề chịu ảnh hưởng cái chuyện Trăm Hoa Đua Nở của Mao Trạch Đông đưa ra, mà Giai Phẩm Mùa Xuân của chúng tôi ra là hoàn toàn tự ý muốn riêng của mình và cái ý muốn đó là muốn cách tân thơ ca, đem lại luồng gió mới, không khí mới cho thơ ca chứ không chịu ảnh hưởng ai cả. Đó là một cái mà hôm nay, nhân thể đây tôi nhấn mạnh như vậy.

- TK: *Thưa anh, còn tờ Nhân Văn, tờ Nhân Văn đã ra đời trong hoàn cảnh nào?*
- HC: Nhân Văn ra số đầu tiên khoảng tháng 9 năm 1956 tức là cách Giai Phẩm Mùa Xuân tám, chín tháng. Thế rồi đến Nhân Văn thì anh Nguyễn Hữu Đang là người sinh ra báo Nhân Văn, tôi là người đặt tên cho tờ báo. Nhưng đồng thời sau đó cũng lại chính mình phải làm tất cả mọi viêc của tờ báo. Phụ thêm thì có anh Lê Đạt. Thế còn anh Trần Dần thì vì anh ấy cũng yếu và những công việc của một tờ báo thì anh ấy cũng không làm được. Việc mà tại sao nó ra, tại sao lại xuất hiện tờ Nhân Văn, lúc đầu nó như thế nào, thì tất nhiên là sau này tôi cũng sẽ lược thuật thôi. Chuyện đó nó phức tạp và sau này dù có thuật lại, thì chúng tôi cũng chỉ thuật lại những nét chính. Cái tôi đi sâu vào vẫn là những bước đi của thơ ca, nó gặp những trở ngại gì, những trắc trở gì? Có những thuận lợi gì? Và những anh em nào hoan nghênh, anh em nào tán thành, anh em nào phản đối? Nhưng cái chính vẫn là vấn đề thơ ca thôi, thơ ca của chúng tôi. Thơ ca của cái nhóm anh em thân với nhau đấy, nhưng tất nhiên

mỗi người một phong cách và có nhiều quan điểm cũng không giống nhau đâu. Thế nhưng mà cái thống nhất với nhau được là thơ ca một thời gian bị trì trệ bởi ảnh hưởng của Tự Lực Văn Đoàn và Thơ Mới trước cách mạng tháng tám, vẫn còn nặng nề. Nhất là ý anh Trần Dần và anh Lê Đạt là từ lâu, ngay từ trước khi về Hà Nội năm 54, rồi sau khi về Hà Nội, hai anh ấy là hai người hăng hái nhất trong việc muốn đổi mới thơ ca, làm cho nó đừng trì trệ nữa, dù rằng ta phải học tập ở các nhà thơ bên Châu Âu mà thay đổi cái của mình, miễn là mình giữ được cái độc đáo riêng của mình.

- TK: *Thưa anh, tóm lại, mục đích chính của các anh trong thời điểm NVGP là làm gì? Là đòi hỏi tự do sáng tác hay còn đòi cái gì khác?*
- HC: Lúc đầu chúng tôi vẫn chủ trương là không nói chuyện gì về chính trị, cũng không có bài báo nào bàn về chính trị lắm. Nếu có thì chỉ nhắc qua vài chuyện có liên quan đến văn nghệ thôi. Còn cái chính là đấu tranh để làm thế nào xây dựng được một nền văn nghệ dân chủ. Có dân chủ có tự do trong giới văn nghệ. Cũng như là có dân chủ trong hoạt động văn nghệ. Chúng tôi chỉ nhằm mục đích ấy thôi. Mục đích là đấu tranh để đạt được dân chủ và tự do trong sáng tác văn học và nghệ thuật. Thế nhưng tình hình thế giới lúc bấy giờ rất phức tạp và trong nước có những vấn đề rất nghiêm trọng, cho nên báo Nhân Văn cũng không thể tồn tại lâu được, mà chỉ ra được 5 số. Đến số 6, bài xong cả rồi nhưng mà cũng không in nổi, không in được và không ra được. Thế rồi thì bị đóng cửa. Nhưng đóng cửa xong thì mọi việc vẫn trở lại có vẻ như là bình thường. Bởi vì đóng cửa Nhân Văn xong, thì sang năm 57 thành lập Hội Nhà Văn riêng, Hội Nhạc Sĩ riêng, Hội Sân Khấu, Hội Mỹ Thuật riêng. Tháng 4 năm 57 thành lập Hội Nhà Văn thì tôi cũng lại được bầu vào ban chấp hành Hội. Công việc thì vẫn phụ trách phó giám đốc nhà xuất bản, bấy giờ đổi tên là nhà xuất bản Hội Nhà Văn,

do anh Tô Hoài, tôi và anh Đoàn Giỏi, ba người cùng chịu trách nhiệm. Hoạt động bình thường như thế cho đến hết năm 57.

● Từ Nhân Văn đến thời kỳ đổi mới.

- TK: *Thưa anh, tờ Nhân văn ra được 5 số thì phải đóng cửa và mọi việc vẫn trở lại có vẻ như là bình thường, nhưng sau đó thì tình hình xảy ra như thế nào ạ?*

- HC: Sang đầu 58, vì ở bên Trung Quốc có việc đấu tranh rất gay gắt chống hữu phái trong văn nghệ, nhưng chúng tôi cũng lại chỉ biết một cách hết sức sơ sài, là hình như có mấy nhà văn cũng đòi tự do, đòi dân chủ gì đó. Đặc biệt có hai người là Đinh Linh và Trần Sĩ Hà là hai nhà văn có tiếng lúc bấy giờ, coi như cầm đầu phái hữu trong giới văn nghệ của Trung Quốc. Thì có một cuộc đấu tranh gay gắt với những người cầm đầu đó. Ở bên ta, tôi nhớ chắc là anh Huy Cận và một người nữa, Lưu Trọng Lư hay là Hà Xuân Trường gì đó, tôi không nhớ rõ tên người thứ nhì, cũng được cử sang tham quan để rút kinh nghiệm đem về. Khi các anh ấy về thì lập tức ở bên này mở ra một lớp gọi là lớp học chính trị, nhưng chính là để đấu, đấu tranh quyết liệt với tư tưởng NVGP. Tức là chống tư tưởng mà lúc bấy giờ người ta cho là *"tư tưởng phá hoại chống Đảng"*, mà tiếng thông thường là *"phản động"*. Đấy là đầu năm 58. Và sau một cuộc đấu tranh rất gay go, rất quyết liệt như thế trong vòng độ gần hai tháng thì quyết định kỷ luật một số nhà văn, một số họa sĩ và nhạc sĩ đã tham gia phong trào NVGP.

Riêng cái kỷ luật của chúng tôi bên Hội Nhà Văn thì khai trừ ba năm anh Trần Dần, anh Lê Đạt, và bên Hội Âm Nhạc thì có anh Đặng Đình Hưng, anh Tử Phác cùng chịu chung một kỷ luật là khai trừ khỏi Hội trong ba năm.

Và trong thời gian bị khai trừ thì phải đi lao động để cải tạo tư tưởng theo giai cấp vô sản, thấm nhuần tư tưởng

nông công binh, để thực hiện trong sáng tác của mình. Suốt năm 58, 59 đến 60 nữa, trong thời gian ba năm kỷ luật đó thì phải đi lao động. Chỉ có tôi và Phùng Quán, thời hạn nhẹ hơn, tức là khai trừ khỏi Hội Nhà Văn có một năm thôi. Riêng tôi, thì khai trừ khỏi ban chấp hành, thôi giữ chức giám đốc nhà xuất bản Văn Nghệ. Ghi trên giấy trắng mực đen thì chỉ có thế thôi.

Và đi lao động, thì cũng đi lao động như mọi người. Ví dụ như anh Trần Dần, anh Lê Đạt, anh Tử Phác, anh Đặng Đình Hưng, trong 6 tháng đầu tiên lao động cả ngày, tức là 8 tiếng, các anh về nông trường Chí Linh chăn bò, chăn trâu. Còn tôi, Phùng Quán, Trần Lê Văn và Quang Dũng, thì về cái tổ mà anh Hoàng Trung Thông làm tổ trưởng, tức là anh Hoàng Trung Thông là bộ phận lãnh đạo một cái đội đi về Thái Bình, ở một hợp tác xã nông nghiệp mới thành lập. Vì ở nông thôn, nhất là ở miền Bắc, sau đợt Cải Cách Ruộng Đất, là đến đợt đưa nông thôn tiến lên hợp tác hóa. Lúc bấy giờ từ bắc vĩ tuyến 17 ra, là hợp tác hóa nông nghiệp. Chúng tôi đi về cái hợp tác xã như thế và lao động có một nửa ngày thôi. Còn nửa ngày thì có thể đi chơi với các gia đình nông dân, rồi đi tìm hiểu tình hình thực tế v.v... Mặc dầu cái lao động nửa ngày của tôi hay cả ngày của bốn anh kia là bắt buộc, nhưng mà bắt buộc cũng trong tinh thần văn nghệ thôi, chứ không gò bó ghê gớm như bọn bị đi tù khổ sai. Phải nói cho nó công bằng và rõ ràng như vậy. Còn những anh nhẹ nữa, như anh Quang Dũng, anh Trần Lê Văn, anh Hữu Loan chẳng hạn, thì hầu như chỉ cảnh cáo ghi lý lịch của hội viên thôi, nghĩa là một cái kỷ luật rất nhẹ. Nhưng lúc bấy giờ anh Hữu Loan có nhiều bực bội cá nhân cho nên anh ấy nhất định không ăn lương của hội nữa. Còn tôi và Phùng Quán thì vẫn có trợ cấp của hội, coi như một thứ lương nho nhỏ thôi, để đi lao động, chứ anh Hữu Loan thì thôi hẳn, không lĩnh lương và không làm gì ở hội nữa. Và anh ấy lao động ở đâu thì đấy

là việc của anh ấy, chứ anh ấy không đi theo các chỉ đạo của Hội Nhà Văn.

-TK: *Thưa anh, trong lúc ấy các anh có viết lách gì không ạ?*

- HC: Nội dung kỷ luật lúc đầu thì chỉ như thế thôi. Nhưng rồi cái kỷ luật đó nó kéo quá dài. Sau ba năm rồi thì anh Trần Dần và cả anh Lê Đạt nữa, có sáng tác khá nhiều, riêng tôi thì cũng sáng tác tập *Về Kinh Bắc*. Phùng Quán cũng viết nhiều truyện ngắn và làm thơ nữa, nhưng mà cũng không in ở đâu được cả. Không hiểu lý do làm sao, nhưng đưa đến nhà xuất bản nào hay tòa báo nào cho nó đăng thì đều bị từ chối. Rồi lặng lẽ mình cũng tự biết là có lẽ khó khăn lắm, thì mình cứ sáng tác để đấy thôi, cho vào ngăn kéo rồi một vài anh em đọc với nhau, chứ không truyền bá đi đâu cả. Xong rồi dần dần thời gian cứ thế kéo đi, nó kéo thế nào mà cho đến năm 88. Tức là kỷ luật từ năm 58, đến khi hết kỷ luật, Hội Nhà Văn công bố hẳn hoi là năm 88. Ba mươi năm. Chúng tôi, tức là Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, Hoàng Cầm, lúc bấy giờ anh Tử Phác mất rồi, chỉ còn Đặng Đình Hưng và cả những anh em bị cảnh cáo trước kia như Quang Dũng hay Trần Lê Văn, thì các anh ấy không bị kỷ luật gì, vẫn có thể in sách, in báo được từ trước, riêng Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm và Đặng Đình Hưng là bốn người đó không được in một cái gì cả, suốt từ năm 58 đến năm 88. Thế nghĩa là tròn 30 năm.

- TK: *Thưa anh, sau thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, anh đã làm gì để sinh sống?*

- HC: Tôi nhắc lại: trong vòng 30 năm, tức là kỷ luật bắt đầu từ 1958 đến 1988 thì phục hồi, nghĩa là 30 năm tôi không thể đem ngòi bút của mình kiếm được một đồng xu nào hết. Thế thì phải đi lao động chân tay. Tôi với anh Trần Dần, đã từng kéo xe bò. Lúc thì anh này cầm càng, anh kia đẩy, cứ thay phiên nhau như thế. Chỉ mới đi được hai hôm, cả Trần Dần

và tôi đều ốm, tức là sốt, rồi nó đau hết mình mẩy và trận ốm ấy kéo dài có khi hàng tuần lễ. Sau không chịu được lao động chân tay nữa, đành phải đi kiếm ăn bằng cách, ví dụ như anh Trần Dần được một người bạn giúp cho đi tô màu ảnh. Lúc bấy giờ chưa có máy ảnh màu đâu. Ai thích ảnh màu thì cứ chụp đen trắng, xong Trần Dần cứ ngồi bôi thuốc, bôi cái má hồng, bôi cái môi son, bôi cái áo hoa nọ kia, nghĩa là bôi màu vào ảnh để kiếm ăn. Mỗi cái ảnh như thế được một hào hay hào rưỡi gì đó. Nghĩa là cứ thế suốt ngày ngồi cặm cụi tô màu vào ảnh. Còn tôi thì đi làm phim đèn chiếu. Viết những lời thuyết minh để kể chuyện chiến sĩ thi đua, hoặc là người tốt, việc tốt, hoặc là an toàn lao động v.v... Những đề tài như thế thì cũng vẫn cứ làm, để kiếm được mỗi tối ba đồng.

- TK: *Xin anh cho biết rõ hơn về việc anh làm phim đèn chiếu như thế nào và anh còn giữ một vài kỷ niệm gì về việc ấy không?*
- HC: Có một hôm anh Phùng Quán đến chơi vào khoảng 7 giờ. Phùng Quán hỏi: *"Anh sắp đi đâu đấy?"* Tôi bảo là tôi sắp đi chiếu phim đây. Thì Phùng Quán hỏi: Phim gì? Tôi bảo phim đèn chiếu. Phùng Quán cũng chẳng hiểu phim đèn chiếu nó thế nào, mới theo tôi đi. Xuống sân một xí nghiệp thì người ta mắc cái máy ở đấy, rồi thì cũng có écran. Họ bắt đóng hết các cửa ra vào nhà máy và bắt buộc công nhân phải xem. Bởi vì đây là một bài học về an toàn lao động. Phim chính tôi làm, an toàn lao động, thuyết minh bằng lời thơ, có lúc bằng văn xuôi. Đầu tiên là công nhân nó tức lắm, vì công đoàn bắt nó phải ở lại xem mà: *Úi giời ơi! Ở giữa cái thành phố Hà Nội này mà lại chiếu những phim* -ngày xưa người ta gọi là ống nhòm ấy mà- *nó cứ keng keng keng gọi ra xem ống nhòm ở bờ hồ.* Cái này nó cũng y như thế thôi. Chỉ có là nó chiếu lên màn ảnh to, chiếu ảnh lên, rồi nó phóng to lên. Thế rồi thuyết minh, y như ngày xưa xem ống nhòm ở ngoài

bờ hồ, nó bảo: *Này! Đây quan toàn quyền Pasquier đi kinh lý đây! A lô! A lô! Đây là Quốc Trưởng Bảo Đại... thế này thế kia... Đây! Vua Bảo Đại, Hoàng đế Bảo Đại đi thăm tỉnh Thanh Hóa đây!*

Ngày trước thì nó như thế! Tức là mỗi cái ảnh nó bật ra, thì cứ chổng mông ra mà nhìn vào cái ống nhòm, trẻ con là thích lắm! Cứ bỏ vào đấy một xu thì được xem khoảng một vài chục cái ảnh. Còn cái này nó chỉ khác tí là nó chiếu lên écran, có lời thuyết minh một tí.

Đầu tiên công nhân nó phản đối, nhưng cũng không thể làm thế nào được, bởi vì đây là kỷ luật bắt buộc phải xem để học tập về an toàn lao động. Nhưng đến khi tôi bắt đầu cất tiếng thuyết minh và đến chỗ tôi bắt đầu cất giọng ngâm thơ lên thì họ bắt đầu chú ý và im lặng, chứ lúc đầu họ phá phách ghê lắm. Cứ ầm ầm, ầm ầm. Thế rồi dần dần họ theo dõi phim cho đến hết và khi ra về có vẻ rất mãn nguyện.

Họ bảo: *"Ờ, tưởng cái gì chứ phim đèn chiếu xem cũng được đấy nhỉ! Mà lại hay đấy nhỉ!"* Thì đấy! Đi kiếm ăn như thế và Phùng Quán dự từ đầu đến cuối. Đến khi về thì tôi bảo: *"Mình có ba đồng đây này, mời Phùng Quán đi ăn phở với mình."* Bát phở chỉ có 5 hào thôi. Phùng Quán bảo: *"Không, đáng nhẽ em phải mời anh chứ! Anh làm gì có tiền, khổ thế mà anh mời em. Thôi, thế thì mỗi anh em ta làm một ly rượi suông vậy."* Mỗi ly rượu có 5 xu ấy mà. Rẽ vào một hàng, mỗi anh em uống một ly rượu suông. Phùng Quán nói một câu thế này: *"Trời đất ơi! Nhà thơ nổi tiếng nhất nước thế này mà đi làm cái phim đèn chiếu! Cái ống nhòm ngày xưa! Em nghĩ nó tủi thân lắm, anh ạ".* Mình bảo chả có cái gì là tủi cả! Mình lao động bình thường như một con người bình thường. Mình kiếm ăn, có cái gì mà tủi mới buồn! Chả có cái gì đáng buồn cả! Tôi lại phải nói với Phùng Quán như vậy. Đấy là những kỷ niệm về thời bấy giờ.

- TK: *Thưa anh, việc sáng tác ở thời kỳ kỷ luật và sau kỷ luật của các anh ra sao?*
- HC: Chính lúc bấy giờ là lúc anh em lại viết được rất nhiều. Không phải là có một cái kỷ luật gì cấm sáng tác cả. Cấm không được in báo, xuất bản sách. Cấm xuất hiện cái tên của mình. Lúc bấy giờ tôi phải trông vào bà vợ. Như ở trong tập *Về Kinh Bắc* mà tôi đã viết đấy: Bà vợ rất tốt, chịu đựng kham khổ, hy sinh cho chồng con. Lúc bấy giờ tôi tập trung được tình cảm và suy nghĩ của mình liền trong năm tháng trời viết xong tập thơ *Về Kinh Bắc*. Trần Dần cũng trong vòng nửa năm ấy viết được *Cổng tỉnh*. Lê Đạt làm một loạt thơ về quê hương của mình, thuở thơ ấu của anh ấy tức là thời kỳ Yên Bái đấy, những bài thơ như là *Lão núi, Ông lão chăn dê* hay là *Ông phó cả ngựa* đều đã có bắt nguồn ngay thời bấy giờ. Chỉ có là về sau này anh ấy hoàn chỉnh lại thôi. Thế nghĩa là anh em không hề ngừng sáng tác, chỉ không được in thôi. Không được xuất bản. Đấy là năm 59. Sang năm 60 trở đi thì lại bắt đầu đi lao động. Anh Trần Dần và tôi lại vào cái xí nghiệp nhà máy gỗ Hà Nội, anh Trần Dần làm thợ cưa, còn tôi thì đứng máy, ở cái máy cưa.

- TK: *Thưa anh, về công việc sáng tác sau giai đoạn 60 thì ra sao?*
- HC: Về cái việc sáng tác, thì sau khi anh Trần Dần làm xong *Cổng tỉnh*, anh Đặng Đình Hưng viết tập thơ đầu tiên trong cuộc đời anh ấy, đó là một tập thơ cực kỳ giá trị, tức là cái *Đầu ô*, hay cái *Cửa ô*, chưa xuất bản đâu nhưng mà đấy mới thật là thơ Đặng Đình Hưng. Tôi thì *Về Kinh Bắc*, anh Trần Dần sau *Cổng tỉnh* lại tiếp tục, vào khoảng ngoài năm 60, 61-62 gì đó, anh ấy lại viết một tập thơ nữa là *Mùa sạch*. Và anh Lê Đạt vẫn làm những bài thơ lẻ hoặc những bài thơ dài, mới phác thảo thôi, nhưng vẫn làm việc đều đều suốt từ năm 60 trở đi.

Cho đến năm 75, số tác phẩm viết ra mà chưa được in ở mỗi người khá nhiều. Không hề ngồi chơi không. Riêng anh Văn Cao thì lúc bấy giờ anh ấy có khuynh hướng muốn trở thành họa sĩ, anh ấy đi vẽ những minh họa, minh họa sách rồi minh họa trên báo. Riêng về thơ thì anh ấy không làm nữa. Cho đến khi phục hồi, lúc bấy giờ đều già cả rồi và Văn Cao thì cũng không còn một tình cảm nào say đắm về thơ như trước. Anh ấy vẫn làm thơ, nhưng riêng tôi thì mình thấy là thơ Văn Cao như thế, so với thời kỳ *Cửa biển* tức là *Những người trên cửa biển* ấy, thì xuống. Đến cái *Cửa biển* thì tôi cho là đến cái đỉnh cao của Văn Cao. Về sau, anh ấy vẫn làm nhưng không bằng *Những người trên cửa biển*.

Anh Trần Dần thì liên tục làm và anh ấy tìm tòi nhiều cách lắm. Sau đó anh ấy đi vào *thơ mini,* tức là có khi chỉ có một câu, hai câu, rất ngắn mà nó chứa đựng những tư duy rất hay và đặc biệt là ít lời, rất nhiều cảm xúc, rất nhiều trí tuệ.

Anh Lê Đạt vô cùng chịu khó học tập. Có khi anh ấy vào thư viện suốt cả tháng, anh ấy ở thư viện đến 10 giờ đồng hồ một ngày, đọc sách rồi nghiên cứu tìm tòi các thứ thơ văn cổ kim đông tây. Học rồi về nhà anh ấy làm, có khi làm bài ngắn, có khi bài dài v.v... Và cuối cùng ra được tập *Bóng chữ* đấy. Nó chứng minh sự làm việc của anh Lê Đạt rất công phu.

Anh Trần Dần cũng bị tật, sau khi bị cảm một trận năm 1974, anh ấy hơi liệt liệt, nhưng vẫn sáng tác thơ như thường, chịu khó tìm lắm. Gần đây, anh ấy sưu tập lại, rút ra ở tất cả thơ của anh ấy những chỗ nào hay nhất để đưa vào từng vấn đề của một tư duy thơ, gọi là *lẩy Trần Dần*. Anh tự lẩy. Anh ấy đã cố đưa ra một thế giới gọi là *thế giới Trần Dần*, cái *univers Trần Dần*, thì tôi đã thấp thóang thấy nó hiện ra qua cái *lẩy Trần Dần*.

Tóm lại, sự làm việc của anh em thời kỳ hậu Nhân Văn, tức là thời kỳ 58, 59, 60 cho đến 75 gần như là không ai

nghỉ một tháng, một ngày nào mà không lo về việc thơ ca cả. Chỉ có từ 75 về sau này, tình hình nó cũng có đổi khác, nhất là đến năm 88, được phục hồi, chính thức trở lại sinh hoạt Hội Nhà Văn, cái đà sáng tác ở mỗi người nó lại dâng lên, thì anh Lê Đạt cũng làm nhiều. Anh Trần Dần bắt đầu làm được một ít thì chẳng may anh ấy lại bị bệnh khá nặng, cho nên độ hai năm nay anh ấy không làm được gì nữa.

- TK: *Trước anh có dự định viết một cuốn hồi ký, dự định ấy hôm nay đã đi đến đâu rồi?*
- HC: Đầu tiên tôi cũng đã dự định, dự định từ lâu rồi, định viết một cuốn *Mémoire* khoảng 1000 trang từ năm 1990. Lúc bấy giờ tôi cần có một người trợ giúp mình, không những là về mặt viết lách v.v... mà kể cả về tình cảm. Bởi vì từ sau khi tôi mất người vợ năm 1985, đời sống tình cảm tôi bị hẫng hụt, phải nói là một cách ghê gớm. Sau đó, tôi bị gần như là một thứ bệnh tâm thần cho đến năm 87, thì nhờ các bạn, nhất là anh Dương Tường, anh Lê Đạt, kể cả anh Trần Dần và một số bạn trẻ nữa như là Thụy Kha, Trịnh Thanh Sơn... tôi đã dần dần hồi phục sức khoẻ và nhất là tránh được cái bệnh tâm thần của tôi mà các bác sĩ cho là nó vào cái dạng trầm uất.

- TK: *Thưa anh, tại sao anh lại bị bệnh và bệnh trạng của anh, thực sự nó như thế nào?*
- HC: Tức là sau khi tôi bị giam cầm 18 tháng[1087], từ đó đến khi được về thì những bác sĩ quen của tôi họ đều thống nhất một điểm là tâm thần của tôi tự nhiên nó bị ở hai dạng: trước tiên là *hoảng loạn*, thứ hai là *trầm uất*. Thật ra thì cũng không có gì là ghê gớm lắm, cũng không xé quần, xé áo, không đi ra ngoài đường, không chửi bới hay làm những gì ầm ĩ cả, bởi vì chỉ là hoảng loạn thôi. Hoảng loạn một cách hết sức lặng lẽ. Ví dụ nghe một tiếng còi ô-tô và một cái gì

1087 Vì tác phẩm Về Kinh Bắc.

như là frein ô-tô rít lên ở ngoài cửa -mà lúc bấy giờ tôi ở tít tận trong nhà cơ- nhưng khi nghe thấy như thế, vào lúc độ gần nửa đêm chẳng hạn, thì tự nhiên tôi co rúm lại và hết sức sợ hãi. Nó như là một cái bản năng đấy, tìm chỗ trốn. Quả nhiên là tôi đã có nhiều lần chui xuống gầm giường vì những hoảng loạn như thế. Hay nghe tiếng giày cộp cộp và thóang thấy một bóng áo, như áo quân đội hay áo cảnh sát hay của một người thương binh nào đó, chỉ cần một cái bóng, một cái màu quần áo thôi, thì tôi cũng hoảng rồi. Người ta gọi là bệnh hoảng loạn. Chứ sự thực thì lúc ấy chẳng có ai dọa nạt, chẳng có ai làm gì mình cả.

Thứ hai là dạng trầm uất. Có khi cả ngày tôi không nói một lời. Bạn bè đến, tôi vẫn cứ tỉnh táo đi pha trà mời mọi người có vẻ lịch sự lắm. Nhưng đến khi người ta hỏi tôi về bất cứ cái gì đó thì tôi không trả lời hoặc là trả lời gióng một.

- TK: *Thưa anh, lúc anh bị bệnh nặng như thế là thời kỳ nào hả anh?*
- HC: Là năm 87[1088]. Có độ 7, 8 anh em nhà văn trẻ như là Hoàng Phủ Ngọc Tường, Lâm Thị Mỹ Dạ, Ngô Minh, v.v... ở trong Huế ra chơi, họ đến nhà anh Phùng Quán. Họ nhờ anh Phùng Quán đưa xuống thăm tôi. Tôi cũng vẫn có vẻ như vui mừng được gặp những người anh em xưa nay người ta mến mình thì cũng vẫn giữ một thái độ thân ái thôi. Nhưng đến khi Hoàng Phủ Ngọc Tường hỏi rằng: Anh có dự định sáng tác gì nữa không, thì tôi lắc đầu không trả lời thành tiếng gì cả. Lắc đầu. Cứ lắc đầu hoài. Thế rồi họ hỏi cái gì tôi cũng lắc đầu. Chỉ lắc đầu mà tôi không nói gì hết. Phùng Quán thấy thế cho rằng tôi suy sụp hòan toàn về tinh thần. Đó là đầu năm 87. Phùng Quán có vẻ bực tức cái chuyện ấy lắm mới chạy đến nhà anh Lê Đạt, bảo anh Lê Đạt: *"Bây giờ anh Hoàng Cầm bị tình trạng như thế này thì chỉ có anh mới*

1088 Đầu năm 1987, lúc bệnh nặng. Hoàng Cầm bị bệnh từ khi đi tù về, năm 1983, đã định tự tử nhiều lần.

giúp anh ấy được, chứ em trông thấy thế này thì em sợ lắm, và em nghĩ rằng một tài năng như anh Hoàng Cầm mà bị như thế này thì chúng ta sẽ hết sức thiệt thòi, anh ấy không còn có thể viết một cái gì được nữa." Lê Đạt thì vững vàng hơn. Lê Đạt chỉ bảo Phùng Quán rằng: *"Rồi cái đó nó cũng sẽ qua đi. Tôi tin rằng Hoàng Cầm không bao giờ là người sẽ suy sụp."* Phùng Quán vẫn không tin Lê Đạt, bèn về viết một bài, nó cũng không phải là thơ, là một ý kiến, có vần, có điệu, coi như một bài thơ, nó thế này này:

Tôi tin núi tàn
Tôi tin sông lấp
Tôi không thể nào tin
Một nhà thơ như anh
Lại ngã lòng suy sụp.
Một nhà thơ đã từng viết những câu thơ lẫm liệt
Trong tiểu đội của anh những ai còn ai mất
Không. Không ai còn ai mất
Ai cũng chết mà thôi
Người sau kẻ trước lao vào giặc
Giữ vững nghìn thu một giống nòi.

Rồi lại đến một cái điệp khúc:

Tôi không tin một nhà thơ như anh
lại ngã lòng suy sụp.
Trên thế gian có nghìn nhà thơ lớn
Trên thế gian có nghìn con sông lớn
Nhưng chỉ có một dòng nhờ thơ mà vang vọng
Nhờ thơ mà vinh danh
Đó là con sông Đuống quê anh
Mà anh xót xa như bàn tay anh rụng
Tôi tin chắc như đinh đóng cột
Sau này anh chết đi
Theo sau linh cữu anh
Ngoài bạn hữu gia đình có cả con sông Đuống.

Sông Đuống mặc đại tang khóc bên bồi bên lở
Sóng vỗ bờ nức nở
Đời đời chịu tang anh.
Tôi không tin một nhà thơ như anh
lại ngã lòng suy sụp.

Phùng Quán viết to bài thơ đó lên một tờ giấy rất to như là tờ giấy lấy ở bao xi măng ra và anh ấy xuống treo ngay ở nhà tôi. Thì tôi cũng cứ mặc, thế thôi. Cả thời gian ấy tôi vẫn cứ ở trong tình trạng đó. Mãi về sau, cuối năm 87, nhất là sang năm 88, trong một cuộc họp bàn ban chấp hành Hội Nhà Văn, có bàn đến việc phục hồi những nhà văn bị kỷ luật trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Sau đó, nhờ các bạn kéo tôi đi chơi vào những chỗ mà người ta yêu mến mình, dần dần nhờ những sự săn sóc đó mà tôi trở lại viết được. Và cái mà tôi viết được ngay là bài *Mưa Thuận Thành*.

- TK: *Về việc phục hồi, trong hoàn cảnh nào và ở thời điểm nào anh đã được phục hồi?*
- HC: Năm 1988 đấy. Hôm mà báo Văn Nghệ tổ chức 40 năm thành lập báo Văn Nghệ, lúc bấy giờ là dưới sự điều khiển của anh Nguyên Ngọc. Họ có tổ chức hai buổi ra mắt độc giả. Hôm đó tôi được mời, và họ yêu cầu anh đọc cho một hay hai bài thơ; thì phần lớn đều yêu cầu bài *Bên kia sông Đuống*. Bài đó bị vùi đi lâu quá, cho nên bây giờ họ hết sức tha thiết yêu cầu như thế. Nhưng mà tôi, tôi đã có chủ định rồi, tôi nhất định không đọc bài *Bên kia sông Đuống* và tôi đọc hai bài thơ mới là bài *Mưa Thuận Thành* và bài *Lá diêu bông*, hai bài hòan toàn xa lạ. Tôi muốn gây một effet mới, thì họ tán thành ngay. Tôi đọc xong bài *Mưa Thuận Thành*, đến bài *Lá diêu bông*, vì muốn nhấn mạnh cho nên tôi đọc một lần và ngâm một lần. Tôi vốn cũng nổi tiếng về ngâm nữa, cho nên người ta thích. Tôi lại ngâm bài đó với một giọng vừa trữ tình, vừa mang hồn bài hát quan họ và lại pha một chút nhạc ca trù, vì từ thời niên thiếu, tôi đã quen

với ca trù rồi. Đến khi tôi ngâm xong bài *Lá diêu bông* thì nó biến cái hội trường thành như một cuộc mít-tinh gì đó, mà tất cả nhằm vào tôi. Đến ngày hôm sau, ra cái hội trường lớn hơn tức là hội trường của Cung Văn Hóa - bấy giờ còn gọi là Cung Văn Hóa Hữu Nghị Việt-Xô- khi họ nói đến tên tôi là lại nổi lên một trận vỗ tay đến nỗi là tôi phải trốn tiếng vỗ tay đó. Không hiểu làm sao mà lúc bấy giờ tôi cứ ngường ngượng. Khi tôi lên sân khấu rồi, tiếng vỗ tay vẫn tiếp tục. Chợt có một lúc, tôi như chợt khóc lên, như là nước mắt ở đâu đó nó trào ra. Không phải là giọt nước mắt vui mừng vì cái vinh quang nó trở lại với mình. Không! Tuyệt nhiên không phải cái đó mà lại là tình cảm này: Lúc bấy giờ tôi chợt nhớ đến bà vợ tôi là bà Lê Hoàng Yến. Nếu không có bà Lê Hoàng Yến thì không có tập *Về Kinh Bắc*. Mà *Về Kinh Bắc* tôi viết ngay cuối năm 59, tức là chỉ có một năm sau khi thi hành kỷ luật - kỷ luật là 58-59- đối với tôi thì đúng là *oeuvre clé* (tác phẩm chủ yếu). Thành ra tôi nhớ đến bà vợ tôi đã qua đời trong cảnh vô cùng nghèo đói, phải chạy ăn từng bữa một, từng dúm gạo một. Tiền thức ăn thì cũng không có, bữa cơm nào hai vợ chồng cũng phải nhịn bớt đi, nghĩa là đáng lẽ mình ăn ba bát, ăn có một bát, để nhường cho các con ăn. Bà vợ tôi chết vào những ngày như thế, mà lại chết vào năm 85 ấy, lúc tôi đang bị cái bệnh tâm thần, đang ở cái dạng trầm uất và hoảng loạn như thế. Vì bà ấy phải chạy từng ngày bữa ăn của gia đình. Gia đình thì đông. Mỗi một tháng lại phải lên trình diện một lần mới được người ta cấp cho 12 cân gạo. Rồi lại phải đi lên sở lương thực để lấy giấy chứng nhận nọ kia, rồi bấy giờ mới lại sang phòng tài chính để thanh toán tiền, xong rồi xuống chỗ bán hàng, xếp hàng chờ đợi. Tóm lại là muốn được 12 cân gạo, bà vợ tôi vất vả đến mức là nó lên một trận huyết áp rất đột ngột, chỉ mới có từ chập tối hơi sôn sốt, rồi bà ấy đi nằm, mà giữa mùa nực, bà ấy thấy có cái gì ren rét, tôi đã phải đắp cho

bà ấy một cái chăn lớn. Đến 4 giờ sáng thì người cứng ra và liệt nửa người. 9 giờ thì đem đi cấp cứu và đến chiều hôm sau qua đời.

Thành ra đến lúc lên sân khấu, cái vinh quang nó trở lại với tôi một cách quá sức tưởng tượng, thì chợt hình ảnh vợ tôi đã chịu tất cả mọi khổ sở trong vòng 30 năm, tròn 30 năm, tức là kỷ luật bắt đầu từ 1958 đến 1988 thì phục hồi. Nghĩa là trong 30 năm, tôi không thể đem cái ngòi bút của mình kiếm được một đồng nào hết.

- TK: *Thưa anh, sau buổi liên hoan do tờ Văn Nghệ tổ chức đánh dấu việc anh đã được chính thức phục hồi, thì sau đó anh làm gì, và nếu anh viết thì những điều anh viết có in được không ạ?*
- HC: Sau cái buổi ấy rồi thì tôi cũng tiếp tục sáng tác và chuẩn bị in các tập thơ. Đầu tiên là định in ngay tập thơ *Về Kinh Bắc*, vì nhiều nhà xuất bản đã biết tên tập thơ đó. Khổ cái là tôi mất hết bản thảo. Bị tịch thu, rồi thì chỗ nào có thì người ta cũng phải giấu đi, chứ không thì mắc tội gì đó. Tôi không làm thế nào mà nhớ hết cả tập thơ 48 bài, chỉ nhớ được độ mươi bài ngăn ngắn thôi. Thế nhưng đến các nhà xuất bản thì cũng không ai dám in. Nhà xuất bản Văn Học, nhà xuất bản Hội Nhà Văn -lúc bấy giờ còn tên là nhà xuất bản Tác Phẩm Mới- nhà xuất bản Phụ Nữ... tất cả đều rất quý, rất thích nhưng không ai dám xuất bản cả. Tôi mới nói chuyện chơi với anh Quang Huy, giám đốc nhà xuất bản Văn Hóa, và đưa cho anh ấy xem một tập thơ, toàn những bài mới làm, mà toàn là thơ tình thôi, chứ không có dính dáng gì đến cái tập *Về Kinh Bắc* cả, bởi vì tôi biết rằng nếu còn dính dáng đến tập thơ ấy thì không ai cho mình in. Đọc xong anh ấy bảo: *"Thôi anh để cho tôi in tập Mưa Thuận Thành này nhưng phải yêu cầu anh cho một số bài nổi tiếng mà anh đã đăng báo rồi như Lá diêu bông, Cây tam cúc, Qua vườn ổi, Cỏ bồng thi, Tắm đêm, Về với ta, v.v..., tức là vào khoảng độ*

7, 8 bài, mà là những bài anh em đã rất quen thuộc ngấm ngầm trong suốt 30 năm". Tôi bảo: *"Cái này thì ông phải đối phó với cơ quan chính quyền thôi*". Anh Quang Huy bảo: *"Được rồi, tôi sẽ có cách".* Quả nhiên khi anh ấy in, tôi cũng đưa vào đấy 8 bài trong tập *Về Kinh Bắc*. Thì cuối cùng đúng là anh ấy phải tiếp mấy cán bộ đại diện cho cơ quan công an của trung ương, hỏi anh ấy tại sao in tập này, lại có lẫn mấy bài ở trong tập *Về Kinh Bắc*. Rồi họ yêu cầu cho mượn bản thảo và cho xem cả bản sắp chữ, bản morasse. Anh Quang Huy vẫn thực hiện đúng ý kiến của trên, nhưng anh ấy có yêu cầu thế này: *"Các anh mượn, chúng tôi rất vui lòng, nhưng các anh phải trả lại tôi để tôi in cho đúng kế hoạch của nhà xuất bản, nếu không thì nhà xuất bản chúng tôi phá sản, chúng tôi lỗ vốn đấy".*

Nhưng có một điều là anh Quang Huy, người chủ trương in tập *Mưa Thuận Thành*, dù sao anh ấy cũng có cái dè dặt. Thành ra đáng lẽ có thể in được độ 2000 cuốn thì vẫn bán hết, anh ấy dè dặt chỉ in 1000 cuốn thôi. Thành ra người ta đến hỏi anh ấy quá nhiều, anh ấy lại không muốn tái bản mà còn nói một câu đùa đùa là: *"Thôi, thơ Hoàng Cầm thì cứ để cho người ta thòm thèm thì thích hơn."* Ví dụ như *Kiều Loan* là kịch thơ viết năm 1942, thì đến năm 1992 mới có thể xuất bản được, vừa đúng nửa thế kỷ! Cũng như *Về Kinh Bắc* viết năm 59 thì năm 94 mới xuất bản, 35 năm!

Thế còn những bài thơ mới viết từ năm 87, tức là bắt đầu thời kỳ đổi mới, và những bài thơ mới ra thì in được ngay. Điều đó chứng tỏ rằng từ sau khi đổi mới, có lẽ sức viết của mình bị dồn nén lại trong 30 năm, cho nên đến lúc này nó lại bật ra, giống như cái lò-xo, nó bật lên thì tất nhiên nó bật mạnh. Cho nên những tác phẩm của tôi viết từ năm 87 đến bây giờ, nhiều bài có cái sức bật mà trong dư luận anh em cho rằng tôi vẫn còn giữ được cái sức trẻ trong sáng tác của mình, giữ được cái thanh xuân trong câu chữ, trong nhịp

điệu, trong cảm nghĩ của mình. Đó cũng là điều may mắn cho tôi. Nhưng đó cũng là đương nhiên vì nó đã bị dồn nén 30 năm thì khi nó bật ra nó phải bật được nhiều. Tôi cũng rất mừng cho bản thân mình mặc dầu tuổi cũng đã cao và sức khỏe càng ngày càng yếu, nhưng khi nào xúc cảm đến thì sáng tác nó lại bật ra như thường.

- TK: *Thưa anh, từ thời kỳ đổi mới đến bây giờ thì cuộc sống và sáng tác của các anh đã thay đổi như thế nào?*
- HC: Từ đổi mới đến bây giờ tức là từ 1987 cho đến nay thì tất cả mọi người lại tiếp tục đi vào con đường sáng tác và nhất là anh Lê Đạt thì cái đổi mới thơ ca ở anh Lê Đạt thấy rất rõ rệt. Người ta thấy công lao của anh Lê Đạt trong cuộc đổi mới thơ ca, về thi pháp cũng như về tư duy, cảm xúc. Thi ca của anh ấy rõ ràng có nhiều đổi mới. Mặc nhiên, cũng nhiều dư luận khác nhau, có người chê, người khen thì đó là tất yếu. Nhưng tất cả mọi người đều thấy rằng anh Lê Đạt rất có công trong việc đổi mới thi pháp và có những suy nghĩ mới, có cảm xúc mới trong thơ. Còn riêng tôi, thì từ năm được phục hồi, tôi vẫn không ngừng sáng tác. Ngoài *Về Kinh Bắc* tôi viết năm 59, mà đến năm xuất bản là năm 94, tức là 35 năm! 35 năm nó vẫn nằm ở trong ngăn kéo nhưng đồng thời nó cũng không thể nào cứ ở trong ngăn kéo được, bởi vì đã là thơ thật ấy thì nó có cánh nó bay. Mặc dầu nó bay một cách hết sức lặng lẽ, nhiều khi có vẻ phải trốn tránh, nhưng nó vẫn cứ bay ở trong một số người yêu thơ, nhất là sinh viên và thanh niên ở Hà Nội, Sài Gòn, Huế. Từ năm 87, 88 tôi vẫn sáng tác rất đều.

- TK: *Anh nhận xét như thế nào những sáng tác mới nhất của anh, và xin anh đọc cho thính giả nghe một trong những bài thơ vừa viết xong.*
- HC: Có điểm này là trong một vài năm nay, không hiểu làm sao thơ của tôi nó buồn một cách, tôi tưởng tượng như là cái vũ trụ này nó sắp tan đi đâu đấy. Nó có cái đó thật ở trong

hồn mình, cho nên bài nào cũng có vài *"hơi"* như thế: một cái hơi thở, không biết gọi là cái gì, nó như là một sự *tan*, như một cái hơi tan vào gió, một cái gì đấy tan vào nước. Và chỗ nào cũng có một cái gì như là tan. Đấy là một cảm giác tất yếu thôi bởi vì tâm hồn người già thường hay bị một cái gì như tan ra, gọi là cuộc sống, vì cuộc sống của mình cũng đã khổ quá rồi. Đến lúc già nó cũng tạm yên, nhưng đến tuổi này rồi thì thấy cái gì cũng tan loãng hết, không đọng lại được, những cái như tình yêu, thương nhớ... nhất là những tình cảm nam nữ, tình cảm vợ chồng, tình cảm bạn hữu... Tôi cứ bị như một cái gì nó tan, không trụ lại được, cứ bị cái đau khổ đó trong vài ba năm nay. Thế tôi hãy đọc một đoạn nhé, bài này cứ gọi là vô đề cái đã:

Vô đề

Biển xanh ánh phật mười phương
Hương sen dậy sáng
Ôm trắng nghìn mây
Vạn kiếp dãi dầu
Oan nghiệt rên la bi thống
Nước mắt dàn bốn đại dương đau
Chiến tranh ư?
Bạo lực cơ cầu
Đói hành hạ
Rét dày vò số kiếp
Người với người cắn nhau đau tội nghiệp
Tình với tình biền biệt những lìa xa

● Hoàng Cầm nói về Nguyễn Hữu Đang và tờ Nhân Văn, hôm Nguyễn Hữu Đang mất

- TK: *Thưa anh, anh đã quen anh Nguyễn Hữu Đang trong trường hợp nào?*
- HC: Anh Nguyễn Hữu Đang lúc đầu không phải là bạn tôi, anh ấy hoạt động ở một lĩnh vực khác. Vào khoảng năm 44,

khi tôi chuẩn bị biểu diễn vở *Kiều Loan*, anh đến. Lúc bấy giờ anh làm bên Hội Truyền Bá Quốc Ngữ do ông Nguyễn Văn Tố làm trưởng ban. Sau này tôi mới biết là lúc bấy giờ anh đã tham gia hoạt động cách mạng rồi. Đến ngày tuyên ngôn độc lập của bác Hồ, chính anh Nguyễn Hữu Đang là người tổ chức buổi mít-tinh tuyên ngôn độc lập. Sau này anh tham gia vào chính phủ lâm thời, làm bộ trưởng không bộ. Tôi luôn luôn kính trọng anh là một người hoạt động cách mạng rất tích cực và trong sáng. Khi chúng tôi chuẩn bị diễn vở *Kiều Loan,* anh vui lòng nhận đỡ đầu cho vở *Kiều Loan* để biểu diễn, từ việc xin phép Nhà Hát Lớn, hoặc xin phép nọ kia, anh ấy lo hết. Đến thời kháng chiến, tôi cũng chỉ gặp anh ấy những ngày đầu.

- TK: *Thưa anh, đến khi nào thì anh Đang ngừng mọi hoạt động kháng chiến và giữ khoảng cách với chính phủ cách mạng?*
- HC: Vào khoảng tháng 7 năm 48, có Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc do ông Trường Chinh đề xướng và làm chủ tịch. Hội Nghị Văn Hóa Toàn Quốc được tổ chức để động viên và hướng dẫn trí thức và văn nghệ sĩ chuẩn bị đi sâu vào cuộc kháng chiến. Sáng tác hay biểu diễn trước tiên là hướng vào cuộc kháng chiến để giành thắng lợi đã, rồi sau sẽ bàn đến những vấn đề khác. Tức là lúc bấy giờ hội nghị mới đề ra *Văn nghệ kháng chiến*. Tôi cũng được mời, nhưng không đi dự vì bị ốm, trong hội nghị có mặt anh Nguyễn Hữu Đang. Sau hội nghị đó, không hiểu vì lý do gì thì anh Đang không làm công tác kháng chiến nữa, anh về Thanh Hóa, ở nhà người bạn là anh Trần Thiếu Bảo, giám đốc nhà xuất bản Minh Đức. Ở chơi với anh Bảo thôi và cũng giúp anh Bảo làm vài công việc xuất bản và góp ý kiến. Anh Bảo cũng thân với anh Đang và cũng nghe lời anh Đang nhiều. Anh Đang không làm công việc gì của nhà nước cả, tôi cũng không hiểu rõ nguyên nhân. Mãi sau này, hòa bình rồi, về Hà Nội tôi

cũng chỉ nghe phong phanh anh em bàn tán thôi chứ hỏi anh Đang thì anh ấy cũng không nói, là hình như trong hội nghị văn hóa toàn quốc, anh Đang có mâu thuẫn về đường lối văn nghệ, văn hóa với ông Trường Chinh. Do mâu thuẫn không giải quyết được, cho nên anh Đang không làm việc nữa, anh nghỉ. Anh về Thanh Hóa. Về nguyên nhân tại sao anh Đang bỏ về Thanh Hóa thì tôi nghe như thế.

- TK: *Theo anh thì nguyên nhân nào đã khiến anh Đang, sau năm 1954, trở lại hoạt động?*
- HC: Đến khi hòa bình lập lại, năm 1954, tôi cũng chỉ được nghe kể lại chứ không được chứng kiến, là như sau: Ông Trường Chinh có hỏi ông Tố Hữu: Anh Đang anh ấy đã không làm việc gì từ lâu rồi, từ mấy năm nay, thì bây giờ hòa bình thắng lợi rồi, ta phải mời anh ấy ra làm việc chứ. Thế là anh Tố Hữu cũng nghe theo và mời anh Đang ở Thanh Hóa ra. Ra, thì anh Tố Hữu nói với anh Đang: "Anh đã nghỉ một thời gian rồi thì bây giờ mời anh ra làm việc. Việc văn hóa văn nghệ cần phải mạnh lên, khẩn trương lên, vì đã hòa bình, vậy anh giúp tôi làm giám đốc sở văn hóa thông tin Hà Nội. Khả năng của anh thì có thể làm hơn thế, nhưng hiện nay, Hà Nội là một thủ đô cho nên công việc văn hóa ở Hà Nội sẽ là đầu tầu cho cả nước, anh vui lòng giúp cho việc đó". Nhưng anh Đang anh ấy từ chối. Anh ấy bảo: Tôi không làm được việc ấy. Tôi thích làm báo, xin anh thu xếp cho tôi về làm báo Văn Nghệ. Lúc ấy, anh Tố Hữu cũng đành phải nhận lời, đưa anh Đang về làm biên tập báo Văn Nghệ thôi, chứ cũng không có chức vụ gì ghê gớm cả. Đấy là thời kỳ đầu mới hòa bình năm 1955.

Anh Đang về báo Văn Nghệ, nhưng anh Đang là người đặc biệt có tài tổ chức: trong kháng chiến anh ấy đã tổ chức thanh niên xung phong, tổ chức mặt trận bình dân học vụ, sau đó lại là tổ chức hội nghị văn hóa toàn quốc. Cho nên uy tín của anh ấy trong giới văn hóa càng ngày càng lên cao.

Nhưng mà anh ấy không muốn làm việc cho chính quyền nữa - tức là cái chức Giám Đốc sở Văn hóa Hà Nội- mà anh ấy chỉ xin làm báo thôi, thì ông Tố Hữu cũng phải chấp nhận.

Lúc bấy giờ tổng biên tập báo Văn Nghệ là anh Xuân Diệu. Anh Xuân Diệu thấy anh Nguyễn Hữu Đang về thì mừng quá, vì như thế anh Đang sẽ đỡ cho việc hành chính, mà việc hành chính thì các nhà thơ, nhà văn không thạo lắm. Khi anh Đang về, vì anh ấy có tài tổ chức cho nên anh ấy tổ chức ngay hai cuộc phê bình trong văn học:

- Thứ nhất là cuộc phê bình tác phẩm *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán. *Vượt Côn Đảo* lúc bấy giờ nổi tiếng lắm, được in đi in lại nhiều lần, tiền nhuận bút của nhà xuất bản Văn Nghệ và tiền thưởng -nhà xuất bản Quân Đội không trả nhuận bút nhưng có tiền thưởng- rất nhiều, đến nỗi Phùng Quán có lần đem về cả một thúng tiền, nói với tôi: *"Anh ơi! Em biết tiêu thế nào những tiền này"*.

- Sang giữa năm 56, Hội văn nghệ tổ chức tổ chức một lớp học tập chính trị, đầu đề tài liệu học tập là *"Những tài liệu của Mác, Lê-nin, Staline nói về vấn đề văn nghệ"*[1089]. Buổi sáng học, buổi chiều làm việc cơ quan. Tôi nhớ học 18 ngày. Nhưng từ hôm mở lớp đến độ ngày thứ năm thì có cái mục gọi là liên hệ thực tế. Tất cả các văn nghệ sĩ ở các tỉnh hoặc đi tập kết về Hà Nội, thì họ đều nêu lên những *thắc mắc*, mà phải nói là những *thắc mắc ghê gớm* về vấn đề văn nghệ và lãnh đạo văn nghệ. Nó gần như là một cuộc tố khổ: các văn nghệ sĩ đều nói ra những thắc mắc về việc lãnh đạo địa phương, cả lãnh đạo trung ương nữa, đối với văn nghệ. Thành ra những ngày cuối cùng rất sôi nổi. Có thảo luận sôi nổi nhưng cuối cùng không ai giải quyết được những thắc mắc ấy. Khi tan lớp học 18 ngày thì tình hình không nhẹ nhàng đi mà nó càng căng dần lên. Những thắc mắc của anh em văn nghệ sĩ nó truyền ra ngoài. Đó là những vấn đề sâu

---

1089 Tức là lớp học 18 ngày tháng 8/1956.

sắc của giới văn nghệ sĩ lúc bấy giờ: vấn đề sáng tác, vấn đề lãnh đạo thế nào, rồi quan hệ giữa lãnh đạo và sáng tác như thế nào, tức là quan hệ giữa Đảng và văn nghệ sĩ thế nào v.v... Toàn là những thắc mắc mà anh em lôi ra từ thực tế trong kháng chiến và thực tế trong hòa bình lập lại.

Thì lúc bấy giờ anh Đang anh ấy mới nẩy ra một ý: Đang lúc văn nghệ sĩ có nhiều thắc mắc như thế này thì chúng mình nên ra một tờ báo. Tôi bảo: *"Ra báo thì phải có tiền, chứ tự nhiên ra thế nào được"*. Anh Đang bảo: *"Tiền thì tôi sẽ nhờ người bạn đi vay và chắc chắn chỉ vài số báo là đã có thể trả được. Nhưng phải ra ngay bởi tình hình nó đang sốt dẻo như thế này, phải ra báo thì mới có lợi cho phong trào văn nghệ."* Anh ấy nói với tôi: *"Cậu phải ra tờ báo, tôi sẽ giúp đỡ bên trong thôi, ngấm ngầm thôi, chứ tôi không thể nào đứng lên ra báo, vì tôi còn có quan hệ với lãnh đạo nên không thể tự tiện ra báo được. Hoàng Cầm là người vừa có tên tuổi, vừa quen công việc sáng tác, biểu diễn, thì Hoàng Cầm nên ra một tờ báo để chấn chỉnh lại tình hình văn nghệ, đưa những vấn đề ra thảo luận trên báo thì sẽ có lợi cho văn nghệ sĩ."*

Đầu tiên tôi không nhận lời, vì lúc ấy tôi đang làm ở nhà xuất bản của Hội Văn Nghệ, nhà xuất bản chính thức của Nhà Nước, phải đọc và nhiều công việc bận lắm. Nhưng mà anh ấy vẫn không tha. Anh ấy cứ bám riết lấy. Tôi đã từ chối mà hàng tuần lễ, ngày nào anh ấy cũng gặp và cũng bàn về chuyện ấy anh ấy thúc tôi phải ra một tờ báo. Liền trong hai tuần lễ cứ sáng sớm, 6 giờ, là anh ấy đến nhà tôi, có hôm tôi còn ngủ, vợ tôi vào gọi dậy, anh ấy bảo thôi cứ để cho anh ấy ngủ, tôi ngồi chờ. Anh ấy cứ nhất định như vậy, giữ riệt lấy tôi và thúc đẩy tôi. Thế rồi cuối cùng tôi cũng phải nhận lời. Bởi tôi cũng dễ tính và hay nể bạn.

- TK: *Thưa anh, các anh đã tổ chức tờ Nhân Văn như thế nào?*

- HC: Lúc đầu chỉ có tôi và anh ấy bàn với nhau thôi, bàn về việc tìm người đứng tên, tìm người biên tập, tìm thư ký toàn soạn, v.v... Anh Đang gợi ý là tờ báo như thế này thì ta nên mời một người vừa có tuổi, vừa có uy tín lớn ở trong nước, uy tín lớn đối với anh em văn nghệ, làm chủ nhiệm. Tôi chưa nghĩ ra ai thì chính anh Đang lại bảo: *"Anh thì anh thân với cụ Phan Khôi, mà cụ Phan Khôi thì khó thuyết phục cụ ấy lắm, chỉ có anh may ra mới thuyết phục được cụ ấy ra cộng tác. Anh nên đến nhà cụ Phan Khôi nói chuyện rồi mời cụ ấy đứng ra làm chủ nhiệm tờ báo cho mình".* Tôi cũng nể anh Đang, tôi bảo: *"Cụ Phan Khôi thì tôi có thể nói được vì tôi rất thân với cụ".*

Cái phòng tôi làm việc ở nhà xuất bản thì ngay bên cạnh phòng cụ Phan Khôi, thỉnh thoảng tôi vẫn chạy sang hút thuốc lào hoặc nói chuyện vui với cụ thì cụ có vẻ rất quý tôi và cũng thích nói chuyện với tôi. Anh Đang bắt thóp được điều đó, anh kích thêm: *"Chỉ có anh mời thì may ra cụ mới nhận lời, còn những người không thân thì chưa chắc cụ đã nhận lời đâu".* Vì nể lời anh Đang mà tôi đi mời cụ Phan Khôi và cái may mắn không ngờ là sau khi tôi nói ý muốn ra một tờ báo như thế, cụ chỉ hỏi về cái tôn chỉ, mục đích của tờ báo rồi cụ bảo: "*Thế thì được, tôi nhận lời".* Và tôi cũng phải nói ngay với cụ: *"Xin thưa bác là bác không phải làm gì đâu ạ, bác chỉ đứng tên, còn bác muốn xem (nội dung) tờ báo hay bác muốn xem bài nào, tất cả những gì bác yêu cầu thì chúng em xin hết sức phục vụ cho bác".*

Thế ông cụ bảo: *"Ờ! Được rồi! Tôi nhận lời và nếu tôi có yêu cầu gì thì các anh phải làm đúng theo lời yêu cầu của tôi". "Vâng! Chúng em sẵn sàng!"* Câu chuyện chỉ có thế.

Được cụ Phan Khôi nhận lời rồi, thì tôi với anh Đang lập tức thảo luận ngay việc đặt tên tờ báo và sẽ mời những ai cộng tác. Lúc đầu anh Đang có đưa ra một số tên như là *Văn nghệ mới, Con đường mới, Sáng tạo...* gì gì đó. Tôi bảo:

"Mình nên chọn một cái tên thật hay, vừa đúng với mục đích tôn chỉ, nhưng đồng thời nó cũng phải mới nữa. Chứ Con đường mới hay Sáng tạo thì cũng thường thôi". Anh Đang mới hỏi tôi: *"Thế cậu có ý kiến gì để đặt tên cho tờ báo không?"* Tôi bảo: *"Tôi nghĩ rằng thế giới bây giờ, người ta tôn trọng con đường văn nghệ nào mà đề cao tính cách của con người, lòng nhân ái, tình yêu thương con người và tôn trọng cái quyền làm người. Thế giới thì người ta quen với chuyện ấy rồi, nhưng bên mình thì chưa. Bây giờ mình phải đưa ra hẳn một cái gì về con người. Có hai chữ mà tôi cũng học được không biết ở đâu, tôi biết là tiếng Pháp gọi nó là Humanisme, tiếng Việt gọi nó là Nhân Văn. Hay ta lấy cái tên Nhân Văn đặt cho tờ báo"* Thì anh Đang anh ấy vỗ đùi đen đét, anh ấy bảo như vậy thì hay quá, ờ nhất định nhá! Lấy tên *Nhân Văn*! Từ đấy mới ghi vào là: Ra tờ báo lấy tên Nhân Văn mà chủ nhiệm là Phan Khôi.

Sau đó anh Đang lại gợi thêm ý nữa: *"Có chủ nhiệm rồi, nếu không có chủ bút thì cũng phải có thư ký toà soạn chứ!"* Lúc bấy giờ định mời anh Văn Cao, thì anh Đang nói ngay: *"Chưa chắc Văn Cao đã nhận lời, vì cậu ấy vẫn còn là đảng viên. Là đảng viên thì không thể nào đứng ra làm báo ngoài đảng được".* Anh Đang lại bảo: *"Hay là cậu thử hỏi Trần Dần xem".* Thì tôi bảo: *"Trần Dần vừa bị một cú oan ức trong văn nghệ quân đội, do sự độc đoán của lãnh đạo văn nghệ bắt Trần Dần và Tử Phác. Hai người này không thể mời được. Anh Dần vừa mới được tự do thì không nên ghép anh ấy vào cái này làm gì".* Anh Đang lại nói: *"Hay là mời Lê Đạt?".* Tôi với Lê Đạt vẫn là bạn thân cùng nhóm với nhau, tôi hỏi Lê Đạt thì Lê Đạt bảo: *"Làm thì kể cũng làm được thôi, nhưng mà mình cũng vẫn là đảng viên, mà đảng viên thì không thể nhận lời làm báo ngoài đảng được".*

Đến độ ít lâu sau, tình cờ tôi gặp anh Trần Duy đang ngồi uống cà-phê ở nhà xuất bản Minh Đức của Trần Thiếu

Bảo. Tôi biết anh Trần Duy là một hoạ sĩ tập kết từ trong Nam ra[1090], là một người có học, thông minh, nhanh nhẹn, có nhiều tư tưởng hướng về tự do. Tôi mới mời anh Trần Duy ra một chỗ và nói: "*Mình định ra một tờ báo lấy tên là Nhân Văn, để in những bài sáng tác hoặc bình luận chung quanh vấn đề văn nghệ thôi. Hiện nay chưa có ai làm thư ký toà soạn, cậu có thể giúp mình được không?"* Thì Trần Duy nhận lời ngay lập tức. Bởi anh ấy cũng sốt sắng và là người có nhiều thắc mắc về văn nghệ. Anh ấy nhận lời ngay. Thế là xong. Có chủ nhiệm rồi, có thư ký tòa soạn rồi, còn bên trong thì tất nhiên là có anh Nguyễn Hữu Đang, tôi và anh Lê Đạt. Sau đó chúng tôi cũng làm một buổi họp bạn nói chuyện ra báo, thì mọi người cũng ủng hộ cả.

- TK: *Thưa anh, về bài vở trong Nhân Văn số 1, các anh đã sửa soạn và thu thập như thế nào?*
- HC: Số một thì mới đầu tôi cũng chưa định viết bài gì cả. Đầu tiên tôi thấy anh Lê Đạt có một bài thơ tên là *Nhân câu chuyện mấy người tự tử*. Tôi bảo: *"Hãy giữ lấy bài thơ đó đã"*. Bài thơ dài và rất mới mẻ. Thế rồi cũng lại chính anh Đang gợi ý cho tôi, anh Đang bảo: *"Cậu viết đi! Cậu viết một bài báo hay bài văn gì về Trần Dần, viết thế nào cũng được, nhưng phải có một bài về chuyện Trần Dần"*. Trần Dần với Tử Phác vừa bị trong quân đội nó bắt giam. Thế rồi anh Trần Dần anh ấy mới cứa cổ tự tử, vì thế nó mới đánh động lên cấp lãnh đạo cao nhất là ông Phạm Văn Đồng rồi đến ông Nguyễn Chí Thanh. Lúc bấy giờ ông Nguyễn Chí Thanh mới biết chuyện Trần Dần vì bị oan ức gì mà lại tự tử thế này, rồi ông ấy mới mua quà đem vào bệnh viện cho Trần Dần. Anh Trần Dần anh ấy tự tử trong một cái hầm, vì nó bắt giam anh ấy vào cái hầm có độ 4 mét vuông, 37 bậc đá. Thì ở đấy anh ấy mới bày ra cái trò tự tử, chứ thực sự là anh ấy không tự tử, sau này tôi mới biết thế. Lúc bấy giờ tôi chả có

1090 Thực ra Trần Duy đi kháng chiến ở Bắc.

tin tức gì, chỉ biết là anh ấy bị bắt đi, mà không biết là đi đâu, không thấy về nữa.

Thì chính anh Nguyễn Hữu Đang lại gợi ý cho tôi: *"Cậu nên viết một bài về Trần Dần, vì nó đang là vấn đề sốt dẻo, mà là vấn đề lớn nhất trong trong những thắc mắc của văn nghệ sĩ trong lớp học 18 ngày".* Việc Trần Dần và Tử Phác bị bắt làm xao động tất cả giới trí thức, văn nghệ sĩ lúc bấy giờ. Thế là số một có bài thơ của Lê Đạt cũng đã hấp dẫn rồi, thêm tôi viết bài Trần Dần và một số bài khác nữa, cũng đều nêu lên những cái *thắc mắc* trong lớp học 18 ngày ấy.

Khi báo ra thì quả nhiên nó gây tiếng động, như ông Nguyễn Tuân ông ấy nói. Hôm ấy đang ở cơ quan Hội Văn Nghệ, ông Nguyễn Tuân trải tờ Nhân Văn số 1 ra, ông ấy chỉ vào bài *Con người Trần Dần*, nhưng ông ấy không nói về bài này, ông ấy bảo: *"Bài này thì nó cũng nguy đấy, thế nhưng không hay bằng cái này!"* Tức là cái tranh họa sĩ Nguyễn Sáng vẽ Trần Dần. Rất là giống, không những giống, nhưng mà nó lại đúng tính cách Trần Dần. Một tính cách rất kiên quyết, mạnh bạo, liều lĩnh, có thể cho là phá phách nữa. Cái sẹo mà anh Trần Dần cứa vào cổ thì Nguyễn Sáng đưa cái sẹo ấy lên thành nét nổi bật trong chân dung Trần Dần. Cái tranh ấy nó gây ra những suy nghĩ cho người đọc, và nó cũng như là quả bom ấy. Thì chính ông Nguyễn Tuân còn chỉ và tranh bảo: "*Cái này nó mới ghê này!"* Thì đấy, tác giả viết, hoặc vẽ, nhưng cái chính là cái gợi ý của anh Nguyễn Hữu Đang.

Còn một chuyện nữa là trước khi ra báo thì các anh em đã rậm rịch nói với nhau rồi, cho nên tin tức đều đến tai lãnh đạo cả. Thì lãnh đạo, tức là bộ chính trị, đã bố trí cho cho ông Võ Nguyên Giáp mời Nguyễn Hữu Đang lên nói chuyện, mời riêng đấy. Còn ông Lê Đức Thọ, lúc bấy giờ cũng là bộ Chính Trị, thì mời Lê Đạt và ông Lê Liêm lúc bấy giờ là tổng cục phó Tổng Cục Chính Trị -về sau này ông ấy mới chuyển

sang làm Thứ trưởng Bộ giáo dục- thì mời tôi. Như vậy là ba ông ủy viên Bộ Chính Trị gặp những người chủ chốt của Nhân Văn, và nếu mà ba ông ấy thuyết phục được ba người đó đừng ra báo, thì thôi, coi như là yên ổn cả, không có chuyện gì. Ông Lê Liêm gặp tôi đến ba buổi tối trong nhà khách của quân đội, ông Giáp thì gặp anh Đang, ông Lê Đức Thọ gặp anh Lê Đạt, tất nhiên là để nói đến chuyện ra tờ báo, thì họ cũng lấy tình đồng chí, tình bạn bè, khuyên bảo, chứ không phải để ra lệnh gì. Ông Lê Liêm gặp tôi rất khiêm tốn, nói hết những cái Đảng có thể có những sai lầm này, sai lầm khác v.v... trong việc lãnh đạo văn nghệ. Tự ông ấy nói ra để cho mình hiểu và yên tâm là Đảng cũng biết đấy, để Đảng sửa dần, để cho mình muốn nói cái gì về Đảng trên tờ báo của mình thì mình rút đi, rút lui cái ý kiến trên báo ấy đi. Mục đích của những cuộc gặp đó là như thế. Khổ một nỗi là lúc bấy giờ những *thắc mắc* của anh em văn nghệ nó ồn ã lắm. Mà nó nhiều cái sâu sắc lắm, cho nên anh Đang anh ấy kiên quyết là không, cứ phải ra báo, phải ra báo thì mới nói được. Anh Đang kiên quyết ra báo. Tôi thì ra cũng được mà không ra cũng được. Thế là trong nội bộ của mấy anh em hoạt động nhất trong báo Nhân Văn là Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt và tôi cùng thống nhất với nhau là cứ ra. Thế là ra được Nhân Văn số 1.

Vì chúng tôi không thể thu thanh tiếp được nữa, cho nên buổi nói chuyện với nhà thơ Hoàng Cầm về tờ Nhân Văn và Nguyễn Hữu Đang tạm ngưng ở đây.

Thu thanh qua điện thoại Paris-Hà Nội ngày 8/2/2007
Ngày Nguyễn Hữu Đang qua đời

Nói chuyện với
họa sĩ Trần Duy

Từ khi phong trào NVGP bị dập tắt đến ngày nay, họa sĩ Trần Duy, cựu thư ký tòa soạn báo Nhân Văn, không lên tiếng. Ở tuổi 88, ông nhìn lại đời mình, và chúng tôi thành thực cảm ơn ông đã có nhã ý dành cho thính giả RFI nghe những phát biểu đầu tiên của ông sau nửa thế kỷ im lặng. Những phát biểu của ông sẽ soi sáng thêm một số vấn đề nữa về báo Nhân Văn, và như thế chúng ta tạm coi là đã có một hồ sơ tương đối đầy đủ về hành trình NVGP qua tiếng nói của những người trong cuộc.

- TK: *Thưa bác Trần Duy, xin thành thật cảm ơn bác đã dành cho thính giả RFI được nghe những phát biểu đầu tiên của bác sau hơn nửa thế kỷ im lặng. Vậy trước hết, xin bác thuật lại từ đầu về thân thế của bác, bác xuất thân trong một gia đình hoàng phái, nhiều đời làm quan dưới triều Nguyễn phải không ạ?*
- TD: Gia đình nhà tôi, các ông tổ theo Gia Long, theo Gia Long từ những trận như trận Rạch Ngầm và ông cao tổ nhà tôi Trần Quang Khương là trợ lý cho Lê Văn Duyệt, trong gia phả có ghi rõ như thế. Đến đời Gia Long, vua Gia Long gả con gái của bà Hậu ở trong miền Nam cho ông Khương. Sau đến đời Thiệu Trị thì gả bà Đồng Phú công chúa cho ông cố nhà tôi là Trần Quang Phổ. Như thế nhà tôi hai đời làm phò mã của triều Nguyễn. Ông nội tôi, Trần Quang Trinh

làm tham tri Bộ Lễ, rồi thượng thư Bộ Hình trong một thời gian rồi về hưu, sau ra làm tổng đốc Quảng Bình, Quảng Trị. Tôi sống trong một gia đình phong kiến và tôi cũng ý thức được là phong kiến cũng đã suy tàn chứ không còn hưng thịnh gì, thành ra tôi có một nỗi buồn. Vừa buồn vừa bế tắc. Sau khi đỗ tú tài, chưa biết làm gì, tôi đi hướng đạo. Hướng đạo giúp cho tôi được nhiều lắm, một là có ý thức về xã hội, hai là tạo cho tôi một cái nhìn về thiên nhiên, biết cái cảnh quan, cái đẹp của thiên nhiên, ví dụ như đi cắm trại, chơi lửa trại hay là làm những sưu tập về hoa, lá; vậy cái ý thức về thiên nhiên, tôi đã có từ khi bắt đầu đi hướng đạo, và sự mâu thuẫn giữa tôi và xã hội cũng do hướng đạo mà ra, vì hướng đạo cho mình ý thức làm những bonnes actions, những điều tốt, thì mình đã bắt đầu đi vào những bi kịch của xã hội: người già, người ốm, người ăn mày, v.v... Đấy là một thay đổi lớn trong đời tôi.

- TK: *Tại sao bác lại chọn trường Mỹ Thuật Đông Dương mà không học ngành khác? Hội họa với bác có duyên nợ như thế nào?*
- TD: Khi tôi đỗ tú tài xong thì ba tôi muốn tôi học trường Hậu Bổ, muốn tôi học lại chữ Nho để ra làm quan. May sao tôi thoát được và ra Hà Nội. Tôi ra Hà Nội khoảng năm 1939-40, thì cũng hoang mang, chưa biết học trường nào, các bạn tôi đã vào trường Y, trường Luật, v.v... Cũng may tôi gặp hai anh bạn là anh Mai Văn Năm và anh Võ Lăng, các anh ấy học trường Mỹ Thuật. Một hôm tôi đến chơi thì thấy đúng trường Mỹ Thuật mới là nơi mình gửi gấm cuộc đời của mình. Tôi nộp đơn, người ta nhận ngay. Tôi học chỉ có một năm *auditeur libre* (dự thính viên) một năm dự bị thì tôi được vào trường.

Cũng thời kỳ ấy, gia đình tôi bắt đầu có những thay đổi, khi đó bắt đầu đảo chính: Nhật đảo chính rồi Pháp đảo chính, Việt Minh đảo chính v.v... Đứng trước những thay đổi

lớn của xã hội, một con người không có gì để nương tựa cả thì cái nỗi hoang mang của nó rất lớn, vì thế tôi không biết đi đâu. Cho nên cái mà tôi vẫn bíu vào là cái mỹ thuật. Anh Phùng Quán có nói đại ý *"làm thơ giúp cho anh đứng dậy được",* thì chính cái hội họa, chính cái mỹ thuật, đã làm cho tôi sống lại được. Vì trong thời kỳ đói -năm Ất Dậu- thì không có người thanh niên nào lúc bấy giờ mà không trải qua cái khủng hoảng ấy. Không phải vì mình theo cách mạng, cũng không phải vì yêu đất nước gì cả, nhưng là một khủng hoảng tâm lý kinh khủng về cái chết của con người. Thì vấn đề chết đặt ra cho mình cũng rất ghê và (vấn đề) con người đặt ra cũng ghê. Cái nguy hiểm nhất là thế này: mình đã đi vào cái đẹp của con người thì lúc bấy giờ trước cái chết của con người: con người dơ xương ra, những người đàn bà không còn thân thể đàn bà nữa đi trôi giạt ngoài đường,... tất cả những cái đó nó gây cho mình một bế tắc không biết lối nào mà thoát ra cả.

- TK: *Như vậy có phải vì đứng trước tình trạng ấy thì bác, ở tuổi thanh niên, đã quyết định hành động và vì thế mà bác theo cách mạng, có phải như vậy không?*
- TD: Lúc bấy giờ thì đứng về mặt... không cách mạng đi nữa thì cũng phải làm một cái gì đó cho nó cách mạng và cũng không hiểu cách mạng là cái gì cả. Lúc đó tôi quen một anh bạn là anh Lê Hữu Kiều, trước là tráng sinh trong hướng đạo, sau anh ấy ra, thì hình như là đảng viên thì phải, gặp tôi anh rất mừng. Một lần anh ấy dắt tôi lên đồn điền Hiệp Hòa ở Bắc Giang, tiếp xúc với một số sinh viên, tôi mới biết là tất cả đều ở trong tổ Việt Minh, lúc bấy giờ tôi không ý thức được cách mạng là gì cả. Tôi thấy họ chống Nhật. Mà tôi lại là một người thích nghệ thuật Nhật nhất. Phát-xít nói vậy thôi chứ tôi chẳng hiểu phát-xít là cái gì cả. Tôi không có ý thức gì về chính trị, nhưng anh Lê Hữu Kiều bảo tôi nên tham gia vào hoạt động đó vì (mình là) thanh niên, tôi bảo ừ

thì làm. Anh ấy bảo tôi chuyển những truyền đơn, hay những tờ báo về Hà Nội. Thật ra lúc bấy giờ tôi không hiểu những nguy hiểm của việc làm ấy đâu, khi đó tôi quen với gia đình mà bây giờ là vợ tôi, cả gia đình ở hỏa xa, nên đi lại dễ dàng. Tôi chuyền những truyền đơn, báo chí về Hà Nội, tôi đi với người là vợ tôi bây giờ Lê Bạch Tuyết, em ruột của Lê Thanh Đức, lúc bấy giờ cô ấy còn bé thôi, độ mười bốn, mười lăm tuổi thôi, tôi lúc ấy đã hai mươi hai, hăm ba tuổi rồi. Cô ấy quen với tụi Nhật đóng trong xưởng máy Đông Anh, thành ra những chuyện đó không sao cả, đưa về Hà Nội xuôi lọt và thậm chí tôi với anh Lê Thanh Đức còn tổ chức in truyền đơn ở Sơn Tây. Vậy tôi bước vào cách mạng, vào Việt Minh mà không có ý thức gì về chính trị cả, hoàn toàn không ý thức. Tất cả những yếu tố đưa tôi vào cách mạng không phải là vì tinh thần cách mạng mà chỉ là ý định của một người thanh niên muốn làm một cái gì có ích thế thôi, chứ không có ý thức gì về dân tộc, về cách mạng, không có ý thức gì to lớn cả.

- TK: *Khi đi theo cách mạng như thế, thì tâm trạng bác như thế nào? Thưa bác, bác có thể giải thích cái việc tại sao bác theo Việt Minh trong khi bác không biết gì về Việt Minh cả?*
- TD: Khi tôi bước vào cách mạng, khi tôi bước vào cuộc kháng chiến, thì tôi cũng bần thần như người - *cười,* tôi hay nói đùa với mọi người- cũng như cái anh nhẩy dù mà dù không mở, tôi cứ lao, may sao mò mẫm thế nào lại mò đúng cái nút dù bật dây, còn không thì cũng rơi ngã lăn kềnh ra thôi. Vì thế, ý thức của một người làm cách mạng thì tôi không có, nhưng tôi vẫn đi trên con đường cách mạng, tất nhiên tôi không phải là AQ, tôi đi với ý thức của người thanh niên, tất nhiên là do phong trào đẩy tôi đi, đi vào một cuộc phiêu lưu để tìm một cái vui, cái mới trong đời mình. Khi vào Việt Minh, lúc ấy, tôi cũng không biết là Việt Minh có nhiều đảng đâu. Tôi không biết Việt Minh là gì cả. Anh bạn

bảo: *"Cậu vào Việt Minh thì cậu phải vào cái đảng Dân Chủ"*. Tôi bảo: "*Chết! Tôi không bao giờ thích vào đảng nào cả, tôi không có ý thức về đảng"*. Anh ấy bảo trong Việt Minh có đảng Dân Chủ, khi ấy tôi cũng không biết là đảng Dân Chủ do ông Hoàng Minh Chính phụ trách tổng thư ký của đảng. Nhưng khi tiếp xúc lần đầu tiên thì tôi rất thích anh này, người hồ hởi, cởi mở, tôi đối với anh cũng rất thân.

- TK: *Trở lại với gia đình bác một chút, khi Việt Minh lên nắm chính quyền, gia đình bác cũng trải qua một cuộc gia biến rất nặng, thưa bác, sự thể đã xẩy ra như thế nào?*
- TD: Khi tôi còn đi học, thì cuộc đảo chính ấy xẩy ra. Ba tôi bị bắt cùng với Bửu Trưng, cùng với Phạm Quỳnh, bị giam cùng một nơi. Cái sốc đó đối với tôi buồn vô cùng. Ba tôi là Trần Công Hoàng - làm quan ở Thừa Phủ. Lúc bấy giờ trôi nổi lắm trong thời quan lại, làm quan nhưng cũng không ra sao cả, cách chức lên, cách chức xuống cũng buồn lắm. Ở Thừa Phủ, Bửu Trưng bị bắt thì ba tôi cũng bị bắt cùng. Khi đó cụ Huỳnh, tức cụ Huỳnh Thúc Kháng đấy, ra ngoài (Bắc) để làm phó chủ tịch (trong chính phủ Lâm Thời). Khi trước, ở trong Huế, tôi có quen với cụ Huỳnh -hiện nay tôi vẫn còn giữ cái ảnh ba tôi chụp với cụ Huỳnh- tôi đến tìm cụ Huỳnh ở Phủ Thủ Tướng. Gặp tôi cụ hỏi: "*Mày đi đâu?"* Tôi bảo: *"Con đến tìm cụ"*. Tôi đưa vấn đề ba tôi bị bắt. Thế ông cụ bảo: "*Cha mày bị lúc nào? Tôn Quang Phiệt nó có ở đấy không?"* Lúc bấy giờ Tôn Quang Phiệt là chủ tịch Thừa Thiên. Tôi bảo: *"Có"*. Ông bảo: *"Để tao viết cho Tôn Quang Phiệt"*. Ông viết cho Tôn Quang Phiệt một cái thư. Tôi về Huế tìm ông Tôn Quang Phiệt, tôi đưa. Ông Tôn Quang Phiệt gặp các ông Nguyễn Duy Trinh, v.v... thì 15 ngày sau, chính bản thân tôi vào xin cho ba tôi về. Cầm giấy của ông Tôn Quang Phiệt, tôi đến gặp anh Ngọc là trưởng ban công an, lúc bấy giờ chưa gọi là Công An mà gọi là Trinh Sát, tôi đưa giấy, thì hôm sau cụ tôi được về. Như cô Thụy Khuê

cũng biết, những người cùng bị giam thời đó với ba tôi, ông Phạm Quỳnh và bác tôi là Bửu Trưng, thì sau khi Tây nhẩy dù xuống Phong Điền, tất cả những người đó đều bị chết cả. Vì thế, tôi rất mừng là đã cứu được ba tôi lúc bấy giờ. Vậy đời tôi bước vào cách mạng, ân, oán đều có cả.

- TK: *Mặc dù vậy bác vẫn tham gia kháng chiến Việt Minh vả bác còn đi đánh trận nữa, bác đã từng đánh trường bay Gia Lâm, vậy trận đánh trường bay Gia Lâm như thế nào, xin bác thuật lại.*
- TD: Khi bắt đầu kháng chiến thì thật quả tình tôi không có ý thức về cuộc kháng chiến là gì cả, đánh nhau thế nào tôi cũng không biết. Nhưng khi tôi gặp anh Hoàng Minh Chính, anh bảo: *"Mày về chuẩn bị đi ra an toàn khu"*. Tôi cũng chẳng hiểu an toàn khu là gì. Hoàng Minh Chính bảo tôi: *"Ngày mai cậu đến nhận giấy tờ rồi đi cùng với Đỗ Đức Dục, với Vũ Đình Hòe"*- khi đó tôi đang sinh hoạt trong đảng Dân Chủ. Tôi về nhà thì hôm sau nhận được giấy ra an toàn khu. Tôi nhớ là ra Ngã Tư Sở rồi cứ đi dốc lên phía trên, lên Hương Canh, Vĩnh Yên, Phú Yên gì đó... Một hôm Hoàng Minh Chính đến tìm tôi hỏi: *"Hiện nay cậu đang làm gì?"* Tôi bảo: *"Tôi không làm gì cả, cậu bảo tôi lên an toàn khu, tôi chẳng biết an toàn khu ở đâu cả"*. Hoàng Minh Chính bảo tôi: *"Hay là mày đi đánh trường bay Gia Lâm đi"*. Hoàng Minh Chính rủ tôi đi, ừ thì đi. Tôi hỏi: *"Đánh như thế nào, làm cái gì?"* Ông ấy bảo: *"Bây giờ mày về tổ chức hộ gạo và lên hộ danh sách dân quân ở các nơi đi về, và cậu liên lạc với tỉnh ủy Bắc Ninh"*. Tôi cũng làm theo lời Hoàng Minh Chính. Đến khi đánh trường bay Gia Lâm lần đầu tiên, thì tôi với Hoàng Minh Chính ở trên cái trụ sở ở trên gác của nhà máy ở Gia Lâm để nhìn thẳng vào trường bay Gia Lâm. Lần đầu tiên, Hoàng Minh Chính cũng chưa ý thức được rõ ràng gì về sự chỉ huy, tôi nghĩ như thế, vì thấy tay ấy chỉ đốt mấy cái pháo thăng thiên như thế thôi, thì ở trong đó mới bắt

đầu nổ. Khi Tây biết mình bắn ở đó, thì tôi thấy nó bắn sang và bắn rất chuẩn; ví dụ bắn cái nhà sập. Tôi và Hoàng Minh Chính đang ngồi, thì cái bàn đổ, rơi xuống đất và nổ luôn cái nhà. Tôi bảo Hoàng Minh Chính: "*Thôi, đi xuống đi!*" Nhưng Hoàng Minh Chính là một tay rất gan, tay ấy cứ ngồi mãi, không xuống. Khi cái nhà sập hoàn toàn rồi, Hoàng Minh Chính mới xuống. Trận đột kích đầu tiên đó thất bại. Trận thứ hai cũng thất bại và anh Hoàng Phi gì đó, chiến sĩ đầu tiên, chết ở trường bay Gia Lâm cùng với một sĩ quan Nhật. Sau mấy trận thất bại, Trung Ương gọi Hoàng Minh Chính lên, thay chỉ huy, đưa Đặng Viết Châu về thay. Trận cuối cùng là Hoàng Minh Chính chết, tôi tưởng là Hoàng Minh Chính chết nhưng Hoàng Minh Chính không chết. Tôi đi đưa khẩu đại bác 75 vào tận trong sân bay, Tây tìm ra được địa điểm và bắn, tôi và anh Đặng Viết Châu lại bê khẩu đại bác 75 chạy ra ngoài. Khi đó tôi cứ tưởng là Hoàng Minh Chính chết rồi.

- TK: *Nhưng rút cuộc thì Hoàng Minh Chính không bị chết như chúng ta đã biết, còn riêng bác thì sau trận Gia Lâm bác còn làm những việc gì nữa cho kháng chiến?*
- TD: Hoàng Minh Chính trước khi đi, dặn tôi: *"Nếu tao chết thì mày mang tất cả những cái này về cho vợ tao, cho Hồng Ngọc"*. Tôi cũng nghe như thế, thì hôm đó truy điệu xong, anh Đặng Viết Châu bảo tôi đi tìm vợ Hoàng Minh Chính, ở đâu khu Vân Đình. Chị Hồng Ngọc đóng ở một cái đình chỗ Vân Đình. Tôi vào hỏi, có chị ấy ra, tôi bảo: *"Anh Hoàng Minh Chính trước khi chết có để tất cả những cái này cho chị"*. Tôi còn nhớ, cái ví với cái bút Shaffer và cái ảnh chị Hồng Ngọc. Chị ấy khóc và bảo: *"Anh ấy không chết đâu, anh ấy nằm trong kia kìa"*. Như thế là Hoàng Minh Chính còn sống. Tôi vào thăm Hoàng Minh Chính. Xong rồi tôi về, gặp anh Đặng Viết Châu, anh bảo: *"Bây giờ tớ giới thiệu cậu đến Khu 10 đi"*. Giới thiệu tôi với ông Song Hào, khi đó là

bộ chỉ huy của Khu 10, đóng trên sông Lô. Song Hào nhận tôi, đưa tôi làm địch vận. Anh Song Hào có nói là hiện nay phần tiếng Pháp không có ai, vậy ông giúp hộ phần tuyên truyền và địch vận ở Khu 10. Tôi nhận và làm việc ở đó như làm truyền đơn dưới quyền chỉ huy của anh Lưu Văn Lợi và anh Chiến Sĩ[1091] là một người Đức phụ trách về địch vận. Lúc bấy giờ có cả Lê Đức Nhân Kerkhof, thỉnh thoảng tôi lên bộ chỉ huy nhận chỉ thị của họ về cách thức viết như thế nào, vận động Tây da đen thế nào và tôi vẽ tranh về địch vận. Tôi cũng làm cho vui thôi, thật ra vẫn không có ý thức gì về cách mạng cả.

- TK: *Thưa bác, vậy trong kháng chiến bác đã quen với ông Phan Khôi chưa?*

1091 Trong bài nghiên cứu tựa đề "*Les Doktors germaniques dans le Viet Minh- Những nhân sĩ Đức trong hàng ngũ Việt Minh*", Heinnz Schutte xây dựng lại chân dung những người lính Lê Dương (Légion étrangère) gốc Đức đảo ngũ sang Việt Minh vì lý do chính trị, giúp Bộ Tham Mưu. Tất cả có khoảng 12 người, học vấn cao; đặc biệt ba người: Erwin Borchers tức Chiến Sỹ (1906-1989), Rudy Schroder (1911-1977) tức Lê Đức Nhân còn có tên là Kerkhof, và Ernst Frey tức Nguyễn Dân (1915-1994) giữ địa vị then chốt trong những năm đầu xây dựng quân đội Việt Minh, nhưng sau họ bị thất sủng (ngoài ra còn kể Georges Wachter tức Hồ Chí Thọ và Walter Ullrich tức Hồ Chí Long). Họ là những trí thức trẻ, từ 1933 đã chống Hitler chạy sang Pháp. Khi Pháp Đức chiến tranh, người Đức bị giam một nơi, muốn thoát tù, năm 1939, họ phải đăng lính Lê Dương. Được gửi sang Đông Dương năm 1941, tại đây, thấy rõ bộ mặt thực dân, họ chống lại và theo cộng sản. Móc nối được với Việt Minh, năm 1945, họ đảo ngũ, theo Việt Minh. Là những người có học và chuyên môn cao, lại được huấn luyện trong đội ngũ Lê Dương, một đội ngũ thiện chiến nhất của Pháp, trong đó lính Lê Dương gốc Đức là những phần tử ư tú nhất, Bochers tức Chiến Sỹ trở thành Uỷ Viên Chính Trị với chức trung tá chỉ huy Địch Vận. Ernst Frey tức Nguyễn Dân, Cố vấn quân sự cho Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Sơn, giúp Võ Nguyên Giáp kiện toàn kiến thức quân sự, vì ông Giáp xuất thân nghề giáo, phải học đánh nhau từ A đến Z. Rudy Schroder Lê Đức Nhân làm trung tá, cầm quân đánh thổ phỉ lập nhiều chiến công. Nhưng từ 1950-1951, khi đã được Trung Cộng ủng hộ; những người Đức và nói chung những người da trắng này đều bị thất sủng, bởi họ không thần phục những lãnh đạo đảng cộng sản một cách mù quáng, họ trở thành những cái gai. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp tìm cớ loại họ, buộc họ trở về Âu Châu. (Les Doktors germaniques dans le Viet Minh- Những nhân sĩ Đức trong hàng ngũ Việt Minh, Aséanie 15/6/2005, trang 61-86).

- TD: Không, khi tôi đi dự lớp học thì mới học với ông Phan Khôi. Thực ra Phan Khôi đối với tôi là một bậc cao niên, tôi không phải là bạn bè với ông ấy, nhưng khi về lớp chỉnh huấn ấy tôi mới biết là có ông Phan Khôi.

- TK: *Trong lúc ấy bác có gặp nhóm Lê Đạt và Trần Dần không ạ?*
- TD: Không. Hoàn toàn không... Nói thật với cô, tuy bước vào hội họa, nhưng tôi rất ngại văn nghệ sĩ, tôi cho đấy là thành phần không phải cho tôi chơi. Xuất thân từ một gia đình phong kiến, chết là chết chỗ đó, thành ra trong tôi có cái dè chừng, bạn bè tôi cũng rất xa lạ, không chơi với ai cả. Thật ra tôi không chơi với ai hết. Trong thời kỳ học ở trường cũng thế. Nói ra thì anh em cười. Lúc bấy giờ tôi chỉ quen với một số bạn bè người châu Âu, ví dụ mấy người Tây, nói chuyện với nhau thôi, rất ít chơi với anh em. Thành thử cái cách biệt và cách nhìn của anh em với tôi, người ta chẳng thích tôi và tôi cũng chẳng thích ai cả. Đến khi tôi đi kháng chiến cũng thế. Có một cô tên là Yolande Santé, cô ấy rất quý tôi, trước kháng chiến có gặp tôi, hỏi tôi: *"Tại sao mày không nghĩ đi về Pháp?"* Tôi bảo: *"Cũng đơn giản thôi tại vì tao là người Việt Nam"*. Hỏi: *"Mày có ý thức gì về chính trị không?"* - Tôi chẳng có ý thức về chính trị cả. Vậy cái chuyện không đi kháng chiến hay chưa đi theo Pháp là một ý thức không nằm trong chính trị, không là gì hết. Tôi không thích, thế thôi.

● Làm thư ký toà soạn báo Nhân Văn

- TK: *Thưa bác, xin bác nhắc lại việc bác quen cụ Phan Khôi trong lớp Chỉnh huấn ở Việt Bắc như thế nào?.*
- TD: Khi ở Huế tôi nghe tiếng ông Phan Khôi, nhưng đến khi vào học lớp chỉnh huấn thì tôi mới biết ông Phan Khôi. Lớp đó là lớp đầu tiên. Tôi có biết lớp đó đâu. Sở dĩ tôi học lớp đó, một phần là do anh Tô Ngọc Vân giới thiệu. Anh

Vân viết cho tôi một cái thư bảo: Anh có tranh hay không để dự triển lãm và có lớp học, anh nhớ liên lạc với Tổng Bộ Việt Minh, về học cho vui. Vì đi học cho nên tôi mới biết ông Phan Khôi, người ta xếp tôi cùng tổ của ông Phan Khôi. Tôi còn nhớ tôi vào tổ đó cùng với Đào Duy Dếnh là Đào Phan[1092] với Nguyễn Tử Nghiêm[1093] và mấy người nữa. Đó là lần đầu tiên tôi biết và tiếp xúc với ông Phan Khôi. Qua trình bày lý lịch, ông Phan Khôi bảo: *"Ủa, thế gia đình nhà anh là dòng Thọ Xuân Hương với lại Gia Hưng à?"* Tôi bảo: *"Vâng, Gia Hưng là bên bà cố tôi"*. Ông hỏi: *"Nhà anh thuộc dòng Minh Mạng hay Thiệu Trị?"* Tôi bảo: *"Chính thuộc về Thiệu Trị đấy ạ"*. Ông và tôi nói chuyện, và qua câu chuyện ông làm quen với tôi, do đó ông thân với tôi và tôi thấy ông yêu tôi, tôi cũng quý ông.

- TK: *Thưa bác, trong trường hợp nào bác đã quen với nhóm chủ trương báo Nhân Văn?*
- TD: Nhân Văn à? - *cười*- Nhân Văn, thật ra tôi không quen anh Lê Đạt, tôi biết anh Lê Đạt khi anh về phụ trách báo Văn Nghệ. Đáng lẽ người ta cho Nguyễn Hữu Đang nhưng người ta để Lê Đạt về đấy cùng với Nguyễn Hữu Đang phụ trách Văn Nghệ. Tôi không biết Trần Dần, tôi cũng không biết Hoàng Cầm. Mãi sau khi họp ở 51 Trần Hưng Đạo, đưa bài *Nhất định thắng* của Trần Dần -hôm đó là cuộc hội rất lớn- kết tội bài đó. Tôi với ông Phan Khôi ngồi gần nhau, hôm đó tôi không biết Trần Dần, ông Phan Khôi nói với tôi: *"Thật ra bài đó chẳng có gì hay nhưng nó phạm thượng, tại vì nói đến màu cờ trong một đêm mưa, không có hướng đi lên, bài đó bị đánh vì thế"*. Thứ hai, bài thơ nói đến *em*, là *em* nào? Người ta quy rằng Trần Dần như thế là ngã về địch, bị gián điệp. Ông Phan Khôi bảo: *"Làm gì có thứ gián điệp gì mà nhanh thế, gián điệp nào mà rõ ràng thế? Gián điệp thì phải*

1092 em Đào Duy Anh.

1093 hoạ sĩ NguyễnTư Nghiêm.

tổ chức quy mô, có bài có vở, chứ tổ chức gì lạ kỳ thế. Anh tìm thử xem cô này là cô nào, có thật là gián điệp không".

Khi đó mình cũng là thanh niên, nghe ông Phan Khôi bảo thế tôi cũng tò mò, tôi lên gần nhà thờ Tin Lành, ở đó tôi nghe nói là có một cái crèche, như là nhà trú ban đêm cho những người tàn tật, người già. Cô Khuê là một trong những người mà nhà thờ Tin Lành dùng, một là để dạy, hai là trông nom cái nhà đó. Tôi nghe như vậy thôi, tôi về nói với ông Phan Khôi: *"Cô này là giáo viên, hiền lành, không phải là gián điệp".* Ông Phan Khôi cũng nói với tôi: *"Quy cho người ta là gián điệp, là chính trị, nhanh quá, không nên quy nhau như thế rất nguy hiểm; anh em vừa ở kháng chiến về, chưa hiểu đầu đuôi mà tự nhiên chụp cho nhau cái mũ gián điệp như thế rất nguy hiểm".* Vì thế cho nên tôi không quen biết những người này nhưng vì ông Phan Khôi, tôi đứng trên quan điểm của ông Phan Khôi, tôi rất ủng hộ ông Trần Dần mà tôi không biết ông Trần Dần là ai cả. Tôi cũng không biết ông Hoàng Cầm. Tôi biết anh Lê Đạt vì tôi cùng về báo Văn Nghệ, tôi phụ trách in cho Đại Hội Văn Nghệ, những cái tranh múa sạp, gì gì đó, vì thế mà tôi biết anh Lê Đạt rõ ràng. Do ông Phan Khôi tôi biết nhóm Lê Đạt và Trần Dần.

- TK: *Từ việc có cảm tình và ủng hộ nhóm chủ trương báo Giai Phẩm Mùa Xuân đến việc làm thư ký tòa soạn cho báo Nhân Văn cũng khá xa, vậy thưa bác trong hoàn cảnh nào bác đã nhận lời làm thư ký tòa soạn báo Nhân Văn?*
- TD: Một hôm ông Phan Khôi rủ tôi đi chơi, khi đi lên đường Phan Chu Trinh bây giờ, ăn phở. Ăn xong đi ra, thì thấy bọn Minh Đức và tất cả mọi người tụ tập ở gần cái nhà trước quán ăn ấy, có cả Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Hoàng Cầm đang dứng giữa đường, bàn to chuyện lắm. Thấy ông Phan Khôi và tôi đi qua thì mọi người hô ầm lên: *"Trần Duy đây rồi!"* Tôi chưa hiểu và ông Phan Khôi cũng không hiểu gì cả, đứng lại nói chuyện mới biết là hiện nay

anh em định ra một tờ báo và thiếu người làm. Thực ra lúc ấy người nào cũng sợ dây vào chính trị, dây vào báo chí lúc bấy giờ ai cũng sợ cả. Tôi thì cho rằng làm báo có cái gì đâu mà sợ, nếu mục đích chính của tờ báo là thơ, văn nghệ, thì chẳng có gì, tôi bảo: *"Tôi làm cho"*. Sẵn đó có cả ông Phan Khôi thì mọi người bảo mời cả Trần Duy, mời cả bác Phan, bác Phan đứng làm chủ nhiệm hộ cho Trần Duy. Thực ra lúc ấy không ai dám đứng tên, sau vụ Trần Dần không ai dám đứng. Lê Đạt lúc bấy giờ là cán bộ của đảng rồi, không làm. Nguyễn Hữu Đang không dám làm. Lúc ấy chỉ có tôi, tôi bảo: *"Tôi làm được vì đứng về mặt tổ chức, ấn loát, nhà in, tôi hiểu, tôi có thể làm được"*. Ông Văn Cao mấy lần lên gặp tôi đặt vấn đề này nọ, ông Phan Khôi cũng rất thắc mắc, hỏi: *"Ở trong này vai trò của ông Văn Cao là gì mà ông ấy tích cực như thế?"* Tôi bảo đùa với ông Phan Khôi: *"Anh em vẫn gọi ông ấy là ông tiên chỉ trong làng thơ đấy"*. Ông Phan Khôi cười. Đại khái như thế, tôi vào Nhân Văn không có mục đích lớn cũng như tôi bước vào kháng chiến chẳng có mục đích gì cả, thấy vui thì làm thôi, nghịch nghịch, thấy có thể làm được mà không có hại thì làm.

- TK: *Thưa bác sau đó việc tổ chức tờ báo Nhân Văn đã xẩy ra như thế nào? Ai quyết định nội dung bài vở trong tờ báo? Ai điều hành tờ báo?*
- TD: Tờ báo nó như hội chợ ấy, chẳng có ai phụ trách ai cả, cãi cọ nhau như ngoài chợ trời ấy cô Khuê ạ. Cãi cọ lung tung, giấy tờ luộm thuộm. Vai trò ông Phan Khôi thì không ai đếm xỉa đến ông ấy cả, người ta chỉ mượn tên ông ấy thôi. Thỉnh thoảng ông đến cũng không ai hỏi ý kiến ông cả, ông ấy có đọc bài vở gì đâu. *Tất cả bài vở là do Đang và Đạt quyết định* và bài vở tập hợp vào tôi, khi thiếu bài hoặc mise mà không có thì bảo tôi làm cái remplissage lấp lỗ trống hoặc thu dọn bài này, bài nọ, trang mấy, trang mấy có tranh, thì bảo tôi làm. Sự thật ra quyết định bài vở phần lớn là

Đang, quyết định nội dung bài là Đạt. Còn thầy cò thầy kiện là ông Văn Cao. Ông Trần Dần, ông Hoàng Cầm là đứng sau lưng. Người chủ động và trực tiếp với tôi là Lê Đạt, người chủ động bài vở là ông Nguyễn Hữu Đang.

Tất nhiên là tôi không quyết định được bài vở rồi, nhưng có bài nào cần thiết thì Lê Đạt bảo: *"Ông viết đi, vấn đề này ông viết được, ông viết hộ tôi, ví dụ như tự do sáng tác hay là gì đó thì ông cứ viết, ông lại hơi có cái giọng humour thì ông làm cho tôi... không phải chuyện cười, những chuyện thời sự ông đi góp nhặt các nơi".* Thì tôi phụ trách mục đó và tôi đề TD, là Trần Duy đó. Sau khi mise những bài chính rồi thì tôi là người lấp remplissage phần còn lại của tờ báo. Sự thực ra người ta không bao giờ hỏi ông Phan Khôi về một cái gì cả.

- TK: *Đến việc tiền in báo, ai bỏ tiền ra in báo Nhân Văn? Thưa bác, ông Minh Đức có vai trò gì trong việc in báo Nhân Văn mà bị tội nặng như thế?*
- TD: Nó là như thế này: anh Hoàng Cầm có nói là đi vay tiền, thực tế là không vay được. Khi nhận lời thì không có quỹ nào cả, không có đồng tiền nào cả, anh Minh Đức cũng không có tiền, ông Đang không có tiền, bọn anh em thì không ai dám đứng tên chứ đừng nói chuyện bỏ tiền ra. Ngày đầu tiên tôi đến, anh Minh Đức bảo: *"Hay là tôi với ông, hai thằng cùng đi vay giấy đi".* Đến vay mấy nơi như nhà in Xuân Thu... nhưng đầu tiên thì đến nhà in Cộng Lực gần chợ Đồng Xuân, Cộng Lực bảo: *"Tôi chịu thôi, chúng tôi nhận in thì phải có giấy của Thông Tin Bắc Bộ cho, chúng tôi không có giấy cho vay".* Chúng tôi xuống gặp ông Đỗ Huân[1094], ông ấy cười: *"Nếu in thì tớ in cho các cậu, chứ còn cho vay thì tớ không có tiền cho vay".* Có một người khuyên tôi là đi tìm ông Liên và tìm ông Nguyễn Bắc[1095], thì tôi đến tìm Nguyễn

---

1094 Chủ nhà xuất bản Xuân Thu.

1095 Sở Văn Hoá.

Bắc, ông ấy cũng hồ hởi, cũng vui lắm, bảo: *"Các cậu phải có giấy phép rồi thì mới ra báo"*. Tôi bảo có giấy phép rồi, trên Báo Chí Bắc Bộ có cho rồi. Nguyễn Bắc xem, rồi bảo: *"Thế được rồi, để tôi nói với Liên cấp giấy cho các cậu"*. Tôi đến tìm anh Liên, anh Liên có ký cho tôi giấy mua ba ram giấy. Tôi đến cùng với Minh Đức, đến hiệu bán văn phòng phẩm bên Trường Thi đó, tôi mua được ba ram giấy. Số báo đầu tiên ra vỏn vẹn trong ba ram giấy, bán hết, được tiền ngay. Trong hai hôm, nhận được tiền liền, đếm tiền đủ có thể mua thêm sáu ram giấy. Vậy, trước chỉ có ba ram giấy thôi, sau khi bán hết số báo đầu tiên, đủ tiền thừa để mua sáu ram giấy. Số thứ hai ra là với sáu ram giấy.

Vậy báo ra là không mượn ai cả, không xin ai hết, tự bỏ tiền mua. Ai bỏ tiền? Minh Đức cho vay tiền. Minh Đức cho vay tiền. Tôi cũng nghĩ anh Minh Đức là người rất tội vì anh Minh Đức là người có nghĩa với anh Đang, chắc anh Đang và Minh Đức cũng có bàn với nhau cho nên Minh Đức đi giật tiền của vợ, giật tiền nhà sách, đưa cho tôi, cũng rất khổ sở chứ không vui vẻ gì. Nhưng Minh Đức là con người rất nhiệt tình, cho nên sau Minh Đức bị tù, tôi nghĩ tôi thương mãi vì tay này chẳng làm gì cả mà đi tù, không dính gì với Nhân Văn hết, chỉ ở ngoài, chỉ là người đã từng ủng hộ anh Đang khi còn ở trong Thanh Hóa và chính Minh Đức là người đã nghĩ ra cách in một lần chạy ba bốn màu. Minh Đức là người có rất nhiều sáng kiến, tội nghiệp anh Minh Đức không có tội gì để lĩnh tù cả. Thực ra Minh Đức đưa tiền để tôi đi mua. Vậy thì tất cả tiền nong là do Minh Đức.

- TK: *Thưa bác, ngoài số tiền ông Minh Đức bỏ ra lúc đầu, Nhân Văn còn có nguồn tài trợ nào khác không ạ?*
- TD: Một thời gian chúng tôi nhận được rất nhiều mandat, rất nhiều tiền gửi đến ủng hộ hoặc mua báo trước. Việc này ông Phan Khôi có hỏi tôi rằng: *"Những mandat đó anh còn giữ không?"* Tôi bảo còn giữ. Ông bảo: *"Tốt nhất là anh*

mang trả lại, đừng dùng tiền đó, báo bán đến đâu lấy tiền đó sử dụng chứ đừng lấy tiền mà anh không biết nguồn ở đâu, tôi là người có kinh nghiệm chuyện đó, có những lần tôi làm ở Trung Bộ, tôi nhận một món tiền rất lớn mà tôi không biết ở đâu, hóa sau ra là tiền của mật thám thành ra nguy hiểm. Tốt nhất là anh không biết nguồn tiền này ở đâu, anh ra bưu điện trả lại". Tất cả số tiền đó tôi dồn lại và làm theo lời ông Phan Khôi, tôi mang trả lại. Vậy tiền ra báo là không vay mượn ai cả. Đầu tiên là do ba ram giấy, do Sở Văn Hóa Hà Nội cho phép. Ba ram giấy ra được số báo đầu tiên, bán chạy, tất cả tiền mặt đưa về tôi vội vàng mua ngay sáu ram giấy.

- TK: *Thưa bác, về điền kiện in ấn, việc in ấn có dễ dàng không? Tại sao ông Đỗ Huân chủ nhà Xuân Thu lại chịu in báo Nhân Văn và ông ấy nhận in trong điều kiện nào?*
- TD: Không ai nhận in cả. Một hôm tôi đi gặp Đỗ Huân. Đỗ Huân hỏi: *"Đi đâu mà buồn thế?" – "Đi tìm một nhà in".* Đỗ Huân cười bảo tôi: *"Tớ in cho cậu cho!"* Tôi thấy tay này là một tay đứng đắn, không bao giờ nói đùa cả, tôi bảo: *"Ông nói thật đấy à?"* Đỗ Huân bảo: *"Có gì đâu mà thật hay đùa, tớ là nhà in, cậu in báo thì tớ in cho".* Nguyên nhân tại sao Đỗ Huân nhận thì tôi không biết, hay là do một cái gì đó, hoặc Đỗ Huân là của ai thì tôi cũng không biết được. Chỉ biết khi Đỗ Huân nhận in thì ở Hà Nội không có nhà in nào dám in. Tôi đã lên hỏi các nhà in, không ai dám in cả. Trừ Đỗ Huân. Nhà in Xuân Thu nhận in mà anh em Xuân Thu cũng rất vui vẻ, không có vấn đề gì. Mãi khi đến khi tờ Nhân Văn bị đình chỉ, thì anh em nhà in mới quay ra đấu tranh chống Nhân Văn thế thôi, còn trong thời kỳ tờ báo đang in, anh em đối với chúng tôi rất vui vẻ, chữa bài vở nửa đêm nửa hôm không có chuyện gì cả.

- TK: *Thưa bác, bác có thể xác nhận lại một lần nữa là tờ Nhân Văn không nhận tiền của ai cả không ạ?*

- TD: *Tờ báo từ đầu khi nó ra đến khi đóng cửa, không nhận một đồng xu nào của ai cả* - Trần Duy nhấn mạnh. Có người nói rằng tôi nhận tiền của Durand, tôi có nói với mọi người là: *"Tôi không biết ông Durand. Không biết ông Durand là ai cả. Hơn nữa, nếu nói ông Durand là một nhà trí thức thì nói thật với anh là người trí thức Pháp không bao giờ làm mật thám đâu. Trí thức Pháp là trí thức Pháp, nhiều khi còn chống cả mật thám. Tôi không bao giờ nghĩ là ông Durand nào đó, là một nhà nghiên cứu về mỹ thuật Việt Nam, về cổ học Việt Nam mà là mật thám thì tôi không tin"*. Công an có hỏi tôi: *"Ông Durand quan hệ với anh thế nào?"* Tôi bảo: *"Tôi có biết ông ấy đâu mà tôi quan hệ"*. Có người lại cho rằng tôi nhận tiền của Ủy Ban Quốc Tế. Tôi bảo tôi cũng không biết Ủy Ban Quốc Tế nằm ở đâu mà làm sao tôi nhận được tiền. Trong quá trình làm báo, tôi không tiếp xúc với một người Âu nào cả, một người ngoại quốc nào hết. Thật ra có mượn một người thế tôi, nhưng rồi sau người đó cuỗm một số tiền còn lại, nó đi đâu mất, anh em cũng không biết gì, đúng thời đóng cửa Nhân Văn[1096]. Thành ra tiền nong chẳng có. Còn ngân phiếu, tôi trả lại, nghĩa là Nhân Văn tay trắng, không có một đồng xu nào cả, từ khi nó lên, tay trắng và khi đổ thì cũng chẳng có một đồng xu nào trong quỹ cả.

● Nội bộ báo Nhân Văn

- TK: *Thưa bác, trên báo Nhân Văn có một số tên viết tắt không biết là ai, ví dụ như bác, ngoài tên Trần Duy và Y Du, bác còn ký những bút hiệu nào khác nữa?*
- TD: TD này, Trần Duy này, chỉ có ba tên đó thôi, tranh tôi vẽ vẫn đề là TD.

- TK: *Còn người ký Trần Y Du là ai?*
- TD: Cũng là tôi.

1096 Trần Duy muốn nói đến nhân vật Diên Hồng.

- TK: *Pha Y là ai?*
- TD: Là Phái. Phái có vẽ mấy bức tranh chụp mũ hay gì đó.

- TK: *XYZ là ai ạ?*
- TD: Có thể là Đang, vì trong tòa soạn chỉ có tôi, Đang và Đạt. Anh em ở ngoài thì họ để tên thật. Còn những mục thay thế hoặc lấp chỗ trống, có thể là Đang, có thể là Đạt, có thể là tôi.

- TK: *Thế XYZ là Tổ Ba Người phải không ạ?*
- TD: Không, XYZ là một người thôi. Có thể là Đang, có thể là Đạt, gọi là mục để lấp chỗ trống, không quan trọng. Nếu quan trọng thì viết tên rõ ràng. Thật ra lúc bấy giờ nó như cái chợ trời, không ai quyết định được ai cả, nó cứ quân hồi vô phèng, nó không thành một tổ chức quy mô nào cả, cho nên người ta cứ bảo người này, người kia là công an cài vào; thực ra công an chẳng cần cài, người ta cứ đứng ngoài đường nghe cũng biết tình hình như thế nào rồi; việc đó không có gì bí ẩn, bí mật cả, tất cả gặp đâu nói đó, chứ không thành một tổ chức chính trị gì cả.

- TK: *Thế, Tổ Ba Người là ai ạ?*
- TD: Tôi không nhớ có cái tên này.

- TK: *Thưa bác, còn những bài ký tên Người quan sát là Lê Đạt hoặc Nguyễn Hữu Đang phải không ạ?*
- TD: Vâng. Còn ký tên Y Du là tôi.

- TK: *Tranh cũng là việc chính của bác, vậy trong thời kỳ ấy bức tranh nào đã gây ấn tượng mạnh nhất và đã làm cho bác bị lôi thôi nhất?*
- TD: Tôi có vẽ một bức tranh, có lẽ đó là hậu họa lớn nhất trong đời tôi, là *Ốc sên không cánh mà bay* trong tờ Giai Phẩm Mùa Xuân[1097], chính bức tranh chết của tôi đó, nó là cái họa lớn trong đời tôi. Nó không phạm ai cả ngoài những

---

1097 Thực ra là trong Giai Phẩm Mùa Thu, Tập I.

người cơ hội, mà ở trong đảng thì cô Thụy Khuê biết - *cười*... Cơ hội là chính! Thực ra đảng viên mà chết được như... mấy ông đảng viên -chân chính- mới là hay. Cho nên Sáng nó có vẽ một bức tranh mà không ai hiểu được là *Kết nạp đảng,* tranh đó mới là cái chất của Sáng. Sáng bảo: *"Tao không bao giờ coi thường đảng viên, nhưng đảng viên kết nạp ở đâu, chứ đảng viên kết nạp ở văn phòng, ăn sung mặc sướng thì đảng viên làm gì, đảng viên phải chết ngoài mặt trận, phải thừa sống ra chết tao mới phục".* Tranh ấy gây xao động một lúc nhưng thực ra không ai hiểu được tư tưởng của Nguyễn Sáng, cho nên bức tranh *Kết nạp đảng*, cô Thụy Khuê có thấy không, phải ở mặt trận, ở tiền tuyến, thì giá trị của người đảng viên mới có. Còn không thì tất là đều là cơ hội. Khi tôi vẽ *Ốc sên không cánh mà bay* thì tôi biết là tôi đưa đầu vào máy chém rồi.

- TK: *Về sáng tác, khi viết những truyện như Người khổng lồ không tim và Tiếng sáo tiền kiếp là bác có ý gì? Bác cũng chính trị lắm đấy chứ?*

-TD: *Người khổng lồ không tim* không phải tôi nói là người đảng viên không tim. Người đảng viên là người khổng lồ, trong số những người khổng lồ đó có người không tim chứ không phải là người khổng lồ nào cũng không tim cả đâu. Vì ở trong đó cũng có Ngọc Hoàng, Ngọc Hoàng là cụ Hồ, Nam Tào Bắc Đẩu... tất cả là những ông trung ương tốt, bên cạnh đó có những ông trung ương xấu. Vậy ở trong tập thể đó có những người tốt, có những người xấu. Còn *Tiếng sáo tiền kiếp,* nó được đẻ ra sau thời kỳ chỉnh huấn: Con người ta ai cũng qua cuộc đời cũ cả, đến lúc đó bắt tôi bỏ cuộc đời cũ đi nhập vào cuộc đời mới, thì liệu có làm được không? Thành thử *Tiếng sáo tiền kiếp*... là cái ray rứt của con người, muốn đi đến bỏ cái cũ nhưng bỏ như thế nào, bỏ làm sao, mà cái *divorce* như thế rất khó, thành thử chính Boudarel đã nắm được nội dung truyện đó. Ông Nguyễn Đình Thi, ông Đồ

Phồn bảo: *"Nó là thằng phản động từ xương từ tủy",* đại khái như thế. Tôi bảo tôi chẳng có gì là phản động ở trong ấy cả, nếu có phản động chăng thì là như thế này: tôi không thích một cái đảng chính trị nào cả -đấy là cái phản động lớn nhất đấy- không riêng một cái đảng nào, đảng nào cũng thế thôi. Nếu có cái đảng nào gọi là đảng quân chủ, thì tôi cũng không theo, mặc dù bố mẹ tôi là dòng dõi con nhà vua. Nói chung là tôi không thích một cái đảng nào cả, và đến bây giờ tôi cũng không tán thành một đảng nào cả và bản thân tôi cũng không thích vào một đảng nào hết, có chăng là sự bảo vệ con người trong một cộng đồng nào đó, mục đích chính của tôi vẫn là yêu cái đó. Đừng gây xáo trộn lớn, hiện nay đất nước mình xáo trộn nhiều quá, xáo trộn về ngôn ngữ, về chữ nghĩa, về chữ quốc ngữ,... Tôi có nói với anh em rằng ngay tiếng Pháp, đứng về pháp cú, *grammaire* vẫn có vấn đề mà tại sao từ mấy trăm năm nay người ta vẫn để nguyên, có những cái không hợp lý mà họ vẫn để, ví dụ những thay đổi từ *al* sang *aux*, từ *ou* thêm *x* vẫn có những *exceptions,* những cái không hợp lý người ta vẫn để từ mấy trăm năm nay. Vậy tại sao mình luôn luôn thay đổi, cải cách. Nếu hòn sỏi mà cứ lăn mãi thì không bao giờ dính vào đâu được. Cái đất nước mình cứ luôn luôn thay đổi, cải cách, cải tạo, rốt cuộc không bao giờ đứng được một chỗ nào. Riêng tôi, không bao giờ tôi vào một cái đảng nào cả. Cái đảng chính của tôi vẫn là đảng con người thôi.

- TK: *Thưa bác, cụ Phan Khôi viết bài Phê bình lãnh đạo văn nghệ khá mạnh, vậy có thể nói là cụ Phan Khôi có một vai trò quan trọng gì trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm không?*
- TD: Ông Phan Khôi, cái người mà ông ấy chống nhất là Nguyễn Đình Thi, ông cho Nguyễn Đình Thi là người lũng đoạn trong đó và ông cho rằng, tất cả những người như Tô Hoài,... cho nên ông Phan Khôi chỉ chống những người trong

ban lãnh đạo văn học nghệ thuật thôi, chống lại sự lũng đoạn trong những cái giải chấm, ở trong văn học nghệ thuật. Anh em cũng không yêu cầu gì cả và ông cũng không có quyền hạn gì cả. Ông không quyết định gì hết: bài vở ông không quyết định vì bài vở là đưa qua Lê Đạt, Lê Đạt đưa cho tôi và chính tôi là người *mise*, trình bày tờ báo. Thiếu thừa chỗ nào thì tôi nói với anh em thêm cái này cái nọ. Cái mục *remplissage* là tôi làm chứ không phải ai làm cả. Mise tờ báo lên cho tờ báo chạy là tôi. Tiếp xúc với nhà in là tôi.

Vai trò Phan Khôi trong báo Nhân Văn không có gì cả. Ông không là chủ động, không chỉ đạo, ông không có ảnh hưởng trong tờ báo. Có ảnh hưởng trong tờ báo có mấy người: Văn Cao là ngầm rồi, Trần Dần, Hoàng Cầm đi vào một nhánh rồi, Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang. Còn số mà tập họp những anh em khác, tất cả bài vở... thành phong trào như Đất Mới... là do ảnh hưởng của Nhân Văn rồi nó đẻ ra những người cộng tác chứ không phải là những người cộng tác nằm đầu tiên trong nhóm chỉ đạo của Nhân Văn, là hai người chủ chốt, hai cái đầu đấy, một người là đường lối tư tưởng, một người đường lối chính trị, mà Lê Đạt là người điều chỉnh, gọi là cái phanh ấy, cái thắng đấy, khi nào đi quá thì chính Lê Đạt cũng kêu và chính Lê Đạt là người chống Nguyễn Hữu Đang và chính Lê Đạt có nói với tôi: *"Tất cả những bài vở mày đừng đưa cho thằng Đang trước và thằng Đang có bài gì thì mày đưa cho anh em xem trước, mày đừng tự động cho lên"*. Chính Lê Đạt bảo tôi như thế, vì thế cho nên cái bài Nguyễn Chương ấy, ông Phan Khôi ông ấy phản đối ghê lắm.

- TK: *Bác muốn nói đến bài Trả lời Nguyễn Chương của báo Nhân Dân trên Nhân Văn số 2 phải không ạ? Bài ấy ký tên ba người nhưng do ai viết?*
- TD: Bài ấy là Đang viết đấy chứ. Vì nói thực với cô Thụy Khuê là có hai người trong nước Việt Nam làm báo mà tôi phục nhất, Nguyễn Hữu Đang là một, Phan Khôi là hai. Báo

chí viết rành mạch, rõ ràng. Nhất là Đang viết giỏi lắm, cho nên cái bài ấy, cô đọc lại mà xem, nó mực thước lắm, đúng là bài về *polémique*, phải nói là thầy về *polémique*, phân tích rõ ràng. Đang viết bài đó và bảo: *"Bọn mày đứng hộ tao"*. Thì mấy người, tôi, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần đứng[1098]. Sau ông Phan Khôi gọi tôi bảo: *"Thực ra bài đó ai viết? Các anh làm báo thế các anh chết, tất cả là những người có tên có tuổi mà lại mượn tên người khác, ông Đang viết một bài như vậy tại sao không dám đứng tên mà lại để tên các anh?"*

Sự thực thì Nguyễn Hữu Đang viết bài đó rất hay, bài đó trả lời Nguyễn Chương, không phải bốn người kia viết, ông Đang viết, vì thế khi ông Phan Khôi phát hiện ra, ông ấy mắng tôi: *"Anh làm thư ký tòa soạn mà làm như thế rất nguy hiểm"*. Ông Phan Khôi hay mắng tôi lắm.

- TK: *Thưa bác, trên báo Nhân Văn còn có một bút hiệu nữa là Trần Công, vậy Trần Công có phải là Trần Duy không ạ?*
- TD: Trần Công không phải là Trần Duy. Ông Đồng gọi tôi lên Phủ Thủ Tướng để bàn về việc có nên ra nữa hay không và tất cả việc đó nên thu xếp thế nào thành một yêu cầu nội bộ chứ đừng thành một cuộc đấu tranh, thì tôi cũng nhận lời và tôi cũng xem như thế là đúng. Khi tôi về báo cáo điều đó thì anh em có vẻ bất bình, cho rằng tôi đầu hàng chính phủ và đầu hàng ông Đồng, họ cho rằng như thế là tôi phản bội anh em, bán đứng anh em, thành ra định đưa Trần Công thay thế, khi đó gây cho ông Phan Khôi một phản ứng rất lớn, ông cho rằng anh em làm việc với nhau vì tình nghĩa chứ có phải vì quyền lợi gì đâu mà làm như thế, ông có nói rằng nếu Trần Duy không làm nữa thì ông cũng không nhận trách nhiệm gì nữa cả, do đó mà sau rồi cũng thôi, không tiến hành nữa. Vậy thì Trần Công không phải là Trần Duy.

1098 Thực ra bài này ký tên: Hoàng Cầm, Hữu Loan và Trần Duy.

- TK: *Chuyện này khá quan trọng, nó cũng là đầu mối của sự chia rẽ giữa bác và các anh em trong báo Nhân Văn, vậy xin bác thuật lại đầu đuôi, bác lên gặp thủ tướng Phạm Văn Đồng ở giai đoạn nào của tờ Nhân Văn?*
- TD: Tôi gặp anh Phạm Văn Đồng, ông Đồng gọi tôi lên, khi đó là số 3 rồi. Bắt đầu số 3. Khi đó có những tin đồn là Nhân Văn muốn ngả về những mouvement, những phong trào đòi dân chủ ở Hung hay là ở Nam Tư gì đó, thì anh Đồng có cho gọi ban biên tập và tòa soạn lên, cuối cùng anh em bảo Trần Duy lên gặp, thì tôi lên. Việc tôi lên gặp ông Đồng cũng có một số anh em tán thành, một số không tán thành, cho rằng như thế là tự mình ràng buộc với... chính quyền. Nhưng tôi nghĩ rằng anh không thể nào vượt chính quyền được và anh không thể nào vượt khỏi tổ chức của đảng được, không thể chống lại được nó, làm cái gì cũng phải nằm trong cơ sở tổ chức của đảng thôi. Tôi lên gặp ông Đồng. Thái độ của ông Đồng rất cởi mở, gặp tôi bảo: *"Tôi hiện nay rất bận, bao nhiêu khách đang chờ tôi bên Phủ Chủ tịch cho nên tôi cũng nói qua để anh biết rằng tôi ủy cho anh Phan Mỹ thay tôi để giải quyết những vấn đề gì của anh em còn vướng mắc, theo tôi thì đừng nói chữ đấu tranh, các anh cần gì, yêu cầu gì, các anh cứ việc đề ra và chúng tôi giải quyết chứ đừng đấu tranh, đòi hỏi cái gì mà phải đấu tranh"*. Ông Đồng quay sang nói với anh Phan Mỹ: *"Hiện nay tôi phải sang họp, anh ở đây gặp các anh ấy, có vấn đề gì các anh đề xuất mà anh có thể giúp được thì anh cứ giúp"*. Ông Đồng đi thì tôi ngồi nói chuyện với anh Phan Mỹ một thời gian, anh Phan Mỹ bảo: *"Các anh cần gì, vấn đề tài chính thì tất nhiên chính phủ làm được việc đó, các anh cần mua giấy thì chúng tôi cấp giấy cho các anh mua"*.

Xong việc ấy tôi về gặp anh em ở một cái quán nhỏ đầu Hàng Nón, mọi người ở đấy, có Văn Cao, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, ... và tôi. Một lúc thì Đang đến, tôi nói chuyện

tôi gặp như thế thì tất cả mọi người trừ Lê Đạt, đều cho rằng thái độ của tôi là thái độ đầu hàng. Ông Phan Khôi có hỏi một câu: *"Mình đánh ai mà mình đầu hàng?"* Đó là câu ông hỏi anh em, ông cho rằng anh em làm việc với nhau vì tình nghĩa chứ không phải vì quyền lợi gì đâu mà làm như thế. Sau đó ông Phan Khôi hỏi tôi: *"Anh gặp ông Đồng thì ông có nói gì không?"* Tôi nói: *"Ý ông Đồng là tất cả những điều yêu cầu về báo chí, về văn học nghệ thuật, thì nên để đạt chứ đừng nói chuyện đấu tranh"*. Khi đó tôi có nói với anh Lê Đạt, Lê Đạt bảo: *"Khổ lắm, việc này là do ông Đang, ông Đang lúc nào cũng quá khích và cần làm to lên"*. Thì khi đó, thực ra cũng nói với cô Thụy Khuê rằng, ông Đang ông ấy bảo: *"Không sợ gì cả! Vì đã có hội nghị quốc tế, có tất cả các thứ... và lãnh đạo không dám làm gì đâu!"* Vì thế anh em Nhân Văn ở trong một cái thế tiến lùi cũng rất khó và khi đó, bản thân tôi thấy cũng rất nguy hiểm. Khi đó ông Song Hào có cho ông Mặc Ninh đến nhà tôi, Mặc Ninh nói câu này: *"Anh Song Hào dặn tôi nói với cậu rằng làm gì thì làm nhưng cậu phải đề phòng, nếu anh em cán bộ tập kết nêu khẩu hiệu biểu tình rằng chính các cậu là người phá hoại phong trào đoàn kết, phong trào tập kết thì các cậu sẽ ở vào một thế rất nguy hiểm, cho nên anh Song Hào dặn tôi nói với cậu là làm đến đâu thì suy nghĩ cho kỹ chứ đừng đẩy đến chỗ bế tắc là nguy hiểm lắm đấy"*.

- TK: *Sau đó bác đã quyết định như thế nào, và nội bộ Nhân Văn đi đến đâu? Xin bác cho biết về Nhân Văn số 6, số bị chính quyền chặn lại và sau đó Nhân Văn bị đóng cửa hẳn.*
- TD: Xong số 3 thì tôi chuẩn bị mấy số sau, tôi chuẩn bị cái *affiche* về Ba Lan thì chính tôi lên tiếp xúc với sứ quán Ba Lan, họ cho tôi tất cả tài liệu, *affiche*, tranh ảnh về Ba Lan và tôi đang định làm số đó. Nhưng sau vụ tôi lên gặp ông Đồng ấy, thì ông Đang ông đùng đùng ông tự động thay đổi. Lê Đạt cũng bảo cái chuyện mà Đang lên nhà in tự động thay đổi nội

dung rất là nguy hiểm. Thì rồi xẩy ra việc mà bên công an can thiệp, nhưng không can thiệp đến ban biên tập, không can thiệp đến người, chỉ đình số báo lại và không cho phát hành. Nếu số báo ấy ra thì chưa biết tình hình sẽ đi đến đâu. Tất cả số báo đó tôi hoàn toàn không biết, tôi không biết nội dung như thế nào cả và tôi cũng chưa thấy nó vì người ta chặn ngay khi nó đang *sous presse*, đang còn in và không cho phát hành, như thế số báo ấy tôi không nắm được và tôi không biết nó như thế nào cả. Có những việc không bàn với tôi mà nó thành vấn đề thì chuyện đó tôi không chịu trách nhiệm. Tôi hoàn toàn không biết. Tôi định ra *affiche* Ba Lan, về văn học và hội họa Ba Lan, chứ tôi không viết về chính trị, nếu người ta hỏi tôi thì không phải là tôi phủi tay nhưng vì tôi không biết thành ra tôi không nhận nó. Chính Lê Đạt là người bảo tôi rằng: *"Cậu đừng nghe lời thằng Đang vì thằng Đang nó quá tả trong những vấn đề này, cậu nhớ rằng mục đích chính của chúng mình là đi vào văn học nghệ thuật chứ không phải đi vào đấu tranh chính trị"*. Còn những người ném đá giấu tay... thì ở trong đó có nhiều lắm. Nhưng thực ra Lê Đạt, tôi vẫn công nhận, Lê Đạt dù sao chăng nữa vẫn là đảng viên, là người từ Bộ Chính Trị, từ ông Trường Chinh mà đi xuống, thành thử Lê Đạt nó cũng có cái ngại của nó mà không dám làm quá, khi nào nó cũng ở một tư thế chính trực hoặc rất cân bằng, nó không như Đang. Sự thật Đang là người có tư tưởng chứ không phải là người bơ vơ như Hoàng Cầm hay Trần Dần đâu. Đang nó có tư tưởng. Đang có chủ trương chính trị rõ ràng, vì thế cho nên Lê Đạt rất ngại Đang và khi nào Lê Đạt gặp Đang là cũng cãi nhau. Ông Phan Khôi hay chép miệng thở dài: *"Tôi cứ tưởng các anh gặp nhau, thống nhất với nhau rồi làm việc, chứ tôi thấy các anh cứ gặp nhau cãi nhau thế này thì không nên làm cái gì cả"*

● Sau Nhân Văn

- TK: *Thưa bác, sau khi Nhân Văn bị đóng cửa thì tình hình sinh hoạt của bác như thế nào? Bác đã làm gì để sinh sống và có nhận được trợ cấp gì không?*
- TD: Sau thời kỳ Nhân Văn thì tôi cũng khổ sở vì con cái, vợ con, cũng có những mâu thuẫn trong gia đình và khi đó tôi thấy trước mắt tôi, ví dụ anh Văn Cao thì buồn đi uống rượu, anh Đặng Đình Hưng buồn, uống rượu, Trần Dần buồn, đi uống rượu, Phùng Quán, trẻ con như thế mà cũng uống rượu, thì tôi cũng sợ. Bây giờ mình không tìm ra được một lối đi, thì phải có một cái dung hòa, vì thế tôi viết thư cho anh Đồng, tôi bảo tình hình như thế, tôi không được vẽ mà không biết vẽ như thế nào. Ông Đồng có viết vào đơn của tôi, gửi về cho ban Tuyên Giáo. Một hôm, tôi được ông Võ Hồng Cương, trưởng ban Tuyên Giáo của Bộ hay gì đó, anh ấy ở Lý Thường Kiệt, gọi tôi đến. Tôi đến, thì anh ấy nằm trên võng, biết tôi đến cũng không ngồi dậy chào, vẫn nằm, hỏi tôi rằng: *"Ai cho cậu viết đơn lên Phủ Thủ Tướng?"* Tôi bảo: *"Chẳng ai cho phép tôi cả, đấy là vấn đề tôi kêu, vì tôi không được làm việc, không được sinh hoạt, hiện nay tôi không có một trợ cấp gì cả thì tôi viết thư hỏi thủ tướng rằng tình hình của tôi là gì, chứ tôi không có tư tình gì với Thủ tướng cả, tôi có viết thư nói là tình hình hiện nay của tôi rất khổ cực, tôi là họa sĩ, tôi theo đảng như thế, tôi đánh trường bay Gia Lâm như thế... mà hiện nay tình hình không ra sao cả."* Thì ông Đồng viết thư cho ban Tuyên Giáo là nên giải quyết, ban Tuyên Giáo giới thiệu tôi với anh, thì tôi đến anh thôi. Ông ấy hỏi: *"Bây giờ cậu còn vẽ được không? Cần vẽ thì có vẽ được không?"* Tôi bảo: *"Từ xưa đến giờ có bao giờ tôi bỏ vẽ đâu mà tôi không vẽ được". - "Thế cho cậu về với Nguyễn Bắc ở Sở Văn Hóa được không?" - "Tôi bây giờ cần làm việc chứ chẳng cần biết ở đâu cả." - "Thế bây giờ lương cậu thế nào?" - "Tôi không có lương. Hiện nay, tôi, Lê Đạt,*

Hoàng Cầm, Trần Dần, Tử Phác, bốn anh em có lĩnh một trợ cấp gọi là trợ cấp đặc biệt của ban Tuyên Giáo, mỗi tháng lúc bấy giờ độ 5 đồng mấy, 6 đồng gì đó. Đấy là khoản chi tiêu đặc biệt không nằm trong ngân quỹ nào cả. Sổ đó hàng tháng, hàng năm, bốn năm người như chúng tôi đến ký nhận, cái đó gọi là tài khoản đặc biệt của ban Tuyên Giáo Trung Ương chứ tôi không có lương, không có gì cả". Ông ấy bảo: *"Được rồi, cậu về đây có lương tử tế".* Khi đó họ cho tôi lương như cán sự 3, cán sự 4 gì đó, cái thứ cán bộ xã. Tôi bảo thôi được rồi, miễn là tôi có lương là được rồi.

- TK: *Thưa bác, như vậy công việc Sở Văn Hóa giao cho bác là phải làm gì? Bác có được vẽ hay phải làm việc khác?*
- TD: Thì khi đó là đang mở một cái công ty mỹ thuật, nó cũng là hoàn cảnh cho tôi để tôi làm *affiche*, làm đồ họa. Làm đồ họa thì có cái nguy hiểm là anh vẽ quảng cáo cho một công ty, như thế là hội họa phải chạy theo khách hàng, hôm nay yêu cầu vẽ cái này, mai cái kia, một ngày phải làm bao nhiêu *affiche* theo số nhận của ban chủ nhiệm. Tôi phản đối, tôi bảo nếu hội họa mà bắt tôi sản xuất như máy thì tôi không vẽ được. Tôi có thể vẽ phục vụ chính trị nhưng phục vụ theo chiều hướng đặt đâu vẽ đấy thì tôi không vẽ nổi. Đại khái như thế rồi cuối cùng tôi cũng thôi. Còn một chuyện này nữa: Khi tôi vẽ, thì một hôm tôi cũng nghịch thôi, vẽ một *affiche* rồi dưới tôi ký TZ, thì khi đưa lên tất cả mọi người xôn xao rằng có thể Trần Duy vẽ cái này chăng? Mấy hôm sau, Hội cử người lên gặp ban chủ nhiệm, đề nghị xóa chữ TZ đi; thì anh Thân Trọng Sự, phụ trách, anh ấy bảo rằng người ta vẽ ký ở một góc như thế... Vẽ *affiche* quảng cáo không cần tên người ký. Anh Sự nói với tôi: *"Thôi đừng ký nó lôi thôi ra cho cậu, cho công ty".* Từ ngày đó tôi biết là tôi không thể làm được việc gì cả rồi và khi tôi về thì cũng không có lương gì nữa.

- TK: *Vậy làm sao bác xoay sở để sinh sống được, bác phải làm nghề gì để sống?*
- TD: Thế thì, một hôm bên công an gọi tôi: *"Theo ý anh thì bây giờ anh cần gì?"* Người hỏi là ông Dương Thông. Tôi bảo: *"Tôi không cần gì cả, cho tôi vẽ thôi"*. Ông Dương Thông bảo: *"Tưởng yêu cầu cái gì chứ việc ấy thì dễ. Anh cần vẽ thì anh cần như thế nào?"* - *"Tôi chỉ cần được vẽ và người ta sử dụng cái vẽ của tôi"*.

Khi đó có Trần Việt Châu, nguyên là công an nhưng bị huyền chức gì đó, cũng mở phòng bán tranh, tôi dựa vào tay này. Tay này bảo tôi rằng: *"Anh ký tên khác đi, đừng ký tên đó nữa"*. Tôi mới lấy tên con gái tôi là Nhị Hà ký tất cả các tranh lụa nho nhỏ để bán, nhờ tên đó mà tôi sống được đến 5, 6 năm, bán cho những người ở Đông Âu, Nga, Tiệp Khắc, Bulgarie, Hongrie, Nam Tư, v.v... Bán được và người ta cũng mua nhiều tranh. Trong thời gian đó tôi sống nhờ cửa hàng tranh đó. Khi tôi bước vào học nghệ thuật, tôi không nghĩ rằng sau này tôi làm cái nghề, nó là *divertissement* (giải trí) muốn có cái gì cho vui, *agrémenter* (điểm trang) cuộc đời mình bằng nghệ thuật chứ không định kiếm ăn bằng nghề này. Cho nên điều đó với tôi vẫn thanh thản lắm cô Thụy Khuê ạ. Với tôi không có gì là ghê lắm, vì tôi không cho đấy là một nghề để sinh sống, nhưng đến bây giờ qua 40, 50 năm rồi, nhờ đó mà tôi sinh sống, tôi hiểu rằng chính nó là nồi cơm của tôi thật. Suốt trong thời kỳ đó, tôi đi triển lãm, vẽ bưu thiếp... tất cả là sinh sống bằng tranh thôi, ngoài ra không sinh sống được bằng cái gì khác. Nhưng tôi biết, tôi không làm giống các anh kia.

- TK: *Bác không làm giống các anh kia có nghĩa làm sao ạ? Các anh kia làm gì và tình bạn của bác với họ còn nữa hay đã tan nát hết cả sau vụ Nhân Văn?*
- TD: Nghiã là tôi không tự hủy mình bằng cách uống rượu, bê tha mà tôi phải cố gắng hết sức để tránh vì tôi biết những

điều đó có thể đưa đến chỗ không hay. Ví dụ như các anh Đặng Đình Hưng, Văn Cao, Phùng Quán,... các anh ấy buồn, uống rượu. Tôi không. Không làm việc đó. Tôi cũng không chơi với các anh ấy nữa, sau rồi thôi, việc ai người ấy làm, góc tôi tôi sống, không quan hệ gì nữa. Cho nên người ta cho rằng tôi rút lui trong một cái hũ hay trong hốc hang như con chuột nhưng mà sự thật ra thì tôi cũng không muốn cái gì trong cuộc đời tôi nữa. Khi đó -đối với tất cả- *le traîte* (kẻ phản bội) là tôi. Vì thế cho nên mọi người có thể là rất xa tôi, cũng không ai muốn gần tôi, ngay cả lãnh đạo cũng vậy, đến bây giờ người ta vẫn chưa hiểu tôi là cái gì và người ta cho tôi là một cái thằng bất khả, không chơi được. Mà tôi cũng thấy là không làm sao cả. Năm nay tôi cũng 90 tuổi rồi, không cần chứng minh, giải thích điều gì nữa cả.

- TK: *Thưa bác, trong số những người bạn đồng hành của bác, có hai người mà bác còn giữ một cảm tình rất đặc biệt cho đến bây giờ, đó là Phan Khôi và Nguyễn Hữu Đang. Tại sao vậy?*
- TD: Tôi có nói rằng: có hai người làm báo mà tôi phục nhất là Nguyễn Hữu Đang và Phan Khôi. Ông Phan Khôi khi tôi viết *Tiếng Sáo Tiền Kiếp*, thật ra là để chống cái chỉnh huấn, chống chuyện bắt mọi người từ bỏ dĩ vãng của mình, thì *Tiếng Sáo Tiền Kiếp* không khác hơn là cái *reminiscence*[1099] của con người, bây giờ muốn bỏ quá khứ đi thì bỏ như thế nào? Muốn đeo nó lên thì đeo thế nào? Ông Phan Khôi bảo tôi rằng cái đó thì được nhưng tôi hỏi anh nếu ôm cái quá khứ đó thì anh phải giải quyết nó như thế nào? Anh không giải quyết mà chỉ đưa vấn đề ra thì không được. Ông ấy bàn với tôi, tôi bảo: *"Chính cháu viết thế thôi chứ cháu không hiểu phải giải quyết thế nào đâu bác ạ."* Ông Phan Khôi cười bảo: *"Thế bỏ lửng à!"* Đại khái như thế, thì thôi bỏ lửng chứ tôi không giải quyết. Thật ra, vì ông Tố Hữu ông ấy cứ nói đi

1099 Ký ức vô tư.

nói lại mãi câu của Mao Trạch Đông: *"Trí thức không bằng cục cứt, vì cục cứt nó còn có ích, người ta bón ruộng. Trí thức các anh ngồi mát ăn bát vàng không bằng cục cứt."* Vậy thì, ông Phan Khôi ông ấy cho rằng: nếu trí thức như cục cứt thì trí thức nó đi đến đâu? Giải quyết như thế thì anh giải quyết cái gì? Ích lợi của trí thức nó thế nào? Vậy lớp học này toàn là cục cứt cả à? Vì thế vai trò của Phan Khôi trong đời tôi cũng có điều làm tôi suy nghĩ.

- TK: *Nguyễn Hữu Đang cũng là một người mà bác rất kính trọng phải không ạ?*
- TD: Vâng, Đang là một người rất đáng trọng. Đang là một người, nói cách khác là *c'est un penseur qui se respecte*[1100] Đang không phải là người vớ vẩn. Đang là một người có tư tưởng. Đang là một người có tư cách. Cho nên khi Nhân Văn làm thì đúng là tất cả cái *mouvement* đó là của Đang chứ không phải của Lê Đạt. Tôi đã nói là có hai người làm báo mà tôi phục nhất là Nguyễn Hữu Đang và Phan Khôi. Vì Nguyễn Hữu Đang viết giỏi lắm, chữ chặt chẽ, không lọt một sơ xuất nào trong hành văn của Đang. Cho nên bài trả lời Nguyễn Chương ấy, cô đọc kỹ lại mà xem, bài viết giỏi vô cùng, nó rành mạch, nó rõ ràng từng khu, từng khúc, không xô bồ. Đang là người giỏi. Tôi chụp rất nhiều ảnh Đang, bây giờ tôi vẫn còn giữ những ảnh trước khi Đang chết. Đối với tôi, Đang là một người tôi trọng, tôi rất trọng. Cô có biết thời kỳ Đang bị quản thúc, chưa bao giờ ai sống mà lại có cái *dignité* (sự tự trọng) như thế bao giờ. Cô cứ thử tưởng tượng mà xem, không có cái gì ăn, anh ấy gửi tất cả những cái chậu cho các hộ ăn tập thể khi người ta vo gạo, anh chắt lấy nước ấy anh quấy anh ăn. Thứ hai là anh ấy lên Hà Nội xin tất cả các họa báo của Liên Xô về anh đổi cho trẻ con, để lấy cóc, lấy dế ăn cải thiện. Thán phục anh ấy vô cùng. Tội ghê lắm. Chị có biết không, anh ấy đi nhặt tất, tất cả các thứ tất rách

---

1100 Một nhà tư tưởng biết tự trọng.

rưới của tất cả mọi người, về đưa cho vợ Phùng Cung, anh ấy bảo: *"Cô hấp rồi cô giặt cho tôi, cái nào rách cô vá lại cho tôi, tôi đi"*. Tất cả cuộc đời anh ấy chỉ có một cái xe đạp, tàn tạ đến độ không thể ai nghĩ đấy là cái xe có thể đạp được, vậy mà anh vẫn viết, dán ở xe đạp: Tôi chỉ có cái xe đạp này làm vốn, nếu tôi chết thì cái xe đạp này tôi tặng cho thằng cháu tôi. Đại khái như thế. Nguyễn Hữu Đang là người có nhân cách. Vì thế cho nên Nguyễn Hữu Đang là con người, cô phải nhớ là khi Nguyễn Hữu Đang đến, Tố Hữu làm như kẻ cả, ban ơn, vỗ vai Đang, Đang nó lấy tay nó hất đi. Đang nó có *dignité* lắm cô ạ.

- TK: *Thưa bác, bây giờ nhìn lại hoạt động của Nhân Văn Giai Phẩm, có điều gì bác muốn nói thêm nữa không?*
- TD: Đứng về xã hội, về con người thì trách nhiệm rất lớn vì nó đẩy một số trí thức vào cuộc. Ví dụ Đặng Văn Ngữ, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường... là những người trí thức, thực tâm không có ý đồ xấu. Anh Nguyễn Mạnh Tường không có gì xấu cả. Anh Đào Duy Anh, nhất là anh Đặng Văn Ngữ là một nhà bác học, không có gì xấu. Tôi rất ân hận là đã đưa họ vào Nhân Văn vì họ quen với tôi. Ông Đào Duy Anh quen với tôi, Đặng Văn Ngữ quen với tôi, Nguyễn Mạnh Tường quen với tôi mà tôi đưa họ vào. Một lần anh Đặng Văn Ngữ hỏi tôi: *"Thực ra các ông là cái gì? Nhân Văn là cái gì? Anh nói thật với tôi đi, giữa tôi và anh, anh nói thật đi, có gì quan hệ với ngoại quốc không?"* Tôi trả lời: "*Nó chẳng có gì cả anh ạ, nó là cuộc Cải Cách Ruộng Đất lần thứ hai trong giới văn nghệ thôi, vì tôi không biết Tây, Tàu và cũng không định đưa các anh vào chỗ chết đâu, chính bản thân chúng tôi đang chết"*. Đại khái như thế.

- TK: *Nếu bây giờ làm lại tờ Nhân Văn thì bác có làm nữa không?*
- TD: *Cười* - Một là bây giờ không còn, không còn sức lực để làm nữa. Hai là bây giờ báo chí cũng không nên làm cái gì

cả, tôi hiểu báo như thế nào rồi. Báo là một thứ tiếng nói của đảng, báo là tiếng nói của chính trị, báo là tiếng nói của cách mạng. Anh ra một tờ báo để anh nói thật cái gì thì khó lắm. Thì khó lắm. Đến những người to lớn như những ông Kiệt v.v... đứng ra làm một tờ báo chưa chắc đã được, huống gì bọn mình. Ra để làm cái gì? Ra nói cái gì? Nếu bây giờ có ra lại được một tờ báo, bản thân tôi không bao giờ làm lại một tờ báo như thế cả. Ngay bây giờ tôi có viết một số bài vở, sắp ra một quyển sách, nhưng tôi cũng không nghĩ là quyển sách ấy có thể xuôi lọt được, huống chi là tờ báo. Tờ báo bây giờ phải là báo cách mạng. Báo bây giờ là báo tiếng nói của đảng, báo tiếng nói của nhân dân v.v... Mình ra tờ báo thì mình nói cái gì bây giờ? Có đúng như thế không? Cho nên nói rằng vui thì có cái vui, buồn cũng có cái buồn. Cái gì trong cuộc đời cũng dở dang, con người mình cũng dở dang, năm nay 90 tuổi rồi, không biết mình đi đúng hay mình đi sai, mình đi đúng thì mình sống đến 90 tuổi, mà mình đi sai thì đã chết từ năm 50 tuổi rồi. Bây giờ đi đến 90 tuổi rồi thì cũng không biết con đường đã đi là con đường nào. Ai ghét mình? Ai yêu mình? Mình nên yêu ai, nên ghét ai? Thực tế ra sống đến chừng này tuổi tôi không nghĩ là tôi ghét ai cả, nhưng yêu ai thì cũng rất khó.

- TK: *Thưa bác, trước khi chia tay, bác có điều gì muốn gửi gấm đến thính giả, đến giới trẻ không, xin bác nói ra.*
- TD: Nhiều thứ nói lắm. Bây giờ trong đầu tôi có nhiều thứ để nói lắm. Mà nói thì có nói được hay không? Nói lúc nào? Nói thời nào? Nói vấn đề gì? Nhiều vấn đề lắm. Có những cái mình cũng phải tự hạn chế mình trong những điều mình nói. Không phải mình sợ, nhưng mình có nói được không? Nói có tác động hay có ích lợi gì không? Và nên nói như thế nào? Cái buồn của tôi là cái buồn đó. Vì thế cho nên cái vẽ của tôi là vẽ để quên đi cái gì đó, cũng để cho có việc làm. Việc làm đẹp, không xúc phạm đến ai cả. Ví dụ tôi vẽ người

thiểu số, vẽ cây, vẽ cành, vẽ đền chùa... Bây giờ thì vẽ đền chùa cũng không được rồi, tại vì bây giờ người ta cải tạo lại, người ta làm lăng nhăng không thể vẽ được. Ngày xưa có những chùa đẹp, còn những gì cổ kính, bây giờ chỗ nào cũng sơn son thếp vàng, ngay những ông tượng trong chùa bây giờ cũng vàng chóe ra, cho nên bây giờ cái khủng hoảng của anh em là người ta vẽ đủ các thứ, người ta xếp đặt, ... nhưng thực ra, vẽ thì không biết vẽ cái gì, phố cổ thì không còn nữa, nhà cửa mọc lên dở dở dang dang, Tây không ra Tây, Tàu không ra Tàu. Những nhà cổ, chùa cổ, bây giờ sơn son thếp vàng, người ta làm mới hết cả rồi, cũng không vẽ được. Cái khủng hoảng của họa sĩ bây giờ là vẽ cái gì? Vẽ như thế nào?

- TK: *Xin thành thật cảm ơn họa sĩ Trần Duy.*

Chương trình văn học nghệ thuật RFI
ngày 28/6 và 12, 19, 26/7/2008

THƯ MỤC

A.N. *Những cuộc họp Văn hoá, văn nghệ ở Việt Bắc đầu tháng Tám*, Văn Nghệ số 25, tháng 8/1950, in lại trong Sưu tập Văn Nghệ 1948-1954, Hữu Nhuận, Tập 3, Hội Nhà Văn.

Bàng Sĩ Nguyên *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Toà Án Dư Luận*, nxb Sự Thật, Hà Nội 1959, trang 120.

Bích Thuận *Nhạc sĩ Văn Cao, tài năng và nhân cách*, Thanh Niên 2005.

Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước toà án dư luận (BNVGPTTADL) nxb Sự Thật, Hà Nội, 1959.

Bùi Kỷ *Thư viết cho Ngô Đức Kế*, Lê Thị Kinh, sđd, tập1, quyển 3, trang 183.

Bùi Thanh Phương *Vết thương tình đời*, tài liệu Internet.

Clément Vautel *Mon film* (Ống kính của tôi), báo Le Journal ngày 17/7/1932.

Đặng Hữu Thụ *Thân thế và sự nghiệp nhà cách mạng Nguyễn Thế Truyền*, tác giả xuất bản, Melun, Pháp, 1993.

Đặng Thai Mai *Hồi ký*, Tác phẩm mới, 1985.

Đặng Thai Mai *Mấy ý nghĩ*, 10/4/1959, in trong tập *Từ ấy*, thơ Tố Hữu, Văn Học, 1959.

Daniel Hémery *Ho Chi Minh, De L'Indochine au Vietnam*, Gallimard, 1990.

Daniel Hémery *Ho Chi Minh*, Presses Sciences Po, 2000.

Daniel Hémery *Jeunesse d'un colonisé, genèse d'un exil. Ho Chi Minh jusqu'en 1911*, Approche Asie, No 11, 1992.

Đào Hùng *Phụ Nữ Tân Văn từ Nam ra Bắc, Ông Phạm Quỳnh và vấn đề lập hiến ở nước Nam*, PNTV số 87 (18/6/1931), đăng lại trên *13 năm tranh luận văn học*, sưu tập Thanh Lãng.

Đào Phương Liên *Bố ơi, những câu chuyện của con...* Tuổi trẻ cuối tuần, 12/4/2009.

Đào Vũ *Tính cách vô lại và bộ mặt chính trị nhơ nhớp của Phan Khôi ngày nay*, Văn Nghệ, số 12, tháng 5/1958 – Số đặc biệt thứ hai chống NVGP.

Đoàn Giỏi *Tư tưởng phản động trong sáng tác của Phan Khôi*, Văn Nghệ số 15 (tháng 8/1958), in lại trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí.

Đoàn Thêm *Hai mươi năm qua 1945-1964, việc từng ngày*, Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ, không đề năm.

Georges Boudarel *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam* (Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam), Jacques Bertoin, Paris 1991.

Georges Boudarel *Dissidences intellectuelles au Viêt-Nam L'affaire Nhan Van-Giai Pham* (Trí thức phản kháng tại Việt Nam, vụ Nhân Văn Giai Phẩm), Sudestasie (số 50 tháng 1/1988) và Politique Aujourd'hui en Europe (phụ bản 1/1989).

Georges Boudarel *Le tort de parler trop tôt* (Sai lầm vì nói quá sớm), Revue Sud Est Asie, số 52.

Giai Phẩm Mùa Thu tập I 29/8/1956. Talawas.

Giai phẩm mùa thu tập II 30/9/1956. Talawas.

Giai Phẩm Mùa Thu tập III 30/10/56. Talawas.

Giai Phẩm Mùa Đông tập I 28/11/56. Talawas.

Hà Xuân Trường trích bài trong *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập II, Tác Phẩm Mới, 1987.

Heinz Schütte *Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua nở ở Việt Nam 1954-1960,* bản dịch Talawas.

Heinz Schütte *Les Doktors germaniques dans le Viet Minh* (Những nhân sĩ Đức trong hàng ngũ Việt Minh) Aséanie 15/6/2005, trang 61-86.

Hoài Thanh *Vạch trần chất phản động của bài Nhất định thắng của Trần Dần*, Văn Nghệ số 110 (1/3/1956), Hà Nội, Lại Nguyên Ân sưu tầm.

Hoàng Cầm *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/58.

Hoàng Cầm *Con người Trần Dần*, Nhân Văn số 1, Talawas

Hoàng Cầm *Nguyễn Đình Thi trong tôi - Nguyễn Đình Thi ngoài tôi*, Hồi kí, Talawas.

Hoàng Cầm *Hoàng Cầm văn xuôi*, nxb Văn Học 1999, trang 129.

Hoàng Cầm *Hận Nam Quan, Kiều Loan, Về Kinh Bắc.*

Hoàng Cầm *Trương Chi*, Văn số 24 (18/10/57), in lại trên *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*.

Hoàng Cầm *Băng ghi âm Hoàng Cầm nói chuyện với bạn bè.*

Hoàng Đạo *Vấn đề thuộc địa, Thuộc địa Pháp-Chính sách*, Ngày Nay số 80, 10/10/1937.

Hoàng Đạo *Thư ngỏ cho ông cựu toàn quyền Varenne*, Ngày Nay, số 130, 1/10/38.

Hoàng Đạo *Vấn đề cần lao, Nô lệ trá hình*, Ngày Nay, số 133, 22/10/38.

Hoàng Đạo *Công dân giáo dục*, Ngày Nay số 160, 6/5/39.

Hoàng Phủ Ngọc Tường *Cảm nhận Văn Cao*, Hợp Lưu số 8, đặc biệt Văn Cao, 12/1992.

Hoàng Trung Thông, *Trên địa bàn văn nghệ khu Bốn và Việt Bắc*, Hoàng Trung Thông kể, Tôn Phương Lan ghi, in trong *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, tập I, Tác Phẩm Mới, 1985.

Hoàng Trung Thông (Hồng Vân), *Tên quân sư quạt mo: Nguyễn Hữu Đang*, Văn Nghệ số 12, 5/1958.

Hoàng Văn Chí *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, Mặt Trận Tự Do Văn Hoá, Sài Gòn 1959.

Hoàng Văn Chí *Từ thực dân đến cộng sản*, Chân Trời Mới, Paris 1962.

Hoà Khánh *Ba giờ với luật sư Nguyễn Mạnh Tường*, Giai phẩm xuân Quê Mẹ, số 105-106, tháng 1/1990.

Hồ Chí Minh toàn tập Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, CD.

Hồ Chí Minh *Le procès de la Colonisation française*, L'Harmattan, 2007.

Hồ Chí Minh Trả lời phỏng vấn nhà báo Pháp 5-6-1964, Vidéo của INA (Institut National Audiovisuel) đưa lên Youtube, Nguyễn Ngọc Quỳ ghi lại trên mạng diendantheky 16/4/2011.

Hồ Hữu Tường *41 năm làm báo*, Đông Nam Á, Paris, 1984.

Hồ Phương trích bài in trong *Cách mạng kháng chiến và đời sống văn học*, II, Tác Phẩm Mới 1987

Hồ Dzếnh *Quyển truyện không tên*, Thanh Văn, California, 1993, trang 42.

Hồng Cương *Cuộc đấu tranh giai cấp trên mật trận văn nghệ hiện nay*, VNQĐ số 6, 6/58, trang 36.

Hồng Cương *Bọn phản bội Trần Dần-Hoàng Cầm-Tử Phác*, Quân Đội Nhân Dân số 437, 11/4/1958.

Hồng Hà *Thời thanh niên của Bác Hồ*, nxb Thanh Niên, 1976.

Huỳnh Thúc Kháng *Tiểu sử Trần Quý Cáp*, in lại trong Trần Quý Cáp của Lam Giang, Đông A, Sài Gòn.

Kiều Mai Sơn *Nguyễn Mạnh Tường, Luật sư huyền thoại*, An Ninh Thế Giới 10/10/2009, mạng Bee.net và Vietstudies.

Lại Nguyên Ân *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1928*, nxb Đà Nẵng 2001.

Lại Nguyên Ân *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1929*, nxb Đà Nẵng 2004.

Lại Nguyên Ân *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1930*, nxb Hội Nhà Văn, 2005.

Lại Nguyên Ân *Phan Khôi tác phẩm đăng báo 1931*, nxb Hội Nhà Văn, 2006.

Lại Nguyên Ân *Tư liệu thảo luận 1955 về tập thơ Việt Bắc*, Văn Hoá thông tin, 2005.

Lại Nguyên Ân *Sưu tầm báo Nhân Dân*, Hà Nội, ngày 21/01/1960, tài liệu Talawas.

Lại Nguyên Ân *Thơ Mới 1932-1945*, Hội Nhà Văn, 1999.

Lại Nguyên Ân *Đôi lời dẫn giải, Vũ Bằng các tác phẩm mới tìm thấy*, mạng Viet-studies.

Lại Nguyên Ân và Hữu Nhuận *Sưu tập trọn bộ Tiên Phong 1945-1946*, nxb Hội Nhà Văn, 1996.

Lâm Bích Thủy *Thủy chung tình bạn sau linh cữu*, tài liệu Talawas.

Léo Poldès *Bài viết về Hồ Chí Minh* đăng trên Ici Paris Hebdo ngày 11/6/1946, in lại trong *Hồ Chí Minh Le procès de la Colonisation française*, L'Harmattan, 2007.

Léon Werth *Cochinchine*, Rieder, 1926; Viviane Hamy, 1997.

Lê Đạt *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958, trang 74.

Lê Đạt *Tiểu sử viết tay*, Đường Chữ, nxb Hội Nhà Văn, 2009.

Lê Đạt *Tỉnh mẹ*, Đường Chữ, nxb Hội Nhà Văn, 2009.

Lê Hoài Nguyên *Vụ Nhân Văn - Giai Phẩm từ góc nhìn một trào lưu dân chủ, một cuộc cách mạng văn học không thành*, website nguyentrongtao 06/08/2010.

Lê Liêm *Một vài ý kiến góp với bạn đọc*, Quân Đội Nhân Dân số 301, 27/11/1956.

Lê Thị Kinh tức **Phan Thị Minh**, *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới,* Đà Nẵng, 2001.

Lê Thanh Cảnh *Thử đi tìm một lập trường tranh đấu cho dân tộc Việt nam,* đặc san Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Quốc Học, in lại trong *Kỷ niệm 115 ngày sinh ông Nguyễn Văn Vĩnh*, 1997, tập III, trang 21.

Lê Văn Thử *Hội Kín Nguyễn An Ninh*, Nam Việt, 1949.

Lữ Phương *Từ Nguyễn Tất Thành đến Hồ Chí Minh*, Thư Nhà, Melbourne, Australia, 2002.

Lược truyện các tác gia Việt nam, quyển II, của Trần Văn Giáp, Nguyễn Tường Phượng, Nguyễn Văn Phú, Tạ Phong Châu, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1972

Mai Văn Bộ *Lưu Hữu Phước con người và sự nghiệp*, Trẻ, 1989.

Mạnh Phú Tư *bài in trên Độc Lập*, số 356, ngày 24/4/1958, trích trong BNVGPTTADL, trang 49-50.

Minh Hiền *Những giọng vàng một thủa*, tạp chí Âm Nhạc số 3-4-5, 1994, trang 43-44.

Nam Phong Tạp Chí DVD Viện Việt Học, California, Hoa Kỳ.

Ngô Minh *Phùng Cung trong tôi*, Huế, 3/2008, tài liệu Talawas.

Ngô Văn *Việt Nam 1920-1945 Cách mạng và phản cách mạng thời đô hộ thực dân*, L'Insomniaque, Paris, 2000.

Người Quan Sát *Chuẩn bị Đại Hội Văn nghệ Toàn quốc - Một đợt học tập và đấu tranh của giới văn nghệ,* Nhân Văn số 1, 20/9/56, Talawas.

Nguyễn An Ninh *La France et L'indochine* đăng trên Europe số 31, ngày 15/7/1925.

Nguyễn An Ninh tác phẩm, Văn Học, 2009.

Nguyễn Chí Thiện *Viết về Phùng Cung*, in trong *Phùng Cung truyện và thơ*, Văn Nghệ, California, 2003, trang 397.

Nguyễn Công Hoan *Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến,* Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958.

Nguyễn Đăng Mạnh *Hồi Ký* (chưa in).

Nguyễn Đình Nhân *Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường từ trần tại Việt Nam*, báo Tin Tức, 7-8/1997, Paris.

Nguyễn Đổng Chi *Quan điểm phản động, phản khoa học của Phan Khôi phải chăng là học mót của Hồ Thích*? Tập san nghiên cứu Văn Sử Địa, Hà Nội, số 41, tháng 6/1958, tài liệu Talawas.

Nguyễn Đình Thi *Chống chủ nghiã xét lại trong văn nghệ*, Học Tập số 3, tháng 3/58.

Nguyễn Hiến Lê *Đông Kinh nghiã thục*, Lá Bối, Sài Gòn, 1968

Nguyễn Huy Tưởng *Nhật ký*, Thanh Niên, Hà Nội, 2006.

Nguyễn Hữu Hiệu *Phùng Cung*, Khởi Hành, Bộ mới số 1, tháng 11/1996, trang 7.

Nguyễn Hữu Đang *Tóm tắt quá trình hoạt động xã hội của Nguyễn Hữu Đang,* tiểu sử viết tay, diendan.org

Nguyễn Hữu Đang *Người thuyền trưởng*, in trong *Kỷ yếu kỷ niệm 50 năm Hội Truyền bá quốc ngữ (1938-1988)*, do Bộ giáo dục in, đăng lại trên Diễn Đàn số 78, 10/1998 và diendan.org

Nguyễn Hữu Đang *Con người Phùng Cung và những bài thơ hay trong tập Xem Đêm,* Hợp Lưu số 94, tháng 4-5/2007

Nguyễn Hữu Đang *Điếu văn Trần Dần*, in trong *Trần Dần ghi*, trang 460.

Nguyễn Mạnh Tường *Un Excommunié* (Kẻ bị khai trừ), Quê Mẹ, Paris, 1992.

Nguyễn Mạnh Tường *Une voix dans la nuit - Roman sur le Viet Nam 1950-1990* (Tiếng vọng trong đêm - Tiểu thuyết về Việt Nam 1950-1990), chưa in.

Nguyễn Mạnh Tường *Lettre à un ami de France*, Revue Défense de la Paix, tháng 1/1953.

Nguyễn Như Chuyên *Bản hỏi cung ngày 8/4/1915, tại toà án Binh Pháp*, trích dịch in trong *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp1911-1925* của Thu Trang, Đông Nam Á, Paris, 1983, trang 59-63.

Nguyễn Vỹ *Tuấn chàng trai nước Việt*, in lại ở Mỹ, không đề năm.

Nguyên Ngọc *Con đường đi của Phùng Quán, con đường sai lầm điển hình của một người viết văn trẻ*, VNQĐ, số 4, tháng 4/1958.

Nguyễn Bá Trác *Hạn mạn du ký*, Nguyên văn chữ Hán, tác giả dịch và in trên Nam Phong quốc ngữ từ số 38 (8/1920) đến số 43 (1/1921).

Nguyễn Công Hoan *Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến*, Văn Nghệ số đặc biệt thứ hai chống NVGP, số 12, tháng 5/1958, trang 14.

Nguyễn Đình Chú *Thầy tôi*, in trong *Hồ sơ Nguyễn Mạnh Tường*, mạng Vietstudies.

Nguyễn Q. Thắng *Phong Trào Duy Tân, các khuôn mặt tiêu biểu*, Văn Hoá Thông Tin, 2006.

Nguyễn Thế Anh *L'itinéraire politique de Ho Chi Minh*, in trong *Ho Chi Minh, L'homme et son héritage*, Đường Mới, Paris, 1990.

Nguyễn Thụy Kha *Văn Cao người đi dọc biển*, Lao Động, 1991.

Nguyễn Thụy Kha *Văn Cao vui và buồn sang tuổi cổ lai hy*, in trong *Văn Cao cuộc đời và tác phẩm*, Văn Học, trang 423.

Nguyễn Tiến Lãng *Les chemins de la révolte* (Những nẻo đường trỗi dậy) Amiot-Dumont, Paris, 1953; Ý Việt, Paris, 1989.

Nguyễn Tử Trực *Bản hỏi cung Nguyễn Tử Trực*, trong Lê Thị Kinh, sđd, tập 1, quyển 1, trang 74.

Nguyễn Tường Bách *Việt Nam những ngày lịch sử*, Tủ sách nghiên cứu, Montréal, 1981.

Nguyễn Văn Hoàn *Kỷ niệm về thầy Nguyễn Mạnh Tường*, tháng 10/2009, báo Hồn Việt, mạng Vietstudies.

Nguyễn Văn Vĩnh *Trạng sư Phan Văn Trường từ trần*, l' Annam Nouveau số 231 ngày 24/4/1933.

Nguyễn Văn Vĩnh *Bản điều trần gửi toàn quyền về Đông Kinh nghiã thục*, Lê Thị Kinh, sđd, t1, q1, trang 132.

Nguyễn Văn Vĩnh *Bản dịch Truyện Kiều*, nxb Alexandre de Rhodes, 1942, Hà Nội.

Nguyễn Văn Xuân *Phong Trào Duy Tân*, Là Bối, Sài Gòn, 1970.

Nhất Linh *Giòng Sông Thanh Thủy*, Đời Nay, Sài Gòn, 1961.

Phạm Duy *Hồi ký I, Thơ Ấu Vào Đời*, Phạm Duy Cường, California, 1989.

Phạm Duy *Hồi ký II, Thời cách mạng kháng chiến*, Phạm Duy Cường, California, 1989.

Phạm Quỳnh *Hành trình nhật ký*, Ý Việt, Paris, 1997.

Phạm Thế Ngũ *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, Đại Nam in lại tại Mỹ.

Phạm Thị Ngoạn *Introduction au Nam Phong* (*Tìm hiểu tạp chí Nam Phong*), bản dịch Phạm Trọng Nhân, Ý Việt, Paris, 1993.

Phạm Tôn *Người nặng lòng với nước*, tài liệu gia đình, Blog Phạm Tôn.

Phạm Trần *Hạnh ngộ cụ Nguyễn Mạnh Tường, Hai thế hệ, một tâm tình*, Paris, 16/11/1989, tài liệu đánh máy.

Phạm Tường Vân *Nghe Lê Đạt kể chuyện mình*, phỏng vấn tháng 1/2003, BBC Việt Ngữ 6/5/2008.

Phạm Vân Anh *Cái đời gian truân lưu lạc của Phan Văn Trường* (PNTV số 211 (10/8/1933)- 218 (28/9/1933), in lại trong Phụ Nữ Tân Văn *Phấn son tô điểm sơn hà* của Thiện Mộc Lan, Văn Hoá Sài Gòn, 2010.

Phan Bội Châu *Tự Phán*, Nhân Chủ Học Xã, Hoa Kỳ, 1987.

Phan Bội Châu niên biểu - *tên khác của Tự phán*, Chương Thâu, Văn Nghệ tp Hồ Chí Minh, 2001.

Phan Bội Châu *Văn khóc cụ nghè Trần Quý Cáp*, *Thi văn quốc cấm*, Thái Bạch, Sài Gòn, 1968, trang 390.

Phan Châu Trinh *Quân trị chủ nghiã và dân trị chủ nghiã*, bài diễn thuyết tại Hội Thanh Niên Sài Gòn 1925, in lại trong *Tuyển tập Phan Châu Trinh* của Nguyễn Văn Dương, Đà Nẵng, 1995, trang 792-818 .

Phan Châu Trinh *Trung kỳ dân biến thỉ mạt ký*, bản dịch Nguyễn Q. Thắng Lê Ấm, in trong *Phan Châu Trinh cuộc đời và tác phẩm* của Nguyễn Q. Thắng, Văn Học, 1992, trang 287-328.

Phan Châu Trinh *Pháp Việt liên hiệp hậu chi tân Việt Nam* (Nước Việt Nam mới sau khi liên hiệp với Pháp) bản dịch của Nguyễn Q.Thắng Nguyễn Văn Tưởng, sđd, trang 251-285.

Phan Khôi *Địa vị của Thái Phiên và Trần Cao Vân trong cuộc biến ở Huế năm 1916*, Sông Hương số 7, 1936.

Phan Khôi *Chương Dân thi thoại*, nxb Đà Nẵng, 1996.

Phan Thị Mỹ Khanh *Nhớ cha tôi*, Đà Nẵng, 2001.

Phan Thị Nga *Lối tự học của những bậc đàn anh nước ta*, Hà Nội Báo, số 10 (11/3/1936). In lại trong *13 năm tranh luận văn học*, tập I, Văn Học tp Hồ Chí Minh, 1995, trang 255-159.

Phan Văn Trường *Une histoire de conspirateurs annamites à Paris ou la vérité sur L'Indochine* (Chuyện người Việt Nam âm mưu ở Paris hay sự thật về Đông Dương), l'Insomniaque, Paris, 2003.

Phong Lê *Nguyễn Mạnh Tường-Một chân dung và một hành trình như tôi hiểu*, in trong *Hồ sơ Nguyễn Mạnh Tường*, mạng Vietstudies.

Phùng Bảo Thạch *Một nhà nho "tiết tháo": Phan Khôi*, in trong *Bọn NVGP trước toà án dư luận*, trang 76.

Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản, Văn Nghệ, California 2003.

Phùng Hà Phủ *Nhà thơ Phùng Cung*, in trong *Phùng Cung truyện và thơ chưa hề xuất bản* và *Phùng Cung* (Trung Tâm Dân Chủ Cho Việt Nam, Canada 2004) và Talawas.

Phùng Quán *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ số 12, tháng 5/1958.

Phùng Quán *Hằng Nga thức dậy*, Talawas.

Phước Nguyên *Quá trình phiên dịch Kinh Thánh sang tiếng Việt,* Báo Linh Lực, 1/1996, baolinhluc.org

Phương Lan-Bùi Thế Mỹ *Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh 1899-1943*, Thúy Phương, Sài Gòn, 1970.

Phượng Linh Đỗ Quang Trị *Thầy Nguyễn Mạnh Tường không còn nữa*, tài liệu đánh máy.

Pierre Brocheux *Ho Chi Minh*, Presses Sciences Po, 2000.

T. Lan *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, 1963.

Tạ Tỵ *Những khuôn mặt văn nghệ đã đi qua đời tôi*, Thằng Mõ, Hoa Kỳ 1990.

Tạ Tỵ *Phạm Duy còn đó nỗi buồn*, Văn Sử Học, Sài Gòn 1971.

Thanh Lãng *13 năm tranh luận văn học* (Văn Học, tp Hồ Chí Minh).

Thiện Mộc Lan *Phụ Nữ Tân Văn Phấn son tô điểm sơn hà*, Văn Hoá, Sài Gòn, 2010

Thu Trang *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925*, Đông Nam Á, Paris, 1983.

Thu Trang-Gaspard *Hồ Chí Minh à Paris*, L'Harmattan, Paris, 2009.

Thụy An *Giết chó*, Tạp chí Phổ Thông của Hội cựu sinh viên trường Luật Hà Nội, số 19-20 tháng 6-7/1953. Khởi Hành, Hoa Kỳ, số 77, 3/2003.

Thụy An *Nhân xem phim « Anh gắng nuôi con », đặt lại vấn đề Tân hiện thực*, Văn Nghệ, số 142, 11/10/1956, Lại Nguyên Ân sưu tầm, Talawas.

Thụy An *Chuyện bố, mẹ, bé và con búp bê,* Trăm Hoa, 25/11/56, Lại Nguyên Ân sưu tầm, talawas.

Thụy An *Chiếc lược*, Trăm Hoa, 2/12/56, Lại Nguyên Ân sưu tầm, talawas.

Thụy An *Trường Ca Tiếng Mẹ*, Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005.

Thụy An *Thụy An, mẹ chúng tôi*, bài viết thay con, cuối năm 1988 trước khi mất, Atlanta Việt Báo, 15/12/2004.

Trinh Tiên *Tiểu sử Thụy An*, Atlanta Việt Báo Xuân Ất Dậu, 2005.

Trần Duy *Tưởng niệm về Phan Khôi*, Talawas ngày 18/6/2008.

Tô Hoài *Cát bụi chân ai*, Hồng Lĩnh, California, 1993.

Tô Hoài *Chiều chiều*, Hội Nhà Văn, 1999.

Tố Hữu *Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ*, Học Tập số 4, tháng 4/1958.

Tố Hữu *Nhìn lại 3 năm phá hoại của nhóm Nhân Văn- Giai Phẩm,* in trong BNVGPTTADL, trang 22-36.

Trường Chinh *Đề cương văn hoá Việt Nam*, Tiên Phong số 1, 10/11/45, in lại trong *Sưu tập trọn bộ Tiên Phong 1945-1946* của Lại Nguyên Ân, Hội Nhà Văn, 1996.

Trường Chinh *Chủ nghiã Mác và văn hoá Việt Nam*, Phần VII, Văn Nghệ số 6 tháng 11/48, dưới tiêu đề *Mấy vấn đề thắc mắc trong văn học nghệ thuật*.

Trường Chinh (TR.CH.) *Mấy nguyên tắc lớn của cuộc vận động văn hoá Việt Nam mới lúc này*, Tiên Phong số 2 1/12/1945.

Trần Dân Tiên *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch*, nxb Sự Thật, Hà Nội, 1975.

Trần Dần *Lão Rồng*, Nhân Văn số 1, 8/1956. Talawas.

Trần Dần *Trần Dần ghi*, Văn Nghệ, California, 2001.

Trần Dần *Trần Dần thơ*, Đà Nẵng, 2008.

Trần Dần *Những lời thú nhận bước đầu*, Văn Nghệ, số 12, 5/1958.

Trần Duy *Tưởng niệm về Phan Khôi*, Talawas 18/6/2008.

Trần Duy *Một câu hỏi còn chưa được trả lời*, Talawas 10/7/2009.

Trần Đức Hinh *Tẩy sạch nọc độc của chủ nghĩa xét lại trong việc giới thiệu, phê bình phim ảnh*, Điện Ảnh số 14, ngày 1/5/58, tài liệu Lại Nguyên Ân.

Trần Trọng Đăng Đàn *Văn hoá Văn nghệ... Nam Việt Nam,* Thông Tin, 1993.

Trần Trọng Kim *Một cơn gió bụi*, hồi ký, đã có trên Internet.

Trần Văn Hà *Giáo sư Nguyễn Mạnh Tường, tự học và quyết tâm là bí quyết thành công*, Xưa và Nay, số 11, 1996.

Từ Bích Hoàng *Vạch thêm những hoạt động đen tối của một số cầm đầu trong nhóm phá hoại Nhân Văn Giai Phẩm*, VNQĐ, số 5, tháng 5/1958.

Từ Nguyên *Phỏng vấn cụ Hoàng Văn Chí*, Tự Do số 50, ngày 16/11/1986, Belgique.

Văn Cao *Bài Tiến quân ca*, hồi ký, Sông Hương số 26 tháng 7/1987.

Văn Cao *Tại sao tôi viết Tiến quân ca*, in trong *Thiên Thai, tuyển tập nhạc Văn Cao*, nxb Trẻ, 1988, in lại trong *Văn Cao cuộc đời và tác phẩm*.

Văn Cao *Ngoại ô mùa đông 46*, Văn Nghệ số 2, tháng 4-5/1948.

Văn Cao *Anh có nghe thấy không*, Giai Phẩm Mùa Xuân, Talawas.

Văn Cao *Lá,* Tác Phẩm Mới, 1989.

Văn Cao *Tuyển tập Văn Cao*, Văn Học, 1994.

Văn học VN sau cách mạng tháng Tám Nxb Văn Học, Hà Nội. 1992.

Võ Nguyên Giáp *Bẩy sai lầm của Đảng trong Cải Cách Ruộng Đất*, Nhân Dân số 970 ngày 31/10/1956, in lại trong *Từ thực dân đến cộng sản* của Hoàng Văn Chí, Chân Trời Mới, Paris 1962, trang 281-282

Vũ Bằng *Bốn mươi năm nói láo*, Tủ sách Nam Chi, Cơ cở xuất bản Phạm Quang Khai, Sài Gòn, 1969.

Vũ Bằng *Văn Cao - Một nghệ sĩ tài hoa*, Văn Học số đặc biệt Văn Cao, tháng 11/1970, Sài Gòn; in lại trong *Văn Cao cuộc đời và tác phẩm*.

Vũ Cao *Ý thức phá hoại và tư tưởng đồi trụy của Hoàng Cầm*, VNQĐ, số 4, tháng 4/1948.

Vũ Hoàng Chương *Nhớ Đinh Hùng*, in trong *Loạn trung bút*, Khai Trí 1970.

Vũ Hoàng Chương *Duyên thơ nợ kịch*, in trong hồi ký *Ta đã làm chi đời ta*, nxb Hội Nhà Văn in lại 1993, bị cắt, so với bản in 1974 ở Sài Gòn.

Vũ Hoàng Chương *Tâm sự kẻ sang Tần*, xuất bản tại Sài Gòn, 1961.

Vũ Ngự Chiêu &Nguyễn Thế Anh, *Một ngôi trường khác cho Nguyễn Tất Thành*, Tủ sách Văn Hoá, Paris, 1983.

Vũ Tú Nam *Sự thực về con người Trần Dần*, Văn Nghệ Quân Đội, tháng 4/58.

Vũ Tú Nam *Những ngày thử thách*, hồi ký, chép lại 25/10/2006 (tạp chí Nhà Văn số 3/2007), Talawas.

Vương Hồng Sển *Sài Gòn năm xưa*, Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ, không đề năm.

Xuân Diệu *Những biến hoá của chủ nghĩa cá nhân tư sản trong thơ Lê Đạt*, Văn Nghệ số 13 tháng 6/58, in lại trong *Dao có mài mới sắc* của Xuân Diệu, Văn Học, 1963, trang 86- 95.

Xuân Diệu *Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao*, in trong *Dao có mài mới sắc* (Văn Học, 1963) tr. 101-114. Bản điện tử của Lại Nguyên Ân, Talawas.

Xuân Dung *Con phù thủy xảo quyệt: Thụy An*, báo Thủ Đô 23/4/58, BNVGPTTADL, trang 42-43.

Xuân Hoàng *Thực chất tư tưởng chống đảng trong thơ Lê Đạt*, Văn Nghệ số 11, tháng 4/1958, trang 71-72.